Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX9
V5
H63
v. 1995
no. 7
MAIN

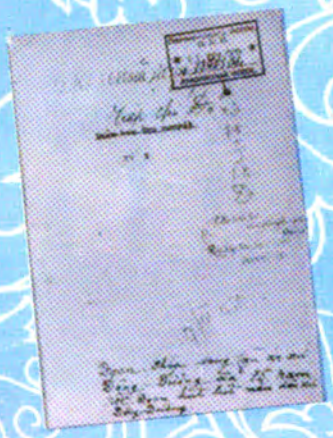
Tạp chí Cộng sản

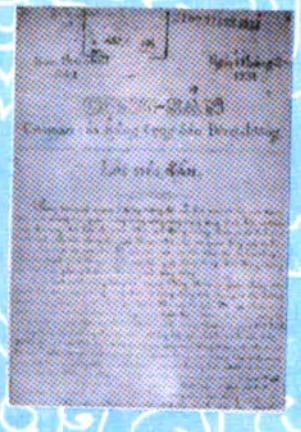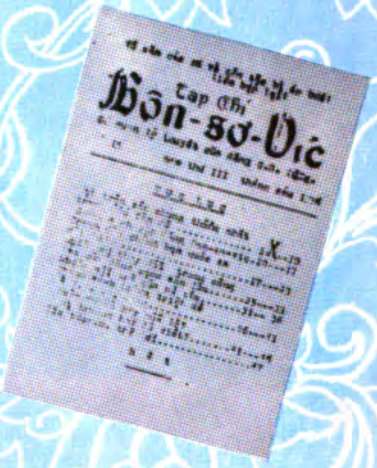


UC Berkeley
eceived on: 07-24-95
ap Chi Cong San

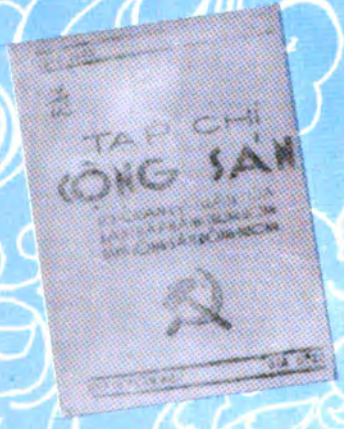
7
7-1995

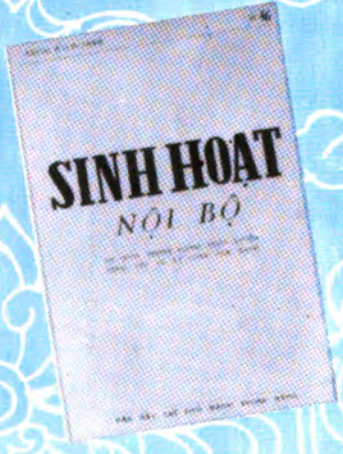
Digitized by Google

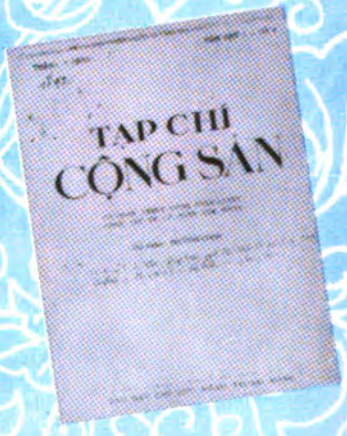


















Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 475

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, , Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

Cùng bạn đọc thân mến 3

ĐỖ MƯỜI - Trách nhiệm hàng đầu của nhà báo là trung thành với nhân dân, phấn đấu vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa 5

ĐÀO DUY TÙNG - Phát huy truyền thống hào hùng của báo chí cách mạng nước ta 7

*** Quy ước về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của báo chí Việt nam 10

ĐẶNG VŨ HIỆP - Chính sách hậu phương quân đội : Đổi mới và kết quả 11

Nghiên cứu - Trao đổi

TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Tương lai dưới con mắt nhà tượng lai học An-vin Tô-phlơ 14

ĐỖ KIM THỊNH - Chuẩn mực thẩm mỹ trong lối sống xã hội 20

NGUYỄN LINH - Gương mặt nhân quyền 24

Thực tiễn - Kinh nghiệm

VŨ ĐÌNH NGỌC - Mấy giải pháp tổ chức quản lý kinh doanh lương thực hiện nay 26

ĐẶNG NGỌC - TP Hồ Chí Minh với việc xóa đói giảm nghèo 32

*** Chung quanh việc xử lý vi phạm Pháp lệnh về đê điều ở Yên phụ - Nhật tân (Hà nội) 36

Sinh hoạt tư tưởng

VŨ LÂN - Phố "Trần Dư" 40

Đọc sách

LÊ PHAN DI - Thấy gì qua hai cuốn sách gần đây của Bùi Tín ? 42

Tạp chí với bạn đọc, bạn đọc với Tạp chí

Hội nghị cộng tác viên, bạn đọc *Tạp chí Cộng sản* khu vực Đông - Bắc 46

Thế giới : Vấn đề, sự kiện

NGUYỄN DUY HÙNG - Vai trò nhà nước trong sự phát triển kinh tế ở Đài loan 49

Tìm hiểu khái niệm

Lập pháp, hành pháp, tư pháp và quan hệ giữa ba quyền đó 51

Tin hoạt động lý luận

- Hội thảo khoa học : "50 năm văn học Việt nam sau Cách mạng Tháng Tám" 53
- Đoàn đại biểu tạp chí A-lun-may (Lào) thăm Việt nam 54

Ảnh Bìa 1 : *Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười thăm* ***Tạp chí Cộng sản*** *ngày 3.2.1993*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Дорогой читатель. ДО МЫОЙ - Первоочередная обязанность журналиста - быть верным народу, бороться за построение и в защиту социалистической Родины - Вьетнама. ДАО ЗЮЙ ТУНГ - Развивать героические традиции революционной печати нашей страны. ДАНГ ВУ ХИЕП - Политика тылового обеспечения армии : обновление и результаты. ЧАН СУАН ЧЫОНГ - Будущее глазами футуролога Альвина Тоффлера. ДО КИМ ТХИНЬ - Норма поведения в обществе. НГУЕН ЛИНЬ - Так выглядели права человека. ВУ ДИНЬ НГОК - О некоторых способах организации и управления предпринимательством в области продовольствия. ДАНГ НГОК - Г. Хошимин и работа по ликвидации голода и нищиты. *** По поводу мер, принятых к нарушителям Указа о дамбах и других водозащитных сооружениях в Йенфу - Няттанг (Ханой). ЛЕ ФАН ЗИ - О чём говорят две последние книги Буй Тина ? НГУЕН ЗЮЙ ХУНГ - Роль государства в развитии экономики на Тайване.

CONTENTS

To our dear reader. ĐỖ MƯỜI - The prior responsibility of the journalist is loyalty to the people, making his best effort for the cause of defending and building the socialist fatherland of Vietnam. ĐÀO DUY TÙNG - Improving the glorious traditions of our revolutionary press. ĐẶNG VŨ HIỆP - Policy on the rear of the army : Renewals and results. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - The future in the eyes of the futurologist Alvin Toffler. ĐỖ KIM THỊNH - Aesthetic standards of the social lifestyle. NGUYỄN LINH - The figure of the human rights. VŨ ĐÌNH NGỌC - Some resolutions to the organization of the management of food and foodstuff trade nowadays. ĐẶNG NGỌC - Ho Chi Minh City with the work of annihilating hunger and reducing poverty. *** On the dealings with the violations of the decree on protection of dykes in Yen Phu - Nhat Tan (Hanoi). LÊ PHAN DI - What's been seen through the recent books of Bui Tin ? NGUYỄN DUY HÙNG - The role of the goverment in the economic development of Taiwan.

SOMMAIRE

A nos lecteurs. ĐỖ MƯỜI - La responsabilité primordiale d'un journaliste consiste en sa fidélité au peuple et ses efforts consentis pour l'oeuvre d'édification et de défense de la patrie du Vietnam socialiste. ĐÀO DUY TÙNG - Faisons valoir les traditions glorieuses de notre presse révolutionnaire. ĐẶNG VŨ HIỆP - La politique à l'égard de l'arrière de l'armée : Renouveau et résultats. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - L'avenir sous les yeux du futurologue Alvin Toffler. ĐỖ KIM THỊNH - Les normes esthétiques dans le style de vie de la société. NGUYỄN LINH - Les droits de l'homme - leurs aspects. VŨ ĐÌNH NGỌC - Quelques solutions du problème actuel de gestion du commerce des vivres. ĐẶNG NGỌC - Ho Chi Minh-ville et son travail pour "supprimer la faim et atténuer la pauvreté". *** Autour de la violation de l'Ordonnance sur la protection des digues à Yen Phu - Nhat Tan (Hanoi). LÊ PHAN DI - Que voit-on à travers les deux récents livres de Bui Tin ? NGUYỄN DUY HÙNG - Le rôle de l'Etat dans le développement économique à Taiwan.

SUMARIO

A los queridos lectores. ĐỖ MƯỜI - La primordial responsabilidad del periodista es mostrarse fiel al pueblo y esforzarse por la obra de edificación y defensa de la Patria Vietnamita socialista. ĐÀO DUY TÙNG - Desplegar las gloriosas tradiciones de nuestra prensa revolucionaria. ĐẶNG VŨ HIỆP - La política de retaguardia del ejército - renovación y resultados. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - El porvenir a los ojos del futurista Alvin Toffleur. ĐỖ KIM THỊNH - La regla estética en el modo de vida social. NGUYỄN LINH - La figura del derecho del hombre. VŨ ĐÌNH NGỌC - Algunas soluciones de organización y gestión en el comercio de cereales en la actualidad. ĐẶNG NGỌC - Ciudad Hồ Chí Minh y el trabajo de abolir el hambre y disminuir la pobreza. *** Acerca del arreglo de las violaciones del Decreto-Ley sobre los diques en Yên Phụ - Nhật Tân (Hanoi). LÊ PHAN DI - ¿ Qué se vee en los dos recientes libros de Bùi Tin ? NGUYỄN DUY HÙNG - El papel del Estado en el desarrollo económico en Taiwan.

目錄:

●致親愛的讀者● 杜梅: 《記者最首要的責任是忠于人民, 爲越南社會主義祖國的建設、保衛事業而奮鬥》● 陶唯松: 《發揮我國革命新聞事業的豪邁精神和傳統》● 鄧武協: 《后方軍隊政策: 革新和結果》● 陳春長: 《未來學專家安凡多弗勒眼中的未來》● 杜金盛: 《社會生活中的審美水准》● 阮靈: 《人權問題》● 武亭玉: 《有關目前組織、管理糧食經營的一些措施》● 鄧玉: 《胡志明市的消飢減貧工作》★★★ 對違犯有關河內安阜一日新堤壩保護法令事件的處理● 黎潘頤: 《從裴信最近的兩本書, 我們看到什麼?》● 阮唯雄: 《政府在台灣經濟發展中所起的作用》

Digitized by Google

CÙNG BẠN ĐỌC THÂN MẾN

Để đáp ứng yêu cầu của công tác tư tưởng và lý luận trong giai đoạn mới, thực hiện quyết định của Thường trực Bộ chính trị - Ban bí thư, bắt đầu từ tháng này (7-1995) Tạp chí Cộng sản *ra hai kỳ một tháng. Đây là một sự kiện rất quan trọng, đánh dấu bước phát triển mới của Tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, phản ánh sự trưởng thành của công tác tư tưởng lý luận của Đảng ta.*

Chúng ta đều biết, Đảng CSVN hết sức coi trọng công tác nghiên cứu và giáo dục lý luận. Ngay tại Hội nghị thành lập Đảng ngày 3-2-1930 do đồng chí Nguyễn Ái Quốc chủ trì, Đảng ta đã quyết định xuất bản một tạp chí lý luận chung cho toàn Đảng và ba tờ báo tuyên truyền ở ba kỳ (Bắc, Trung, Nam). Thực hiện quyết định đó, Ban chấp hành trung ương lâm thời của Đảng đã xuất bản tạp chí Đỏ. *Số 1 tạp chí* Đỏ *ra ngày 5-8-1930.*

Từ đó đến nay, qua các giai đoạn cách mạng, lúc nào có điều kiện là Đảng ta đều xuất bản tạp chí lý luận. Ngay trong những năm đấu tranh bí mật hoặc phải tiến hành cuộc kháng chiến gian khổ ác liệt, việc xuất bản tạp chí và đưa tạp chí đến tay người đọc gặp muôn vàn khó khăn, nguy hiểm, Đảng ta vẫn cố gắng tranh thủ mọi thời cơ, tạo mọi điều kiện để xuất bản tạp chí lý luận. Tuy có lúc tạp chí chỉ ra được vài số rồi phải tạm đình bản, nhưng nhìn chung ở mọi thời kỳ đều có tạp chí lý luận của Đảng. Từ năm 1930 đến 1945, tiếp sau tạp chí Đỏ *là tạp chí* Cộng sản *(1931),* Tạp chí Bôn-sơ-vich *(1934-1935), rồi đến* Tạp chí Cộng sản *(1941) và* Tạp chí Cộng sản *(1943). Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp có tạp chí* Sinh hoạt nội bộ *(1947-1950),* Tạp chí Cộng sản *(1950). Sau hòa bình được lập lại ở miền Bắc, tạp chí* Học tập *ra đời (1955-1976). Từ 1-1977 tạp chí* Học tập *đổi tên là* Tạp chí Cộng sản. *Ở miền Nam, trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, Trung ương cục miền Nam của Đảng lao động Việt nam đã xuất bản tạp chí* Nghiên cứu *(1951-1953), và trong thời kỳ chống Mỹ đã xuất bản tạp chí* Tiền phong *(1962-1976).*

Như vậy là, trong suốt 65 năm, 25 năm đầu (1930-1955) tạp chí lý luận của Đảng không có điều kiện ra đều kỳ, có lúc mấy năm bị ngắt quãng ; 40 năm tiếp theo (1955-1995) Tạp chí ra đều đặn mỗi tháng một kỳ. Tuy có lúc Tạp chí chưa thật phong phú về nội dung và hình thức, thậm chí không tránh khỏi sai sót, khuyết điểm, nhưng nhìn chung Tạp chí đã có những đóng góp đáng kể vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, trước hết là vào việc tuyên truyền giáo dục đường lối quan điểm của Đảng, bồi dưỡng thế giới quan và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, vận dụng, phát triển lý luận Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Những năm đổi mới gần đây, Tạp chí cố gắng phát huy truyền thống và kinh nghiệm đã có, đổi mới cả về nội dung và hình thức, hòa theo nhịp sống của đất nước và thời đại.

Ngày nay, bước vào giai đoạn phát triển mới của đất nước, trong điều kiện bùng nổ thông tin, trình độ dân trí ngày càng cao, đòi hỏi của bạn đọc ngày càng lớn, yêu cầu của công tác tư tưởng lý luận rất nặng nề, nếu Tạp chí ra mỗi tháng một kỳ như trước đây thì không còn thích hợp. Cuộc sống đòi hỏi Tạp chí phải có những thông tin nhanh hơn, phong phú hơn, kịp thời hơn. Việc Thường trực Bộ chính trị - Ban bí thư quyết định cho Tạp chí Cộng sản *ra hai kỳ một tháng là nhằm đáp ứng yêu cầu đó.*

Tạp chí ra hai kỳ một tháng sẽ có điều kiện chuyển tải kịp thời hơn đến bạn đọc những thông tin lý luận cần thiết, những quan điểm đường lối của Đảng, tăng thêm được những bài nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, giới thiệu những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến, cùng nhiều nội dung khác theo chức năng của Tạp chí.

Digitized by Google

Thông qua đó thắt chặt hơn nữa mối quan hệ giữa Tạp chí với bạn đọc, với cộng tác viên, với cấp ủy các cấp và các ngành.

Điều rất có ý nghĩa là, Trung ương quyết định cho **Tạp chí Cộng sản** *ra 2 kỳ một tháng đúng vào dịp Tạp chí chuẩn bị kỷ niệm 65 năm ngày xuất bản tạp chí lý luận đầu tiên của Đảng (5.8.1930 - 5.8.1995) và 40 năm ngày Tạp chí xuất bản đều kỳ hằng tháng (15.12.1955 - 15.12.1995).*

Tạp chí Cộng sản *ra hai kỳ một tháng và tiếp tục đổi mới nhưng trên cơ sở theo đúng tôn chỉ, mục đích, chức năng là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng cộng sản Việt nam, bảo đảm không ngừng nâng cao chất lượng mọi mặt của Tạp chí. Tạp chí đổi mới nhưng kế thừa những truyền thống tốt đẹp và giữ đúng bản sắc của mình.*

Phương hướng chung của Tạp chí trong thời gian tới là :

- Tuyên truyền, lý giải, làm sáng tỏ đường lối, quan điểm của Đảng, chủ trương chính sách của Nhà nước, những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như sự vận dụng và phát triển sáng tạo những vấn đề đó trong thực tiễn cuộc sống.

- Tổng kết thực tiễn, giới thiệu các nhân tố mới, kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến, góp phần bổ sung, hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước.

- Đấu tranh với những quan điểm sai trái, bảo vệ sự trong sáng và tính đúng đắn của học thuyết Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lôi, quan điểm của Đảng.

Chú trọng những vấn đề lý luận và thực tiễn đang cần tháo gỡ ; những vấn đề nổi cộm cần được cắt nghĩa ; những vấn đề mà cuộc sống đặt ra ; những định hướng trong công tác tư tưởng - lý luận của Đảng. Nói tóm lại là phải không ngừng nâng cao tính lý luận, tính thực tiễn, tính chiến đấu của Tạp chí.

Điều đó đòi hỏi Tạp chí phải nắm chắc quan điểm của Đảng, đi sâu nghiên cứu và tổ chức tốt hơn việc nghiên cứu, bám sát thực tiễn nóng hổi của cuộc sống, tập hợp được đông đảo đội ngũ cộng tác viên bao gồm các nhà khoa học, các trí thức trong và ngoài Đảng, các cán bộ lãnh đạo, quản lý ở tất cả các ngành, các cấp.

Hình thức của Tạp chí phải tiếp tục được cải tiến, bảo đảm tính phong phú, sinh động, sự hấp dẫn cần thiết, phù hợp với yêu cầu và trình độ của bạn đọc trong giai đoạn mới. Bên cạnh các bài chính luận, Tạp chí chú trọng các bài nghiên cứu, trao đổi ý kiến, trao đổi kinh nghiệm, các bài bình luận, điều tra, tùy bút chính trị, những kiến nghị, đề xuất, những khám phá, tìm tòi... theo đúng tinh thần dân chủ mà Đảng ta đề xướng.

Ban biên tập **Tạp chí Cộng sản** *rất mong nhận được sự cộng tác tích cực của các đồng chí cộng tác viên, các bạn đồng nghiệp, cũng như sự hưởng ứng sâu rộng của đông đảo bạn đọc.*

Chúng tôi tha thiết đề nghị các cấp ủy đảng, các cơ quan chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội, các ngành và các cơ quan có liên quan giúp đỡ, tạo điều kiện, tổ chức tốt việc phát hành và đọc **Tạp chí Cộng sản** *; và mong thường xuyên nhận được những ý kiến nhận xét, phê bình, góp ý kiến của các đồng chí và bạn đọc gần xa.*

Chúng tôi tin tưởng rằng, được sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Trung ương Đảng, trực tiếp là của Bộ chính trị và Ban bí thư, với sự cộng tác nhiệt tình của các cấp ủy đảng, các cộng tác viên, các nhà khoa học, được sự hưởng ứng sâu rộng của đông đảo bạn đọc, **Tạp chí Cộng sản** *sẽ hoàn thành được nhiệm vụ của mình trong giai đoạn mới.*

BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

TRÁCH NHIỆM HÀNG ĐẦU CỦA NHÀ BÁO LÀ TRUNG THÀNH VỚI NHÂN DÂN, PHẤN ĐẤU VÌ SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

ĐỖ MƯỜI
Tổng bí thư BCH TƯ
Đảng cộng sản Việt nam

• Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Hội nghị Đảng toàn quốc giữa nhiệm kỳ, các nghị quyết của Trung ương Đảng và của Quốc hội đã định rõ phương hướng, mục tiêu, giải pháp, nhằm xây dựng một nước Việt nam hòa bình, độc lập và phát triển, phấn đấu thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Bộ chính trị vừa ra Nghị quyết về "Một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay", trong đó đề cập sâu sắc trách nhiệm của các cơ quan thông tin đại chúng. Trong việc triển khai các nghị quyết đó, báo chí giữ vai trò quan trọng của một đội quân xung kích, góp phần tăng cường sự nhất trí về tư tưởng, sự thống nhất về chính trị và tinh thần trong nhân dân, quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, đấu tranh bác bỏ những luận điệu thù địch, vu cáo, xuyên tạc, giữ vững trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng của đồng bào cả nước.

Báo chí cần phản ánh và tham gia tổng kết thực tiễn, tạo cơ sở khoa học cho việc cụ thể hóa và phát triển đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ mới, phù hợp với đặc điểm của nước ta và của thế giới ngày nay, góp phần làm rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Đó là định hướng khái quát, bao trùm hoạt động báo chí nước ta trong thời gian tới.

Phát huy thế mạnh của mình, báo chí cần cổ vũ toàn dân ra sức tiết kiệm, tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà ; thực hiện đúng đắn và phát huy tính tích cực của nền kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Giới thiệu, biểu dương, khuyến khích các điển hình tốt, uốn nắn những lệch lạc, kiến nghị các giải pháp cụ thể. Động viên khu vực kinh tế nhà nước phấn đấu vươn lên để thật sự giữ vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác hợp thành nền tảng của kinh tế quốc dân, hướng dẫn, hỗ trợ sự phát triển của các thành phần kinh tế khác ; tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chống làm ăn phi pháp, bài trừ tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn xã hội khác bằng các thông tin chính xác, kịp thời, đúng mức độ ; phối hợp với các ngành có liên quan nhằm tác động vào dư luận xã

Digitized by Google

hội, lấy giáo dục, phòng ngừa, ngăn chặn làm mục tiêu và thước đo hiệu quả.

Báo chí cần tiếp tục coi trọng nhiệm vụ phát triển văn hóa, giáo dục, hướng vào xây dựng xã hội mới, bồi dưỡng con người mới có ý thức trách nhiệm công dân, có phẩm chất, đạo đức và lối sống tốt đẹp, có tri thức, có sức khỏe và lao động giỏi, sống có văn hóa và tình nghĩa, giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính. Đi đôi với học tập, tham khảo, truyền bá những tinh hoa của thế giới, cả phương Đông và phương Tây, báo chí phải kiên quyết chống những sản phẩm lai căng, nhất là bài trừ những cái độc hại đầu độc tuổi trẻ. Hết sức coi trọng giữ gìn, phát huy các giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa và tinh hoa dân tộc.

Các cơ quan báo chí cần thể hiện đúng đường lối đối ngoại rộng mở của Đảng và Nhà nước, góp phần tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc phát triển đất nước. Những năm qua, tuy đã có nhiều cố gắng, nhưng nhìn chung báo chí, phát thanh, truyền hình chuyên về đối ngoại của ta còn nhiều mặt yếu. Nhà nước đang cố gắng đầu tư thỏa đáng và xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện cho báo chí đối ngoại vươn lên làm tròn nhiệm vụ. Song điều quan trọng là chính các nhà báo phải thường xuyên chăm lo nâng cao chất lượng, cải tiến nội dung, hình thức, đáp ứng yêu cầu và đặc điểm của đối tượng được thông tin.

Để báo chí ta phát triển mạnh mẽ, nhịp nhàng và đúng hướng, cần tiếp tục cải tiến công tác quản lý. Hội nhà báo cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Đảng và Nhà nước, đề xuất những kiến nghị, từ cơ sở vật chất, cơ chế, chính sách về thông tin, báo chí, đến đổi mới công nghệ, nâng cao nghiệp vụ, và đặc biệt quan trọng là tích cực tham gia đào tạo và bồi dưỡng cán bộ báo chí.

• Bảy mươi năm trước đây, Bác Hồ kính yêu đã sáng lập báo *Thanh niên*, thức tỉnh lòng yêu nước của đồng bào, đoàn kết, tập hợp toàn dân tiến hành cuộc đấu tranh kiên cường, bền khuất để giải phóng dân tộc, chuẩn bị về lý luận, chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng cộng sản Việt nam. Trải qua các thời kỳ cách mạng sôi động, khởi nghĩa giành chính quyền, kháng chiến chống xâm lược, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến hành công cuộc đổi mới, báo chí cách mạng nước ta đã nhanh chóng lớn mạnh, trưởng thành, góp phần to lớn vào thắng lợi chung của đất nước và xây dựng nên truyền thống vẻ vang của mình.

Ngày nay, phát huy truyền thống đó, những người làm báo Việt nam hãy ra sức học tập nâng cao trình độ mọi mặt, tăng cường đoàn kết, trân trọng kinh nghiệm của lớp người đi trước, khuyến khích, nâng đỡ lớp người đi sau, chăm lo đào tạo đội ngũ, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài để đất nước ngày càng có nhiều nhà báo giỏi, trung thành với sự nghiệp của nhân dân, đầy tài năng, giàu nghị lực, có bản lĩnh vững vàng và phẩm chất tốt đẹp, có tay nghề cao, đủ sức làm tròn chức năng cao cả của mình trong giai đoạn mới.

• *Trách nhiệm hàng đầu của nhà báo Việt nam ngày nay là trung thành với nhân dân, phấn đấu vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa*, vì lợi ích của đất nước, vì tự do, hạnh phúc của đồng bào. Mọi thông tin, nghị luận và hành vi của nhà báo đều phải thể hiện đầy đủ trách nhiệm cao cả đó.

... *Người làm báo phải luôn luôn tâm niệm mình là chiến sĩ cách mạng, thực hành chức năng xã hội, hướng dẫn tư tưởng và hành động của người đọc, người nghe* ; phải tự mình nêu gương, nói, viết và làm trước sau như một thì mới tạo ra được sức thuyết phục đối với xã hội.

(Trích bài nói tại Đại hội VI Hội nhà báo Việt nam ngày 8-3-1995. Đầu đề là của Bộ biên tập)

Digitized by Google

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG HÀO HÙNG CỦA BÁO CHÍ CÁCH MẠNG NƯỚC TA*

ĐÀO DUY TÙNG*

NHÂN lễ kỷ niệm 70 năm Ngày báo chí Việt nam và 45 năm Ngày thành lập Hội nhà báo, tôi xin phép chuyển lời chúc mừng nồng nhiệt của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, của đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đến các nhà báo thuộc nhiều thế hệ trong cả nước đã có nhiều cống hiến đối với sự nghiệp báo chí và sự nghiệp cách mạng nước ta.

Với tư cách là một độc giả của nhiều tờ báo, hằng ngày nghe đài, xem truyền hình, thường xuyên tiếp thu được những thông tin, những hiểu biết bổ ích, những tình cảm, tư tưởng tốt đẹp, tôi xin chân thành cảm ơn các nhà báo, những người đã tạo ra những giá trị báo chí Việt nam.

Báo chí Việt nam có vinh dự lớn được lấy ngày 21-6 làm ngày truyền thống vẻ vang của mình. Bảy mươi năm trước đây, khi đất nước còn sống trong ngục tù của chủ nghĩa đế quốc, ngày 21-6-1925, tờ báo *Thanh niên*, cơ quan của *Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội* - một tổ chức tiền thân của Đảng ta - do đồng chí Nguyễn Ái Quốc sáng lập và chỉ đạo, đã ra số đầu tiên, khởi đầu cho lịch sử báo chí cách mạng Việt nam. Đó là một ngày lịch sử, một sự kiện lịch sử không thể nào quên.

Báo *Thanh niên* ra đời là sự chuẩn bị về lý luận, chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập một đảng cách mạng chân chính có khả năng lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Trong 5 năm tồn tại với hơn hai trăm số báo được xuất bản, báo *Thanh niên* đã góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào nước ta, một yêu cầu khách quan cấp thiết của cuộc đấu tranh của nhân dân Việt nam trong thời điểm đòi hỏi phải xây dựng một đảng đủ sức để lãnh đạo cách mạng nước ta. Báo đã cổ vũ tinh thần yêu nước, kêu gọi nhân dân đoàn kết đánh đuổi ngoại xâm, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc và hạnh phúc cho đồng bào. Chúng ta có quyền tự hào nói rằng, lịch sử báo chí cách mạng Việt nam gắn bó chặt chẽ với sự ra đời và trưởng thành của Đảng ta, với sự phát triển không ngừng của cách mạng nước ta. Bảy thập kỷ qua là chặng đường lịch sử vẻ vang của báo chí nước ta, là bước tiếp nối truyền thống cách mạng của báo *Thanh niên*, và sau đó là các tờ *Tranh đấu*, tạp chí *Đỏ, Dân chúng, Cờ Giải phóng, Cứu quốc, Sự thật* v.v. và hàng loạt tờ báo khác của các đoàn thể quần chúng cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc ta. Người còn là người thầy của báo chí cách mạng nước ta. Ngay từ những năm tháng bôn ba ở nước ngoài tìm đường cứu nước, Người đã ý thức sâu sắc về vai trò to lớn của báo chí tiến bộ trong việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước chân chính và truyền bá học thuyết Mác - Lê-nin ở nước ta. Chính vì lẽ đó mà Người đã trực tiếp chỉ đạo việc biên tập và xuất bản tờ báo *Thanh niên* ở Quảng châu (Trung quốc) để chuyển về nước làm vũ khí đấu tranh cách mạng. Từ sau cách mạng Tháng Tám thành công cho đến lúc

---

* Nội dung bài phát biểu tại Lễ kỷ niệm 70 năm Ngày báo chí Việt nam (20-6-1995). Đầu đề do chúng tôi đặt.

* Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng

Digitized by Google

Người qua đời, trong bộn bề công việc, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn dành thời gian viết cho báo Đảng hàng nghìn bài báo dưới những bút danh khác nhau ; đồng thời có những lời chỉ bảo quý báu cho các nhà báo về chính trị và nghiệp vụ, về cách viết, cách thể hiện sao cho dễ hiểu và có sức thuyết phục.

Làm theo lời dạy của Người, gần 7 thập kỷ qua, báo chí cách mạng nước ta đã phát triển mạnh mẽ, có những đóng góp xứng đáng vào những thành tựu vĩ đại của nhân dân ta trong các cuộc chiến đấu giành độc lập, tự do cho Tổ quốc và trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới. Đảng và Nhà nước ta luôn coi báo chí là một binh chủng rất quan trọng, không thể thiếu được của cách mạng, và bất kỳ trong giai đoạn nào, báo chí cũng thể hiện rõ vai trò xung kích của mình trên mặt trận tư tưởng của Đảng.

Những năm qua, thực hiện đường lối đổi mới được nêu lên từ Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng (1986), báo chí nước ta có bước phát triển mới cả về số lượng và chất lượng, cả về nội dung và hình thức, đã và đang tham gia tích cực cổ vũ và phát hiện những nhân tố mới, điển hình tiên tiến và người tốt, việc tốt nảy nở trong sự nghiệp đổi mới ; đồng thời chú ý phê phán những hiện tượng tiêu cực, nhất là tham nhũng. Thành tựu đáng chú ý của báo chí trong thời gian qua là sự tiến bộ về chất lượng thông tin, ngôn luận và sự thu hút tiếng nói của các tầng lớp nhân dân trên mặt báo, góp phần tạo ra bầu không khí dân chủ, cởi mở trong xã hội. Hòa trong công cuộc đổi mới của đất nước, báo chí cũng tự đổi mới mình về nội dung và hình thức, về phong cách làm báo và kỹ thuật in ấn. Những tiến bộ đó làm cho uy tín chính trị - xã hội của báo chí và đội ngũ nhà báo được xã hội khẳng định và nâng cao.

Những lúc suy nghĩ về vai trò và tác dụng của báo, đài, chắc mỗi người chúng ta đều tự hỏi : mỗi ngày, mỗi tuần, mỗi tháng, các cơ quan báo, đài của ta đã đem đến cho nhân dân ta, thành thị cũng như nông thôn, miền xuôi cũng như miền núi bao nhiêu thông tin, bao nhiêu hiểu biết bổ ích, bao nhiêu tư tưởng và tình cảm tốt đẹp, bao nhiêu giá trị văn hóa làm đẹp tâm hồn con người. Đọc các báo cáo tổng hợp, các thư của các bạn nghe đài, xem báo, những người quan tâm đến báo chí không thể không vui mừng. Mỗi lần đi về nông thôn, miền núi, kể cả những vùng xa xôi, hẻo lánh, thấy những cột ăng-ten mỗi ngày một tăng, chắc mỗi người chúng ta càng cảm nhận sâu sắc về vai trò của báo, đài.

Qua hơn 8 năm đổi mới, vượt qua rất nhiều khó khăn thử thách, thậm chí có lúc rất hiểm nghèo, nhân dân ta đã giành được những thành tựu mà tất cả những người gắn bó với sự nghiệp đổi mới, với dân tộc không thể không tự hào.

- Nền kinh tế, trải qua nhiều năm khủng hoảng, đã ra khỏi tình trạng đình đốn, nhịp độ tăng trưởng tương đối cao, lạm phát đã bị kiềm chế, bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

- Đời sống của nhân dân, tuy còn thấp, nhưng đã được cải thiện; tính ỷ lại, thụ động thời bao cấp giảm nhiều, tính năng động, sáng tạo, một đức tính không thể thiếu được của những người lao động trong sự nghiệp đưa đất nước đi lên, được phát huy ; lòng tin của nhân dân vào công cuộc đổi mới được nâng lên.

- Nhân dân ta đã tạo ra được môi trường trong nước và quốc tế ngày càng thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Chính trị ổn định, hệ thống chính trị có nhiều đổi mới, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy ; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường ; tình trạng bao vây cô lập trong nhiều năm đã bị phá bỏ, quan hệ quốc tế của nước ta mở rộng.

Điều có ý nghĩa là qua phấn đấu gian khổ, qua thử thách hiểm nghèo, qua tìm tòi, trăn trở, Đảng ta và nhân dân ta đã càng *đứng vững trên đôi chân của mình, ngày càng xác định rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta.*

Digitized by Google

Nhưng trước mắt còn không ít khó khăn và thách thức, kể cả những nguy cơ không thể coi thường.

Toàn dân ta đang tập trung lực lượng tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu của chiến lược ổn định và phát triển kinh tế đến năm 2000, đưa đất nước vượt qua ngưỡng nước nghèo và kém phát triển, tạo những tiền đề phát triển nhanh vào đầu thế kỷ sau, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Báo chí là tiếng nói của Đảng, Nhà nước và các tổ chức xã hội, đồng thời là diễn đàn của nhân dân. Báo chí cần phản ánh sinh động hơn nữa các phong trào cách mạng của mọi tầng lớp nhân dân ta hướng tới mục tiêu thiêng liêng đó. Một trong những nội dung quan trọng hiện nay của báo chí là cổ vũ phong trào toàn dân đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm ; phát hiện và biểu dương kịp thời những sáng kiến hay, những việc làm tốt trong quá trình chuyển đổi cơ cấu và cơ chế quản lý nền kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa nước nhà, xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc và bồi dưỡng con người Việt nam cả về trí lực và thể lực, về phẩm chất và trí tuệ.

Hướng tới Đại hội VIII của Đảng, đề nghị báo chí tích cực tham gia tổng kết thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, góp phần cụ thể hóa, bổ sung, phát triển con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta. Đi đôi với việc biểu dương cái hay, cái tốt của chế độ mới, báo chí coi trọng việc phê phán cái ác, cái xấu, các tệ tham nhũng, quan liêu ; phê phán những kẻ gieo rắc luận điểm hoài nghi, xuyên tạc lịch sử, xuyên tạc đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước... nhằm thực hiện những mưu đồ không tốt đẹp. Báo chí không chỉ phản ánh thực tiễn xã hội, mà còn có trách nhiệm định hướng đúng đắn dư luận xã hội trước mỗi sự kiện trong nước và quốc tế. Hiệu quả của một bài viết biểu dương hay phê phán phụ thuộc trước hết vào việc chọn đúng vấn đề, nêu đúng thực trạng, chỉ rõ nguyên nhân, đề xuất các giải pháp tích cực, đáp ứng sự quan tâm của đông đảo dư luận xã hội.

Đại hội VI Hội Nhà báo Việt nam vừa qua đã thảo luận sôi nổi và nhất trí thông qua *Quy ước về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của báo chí Việt nam*, trong đó nhấn mạnh mục tiêu cao cả của báo chí nước ta là phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, coi tính khách quan, thái độ trung thực, tinh thần tôn trọng sự thật là một thuộc tính không thể thiếu của người làm báo. Hoạt động trong công cuộc đổi mới, trong đó có cơ chế vận hành nền kinh tế đã có nhiều thay đổi, nên báo chí nước ta sống động hơn, nội dung phong phú và đa dạng hơn, hình thức cũng hấp dẫn hơn ; mặt khác, mặt trái của cơ chế thị trường đã và đang tác động tiêu cực vào báo chí, làm cho đây đó xuất hiện những khuynh hướng tầm thường, giật gân, thương mại hóa... mà chúng ta phải kịp thời cảnh tỉnh và ngăn ngừa.

Trải qua các giai đoạn cách mạng, Đảng ta rất coi trọng báo chí và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà báo hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang của mình. Kỷ niệm 70 năm Ngày báo chí Việt nam là dịp rất tốt để chúng ta ôn lại và phát huy truyền thống hào hùng của báo chí cách mạng nước ta; đồng thời cũng là dịp để cấp ủy đảng và chính quyền các cấp thấy rõ hơn trách nhiệm của mình với báo chí, tăng cường trao đổi thông tin, mở rộng bàn bạc nhằm kịp thời bổ sung và hoàn thiện các chính sách về thông tin cũng như các chế độ đãi ngộ về vật chất và tinh thần đối với các nhà báo, tạo điều kiện cho cơ quan báo chí và các nhà báo thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, cống hiến nhiều hơn nữa cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Xin chúc các nhà báo phát huy cao nhất khả năng sáng tạo của mình, để có nhiều những tác phẩm báo chí có giá trị tốt phục vụ nhân dân và đất nước ❑

Digitized by Google

QUY ƯỚC VỀ TIÊU CHUẨN ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA BÁO CHÍ VIỆT NAM

(Gọi tắt là : QUY ƯỚC VỀ ĐẠO ĐỨC BÁO CHÍ VIỆT NAM)

1 - *Mục tiêu cao cả của báo chí Việt nam là phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Nhà báo hoạt động trong bất kỳ lĩnh vực và hoàn cảnh nào cũng hướng về mục tiêu cao cả đó.*

2 - *Báo chí thực hiện quyền thông tin của nhân dân. Nhà báo phải khách quan, trung thực, tôn trọng sự thật. Mọi thông tin đưa ra công luận phải phản ánh đúng bản chất sự thật khách quan trong bối cảnh xã hội của nó, tuyệt đối không được xuyên tạc hoặc cường điệu sự việc, sự kiện. Nhà báo có trách nhiệm cung cấp cho công chúng hình ảnh chân thật, đúng bản chất về quá trình của sự kiện và tình huống được thông tin, thông qua đó hướng dẫn dư luận.*

3 - *Báo chí là phương tiện thông tin thiết yếu với đời sống xã hội, là công cụ văn hóa. Nhà báo tôn trọng và thực hiện tự do báo chí, chịu trách nhiệm trước xã hội, trước nhân dân, và tự do hành nghề trong khuôn khổ luật pháp. Nhà báo thực hiện đúng tôn chỉ của cơ quan báo chí : không vì bất kỳ sức ép nào mà làm trái mục tiêu cao cả của báo chí Việt nam, đi ngược lợi ích đất nước.*

4 - *Cùng với quyền tự do thông tin, thực hiện quyền trả lời và quyền cải chính trên báo chí là một nguyên tắc cấu thành tự do dân chủ báo chí. Nhà báo có quyền kiên trì quan điểm và thông tin đúng đắn của mình, nhưng tôn trọng quyền trả lời và quyền cải chính của công dân theo đúng luật pháp.*

5 - *Nhà báo có nghĩa vụ bảo vệ nguồn tin và giữ bí mật do người khác cung cấp, phù hợp với luật pháp.*

6 - *Báo chí Việt nam phát huy văn hóa dân tộc đồng thời tôn trọng các nền văn hóa khác và những giá trị tinh thần phổ biến của loài người : phấn đấu vì đại đoàn kết dân tộc, vì hòa bình, hữu nghị, hiểu biết giữa các dân tộc và quốc gia trên thế giới.*

7 - *Nhà báo góp phần phát triển lợi ích cộng đồng, tôn trọng quyền con người, không lợi dụng thông tin để xúc phạm nhân phẩm và làm thiệt hại đến lợi ích của người khác.*

8 - *Nhà báo luôn luôn giữ phẩm chất trong sáng, không vụ lợi. Tuyệt đối không vì lợi ích cá nhân mà cố tình công bố hoặc bỏ qua không công bố một thông tin. Nhà báo không được dùng uy tín nghề nghiệp của mình để trục lợi.*

9 - *Nhà báo tôn trọng chính kiến và quan điểm xã hội, nghề nghiệp của đồng nghiệp ; đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động và đời sống ; đấu tranh không khoan nhượng chống mọi hành vi làm tổn hại đến lợi ích đất nước, lợi ích nhân dân và trái với đạo đức báo chí.*

10 - *Nhà báo sống lành mạnh, văn minh, khát khao học hỏi, khiêm tốn cầu tiến bộ. Nâng cao bản lĩnh, trình độ và kỹ năng nghề nghiệp của mình là ước vọng và sự phấn đấu suốt đời của người làm báo* ❑

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH HẬU PHƯƠNG QUÂN ĐỘI: ĐỔI MỚI VÀ KẾT QUẢ

*Thượng tướng ĐẶNG VŨ HIỆP**

CHÍNH sách hậu phương quân đội là sự cụ thể hóa đường lối, quan điểm xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng được thực hiện ở hậu phương. Đó là một hệ thống chính sách tác động trực tiếp đến các đối tượng đã, đang và sẽ phục vụ nhiệm vụ xây dựng, chiến đấu của quân đội.

Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội không chỉ tạo ra động lực thúc đẩy sự nghiệp củng cố quốc phòng, xây dựng quân đội, mà còn góp phần ổn định tình hình chính trị, xã hội ở các địa phương ; bảo đảm các điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế. Trên thực tế, đây là yêu cầu khách quan của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xuất phát từ truyền thống văn hóa của dân tộc Việt nam. Đó là trách nhiệm của nhà nước và của toàn xã hội.

Hiệu quả của chính sách hậu phương quân đội được đo bằng một hệ thống chính sách đúng, đủ, kịp thời, từ đó khơi dậy được tiềm năng của mọi tầng lớp nhân dân, mọi tổ chức xã hội, thể hiện trong các phong trào cụ thể, thiết thực.

Với khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng", trong những năm chiến tranh, chính sách hậu phương quân đội đã đáp ứng kịp thời, phục vụ đắc lực nhiệm vụ giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc. Cùng với những thành quả của quá trình xây dựng chế độ xã hội mới, bằng hệ thống chính sách ưu đãi của Đảng, Nhà nước ta và việc tổ chức thực hiện chu đáo, có hiệu quả của các ngành, các tầng lớp nhân dân, chính sách hậu phương quân đội đã trở thành phong trào thường xuyên, sâu rộng, góp phần bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần của các đối tượng chính sách, củng cố hậu phương, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, kịp thời cổ vũ động viên cán bộ, chiến sĩ ngoài mặt trận. Những năm hòa bình, chính sách hậu phương quân đội góp phần khắc phục hậu quả chiến tranh, từng bước ổn định đời sống vật chất, tinh thần của một bộ phận khá lớn thương, bệnh binh, gia đình liệt sĩ; giải quyết tích cực các tồn đọng về chính sách sau chiến tranh ; góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội ở từng địa phương và trong cả nước.

Tuy nhiên, do các chính sách, chế độ đối với hậu phương quân đội ban hành từ thời chiến, trong cơ chế bao cấp, chậm được sửa đổi một cách cơ bản, phù hợp với yêu cầu mới ; do một số chính sách tuy có bổ sung sửa đổi nhưng chưa kịp thời, còn chắp vá ; do việc thực hiện những chính sách đã ban hành ở nhiều ngành, nhiều địa phương không đầy đủ, thiếu chu đáo, nên khi đất nước chuyển sang cơ chế thị trường thì chính sách hậu phương quân đội vốn chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, lại càng trở nên bất cập, lúng túng, hạn chế tác dụng tích cực.

*
* *

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và VII của Đảng, các nghị quyết của Trung ương Đảng, của Bộ chính trị, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VI) về quốc phòng an ninh, trong đó nêu rõ cần "đổi mới chính sách hậu phương quân đội nhằm từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của các đối tượng chính sách hậu phương quân đội, bảo đảm bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của nhân dân cùng xã, phường nơi cư trú", theo phương châm "trên, dưới và bản thân đối tượng chính sách cùng lo", "nhà nước và nhân dân cùng làm", chính sách hậu phương quân đội đã tập trung giải quyết *các nhiệm vụ trọng tâm* sau :

* Phó chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt nam

Digitized by Google

1 - Nghiên cứu xây dựng, ban hành đồng bộ hệ thống các văn bản pháp quy về chế độ chính sách đối với các đối tượng ; quy định trách nhiệm của các ngành, các cấp đối với công tác hậu phương quân đội phù hợp cơ chế mới - cơ chế thị trường.

2 - Phát huy vai trò trách nhiệm chính trị và tình cảm dân tộc của cộng đồng, khơi dậy ý thức, truyền thống "uống nước nhớ nguồn", "lá lành đùm lá rách", giúp đỡ các đối tượng chính sách khắc phục khó khăn trong cuộc sống, vươn lên trong sản xuất, kinh doanh.

3 - Tập trung sức giải quyết xong về cơ bản các tồn đọng chính sách sau chiến tranh về quân nhân mất tin, mất tích ; quân nhân bị thương chuyển ra chưa được giám định thương tật ; quy tập mộ liệt sĩ...

Thực hiện những nhiệm vụ trên, mấy năm qua, cùng với sự đổi mới toàn diện về kinh tế xã hội, chính sách hậu phương quân đội từng bước đổi mới đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng và tình hình thực tiễn. Nội dung đổi mới khá toàn diện, ở đây xin đề cập *một số công việc và kết quả chủ yếu* đã đạt được :

- Việc nghiên cứu xây dựng chính sách hậu phương quân đội được tiến hành tích cực, khá đồng bộ và cơ bản. Trước đây, chế độ chính sách hậu phương quân đội chủ yếu quy định các chế độ mang tính trợ cấp và bao cấp. Cách làm đó không còn phù hợp với cơ chế mới. Chính sách mới đòi hỏi phải khơi dậy mọi tiềm năng của các ngành, đoàn thể, địa phương và kích thích tính năng động sáng tạo của bản thân đối tượng chính sách, tạo điều kiện, tiền đề cho đối tượng chính sách tự vươn lên hòa nhập với đời sống cộng đồng. Chính sách hậu phương quân đội *một mặt* đề nghị ban hành, bổ sung sửa đổi, nâng định mức các chế độ trợ cấp ; *mặt khác*, tạo điều kiện cho đối tượng khắc phục khó khăn về việc làm, chỗ ở, chữa bệnh, việc học hành của con cái... Chúng ta đã kịp thời nhìn nhận lại thực trạng, phân tích sâu sắc hơn, từ đó có sự cân đối, tạo mối tương quan hợp lý giữa các đối tượng hưởng ưu đãi xã hội ; bảo đảm công bằng xã hội giữa các đối tượng chính sách hậu phương quân đội ; giữa đối tượng chính sách hậu phương quân đội với các đối tượng khác. Các vấn đề chính sách đó được thể hiện trong nhiều văn bản pháp quy của nhà nước. Tiêu biểu là chính sách ưu đãi trong "Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng" ; các văn bản quy định về chính sách, biện pháp giải quyết việc làm cho quân nhân xuất ngũ ; chính sách miễn, giảm thuế sản xuất kinh doanh đối với thương bệnh binh, gia đình thương bệnh binh - liệt sĩ; chế độ đối với quân nhân dự bị trong thời gian tập trung làm nhiệm vụ quân sự ; về góp phần chăm sóc cán bộ quân đội nghỉ hưu ; chế độ đãi ngộ về bảo hiểm y tế ; về việc ưu tiên cho các đối tượng chính sách vay vốn giải quyết việc làm trong các chương trình giải quyết việc làm, chương trình xóa đói giảm nghèo... Các chính sách đó đang đi vào cuộc sống, đã tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng khắc phục khó khăn trước mắt, từng bước tạo lập, ổn định cuộc sống lâu dài. Đi liền với chính sách hậu phương quân đội, chính sách chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần đối với quân đội cũng được cải tiến một bước quan trọng, có tác động trực tiếp đến tư tưởng, tình cảm cán bộ, chiến sĩ quân đội và gia đình ở hậu phương.

- Cùng với việc bảo đảm đời sống vật chất, nội dung chính sách đã chú ý thể hiện sự trân trọng, động viên khuyến khích về tinh thần. Chính sách tạo cơ sở pháp lý ghi nhận những giá trị xã hội - tinh thần mà đối tượng đã cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Qua đó, giáo dục, động viên, tập hợp các ngành, các cấp, các lực lượng thuộc mọi thành phần kinh tế ở các địa phương và trong cả nước trong việc thực hiện công tác chính sách hậu phương quân đội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc nhà nước tuyên dương danh hiệu "Bà mẹ Việt nam anh hùng" cho hơn 2 vạn bà mẹ vừa qua là một sự kiện trọng đại trong đời sống chính trị tinh thần của nhân dân ta.

- Phong trào chấp hành chính sách hậu phương quân đội được các ngành, đoàn thể, địa phương đẩy mạnh thêm một bước, đưa phong trào phát triển cả về bề rộng và chiều sâu với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, thiết thực. Trong cơ chế kinh tế mới đã xuất hiện những hình thức mới để thực hiện chính sách hậu phương, đó là sự ra đời của "quỹ bảo trợ xã hội", "quỹ đền ơn đáp nghĩa" do toàn dân đóng góp, thay thế quỹ điều hòa của hợp tác xã trước đây. Các phong trào tặng "nhà tình nghĩa", "sổ tiết kiệm tình nghĩa", "vườn cây, giếng nước

Digitized by Google

tình nghĩa", "đón thương binh nặng về gia đình", "chăm sóc đỡ đầu con thương binh nặng, con liệt sĩ cô đơn"... phát triển rộng khắp ở các địa phương, thu hút được sự quan tâm và đóng góp của các thành phần kinh tế, cơ quan, xí nghiệp, lực lượng vũ trang. Cấp ủy, chính quyền các địa phương đã chú trọng lãnh đạo duy trì các phong trào trên, nhiều địa phương đạt kết quả tốt. Trong đó, tiêu biểu là TP Hồ Chí Minh, Hà tây, Quảng nam - Đà nẵng... Ngoài việc chăm sóc thường xuyên, nhân các ngày lễ, tết, các địa phương, các tổ chức kinh tế xã hội đều tổ chức thăm hỏi tặng quà cho đối tượng chính sách hậu phương quân đội, tạo nên một phong tục tập quán mới, gây được ấn tượng tốt đẹp trong nhân dân.

- Các tồn đọng về chính sách sau chiến tranh được triển khai giải quyết tích cực, đạt được số lượng khá lớn, trong điều kiện ngày càng khó khăn phức tạp. Đã điều tra, khảo sát, xác minh kết luận hàng vạn trường hợp quân nhân mất tin, mất tích ; giải quyết hàng chục nghìn trường hợp quân nhân bị thương chuyển ra chưa được giám định thương tật. Đặc biệt là, đã tập trung lực lượng, phương tiện, ngân sách quy tập hàng trăm nghìn mộ liệt sĩ đưa vào các nghĩa trang. Các đơn vị quân đội đã nêu cao trách nhiệm chính trị, tình cảm đồng chí, đồng đội làm nòng cốt huy động toàn dân tham gia. Đã có cố gắng lớn trong việc xây dựng, tu sửa nghĩa trang, bia tưởng niệm liệt sĩ. Kết quả đó góp phần đáp ứng yêu cầu bức xúc của thân nhân, gia đình đối tượng chính sách sau chiến tranh, góp phần ổn định tình hình chính trị xã hội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

Với sự chăm lo của nhà nước, của cộng đồng, các đối tượng chính sách đã phát huy ý chí tự lực, tự cường, vượt khó vươn lên, không ỷ lại, trông chờ vào sự giúp đỡ của nhà nước. Nhiều đối tượng chính sách đã trở thành những người làm kinh tế giỏi, đại bộ phận đối tượng chính sách trở thành nòng cốt, những người công dân kiểu mẫu trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở địa phương.

Thực tế chứng minh rằng, nhân dân ta rất năng động, sáng tạo và giàu lòng nhân ái. Tinh thần đó được khơi dậy và phát huy cao độ khi nhà nước có chủ trương đúng, khi các ngành, các cấp biết tập hợp sức mạnh toàn dân. Kinh nghiệm cho thấy, nơi nào cấp ủy, chính quyền quan tâm, có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể, các đoàn thể, các ngành hữu quan có sự phối hợp nhịp nhàng thì ở đó phong trào phát triển, đời sống đối tượng chính sách được cải thiện, tình hình chính trị xã hội ổn định, nội bộ đoàn kết, tạo ra sự ổn định để phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Điều đó càng chứng minh phương châm "trên dưới cùng lo", "nhà nước và nhân dân cùng làm" là hoàn toàn đúng và vẫn giữ nguyên giá trị của nó.

Mặc dù bước đầu có được cải thiện, nhưng nhìn chung, đời sống của số đông đối tượng chính sách hậu phương quân đội còn khó khăn, nhất là ở các địa phương có nhiều đối tượng chính sách mà nền kinh tế chậm phát triển. Nhiều vấn đề về chính sách hậu phương quân đội trong cơ chế thị trường chưa được nghiên cứu có chiều sâu. Việc bảo đảm công bằng xã hội trong mối tương quan giữa các chính sách kinh tế - xã hội với chính sách hậu phương quân đội đang đặt ra nhiều vấn đề cần nghiên cứu, như : nghĩa vụ của những công dân trong độ tuổi, đủ điều kiện nhưng không phải tham gia phục vụ tại ngũ theo Luật nghĩa vụ quân sự ; công việc làm ăn của quân nhân xuất ngũ; chính sách cụ thể đối với gia đình quân nhân tại ngũ, việc hợp lý hóa gia đình của sĩ quan, việc đăng ký hộ khẩu, học hành của con cái... Các tồn đọng chính sách còn lớn, nhất là số lượng mộ liệt sĩ chưa tìm kiếm được để đưa vào các nghĩa trang còn nhiều. Về quan điểm, nhận thức và tổ chức thực hiện, một số đơn vị và địa phương chưa tương xứng với vai trò công tác hậu phương quân đội, chưa coi đó là trách nhiệm và nghĩa vụ thường xuyên của mình.

*
* *

Từ thực trạng, kết quả và kinh nghiệm trên, để góp phần đẩy mạnh quá trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và củng cố quốc phòng, tạo nên sự ổn định chính trị - xã hội, chống "diễn biến hòa bình" của địch, công tác chính sách hậu phương quân đội trong những năm tới cần tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:

1 - Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, quan điểm về công tác hậu phương quân đội. Từ đó, quán triệt thường xuyên, đầy đủ trong các chính sách kinh

(Xem tiếp trang 19)

Digitized by Google

TƯƠNG LAI DƯỚI CON MẮT
nhà tương lai học An-vin Tô-phlơ

TRẦN XUÂN TRƯỜNG*

TÁC phẩm bộ ba của An-vin Tô-phlơ (Alvin Toffler)** đến với bạn đọc Việt nam khoảng vài năm gần đây qua bản dịch của Nhà xuất bản Thông tin lý luận, đáp ứng nhanh nhu cầu nắm bắt thông tin của bạn đọc Việt nam. Trong lời nói đầu của Nhà xuất bản, sau khi giới thiệu những thông tin rất bổ ích mà tác giả người Mỹ đem lại cho bạn đọc, Nhà xuất bản cũng lưu ý là có một số vấn đề về thế giới quan và phương pháp luận của ông Tô-phlơ cần được thảo luận.

Với bài viết này, tôi muốn tham gia thảo luận một số vấn đề nêu trong tác phẩm bộ ba đó.

Quả thật, ông Tô-phlơ là một nhà tương lai học cỡ lớn, rất uyên bác, có sự am hiểu về hầu hết các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, quản lý kinh tế, chính trị quốc tế... Tác phẩm bộ ba của ông đầy ắp thông tin, những dự báo đa dạng, đề cập đến hầu hết các lĩnh vực của xã hội hiện đại. Chúng ta có thể tin vào những lời tự giới thiệu của ông, trong chính lời tựa của ông cho tác phẩm của mình theo một phong cách rất Mỹ. Đó là một "công trình của hai mươi lăm năm nỗ lực", là "bộ sách bán chạy nhất" (best - seller), được dịch ra mấy chục thứ tiếng và cả thế giới đều đọc, là "quyển thánh kinh của các phần tử trí thức thuộc phái cải cách ở Trung quốc"(1). Không những ông có công thu thập một khối kiến thức khổng lồ mà còn có công, có của và có cả thế lực để đi khắp thế giới, lọt vào mọi cửa, quan sát và tiếp xúc với những điều mới lạ nhất đang xảy ra trên thế giới. Ông tự giới thiệu rằng ông đã tiếp xúc với nhiều nhà chính trị có quyền lực nhất thế giới như ông Goóc-ba-trốp, ông Ri-gân, ông Bu-sơ..., với giới mưu sĩ hoạch định chính sách của Nhà trắng, của Điện Ê-li-dê Pháp, của Phủ thủ tướng Tô-ki-ô... Ông còn tiếp xúc với các nhân vật của Bộ chính trị Đảng cộng sản Liên xô ngay khi "bức màn sắt" còn chưa bị cuốn lên(2).

Ba cuốn sách của ông Tô-phlơ nói về những khía cạnh khác nhau của cùng một vấn đề lớn của nhân loại, đó là vấn đề *nền văn minh mới*, nền văn minh của thế kỷ XXI. Ông đã nắm bắt được cái thần triết học của nền văn minh đó là sự biến động, là tính nhất thời. Đúng như ông nói : "Ba bộ sách có thể đọc riêng rẽ, nhưng hợp lại hình thành một hệ thống tri thức đầy đủ. Chủ đề của chúng là sự biến động"(3). Mỗi cuốn có một hướng đi sâu nhưng đều bổ sung cho nhau. "Cú sốc tương lai" *(Future Shock)* là kiểm điểm quá trình biến đổi, thảo luận về sự ảnh hưởng của nó đối với các tổ chức và con người như thế nào ? "Làn sóng thứ ba" *(The Third Wave)* phân tích các hướng biến đổi, và sự biến đổi ngày nay sẽ đưa đến kết cục ra sao ? "Thăng trầm quyền lực" *(Power Shift)* hay "Tương lai thế giới" suy ngẫm nên kiềm chế, điều

---

* Giáo sư triết học, Trung tướng, Giám đốc Học viện chính trị - quân sự, Bộ quốc phòng

** "Cú sốc tương lai" (Future Shock), "Làn sóng thứ ba" (The Third Wave) và "Thăng trầm quyền lực" (Power Shift)

(1) An-vin Tô-phlơ : *Thăng trầm quyền lực*, Nxb Thông tin lý luận - Ban khoa học xã hội Thành ủy TP Hồ Chí Minh, 1991, tr 10, 12, 13

(2) Xem *Sđd*, tr 15

(3) *Sđd*, tr 10

Digitized by Google

khiển sự biến đổi như thế nào ? Ai sẽ tạo ra sự biến đổi và tạo nó ra sao ? "[4]

Đáng chú ý nhất là những dự báo của ông về lĩnh vực cách mạng khoa học và công nghệ. Ông dự báo về những ngành khoa học mũi nhọn của thế kỷ XXI : điện tử lượng tử, tin học, sinh học phân tử, đại dương học, kỹ thuật hạt nhân, sinh thái học và khoa học vũ trụ. Ông chỉ ra những ngành công nghiệp xương sống của làn sóng văn minh thứ ba : điện tử, máy tính, kỹ thuật không gian, hóa dầu phức tạp, cáp thông tin quang học, vật lý chất rắn... Loài người sẽ đi tới sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng một cách hợp lý hơn, tiết kiệm hơn, giảm bớt sử dụng những nguồn năng lượng và vật liệu không tái sinh, gây ô nhiễm môi trường. Đặc biệt, vai trò của trí tuệ, của tri thức trong tiến bộ kỹ thuật, trong quản lý kinh tế và xã hội tăng lên một cách nhảy vọt, trở thành đặc trưng của nền văn minh mới.

Từ sự phát triển của khoa học và công nghệ, ông đã có những dự báo có thể gây ngạc nhiên, thậm chí sửng sốt về lĩnh vực tổ chức sản xuất, lưu thông, phân phối và tiêu dùng của xã hội tương lai. Vai trò kỳ diệu của máy điện toán và các phương pháp xử lý ngày càng kỳ diệu của nó làm thay đổi bộ mặt của nền kinh tế - xã hội. Sự ra đời của một nền kinh tế mà ông gọi là "siêu tượng trưng" ; mối quan hệ mới giữa sản xuất và tiêu thụ, giữa người sản xuất và người tiêu thụ ; một nền kinh tế vượt qua giai đoạn sản xuất hàng loạt để tiến đến sản xuất đơn chiếc hóa theo đặt hàng của người tiêu thụ, một nền sản xuất và kinh doanh có xu hướng trở lại sản xuất và làm việc tại nhà với một chất lượng và nền tảng kỹ thuật hoàn toàn mới. Nhờ sự phát triển của máy điện toán và phương tiện viễn thông, có những nghề sẽ tàn lụi như nghề thư ký ; con người tương lai làm việc không cần thư ký, không cần phải đi lại giao dịch mà tự mình giải quyết rất nhiều việc ; xuất hiện "ngôi nhà điện tử"...

Cùng với việc cá biệt hóa sản phẩm vật chất thì trên lĩnh vực văn hóa tinh thần cũng diễn ra quá trình phi đại chúng nền thông tin đại chúng. Thay cho việc truyền thông nhất loạt những thông tin theo chương trình buộc hàng trăm triệu người trên hành tinh phải cùng xem, cùng nghe, sẽ xuất hiện nhu cầu đa dạng hóa thông tin và những khả năng để thỏa mãn nhu cầu đa dạng đó; xuất hiện "bộ nhớ xã hội" để ghi nhận và xử lý kịp thời các nhu cầu đa dạng đó của từng cá nhân.

Không chỉ dừng lại ở những lĩnh vực đó, ông Tô-phlơ còn tiếp tục đưa ra những dự báo về tổ chức chính trị, xã hội tương lai, về sự thăng trầm của các nhân tố cơ bản của quyền lực, về sự sắp xếp lại quyền lực quốc gia và quyền lực toàn cầu, về việc tổ chức lại nền dân chủ ; về sự xuất hiện của "ý thức toàn cầu" như là hệ tư tưởng mới ; về sự xuất hiện của các nhóm xã hội nhỏ tập hợp con người theo sự đa nguyên sở thích văn hóa thay thế cho sự tập hợp theo giai cấp và dân tộc. Đến gia đình, cái tế bào đơn giản của xã hội, cũng không lọt qua được tầm nhìn của ông, cũng được ông dự báo.

Như vậy, tác phẩm bộ ba của ông Tô-phlơ là một sự *tổng dự báo*. Một mình ông đã làm công việc của hàng trăm, hàng nghìn nhà tương lai học. Điều đó cũng hợp với quy luật phát triển của khoa học. Trong khoa học, luôn tồn tại hai xu hướng tưởng như đối lập nhau nhưng lại bổ sung cho nhau. Song song với xu hướng phát triển các chuyên ngành hẹp với những đối tượng nghiên cứu ngày.càng chia nhỏ, lại có xu hướng nghiên cứu tổng hợp, liên ngành, để tìm ra những chân lý khoa học mà khi xem xét đối tượng dưới góc độ bị chia nhỏ người ta không thể tìm thấy được. Trong lĩnh vực các khoa học dự báo về tương lai, cũng hình thành sự phân công như vậy và ông Tô-phlơ là nhà tương lai học theo xu hướng tổng hợp. Tôi không có ý cho rằng ông Tô-phlơ chỉ làm một con số cộng đơn giản trình bày lần lượt những dự báo cụ thể

(4) *Sđd*, tr 12

Digitized by Google

của các ngành khoa học. Tác phẩm của ông Tô-phlơ đúng là một sự phân tích và tổng hợp của riêng ông, tuy có dựa trên những dữ liệu khoa học mà ông tham khảo nhưng đấy là một hệ thống những quan điểm phán đoán của riêng ông về tương lai của nhân loại.

Phải thừa nhận trình độ uyên bác và tính chất bách khoa của ông Tô-phlơ thể hiện trong tác phẩm bộ ba của ông. Tuy nhiên, khi đọc tác phẩm của ông, bạn đọc nên tỉnh táo và có tinh thần phê phán để đánh giá độ tin cậy trong từng dự báo mà ông nêu lên. Chính ông Tô-phlơ cũng yêu cầu độc giả như vậy. Là một nhà tương lai học nghiêm túc, ông hiểu khá rõ *đặc điểm* của khoa học dự báo, một khoa học dựa trên những dữ liệu khoa học nhưng vẫn là dự báo về những cái có thể có, những cái có thể xảy ra trong tương lai. Những dự báo đó có thể đúng mà cũng có thể sai. Vả chăng, lĩnh vực mà ông Tô-phlơ đề cập quá rộng buộc chúng ta, nhất là những nhà khoa học và chuyên gia trên từng lĩnh vực, phải có sự kiểm tra, đối chiếu, đánh giá độ tin cậy của từng dự báo được nêu ra trong tác phẩm của ông.

Chắc chắn rằng, trong những dự báo của ông Tô-phlơ có không ít điều có khả năng đúng. Đặc biệt là những dự báo về khoa học và công nghệ, về sự phân công lao động xã hội, những hình thức tổ chức và quan hệ mới của con người trong sản xuất kinh doanh. Có khả năng đúng, vì đó là những điều đã ít nhiều xảy ra trong các xã hội hiện đại và có xu hướng ngày càng phát triển.

Đáng chú ý là, trong các dự báo của ông có những điều lại chứng minh cho tính đúng đắn của những luận điểm của Mác về xã hội tương lai, những luận điểm mà một số người muốn bác bỏ Mác đang tập trung công kích. Chẳng hạn, người ta đang chế giễu ý tưởng của Mác *về* việc xã hội tương lai một khi xã hội hóa được các tư liệu sản xuất cơ bản thì có thể chuyển sang trực tiếp điều hành việc sản xuất và phân phối sản phẩm xã hội mà không cần đến quan hệ trao đổi hàng hóa; *về* những quan hệ giữa người và người trong kinh tế có thể biểu hiện ra một cách trực tiếp mà không cần đến việc phải thông qua những quan hệ giữa vật và vật. Người ta coi ý tưởng đó của Mác là *không tưởng* và coi việc các nhà nước xã hội chủ nghĩa thất bại trong việc kế hoạch hóa tập trung, phải chuyển sang thực hiện cơ chế thị trường, là sự minh chứng cho sự thất bại của những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Thế nhưng, ông Tô-phlơ lại dự báo rằng: Với những thành tựu của tin học, của hệ thống máy điện toán cùng những phương pháp xử lý ngày càng hoàn thiện của nó đối với mọi vấn đề quản lý, thì ngay hiện nay, trong nền kinh tế hiện đại của xã hội tư bản, đã xuất hiện xu hướng "phi thị trường hóa". Ông Tô-phlơ dành ra nhiều trang để nói về *giai đoạn mới của kinh tế thị trường*, về tình trạng sản xuất có các đơn đặt hàng sẵn chứ không phải sản xuất cho một thị trường bất định và sản phẩm làm ra không biết có tiêu thụ được không, về việc tình trạng sản xuất hàng loạt sẽ nhường bước cho sản xuất các sản phẩm cá biệt hóa theo yêu cầu của người tiêu dùng. Ông Tô-phlơ nói đến người tiêu - sản (pro-sumer) và cho rằng trong tương lai, cái gạch nối giữa sản xuất và tiêu dùng ngày càng không còn xa rời như hiện nay ; xã hội ngày càng là một xã hội tự sản - tự tiêu nhưng với một cấp chất lượng hoàn toàn khác với nền kinh tế tự cấp, tự túc. Nếu những dự báo trên đây của ông Tô-phlơ là đúng thì toàn bộ những điều đó chứng minh ý tưởng thiên tài của Mác về quá trình xã hội hóa trực tiếp việc điều hành lao động, cả lao động vật hóa và lao động sống cũng như phân phối sản phẩm của lao động. Những điều đó cũng chứng minh rằng tuy hiện nay, cơ chế thị trường vẫn là công cụ tốt nhất để phân bổ tư liệu sản xuất và lao động xã hội, để thúc đẩy năng suất lao động xã hội nhưng kinh tế hàng hóa và cơ chế thị trường cũng chỉ là những phạm trù lịch sử. Sự phát triển của nền văn minh mới tạo ra cái cơ sở vật chất - kỹ thuật cần

Digitized by Google

thiết để xã hội có thể và cần phải chuyển sang điều hành sản xuất và phân phối sản phẩm một cách có hiệu quả cao hơn. Trong điều kiện lao động quản lý vĩ mô còn dựa vào bộ óc người với những giới hạn sinh lý nhất định, thì việc kế hoạch hóa tập trung quá mức, bỏ qua cơ chế thị trường, như một số nhà nước xã hội chủ nghĩa đã làm, là không thể thực hiện được. Thế nhưng, khi lao động quản lý vĩ mô đã có hệ thống máy điện toán làm thay chức năng óc người, thì việc điều hành trực tiếp sản xuất và phân phối lại là điều hoàn toàn có tính khả thi. Cái mà trong các xã hội tư bản hiện đại người ta đang làm và ông Tô-phlơ dựa vào đó để dự báo, về *thực chất*, là sự xã hội hóa theo lối tư bản chủ nghĩa, trong khuôn khổ của chế độ tư bản. Trong một xã hội mà lao động xã hội được liên hiệp lại trên cơ sở không còn những hạn chế của chế độ tư bản thì sự "phi thị trường hóa" đó sẽ có quy mô rộng lớn hơn nhiều, sẽ đưa lại hiệu quả kinh tế và xã hội cao hơn nhiều so với những điều mà xã hội tư bản đang thực hiện.

Có những dự báo tưởng như rất đáng tin cậy vì ông Tô-phlơ đã căn cứ vào những điều đang xảy ra trong xã hội hiện đại để cho rằng chúng sẽ phát triển thành những đặc trưng của xã hội tương lai, nhưng ta thấy rằng những suy luận đó thiếu tính thuyết phục. Chẳng hạn như dự báo về *hình thái gia đình* trong nền văn minh thứ ba. Trong xã hội tư sản phương Tây hiện đại, đạo Cơ đốc có gốc rễ và ảnh hưởng lâu đời trong xã hội, đã xây dựng phong tục hôn nhân một vợ một chồng, phản đối gay gắt sự ly hôn. Thế nhưng, hiện nay người ta đang chứng kiến sự tan rã của gia đình một vợ một chồng. Mặc dù nhà thờ cấm đoán nhưng các vụ ly hôn tăng lên, thường cứ 3 cuộc hôn nhân thì có một cuộc tan vỡ ; xuất hiện tình trạng lấy vợ, lấy chồng nhiều lần trong một đời người. Tình trạng trẻ em chỉ ở với mẹ hoặc với bố tăng lên trong xã hội. Các cô nhi viện phát triển như nấm để tiếp nhận các trẻ mồ côi được bố mẹ chính thức gửi đến hoặc thu nhặt từ ngoài vỉa hè. Chủ nghĩa cá nhân cực đoan sinh ra một lối sống độc thân phổ biến và đi liền với lối sống đó là những gia đình không cần hôn thú mà hai bên nam nữ theo một thỏa thuận sống tạm với nhau trong một thời gian dài hay ngắn tùy thích. Thói đồng tính luyến ái cũng dẫn đến một hình thức gia đình hai người hoặc nhiều người cùng giới sống chung với nhau...

Đó là những điều có thật đang xảy ra trong các xã hội phương Tây. Nhưng khi ông Tô-phlơ muốn khái quát những biến đổi đó thành những hình thức gia đình mới của làn sóng thứ ba, nhân danh đặc tính bản chất của làn sóng đó là sự nhất thời, tính biến động, thì có thể ông đã lầm. Ông Tô-phlơ viết : "Hôn nhân không con, cha mẹ chuyên nghiệp, về hưu nuôi con, gia đình đoàn thể, công xã, gia đình tuổi già, đơn vị gia đình đồng tính luyến ái, đa thê - những kiểu gia đình đó là một số ít hình thức gia đình mà một số người sẽ thử nghiệm trong những thập kỷ sắp tới"(5). Ông Tô-phlơ khái quát rằng đại gia đình gia trưởng là hình thức gia đình của văn minh nông nghiệp, gia đình một vợ một chồng với một đến hai con là hình thức gia đình của nền văn minh công nghiệp, còn nền văn minh hậu công nghiệp sẽ có những hình thức gia đình của mình mà những nét phác họa đã được ông vạch ra. Ở dự báo này, bạn đọc cần có đầu óc tỉnh táo để xem xét. Sự phá vỡ truyền thống gia đình một vợ một chồng đúng là đang diễn ra, thế nhưng những cái gọi là hình thức gia đình mới mẻ đó không nói lên sự tiến bộ xã hội mà đúng hơn, nói lên sự suy đồi và bế tắc của xã hội tư sản. Nhân loại trên bước đường tiến lên nền văn minh mới, không chấp nhận sự tan rã của gia đình như là tế bào hợp thành cơ thể xã hội, không chấp nhận những hình thức gia đình kỳ quái mà về thực chất là sự phá hủy gia đình. Rồi đây, bản năng sinh tồn của loài người sẽ giúp

(5) An-vin Tô-phlơ : *Cú sốc tương lai*. Nxb Thông tin lý luận, Hà nội, 1992, tr 83

Digitized by Google

xã hội nhận thức ra sự cần thiết không thể thiếu của việc tái sản xuất không ngừng những thế hệ mới được nuôi dưỡng về thể chất và tinh thần tốt hơn, ngày càng có nhân cách toàn diện hơn. Một xã hội mà dân số ngày càng lão hóa, trẻ em ngày càng ít đi, không được nuôi dưỡng hoặc nuôi dưỡng tồi, bị bứt ra khỏi môi trường gia đình, mất tình thương yêu của gia đình, mang nặng những mặc cảm buồn tủi và căm thù, xã hội đó chỉ có thể sản sinh ra những tội ác, sự bất ổn xã hội và tàn lụi dần đi mà thôi. Cuối cùng, nhân dân sẽ nói tiếng nói quyết định, sẽ lên án cái thể chế xã hội đã làm cho xã hội suy đồi và nền văn minh thứ ba cứ tiến lên vì sự tiến bộ xã hội mà không cần có sự biến đổi trong hình thức gia đình. Ở đây, dự báo của ông Tô-phlơ có thể sai, và chúng ta mong rằng điều ông dự báo không thành hiện thực bởi vì nghĩ cho kỹ, cái viễn cảnh gia đình tương lai mà ông vẽ ra ảm đạm quá !

Tính chất nhiều mặt của những dự báo của ông Tô-phlơ giúp cho ông đề cập đến những vấn đề *thế giới quan*, những vấn đề có tính chất triết học và chính trị. Và trên lĩnh vực này, có nhiều vấn đề chúng ta phải thảo luận với ông. Những quan điểm chính trị - xã hội của ông đã hoàn toàn đối lập với chủ nghĩa Mác về vấn đề cốt lõi nhất là vấn đề sự tiến hóa của nhân loại đã và sẽ diễn ra như thế nào, theo những quy luật tổng quát nào ? Chính các môn đồ của ông đã từng trình bày ý kiến ông thầy của mình như là một thế giới quan mới, một phương pháp tiếp cận thời đại theo nền văn minh đối lập với phương pháp tiếp cận theo hình thái kinh tế-xã hội của Mác mà họ cho là đã lỗi thời. Ông Tô-phlơ không che giấu quan điểm của mình.

Trong tác phẩm bộ ba của mình, ông Tô-phlơ đã đưa ra một thế giới quan đối lập với thế giới quan mác xít. Tuy nhiên, ông không có một chương, một mục nào trình bày một cách trực diện và có hệ thống quan điểm triết học của mình. Ông thường dùng cách diễn đạt xen kẽ trong các dự báo cụ thể để khẳng định hoặc phủ định một cách ngắn gọn một quan điểm nào đấy mà không có luận giải chứng minh, bút chiến gì cả. Trong "Cú sốc tương lai", ông Tô-phlơ đây đó đã khái quát những đặc trưng tổng quát của nền văn minh mới, ông đề cập đến phạm trù "tính nhất thời", đến sự "phù du hóa" của mọi mặt đời sống xã hội, đến mối quan hệ giữa thế giới con người và thế giới đồ vật, đến sự tồn tại song hành của quá khứ, hiện tại và tương lai trong nhân loại, v.v. và v. v.. Chỉ có thể giải thích hiện tượng ông Tô-phlơ đưa ra một thế giới quan nhưng lại không trình bày nghiêm chỉnh về thế giới quan, là do ông hiểu rằng tranh luận đàng hoàng với chủ nghĩa Mác và bác bỏ nó khó hơn là nhân chỗ này chỗ kia, dựa vào khối thông tin mới lạ, cụ thể, làm mọi người trầm trồ thán phục, rồi gài vào đó một vài câu đại loại như ý tưởng cho rằng sự phân biệt *tư bản chủ nghĩa* và *xã hội chủ nghĩa* chẳng còn ý nghĩa gì nữa.

Có thể còn phải cân nhắc thuật ngữ nào thích hợp hơn cả để chỉ một giai đoạn phát triển mới của văn minh nhân loại, "văn minh hậu công nghiệp", "văn minh tin học", "văn minh trí tuệ" v.v.. Cũng còn phải xem xét mối quan hệ giữa các trình độ văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp và nền văn minh mới ; sự phủ định biện chứng của nền văn minh sau đối với nền văn minh trước ; sự tồn tại song hành, xâm nhập và bổ sung cho nhau giữa các nền văn minh đó. Tuy nhiên, tôi có thể đồng ý với ông Tô-phlơ về việc có một giai đoạn mới của văn minh nhân loại đang ra đời thật, giai đoạn đó có những biến đổi về chất so với giai đoạn trước. Tôi cũng đồng ý với ông về những thành tựu kỳ diệu và vai trò to lớn, tác động đến mọi mặt của đời sống con người của nền văn minh mới. Quan điểm đó không xa lạ với chủ nghĩa Mác bởi vì sự phát triển của văn minh cũng là sự phát triển của những lực lượng sản xuất xã hội của con người, sự phát triển của khả năng chinh phục tự nhiên, cải tạo tự nhiên của con người để phục vụ cho cuộc sống của

Digitized by Google

mình. Sự phát triển đó sẽ mở đầu cho hàng loạt sự phát triển khác trong phương thức tồn tại của xã hội.

Điều cơ bản tôi không đồng ý với ông Tô-phlơ là ở chỗ ông cho rằng làn sóng văn minh mới sẽ *trực tiếp* cải tạo lại toàn bộ xã hội, không còn phải thông qua đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, không còn đấu tranh giữa người bị áp bức bóc lột và kẻ đi áp bức bóc lột nữa. Nói một cách khác, loài người không còn cần các cuộc cách mạng xã hội để tiến lên nữa ; cách mạng khoa học và công nghệ sẽ thay thế cho chức năng của cách mạng xã hội để thay đổi bộ mặt xã hội.

Với ông Tô-phlơ, thì dân cư trên hành tinh chúng ta sẽ được phân chia ra thành những cộng đồng cư dân của *ba làn sóng*. Dân cư nông nghiệp "chiếm 70% dân số thế giới. Họ là những người của quá khứ... Chừng hơn 25% dân số thế giới sống ở các xã hội kỹ nghệ hóa... Họ là những người của hiện tại. Còn lại 2 hoặc 3% dân số thế giới là những người đang sống cách sống tương lai. Họ đã hình thành một quốc gia quốc tế của tương lai ngay trong giữa chúng ta. Họ là những phần tử tiến bộ của nhân loại, công dân mới nhất của xã hội siêu kỹ nghệ đang ở thời kỳ sinh đẻ." (6)

Như vậy là, ông Tô-phlơ đã bỏ qua, không đếm xỉa chút nào đến cái thực trạng xã hội có sự phân hóa giàu nghèo, kẻ ăn không hết người lần chẳng ra, đầy rẫy bất công ở các nước tư bản, cũng như giữa nhiều quốc gia với nhau. Tất cả những tiêu chí phân biệt một cách khoa học những giai tầng xã hội khác nhau, nói lên ách áp bức giai cấp và dân tộc đều bị ông phớt lờ. Các cộng đồng đối lập nhau về lợi ích đó được xếp vào một bị để rồi sắp xếp theo kiểu mới, đúng lý thuyết của ông Tô-phlơ về các làn sóng, cái thì đại diện cho quá khứ, cái cho hiện tại, cái cho tương lai ❑

(Còn nữa, kỳ sau đăng tiếp)

(6) *Sđd*, tr 23

Chính sách...

(Tiếp theo trang 13)

tế - xã hội; trong nhiệm vụ, kế hoạch công tác của các đơn vị, địa phương.

2 - Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện chính sách, chế độ. Trọng tâm là tập trung chú ý đến các đối tượng khó khăn, địa phương khó khăn, các đối tượng đặc biệt. Xây dựng chính sách đối với gia đình quân nhân tại ngũ, trước hết là chính sách đối với gia đình quân nhân làm nhiệm vụ ở vùng khó khăn gian khổ ; chính sách, biện pháp giải quyết việc làm đối với quân nhân xuất ngũ. Tổ chức thực hiện có hiệu quả chế độ chính sách đã ban hành đối với hậu phương quân đội.

3- Đẩy mạnh hơn nữa tiến độ, hiệu quả việc giải quyết các tồn đọng về chính sách sau chiến tranh. Tập trung sức tìm kiếm, khảo sát, cất bốc, quy tập mộ liệt sĩ. Bảo đảm cho các đối tượng đủ điều kiện được hưởng chế độ, chính sách kịp thời. Kiên quyết khắc phục thái độ, hành động thiếu trách nhiệm ; đấu tranh và lý các thủ đoạn "man trá" để hưởng chế độ chính sách hậu phương quân đội.

4 - Tiếp tục đẩy mạnh phong trào chấp hành chính sách hậu phương quân đội với nhiều hình thức phong phú và thiết thực. Khơi dậy và phát huy trách nhiệm, nghĩa vụ, tiềm năng của mọi công dân, mọi tổ chức kinh tế - xã hội. Kết hợp chặt chẽ giữa phong trào chấp hành chính sách hậu phương quân đội với các chủ trương phát triển nông nghiệp và nông thôn, xây dựng nền văn hóa mới và con người mới. Gắn chặt công tác hậu phương quân đội với các chương trình giải quyết việc làm, chương trình xóa đói giảm nghèo ở các địa phương.

5 - Tạo điều kiện và phát huy ý thức tự lực, tự cường, tinh thần khắc phục khó khăn của các đối tượng chính sách. Kịp thời động viên khuyến khích những tấm gương làm kinh tế giỏi, những điển hình tốt trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội của các đối tượng chính sách ❑

Digitized by Google

CHUẨN MỰC THẨM MỸ TRONG LỐI SỐNG XÃ HỘI

ĐỖ KIM THỊNH*

TRONG điều kiện đổi mới và mở cửa hiện nay ở nước ta, nhiều yếu tố mới xuất hiện đan cài và xen kẽ, tác động lên nhiều mặt đời sống xã hội, trong đó có đời sống văn hóa tinh thần. Hiện tượng này dẫn đến những thay đổi trong cách đánh giá và thẩm định các giá trị xã hội, xuất hiện những nhận thức lệch lạc thiếu tính chuẩn mực. Làm thế nào để những giá trị tinh thần, giá trị thẩm mỹ trở lại đúng chân giá trị của nó, khắc phục những mặt tiêu cực của đời sống, góp phần đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đó là vấn đề bức xúc cần được giải quyết trong cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa tư tưởng của chúng ta.

Ở lĩnh vực văn hóa, vấn đề giá trị và chuẩn mực thẩm mỹ tưởng chừng là vấn đề xa xôi nhưng lại có tác động mạnh mẽ và trực tiếp nhất đối với cuộc sống hằng ngày. Nó chi phối nhiều mặt hoạt động của con người, và được nhìn nhận trên *hai* lĩnh vực : hoạt động trong *đời thường* và trong *văn hóa nghệ thuật*. Chính ở hai lĩnh vực này bộc lộ toàn bộ tính chất phức tạp của đời sống văn hóa thẩm mỹ trong xã hội.

Hàng ngàn năm lịch sử trôi qua, chúng ta đã tích lũy, sáng tạo nên một hệ thống giá trị tinh thần cao quý, thấm đượm bản sắc độc đáo của dân tộc, trong đó có các giá trị thẩm mỹ. Những giá trị này được đúc kết trong quan niệm, trong sáng tạo văn hóa dân gian (như các nghề thủ công, kiến trúc, điêu khắc, hội họa, ca múa, v.v.). Và cũng từ lâu, cái chân, cái thiện đã trở thành yếu tố kết dính hòa quyện trong chuẩn mực thẩm mỹ của con người Việt nam.

Tính ổn định tương đối của chuẩn mực thẩm mỹ trong quan niệm truyền thống thường thiên về nét trang nhã, hài hòa, giản dị. Đặc biệt, khi đánh giá vẻ đẹp của con người, ông cha ta thường nghiêng về đề cao vẻ đẹp bên trong, vẻ đẹp tâm hồn, đạo đức. Cái đẹp gắn với cái đạo đức, cái cao thượng là thước đo, là chuẩn mực mà đến hôm nay không những vẫn giữ tính dân tộc ổn định mà còn mang tính nhân loại sâu sắc. Vì vậy, chuẩn mực thẩm mỹ vừa xác định phẩm chất của đối tượng thẩm mỹ, vừa là sự đánh giá về mặt nhân cách thẩm mỹ của con người. Nhưng trên thực tế, không phải giai đoạn lịch sử nào cũng có được tính thống nhất xã hội về chuẩn mực, nhất là ở những thời kỳ có nhiều biến động sâu sắc về mặt kinh tế, chính trị. Sự biến động về chuẩn mực thẩm mỹ ở nước ta hiện nay có cái đang theo hướng tích cực phù hợp với trình độ thẩm mỹ của xã hội, với khả năng mở rộng quá trình hòa nhập với các nền văn minh bên ngoài. Những giá trị đó đang được nhân lên trong cảnh quan chung của đô thị và những vùng nông thôn nước ta, trong sản xuất hàng hóa, (tạo dáng, mẫu mã bao bì), trong phục trang, nghi lễ, giao tiếp, ứng xử, v.v.. Sự gia tăng đổi mới ở nhiều khía cạnh của giá trị thẩm mỹ bộc lộ nét hòa

* PTS mỹ học, Viện văn hóa

Digitized by Google

điệu mới của thời kỳ mở cửa, con người có điều kiện và có nhu cầu vươn tới cái đẹp trong mọi lĩnh vực cuộc sống. Các cuộc thi hoa hậu, thi thời trang, các cuộc triển lãm mỹ thuật, liên hoan nghệ thuật đã thể hiện tư duy mới rất mạnh mẽ trong quan niệm nhận thức giá trị thẩm mỹ của con người Việt nam ngày nay theo các cung bậc khác nhau.

Tuy nhiên, bên cạnh việc mở rộng các giá trị thẩm mỹ trong đời sống, là sự xuất hiện những yếu tố không thuận chiều với nhịp điệu phát triển của tiến bộ xã hội. Như đã nêu trên, các yếu tố tiêu cực có thể nlìn nhận rõ nét trong hai lĩnh vực hoạt động của con người : trong đời thường và trong hoạt động văn hóa nghệ thuật.

Hãy xem hoạt động của con người trong lĩnh vực **đời thường**. Ở lĩnh vực này có *ba mối quan hệ cơ bản* thường làm đảo lộn các giá trị thẩm mỹ truyền thống, đe dọa sự hủy diệt các giá trị tinh thần vô giá được ông cha ta chắt lọc, xây đắp tự ngàn đời. Đó là quan hệ giữa con người với con người, quan hệ giữa con người với các di sản quá khứ, và quan hệ giữa con người với môi trường thiên nhiên.

Về quan hệ *giữa con người với con người*, định hướng thẩm mỹ xã hội chủ nghĩa của chúng ta là đề cao đạo lý truyền thống, lòng nhân ái, tương trợ lẫn nhau theo phương châm "nhiễu điều phủ lấy giá gương". Nhưng trên thực tế, chưa bao giờ giá trị tinh thần này lại bị công phá dữ dội như hiện nay. Kinh tế thị trường có tác động tích cực, làm cho quan hệ giữa người với người có phần bình đẳng, thực tế hơn. Mở cửa giúp chúng ta chắt lọc và đón nhận được những tinh hoa nhân loại. Nhưng bên cạnh đó, những mặt trái của kinh tế thị trường và sự mở cửa, những quan niệm theo đó như tính toán vị kỷ, làm giàu với bất cứ giá nào, chạy theo ma lực của đồng tiền, ham hố tiện nghi vật chất đã và đang phá vỡ không ít nét đẹp trong gia phong và kỷ cương phép nước. Lòng nhân nghĩa, tính hướng thiện của con người ít được quan tâm giáo dục. Bạo lực và nhiều tệ nạn xã hội có cơ phát triển; cái ác có điều kiện nảy nở và lộng hành. Một bộ phận nhỏ thanh thiếu niên nước ta không may rơi vào tình trạng lầm lỗi và phạm pháp. Như vậy, xã hội đứng trước một thử thách to lớn là làm sao khắc phục bớt hố ngăn cách giữa mức sống cao với lối sống không đẹp, không lành mạnh, do quan niệm sai lầm về giá trị đích thực của con người trong giai đoạn phát triển kinh tế thị trường.

Ở mối quan hệ thứ hai, *giữa con người với các di sản quá khứ*, cũng bộc lộ sự méo mó về nhận thức giá trị thẩm mỹ, sự vô cảm về cái đẹp do động cơ làm giàu bất chính. Nạn đào bới lăng tẩm vua chúa ở kinh đô Huế, đào mộ các danh nhân lịch sử - văn hóa ở Chí linh (Hải hưng), nạn trộm cắp cổ vật quý trong các chùa chiền, nhà thờ họ, v.v. đã làm tổn thương nặng nề đạo lý tốt đẹp, tôn thờ tổ tiên "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc ta.

Trong quan hệ giữa *con người với môi trường thiên nhiên* cũng có những biểu hiện đi ngược lại tâm lý và tình cảm dân tộc. Đã có trường hợp tàn phá thiên nhiên đụng chạm đến cả di tích thiêng liêng (tượng nàng Tô thị ở Lạng sơn, Ngọc mỹ nhân núi đẹp ở Ninh bình, rồi Ngũ hành sơn ở Quảng nam - Đà nẵng, thắng cảnh ở Đà lạt, v.v.), minh chứng cho sự vô tri giác về cảm quan thẩm mỹ của không ít người hôm nay.

Đối với hoạt động của con người trong lĩnh vực **văn hóa nghệ thuật**, chúng ta có thể có nhận xét gì ? Đây là lĩnh vực thể hiện tập trung nhất năng lực sáng tạo, đánh giá và thẩm định các giá trị thẩm

Digitized by Google

mỹ của con người. Đây cũng là lĩnh vực cung cấp cho xã hội những giá trị tinh thần cao quý, đưa ra những định hướng chuẩn mực đúng đắn, giúp con người có được thị hiếu thẩm mỹ tinh tế và góp phần nâng cao trình độ nhận thức về phương diện thẩm mỹ. Nhưng gần đây, ở lĩnh vực này, trong hệ thống sáng tác, biểu diễn, xuất bản và phổ biến các món ăn tinh thần cho xã hội, có rất nhiều hiện tượng gây nên những nhiễu loạn về quan niệm giá trị thẩm mỹ và chuẩn mực thẩm mỹ. Nhiều tác phẩm nghệ thuật ra đời theo lối "mì ăn liền", "hàng chợ", trong đó thiếu đi tính sáng tạo nghiêm túc, thiếu đầu tư trí tuệ. Nội dung tư tưởng nghèo nàn, sơ sài, lẫn hình thức cẩu thả của tác phẩm đã đưa tới hậu quả phản giá trị, hạ thấp thị hiếu nghệ thuật của công chúng. Ở nước ta đang xuất hiện hàng loạt những "đạo diễn", "nghệ sĩ", "nhà sản xuất" nghệ thuật không có chuyên môn, không được đào tạo qua trường lớp. Hoặc do có nhiều tiền, hoặc có một số ưu thế nào đó, họ thi nhau chiếm lĩnh nhiều vị trí trong "công đoạn" sáng tạo và cung cấp cho xã hội những món ăn tinh thần không đúng giá trị nghệ thuật và thẩm mỹ. Mọi người đều biết, lĩnh vực hoạt động và sáng tạo nghệ thuật vốn hết sức tinh vi, đòi hỏi tài năng đích thực, sự rèn luyện công phu, lâu dài, gian khổ của người nghệ sĩ. Hiện tượng coi nghệ thuật hoặc là lĩnh vực "hốt bạc" hoặc để "mua danh" của nhóm người nào đó trong xã hội, đã làm lu mờ và vô hiệu hóa những tài năng chân chính. Nhiều nghệ sĩ đã phải từ bỏ "đơn đặt hàng" đòi họ "đánh vào" những khía cạnh tâm lý tầm thường, những thị hiếu thẩm mỹ nông cạn của một bộ phận công chúng. Có nghệ sĩ đành lòng buông xuôi cho hoàn cảnh lôi cuốn, tham gia vào hoạt động nghề nghiệp bất đắc dĩ. Có vài ca sĩ do nhận thức giá trị không đúng đã bắt chước cách ăn mặc lố lăng, điệu bộ uốn éo, "táo bạo" của một vài ca sĩ ngoại quốc để kích thích tâm lý chuộng lạ của lớp trẻ. Sự len lỏi, xuyên thấu của đồng tiền, của giá trị vật chất vào chính những người sản xuất ra sản phẩm tinh thần, rõ ràng có tác động phá hoại rất lớn đối với hệ thống những giá trị được vun đắp và phát triển suốt hơn mấy thập kỷ qua dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Nếu như trong đời sống thực tế, cái ác, cái xấu đang nảy sinh và có chiều hướng phát triển, thì trong nghệ thuật, cái dung tục, cái tầm thường, và cả cái ác, cái xấu, cũng được "quan tâm" như "mốt thời thượng". Nó sa vào lối miêu tả giật gân, gây tò mò, kích thích thú tính, hơn là giáo dục hoặc thức tỉnh những mặt tốt đẹp trong tâm hồn con người. Chúng ta sao quên được những tác phẩm của Nam Cao và những nhân vật của ông trong cuộc sống bần cùng tối tăm, vẫn ánh lên niềm tin yêu vào các giá trị tốt đẹp trong con người. Giá trị thẩm mỹ và giá trị đạo đức lớn lao mà Nam Cao để lại đã cho chúng ta một bài học quý : dù văn học nghệ thuật có phản ảnh ở mọi khía cạnh, mọi cung bậc nào của đời sống phong phú, rộng lớn, người viết cũng không cho phép cái xấu, cái ác, lấn lướt cái cao thượng, cái đẹp và các giá trị nhân bản khác của con người.

Đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân ta hôm nay đang phải chịu đựng âm hưởng mạnh mẽ của nhiều luồng thông tin, của các phản giá trị khác (băng ghi hình, ghi âm, tranh ảnh, sách báo...) được lén lút đưa từ bên ngoài vào. Nếu như nội dung phản ảnh của văn hóa nghệ thuật trong nước không có tính định hướng rõ rệt thì nó sẽ có tác dụng tiếp tay, góp phần công phá các giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc và sẽ nhiễm vào nhân cách con người (nhất là thế hệ trẻ). Nhiều công trình nghiên cứu tâm lý học đã báo động rằng, càng tiếp xúc nhiều với bạo

Digitized by Google

lực, với cái ác, cái xấu, trẻ em càng mất đi ý thức về cái thiện, cái đẹp, và coi các hành vi không đúng của mình như một "tác phong nhân bản", một thói quen thường tình.

Báo chí cũng là lĩnh vực quan trọng cung cấp cho xã hội những thông tin chính trị, kinh tế, văn hóa bổ ích. Báo chí góp phần điều chỉnh cách nhìn, quan niệm thẩm mỹ của con người. Tính chuẩn mực của các giá trị xã hội mà báo chí xã hội chủ nghĩa qua việc phản ánh tấm gương những người ưu tú, những hành động cao đẹp, đã từng gây niềm tin và định hướng cho nhiều thế hệ công dân. Song gần đây, sự xuất hiện của nhiều loại báo chí, nhiều kiểu thông tin thiếu chọn lọc, đã tác động không lành mạnh đến người đọc. Ngay cả những hiện tượng mới lạ trong nước và ngoài nước được đưa lên báo cũng phải được thẩm định về mặt giá trị, tránh thái độ mập mờ lẫn lộn giữa cái xấu và cái tốt, cái đáng phê phán và cái nên học tập. Về truyện vụ án cũng cần điều chỉnh liều lượng và cách thông tin, sao cho vừa có tác dụng giáo dục ý thức pháp luật, vừa xây dựng được trách nhiệm công dân. Để những mặt tiêu cực của đời sống hạn chế tiêm nhiễm vào tâm hồn trẻ thơ, người viết hơn lúc nào hết cần nâng cao vai trò chủ thể sáng tạo, chủ thể thẩm mỹ, nâng cao mặt nhận thức của công chúng qua lăng kính phản ánh của mình.

Để củng cố được sức mạnh và tính ổn định bền vững của các giá trị thẩm mỹ trong văn hóa dân tộc, đồng thời xây dựng những nhận thức chuẩn mực thẩm mỹ đúng đắn cho mỗi công dân trong xã hội hiện nay, trước hết cần giải quyết mâu thuẫn thường tồn tại giữa định hướng chiến lược mà Đảng và Nhà nước đã từng nêu trong các văn bản nghị quyết với hoạt động chỉ đạo thực tiễn, thường không phản ảnh đúng tinh thần các nghị quyết trên.

Sự đánh giá đúng chất lượng tác phẩm nghệ thuật phụ thuộc vào hội đồng thẩm định nghệ thuật. Ở đó các thành viên của hội đồng phải có năng lực và trình độ chuyên môn cao. Cần chọn lọc, phân loại cán bộ trong từng lĩnh vực chuyên môn (sáng tác, xuất bản, biểu diễn, v.v.); phát huy tài năng của họ, giúp họ cống hiến nhiều giá trị nghệ thuật mới xứng đáng cho xã hội. Vấn đề hỗ trợ tài chính cho các bộ môn nghệ thuật truyền thống, chế độ nuôi dưỡng các tài năng nghệ thuật cần được thực thi tích cực chứ không phải chỉ ghi trên văn bản. Cần có sự đánh giá và có chính sách xã hội cụ thể đối với những người có trách nhiệm gìn giữ và phát huy các giá trị tinh thần cao quý của dân tộc, tạo điều kiện cho họ bảo vệ và chuyển giao tích cực hơn những giá trị này. Việc chưa chú ý đúng mức đến giá trị lao động nghệ thuật sẽ không thể khắc phục được những mặt tiêu cực mà kinh tế thị trường đang tác động lên đời sống tinh thần của xã hội hiện nay.

Đã đến lúc cần có một *ủy ban* hoặc một *trung tâm* mang tính quốc gia về giáo dục thẩm mỹ để triển khai mục đích giáo dục, gìn giữ và phát triển các giá trị thẩm mỹ truyền thống trong toàn bộ hoạt động xã hội. Trước hết là giáo dục thẩm mỹ trong các nhà trường, từ nhà trẻ đến các cấp học phổ thông. Thông qua chương trình này mà bồi dưỡng và nâng cao kiến thức, năng lực đánh giá thẩm mỹ của thế hệ trẻ, giúp cho họ khả năng "miễn dịch" trước những gì là phản văn hóa, phản giá trị. Có như vậy, chúng ta mới hy vọng xác lập được tính chuẩn mực trong toàn xã hội về phương diện đánh giá và nhận thức giá trị thẩm mỹ, nâng cao dần đời sống văn hóa trong xã hội chúng ta hôm nay ❑

Digitized by Google

NHÂN QUYỀN

NGUYỄN LINH*

GẦN đây, một số "công dân", bằng những "kiến nghị" của mình, đã đề cập đến vấn đề này vấn đề khác của xã hội Việt nam, trong đó có chuyện nhân quyền. Với bài viết này, tôi muốn trao đổi ý kiến thêm về vấn đề nhân quyền, mong muốn đáp ứng phần nào một trong những "kiến nghị" của họ.

Trước hết cần khẳng định rằng : Hòa bình, trật tự, công bằng và quyền con người được đảm bảo, đó là mong muốn của tất cả các dân tộc, nhất là trong lúc thế giới đầy biến động và bất trắc như hiện nay. Đó là khát vọng chính đáng của các dân tộc trong mọi thời đại. Cuộc sống và sự phát triển của mỗi quốc gia luôn luôn gắn liền với số phận chung của loài người, của các quốc gia khác trên hành tinh. Vì lẽ đó, ở đâu vấn đề quyền con người cũng cần được nỗ lực giải quyết, và Việt nam không phải là ngoại lệ.

Những người có đầu óc lành mạnh đều hiểu rằng, quyền con người, quyền duy trì đời sống và phát triển bình thường của mỗi con người bao giờ cũng gắn bó chặt chẽ với quyền sống và phát triển của cả cộng đồng mà họ là thành viên. Như vậy, không ai có thể áp đặt thô bạo những tiêu chuẩn nhân quyền ở đâu đó thoát ly những điều kiện hiện thực của một quốc gia, một dân tộc. Thực tiễn Việt nam đã đúc kết nên một chân lý : nước có độc lập thì người dân mới thoát được kiếp nô lệ, vươn lên cuộc sống làm người. Quyền con người phải được cụ thể hóa trong quyền công dân của mỗi quốc gia ; luật pháp quốc tế phải được vận dụng nghiêm túc phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi nước.

Trước Hội nghị về nhân quyền ở Viên, đã diễn ra các hội nghị về nhân quyền ở các khu vực châu Phi, châu Mỹ, châu Á với các "Tuyên bố Tuy-ni-di", "Tuyên bố Xanh Giooc" và "Tuyên bố Băng-cốc". Các tuyên bố này đều nhấn mạnh nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Điều đó chứng tỏ, các quốc gia, các dân tộc ở các khu vực khác nhau trên khắp thế giới bao giờ cũng rất tỉnh táo trên con đường thực hiện khát vọng cháy bỏng của con người.

Gần đây, ông Lý Quang Diệu, bộ trưởng cao cấp của Xin-ga-po, cho rằng : Các tiêu chuẩn nhân quyền sẽ trở nên phổ quát. Đó sẽ không phải là những tiêu chuẩn của phương Tây, bởi vì phương Tây chỉ là thiểu số trong thế giới này. Nếu như mỗi người có một lá phiếu thì phương Tây không có là bao. Những ai ngộ nhận cho rằng đâu đó ở phương Tây vấn đề nhân quyền được đảm bảo và xem đó như là hình mẫu lý tưởng cho các quốc gia khác, thì hãy tỉnh táo nhận ra gương mặt thật của nhân quyền ở đó. Không phải ngẫu nhiên gần đây một số nước châu Á đã sẵn sàng không nhận viện trợ của các nước phương Tây vì đằng sau những khoản viện trợ ấy, một số nước muốn áp đặt những điều kiện về nhân quyền của họ.

Không có một phản ứng nào khi ông Cri-xtốp-phơ, ngoại trưởng Mỹ nói : "Con người sống, tồn tại và thực thi quyền làm người". Nhưng khi ông triển khai rộng ra trong một ý nghĩa khác : "Cộng đồng thế giới có trách nhiệm bảo vệ quyền con người ở mọi nước trên thế giới" thì một không khí tranh luận quyết liệt đã nổ ra. Bởi vì thực tế chưa có một lực lượng nào, dù đó là "cộng đồng thế giới", lại có thể bảo vệ được "quyền con người ở mọi nước trên thế giới". Chưa có gì bảo đảm rằng : khát vọng, ước mơ, tâm tư, nguyện vọng... của con người thuộc mọi dân tộc, mọi quốc gia là hoàn toàn đồng nhất, mà ngược lại, vẫn còn phụ thuộc và thậm chí còn bị giới hạn bởi những điều kiện về các mặt kinh

* Thạc sĩ kinh tế. Trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tỉnh Quảng nam - Đà nẵng

Digitized by Google

tế, xã hội, lịch sử... của từng quốc gia, từng dân tộc. Đây là thực tế không thể phủ nhận được của lịch sử thế giới.

Con người ở mỗi nước có một cuộc sống mang tính chất văn hóa, lịch sử, ngôn ngữ... khác nhau, nên ngay cả quan niệm về nhân quyền cũng có sự khác nhau, và cuộc sống đa dạng cũng có những khoảng cách biệt tất yếu. Đó cũng là thực chất về sự tồn tại của hai nền văn minh Á đông và phương Tây qua bao thế kỷ. Vì vậy mà rất nhiều ý kiến đồng tình rằng : "Quyền con người không thể đặt lên trên quyền tồn tại và phát triển của một quốc gia".

Bất kỳ ở xã hội nào, nhân dân cũng muốn được sống trong hòa bình, ổn định và phát triển, vậy thì quyền tự do của mỗi người tất yếu không thể đối lập, vi phạm quyền tự do của những người khác trong cộng đồng. Bất kỳ ai cũng phải hành động phù hợp với luật pháp, bảo đảm quyền lợi tối thiểu của mọi công dân. Nhân quyền tuyệt nhiên không đồng nghĩa với vị kỷ, cực đoan, đặt lợi ích cá nhân lên trên tất cả, mặc sức vi phạm tới quyền tự do của người khác, đối lập cá nhân với cộng đồng như cách lập luận bệnh hoạn rằng "tự do chân chính của con người chỉ có ở trong cô đơn"!

Để các quốc gia tiến tới ngày càng thông cảm nhau hơn về những dị biệt dân tộc, thì mục tiêu của các nhà nghiên cứu về nhân quyền và giới lãnh đạo quốc tế là tìm ra và tuyên truyền những tiêu chuẩn chung hợp lý và không tìm cách áp đặt bất cứ một "mẫu nhân quyền" nào lên bất cứ một nước nào. Các dị biệt quan điểm về nhân quyền là không thể tránh khỏi trong thực tiễn. Việc quảng bá nhân quyền ở một quốc gia phải có tính chọn lọc theo điều kiện mỗi nước.

Ở đây, cần nhận rõ sự khác biệt giữa các nước thuộc thế giới thứ ba và các nước phương Tây. Người Việt nam và dân chúng tại nhiều nước trên thế giới không chấp nhận sự khiêu dâm, mà ở một số nước lại cho là điều bình thường có thể chấp nhận được của quyền tự do ; hoặc đồng tính luyến ái lại có thể là quyền tự do lựa chọn lối sống. Và ngược lại, *trừng trị bọn tội phạm mua bán phụ nữ, trẻ em* ; hoặc trừng trị kẻ đội lốt tôn giáo hoạt động chống lại pháp luật *thì không thể cho đó là vi phạm nhân quyền.*

Ngay giữa các nước phương Tây cũng có những dị biệt về nhân quyền. Nếu như tại Mỹ, Anh, quyền xét xử thuộc Hội đồng hội thẩm dân sự, thì tại Pháp quyền này lại thuộc về các quan tòa. Liệu có phải vì thế mà kết luận ở Pháp nhân quyền bị khống chế ? Chính ngay trong nước Mỹ, không phải các tiểu bang đều có quan niệm giống nhau về hình phạt tử hình, về quyền được học hành, hoặc cả vấn đề phá thai.

Như vậy, các quan điểm về nhân quyền phải luôn được cân bằng với các lợi ích khác nhau của mỗi quốc gia. Thành ra, một sự tiếp cận thực tế nhất về vấn đề nhân quyền chính là hãy ra sức củng cố một nền tảng chung mà mỗi quốc gia có thể cùng thỏa thuận... Tiếp cận vấn đề theo cách như vậy để thấy rằng, không thể có một thứ tiêu chuẩn "cứng" về tự do, dân chủ, nhân quyền cho mọi quốc gia, mọi dân tộc trên trái đất này. Vì vậy, "suy nghĩ" của một số người về vấn đề nhân quyền mà họ đề cập trong các "công trình" của mình tham gia ở một số câu lạc bộ không phải là những phát hiện gì mới mẻ.

Ai đó hết lời tán tụng dân chủ, nhân quyền ở phương Tây hãy thử cắt nghĩa những vấn đề sau đây :

Tại Mỹ, nước mà nền độc lập được tuyên cáo từ năm 1776, mà tới năm 1920 phụ nữ mới được quyền bỏ phiếu, còn người da đen phải đến năm 1965 mới được hưởng quyền đó. Hoặc như gần đây chính phủ Mỹ đã thừa nhận "ở Mỹ có 7 triệu người không có nhà ở, trong đó có từ hai đến ba triệu người lang thang... Số trẻ em nghèo khổ chiếm 22,7% tổng số trẻ em"[1]. Còn vấn đề an toàn tính mạng và vấn đề phân biệt chủng tộc ở Mỹ cũng rất nghiêm trọng : số người bị bắn chết và bị thương đứng hàng đầu thế giới. Phải chăng những vấn đề này không liên quan gì đến nhân quyền ?

(Xem tiếp trang 31)

(1) Báo *Nhân dân*, ngày 1-3-1995

Digitized by Google

Mấy giải pháp tổ chức quản lý kinh doanh lương thực hiện nay

VŨ ĐÌNH NGỌC*

LƯƠNG thực luôn luôn là vấn đề của toàn cầu. Không phải ngẫu nhiên mà Tổ chức lương thực và nông nghiệp của Liên hợp quốc (FAO) thường xuyên kêu gọi các quốc gia trên thế giới phải cùng hợp sức lại, bằng biện pháp hữu hiệu, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng hợp lý để chống nạn đói và suy dinh dưỡng. Gần đây, Tổng giám đốc FAO đã tuyên bố : từ nay trở đi, vấn đề an toàn lương thực là vấn đề quan tâm nhất của FAO. Và cũng là lần đầu tiên trên diễn đàn quốc tế, chính sách lúa gạo của Việt nam đã được tổ chức FAO công bố rộng rãi (Hội nghị nhóm các quốc gia sản xuất lúa gạo lần thứ 37 họp tại Băng cốc - Thái lan từ ngày 12 đến 17-12-1994).

Trong bối cảnh đó, việc nhìn nhận, đánh giá đúng thực trạng tổ chức kinh doanh lương thực của chúng ta để đưa ra những giải pháp hữu hiệu là điều cần thiết.

I- *Từ sau năm 1989, quản lý kinh doanh lương thực ở nước ta đã có những đổi mới quan trọng trong chính sách.* Nội dung đó thể hiện ở những điểm chính sau đây :

a) Đã mở rộng lưu thông lương thực không hạn chế về địa giới và đối với các tổ chức kinh doanh. Từ chỗ không thừa nhận "thị trường tự do về lương thực", cơ chế quản lý kinh doanh lương thực mới đã xác định quyền tự do tham gia lưu thông lương thực của mọi thành phần kinh tế, trong đó gồm :

Người sản xuất được làm chủ toàn bộ lương thực hàng hóa do mình làm ra, được tự do lựa chọn đối tượng bán, địa điểm bán với giá có lợi nhất.

Mọi thành phần kinh tế, mọi tổ chức và cá nhân đều có thể lưu thông lương thực không bị cản trở bởi địa giới ; người tiêu dùng lương thực được tùy ý lựa chọn loại lương thực cần mua tại bất kỳ đâu và với bất kỳ đối tượng bán nào, vào thời điểm thích hợp.

b) Chuyển hoạt động của quốc doanh lương thực từ hành chính bao cấp sang hạch toán kinh doanh. Quốc doanh lương thực hoạt động bình đẳng với các thành phần kinh tế khác cùng tham gia vào lưu thông lương thực, được phép cạnh tranh nhau trên thị trường thông qua quan hệ mua bán, trong khuôn khổ luật pháp. Quốc doanh lương thực thực hiện tự chủ về tài chính, có trách nhiệm nộp ngân sách ; kinh doanh lương thực của quốc doanh phải góp phần ổn định tình hình lương thực xã hội.

Hiện tại bộ máy quản lý kinh doanh lương thực bao gồm các thành phần sau :

Thành phần quốc doanh : Ở trung ương hiện có 2 Tổng công ty lương thực trung ương (I và II) và Công ty lương thực trung ương III.

Ở địa phương, mô hình tổ chức chủ yếu là mỗi tỉnh có một đầu mối công ty tỉnh, một số tỉnh (Yên bái, Hải phòng, Thái bình...)

* Vụ trưởng Vụ lương thực, Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm

Digitized by Google

do có đặc thù riêng đã lập 2-3 đầu mối Hà nội vẫn còn Liên hiệp công ty lương thực gồm 28 doanh nghiệp.

Thành phần ngoài quốc doanh : Tư nhân kinh doanh lương thực ở miền Bắc và miền Trung có quy mô nhỏ so với số hộ kinh doanh ở Nam bộ. Tuy vậy, để phục vụ kinh doanh cũng đã hình thành các cụm xay xát có hàng trăm máy nhỏ như ở Yên mỹ (Hải hưng), Hoài đức (Hà tây). Ngoài ra, có một số doanh nghiệp nhà nước ngoài ngành lương thực cũng tham gia kinh doanh lương thực, nhưng chỉ tham gia khi có lợi nhuận cao (tham gia xuất khẩu và kinh doanh đường dài khi "sốt" gạo).

Nếu xem xét bộ máy kinh doanh lương thực trên địa bàn khu vực thì ở miền Bắc có 57 doanh nghiệp địa phương và 11 doanh nghiệp trung ương (thuộc Tổng công ty lương thực trung ương I) ; Nam bộ có 13 doanh nghiệp địa phương và 9 doanh nghiệp trung ương (thuộc Tổng công ty lương thực trung ương II).

Với bộ máy trên, từ năm 1989 đến năm 1993, các doanh nghiệp lương thực nhà nước đã mua vào trung bình 4,4 triệu tấn/năm, (quy lúa), bán ra cho nhu cầu nội địa 0,9 triệu tấn gạo/năm, xuất khẩu 1,5 triệu tấn/năm.

Trong việc điều hòa lương thực từ Nam ra Bắc (ở những thời điểm chống lại các cơn sốt về giá) quốc doanh lương thực đóng vai trò là một công cụ điều tiết quan trọng. Ví dụ : năm 1991 trong 1 triệu tấn thóc đã chuyển ra Bắc thì quốc doanh lương thực trung ương đảm nhiệm 50%, quốc doanh lương thực địa phương giải quyết 30%. Còn lại 20% là do các ngành và thành phần kinh tế khác tham gia. Gần đây, trong những tháng cuối 1994 và đầu năm 1995, để bù đắp lại phần cân đối thiếu hụt ở miền Bắc, nhà nước đã có biện pháp điều lương thực từ Nam ra, trong đó lượng do quốc doanh vận chuyển chiếm khoảng 30%.

Từ khi chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh, các doanh nghiệp lương thực đã sắp xếp lại bộ máy quản lý và lao động. So với năm 1991, số cán bộ trong bộ máy của các Tổng công ty trung ương và các Công ty lương thực địa phương đã giảm hàng chục nghìn người. Có đơn vị số biên chế cán bộ công nhân viên chỉ bằng 50% đến 60% so với trước. Trong thực tế, một số công ty và doanh nghiệp đã không phát huy được tác dụng, một số lại do công nợ lớn buộc phải giải thể hoặc sáp nhập vào doanh nghiệp khác (Công ty lương thực Kiên giang, Công ty lương thực Phú yên, Công ty lương thực Đắc lắc...).

c) *Về hệ thống kho tàng, nhà máy xay xát, chế biến.* Tổng diện tích kho của các doanh nghiệp trung ương và địa phương chứa được trên 2,1 triệu tấn lương thực, nhưng thực tế chỉ sử dụng 1,2 triệu tấn. Hiệu suất sử dụng kho ở khu vực Nam bộ đạt mức 60-70%, khu vực miền Bắc chỉ đạt bình quân 30%.

Về năng lực xay xát, chế biến, tính chung cả nước đạt 13 triệu tấn gạo/năm, trong đó khu vực quốc doanh - 4,4 triệu tấn (bằng 34%), khu vực ngoài quốc doanh - 8,6 triệu tấn (bằng 66%). Phần tái chế đánh bóng gạo xuất khẩu có thể đạt trên 2,2 triệu tấn gạo/năm. Nếu huy động ở mức cao hơn thì năng lực xay xát có thể đạt 15-16 triệu tấn gạo/năm, đáp ứng được nhu cầu xay xát gạo thông dụng trong thời gian trước mắt.

Công nghệ xay xát chế biến vừa qua được đầu tư vào khâu chế biến đánh bóng gạo là chủ yếu. Còn khâu xay xát từ thóc ra gạo thông dụng thì thành phần ngoài quốc doanh đảm nhiệm chủ yếu (với trên 7000 máy có công suất 3-5 tấn/ca) và để phục vụ tiêu thụ nội địa là chính.

Tuy vậy, trong lĩnh vực này, việc tổ chức quản lý hầu như còn thả nổi. Từng địa phương có hình thức đăng ký kinh doanh, thu thuế... khác nhau, và phần lớn là phân tán, buông lỏng, ít có sự kiểm tra giám sát.

d) *Về hiệu quả kinh doanh*

Năm 1988, vì còn bán lương thực theo 2 giá, nhà nước đã phải cấp bù lỗ trên 400

Digitized by Google

tỉ đồng. Năm 1989 nhà nước bắt đầu đi vào hạch toán kinh doanh, nhưng vẫn còn phải bù lỗ 150 tỉ đồng. Sau 1989, hàng năm nhà nước không còn phải bù lỗ cho kinh doanh lương thực. Nhiều đơn vị đã cố gắng để đứng vững trong cơ chế thị trường, nhưng những rủi ro thường xảy ra nên kết quả của từng công ty ở từng khu vực cũng khác nhau.

Ví dụ : năm 1990 hầu hết các công ty quốc doanh lương thực không bị lỗ ; năm 1991 các đơn vị quốc doanh lương thực trung ương đều có lãi, nộp ngân sách đầy đủ. Ở miền Bắc có 13/22 đơn vị kinh doanh lương thực có lãi. Ở Nam bộ có 10/12 công ty lãi trên 41 tỉ đồng, nộp ngân sách 37 tỉ đồng. Ở miền Trung có 9 công ty thì một số có lãi, số còn lại không bị lỗ.

Năm 1992, ngoài các đơn vị kinh doanh xuất khẩu có lãi, các đơn vị kinh doanh nội địa trong điều kiện giá hạ kéo dài nên hiệu quả hạn chế.

Năm 1993, các công ty xuất khẩu lương thực ở Nam bộ bị thua lỗ trên 118 tỉ (chủ yếu là do nhập phân bón bị lỗ), các công ty kinh doanh lương thực trong nước có chuyển hướng đa dạng như kinh doanh tổng hợp, mua nhanh bán nhanh...

Từ tình hình trên, có thể rút ra một số nhận xét về sự tồn tại và kết quả của kinh doanh lương thực ở nước ta hiện nay như sau :

- Đã tiêu thụ được phần lớn lương thực hàng hóa của nông dân, do đó có tác động tích cực trở lại đối với sản xuất.

- Do có nhiều thành phần tham gia lưu thông, kinh doanh lương thực nên việc điều hòa, cung ứng lương thực trong điều kiện sản xuất bình thường đã đáp ứng được yêu cầu lương thực của mọi tầng lớp dân cư, bảo đảm ổn định kinh tế xã hội của đất nước. Khối lượng lương thực xuất khẩu và lương thực dự trữ được giữ vững.

- Quốc doanh lương thực được sử dụng như một công cụ điều tiết thị trường bằng biện pháp đẩy mạnh bán ra khi giá tăng đột biến, mua khối lượng lớn lúa hàng hóa để giữ giá lúa. Chính trong điều kiện đó, quốc doanh lương thực đã có sự chuyển đổi về kinh doanh, vươn lên phát huy vai trò chủ đạo đối với thị trường.

Bên cạnh kết quả trên, mặt tồn tại và hạn chế trong kinh doanh lương thực cần được giải quyết là :

- Hoạt động kinh doanh lương thực đã chuyển sang cơ chế thị trường được 5 năm nhưng hệ thống các văn bản pháp quy thể hiện cơ chế kinh doanh mới chưa được hình thành để hướng dẫn quản lý, kiểm tra kiểm soát, điều tiết các thành phần tham gia kinh doanh, bảo đảm sự tương quan hợp lý của quốc doanh lương thực và các thành phần khác trong lưu thông.

- Bộ máy quốc doanh lương thực trung ương và địa phương còn bị cắt khúc, phân tán theo địa giới hành chính, trong khi thị trường lương thực mở rộng cả nước và hòa vào thị trường ngoài nước. Một số công ty mất phương hướng và mục tiêu trong kinh doanh lương thực, một số đơn vị bị thua lỗ nặng dẫn đến phải giải thể.

- Cũng do cơ chế hoạt động của kinh doanh và dự trữ lương thực chưa được quy định rõ, vốn dự trữ lưu thông lương thực hiện đã bị thu hồi. Vì vậy khi tình hình đột biến xảy ra, quốc doanh lương thực không có điều kiện vật chất để tham gia bình ổn giá.

- Giữa tiêu thụ nội địa và xuất khẩu lương thực, giữa dự trữ lưu thông và dự trữ quốc gia còn có nhiều tồn tại về tổ chức và quản lý phải giải quyết mới bảo đảm lưu thông, kinh doanh lương thực thông suốt, bảo đảm an toàn lương thực quốc gia và kinh doanh có hiệu quả.

II- *Dự kiến phát triển sản xuất kinh doanh lương thực ở nước ta đến năm 2000-2010 và một số giải pháp cơ bản*

Muốn đáp ứng nhu cầu sinh sống của 80-82 triệu dân vào năm 2000 chúng ta cần có 29-30 triệu tấn lương thực, trong đó có

Digitized by Google

26,5 triệu tấn thóc; và vào năm 2010 cần có từ 37 đến 38 triệu tấn lương thực, trong đó có 33-34 triệu tấn thóc. Nhu cầu nói trên đã tính đến cơ cấu bữa ăn có khẩu phần ca lo hợp lý và vấn đề sản xuất lương thực đã được đặt trong sự phát triển nông nghiệp toàn diện.

Tốc độ phát triển của sản xuất lương thực nước ta trong thời kỳ này đạt bình quân 1 năm từ 2-3%. Cụ thể là từ 1993-2000 đạt 2,3%, từ 2000-2010 đạt 2,1%. Như vậy, ước tính đến năm 2000 sản lượng lương thực hàng hóa đạt 10 triệu tấn và đến năm 2010 sản lượng lương thực hàng hóa đạt 11 triệu tấn.

Thực tế trong thời gian qua, do cơ cấu bữa ăn thay đổi, khẩu phần lương thực trong bữa ăn của nhân dân đã giảm đi (thời kỳ trước 1989 bình quân lương thực đầu người phi nông nghiệp là 12 kg gạo/người/tháng thì nay chỉ còn 8-10 kg gạo/người/tháng), vì vậy lương thực sẽ dồi dào, đủ cho tiêu dùng nội địa và xuất khẩu nhiều hơn.

Từ những mục tiêu cụ thể nêu trên chúng tôi cho rằng nhiệm vụ kinh doanh lương thực trong thời gian tới nên tập trung :

1) Xây dựng bộ máy quốc doanh lương thực đủ mạnh, hệ thống kho tàng, máy xay xát chế biến theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa phù hợp với đặc điểm của từng khu vực, làm công cụ quan trọng của nhà nước bảo đảm an toàn lương thực quốc gia.

2) Tổ chức tiêu thụ phần lớn lương thực hàng hóa cho nông dân , không để xảy ra tình trạng giá hạ trong thời gian thu hoạch, làm thiệt hại đến lợi ích của người sản xuất.

3) Bảo đảm lực lượng dự trữ, bán buôn để cùng với các thành phần kinh tế khác cung ứng kịp thời cho lực lượng vũ trang, cán bộ, công nhân và người phi nông nghiệp, giữ giá lương thực thị trường luôn được ổn định.

4) Xuất khẩu lương thực ở mức 2 triệu tấn gạo/năm với chất lượng gạo tốt và giá hợp lý.

Để thực hiện những nhiệm vụ trên, cần thực hiện tốt những giải pháp sau đây :

1- *Phấn đấu tăng sản lượng lương thực một cách vững chắc, bảo đảm mục tiêu sản xuất lương thực từng vùng, phù hợp với thị trường tiêu thụ.* Trước hết, cần xác định các chỉ tiêu sản xuất lương thực cho từng vùng, nhất là sản lượng lúa nhằm khai thác tối đa khả năng lương thực tại chỗ và thế mạnh của từng vùng. Nên tập trung sản xuất lương thực ở những vùng lúa có hiệu quả, có điều kiện tăng năng suất và hạ giá thành. Những vùng có khó khăn về đất đai, khí hậu cần bố trí sản xuất lương thực một cách hợp lý, có hiệu quả nhằm tăng khả năng đáp ứng lương thực tại chỗ, tạo điều kiện gắn sản xuất với tiêu thụ. Đối với vùng sản xuất thừa lúa phải nhanh chóng quy hoạch vùng sản xuất và chế biến lúa xuất khẩu phù hợp với thị hiếu, thị trường (trong nước và quốc tế).

2- *Chính sách giá tiêu dùng lương thực trước hết phải nhằm ổn định giá cả hợp lý ở mọi nơi, mọi lúc cho mọi người trong xã hội* Cần có chính sách bảo trợ giá trên cơ sở xác định "giá sàn" và "giá trần" làm căn cứ phấn đấu bình ổn giá. "Giá sàn" được tính trên cơ sở giá thành sản xuất của nông dân và có lãi hợp lý để bảo vệ quyền lợi cho người sản xuất. "Giá trần", được tính trên cơ sở tương quan với chỉ số giá chung, các yếu tố tăng giá (lạm phát, sức mua, giá cả thị trường...) để bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng.

Mức giá trên được tính bình quân cho cả nước, có chỉ đạo từng vùng và công bố hàng năm. Khi giá có biến động trên "giá trần" và dưới "giá sàn", nhà nước cần tác động bằng nguồn tài chính và nguồn lương thực dự trữ để bình ổn giá, ổn định sản xuất và tiêu dùng lương thực. Đối với vùng núi, vùng xa xôi hẻo lánh và với dân nghèo, chính sách giá phải khuyến khích nhân dân phát triển kinh tế tại chỗ, phát huy thế mạnh của vùng, tăng sức mua lương thực, dần dần bảo đảm cuộc sống. Nhưng trong thực tế hiện nay, ở những vùng nói trên, dân sản xuất

Digitized by Google

không đủ ăn, lương thực phải vận chuyển từ nơi xa đến. Do vậy, có thể có chính sách miễn thuế (doanh thu và lợi tức) cho các thành phần hoạt động kinh doanh để khuyến khích đưa lương thực lên vùng sâu, vùng xa. Đồng thời nhà nước có chính sách trợ cấp để các hộ đồng bào dân tộc nghèo đói ở miền núi có thể mua lương thực bảo đảm cuộc sống của họ.

- *Về chính sách tín dụng* : Do sản xuất lúa ở nước ta mang tính mùa vụ rõ rệt nên dẫn đến tình trạng vào vụ thu hoạch, khi nông dân cần bán, tư nhân không mua hết, quốc doanh lương thực không đủ tiền mua. Vì vậy, nên có chính sách cho vay vốn kinh doanh trực tiếp từ kho bạc với lãi suất ưu đãi để tăng khả năng mua của các tổ chức kinh doanh lương thực. Vừa qua quỹ bình ổn giá đã hỗ trợ một phần lãi suất vay cho một số doanh nghiệp, chính sách này cần được thực hiện một cách chủ động kịp thời trước thời vụ thu hoạch và lâu dài, tránh việc làm mang tính "chữa cháy", tức thời.

- *Về dự trữ lương thực* : Nhà nước nên cấp vốn một lần để mua đủ mức quy định và giao cho một số đơn vị quốc doanh lương thực bảo quản, đổi hạt theo nguyên tắc bảo toàn về lượng (mà không thể vừa bảo toàn về giá trị, vừa bảo toàn về lượng như quy định trong dự trữ lưu thông thời gian qua). Đồng thời thống nhất vào một hệ thống dự trữ và kinh doanh lương thực là hợp lý. Trong khi chưa thực hiện được việc tổ chức nêu trên thì cần duy trì quỹ dự trữ lưu thông lương thực nhằm tham gia bình ổn giá thị trường.

Công tác bảo quản lương thực cần tuân theo các quy chế nghiêm ngặt để giữ được phẩm chất, chống được hao hụt vô hình và hữu hình. Xây dựng bộ máy tổ chức dự trữ bảo đảm quay vòng đổi hạt kịp thời, hòa vào dòng lưu thông kinh doanh chung.

3- *Tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ:*

Thị trường thóc gạo là một vấn đề lớn trong chiến lược thị trường nông sản. Do đó, đối với thị trường trong nước cần bảo đảm lưu thông lương thực thông suốt với nhiều thành phần tham gia, có biện pháp phối hợp hoạt động giữa quốc doanh và các thành phần khác trong kinh doanh. Khuyến khích tư nhân phát triển màng lưới bán lẻ rộng khắp. Nhu cầu cung ứng cho quân đội và những đối tượng tiêu thụ lớn thì quốc doanh phải bảo đảm bán ra ổn định (nhu cầu bán buôn). Đối với từng yêu cầu thị trường và mục tiêu kinh doanh, quốc doanh lương thực phải đổi mới về bộ máy và phương thức kinh doanh để đem lại hiệu quả cao. Ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu long, quốc doanh lương thực chủ yếu làm nhiệm vụ tiêu thụ lúa hàng hóa cho dân, xuất khẩu và bán buôn. Ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung thì quốc doanh lương thực chủ yếu mua buôn, bán buôn, từng bước tiến lên kinh doanh xuất khẩu lúa gạo.

Ở thành phố và khu công nghiệp lớn quốc doanh lương thực hoạt động để chiếm lĩnh thị trường bán buôn, tổ chức mạng lưới bán lẻ ở một mức độ nhất định, từ đó có chi phối, hướng dẫn tư nhân phát triển kinh doanh rộng rãi lương thực trên địa bàn để ổn định tiêu dùng. Ở thị trường miền núi, cần mở mang đường giao thông, khuyến khích tư nhân kinh doanh lương thực đến tất cả các vùng. Các cửa hàng lương thực quốc doanh vẫn cần có mặt trên thị trường để phụ trách phần bán ra ở những nơi tư nhân không đảm đương được.

Tiến hành đăng ký kinh doanh lúa gạo, (nhất là các vùng trọng điểm lúa, khu công nghiệp lớn) để nắm chắc lực lượng và có định hướng, phối hợp hoạt động nhằm bình ổn giá có kết quả.

Đối với thị trường ngoài nước cần xây dựng được thị trường xuất khẩu ổn định, hạn chế dần xuất khẩu qua trung gian. Tiến tới trực tiếp ký những hợp đồng dài hạn với khối lượng xuất khẩu lớn. Mặt khác, tăng cường liên kết, liên doanh với nước ngoài, từ đầu tư khoanh vùng sản xuất tới bảo quản, xay xát, chế biến, bảo đảm sản phẩm có chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

Digitized by Google

4- Kiện toàn bộ máy quốc doanh lương thực một cách hợp lý và tăng cường quản lý nhà nước về lưu thông lương thực

Trong cơ chế thị trường, nhà nước vẫn phải có chính sách bình ổn thông qua các biện pháp vĩ mô và sử dụng quốc doanh làm một công cụ điều tiết có thực lực. Như vậy, cùng với việc khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia lưu thông kinh doanh lương thực, phải xác định nhiệm vụ chủ yếu của quốc doanh lương thực là tiêu thụ lúa hàng hóa cho dân, bán buôn, dự trữ bình ổn và xuất khẩu lương thực.

Để tương ứng với nhiệm vụ, hướng lâu dài nên tổ chức một Tổng công ty lương thực thống nhất trong cả nước. Nhưng do đặc điểm sản xuất và tiêu thụ lương thực của từng vùng trước mắt nên thành lập 2 Tổng công ty lương thực ở miền Nam và miền Bắc (bao gồm cả các Công ty lương thực tỉnh).

Cần tăng cường chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động lưu thông lương thực, bao gồm định hướng, quy hoạch, kế hoạch và cân đối lương thực trong phạm vi cả nước (cả nội tiêu và xuất nhập khẩu). Một loạt các vấn đề mới nảy sinh trong cơ chế thị trường (của quốc doanh lương thực cũng như của các thành phần kinh tế trong xã hội tham gia kinh doanh lương thực) như : chính sách kinh doanh, tiêu dùng, dự trữ, quản lý thị trường lương thực ; các chế độ tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và kinh doanh chế biến lương thực; đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý, đào tạo bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ ngành v.v. đều cần được cơ quan chức năng nghiên cứu đề xuất, trình Nhà nước ban hành. Những vấn đề trên, nếu chỉ dừng lại ở chức năng quản lý liên ngành, mà xem nhẹ tính quản lý đặc thù chuyên ngành thì sẽ dẫn tới sự buông lỏng quản lý đối với một sản phẩm quan trọng thiết yếu, trong xã hội ❑

Gương mặt...

(Tiếp theo trang 25)

Ở Anh, Hiến chương Ma-na Cac-ta năm 1215, đã dẫn đến việc phát triển nghị viện, song mãi đến năm 1928 (tức là 713 năm sau Hiến chương) phụ nữ mới được quyền bầu cử.

Còn nữa. Việc Mỹ đơn phương đưa quân vào Xô-ma-li để làm gì ? Phải chăng để giúp nhân dân Xô-ma-li cứu đói ? Phải chăng là việc làm nhân đạo ? Hay đây thực chất là dùng chiêu bài "quyền con người" để xen vào nội bộ nước khác, xâm phạm chủ quyền, áp đặt trắng trợn đối với các nước nghèo và nhỏ ? Lẽ nào, các "công dân" có đầu óc thông thái lại không thấy được những điều như vậy!

Thiết nghĩ, không phải là thừa khi nhắc lại ở đây những lời hối hận muộn màn của một số người tuy rất tâm huyết nhưng có lúc đã không hiểu hết cái bả "tự do, dân chủ, nhân quyền", chuốc lấy thảm họa cho đất nước và cho chính bản thân mỗi con người. Nhà thơ Nga E.Ép-tu-sen-cô bộc bạch : Những điều gì đã xảy ra với giới trí thức, trong đó có tôi! Có lẽ vì chúng tôi không biết thế nào là tự do, cho nên chúng tôi đã lý tưởng hóa tự do. Thí dụ, chúng tôi đã cho rằng, tự do ngôn luận là chìa khóa vàng mở ra thịnh vượng. Nhưng hóa ra hoàn toàn không phải thế, vì không thể ăn tự do ngôn luận, không thể mặc bằng tự do ngôn luận, không thể dùng tự do ngôn luận để sưởi nhà khi mùa đông giá rét. Ngoài ra vì lý tưởng hóa tự do, chúng tôi đã nghĩ rằng, tự do chỉ có gương mặt sáng trong.

Cuối cùng, tôi cũng muốn nhắc lại lời của Văn phòng báo chí Quốc vụ viện Trung quốc : Do bối cảnh lịch sử, chế độ xã hội, nền văn hóa và sự phát triển kinh tế khác nhau dẫn đến nhận thức của các nước về nhân quyền và chính sách bảo vệ nhân quyền cũng khác nhau. Nếu dùng vấn đề nhân quyền làm mục đích chính trị hòng làm thay đổi chế độ chính trị xã hội của một nước thì chỉ có thể làm cho sự nghiệp bảo vệ nhân quyền trên thế giới bị tiêu tan mà thôi ❑

Digitized by Google

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH với việc xóa đói giảm nghèo

ĐĂNG NGỌC

THÀNH phố Hồ Chí Minh là một địa bàn kinh tế phát triển, thu nhập bình quân đầu người một năm đạt 700-800 USD, cao nhất nước. Nhưng số hộ nghèo ở 12 quận nội thành và 6 huyện ngoại thành (trong đó có 12 xã anh hùng, 25 xã là căn cứ cách mạng cũ), còn khá lớn, tới gần 60 nghìn hộ, chiếm tỷ lệ 6,2% tổng số hộ toàn thành phố. Tính trung bình, sự chênh lệch giữa hộ giàu và hộ nghèo là 8 lần, ở các huyện ngoại thành tỷ lệ này là 10 lần.

Ban thường vụ Thành ủy đã chủ động đề ra chương trình xóa đói giảm nghèo (XĐGN) từ 4-1992 với mục tiêu đến 30-4-1995 xóa hộ đói, tiến tới giảm hộ nghèo. Bài viết này điểm những việc làm và hiệu quả của phong trào ở TP Hồ Chí Minh trong hơn 2 năm qua nhằm góp thêm kinh nghiệm vào chương trình XĐGN chung của cả nước.

Tính đến hết tháng 10-1994, thành phố đã trợ giúp cho 41 172 hộ, bằng 75% tổng số hộ nghèo đói thuộc đối tượng của chương trình. Trong số này có 40.502 hộ nghèo đói được vay vốn làm ăn, sinh sống, 272 hộ được giải quyết đất đai và hơn 70.000 lao động được giải quyết việc làm. Có 188/282 xã, phường đã cơ bản hoàn thành trợ vốn cho số hộ nghèo, trong đó có 12 xã anh hùng và 25 xã vốn là căn cứ địa cách mạng. Đã cấp hơn 10.000 sổ khám, chữa bệnh cho các hộ là đối tượng của chương trình. Nhìn chung, số hộ được sự trợ giúp của chương trình đã từng bước giảm bớt khó khăn trong cuộc sống ; có hộ kinh tế gia đình đạt mức khá. Một số xã, phường đã hoàn thành mục tiêu xóa hộ đói và đang tiếp tục giúp bà con thoát khỏi cảnh nghèo.

Trong phong trào đã xuất hiện nhiều mô hình và điển hình tốt. Các huyện Thủ đức, Bình chánh được đánh giá là nơi sử dụng đồng vốn đạt hiệu quả cao nhất. Ở huyện Thủ đức có 6050 gia đình nghèo nhờ vốn vay của chương trình đã ổn định được cuộc sống. Mặt trận tổ quốc huyện Bình chánh đã khai thác các điều kiện thuận lợi của địa phương, liên kết với Công ty Thủy Cần (của trung ương) đóng trên địa bàn huyện trợ giúp các hộ đói nghèo đi lên từ chăn nuôi gà, chim cút bằng cách cho vay trả vốn chậm, cung cấp con giống và giúp bao tiêu sản phẩm. Mặt trận Tổ quốc huyện Củ chi cũng đã giúp đỡ được gần 5 nghìn gia đình nghèo.

Ở nội thành, tổ dân phố 3 phường 25 quận Bình thạnh là tổ đầu tiên thực hiện chủ trương "mỗi tổ dân phố tự tạo quỹ XĐGN để giúp cho 1 hộ trong tổ". Kết quả là ngay từ những ngày đầu đã quyên góp được 620 nghìn đồng, trợ vốn cho 5 lượt hộ. Phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, xây dựng mô hình gắn chương trình XĐGN với công tác quản lý địa bàn, cảm hóa đối tượng. Xóm Tĩnh là nơi có tiếng về tệ nạn xã hội và mất an ninh trật tự. Từ ngày có phong trào XĐGN, chính quyền và công an ở đây một mặt giáo dục, động viên những người hoàn lương, mặt khác giới thiệu, giúp đỡ họ có việc làm ổn định. Chính họ sau này đã tham gia vào lực lượng dân phòng, góp phần tạo ra cuộc sống bình yên cho khu xóm. Phường 2,

Digitized by Google

quận 10 đã chú ý gắn công tác XĐGN với việc bài trừ tệ nạn xã hội. Nơi đây có nhiều người chuyên sống bằng nghề chủ chứa, gái mại dâm. Hội Liên hiệp phụ nữ cùng với Mặt trận Tổ quốc của phường đã xây dựng đề án giáo dục kết hợp với hướng dẫn, tạo điều kiện cho họ tự tổ chức cuộc sống thông qua chương trình XĐGN. Chỉ sau một thời gian thực hiện, nhiều chủ chứa đã bỏ nghề và trở về làm ăn lương thiện. Phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, mở lớp dạy nghề may thêu tạo công ăn việc làm cho hơn 20 cháu gái từ 14-22 tuổi có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Chị Hồ Thị Ánh ở phường 15, quận Phú Nhuận được Ban chỉ đạo XĐGN phường giúp vốn ban đầu 500 nghìn đồng, sau đó thêm 1 triệu đồng để buôn gạo. Bây giờ chị đã có cuộc sống ổn định. Chị cảm động nói : "Tôi cảm ơn các cấp chính quyền, đã giúp tôi lấy lại lòng tin với mọi người, không hổ thẹn với gia đình". Ở xã Bình phước, huyện Bình chánh có hộ tự nguyện thế chấp nhà mình để vay 2 triệu đồng vốn của ngân hàng, cùng với 50 hộ nghèo của xã đắp bờ bao ngăn mặn 40 ha đất hoang đưa vào sản xuất.

Phong trào XĐGN đã gắn phong trào sản xuất phát triển kinh tế gia đình với phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, ngăn chặn tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn hóa và việc làm hướng thiện. Từ phong trào XĐGN đã hình thành những tổ, nhóm, hợp tác kinh tế tự nguyện, như: tổ đắp bờ bao ngăn mặn, tổ nuôi gà, vịt, tổ trồng táo... Phong trào đã khơi dậy được nhiều nhân tố tích cực, phát huy được lòng nhân ái, tình làng nghĩa xóm, người giàu chia sẻ cho người nghèo, đồng bào lương, giáo và các dân tộc anh em đùm bọc lẫn nhau, tập hợp được rộng rãi quần chúng.

II Từ kết quả bước đầu của phong trào XĐGN ở TP Hồ Chí Minh, có thể rút ra một số vấn đề :

1.- Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể nhân dân TP Hồ Chí Minh coi XĐGN không chỉ đơn thuần là việc làm từ thiện, mà còn là một trong những mục tiêu của chương trình kinh tế - xã hội. Thành phố Hồ Chí Minh là một địa bàn kinh tế trọng điểm năng động, có tốc độ phát triển kinh tế cao, nhưng hiện tượng đói và nghèo vẫn còn không ít và nếu không có biện pháp khắc phục, sẽ có chiều hướng tăng. Tình trạng này do nhiều nguyên nhân. Đó là do sự phân hóa dân cư trong nền kinh tế thị trường dẫn tới một bộ phận công dân neo đơn, bệnh tật, rủi ro, thiếu vốn và thiếu kinh nghiệm làm ăn. Nếu coi XĐGN là một công việc từ thiện thì chỉ mới là lòng thương cảm, phong trào dễ đánh trống bỏ dùi và không huy động được sức mạnh tổng hợp. Coi XĐGN là một trong những mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương, chính là xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể nhân dân các cấp phải làm thường xuyên, chủ động và có kế hoạch.

Hơn 2 năm thực hiện, chương trình XĐGN đã tỏ rõ là một chủ trương đúng đắn, hợp lòng dân, có tác dụng phát huy truyền thống cách mạng và đạo đức dân tộc ; đồng thời góp phần thực hiện các Nghị quyết của Trung ương về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức quần chúng...

2.- XĐGN ở TP Hồ Chí Minh đã thành phong trào mang tính xã hội sâu rộng. Ngay từ đầu Thành ủy đã xác định XĐGN là một chương trình của toàn dân, toàn xã hội. Con số 40 tỷ đồng tiền vốn mà quỹ XĐGN có được và đang tiếp tục gia tăng đã chứng minh điều đó. Nguồn vốn 40 tỷ đồng bao gồm một phần do ngân sách của thành phố, một phần huy động từ các đơn vị kinh tế trên địa bàn quận, huyện, kể cả các công ty liên doanh với nước ngoài, các tổ chức phi chính phủ. Nhưng nguồn hết sức quan trọng và to lớn là từ nhân dân, "dựa vào sức dân để chăm lo cho dân". Chỉ có khơi dậy được nguồn lực từ trong dân mới có thể đáp ứng được nguồn vốn cho phong trào. Ban chỉ đạo XĐGN của thành phố cùng với Mặt trận Tổ quốc

Digitized by Google

kết hợp với các phương tiện thông tin đại chúng phát động một đợt ủng hộ quỹ XĐGN từ ngày 1-4 đến ngày 30-4-1994 với khẩu hiệu "Mỗi người dân ủng hộ ít nhất quỹ XĐGN 1.000 đ". Qua vận động, tuyên truyền, đã khơi dậy ý thức tự nguyện, tự giác của từng người, từng hộ, không áp đặt và phân bổ theo kiểu hành chính. Khẩu hiệu tiết kiệm tiêu dùng để ủng hộ quỹ XĐGN đã được nhân dân hưởng ứng, tạo ra phong trào rộng rãi làm cho chủ trương XĐGN thật sự mang tính xã hội.

Ông Phạm Văn Võ, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc phường 21 quận Bình thạnh nói: "Trước đây, khi chưa phát động phong trào XĐGN, thì ngay người hàng xóm của mình nghèo mình cũng không biết họ nghèo đến mức nào, thậm chí biết cũng làm ngơ. Nhưng khi có phong trào thì qua điều tra, biết được người hàng xóm mình hơn và ý thức giúp đỡ hộ nghèo đã bắt đầu đi sâu vào mỗi gia đình, ra đường gặp cảnh nghèo khó có thể làm ngơ".

Bác Ba Huyện, thư ký Hội phụ lão Ấp Gia bẹ, xã Trung lập hạ, huyện Củ chi nói : "Nhiều người cứ nghĩ rằng hội phụ lão làm sao tham gia được việc XĐGN, nhưng khi phát động phong trào, chúng tôi đã chủ động liên kết với phường 12 quận 11 vay vốn, cộng với vốn của hội quyên góp đã lập ra cửa hàng vật tư nông nghiệp mua phân đạm trực tiếp từ cảng về phân phối cho các hộ nghèo, kết quả là 11 gia đình nghèo đã vượt qua được và đang làm ăn khá. Chính hội phụ lão ấp Gia bẹ đã đi vận động được một số vốn lớn để xây dựng 1 trường tiểu học rất khang trang".

Trên từng địa bàn dân cư, tùy theo điều kiện và hoàn cảnh cụ thể đã có những phương pháp, cách làm phù hợp. Nếu quận Bình thạnh có phong trào "một tổ dân phố giúp đỡ một hộ đói nghèo" thì ở Củ chi có phong trào "9 hộ khá giúp 1 hộ nghèo".

Rõ ràng, phong trào XĐGN đã tác động, khơi dậy nhiều khả năng từ mọi giới, mọi ngành, mọi nhà. Các hình thức giúp vốn, cho mượn đất sản xuất, hướng dẫn kinh nghiệm làm ăn và những lời động viên để củng cố niềm tin đã mang tính cộng đồng cao, giúp cá nhân với cá nhân, giúp cộng đồng với toàn dân, tạo điều kiện tăng cường khối đoàn kết.

3.- Phong trào xóa đói giảm nghèo được xã hội hóa, nhưng luôn luôn phải có lực lượng nòng cốt. Mặt trận Tổ quốc thành phố và cơ sở xã, phường cùng với các đoàn thể quần chúng được coi là lực lượng nòng cốt, đã làm chỗ dựa tin cậy cho các cấp ủy đảng và chính quyền. Từ quận, huyện đến xã, phường đều hình thành ban chỉ đạo XĐGN, mà Mặt trận Tổ quốc là một thành viên. Có nơi như quận Bình thạnh Mặt trận Tổ quốc của quận được sự tín nhiệm cao đã đóng vai trò thường trực của ban chỉ đạo XĐGN ở quận, quản lý nguồn vốn gần 3 tỷ đồng, đảm nhiệm từ khâu điều tra, phúc tra, đến việc phân phối nguồn vốn, xây dựng một trung tâm dạy nghề. Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc thành phố có kế hoạch hướng dẫn hệ thống Mặt trận Tổ quốc 6 huyện ngoại thành và được Ban XĐGN của thành phố phân công phụ trách phong trào XĐGN ở quận Nhà bè để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung cho phong trào. Mặt trận Tổ quốc thành phố đã lấy từ nguồn kinh phí của mình 40 triệu đồng để hỗ trợ cho các huyện ngoại thành. Nguồn vốn này cùng với nguồn vốn của quỹ XĐGN theo chương trình quốc gia và nguồn đóng góp khác đã mang lại hiệu quả thiết thực cho chương trình XĐGN ở các huyện ngoại thành. Đồng chí Võ Trần Chí, Bí thư Thành ủy đã khẳng định : "Mặt trận Tổ quốc thành phố và các đoàn thể quần chúng đã đóng vai trò chủ yếu trong việc thực hiện chương trình này".

Cán bộ Mặt trận bám cơ sở, đến với từng gia đình để nắm tình hình đời sống của dân, đề xuất các biện pháp giải quyết, đã làm cho hoạt động của Mặt trận ngày càng thiết thực, được lòng dân và để lại nhiều ấn tượng đẹp đẽ trong dân. Phong trào XĐGN đã góp phần thay đổi nếp nghĩ,

Digitized by Google

nếp làm, nâng cao năng lực, uy tín của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng.

4.- Muốn XĐGN có kết quả phải biết sử dụng đồng bộ các biện pháp *trực tiếp* (vốn, đào tạo, dãn dân) và *gián tiếp* (xây dựng cơ sở hạ tầng, y tế, văn hóa, giáo dục). Đặc biệt là vấn đề sử dụng vốn. Có được đồng vốn, nhưng để vốn đến được đúng đối tượng không phải dễ. Ban chỉ đạo XĐGN của các quận, huyện, phường, xã với cơ cấu phù hợp đã phải tiến hành việc điều tra, thống kê, phúc tra rất tỉ mỉ, thấy rõ nguyên nhân đói nghèo của từng hộ (mà vẫn còn những trường hợp trùng lặp, hoặc không đúng đối tượng ; có hộ được cấp vốn XĐGN đi mua đầu máy karaôkê). Việc phân chia đồng vốn không phải là bình quân mà theo yêu cầu cụ thể của từng hộ nghèo và thời gian hoàn vốn được thỏa thuận giữa bên giao và bên nhận. Không ít nơi chỉ nghĩ đơn giản có đồng vốn rồi cứ chia đều cho các hộ là xong. Thực tế cho thấy xã, phường nào cũng có những hộ không biết tính toán, không tìm được cách làm ăn, do đó không dám vay vốn. Vì vậy, có những địa phương tồn đọng hàng trăm triệu đồng vốn. Trái lại, có những hộ cấp vốn rồi lại ném vào những canh bạc, xì ke, ma túy, hoặc không chịu làm ăn...

Trước những đối tượng như vậy, nếu không kiên trì thuyết phục và có sự hướng dẫn thì phong trào bị giảm ý nghĩa.

III Năm 1995, bên cạnh việc hoàn thành cơ bản mục tiêu xóa hộ đói vào dịp 30-4-95, Thành phố còn phải giúp cho 45 nghìn hộ giảm nghèo. Tổng cộng chương trình XĐGN sẽ phấn đấu giúp cho 100 nghìn hộ có công ăn việc làm. Trong quá trình thực hiện chương trình XĐGN của thành phố, đã nảy sinh không ít vấn đề mới. Một số xã phường cho rằng : Vốn cho XĐGN còn thiếu rất nhiều ; để giải quyết vấn đề này, bên cạnh việc phát triển nguồn vốn bằng huy động, vận động, đóng góp, ủng hộ, cho vay trong các tầng lớp nhân dân, đẩy mạnh việc luân chuyển trong quỹ hiện có, Thành phố nên thí điểm lập "quỹ tín dụng cho người nghèo" - một hình thức như quỹ tín dụng nhân dân, nhưng lãi xuất nhẹ hơn và việc cho người nghèo vay dựa vào sự tín chấp là chính. Tập thể, cộng đồng nơi họ đang sống đứng ra bảo lãnh. Có như vậy thì nguồn vốn mới được mở rộng và vững chắc.

Thực tế 2 năm qua, nhiều nơi chưa xác định XĐGN là một chính sách kinh tế - xã hội. Nay từng địa phương, cơ sở cần gắn chương trình XĐGN với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Có như vậy mới có phương pháp đầu tư và chỉ đạo thích hợp.

Đi đôi với việc trợ giúp vốn, cũng cần có các biện pháp đồng bộ khác, đặc biệt chú ý mở rộng nhiều trung tâm dạy nghề hơn nữa, coi đây là một biện pháp rất quan trọng. Bởi vì, có rất nhiều hộ ở ngoại thành, trước đây họ có đất để sinh sống, nay quá trình đô thị hóa, nhà máy xí nghiệp mọc lên, nhiều gia đình phải dời về sống trong các căn hộ chung cư, số tiền đền bù của họ qua thời gian đã không còn nữa, nếu không có nghề trong tay thì họ sẽ trở thành những người bị bần cùng hóa.

Đồng thời với việc giảm nghèo, phải có kế hoạch chống tái đói, vì làm ăn trong thời buổi kinh tế thị trường không tránh khỏi những rủi ro. Với đồng vốn ban đầu, nếu các hộ không mở rộng được sản xuất, không có tay nghề vững, thì trước sau cái đói sẽ lại bám lấy họ.

Xác định chương trình XĐGN là mục tiêu chiến lược lâu dài thì phải có đội ngũ cán bộ chuyên trách. Từ trước đến nay số cán bộ của chương trình XĐGN, phần lớn là kiêm nhiệm, chủ yếu dựa vào sự tự nguyện với lòng nhiệt tình, nhưng họ thiếu nghiệp vụ về ngân hàng, tài chính, kế toán; cộng vào đó là chế độ đãi ngộ chưa thích đáng nên hiệu quả công tác còn có hạn chế nhất định ❑

Digitized by Google

CHUNG QUANH VIỆC XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LỆNH VỀ ĐÊ ĐIỀU Ở YÊN PHỤ - NHẬT TÂN (HÀ NỘI)

Lời BBT : ***Thực hiện quyết định của Thủ tướng chính phủ, vừa qua việc xử lý bước 1 những vi phạm Pháp lệnh về đê điều ở Yên phụ - Nhật tân (Hà nội) đã được tiến hành một cách nghiêm túc, có hiệu quả, được đông đảo nhân dân đồng tình. Để kịp thời rút kinh nghiệm chỉ đạo thực hiện các bước tiếp theo, phóng viên TCCS đã phỏng vấn đồng chí Lương Ngọc Cừ, Phó chủ tịch UBND thành phố Hà nội, chung quanh vấn đề này.***

Dưới đây là một số câu hỏi và trả lời.

Câu hỏi 1 : *Ngoài những tin mà các phương tiện thông tin đại chúng đã đưa về thực trạng vi phạm Pháp lệnh về đê điều ở Yên phụ - Nhật tân, đồng chí có thể cho biết thêm những gì cần thiết?*

Trả lời : Trước hết, tôi phải nói rằng đê sông Hồng đã có lịch sử từ thời nhà Lý. Con đê có được như hôm nay là kết tinh mồ hôi, công sức của bao đời đã tu bổ, gia cố, phát triển thêm dần từ thượng lưu xuống hạ lưu sông Hồng. Vị trí trọng yếu nhất là đoạn đê bảo vệ nội thành, trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa và khoa học lớn của cả nước, với chiều dài 8,2 km trên bờ nam sông Hồng ; đoạn đê này được xếp là đoạn đê *siêu cấp*. Đặc điểm của đoạn đê này là đê kết hợp làm đường giao thông đi qua một số điểm dân cư đông đúc, cho nên nhân dân đã dùng tuyến giao thông trên đê làm nơi buôn bán - dịch vụ. Từ khi chuyển sang cơ chế thị trường, đất nước khởi sắc, nhịp độ đô thị hóa nhanh hơn, bên cạnh những kết quả tích cực cũng nảy sinh những mặt tiêu cực. Các hành vi vi phạm an toàn đê đã diễn ra đa dạng và phức tạp : lấy đất ở chân đê làm gạch, đổ nền nhà ; mở rộng đất canh tác lấn vào chân, mái đê ; dựng lều lán và để vật liệu buôn bán trên mặt đê, làm nhà ở và kinh doanh trên thân, mái đê ; đổ phế thải, đào giếng, bể phốt gần chân đê... Chỉ tính riêng hai năm 1993 và 1994 đã có tới 1 974 vụ xây dựng vi phạm phải xử lý dỡ bỏ, trong đó có 1 123 lều lán, 516 nhà... Đặc biệt nghiêm trọng là những vụ xây dựng vi phạm ở đoạn đê Yên phụ, Quảng an, Tứ liên, Nhật tân (gọi tắt là Yên phụ - Nhật tân). Từ khi khu vực ven Hồ Tây được quy hoạch thành khu du lịch - dịch vụ, thì tình trạng mua bán, chuyển nhượng nhà - đất, xây nhà, với mục đích chủ yếu là kinh doanh kiếm lời ngày càng sôi động. Đoạn đê này dài khoảng 4,2 km đã có 883 ngôi nhà nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ đê, trong đó có 46 nhà 4-6 tầng, 232 nhà hai tầng, 543 nhà một tầng và nhà cấp 4 ; 1/3 các nhà nêu trên đã được xây dựng sau khi Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Pháp lệnh về đê điều (16/11/1989). Cũng cần nói thêm là, vừa qua ở đoạn đê xung yếu này có phát hiện thấy một số vết nứt. Có vết nứt ở một số ngôi nhà và phần tiếp giáp giữa hai nhà gần nhau ; có vết kéo dài đến mép mặt đê. Một số vết nứt dọc trên mặt đường nhựa từ K62+680 đến K62+880. Nhưng kết quả khảo sát cho thấy, nhiều vết nứt trên đoạn đê này chưa hẳn đã do làm nhà gây ra. Chúng tôi đang tiếp tục nghiên cứu làm rõ nguyên nhân để có biện pháp xử lý bảo vệ đê. Nhưng cũng phải nói thêm rằng, mái đê ở tuyến đê Yên phụ - Nhật tân bị lấn chiếm gần như hoàn

Digitized by Google

toàn bởi các phần phụ của các ngôi nhà, còn khung và phần chịu lực chính của nhà hầu như đa số nằm sát chân đê, cá biệt có trường hợp lấn sâu vào chân đê từ 0,5 đến 1,5m. Phát hiện được 4 giếng đào trong phạm vi hành lang bảo vệ đê ở phía sông. Việc bảo vệ đê, đặc biệt là những con đê xung yếu như đê sông Hồng, không đơn giản như một số người nêu ra. Về nguyên tắc kỹ thuật, việc bảo vệ đê là phải thường xuyên theo dõi kiểm tra, cho nên thân, mái đê và hành lang bảo vệ phải được giải phóng, không cho phép có các vật cản, gây khó khăn cho việc theo dõi, đúng như những quy định trong Pháp lệnh về đê điều và Nghị định số 429/HĐBT ngày 15/12/1990 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định việc thi hành Pháp lệnh về đê điều. Vì thế, chúng tôi đã cùng với Bộ thủy lợi gấp rút tính toán xử lý kỹ thuật, xong trước mùa mưa lũ năm 1995. Mục tiêu đề ra là phải trả lại mái và lưu không tối thiểu cho con đê, để tiếp tục kiểm tra, xử lý kịp thời những khiếm khuyết của nó. Cho đến nay, các công việc đang được triển khai và thi công khẩn trương, đúng tiến độ và bảo đảm kỹ thuật.

Câu hỏi 2: *Như đồng chí đã nói, số vụ vi phạm Pháp lệnh về đê điều ở Hà nội rất nhiều , số vụ được xử lý dứt điểm ngay từ đầu cũng không ít. Vậy tại sao có tình trạng dây dưa, thiếu kiên quyết, dẫn đến những vi phạm ồ ạt và nghiêm trọng như ở đoạn đê Yên phụ - Nhật tân, làm lãng phí hàng tỉ đồng do phải phá dỡ nhà vi phạm hành lang bảo vệ và tu bổ lại con đê ?*

Trả lời: Phải nói thẳng rằng, qua những vụ việc cụ thể mới thấy được hiệu lực của bộ máy chính quyền còn thấp. Ví dụ, cán bộ quản lý đê chỉ dừng lại ở mức lập biên bản các vụ vi phạm, báo cáo chính quyền xử lý. Có những trường hợp người vi phạm bị lập tới 3-4 lượt biên bản, yêu cầu đình chỉ xây dựng, nhưng chủ hộ vẫn cứ xây. Có 7 trường hợp xây dựng không phép nhưng rồi vẫn được tiếp tục thi công do đã được chính quyền sở tại hoặc thanh tra xây dựng "phạt cho tồn tại". Quận Ba đình có 50 trường hợp đã có quyết định dỡ bỏ nhưng không được thực hiện... Một số hộ khác lợi dụng giấy phép cho sửa nhà 1 tầng, làm luôn nhà cao tầng, mà vẫn không được kiểm tra ngăn chặn kịp thời, có bị phát hiện thì cũng chỉ xử lý hành chính ở mức độ nhẹ, công trình vẫn ngang nhiên tồn tại.

Nghiêm trọng hơn cả là tình trạng thiếu phối hợp, thiếu thống nhất ngay trong guồng máy chính quyền. Tôi nói như vậy không quá đâu. Nó thể hiện ở sự chỉ đạo xử lý những vi phạm đầu tiên đã không có sự thống nhất, kiên quyết, nghiêm minh giữa cấp trên và cấp dưới, giữa các bộ phận chức năng có liên quan. Ví dụ trường hợp nhà ông Nguyễn Phượng 3 tầng ở 30-32 Nghi tàm, đội quản lý đê nội thành đã 4 lần lập biên bản yêu cầu đình chỉ, phá dỡ. UBND quận Ba đình ra Quyết định số 1229/QĐ-UB ngày 21/11/1990 cũng không đem lại hiệu lực. UBND thành phố ra Thông báo số 09/TB-UB ngày 30/1/1992, khẳng định Quyết định số 1229/QĐ-UB của quận Ba đình là đúng pháp luật, nhưng thông báo trên vẫn không được thực thi. Đại diện của Vụ dân nguyện của Quốc hội đã phát biểu ngày 16/7/1991 tại hội nghị của UBND thành phố rằng (tôi xin nêu nguyên văn) : "Không đập phá nhà ông Phượng và những trường hợp tương tự khác ở khu vực này và xử phạt hành chính cho công trình tồn tại và sử dụng...". Và nhiều ví dụ khác ... Trong kế hoạch số 597/KH-UB ngày 21.3.1995 của UBND thành phố Hà nội để thực hiện Quyết định số 158/TTg ngày 16/3/1995 của Thủ tướng Chính phủ, chúng tôi đã phân tích sâu sắc nguyên nhân, xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cá nhân và của từng hộ vi phạm.

Câu hỏi 3 : *Đồng chí cho biết cụ thể hơn về những nguyên nhân vi phạm Pháp lệnh về đê điều ở đoạn đê Yên phụ-Nhật tân ?*

Trả lời : Để tìm nguyên nhân vi phạm pháp lệnh về đê điều ở đoạn đê này, chúng tôi đã bàn bạc nhiều lần, bởi vì có xác định đúng nguyên nhân mới có giải pháp xử lý

Digitized by Google

thấu tình, đạt lý và giữ nghiêm kỷ cương phép nước.

Về *nguyên nhân khách quan*, phải nói đến tính lịch sử của vùng dân cư này. Trước năm 1963, khi chưa có Điều lệ bảo vệ đê điều, thì nơi đây là ngoại thành, dân cư sinh sống trên đất thổ cư sát chân đê. Từ năm 1976 đê được mở rộng, kết hợp làm đường giao thông, nên số nhà nằm trong hành lang bảo vệ đê theo Pháp lệnh về đê điều tăng lên. Nhiều nhà, phần thì do sử dụng lâu ngày nên hư hỏng, phần thì do số nhân khẩu trong gia đình tăng, đòi hỏi phải sửa chữa, cải tạo, cơi nới, xây dựng thêm, trong khi đó nhà nước chưa bố trí được kinh phí để di chuyển các hộ này ra khỏi hành lang bảo vệ đê. Bên cạnh thực trạng do lịch sử để lại, xu thế đô thị hóa nhanh, mà đây lại là vùng có tiềm năng kinh doanh du lịch - dịch vụ, cho nên việc lấn chiếm đất mua bán nhà đất, kinh doanh kiếm lời, càng làm cho tình hình thêm trầm trọng.

Về *nguyên nhân chủ quan* : Tình trạng buông lỏng, hữu khuynh, thiếu sự phối hợp và kết hợp đồng bộ bắt đầu từ những cá nhân, cơ quan thực thi pháp luật. UBND các quận, huyện, phường, xã và các ngành chấp hành văn bản, chỉ thị của thành phố về thực hiện Pháp lệnh về đê điều chưa nghiêm túc ; việc kiểm tra, đôn đốc thực hiện của thành phố chưa sát sao. Do đó, những lúc cần phải thống nhất quan điểm để kịp thời xử lý thì các ý kiến, phương án đưa ra lại rất khác nhau, gây lúng túng, chờ đợi, làm phân tán lực lượng trong quản lý, thi hành pháp luật. Nói tóm lại là hiệu lực quản lý nhà nước thấp. Thực trạng đó một mặt bắt nguồn từ sự biến chất của một số cán bộ, bị đồng tiền lôi cuốn đã bất chấp kỷ cương phép nước, cố ý xây dựng để thu lợi trong kinh doanh. Mặt khác, cơ chế vận hành của bộ máy hành chính, vừa sơ hở, có những "khoảng trống" dễ bị lợi dụng, thao túng, vừa chồng chéo về chức năng, cán bộ có quyền mà không có lực, khiến việc giải quyết công việc thường chậm chạp, trì trệ. Tình trạng vừa quan liêu cửa quyền vừa buông lỏng quản lý là hai mặt của cùng một căn bệnh - coi thường kỷ cương, pháp luật. Bộ máy hành chính bị vô hiệu hóa, từ những xử lý nhỏ không có kết quả đã lây lan và bung ra thành vi phạm lớn, là do chúng ta không kiên quyết triệt để ngay từ đầu.

Câu hỏi 4 : *Chúng tôi được biết việc thi công trả lại thân, mái đê và hành lang cho đoạn đê Yên phụ - Nhật tân đang được tiến hành khẩn trương, đúng tiến độ. Các bước xử lý của UBND thành phố Hà nội đang được nghiêm chỉnh chấp hành. Vậy qua sự việc này, theo đồng chí, cần rút ra những bài học gì ?*

Trả lời : Trong chuyến đi kiểm tra tại chỗ ngày 9/4/1995, Thủ tướng Chính phủ đã nhắc nhở thành phố Hà nội phải phấn đấu làm tốt hơn nữa việc triển khai thi hành Quyết định số 158/TTg, để bảo đảm an toàn đê điều trong mùa mưa lũ năm 1995, lập lại kỷ cương xã hội ở thủ đô. Tôi thấy vụ vi phạm Pháp lệnh về đê điều ở đây có ảnh hưởng rất sâu rộng, chính vì vậy thông qua việc xử lý này, cũng cần rút ra những bài học, đặc biệt trong xu thế phát triển hiện nay của đất nước :

Một là, trật tự, kỷ cương pháp luật, trước hết cần phải được thực hiện nghiêm minh từ trên xuống. Những người hiểu biết và nắm được chủ trương chính sách và pháp luật, là đội ngũ công chức nắm giữ các chức vụ khác nhau trong bộ máy chính quyền. Thực tế xử lý các vụ việc vừa qua cho thấy, nhiều cán bộ biết mà hữu khuynh không làm, giữa các cấp chính quyền cũng bất đồng quan điểm trong xử lý các vi phạm. Cho nên, luật pháp tuy có nghiêm mà bộ máy chính quyền không nghiêm, thì luật pháp có cũng như không. Tệ hại hơn nữa là vi phạm pháp luật ngay trong các cơ quan bảo vệ pháp luật. Điều đó khiến dân chúng, như thực tế ở đê Yên phụ - Nhật tân cho thấy, lâm vào tình trạng vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân. Thế nhưng, khi đã có Quyết định số 158/TTg, tất cả các cấp đều nhất loạt phải hướng về một mục tiêu thực hiện lệnh của Chính phủ, thì dù trước đó có nhiều ý kiến quan điểm khác nhau cũng phải nghiêm chỉnh triển khai thực hiện. Ai không làm, còn có

Digitized by Google

ý kiến khác hoặc chần chừ, xin đứng sang một bên. Và kết quả, như chúng ta thấy đấy, nhiều người không ngờ Hà nội lại xử lý gọn vụ việc phức tạp này. Nhiều chủ các ngôi nhà vi phạm hành lang bảo vệ đê, lúc đầu xót tiền, xót của, tỏ ra chống đối, nhưng được giải thích rõ hậu quả của vi phạm, sự nghiêm minh trong thực hiện từ trên xuống, nên 100% số nhà vi phạm cần phải tháo dỡ hoàn toàn hoặc một phần, đều đã tự nguyện thực thi đúng ngày, giờ và chỉ giới quy định. Theo tôi, đã là luật, kỷ cương, phép nước, thì không trừ bất kỳ một ngoại lệ nào, dù cá nhân đó ở cương vị nào, đó cũng là bản chất của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng.

Hai là, muốn tăng cường hiệu lực của hệ thống hành chính, quản lý nhà nước, phải có cơ chế làm cho tất cả các cấp chính quyền hướng về một mối, cùng chung một lợi ích, đó là lợi ích của quốc gia, dân tộc và của nhân dân. Tôi nói vậy, vì vừa qua đã bộc lộ tình trạng phối hợp và kết hợp thiếu đồng bộ, có lúc như là "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược". Nhưng khi đã có Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ thì đã tạo được sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất từ trung ương đến thành phố, quận, huyện, phường - xã, từ trong đảng ra quần chúng nhân dân. Tất cả điều đó đã góp phần quyết định thành công trong từng bước xử lý, gạt bỏ được tâm lý trông chờ, nửa vời, ỷ lại. Kết quả lớn nhất là đã làm cho các hộ vi phạm, dù phải chịu thiệt hại lớn tài sản của gia đình, cũng đều chấp hành nghiêm chỉnh, không dám chống đối lại pháp luật và người thi hành công vụ.

Ba là, bài học về công tác tổ chức, phân định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành và từng cá nhân. Ban chỉ đạo đã được nhanh chóng thành lập, do đồng chí chủ tịch UBND thành phố Hà nội làm trưởng ban, xác định công việc, các bước xử lý cụ thể, bố trí lực lượng, phân công trách nhiệm từng cấp, từng ngành, từng cá nhân... Có thể nói, một cơ chế bảo đảm thống nhất lợi ích đòi hỏi phải có sự tổ chức tốt, đầy đủ, thận trọng, chu đáo các yếu tố. Phân loại các đối tượng vi phạm một cách tỉ mỉ để có chính sách hợp tình, hợp lý. Ngoài ra, phải biết chọn khâu then chốt nhất để giải quyết trước, mà đối với chúng tôi vừa qua là khâu cán bộ. Sau khi đã đả thông được tư tưởng, bố trí xong lực lượng cán bộ, xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của từng bộ phận, từng cá nhân, thì "guồng máy" cứ chạy. Trục trặc ở đâu thì kịp thời rút kinh nghiệm và chỉnh lý ngay tại đó. Một khi đã có chính sách rõ ràng, hợp tình hợp lý, công khai, công bằng, được phổ biến rộng rãi để mọi người dân hiểu thì việc triển khai thực hiện sẽ kiên quyết và nghiêm minh hơn. Tất cả những điều vừa nói là những nhân tố quan trọng giúp cho kế hoạch của UBND thành phố được thực hiện tốt, đúng lịch trình.

Bốn là, huy động sức mạnh tổng hợp, phối hợp đồng bộ các biện pháp tuyên truyền, vận động, giáo dục, giải thích và các biện pháp hành chính, kinh tế. Do tính chất nghiêm trọng của vụ việc nên Ban tư tưởng văn hóa trung ương, Thường trực Thành ủy, Hội đồng nhân dân và UBND thành phố đã đồng tâm hiệp lực, thống nhất chỉ đạo việc đưa tin trên các hệ thống thông tin đại chúng. Nhờ đó đã góp phần giúp cho Hà nội triển khai thực hiện Quyết định số 158/TTg thuận lợi. Cùng lúc là biện pháp giải thích, vận động, giáo dục đã làm cho các chủ hộ có liên quan, hiểu được mức độ vi phạm, chính sách đền bù và chế độ thưởng, phạt cả về hành chính lẫn kinh tế. Riêng bước 1, xử lý dỡ bỏ nhà và công trình trong khuôn khổ mốc giới đã xác định, 100% số hộ đã tự tổ chức tháo dỡ, không có trường hợp phải cưỡng chế. Và có lẽ, cho đến thời điểm này từng cán bộ, đảng viên, từng công dân có liên quan đều đã hiểu rõ sai trái và trách nhiệm của mình, do đó tự giác chấp hành pháp luật. Riêng về trách nhiệm hình sự và dân sự của một số cá nhân, các cơ quan khối nội chính đang hoàn chỉnh hồ sơ để đưa ra xét xử ❑

LÊ XUÂN ĐÌNH
và **NGUYỄN VŨ BÌNH**
(thực hiện)

Digitized by Google

PHỐ "TRẦN DỰ"

VŨ LÂN

MỘT lần dự hội nghị bàn về công tác xây dựng Đảng tại một địa phương nọ, trong giờ giải lao, mấy đại biểu tụm lại trò chuyện về đất đai, nhà cửa. Ai cũng phải thừa nhận rằng sau mấy năm đổi mới, đất nước "mở cửa", tốc độ đô thị hóa trên lĩnh vực xây dựng nhanh chưa từng có. Nhiều thành phố, thị xã đổi thay hằng ngày. Nhà cửa, công sở, dinh thự, công ty... đủ mọi kiểu, mọi loại mọc lên như "nấm sau mưa". Cái trước chưa được khai sinh, đăng ký thì cái sau đã ra đời, thành thử tình trạng "nhà không số, phố không tên" là khá phổ biến và nếu có tên, có số thì cũng rất lộn xộn và vô lý. Chỉ khổ cho những người từ xa đến thật khó khăn khi tìm kiếm.

Đang chuyện, đột nhiên một đại biểu, vốn là chỗ quen thân của tôi từ lâu, hỏi :

- Nhà báo các ông có biết hiện giờ ở một số nơi có những phố mới được người ta đặt cho cái tên rất có ý nghĩa không ?

Tôi làm ra vẻ suy nghĩ một chút rồi lắc đầu :

- Chịu !

- Làm báo như vậy thì xoàng quá ! Lúc nào rỗi, tôi sẽ dẫn ông đi "thực mục sở thị" để có thêm vốn thực tế.

Hôm sau, cơm chiều xong, hai chúng tôi bách bộ trên các đường phố chính của cái thị xã không lấy gì làm rộng rãi ấy. Nhìn vẻ bề ngoài người ta dễ dàng nhận ra rằng đây là một thị xã còn nghèo và kém phát triển. Dọc theo nhiều phố, bên cạnh những ngôi nhà tầng được xây dựng kiểu cách nhoi lên, là nhiều nhà cấp 4 lụp xụp lợp ngói hoặc giấy dầu. Ánh đèn đường nhiều chỗ không đủ soi sáng những vũng nước ở những ổ gà lỗ chỗ. Thỉnh thoảng một chiếc xe máy phạch phạch giữa dòng xe đạp ngược xuôi.

Chúng tôi đi khoảng một giờ đồng hồ, đến đầu một dãy phố có nhiều đèn cao áp, bạn đồng hành nắm tay tôi dặn :

- Bây giờ ông ở đây, dạo mấy vòng dãy phố này, sau đó đến mấy quán nước bên kia cầu. Ở đó vừa uống nước, nghỉ chân, ông vừa có thể hỏi được những điều cần biết. Khoảng 21 giờ tôi sẽ quay lại đón ông về nhà khách bằng xe máy.

Tôi rơi vào thế bị "bỏ chợ" đành phải làm theo lời dặn. Nhìn bao quát dãy phố mới được xây dựng, quả là nó ở thế thuận lợi. Nó không hoàn toàn theo kiểu "nhất cận thị, nhì cận giang" (thứ nhất là gần chợ, thứ nhì là gần sông) nhưng lại được cái "tam cận lộ" (thứ ba là gần đường). Mặt phố là con đường rộng trải nhựa dẫn ra quốc lộ cách đấy vài trăm mét ; phía sau không phải là sông lớn mà là con sông đào đủ để thuyền nhỏ có thể qua lại được.Từ mặt "tiền" tới mặt "hậu" dài chừng 50 mét. Các nhà ở phố này được xây dựng trên những lô đất bề ngang không đều nhau nhưng đều có "tiền" và có "hậu". Mỗi nhà một kiểu dáng khác nhau thường từ ba tầng trở lên, nhưng nhà nào cũng có cổng sắt, có sân, cửa hàng... Lác đác một vài chỗ, xen giữa các nhà đã được xây dựng hoàn chỉnh, là những lô đất trống xây tường bao quanh.

Tôi đi dọc theo dãy phố dài khoảng 200 mét và quay trở lại, qua cầu sang mấy quán nước bên kia sông, vừa nghỉ chân,

Digitized by Google

uống nước vừa lân la hỏi chuyện. Cả mấy chủ quán đều kể khá thống nhất về "lý lịch" của dãy phố bên kia sông. Vốn trước đây chỗ ấy là khu trại chăn nuôi lợn của một hợp tác xã ngoại thị. Kế liền trại chăn nuôi, dọc theo bờ sông là khu trồng rau của trại. Khi phong trào nuôi lợn tập thể bị phá sản, trại chăn nuôi bị bỏ hoang, thì những vạt đất trồng rau được các chị công nhân của trại chia nhau làm đất tăng gia. Mấy năm sau, người ta đến đo đạc, cắm mốc, chia nhau đất, xây tường bao, và phố mới dần dần mọc lên. Rồi đường được mở rộng trải nhựa nối với quốc lộ ; điện nước được lắp đặt nhanh chóng... Ở nhiều khu dân cư, nhiều dãy phố, những công trình như đường, điện, nước... thường do "nhà nước và nhân dân cùng làm", còn ở phố ấy thì nhà nước bao từ "A đến Z"...

Ngồi ở một quán, thấy có một bác trai có vẻ xởi lởi dễ tính, tôi đánh bạo hỏi :

- Chắc ở dãy phố bên kia sông nhiều gia đình có người ở nước ngoài hoặc buôn bán, mới làm được nhà to và đẹp như thế ?

- Họ lấy tiền ở đâu ra thì không biết. Nhưng một điều có thể khẳng định được là ở phố đó tuyệt nhiên không có một hộ "dân thường" nào cả.

Thế rồi bác ấy kể cho tôi nghe một câu chuyện : "Có một vị lãnh đạo to lắm ở trung ương về đây. Vị này hỏi một ông lãnh đạo ở địa phương :

- Tôi nghe người ta nói anh vừa xây xong ngôi nhà to lắm có phải không ?

- Dạ... báo cáo anh... cũng tàm tạm thôi ạ. Ông cán bộ địa phương trả lời.

Ông lãnh đạo ở trung ương dồn :

- Tàm tạm là thế nào ? Anh xây hết bao nhiêu "cây", bao nhiêu triệu ?

- Dạ... báo cáo anh, em cũng chưa quyết toán được ạ.

Ông lãnh đạo ở trung ương xem chừng cũng "cứng", quyết dồn ông lãnh đạo ở địa phương đến cùng :

- Anh nói lạ ! Xây nhà phải biết mình có bao nhiêu tiền, phải vay nợ bao nhiêu chứ ?

Ông cán bộ địa phương đến nước ấy đành phải thú thật :

- Dạ... báo cáo anh ! Anh em mỗi người họ "giúp" một ít. Người thì giúp xi măng ; người thì ủng hộ sắt thép ; người thì gạch, gỗ ; người thì giúp công, giúp sức... Cho nên không thể quyết toán cụ thể được ạ....

Tôi hỏi tiếp bác chủ quán :

- Thế phố đẹp vậy, sao chưa được đặt tên ạ ?

- Người ta cũng muốn đặt tên lắm, nhưng còn phải bàn bạc, xin ý kiến tập thể, hội đồng nhân dân, rồi phải tranh thủ các cụ về hưu nữa chứ. Đặt tên phố đâu có đơn giản. Nhưng nhân dân ở cái thị xã này vẫn quen gọi phố đó là phố "TRẦN DƯ". Về đây, nếu anh hỏi tới phố "TRẦN DƯ" thì từ người già đến đứa trẻ đều có thể chỉ đường cho anh.

- TRẦN KHÁNH DƯ chứ ạ ? Tôi hỏi lại. Bác chủ quán tủm tỉm cười nhìn tôi :

- Không phải TRẦN KHÁNH DƯ, tướng giỏi của nhà TRẦN đâu mà là "TRẦN DƯ".

Một lúc sau tôi mới nghĩ ra : "TRẦN DƯ" tức là "TRỪ DÂN" và hiểu thâm ý của anh bạn tôi khi dẫn tôi đến thăm phố ấy.

Ôi ! "TRẦN DƯ", cái tên nghe vừa kêu vừa chua chát làm sao. Không biết những người sống trong phố đó có hiểu hết lòng dân không ?!

Digitized by Google

Thấy gì qua hai cuốn sách gần đây của Bùi Tín ?

LÊ PHAN DI

MẤY năm gần đây, trong bản hòa tấu ồn ào chống cộng, người ta thấy có thêm một giọng ca mới : Bùi Tín ! Trong cuộc truy hoan ầm ĩ "hậu cộng sản", cũng có thêm một thành viên : Bùi Tín ! Bùi Tín viết sách, Bùi Tín viết báo, Bùi Tín trả lời phỏng vấn,... Bùi Tín hoạt động chống phá Đảng cộng sản, chống phá chế độ hiện hành ở Việt nam rất quyết liệt, nhiệt thành. Cái "đắt" giá của Bùi Tín là ở sự tráo trở của một con người đã từng sống trong lòng của chế độ cộng sản, đã từng nhiều năm là đảng viên cộng sản. Và cái bỉ ổi của Bùi Tín cũng ở chỗ đó, tức ở chỗ Bùi Tín đã lợi dụng vị thế của mình để bán mua, trao đổi với những kẻ rắp tâm phá hoại sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân ta, dân tộc ta.

Bùi Tín đã viết gì trong hai cuốn sách *Hoa xuyên tuyết* và *Mặt thật*, xuất bản ở Pa-ri năm 1991 và 1993 ?

Vốn là một nhà báo có nghề, Bùi Tín đã khéo nhào nặn, làm lẫn lộn giữa cái đúng và cái sai, giữa cái hư và cái thực, để biến đất nước và con người Việt nam từ chỗ rất bất khuất, anh hùng, đang tiến bước vững chắc trên con đường đổi mới, thành một xứ sở đen tối, tiêu cực, sai lầm, không có lối ra ! Phải công nhận rằng, với 735 trang của hai cuốn sách, và bằng những ngón nghề của mình, Bùi Tín đã khá thành công trong việc cóp nhặt và trình bày tỉ mỉ nhiều chuyện lớn nhỏ, từ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt nam cho đến cá tính của nhân vật này, nhân vật khác có thật trong đời sống. Chỉ có điều tất cả những cái đó được Bùi Tín nhằm vào một mục đích, một ý đồ : xuyên tạc sự thật, phủ nhận quá khứ, bôi đen chế độ, bôi nhọ đảng cộng sản, xúc phạm nhân dân, miệt thị dân tộc, phản bội lại sự nghiệp mà trước đây anh ta hằng theo đuổi! Bùi Tín đã làm một việc mà bất kể người Việt nam yêu nước nào cũng không thể tha thứ được. Đó là cảm tưởng đầu tiên của tôi khi đọc hai cuốn sách ; không thể nào nghĩ khác đi được.

Do khuôn khổ của một bài báo, tôi chỉ có thể phát biểu về một vài vấn đề do Bùi Tín nêu lên. Tôi viết những điều này không hề với ý định thức tỉnh một con người đã dấn mình quá sâu vào vũng bùn nhơ nhuốc như Bùi Tín, và cũng không có ảo tưởng làm cho Bùi Tín cải tà quy chính ! Tôi chỉ muốn làm sáng tỏ một đôi điều, những gì mà tôi cho là cơ bản nhất, với hy vọng những ai đã đọc và đã nghe những luận điệu xảng bậy của Bùi Tín, xin hãy tỉnh táo và chớ bị mắc lừa.

Bùi Tín nói "cái sai gốc của chế độ cộng sản mang danh chủ nghĩa xã hội ở Việt nam là đã thiết lập một chính đảng, một chế độ chính trị, một chế độ xã hội mang màu sắc tôn giáo..."[1]. Theo Bùi Tín, sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, "việc du nhập chủ nghĩa Mác - Lê-nin" và "việc

(1) Tất cả những câu, những cụm từ đặt trong ngoặc kép ở bài này không có chú thích riêng đều là nguyên văn của Bùi Tín.

Digitized by Google

thiết lập chủ nghĩa xã hội ở Việt nam" là "cái sai gốc" của Việt nam !

"Cái sai gốc" của Việt nam "là đã thiết lập một chính đảng" như Đảng Cộng sản Việt nam ư ? Thật chẳng khác gì những tên phản bội và việt gian bán nước trước đây. Bùi Tín đã chĩa mũi nhọn tiến công đầu tiên vào Đảng cộng sản. Và chính ở đây anh ta đã bộc lộ tâm tưởng hận thù sâu sắc đối với cách mạng. Bùi Tín từng vỗ ngực nói rằng anh ta nắm vững và đã giảng dạy lịch sử cách mạng Việt nam. Vậy mà giờ đây Bùi Tín quay ngoắt 180 độ, sỗ toẹt toàn bộ lịch sử cách mạng Việt nam, phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam.

Lịch sử Việt nam 100 năm qua cho thấy, sự ra đời của Đảng cộng sản Việt nam là một tất yếu lịch sử. Đảng cộng sản Việt nam với lãnh tụ kiệt xuất của mình là Hồ Chí Minh, đã sớm nắm bắt được quy luật cách mạng, đưa ra được đường lối chiến lược và sách lược đúng đắn cho cách mạng Việt nam. Vì vậy, nó được mọi lực lượng tiến bộ ở Việt nam thừa nhận và sẵn sàng tiếp thu sự lãnh đạo của nó.

Trong cách mạng cũng như trong đổi mới, Đảng cộng sản Việt nam luôn xuất phát từ thực tế Việt nam, đứng vững trên lập trường bảo vệ độc lập và chủ quyền của đất nước, bảo vệ lợi ích cơ bản của Tổ quốc, của dân tộc, để tiếp thu và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, coi chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam để giải quyết các vấn đề của Việt nam, để đưa tới hạnh phúc cho nhân dân Việt nam.

Cách mạng Tháng Tám thành công và hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thắng lợi là minh chứng hùng hồn nhất về tinh thần độc lập sáng tạo của Đảng cộng sản, của lãnh tụ Hồ Chí Minh và của nhân dân Việt nam. Đặc biệt, sau chiến thắng thực dân Pháp, hiếm có một chính đảng nào trên thế giới phải lãnh đạo tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng theo những quy luật khác nhau, như Đảng cộng sản Việt nam. Sự nghiệp này chưa hề có tiền lệ trong lịch sử. Nó đòi hỏi một tinh thần chủ động sáng tạo vô song. Vì vậy, có thể thấy, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trước hết là thắng lợi của trí tuệ Việt nam, của tinh thần chủ động và sáng tạo đặc thù Việt nam. Với tất cả sự sáng tạo độc nhất vô nhị đó, nhân dân Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã lập nên một trong những chiến công lớn của thời đại. Nhân loại tiến bộ gần như đồng thanh ca ngợi thắng lợi mang ý nghĩa thời đại của ngày 30-4-1975.

Những sự thật trên đây đã bị Bùi Tín cố tình "quên" hoặc ra sức xuyên tạc. Bùi Tín phê phán Đảng cộng sản Việt nam phạm sai lầm khi du nhập chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vu khống Đảng "tự đánh mất mình", "mù quáng bắt chước người khác"; rằng chiến tranh cách mạng Việt nam là "những năm chiến tranh khủng khiếp", thắng lợi của cách mạng Việt nam là "chiến thắng rỗng tuếch" !?

Bùi Tín còn cho rằng, "cái sai gốc" của Việt nam là đã thiết lập chủ nghĩa xã hội ở Việt nam ! Theo Bùi Tín, chủ nghĩa xã hội là nỗi bất hạnh lớn của nhân dân. Đây là một luận điệu cực kỳ sai trái và phản khoa học. Đối với những kẻ chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội, những kẻ luôn ôm hận thù giai cấp, thì chủ nghĩa xã hội có thể là bất hạnh cho họ ! Nhưng đối với tuyệt đại đa số nhân dân lao động, chủ nghĩa xã hội trên thực tế là nguồn hạnh phúc lớn lao nhất. Dẫu cho Bùi Tín có ngụy biện quanh co thế nào cũng không thể phủ nhận được một sự thật là : về mặt lý luận cũng như trên thực tế, dưới sự lãnh đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh, Đảng cộng sản Việt nam đã thật sự trở thành dân tộc, đúng như

Digitized by Google

luận điểm đã được nêu trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*. Đảng cộng sản Việt nam là đảng của giai cấp và của dân tộc. Đảng không chỉ đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân, mà còn đại diện cho lợi ích của nhân dân lao động, của toàn dân tộc. Đảng cộng sản Việt nam đã giải quyết sáng tạo vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc. Thành công của cách mạng Việt nam từ trước cho đến nay là hệ quả tất yếu của việc xác định đúng đắn và sự kết hợp hài hòa mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, Đảng cộng sản Việt nam xác định giai đoạn đầu của cách mạng Việt nam là cách mạng giải phóng dân tộc, phải tập hợp mọi lực lượng dân tộc để giành cho được độc lập dân tộc. Nhưng không dừng lại ở đó. Khát vọng sâu xa của con người Việt nam cũng như của dân tộc Việt nam là tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mọi người Việt nam đều muốn vươn tới một xã hội tươi đẹp, văn minh, hiện đại ; đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần, bình đẳng, bác ái, an toàn, không bị bóc lột, không bị phân biệt đối xử, không bị o ép bởi thế lực đen tối kiểu ma-phi-a. Xã hội đó hẳn phải là xã hội xã hội chủ nghĩa, một nấc thang tất yếu của lô gích tiến hóa lịch sử mà Các Mác đã nêu ra và đã được lịch sử chứng thực. Đó là chế độ xã hội lý tưởng mà nhà triết học Ba-lan A-đam Sa-phơ, bằng cuộc sống thực tế đã mô tả rằng "chủ nghĩa xã hội hoàn toàn không phải là tư tưởng của giai cấp, không phải là phương kế của một giai cấp để trấn áp giai cấp khác... Chủ nghĩa xã hội là khát vọng về tự do và bình đẳng của loài người, khát vọng về những điều kiện sống được bảo đảm về chất chưa từng có mà loài người sẽ nhìn thấy trong thế kỷ 21"[2].

Đối với tuyệt đại đa số nhân dân Việt nam, chủ nghĩa xã hội không chỉ là điều mơ ước, mà đã trở thành một phần hiện thực sinh động, là kết quả của sự kết hợp giữa yếu tố dân tộc và yếu tố giai cấp, là sự hội nhập sáng tạo giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tại đất nước Việt nam, độc lập dân tộc kết hợp với chủ nghĩa xã hội không chỉ là tư tưởng của Đảng, mà còn là, và chủ yếu là sự lựa chọn của nhân dân, là lẽ sống của hơn 70 triệu con người. Chỉ có con đường đó mới mang lại cuộc sống ấm no và hạnh phúc cho nhân dân.

Thực tiễn và thành tựu của công cuộc đổi mới những năm gần đây chứng tỏ Đảng cộng sản Việt nam đã thành công bước đầu trong việc giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế nhiều thành phần với giữ vững sự lãnh đạo của một đảng. Sự lãnh đạo của một đảng là điều kiện quyết định bảo đảm sự ổn định chính trị xã hội, đáp ứng nguyện vọng an cư lạc nghiệp của nhân dân, phù hợp yêu cầu hợp tác kinh tế của thời đại. Đảng cộng sản Việt nam có khả năng lãnh đạo xây dựng nền kinh tế thị trường ở Việt nam. Phát triển kinh tế thị trường trong đó kinh tế quốc doanh là chủ đạo, bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhà nước sử dụng cơ chế thị trường và can thiệp vào thị trường nhằm phục vụ lợi ích của người lao động, lợi ích của dân tộc và của chủ nghĩa xã hội, đạt tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Như vậy, kinh tế thị trường của Việt nam do Nhà nước của nhân dân quản lý, điều tiết dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, là một nền kinh tế mang tính xã hội, tính nhân văn, tính văn hóa, tính công bằng. Nhiều luận chứng khoa học đã khẳng định tính đúng đắn của mô hình kinh tế xã hội đó. Thực tế sôi động của công cuộc đổi mới là bằng chứng xác minh rằng đó là mô hình có sức sống, có triển vọng. Vậy thì

(2) *Thông tin những vấn đề lý luận*, số 4-1995, tr5

Digitized by Google

hà có gì mà phải đổi hướng để tìm kiếm một hình mẫu "kinh tế tư nhân hóa hoàn toàn" và "đa nguyên đa đảng" như Bùi Tín khuyên bảo ?!

Một sự thật cần làm rõ là : Đảng cộng sản cũng có sai lầm và có thể chậm nhận ra sai lầm. Nhưng một khi đã thấy sai lầm thì biết nhìn thẳng vào sự thật, tự phê bình nghiêm khắc và quyết tâm sửa chữa. Đảng cộng sản Việt nam công khai thừa nhận sai lầm để tiến lên. Và đó là dấu hiệu của một Đảng mạnh. Bùi Tín dù cố bới lông tìm vết, xuyên tạc sự thật thì cũng không thể phủ định được điều đó. Trong lúc nhân dân đang thừa hưởng những thành quả tốt đẹp của công cuộc đổi mới, thì Bùi Tín lại phán rằng "thành tích đổi mới quá mỏng manh, không thực chất, lòng dân ly tán !" Bùi Tín than thở rằng "đất nước chưa bao giờ khó khăn trầm trọng và tồi tệ như hiện nay", rằng "nhân dân Việt nam vẫn đang là một khối bất hạnh lớn trên thế gian này" ! Tình hình Việt nam hiện nay xấu đến như vậy ư, thưa nhà thông thái Bùi Tín ? Hoàn toàn sai sự thật. Tất cả những ai có đầu óc bình thường, dù là người Việt hay người nước ngoài có chút hiểu biết về Việt nam, đều có thể khẳng định rằng thời kỳ "khó khăn trầm trọng" nhất của Việt nam đã qua rồi. Nếu cần phải nhắc lại thì đó là thời kỳ trước và sau Cách mạng Tháng Tám ; là những năm chiến tranh ác liệt ; hoặc những năm đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ ở Liên xô và Đông Âu. Còn giờ đây, đất nước Việt nam đang lúc phát triển sôi động, đời sống nhân dân được cải thiện, uy tín quốc tế được nâng cao, công cuộc đổi mới đang gặt hái những thành quả tốt đẹp ! Nhân dân cả nước, bạn bè khắp năm châu, trong đó có nhiều chính khách và học giả phương Tây, ai ai cũng đều cảm nhận được, họ vui mừng và có thiện cảm trước những thành công của Việt nam. Chỉ có những kẻ như Bùi Tín là nhắm mắt, bịt tai, lẩn trốn sự thật. Đến như gần đây, trong lúc nhân dân cả nước, bạn bè gần xa náo nức kỷ niệm 20 năm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thì Bùi Tín trả lời phỏng vấn trên đài BBC vẫn bằng giọng lưỡi hằn học, tức tối, phủ nhận mọi thành tựu của đất nước, của dân tộc.

Sự thật nói lên tất cả. Nhờ công cuộc đổi mới mà hiện nay, trong tổng số 8930 xã của cả nước, đã có 60,2% xã có điện, 86,4% xã có đường ô tô, 91,6% có trạm y tế, 76,2% có trường cấp II. Tỷ lệ hộ nghèo khổ đã giảm từ 55% năm 1989 xuống còn 19,9% năm 1993. Năm 1994, Việt nam thu hoạch kỷ lục 26,2 triệu tấn lương thực, bình quân đầu người đạt gần 360 kg, xuất khẩu 2 triệu tấn gạo ; tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 3,6 tỷ USD, gấp 15 lần năm 1976. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân những năm 1991-1994 đạt gần 8%, trong đó, năm 1994 đạt 8,8%. Việt nam có quan hệ thương mại và kinh tế với 104 nước và lãnh thổ. Đến đầu tháng 5-1995, Việt nam đã cấp phép hơn 1300 dự án với gần 14 tỷ USD. Đó là những thành tựu chưa từng có, là kết quả của đổi mới, một sự nghiệp sáng tạo của nhân dân Việt nam. Tháng 7-1995, Việt nam là thành viên chính thức của ASEAN, đánh dấu bước ngoặt của tiến trình hòa nhập của Việt nam vào cộng đồng khu vực và thế giới. Có thể nhắc lại ở đây một nhận xét của Viện phát triển quốc tế Ha-vớt : "Việt nam đạt được thành tựu đáng kinh ngạc trong những năm đầu của quá trình chuyển tiếp sang một nền kinh tế thị trường. Trong vòng có bảy năm, Việt nam thực hiện những bước chuyển tiếp lớn lao... Chính phủ Việt nam có thể hãnh diện về những thành quả đã đạt được"[3].

Mặc dù có sự thoái trào của chủ nghĩa xã hội trên thế giới, nhưng Đảng cộng sản Việt nam vẫn được cộng đồng quốc tế thừa

(Xem tiếp trang 48)

(3) *Thời báo kinh tế Việt nam*, số 22, 1-6-1995 đến 7-6-1995, tr 10

Digitized by Google

Hội nghị cộng tác viên, bạn đọc TẠP CHÍ CỘNG SẢN khu vực Đông - Bắc

CÁC chỉ thị, nghị quyết của Bộ chính trị, Ban bí thư Trung ương Đảng về *Tạp chí Cộng sản* đều chỉ rõ : *Tạp chí phải thường xuyên có mối quan hệ tốt với các địa phương, gắn bó với cộng tác viên, bạn đọc hơn nữa.*

Thực hiện chỉ thị nêu trên, sau các hội nghị cộng tác viên, bạn đọc tổ chức ở Hà nội, TP Hồ Chí Minh, Huế, một số tỉnh miền Trung và Tây nguyên... ngày 2-6-1995, tại thành phố Hạ long (Quảng ninh), Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* và Ban thường vụ Tỉnh ủy Quảng ninh đã phối hợp tổ chức *Hội nghị cộng tác viên, bạn đọc Tạp chí khu vực Đông- Bắc.*

Tham dự hội nghị gồm có : một số đồng chí trong Ban thường vụ Tỉnh ủy, một số bí thư huyện, thị và đại diện một số ban, ngành của tỉnh Quảng ninh ; các đồng chí trưởng, phó ban tuyên giáo, đại diện các báo đảng các tỉnh Đông - Bắc ; đại diện Công ty phát hành sách báo trung ương và một số sở bưu điện các tỉnh Đông - Bắc ; các đồng chí bí thư đảng ủy, trưởng ban tuyên giáo một số công ty than đóng trên địa bàn Quảng ninh ; một số cộng tác viên, thông tin viên thường xuyên của Tạp chí và đại diện của Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản.*

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản* trân trọng cảm ơn Tỉnh ủy Quảng ninh đã nhiệt tình giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hội nghị ; hoan nghênh các đại biểu về dự hội nghị và đóng góp ý kiến xây dựng *Tạp chí Cộng sản.* Sau khi điểm lại những mốc lịch sử quan trọng trong quá trình ra đời, phát triển và trưởng thành của tạp chí lý luận của Đảng, đồng chí Tổng biên tập đã trình bày tóm tắt những nội dung cơ bản mà Tạp chí đã đi sâu tuyên truyền trong thời gian qua và phương hướng công tác biên tập trong thời gian tới. Đồng chí cũng đã thông báo Quyết định của Thường trực Bộ chính trị - Ban bí thư Trung ương Đảng về việc *Tạp chí Cộng sản xuất bản 2 kỳ/tháng, bắt đầu từ tháng 7-1995.* Đây là quyết định quan trọng trong chặng đường 65 năm phát triển của Tạp chí, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng đối với công tác lý luận, tư tưởng.

Đồng chí Nguyễn Bình Giang, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng ninh, đồng thời với tư cách là cộng tác viên, bạn đọc thường xuyên của Tạp chí, đã phát biểu mở đầu hội nghị. Đồng chí nêu rõ : "Là bạn đọc thường xuyên của *Tạp chí Cộng sản,* tôi thấy Tạp chí đã cung cấp một khối lượng thông tin rất bổ ích và mới trên nhiều lĩnh vực quan trọng của đời sống lý luận - chính trị - xã hội ; làm sáng tỏ và làm phong phú thêm quá trình đổi mới tư duy, trước hết là tư duy lý luận, tư duy kinh tế, tư duy chính trị. Đặc biệt, từ sau Đại hội VII của Đảng đến nay, *Tạp chí Cộng sản* đã tập trung đi sâu vào những vấn đề lý luận có liên quan trực tiếp đến các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng đảng, đối ngoại v.v., giúp cho việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt đường lối đổi mới của Đảng. Tạp chí đã định hướng tư tưởng về chủ nghĩa xã hội, góp phần quan trọng làm ổn định tình hình chính trị, tư tưởng của cán bộ, đảng viên, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng". Đồng chí Nguyễn Bình Giang nhấn mạnh : "Trong thời gian qua, *Tạp chí Cộng sản* đã có nhiều bài viết có nội dung phong phú, có tính khoa học và có sức thuyết phục trên những vấn đề lớn sau đây :

Thứ nhất : Lý giải, phân tích những căn cứ khoa học

Digitized by Google

và thực tiễn, khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Gần đây, Tạp chí có một loạt bài phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần tích cực vào việc cổ vũ, động viên cán bộ, đảng viên, nhân dân ta vững bước theo con đường Bác Hồ đã lựa chọn.

Thứ hai : Khẳng định đi lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu lịch sử, là con đường duy nhất đúng đắn. Bác bỏ những quan điểm, luận điệu sai trái về chủ nghĩa xã hội, những tư tưởng phủ nhận, xuyên tạc chủ nghĩa Mác- Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Uốn nắn những nhận thức lệch lạc trong cán bộ, đảng viên và trong nhân dân.

Thứ ba: Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận - thực tiễn của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Nhiều kinh nghiệm quý ở trong và ngoài nước được giới thiệu, đề cập trên Tạp chí.

Thứ tư: Về đổi mới, chỉnh đốn đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII). Nhiều bài viết về lĩnh vực này đã cung cấp những kinh nghiệm thực tiễn trong việc xây dựng tổ chức sơ sở đảng trong sạch, vững mạnh. Tạp chí đã có những bài đề cập trọng tâm đổi mới tổ chức hoạt động của các cấp chính quyền ; về cải cách một bước nền hành chính nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) ; về nhu cầu bức thiết của việc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt nam.

Thứ năm : Tạp chí đã hệ thống hóa, phân tích những sự kiện chính trị nổi bật trên trường quốc tế và tuyên truyền đường lối, chính sách đối ngoại rộng mở của Đảng ta, Nhà nước ta. Tạp chí là một "kênh" thông tin tin cậy, đáp ứng nhu cầu định hướng tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Thứ sáu: Số lượng bài viết về văn hóa - văn nghệ trên Tạp chí tuy chưa nhiều nhưng đúng lúc, và có sức thuyết phục. Với quan điểm lý luận, phê bình chuẩn mực, các bài viết đã khẳng định thành tựu to lớn, giá trị bền vững của nền văn nghệ cách mạng Việt nam, định hướng tư tưởng đúng đắn cho bạn đọc trên lĩnh vực tinh tế, nhạy cảm và rất phức tạp này.

Hơn hai năm qua, số lượng *Tạp chí Cộng sản* phát hành ở Quảng ninh tăng đáng kể. Bình quân năm sau tăng so với năm trước từ 12 đến 15%. Tuy nhiên, số cộng tác viên, thông tin viên của Tạp chí ở Quảng ninh chưa nhiều. Những bài viết về Quảng ninh trên Tạp chí còn ít. Mặc dù nhiều vấn đề, nhiều nội dung ở Quảng ninh có thể đề cập, lý giải trên Tạp chí. Chúng tôi rất mong muốn Tạp chí đẩy mạnh nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm của các địa phương nói chung và của Quảng ninh nói riêng để qua đó giúp các địa phương rút ra được những bài học mang tính lý luận soi sáng thêm hoạt động thực tiễn...".

Với nhiệt tình, lòng quý trọng và tin tưởng cao đối với Tạp chí lý luận của Đảng, các đại biểu đã sôi nổi đóng góp nhiều ý kiến chân thành và thẳng thắn. Những nhận xét đầy đủ và sát đúng của đồng chí Nguyễn Bình Giang được đa số đồng tình, và còn được bổ sung, làm phong phú thêm bằng nhiều minh họa.

Các ý kiến đều khẳng định và biểu dương những đổi mới, tiến bộ cả về nội dung và hình thức của Tạp chí. Cụ thể là Tạp chí đã bám sát quan điểm, đường lối của Đảng, có bài phục vụ kịp thời cả trước và sau khi có các nghị quyết của Đảng. Tạp chí đã lý giải nhiều vấn đề nổi cộm trong công tác tư tưởng, lý luận, bám sát cuộc sống nóng hổi hiện nay. Tạp chí ngày càng xứng đáng là tạp chí hàng đầu về tư tưởng, lý luận, chiếm được lòng tin của cán bộ, đảng viên và bạn đọc bởi tính khoa học, sự nghiêm túc, độ tin cậy cao và sức thuyết phục. Bạn đọc đã tìm được nhiều câu trả lời thỏa đáng từ *Tạp chí Cộng sản* và coi Tạp chí là chỗ dựa về tư tưởng và lý luận.

Tuy nhiên, so với nhiệm vụ của công tác tư tưởng và lý luận hiện nay, so với nhu cầu đòi hỏi lý giải nhiều vấn đề cả về lý luận và thực tiễn, Tạp chí vẫn còn có khoảng

Digitized by Google

cách và sự bất cập. Nhiều đại biểu đề nghị Tạp chí cần có những bài tầm cỡ hơn, công phu hơn, mang tính khái quát cao hơn để lý giải, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận - thực tiễn như : kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; làm thế nào để giữ vững vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước nhưng không dẫn đến độc quyền ; mối quan hệ giữa đảng cầm quyền và sự quản lý của nhà nước, nhất là ở cấp địa phương và cơ sở ; đảng cầm quyền trong nền kinh tế thị trường; những khuynh hướng, tư tưởng trong cán bộ, đảng viên ; phân hóa xã hội trong các tầng lớp dân cư ; những kinh nghiệm đi lên của các nước, nhất là các nước quanh ta ; những dự báo cho tương lai ; v.v.. Tạp chí cũng cần có nhiều bài về địa phương và cơ sở hơn nữa.

Một số đại biểu đề nghị Tạp chí cần chú ý đến sự cân đối giữa các chuyên mục, số bài, số trang trong từng chuyên mục. Nhiều đại biểu cho rằng Tạp chí có các chuyên mục như hiện nay là cần thiết và hợp lý. Song phải chú ý có đủ bài thường xuyên cho từng chuyên mục. Một số chuyên mục được bạn đọc ở khu vực này quan tâm là *Nghiên cứu - Trao đổi, Thực tiễn - Kinh nghiệm, Sinh hoạt tư tưởng, Qua sách báo nước ngoài, Tìm hiểu khái niệm.* Nhiều đại biểu đề nghị Tạp chí tăng thêm số bài, số trang cho mục *Thực tiễn - Kinh nghiệm* vì nó giúp các địa phương, cơ sở trao đổi, học tập kinh nghiệm của nhau. Có đại biểu đề nghị thêm mục *Hỏi đáp - đáp hỏi* để Tạp chí gần gũi, gắn bó với dân hơn nữa. Có ý kiến đề nghị tăng thêm bài cho mục *Thế giới : vấn đề, sự kiện* và đổi tên gọi mục này thành mục *Quốc tế.*

Về hình thức, đông đảo đại biểu nhận định : Tạp chí đã có nhiều đổi mới, trình bày nghiêm túc, đẹp, trang nhã, nhưng vẫn cần tiếp tục cải tiến sao cho hấp dẫn hơn. Thí dụ, có thể thêm một số hình ảnh xen vào các bài để tạo cảm giác thanh thoát, bớt nặng nề.

Về quảng cáo trên Tạp chí nhiều ý kiến cho rằng mức độ quảng cáo của Tạp chí như thời gian qua là "được", và những quảng cáo đó cũng đã góp phần tuyên truyền, biểu dương những điển hình tốt trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Các đại biểu dự hội nghị đều vui mừng và thấy rất cần thiết *Tạp chí Cộng sản* xuất bản 2 kỳ/tháng ❑

P.V.

Thấy gì qua hai cuốn...

(Tiếp theo trang 45)

nhận là lực lượng chính trị duy nhất đã và đang lãnh đạo thành công cộng cuộc đổi mới ở Việt nam. Cụm từ ĐỔI MỚI đã trở thành một danh từ được quốc tế hóa, một hiện tượng được bạn bè trân trọng, coi đây là một thời kỳ phát triển và đáng ghi nhớ trong những mốc son lịch sử quang vinh của Việt nam. Không phải ngẫu nhiên mà tất cả những người đứng đầu nhà nước và chính phủ của 6 nước Tây và Bắc Âu mà đoàn đại biểu cấp cao Việt nam do Thủ tướng Võ Văn Kiệt dẫn đầu vừa sang thăm hồi cuối tháng 5 đầu tháng 6 vừa qua, đều đánh giá cao những thành tựu to lớn của Việt nam trong đổi mới và xây dựng đất nước. Thủ tướng Na-uy Grô Hác-lem nhấn mạnh : Nhân dân Việt nam đã từng thức tỉnh lương tri nhiều dân tộc. Ngày nay, khi Việt nam đang xây dựng lại đất nước, những người có lương tri trên thế giới không thể không có trách nhiệm đối với Việt nam[4].

Những điều nói trên đã quá đủ để bác bỏ những võ đoán sai lệch của Bùi Tín. Tiếng nói lạc lõng của Bùi Tín chắc chắn chẳng lừa bịp được ai. Bùi Tín chỉ tự lừa dối mình và với hành động này chỉ càng làm cho những người có lương tri khinh bỉ ❑

(4) Xem : báo *Nhân Dân*, ngày 5-6-1995

Digitized by Google

VAI TRÒ NHÀ NƯỚC TRONG SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở ĐÀI LOAN

NGUYỄN DUY HÙNG *

TRONG quá trình chuyển nền kinh tế từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, vai trò nhà nước ngày càng tăng lên với những nội dung và cách thức tác động phù hợp với các quy luật vận động khách quan của kinh tế thị trường. Kinh nghiệm của Đài loan đã chứng tỏ điều đó.

Trong những giai đoạn phát triển khác nhau, Chính phủ Đài loan có những vai trò khác nhau. Nhìn chung, ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển, Chính phủ đã tích cực can thiệp vào nhiều mặt trong hoạt động kinh tế hơn là giai đoạn sau. Những năm 1945-1959, vai trò của Chính phủ Đài loan là tạo ra môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, thuận lợi cho đầu tư như : khống chế chặt chẽ lạm phát, cải cách hệ thống lãi suất và sử dụng các xí nghiệp công cộng trong hoạt động tài chính của nhà nước. Trong thời kỳ này Chính phủ cũng đóng vai trò tích cực trong việc ổn định hóa khu vực nông thôn qua cải cách ruộng đất.

Những năm 1959-1972, Chính phủ có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển những ngành công nghiệp nhẹ thu hút nhiều lao động, hướng vào xuất khẩu. Chính phủ đã điều chỉnh lãi suất, thành lập các khu chế biến xuất khẩu, đưa ra chính sách ưu tiên về thuế và những phương sách khác để khuyến khích phát triển công nghiệp. Tuy nhiên, vào những năm 80 nhiều nguồn lao động rẻ của Đài loan đã cạn kiệt. Chính phủ lúc này lại phải điều chỉnh, nâng cấp cơ cấu kinh tế bằng cách đầu tư vào tri thức, kỹ thuật và vốn.

Vai trò của Chính phủ được thể hiện qua các chính sách:

1. Khống chế chặt chẽ lạm phát

Giá cả hàng hóa vừa chịu sự tác động của giá trị đồng tiền, vừa tác động đến tiền tệ và lạm phát. Ở Đài loan, năm 1949 *chỉ số giá bán buôn* (WPI) tăng đến 340,8% và năm 1950 là 305,5%. Để khống chế tỷ lệ siêu lạm phát năm, Chính phủ đã thực hiện nhiều bước đi như cải cách hệ thống tiền tệ qua việc thay đồng đô la cũ của Đài loan bằng đồng *đô la Đài loan mới* (NTD**) và bán vàng để tạo lập niềm tin của công dân vào đồng đô la mới. Chính phủ cũng tăng mạnh lãi suất lên 7%/tháng hoặc 125%/năm. Việc tăng mạnh lãi suất đã tác động rõ rệt đến việc kiềm chế lạm phát, làm chỉ số WPI giảm xuống 66% năm 1951, 23,1% năm 1952, 8,8% năm 1953 và đến nay vẫn giữ ở mức thấp nhất, trừ thời kỳ 2 cuộc khủng hoảng dầu lửa.

Tỷ lệ lạm phát trung bình là 7,6% thời kỳ 1953-1963 ; 1,8% thời kỳ 1963-1972 và 6,1% thời kỳ 1973-1988.

2. Ổn định lãi suất

Vào những năm 1950, Đài loan đã thực hiện một hệ thống lãi suất rất phức tạp. Trong hệ thống này có những lãi suất khác nhau giữa NTD và đô la Mỹ (USD) đối với những đơn vị kinh doanh khác nhau và đối với những mục đích khác nhau.

Ví dụ : lãi suất cho các xí nghiệp công cộng nhập khẩu nguyên liệu thô năm 1956 là 18,75% NTD cho 1 USD. Đối với các đơn vị tư nhân nhập xa xỉ phẩm, tỷ lệ đó là 24,78 NTD cho 1 USD. Năm 1958, 1 USD của ngành xuất nhập khẩu hàng hóa công nghiệp có thể đổi được 36,08 NTD trong khi ngành xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp chỉ đổi được 24,58 NTD. Mục đích của việc thực hiện hệ thống lãi suất phức tạp này là để hạn chế tiêu dùng và khuyến khích phát triển các xí nghiệp công cộng ở Đài loan. Trong những năm 60, Chính phủ đã từ bỏ hệ thống này. Hai thập kỷ tiếp theo, Chính phủ chủ trương duy trì một lãi suất thấp để tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành xuất khẩu ở Đài loan.

3. Mở rộng và nâng cấp cơ sở hạ tầng cho phát triển nông nghiệp

Cũng như ở nhiều nước đang phát triển khác, khu vực kinh tế tư nhân ở Đài loan không có khả năng cung cấp và tài trợ cho những dự án phát triển cơ sở hạ tầng. Trách nhiệm này thuộc về Chính phủ. Sự can thiệp của Chính phủ được bắt đầu bằng 10 dự án xây dựng lớn để nâng cấp cơ sở hạ tầng ở Đài loan. Gần đây, Chính phủ đã thực hiện kế hoạch phát triển quốc gia 6 năm với 300 tỉ USD, với mục đích phát triển hơn nữa cơ sở hạ tầng ở Đài loan.

4. Khuyến khích tiết kiệm

Ở thời kỳ đầu của quá trình phát triển, để khuyến khích đầu tư vào cả hai khu vực công cộng và tư nhân, Chính

* Vụ trưởng, Ban tổ chức Trung ương Đảng

** New Taiwan Dollar, dịch sang tiếng Việt là *đôla Đài loan mới*

Digitized by Google

phủ Đài loan duy trì chính sách lãi suất thấp. Tuy nhiên, mức lãi suất đó vẫn chưa đủ kích thích dân chúng tăng tiền gửi tiết kiệm và do đó không có đủ tiền dành cho thị trường vốn. Vào cuối những năm 50, Chính phủ thực hiện chính sách hạ thấp lãi suất hơn nữa. Ảnh hưởng của nó không chỉ là tăng tiết kiệm mà còn giảm cả lạm phát.

5. **Bảo vệ những ngành công nghiệp thay thế nhập khẩu**

Trong những năm 50 và 60, cũng như các nước đang phát triển khác, Chính phủ Đài loan đã chấp nhận và thực hiện chiến lược bảo vệ công nghiệp, như tăng thuế nhập khẩu tới hơn 30% và khống chế chặt chẽ nhập khẩu. Hơn nữa, hệ thống lãi suất phức tạp rất ưu đãi những ngành công nghiệp thay thế nhập khẩu.

6. **Sử dụng thặng dư của các xí nghiệp công cộng cung cấp tài chính cho hoạt động của nhà nước và cung cấp cơ sở hạ tầng với giá thấp**

Các xí nghiệp công cộng là nền tảng của sự phát triển kinh tế sớm của Đài loan. Khi tiếp quản những xí nghiệp được thành lập trong thời kỳ còn là thuộc địa của Nhật bản, thay vì tư nhân hóa ngay lập tức, Chính phủ vẫn duy trì chúng cho các mục đích :

- Kinh tế : Các xí nghiệp công cộng như Liên hiệp điện lực Đài loan và Liên hiệp dầu khí Trung quốc cung cấp cho tư nhân những nhu cầu bức thiết về năng lượng. Những xí nghiệp khác là những ngành công nghiệp cung cấp cho khu vực tư nhân những sản phẩm công nghiệp với giá cả có thể chấp nhận. Thêm vào đó, việc duy trì các xí nghiệp công cộng cho phép Chính phủ tăng thêm việc làm cho công dân Đài loan trong những năm đầu phát triển kinh tế, hạn chế tỷ lệ thất nghiệp.

- Tài chính : thặng dư của các xí nghiệp công cộng được chuyển cho các cơ quan chính phủ và cung cấp tài chính cho các hoạt động của Chính phủ.

- Xã hội : Chính phủ có khả năng cung cấp y tế và các dịch vụ xã hội với giá thấp.

Trong sự phát triển chung của nền kinh tế, vai trò các xí nghiệp công cộng của Chính phủ dần dần giảm xuống : năm 1952, các xí nghiệp công cộng chiếm 56,6% tổng giá trị tăng thêm của cả nước, 56,2% tổng giá trị tăng thêm của khu vực công nghiệp và 100% trong công nghiệp dịch vụ xã hội ; năm 1992 phần đóng góp của nó trong tổng giá trị tăng thêm chỉ là 18%.

7. **Thúc đẩy phát triển công nghiệp thông qua các chính sách công nghiệp**

Một trong những nhân tố then chốt đóng góp vào sự tăng trưởng mạnh của nền kinh tế Đài loan là sự phát triển của khu vực công nghiệp. Nguyên nhân sâu xa của thành công này là Chính phủ chấp nhận một chính sách công nghiệp thích hợp với những lợi thế so sánh của Đài loan. Đó là những ngành tập trung lao động, chủ yếu là công nghiệp nhẹ hướng vào xuất khẩu. Các chính sách này tạo thêm nhiều việc làm cho lao động và tăng trao đổi ngoại tệ. Lao động trong khu vực nông nghiệp năm 1962 chiếm hơn 50%, đến năm 1992 tụt xuống còn 10% ; lao động trong công nghiệp đã tăng tương ứng từ 12,4% lên 30,1%.

Những chính sách công nghiệp đặc biệt nhằm phát triển các ngành công nghiệp tập trung nhiều lao động được ghi trong quy chế khuyến khích đầu tư (SEI) và được thi hành vào năm 1960. Mục đích là khuyến khích đầu tư, gửi tiền tiết kiệm, tăng xuất khẩu, bảo hiểm lợi nhuận và mở rộng sản xuất. SEI có chính sách miễn thuế % năm : mức thuế cao nhất của các xí nghiệp là 18%, miễn thuế thu nhập trong lãi suất lợi nhuận có thời hạn gửi 2 năm, khấu trừ 2% thu nhập bị đánh thuế của lãi suất xuất khẩu, miễn thuế kinh doanh cho các xí nghiệp xuất khẩu.

8. **Phát triển lực lượng lao động trình độ cao**

Lực lượng lao động được đào tạo tốt là một trong những nhân tố quan trọng khiến Đài loan phát triển kinh tế nhanh. Là nước đi sau, Đài loan có thể học hỏi và vay mượn kỹ thuật tiên tiến với giá thấp. Để thực hiện điều đó, Chính phủ Đài loan tập trung đầu tư vào giáo dục để phát triển lực lượng lao động trình độ cao.

- Trong bậc giáo dục sơ cấp : Chính phủ thi hành hiến pháp năm 1945, thiết lập nền giáo dục tiểu học tự do và bắt buộc trong hệ thống giáo dục quốc gia đối với trẻ em từ 6 đến 12 tuổi. Khi Đài loan bắt đầu đạt được những thành quả đáng kể trong nền kinh tế thì mục tiêu đưa đại đa số trẻ em trong độ tuổi đi học vào hệ thống giáo dục quốc gia hầu như đã được hoàn thành.

- Trong bậc giáo dục trung học : Để chuẩn bị một lực lượng lao động cần thiết cho sự phát triển nhanh chóng các ngành công nghiệp tập trung lao động trong những năm 60 và 70, Chính phủ mở rộng bậc giáo dục trung học từ những năm 50 và 60, và đến năm 1968 thì đưa bậc giáo dục này vào hệ thống giáo dục quốc gia, học sinh học không mất tiền.

- Phát triển giáo dục bậc cao hơn : Trong 3 thập kỷ gần đây, số sinh viên có trình độ cao học tăng lên rõ rệt. Năm 1952 chỉ có 3% số nam giới và một số không đáng kể nữ giới ở độ tuổi 18-21 học ở bậc đại học. Con số này tăng lên tương ứng 8% và 3% giữa những năm 1960, 12% và 7% giữa những năm 1970. Giữa những năm 1980, số sinh viên đại học và cao đẳng ở Đài loan là trên 10 ngàn người; tính bình quân đầu người cao hơn ở Anh và Pháp.

Kinh nghiệm của Đài loan cho thấy nhà nước có vai trò quan trọng như thế nào trong phát triển kinh tế xã hội. Đây là một bài học cần tham khảo đối với các nước đang phát triển ❑

Digitized by Google

LẬP PHÁP, HÀNH PHÁP, TƯ PHÁP VÀ QUAN HỆ GIỮA BA QUYỀN ĐÓ

● **LẬP PHÁP** là hoạt động xây dựng pháp luật của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, thực hiện chức năng lập hiến và lập pháp. Luật là hình thức cao nhất của việc thực hiện quyền lực nhà nước không chỉ vì hiệu lực pháp lý của nó mà còn vì sự ủy quyền pháp lý (luật do chính những đại biểu do dân bầu ra phê chuẩn). Năng lực định ra một hệ thống pháp luật đúng đắn, đồng bộ của nhà nước pháp quyền chủ yếu thuộc về cơ quan lập pháp. Phạm vi quyền và nghĩa vụ của quyền lập pháp phải được xác định rõ ràng, bởi vì trên thực tế nhiều khi quyền lập pháp bị các văn bản dưới luật (các văn bản do quyền hành pháp ban hành) phá vỡ, hoặc có khi quyền hành pháp lấn át quyền lập pháp. Giới hạn của quyền lập pháp được Hiến pháp xác định, thể hiện tính tối cao của đạo luật cơ bản. Bất kỳ một đạo luật nào khác đều phải phù hợp với Hiến pháp. Mọi văn bản luật phải tuân thủ theo những quyền và trình tự lập pháp nhất định. Thẩm quyền ở đây được hiểu là chức năng lập pháp của những người được nhân dân ủy quyền. Còn trình tự, thủ tục hình thức ban hành được pháp luật quy định cụ thể. Ngôn ngữ luật phải rõ ràng, dễ hiểu. Các văn bản của cơ quan lập pháp phải được kiểm tra thường xuyên xem có vi phạm và trái với Hiến pháp hay không.

Ở nước ta, Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp, quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước và thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước. Diễn đàn của Quốc hội là tiếng nói của nhân dân thông qua các đại biểu của mình, quyết định những vấn đề có quy mô quốc gia. Tất cả những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định về mặt nhà nước được bàn bạc dân chủ ở các cuộc họp Quốc hội và được thông qua dưới dạng nghị quyết có giá trị như các đạo luật mà không một tổ chức hoặc cá nhân nào được thay đổi hay không thực hiện. Điều đó đặt ra yêu cầu rất cao đối với Quốc hội và mỗi đại biểu Quốc hội về ý thức và trách nhiệm đối với chất lượng các đạo luật, các quyết định của mình. Tất cả các vấn đề ấy liên quan đến việc đổi mới tiêu chuẩn đại biểu, chế độ bầu cử và quy chế làm việc của Quốc hội, đến chế độ làm việc chuyên trách và không chuyên trách của các đại biểu Quốc hội v.v., Tất cả những vấn đề này đã được quy định cụ thể trong Luật tổ chức Quốc hội và Luật bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1992.

● **HÀNH PHÁP** là hoạt động của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực tổ chức thực thi Hiến pháp và pháp luật. Hiệu quả và hiệu lực quản lý nhà nước trước hết phụ thuộc vào tổ chức và hoạt động của hệ thống hành pháp của đất nước. Chính phủ vừa là cơ quan chấp hành của Quốc hội, vừa là cơ quan hành chính cao nhất. Quyền lập quy (quyền ra các văn bản dưới luật) của Chính phủ không được đối lập, mâu thuẫn với quyền lập pháp của Quốc hội. Chính phủ là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, trước hết và chủ yếu trong lĩnh vực ban hành các văn bản pháp quy, cụ thể hóa luật, và tổ chức thực hiện nó trong quản lý nhà nước về mọi mặt. Chính phủ, với chức năng quản lý hành chính nhà nước trong phạm vi cả nước, giữ vững sự thống nhất quyền lực nhà nước, phát huy tính chủ động sáng tạo của địa phương, của cơ sở và của toàn dân, chống tập trung quan liêu, cục bộ, địa phương. Với vị trí và chức năng đó, Thủ tướng có những quyền hạn rộng rãi do Hiến pháp quy định, có quyền đề nghị Quốc hội và, trong thời gian Quốc hội không họp, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức phó thủ tướng, bộ trưởng và các thành viên khác của chính phủ, Thủ tướng có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các thứ trưởng và chức vụ tương đương, phê chuẩn việc bầu cử, miễn nhiệm, điều động, cách chức chủ tịch, các phó

Digitized by Google

chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Thủ tướng điều hòa, phối hợp và chỉ huy công việc của chính phủ theo nguyên tắc thủ trưởng để khắc phục tình trạng thiếu trách nhiệm, dựa dẫm nhau, làm giảm hiệu lực và sự nhạy bén trong quản lý điều hành. Bộ trưởng có thẩm quyền và trách nhiệm trong phạm vi cả nước đối với ngành hay lĩnh vực được phân công. Các quyết định của bộ trưởng có nội dung quản lý ngành hay lĩnh vực thuộc thẩm quyền của bộ mình, có hiệu lực thi hành đối với tất cả các bộ khác, các cơ quan chính quyền địa phương và công dân trong cả nước.

• **TƯ PHÁP** là hoạt động của hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật bằng việc áp dụng đúng đắn luật và các văn bản luật. Có thể coi hệ thống tư pháp như là bộ phận chuyển tải quyền lực nhà nước thể hiện trong việc đưa pháp luật vào đời sống thông qua cách giải quyết các vụ việc cụ thể. Tư pháp thực hiện chức năng kiểm tra đối với hành vi của quyền lập pháp và hành pháp. Khi quyền và lợi ích của bất kỳ một pháp nhân hay công dân nào đó bị vi phạm từ phía cơ quan hành pháp cũng như lập pháp, thì cơ quan tư pháp là người đứng ra bảo vệ. Tiền đề cơ bản cho sự hoạt động của cơ quan tư pháp là sự độc lập của các thẩm phán và các tòa án, chỉ tuân theo pháp luật khi xét xử. Không thể có bất cứ sự can thiệp nào của chính quyền nhà nước, của hệ thống tư pháp, của xã hội vào việc thông qua một bản án cụ thể. Hiện nay nhà nước ta cố gắng mở rộng thẩm quyền của tòa án bằng việc hình thành từng bước các tòa án theo hướng chuyên môn hóa, đồng thời chuyển chế độ thẩm phán *bầu* thành chế độ thẩm phán *bổ nhiệm*, xây dựng một đội ngũ thẩm phán chuyên nghiệp có đủ điều kiện độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân - một mắt khâu trong hệ thống tư pháp - có vai trò quan trọng trong việc thực hiện quyền công tố nhà nước, bảo đảm tính thống nhất của pháp chế trong hoạt động bảo vệ pháp luật. Nhằm nâng cao trách nhiệm của viện kiểm sát nhân dân địa phương trong đấu tranh và phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm, nhằm bảo đảm pháp luật được thực hành nghiêm chỉnh và thống nhất ở địa phương, Hiến pháp năm 1992 quy định : Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân địa phương chịu trách nhiệm báo cáo trước Hội đồng nhân dân về tình hình thi hành pháp luật ở địa phương và trả lời chất vấn của đại biểu hội đồng nhân dân.

• **QUAN HỆ GIỮA BA QUYỀN.** Ở phương Tây, lý luận về phân quyền là cơ sở của quan niệm về nhà nước pháp quyền thể hiện trong Hiến pháp của Mỹ, Đức, Hy lạp, Bỉ và nhiều nước khác.

Ở Việt nam, chúng ta chủ trương xây dựng một nhà nước mà trong đó quyền lực nhà nước là thống nhất đồng thời có sự phân định rõ ràng theo *ba* chức năng cơ bản *lập pháp, hành pháp* và *tư pháp*. Các chức năng ấy độc lập tương đối với nhau theo tính chất và phương thức thực hiện, nhưng lại thống nhất với nhau vì đều xuất phát từ quyền lực thuộc về nhân dân, thể hiện tập trung trong Hiến pháp và các đạo luật do Quốc hội, cơ quan quyền lực cao nhất ban hành. Việc tổ chức thực hiện các chức năng đó về kỹ thuật sao cho giữa chúng có sự kiểm soát và giám sát lẫn nhau mà không phân lập và đối lập, là nhằm bảo đảm trên thực tế hiệu lực và hiệu quả của nhà nước và pháp luật, thực hiện một nền dân chủ được kiểm tra, kiểm sát, hạn chế sự lộng quyền, lạm quyền.

Nói cách khác, ở nước ta, quyền lực nhà nước là thống nhất, đồng thời có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sự phân công và phối hợp thực hiện ba quyền ấy chính là nhằm bảo đảm tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước lành mạnh, có hiệu quả. Nhà nước ta không thừa nhận nguyên tắc "tam quyền phân lập" chính là để bảo đảm bản chất của nhà nước là quyền lực thống nhất thuộc về nhân dân ❑

Digitized by Google

● HỘI THẢO KHOA HỌC : "50 NĂM VĂN HỌC VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM"

NGÀY 3-6-1995, tại hội trường Trường đại học quốc gia Hà nội đã diễn ra cuộc hội thảo khoa học : "50 năm văn học Việt nam sau Cách mạng Tháng Tám". Đây là một hội thảo khoa học được tổ chức công phu với sự phối hợp của khoa Ngữ văn Trường đại học sư phạm Hà nội I, Trường đại học tổng hợp Hà nội, Trường viết văn Nguyễn Du và tạp chí *Văn nghệ quân đội*. Đông đảo các nhà lãnh đạo văn hóa, giáo dục đào tạo, các cán bộ nghiên cứu và đại diện các cơ quan thông tấn báo chí đã đến dự hội thảo.

Lời khai mạc và chào mừng của Thứ trưởng Bộ văn hóa Tổng thư ký Hội nhà văn Nguyễn Khoa Điềm, của Giáo sư tiến sĩ, Giám đốc trường đại học quốc gia Nguyễn Văn Đạo, đều nêu bật ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Tháng Tám. Đây là cuộc cách mạng đã khai sinh ra một nước Việt nam mới xã hội chủ nghĩa, khai sinh ra một nền văn học mới dưới sự lãnh đạo của Đảng. Văn học Việt nam sau cách mạng, với tất cả sự nỗ lực của mình, đã thu được nhiều thành tựu đáng tự hào. Hội thảo khoa học lần này là một dịp để các nhà văn, các nhà nghiên cứu giảng dạy, các nhà lý luận phê bình nhìn lại quá trình vận động của nền văn học cách mạng trong nửa thế kỷ qua, từ đó đề xuất ý kiến và tiếp tục xây dựng một nền văn nghệ theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đậm đà bản sắc dân tộc.

Các nhà nghiên cứu, nhà văn quân đội như Đinh Xuân Dũng, Xuân Thiều, từ sự khảo sát bước đầu tình hình văn học viết về chiến tranh cách mạng, đã cho rằng : trong mấy thập kỷ qua, văn học viết về đề tài này chiếm một vị trí quan trọng, và trong thực tế, không ít tác phẩm đã để lại dấu ấn sâu sắc trong người đọc. Dường như cho đến nay, đề tài viết về người lính vẫn có sức hấp dẫn đối với người cầm bút. Song để viết hay, cần phải có cái nhìn mới hơn, đa diện hơn, sâu sắc hơn. Từ thực tế văn học, nhà văn Xuân Thiều đã lên tiếng cảnh tỉnh việc xuất hiện ở một số tác phẩm cá biệt tình trạng cường điệu những mất mát hy sinh của dân tộc, xuyên tạc chiến tranh hoặc bóp méo hình ảnh người lính, coi họ là những kẻ bệnh hoạn, không chiến đấu cho một lý tưởng cụ thể nào. Đây là một hiện tượng cần được chấm dứt.

Xem xét văn học như một quá trình vận động không ngừng theo quan điểm lịch sử, nhận ra sự tiếp nối và đứt đoạn của văn học cách mạng, nhà nghiên cứu Trần Đình Sử đã đề xuất một cách nhìn mới về văn học. Nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Long yêu cầu đánh giá một nền văn học muốn khách quan và toàn diện thì phải đặt nó trong tương quan toàn cảnh thời đại và trong tiến trình văn học dân tộc. Báo cáo của Phạm Vĩnh Cư cố gắng nhận diện văn học cách mạng trong mối giao lưu văn hóa với các nền văn học khác. Quả thực, để tự "làm giàu" cho mình, ngoài việc tiếp thụ những tinh hoa truyền thống văn học dân tộc, đã tích cực tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Song trong mối quan hệ giao lưu này, chúng ta còn nhiều hạn chế cả về mặt quan điểm, nội dung, phương thức và phương pháp, cả trong tổ chức và cơ chế vận hành.

Là một người quan tâm đến các cây bút trẻ, giáo sư Huỳnh Khái Vinh khẳng định những đóng góp của lớp trẻ trong văn học đương đại. Các cây bút trẻ chính là những người sẽ tạo ra những giá trị văn học nghệ thuật bằng cái tài và cái tâm của mình. Việc chăm lo, bồi dưỡng các tài năng văn học, vì thế, cần một sự đầu tư và quan tâm thỏa đáng từ nhiều phía.

Quan tâm đến những tìm tòi về cả hình thức lẫn nội dung của một số cây bút tiêu biểu như Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Minh Châu..., báo cáo của các nhà phê bình Vương Trí Nhàn, Lê Lưu Oanh, Nguyễn Trí Nguyên đã đặt ra nhiều vấn đề mới và cần được tiếp tục trao đổi bàn bạc thêm. Từ góc độ một người làm thơ, Bế Kiến Quốc cho rằng, cái cốt lõi làm nên thơ ca là nó phải thể hiện sâu sắc tình yêu Tổ quốc và tình yêu nhân dân. Trong cuộc hội thảo lần này, một số cây hút khác đã tập trung phân tích các vấn đề cụ thể : sự kiếm tìm hình thức biểu hiện trong thơ, vấn đề giọng điệu trần thuật, cấu trúc tác phẩm, nhân vật văn học... Nhìn chung, các báo cáo khoa học đã cố gắng thể hiện một cái nhìn khoa học, tỉnh táo, khách quan về sự trưởng thành lớn mạnh của văn học cách mạng hơn nửa thế kỷ qua, đồng thời cũng chỉ ra một số hạn chế nhất định cần khắc phục.

Tổng kết cuộc hội thảo khoa học, Phó tổng biên tập tạp chí *Văn nghệ quân đội* Lê Thành Nghị cho rằng : Đánh giá một nền văn học đang vận động là một việc làm khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự hợp sức đóng góp của giới sáng tác cũng như giới lý luận phê bình. Việc nhìn nhận, đánh giá lại

Digitized by Google

một chặng đường văn học một cách khách quan khoa học là hết sức cần thiết, vì nó là một cơ sở để hoạch định những bước đi cho tương lai. Hội thảo khoa học với tinh thần dân chủ, cởi mở, là một trong những "hợp sức" mở đầu. Tất nhiên, trong hội thảo, có nhiều ý kiến còn khác nhau. Đó là lẽ thường tình, và như vậy khoa học mới mở ra lối đi và phát triển.

LỆ MAI *(thực hiện)*

● ĐOÀN ĐẠI BIỂU TẠP CHÍ A-LUN-MAY (LÀO) THĂM VIỆT NAM

NHẬN lời mời của Ban biên tập *Tạp chí Cộng sản*, cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Đoàn đại biểu Tạp chí A-lu-may, cơ quan lý luận của Trung ương Đảng nhân dân cách mạng Lào, do đồng chí Tổng biên tập Viêng-xay Sô-va-lít dẫn đầu, đã sang thăm Việt nam từ ngày 1 đến ngày 9 tháng 6 năm 1995.

Trong thời gian ở thăm Việt nam, Đoàn đã làm việc với các đồng chí lãnh đạo Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*. Hai bên đã thông báo cho nhau tình hình hai nước và công tác của hai tạp chí, trao đổi những kinh nghiệm hoạt động của hai tạp chí trong sự nghiệp đổi mới ở Việt nam và ở Lào. Ngày 5-6, đồng chí Nguyễn Đình Tứ, Ủy viên Ban Bí thư Trung ương Đảng đã tiếp và nói chuyện thân mật với Đoàn, hoan nghênh việc tăng cường quan hệ hợp tác giữa hai tạp chí của hai Đảng. Cùng dự buổi tiếp có đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản*. Đồng chí Phon-khăm In-tha-bua-ly, Tham tán Đại sứ quán Lào tại Hà nội, cũng có mặt trong buổi tiếp.

Đoàn đã vào thăm Bảo tàng Hồ Chí Minh, đi thăm một số cơ sở kinh tế và văn hoá ở Hà nội, Hải phòng và TP Hồ Chí Minh.

Ngày 9-6-1995, Đoàn đã lên đường về nước.

★ TIN VẮN ★ TIN VẮN ★

Nhân kỷ niệm lần thứ 70 Ngày báo chí Việt nam (21 - 6)

• Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã tổ chức mít tinh trọng thể tại trụ sở cơ quan để ôn lại truyền thống báo chí cách mạng và xác định nhiệm vụ của mình trong giai đoạn mới.

• Đại diện Bộ biên tập đã đến tặng hoa chúc mừng Hội nhà báo Việt nam.

• Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã tổ chức lễ trao tặng Huy chương "Vì sự nghiệp báo chí Việt nam" của Hội nhà báo Việt nam cho nhà báo *Bùi Ngọc Trình*, Trưởng Ban chính trị của Tạp chí.

Như vậy, đến nay Tạp chí Cộng sản đã có 29 đồng chí được nhận Huy chương cao quý này.

LỜI CẢM ƠN

Nhân kỷ niệm lần thứ 70 **Ngày báo chí Việt nam 21-6,** *Bộ biên tập Tạp chí đã nhận được nhiều thư, quà và thiếp chúc mừng của cá nhân và tập thể các cơ quan đảng, nhà nước, các đoàn thể nhân dân ở trung ương và địa phương, các tạp chí, báo, đài, các cộng tác viên, thông tin viên và bạn đọc Tạp chí.*

Ban biên tập **Tạp chí Cộng sản** *xin chân thành cảm ơn những tình cảm cao quý và sự quan tâm sâu sắc của các đồng chí và các bạn. Chúng tôi sẽ cố gắng nhiều hơn nữa để Tạp chí xứng đáng là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng cộng sản Việt nam, xứng đáng với sự tin cậy và lòng mong mỏi của bạn đọc.*

BAN BIÊN TẬP TCCS

Digitized by Google

NÔNG TRƯỜNG CÀ PHÊ THẮNG LỢI

Địa chỉ : Km 16 - Quốc lộ 26A (đường Buôn Ma Thuột - Nha Trang)
Điện thoại : (01.50) 58212 - 58215

NHIỆM VỤ : - Trồng và chế biến cà phê nhân xuất khẩu
- Xuất khẩu các mặt hàng nông sản
- Nhập khẩu thiết bị, máy móc, vật tư và hàng hóa tiêu dùng



* Tổng diện tích : 2.300ha - Trong đó :
1.300ha cà phê quốc doanh
1.000ha cà phê liên kết

* Diện tích cà phê kinh doanh : 1.700ha
Trong đó : 900ha cà phê quốc doanh
800ha cà phê liên kết

* Sản phẩm cà phê nhân của Nông trường Thắng Lợi đã được xuất khẩu sang các thị trường Đức, Anh, Singapore, và nhiều nước Châu Âu.

NÔNG TRƯỜNG CÀ PHÊ EA CHUA CAP

(Thuộc LHCXN CÀ PHÊ VIỆT NAM)

Địa chỉ : Km 4 - Quốc lộ 27 - Hòa Thắng - Buôn Ma Thuột - Daklak
Điện thoại : (01.50) 53469



* Sản xuất, chế biến, kinh doanh cà phê và vật tư nông nghiệp.

* Đang quản lý 700ha cà phê kinh doanh, sản lượng hàng năm trên 2.000 tấn nhân.

* Nông trường sẵn sàng liên kết với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để kinh doanh và đầu tư thâm canh, chế biến, nâng cao chất lượng cà phê.

Digitized by Google

PETROVIETNAM TRADING COMPANY

PETECHIM

Head office : 70A Ba Huyen Thanh Quan St., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84.8)231092 / 200775
Fax : 84.8.224637
Telex : 813209 PETIM VT

Ha Noi Branch : 80 Nguyen Du St., Ha Noi
Tel : (84.4)228982
Fax : 84.4.228982

Vung Tau Branch : 10 Le Loi, Vung Tau
Tel : (84.64)52929
Fax : 84.64.58863



CÔNG TY THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ - PETECHIM *trực thuộc Petro VN. Được đảm trách :*

*** Kinh doanh dầu thô và các sản phẩm dầu mỏ**

*** Mua sắm vật tư và thiết bị dầu mỏ**

*** Tiến hành và cung cấp các dịch vụ cho các dự án dầu mỏ**

*** Tư vấn cho các hoạt động dầu mỏ ở Việt nam**

Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo toàn diện của Petro V.N - Petechim đã có những hoạt động kịp thời, nhạy bén trong chức năng của mình, thành công trong chức năng thương mại và cả công tác nhân sự, chuẩn bị cho những bước phát triển mới, Petechim trong Petro V.N đã góp phần quan trọng cho sự tăng trưởng kinh tế của đất nước.

Digitized by Google

INEXIM DAKLAK

DAKLAK INVESTMENT EXPORT - IMPORT CORPORATION

HEAD OFFICE
[illegible] Dien Street,
Buon Ma Thuot, Daklak,
VIETNAM.
TEL : [illegible] 52951 - 52234
FAX : 84.50.52864
TELEX : 812189 INEXDL - VT

HOCHIMINH CITY BRANCH
149 Nguyen Dinh Chieu Street,
Dist. 3, Hochiminh City,
VIETNAM.
TEL : 225412 - 231036 - 244649
FAX : 84.8.242705
TELEX : 811583 INEXDK - VT

HANOI CITY BRANCH
02B Dang Thai Than Street,
Dist. Hoan Kiem, Ha Noi Cit
VIETNAM.
TEL/FAX : 84.4.266889



Digitized by Google

128



Hân hạnh được
đón tiếp quý khách

Công ty Bia SAIGON

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5 TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 559595 - 6 HAI BÀ TRƯNG, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 294083

Chất Lượng. Thơm Ngon. Bổ Dưỡng

HX9
V5
H63
v. 1995
no. 8
MAIN

Tạp chí Cộng sản



The Library - UC Berkeley
Received on: 08-08-95
Tap Chi Cong San

Digitized by Google

CÔNG TY CÔNG VIÊN CÂY XANH

Số 02 Công trường Quốc tế - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh
Tel : 295.729 - 292.796



Cùng các đối tác phía VN. CTY công viên Cây Xanh đã tham gia Dự án 23/9 : "TRUNG TÂM VĂN HÓA THƯƠNG MẠI SÀI GÒN". Phía bạn là tập đoàn nổi tiếng Jin Wen (Đài loan). Hơn 70% diện tích của dự án sẽ là thảm xanh cây và hoa cỏ. Đây là công trình quan trọng tầm cỡ quốc gia đầu tiên ở VN được thiết kế tổng hòa trong các cảnh quan cây xanh cổng chào lớn vòi phun nước, nhạc nước, khu vui chơi triển lãm, thương xá, khu biểu diễn... 8500 m^2, ngoài ra, khu hậu công viên 7600 m^2...

Cuối năm 95 này khởi công, từng bước các công trình đi vào hoạt động. Năm 1998 hoàn thành với 2000 CBCNV điều hành. Trên 500 triệu USD được đầu tư.

TRUNG TÂM VĂN HÓA THƯƠNG MẠI SÀI GÒN là một nỗ lực rất lớn của CTY công viên Cây Xanh và các bên liên quan. Nó sẽ biến khu Công viên 23/9 hiện nay thành nơi thưởng ngoạn, du lịch, sinh hoạt văn hóa đông vui, mĩ lệ, nhiều ý nghĩa của thành phố Hồ Chí Minh và cả nước, bước vào thiên niên kỉ mới.

Kinh doanh hoạt động chính :

1. Thiết kế, thi công trang trí sân vườn, xây dựng công viên, lắp đặt trò chơi.
2. Cung cấp và trồng cây xanh, hoa kiểng.
3. Đốn mé cây xanh đô thị.
4. Cửa xẻ gỗ, gia công đồ mộc, trang trí nội thất.
5. Cho thuê các phương tiện vận tải chuyên ngành như : Xe tưới cây, kéo cây, xe thang.
6. Nhận quảng cáo kinh tế, văn hóa trong công viên.
7. Nơi giải trí lý tưởng :

- **Công viên Văn hóa :**
- Mảng xanh du lịch, nơi nghỉ ngơi, vui chơi giải trí trung tâm thành phố.
- Địa điểm tổ chức lễ hội.
- Chương trình ca nhạc sân khấu Trống Đồng hàng đêm với các tiết mục ca nhạc đậm đà tính dân tộc.

- **Công viên Gia Định :**
Đang kêu gọi vốn đầu tư. Liên doanh với nước ngoài, xây dựng nâng cấp thành công viên vui chơi giải trí nghỉ ngơi, kết hợp sân tập đánh golf.
- **Công viên Lê Văn Tám :**
Đang được đầu tư nâng cấp phục vụ thiếu nhi vui chơi giải trí, nơi nghỉ ngơi lý tưởng.



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 476

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

VŨ MÃO - Về đổi mới công tác lập pháp 3
TRẦN ĐÌNH HOAN - Thực tiễn chính sách xã hội và việc bảo vệ quyền con người ở Việt nam 8
NGUYỄN KHẮC HIẾN và NGUYỄN XUÂN QUANG - Vấn đề lập thị trường chứng khoán ở nước ta 12
MAI HỮU THỰC - Tư tưởng của Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước trong hệ thống chính sách kinh tế mới 17

Nghiên cứu - Trao đổi

TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Tương lai dưới con mắt nhà tương lai học An-vin Tô-phlơ (tiếp theo kỳ trước) 21
LÊ HỒNG TIẾN - Một số vấn đề về đổi mới doanh nghiệp nhà nước ở nước ta hiện nay 27
NGUYỄN VĂN PHƯƠNG - Nguy cơ tụt hậu về kinh tế : những vấn đề đang đặt ra và kiến nghị 32

Thực tiễn - Kinh nghiệm

HOÀNG THỊ QUỲNH VÂN - Đổi mới cách đầu tư ngân sách cho văn hóa 35
TRẦN ANH HỌC - Kim sơn : Tiềm năng và những thách thức 39

Điều tra

BẠCH HỒNG VIỆT - Vấn đề giàu nghèo trong cơ chế thị trường 42

Sinh hoạt tư tưởng

NGUYỄN TRUNG THỰC - "Trả đũa" 46

Thư gửi Bộ biên tập

NGUYỄN KHẮC TRUNG - Cần sớm thực hiện một nền nông nghiệp sạch (nông nghiệp bền vững) 48

Thế giới : Vấn đề, sự kiện

HÀ VĂN THẦM - Việt nam gia nhập ASEAN và tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 50

Tìm hiểu khái niệm

Tỷ giá, chính sách tỷ giá 53

Bìa 1 : Đường Trần Phú (Tp Nha trang) Ảnh Quốc Thanh Công

СОДЕРЖАНИЕ

ВУ МАО - Обновление в законодательстве. ЧАН ДИНЬ ХОАН - Социальные политики и проблема защиты прав человека во Вьетнаме. НГУЕН ХАК ХИЕН и НГУЕН СУАН КЬАНГ - Проблема создания биржевого рынка в нашей стране. МАИ ХЫУ ТХЫК - Ленинские идеи о государственном капитализме в системе новых экономических линий. ЧАН СУАН ЧЫОНГ - Будущее глазами футуролога Альвина Тоффлера (продолжение). ЛЕ ХОНГ ТИЕН - Некоторые проблемы в овновлении государственных предприятий в нашей стране на нынешнем этапе. НГУЕН ВАН ФУОНГ - Опастность отставания в экономике : проблемы и предложения. ХОАНГ ТХИ КУЙН ВАН - Обновление финансовой инвестиции для культуры. БАИК ХОНГ ВЬЕТ - Богатые и бедные в рыночном механизме. ХА ВАН ТХАМ - Соединение Вьетнама к АСЕАН и идеи Хо Ши Мина о интернациональной дружбе.

CONTENTS

VŨ MÃO - On the renovation in legislation. TRẦN ĐÌNH HOAN - Reality of social policies and protection of human rights in Vietnam. NGUYỄN KHẮC HIỂN and NGUYỄN XUÂN QUANG - Problem of creating a stock-market in our country. MAI HỮU THỰC - Lenin's ideas on State capitalism in the system of new economic policies. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Future in the eyes of futurologist Alvin Toffler (continuation). LÊ HỒNG TIẾN - Some problems in renovation of State enterprises in our country at the present. NGUYỄN VĂN PHƯƠNG - The danger of being lag in economics : problems and proposals. HOÀNG THỊ QUỲNH VÂN - Renewing financial investment in culture. BẠCH HỒNG VIỆT - The rich and the poor in market mechanism. HÀ VĂN THẮM - Vietnam's admission to ASEAN and ideas of Ho Chi Minh on international solidarity.

SOMMAIRE

VŨ MÃO - Sur le renouveau du travail législatif. TRẦN ĐÌNH HOAN - La réalité de la politique sociale et la défense des droits de l'homme au Vietnam. NGUYỄN KHẮC HIỂN et NGUYỄN XUÂN QUANG - Sur la création de la bourse dans notre pays. MAI HỮU THỰC - La pensée de V.I. Lénine sur le capitalisme d'Etat dans le système de la nouvelle politique économique. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - L'avenir sous les yeux du futurologue Alvin Toffler (suite). LÊ HỒNG TIẾN - Quelques questions sur le renouveau actuel des entreprises d'Etat dans notre pays. NGUYỄN VĂN PHƯƠNG - Le risque d'être en retard en économie : problèmes et propositions. HOÀNG THỊ QUỲNH VÂN - Le renouveau des investissements budgétaires dans la culture. BẠCH HỒNG VIỆT - Pauvreté et richesse dans le mécanisme du marché. HÀ VĂN THẮM - L'adhésion du Vietnam à l'ANASE et la pensée de Ho Chi Minh sur la solidarité internationale.

SUMARIO

VŨ MÃO - Sobre la renovación del trabajo legislativo. TRẦN ĐÌNH HOAN - La realidad de las políticas sociales y la protección del derecho del hombre en Vietnam. NGUYỄN KHẮC HIỂN y NGUYỄN XUÂN QUANG - El problema de creación del mercado de valores en Vietnam. MAI HỮU THỰC- El pensamiento de Lenin sobre el capitalismo del Estado en el sistema de las políticas de nueva economía. TRẦN XUÂN TRƯỜNG - El porvenir a los ojos del futurista Alvin Toffleur (continuación). LÊ HỒNG TIẾN - Algunos problemas sobre la renovación de las empresas estatales en Vietnam de hoy. NGUYỄN VĂN PHƯƠNG- El peligro del retraso económico : problemas y proposiciones. HOÀNG THỊ QUỲNH VÂN - Renovar la forma de la inversión presupuestaria en la cultura. BẠCH HỒNG VIỆT - El problema de la riqueza y la pobreza en el mecanismo de mercado. HÀ VĂN THẮM - La participación de Vietnam a la ASEAN y el pensamiento de Hồ Chí Minh sobre la solidaridad internacional.

目錄

●武卯:《關于立法工作的革新》● 陳亭歡:《越南社會政策實踐和人權保衛工作》● 陳克軒、阮春光:《越南証券交易市場的成立》● 梅友寶:《列寧關于新經濟政策系統中的國家資本主義理論》● 陳春長:《未來學專家安凡・多弗勒眼中的未來(續上期)● 黎鴻踐:《關于我國國有企業革新面臨的一些問題》● 阮文方:《經濟落後危機所產生的問題及建議》● 黃氏瓊雲:《文化投資工作的革新》● 白鴻越:《市場機制中存在的貧、富懸殊》● 何文忱:《越南加入東盟及胡志明思想關于國濟團結問題的論述》

Digitized by Google

VỀ ĐỔI MỚI CÔNG TÁC LẬP PHÁP

VŨ MÃO

THỜI gian qua, đặc biệt là sau Đại hội Đảng lần thứ VI, công tác lập pháp ở nước ta đã được đẩy mạnh. Trong một thời gian tương đối ngắn, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp mới và nhiều đạo luật quan trọng, như Luật đầu tư nước ngoài, Luật công ty, Luật đất đai, Luật khuyến khích đầu tư trong nước v.v.. Các văn bản pháp luật được ban hành đã tạo khuôn khổ pháp lý cần thiết cho việc xây dựng nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững ổn định chính trị và tiếp tục khẳng định những giá trị cao đẹp của xã hội ta. Để xây dựng và thông qua một số lượng văn bản lớn như thế, các cơ quan hữu quan, trước hết là Quốc hội đã tăng cường một bước đáng kể hoạt động của mình. Các kỳ họp của Quốc hội đã kéo dài hơn trước đây, từ 5-7 ngày lên tới trên dưới 1 tháng; số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách đã được tăng thêm ; phương tiện vật chất-kỹ thuật phục vụ hoạt động của Quốc hội cũng từng bước được cải thiện.

Tuy nhiên, công cuộc đổi mới và cuộc sống hiện nay đang đặt ra một loạt vấn đề đối với công tác lập pháp.

1 - Trước hết, đó là vấn đề nhu cầu cấp bách của cuộc sống và khả năng xây dựng, thông qua các văn bản pháp luật. Pháp luật là công cụ để điều chỉnh các quan hệ xã hội. Trong quá trình đổi mới và xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, các quan hệ xã hội ngày càng trở nên đa dạng và phong phú, đặc biệt là trong các lĩnh vực của đời sống dân sự, thương mại, tài chính, ngân hàng... Chúng ta đang đứng trước một thực trạng là hàng loạt các quan hệ xã hội mới đã và đang phát sinh, nhưng những văn bản pháp luật cần thiết để điều chỉnh chúng thì chưa có hoặc đang trong quá trình chuẩn bị. Hậu quả là hoạt động quản lý của Nhà nước gặp nhiều khó khăn; không ít quan hệ xã hội phát triển một cách tự phát. Theo thống kê sơ bộ, mỗi năm Quốc hội có thể thông qua được khoảng 6 dự án luật ; Ủy ban thường vụ Quốc hội - trên dưới 10 dự án pháp lệnh. Trong lúc đó, hằng năm có tới trên 30 dự án được kiến nghị để đưa vào chương trình lập pháp.

Với tốc độ làm luật như hiện nay, có lẽ phải trong nhiều thập kỷ nữa chúng ta mới có được một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và đồng bộ. Ở các nước đã phát triển, thường cần từ 100 đến 200 năm mới xây dựng được một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh. Nhưng đối với nước ta, có lẽ khoảng thời gian dài như thế là không chấp nhận được.

2 - Chất lượng các văn bản pháp luật đã được thông qua cũng còn những vấn đề cần phải bàn. Có ý kiến cho rằng một số văn bản pháp luật của ta còn chung chung, nhiều khi chỉ nêu được những định hướng lớn về chính sách và những nguyên

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội

Digitized by Google

tắc cơ bản. Trong một số văn bản, việc cơ quan nào của Nhà nước phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện luật không được quy định rõ ràng. Ngoài ra, không ít vấn đề quan trọng và phức tạp đáng ra phải được xử lý trong luật thì lại để lại ở các văn bản dưới luật. Một số ý kiến khác cho rằng, nhiều quy định của pháp luật còn chưa thật sáng tỏ và chặt chẽ, dẫn đến tình trạng có thể hiểu và vận dụng khác nhau. Trong lúc đó, công tác giải thích luật còn chưa được tiến hành thường xuyên và kịp thời.

3 - Sự nhất quán và đồng bộ của các văn bản pháp luật cũng đang được đặt ra đối với hệ thống pháp luật ở nước ta. Ít văn bản pháp luật khi ban hành chỉ ra được một cách cụ thể là những điều khoản nào có liên quan trong các văn bản trước đây bị thay thế hoặc không còn hiệu lực. Nhiều văn bản thường được kết thúc bằng một điều khoản chung chung là các quy định trước đây trái với văn bản này đều bãi bỏ. Thêm vào đó, công tác tập hợp, hệ thống hóa và pháp điển hóa được tiến hành chậm, dẫn đến tình trạng người đọc khó phân biệt được đâu là các quy phạm còn hiệu lực, đâu là các quy phạm đã hết hiệu lực.

Sự thiếu đồng bộ còn thể hiện ở chỗ, nhiều văn bản luật, pháp lệnh đã được ban hành nhưng lại chưa có các văn bản dưới luật để cụ thể hóa và hướng dẫn thi hành nên không phát huy được tác dụng.

Để khắc phục những hạn chế nói trên, đồng thời thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) về xây dựng Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam quản lý xã hội bằng pháp luật, chúng ta cần tiếp tục đổi mới hơn nữa công tác lập pháp. Đặc biệt, cần tập trung vào các nội dung chính sau đây :

1 - **Tiếp tục nghiên cứu và đổi mới quy trình lập pháp**. Hiện nay, ngoài quy chế xây dựng luật, pháp lệnh do Hội đồng nhà nước ban hành năm 1988, chúng ta chưa có văn bản pháp lý quy định một cách chặt chẽ toàn bộ quy trình lập pháp đối với cả luật, pháp lệnh và các văn bản dưới luật. Tuy nhiên, trên thực tế, một quy trình lập pháp cũng đã được hình thành và được các cơ quan tuân thủ. Điều cần thiết hiện nay là tổng kết việc thực hiện quy chế xây dựng luật, pháp lệnh, trên cơ sở đó mà bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế.

Quy trình lập pháp ở nước ta được bắt đầu từ việc xây dựng chương trình lập pháp hằng năm và dài hạn. Vừa qua, chúng ta đã xây dựng được chương trình lập pháp hằng năm làm cơ sở để định hướng và tập trung đầu tư cho việc xây dựng các văn bản pháp luật cần thiết. Tuy nhiên, không phải toàn bộ các văn bản được đưa vào chương trình đều được xây dựng và thông qua đúng tiến độ. Bên cạnh đó, một số văn bản đã được thông qua có thật sự là cần thiết nhất hay chưa, vẫn còn là vấn đề có ý kiến khác nhau.

Hiện nay, có tình trạng các cơ quan chủ trì chuẩn bị dự án đều coi văn bản của mình là rất quan trọng và cần phải được đưa vào chương trình lập pháp. Vì vậy, cần tiến hành nghiên cứu và xây dựng một hệ thống tiêu chuẩn chính xác, khách quan để xác định thứ tự ưu tiên của các văn bản, cải tiến một bước việc xây dựng chương trình lập pháp. Muốn vậy, cần phải trả lời được các câu hỏi sau đây :

- *Thực chất vấn đề đang được đặt ra trong cuộc sống là gì ?* Nhận biết được chính xác thực chất vấn đề đang đặt ra là hết sức quan trọng. Bởi vì nhiều khi các biểu hiện bề ngoài của sự vật có thể dẫn ta đến những kết luận không chính xác. Ví dụ, hiện tượng người dân chưa tích cực đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh có khi là do thủ tục hành chính còn quá phức tạp, rườm rà ; tệ tham nhũng cửa quyền

Digitized by Google

còn nặng nề ; hoặc cũng có thể do phần đông dân cư không có các kỹ năng và hiểu biết cần thiết về tiếp thị, công nghệ và tổ chức sản xuất..., chứ chưa hẳn đã do thiếu những chính sách ưu tiên thỏa đáng. Rõ ràng, cần phải nhận biết đúng vấn đề thì mới có những giải pháp phù hợp. Làm luật phần nào đó cũng giống như bốc thuốc, phải hiểu đúng bệnh mới bốc đúng thuốc.

- *Có còn giải pháp nào khác để xử lý vấn đề một cách hiệu quả hơn không, hay nhất thiết là phải điều chỉnh bằng pháp luật ?* Pháp luật chỉ là một trong những công cụ để điều chỉnh các quan hệ xã hội mà thôi ; các công cụ khác như thông tin, đạo đức, phong tục tập quán... cũng có vai trò điều chỉnh quan trọng đối với nhiều trường hợp cụ thể. Do vậy, cần nhấn mạnh thêm việc nghiên cứu kỹ các văn bản pháp luật hiện hành để tìm giải pháp xử lý. Vì nếu vận dụng được các quy phạm đã có để giải quyết vấn đề thì sẽ đỡ tốn kém hơn rất nhiều.

- *Chúng ta có bảo đảm được các điều kiện về tổ chức, đặc biệt là về tài chính để thực hiện các dự án luật và đưa chúng vào cuộc sống không* ? Thực tế khi thiếu các điều kiện trên, việc ban hành các văn bản có thể sẽ không kịp thời, không đúng lúc, thậm chí không thể ban hành được mà chỉ nằm trên giấy.

- *Thái độ của tuyệt đại bộ phận quần chúng đối với vấn đề dự định điều chỉnh bằng pháp luật ra sao ?* Một đạo luật nào đó sẽ nhanh chóng đi vào cuộc sống nếu nó được đông đảo quần chúng ủng hộ và tự giác thực hiện. Ngược lại, nếu những quy định của nó trái với ý nguyện của nhân dân, thì nhân dân thường có rất nhiều cách, nhằm vào kẽ hở của văn bản pháp luật để tránh né.

Như vậy, việc tổ chức nghiên cứu và các hoạt động điều tra xã hội học trong quá trình hình thành kiến nghị lập pháp là hết sức quan trọng. Điều này giúp cơ quan đề xuất kiến nghị lập pháp làm sáng tỏ được các vấn đề quan trọng nói trên trước khi đề nghị đưa một văn bản vào chương trình lập pháp. Theo tôi, những kiến nghị lập pháp nào chưa làm được điều này thì chưa nên đưa ra xem xét.

Soạn thảo văn bản là một công đoạn rất quan trọng trong quá trình lập pháp. Thời gian qua đã có sự hợp tác khá chặt chẽ giữa các cơ quan của Chính phủ và Quốc hội trong quá trình soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh. Sự hợp tác ngay từ đầu giữa các cơ quan soạn thảo và cơ quan thẩm tra đã góp phần nâng cao chất lượng và đẩy nhanh một bước tiến độ soạn thảo các văn bản pháp luật. Tuy nhiên, so với yêu cầu, tiến độ soạn thảo văn bản nói chung vẫn còn chậm ; chất lượng của nhiều văn bản chưa cao.

Nét đặc trưng của quá trình soạn thảo các văn bản pháp luật hiện nay là chưa có sự *phân biệt rạch ròi* giữa giai đoạn *phân tích và quyết định những vấn đề về chính sách* (hay ta còn gọi là những vấn đề về quan điểm) và giai đoạn *trực tiếp thể hiện các vấn đề đã được quyết định thành* các *quy phạm pháp luật*. Trên thực tế, việc phân tích và quyết định các vấn đề về chính sách luôn luôn phải đi trước một bước. Ví dụ, muốn đưa quy định về hạn điền vào Luật đất đai, có *hai* vấn đề thuộc về quan điểm (hoặc về chính sách) phải được quyết định trước khi thể hiện vào văn bản : *một là*, có nhất thiết phải quy định về hạn điền không ; *hai là*, nếu phải quy định về hạn điền thì mức hạn điền là bao nhiêu. Rõ ràng, nếu hai câu hỏi nêu trên chưa được trả lời thì việc thể hiện vấn đề hạn điền vào văn bản pháp luật là chưa có căn cứ vững chắc. Do vậy, việc bắt tay ngay vào soạn thảo văn bản pháp luật trước khi có các quyết định đầy đủ về chính sách là cách làm rất tốn kém và gây lãng phí nhiều thời gian, sức lực.

Digitized by Google

Đã thế, đội ngũ chuyên gia bị phân tán, các văn bản thường phải viết đi, viết lại rất nhiều lần nên tiến độ công việc không thể nào đẩy nhanh lên được.

Để đổi mới quy trình soạn thảo văn bản, theo tôi, bắt buộc phải có công đoạn phân tích và quyết định những vấn đề về chính sách. Ở giai đoạn này, *trước hết*, các chuyên gia về phân tích chính sách thuộc các cơ quan chiến lược và các cơ quan chuyên môn cùng phối hợp nghiên cứu, đề xuất các quan điểm, chính sách, trên cơ sở đó các cơ quan chiến lược ra quyết định. *Sau đó*, các chuyên gia chuyên ngành và các chuyên gia pháp lý soạn thảo các dự án cụ thể. Chính phủ xem xét các dự án đó một cách toàn diện và quyết định việc trình ra cơ quan lập pháp. Trong quá trình này, Bộ tư pháp có vai trò quan trọng giúp Chính phủ chỉ đạo các công việc trên. Về lâu dài, sau khi đã có quyết định về mặt chính sách, Bộ tư pháp cần thiết là người chủ trì soạn thảo các dự án. Làm được như vậy sẽ tránh được tình trạng soạn thảo các văn bản thiếu nhất quán, sử dụng các chuyên gia pháp lý phân tán, đồng thời bảo đảm được trình độ chuyên sâu cho từng loại chuyên gia.

Ngoài ra, để bảo đảm sự thống nhất của các dự án pháp luật, cần có những quy định về kỹ thuật soạn thảo một văn bản pháp luật và bắt buộc tất cả các cơ quan phải tuân thủ. Ở một số nước, để bảo đảm tính thống nhất của các văn bản pháp luật, đồng thời khắc phục tình trạng phải định nghĩa các thuật ngữ pháp lý trong nhiều văn bản, người ta đã cho ban hành một đạo luật khá đặc biệt gọi là *Luật về giải thích luật*. Đây cũng là một kinh nghiệm hay cần tham khảo.

Giai đoạn quan trọng tiếp theo của quy trình lập pháp là việc dự án luật được chuyển sang Quốc hội xem xét, quyết định. Giai đoạn này thông thường gồm các hoạt động sau đây : các quy định cụ thể về đăng tải các văn bản luật, pháp lệnh trên công báo ; về ai là người xuất bản luật, pháp lệnh, ai là người tập hợp, lưu giữ các văn bản pháp luật ; về các loại sách, tuyển tập văn bản pháp luật nào là chính thức của nhà nước, còn các loại nào chỉ là tài liệu mang tính chất thông tin, tuyên truyền; về việc dịch các văn bản pháp luật ra tiếng nước ngoài và lưu hành các văn bản đó; về giá trị pháp lý của các văn bản dịch đó... Ở nhiều nước, người ta còn thành lập một cơ quan chuyên làm nhiệm vụ đăng ký và lưu giữ các văn bản pháp luật đã được thông qua. Một cơ quan như vậy sẽ có vai trò hết sức quan trọng đối với việc tập hợp, lưu trữ, hệ thống hóa các văn bản pháp luật, đồng thời có thể giúp ích rất lớn cho việc pháp điển hóa sau này.

Các vấn đề nêu trên tuy mang tính kỹ thuật hành chính lập pháp, nhưng chúng có vai trò rất quan trọng đối với công tác lập pháp nói chung, đặc biệt là giúp ta dẫn chiếu và phân biệt dễ dàng những quy phạm pháp luật còn hiệu lực với những quy phạm đã hết hiệu lực.

2 - **Làm rõ vấn đề lập pháp ủy quyền**. Hiện nay chúng ta ít dùng thuật ngữ *lập pháp ủy quyền*, nhưng việc Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua các pháp lệnh theo danh sách được Quốc hội cho phép, thực chất là một hình thức lập pháp ủy quyền. Trong hệ thống tổ chức nhà nước của ta, Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp. Nhưng để đáp ứng yêu cầu cấp bách của đất nước về pháp luật, Hiến pháp năm 1992 đã có một nội dung mới là Quốc hội ủy quyền cho Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh theo từng vấn đề cụ thể được ghi trong chương trình lập pháp. Nghĩa là, không có sự ủy quyền của Quốc hội, thì đương nhiên không có quyền ban hành pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trong tình hình chúng ta còn thiếu khá nhiều luật và khả năng của Quốc hội

Digitized by Google

thảo luận, thông qua các dự án luật còn ở mức như hiện nay, thì lập pháp ủy quyền có một vị trí rất quan trọng. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (khóa VII) chỉ rõ : "Trong khi chưa có đủ luật, Ủy ban thường vụ Quốc hội tiếp tục ban hành pháp lệnh và Chính phủ ban hành văn bản pháp quy để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển đất nước."

Lập pháp ủy quyền được thực hiện ở nhiều nước. Vì nhìn chung, các cơ quan lập pháp, cho dù hoạt động thường xuyên, cũng không đủ điều kiện để ban hành tất cả các văn bản pháp luật, do vậy phải ủy quyền cho một số cơ quan *hành pháp* hoặc *tư pháp*. Tuy nhiên, sự ủy quyền này phải được quy định rõ trong đạo luật gốc. Các cơ quan được ủy quyền không được ban hành các văn bản ngoài phạm vi cho phép, và khi ban hành mỗi văn bản đều phải dẫn chiếu đạo luật gốc đã cho phép làm điều đó. Đòi hỏi này rất quan trọng vì nó làm cơ sở để bảo đảm pháp chế, tránh sự lạm quyền của cơ quan hành pháp là điều xảy ra tương đối thường xuyên ở các nước tư bản.

Ở nước ta, theo Hiến pháp năm 1992, Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ được ban hành những pháp lệnh được Quốc hội cho phép. Điều này góp phần bảo đảm pháp chế một cách khá chặt chẽ. Theo tôi, việc nghiên cứu để bảo đảm pháp chế nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động lập quy của Chính phủ cũng cần được đặt ra.

Liên quan đến việc đổi mới công tác lập pháp còn có một số vấn đề quan trọng khác cần được quan tâm giải quyết. Đó là việc bảo đảm thông tin phục vụ lập pháp (cơ sở dữ liệu về luật pháp được xây dựng ở Văn phòng Quốc hội là một trong những cố gắng theo hướng này) ; đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu, biên soạn các dự án pháp luật, gồm cả cán bộ về phân tích chính sách chuyên ngành và cán bộ pháp lý...

3 - **Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định đối với việc đổi mới công tác lập pháp**. Trong hệ thống chính trị, Đảng cộng sản Việt nam có vai trò hết sức quan trọng trong công tác lập pháp. Đảng vạch ra chủ trương, đường lối và chính sách ; các cơ quan nhà nước thể chế hóa thành pháp luật. Như vậy, hoạt động của Đảng đứng ở công đoạn *đầu tiên* trong quá trình lập pháp. Thực tế cho thấy, nếu Đảng chưa quyết định những vấn đề có tính chiến lược đối với một lĩnh vực đời sống xã hội nào đó, thì việc xây dựng các văn bản pháp luật về lĩnh vực đó sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Ngược lại, những vấn đề đã được Đảng chỉ đạo về mặt quan điểm, thì việc xây dựng những văn bản pháp luật có liên quan được tiến hành rất nhanh chóng và đạt hiệu quả cao.

*
* *

Đổi mới công tác lập pháp là một vấn đề lớn, khó có thể trình bày hết trong một bài viết. Tôi mới chỉ nêu lên được một số suy nghĩ của cá nhân với tư cách là người công tác trong lĩnh vực lập pháp. Hy vọng rằng các nhà làm luật, các nhà khoa học, các nhà hoạt động thực tiễn và nhân dân sẽ có nhiều đóng góp trong lĩnh vực này, góp phần đẩy nhanh quá trình xây dựng hệ thống pháp luật ở nước ta ❑

Digitized by Google

THỰC TIỄN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VÀ VIỆC BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

TRẦN ĐÌNH HOAN *

NGÀY nay, có lẽ không một quốc gia độc lập nào không quan tâm đến vấn đề bảo vệ quyền con người. Kể từ sau *Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền* năm 1948 đến nay, cộng đồng quốc tế mà đại diện là Liên hợp quốc đã ban hành hơn 50 bản công ước và văn bản pháp lý liên quan đến lĩnh vực quyền và tự do cơ bản của con người. Đáng chú ý là các công ước về quyền chính trị - dân sự, về quyền kinh tế, văn hóa và xã hội. Những văn bản đó là nhân tố tích cực có ảnh hưởng không nhỏ đến mọi quốc gia. Nó mang tính kích thích, đối sánh, đối chứng trong việc soạn thảo hàng loạt chính sách, quy chế pháp lý liên quan đến con người, bảo vệ quyền của con người, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế của mỗi nước.

Ở Việt nam, đã từ lâu, nhân quyền được gắn với quyền cơ bản của dân tộc, gắn với quá trình đấu tranh chống xâm lược, chống phát xít, chống phong kiến. Tư tưởng nhân quyền sớm thể hiện trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay từ khi Người ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Tư tưởng đó tích đọng trong văn bản quan trọng quyết định bước ngoặt của dân tộc : *Tuyên ngôn độc lập năm 1945.*

Ngay sau đó, quyền con người, quyền công dân Việt nam được Hiến pháp năm 1946 ghi nhận, rồi được mở rộng, củng cố và hoàn thiện dần trong các Hiến pháp năm 1959, năm 1980 và năm 1992.

Với tầm nhìn và cách tư duy đổi mới, năm 1992, lần đầu tiên Nhà nước ta trịnh trọng tuyên bố : "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật."(1) Tuy nhiên, vấn đề nhân quyền đâu phải chỉ nằm trong lời tuyên bố, hay trên câu chữ trong các văn bản. Điều quan trọng hơn, nó phải được cụ thể hóa, thể chế hóa trong mọi hoạt động thực tiễn của một nhà nước, thể hiện đúng bản chất nhân đạo cao cả, tiến bộ của một xã hội. Đúng như lời ông Phê-đê-ri-cô May-o, Tổng giám đốc UNESCO nói : "Ta hoan nghênh quá trình mở rộng không ngừng các quyền con người" nhưng "xiết bao cần thiết trong việc thực hiện các quyền đó"(2).

Thực tiễn lập pháp và hành pháp mấy chục năm qua của Nhà nước ta đã chứng tỏ trong việc thực hiện quyền cơ bản của công dân, của con người, chúng ta đã có những thành tựu đáng kể. Chỉ tính riêng lĩnh vực pháp luật, Nhà nước ta đã ban hành hàng loạt văn bản rất cốt yếu : từ luật hình sự, tố tụng hình sự, luật tổ chức toà án, viện kiểm sát, luật công đoàn, luật báo chí, xuất bản, đến luật bảo vệ sức khỏe nhân dân, luật phổ cập giáo dục tiểu học, luật bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ

* PGS. PTS. Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ lao động thương binh và xã hội

(1) *Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam năm 1992*. Nxb Pháp lý - Nxb Sự thật, Hà nội, 1992, tr 31

(2) Tạp chí "Người đưa tin Unesco" số 3-1994, tr 8

Digitized by Google

em... Tất cả đều thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta đến con người, vì con người. Trên cơ sở đó, nước ta đang từng bước vươn lên, để tiến kịp với trào lưu chung của nhân loại trên lĩnh vực này.

Riêng đối với ngành lao động thương binh và xã hội, chúng tôi coi việc góp phần phục vụ con người, bảo vệ quyền con người, giải phóng tiềm năng sáng tạo của con người bằng hệ thống chính sách và văn bản pháp quy là một nhiệm vụ xuyên suốt, trọng yếu, nhất là trong giai đoạn đất nước đang chuyển đổi mạnh mẽ cơ chế vận hành của nền kinh tế. Cứ nhìn vào Hiến pháp năm 1992, trên lĩnh vực lao động xã hội, các quyền cơ bản của công dân đã được quy định rõ : quyền lao động (điều 55) ; quyền về bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, tiền lương... (điều 56) ; bảo vệ thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sĩ, người có công với nước ; bảo trợ người tàn tật, trẻ mồ côi... (điều 67). Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, đưa nội dung Hiến pháp năm 1992 vào cuộc sống, trong công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã triển khai một hệ thống chủ trương chính sách, cơ chế và các giải pháp nhằm thực hiện từng bước trên thực tế các quyền về lao động-xã hội của công dân.

Phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thị trường lao động được mở rộng và diễn biến khá phức tạp. Để khai thác triệt để nguồn lực dồi dào và to lớn đó, trước hết cần thực sự đổi mới về mặt nhận thức, về cách hiểu : "Thế nào là việc làm, là giải quyết việc làm trong giai đoạn hiện nay ?" Cần quan niệm rằng, mọi hoạt động hữu ích, mang lại thu nhập cho người lao động, có đóng góp cho xã hội, cho nhà nước, không bị pháp luật ngăn cấm, đều được coi là việc làm. Giải quyết việc làm cho lao động xã hội là lĩnh vực bao gồm : khả năng mỗi người tự tạo việc làm cho mình ; tạo việc làm cho người khác ; trách nhiệm trực tiếp hoặc gián tiếp của nhà nước. Chẳng hạn vừa qua Nhà nước ta thực hiện *Chương trình quốc gia xúc tiến việc làm* với nguồn kinh phí lấy từ ngân sách hằng năm. Đã mở các "trung tâm xúc tiến việc làm" với chức năng : dạy nghề phù hợp với nhu cầu mới của thị trường ; tái đào tạo ; chuyển giao công nghệ ; sản xuất nhỏ tại chỗ ; làm dịch vụ giới thiệu việc làm cho mọi người...

Nhà nước còn cho người lao động vay vốn theo các dự án nhỏ với lãi suất ưu đãi, bổ sung cho kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân với các chương trình cụ thể, có sự kết hợp giữa lao động và đất đai, tạo ra hiệu ứng tổng hợp trên lĩnh vực này.

Nhà nước khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế vườn đồi, kinh tế đại chúng, các doanh nghiệp nhỏ, các hội chuyên... nhằm mở rộng môi trường làm việc. Chỉ tính trong 3 năm, với cố gắng chung, đã tạo thêm trên 3 triệu chỗ làm việc ; giải quyết những khó khăn bế tắc về đời sống của một bộ phận người lao động, mang lại hiệu quả thiết thực cho sự nghiệp đổi mới.

Vậy là, dưới tác động của hệ thống chính sách và luật pháp, nhất là chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, các luật về thuế, đất đai, lao động, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, luật đầu tư của nước ngoài, luật khuyến khích đầu tư trong nước... trên thực tế đã tạo cho mọi công dân môi trường mới, điều kiện mới có quyền lao động, tự do kinh doanh, phát minh sáng chế, cải tiến kỹ thuật, chuyển giao công nghệ... Trong môi trường đó, các lực lượng xã hội bằng thu nhập của mình đã vươn lên làm giàu chính đáng. Các cuộc điều tra của Tổng cục thống kê, Bộ lao động - thương binh và xã hội, Bộ nông nghiệp - công nghiệp thực phẩm... cho thấy : 75-80% số người lao động còn sức lao động, có vốn liếng, kỹ thuật và tay nghề, nhìn chung có thể tự vươn lên làm chủ cuộc sống. Số còn

Digitized by Google

lại thường do thiếu sức lao động, thiếu vốn, kỹ thuật, tay nghề chưa cao, có nguy cơ trở thành nghèo khó. Với đối tượng này, qua quá trình nghiên cứu ở nhiều vùng, có thể rút ra kết luận : ngoài những điều kiện của môi trường chung, nhà nước và cộng đồng cần có sự tác động tích cực giúp họ tạo chỗ đứng trong giai đoạn đầu của nền kinh tế thị trường.

Từ kinh nghiệm xóa đói giảm nghèo ở TP Hồ Chí Minh, nay phong trào được mở rộng ở 27 tỉnh thành phố khác, cho thấy biện pháp quan trọng nhất để xóa đói giảm nghèo là nhà nước và cộng đồng trợ giúp nguồn vốn cho người nghèo, cho vay với lãi suất nâng đỡ. Ngoài ra, điều cần hơn là giúp họ tay nghề, kỹ thuật, cách làm ăn, tính toán ...

Như vậy, đối với bộ phận nhỏ người nghèo trong xã hội, thì quyền của con người trước hết phải là quyền có việc làm, tạo ra thu nhập của bản thân mình, quyền được nhà nước và cộng đồng hỗ trợ để thoát khỏi cảnh đói nghèo. Ở đây, cần kết hợp tinh thần tự chủ của con người và sự cưu mang, trợ giúp của xã hội, của cộng đồng. Tránh cả *hai* tư tưởng : ỷ lại lười biếng (đối với người lao động), và né tránh, bỏ rơi (đối với nhà nước và cộng đồng).

Trong lĩnh vực bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi, hàng loạt hoạt động thực tiễn đang được triển khai để tiến tới xây dựng và hoàn thiện bộ luật về vấn đề này. Từ sự hỗ trợ của cộng đồng, của các tổ chức đoàn thể trong nước đến các chương trình dự án nhân đạo quốc tế, nhiều địa phương trong cả nước đã có phong trào, có những mô hình hay ; chú trọng giúp đỡ các đối tượng tàn tật, neo đơn, trẻ em đặc biệt khó khăn, các hội bảo trợ người tàn tật, trẻ em mồ côi đã ra đời. Nhà nước có chính sách bảo trợ nạn nhân chiến tranh (bao gồm cả thương, phế binh của chính quyền cũ đã cải tạo thành công dân), đó là việc làm đại nghĩa, hòa hợp dân tộc và nhân đạo.

Ngay đối với người rời bỏ Tổ quốc ra đi một cách bất hợp pháp, Nhà nước ta vẫn tích cực làm việc với các tổ chức quốc tế liên quan để những người tự nguyện trở về có thể dễ dàng tái hòa nhập cộng đồng và có điều kiện làm ăn sinh sống. Dòng người ra đi bất hợp pháp nay căn bản đã chấm dứt. Kết quả đó thể hiện lòng khoan dung, quý trọng con người của cộng đồng các dân tộc trên đất Việt nam. Nó còn tỏ rõ thiện chí của Nhà nước ta trong sự nghiệp bảo vệ các quyền của con người, xóa đi những mặc cảm không đáng có trong quan hệ giữa con người và con người.

Một bộ phận không nhỏ những người có công trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (các anh hùng, mẹ anh hùng, liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, thanh niên xung phong...) đã trở thành những công dân đáng kính trọng được Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, với truyền thống "uống nước nhớ nguồn", nghĩa tình thủy chung, quan tâm chăm sóc bằng hàng loạt chế độ chính sách ưu đãi. Trong khó khăn chung, kinh nghiệm thực tiễn giải quyết của Việt nam là tạo ra "thế kiềng ba chân" :

- Nhà nước chăm sóc đối tượng ưu đãi bằng cơ chế, chính sách, bằng hệ thống các trung tâm sự nghiệp (nuôi dưỡng, chỉnh hình, phục hồi chức năng lao động, lập cơ sở sản xuất kinh doanh...).

- Toàn xã hội thực hiện nhiệm vụ ổn định phần mộ, xây dựng nghĩa trang, ghi tên công trạng những người đã khuất ; thực hiện 5 chương trình cụ thể : đón thương binh nặng về làng, chăm sóc bố mẹ liệt sĩ neo đơn, đỡ đầu con liệt sĩ, xây nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm nghĩa tình... Trong cơ chế mới, phong trào quần chúng đền ơn đáp nghĩa người có công đã đi vào chiều sâu, có tác động tích cực đến toàn xã hội, nhất là đối với thế hệ trẻ.

- Bản thân từng đối tượng tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng cách mạng trong tình hình mới, tự vươn lên tham gia

Digitized by Google

các hoạt động kinh tế, xã hội phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh riêng của mình. Ở đây, nhiều tấm gương các đồng chí thương binh, bệnh binh, gia đình thân nhân liệt sĩ, cựu chiến binh làm kinh tế giỏi, tham gia công tác xã hội tốt, đã trở thành nội lực, có tác động đến cuộc sống chung.

Những cố gắng trên chứng tỏ thái độ nghiêm túc của Nhà nước ta thực hiện điều 67 của Hiến pháp (năm 1992) và phần nào "làm cho anh chị em (thương binh, bệnh binh) yên ổn về vật chất, vui vẻ về tinh thần", như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn. Nhà nước Việt nam ban hành pháp lệnh người có công, pháp lệnh truy tặng và phong tặng danh hiệu bà mẹ anh hùng. Những văn bản đó một phần thể hiện ý chí của toàn dân tộc Việt nam, trong hạnh phúc hiện tại vẫn không quên quá khứ, luôn hướng về nguồn cội, giữ gìn những giá trị nhân văn cao quý mãi mãi cho đời sau.

Một sự kiện đáng lưu ý vài năm gần đây là Bộ luật lao động của Việt nam đã được ban hành. Sự ra đời của bộ luật này góp phần phát huy triệt để nguồn tiềm năng quý nhất, to lớn nhất của đất nước, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bằng cơ sở pháp lý, Nhà nước Việt nam tuyên bố và thực hiện sự bảo vệ người lao động, bảo hộ người sử dụng lao động trong nền kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường. Người lao động được bảo vệ trên mọi bình diện : từ học nghề, chuẩn bị tham gia vào quan hệ lao động, đến việc làm, tiền công, thu nhập, điều kiện làm việc, nghỉ ngơi, điều kiện an toàn và vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội... Bước đầu những phương thức quản lý lao động tiên tiến nhất của thế giới được áp dụng : sổ lao động, hợp đồng lao động, thỏa ước tập thể về lao động ; quyền đình công, giải quyết tranh chấp trong lao động... Như vậy, cho đến nay quyền lao động, quyền được hưởng những thành quả văn minh nhất của loài người về phương thức lao động và phương thức quản lý lao động của người Việt nam, được Bộ luật lao động bảo đảm hoàn toàn. Chỉ tính đến tháng 11/1994 đã có 2 432 doanh nghiệp với 1 220 000 lao động đã thực hiện ký kết hợp đồng lao động. Công tác phát sổ lao động đang triển khai trên 53 tỉnh, thành phố. Những việc làm đó phù hợp với lòng dân, đồng thời cũng thể hiện nguyên tắc định hướng của Nhà nước Việt nam thực hiện quyền rất cơ bản của con người : quyền được lao động chân chính.

Trong xã hội có một bộ phận nhỏ người thuộc diện tội phạm hoặc rơi vào vòng các tệ nạn xã hội. Với đối tượng này, Nhà nước Việt nam luôn lấy tư tưởng khoan dung của Hồ Chí Minh làm phương châm chỉ đạo hành động. Xã hội lấy phương thức giáo dục làm chính, giúp lực lượng sa ngã trở về với cộng đồng, hoàn lương. Đến nay, khắp các địa phương trong cả nước đều có trung tâm bảo trợ xã hội, chữa trị bệnh tật cho những kẻ lầm lỡ, dạy nghề và tìm kiếm việc làm cho những ai hối cải trở về. Số tiền nhà nước chi cho sự nghiệp này không nhỏ. Tất nhiên, Nhà nước ta cũng rất nghiêm khắc với những đối tượng không chịu hối cải, ngựa theo đường cũ, cố tình tham gia các vụ việc làm rối loạn xã hội. Để giành quyền làm người cho số đông trong xã hội, chúng ta kiên quyết trừng trị những hành động phá hoại cuộc sống ổn định và yên lành. Những chiến dịch chống tệ nạn xã hội, những phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh trật tự xã hội cũng nhằm vào mục đích đó.

Thực tiễn thực hiện chính sách xã hội chỉ là một phần nhỏ trong toàn bộ sự nghiệp bảo vệ quyền con người ở Việt nam. Thành tựu nhỏ bé, khiêm tốn của chúng ta những năm qua là thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ ta, của xã hội ta, đồng thời cũng là thái độ của Nhà nước ta đối với vấn đề nhân quyền. Nó là bài học thực tế bác bỏ những luận điệu ở đâu đó đang xuyên tạc vấn đề nhân quyền ở nước ta hiện nay ⌟

Digitized by Google

VẤN ĐỀ LẬP THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN Ở NƯỚC TA

NGUYỄN KHẮC HIỀN * và NGUYỄN XUÂN QUANG **

I

Hiện nay, Chính phủ đang tổ chức nghiên cứu xây dựng luật pháp về chứng khoán và thị trường chứng khoán, chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho sự ra đời và hoạt động lành mạnh của thị trường chứng khoán ở nước ta.

Vậy *thị trường chứng khoán là gì* ? Như chúng ta đã biết, chứng khoán là một loại chứng thư ghi nhận một số tiền đầu tư dưới dạng góp vốn (cổ phiếu) hay cho vay (trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu...) với mục đích kiếm lời.

Người ta phân biệt *hai* loại thị trường chứng khoán. Thị trường chứng khoán **cấp 1** (hay **sơ cấp**) xuất hiện khi các công ty thực hiện việc phát hành *cổ phiếu* lần đầu, khi các tổ chức ngân hàng, kho bạc nhà nước hoặc các công ty thực hiện việc phát hành *trái phiếu* lần đầu, và người có tiền đầu tư hay tiết kiệm trực tiếp mua ở nơi phát hành. Thị trường chứng khoán cấp 1 có tác dụng huy động vốn cho nền kinh tế, nhưng nếu chỉ có nó thôi thì sẽ có trở ngại là : người mua cổ phiếu khi cần tiền không thể đòi công ty phát hành cổ phiếu trả lại mình số vốn đó ; còn người mua trái phiếu nếu cần tiền thì cũng phải đợi đến kỳ hạn mới lấy được tiền ra. Vì vậy, cần có thị trường chứng khoán **cấp 2** (hay **thứ cấp**), là thị trường được tổ chức công khai theo pháp luật và quy chế, để mua và bán các loại chứng khoán đã được đăng ký. Tùy theo tình hình cung và cầu chứng khoán thực tế trên thị trường mà giá từng loại chứng khoán được hình thành.

Thị trường chứng khoán cấp 2 không có chức năng huy động vốn trực tiếp, nhưng có vai trò rất quan trọng là vì :

- Nó giải quyết được mâu thuẫn của thị trường sơ cấp : cần tiền nhưng không rút ra được (như cổ phiếu), hoặc phải đợi đến kỳ hạn mới rút ra được (như trái phiếu). Do đó, nó làm cho người mua cổ phiếu hoặc trái phiếu yên tâm, khuyến khích thêm nhiều người bỏ tiền ra mua cổ phiếu, trái phiếu.

- Nó là thước đo hiệu quả hoạt động của một doanh nghiệp (thông qua tình hình lên xuống của giá cổ phiếu, trái phiếu do doanh nghiệp phát hành), và của cả toàn bộ nền kinh tế (thông qua tình hình lên xuống của chỉ số giá chứng khoán trên thị trường).

- Nó thúc đẩy rất mạnh sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp. Giá cổ phiếu, trái phiếu của các doanh nghiệp đăng ký trên thị trường chứng khoán đều được đăng trên báo và phát trên đài, do đó doanh nghiệp nào cũng phải cố gắng nâng cao mức hiệu quả và sinh lời, để giá chứng khoán của mình có thể lên cao, như vậy vừa có thể thu lợi lớn, vừa có thể dễ dàng gọi thêm vốn khi cần thiết.

Thị trường chứng khoán cấp 2 hoạt động theo *các nguyên tắc :*

1 - Công khai về giá mua, giá bán, số lượng chứng khoán đưa ra thị trường, giá cả cuối cùng.

* Chuyên viên cao cấp kinh tế

** Phó tiến sĩ kinh tế

Digitized by Google

2 - Chứng khoán không mua trực tiếp mà qua khâu trung gian (các công ty chứng khoán). Cần có một lượng tiền nhất định (mở tài khoản mua chứng khoán ở một ngân hàng) để bảo đảm cho người mua, người bán được an toàn, không bị lừa gạt.

3 - Việc mua, bán chứng khoán theo ưu tiên sau đây : ưu tiên cho người mua với giá cao và người bán với giá thấp ; ưu tiên cho các lệnh mua (hay bán) đến trước.

4 - Các lệnh mua, lệnh bán tập trung vào một trung tâm điều hành : sở giao dịch chứng khoán.

Những nguyên tắc trên cùng với luật lệ, quy chế về thị trường chứng khoán và công tác thanh tra tại chỗ làm cho người mua và bán chứng khoán có thể yên tâm, khác với ở thị trường "ngầm" về chứng khoán, ở đó người ta dễ bị lừa gạt, gian lận.

Thị trường chứng khoán là hiện tượng tất yếu của nền kinh tế thị trường. Nó xuất hiện từ gần hai thế kỷ nay, khởi đầu từ các nước công nghiệp phát triển, và hiện nay đã lan rộng ra hầu khắp các nước theo mức độ khác nhau. Có thể nói, trong các lĩnh vực đầu tư trên thế giới hiện nay, thị trường chứng khoán là lĩnh vực thu hút được đông đảo người tham gia nhất, với thời gian nhanh nhất ; nó tạo cơ hội thuận lợi và khả năng rộng rãi cho các nhà đầu tư chọn được cách đầu tư có hiệu quả nhất.

Ở Việt nam, để thúc đẩy nền kinh tế thị trường phát triển mạnh mẽ, thu hút được nhiều vốn đầu tư ở trong nước và nước ngoài, cần sớm tổ chức và cho ra đời thị trường chứng khoán.

II

Thị trường chứng khoán ra đời và hoạt động lành mạnh sẽ thúc đẩy nền kinh tế thị trường của ta phát triển nhanh và toàn diện, nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn tài chính, bảo đảm cung cấp kịp thời các nhu cầu về vốn đầu tư phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội, góp phần ổn định lưu thông tiền tệ và giảm lạm phát, giảm bội chi ngân sách. Tuy nhiên, đây là một công việc mới mẻ, có nhiều khó khăn. Ta chưa có đủ đội ngũ cán bộ về thị trường chứng khoán. Nhân dân ta lại chưa quen với loại đầu tư vào kinh doanh chứng khoán, là loại đầu tư có nhiều cơ may thu lợi lớn (có thể lợi gấp hàng chục lần so với gửi tiết kiệm hay mua tín phiếu, kỳ phiếu ngắn hạn), nhưng cũng đòi hỏi người đầu tư phải có gan, dám đương đầu với những rủi ro có thể xảy ra. Vì vậy, cần phải tiến hành thận trọng, chuẩn bị chu đáo, chỉ đạo sát sao, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, không thể nôn nóng, làm ào, làm ẩu. Nhưng cũng không nên chần chừ, ngồi chờ một cách bị động, mà phải tích cực, chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết. Để thị trường chứng khoán có thể sớm ra đời và hoạt động lành mạnh, theo tôi, nên tiến hành tuần tự theo *ba* bước :

Bước thứ nhất là củng cố và phát triển thị trường tiền tệ, ban hành các luật lệ và quy chế về chứng khoán và thị trường chứng khoán, đào tạo đội ngũ cán bộ, hình thành tâm lý và thói quen kinh doanh chứng khoán trong nhân dân, tạo ra đầy đủ các điều kiện cơ bản cho sự ra đời của thị trường chứng khoán ở Việt nam. Trong bước này, những việc cần làm là :

1 - *Lựa chọn mô hình thị trường chứng khoán.* Đây là một vấn đề rất quan trọng, vì nó quyết định trong tương lai thị trường chứng khoán hoạt động có lành mạnh hay không. Ở một số nước, người ta áp dụng thị trường chứng khoán *mở*, nhà nước chỉ ban hành các luật lệ, các quy chế và kiểm tra việc chấp hành ; còn thì giao cho các công ty tư nhân, kể cả các công ty nước ngoài, tổ chức và quản lý thị trường chứng khoán. Như vậy, sẽ không thể tránh được những hoạt động đầu cơ, lũng đoạn thị trường chứng khoán.

Ở Việt nam, trong giai đoạn đầu, nhà nước phải đứng ra thành lập và điều hòa thị trường chứng khoán mà không cho phép

Digitized by Google

các công ty tư nhân hay người nước ngoài tham gia quản lý thị trường chứng khoán. Khi thị trường chứng khoán đã hoạt động tương đối ổn định, nhà nước đã thực sự chủ động và có kinh nghiệm quản lý, điều hành, thì mới mở rộng dần cho các công ty tư nhân hoặc người nước ngoài tham gia quản lý thị trường chứng khoán, nhưng họ phải tuân thủ pháp luật đã ban hành và chịu sự quản lý và kiểm soát của nhà nước.

Trong việc lựa chọn mô hình thị trường chứng khoán, còn phải quan tâm lựa chọn, chỉ rõ số giá chứng khoán theo chỉ số *Đao-giôn* (Mỹ), *Nic-ken* (Nhật) và *Thời báo tài chính* (Anh), là những chỉ số giá chứng khoán có tính chất quốc tế mà các nước đều áp dụng. Trong giai đoạn đầu, chỉ số giá chứng khoán được xác định trên cơ sở giá bình quân của tất cả các loại cổ phiếu được giao dịch, mua bán trên thị trường, và thời điểm này coi là thời điểm *gốc*, có số điểm là 100.

Khi có nhiều loại chứng khoán mới được phép mua, bán trên thị trường, thì chỉ số giá cả ở thời điểm gốc cần phải được điều chỉnh lại cho thích hợp.

2 - *Xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật về chứng khoán và giao dịch chứng khoán, đồng thời bổ sung các luật lệ cơ bản có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh.* Về chứng khoán và giao dịch chứng khoán, nên ra nghị định của Chính phủ hay sắc lệnh của Thường vụ Quốc hội áp dụng một thời gian, sau đó mới ban hành luật. Các chính sách và luật lệ về thị trường chứng khoán phải thể hiện quan điểm của chính sách tài chính quốc gia, với mục đích xây dựng nền tài chính quốc gia thống nhất, lành mạnh và ổn định.

Thị trường chứng khoán phải góp phần phục vụ và thúc đẩy sự phát triển nhanh nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần trên cơ sở khơi thông, mở rộng sự giao lưu các nguồn vốn tài chính và bảo đảm cung cấp kịp thời các nhu cầu về vốn đầu tư phát triển của các ngành kinh tế, thu hút và tập trung triệt để các nguồn vốn nhàn rỗi trong nước và tích cực động viên vốn nước ngoài, góp phần thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ về chiến lược vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tài chính.

Mục tiêu *trước mắt* là góp phần quan trọng vào việc giải quyết tình trạng thiếu vốn đầu tư trong nền kinh tế hiện nay, giảm thâm hụt ngân sách nhà nước, kiềm chế và đẩy lùi lạm phát. Mục tiêu *lâu dài* là tạo ra một "kênh" bổ sung các nguồn vốn tài chính dài hạn cho đầu tư phát triển kinh tế xã hội, góp phần ổn định lưu thông tiền tệ và khống chế sự gia tăng lạm phát trong nền kinh tế.

Để bảo đảm thị trường chứng khoán hoạt động lành mạnh, luật lệ cần quy định rõ :

a) Bộ máy quản lý hành chính thị trường chứng khoán bao gồm :

- Hội đồng (hoặc ủy ban) chứng khoán quốc gia, cơ quan quyền lực của thị trường chứng khoán toàn quốc, có chức năng giám sát hoạt động thị trường chứng khoán và hội đồng chứng khoán ở mỗi khu vực.

- Vụ chứng khoán trong Bộ tài chính và Ngân hàng nhà nước.

- Hội đồng thị trường chứng khoán khu vực, cơ quan quản lý chứng khoán ở địa phương theo sự phân cấp của Hội đồng (hoặc ủy ban) chứng khoán quốc gia.

b) Các điều kiện *cần phải có* của các tổ chức hoạt động và kinh doanh trên thị trường chứng khoán : sở giao dịch chứng khoán, các công ty kinh doanh chứng khoán, các trung tâm ký gửi chứng khoán...

c) Các điều kiện *cần phải có* để một doanh nghiệp, một công ty được đăng ký vào thị trường chứng khoán : hoạt động có lãi trong 3 năm ; tuân thủ các thể lệ, chế độ kế toán và nộp bản tổng kết tài sản của 2 năm trước; dành một tỷ lệ cổ phần tối thiểu (20% hoặc 25%) đưa vào thị trường chứng khoán...

Digitized by Google

d) Các điều kiện bảo đảm quyền bình đẳng của mọi người mua chứng khoán (được thông tin đầy đủ và xử lý chu đáo các lệnh giao dịch).

e) Tổ chức công tác kiểm tra thị trường chứng khoán, để bảo đảm các công ty môi giới chứng khoán và các tổ chức khác trên thị trường hoạt động theo đúng pháp luật; xử lý nghiêm minh các hoạt động đầu cơ, tung tin giả, dùng áp lực trong việc hình thành thị giá ...

3 - *Nhanh chóng hoàn thành việc chuyển các chứng khoán ghi tên hiện nay thành chứng khoán có thể mua đi bán lại trên thị trường,* nhằm tạo ra một sự giao lưu các chứng khoán ngắn hạn. Phát triển mạnh các tín phiếu, kỳ phiếu với thời hạn dài hơn (1 đến 3 năm trở lên) với lãi suất phù hợp. Đẩy mạnh việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, khuyến khích việc thành lập các công ty cổ phần phát hành cổ phiếu, đồng thời thay đổi tính chất cổ phiếu từ dạng có lãi suất *cố định* ở các công ty cổ phần đang hoạt động sang loại có lãi suất *không cố định* để thuận tiện cho việc mua, bán. Cho phép các công ty quốc doanh và ngoài quốc doanh có đủ điều kiện, phát hành trái phiếu, có lãi suất và kỳ hạn thích hợp.

4 - *Tăng cường công tác tuyên truyền, giải thích về chứng khoán và thị trường chứng khoán, về các luật lệ và quy chế liên quan đến thị trường chứng khoán...* để nhân dân làm quen với những hoạt động này và có niềm tin vào chứng khoán, mạnh dạn bỏ vốn mua cổ phiếu, trái phiếu, nhằm thu lợi lớn và góp phần đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Công tác này cần được tiến hành một cách bền bỉ, liên tục trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các lớp huấn luyện, hội thảo, bằng những hình thức hấp dẫn, có sức thuyết phục cao.

5 - *Xúc tiến việc đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý các hoạt động phát hành và giao dịch chứng khoán dưới cả hai hình thức : ngắn hạn và dài hạn.* Việc lựa chọn cán bộ đưa đi đào tạo cần chú trọng cả về phẩm chất và khả năng tiếp thu các nghiệp vụ, kỹ thuật tiên tiến về thị trường chứng khoán.

6 - *Xây dựng một hệ thống ngân hàng vững mạnh, đủ sức đáp ứng nhu cầu thông tin và điều hành các sản phẩm tài chính thông qua việc quản lý hàng triệu tài khoản của thị trường chứng khoán.* Nhưng cần chú ý là các ngân hàng thương mại không được phép dùng vốn huy động tiền tiết kiệm hay nhàn rỗi để kinh doanh chứng khoán. Các cơ quan tài chính phải có sự đổi mới mạnh mẽ cả về tổ chức quản lý và nghiệp vụ chuyên môn mới có thể vươn lên làm tròn trách nhiệm quản lý và xử lý kịp thời các biến động trên thị trường chứng khoán thông qua các công cụ : ngân sách, thuế, quản lý vốn đầu tư, phát hành tín phiếu kho bạc nhà nước. Nếu thành lập Hội đồng chứng khoán quốc gia thì bộ trưởng Bộ tài chính nên làm chủ tịch Hội đồng (như ở Pháp), chứ không phải là Thống đốc Ngân hàng nhà nước.

Bước một kết thúc bằng việc thành lập một hay hai trung tâm giao dịch chứng khoán ở địa phương thích hợp (sau này sẽ chuyển thành sở giao dịch chứng khoán).

Bước thứ hai là sự ra đời của thị trường chứng khoán và việc quản lý, điều hành thị trường chứng khoán. Trong bước này, cần tiến hành xây dựng *quy chế* của sở giao dịch chứng khoán, hoạt động như một cơ quan quản lý và điều hành các hoạt động giao dịch chứng khoán tại sở. Sở giao dịch chứng khoán có nhiệm vụ tổ chức và phục vụ việc niêm yết, mua bán, thanh toán, chuyển giao, đăng ký và lưu giữ chứng khoán.

Tham gia mua bán tại sở giao dịch chứng khoán là các công ty môi giới đủ điều kiện và được phép hoạt động. Sở giao dịch chứng khoán cần có đủ các thiết bị thông tin, điện tử hóa và nối mạng với các công ty môi giới. Việc thanh toán, chuyển giao, đăng ký và lưu giữ chứng khoán sẽ

Digitized by Google

do các trung tâm thanh toán bù trừ và lưu giữ chứng khoán phụ trách.

Việc hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của thị trường chứng khoán (như Luật chứng khoán và giao dịch chứng khoán, Luật hối đoái...) cũng như việc củng cố tổ chức và bộ máy quản lý thị trường chứng khoán, cần được thể hiện chu đáo trước khi chuyển trung tâm giao dịch chứng khoán thành sở giao dịch chứng khoán.

Trong hoàn cảnh đặc thù của Việt nam, nên thành lập *hai* thị trường chứng khoán (một ở Hà nội và một ở TP Hồ Chí Minh) hoặc *một* thị trường chứng khoán nhưng có hai trung tâm (là Hà nội và TP Hồ Chí Minh), các công ty đăng ký ở trung tâm nào cũng được cả, như vậy sẽ thuận lợi cho sự chỉ đạo của nhà nước trong giai đoạn đầu. Dù là hai thị trường chứng khoán hay một thị trường chứng khoán với hai trung tâm, thì vấn đề đặc biệt quan trọng đặt ra là : phải bảo đảm cho được việc thông tin liên lạc thông suốt, nhạy bén, kịp thời giữa hai nơi, thực hiện tốt công tác thanh toán, bù trừ, không để xảy ra sự ùn tắc như ở một số nước, ảnh hưởng tai hại đến hoạt động trên thị trường chứng khoán.

Khi thị trường chứng khoán đã ra đời và bắt đầu hoạt động, các cơ quan quản lý trung ương và địa phương phải tăng cường công tác chỉ đạo và kiểm tra tại chỗ để kịp thời uốn nắn những lệch lạc, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật, đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm toán, nắm chắc tình hình sản xuất, kinh doanh và các kế hoạch phát hành cổ phiếu, trái phiếu của các công ty, doanh nghiệp quốc doanh và ngoài quốc doanh, để ngăn chặn các hoạt động huy động vốn tràn lan, gây mất cân đối, và các hoạt động đầu tư, lừa đảo, lũng đoạn thị trường chứng khoán.

Cần theo dõi và phân tích sâu sắc sự lên xuống của chỉ số chứng khoán trên thị trường, xem xét và tìm ra các nhân tố ảnh hưởng quyết định đến thị trường chứng khoán, như : các nhân tố *chủ quan* (tình hình và khả năng sinh lời của các công ty, doanh nghiệp tham gia thị trường chứng khoán) và *khách quan* (môi trường kinh tế, tình hình lãi suất lên hoặc xuống, tỷ lệ hối đoái, lạm phát, chính sách thuế...); các biến động chính trị ở trong và ngoài nước ảnh hưởng đến tâm lý người đầu tư và mua, bán chứng khoán ; các hoạt động đầu cơ trên thị trường chứng khoán...

Từ sự đánh giá và phân tích trên, nhà nước có những biện pháp xử lý thích hợp và kịp thời, chủ yếu bằng các công cụ thuế, ngân sách, tín dụng và lãi suất ngân hàng..., đồng thời áp dụng các biện pháp hành chính nghiêm ngặt, kể cả truy tố trước pháp luật, đối với các hoạt động đầu cơ, tung tin thất thiệt, lừa đảo... trong kinh doanh và mua bán chứng khoán.

Bước thứ ba bắt đầu khi thị trường hối đoái đã hoạt động ổn định và lành mạnh, các cơ quan quản lý đã thực sự chủ động và có kinh nghiệm quản lý, điều hành thị trường chứng khoán. Khi đó, chúng ta có thể mở thêm thị trường chứng khoán ở một vài trung tâm kinh tế khác đủ điều kiện, như Quảng nam - Đà nẵng chẳng hạn; đồng thời, có thể cho phép các công ty tư nhân hoặc người nước ngoài tham gia quản lý thị trường chứng khoán, cho phép các công ty tài chính nước ngoài có thể tự do mua bán, trao đổi chứng khoán trên thị trường Việt nam với điều kiện : phải tuân thủ pháp luật và quy chế mà Nhà nước Việt nam đã quy định và chịu sự quản lý và điều hành của Hội đồng chứng khoán quốc gia.

Đồng thời, chúng ta cũng chuẩn bị các điều kiện cần thiết để mở quan hệ giữa thị trường chứng khoán Việt nam với thị trường chứng khoán các nước, trên cơ sở đó từng bước tham gia vào tổ chức quốc tế các ủy ban giám sát và điều hành việc phát hành và mua, bán chứng khoán trên thế giới ❑

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG CỦA LÊ-NIN VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN NHÀ NƯỚC *trong hệ thống chính sách kinh tế mới*

MAI HỮU THỰC *

VÀO những năm 1918-1920, Nhà nước xô viết buộc phải thực hiện "chính sách cộng sản thời chiến". Theo Lê-nin, đó là chính sách duy nhất có thể thực hiện trong hoàn cảnh chiến tranh và kinh tế đổ nát ; chính sách đó đã cứu chính quyền xô viết, và "là một thành tích của chúng ta".

Tuy nhiên, theo Lê-nin, chính sách cộng sản thời chiến cũng chỉ là một biện pháp *tạm thời*, nó không phải và không thể là một chính sách phù hợp với nhiệm vụ kinh tế của giai cấp vô sản. Vì vậy, vào mùa xuân năm 1921, Lê-nin đã đề ra *chính sách kinh tế mới* (NEP). Thực chất của NEP là *tăng cường cơ sở kinh tế của liên minh chặt chẽ giữa giai cấp công nhân và nông dân*, liên minh này là nguyên tắc tối cao của chuyên chính vô sản, là cơ sở của chính quyền xô viết, là điều kiện quan trọng nhất để xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội. NEP kiến lập mối quan hệ đúng đắn giữa công nghiệp xã hội chủ nghĩa với kinh tế sản xuất hàng hóa nhỏ của nông dân thông qua việc sử dụng rộng rãi quan hệ hàng hóa - tiền tệ dưới sự kiểm soát của nhà nước để phát triển lực lượng sản xuất ; đồng thời , NEP cho phép phát triển và hướng kinh tế tư bản vào con đường *chủ nghĩa tư bản nhà nước* khi những đỉnh cao của nền kinh tế vẫn nằm trong tay nhà nước để phát triển công nghiệp lớn.

Chủ nghĩa tư bản nhà nước là một trong những yếu tố chủ yếu cấu thành NEP. Có thể nêu lên *những tư tưởng chủ yếu của Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước* trong hệ thống NEP như sau :

1 - Khi chuyển sang NEP, Lê-nin đã thẳng thắn thừa nhận rằng "toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi về cơ bản". Trước đấy, Đảng và Nhà nước xô viết đã tính là *có thể* dựa vào nhiệt tình cách mạng mà *trực tiếp* thực hiện những nhiệm vụ về kinh tế như những nhiệm vụ về quân sự ; *có thể* dùng những biện pháp *trực tiếp* của nhà nước vô sản để tổ chức sản xuất và phân phối sản phẩm theo kiểu cộng sản chủ nghĩa ở một nước tiểu nông. Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau khi đi vào thực hiện, Lê-nin đã thấy rằng không thể xây dựng trực tiếp chủ nghĩa xã hội ở một nước tiểu nông như nước Nga lúc đó. Người nói : "Trong một nước tiểu nông, trước hết các đồng chí phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội"[1]. Đây là một bước lùi chiến lược, đúng hơn là trở lại con đường phát triển hợp quy luật của kinh tế.

2 - Lê-nin cho rằng đối với giai cấp vô sản thực hiện quyền chuyên chính của mình ở một nước tiểu nông, thì chính sách đúng đắn phải là lấy sản phẩm công nghiệp để trao đổi với sản phẩm nông nghiệp của nông dân. Vì vậy, cần phải thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa áp dụng trước đấy bằng chế độ thuế lương thực. Chỉ có chính sách như vậy mới phù hợp với nhiệm vụ của giai cấp vô sản, mới có thể củng cố được cơ sở của chủ nghĩa xã hội ở Nga lúc ấy. Với chế độ thuế lương thực thay cho chế độ trưng thu lương thực thừa, phần

* PTS kinh tế học, Trường đại học kinh tế quốc dân

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 189

Digitized by Google

lương thực còn lại sau khi nộp thuế sẽ thuộc về người nông dân và người nông dân có thể tự do trao đổi nó trên thị trường. Mà tự do trao đổi, "tự do buôn bán có nghĩa là có sự phát triển của chủ nghĩa tư bản"[2]. Nhưng "đối với chúng ta chủ nghĩa tư bản ấy không đáng sợ" [3]. Làm như thế chúng ta sẽ cải thiện được nền kinh tế nông dân mà chúng ta rất cần phải cải thiện [4].

3 - Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội không có mục đích tự thân, mà là phương tiện, con đường, để tăng lực lượng sản xuất, là biện pháp biến các xí nghiệp tư bản chủ nghĩa thành xí nghiệp xã hội chủ nghĩa. Lê-nin nói : "... thường "chúng ta" vẫn còn lặp lại cái lý luận cho rằng "chủ nghĩa tư bản là xấu, chủ nghĩa xã hôi là tốt". Nhưng cái lý luận ấy là sai, vì nó không đếm xỉa tới toàn thể các kết cấu kinh tế xã hội hiện có, mà chỉ nhìn thấy có hai kết cấu trong số đó thôi." [5] Chủ nghĩa tư bản là xấu so với chủ nghĩa xã hội, nhưng là tốt so với nền tiểu sản xuất [6], "chủ nghĩa tư bản nhà nước *về kinh tế* cao hơn rất nhiều so với nền kinh tế hiện nay của nước ta" [7]. Vì chưa có điều kiện để *chuyển trực tiếp* từ tiểu sản xuất lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta "phải lợi dụng chủ nghĩa tư bản (nhất là bằng cách hướng nó vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước) làm mắt xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội, làm phương tiện, con đường, phương pháp, phương thức để tăng lực lượng sản xuất lên"[8]. Và điều đó "sẽ đưa chúng ta đến chủ nghĩa xã hội bằng con đường chắc chắn nhất" [9].

4 - Khi chuyển sang NEP, Nhà nước xô viết đã sử dụng những biện pháp, phương pháp hoạt động của chủ nghĩa tư bản nhà nước và đã thực hiện việc "điều tiết trao đổi hàng hóa". Nhưng việc trao đổi sản phẩm công nghiệp lấy sản phẩm nông nghiệp hồi ấy ít nhiều vẫn theo phương thức cũ, nên đã bị thất bại. Thất bại ở chỗ : *trao đổi* sản phẩm đã biến thành *mua bán* sản phẩm. Như vậy, theo Lê-nin, "rút lui" là chưa đủ. Cần *chuyển từ chủ nghĩa tư bản nhà nước sang thiết lập chế độ nhà nước điều tiết việc mua bán và lưu thông tiền tệ*. Người viết : "...chúng ta ở vào tình thế còn phải rút lui thêm một chút nữa, không những lui về chủ nghĩa tư bản nhà nước mà còn lui về chế độ nhà nước điều tiết thương nghiệp và lưu thông tiền tệ nữa." [10] Và khẳng định : đó "là con đường duy nhất có thể đi theo được đối với chúng ta" [11].

5 - Lê-nin đã nêu lên ***những hình thức*** của chủ nghĩa tư bản nhà nước. Người đặc biệt chú ý tới *tô nhượng*, vì tô nhượng tăng cường nền sản xuất lớn hiện đại mà không có nó thì về *phương diện kinh tế*, bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội là không thể thực hiện được. Tô nhượng còn củng cố những quan hệ kinh tế do nhà nước điều chỉnh, đối lập với những quan hệ tư sản vô chính phủ.

Hợp tác xã, trong điều kiện cụ thể ở nước Nga lúc đó, theo Lê-nin, cũng là một hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước, nhưng có hình thù ít rõ rệt hơn, phức tạp hơn. Việc chuyển từ chế độ hợp tác xã của những người sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội là chuyển từ tiểu sản xuất lên đại sản xuất, nghĩa là một bước quá độ phức tạp hơn so với chuyển từ chế độ tô nhượng lên chủ nghĩa xã hội.

Ý nghĩa của chế độ hợp tác là ở chỗ không phải xóa bỏ người sản xuất nhỏ với lợi ích tư nhân của họ mà là đặt lợi ích đó dưới sự điều tiết của nhà nước và phục tùng lợi ích chung.

6 - Về mặt chính trị, Lê-nin khẳng định nhiều lần rằng chủ nghĩa tư bản nhà nước

(2) (3) *Sđd*, t 43, tr 188, 189

(4) Xem *Sđd*, t 43, tr 190

(5) *Sđd*, t 43, tr 276

(6) Xem *Sđd*, t 43, tr 276

(7) *Sđd*, t 43, tr 252

(8) *Sđd*, t 43, tr 276

(9) *Sđd*, t 43, tr 252

(10) *Sđd*, t 44, tr 259

(11) *Sđd*, t 44, tr 264

Digitized by Google

là *không đáng sợ, không thay đổi được gì có tính chất căn bản trong chế độ xã hội của nước Nga xô viết,* tất nhiên với *hai* điều kiện : *một là,* chính quyền nhà nước phải nằm trong tay giai cấp công nhân và nhà nước quy định khuôn khổ cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản nhà nước ; *hai là,* nhà nước phải nắm các đỉnh cao kinh tế để điều tiết nền kinh tế. Người nói : chủ nghĩa tư bản nhà nước không đáng sợ vì "chủ nghĩa tư bản ấy sẽ chịu sự kiểm soát, sự giám sát của nhà nước. Nếu nhà nước công nhân nắm lấy công xưởng, nhà máy và đường sắt thì chúng ta không sợ gì chủ nghĩa tư bản ấy" (12). "Chính sách kinh tế mới không thay đổi cái gì có tính chất căn bản trong chế độ xã hội của nước Nga xô viết và cũng không thể thay đổi được điều gì chừng nào mà chính quyền còn ở trong tay công nhân..." (13) Như vậy, vấn đề là ở chỗ nhà nước xã hội chủ nghĩa phải kiểm soát, ngăn chặn bất cứ chủ nghĩa tư bản nào vượt ra khỏi khuôn khổ chủ nghĩa tư bản nhà nước và phải làm cho nó phù hợp với lợi ích của giai cấp công nhân.

Lê-nin cũng cho rằng *chủ nghĩa tư bản nhà nước là một hình thức mới của đấu tranh giai cấp,* chứ không phải là hòa bình giai cấp. Cho dù sự điều tiết của nhà nước (giám sát kiểm tra, quy định các hình thức...) có thành công đi nữa, thì sự đối lập về lợi ích giai cấp của lao động và của tư bản nhất định vẫn tồn tại. Vì vậy, nhà nước phải bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động.

7 - Chủ nghĩa tư bản nhà nước mà Lê-nin nêu, là một thứ chủ nghĩa tư bản **đặc biệt**. Nó khác với khái niệm thông thường về chủ nghĩa tư bản nhà nước, vì ở đây nhà nước nằm trong tay giai cấp vô sản và những đỉnh cao của nền kinh tế thì nằm trong tay nhà nước xã hội chủ nghĩa. Lê-nin viết : "Chủ nghĩa tư bản nhà nước của chúng tôi khác về căn bản so với chủ nghĩa tư bản nhà nước ở những nước có chính phủ tư sản, sự khác biệt chính là ở chỗ nhà nước của chúng tôi không phải đại diện cho giai cấp tư sản mà đại diện cho giai cấp vô sản." (14) Người còn nhắc nhở : "... nếu Chính quyền xô viết đem tô nhượng phần lớn tài sản của mình thì như vậy là hoàn toàn khờ dại ; như vậy không phải là tô nhượng nữa mà là quay trở lại chủ nghĩa tư bản." (15)

Từ những điều vừa trình bày về chủ nghĩa tư bản nhà nước trong hệ thống chính sách kinh tế mới, chúng ta có thể thấy : chủ nghĩa tư bản nhà nước không chỉ là một thành phần kinh tế trong kết cấu của nền kinh tế quá độ, mà còn là *sách lược* của nhà nước vô sản, là *con đường* để thực hiện sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong một nước tiểu sản xuất chiếm ưu thế.

*
* *

Tư tưởng của Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước trong hệ thống chính sách kinh tế mới là một trong những di sản quý báu nhất mà Người để lại cho chúng ta. Việc nghiên cứu sâu sắc tư tưởng đó của Lê-nin có ý nghĩa thiết thực đối với chúng ta, giúp chúng ta xác định rõ phương tiện, con đường thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Khi vận dụng tư tưởng của Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước, cần xem xét vận dụng nó vừa như là *một sách lược kinh tế của nhà nước vô sản,* vừa như là *một thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ,* một kiểu tổ chức kinh tế.

1 - **Vận dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước như một sách lược kinh tế.** Xét về phương diện *vật chất, kinh tế,* nước ta hiện nay, ở mức độ nhất định, cũng như nước Nga thời NEP, chưa có đủ điều kiện để *trực tiếp* xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, chúng ta cần suy nghĩ thấu đáo quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội thông qua chủ nghĩa tư bản nhà nước như Lê-nin từng

(12) *Sđd,* t 43, tr 190
(13) *Sđd,* t 45, tr 343
(14) *Sđd,* t 45, tr 344
(15) *Sđd,* t 43, tr 191

Digitized by Google

vạch ra. Trước hết, chúng ta có thể sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước như *một phương tiện để thực hiện sự định hướng xã hội chủ nghĩa* không ? Tôi thiển nghĩ cần thiết phải làm như vậy, và có thể làm như vậy. Với đường lối đổi mới và chủ trương chiến lược phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đại hội VI và VII của Đảng, kinh tế tư nhân, cá thể ở nước ta đã được mở rộng, hiện cung cấp khoảng 2/3 tổng sản phẩm trong nước. Để hướng kinh tế này vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước, cần giải quyết những vấn đề sau đây :

Một là, không nên e ngại mà tạo điều kiện cần thiết (như về khuôn khổ khung luật pháp và các quy định về tín dụng, về kết cấu hạ tầng cơ sở) để thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển hơn nữa. Cần chủ động tạo điều kiện, môi trường và bằng nhiều hình thức, thu hút đầu tư của các nhà tư bản nước ngoài.

Hai là, hướng sự phát triển của kinh tế tư bản theo con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới các hình thức thích hợp, thông qua sự kiểm kê, kiểm soát và điều tiết của nhà nước bằng các công cụ quản lý vĩ mô (đặc biệt là các chính sách tài chính và tiền tệ) và bằng lực lượng kinh tế trong tay nhà nước (kinh tế quốc doanh).

Ba là, để sự phát triển "đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước" không làm thay đổi gì bản chất chế độ xã hội ở nước ta, không đi ra ngoài quỹ đạo của định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước ta cần được củng cố vững chắc, thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Nhà nước cần nắm vững các đỉnh cao của nền kinh tế (kinh tế quốc doanh cần được cải cách để thực sự nắm vai trò chủ đạo), nắm chắc các công cụ quản lý vĩ mô (đặc biệt là các chính sách tài chính và tiền tệ mà hiện nay đang cần được khẩn trương cải cách) để điều tiết nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2 - **Vận dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước như một thành phần kinh tế, một kiểu tổ chức kinh tế.** Với tính cách một phạm trù kinh tế, chủ nghĩa tư bản nhà nước là hệ thống các quan hệ kinh tế giữa *một bên* là nhà nước vô sản, đại biểu cho sở hữu toàn dân, cho lợi ích xã hội, với *một bên* là nhà tư bản ; là hệ thống các quan hệ *hợp đồng* giữa nhà nước vô sản và nhà tư bản. Hệ thống quan hệ đó được thiết lập dưới những hình thức kinh tế nhất định. Ở nước ta, trong quá trình đổi mới, cũng đang hình thành những hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước.

Sự thu hút vốn đầu tư của nước ngoài đang tạo nên những khu chế xuất do nước ngoài đầu tư, những doanh nghiệp hay công ty liên doanh giữa nhà nước với tư bản nước ngoài. Những hình thức như vậy sẽ được mở rộng cùng với sự tăng đầu tư của nước ngoài vào nước ta. Chúng không chỉ là những hình thức thu hút vốn nước ngoài, mà đi liền với nó là thu hút công nghệ tiên tiến, do đó góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, xét về lâu dài, cần nghiên cứu xác định mức độ *hợp lý* của đầu tư nước ngoài vào nước ta, và tăng dần tỷ lệ vốn đầu tư từ trong nước.

Ở nước ta hiện nay, các hình thức liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp nhà nước với các doanh nghiệp tư nhân được hình thành và phát triển. Các hình thức gia công, đại lý đã được áp dụng. Các công ty cổ phần trong đó có sự tham gia của nhà nước đang được lắm thử và triển khai. Hợp tác xã cổ phần của những người tiểu sản xuất rất đáng được nghiên cứu. Những hình thức trên tạo điều kiện để nhà nước điều tiết hoạt động của các doanh nghiệp tư nhân theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đối với những doanh nghiệp tư nhân không tham gia các hình thức trên, nhà nước cần tăng cường kiểm kê, kiểm soát, để hoạt động của chúng phù hợp với luật pháp và quy định của nhà nước, hạn chế những hành vi tiêu cực ❑

Digitized by Google

TƯƠNG LAI DƯỚI CON MẮT
nhà tương lai học An-vin Tô-phlơ ★

TRẦN XUÂN TRƯỜNG *

TRUNG thành với sự phân loại theo cái khuôn "ba làn sóng", ông Tô-phlơ đã làm một điều kỳ cục, hết sức khiên cưỡng là quy các phong trào đấu tranh xã hội có bản chất giai cấp hết sức khác nhau về một làn sóng. Cực kỳ khiên cưỡng là xếp ông Lin-côn, tổng thống Mỹ chủ trương xóa bỏ chế độ nô lệ da đen ở miền nam nông nghiệp, vua Minh Trị ở Nhật và Lê-nin, lãnh tụ Đảng bôn sê vích Nga, vào cùng một phe đảng thuộc làn sóng thứ hai. Tô-phlơ viết : "Khi Làn sóng thứ hai đi qua các xã hội khác nhau, nó gây ra một cuộc chiến tranh kéo dài đẫm máu giữa những người bảo vệ quá khứ nông nghiệp và những người ủng hộ tương lai công nghiệp... Ở Mỹ, sự va chạm này bắt đầu với cuộc nội chiến năm 1861... Ở Nhật, chế độ quân chủ Minh Trị bắt đầu vào năm 1868 đã đưa nước Nhật vào cuộc đấu tranh giữa quá khứ nông nghiệp và tương lai công nghiệp... Ở nước Nga, sự va chạm giữa các lực lượng Làn sóng thứ nhất và thứ hai cũng nổ ra. Cuộc cách mạng năm 1917 là bản dịch của Nga về cuộc nội chiến Mỹ. Nó được chiến đấu không phải cho chủ nghĩa cộng sản, mà là cho vấn đề công nghiệp. Khi những người Bôn sê vích quét sạch những dấu vết cuối cùng của chế độ nông nô và nền quân chủ phong kiến, họ đẩy nông nghiệp ra phía sau và tăng tốc hệ thống công nghiệp quy mô lớn. Họ trở thành Đảng của Làn sóng thứ hai"(1).

Ông Tô-phlơ quy mọi cuộc đấu tranh xã hội vào cuộc đấu tranh giữa các làn sóng văn minh, và trong quan điểm của ông, người ta thấy tái hiện *thuyết hội tụ* với cái khung thế giới quan được coi là rất tân kỳ. Ông Tô-phlơ khái quát rằng : "Từ nước này sang nước khác, sự xung đột giữa các quyền lợi của Làn sóng thứ nhất và Làn sóng thứ hai nổ ra khắp nơi, dẫn đến khủng hoảng và biến động chính trị, đình công, nổi loạn, đảo chính và chiến tranh..." (2). "... các xã hội Làn sóng thứ hai, tư bản hay cộng sản, Bắc hoặc Nam, tất cả đều giống nhau." (3)

Từ cuộc đấu tranh giữa làn sóng thứ hai với làn sóng thứ nhất, ông Tô-phlơ đề cập đến làn sóng thứ ba, cho rằng với làn sóng thứ ba, trong xã hội, ông chủ và người thợ biến mất, quyền lực rơi vào tay tầng lớp quản lý, điều hành : "Mác cho rằng ai nắm quyền sở hữu công cụ và công nghệ - phương tiện sản xuất - thì người đó kiểm soát xã hội... Thế nhưng lịch sử đã diễn ra khác... Cuối cùng thì chẳng phải ông chủ cũng chẳng phải công nhân cầm quyền. Trong các quốc gia tư bản cũng như xã hội chủ nghĩa, chính những người hợp nhất (tức những người quản lý - TXT) nhảy lên chóp bu" (4), và do đó, "trong các xã hội công nghiệp tư bản cũng như xã hội chủ nghĩa, cùng một mô hình đã xuất hiện - các công ty lớn hoặc các tổ chức sản xuất lớn và một bộ máy chính phủ khổng lồ"(5).

Chắc chắn rằng, sự phát triển của các lực lượng sản xuất xã hội, của nền văn minh nhân loại trong thế kỷ XXI sẽ làm cho nhu cầu sống của con người phức tạp và cao hơn, và khả năng thỏa mãn nhu cầu ấy cũng lớn hơn. Thế nhưng, việc xã hội có nhiều sản

★ Tiếp theo bài cùng tên ở số 7- 1995

* Giáo sư triết học, Trung tướng, Giám đốc Học viện chính trị quân sự, Bộ quốc phòng

(1) An-vin Tô-phlơ *Làn sóng thứ ba*, Nxb Thông tin lý luận, Hà nội, 1992, tr 23

(2) *Sđd*, tr 23

(3) *Sđd*, tr 27

(4) *Sđd*, tr 44-45

(5) *Sđd*, tr 47

Digitized by Google

phẩm hơn để phân phối và việc phân phối những sản phẩm ấy như thế nào lại là hai việc hoàn toàn khác nhau. Thực tế cho thấy có xã hội dư thừa sản phẩm nhưng trong xã hội ấy vẫn có không ít người đói khổ, không được tiêu dùng các sản phẩm, bởi vì sự phân phối trong xã hội là do *chế độ kinh tế - xã hội* với những quy luật kinh tế thép *chi phối*. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ dù thần kỳ đến đâu, chỉ riêng nó, không thể xóa bỏ được sự bất công nói trên. Muốn xóa bỏ sự bất công trong phân phối giữa người giàu và người nghèo ở một quốc gia giàu có hay giữa nước giàu và nước nghèo trên thế giới thì *không thể tránh khỏi* những cuộc đấu tranh xã hội, những cuộc cách mạng xã hội mà ông Tô-phlơ không muốn nghe nói đến nữa. Ông tuyên bố : "Những vấn đề do cuộc cách mạng siêu công nghiệp tạo ra sẽ làm giảm cuộc xung đột lớn của thế kỷ XX, cuộc xung đột giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản trở thành vô nghĩa". (6)

Có thật là bước sang thế kỷ XXI, cuộc xung đột giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản trở thành vô nghĩa không ? Đúng là cuộc "cách mạng siêu công nghiệp" hay "làn sóng văn minh thứ ba" là thành tựu của trí tuệ con người, nhưng cuộc cách mạng đó và làn sóng đó hiện nay là do *các tập đoàn tư bản tài chính* làm chủ, tổ chức và tài trợ; họ sẽ khai thác và thu lợi trước hết cho mình, sau đó mới ban phát cho xã hội hưởng lợi. Như vậy, sự phát triển của nền văn minh trong khuôn khổ chế độ tư bản không tránh khỏi những mâu thuẫn, những giới hạn do chính chế độ đó sản sinh ra, do đó, để nền văn minh có thể phát triển không ngừng, vừa mạnh mẽ vừa hợp lý, hợp lý trong quan hệ giữa con người với nhau cũng như giữa con người với giới tự nhiên, sẽ đến lúc không có cách nào khác là phải *vượt qua* chế độ tư bản. Mà vượt qua chế độ tư bản thì phải làm cách mạng xã hội ; cách mạng khoa học kỹ thuật cho dù kỳ diệu đến đâu thì trong thế kỷ XXI chắc chưa thể thay thế được cách mạng xã hội. Có lẽ trong một tương lai xa hơn, *khi chính trị đã hết vai trò*, thì điều đó có thể xảy ra. Còn trong thế kỷ tới, loài người cũng như cuộc chinh phục tự nhiên của họ muốn tiến lên chắc chắn vẫn cần đến chính trị, đến cách mạng xã hội. Giai cấp thống trị về kinh tế và chính trị sẽ không bao giờ tự nguyện rút lui khỏi vũ đài nếu không có sức mạnh đủ sức buộc họ phải rút lui. Dĩ nhiên, thế kỷ XXI có thể sáng tạo ra những cuộc cách mạng xã hội có nội dung và hình thức *mới*, khác với thế kỷ XX, phù hợp với những điều kiện lịch sử lúc đó. Phù hợp với nền văn minh trí tuệ, cuộc cách mạng xã hội sẽ có hàm lượng trí tuệ ngày càng cao hơn. Trong khi mang lại nhiều điều tốt lành, nền văn minh cũng đã sản sinh ra không ít phương tiện hủy diệt con người trên trái đất, vì vậy cuộc cách mạng xã hội tương lai có thể có xu hướng tăng hàm lượng chính trị, nhất là về mặt nội dung. Dù thế nào thì cách mạng xã hội, đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc vẫn là một *tất yếu lịch sử*, và bạo lực với nội dung đã được đổi mới, vẫn đóng vai trò là *bà đỡ* cho sự ra đời của một xã hội mới.

Thực tế cuộc sống còn đầy rẫy những mâu thuẫn và xung đột xã hội, nhưng ông Tô-phlơ lại muốn lảng tránh và muốn người ta tin vào những phép mầu của làn sóng văn minh thứ ba trong việc đem lại sự yên bình xã hội. Ông buộc phải đi tới những ảo tưởng quá ư ngây thơ, giống như những nhà cải cách xã hội trước Mác đã từng muốn dựa vào lương tri và lòng tốt của người giàu để tổ chức lại trật tự xã hội. Chẳng hạn, ông cho rằng : "Bằng việc cho bớt phần sản phẩm dư thừa, các nhà máy có thể tiếp tục hoạt động, dư thừa nông nghiệp cũng được cho bớt đi, xã hội có thể tiếp tục tập trung về sự thỏa mãn nhu cầu vật chất. Một chương trình 50 năm xóa bỏ nạn đói trên thế giới không những chỉ tạo ra tinh thần đạo đức, mà còn giúp các nước công nghiệp rút ngắn thời gian chuyển tiếp sang nền kinh tế tương lai." (7)

Trong một thế giới ở đó chế độ tư hữu tài sản còn là thiêng liêng và bất khả xâm phạm, lợi nhuận còn là động cơ chi phối mọi hoạt động kinh doanh, mà nói đến chuyện cho không, san sẻ của cải giữa người này và người khác, giữa quốc gia này và quốc gia khác, thì chỉ là tự lừa dối mình và lừa

(6) An-vin Tô-phlơ. *Cú sốc tương lai*. Nxb Thông tin lý luận. Hà nội. 1992. tr 73

(7) *Sđd*. tr 78

Digitized by Google

dối người. Chúng ta không phủ nhận ý nghĩa tinh thần và thực tế của hoạt động từ thiện từ quy mô nhỏ đến quy mô quốc gia, quốc tế, nhưng trong khuôn khổ của những quan hệ xã hội hiện nay, hoạt động đó về cơ bản không thể thay đổi được tình trạng phân phối bất công của cải xã hội.

Tư duy theo làn sóng văn minh, gạt chính trị ra ngoài lề cuộc sống, phủ định cả chính trị tư bản chủ nghĩa lẫn chính trị xã hội chủ nghĩa, nhưng ông Tô-phlơ cuối cùng vẫn cứ phải đưa chính trị trở lại, cứ phải thừa nhận sự vận động của làn sóng văn minh không thể không có sự tham gia của chính trị. Thế nhưng, cái chính trị mà ông dự báo cho chúng ta lại quá mơ hồ, do đó không đáng tin cậy chút nào. Nó trái với sự vận động chính trị thực tế đang diễn ra trước mắt chúng ta mà bất cứ người nào với tư duy chính trị *bình thường*, chưa cần tới "tư duy chính trị mới", cũng có thể nhận biết được.

Sau khi tuyên bố cả hai hệ thống tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa "giờ đây đều lỗi thời, không thể đối phó với sự phức tạp của xã hội siêu công nghiệp" [8], ông Tô-phlơ đưa ra cho chúng ta một hệ thống chính trị mới mang cái tên là "chủ nghĩa vị lai xã hội"[9]. Thế nhưng, nội dung và hình thù của cái thiết chế chính trị mới đó, một thiết chế muốn vượt qua và đứng trên cả hai loại hệ thống chính trị hiện tồn để điều tiết cái xã hội siêu công nghiệp là như thế nào, thì ông Tô-phlơ cũng bí ! Ông bào chữa : "Ngày nay, phong trào vị lai toàn thế giới chưa làm khác biệt rõ ràng cho những nhiệm vụ này (những nhiệm vụ quản lý xã hội - TXT)." [10] Trong khi nội dung nhiệm vụ chưa rõ, ông Tô-phlơ vẫn dự báo một hệ thống tổ chức vị lai xã hội. Đó là những "hội đồng xã hội tương lai". Ông viết : "Muốn thực hiện việc này, chúng ta phải thành lập "hội đồng xã hội tương lai" trong mỗi quốc gia, mỗi thành phố, mỗi cộng đồng với các nhóm đơn vị xã hội như công nghiệp, lao động, tôn giáo, trí thức, nghệ thuật, phụ nữ, thiểu số, sinh viên v.v.."[11]

Thế ra, cuối cùng lại là *hội đồng* các cấp ! Hội đồng gì vậy? Nếu ông muốn một hệ thống hội đồng *không còn bản chất giai cấp*, một hội đồng *vượt lên trên bản chất tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa*, một hội đồng không còn sự thống trị giai cấp mà chỉ đóng vai trò quản lý xã hội của những người lao động liên hiệp lại, thì như vậy thực tế ông đã *rơi vào đúng phác họa của Mác về bộ máy quản lý xã hội trong tương lai xa*, khi nhân loại đã ở giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản khoa học.

Trên một ý nghĩa nào đấy mà nói, phác họa đó của Mác cũng là một dự báo tương lai, tuy Mác không phải là nhà tương lai học theo nghĩa hiện nay của bộ môn khoa học này. Dự báo của Mác là một dự báo thật sự khoa học ở tầm tổng quát nhất của sự phát triển của xã hội loài người, một dự báo đáng tin cậy, xuất phát từ một học thuyết cách mạng và khoa học của một nhà tư tưởng vĩ đại của giai cấp công nhân và nhân loại tiến bộ, một học thuyết vẫn đang chiếu sáng cho bước đi của nhân loại trong thế kỷ XXI. Loài người đã từng có lúc không có chế độ tư hữu, không có giai cấp, không có nhà nước; rồi sau đó đã từng tồn tại chế độ tư hữu qua các hình thái kinh tế-xã hội khác nhau, đã từng có giai cấp và đấu tranh giai cấp, đã từng có các hình thức nhà nước với bản chất là công cụ thống trị giai cấp. Và đến một giai đoạn phát triển nhất định của lịch sử, khi những điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... đã chín muồi, trước hết là những điều kiện kinh tế, thì xã hội loài người sẽ chuyển sang một giai đoạn mà chế độ tư hữu tài sản về tư liệu sản xuất cơ bản không còn là "thiêng liêng và bất khả xâm phạm" nữa, khi đó sự phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp trở nên lỗi thời, nhà nước hiểu theo nguyên nghĩa là công cụ thống trị, áp bức, bóc lột giai cấp và dân tộc, sẽ không còn. Khi đó, với tính chất và chức năng *duy nhất* là cơ quan quản lý xã hội, nhà nước thực tế không còn là nhà nước như xưa nay vẫn hiểu nữa.

Dự báo của Mác tuy chưa thành hiện thực đầy đủ, vì cho đến nay chưa có nước nào trên thế giới đã tiến vào giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản, nhưng dự báo đó vẫn

(8) *Sđd*, tr 169
(9) *Sđd*, tr 171
(10) *Sđd*, tr 178
(11) *Sđd*, tr 183-184

Digitized by Google

có tính thuyết phục vì nó được luận chứng trên cơ sở tổng kết toàn bộ sự phát triển của lịch sử loài người, tuân theo một lô gích đanh thép không thể cưỡng nổi của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trong khi đó, ông Tô-phlơ đề nghị thay thế ngay các nhà nước giai cấp hiện nay bằng hệ thống "hội đồng xã hội vị lai". Người nào có chút đầu óc thực tế cũng có thể thấy ngay, trong điều kiện lịch sử của các thiết chế xã hội hiện tồn, đề nghị của ông Tô-phlơ chỉ là *không tưởng*, nếu không muốn nói là ngây thơ. Hoặc là ông giả vờ ngây thơ, hoặc là ông thành thực tin như vậy. Nếu đúng là ông tin như vậy thì có thể nói, ông không còn là một nhà tương lai học có nhiều cống hiến như khi đi vào lĩnh vực khoa học, công nghệ, tổ chức quản lý... Đi vào lĩnh vực vận động chính trị-xã hội của đời sống con người, ông chỉ còn là một nhà tương lai học tồi.

Trên thực tế, nếu xây dựng một hệ thống hội đồng xã hội vị lai ngay trong thế kỷ XXI cùng với làn sóng văn minh thứ ba như ông Tô-phlơ kiến nghị, thì đó chỉ là sự *tân trang* chế độ dân chủ đại nghị đang có nhiều dấu hiệu suy đồi và khủng hoảng sau mấy trăm năm tồn tại, chỉ là sự *cải tổ* tổ chức quyền lực chính trị của giai cấp tư sản mà thôi. Trong ý đồ đổi mới hệ thống chính trị tư sản, ông Tô-phlơ muốn tập hợp trong các hội đồng nói trên nhiều nhà khoa học hơn nữa, muốn giới trí thức trẻ đại diện cho trí tuệ sẽ thay thế dần những chính khách chuyên nghiệp mà truyền thống dân chủ tư sản đã sản sinh ra. Đến đây, cuộc thảo luận chuyển sang một hướng *mới*, cũng chứa đựng rất nhiều ý tứ khái quát mang tính triết học mà ông đã say sưa đề cập trong một cuốn sách thứ ba, "Thăng trầm quyền lực", với độ dày gấp đôi so với hai cuốn "Cú sốc tương lai" và "Làn sóng thứ ba" đã nói ở trên.

Phải nói rằng, cái tên "Thăng trầm quyền lực" không thể hiện thật chính xác nội dung cuốn sách. Cái từ "thăng trầm" gợi nên ý tưởng về một sự chuyển giao quyền lực, hoặc một sự đoạt quyền. Ông Tô-phlơ cũng có những đoạn văn mập mờ, mở đường cho những khái quát hoàn toàn sai lầm của các môn đồ của ông. Ví dụ, luận điểm cho rằng với nền văn minh thứ ba, văn minh trí tuệ, thì quyền lực phải chuyển giao cho tầng lớp trí thức - những người có tri thức trong đầu. Đúng là ngày nay, vai trò của tri thức, so với các nhân tố khác tạo nên quyền lực, tăng lên ghê gớm. Nhưng điều đó đâu làm thay đổi quyền lực. Nó chỉ làm thay đổi tương quan giữa những nhân tố bên trong của vẫn một thứ quyền lực là quyền lực *tư sản* : tư sản thống trị kinh tế thì cũng thống trị luôn nhà nước, nắm bạo lực và cũng nắm luôn cả tri thức.

Chúng ta hãy xem xét tỉ mỉ hơn một số luận chứng của ông Tô-phlơ.

Ông phân tích *ba* bộ phận cấu thành quyền lực là *bạo lực, của cải* và *tri thức*. Có thể đồng ý với sự phân tích đó. Ông xếp hạng thứ bậc, phẩm chất của từng nhân tố, cho rằng bạo lực là *cấp thấp*, của cải là *cấp trung*, tri thức là *cấp cao*. Sau khi xếp hạng, ông chứng minh vì sao chúng lại có những phẩm chất khác nhau như vậy. Đến đây, bắt đầu nảy sinh những vấn đề không rõ ràng.

Ông đưa ra cái lý lẽ thông thường là dùng bạo lực để cưỡng chế người khác theo ý mình là bậc thấp ; dùng tiền bạc để lung lạc sai khiến người là bậc trung ; cao hơn cả là dùng đạo lý thuyết phục, khiến người vui vẻ tự nguyện làm. Điều đó thì các giai cấp thống trị từ cổ chí kim, từ đông sang tây đều hiểu cả, và ở đâu các giai cấp đó cũng sử dụng cả ba công cụ đó tùy hoàn cảnh. Ở phương Đông, từ mấy nghìn năm nay đã có những học thuyết cai trị rất sâu sắc, những trường phái vương đạo và bá đạo, pháp trị và đức trị... Luận giải của ông Tô-phlơ về điểm này không có gì mới !

Những lập luận tiếp theo của ông Tô-phlơ về sự lên ngôi của tri thức đáng để chúng ta bàn kỹ hơn. Ông cho rằng, "tri thức là cội nguồn quyền lực có tính cách dân chủ hơn cả" [12], "dựa vào tri thức ngày nay thì người yếu đuối và kẻ nghèo hèn đều có thể chuyển mình đoạt lấy quyền lực" [13]. Nhận định này dễ tạo ra ảo tưởng hơn cả trong giới trí thức, những kẻ sĩ hiện đại, vốn có tài, có hiểu biết nhưng lâu nay vẫn ở địa vị làm thuê cho các ông chủ tư bản nay có thể

(12) (13) An-vin Tô-phlơ : *Thăng trầm quyền lực*, Nxb Thông tin lý luận, Ban khoa học xã hội Thành ủy TP Hồ Chí Minh, 1991, phần đầu, tr 41

Digitized by Google

hy vọng đoạt lấy quyền lực. Ông Tô-phlơ đưa ra ý tưởng về sự đoạt lấy quyền lực, nhưng lại không thể nói rõ được là những người nghèo hèn và yếu đuối nhưng có tri thức làm thế nào để đoạt lấy quyền lực. Nếu những người trí thức tổ chức nhau lại và liên minh với những lực lượng xã hội khác, đấu tranh với giới chủ tư sản và nhà nước của nó để đoạt lấy quyền lực, thì như vậy họ làm cách mạng xã hội mất rồi ! Điều đó tất nhiên trái với thế giới quan của ông Tô-phlơ. Rút cục, chỉ còn mỗi con đường là giai cấp tư sản "tự giác" thấy mình không còn có thể cầm quyền chỉ vì có của cải, tự nguyện giao quyền cho tầng lớp trí thức là tầng lớp do chính mình đã tạo ra, và tầng lớp đó, bằng cách này hay cách khác, thực tế đã và đang phục vụ chế độ tư bản. Người nào có chút đầu óc thực tế thì cũng thấy ngay rằng không thể có chuyện như vậy, bởi vì các ông chủ tư sản và nhà nước của họ rồi đây dù có chú trọng sử dụng chất xám nhiều hơn nữa thì đó cũng không phải là để giảm, mà là để tăng quyền lực của họ.

Đề cập đến sự thăng trầm quyền lực ở các công ty, ở cấp kinh tế vi mô, ông Tô-phlơ phân tích mối quan hệ giữa những tiến bộ khoa học và công nghệ với việc áp dụng những tiến bộ đó trong các công ty. Ông tuyên bố : "Công ty nào hay nhóm kỹ nghệ gia nào chiếm được một chỗ trong chu kỳ tuần hoàn này (chu kỳ của khoa học và công nghệ - TXT) đều có thể nắm giữ quyền lực kinh tế đáng kể và tiếp theo là thế lực chính trị. Chiếm lĩnh địa vị này không phải nhờ ở tư bản mà là nhờ trí óc - trí óc trong máy điện toán, trong phần mềm và trong mạng lưới điện tử"[14]. Thế nhưng, ở đây chẳng có cái gì nói lên sự chuyển giao quyền lực từ nhà tư bản cho người trí thức. Ở đây, chỉ nói lên sự cạnh tranh giữa các công ty tư bản trong tình hình cách mạng khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão, buộc các công ty phải đầu tư mạnh vào khoa học và công nghệ để các sản phẩm làm ra có hàm lượng trí tuệ cao, tăng được sức cạnh tranh. Không thể nói rằng các công ty thích ứng nhanh, áp dụng công nghệ mới, do đó có địa vị ưu t' ắng, là nhờ trí óc chứ không phải nhờ tư bản, bởi vì nếu không tích lũy được nhiều tư bản thì làm sao các công ty sử dụng được trí tuệ cao ?

Ông Tô-phlơ còn đề cập cả khía cạnh nhờ trí thức mà quyền lực được chuyển từ ông chủ sang người lao động làm thuê. Dựa vào một thực tế là người công nhân ở các xã hội hiện đại phải có trình độ học vấn và công nghệ cao, có sự tự chủ nhất định trong lao động, không còn phụ thuộc nhiều vào người đốc công và quản lý như trước, ông đưa ra sự phản bác đối với Mác : "Lý luận mác-xít cho rằng nắm được công cụ sản xuất thì mới nắm được quyền hành. Vào thời công nghiệp ống khói và trong thế kỷ trung cổ Mác nhận định rằng, công nhân nếu không giành lấy công cụ sản xuất từ trong tay tư bản, thì sẽ đời đời không có đất đứng cho mình... Công cụ sản xuất mà nay người công nhân nắm được để làm chủ lấy mình không giống như thứ công cụ bỏ trong thùng hay như công cụ của xí nghiệp trong thời công nghiệp ống khói. Nó là thứ vật dụng nằm trong đầu óc của công nhân. Vật dụng ấy là công cụ của xã hội tương lai, là nguồn chủ yếu sáng tạo ra của cải và quyền lực. Nó là TRI THỨC."[15] Tôi đồng ý rằng, người công nhân ngày nay không còn hoàn toàn phụ thuộc vào máy móc trong hệ thống kiểu Tay-lo ; lao động của họ chủ động hơn, mang tính trí tuệ và văn hóa hơn, hay có thể nói, "hàm lượng trí tuệ trong lao động của họ" cao hơn. Nhưng từ đó mà nói rằng quyền lực đã được phân chia, đã được chuyển từ nhà tư bản sang cho người lao động, thì đó chỉ là *đối trá* hoặc là *ảo tưởng*. Không thể bác bỏ quan điểm của Mác về sự cần thiết giai cấp công nhân phải làm chủ các tư liệu sản xuất bằng cách nói rằng : cái cần thiết nhất để công nhân có quyền lực là tri thức nằm trong đầu người công nhân. Nói như vậy là *nguy biện*, bởi vì nếu không có tư liệu sản xuất và đối tượng sản xuất thì lấy gì để chuyển tải và sử dụng được thứ trí tuệ kia. Vậy nên người công nhân dẫu có tri thức trong đầu, giỏi lắm cũng chỉ là bán sức lao động cho ông chủ thuê mình với giá cao hơn mà thôi.

(14) *Sđd*, phần đầu, tr 168

(15) An-vin Tô-phlơ : *Thăng trầm quyền lực*, Nxb Thông tin lý luận - Ban Khoa học xã hội Thành ủy TP. Hồ Chí Minh, 1992, phần tiếp, tr 83

Digitized by Google

Nói lui nói tới, cuối cùng ông Tô-phlơ cũng *không thể lảng tránh được vấn đề quyền lực chính trị*, bởi vì cái cốt lõi của khái niệm quyền lực là quyền lực chính trị, là bộ máy nhà nước. Bàn về sự thăng trầm quyền lực, ông Tô-phlơ tuyên bố : "Chúng ta đang đứng trước một cuộc đổi thay quyền lực vô cùng quan trọng. Chúng ta có thể xây dựng một nền dân chủ mới cho thế kỷ XXI, hoặc là lui trở về một thời đại hắc ám mới".(16)

"Thời đại hắc ám mới" là cái gì vậy ? Ông Tô-phlơ dự báo về *ba nguy cơ* tạo thành "thời đại hắc ám mới" và đe dọa nền dân chủ trong thế kỷ XXI. Đó là : *sự cuồng tín tôn giáo, phong trào sinh thái mang tính thần học,* và *tinh thần bài ngoại mới*. Ông đánh giá : "Trong kỷ nguyên đổi thay quyền lực trước mắt, cuộc đấu tranh ý thức hệ hàng đầu sẽ không còn xảy ra nữa giữa nền dân chủ tư bản và cộng sản, nhưng là giữa nền dân chủ của thế kỷ XXI và bóng đen lạc hậu của thời Trung cổ"(17)

Ý tưởng triết học cơ bản của ông Tô-phlơ, cái mà ở Việt nam được gọi là phương pháp tiếp cận thời đại theo nền văn minh, là sự phủ định mọi cuộc cách mạng xã hội, cho rằng cuộc cách mạng trong nền văn minh sẽ trực tiếp tổ chức lại mọi mặt của đời sống xã hội không cần sự can thiệp của đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc. Thế nhưng, rút cục xã hội cũng phải được quản lý theo một thể chế và trật tự nhất định, chứ không thể là một tập hợp hỗn độn của các cá nhân. Ông Tô-phlơ phê phán, bác bỏ cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội, và để đáp ứng cái nhu cầu xã hội nhất thiết phải có một tổ chức quản lý, có lúc ông đã đưa ra một thứ "chủ nghĩa" hết sức mơ hồ và cùng với nó là một hình thù tổ chức cũng hết sức mơ hồ : "hệ thống xã hội vị lai". Thế nhưng, đến đoạn cuối của tác phẩm bộ ba này thì ý tưởng của ông không còn có gì là mơ hồ nữa.

Thật vậy, lập trường chính trị của ông Tô-phlơ khá rõ ràng. Dù ông Tô-phlơ từng rao giảng ở nhiều đoạn trước rằng sự phân biệt tư bản và cộng sản là chẳng còn ý nghĩa gì nữa, nhưng *cuối cùng*, theo ông, trong thế kỷ XXI, *nền dân chủ tư sản vẫn tồn tại*. Chỉ cần đổi mới và hoàn thiện nó. Chỉ cần thay đổi cách cai trị cho phù hợp với yêu cầu của nền "kinh tế siêu tượng trưng". Cụ thể, chỉ cần thay hệ thống thư lại vốn là nguồn gốc của chủ nghĩa quan liêu bằng hệ thống máy điện toán đa chức năng. Ông lờ đi những mâu thuẫn cơ bản vẫn còn nguyên của chủ nghĩa tư bản, lờ đi những nguồn gốc kinh tế - xã hội sâu xa đã và đang gây cho con người ở mỗi nước cũng như trên toàn thế giới bao nỗi hiểm họa và khổ đau. Nhưng ông lại muốn cảnh báo chúng ta về những nguy cơ gây mất ổn định, những nguy cơ tuy có thật nhưng dù sao vẫn ở hàng thứ yếu. Ông muốn bảo vệ nền dân chủ tư sản phương Tây khỏi bước thụt lùi về "thời đại hắc ám mới", về thời Trung cổ. Vì vậy, ông khẳng định làn sóng văn minh thứ ba không cần cách mạng xã hội nhưng vẫn cần quyền lực chính trị, vẫn cần nhà nước. Và nhà nước tư sản hiện nay, theo ông, vẫn là quyền lực chính trị tốt nhất, cao nhất cho làn sóng đó phát triển.

Như vậy, dù là một nhà tương lai học uyên bác, có nhiều dự báo đáng để ta phải suy nghĩ, nghiên cứu, ông Tô-phlơ thực tế vẫn là người bảo vệ cái trật tự xã hội đã đào tạo nên con người ông - trật tự tư bản chủ nghĩa.

Ông không những bảo vệ trật tự tư bản chủ nghĩa nói chung, mà còn bảo vệ trật tự thế giới tư bản chủ nghĩa của thế kỷ XXI trong đó nước Mỹ đóng vai trò lãnh đạo. Ông dành hẳn phần cuối cuốn sách - *phần sáu* - để bàn về *sự biến đổi quyền lực toàn cầu*. Vẫn bám chắc vào chủ đề lên ngôi của tri thức trong thời đại mới, nhưng ở đây ông xét nó trong mối quan hệ giữa các quốc gia trên thế giới. Ông đã dành ít trang để *đánh giá thế giới thứ ba*. Ông cho rằng, đa số các quốc gia ở thế giới đó đang còn ở trình độ văn minh nông nghiệp và đang vươn lên nền văn minh công nghiệp. Ông thừa nhận một cách thành thực là các nước phát triển trút cho các nước đang phát triển những công nghệ của làn sóng thứ hai đầy ô nhiễm và bệnh hoạn để họ có thể tập trung chuyển sang mô hình sản xuất tập trung tri thức hơn. Ông ghi nhận

(Xem tiếp trang 38)

(16) *Sđd*, phần tiếp, tr 265

(17) *Sđd*, phần tiếp, tr 286

Digitized by Google

Một số vấn đề về đổi mới DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

LÊ HỒNG TIỀN *

Từ nhiều năm nay, Đảng và Nhà nước ta đã tập trung nỗ lực, đề ra những chủ trương, biện pháp đổi mới doanh nghiệp nhà nước. Các ngành, các lĩnh vực, các doanh nghiệp nhà nước đã triển khai, thực hiện tích cực và thu được những kết quả bước đầu.

Phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình đổi mới doanh nghiệp nhà nước là làm cho khu vực doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả hơn, đảm nhiệm được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Theo phương hướng đó, đặc biệt là dựa vào tính hiệu quả, Chính phủ đã có những chủ trương, biện pháp cụ thể có hiệu lực để thúc đẩy quá trình đổi mới doanh nghiệp nhà nước. Nghị định 388 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) ngày 20-11-1991 đã làm thay đổi đột biến tình hình doanh nghiệp nhà nước. Từ chỗ cả nước có hơn 12 000 doanh nghiệp nhà nước, đến nay chỉ còn gần 7 000. Số còn lại (hơn 5 000) không đủ điều kiện trở thành doanh nghiệp nhà nước.

Đối với hơn 5 000 doanh nghiệp nhà nước này Chính phủ đã đề ra những chủ trương, biện pháp mạnh tay như tiến hành đa dạng hóa, chuyển hình thức sở hữu nhà nước bằng cách cổ phần hóa, bán doanh nghiệp nhà nước cho tư nhân, công tư hiệp tác trong công ty trách nhiệm hữu hạn, hoặc giải thể doanh nghiệp nhà nước. Đây là quá trình làm giảm số lượng, thu hẹp diện hoạt động của những doanh nghiệp nhà nước kém hiệu quả. Nhưng quá trình này đã diễn ra rất chậm chạp và không ít khó khăn. Công việc cổ phần hóa được làm thử trong 2 năm qua với 17 doanh nghiệp nhà nước đăng ký, nhưng chỉ có 2 doanh nghiệp đi vào thực hiện. Việc bán doanh nghiệp lớn của nhà nước cho tư nhân hầu như chưa diễn ra. Loại hình công ty công tư hiệp tác thực sự xuất hiện chưa được bao nhiêu và không đáng kể về quy mô. Việc giải thể doanh nghiệp nhà nước chưa tiến hành được, vì còn chờ ban hành luật phá sản. Doanh nghiệp nhà nước trước nguy cơ bị giải thể vẫn còn khá lớn.

Đối với gần 7 000 doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động, sau vài năm chuyển sang cơ chế mới đã có bước phát triển về chất, góp phần quan trọng tạo ra tốc độ phát triển công nghiệp khá cao (13%/năm), nhất là khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương. Một số doanh nghiệp đã có những sản phẩm xuất khẩu, cạnh tranh và tồn tại được với hàng ngoại. Có những doanh nghiệp đã trụ được và phát triển khá, có sự thay đổi thật sự có hiệu quả. Nhưng nhìn chung, khu vực doanh nghiệp nhà nước hoạt động hiệu quả vẫn còn thấp. Nhiều trường hợp còn thua kém các thành phần kinh tế khác. Trong số gần 7 000 doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động có hơn 25% làm ăn kém hiệu quả, bị thua lỗ, tiền nợ lòng vòng kéo dài lên tới hàng chục tỉ đồng. Hàng chục nghìn tỉ đồng vốn tín dụng của ngân hàng bị mắc kẹt trong các doanh nghiệp nhà nước có nguy cơ bị giải thể. Theo số liệu của Bộ tài chính, năm 1993, trong số 6 500 doanh nghiệp nhà nước đã

* PTS khoa học kinh tế. Học viện chính trị quốc gia. Phân viện TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

được cấp giấy phép thành lập, có 20% hoạt động không hiệu quả. Tình hình đó đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới, tìm kiếm mô hình quản lý doanh nghiệp nhà nước hợp lý, phù hợp với cơ chế thị trường để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Như vậy, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trong điều kiện hiện nay phải đồng thời tiến hành hai quá trình :

- Tiếp tục thu hẹp số lượng doanh nghiệp nhà nước ;

- Tìm kiếm và áp dụng mô hình quản lý doanh nghiệp nhà nước thích hợp, có hiệu quả.

Xung quanh vấn đề này, hiện vẫn còn khá nhiều ý kiến khác nhau. Ở đây tôi xin nêu một vài suy nghĩ của mình.

Tôi cho rằng, đây là hai quá trình có tính chất vừa đối lập vừa thống nhất với nhau. Tính chất đối lập thể hiện ở trong bản thân của từng quá trình. Một mặt, là quá trình đào thải, xóa bỏ hoặc làm giảm bớt những doanh nghiệp nhà nước thấy không cần thiết. Mặt khác, là quá trình làm tăng sức sống, tìm biện pháp để duy trì sự tồn tại doanh nghiệp nhà nước ở những khâu, những lĩnh vực, những ngành thật sự cần thiết cho nền kinh tế quốc dân. Nhưng cả hai quá trình này lại thống nhất ở một mục tiêu chung, là làm cho doanh nghiệp nhà nước phát triển có hiệu quả hơn.

1. *Quá trình thu hẹp số lượng doanh nghiệp nhà nước* không phải là xóa bỏ doanh nghiệp nhà nước, mà là quá trình giảm bớt về lượng những doanh nghiệp nhà nước không cần thiết, hạn chế sự phát triển quốc doanh tràn lan kém hiệu quả để tạo điều kiện tập trung sức người, sức của cho việc phát triển những doanh nghiệp nhà nước có kết quả. Nó được tiến hành khẩn trương, vững chắc và thận trọng. Theo tôi, trong giai đoạn hiện nay, cần tập trung xây dựng doanh nghiệp nhà nước ở những ngành, những lĩnh vực, những khâu như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hệ thống tài chính-ngân hàng, bảo hiểm, một số cơ sở sản xuất và dịch vụ trọng yếu, bảo đảm cho toàn bộ nền kinh tế phát triển với hiệu quả cao. Trong đó, không loại trừ sự tham gia của các thành phần kinh tế khác với hình thức và mức độ khác nhau. Theo yêu cầu đó, vừa giảm bớt những doanh nghiệp không cần giữ hình thức quốc doanh, vừa củng cố, mở rộng và xây dựng những doanh nghiệp cần thiết. Trong nông - lâm - ngư nghiệp, doanh nghiệp nhà nước được củng cố và phát triển theo hướng liên kết, hợp tác với các loại hình doanh nghiệp khác để phát huy vai trò là trung tâm công nghiệp dịch vụ (nhất là dịch vụ chế biến), trung tâm khoa học-kỹ thuật, trung tâm văn hóa-xã hội trên từng địa bàn. Trong thương nghiệp, chấn chỉnh và tăng cường hệ thống thương nghiệp quốc doanh chủ yếu trên các lĩnh vực kinh doanh xuất, nhập khẩu các vật tư thiết yếu và bán buôn, giữ tỉ trọng cần thiết trong bán lẻ.

Để thực hiện việc thu hẹp doanh nghiệp nhà nước một cách có căn cứ, cần thường xuyên phân loại doanh nghiệp nhà nước, lấy hiệu quả làm thước đo. Có thể phân doanh nghiệp nhà nước thành các loại :

Thứ tự	Loại doanh nghiệp nhà nước	Thật sự cần thiết cho nền kinh tế	Chưa thật sự cần thiết
1	Có hiệu quả	A	B
2	Không có hiệu quả	C	D
	a) Không có hiệu quả nhưng có thể vực lên được	E	F
	b) Không có hiệu quả nhưng không vực lên được	H	K

Trong bảng thống kê, những doanh nghiệp thực sự cần thiết cho nền kinh tế (A + C) (hoặc A + E + H) là những doanh nghiệp giữ hình thức doanh nghiệp nhà nước (cho dù hiệu quả hay không hiệu quả). Chỉ thu hẹp số lượng doanh nghiệp ở những doanh nghiệp chưa thực sự cần thiết bao gồm (B + D) (hoặc B + F + K).

Việc thu hẹp, xử lý doanh nghiệp nhà nước được Chính phủ thảo luận nhiều lần và đã có kết luận : các doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa là những doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả (B). Những doanh nghiệp không có hiệu quả (D) được

Digitized by Google

phân thành hai mức độ : những doanh nghiệp nhà nước không có hiệu quả nhưng có thể vực lên được (F) thì nhà nước có biện pháp hỗ trợ như cho vay vốn lưu động với lãi suất ưu đãi, chính sách trợ giá... Những doanh nghiệp còn lại không có hiệu quả, không vực lên được (K) thì dứt khoát giải thể.

Việc giải thể doanh nghiệp nhà nước được tiến hành theo luật phá sản, bán doanh nghiệp nhà nước, công tư hiệp tác được thực hiện theo những quy định của nhà nước. Ở đây tôi xin lưu ý đến vấn đề cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước cần được tiến hành thận trọng với những hình thức, mức độ khác nhau :

- Thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, trong đó, sở hữu nhà nước chiếm tỉ lệ cổ phần chi phối.

- Áp dụng từng bước vững chắc việc bán một tỉ lệ cổ phần cho công nhân viên chức làm việc tại doanh nghiệp.

- Làm thử việc bán một phần cổ phần, cổ phiếu của một số doanh nghiệp nhà nước cho các tổ chức và các cá nhân bên ngoài doanh nghiệp.

- Trên cơ sở cổ phần hóa, lập ra hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị bao gồm đại diện của sở hữu nhà nước, sở hữu của công nhân viên chức doanh nghiệp và các sở hữu khác có cổ phần cổ phiếu tại doanh nghiệp. Định quy chế và tiêu chuẩn để hội đồng quản trị chọn giám đốc điều hành.

2. *Quá trình tìm kiếm và áp dụng mô hình quản lý thích hợp, có hiệu quả*. Đây là quá trình đổi mới cơ bản tổ chức và cơ chế quản lý doanh nghiệp một cách hợp lý, phù hợp với cơ chế quản lý mới, bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước trong cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước.

Quá trình này đòi hỏi phải xác định những doanh nghiệp nào thuộc loại thật sự cần thiết và giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, có tác dụng mở đường và hỗ trợ cho các thành phần kinh tế khác phát triển, thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh và lâu bền của nền kinh tế, là công cụ có sức mạnh vật chất để nhà nước điều tiết và hướng dẫn nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đối với số doanh nghiệp loại này, nhà nước sẽ duy trì và đầu tư 100% vốn pháp định. Trước đây ở nhiều doanh nghiệp nhà nước có tình trạng hoạt động kém hiệu quả, tiêu cực, lãng phí lớn. Nguyên nhân của tình trạng này là do tài sản của nhà nước không có người làm chủ trực tiếp, không có trách nhiệm và lợi ích rõ ràng đối với việc sử dụng có hiệu quả các tài sản đó. Công nhân viên chức không có động lực thường xuyên và bền vững để gắn bó thiết thân với sự phát triển của doanh nghiệp. Doanh nghiệp không có quyền hạn vật chất và tổ chức đủ mạnh để tham gia định đoạt các quyết sách làm ăn, ngăn chặn từ gốc tệ tham nhũng, làm thất thoát, hư hỏng của công.

Để khắc phục tình trạng trên đây, Quyết định 217 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) ra ngày 14-11-1987 đánh dấu một bước thay đổi đáng kể cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước. Theo đó, việc đổi mới doanh nghiệp nhà nước được tiến hành theo phương hướng nâng cao vai trò làm chủ của tập thể lao động trong doanh nghiệp, mở rộng quyền và trách nhiệm của giám đốc, thực hiện sự lãnh đạo của Đảng trong doanh nghiệp. Cho đến nay, quyền của tập thể người lao động vẫn chỉ là hình thức, còn thực quyền thì thuộc giám đốc. Nhưng giám đốc của nhiều doanh nghiệp vẫn nói rằng họ chưa được quyền độc lập thật sự, mà còn bị kìm kẹp bởi bộ chủ quản và các cấp quản lý. Mặt khác, tình trạng vô chủ vẫn còn. Vai trò quản lý của chủ sở hữu chưa được thể hiện, có những giám đốc ném hàng trăm tỉ đồng vào các cuộc làm ăn phiêu lưu. Việc lãnh đạo của Đảng trong doanh nghiệp thiếu thống nhất và hiệu lực chưa cao. Tình hình đó đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới doanh nghiệp nhà nước. Quyết định 143 của Hội đồng bộ trưởng ngày 10-5-1990 đã đưa ra giải pháp chuyển quản lý doanh nghiệp nhà nước sang thực hiện chế độ quản lý theo quy chế hợp đồng quản

Digitized by Google

trị. Giải pháp này có thể giải quyết một cách hợp lý mối quan hệ giữa chức năng, quyền hạn, lợi ích, quyền chủ sở hữu của nhà nước với quyền chủ động kinh doanh của giám đốc doanh nghiệp, với quyền và lợi ích của tập thể lao động tại doanh nghiệp. Quản lý theo quy chế hội đồng quản trị không có nghĩa là cổ phần hóa, đa dạng hóa sở hữu nhà nước mà là làm sao để nhà nước với tư cách là cổ đông duy nhất (100% vốn của nhà nước) sử dụng một cách có hiệu quả quyền quản lý - quyền đương nhiên của chủ sở hữu như : quyền chỉ định hội đồng quản trị, chỉ định giám đốc, quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ; quyền kiểm tra, kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh ở doanh nghiệp ; đồng thời để phát huy quyền chủ động, tính tự quản trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo lợi ích chính đáng của người lao động. Theo tinh thần đó, chúng ta đang thực hiện những công việc :

- Nghiên cứu, làm thử và áp dụng từng bước vững chắc việc chia lợi nhuận của các doanh nghiệp nhà nước (sau khi nộp đủ thuế, dành quỹ tích lũy sản xuất và phúc lợi xã hội) theo lương cơ bản cho công nhân viên chức làm việc trong doanh nghiệp.

- Hoàn thiện và áp dụng rộng rãi các hình thức khoán trong doanh nghiệp nhà nước.

- Xóa bỏ dần (có qua làm thử) chế độ bộ chủ quản, cấp hành chính chủ quản và sự phân biệt xí nghiệp trung ương và xí nghiệp địa phương.

Theo tôi, việc chuyển sang chế độ quản lý theo quy chế hội đồng quản trị cũng cần được tiến hành làm thử, rút ra kết luận cần thiết để xử lý trước khi cho thực hiện đại trà. Một đặc trưng nổi bật của quản lý theo quy chế hội đồng quản trị là thể hiện quyền quản lý của nhà nước với tư cách là chủ sở hữu. Nhằm thể hiện quyền quản lý này, đã có quan niệm cho rằng, hội đồng quản trị là một tổ chức chịu sự lãnh đạo của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và cơ quan tài chính, được các cơ quan này ủy quyền quản lý doanh nghiệp với tư cách là thay mặt nhà nước thực hiện quyền của chủ sở hữu. Vì thế, chủ tịch hội đồng quản trị phải là người đại diện của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (bộ chủ quản) ; phó chủ tịch hội đồng quản trị là đại diện của cơ quan tài chính do cơ quan tài chính cử (còn nếu áp dụng mô hình Ma-lai-xi-a thì chủ tịch hội đồng quản trị là đại diện của cơ quan tài chính và phó chủ tịch hội đồng quản trị là đại diện của cơ quan chủ quản).

Như vậy, chủ tịch và phó chủ tịch hội đồng quản trị đều là những người thuộc cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế (bộ chủ quản, bộ tài chính). Điều đó rất dễ đi đến lẫn lộn giữa quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý sản xuất kinh doanh. Bởi lẽ, người của cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế lại là chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng quản trị, quyết định các vấn đề thuộc chức năng quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như : quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất dài hạn, hằng năm của doanh nghiệp; quyết định phân phối lợi nhuận còn lại ; quyết định phương án hình thành và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp... Thực ra, những nội dung của các quyết định này là thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý sản xuất kinh doanh có quyền lực cao nhất ở doanh nghiệp. Đó là thẩm quyền của đại hội cổ đông trong công ty cổ phần, của đại hội công nhân viên chức trong doanh nghiệp nhà nước (theo quan niệm trước đây). Như vậy, quản lý nhà nước về kinh tế đã can thiệp quá sâu vào quản lý sản xuất kinh doanh. Phải thấy rằng ở đây, chủ sở hữu là nhà nước rất trừu tượng. Còn chủ tịch hội đồng quản trị, phó chủ tịch hội đồng quản trị chỉ là những người đại diện của cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế. Bản thân họ cũng như các thành viên khác của hội đồng quản trị đều là những người làm công ăn lương. Họ không phải là chủ sở hữu đích thực, chủ sở hữu cụ thể. Dĩ nhiên, bản thân họ có một phần tài sản trong số tài sản quốc gia đã giao cho doanh nghiệp

Digitized by Google

nhà nước mà họ đang quản lý với tư cách là hội đồng quản trị. Với ý nghĩa này, họ là những người chủ đích thực, cụ thể, như là những cổ đông có cổ phần trong doanh nghiệp nhà nước. Tương tự như vậy, đông đảo cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp cũng là những người chủ đích thực, cụ thể, vì họ cũng là những cổ đông, có cổ phần trong doanh nghiệp. Trong điều kiện đó, nhà nước không nên chỉ giao quyền quyết định cho hội đồng quản trị với tư cách là thay mặt chủ sở hữu (nhà nước) mà bỏ qua vai trò của tập thể lao động trong doanh nghiệp.

Quản lý theo quy chế hội đồng quản trị ở doanh nghiệp nhà nước cần chú ý 3 vấn đề :

1) Không lẫn lộn quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý sản xuất kinh doanh khi phân giao chức năng, nhiệm vụ cho hội đồng quản trị, giám đốc doanh nghiệp, và sự tham gia vào quản lý của những người lao động trong doanh nghiệp. Trong điều kiện hiện nay, khi một nửa thành viên hội đồng quản trị được quy định là người ngoài doanh nghiệp, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng quản trị là những người đại diện cho cơ quan quản lý nhà nước cấp trên trực tiếp, thay mặt nhà nước quản lý doanh nghiệp với tư cách là chủ sở hữu. Trong điều kiện đó, hội đồng quản trị nên nặng về thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế ở doanh nghiệp. Còn chức năng quản lý sản xuất kinh doanh, nên giao cho giám đốc và tập thể người lao động để họ tham gia vào quản lý dưới hình thức đại hội công nhân viên chức.

2) Không quá coi trọng và tập trung toàn bộ quyền quản lý doanh nghiệp với tư cách là chủ sở hữu vào hội đồng quản trị.

3) Không bỏ qua vai trò của tập thể lao động trong doanh nghiệp. Với tư cách là những cổ đông có cổ phần trong doanh nghiệp, ở mức độ nào đó, họ cũng là những người chủ cụ thể. Vì vậy, họ có quyền hạn nhất định trong quản lý với tư cách là chủ sở hữu.

Từ những vấn đề trên, tôi xin nêu một số kiến nghị về quy chế hội đồng quản trị và quy chế giám đốc doanh nghiệp nhà nước như sau :

- Hội đồng quản trị doanh nghiệp nhà nước có nhiệm vụ và quyền hạn :

+ Quyết định chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, kế hoạch dài hạn của doanh nghiệp, do giám đốc doanh nghiệp đệ trình.

+ Chỉ đạo giám đốc doanh nghiệp lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm ; phương án sử dụng vốn, tài sản ; phương án đầu tư chiều sâu và mở rộng ; quyết toán tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận còn lại ; phương án hình thành và sử dụng các loại quỹ của doanh nghiệp để thông qua đại hội công nhân viên chức doanh nghiệp và trình hội đồng quản trị duyệt.

+ Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chế độ chính sách và nghị quyết của hội đồng quản trị.

- Giám đốc doanh nghiệp nhà nước có những quyền hạn, trách nhiệm :

+ Trực tiếp nhận vốn và tài sản ; tổ chức quản lý và sử dụng vốn, tài sản được giao ; bảo toàn và phát triển vốn nhà nước giao.

+ Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, kế hoạch dài hạn của doanh nghiệp để thông qua đại hội công nhân viên chức và trình hội đồng quản trị quyết định.

+ Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm, phương án sử dụng vốn, tài sản, phương án đầu tư, lập quyết toán tài chính hằng năm, phương án phân phối lợi nhuận còn lại, phương án hình thành và sử dụng các quỹ để thông qua đại hội công nhân viên chức và báo cáo hội đồng quản trị duyệt.

+ Tổ chức điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, điều hành bộ máy doanh nghiệp.

+ Chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của hội đồng quản trị ⌟

Digitized by Google

NGUY CƠ TỤT HẬU VỀ KINH TẾ : *những vấn đề đang đặt ra và kiến nghị*

NGUYỄN VĂN PHƯƠNG *

HỘI nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng đã nhấn mạnh bốn nguy cơ (thách thức) đối với việc phát triển đất nước trong xu thế mới. Một trong bốn nguy cơ đó là "nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới..." (1). Vậy chúng ta nhận thức như thế nào về nguy cơ đó và cách khắc phục nó ?

Nền kinh tế nước ta chỉ mới ra khỏi khủng hoảng

Chúng ta tiến lên công nghiệp hóa từ một điểm xuất phát rất thấp, cụ thể là từ một nền kinh tế tiểu nông, sản xuất nhỏ, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề trong gần ba thập kỷ, với một cơ chế quản lý kinh tế tập trung bao cấp kém hiệu quả kéo dài tới cả thời gian sau chiến tranh. Thêm vào đó, tình hình quốc tế có những biến động lớn chưa từng thấy, đặc biệt là sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu đã ảnh hưởng vô cùng bất lợi cho nền kinh tế của nước ta... Tất cả những yếu tố chủ quan và khách quan đó thực tế đã làm cho nền kinh tế xã hội nước ta lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng từ giữa những năm 80. Lạm phát có lúc (như các năm 1986-1988) đã lên tới con số kỷ lục : 400-700%/năm. Số hộ nghèo đói ở nông thôn có lúc (như năm 1989) lên tới 55%... Nhưng ba bốn năm lại đây tình hình đã khác. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) đã không ngừng tăng : năm 1991, tăng 6% ; năm 1992 tăng 8,6%; năm 1994, tuy nhiều nơi bị lũ lụt, thời tiết không thuận, vẫn tăng 8,5%. Lạm phát giảm mạnh : chỉ còn trên dưới 10%/năm. Gạo xuất khẩu đạt gần 2,3 triệu tấn. Đời sống nhân dân được cải thiện. Số hộ nghèo giảm đáng kể, chỉ còn khoảng 22% (năm 1993)... Tóm lại, có thể nói, nền kinh tế xã hội đang phát triển theo chiều hướng tích cực. Cơ chế, chính sách, cơ sở hạ tầng cũng như kinh nghiệm quản lý, sản xuất, kinh doanh ở mọi thành phần kinh tế đều cho thấy khả năng duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở nước ta trong những năm tới là hiện thực.

Tất cả những điều vừa nói khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là hoàn toàn đúng đắn. Cùng với những thành công bước đầu về kinh tế, tình hình chính trị cũng ngày càng ổn định, niềm tin trong nhân dân ngày càng tăng.

Vẫn còn nguy cơ tụt hậu tương đối kéo dài

Mặc dù nước ta đã thoát khỏi khủng hoảng và đạt được những thắng lợi cơ bản, nhưng vì điểm xuất phát quá thấp, tốc độ tăng trưởng (tương đối và tuyệt đối) chưa có cơ sở thật sự vững chắc, cho nên chưa thể nói nước ta đã hoàn toàn thoát khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước trong khu vực. Một chính khách khi đến Việt nam cũng đã nhắc khéo : các bạn đang chạy, nhưng các bạn đừng nghĩ rằng các nước xung quanh đang đi bộ. Nguy cơ tụt hậu tương đối thực tế vẫn còn. Bởi vì sự tăng trưởng kinh tế vừa qua chủ yếu mới dựa trên cơ sở đổi mới cơ chế, chứ chưa dựa trên một cơ cấu kinh tế thích hợp và một nền khoa học kỹ thuật phát triển.

Về *nông nghiệp*, sản xuất ở ta hiện nay chủ yếu vẫn theo lối thủ công, công cụ lao động phổ biến còn lạc hậu, năng suất lao động thấp; cơ cấu cây trồng và vật nuôi chưa có những thay

* Đại học Thủy lợi

(1) *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*, tháng 1-1994, tr 25

Digitized by Google

đổi căn bản. Hơn 70% số lao động là nằm trong nông nghiệp, nhưng khu vực này hiện mới chỉ sản xuất được gần 30% GDP.

Về *công nghiệp*, từ máy móc thiết bị đến các dây chuyền sản xuất đều lạc hậu, thiếu đồng bộ, phần lớn thuộc thế hệ từ trước năm 1950, chủ yếu nhập từ Liên xô (cũ), tốn nhiều sức lao động, nguyên, nhiên, vật liệu, mà chất lượng sản phẩm lại không đáp ứng được nhu cầu hiện đại của người tiêu dùng, không đủ sức cạnh tranh với hàng ngoại nhập. Trong số 6 613 doanh nghiệp thuộc sở hữu quốc doanh hiện nay, có tới hơn 50% số doanh nghiệp ở trong tình trạng nói trên. Tỷ lệ vốn cố định trên vốn lưu động còn lớn (1,98) ; nộp ngân sách và thuế các loại chiếm trung bình 85-87% doanh thu ; hiệu quả sử dụng vốn thấp, trung bình mới đạt : 158đ/1000đ vốn mỗi năm.

Về *kinh tế đối ngoại*, do chưa lường hết sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường thế giới mà nước ta phải đương đầu, do tình trạng phân tán, cục bộ, thiếu tổ chức chặt chẽ của các doanh nghiệp trong nước, nên hiện tượng "nhập thì đắt mà xuất thì rẻ" là khá phổ biến ; nhiều mặt hàng phải xuất, nhập qua khá nhiều khâu trung gian. Trong các hợp đồng liên doanh với nước ngoài, tỷ lệ vốn góp của ta còn thấp, bình quân mới chỉ ở mức trên dưới 30% ; mà vốn góp chủ yếu là lấy từ tiền cho thuê đất, nhà xưởng. Nhiều công trình cho nước ngoài đầu tư, lại tính với giá quá rẻ do phía đấu thầu cạnh tranh vô tổ chức, níu kéo giá xuống thấp miễn sao thắng thầu, thậm chí chấp nhận hòa vốn để tạo công ăn việc làm... Lượng vận tải ngoại thương mới ở mức 10%. Tình trạng buôn lậu, trốn thuế còn khá trầm trọng.

Trong ngành nội thương, quốc doanh chưa đóng vai trò chủ đạo. Khu vực kinh tế tập thể còn chậm đổi mới. Tỷ lệ bội chi ngân sách còn cao, hiệu quả sử dụng ngân sách còn thấp, hiện tượng chi tùy tiện, lãng phí và thất thoát của công còn nhiều. Hiện còn hơn 2 triệu lao động chưa có việc làm. Tỷ lệ lao động không được đào tạo còn cao ; hiện tượng bỏ học và thất học chưa giảm. Tệ nạn xã hội lan tràn. Tham nhũng còn nhiều, chưa có biện pháp hạn chế và chống hữu hiệu. Cán bộ và quần chúng nhân dân chưa thật sự từ bỏ thói quen trong cơ chế bao cấp cũ, còn ỷ lại, trông chờ, kém năng động và coi thường kỷ cương phép nước. Phổ biến còn làm ăn theo kiểu chụp giật, lừa gạt, ăn xổi ở thì. Bộ máy quản lý nhà nước còn cồng kềnh và kém hiệu lực, hệ thống luật pháp còn chưa đầy đủ, chưa đồng bộ. Thực hiện pháp luật chưa nghiêm...

Để nền kinh tế thoát khỏi tình trạng tụt hậu

Với thực tế như đã đề cập ở trên, muốn phấn đấu đạt tới dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, giữ vững ổn định chính trị, thì nền sản xuất phải phát triển với nhịp độ cao hơn nữa. Muốn vậy, trước mắt xin kiến nghị cần giải quyết tốt mấy vấn đề sau :

Một là, *nhanh chóng cải cách hệ thống quản lý tài chính, tiền tệ :*

Với một nền tài chính còn ở trình độ thấp, lại quản lý theo kiểu tập trung bao cấp như hiện nay, thì hiện tượng cửa quyền, móc ngoặc, dẫn đến tham nhũng, thất thoát, là lẽ đương nhiên. Bởi vậy, cần nhanh chóng áp dụng chế độ tài chính công khai, từ thu tới chi, theo nguyên tắc dân đóng góp, dân hưởng lợi, dân biết, dân bàn, dân kiểm tra.

Về tiền tệ, không chỉ bảo đảm ổn định giá trị, mà còn phải phát huy hiệu quả của tiền tệ trong quản lý vĩ mô. Ngân hàng cần được xem như một loại doanh nghiệp mạnh, doanh nghiệp công nghệ cao, có khả năng huy động vốn vào sản xuất và kiến thiết đất nước. Đã đến lúc phải hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, phát hành séc cá nhân, gửi và rút tiền tự động, để thu hút vốn trong nhân dân.

Hai là, *rà soát lại các quy hoạch phát triển*, trên cơ sở tổ chức khai thác tốt các vùng lãnh thổ. Với hơn 320 000 km^2 đất liền, gần 1 triệu km^2 vùng biển và hải đảo thuộc chủ quyền hoặc đặc quyền kinh tế, chúng ta có rất nhiều thuận lợi cho sự phát triển. Quy hoạch phát triển phải thể hiện được tính đặc thù đó, phải hướng ra biển, mở đường cho một nền kinh tế mở. Trong tương

Digitized by Google

lai không xa, nước ta phải vững mạnh không chỉ về kinh tế *lục địa*, mà cả về kinh tế *biển*.

Ba là, *phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi thành phần kinh tế*, trên cơ sở thực thi một chế độ bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, đặc biệt là giữa kinh tế quốc doanh với kinh tế tư nhân. Chế độ bình đẳng này không những tạo điều kiện tốt cho kinh tế tập thể và tư nhân phát triển, mà còn giúp ngăn chặn những yếu tố làm suy yếu các doanh nghiệp nhà nước vốn quen ỷ lại vào bao cấp của nhà nước.

Bốn là, *tranh thủ mọi lợi thế để phát triển kinh tế đối ngoại*, mở rộng hợp tác kinh tế không chỉ với các nước Đông dương, các nước ASEAN, mà cả với các nước khác như Pháp, Đức, Nhật, Mỹ, Trung quốc... Chúng ta đánh đuổi giặc ngoại xâm không chỉ để giành độc lập chủ quyền, mà còn để có quyền hợp tác với tất cả các nước trên cơ sở bình đẳng, hai bên cùng có lợi. Hợp tác rộng rãi với tất cả các nước là cơ sở vững chắc để bảo đảm ổn định chính trị, tăng trưởng kinh tế với tốc độ ngày càng cao.

Năm là, *nhanh chóng cải cách nội dung chương trình và phương pháp đào tạo con người mới*, bảo đảm con người Việt nam mới không chỉ biết lý luận mà còn có khả năng thực hành cao ; không chỉ giỏi về khoa học công nghệ mà còn có kiến thức văn hóa xã hội để hòa nhập với cộng đồng ; không chỉ có sức khỏe tốt mà còn có trình độ văn hóa nghệ thuật để giải quyết tốt đẹp các vấn đề của cuộc sống. Bên cạnh cán bộ trực tiếp sản xuất kinh doanh, phải có cán bộ quản lý nhà nước và cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh tốt. Không nên chỉ thấy mâu thuẫn giữa trau dồi kiến thức tự nhiên với trau dồi kiến thức xã hội, nhân văn, mà cần thấy đầy đủ sự tác động qua lại giữa hai lĩnh vực kiến thức đó. Phải coi giáo dục đào tạo tốt là cơ sở bảo đảm cho phát triển ổn định và lâu dài.

Sáu là, *nhanh chóng cải cách nền hành chính quốc gia* để bảo đảm yêu cầu đổi mới về kinh tế ; phân định rạch ròi giữa quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh, trên cơ sở bảo đảm quyền chủ động sáng tạo của các doanh nghiệp, bảo đảm sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, thúc đẩy tinh thần lao động cần cù sáng tạo trong mọi lĩnh vực, từ quản lý nhà nước tới sản xuất kinh doanh.

Trong điều kiện quy mô các doanh nghiệp còn nhỏ bé, kinh nghiệm và trình độ quản lý còn thấp, chưa thể hình thành ngay các liên hiệp lớn, cần có các hình thức liên kết liên doanh thông qua các hiệp hội, các hình thức hợp tác đa phương để bảo đảm định hướng và huy động tiềm năng của các xí nghiệp.

Tổ chức sắp xếp lại bộ máy quản lý nhà nước, bảo đảm không chồng chéo, không cắt khúc trong quản lý, tiến tới làm gọn nhẹ bộ máy quản lý nhà nước mà vẫn bảo đảm phát huy ngày càng cao quản lý nhà nước.

Cần nhanh chóng hoàn thiện hệ thống luật pháp, trong đó luật dân sự, luật lập pháp, luật hành pháp, luật giáo dục, luật lao động phải được coi là cơ sở để bảo đảm tính chặt chẽ và nghiêm minh của pháp luật.

Nói tóm lại, mấy năm qua, tuy gặp nhiều khó khăn thử thách, nhưng nhờ thực thi đường lối đổi mới, chúng ta đã từng bước đi lên, đến nay *về cơ bản* đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội. Nhưng nguy cơ tụt hậu vẫn còn rất lớn, đòi hỏi chúng ta phải cố gắng hơn nữa. Với truyền thống đoàn kết thương yêu đùm bọc, với bản chất con người Việt nam thông minh sáng tạo, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, không phân biệt thành phần xã hội, tiềm năng kinh tế, trình độ học thức, chính kiến và tôn giáo, chung lưng đấu cật đã giải phóng được đất nước, thống nhất được Tổ quốc, đưa nền kinh tế ra khỏi khủng hoảng... Ngày nay, cũng với truyền thống đó, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy thế mạnh về thiên thời, địa lợi, nhân hòa, nhất định sẽ từng bước xóa đi các nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước ta tiến nhanh trên con đường đổi mới, sớm trở thành một nước "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", như chúng ta hằng mong ước ⌟

Digitized by Google

ĐỔI MỚI CÁCH ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH CHO VĂN HÓA

HOÀNG THỊ QUỲNH VÂN *

NGÀNH văn hóa thông tin đã và đang cố gắng từng bước ổn định tổ chức và phương thức hoạt động nhằm làm tham mưu cho Quốc hội, Chính phủ trong việc ban hành một số luật lệ, chính sách ; xây dựng ba chương trình quốc gia : chấn hưng nền điện ảnh Việt nam ; tạo điều kiện nâng cao đời sống văn hóa ở cơ sở nông thôn, đặc biệt là ở các vùng cao xa xôi ; chống xuống cấp và tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa. Tuy nhiên, trong bối cảnh mở cửa hội nhập vào nền kinh tế thế giới, hoạt động văn hóa thông tin diễn biến rất phức tạp. Vấn đề thực thi đầu tư ngân sách nhà nước cho văn hóa cũng đang đứng trước những thử thách mới:

Đầu tư ngân sách cho văn hóa chưa theo kịp yêu cầu phát triển của xã hội : Trách nhiệm của nhà nước trong việc đầu tư ngân sách cho văn hóa kể cả khi chuyển sang cơ chế thị trường là điều hết sức quan trọng, cần được khẳng định. Trong lập kế hoạch, kết cấu phân bổ ngân sách, những hoạt động văn hóa-thông tin không còn bị nhìn nhận là lĩnh vực "phi sản xuất", mà dần dần được xem là sự đầu tư cho hạ tầng cơ sở, tạo động lực cho phát triển kinh tế-xã hội. Hiện tượng thả nổi, hoặc cắt giảm tùy tiện ngân sách đối với hoạt động văn hóa thông tin, giáo dục, y tế... đã được khắc phục một bước đáng kể. Nhưng với tỷ trọng 1% so với tổng chi ngân sách nhà nước, chỉ số đầu tư cho văn hóa trên thực tế vẫn còn rất xa so với yêu cầu. Ví dụ : ở ngành bảo tồn bảo tàng, năm 1990 Nhà nước cấp 3 395 triệu đồng cho 45 di tích ; năm 1993 cấp 9 490 triệu cho 63 di tích ; năm 1994 cấp 11 235 triệu cho 203 di tích. Như vậy, chỉ số đầu tư tăng lên, nhưng trong số 1659 di tích được công nhận, còn quá ít di tích được tiến hành bảo quản, tu bổ hay tôn tạo hoàn chỉnh (do kinh phí chưa đủ, lại phải rải đi nhiều nơi). Một điều ai cũng dễ nhận thấy là, do yếu tố thời đại, văn hóa đang có xu hướng vượt trước tiềm năng của nền kinh tế. Xác định trách nhiệm của nhà nước trong việc đầu tư cho văn hóa là đúng, song điều chỉnh cơ cấu đầu tư ra sao - đó là vấn đề đáng được quan tâm.

Hiện nay việc phân bổ ngân sách văn hóa vẫn chưa thoát khỏi nếp nghĩ, cách làm của thời bao cấp. Đó là cách chia đều số vốn ít ỏi cho mọi hoạt động văn hóa, ít tính đến hiệu quả đầu tư. Với tư cách hàng hóa sản phẩm văn hóa (có người gọi là hàng hóa đặc biệt) vừa có tính phổ biến, vừa mang tính đặc thù và trong thực tế, mức độ thích ứng của các hoạt động văn hóa trong cơ chế thị trường rất khác nhau. Chẳng hạn, hoạt động của ngành bảo tàng, thư viện không thể tồn tại bằng cơ chế thị trường như các công ty sản xuất băng hình, phát hành sách báo, văn hóa phẩm. Người ta không thể tăng năng suất bằng việc rút bớt nhạc công trong dàn nhạc giao hưởng, hay diễn viên ở các loại nghệ thuật trình diễn sống (balê, ôpêra, kịch nói, tuồng, chèo...), nhưng lại có thể ứng dụng mạnh mẽ kỹ thuật - công nghệ trong sản xuất phim ảnh, băng hình, in tiểu thuyết, sách, báo... để giảm giá thành và phổ biến sản phẩm rộng rãi, nhanh chóng trong công chúng.

Do chưa chú trọng tính phổ biến của hàng hóa văn hóa, nên nhìn chung từ khi chuyển đổi cơ chế, các cơ sở sản xuất, kinh doanh của ngành văn hóa, thông tin đang xuống cấp nghiêm trọng. Thiếu vốn, trang

* PTS. Q. Vụ trưởng Vụ tài chính - kế toán, Bộ văn hóa-thông tin

Digitized by Google

thiết bị cũ, dẫn đến chất lượng và số lượng sản phẩm không đáp ứng được yêu cầu xã hội. Nhiều cơ sở thua lỗ, không cạnh tranh được với các xí nghiệp văn hóa của các ngành khác, với xí nghiệp tư nhân cũng như với sự phát triển tự phát của một số đơn vị sản xuất không tuân thủ luật pháp lại nấp dưới danh nghĩa là đơn vị sự nghiệp (không phải nộp thuế, nộp ngân sách...). Thị trường của các đơn vị sản xuất kinh doanh chủ lực của ngành văn hóa đang bị thu hẹp, nhiều cơ sở phải "phá rào", buôn chải trong cơ chế thị trường, chiều theo thị hiếu tầm thường, hạ thấp giá trị tư tưởng, thẩm mỹ của sản phẩm văn hóa, nghệ thuật. Ngay cả đối với loại hoạt động sự nghiệp văn hóa, cũng không ít cơ sở phải sống lay lắt bằng nguồn tài trợ ít ỏi.

Các hoạt động văn hóa hiện nay đang lộ dần tính đa dạng, phức tạp trong điều kiện thị trường và đặc biệt trong mở cửa giao lưu với thế giới. Đầu tư ngân sách không thể áp dụng một cơ chế tài trợ thống nhất cho tất cả mọi lĩnh vực văn hóa.

Trên thực tế, chính sách và cơ chế đầu tư ngân sách nhìn chung chưa phù hợp với tình hình, làm hạn chế vai trò, tác dụng của ngân sách nhà nước với tư cách là công cụ quản lý nhà nước.

Việc quản lý và sử dụng nguồn đầu tư ngân sách cho văn hóa nhìn chung chưa thống nhất, chưa gắn với mục tiêu và hiệu quả. Nguyên tắc "cơ quan nào giao nhiệm vụ thì cấp kinh phí và kiểm tra thực hiện" chưa được thực thi ở nhiều địa phương, dẫn đến tình trạng có nơi, có lúc nhiệm vụ, mục tiêu một đường mà điều kiện ngân sách thực hiện một nẻo, tạo ra tâm lý, thói quen sử dụng ngân sách nhà nước bừa bãi, không có chuẩn mực, bị che lấp bởi các khoản cấp bù (bù lương, bù giá...), gây nên tình trạng bội chi ngân sách. Chẳng hạn, việc xây dựng các thiết chế văn hóa - vốn là sản phẩm của xã hội công nghiệp (thư viện, nhà bảo tàng, nhà văn hóa...) - vào vùng nông thôn (nhất là miền núi) những năm qua cho thấy sự kém thích ứng, ít phù hợp với xã hội nông nghiệp (nghỉ ngơi theo nông nhàn sau mùa vụ), dẫn tới lãng phí về tiền của. Trong khi đó, miền núi lại cần tới các thiết bị chuyên dùng lưu động như máy tăng âm, loa, máy nổ, vi-đê-ô, cát-sét, máy chiếu, ô tô..., để các đội thông tin có thể dễ dàng lưu động phục vụ tại các bản làng.

Việc phân bổ ngân sách cho văn hóa ở các địa phương chủ yếu vẫn dựa vào tổng chi ngân sách nhà nước giao cho địa phương. Văn hóa địa phương được đầu tư theo các mức chênh lệch rất khác nhau, phụ thuộc vào nguồn thu của từng địa phương, thậm chí chênh nhau tới gần 30 lần. Hoạt động văn hóa hàng năm vì nhiều lý do vẫn chưa tính toán đầy đủ phần phải chi và phần thu được một cách có căn cứ và chưa được tổng hợp, cân đối chung vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của nhà nước ở trung ương và địa phương. Ở địa phương cũng không bóc tách được các phần chi cho văn hóa, mà gộp chung cả văn hóa - giáo dục - y tế. Phạm vi, đối tượng thu, chi chưa được phân định rõ ràng, chưa phù hợp với tính chất, nhiệm vụ quản lý của các cấp, việc hạch toán không thực hiện được. Thời gian qua, phần chi ngân sách ở trung ương và địa phương cho văn hóa thường chậm, không đủ so với kế hoạch. Đó là chưa nói tới tình trạng cấp ngân sách bị chi phối bởi sự điều hành của các cấp chính quyền, nhiều khi thoát ly chính sách, chế độ tài chính của nhà nước. Phân cấp quản lý ngân sách chưa chuyển kịp với thay đổi của phương thức quản lý trong nền kinh tế thị trường thống nhất theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nên nảy sinh hiện tượng cục bộ, chia cắt ngân sách. Vai trò quản lý và điều hành của ngân sách trung ương và kỷ luật ngân sách bị coi nhẹ. Tình trạng không đồng đều giữa các địa phương về chi tiêu, về trình độ cán bộ và tổ chức bộ máy đã làm phát sinh nhiều lúng túng trong tạo nguồn và sử dụng vốn ngân sách.

Công cuộc đổi mới ở nước ta đang được triển khai thực hiện ngày càng sâu rộng, đẩy tới một bước công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Nhiều chính sách và cơ chế hoạt động ngân sách nhà nước thời gian gần đây

Digitized by Google

đã có những chuyển biến, từ tư duy, nghiệp vụ cụ thể, đến cơ chế quản lý và sử dụng vốn. Vấn đề đầu tư ngân sách cho văn hóa cũng có những tiến bộ đáng kể. Hoạt động văn hóa, nghệ thuật được phục hồi, ổn định và phát triển một bước. Song để việc đầu tư ngân sách cho văn hóa trong thời gian tới phát triển đúng đường lối, chủ trương đổi mới của Đảng, thích ứng với quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường, chúng tôi kiến nghị một số biện pháp :

1 - *Xác định mô hình và phương thức hoạt động* của ngành văn hóa như một căn cứ đầu tư và quản lý ngân sách ; khắc phục tình trạng bao cấp tràn lan, cũng như không sa vào xu hướng "thả nổi" văn hóa cho thị trường. Cần xếp các hoạt động văn hóa thành các nhóm mô hình và phương thức hoạt động dựa trên một tiêu chí - là mức độ thích ứng với cơ chế thị trường :

Nhóm một gồm các hoạt động sự nghiệp không thu lợi nhuận ngay được, như : các hoạt động nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, phổ biến các di sản văn hóa dân tộc, vận hành dưới dạng thư viện, bảo tàng, lưu trữ; tuồng, chèo, ca múa nhạc dân tộc, giao hưởng... Nhà nước cần cấp phát kinh phí 100%.

Nhóm hai gồm các hoạt động sự nghiệp có thu, như : hoạt động của xưởng phim, nhà xuất bản, báo chí... Sự đầu tư ngân sách nhà nước cho các hoạt động này dựa trên cơ sở đáp ứng các nhu cầu văn hóa thường ngày, thiết thực của dân và có thể huy động sự đóng góp của dân. Nhà nước có thể áp dụng hình thức tài trợ như miễn thuế, giảm thuế...

Nhóm ba gồm các hoạt động văn hóa mang tính phổ cập rộng rãi, thu hút đông đảo nhân dân nhờ ứng dụng được tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất, như : các hoạt động xuất bản ấn phẩm văn hóa (lịch, sổ, băng hình, băng nhạc, đĩa hát...), vận hành dưới dạng mô hình doanh nghiệp, theo phương thức kinh doanh. Nhà nước kiểm soát hoạt động của loại mô hình này bằng các chế độ và luật pháp.

Đối với các hoạt động mang tính chất tôn giáo, tín ngưỡng gắn chặt với sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của nhân dân, có thể áp dụng mô hình tự quản như : hội bảo vệ di tích văn hóa... Nhân dân tự giữ gìn và bảo trợ cho các hoạt động này ; Nhà nước chỉ hỗ trợ trong những trường hợp đặc biệt.

2- Khi xây dựng cơ chế tài chính cho văn hóa, ngoài việc xác định các mô hình và phương thức hoạt động của ngành văn hóa, làm căn cứ cho đầu tư và quản lý ngân sách, phải chú ý đến vai trò điều chỉnh vĩ mô của nhà nước, đến thực lực ngân sách; nghĩa là phải *đổi mới, hoàn thiện chính sách đầu tư cho văn hóa* của nhà nước. Cụ thể là :

+ Tăng đầu tư ngân sách cho hoạt động văn hóa miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo và căn cứ địa cách mạng. Ở những vùng này từ điện, đường, trường, trạm đến nhiều mặt khác đều còn yếu và thiếu. Vừa qua nhà nước đã dành 80% ngân sách của ba chương trình văn hóa cho những khu vực này. Hiện nay hàng năm, mỗi đội thông tin huyện được cấp kinh phí 45 triệu đồng, ở tỉnh được cấp 80 triệu đồng và đảm bảo chế độ trợ cấp thường xuyên cho cán bộ chuyên trách văn hóa-thông tin các xã miền núi. Từ đó đã nâng cao một bước chất lượng hoạt động văn hóa - thông tin cơ sở.

+ Ưu tiên đầu tư ngân sách nhà nước cho hoạt động thông tin đại chúng, nghiên cứu văn hóa nghệ thuật. Để tạo ra sự phát triển bền lâu, lành mạnh, cần cạnh tranh trên cơ sở trí tuệ, sáng tạo. Do đó, nâng cao dân trí, đa dạng hóa các loại thông tin, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, góp phần định hướng thông tin, đang trở thành nhu cầu to lớn, cấp thiết của toàn xã hội. Nhà nước có phần trách nhiệm to lớn đáp ứng nhu cầu tinh thần này. Chính sách đầu tư phải hướng vào ưu tiên phát triển các hoạt động phát thanh, truyền hình, xuất bản, thư viện, các hoạt động nghiên cứu phê bình, hướng dẫn dư luận xã hội.

+ Đầu tư ngân sách và có chính sách thích đáng cho việc giữ gìn các công trình văn hóa, kiến trúc, lịch sử và phát huy vốn

Digitized by Google

cổ nghệ thuật truyền thống ; thông qua việc khôi phục, duy trì và phát triển một số loại hình nghệ thuật dân tộc (quan họ Bắc ninh, hát Cung đình Huế, hát ví dặm Nghệ tĩnh...), tăng cường công tác sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn các giá trị văn hóa của dân tộc.

+ Đầu tư ngân sách nhiều hơn cho lĩnh vực đào tạo tài năng trẻ trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật. Những năm qua còn chưa đặt đúng vị trí công tác đào tạo, giáo dục nói chung và văn hóa nghệ thuật nói riêng. Các chế độ, chính sách khuyến khích tài năng, quá lạc hậu so với mặt bằng đời sống của xã hội. Để đào tạo và phát huy những tài năng trẻ, Nhà nước cần có chính sách đầu tư ngân sách thích đáng trong tình hình mới.

+ Trong giai đoạn chuyển đổi, cần cắt giảm từ từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cho một số hoạt động lấy thu bù chi để thay đổi thói quen, nếp nghĩ, cách làm và hơn nữa, khởi đẩy văn hóa tham gia vào thị trường bằng mọi giá.

+ Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho văn hóa. Chính sách đầu tư ngân sách cho văn hóa phải tính đến trong bước khởi động, chuyển sang cơ chế thị trường, là sự tài trợ của các tầng lớp xã hội, các tổ chức kinh tế cho văn hóa. Tuy nhiên, ở giai đoạn này, nguồn tài trợ ngoài nhà nước cho văn hóa còn nhỏ bé, vì thực lực kinh tế của khu vực kinh tế tư nhân còn hạn chế, dù sự phát triển kinh tế của chính bản thân họ đã xuất hiện nhu cầu phải đào tạo lại con người để tạo tăng trưởng. Vốn đầu tư nước ngoài vào văn hóa không đáng kể. Nhà nước cần có biện pháp khuyến khích như giảm thuế cho những doanh nghiệp có sự đầu tư cho hoạt động văn hóa...

Đầu tư ngân sách nhà nước theo các chương trình văn hóa là thể hiện quan tâm đổi mới hoạt động đầu tư ngân sách, coi trọng bố trí kế hoạch và chỉ đạo các hoạt động văn hóa xã hội của Chính phủ, của các cơ quan quản lý nhà nước mà trước hết là Bộ tài chính, Ủy ban kế hoạch nhà nước và Bộ văn hóa-thông tin. Những tìm tòi đổi mới trong đầu tư ngân sách theo phương hướng này sẽ được kiểm nghiệm và đúc kết trong thực tiễn hoạt động văn hóa ❑

TƯƠNG LAI DƯỚI CON MẮT...

(Tiếp theo trang 26)

một thực tế là trong thế giới thứ ba, chỉ có vài nước công nghiệp mới (NIC) lợi dụng được hoàn cảnh thuận lợi bắt nhịp ngay được với làn sóng thứ ba. Tuy nhiên, trọng điểm để xem xét sự biến đổi quyền lực toàn cầu, ông hướng vào *ba trung tâm quyền lực* là *Mỹ, Nhật* và *châu Âu*.

Ông Tô-phlơ xem xét cả ba nhân tố (*bạo lực, của cải* và *tri thức*) tạo nên quyền lực của ba quyền lực toàn cầu mà ông gọi là "tam giác quyền lực" Tô-ki-ô - Béc-lin - Oa-sinh-tơn, và ông kết luận : Mỹ vẫn là mạnh nhất, và trong thế kỷ XXI Mỹ vẫn phải hướng về toàn cầu để dẫn dắt thế giới. Ông phê phán xu hướng bi quan của Pôn Ken-nơ-đi tiên đoán sự sa sút của Mỹ trong thế kỷ XXI. Ông viết : "... cứ nhìn toàn bộ ba trung tâm tư bản chủ nghĩa trên thế giới, thì Hoa kỳ vẫn là nước có đủ quyền lực quân bình nhất (nghĩa là trên cả ba nhân tố quyền lực - TXT)."[18] "Châu Âu chỉ nhằm vào địa phương, trong khi Nhật thì ngần ngừ giữa địa phương và toàn cầu, đặc biệt Hoa kỳ là hướng về toàn cầu. Là nước đã từng dẫn dắt thế giới hơn nửa thế kỷ, ngày nay Hoa kỳ không thể thu gọn tầm mắt của họ trong khu vực được."[19]

Thế là rõ ! Những người sùng bái ông Tô-phlơ muốn đề cao ông là người phát hiện ra một thế giới quan mới, một thế giới quan thoát ly khỏi các thiên kiến giai cấp, phi chính trị hóa, và do đó, thích hợp với một giai đoạn phát triển mới của nền văn minh nhân loại. Thế nhưng, đọc đến những đoạn cuối của tác phẩm này, bạn đọc sẽ thấy rằng cái thế giới quan đó còn lâu mới có sức thuyết phục, còn lâu mới có đủ trọng lượng để sánh với thế giới quan của Mác, chứ đừng nói thay thế nổi thế giới quan của Mác.

Xét đến cùng, tư duy triết học và chính trị của ông Tô-phlơ vẫn trong khuôn khổ *hệ tư tưởng tư sản*. Nói cho chính xác hơn, tư duy triết học và chính trị của ông là tư duy triết học và chính trị của *hệ tư tưởng tư sản Mỹ* ❑

(18) (19) *Sđd*, phần tiếp, tr 350-351

Digitized by Google

KIM SƠN
TIỀM NĂNG VÀ NHỮNG THÁCH THỨC

TRẦN ANH HỌC *

Từ năm 1829, tên huyện Kim sơn chính thức được ghi vào sử sách nhà Nguyễn. Và cũng từ đó, trong bản đồ của trấn Ninh bình đã có thêm một huyện mới - huyện Kim sơn. Nhà doanh điền Nguyễn Công Trứ - người đã có công rất lớn trong việc khẩn hoang vùng đất mới này - đã đặt tên cho huyện là Kim sơn (chữ Hán có nghĩa Núi vàng). Có lẽ ông đã sớm nhìn thấy tiềm năng to lớn của một vùng đất màu mỡ, được thiên nhiên ưu đãi, tiềm ẩn trong đó nguồn của cải lớn lao và phong phú, đang chờ bàn tay, khối óc của con người đánh thức.

Đến nay, trải qua hơn 165 năm, Kim sơn đã trở thành một mảnh đất trù phú, có lịch sử hào hùng, vẻ vang. Tuy nhiên, vấn đề bức xúc đặt ra đối với đảng bộ, nhân dân Kim sơn trong giai đoạn cách mạng hiện nay là làm thế nào để khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh phục vụ tốt nhất sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Nói đến tiềm năng, thế mạnh của Kim sơn, trước hết phải thấy đây là vùng đất mở. Kim sơn nằm ở hạ lưu hệ thống sông Hồng, lại ở vùng ven biển, có hòn Nẹ che chắn phía ngoài, tạo ra vùng nước yên tĩnh, lắng đọng, bồi đắp phù sa. Hằng năm, đất bồi tụ tiến ra biển từ 80 đến 100 mét. Lịch sử của Kim sơn gắn liền với những cuộc chinh phục đất hoang bồi. Từ khi thành lập đến nay, Kim sơn đã 6 lần quai đê, lấn biển. Diện tích đất tự nhiên tăng gấp 3 lần lúc đầu, đạt 20 504 ha, bình quân 736,6m^2/người. Mấy năm gần đây, mỗi năm huyện có thêm diện tích đất lấn biển đủ để thành lập 2 xã mới. Với phương châm "lúa lấn cói ; cói lấn xú, vẹt ; xú, vẹt lấn biển", Kim sơn vẫn đang tiếp tục được mở rộng ra phía biển.

Ở vị trí thuận lợi như vậy, Kim sơn có tiềm năng lớn, thế mạnh vững chắc về nông nghiệp. Từ năm 1965, Kim sơn đã là một trong những huyện đầu tiên của miền Bắc đạt năng suất 5 tấn thóc/ha ; năm 1980 đạt 7 tấn/ha ; năm 1990 đạt 9 tấn/ha. Mấy năm gần đây, do đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu giống, chỉ đạo điều hành tốt, kết hợp với các biện pháp thâm canh (làm tốt thủy lợi nội đồng, cải tạo đất bằng cách phơi ải, bón lót một lượng phân lớn trước khi cấy...) đã tạo nên hiệu quả cao về năng suất, sản lượng lương thực. Năm 1993 là năm được mùa nhất từ trước đến nay : năng suất lúa bình quân của toàn huyện đạt 9,6 tấn thóc/ha ; tổng sản lượng lương thực đạt 120 000 tấn (bằng 33% sản lượng toàn tỉnh) ; bình quân lương thực đạt 554 kg/người/năm.

Do được mùa, lương thực dồi dào, chăn nuôi ở Kim sơn có điều kiện phát triển nhanh. Hiện nay, đàn lợn có khoảng 40 800 con, đàn gia cầm có 600 000 con, đàn trâu, bò 6 000 con, sản lượng cá nước ngọt đạt 1 100 tấn. Kim sơn còn có khả năng phát triển mạnh mẽ hơn nữa về chăn nuôi nếu như giải quyết tốt được khâu chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Cây cói và nghề làm hàng thủ công từ cói đã có ở Kim sơn từ lâu và là một ngành kinh tế mũi nhọn của huyện. Hiện nay, Kim sơn có 1 000 ha đất có thể trồng cói. Mấy năm trước đây, thị trường tiêu thụ hàng cói bị thu hẹp, không ổn định cho nên diện tích đất trồng cói không được duy trì, mở rộng. Từ năm 1992 đến nay, thị trường mới được mở ra, mức tiêu thụ trong nước được nâng lên, diện tích đất trồng cói được mở rộng, ngành nghề làm hàng chiếu, cói được khôi phục và phát triển. Nếu tính giá trị kinh tế, trồng 1 ha cói qua chế biến có giá trị gấp 6-7 lần 1 ha cấy lúa. Năm 1993, 1994 bước đầu khai thác tiềm năng trên lĩnh vực này, giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu, thủ công

(*) Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy Ninh bình, Bí thư huyện ủy Kim sơn

Digitized by Google

nghiệp của Kim sơn đạt 42 342 triệu đồng, năm 1993 và 1994 đạt 59 000 triệu đồng, trong đó mặt hàng chiếu, cói chiếm 70%. Ngoài ra, các nghề thủ công khác như mộc, nề, vận tải, thâm canh rau, ấp trứng vịt... đã thu hút hàng vạn lao động và mang lại giá trị hàng hóa lớn, mở ra một hướng phát triển mới.

Thủy sản cũng là một tiềm năng rất lớn của Kim sơn. Toàn huyện có 1 656 ha mặt nước ao, hồ, 6 000 ha bãi biển, 2 cửa sông, 15 km bờ biển. Đó là điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư, nuôi, trồng, đánh bắt, chế biến thủy sản. Năm 1993 Kim sơn đánh bắt được 1 000 tấn cá nước ngọt, khai thác được 620 tấn hải sản ; từ năm 1994 nuôi thành công tôm xú có giá trị kinh tế cao ; nhiều gia đình bắt đầu tập trung đầu tư tiền của, công sức vào việc khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản.

Ngoài ra, Kim sơn cũng có điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch. Ở đây có nhà thờ đá Phát diệm là một công trình kiến trúc khá độc đáo, được khách thập phương quan tâm, chú ý.

Ngoài đất đai, sông, biển, con người ở Kim sơn cũng là tiềm năng rất lớn và là yếu tố quyết định mọi thắng lợi. Người dân Kim sơn từ nhiều địa phương khác nhau tụ hội về đây đã gần 200 năm nay, để cùng nhau quai đê, lấn biển, biến một vùng hoang vu, đầy lau sậy thành xóm làng, đồng ruộng tươi tốt. Ở Kim sơn đồng bào giáo dân chiếm tỷ lệ 42,93%. Từ nhiều đời nay đồng bào lương, giáo ở Kim sơn luôn luôn đoàn kết, chung lưng đấu cật, giúp đỡ, đùm bọc lẫn nhau. Mặc dù bọn đế quốc, phản động, tay sai dùng nhiều thủ đoạn nham hiểm để chia rẽ giữa lương và giáo, gây mất đoàn kết nội bộ nhân dân... nhưng chúng vẫn không lung lạc, lôi kéo được đồng bào, không làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Những năm vừa qua, tình hình trong nước và thế giới có những diễn biến phức tạp, kẻ địch thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", nhưng tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở Kim sơn được giữ vững, không có một vụ lộn xộn hay những "điểm nóng" xảy ra. Người dân Kim sơn có những phẩm chất quý báu : cần cù, năng động, khéo tay, có bản lĩnh khắc phục khó khăn, thử thách. Hiện nay, có khoảng 30 nghìn người gốc Kim sơn đang sinh sống, làm ăn ở nhiều nước trên thế giới. Họ đang hướng về quê hương, Tổ quốc. Vấn đề là làm sao tổ chức, khai thác, phát huy được tiềm năng của họ vào sự nghiệp phát triển hiện nay.

*
* *

Kim sơn có những tiềm năng lớn, nhưng trước yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới, cũng đang phải vượt qua những khó khăn, thử thách không nhỏ. Đó là :

1. Nền kinh tế còn ở trình độ thấp, chuyển dịch *cơ cấu còn chậm, chưa khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của địa phương.* Nhìn chung, nền kinh tế của huyện vẫn chưa thoát khỏi tình trạng tự cấp, tự túc ; thị trường, hàng hóa chưa phát triển. Sản xuất nông nghiệp vẫn mang tính thuần nông, độc canh cây lúa. Cơ sở vật chất, kỹ thuật còn yếu kém, chưa đủ điều kiện để thâm canh. Việc khai thác tiềm năng về đất đai còn hạn chế, hiệu quả kinh tế chưa cao ; chưa tạo ra được sản phẩm hàng hóa có giá trị cao và chưa tập trung, chưa có được thị trường ổn định cho việc tiêu thụ hàng hóa, nhất là thị trường cho cây lúa và con lợn.

Ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp mới bắt đầu được khôi phục và phát triển, chưa tạo được sự ổn định, còn nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ, nông dân có lúc nhàn rỗi, thu nhập thấp. Nghề thủ công chủ yếu hiện nay vẫn là mặt hàng cói, nhưng sản xuất còn phụ thuộc vào sự tìm kiếm thị trường của tư nhân và một số tổ hợp. Sản phẩm phải qua nhiều khâu trung gian, người trực tiếp sản xuất bị thiệt thòi. Một số nghề thủ công khác vừa mới được khôi phục hoặc mới hình thành, còn manh mún phân tán, mang nặng tính tự phát.

Hiệu quả của việc khai thác kinh tế biển chưa đáng kể, chưa tương xứng với tiềm năng. Việc nuôi trồng, đánh bắt còn mang tính chất tự nhiên ; chưa có quy hoạch đảm bảo trước mắt và lâu dài ; chưa gắn khai thác với việc bảo vệ tài nguyên, môi trường, sinh thái. Nền kinh tế hiện nay của Kim sơn vẫn đang dừng ở mức đủ ăn, chưa giàu và chưa đủ điều kiện để phát triển nhanh.

2. *Nhiều vấn đề xã hội còn khó khăn, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển.* Lao động

Digitized by Google

thiếu việc làm (nhất là ở nông thôn) đang là khó khăn lớn. Trong khi đó, tỷ lệ tăng số dân vẫn ở mức cao (2,26%). Việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình trong bộ phận giáo dân có nhiều khó khăn. Tỷ lệ số hộ dân đủ ăn là 65%, nhưng nếu xảy ra mất mùa, thiên tai lớn thì số hộ này dễ rơi vào tình trạng thiếu ăn. Toàn huyện vẫn còn 24% hộ nghèo và 6,25% hộ đói. Phong trào "xóa đói giảm nghèo" đạt hiệu quả chưa cao. Cơ sở hạ tầng ở nông thôn như đường giao thông, hệ thống cung cấp nước sạch, nước ngọt, hệ thống trường học, trạm y tế... vừa thiếu, vừa bị xuống cấp nghiêm trọng. Đội ngũ thầy thuốc, thầy giáo chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân. Riêng số giáo viên cấp I hiện còn thiếu hơn 100 người. Có nơi 6 lớp học nhưng chỉ có 5 giáo viên, kể cả hiệu trưởng. Các tệ nạn xã hội như cờ bạc, nghiện hút, mê tín dị đoan, sinh hoạt thiếu lành mạnh v.v.. chẳng những chưa được ngăn chặn mà có xu hướng gia tăng.

3. *Công tác xây dựng đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân chưa chuyển biến kịp đòi hỏi của tình hình nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng hiện nay.* Trước nhu cầu bức bách của sự nghiệp phát triển, tổ chức đảng ở nhiều cơ sở chưa đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ được giao, chưa quan tâm đúng mức đến công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và vận động quần chúng. Chất lượng và sức chiến đấu của nhiều tổ chức cơ sở đảng bị hạn chế. Tính tiền phong, gương mẫu của một bộ phận đảng viên giảm sút. Việc chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của đảng có những biểu hiện thiếu nghiêm túc, chưa được quán triệt và cụ thể hóa trong đời sống. Chất lượng và hiệu quả hoạt động của nhiều cấp ủy đảng còn thấp. Một số cơ sở đảng có biểu hiện mất đoàn kết, bè phái, ảnh hưởng xấu đến sức mạnh của đảng bộ và lòng tin của quần chúng đối với đảng. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ, nhất là đối với cán bộ ở cơ sở, chưa được quan tâm, đúng mức ; chưa tạo ra được một đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu giai đoạn phát triển hiện nay. Tỷ lệ đảng viên trung bình còn khá cao. Tỷ lệ đảng viên là người công giáo còn thấp (khoảng 8%). Công tác phát triển đảng, nhất là trong vùng đồng bào công giáo còn yếu và có nhiều khó khăn.

Việc quản lý, điều hành của chính quyền ở một số cơ sở còn nhiều hạn chế. Kỷ luật kỷ cương chưa nghiêm ; không ít những biểu hiện vi phạm pháp luật và chế độ quản lý kinh tế - xã hội chưa được xử lý. Ở một số nơi, chính quyền chưa chú trọng đúng mức việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Tư tưởng dựa dẫm, ỷ lại cấp trên, hoặc đùn đẩy trách nhiệm còn khá phổ biến.

Một số cấp ủy đảng chưa nhận thức đúng đắn, đầy đủ và chưa quan tâm đến công tác đoàn thể quần chúng. Các đoàn thể chậm được đổi mới cả về tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động. Có nơi, có đoàn thể tồn tại một cách hình thức. Công tác vận động quần chúng bị coi nhẹ, cán bộ ngại làm công tác này. Chưa động viên, lựa chọn, bồi dưỡng được những cán bộ đủ tiêu chuẩn, trình độ làm công tác đoàn thể. Một số nơi, các đoàn thể không phát huy được sức mạnh, tiềm năng trong nhân dân, chưa phát động được phong trào quần chúng trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế giải quyết những vấn đề xã hội của địa phương.

4. *Kẻ địch vẫn ngấm ngầm, ráo riết thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình".* Bọn đế quốc và bọn phản động trước đây đã lợi dụng tôn giáo một cách triệt để vào mục đích chống cộng. Ngày nay, vẫn với mục đích đó, nhưng chúng lại có thêm những kinh nghiệm qua mấy năm chống phá các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên xô (cũ). Bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, chúng rất chú ý tranh thủ quần chúng, tranh giành quần chúng. Chúng lợi dụng đức tin của dân, lôi kéo, lừa gạt, kích động nhân dân không ủng hộ, hoặc chống lại những chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước ta. Chúng gây ra sự hoài nghi, chia rẽ trong nội bộ nhân dân, nhất là gây hiểu lầm, làm mất đoàn kết giữa đồng bào lương và giáo, lợi dụng, xúi giục các phần tử xấu gây rối khi có thời cơ, hòng làm tình hình mất ổn định. Cùng với những thủ đoạn lôi kéo, mua chuộc, chúng rất chú ý tranh thủ những cán bộ, đảng viên có sai lầm, khuyết điểm, bị xử lý kỷ luật ; chúng lợi dụng, những sai lầm, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên thối phồng, xuyên tạc, nói xấu

(Xem tiếp trang 47)

Digitized by Google

Vấn đề giàu nghèo TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

BẠCH HỒNG VIỆT *

THỰC TRẠNG GIÀU NGHÈO HIỆN NAY

Phân tích và đánh giá giàu nghèo là cả một công việc phức tạp liên quan đến cách tính toán và tiêu thức so sánh giữa các quốc gia, vùng kinh tế, nhóm dân cư. Việc xác định một mức thu nhập tối thiểu bình quân đầu người tháng để làm căn cứ phân định giữa người giàu, người khá giả, người đủ ăn với người nghèo là rất cần thiết. Theo cách tính của Ngân hàng thế giới thì mức thu nhập tối thiểu bình quân đầu người tháng là mức thu nhập chỉ đủ để mỗi người mỗi ngày có được một lượng lương thực thực phẩm tối thiểu để duy trì sự sống, khoảng từ 2 100 đến 2 300 ca lo. Tuy nhiên, chỉ tiêu này cũng rất co dãn tùy theo thời gian và hoàn cảnh cụ thể của từng quốc gia. Ví dụ : chỉ tiêu được coi là thuộc loại *đói nghèo* năm 1978 ở Phi-lip-pin và Thái lan là 2 000 ca lo ; năm 1990 ở Trung quốc là 2 150 ca lo, ở Ấn độ khoảng từ 2 100 đến 2 400 ca lo... Mức quy định cụ thể thế nào là nghèo khổ cũng không cố định. Với mức sống này, mấy năm trước còn là trung bình thì nay đã có thể là nghèo khổ, hôm nay còn là khá giả thì mấy năm sau đã có thể là trung bình hoặc nghèo khổ. Hãy lấy mức nghèo khổ quy định cho hộ 4 người ở Mỹ làm ví dụ. Mức này năm 1963 là 3 100 USD, năm 1982 là 9 862 USD, năm 1984 là 10 600 USD, năm 1993 là 14 763 USD. Điều đó cho thấy mức quy định giàu nghèo liên quan chặt chẽ với điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể của mỗi nước. Do vậy, nếu không có các tiêu thức thống nhất để phân định, thì khó có thể so sánh về mức nghèo giữa nước này với nước khác, cũng như giữa các địa phương trong cùng một nước ở các thời điểm khác nhau.

Ở nước ta, theo báo cáo chính thức, số người nghèo khổ ở nông thôn năm 1990 là 20%, năm 1992 giảm xuống còn 15%, năm 1993, lại nhích lên 22,14%. Nhìn vào những con số vừa nêu, thấy có vẻ mâu thuẫn : năm 1993 là năm tình hình kinh tế xã hội ở nước ta vẫn phát triển theo hướng ổn định, vậy thì vì sao nghèo đói lại tăng ? Nhưng nếu xem xét mức nghèo đói quy định cụ thể cho từng năm thì thấy không có gì mâu thuẫn : mức chuẩn đói nghèo năm 1990-1992 là 13 kg gạo/người/tháng, nhưng năm 1993 đã tăng lên 25-30kg. Như vậy, mức chuẩn đã được nâng lên 2 lần so với năm 1990.

Trên cơ sở phân tích các yếu tố liên quan đến chi phí cần thiết bảo đảm mức sống tối thiểu là 2100 ca lo/người/ngày, Tổng cục thống kê nước ta đã đưa ra tiêu chuẩn phân loại các hộ giàu nghèo ở nước ta như sau :

Thu nhập bình quân đầu người tháng ở các loại hộ

	Nông thôn	Thành thị
1- Hộ nghèo	dưới 50nghìn đồng	dưới 70nghìn đồng
trong đó :		
hộ rất nghèo	dưới 30 "	dưới 50 "
2- Hộ dưới trung bình	50-70 "	70-100 "
3- Hộ trung bình	70-125 "	100-175 "
4- Hộ trên trung bình	125-250 "	175-300 "
5- Hộ giàu	trên 250 "	trên 300 "
trong đó :		
hộ rất giàu	trên 350 "	trên 400 "

Nguồn : Điều tra tình trạng giàu nghèo ở Việt nam năm 1993, Tổng cục thống kê, tháng 8-1994

* Viện kinh tế học, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

Digitized by Google

Với tiêu thức phân loại như trên, qua cuộc điều tra mẫu (quy mô 91 732 hộ) về tình trạng giàu nghèo năm 1993, ta có số liệu tổng hợp sau :

Tình trạng giàu nghèo năm 1993
(tính theo %)

Các loại hộ	Cả nước	Thành thị	Nông thôn
1- Nghèo	19.98	10.10	22.14
trong đó :			
Rất nghèo	4.36	3.31	4.58
2- Dưới trung bình	22.27	17.95	23.21
3- Trung bình	36.46	26.27	38.67
4- Khá giả (trên trung bình)	17.19	33.24	13.69
5- Giàu	4.1	12.44	2.29
trong đó :			
Rất giàu	1.87	6.29	0.91

Nguồn : Điều tra tình trạng giàu nghèo ở Việt nam năm1993. Tổng cục thống kê. tháng 8-1994

Trong khi đó, theo số liệu điều tra mẫu (quy mô 4 800 hộ) của Ủy ban kế hoạch Nhà nước và Tổng cục thống kê (Dự án VIE 90/007) về mức sống dân cư Việt nam năm 1992-1993 thì cả nước còn tới hơn 50% số dân sống dưới mức nghèo khổ, trong đó nông thôn chiếm 57% và thành thị chiếm 26% (tính theo mức tiêu dùng hàng hóa tiêu thụ được quy chuẩn là 2 100 ca lo/người/ngày). Trong tổng số người nghèo cả nước thì nông thôn chiếm khoảng 90%, thành thị 10%.

Bên cạnh quá trình phân hóa giàu, nghèo giữa các hộ gia đình, chúng ta còn thấy có sự phân hóa giàu, nghèo khá rõ giữa các vùng sinh thái trên cả nước.

Dưới đây là *bảng kê về mức thu nhập bình quân đầu người/tháng theo 7 vùng sinh thái*

Mức thu nhập bình quân đầu người/tháng theo 7 vùng sinh thái
(Đơn vị : nghìn đồng)

	Rất giàu	Giàu	Trên trung bình	Trung bình	Dưới trung bình	Nghèo	Rất nghèo
Chung cả nước	743.74	530.21	188.94	100.65	65.82	40.87	27.51
1. Trung du, miền núi phía Bắc	670.87	461.83	173.73	95.20	61.77	39.03	25.52
2. Đồng bằng sông Hồng	765.06	496.48	176.67	95.74	62.66	40.06	25.64
3. Bắc trung bộ	526.66	378.78	170.87	92.70	61.72	37.86	22.14
4. Duyên hải miền trung	629.43	461.43	180.42	97.53	63.49	40.01	27.41
5. Tây nguyên	680.58	465.69	179.17	96.86	62.61	38.01	25.17
6. Đông bằng miền đông Nam bộ	877.88	636.05	219.94	115.08	78.58	48.18	33.63
7. Đồng bằng sông Cửu long	744.35	568.80	209.43	112.03	77.46	47.45	33.31

Nguồn : Kết quả điều tra tình trạng giàu nghèo ở Việt nam năm 1993. Tổng cục thống kê. tháng 8-1994

Qua bảng trên có thể thấy : vùng đồng bằng miền đông Nam bộ là nơi có mức thu nhập bình quân đầu người cao nhất, tiếp đến là các vùng đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu long. Vùng có mức thu nhập bình quân đầu người thấp nhất là vùng bắc Trung bộ (khu bốn cũ). Đi sâu nghiên cứu từng vùng sinh thái, chúng ta thấy : càng gần thành phố, thị xã và thị trấn thì thu nhập càng cao.

Mấy năm chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế ở ta đã làm phân hóa giàu nghèo khá rõ. Khỏi cần nói là đã thừa nhận cơ chế thị trường thì phải chấp nhận sự phân hóa giàu nghèo. Nhưng vấn đề là ở chỗ : mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" đòi hỏi chúng ta phải có những giải pháp hữu hiệu để hạn chế sự phân hóa này. Thu hẹp dần khoảng cách giàu, nghèo, theo tôi, phải là một trong nhiều nội dung của định hướng xã hội chủ nghĩa. Số liệu điều tra cho thấy, thời gian gần đây, tỷ lệ hộ giàu lên chiếm 10,15%, trong khi đó tỷ lệ hộ nghèo đi lại cao hơn (chiếm 12,04%). Đang có xu hướng ngày càng tách xa nhau giữa hộ giàu và hộ nghèo nếu không có sự can thiệp thỏa đáng của nhà nước. Thu nhập của hộ giàu gấp khoảng 13 lần thu nhập của hộ nghèo, và gấp hơn 19 lần thu nhập của hộ rất nghèo. Nếu so sánh mức chênh lệch giữa hai cực "rất giàu" và "rất nghèo" thì con số đó lên đến 27,03 lần. Tuy nhiên, do tính chất tương đối và tính chất lịch sử của vấn đề giàu nghèo, cho nên thời kỳ nào cũng không tránh khỏi

Digitized by Google

có một bộ phận dân cư thu nhập *thấp nhất* và một bộ phận dân cư thu nhập *cao nhất* (và mức thu nhập *bình quân* sẽ tăng nhanh hay chậm là tùy theo đà phát triển chung của cả nền kinh tế). Có điều là, để xã hội có một cơ cấu giàu nghèo *tương đối hợp lý*, thì phải tập trung điều tiết để *tăng tỷ trọng số hộ ở tầng lớp giữa*, giảm bớt khoảng cách giữa các hộ giàu nhất và nghèo nhất, theo một cơ cấu mà các nhà xã hội học thường gọi là mô hình *quả trám*.

NHẬN DIỆN GIÀU, NGHÈO

1. **Vì sao nghèo ?** Phân tích nguyên nhân của sự đói nghèo là vấn đề được nhiều người quan tâm nghiên cứu và phân tích, tựu trung có thể khái quát như sau :

Ở *nông thôn* : Qua khảo sát tại một số địa phương, người nghèo chủ yếu là những người lao động thuần nông, không có nghề phụ. Trong các hộ thuần nông thì mức nghèo diễn ra theo vị trí địa lý của từng nơi. Nghèo ở nông thôn còn do những nguyên nhân khác: trình độ văn hóa thấp, đông con, sức khỏe yếu...

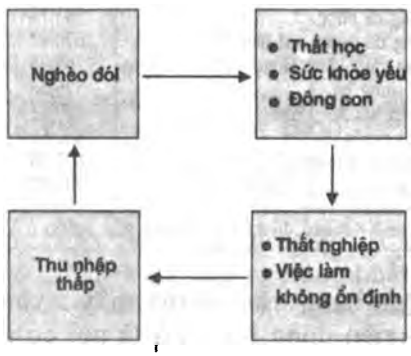
Theo điều tra nguyên nhân dẫn các hộ sản xuất nông nghiệp đến nghèo đói như sau: 95,53% do *thiếu vốn sản xuất* ; 45,77% do *thiếu kinh nghiệm làm ăn* ; 43,6% do *thiếu việc làm*. Các hộ nghèo thường đông nhân khẩu mà người có sức lao động lại ít, diện tích bình quân nhân khẩu của các hộ nghèo chỉ bằng 1/4 các hộ giàu. Bên cạnh đó, các hộ nghèo thường trình độ văn hóa thấp : 28,2% không biết chữ ; 53,72% trình độ văn hóa cấp I ; 1,7% trình độ văn hóa cấp III[1].

Điều tra tại huyện Xuân thủy, tỉnh Nam hà (12/1992) cho thấy : 16,7% số hộ nghèo là do thiếu khả năng sản xuất ; 33,0% là do *thiếu việc làm* ; 73,3% là do thiếu vốn. Có hộ khó khăn do một nguyên nhân, có hộ khó khăn do nhiều nguyên nhân một lúc.

Cùng các nguyên nhân chủ quan, còn có các nguyên nhân *khách quan* : 61% số hộ cho là do giá vật tư quá cao. 36,7% cho là do giá nông sản thấp bán không được bao nhiêu ; 52% cho là do ngân hàng cho vay vốn còn hạn chế ; 38,3% cho là do thủ tục vay của ngân hàng còn phiền hà, vì thế nông dân thường phải vay của tư nhân, chịu lãi suất cao.

Ở *thành thị* : Theo điều tra ở hai thành phố lớn là Hà nội và TP Hồ Chí Minh, nguyên nhân cơ bản của đói nghèo là do thất nghiệp, việc làm không ổn định, trình độ văn hóa thấp, sức khỏe yếu, đông con v.v.. Ở các thành phố, trình độ văn hóa là yếu tố ảnh hưởng khá mạnh. Các gia đình mù chữ chiếm tỷ lệ cao trong số các hộ nghèo (Hà nội chiếm 31,4%) ; tiếp đến là các gia đình chỉ có trình độ văn hóa cấp I, cấp II (chiếm 21,4%).

Đã mù chữ, trình độ văn hóa thấp thì thường không có việc làm, hoặc việc làm không ổn định, chỉ là việc làm giản đơn không cần kỹ thuật cao, do vậy thu nhập thấp. Làm ăn theo kiểu "ráo mồ hôi là hết tiền" thì không thể nói đến việc tái sản xuất sức lao động, do đó sức khỏe yếu, nghỉ việc nhiều, thu nhập càng thấp, đời sống càng khó khăn. Cái vòng luẩn quẩn thường diễn ra như sau :



Ở Hà nội, nhóm hộ nghèo phần đông là các gia đình công nhân làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước hiện đang chao đảo trong cơ chế thị trường. Hầu hết họ là người có mức lương thấp, hoặc khi bị mất việc (ra khỏi biên chế) thì không có đủ điều kiện để thích nghi với hoàn cảnh mới. Trong số hộ nghèo ở mẫu điều tra thì có đến 48% là do bị mất việc, phải kiếm sống bằng "dịch vụ" trên vỉa hè (bơm vá xe, sửa chữa vặt, bán nước chè...). Tuy nhiên, nhóm xếp vào diện nghèo ở thành phố, chỉ là nghèo *tương đối* so với các nhóm khác ở thành phố mà thôi.

(1) Xem Vũ Tuấn Anh : *Đổi mới kinh tế và phát triển*, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1994, tr. 115

Digitized by Google

2- **Vì sao giàu ?** Có thể khẳng định rằng, vấn đề giàu cụ thể ở ta như thế nào đến nay vẫn chưa thật được rõ vì còn thiếu số liệu điều tra chính thức. Một lý do khiến các cuộc điều tra về giàu ở nước ta khó có kết quả chính xác là vì chúng ta chưa có chủ trương kê khai tài sản và thu nhập. Kết quả điều tra có được hiện nay mới chỉ là phần nổi của tảng băng do công chúng tự giác khai báo, còn phần chìm của tảng băng thì khó mà biết cụ thể được. Tuy vậy, qua điều tra, cũng có thể thấy được những nguyên nhân cơ bản khiến không ít hộ giàu lên như sau:

Ở *nông thôn*, người giàu trong nông nghiệp hiện nay chủ yếu do khả năng thích ứng nhanh với sản xuất kinh doanh. Họ không chỉ làm nông nghiệp mà còn làm thêm các ngành nghề khác (như làm dịch vụ, làm công nghiệp nhỏ, chế biến, xay xát, làm quản lý...). Đối với các hộ giàu, phần thu từ sản xuất nông nghiệp thường được dùng cho chi tiêu sinh hoạt hằng ngày, còn phần thu từ các ngành nghề khác thì dùng cho việc mua sắm tài sản cố định để nâng cao mức sống hoặc để tích lũy mở rộng sản xuất kinh doanh.

Một bộ phận nhỏ các gia đình giàu lên là nhờ có người thân sống và làm việc ở nước ngoài. Bằng nguồn tài trợ từ nước ngoài, không ít gia đình đã có điều kiện để nâng cao mức sống hoặc đầu tư cho sản xuất kinh doanh, tăng thêm thu nhập.

Ngoài ra, có một số hộ giàu vì có người thân tham gia công tác quản lý, lãnh đạo ở các cấp. Trong số hộ này, không loại trừ có hộ giàu lên nhờ khôn khéo hợp thức hóa những nguồn thu nhập bất chính dưới đủ loại "bồng lộc". Đây là một vấn đề đang đặt ra gay gắt, đòi hỏi phải sớm có pháp lệnh về kiểm biên và công khai tài sản của các quan chức nhà nước.

Ở *thành phố*, phần lớn người giàu là ở lĩnh vực buôn bán và dịch vụ. Trong lĩnh vực sản xuất, số hộ giàu rất ít. Trong số hộ giàu lên nhờ buôn bán, có không ít người đã lợi dụng các kẽ hở của pháp luật để trốn thuế hoặc lẩn tránh các khoản nộp khác. Ở đây phải kể đến một bộ phận không nhỏ các viên chức nhà nước đang làm cái gọi là "dịch vụ tổng hợp" tại các công ty trách nhiệm hữu hạn, các trung tâm tư vấn... Chỉ cần một việc như "bật tường" trong xây dựng cơ bản hay trong ký kết các hợp đồng lớn, là họ đã có thể bòn rút của nhà nước những khoản tiền chiếm khoảng 5%-20% tổng giá trị hợp đồng. Điều đó đã và đang tạo ra những ổ dịch tham nhũng cực kỳ nguy hiểm mà Đảng và Nhà nước ta cần sớm có biện pháp thỏa đáng để giải quyết.

Qua điều tra nghiên cứu mẫu năm 1992 về số hộ giàu ở nội thành Hà nội thì có đến 50% số hộ có người thân làm việc trong khu vực nhà nước. 80% số này là quan chức nhà nước từ cấp phường đến cấp bộ, nhất là trong các ngành : ngân hàng, tài chính, ngoại thương, ngoại giao, hải quan, hàng không, hàng hải... nói tóm lại, là các ngành liên quan nhiều đến tiền bạc và quan hệ với nước ngoài. Đồng thời, trình độ học vấn của các hộ này nói chung khá cao (90% chủ hộ đã tốt nghiệp đại học). Đây là điều kiện cần để thành viên các hộ này có thể trở thành các quan chức[2].

Một nguyên nhân khác khiến một số hộ giàu lên nhanh chóng là do sự chuyển đổi của cơ chế kinh tế. Từ bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh, "thu lấy mà chi", nhiều tổ chức và cơ quan đã bung ra làm ăn, cho thuê cộng sở... để tăng thu nhập và đã dần dần biến đồng lương chính (theo thang bảng lương của nhà nước) trở thành một khoản nhỏ trong thu nhập của họ. Hiện nay, trong số hơn hai vạn công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty tư nhân đang hoạt động (làm giàu), thì số thực sự đi vào sản xuất, tạo ra của cải vật chất, chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ, còn phần lớn là buôn bán, môi giới, cai đầu dài. Một số khác thì làm giàu bằng cách kinh doanh bất động sản.

Trong công cuộc đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý mới, chúng ta phải chấp nhận cái giá phải trả. Song, để cái giá phải trả thấp hơn, nhất thiết phải nhận thức cho được xu hướng có tính quy luật của quá trình phân hóa giàu nghèo. Có như vậy, chúng ta mới có chính sách kinh tế - xã hội phù hợp nhằm *một mặt*, bảo đảm sự công bằng xã hội theo hướng giảm bớt khoảng cách giàu nghèo, và *mặt khác*, không làm triệt tiêu động lực phát triển kinh tế - xã hội. Khuyến khích làm giàu chính đáng và tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo vươn lên xóa đói giảm nghèo và cùng phát triển với cộng đồng, bảo đảm cả hai khía cạnh *phát triển* và *nhân đạo* ❑

(2) Xem *Sđd*, tr 155-156

Digitized by Google

"TRẢ ĐŨA"

NGUYỄN TRUNG THỰC

ÔNG Q nguyên là bí thư huyện ủy. Cái huyện mà hồi ông làm bí thư là một huyện lớn, là vùng trọng điểm lúa của tỉnh. Vì thế, chẳng những ông được "cơ cấu" vào Ban chấp hành đảng bộ tỉnh, mà còn được bầu vào Ban thường vụ.

Phải thừa nhận là ông Q rất sắc sảo, có năng lực lãnh đạo, dù rằng ông mới tốt nghiệp lớp 10 trường bổ túc công nông. Với bề dày hoạt động cách mạng, với vốn kiến thức và kinh nghiệm phong phú tích lũy được trong quá trình công tác, ông luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Cái huyện ông làm bí thư được chính đồng chí Bí thư tỉnh ủy chọn làm "huyện điểm" và trực tiếp chỉ đạo. Có sự quan tâm và đầu tư của tỉnh, cộng với tính năng động, nhạy cảm và tháo vát của bản thân, cho nên ông Q đã đưa được huyện mình vượt lên đứng đầu danh sách các huyện, thị trong tỉnh. Từ đó, các đoàn đại biểu của tỉnh, của các tỉnh bạn và của cả Trung ương nữa tới tấp về tham quan, học hỏi kinh nghiệm. Huyện ông nói chung và tên tuổi của ông nói riêng xuất hiện liên tục trên các báo, các đài. Tiếng tăm ông Q cứ nổi như cồn.

Song, không ai cưỡng nổi được tuổi già. Ông Q đã quyết định nghỉ hưu đúng tuổi, nhường ghế cho những đồng chí khác trẻ hơn. Và cũng chính vì thế mà các đồng chí, bạn bè, ai cũng trân trọng ông. Nhiều người còn khen ông là "thông minh, biết dừng lại đúng lúc và đúng giới hạn cần thiết".

Mọi việc tưởng như đều diễn ra êm đẹp và suôn sẻ, nhưng nào ai có thể lường hết được chữ "ngờ".

Về hưu, ông sống ở quê và sinh hoạt đảng với đảng bộ xã. Điều "vướng" đầu tiên là quan hệ giữa ông với một số cán bộ chủ chốt của xã. Khi còn là bí thư huyện ủy, ông nói điều gì họ đều nghe, ông phán điều gì họ đều làm theo ý ông răm rắp. Thế mà bây giờ, nhiều lúc họ dám cãi lại và hoàn toàn làm theo ý của mình. Tỷ như cái việc họ đã "bạo phổi" quyết định chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bỏ nghề trồng lúa truyền thống mà không thèm hỏi ý kiến ông. Họ lập luận : cơ cấu kinh tế cũ (lúa - lang - lạc - lợn) bây giờ không phù hợp nữa và hiệu quả kinh tế không cao, vì thế phải giảm nhanh diện tích trồng lúa xuống, phát triển mạnh các giống cây trồng và con vật nuôi có giá trị kinh tế cao, kết hợp với các hoạt động dịch vụ và thương mại. Còn ông thì bảo làm như thế là phiêu lưu và mạo hiểm ; rằng thế mạnh của cái huyện này nói chung và của cái xã này nói riêng là trồng lúa ; rằng nhờ có lúa mà huyện mới "phất" lên được như ngày nay. Ông còn nói với nhiều cán bộ xã : "Khi tôi tham gia hoạt động cách mạng thì các cậu, các cô còn mặc quần hở đũng và vắt mũi chưa sạch ; khi tôi làm bí thư huyện ủy thì các cô, các cậu còn mài đít trên ghế nhà trường phổ thông; thế mà bây giờ mới là anh cán bộ xã quèn đã ti toe lên mặt". Nghe ông nói thế, có anh cán bộ xã chẳng những không sợ mà còn bốp chát thẳng thừng : "Đồng chí bảo thủ và lạc hậu lắm ; đừng nên lấy kinh nghiệm của ngày hôm qua để áp dụng cho ngày hôm nay ; làm như thế là không nắm vững quy luật khách quan, và tất yếu dẫn đến thất bại". Có người còn đề nghị ông, đã về hưu rồi thì cứ an phận, đừng có phá những việc họ đang làm... Thế có uất không ?!

Vốn sẵn tính gia trưởng, cho nên nghe những lời như thế ông Q thấy chối tai, không chịu được. Và thế là mâu thuẫn giữa ông với một số cán bộ chủ chốt của xã ngày càng sâu sắc.

Nguyên là thường vụ tỉnh ủy, kiêm bí thư huyện ủy về hưu, nên ảnh hưởng của ông Q đối với số cán bộ, bộ đội về hưu của xã lớn lắm. Ông quyết định "tập hợp lực lượng" để lật đổ kịp cán bộ mới này mà ông vẫn thường gọi họ là "ngựa non háu đá". Những cố gắng

Digitized by Google

của ông không uống. Không ít cán bộ về hưu theo ông. Thế là trong xã tự nhiên hình thành mâu thuẫn gay gắt giữa "lớp cán bộ về hưu" với "lớp cán bộ đương chức". Trong các kỳ sinh hoạt chi bộ và đảng bộ, nhiều cán bộ đương chức bị số cán bộ về hưu phê phán quyết liệt.

Và rồi, một tình huống không ngờ đã diễn ra. Chẳng cần đợi ông Q và lớp cán bộ về hưu "lật đổ", kíp cán bộ thuộc loại "ngựa non háu đá" đã đồng loạt xin rút khỏi danh sách đề cử vào cấp ủy trong buổi đại hội đảng bộ hết nhiệm kỳ. Điều không ngờ nữa là họ lại đồng loạt giới thiệu ông Q vào đảng ủy mới với ý đồ để sau đó ông giữ cương vị bí thư. Kết quả đúng như dự kiến của họ: ông Q trúng cử vào đảng ủy và được bầu giữ chức bí thư.

Khi ông Q làm bí thư đảng ủy xã, một số cán bộ mà ông gọi là "ngựa non háu đá" đó thẳng thừng tuyên bố bất hợp tác với ông. Lúc đó, ông Q mới vỡ lẽ là họ đã "trả đũa" và đưa ông vào cái thế "cưỡi trên lưng cọp", làm cũng dở mà rút thì không xong. Tuổi đã cao, sức làm việc không còn, lại thiếu người có năng lực và tâm huyết cộng tác, liệu ông có đẩy được phong trào của xã khá hơn không hay sẽ kém đi. Ông Q thực sự lo lắng và lúng túng. Đầu óc ông rối như tơ vò !...

Trên đây là câu chuyện có thực, xảy ra ở một tỉnh đồng bằng Bắc bộ do chính ông Q đã kể với tôi. Ông tỏ ra rất ân hận, ân hận một cách chân thành. Ông tự dày vò mình: "Già rồi mà còn dại ! Thật chả cái dại nào giống cái dại nào !". Nhiều người an ủi ông: Để xảy ra chuyện như thế là không hay rồi, và lỗi tất nhiên phải "tại anh, tại ả, tại cả đôi bên". Điều cần rút kinh nghiệm là : Cán bộ cũ và cán bộ mới, cán bộ già và cán bộ trẻ, cán bộ về hưu và cán bộ đương chức... mỗi loại đều có những mặt mạnh và mặt hạn chế riêng. Phải biết dựa vào nhau, tôn trọng nhau, quan tâm lẫn nhau và khiêm tốn học hỏi nhau thì điểm mạnh của mình mới được phát huy và điểm yếu của mình mới được khắc phục. Còn đã mất đoàn kết, đả kích nhau, quay lưng lại với nhau, bất hợp tác với nhau thì dù cỡ cán bộ nào, đều có thể dẫn đến những hậu quả không lường trước được ! ❑

KIM SƠN...

(Tiếp theo trang 41)

làm nội bộ ta mất đoàn kết, chia rẽ, nghi kỵ lẫn nhau.

*

* *

Đứng trước tình hình như vậy, đảng bộ Kim sơn chủ trương phải phát huy tiềm năng và thế mạnh của địa phương, lãnh đạo nhân dân thực hiện có hiệu quả những mục tiêu và một số nhiệm vụ chủ yếu sau đây :

Một là, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển đúng hướng. Chú trọng sản xuất hàng hóa thích ứng với thị trường, trong đó kinh tế nông nghiệp là cơ bản và quan trọng nhất. Tập trung đầu tư, khai thác có trọng tâm, trọng điểm kinh tế biển, các ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp và kinh tế gia đình.

Hai là, tập trung giải quyết các vấn đề xã hội, gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, xây dựng lực lượng công an, quân sự vững mạnh ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ; đập tan mọi biểu hiện của âm mưu "diễn biến hòa bình" của kẻ thù.

Bốn là, tiếp tục đẩy mạnh đổi mới, chỉnh đốn đảng, tăng cường hiệu lực quản lý của chính quyền, làm tốt công tác vận động quần chúng.

Chúng tôi cho rằng, để phát huy có hiệu quả những tiềm năng, thế mạnh, vượt qua những khó khăn, thách thức, yếu tố có tính chất quyết định là sự cố gắng nỗ lực vươn lên của toàn thể đảng bộ và nhân dân trong huyện. Tuy nhiên, yếu tố không kém phần quan trọng là sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, sự giúp đỡ, hỗ trợ, hợp tác của các ngành có liên quan và của nhiều tỉnh, huyện bạn trong cả nước. Vì vậy Đảng và Nhà nước cần xác định rõ ràng vị trí, chức năng, nhiệm vụ, vai trò, quyền hạn của cấp huyện trong giai đoạn cách mạng hiện nay cho phù hợp với việc cải cách hệ thống hành chính và cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, tạo điều kiện thuận lợi cho cấp huyện nói chung hoạt động năng động và có hiệu quả ❑

Digitized by Google

Cần sớm thực hiện
MỘT NỀN NÔNG NGHIỆP SẠCH
(nông nghiệp bền vững)

NGUYỄN KHẮC TRUNG *

Ở nước ta, khi đề cập vấn đề nông nghiệp hóa học tuy có đạt hiệu quả kinh tế trước mắt, nhưng lại gây hậu quả nghiêm trọng và lâu dài về nhiều mặt, thì nhiều người không đồng tình. Theo họ, trong lúc nông dân ta còn nghèo thì phải sản xuất lương thực, thực phẩm bằng bất cứ giá nào và bằng bất cứ cách nào. Nếu ăn uống phải nông sản có hóa chất thì chưa chắc đã chết, hay không phải là đã chết ngay ! Họ cho rằng ở nước ta hiện nay công nghiệp nói chung, công nghiệp hóa chất nói riêng, chưa phát triển, việc dùng phân và thuốc trừ sâu hóa chất trong nông nghiệp chưa nhiều so với các nước khác, nên vận động nông dân thực hiện một nền nông nghiệp sạch (nông nghiệp bền vững) là quá sớm!

Ý kiến trên đây không đúng. Bởi vì hiện ở nước ta bắt đầu có sự báo động về tác hại do công nghiệp và nông nghiệp hóa học gây ra :

Ở TP Hồ Chí Minh chiều ngày 22-9-1993 đã có mưa axít kéo dài trên khu vực Nhà bè, xã Phú xuân, xã Phú mỹ... với diện tích khoảng 100km2. Nước mưa màu đen có mùi hôi. Qua phân tích cho thấy, cặn không tan lớn hơn 8 lần, chỉ số nitrit khá cao so với tiêu chuẩn về nước uống mà Tổ chức y tế thế giới quy định. Trong nước còn có một số chất hữu cơ nhiễm độc tố gây ô nhiễm.

Ở Hà nội, tại khu công nghiệp Thượng đình, theo tài liệu của Ủy ban bảo vệ môi trường Hà nội, bụi lơ lửng là 0,3-1mg gấp 2 lần ; khí SO2 là 0,15-0,3mg, gấp 3-6 lần ; khí CO2 là 6-10mg, gấp 3-6 lần; khí CO là 2-5mg, gấp 2-5 lần tiêu chuẩn cho phép. Phòng y tế huyện Từ liêm đã khám sức khỏe cho 59 người ở các lứa tuổi tại xã Trung văn, ở gần khu công nghiệp, thì 13 người có sức khỏe loại 1 ; 35 người có sức khỏe loại 2 ; 2 người có sức khỏe loại 3. Riêng ở loại 3 : 4 người bị bướu cổ, 1 người bị viêm màng não bẩm sinh và động kinh, 1 bị câm điếc bẩm sinh, 1 bị viêm bờ mi mắt, 1 bị viêm kết mạc mãn tính, 1 đã mổ glôcôm ở cả 2 mắt.

Tại khu Văn điển : các nhà máy pin Văn điển, nhà máy phân lân Văn điển, nhà máy sơn, mực in, nhà máy mạ kền Cầu bươu, lượng bụi và khí độc tỏa ra không khí và vào nước khá cao, gây ra nhiều loại bệnh cho công nhân và nhân dân địa phương, chủ yếu là các bệnh về đường hô hấp, mắt, viêm da, dị ứng, cơ khớp. Số công nhân có sức khỏe loại 1 là 20-30%, có sức khỏe loại 2 và 3 là 70-80%.

Xã Vĩnh quỳnh ở cạnh khu công nghiệp này trong khoảng 10 năm trở lại đây, có nhiều người bị viêm đường hô hấp, ung thư phổi, ung thư gan và các bệnh đường tiêu hóa. Năm 1992 và năm 1993, ở xã có 32 người chết về ung thư và ho lao. Trong 6 tháng đầu năm 1994, có 2 người chết về ung thư ở tuổi 33 và 45. Ngoài ra, ở xã có 14 trẻ em bị tật nguyền bẩm sinh trong số 60 cháu cùng lứa tuổi.

Trong năm 1993, các gia đình nuôi cá lồng trên sông Nhuệ bị thất thu do cá bị chết nhiều : có nơi, cá chết tới 70-80% vì nước bị ô nhiễm do phế thải nhiều chất độc từ nhà máy dệt, nhuộm Hà đông và các xưởng làm miến dong, bánh đa của một số gia đình ở huyện Hoài đức (Hà tây).

Ở huyện Tam nông tỉnh Đồng tháp hơn 200 người đã bị ngộ độc, phải đi bệnh viện cấp cứu, trong đó có 3 người bị hôn mê, trụy tim mạch, vì ăn phải cải bẹ trắng phun thuốc trừ sâu. Theo cơ quan chuyên trách Chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây lúa ở các tỉnh phía Nam, có đến 80% nông dân sử dụng thuốc trừ sâu có triệu chứng nhức đầu, run rẩy tay, chân; có trường hợp bị ngất sau khi dùng thuốc...

* Quỹ giúp người nghèo làm nông nghiệp bền vững - Viện kinh tế sinh thái

Digitized by Google

Ở những nơi nhiều năm dùng phân hóa học và thuốc trừ sâu hóa chất độc, nông dân cho biết đất trồng bị chai cứng ; tôm, cua, ốc, ếch... ở đồng ruộng ngày một ít đi; nhiều loại chim, cò bị tiêu diệt.

Vùng rừng núi, đồng bào các dân tộc, ít dùng hoặc không dùng phân và thuốc trừ sâu hóa chất độc, nhưng chặt cây, phá, đốt rừng để lấy gỗ, củi và làm nương rẫy... Ngoài ra bọn lái gỗ và nhiều người khác còn chặt phá rừng bừa bãi để khai thác gỗ củi. Hậu quả là lũ lụt đã phá hoại mùa màng và cầu đường, thậm chí đã làm chết người, đổ nhà, đổ cửa. Hơn nữa, mưa to, lũ lụt còn làm xói mòn, rửa trôi mầu mỡ đất và cuối cùng, đất trước đây còn che phủ rừng thì nay đã biến thành đất trống, đồi trọc. Nước ta chỉ có hơn 30 triệu ha đất đai mà đã có đến trên 10 triệu ha đất hoang, đồi trọc. Rừng vẫn tiếp tục bị đốt phá, nạn cháy rừng năm nào cũng xảy ra, trong khi dân số ngày càng tăng. Đây là một tình hình đáng báo động.

Nhân dân ta có tập quán lâu đời là dùng giống tốt, không sâu bệnh để gieo trồng ; dùng phân hữu cơ để bón ruộng vườn, dùng thuốc trừ sâu lấy từ thực vật (lá xoan, thuốc lào, cây ruốc cá...) ; trồng xen những rau gia vị có mùi hắc, vị hăng hay cay, đắng. Trong thời kỳ kháng chiến, ta có phong trào "sạch làng tốt ruộng" và phong trào làm phân xanh, bèo dâu. Nhưng trong những năm gần đây, chúng ta lại chỉ chú trọng sử dụng phân hóa học, chủ yếu là phân N (đạm) và dùng thuốc trừ sâu hóa chất độc.

Theo các nhà khoa học và trong thực tế cuộc sống, phân hóa học, đặc biệt là phân có tỷ lệ đạm cao có thể chuyển thành một chất độc (nitrô-damin) gây bệnh ung hại cây trồng, diệt cả sâu bọ có ích cho nông nghiệp, thậm chí còn gây bệnh nguy hiểm cho tính mạng con người. Thuốc độc mầu da cam mà địch rải xuống miền Nam đã gây hậu quả nghiêm trọng và lâu dài cho nhân dân ta. Những bệnh binh bị bệnh thần kinh, bị điên khùng và các cháu bị dị tật, dị hình là nạn nhân của thuốc độc mầu da cam và cũng là nhân chứng của chiến tranh hóa học.

Muốn thay thế dần một nền nông nghiệp hóa học đang được nhiều người muốn tiếp tục duy trì, kể cả một số nhà khoa học, và đã trở thành tập quán mới của nông dân ta trong mươi năm gần đây, chúng ta cần hướng dẫn, vận động nông dân bắt đầu một cách làm ăn mới, nhằm giữ gìn và làm phong phú cuộc sống mà không làm suy thoái môi trường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, chống làm ô nhiễm đất, nước và không khí, đồng thời chống làm mất đi các loài thực vật và động vật. Nghĩa là *chúng ta cần sớm thực hiện một nền nông nghiệp bền vững (nông nghiệp sạch).*

Nông nghiệp bền vững tự đặt vị trí của nó vững vàng trên nền móng của sinh thái học là một khoa học nghiên cứu những mối liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau giữa các vật sống và môi trường của chúng.

Nói cách khác, *nông nghiệp bền vững là một hệ thống tạo ra cơ sở ổn định bền vững cho cuộc sống con người bằng cách kết hợp sinh thái học với thiết kế cuộc sống ấy. Nó là một sự tổng hợp giữa kiến thức truyền thống và khoa học hiện đại áp dụng cho mọi tình trạng ở thành thị và ở nông thôn.* (Theo ý kiến của một số nhà nghiên cứu về nông nghiệp bền vững ở Ô-xtơ-rây-li-a và Nhật bản).

Trong điều kiện sản xuất nông nghiệp (bao gồm nông, lâm, ngư nghiệp) ở nước ta, chúng ta có thể thực hiện một nền nông nghiệp bền vững (nông nghiệp sạch) nhằm mục đích bảo vệ và cải tạo thiên nhiên, bảo vệ và cải thiện môi trường để sản xuất lương thực, thực phẩm sạch. Chúng ta cần hướng dẫn vận động nông dân nói riêng và nhân dân nói chung biết ăn sạch, uống sạch, sống vệ sinh và sản xuất bằng phương pháp thâm canh sinh học, sử dụng phối hợp đúng cách, đúng liều lượng phân hữu cơ hoại mục với một số loại phân vô cơ, sử dụng thuốc phòng trừ sâu bệnh bằng thuốc trừ sâu vi sinh hay thảo mộc là chủ yếu. (Trong trường hợp đặc biệt cũng không được dùng thuốc trừ sâu hóa chất thuộc nhóm I mà Nhà nước đã cấm sử dụng).

Đảng và Nhà nước đã chủ trương *xóa đói, giảm nghèo*, thực hiện *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh*. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy BCH TU Đảng (khóa VII) chỉ rõ : "Nông nghiệp (bao gồm nông, lâm, ngư nghiệp) phải quy vùng tập trung chuyên canh, đưa công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ sinh học vào sản xuất, tạo ra nguồn nguyên liệu lớn, chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của nông nghiệp hiện đại. *Hạn chế đến mức thấp nhất việc sử dụng hóa chất có độc tố, tiến tới một nền nông nghiệp sạch phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế*".

Chúng ta cần sớm thực hiện một nền nông nghiệp bền vững (nông nghiệp sạch) để góp phần thực hiện các chủ trương trên đây ❑

Digitized by Google

VIỆT NAM GIA NHẬP ASEAN
và tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế

HÀ VĂN THẦM *

Tư tưởng Hồ Chí Minh đã và đang hướng dẫn toàn đảng toàn dân ta đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội sau khi giành được độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Trong lĩnh vực hợp tác và đoàn kết quốc tế, tư tưởng của Người luôn là nền tảng và kim chỉ nam định hướng cho các quá trình hoạt động và hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

1- Có thể nói ngay rằng: quyết định gia nhập ASEAN, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện đúng tư tưởng của Người muốn "làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai"[1].

Khác với nhiều nhà yêu nước theo chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, Hồ Chí Minh đã sớm nhận ra con đường giao lưu quốc tế để học hỏi và hợp tác. Việc quyết định đi sang phương Tây của Người xuất phát từ nhận thức đó. Suốt chặng đường qua nhiều châu lục, tiếp xúc và hoạt động không mệt mỏi, Hồ Chí Minh đã sớm rút ra kết luận về nguyên nhân *đầu tiên* làm cho một dân tộc bị suy yếu là sự đơn độc, không có giao lưu và hợp tác quốc tế. Năm 1924, trong Thư gửi Tổng thư ký Đông phương bộ, Người viết : "Nguyên nhân đầu tiên đã gây ra sự suy yếu của các dân tộc phương Đông, đó là *sự đơn độc*. Không giống như các dân tộc phương Tây, các dân tộc phương Đông không có những quan hệ và tiếp xúc giữa các lục địa với nhau. Họ hoàn toàn không biết đến những việc xảy ra ở các nước láng giềng gần gũi nhất của họ, do đó họ *thiếu sự tin cậy lẫn nhau, sự phối hợp hành động và sự cổ vũ lẫn nhau*" [2].

Kết luận đó cũng chính là cơ sở để Hồ Chí Minh xác định những việc cần làm để nước ta thoát khỏi sự suy yếu. Ở Hồ Chí Minh, người ta thấy vừa có những nét *chung* cơ bản của các nhà cách mạng xã hội tiến bộ, vừa có những nét *riêng*, hết sức độc đáo nhưng cũng rất đời thường. Mặc dù thừa nhận thế giới đã hình thành hai phe đối lập về hệ tư tưởng, Người chưa bao giờ đồng nhất những thành tựu, những giá trị *thật* của loài người với những gì chỉ là kết quả của hệ tư tưởng lỗi thời và sự tha hóa của con người dưới chế độ tư bản. Nghiêm túc xem xét thế giới, Người rút ra kết luận về lý do tồn tại của mọi lực lượng. Theo Người, dù hình thái ý thức có khác nhau, khuynh hướng tư tưởng có khác nhau, song các lực lượng vẫn có thể cùng tồn tại khi bên trong vẫn còn những nhân tố *hợp lý*, những xu hướng *tích cực*, phản ánh những giá trị đa dạng của nền văn minh nhân loại. Hơn nữa, các lực lượng ấy vẫn có thể cùng nhau hợp tác, cùng nhau đoàn kết để phát triển mặt tích cực.

Có thể nói, tư tưởng đoàn kết quốc tế độc đáo, có ý nghĩa dẫn đường, hết sức khoa học và chính xác ấy được thể hiện rất rõ trong mọi giai đoạn của cách mạng Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Vượt qua mọi sức ép, Hồ Chí Minh đã thể hiện đầy đủ ý chí độc

(*) Cán bộ giảng dạy Khoa quan hệ quốc tế, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t4 tr 431

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t1, tr 207

Digitized by Google

lập tự chủ trong tư tưởng về đoàn kết quốc tế. Với tình cảm "bốn bể đều là anh em", ngay tại sân bay Bắc kinh trong chuyến đi thăm Trung quốc năm 1955, Người đã tuyên bố : "... các nước dù chế độ xã hội khác nhau và hình thái ý thức khác nhau cũng đều có thể chung sống hòa bình được" [3]. Trong hoàn cảnh thế giới với hai phe đối đầu nhau như lúc ấy, Hồ Chí Minh vẫn xác định một tư tưởng đoàn kết và hợp tác quốc tế như vậy.

Điều đó giải thích vì sao khi tiếp xúc với Người, các đối tượng dù chính kiến có khác cũng không thể bị chi phối bởi ý thức thù địch. Hầu như tất cả đều cảm thấy dễ chịu bởi khả năng cảm hóa, tư tưởng đoàn kết chân thành, trong sáng, giàu lòng nhân ái của Người. Sự kính nể của các chính khách nước ngoài đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh qua các cuộc tiếp xúc, thực tế đã nâng cao uy tín của Nhà nước ta trong quan hệ đối ngoại. Thừa hưởng những giá trị văn minh ngoại giao đó, nhân dân ta thật sự vui mừng và nhất trí cao với chính sách mà Đảng cộng sản Việt nam đã xác định trong quan hệ quốc tế : *Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới vì hòa bình, độc lập và phát triển.* Đấy cũng là cơ sở tư tưởng để Việt nam gia nhập ASEAN.

2- Trong tư tưởng hợp tác và đoàn kết quốc tế đầy tình nhân ái của mình, Hồ Chí Minh đặt quan hệ truyền thống với các nước láng giềng ở vị trí trân trọng. Người xác định phải có chính sách ưu tiên với các nước láng giềng. Theo Người, đó là mối quan hệ đặc biệt. Khi trả lời phỏng vấn của phóng viên báo *Nhìn xem* (Pháp), Hồ Chí Minh đã nói : "...chúng tôi muốn lập quan hệ hữu nghị với tất cả các nước khác, trước hết là với các nước châu Á" [4]. Người khẳng định : "Số phận của tất cả dân châu Á buộc chặt với nhau" [5]. Người coi các nước châu Á như một đại gia đình. Năm 1947, trong bài *Gửi các chiến sĩ và nhân dân Nam dương* (In-đô-nê-xi-a) Người viết : "Cũng như Việt nam, Nam dương là một bộ phận trong đại gia đình châu Á" [6]. Người vui mừng trước những thắng lợi của nhân dân các nước châu Á và coi những thắng lợi đó như thắng lợi của chính dân tộc mình. Người từng nói : "Nhân dân Việt nam vui mừng trước những thắng lợi của In-đô-nê-xi-a và coi đó như thắng lợi của mình"[7]. Trong những năm nước ta còn kháng chiến chống Pháp, Người đã khẳng định: "Thắng lợi của nhân dân Miên cũng là những thắng lợi chung của nhân dân Việt nam" [8]. Năm 1948, trong bức điện trả lời một nhà báo nước ngoài, Người đã tỏ thái độ vui mừng trước những thắng lợi của nhân dân các nước như Ấn độ, Phi luật tân (Phi-líp-pin), Diến điện (Mi-an-ma), và tỏ thái độ đồng tình với phương pháp đấu tranh của nhân dân các nước đó. Thái độ ấy thể hiện rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ gắn bó biện chứng của Việt nam đối với khu vực. Sự phát triển vững chắc của cả khu vực là điều kiện phát triển cho mỗi nước. Dựa vào những thắng lợi ấy, Hồ Chí Minh đã tỏ thái độ lưu ý người Pháp và muốn giải quyết vấn đề Việt nam một cách danh dự với Pháp. Người nói : "Nước Mỹ và nước Anh thừa nhận Phi-luật-tân và Ấn độ, Diến-điện độc lập. Hai cường quốc đó đã cho nước Pháp một bài học chính trị rất khéo và quang minh" [9]. Không chỉ coi thắng lợi của nhân dân các nước châu Á như thắng lợi của chính mình, Người còn dựa vào sự giúp đỡ trực tiếp của nhiều nước trong khu vực như (Lào, Cam-pu-chia, Thái lan, Mi-an-ma, Ma-lai- xi-a, Xin-ga-po) để hoạt động, đấu tranh cho độc lập dân tộc.

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 268
(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 70
(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 371
(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 396
(7) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 450
(8) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 404
(9) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 71

Digitized by Google

Tư tưởng thân thiện láng giềng của Hồ Chí Minh là nhất quán, không chỉ trong đấu tranh giành độc lập dân tộc mà cả trong hòa bình xây dựng đất nước. Năm 1959, khi đến thăm In-đô-nê-xi-a, Người nói : "Nhân dân Việt nam và nhân dân In-đô-nê-xi-a gắn bó với nhau trong cuộc cách mạng vĩ đại giành độc lập đã luôn luôn đồng tình và ủng hộ lẫn nhau, ngày nay càng đoàn kết ủng hộ nhau hơn nữa trong công cuộc xây dựng đất nước, đấu tranh thực hiện thống nhất lãnh thổ và bảo vệ hòa bình Đông - Nam Á và thế giới"(10). Như vậy, theo Hồ Chí Minh, trong quan hệ giữa các nước Đông - Nam Á với nhau, cần khai thác và phát huy hết những nét tương đồng, coi những nét tương đồng như những hạt nhân cơ bản cho sự hòa nhập. Phải chăng làm như vậy cũng chính là tôn trọng quy luật phát triển của lịch sử, tôn trọng kinh nghiệm hợp tác tiến bộ trong lịch sử quan hệ quốc tế - điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức coi trọng ? Dù có chế độ chính trị xã hội khác nhau, các nước Đông-Nam Á vẫn có những nét tương đồng cơ bản về lịch sử phát triển, văn hóa, tập quán, tính năng động...

Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, Việt nam không ngừng củng cố, phát triển quan hệ với các nước trong khu vực. Việt nam và các nước ASEAN thống nhất một quan niệm : "Khép lại quá khứ, hướng tới tương lai" ; chiếu cố và nhiệt tình giúp đỡ lẫn nhau ; giữ vững và phát triển mối quan hệ láng giềng thân thiện. Chính với ý thức đó, Việt nam gia nhập ASEAN.

3- Hồ Chí Minh rất coi trọng và trên thực tế Người tìm mọi cách để mở rộng quan hệ quốc tế, làm sao để thực hiện bằng được ý tưởng "tứ hải giai huynh đệ". Nhưng điều đó không có nghĩa là Hồ Chí Minh chủ trương phát triển quan hệ hợp tác quốc tế với bất cứ giá nào, hợp tác một cách vô nguyên tắc. Trong quan hệ với bất cứ quốc gia nào, Người đều đòi hỏi phải hợp tác với nhau trên cơ sở "thật thà", tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau một cách nghiêm chỉnh. Người nói : "Nước Việt nam dân chủ cộng hòa sẵn sàng đặt mọi quan hệ thân thiện hợp tác với bất cứ một nước nào trên nguyên tắc : tôn trọng sự hoàn chỉnh về chủ quyền và lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp nội trị của nhau, bình đẳng cùng có lợi, và chung sống hòa bình" (11). Người tán thành năm nguyên tắc chung sống hòa bình để phát triển quan hệ hữu nghị với tất cả các nước, trong đó có các nước Đông-Nam Á, và tìm mọi cách để góp phần làm cho tư tưởng và hoạt động quốc tế ở khu vực trở nên sinh động.

Nguyên tắc quan hệ quốc tế thể hiện trong tư tưởng Hồ Chí Minh là một nguồn lực khoa học, là sự báo trước tài tình về một xu thế hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực Đông-Nam Á, báo trước một mối quan hệ hòa thuận giữa Việt nam với tất cả các nước và đặc biệt là với các nước Đông-Nam Á. Hiện nay, trên cơ sở đó, Việt nam đã thực hiện được những bước tiến lớn trong quan hệ quốc tế. Gia nhập ASEAN, Việt nam đã đáp ứng một đòi hỏi của thực tế, đồng thời đã thể hiện đúng tinh thần đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh. Đây là bước phát triển mới trong quan hệ đối ngoại, "Cải thiện và mở ra giai đoạn mới trong quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước ASEAN và tổ chức ASEAN"(12). Mọi nỗ lực tuy còn ở mức khiêm tốn nhưng đã thể hiện sự mong muốn góp sức vào việc thực hiện mục tiêu chung là phấn đấu xây dựng Đông-Nam Á thành một khu vực hòa bình, thịnh vượng. Gia nhập ASEAN, Việt nam có điều kiện tốt hơn để tham gia tích cực hơn vào việc thực hiện mục tiêu đó ❑

(10) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 317

(11) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 268

(12) *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*, tháng 1-1994, tr 15

Digitized by Google

TỶ GIÁ, CHÍNH SÁCH TỶ GIÁ

• **TỶ GIÁ** là một khái niệm chỉ giá đồng tiền này so với đồng tiền khác ở những thời điểm nhất định. Người ta dùng khái niệm này kể từ khi có thể chế *bản vị vàng*, nghĩa là các hình thái tiền tệ phát triển đến lúc lấy vàng làm tiêu chuẩn, nhiều loại tiền khác nhau đều được đúc từ vàng, tiêu dùng tiền bằng vàng. Khi đó, chỉ cần chia lượng vàng của hai đồng tiền với nhau là ra tỷ giá. Ví dụ đồng bảng Anh nặng 1 chỉ vàng, đồng lia Ý nặng 2 phân, nếu chia 1 chỉ (10 phần) cho 2 phân sẽ ra tỷ giá : 1 đồng bảng Anh bằng 5 lia Ý. Khi quan hệ giao dịch chỉ dùng các loại tiền vàng, tỷ giá tiền hầu như không biến động, vì chỉ cần nó lên xuống quá vài phần ngàn, các nhà doanh nghiệp hoặc các nước sẽ dùng vàng để thanh toán với nhau. Theo ví dụ trên, nếu phải thanh toán 1 000 bảng Anh mà tỷ giá lên tới 5,04 lia/1bảng, người ta sẽ dùng 5 000 lia để mua 100 lượng vàng, cộng với chi phí vận chuyển vàng 20 lia (hay 0,4%) sang Anh vẫn lợi hơn là dùng 5 040 lia để mua 1 000 bảng Anh theo tỷ giá 5,04. Tỷ số 5 giữa hàm kim lượng của đồng bảng Anh và đồng lia Ý được gọi là *đồng giá vàng* (gold parity) và tỷ giá thực tế chỉ dao động trong phạm vi tỷ lệ chi phí vận chuyển vàng (± 0,4% theo ví dụ trên). Vì vậy, tỷ giá trong chế độ bản vị vàng đầy đủ là rất ổn định.

Nhưng chế độ bản vị vàng, chế độ hoàn toàn không có lạm phát tồn tại không lâu và nó đã bị đổ vỡ sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Chế độ bản vị vàng thoi là chế độ gắn bó lỏng lẻo giữa giấy bạc ngân hàng với vàng, vì Ngân hàng trung ương của các nước như Anh, Pháp chỉ đảm bảo đổi giấy bạc ngân hàng lấy vàng rất hạn chế. Chế độ tiền tệ Brét-tơn Út (Bretton Woods), dựa vào chế độ bản vị vàng thoi của Mỹ cũng bị phá vỡ vì hai lẽ : một là, do người ta đã không dùng tiền vàng để thanh toán nữa; hai là, số lượng tiền giấy phát hành quá lớn nên khó kiểm soát được và không chuyển đổi lại thành vàng được.

Khi đồng tiền giấy không có vàng đứng đằng sau bảo đảm và không khống chế nghiêm ngặt số lượng phát hành thì giá trị của nó không ổn định, tỷ giá của nó luôn biến động theo tỷ lệ lạm phát và theo sự biến động của giá cả hàng hóa trên thị trường.

Vì vậy đã nảy sinh những khái niệm mới là *tỷ giá danh nghĩa* và *tỷ giá thực*. Ví dụ tỷ giá 11 050 đồng Việt nam/1 USD hiện nay là tỷ giá danh nghĩa. Tỷ giá thực là tỷ giá đã trừ tỷ lệ lạm phát.

Chuẩn mực để so sánh tỷ giá thực được gọi là *đồng giá sức mua tương đối* (relative purchasing power parity). Sức mua của 1 đồng tiền hiện nay được đo bằng chỉ số giá cả, một chỉ tiêu bình quân tương đối. Muốn đo sức mua thực của hai đồng tiền của hai nước người ta còn dùng một "*lô*" hàng hóa chung tính theo giá cả của hai nước đó. Tỷ số giữa tổng giá cả của "lô" hàng hóa chung ở hai nước đó được gọi là *đồng giá sức mua PPP* (Purchasing Power Parity). Những lý thuyết này của kinh tế thị trường hoàn toàn phù hợp với lý luận Mác - Lê-nin về tiền thực (đúc bằng vàng hay bạc) và tiền dấu hiệu, về quy luật lưu thông tiền tệ, về vai trò tiền tệ thế giới của vàng. Vì vậy, không thể rời bỏ lý luận trong việc định ra chính sách tỷ giá.

• **CHÍNH SÁCH TỶ GIÁ** là một công cụ quản lý vĩ mô quan trọng nằm trong hệ thống chính sách của nền kinh tế nói chung và lĩnh vực kinh tế đối ngoại nói riêng. Chính sách tỷ giá bao gồm các biện pháp liên quan đến việc hình thành quan hệ về sức mua giữa tiền của nước này so với một ngoại tệ khác, nhất là với các ngoại tệ có khả năng chuyển đổi. Tỷ giá sẽ tác động đến các quá trình sản xuất-kinh doanh và xuất nhập khẩu hàng hóa của một nước. Cho nên, muốn có chính sách tỷ giá đúng phải xét nó với các yếu tố quan trọng khác như : nguồn cung ứng ngoại tệ, tác động của lạm phát, hàng rào thuế quan và hạn ngạch xuất nhập khẩu, lãi suất tín dụng, yếu tố tâm lý chủ quan, yếu tố năng suất lao động. Tỷ giá được hình thành trên cơ sở quan hệ cung cầu có sự kiểm soát của nhà nước, bảo đảm được quyền lợi của người xuất khẩu, nhập khẩu, người tiêu dùng trong nước và bảo đảm thế ổn định của giá trị tương đối đồng tiền Việt nam.

Để có chính sách tỷ giá đúng, chúng ta cần xem xét hai khái niệm *lên giá* và *phá giá* tiền tệ đang là vấn đề thời sự hiện nay.

Cách nhìn tĩnh cho rằng giá ngoại tệ giảm xuống là tiền ta lên giá. Ví dụ tháng 12-1992, giá 1 USD là 10 800 đồng Việt nam, sang tháng 1-1993, nó chỉ còn 8 860 đ. Ngược lại, khi giá USD tăng nhẹ 1,9% trong năm 1994, từ 10 832 đ lên 11 050 đ/1 USD, như vậy họ cho là đã phá giá nhẹ đồng tiền Việt nam.

Cách nhìn động là đặt từng đồng tiền vào cỗ xe lạm phát của nó. Căn cứ vào sức mua của đồng tiền mà so sánh giữa hai đồng tiền để tìm ra *tỷ giá thực*. Muốn vậy họ phải dùng kỹ thuật *đồng giá sức mua PPP*.

Theo cách nhìn này, năm 1993, nếu giá USD bằng tỷ giá thực 11 048 đồng Việt nam thì như vậy là *không lên giá và cũng không phá giá*. Nếu vượt 11 048 đ khoảng 1-2% là *phá giá nhẹ* ; còn nếu lên tới 18 000 đ - 20 000 đ/1USD là *phá giá mạnh* (61%-79% so với tỷ giá thực) ❑

Digitized by Google

TIN BUỒN

Theo Thông báo của BCH TƯ Đảng cộng sản Việt nam, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam :



Đồng chí Trần Quang Huy (tức Vũ Đức Huề)

Sinh ngày 4-2-1922 tại xã Đông vệ, huyện Đông sơn, tỉnh Thanh hóa ;

Nguyên : Ủy viên dự khuyết BCH TƯ Đảng khóa III, Ủy viên BCH TƯ Đảng khóa IV, Bí thư Thành ủy Hà nội, Hải phòng, Xứ ủy viên Bắc kỳ, Ủy viên Trung ương Cục miền Nam, phụ trách báo *Nhân dân*, Tổng biên tập tạp chí *Học tập* (nay là *Tạp chí Cộng sản*), Phó trưởng Ban tuyên giáo trung ương, Phó trưởng Ban khoa giáo trung ương, Bộ trưởng Phủ thủ tướng, Bộ trưởng chủ nhiệm Ủy ban pháp chế của Chính phủ, Chủ nhiệm Ủy ban pháp luật của Quốc hội, Đại biểu Quốc hội các khóa IV, V, VI, VII ;

Huân chương Hồ Chí Minh, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng ;

Sau một thời gian lâm bệnh nặng, đã từ trần hồi 1 giờ 15 phút ngày 27-6-1995, tại Bệnh viện Hữu nghị, Hà nội.

• Ngày 3-7-1995, Lễ tang đồng chí Trần Quang Huy đã được Ban chấp hành trung ương Đảng, Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ tổ chức trọng thể tại Hội trường số 10 Nguyễn Cảnh Chân, Hà nội. Các đồng chí Đỗ Mười, Tổng bí thư Đảng cộng sản Việt nam ; Nông Đức Mạnh, Chủ tịch Quốc hội ; Nguyễn Thị Bình, Phó chủ tịch nước; Phan Văn Khải, Phó thủ tướng Chính phủ ; Lê Quang Đạo, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt nam, đã đặt vòng hoa viếng đồng chí Trần Quang Huy. Các vị lão thành cách mạng và hơn 100 đoàn đại biểu Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội và cá nhân; các đoàn đại biểu thành phố Hà nội, Hải phòng và Thanh hóa đã đến viếng và chia buồn cùng gia đình đồng trí Trần Quang Huy.

Tại Lễ truy điệu, đồng chí Đào Duy Tùng, Ủy viên Bộ chính trị, Ủy viên thường trực Ban bí thư, Trưởng ban tang lễ đã ôn lại công lao và những đóng góp quý báu của đồng chí Trần Quang Huy đối với sự nghiệp cách mạng : "Từ năm 14 tuổi đến khi trút hơi thở cuối cùng, dù bất kỳ làm việc ở đâu, ở cương vị công tác nào, đồng chí Trần Quang Huy đều giữ trọn vẹn danh hiệu người đảng viên cộng sản ưu tú, một lòng một dạ phục vụ Đảng, phục vụ nhân dân".

Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, cùng đồng đảo bạn bè, đồng chí và gia quyến đã tiễn đưa đồng chí Trần Quang Huy đến Đài hóa thân Hoàn vũ, Hà nội, theo nguyện vọng của Đồng chí.

Thi hài đồng chí Trần Quang Huy đã được hỏa táng vào hồi 13 giờ cùng ngày.

• Đoàn đại biểu *Tạp chí Cộng sản* do đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập, dẫn đầu đã đến đặt vòng hoa, viếng và dự lễ truy điệu đồng chí Trần Quang Huy ; một số đồng chí trong Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* tham gia túc trực bên linh cữu đồng chí Trần Quang Huy và tiễn đưa Đồng chí về nơi an nghỉ cuối cùng. Trong sổ tang, đồng chí Nguyễn Phú Trọng, thay mặt Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*, ghi rõ : "Toàn thể cán bộ, phóng viên, biên tập viên, nhân viên Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* vô cùng thương tiếc và kính cẩn nghiêng mình vĩnh biệt đồng chí Trần Quang Huy, một cán bộ lý luận xuất sắc, người đã từng nhiều năm phụ trách và là Tổng biên tập Tạp chí lý luận của Đảng".

Digitized by Google

CÔNG TY
THƯƠNG NGHIỆP TỔNG HỢP AN GIANG



Giám đốc **THÁI HAI THỌ**

• **Địa chỉ :**

- Số 02 Đường Ngô Gia Tự
- Thị xã Long Xuyên - An Giang
- ĐT : 52354

• **Văn phòng Giao dịch tại TP. Hồ Chí Minh :**

- Số 94 Đường Cao Thắng - Q3
- ĐT : 224103 - Fax : 52354



Văn phòng công ty

• Công ty Thương nghiệp tổng hợp An Giang chuyên thu mua và chế biến các loại nông, lâm, hải sản, xuất khẩu như đậu xanh, đậu nành, đậu phộng, mè, hạt tiêu, tôm đông lạnh, trứng muối, thuốc lá v.v... Công ty còn kinh doanh các mặt hàng khác như thực phẩm công nghiệp, điện máy kim khí, vật liệu xây dựng v.v...

• Là doanh nghiệp nhà nước, Công ty Thương nghiệp tổng hợp An Giang đã có quan hệ mua bán với nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước, được khách hàng tín nhiệm bởi quan hệ sòng phẳng, mọi thủ tục mua bán nhanh gọn.

• Trong gần 18 năm hình thành và phát triển, công ty luôn là đơn vị điển hình trong toàn quốc về thành tích kinh doanh, đóng góp cho nhà nước và giải quyết tốt lực lượng lao động tại địa phương, đã được nhận nhiều phần thưởng cao quí của Đảng và Nhà nước.

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG

CTY XÂY LẮP ĐIỆN 2

CONSTRUCTION ENTERPRISE

Địa chỉ văn phòng : 354A Quốc lộ 52 (Đường Hà nội cũ) huyện Thủ Đức - TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 968348 - 963077



CÔNG TY XÂY LẮP ĐIỆN 2 - BỘ NĂNG LƯỢNG

XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG



Dựng trụ đường dây 35KV tại Đà nẵng do UNDP (Liên hiệp quốc) tài trợ.

- **Xây lắp các đường dây và trạm biến thế điện**
- **Xây dựng công nghiệp và dân dụng**
- **Sản xuất sản phẩm beton li tâm các loại**

ĐÃ THỰC HIỆN

- Xây dựng đường dây 220 KV và 110 KV Vĩnh sơn đi Quảng ngãi
- Một phần trạm biến áp 500 KV Phú lâm (cho đường dây 500 KV Bắc Nam
- Trạm biến áp 220 KV Hóc môn
- Trạm biến áp 220 KV Long bình và một số trạm 110 KV - 35 KV.
- Đã thi công hoàn chỉnh hàng trăm KM đường dây 35 KV cho các tỉnh Tây nguyên, miền Trung, miền Tây. Trong đó có công trình do UNDP (Liên hiệp quốc) tài trợ tại Đà nẵng.

Xí nghiệp Xây dựng đã được Nhà nước tặng thưởng HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG 3

Digitized by Google

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

Số : 13C10 Đại lộ 30-4 Thị xã Tây Ninh
• ĐT : 22315 • Fax : 84.8.27536

Giám đốc : **NGUYỄN XUÂN HỒNG**

- Thành lập : 3/1981
- Thị trường tiêu thụ từ Bình Thuận đến các tỉnh miền Tây, tại Tây Ninh lượng vé tiêu thụ khoảng 10% vé phát hành mỗi kỳ.
- Doanh thu tăng hàng năm, đóng góp cho ngân sách từ 25-30%. So tổng thu ngân sách địa phương :

Năm	Doanh thu	Nộp ngân sách	Đạt % so kế hoạch
1990	44,29 tỷ	11,55 tỷ	113
1991	68,692 -	22,0 -	120
1992	113,460 -	29,3 -	138
1993	159,14 -	46,072 -	136
1994	213,158 -	66,0 -	143



Digitized by Google

5128



Hân hạnh được
đón tiếp quý khách

Công ty Bia SAIGON

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5 TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 559595 - 6 HAI BÀ TRƯNG, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 294083

Chất Lượng. Thơm Ngon. Bổ Dưỡng

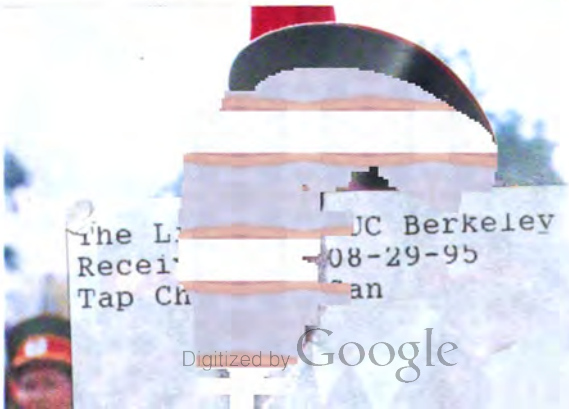
HX9
V5
H63
v. 1995
no. 9
MAIN

Tạp chí Cộng sản



9
8-1995





The L... UC Berkeley
Recei... 08-29-95
Tap Ch... an
Digitized by Google

BÁC HỒ NÓI VỀ CÔNG AN NHÂN DÂN

" Giữ gìn trật tự an ninh trước hết là việc của công an, bộ đội, cảnh sát. Nhưng chính quyền ta là chính quyền dân chủ, bất kỳ việc to việc nhỏ đều phải dựa vào lực lượng của nhân dân để phụng sự lợi ích của nhân dân. Việc giữ gìn trật tự an ninh càng phải dựa vào sáng kiến và lực lượng của nhân dân.

Mọi người công dân, bất kỳ già trẻ gái trai, bất kỳ làm việc gì, đều có nhiệm vụ giúp chính quyền giữ gìn trật tự an ninh vì trật tự an ninh trực tiếp quan hệ đến lợi ích bản thân của mọi người."

"...Công an có bao nhiêu người ? Dù có vài ba nghìn hay năm bảy vạn đi nữa thì lực lượng ấy vẫn còn ít lắm bên cạnh lực lượng nhân dân. Năm vạn người thì chỉ có năm vạn cặp mắt, năm vạn đôi bàn tay. Phải làm sao có hàng chục triệu đôi bàn tay, hàng chục triệu cặp mắt và đôi tai mới được. Muốn như vậy, phải dựa vào dân, không được xa rời dân. Nếu không thế thì sẽ thất bại. Khi nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn. Dân ta rất tốt. Gặp trường hợp nguy hiểm nếu công an khéo léo thì được dân giúp ngay. Khéo đây không phải là cái lối khéo bề ngoài, mà khéo có nghĩa là phải thực sự trung thành, tôn kính, thương yêu dân."

"Tư cách người công an cách mệnh là :
Đối với tự mình, phải cần, kiệm, liêm, chính.
Đối với đồng sự, phải thân ái giúp đỡ.
Đối với Chính phủ, phải tuyệt đối trung thành.
Đối với nhân dân, phải kính trọng, lễ phép.
Đối với công việc, phải tận tuỵ.
Đối với địch, phải cương quyết, khôn khéo."

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 477

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

	BÙI THIỆN NGỘ - 50 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của lực lượng Công an nhân dân 3
	TRỊNH TRÂN - Xây dựng bộ đội biên phòng trong sự nghiệp quản lý, bảo vệ biên giới Tổ quốc 9
	CAO SỸ KIỂM - Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát 12
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	TRẦN HỖ- Lạm phát ở nước ta hiện nay 16
	TÔ HUY RỨA - Vũ khí sắc bén của các nhà tư tưởng 19
	PHAN VĂN CÁC - Nho học trong sự nghiệp đổi mới đất nước 22
	NGUYỄN TRẦN QUẾ - Chính sách hối suất và bài toán tỷ giá đồng Việt nam hiện nay 27
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	TIẾN HẢI - Ấn tượng đất mũi 30
	NGUYỄN CHƠN TRUNG - Một số vấn đề rút ra qua việc xây dựng khu chế xuất ở TP Hồ Chí Minh 35
	PHAN QUỲNH ANH - Kim bảng vượt lên trong phong trào xã hội hóa giáo dục 38
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	VĂN DOANH- Góp thêm ý kiến vào phương hướng công nghiệp hóa 42
TẠP CHÍ VỚI BẠN ĐỌC, BẠN ĐỌC VỚI TẠP CHÍ	Hội nghị cộng tác viên, bạn đọc và phát hành **Tạp chí Cộng sản** khu vực đồng bằng sông Cửu long 43
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	VÕ THỦ PHƯƠNG - Bước tiến mới trong quan hệ Việt - Mỹ 47
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	*** *"Nhìn lại quá khứ* : Tấn thảm kịch và những bài học về Việt nam" (Trích Hồi ký của cựu Bộ trưởng Bộ quốc phòng Mỹ Mắc Na-ma-ra) 49
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Chiến tranh lạnh, chiến tranh mềm 53
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	• Nghiệm thu đề tài "Động lực phát triển kinh tế thị trường trong chế độ chính trị một đảng (đảng cộng sản) ở Việt nam" 54
	• Hội nghị tổng kết kinh nghiệm của các tổ chức cơ sở đảng vững mạnh ở Hà nội 55

Bìa 1 • *Hội nghị giữa nhiệm kỳ Đảng bộ CATU* *Ảnh : Bảo tàng Bộ Nội vụ*
• *Đại hội "Khỏe vì an ninh Tổ quốc" (16.7.1995)* *Ảnh : Hoàng Như Thính*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

БУИ ТХИЕН НГО - 50 лет создания, борьбы и возмужения народной милиции. ЧИН ЧАН - Оформление армии пограничников в деле контроля и защиты границы страны. КАО ШИ КИЕМ - Отношение между экономическим ростом и инфляцией. ЧАН ХО - Инфляция в нашей стране на нынешнем этапе. ТО ХИ РЫА - Острое оружие идеологов. ФАН ВАН КАК - Конфуцианство в курсе обновления страны. НГУЕН ЧАН КУЕ - Решение проблемы процента в денежном обмене и задача о курсе вьетнамской валюты в настоящее время. НГУЕН ТЬОН ЧУНГ - Некоторые уроки, извлеченные из создания зоны обработки и экспорта в городе Хошимин. ВО ТХУ ФЫОНГ - Новый шаг во вьетнамо-американских отношениях.

CONTENTS

BÙI THIỆN NGỘ - 50 years of the people's police to build, fight and grow up. TRỊNH TRÂN - Building up the border troops in managing and defending the country's frontiers. CAO SỸ KIÊM - The relationship between the economic growth and the inflation. TRẦN HỔ - The inflation in our country at present. TÔ HUY RỨA - The sharp weapon of ideologists. PHAN VĂN CÁC - Confucianism in the cause of renovation of the country. NGUYỄN TRẦN QUẾ - The policy of foreign exchange and the exercise in exchange rate of the Vietnamese *dong*. NGUYỄN CHƠN TRUNG - Some problems drawn from the building of the EPZ in Ho Chi Minh City. VÕ THỦ PHƯƠNG - A new step forward in the Vietnam - US relationship.

SOMMAIRE

BÙI THIỆN NGỘ - 50 ans d'édification, de combat et de grandissement des forces de police populaire. TRỊNH TRÂN - Edifier les forces de garde-frontière dans l'œuvre d'aménagement et de défense des frontières de la Patrie. CAO SỸ KIÊM - Sur le rapport entre la croissance économique et l'inflation. TRẦN HỔ - L'inflation actuelle dans notre pays. TÔ HUY RỨA - Une arme tranchante des idéologues. PHAN VĂN CÁC - Le confucianisme dans l'œuvre de renouveau du pays. NGUYỄN TRẦN QUẾ - La politique des changes et le cours de change actuel du dong vietnamien. NGUYỄN CHƠN TRUNG- Quelques problèmes autour de la construction de l'export processing zone à Ho Chi Minh-ville. VÕ THỦ PHƯƠNG - Un nouveau pas en avant dans les relations entre le Vietnam et les Etats-Unis.

SUMARIO

BÙI THIỆN NGỘ - 50 años de edificación, combates y crecimiento de las Fuerzas de la Seguridad Popular. TRỊNH TRÂN - La edificación de las Fuerzas de Guardafronteras en la obra de gestión y defensa de las fronteras de la Patria. CAO SỈ KIÊM - Ralación entre el crecimiento económico y la inflación. TRẦN HỔ - La inflación actual en Vietnam. TÔ HUY RỨA - El arma afiladora de los pensadores. PHAN VĂN CÁC - El confucianismo en la obra de renovación del país. NGUYỄN TRẦN QUẾ - La política de los cambios y la cuestión de la tasa del *dong* vietnamita en la actualidad. NGUYỄN CHƠN TRUNG - Algunos problemas sacados de la construcción de la zona de procesamiento en Ciudad Ho Chi Minh. VÕ THỦ PHƯƠNG - Nuevo paso de avance en la relación Vietnam - Estados Unidos.

目錄

●裴善悟：《人民 公安力量成立、鬥爭、成長五十周年》● 鄭珍：《在管理、保衛祖國邊疆事業中健全邊防部隊》● 高士兼：《經濟增長與通貨膨漲的關係》● 陳互：《我國目前通貨膨漲狀況》● 蘇輝若：《思想家的銳利武器》● 潘文閣：《我國革新事業中的儒學》● 阮陳桂：《匯兌政策和目前越盾匯率的難題》● 阮眞忠：《從胡志明市出口加工區的建設中所看到的問題》● 武首芳：《越美關係邁出新的一步》

Digitized by Google

50 NĂM XÂY DỰNG, CHIẾN ĐẤU VÀ TRƯỞNG THÀNH CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN

BÙI THIỆN NGỘ *

ĐƯỢC Đảng tổ chức và trực tiếp lãnh đạo, trải qua 50 năm xây dựng, hoạt động, chiến đấu và từng bước trưởng thành, Công an nhân dân đã góp phần xứng đáng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ thành quả cách mạng.

Theo từng thời kỳ phát triển của cách mạng, Đảng ta đã tổ chức ra các đội "Tự vệ đỏ", "Tự vệ công nông", "Danh dự trừ gian", "Trinh sát Việt minh" - những tổ chức tiền thân của Quân đội nhân dân và của Công an nhân dân - làm nhiệm vụ trấn áp bọn gián điệp, chỉ điểm, ác ôn của thực dân Pháp và phát xít Nhật ; bảo vệ cán bộ lãnh đạo, các cơ quan của Đảng, các cuộc mít tinh, hội họp của quần chúng.

Cách mạng Tháng Tám (năm 1945) thành công, Công an nhân dân được tổ chức theo sự thiết lập chính quyền cách mạng ở từng địa phương. Lúc này, bọn đế quốc ráo riết tiến hành các hoạt động phá hoại hòng bóp chết Nhà nước dân chủ cộng hòa còn non trẻ. Ngoài Bắc, gần 20 vạn quân Tưởng hoành hành, thúc đẩy bọn tay sai giả danh đảng phái yêu nước quấy rối. Trong Nam, núp sau quân Anh, thực dân Pháp trắng trợn đánh chiếm một số nơi... Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, dựa vào sức mạnh của nhân dân, sát cánh cùng Quân đội nhân dân, lực lượng Công an vừa mới được Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức thống nhất trong cả nước (ngày 21-2-1946) đã dũng cảm, mưu trí, kịp thời trấn áp bọn đặc vụ Tưởng, bọn mật thám, gián điệp Pháp câu kết với các đảng phái phản động tay sai ; tiêu diệt những sào huyệt gây tội ác, giết người của chúng ; đập tan những âm mưu khiêu khích, gây rối, gây bạo loạn hòng lật đổ Chính quyền ta ở Thủ đô Hà nội (tháng 7-1946); bảo vệ thắng lợi chính quyền cách mạng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Công an nhân dân đã phát động phong trào bảo mật phòng gian "3 không" sâu rộng ở vùng tự do, góp phần bịt tai, bịt mắt địch, bảo vệ an toàn lãnh tụ và khu căn cứ, bảo vệ vững chắc hậu phương ; bảo vệ các chiến dịch quân sự, bắt gọn nhiều tổ chức phản động, gián điệp và biệt kích luồn sâu hoạt động xây dựng cơ sở ; phá tề, trừ gian trong các vùng địch tạm kiểm soát, góp phần vào chiến thắng lịch sử Điện biên phủ.

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (tháng 7-1954), Công an nhân dân phối hợp với Quân đội nhân dân và các lực lượng khác đã diệt và làm tan rã hàng vạn tên phỉ ở Đông bắc, Tây bắc ; ổn định được vùng biên cương phía Bắc ; ngăn chặn được một phần âm mưu địch cưỡng ép đồng bào di cư vào Nam ; trấn áp kịp thời các toán gián điệp do đế quốc Mỹ, Pháp cài lại ; bắt gọn hầu hết các toán gián điệp, biệt kích với đầy đủ vũ khí, phương tiện hiện đại ; làm thất bại âm mưu của đế quốc Mỹ "xây dựng lực lượng chống cộng sản ngay trong lòng cộng sản" ; góp phần bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, căn cứ địa cách mạng cả nước ; hạn chế đến mức thấp nhất sự thiệt hại do chiến tranh phá hoại bằng

* Ủy viên Bộ chính trị, Bộ trưởng Bộ nội vụ

Digitized by Google



Đồng chí Bùi Thiện Ngộ khai mạc Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ Đảng bộ CATW

không quân và hải quân của đế quốc Mỹ gây ra ; chi viện cho an ninh miền Nam.

Lực lượng an ninh miền Nam trực tiếp đối chọi với CIA ; đã cùng với nhân dân và quân giải phóng, trên cả ba vùng chiến lược, bằng ba mũi giáp công, đánh thắng chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý, phá tan chiến dịch "Phượng hoàng", quốc sách "Bình định", thủ đoạn "tình báo hóa nhân dân" ; góp phần bảo vệ Đảng, bảo vệ thực lực cách mạng, hỗ trợ đắc lực và cùng nhân dân tiến công, nổi dậy diệt ác, phá kìm, giành thắng lợi từng phần, tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau chiến thắng mùa xuân 1975, cả nước thống nhất, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta bước vào một thời kỳ mới, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược : xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Công an nhân dân đã góp phần đập tan âm mưu và hoạt động phá hoại của bọn gián điệp, phản động ; giữ vững an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội trong thời bình cũng như khi có chiến tranh xâm lược ở biên giới ; kịp thời ngăn chặn và trấn áp các hoạt động của bọn phản động, bắt gọn toàn bộ bọn gián điệp thám báo từ bên ngoài xâm nhập câu kết với bọn ẩn nấp bên trong ; đập tan âm mưu gây bạo loạn, lật đổ ; góp phần tích cực, có hiệu quả vào cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù.

Từ cuối những năm 80, thế giới và trong nước có nhiều biến động sâu sắc, phức tạp. Hệ thống xã hội chủ nghĩa không còn nữa. Trong lúc kinh tế-xã hội nước ta lâm vào khủng hoảng, có mặt nghiêm trọng, thì ở biên giới phía Bắc, Tây-Nam, biển Đông có nhiều biến động xấu, có lúc gay gắt. Trước tình hình đó, bọn đế quốc ráo riết tiến hành chiến lược "diễn biến hòa bình", coi Việt nam là một trọng điểm, nên đã tập trung lực lượng, kết hợp bên trong với bên ngoài, tập trung hoạt động trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội nhằm xâm nhập nội bộ, gây rối, gây bạo loạn, xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng ta, lật đổ chế độ ta.

Dưới ánh sáng đường lối đổi mới của Nghị quyết Đại hội VI, được Nghị quyết Đại hội VII của Đảng bổ sung, phát triển, Công an nhân dân vững tin ở sự nghiệp đổi mới, đã quyết tâm đổi mới nhiều mặt từ chủ trương, đối sách đến biện pháp, phương thức hoạt động. Công an nhân dân đã chủ động phát hiện và đấu tranh ngăn chặn âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình", gây rối, gây bạo loạn của các thế lực thù địch; có nhiều đối sách có hiệu quả đối với bọn xâm nhập từ bên ngoài hòng câu kết với

Digitized by Google

bọn phản động tại chỗ để phá hoại ta ; góp phần vào việc giữ vững ổn định chính trị trong nước, vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, vào việc thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở của Đảng.

*

* *

Nhìn lại chặng đường nửa thế kỷ qua, toàn thể cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân tự hào, phấn khởi, ôn lại truyền thống và kinh nghiệm, củng cố niềm tin, vững bước tiến lên phía trước. Truyền thống và cũng là kinh nghiệm sống còn trong quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Công an nhân dân đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc kết : "Công an của ta là công an nhân dân, vì nhân dân mà phục vụ và dựa vào nhân dân mà làm việc".

Truyền thống đó thuộc về bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân của Công an Việt nam. Công an có được bản chất giai cấp công nhân chính là do được Đảng ta tổ chức và giáo dục, rèn luyện. Dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, Công an đã công tác và chiến đấu không mệt mỏi, lập nhiều chiến công rực rỡ, trở thành công cụ tin cậy của Đảng và Nhà nước. Hoạt động của Công an nhân dân nhằm mục đích : vì lợi ích của nhân dân, và luôn luôn dựa vào dân, được nhân dân tham gia giúp đỡ. Những chiến công lớn, nhỏ của lực lượng công an trong 50 năm qua đều có sự đóng góp trực tiếp hoặc gián tiếp của nhân dân. Đúng như Bác Hồ đã dạy : "Khi nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn".

Nhờ được thường xuyên giáo dục mà Công an nhân dân đã luôn luôn trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn dân. Đã có biết bao tấm gương tiêu biểu của tập thể và cá nhân trong lực lượng công an về tinh thần mưu trí, lòng dũng cảm. Trong kháng chiến chống xâm lược cũng như trong thời bình, họ vẫn lăn lộn ngày đêm, bảo vệ công cuộc xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ cuộc sống yên bình của nhân dân, đã được nhân dân mến phục, tin yêu.

Công an còn biết phối hợp với các lực lượng khác, phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc, trước hết là đoàn kết nội bộ, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công an vận dụng có chọn lọc những kinh nghiệm của lực lượng an ninh thế giới ; đồng thời, tăng cường hợp tác có hiệu quả với lực lượng an ninh các nước trong cuộc đấu tranh chống tội phạm và các thế lực phản động quốc tế. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của toàn dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp chủ động phòng ngừa, chủ động và liên tục tiến công địch là một nguyên tắc chỉ đạo có tính truyền thống của Công an nhân dân.

Trong sự phối hợp chung với các lực lượng tạo nên thế trận an ninh nhân dân vững chắc, phải kể đến sự hợp đồng chiến đấu đặc biệt giữa Công an nhân dân và Quân đội nhân dân. Công an nhân dân và Quân đội nhân dân hợp thành một sức mạnh vô địch bảo vệ Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Bác Hồ đã nói : "Công an và quân đội là hai cánh tay của nhân dân, của Đảng, của Chính phủ, của vô sản chuyên chính". Đây là một nhân tố quyết định đánh thắng quân thù trong thời chiến và dẹp tan các thế lực chống đối trong thời bình. Hợp đồng chiến đấu giữa công an và quân đội trong giai đoạn mới lại càng có ý nghĩa quan trọng nên đã được xây dựng thành cơ chế, với sự phân công chức năng, nhiệm vụ rõ ràng cho từng lực lượng. Thế trận an ninh nhân dân cũng được bố trí kết hợp chặt chẽ với thế trận quốc phòng toàn dân theo thế chiến lược chung cũng như ở từng địa bàn cụ thể.

*

* *

Sự nghiệp đổi mới của đất nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng và diễn ra trong bối cảnh quốc tế có những phức tạp với những thời cơ và thách thức mới. Các thế lực thù địch với nước ta tiếp tục thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", gây rối, phá hoại công cuộc xây dựng đất nước, gây bạo loạn, xóa bỏ sự lãnh đạo của

Digitized by Google

Đảng ta, lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa một cách ráo riết hơn, thâm độc xảo quyệt hơn. Tình hình trên biển Đông, biên giới cũng có nhiều biến động quan trọng. Trong nước cũng tồn tại các nguy cơ : tụt hậu xa hơn về kinh tế ; chệch hướng xã hội chủ nghĩa ; nạn tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác... Tất cả đòi hỏi lực lượng công an phải có nhiều nỗ lực hơn nữa trong nhiệm vụ của mình.

Nghị quyết Đại hội VII của Đảng đã nêu : "Giữ vững an ninh quốc gia, đảm bảo sự ổn định chính trị của đất nước, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động phá hoại của các loại thù địch và các loại tội phạm khác, giữ gìn trật tự xã hội, bảo vệ vững chắc những thành quả cách mạng, phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới là một nhiệm vụ trọng yếu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc." Đại hội cũng đề ra yêu cầu : "Xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch vững mạnh, xứng đáng là một lực lượng vũ trang xung kích trên mặt trận bảo vệ an ninh, trật tự."

Rõ ràng, nhiệm vụ và phương hướng xây dựng lực lượng công an trong giai đoạn mới phải đáp ứng được yêu cầu giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc những thành quả cách mạng, phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới, góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm cả vùng đất, vùng trời, vùng biển, vùng thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là một lực lượng vũ trang nòng cốt, xung kích trên mặt trận bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đủ sức đương đầu có hiệu quả với mọi âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch.

Trong việc xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ công an, chúng ta phải có những tính toán *khoa học, toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm.* Xây dựng lực lượng công an cần toàn diện cả về chính trị - tư tưởng và tổ chức, bảo đảm về cả phẩm chất lẫn năng lực. Gắn với nội dung, yêu cầu cải cách hành chính của Nhà nước để xác định đầy đủ, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của Công an nhân dân, sắp xếp lại tổ chức bộ máy cho tinh gọn, hợp lý, cải tiến chế độ công tác, cơ chế hiệp đồng, phối hợp với các lực lượng, các ngành, với quân đội. Phải kết hợp với phong trào cách mạng của quần chúng, với cuộc vận động học tập và thực hiện 6 lời Bác Hồ dạy Công an nhân dân mà xây dựng đội ngũ ; chấn chỉnh, hoàn thiện các khâu công tác cán bộ (từ tuyển dụng, đào tạo, quản lý, sử dụng, đến chính sách cán bộ).

Công an nhân dân là một tổ chức, lực lượng mang tính đặc thù. Đó vừa là một lực lượng vũ trang trọng yếu và công cụ chuyên chính sắc bén của Đảng và Nhà nước, vừa là cơ quan thi hành pháp luật và bảo vệ luật pháp. Hơn nữa, việc xây dựng lực lượng công an lại được tiến hành trong quá trình vận động giải quyết mâu thuẫn địch ta trong thời kỳ mở cửa, trong nền kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, cho nên cần phải hết sức tỉnh táo, thận trọng, chặt chẽ, sáng tạo, phù hợp với tinh thần đổi mới. Đây là những yêu cầu mới cần được nghiên cứu một cách nghiêm túc, toàn diện, để xây dựng Công an nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Xây dựng lực lượng Công an nhân dân vững mạnh về chính trị có ý nghĩa quan trọng hàng đầu, quyết định bản chất cách mạng của Công an nhân dân. Xây dựng lực lượng vững mạnh về chính trị là bảo đảm và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với công an, bảo đảm công an luôn là lực lượng tin cậy, trung thành của Đảng, là công cụ sắc bén của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa công an với nhân dân. Đồng thời, phải không ngừng nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh (nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế), củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Công an nhân dân.

Digitized by Google

Thường xuyên giáo dục chủ nghĩa Mác-Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp giáo dục truyền thống với tổ chức các phong trào hành động cách mạng cụ thể, thiết thực, mà hiệu quả cuối cùng là hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị. Hơn bao giờ hết, lực lượng công an phải quán triệt sâu sắc bản chất cách mạng, không mơ hồ, mất cảnh giác trước các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong Công an theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ trung tâm cấp bách để xây dựng lực lượng công an nhân dân vững mạnh về chính trị tư tưởng.

Nâng cao năng lực trí tuệ, năng lực lãnh đạo chỉ huy, năng lực hoạt động thực tiễn, trình độ lý luận, trình độ nghiệp vụ, pháp luật và các kiến thức cơ bản cần thiết khác, bảo đảm xây dựng lực lượng công an ngang tầm sự nghiệp đổi mới của đất nước, với nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới.

Xây dựng tổ chức của Công an phải theo nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, kết hợp quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ một cách phù hợp. Đồng thời, phải quán triệt Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) về cải cách một bước nền hành chính quốc gia, tăng cường chức năng quản lý nhà nước về công tác an ninh, trật tự.

Công an nhân dân có *hai* chức năng chủ yếu : quản lý nhà nước về lĩnh vực an ninh, trật tự ; và trực tiếp đấu tranh, chủ động điều tra phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý tội phạm và các vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự. Do đó, phải chuyển những nhiệm vụ không trực tiếp thuộc chức năng của Công an sang các ngành khác phù hợp hơn, nhất là ở cơ sở.

Bảo vệ an ninh, trật tự là một bộ phận của cuộc đấu tranh giai cấp, có liên quan đến sự tồn vong của chế độ. Nó là lĩnh vực chính trị, xã hội rộng lớn, gắn bó, đan xen với các lĩnh vực khác và liên quan đến lợi ích, uy tín, vai trò của quốc gia trong quan hệ quốc tế. Vì vậy, quản lý nhà nước về an ninh, trật tự phải được tập trung thống nhất, không thể chia cắt. Bộ nội vụ chịu trách nhiệm trước Bộ chính trị và Chính phủ về toàn bộ công tác an ninh, trật tự trong phạm vi cả nước.

Để phát huy sức mạnh tổng hợp tại chỗ, giải quyết kịp thời một số vấn đề về an ninh, trật tự của địa phương theo đúng pháp luật và sự chỉ đạo của Bộ nội vụ, cần giao cho UBND địa phương một số nhiệm vụ về quản lý an ninh, trật tự trên địa bàn lãnh thổ (như bảo vệ nội bộ, bảo vệ bí mật quốc gia, xây dựng thế trận an ninh nhân dân, trực tiếp giải quyết những tranh chấp trong nhân dân, các vụ gây rối phức tạp trong phạm vi hẹp ở địa phương, ban hành các quy định về giữ gìn trật tự công cộng, trật tự giao thông, phòng cháy, chữa cháy..., xử lý hành chính các vụ vi phạm về quản lý an ninh, trật tự).

Cần sớm hoàn thiện hệ thống pháp luật về lĩnh vực an ninh, trật tự. Đặc biệt, cần xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và công dân đối với sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự ; những quy định về tổ chức, biện pháp nghiệp vụ đặc biệt của lực lượng công an làm cơ sở cho Công an tiến hành bảo vệ an ninh, trật tự. Rà soát lại các thủ tục hành chính trên lĩnh vực quản lý an ninh, trật tự, loại bỏ những thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho nhân dân, phục vụ tốt cho yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, trước hết là các thủ tục về xuất nhập cảnh, đăng ký, quản lý các phương tiện giao thông, quản lý nhân khẩu hộ khẩu...

Tiếp tục nghiên cứu kiện toàn tổ chức bộ máy của Công an nhân dân thành lực lượng vũ trang mạnh, tinh, gọn, theo hướng tập trung, thống nhất, chuyên sâu, phù hợp với nhiệm vụ bảo vệ và yêu cầu đấu tranh với từng đối tượng, trên từng tuyến, khu vực, địa bàn, đủ khả năng tiến công sắc bén, có hiệu lực và hiệu quả hoạt động, chiến đấu cao.

Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ phù hợp với tiến trình đổi mới của đất nước,

Digitized by Google

với cải cách nền hành chính quốc gia và mở rộng quan hệ giao lưu quốc tế, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự trong tình hình mới. Xây dựng đội ngũ cán bộ công an với số lượng hợp lý, lấy việc nâng cao chất lượng làm cơ bản. Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn hóa cho từng chức danh, lấy đó làm cơ sở để đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ. Mỗi cán bộ, chiến sĩ phải thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của mình với tinh thần hăng say, sáng tạo, ý thức phục vụ nhân dân vô điều kiện.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ công an bao gồm nhiều yếu tố hợp thành. Cán bộ, chiến sĩ công an không những phải vững vàng về chính trị, biết làm công tác vận động quần chúng, tinh thông nghiệp vụ, nắm vững và vận dụng tốt pháp luật, mà còn phải có những kiến thức cần thiết về các ngành khoa học khác phục vụ cho yêu cầu công tác, nhất là về ngoại ngữ, tin học ...; đồng thời, còn phải có sức khỏe tốt.

Vấn đề cấp bách hiện nay là, phải tập trung bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực cho cán bộ, chiến sĩ. Cán bộ, chiến sĩ ở các lực lượng nghiệp vụ, chuyên môn phải được đào tạo một cách cơ bản, hệ thống. Coi trọng công tác đào tạo lại, đào tạo bổ sung những kiến thức mới phù hợp với từng chức danh. Chú trọng xây dựng đội ngũ lãnh đạo, chỉ huy có phẩm chất, năng lực, các cán bộ nghiệp vụ chuyên môn đầu đàn trên từng lĩnh vực công tác.

Tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, kiên quyết loại bỏ những cán bộ tha hóa, biến chất làm ảnh hưởng đến uy tín của lực lượng công an. Tuyển chọn những người ưu tú có đủ tiêu chuẩn và năng khiếu vào lực lượng công an. Nhà nước cần có chính sách ưu tiên để thu hút những người tài vào lực lượng công an, huy động các chuyên gia đầu đàn của các ngành hợp tác với lực lượng công an phục vụ yêu cầu bảo vệ an ninh, trật tự của đất nước.

Về việc bảo đảm trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật và bảo đảm đời sống cho cán bộ chiến sĩ trong lực lượng công an nhân dân. Việc trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật nghiệp vụ cho Công an nhân dân phải được coi là bộ phận quan trọng trong cấu thành tổ chức Công an nhân dân. Điều này càng bức thiết trong điều kiện khoa học, kỹ thuật và công nghệ phát triển và giao lưu quốc tế mở rộng.

Căn cứ vào đặc điểm tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế mới, cần phát huy cao độ tinh thần tự lực tự cường, đồng thời, nghiên cứu, từng bước mở rộng quan hệ hợp tác với các nước khác theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng, bảo đảm về lâu dài việc trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật để công an Việt nam không tụt hậu hơn so với lực lượng an ninh, cảnh sát các nước trong khu vực. Việc trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật cho công an phụ thuộc nhiều vào sự phát triển của nền kinh tế đất nước, song cần ưu tiên mua sắm những phương tiện kỹ thuật hiện đại, thực sự cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Chúng ta phải có quan điểm mới trong việc xây dựng và thực hiện chính sách, chế độ đãi ngộ trong công an xuất phát từ việc thừa nhận đặc trưng lao động của công an, một loại lao động đặc biệt. Lao động đó không chỉ đòi hỏi về sức lực, trí tuệ, mà còn đòi hỏi hy sinh xương máu khi cần thiết. Chính sách, chế độ đãi ngộ phải bảo đảm cuộc sống của cán bộ, chiến sĩ và gia đình họ (theo mô hình gia đình mới) để họ yên tâm công tác, chiến đấu. Mặt khác, phải quan tâm hơn đối với các lực lượng đặc thù, công tác ở nơi xa xôi hẻo lánh, độc hại, nặng nhọc... Có chính sách phù hợp cho các đồng chí thương binh, gia đình liệt sĩ. Đối với lực lượng cộng tác viên, cũng cần có chế độ đãi ngộ thích đáng và được pháp luật bảo vệ.

Làm tốt những việc trên đây chúng ta sẽ xây dựng được Công an nhân dân xứng đáng là một lực lượng nòng cốt, xung kích trên mặt trận bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, từng bước tiến lên chính quy, hiện đại, phục vụ đắc lực sự nghiệp đổi mới, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta ❑

Digitized by Google

XÂY ĐỰNG BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG TRONG SỰ NGHIỆP QUẢN LÝ, BẢO VỆ BIÊN GIỚI TỔ QUỐC

TRỊNH TRÂN *

CÔNG an nhân dân vũ trang (nay là *Bộ đội biên phòng*) là một lực lượng vũ trang cách mạng, một thành phần của lực lượng Công an nhân dân, là lực lượng chuyên trách nòng cốt của toàn dân làm nhiệm vụ quản lý, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ và giữ gìn an ninh, trật tự, vùng biên giới, biển - đảo của Tổ quốc. Trải qua quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, lớp lớp cán bộ, chiến sĩ qua nhiều thế hệ đã vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ, hy sinh, ra sức học tập và làm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ nặng nề mà Đảng, Nhà nước và nhân dân đã giao cho.

Biên giới, vùng biển - hải đảo, là những nơi địa hình hiểm yếu, thời tiết khí hậu khắc nghiệt, tình hình kinh tế chậm phát triển, giao thông liên lạc chưa được mở mang, nên kẻ thù luôn luôn nhòm ngó, móc nối với bọn phản động trong nước để xâm nhập, phá hoại và làm căn cứ, bàn đạp tấn công xâm lược nước ta. Mặt khác, những vùng này là tiền tiêu, tuyến đầu bảo vệ Tổ quốc, là cửa ngõ giao lưu với thế giới và các nước láng giềng, là nơi cư trú của đồng bào các dân tộc ít người, và cũng là nơi tài nguyên phong phú với ý nghĩa "tiền rừng, bạc biển", giàu tiềm năng phục vụ xây dựng đất nước. Vì vậy, biên giới, vùng biển - hải đảo là địa bàn trọng yếu về chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Được giao trọng trách bảo vệ và xây dựng những vùng này, lực lượng bộ đội biên phòng đã có nhiều thành tích trên những bước đi vững chắc của mình :

Ngay từ khi vừa mới thành lập (tháng 3-1959) cán bộ, chiến sĩ bộ đội biên phòng đã trèo đèo, lội suối, ngược lên biên giới, tiến ra hải đảo, vừa triển khai các đồn trạm biên phòng, vừa triển khai ngay cuộc vận động nhân dân các dân tộc thực hiện cải cách dân chủ ở miền núi, giác ngộ nhân dân tham gia đấu tranh tiễu trừ thổ phỉ, đập tan âm mưu của bọn phản động tuyên truyền xưng vua, gây bạo loạn ; truy quét các bọn gián điệp, biệt kích của thực dân Pháp cài cắm lại.

Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, bộ đội biên phòng đã sát cánh cùng toàn quân, toàn dân, đập tan âm mưu của Mỹ - ngụy tung gián điệp, biệt kích qua đường bộ, đường biển và đường không ra miền Bắc ; chủ động trấn áp các bọn tội phạm, đánh diệt máy bay, tàu chiến, chống chiến tranh phá hoại của Mỹ-ngụy, giữ vững an ninh trật tự biên giới, vùng biển - đảo của miền Bắc, bảo vệ đường vận chuyển chi viện cho cách mạng miền Nam.

Ở miền Nam, bộ đội biên phòng đã sát cánh cùng các lực lượng an ninh giải phóng, chiến đấu chống địch truy quét, đánh phá, bảo vệ an toàn cơ quan đầu não, luồn sâu diệt ác trừ gian bảo vệ cơ sở cách mạng, phá ấp chiến lược giải phóng nhân dân, cùng với toàn quân, toàn dân giải phóng hoàn toàn miền Nam và nhanh chóng triển khai lực lượng truy quét tàn quân, bảo vệ

* Trung tướng, Tư lệnh Bộ đội biên phòng

Digitized by Google

biên giới, vùng biển - hải đảo ở vùng mới giải phóng.

Tuy đất nước đã được hoàn toàn giải phóng, nhưng Bộ đội biên phòng chưa một phút nghỉ ngơi vì sự bình yên của biên giới và vùng biển. Cán bộ, chiến sĩ Bộ đội biên phòng đã cùng toàn quân và toàn dân anh dũng chiến đấu bảo vệ biên giới, đánh bại chiến tranh xâm lược của các thế lực thù địch ở biên giới Tây-Nam và biên giới phía Bắc, làm tròn nhiệm vụ quốc tế, góp phần ổn định an ninh khu vực.

Bước vào công cuộc đổi mới, đất nước có nhiều thay đổi. Sự mở mang kinh tế, xã hội và quan hệ mở cửa với thế giới đã tạo cho ta nhiều điều kiện thuận lợi, song cũng không ít khó khăn mới nảy sinh. Lợi dụng sự mở cửa của Nhà nước ta, kẻ địch thường xuyên móc nối, gây rối vùng biên giới, vùng biển và hải đảo của ta hòng làm suy yếu ta, ngăn chặn bước đi lên của dân tộc ta. Bộ đội biên phòng đã kịp thời đổi mới chủ trương, chính sách, biện pháp công tác, nhằm phục vụ công cuộc phát triển kinh tế-xã hội và thực hiện chính sách đối ngoại, xây dựng biên giới hòa bình hữu nghị với các nước láng giềng, tham gia thực hiện các chương trình kinh tế-xã hội, giải quyết những vấn đề cấp bách về đời sống của nhân dân các dân tộc biên giới. Từng bước tổ chức giáo dục nhân dân các dân tộc vùng biên giới, hải đảo đấu tranh chống âm mưu diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch và đấu tranh bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, góp phần giữ vững ổn định chính trị đất nước.

Trải qua những năm tháng chiến đấu liên tục và kiên cường, bộ đội biên phòng đã xây dựng nên truyền thống vẻ vang "tận trung với Đảng, tận hiếu với dân, kiên quyết vượt qua mọi khó khăn gian khổ, chiến đấu dũng cảm mưu trí, đấu tranh bền bỉ, sắc bén, công tác tận tụy sáng tạo, quyết đánh thắng mọi kẻ thù, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, vì sự nghiệp bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới của Tổ quốc", làm chủ một dải biên giới quốc gia với chiều dài gần 5000 km và với diện tích đất liền và vùng biển-hải đảo rộng khoảng một triệu km^2. Lực lượng bộ đội biên phòng đã được Đảng và Nhà nước ta tuyên dương là tập thể anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, và được trao thưởng nhiều huân chương cao quý.

Thời gian tới, nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới và vùng biển của Tổ quốc càng trở nên quan trọng. Tình hình thế giới và khu vực còn đang tiếp tục diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch trong và ngoài nước đang ráo riết thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" và bạo loạn lật đổ, hòng xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ trên các tuyến biên giới còn đang diễn ra hết sức phức tạp, lâu dài, nhất là cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền vùng biển - hải đảo càng trở nên khẩn trương. Cuộc đấu tranh chống các tội phạm kinh tế, hình sự, chống buôn lậu qua biên giới và trên biển, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và chống các tệ nạn xã hội cũng đang là vấn đề bức xúc, phức tạp trên nhiều mặt.

Đứng trước yêu cầu nhiệm vụ mới đặt ra, Bộ đội biên phòng cần quán triệt sâu sắc nhiệm vụ, phân tích đánh giá hết những thuận lợi, khó khăn, dự kiến những chiều hướng phát triển và tình huống xấu có thể xảy ra, để tiếp tục đổi mới công tác biên phòng và tổ chức chiến đấu, chủ động trong mọi tình huống.

Thứ nhất, ra sức phát huy những truyền thống tốt đẹp và kinh nghiệm trong những năm qua, tăng cường xây dựng bộ đội biên phòng vững mạnh, cách mạng, chính quy, hiện đại, có chất lượng cao và tổ chức hợp lý. Cán bộ chiến sĩ được huấn luyện đào tạo chu đáo, vừa bảo đảm bản lĩnh chính trị vững vàng, tin cậy ; vừa tinh thông về quân sự và nghiệp vụ ; giỏi về đảm bảo an ninh, đối ngoại, vận động quần chúng ;

Digitized by Google

nắm vững đường lối chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các luật lệ quốc tế, để có thể đảm đương tốt vai trò nòng cốt của toàn dân trong nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới, vùng biển - đảo của Tổ quốc.

Bộ đội biên phòng phải gắn bó máu thịt với nhân dân các dân tộc trên biên giới, biển - đảo, giữ vững lòng dân và khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân, xây dựng phong trào quần chúng vững mạnh bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới của Tổ quốc. Bộ đội biên phòng phải tích cực tham gia cùng địa phương vận động quần chúng thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi và biển - đảo ; ra sức góp phần phát huy dân chủ, cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, giải quyết những vấn đề cấp bách về đời sống, các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, xây dựng cơ sở chính trị ở xã, bản vững mạnh.

Thứ hai, kết hợp chặt chẽ kinh tế với an ninh - quốc phòng và an ninh - quốc phòng với kinh tế. Công tác biên phòng phải bảo vệ chủ quyền toàn vẹn về lãnh thổ, kinh tế, văn hóa và lợi ích quốc gia, tài nguyên môi trường và tạo thuận lợi cho các hoạt động xuất nhập cảnh, đầu tư, hợp tác kinh tế với nước ngoài. Mọi hoạt động kinh tế phải bảo đảm chủ quyền và an ninh đất nước và giữ kỷ cương phép nước, không làm thiệt hại đến lợi ích quốc gia.

Thứ ba, kiên quyết bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia, chống các hành vi từ bên ngoài xâm phạm chủ quyền và lấn chiếm lãnh thổ. Phát động phong trào quần chúng tấn công tội phạm, giữ gìn an ninh, trật tự biên giới quốc gia. Giữ vững an ninh bên trong, nhất là các vùng dân tộc, tôn giáo, đấu tranh có hiệu quả không để các lực lượng thù địch móc nối với bọn phản động trong nước, xâm nhập phá hoại, gây rối an ninh, gây bạo loạn vùng biên giới, biển hải đảo. Kiên trì xây dựng biên giới hòa bình hữu nghị, đồng thời cảnh giác, ngăn chặn các thế lực thù địch gây tình hình phức tạp trong quan hệ biên giới với các nước.

Thứ tư, ra sức xây dựng nền biên phòng toàn dân trên cơ sở thế trận lòng dân, kết hợp chặt chẽ các lực lượng bộ đội biên phòng, quân đội, công an, dân quân tự vệ, kiểm lâm, hải quan, thuế quan v.v. thành một lực lượng tổng hợp có sức chiến đấu cao, bảo vệ vững chắc biên giới, biển hải đảo của Tổ quốc.

Trước mắt, Bộ đội biên phòng còn một số khó khăn : hệ thống pháp luật làm cơ sở cho việc tăng cường quản lý nhà nước đối với biên giới quốc gia chưa được ban hành ; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trước hết là đường sá giao thông, xây dựng phát triển kinh tế, nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc vùng biên giới và biển - đảo còn thấp ; đầu tư cho bộ đội biên phòng, trang bị phương tiện kỹ thuật chiến đấu, thông tin liên lạc, tàu thuyền tuần tra kiểm soát trên biển còn hạn chế ; đời sống tinh thần, vật chất của cán bộ, chiến sĩ biên phòng còn nhiều thiếu thốn... Nhưng, được sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý điều hành của Nhà nước thống nhất trên cả nước đối với biên giới quốc gia, lại được sự chăm lo mọi mặt của toàn dân, nhất định Bộ đội biên phòng sẽ vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình ❑

Digitized by Google

MỐI QUAN HỆ GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ LẠM PHÁT

CAO SỸ KIÊM *

NỀN kinh tế hàng hóa phát triển có tính chu kỳ và khoảng cách giữa các chu kỳ phát triển của nó bị chi phối bởi những động thái của tăng trưởng kinh tế và lạm phát. Sự biến đổi về tốc độ tăng trưởng kinh tế và lạm phát có quan hệ mật thiết với nhau. Lạm phát làm thay đổi nhịp độ tăng trưởng kinh tế và qua đó, ảnh hưởng lớn đến vấn đề việc làm của người lao động. Từ trước đến nay đã có nhiều học thuyết kinh tế đề cập nhiều góc độ khác nhau liên quan đến lạm phát, mà *xét đến cùng*, cũng là để giải quyết *mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát* là hai vấn đề cốt lõi của kinh tế học vĩ mô.

Tăng trưởng kinh tế thì nâng cao được mức sống của các tầng lớp dân cư (biểu hiện ở mức tăng GDP bình quân theo đầu người), tạo cho họ đủ công ăn việc làm để có thể đóng góp tài năng, sức lực cho xã hội và hưởng thụ xứng đáng thành quả lao động của mình. Còn *lạm phát* thì như một nỗi ám ảnh đáng sợ trong dân chúng, nhất là ở những người sống nhờ vào đồng lương hay các khoản tiết kiệm có hạn. Lạm phát cùng tồn tại với nền sản xuất hàng hóa. Giữa tăng trưởng và lạm phát có mối quan hệ chế ước lẫn nhau, và chỉ ở mức nhất định lạm phát mới thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đó cũng là biểu hiện tập trung nhất về những mặt cân đối *vĩ mô* của nền kinh tế : cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa tiết kiệm và đầu tư, giữa thu chi ngân sách, thanh toán quốc tế... Thực tế cho thấy, chỉ một trong những mặt cân đối này bị vi phạm sẽ ảnh hưởng đến toàn hệ thống cân đối vĩ mô của nền kinh tế và do đó, mối quan hệ giữa tăng trưởng và lạm phát cũng lập tức "trục trặc". Khi đó, *hoặc là* lạm phát **gia tăng** (hậu quả của đầu tư quá mức, hiệu quả thấp, lãng phí vốn, giá cả tăng, "cầu" có khả năng thanh toán giảm sút, tốc độ sản xuất chậm lại, nảy sinh nạn thất nghiệp) ; *hoặc là* lạm phát **quá thấp**, còn gọi là **thiểu phát** (hậu quả của đầu tư trong nước giảm sút, một phần vốn đáng kể di chuyển ra bên ngoài hoặc rút về tích trữ, sản xuất và lưu thông đình trệ, thất nghiệp gia tăng). Cả 2 trường hợp đều ảnh hưởng đến nhịp độ tăng trưởng.

Trường hợp *thứ nhất*, khi đầu tư tăng quá sức chịu đựng của nền kinh tế (cả về nguồn vốn và khả năng tiêu thụ vốn), lạm phát gia tăng, sẽ làm cho nền kinh tế phát triển quá "nóng", khó tránh khỏi lâm vào tình trạng khủng hoảng ngay sau đó ; một khi khủng hoảng nổ ra thì nhịp độ tăng trưởng ắt phải giảm, thậm chí xuống dưới mức số "0". Trường hợp này đã diễn ra ở một số nước Đông Âu (tăng trưởng kinh tế "âm") và ở Trung quốc trong thời gian gần đây (tăng trưởng giảm, lạm phát tăng). Trường hợp *thứ hai* thì khó nhận biết tác hại của lạm phát hơn, vì lạm phát thấp thì giá cả hàng hóa thường tương đối ổn định, nhưng sản xuất và lưu thông sẽ trì trệ, đầu tư giảm sút, mặc dù lãi suất ngân hàng đã giảm thấp hết mức. Trường hợp này, ngay cả một số nước công nghiệp phát triển cao như Nhật bản và Tây Âu cũng có lúc vấp phải.

Trong nền kinh tế thị trường, khi sức lao động trở thành hàng hóa, thì "cầu" về sức lao động luôn có xu hướng thấp hơn khả năng "cung" (do những biến đổi chu kỳ về cơ cấu sản xuất, sự đổi mới công nghệ và kỹ thuật...).

---

* PTS kinh tế. Ủy viên Trung ương Đảng. Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt nam

Digitized by Google

Bởi vậy, ngay cả khi sản xuất phát triển, kinh tế tăng trưởng, vẫn luôn có một bộ phận lao động bị thất nghiệp. Thất nghiệp sẽ càng tăng khi sản xuất bị đình trệ, và chỉ giảm khi sản xuất hồi phục, kinh tế tăng trưởng. Chính vì vậy, sự can thiệp của nhà nước để chủ động điều chỉnh mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát, ngày càng trở nên hết sức quan trọng trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế theo cơ chế thị trường.

Trước cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929-1933, các nước tư bản chủ nghĩa đều tin vào "bàn tay vô hình", một cơ chế tự điều chỉnh của thị trường. Trong điều kiện đó, mối quan hệ giữa nhịp độ tăng trưởng kinh tế và lạm phát hoàn toàn do thị trường chi phối. Hầu như mọi nền kinh tế thị trường đều đã trải qua các giai đoạn phát triển đáng ghi nhớ : lạm phát tăng nhẹ - kinh tế tăng trưởng ; lạm phát tăng quá mức - tăng trưởng chậm lại ; lạm phát giảm - tăng trưởng nhanh; lạm phát giảm liên tục - tăng trưởng không bao nhiêu... Người ta cho rằng, đối với từng nước ở vào mỗi giai đoạn phát triển cụ thể, cần có tỷ lệ lạm phát *thích ứng*, phù hợp với nhịp độ tăng trưởng. Với một nền kinh tế được liên kết chặt chẽ bởi các quan hệ thị trường thế giới thì cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929-1933 rốt cuộc đã làm nhiều chính phủ không còn tin vào cơ chế tự điều chỉnh của thị trường. Họ tìm cách can thiệp vào quá trình này để tự tìm lời giải tối ưu cho bài toán về xác lập quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát. Lý thuyết điều chỉnh chu kỳ phát triển kinh tế của Kê-in-xơ (Keynes) ra đời năm 1937 đã giúp chính phủ các nước tư bản chủ nghĩa chủ động dùng "bàn tay công cộng" của mình để can thiệp thay cho "bàn tay vô hình" của thị trường, nhằm tạo sự ổn định vĩ mô trong mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát. Tuy nhiên, lý thuyết điều tiết Kê-in-xơ càng ngày càng chứng tỏ chỉ là liều thuốc giảm đau chứ không thể là cứu cánh cho nền kinh tế tư bản chủ nghĩa có mâu thuẫn sâu sắc trong lòng nó.

Trải qua nhiều thập kỷ, các nước đã rút ra được *bốn mục tiêu cơ bản của chính sách kinh tế* nhằm điều chỉnh chu kỳ phát triển kinh tế, xác lập mối quan hệ hài hòa giữa tăng trưởng và lạm phát :

Một là, ổn định mức giá cả với hệ số tăng giá ở mức thấp khoảng 1-3%/năm, nghĩa là lạm phát luôn được kiềm chế ;

Hai là, mức độ có công ăn việc làm cao với tỷ lệ thất nghiệp bình quân dưới 4% ;

Ba là, sự tăng trưởng kinh tế liên tục và hợp lý với việc tận dụng tối đa tiềm năng sản xuất về vốn, lao động, đất đai..., không để nền kinh tế vận động quá "nóng" hoặc quá đình đốn, bảo đảm duy trì tỷ lệ tăng trưởng thực tế hằng năm 3% - 5% ;

Bốn là, hoạt động kinh tế đối ngoại luôn bảo đảm sự cân bằng và có số dư trong cán cân thanh toán bằng khoảng 2% - 3% tổng sản phẩm quốc gia (GNP).

Các mục tiêu tổng hợp này được coi là "tứ giác thần kỳ", bởi vì phải có trình độ và nghệ thuật quản lý cao mới đạt được. Thông thường, một chính sách nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế (như gia tăng đầu tư, khuyến khích tiêu dùng, nới rộng chi phí sản xuất) thường cản trở việc thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát ; hoặc ngược lại, khống chế được lạm phát (khống chế đầu tư, thắt chặt tiền tệ, hạn chế tiêu dùng) thì nhịp độ tăng trưởng lại bị kìm hãm. Nói chung, trạng thái "tứ giác thần kỳ" nêu trên chỉ phù hợp với hoàn cảnh các nước công nghiệp phát triển ; nó chưa thích hợp với hoàn cảnh các nước đang phát triển trong giai đoạn toàn cầu hóa về kinh tế hiện nay. Trong báo cáo *Triển vọng phát triển của châu Á trong 2 năm 1995 và 1996*, Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) nhận định rằng : trong 2 năm tới, các nền kinh tế ở châu Á vốn đang phát đạt sẽ tiếp tục phát triển nhanh hơn so với ở các khu vực khác trên thế giới. Toàn cầu sẽ chỉ đạt tỷ lệ tăng trưởng bình quân mỗi năm 3%. Riêng châu Á đạt 7,6% năm 1995, và 7,4% năm 1996. Đông - Nam Á sẽ tăng trưởng 7,5% năm 1995. Nước duy nhất có mức tăng trưởng chậm là Phi-líp-pin (năm 1995 nước này ước chỉ đạt 5%, trong khi Ma-lai-xi-a đạt 8,5%, Thái Lan 8,6%, Xin-ga-po 9% và In-đô-nê-xi-a 7,1%). Các nền kinh tế của Đông - Nam Á mà ADB mô tả đang trong thời kỳ quá độ, như Cam-pu-chia, Việt nam và Lào, có triển vọng đạt tỷ lệ tăng trưởng 9% năm 1996. Kết luận nghiên cứu của ADB là có cơ sở hiện thực.

Digitized by Google

Trong mấy năm qua, nền kinh tế Việt nam đã khởi sắc là nhờ kinh tế tăng trưởng cao trong khi lạm phát bị đẩy lùi và bị khống chế ở mức hợp lý. Điều này có vẻ trái ngược với tình hình ở một số quốc gia khi chống lạm phát thường làm kinh tế bị suy thoái. Tuy nhiên, nếu phân tích kỹ hơn thì không hẳn như vậy. Chẳng hạn năm 1993 là năm có tỷ lệ dành cho đầu tư và tỷ lệ tiết kiệm trong GDP cao hơn hẳn so với các năm trước. Đó cũng là năm lạm phát giảm xuống mức thấp nhất so với các năm (còn có 5,3%). Vậy thì vì sao mức tăng trưởng kinh tế năm đó không tăng mà lại tụt xuống còn có 8,1%? Phải chăng đầu tư nước ngoài tăng, dư nợ nước ngoài lớn, nhưng không có hiệu quả mấy do tiềm năng trong nước đã bị khai thác hết ? Không phải, bởi lẽ cho đến năm 1993, ta mới thực sự có đầu tư lớn từ nước ngoài, và đầu tư lớn này cũng phải có thời gian mới thu được hiệu quả. Vậy thì vì sao ? Đó là do lúc này, lợi thế ban đầu do công cuộc đổi mới kinh tế và chống lạm phát thành công, đã giảm tác dụng. Bên cạnh đó, lại nảy sinh một số vấn đề mới :

+ *Nợ nước ngoài gia tăng.* So với cuối năm 1991, cuối năm 1994 nợ nước ngoài (gồm cả số nợ cũ bằng đồng rúp chuyển nhượng trong quan hệ thương mại với các nước xã hội chủ nghĩa trước đây) đã tăng hơn 113%, chiếm hơn 60% GDP, điều này rõ ràng bất lợi cho nước ta khi đang muốn chen chân vào thị trường vốn thế giới.

+ *Lạm phát giảm trong điều kiện nhập siêu vốn nước ngoài* (chủ yếu vốn là vay nợ), *làm cho đồng tiền Việt nam có xu hướng lên giá so với một số đồng tiền khác, không lợi cho việc khuyến khích đẩy mạnh xuất khẩu và thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài.* Trong khi đó sản xuất trong nước lại bị chèn ép, cạnh tranh mạnh bởi hàng ngoại nhập, nhất là hàng nhập lậu. Năm 1992, tỷ lệ hàng tích lũy phải nhập lên tới 63,7% và tỷ lệ sản phẩm trung gian dùng trong sản xuất phải nhập lên tới 25%. Kết quả là cán cân thương mại tiếp tục thâm hụt. Trong điều kiện đó, việc kinh tế tăng trưởng cao tất sẽ kích thích lạm phát gia tăng (như năm 1994) và gây không ít khó khăn cho việc duy trì thành quả đạt được. Đó là chưa kể hiện nay tỷ lệ người chưa có việc làm ở Việt nam còn khá cao so với một số nước trong khu vực châu Á : chiếm tới 6-7% lực lượng lao động xã hội.

Sự phân tích trên đây cho thấy, bước sang giai đoạn mới, chúng ta phải tiếp tục giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát. Cụ thể là, phải tiếp tục kiềm chế lạm phát để duy trì nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Kinh nghiệm năm 1994 cho thấy : lạm phát tăng, chủ yếu do khâu cung ứng hàng hóa trong đó lương thực chiếm phần quan trọng (giá tăng kéo theo tiền tăng). Trong thời gian dài, giá lương thực ở mức thấp so với giá các mặt hàng khác. Do đó, giá lương thực tăng ở chừng mực nhất định, cũng là hợp lý và phản ảnh đúng thực tế.

Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình chuyển đổi với nhiều bất ổn gắn với nó, nên mức lạm phát có thể "trượt" quá mức dự kiến hằng năm. Mức lạm phát như năm 1994, tuy cao hơn mức kế hoạch đã định, nhưng có những yếu tố có thể chấp nhận được. Cũng do vậy, thực tế đã nảy sinh không ít ý kiến từ nhiều chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước cho rằng cần phải xác lập *một tỷ lệ nhất định* giữa *tăng trưởng kinh tế* và *lạm phát.* Có ý kiến cho tăng trưởng 1 thì lạm phát có thể phải là 1,5 - 1,8 (như kinh nghiệm ở một số nước). Có ý kiến khác lại cho phải kiềm chế lạm phát ở mức thấp, ổn định giá cả để kinh tế có thể phát triển, dù phát triển với nhịp độ thấp nhưng ổn định lâu dài (như kinh nghiệm ở một số nước công nghiệp mới : từ năm 1965 đến nay, mức tăng trưởng kinh tế bình quân năm là 5,5%, còn mức lạm phát năm khoảng 3 - 5%). Nhưng cũng có ý kiến ngược lại cho rằng, cứ thả nổi đồng tiền (khuyến khích lạm phát) thì mới tạo điều kiện cho nền kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ.

Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình chuyển dịch cơ cấu và xuất phát từ "mức sàn" rất thấp so với các nước khác. Vì vậy, để khỏi tụt hậu, nền kinh tế nước ta trong những năm tới (thậm chí vài thập kỷ tới) phải tăng trưởng ở mức cao. Trạng thái này nhiều chuyên gia kinh tế gọi là giai đoạn "cất cánh" hay giai đoạn "hóa rồng", như ở một số nước cùng khu vực trước đây. Muốn đạt được điều đó, theo kinh nghiệm của các nước đang phát triển và sự đúc rút bài học của năm 1994,

Digitized by Google

Việt nam có thể phải duy trì tỷ lệ lạm phát cao hơn mức tăng trưởng kinh tế một chút trong vài năm đầu, sau đó sẽ kéo dần xuống.

Việc "neo" lạm phát ở mức thấp để giữ cho kinh tế phát triển như hiện nay là khó, do đó cần cân nhắc và xử lý thận trọng, kết hợp nhiều giải pháp đồng bộ, có hiệu lực. Tuy nhiên, chúng ta không thả nổi hoàn toàn lạm phát, mà duy trì tỷ lệ lạm phát ở mức hợp lý và có thể kiểm soát được để làm cơ sở cho việc hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ hằng năm nhằm giải quyết cùng lúc hai mục tiêu là ổn định tiền tệ và bảo đảm tăng trưởng kinh tế ở mức cao liên tục, lâu dài. Một chuyên gia tài chính - tiền tệ ở *Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế* của 24 nước công nghiệp phát triển cho rằng, đối với những nước đang phát triển, kéo lạm phát xuống quá thấp sẽ kìm hãm nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Đối với Việt nam, để có nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao, kiềm chế lạm phát ở mức xấp xỉ 10% là thích hợp. Bởi vậy, chúng ta chỉ có *hai* hướng : *một là*, phấn đấu để kéo tỷ lệ lạm phát xuống *bằng* hoặc *dưới* mức năm 1994 một chút (định hướng của kỳ họp Quốc hội tháng 10/1994 là trên dưới 10%) ; *hai là*, nâng tốc độ tăng trưởng kinh tế lên mức 2 con số, đồng thời tiếp tục kiềm chế lạm phát, đưa tỷ lệ lạm phát hiện nay về mức phù hợp. Đương nhiên, cả hai hướng vừa nêu đều phải tính đến việc kiềm chế lạm phát, bảo đảm cho sự phát triển kinh tế cả trước mắt lẫn lâu dài.

Căn cứ vào mức tăng trưởng kinh tế một số năm gần đây, có thể thấy khả năng đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế lên 2 con số không phải là điều quá xa vời đối với Việt nam. Trong trường hợp này, cần xác định cơ sở bảo đảm cho việc tăng trưởng kinh tế ở mức 2 con số. Từ đó, tìm giải pháp khống chế lạm phát gắn liền với việc bảo đảm cơ sở cho sự tăng trưởng này.

Theo tính toán của nhiều chuyên gia trong và ngoài nước, nếu tỷ lệ tăng dân số bình quân năm của Việt nam ở mức 1,7% - 1,8%, thì để có mức tăng trưởng kinh tế hai con số, với hệ số ICOR * từ 2,5 đến 3 (là mức sử dụng vốn thuộc loại trung bình khá ở Việt nam), thì tổng mức vốn đầu tư ở nước ta trong khoảng thời gian từ năm 1990 đến năm 2000, ít nhất phải là 65 tỉ USD, cũng có nghĩa : bình quân mỗi năm ta cần 6-7 tỉ USD cho đầu tư phát triển. Số vốn này chỉ có được từ hai nguồn : từ nội bộ nền kinh tế và từ bên ngoài. Vốn từ nội bộ nền kinh tế được xác định là đóng vai trò quyết định ; còn vốn từ bên ngoài được coi là rất quan trọng để "bẩy nhanh" nền kinh tế. Thực tế cho thấy, vốn trong dân (ước tính hằng năm khoảng 20-30 ngàn tỉ đồng) huy động còn rất khó khăn (mới chỉ được khoảng 1/2). Tính gộp tất cả các khoản đầu tư trực tiếp của nước ngoài, viện trợ phát triển chính thức và tín dụng dài hạn quốc tế bình quân trong 4 năm (từ năm 1990) thì nguồn vốn đầu tư phát triển chưa năm nào vượt quá mức 50% số vốn cần thiết. Về GDP bình quân đầu người, so sánh mức hiện nay của nước ta với mức một số nước châu Á - Thái bình dương đã đạt hoặc dự kiến năm 2000 sẽ đạt (khoảng 1500 - 2000 USD), chúng ta thấy khoảng cách khá xa. Để rút ngắn khoảng cách này và đuổi kịp các nước trong khu vực, cứ 10 năm nước ta phải tăng gấp đôi mức GDP bình quân đầu người.

Điều này đòi hỏi sự chịu đựng gian khổ, sự cần kiệm trong tiêu dùng của xã hội và cá nhân. Nếu không có vốn tích lũy trong nước thì chỉ còn cách đi vay hoặc nhận đầu tư của nước ngoài, và như thế dễ lâm vào cảnh nợ chồng nợ (hay *nhập siêu vốn*), chứa đựng những khó khăn rất lớn. Trong lịch sử kinh tế, chưa có nước nào có thể phát triển được chỉ bằng cách nhập siêu vốn, tức là hoàn toàn dựa vào vốn nước ngoài. Mọi hình thức viện trợ phát triển, thực chất là viện trợ cho chính bản thân các nước đã phát triển. Cộng hòa liên bang Đức và Nhật bản sau chiến tranh thế giới thứ hai, cũng như các nước công nghiệp mới (NICs) thuộc Đông Á, là những ví dụ điển hình về việc tạo vốn bên trong, dựa vào quá trình phát triển thu nhập cho mình. Còn các nước thuộc châu Mỹ la tinh thì là những ví dụ cảnh tỉnh về sự trì trệ do nhập siêu vốn. Kinh nghiệm quốc tế còn cho thấy, để vay hoặc tiếp nhận 1 đô la nước

(Xem tiếp trang 18)

* Hệ số biểu thị số đồng vốn đầu tư cần thiết để GDP tăng thêm 1 đồng. ICOR là từ viết tắt của nhóm từ tiếng Anh *Investment Capital and Output Rate*, dịch sang tiếng Việt là *tỷ lệ vốn đầu tư và sản lượng*.

Digitized by Google

LẠM PHÁT Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

TRẦN HỖ *

TRONG những tháng đầu năm 1995 giá các hàng hóa như lương thực, thực phẩm, giấy... tăng cao so với năm 1994. Đặc biệt là giá xi măng, một loại vật liệu xây dựng đầu vị, trong một thời gian ngắn đã tăng vọt với tốc độ chưa từng thấy trên thị trường nước ta.

Tính đến tháng 6-1995, chỉ số vật giá đã ở mức 11,4%, cứ theo đà này, đến hết năm nay, theo dự đoán của nhiều nhà kinh tế, nó có thể lên tới mức 18-19%, vượt mức năm 1994, và vượt rất xa mức năm 1993. Theo chiều hướng này, lạm phát sẽ tác động không tốt đến sự tăng trưởng kinh tế ở nước ta. Tuy nhiên, không loại trừ một vài trường hợp ngoại lệ trong lịch sử, trước đây người ta đã từng ngạc nhiên khi thấy nền kinh tế Bra-xin và I-xra-en phát triển nhanh ngay cả khi giá cả tăng theo kiểu phi mã.

Về lạm phát ở nước ta, chúng ta cần thấy rõ sự khác nhau giữa giai đoạn trước kia và hiện nay. Từ năm 1988 về trước, lạm phát là do khủng hoảng kinh tế, kết quả của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, dẫn đến rối loạn về giá cả và tiền tệ. Cuộc đổi tiền vào tháng 9-1985 đánh dấu đỉnh cao về khủng hoảng trong lưu thông tiền tệ lúc bấy giờ. Những đợt cải cách về phân phối, lưu thông cho tới năm 1988 tuy chưa thành công, nhưng đã cung cấp cho ta nhiều bài học quý giá cho sau này.

Lạm phát ở nước ta hiện nay diễn ra trong *bối cảnh đáng chú ý* của thời kỳ phát triển mới :

Một là, *mâu thuẫn giữa yêu cầu về phát triển kinh tế với khả năng thực tế của đất nước.* Đây là mâu thuẫn của thời kỳ phát triển mới ở nước ta. Mâu thuẫn này biểu hiện qua cung cầu và giá cả trong nền kinh tế. Mức cung, như ta biết, được đáp ứng qua các loại vốn : vốn vay tín dụng ở trong và ngoài nước ; vốn viện trợ ; vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài ; vốn ngoại tệ thu được qua bán dầu khí và một số hàng hóa khác. Từ các nguồn trên, cung về tiền tệ bao gồm cả ngoại tệ tương đối lớn. Mặt khác, cùng với việc đầu tư phát triển kinh tế với nhịp độ nhanh, nhà nước và các doanh nghiệp chi ra những khoản tiền rất lớn, sức mua của nhân dân cũng tăng lên đáng kể. Như vậy, cùng với *cung* về vốn bằng tiền tăng, *cầu* về tiền cũng tăng. Mà mức cung và cầu về tiền đã tăng thì đều có khả năng gây ra lạm phát. Thông thường ở những nước đang phát triển, khi nền kinh tế được đầu tư lớn, tăng trưởng nhanh nhưng có sự mất cân đối về tài chính, thì chỉ số vật giá có thể lên cao hơn so với những năm trước.

Hai là, về *thu chi ngân sách*, chúng ta thấy năm 1994, tuy phần thu có tăng 32,7% so với năm trước, nhưng ngân sách vẫn bị bội chi đáng kể, phần chi cho nhu cầu tiêu dùng và trả nợ lãi tương đối lớn. Vào những tháng đầu năm 1995, giá nhiều mặt hàng tăng nhanh, đồng thời sức mua bằng tiền của các doanh nghiệp và nhân dân cũng tăng không nhỏ. Trong cuộc họp thường kỳ vừa qua, Chính phủ đã đánh giá tình hình 6 tháng đầu năm 1995 như sau : kinh tế, nhất là sản xuất công nghiệp, nông - lâm- ngư nghiệp, xuất nhập khẩu... tiếp tục phát triển khá ; GDP tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 1994. Tuy nhiên, còn nhiều mặt khó khăn, việc cân đối nhu cầu tiêu dùng về lương thực và một số mặt hàng khác có lúc căng thẳng, việc thu ngân sách nhà nước rất thấp, chỉ đạt 39% kế hoạch cả năm 1995.

* PGS Kinh tế

Digitized by Google

Ba là, *tình hình xuất nhập khẩu phát triển tương đối nhanh.* Về xuất khẩu, năm 1994 đạt 3,6 tỉ USD ; 6 tháng đầu năm 1995 cũng đạt 2,2 tỉ USD (tăng 35,4% so với cùng kỳ năm trước). Về nhập khẩu, 6 tháng qua đạt 2,370 tỉ USD (tăng trên 14% so với cùng kỳ năm 1994). Tuy xuất khẩu tăng đáng kể, nhưng cũng chỉ bảo đảm được khoảng 80% nhập khẩu.

Bốn là, *hoạt động đầu cơ, buôn lậu trong kinh doanh của không ít tư nhân và một số đơn vị kinh tế đã tác động đến cung cầu và thúc đẩy giá cả thị trường tăng nhanh.* Ở biên giới phía bắc và biên giới tây - nam nước ta, hàng vạn tấn gạo đã được tuồn qua con đường tiểu ngạch mà nhiều cơ quan có trách nhiệm đã không kiểm soát được. Do đó, quan hệ giữa cung và cầu về gạo khá căng thẳng ; tính đến tháng 6-1995, giá lương thực tăng 16,3% so với tháng 12-1994 và tăng 40% so với tháng 6-1994.

Riêng về cơn sốt xi măng vào tháng 5-1995, qua nghiên cứu và phân tích những số liệu cụ thể về sản xuất, về nhập khẩu cùng với số lượng xi măng tồn kho, dư luận xã hội cho rằng nguyên nhân giá xi măng tăng đột biến không phải do quan hệ cung cầu ; mà thực chất là do công tác quản lý, điều hành không tốt, để cho một số người trong Tổng công ty xi măng găm hàng, gây căng thẳng giả tạo về cung-cầu, qua đó tùy tiện nâng giá nhằm thu lợi nhuận cao.

Nhà nước giao cho một số công ty quốc doanh kinh doanh những mặt hàng thiết yếu là để đáp ứng nhu cầu của xã hội về đời sống và sản xuất. Công ty nào kinh doanh tốt, tất nhiên thu được lợi nhuận. Nhưng nhà nước không cho phép một số người biến các công ty đó thành các tổ chức độc quyền để đạt lợi nhuận độc quyền cao, trái với bản chất buôn bán văn minh của xã hội ta. Nếu để các công ty quốc doanh biến thành các tổ chức độc quyền hoạt động đầu cơ, lũng đoạn thị trường, thì không thể có được sự ổn định và phát triển của nền kinh tế quốc dân.

Năm là, *giá cả nhiều loại hàng hóa trên thị trường nội địa đều tăng, nhưng tỷ giá hối đoái vẫn ổn định.* Thực tế vừa qua cho thấy, mặc dù giá nhiều mặt hàng trên thị trường nước ta (kể cả những hàng nhập từ nước ngoài) đều tăng, nhưng tỷ giá giữa USD với đồng Việt nam vẫn ổn định. Trong hơn 2 năm qua, giá 1 USD khoảng trên dưới 11 000 đồng Việt nam. Nhưng hiện nay, với 1 USD, người ta mua gạo được ít hơn. Nói cách khác, đồng USD thực tế đã mất giá trên thị trường nước ta.

Tỷ giá hối đoái là loại giá cả quan trọng nhất trong nền kinh tế thị trường. Nó tác động rất lớn đến giá các hàng xuất và nhập khẩu. Nếu tỷ giá hối đoái thấp thì hàng xuất khẩu của ta không thể cạnh tranh được với hàng hóa trên thị trường thế giới ; tỷ giá hối đoái thấp còn dẫn đến hạn chế hàng nhập khẩu và cũng ảnh hưởng đến sự kinh doanh ở lĩnh vực du lịch. Mặt khác, nếu tỷ giá hối đoái tăng, thì người xuất khẩu sẽ có lợi vì thu được chênh lệch về tỷ giá. Tuy nhiên, nếu tỷ giá hối đoái tăng thì cũng ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh tế trong nước, là yếu tố gây lạm phát.

Để khắc phục và kiềm chế lạm phát trong tình hình hiện nay, cần thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ, trước hết cần chú ý những vấn đề sau :

1) *Nâng cao sản lượng hàng hóa trên cơ sở đẩy mạnh phát triển sản xuất công, nông nghiệp* ; nhất là trong nông nghiệp, tạo ra nhiều lương thực hơn nữa để đủ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Hiện nay cơn sốt về giá lương thực đang giảm vì sản lượng thóc vụ đông - xuân năm 1994-1995 trong cả nước đạt 11 triệu tấn, tăng 500 ngàn tấn so với vụ đông - xuân năm 1993-1994. Cần tiếp tục đổi mới cơ cấu kinh tế và cải tiến công nghệ, cải tiến kỹ thuật, bảo đảm từng bước giảm chi phí sản xuất, không để tăng giá kiểu dây chuyền

2) *Xác lập thế cân đối ngân sách một cách vững chắc.* Đây là một biện pháp quan trọng nhất trong việc kiềm chế và đẩy lùi lạm phát. Cần tăng các nguồn thu cho ngân sách, chống thất thu, thu đủ kế hoạch năm

Digitized by Google

trong 6 tháng cuối năm, không giảm chi tiêu thu cho bất cứ ngành nào. Kiên quyết giảm chi những khoản không cần thiết, triệt để chống tham ô lãng phí, ra sức tiết kiệm từng đồng cho ngân sách. Nhà nước sẽ không giải quyết một khoản tăng chi nào ngoài kế hoạch.

3) *Phát huy mạnh mẽ vai trò của ngân hàng trong việc kiềm chế lạm phát.* Ra sức cải tiến các dịch vụ ngân hàng, tăng cường cạnh tranh lành mạnh, xây dựng một hệ thống ngân hàng đủ khả năng kinh doanh tiền tệ, đáp ứng được yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường. Cần tăng cường việc huy động vốn để cho vay, nâng mức tiền dự trữ bắt buộc đối với những ngân hàng thương mại.

4) *Chống đầu cơ, buôn lậu ; tăng cường kiểm tra và giám sát sự hoạt động kinh doanh của các tổ chức và đơn vị kinh tế.* Triệt để cấm xuất khẩu gạo qua biên giới theo con đường tiểu ngạch ; xử lý nghiêm khắc mọi hoạt động đầu cơ, buôn lậu của các tổ chức và đơn vị kinh tế.

Đối với việc kinh doanh những hàng thiết yếu về đời sống và sản xuất mà nhà nước đã quy định, các tổ chức kinh tế quốc doanh phải nghiêm túc tuân thủ những quy định về quản lý giá cả. Cần phát huy vai trò của Ban vật giá chính phủ trong việc nghiên cứu và tham mưu cho nhà nước về việc quản lý giá trong cơ chế thị trường. Qua sự kiện về cơn sốt xi măng tháng 6-1995, chúng ta cần chỉnh đốn ngay nền nếp và thủ tục quản lý giá đối với một số mặt hàng thiết yếu. Ban vật giá cần theo dõi sát sao và thường xuyên đối với giá thị trường, không thể đồng tình với kiến nghị không chính đáng của bất cứ tổ chức kinh doanh nào. Đối với trường hợp cần thiết, Ban vật giá phải báo cáo ngay với Chính phủ để Thủ tướng quyết định ❑

Mối quan hệ...

(Tiếp theo trang 15)

ngoài, thì bản thân nền kinh tế phải có 1 đô la vốn, thậm chí nhiều hơn (như kinh nghiệm *Hàn quốc* và *Thái lan*).

Rõ ràng, trong hoàn cảnh tích lũy vốn còn thấp và nợ nước ngoài còn khá lớn như nước ta hiện nay thì để kinh tế đạt được mục tiêu tăng trưởng 2 con số, *trước mắt* phải coi trọng khả năng "dựa" vào vốn bên ngoài. Điều đó tất yếu dẫn đến chỗ hằng năm sẽ phải cung ứng thêm một lượng tiền rất lớn mới đáp ứng được việc tiếp nhận vốn đầu tư từ nước ngoài. Trong lúc ngân sách còn bội chi lớn, thâm hụt cán cân thanh toán quốc tế chưa khắc phục được, cơ cấu kinh tế vẫn bất hợp lý, hệ thống tài chính - ngân hàng chưa hoàn thiện, môi trường pháp lý chưa đủ hiệu lực, thị trường vốn chậm phát triển ... mà lại phải làm thêm một việc như trên thì rõ ràng việc khống chế lạm phát ở mức bằng hoặc thấp hơn 2 con số, là hết sức khó khăn.

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát là một vấn đề rất quan trọng. Nó cần được coi là nền tảng cho nền kinh tế Việt nam phát triển ổn định, liên tục và lâu dài với nhịp độ nhanh trong giai đoạn chuyển sang kinh tế thị trường hiện nay. Nếu xem nhẹ mối quan hệ này thì mọi nỗ lực phấn đấu tăng trưởng kinh tế và kiềm chế lạm phát chỉ đem lại kết quả hết sức hạn chế, nhất thời, thậm chí còn là nguyên nhân đưa đến khủng hoảng kinh tế. Bởi vậy, bất cứ giải pháp nào có lợi cho tăng trưởng kinh tế cũng cần có một loạt giải pháp khác đi kèm, có ý nghĩa như một "liều thuốc giải" để tránh những "cú sốc" có thể kích thích lạm phát thái quá, gây bất lợi cho nền kinh tế. Ngược lại, cũng cần tránh những giải pháp về tiền tệ, tín dụng hay ngân sách quá cứng nhắc, nhất thời có thể kiềm chế được lạm phát, nhưng lại làm chậm "đà" tăng trưởng kinh tế, có thể làm "lỡ" thời cơ rút ngắn khoảng cách tụt hậu của đất nước so với nhiều nước trong khu vực ❑

Digitized by Google

VŨ KHÍ SẮC BÉN CỦA CÁC NHÀ TƯ TƯỞNG

TÔ HUY RỨA *

CÔNG tác tư tưởng là một trong những lĩnh vực hoạt động quan trọng nhất của Đảng ta, với nhiệm vụ là tác động vào nhận thức và tình cảm của quần chúng, nâng cao trình độ tự giác của họ trong hoạt động thực tiễn, hướng vào phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng trong từng thời kỳ. Để đạt mục đích đó, công tác tư tưởng phải được tiến hành một cách khoa học và nghệ thuật. Trong các khoa học làm cơ sở cho công tác tư tưởng, triết học Mác - Lê-nin vừa giữ vị trí nền tảng, vừa là cơ sở trực tiếp cho lý luận và nghệ thuật tác động đến lý trí, tình cảm của con người. Chính vì vậy, các nhà tư tưởng coi triết học Mác - Lê-nin như một vũ khí sắc bén trong công tác của mình.

Vai trò của triết học trong công tác tư tưởng thể hiện nổi bật ở một số khía cạnh sau đây :

Thứ nhất, với đặc điểm và chức năng của mình, *triết học Mác - Lê-nin giúp cho việc hình thành thế giới quan, nhân sinh quan của những người hoạt động lý luận - tư tưởng và đông đảo quần chúng cách mạng.*

Triết học cung cấp tri thức về những quy luật vận động phát triển chung nhất của thế giới, cả tự nhiên, xã hội và tư duy, nó nâng cao và mở rộng tầm nhìn cho con người. Hệ thống triết học Mác - Lê-nin cung cấp cho chúng ta thế giới quan duy vật biện chứng. Nhờ đó chúng ta có một quan niệm khoa học nhất, cách mạng nhất về bản chất thế giới và những quy luật vận động phát triển của nó. Nhờ thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật, những người làm công tác lý luận - tư tưởng có thể nhận thức được một cách khoa học về một trật tự thế giới đang biến động, hoặc về một xã hội cụ thể với những mối quan hệ đa dạng, những mâu thuẫn và xu thế vận động phát triển phức tạp của nó. Từ đó, họ sẽ góp phần vào việc xác định mục tiêu, xây dựng đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn của Đảng ở mỗi giai đoạn cách mạng.

Nắm vững nguyên lý của triết học mác xít, những người làm công tác lý luận - tư tưởng có được cơ sở khoa học tin cậy để không những góp phần xây dựng đường lối cách mạng trong từng thời kỳ, mà còn có phương pháp luận đúng đắn để tổ chức hoạt động thực tiễn nhằm thực hiện mục tiêu chính trị đã vạch ra. Đồng thời, thế giới quan và phương pháp luận khoa học là cơ sở chắc chắn nhất để những nhà tư tưởng kiên định lập trường cách mạng, không hoang mang, dao động trước những biến chuyển phức tạp của hiện thực.

Công cuộc đổi mới đang đặt ra trước toàn Đảng, toàn dân ta hàng loạt vấn đề mới, trong đó có những vấn đề mang tính cấp bách. Đó là các vấn đề lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện hòa nhập vào cộng đồng thế giới. Đó là các vấn đề có tính thực tiễn nhưng rất trừu tượng, liên quan đến các chính sách về con người trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chẳng hạn, việc vận dụng cơ chế thị trường vào hoạt động quản lý và điều tiết nền kinh tế - xã hội đang dẫn đến một loạt thay đổi trong các thang giá trị và chuẩn mực đạo đức, lối sống... của con người. Sự hòa nhập vào cộng đồng thế giới, sự giao lưu văn hóa thời mở cửa, sự đa dạng hóa và hiện đại hóa các phương tiện thông tin trong thời đại cách mạng khoa học - công nghệ phát triển như vũ bão cũng đang làm biến đổi lối sống và nhu cầu của người Việt nam chúng ta. Nhiệm vụ của các cơ quan lý luận - tư tưởng và các cơ quan nghiên cứu khoa học xã hội - nhân văn là phải nhận định đúng sự chuyển dịch các thang giá trị, các chuẩn mực đạo đức, văn hóa, lối sống... để góp phần xây dựng các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục... có tác dụng định hướng sự phát triển của xã hội, trong đó đặc biệt chú trọng nhân tố con người, tiến tới những chuẩn mực và giá trị nhân văn xã hội chủ nghĩa.

Cán bộ lý luận - tư tưởng, các nhà khoa học xã hội và mọi cán bộ đảng viên nếu thiếu

* PTS. Giám đốc Phân viện báo chí - tuyên truyền, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

tri thức triết học, đặc biệt là phép biện chứng duy vật mác xít, thì sẽ rất khó khăn trong việc nhìn nhận và đánh giá tình hình thực tiễn, do đó, cũng dễ lúng túng hoặc thiếu tự tin vào những suy nghĩ và việc làm của mình. Vì vậy, đưa triết học vào nội dung giáo dục thế giới quan và phương pháp luận cho cán bộ, đảng viên và quần chúng cách mạng, luôn luôn là vấn đề cơ bản hàng đầu của công tác tư tưởng. Tác động vào thế giới quan, phương pháp luận của con người là tác động vào tầng sâu của một vùng tương đối ổn định của ý thức xã hội. Giáo dục triết học sẽ từng bước rèn luyện và nâng cao trình độ tư duy biện chứng, khả năng nắm bắt các vấn đề của cuộc sống một cách chính xác, từ đó nâng cao tính tự giác cách mạng của quần chúng, giúp họ tiếp cận dần dần với chân lý, xây dựng và củng cố niềm tin vào thắng lợi của cách mạng. Niềm tin chính trị, một khi được soi sáng bởi một tri thức khoa học, sẽ là niềm tin sâu sắc nhất, vững vàng nhất.

Thực tiễn là một phạm trù có tầm quan trọng đặc biệt trong triết học mác xít. Những nguyên lý về vai trò của thực tiễn đối với hoạt động cải tạo thế giới của con người, đối với quá trình nhận thức chân lý khách quan, vận dụng, kiểm nghiệm và bổ sung, phát triển lý luận, có ý nghĩa rất lớn lao đối với những người làm công tác tư tưởng của Đảng. Thực tiễn vừa là mục tiêu, vừa là động lực của hoạt động lý luận. Thực tiễn cũng là tiêu chuẩn của chân lý. Bằng hoạt động thực tiễn, thông qua phân tích hoạt động thực tiễn, những người làm công tác tư tưởng chứng minh tính đúng đắn của lý luận cách mạng, của đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

Nhưng cán bộ tư tưởng không phải là những người chỉ mải chạy theo thực tiễn, để cho thực tiễn vận động tự phát theo các khuynh hướng xa rời những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Lê-nin đã từng nhắc nhở những người cộng sản rằng, do chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện một đất nước đa phần là nông nghiệp, bị đầu óc tiểu nông, tâm lý tiểu tư sản chi phối nặng nề, nên phải luôn đề phòng khuynh hướng tự phát tư bản chủ nghĩa. Hơn nữa, ngày nay chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc ráo riết thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", thì không thể để cho phong trào tự phát chi phối, không thể để cho lợi ích trước mắt làm tổn hại tới mục tiêu cơ bản, lâu dài. Đặc biệt, không thể thiếu cảnh giác đến mức để cho tình hình phát triển theo hướng loại bỏ dần vai trò lãnh đạo của Đảng đối với tiến trình cải cách xã hội.

Như vậy, chúng ta đánh giá cao vai trò của thực tiễn là để coi trọng công tác tổng kết thực tiễn, theo dõi từng bước tiến của thực tiễn với sự nhạy cảm chính trị và tinh thần cảnh giác cách mạng. Những năm qua, nhờ tổng kết thực tiễn kịp thời mà chúng ta đã có những chủ trương, chính sách đúng đắn, tác động tích cực vào công cuộc đổi mới, thúc đẩy sản xuất phát triển, ổn định chính trị, mở rộng và phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương trong xã hội. Trong công tác tư tưởng, nhờ hoạt động tổng kết thực tiễn một cách thường xuyên, nghiêm túc nên đã rút ra được những vấn đề có tính phổ biến, những bài học có tính nguyên lý. Từ đó bổ sung, phát triển lý luận, làm cho lý luận luôn luôn sống động, gắn bó với cuộc sống, soi sáng cho các hoạt động thực tiễn của quần chúng, nâng cao niềm tin và nhiệt tình cách mạng của họ.

Thứ hai, *triết học Mác - Lê-nin cung cấp phương pháp và nghệ thuật tác động toàn diện vào ý thức xã hội, biến hệ tư tưởng của giai cấp công nhân thành hệ tư tưởng chủ đạo trong xã hội.* Triết học mác xít chỉ rõ cấu trúc và quy luật phát triển của ý thức xã hội, mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, con đường và phương thức tác động vào các lĩnh vực khác nhau của đời sống tinh thần xã hội. Người làm công tác tư tưởng nếu hiểu biết sâu sắc triết học mác xít sẽ biết tác động không chỉ đến lĩnh vực chính trị, văn hóa, mà cả đến lĩnh vực tâm lý, tình cảm của con người - một khu vực nhạy cảm, thường xuyên biến động của ý thức xã hội và luôn luôn là động cơ trực tiếp cho mỗi hành động cách mạng của họ.

Triết học không những là khoa học chỉ rõ nguồn gốc, động lực, phương thức phát triển của tự nhiên, xã hội, mà còn là khoa học vạch rõ những quy luật vận động, phát triển của tư duy, những tính quy luật bảo đảm cho tư duy đúng đắn. Nắm vững tri thức triết học, tư duy của nhà tư tưởng sẽ đúng đắn và thường xuyên được mài sắc. Đó là yếu tố quan trọng hàng đầu của mọi sự đổi mới hoạt động thực tiễn cách mạng. Những quy luật và phạm trù của phép biện chứng duy vật đã cho ta thấy rõ mối liên hệ phổ biến và quy

Digitized by Google

luật phát triển cơ bản của mọi sự vật, hiện tượng, các quá trình phát triển của thế giới khách quan trong mối quan hệ đa dạng, phức tạp, luôn vận động, biến đổi không ngừng của chúng. Tư duy đó cũng giúp ta phân biệt các quan hệ bản chất, tất yếu, bên trong với hiện tượng ngẫu nhiên, bên ngoài. Trên cơ sở đó, vạch ra được nội dung, phương thức phát huy cao nhất vai trò của các nhân tố chủ quan để tác động có hiệu quả đến tiến trình phát triển khách quan của xã hội, góp phần thực hiện những mục tiêu cách mạng đặt ra.

Tư duy biện chứng còn giúp cho nhà tư tưởng, trong mỗi thời kỳ cách mạng, phát hiện được những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến nảy sinh trong phong trào thực tiễn. Những nhân tố này ban đầu còn yếu ớt, song dần dần sẽ tiêu biểu cho cả một xu hướng, một bước phát triển tiếp theo của phong trào cách mạng. Từ đó, người làm công tác tư tưởng sẽ đầu tư công sức bảo vệ, ủng hộ, tạo điều kiện để nhân tố mới phát triển, góp phần tuyên truyền, nhân rộng những điển hình tiên tiến ra toàn xã hội. Tư duy biện chứng giúp các nhà tư tưởng có thể tránh được những sai lầm chủ quan, duy ý chí, bảo thủ trì trệ, phát hiện đúng các nhân tố mới, tránh được việc áp đặt những mô hình chủ quan cho phong trào. Trong thực tiễn cách mạng vừa qua, chúng ta đã phải trả giá đắt cho những sai lầm chủ quan, duy ý chí. Do đó, bảo đảm những nguyên lý của lô gích biện chứng, rèn luyện tư duy đúng, linh hoạt, sáng tạo, luôn luôn là một đòi hỏi cao của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa đối với những người làm công tác lý luận - tư tưởng của Đảng.

Lịch sử tư tưởng nhân loại chỉ ra rằng : mọi hệ tư tưởng, các học thuyết chính trị hoặc ngay cả các trào lưu văn nghệ phản động, đều dựa trên một nền tảng triết học nào đó, phục vụ lợi ích của một giai cấp thống trị nào đó. Do vậy, muốn đấu tranh phê phán, bác bỏ một quan điểm tư tưởng phản động hay một trường phái văn nghệ phản động, chúng ta nhất định phải nhận rõ cơ sở triết học của quan điểm tư tưởng hay của trường phái đó, phân tích rõ bản chất giai cấp, tính phản động và phi khoa học của nó. Điều đó chứng tỏ, đối với những người làm công tác tư tưởng, triết học không chỉ cung cấp cho họ phương pháp luận khoa học, kỹ năng luận chiến sắc sảo, mà còn giúp họ hiểu rõ cội nguồn những tư tưởng phản động để phê phán có hiệu quả.

Thứ ba, *triết học Mác - Lê-nin còn là một công cụ nhân văn quan tâm đến con người, vì con người, để động viên, giáo dục, tổ chức, hướng dẫn, tập hợp quần chúng nhân dân.* Triết học là một khoa học không chỉ quan tâm đến việc giải thích thế giới, mà từ lâu đã đề cập đến khả năng, vị trí của con người trong việc nhận thức và cải tạo thế giới. Đối với triết học Mác - Lê-nin, sứ mệnh đó càng được đề cao và khẳng định. Cải tạo thế giới không có con đường nào khác là thông qua con người. Toàn bộ hoạt động cải tạo đó cũng vì con người, không có mục đích nào khác ngoài việc đem lại hạnh phúc cho con người, đưa con người lên vị trí hòa hợp với tự nhiên, làm chủ xã hội và bản thân. Đó là mục đích nhân văn cao cả, cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin nói chung và của triết học mác xít nói riêng. Bởi vậy, mục đích của triết học mác xít cũng phù hợp với mục tiêu công tác tư tưởng.

Đối tượng của công tác tư tưởng là con người, những con người rất cụ thể. Trong cuộc sống hằng ngày, cán bộ tư tưởng thực chất là những người "thày" tư tưởng, là chỗ dựa tinh thần đối với người lao động. Cán bộ làm công tác tư tưởng cần có hiểu biết sâu sắc về con người, về khả năng nhận thức của con người, về đặc điểm tư duy, động cơ trong hành động của con người, về nhu cầu thỏa mãn lợi ích của con người. Cùng với các khoa học tâm lý, giáo dục và sinh học, triết học cung cấp cho các nhà tư tưởng những hiểu biết sâu sắc về hoạt động nhận thức và đặc điểm hành vi của con người. Chủ nghĩa duy vật lịch sử khẳng định vai trò quyết định của quần chúng đối với sự nghiệp cách mạng, nhưng đồng thời cũng đánh giá cao vai trò của cá nhân, của lãnh tụ cách mạng trong quá trình thúc đẩy cách mạng tiến lên. Những nhà tư tưởng lớn của mỗi thời đại thường là những nhà triết học lỗi lạc hoặc am hiểu sâu sắc về triết học. Nhờ có nền triết học sâu rộng, họ không những có tầm nhìn xa bao quát những vấn đề lớn của thời đại, mà còn có con mắt bao dung, thấu hiểu cả những nỗi niềm thầm kín trong tâm khảm quần chúng nhân dân lao động. Họ không chỉ có khả năng phán đoán tương lai nhờ nắm bắt quy luật vận động của thế giới khách quan, mà còn

(Xem tiếp trang 26)

Digitized by Google

NHO HỌC TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC

PHAN VĂN CÁC *

NHO [1] học là học thuyết của Khổng Tử, một trong những học thuyết quan trọng nhất của văn hóa Trung hoa, văn hóa phương Đông và của loài người. *Hán thư, Nghệ văn chí* xếp Nho ở hàng đầu *cửu lưu* là chín học phái khác nhau thời Tiên Tần. Nội dung của học thuyết này chủ yếu là "tổ thuật Nghiêu Thuấn, hiến chương Văn Võ" (trình bày tư tưởng của Nghiêu và Thuấn, bắt chước theo vua Văn vua Võ), đề cao "lễ nhạc" và "nhân nghĩa", chủ xướng đạo "trung thứ" (hết lòng vì người, điều mình muốn đạt thì cũng giúp người đạt được, điều gì mình không muốn thì cũng không áp đặt cho người khác) và đạo "trung dung" (không thiên lệch, không thừa không thiếu). Về *chính trị*, chủ trương "đức trị" (cai trị bằng đạo đức) và "nhân chính" (chính sách nhân từ). Coi trọng việc giáo dục đạo đức luân lý và sự tu thân dưỡng tính.

Ở thời Chiến quốc, Nho gia gồm 8 phái mà quan trọng nhất là hai phái Mạnh Tử và Tuân Tử. Sau khi Hán Vũ đế (140 TCN-87 TCN) bãi truất bách gia, độc tôn Nho học, học thuyết này dần dần trở thành dòng chính của văn hóa Trung hoa thời phong kiến. Để đáp ứng nhu cầu của giai cấp phong kiến thống trị trải các triều đại, các nhà Nho đã không ngừng từ học thuyết của họ Khổng mà diễn dịch ra những lý thuyết khác nhau phù hợp với từng thời kỳ.

Vượt biên giới Trung hoa, Nho giáo truyền sang Triều tiên, Nhật bản, Việt nam, hình thành một khu vực văn hóa Nho giáo. Ở Việt nam, Nho giáo đã có mặt từ thế kỷ thứ II trước Công nguyên với một số trí thức được đào tạo và sử dụng trong bộ máy cai trị của kẻ xâm lược. Tuy vậy, phải đến sau khi đất nước giành được độc lập (thế kỷ X), trước nhu cầu xây dựng một quốc gia ổn định và dần dần phát triển đủ sức đối phó với nguy cơ thường trực đe dọa nền độc lập dân tộc, Nho giáo mới chính thức được đề cao, rồi tiến lên địa vị thống trị trong kiến trúc thượng tầng thời đó. Với Quốc tử giám, Trường đại học của nhà nước được xây dựng ở thủ đô (thế kỷ XI), và hàng loạt trường tư thục mở hầu khắp các thôn xã cùng với chế độ khoa cử ngày càng hoàn thiện, Nho học dường như đã trở thành vốn học mang tính chất nền tảng của xã hội ; trí thức Nho học được đặt ở vị trí tôn quý trong triều ngoài nội. Với Nho giáo, xã hội Việt nam phát triển truyền thống nhân đạo và yêu nước của mình, nhờ đó có đủ sức mạnh vật chất và tinh thần để bảo vệ độc lập dân tộc suốt mười thế kỷ.

Nhưng từ giữa thế kỷ XIX, trước thử thách một cuộc xâm lược của đế quốc phương Tây, Nho giáo đã bộc lộ đầy đủ các nhược điểm của nó. Uy thế của Nho giáo đã bị sụp lở từng mảng và đổ sụp hoàn toàn trước sức mạnh của chiến thuyền và đại bác. Choáng váng trước văn minh kỹ thuật châu Âu, bản thân các nho sĩ cũng không còn giữ được niềm tin đối với các tín điều mà từ xưa họ vẫn tôn thờ là thiên kinh địa nghĩa.

Ngay tại quê hương mình, Nho giáo bị tấn công quyết liệt và đập phá không thương tiếc bởi phong trào văn hóa mới (*Tân văn hóa vận động*), mà tiêu biểu là các nhà tư tưởng tiên phong từ Lỗ Tấn, Hồ Thích, Trần Độc Tú đến Tiền Huyền Đồng, Ngô Ngu... Tình hình đó được diễn lại đạt đến đỉnh cao trong "đại cách mạng văn hóa vô sản".

Ở Việt nam, mặc dù Nguyễn Ái Quốc sớm nhận định rằng chủ trương "thế giới đại đồng" của Khổng Tử có nhiều điểm tiến bộ và đã trích dẫn câu *"Tứ hải chi nội giai huynh đệ dã"* (Người trong bốn bể đều là anh em) để

---

* Viện trưởng Viện nghiên cứu Hán Nôm, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

(1) Chữ NHO trong văn tự Hán gồm một bộ *nhân* (đứng) chỉ ý nghĩa phạm trù thuộc về con người và một chữ *nhu* là thành phần biểu âm (âm *nhu* gần giống âm *nhu*), chứ không phải là hạng người mà xã hội cần, xã hội có nhu cầu, như cách giải thích của Trần Trọng Kim trong tác phẩm *Nho giáo* của ông

Digitized by Google

chứng minh rằng chủ nghĩa cộng sản có thể thích nghi dễ dàng với châu Á, song có lúc do những nhận thức ấu trĩ và nhất là do chịu ảnh hưởng của tư tưởng "tả" khuynh Trung hoa, đây đó đã phủ định gần như sạch trơn Nho giáo.

Từ những năm 80 lại đây, cùng với công cuộc "cải cách khai phóng" ở Trung quốc và "đổi mới", "mở cửa" ở Việt nam, Nho giáo cũng được xem xét lại. Và giờ đây, nghiên cứu Nho giáo trong bối cảnh thời đại, thực chất là xem xét vai trò của nó trong công cuộc hiện đại hóa đất nước.

Một số nhà "tân Nho hiện đại" còn cho rằng : sở dĩ khu vực Đông Á những năm gần đây có những biểu hiện ưu việt như vậy trong phát triển kinh tế, là do các nước ở đó chịu ảnh hưởng của một thứ "tinh thần xí nghiệp phương Đông" mà hạt nhân của nó chính là tư tưởng Nho gia. Họ tin rằng tư tưởng Nho gia chẳng những không mâu thuẫn với hiện đại hóa, mà còn là động lực lịch sử không thể thiếu được của hiện đại hóa. Thậm chí có người còn nhấn mạnh tư tưởng Nho gia là thứ đạo lý "vĩnh hằng bất biến", có thể thích ứng với bất cứ thời đại nào, xã hội nào.

Cũng như không ít học giả nước ngoài khác, chúng tôi cho rằng khó lòng chấp nhận cách lập luận đó. Xét về *kết cấu hệ thống* cũng như *tính chất* và *chức năng*, tư tưởng Nho có nhiều phần ngược chiều với hiện đại hóa.

Bằng chứng hùng hồn là chính Trung quốc, nơi chôn rau cắt rốn của tư tưởng Nho gia, sau khi rút được bài học lịch sử đau đớn trong "Chiến tranh thuốc phiện", đến nay đã qua 150 năm vẫn không thể sánh vai được với Nhật bản và liệt cường phương Tây là những kẻ trước đây đã cậy tàu lớn súng to hoành hành một thời, nay lại cậy khoa học và công nghệ mà xưng hùng xưng bá trên thế giới. Đây rõ ràng là có vai trò níu kéo của phần lạc hậu, tiêu cực trong tư tưởng Nho gia.

Bằng phương pháp so sánh, người ta phân biệt ***hai loại hình hiện đại hóa*** là hiện đại hóa *tự thân* và hiện đại hóa *ngoại lai*. Hiện đại hóa tự thân biểu hiện trên 5 mặt sau đây:

1 - Thoát ly khỏi sự thống trị tinh thần của quyền uy tôn giáo hoặc của quyền uy chính trị mô phỏng tôn giáo.

2 - Sự tham dự của đại chúng vào hệ thống chính trị.

3 - Sự giải phóng khỏi thân phận cố định, phi hợp đồng và khỏi trật tự trên dưới.

4 - Sự đồng đều của dân chúng về cơ hội hoạt động kinh tế.

5 - Sự đồng đều về cơ hội tiếp nhận giáo dục và các phương tiện bảo tồn sinh mệnh như phúc lợi y tế...

Còn hiện đại hóa ngoại lai, tức là hiện đại hóa *tư bản chủ nghĩa* kiểu châu Âu, nội dung đại thể gồm :

1- Sự thống trị thuộc địa ;

2 - Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa;

3 - Văn minh cơ giới ;

4 - Tinh thần duy lý dựa trên thực chứng của khoa học tự nhiên ;

5 - Tư tưởng chính trị hiện đại ;

6 - Chế độ nghị viện ;

7 - Giá trị quan nhân văn chủ nghĩa trên cơ sở chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tự do;

8 - Pháp chế, chế độ ;

9 - Các lễ tục như cách dùng lịch, ghi năm, âu phục, bắt tay...

Đối với hiện đại hóa ngoại lai, các nước châu Á đã áp dụng nhiều thái độ khác nhau: tẩy chay, chịu thua, kình địch, tự phủ định mình, tiếp thu, cải tạo, biến đổi, lợi dụng hoặc chung sống, v.v..

Nếu lần lượt nghiên cứu từ điểm 1 đến điểm 9, dễ dàng thấy rằng đối với điểm 1 thì Nho gia ở tất cả các nước đều là nhân vật nòng cốt chống đối nền thống trị thuộc địa, và về ý nghĩa này, họ là phần tử tiên tiến của các dân tộc. Ở Triều tiên và Việt nam, trong vấn đề chống đối nền thống trị thuộc địa (điểm 1), đặc biệt là khi kết quả dẫn đến chỗ không thể không chịu sự thống trị thuộc địa, thì một tình trạng thực tế đã xảy ra : không thể không nhân nhượng, thỏa hiệp với *phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa* và *văn minh cơ giới* (điểm 2 và 3).

Digitized by Google

Còn Nhật bản, nhờ tránh thoát được số phận thuộc địa, nên từ luân lý vua tôi, luân lý gia tộc dòng máu và luân lý cá nhân kiểu gia trưởng nêu ở trên, về đại thể, đã chối bỏ *chủ nghĩa cá nhân* và *chủ nghĩa tự do* (điểm 7). Nhưng đối với *phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, văn minh cơ giới, tinh thần thực chứng của khoa học tự nhiên*, và *pháp chế, chế độ*, (điểm 2, 3, 4 và 9) thì tuy cũng có phần xung đột, song về cơ bản, đã tiếp thu (ở đây, tư tưởng triết học *cách vật cùng lý* của Tống Nho đã góp phần thuận lợi). Xuất phát từ lập trường "thiên hạ là của chung" của Nho gia, việc tiếp thu *tư tưởng chính trị hiện đại* và *chế độ nghị viện* (điểm 5 và 6) cũng có phần tích cực. Nhìn chung, Nho giáo Nhật bản đã phát huy tác dụng *thúc đẩy* một phần và tác dụng *bổ sung* toàn diện. Về mặt này, Nhật bản khác với Triều tiên và Việt nam. Nho giáo Triều tiên và Việt nam, chí ít là trong *thời kỳ đầu*, đã đóng vai trò *phê phán* và *chống đối*.

Có nghĩa là Nho giáo Nhật bản thỏa hiệp với hiện đại hóa ngoại lai khá tự nhiên và nhẹ nhõm. Nguyên nhân là ở chỗ Nhật bản vốn không có lễ chế trên ý nghĩa quốc gia, trong dân gian cũng chưa có luân lý cộng đồng Nho giáo định hình thành tập tục sinh hoạt. Về tư tưởng triết học, thế giới quan lý khí ở Nhật cũng chưa có truyền thống nội tại.

Nếu so với Nhật bản, thì tầng lớp lãnh đạo Nho gia ở Trung quốc tràn đầy khổ đau vật vã trong việc điều hòa thỏa hiệp với hiện đại hóa ngoại lai. Vì họ có lễ chế ở quy mô quốc gia, có nghi pháp và quan niệm *lễ* đã trở thành tập tục sinh hoạt (nếp sống), có luân lý cộng đồng tông tộc làm cơ sở xã hội, có luân lý gia tộc và luân lý cá nhân gắn bó mật thiết không thể cắt rời với kết cấu đó. Hơn nữa, về triết học, có cả thế giới quan lý khí và thuyết nhân tính đầy sức khái quát nâng đỡ nó.

Tình hình đó khiến Nho gia Trung quốc đối với hiện đại hóa ngoại lai ở các điểm 1, 2, 3, 8 và 9, biểu hiện thành sự hoàn toàn chống đối, ngăn trở, và hơn nữa, những ai muốn hấp thụ văn hóa ngoại lai ở các điểm 4, 5, 6, và 7, đều phải đứng trên lập trường công kích Nho giáo một cách quyết liệt. Không lấy làm lạ là những ngọn cờ hiện đại hóa trong lịch sử tư tưởng Trung quốc cận đại, đều phê phán Khổng Tử và Khổng giáo.

Trong vấn đề kế thừa văn hóa truyền thống (mà cốt lõi là tư tưởng Nho học), một lần nữa Hồ Chí Minh lại nêu cho chúng ta một tấm gương sáng chói về quan điểm lịch sử, về cách đánh giá người xưa. Về tư tưởng trọng nam khinh nữ, tư tưởng coi khinh lao động chân tay, bệnh danh lợi địa vị..., phải triệt để phê phán. Song phê phán triệt để, không có nghĩa là phủ định sạch trơn. Phục cổ mù quáng cũng là sai lầm.

Nghiên cứu thái độ của Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh đối với Nho giáo, ta đã thấy *ba* cái mốc thời gian đáng chú ý :

Một là, ở tuổi 30 (tức là không bao lâu sau bước ngoặt lớn trong lịch sử tư tưởng của Người; khi người thanh niên sục sôi bầu nhiệt huyết yêu nước thương nòi vừa tiếp thu được ánh sáng tư tưởng Lê-nin và trở thành người cộng sản Việt nam đầu tiên), trong bài *L'Indochine* (Đông dương) đăng trên *La Revue Communiste* (Tạp chí Cộng sản) [2], Nguyễn Ái Quốc đã nhắc đến tư tưởng của Khổng Khâu về "thế giới đại đồng", và gọi nhà tư tưởng ấy là "ông Khổng Tử vĩ đại" (Le grand Confucius).

Hai là, trong những năm 40, khi được hỏi về chính kiến của mình, Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra nhận xét : "Khổng tử, Jésus, Marx, Tôn Dật Tiên chẳng có những điểm chung đó sao ? Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên đời này, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết.

Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy..." [3]

(2) Xem *La Revue Communiste*, số 15, tháng 5-1921, tr 204-206, mục "Phong trào cộng sản quốc tế"

(3) Trần Dân Tiên : *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Xem bản dịch Trung văn của Trương Niệm Thức (*Hồ Chí Minh truyện*). Nxb Tam liên, Thượng hải, tháng 6-1949, tr 91

Digitized by Google

Ba là, ngày 19-5-1965, trên cương vị Chủ tịch Đảng và Chủ tịch nước ta, Hồ Chí Minh trong cuộc thăm chính thức nước CHND Trung hoa (bấy giờ đang rục rịch "phê Lâm, phê Khổng" và "đại cách mạng văn hóa"), đã yêu cầu bố trí cho được đi thăm Khổng miếu, và Người đã để lại một bài thơ tứ tuyệt rất hay, bài *Phỏng Khúc Phụ*.

Những điều nói trên thể hiện một thái độ nhất quán của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đối với Khổng Tử và Nho giáo. Thái độ ấy đã được Người nêu rõ trong bài nói tại Hội nghị huấn luyện toàn quốc lần thứ nhất năm 1950 : "Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học" (4). Trong các trước tác suốt 60 năm hoạt động cách mạng phong phú và sôi nổi của mình, Hồ Chí Minh đã hàng trăm lần vận dụng các mệnh đề tư tưởng Nho gia, đặc biệt trong lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng lao động Việt nam năm 1951, Người đã dùng *ba mệnh đề bất hủ* của Nho giáo nói về tiêu chuẩn lý tưởng của người quân tử :

- "Giàu sang không thể quyến rũ,
- Nghèo khó không thể chuyển lay,
- Uy lực không thể khuất phục" (5)

để khái quát phẩm chất của người cộng sản Việt nam mà chính Người là kết tinh đẹp đẽ nhất, trong sáng nhất.

*

Cần coi trọng việc nghiên cứu văn hóa truyền thống của dân tộc và của phương Đông nói chung (mà Nho giáo chiếm một địa vị quan trọng) để phát hiện và kế thừa những gì là tinh hoa trong đó. Nhưng làm được như vậy thật không dễ dàng. Qua sự nghiền ngẫm kinh điển Nho gia, qua sự nghiệm suy từ lịch sử dân tộc, và qua sự quan sát những diễn biến mấy thập kỷ gần đây ở một số nước thuộc vùng văn hóa Nho giáo đã được học giả các nước đó tổng kết phần nào, chúng tôi thử nêu *một số mặt tích cực chủ yếu* của Nho giáo, mong được bạn đọc cùng tiếp tục nghiên cứu và trao đổi :

1 - Dường như được hun đúc bằng giá trị quan Nho giáo thì nhân dân có thêm sức ngưng tụ quần thể, từ đó có thái độ thiết thực và tích cực trong việc trị nước và giải quyết các vấn đề xã hội, mà thiếu nó thì dân tộc khó lòng khắc phục được khó khăn trở ngại trên đường phát triển.

2 - Văn hóa Nho giáo trọng thị học vấn. Người theo Nho giáo luôn khao khát "lập công, lập ngôn, lập đức", giành được thành tựu xuất sắc trong học nghiệp. Các nhà trí thức lớn có tài năng được nhà nước và xã hội tin dùng, kính trọng. Bố mẹ lo lắng cho con cái học hành, thanh niên nhìn nhận việc học tập một cách nghiêm túc. Mọi người nhận thức rằng giáo dục là con đường tối ưu để giành được địa vị xứng đáng trong xã hội. Tinh thần "nhiệm hiền cử năng" (dùng người tài giỏi, cất nhắc người có năng lực) về cơ bản phù hợp với yêu cầu khoa học và dân chủ. Quý trọng học vấn và tin tưởng ở tri thức là những phẩm chất quan trọng của một xã hội, đặc biệt là trong thời đại khoa học kỹ thuật phát triển với tốc độ chóng mặt như ngày nay. Một xã hội biết chăm lo cho giáo dục, biết hun đúc cho mỗi thành viên cái ý chí học hỏi suốt đời là một xã hội đầy triển vọng. Tinh thần đó, Khổng Tử đã sớm nêu lên trong mệnh đề nổi tiếng "học nhi bất yếm, hối nhân bất quyện" (học không chán, dạy không mỏi) và trong toàn bộ học thuyết nhất quán của ông. Một trong những nguyên nhân thành công của người Nhật bản là ở tố chất học vấn của công nhân Nhật bản cao hơn nhiều nước khác, kể cả các nước tiên tiến.

3 - Chịu ảnh hưởng của văn hóa Nho giáo, con người biết coi trọng luân thường đạo lý, biết sống có trách nhiệm, dễ tiếp thu lẽ sống đặt lợi ích xã hội lên trên lợi ích cá nhân, không chấp nhận chủ nghĩa cá nhân cực đoan làm sa đọa con người, làm xã hội xuống cấp.

(4) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1985, t 5, tr 368

(5) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, t 6, tr 53

Digitized by Google

Có thể thấy trước, theo đà hiện đại hóa, cùng với "đổi mới" và "mở cửa" (là con đường tất yếu để hiện đại hóa), nếu không có biện pháp thỏa đáng ngăn ngừa, nước ta trong tương lai không xa, không phải không có nguy cơ khủng hoảng nghiêm trọng về tinh thần (lối sống, đạo đức gia đình, đạo đức xã hội, quan niệm về giá trị...), như đã và đang xảy ra ở các nước công nghiệp phương Tây mà người ta hy vọng tìm thấy liều thuốc chữa trị trong văn minh truyền thống phương Đông.

4 - Văn hóa Nho giáo yêu cầu cao ở người quản lý xã hội, quản lý nhà nước. Nó quan niệm rằng, đã là người "chăn dắt dân" thì phải chịu trách nhiệm trước hết về mọi điều bất hạnh của các thành viên xã hội (đất nước có giặc giã, có dịch bệnh, có thiên tai, thì nhà vua phải trai giới, "tự kiểm điểm"...). Ngược lại, nó cũng đòi hỏi mọi thành viên phải trung thành với lợi ích của quốc gia mà "đấng thiên tử" là đại diện. Được cải tạo và vận dụng một cách linh hoạt, tinh thần ấy không phải không cần cho mối quan hệ mới giữa người lãnh đạo với quần chúng nhân dân.

Không phải ngẫu nhiên mà suốt mấy thập kỷ qua, các nước đang phát triển ở quanh ta đều quan tâm đặc biệt đến việc nghiên cứu Nho giáo. Sau 5 năm trời chuẩn bị, ngày 5-10-1994 tại Bắc kinh đã chính thức ra đời một tổ chức quốc tế nghiên cứu Nho học, Hội liên hiệp Nho học quốc tế. Hội này đã mời ông Lý Quang Diệu, một người được coi là nhà lãnh đạo hiện đại hóa thành công theo đường lối "phát huy tinh hoa Nho học, hấp thu có chọn lọc văn hóa phương Tây" ở Xin-ga-po, làm Chủ tịch danh dự. Phải chăng đã đến lúc Việt nam cũng cần có một Hội nghiên cứu Nho học với một chương trình hoạt động khoa học gắn chặt với yêu cầu của "đổi mới và mở cửa" để hòa nhập với xu thế học thuật của khu vực và thời đại ? ❑

Vũ khí sắc bén...

(Tiếp theo trang 21)

có sự nhạy cảm ngay cả với những cái thuộc quá khứ đang níu kéo hoặc thôi thúc hành động của con người hiện tại. Họ có khả năng nhìn thấy những mặt tích cực và cả những mặt hạn chế, những mặt có khả năng phát triển theo hướng tiêu cực ở mỗi con người. Chính vì vậy, bao giờ họ cũng cảm hóa được mọi người, kể cả những người có thái độ thù địch. Cái nhìn nhân văn ấy chúng ta có thể bắt gặp ở nhiều phương diện, từ C.Mác, Lê-nin đến Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa nhân văn ấy là điểm gặp gỡ của các nhà tư tưởng lớn trong các thời đại. Chính Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát lên điều đó. Người cho rằng, trong các tư tưởng có ảnh hưởng đối với đời sống xã hội nước ta - những tư tưởng của Khổng Tử, Giê-xu, C.Mác, Tôn Dật Tiên mà Người tiếp thu và kế thừa - đều có điểm chung là mưu cầu hạnh phúc cho loài người, phúc lợi cho xã hội. Khi nhìn nhận một con người bất kỳ nào đó, Hồ Chí Minh cho rằng người ta sinh ra vốn thiện, lớn lên có thể trở thành hiền hoặc dữ. Điều đó phần lớn do giáo dục mà nên. Vì vậy, toàn bộ công tác giáo dục tư tưởng là phải khêu gợi để người ta phát huy mặt tốt, hạn chế mặt xấu. Được trang bị bằng thế giới quan và nhân sinh quan Hồ Chí Minh, những cán bộ làm công tác tư tưởng hôm nay có khả năng tập hợp đông đảo các lực lượng xã hội tham gia công cuộc đổi mới vì sự phồn vinh của dân tộc, vì hạnh phúc của mỗi con người.

Triết học là một công cụ quan trọng trong việc giáo dục rèn luyện con người về mọi mặt. Nó trang bị thế giới quan, phương pháp luận, soi sáng cho các nhà tư tưởng và cán bộ, đảng viên, quần chúng trên con đường đạt tới *chân, thiện, mỹ*. Sự am hiểu sâu sắc về triết học giúp cho các nhà tư tưởng tự giác hơn trong việc thực hiện sứ mệnh cao cả của mình - xứng đáng là chuyên gia trong công tác tư tưởng, là chiến sĩ đấu tranh không khoan nhượng chống mọi kẻ thù tư tưởng của giai cấp công nhân, vì sự thắng lợi hoàn toàn của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó cũng chính là mục đích tự thân của triết học mác xít - một triết học giàu tính khoa học và nhân văn, một triết học cách mạng nhất trong thời đại ngày nay ❑

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH HỐI SUẤT VÀ BÀI TOÁN TỶ GIÁ ĐỒNG VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN TRẦN QUẾ *

QUÁ trình đổi mới kinh tế ở Việt nam đã và đang dẫn đến những thay đổi trong quan niệm, nhận thức, lý luận và chính sách đối với các công cụ quản lý nền kinh tế. Tỷ giá đồng Việt nam đang là một trong những điểm quan trọng được chú ý nhất trong những năm gần đây.

Từ năm 1989, Việt nam bắt đầu thực hiện chính sách tỷ giá hối đoái thả nổi có điều tiết, thay thế cho hệ thống tỷ giá cố định trước đó. Sau khi thả nổi tỷ giá hối đoái, giá trị đồng tiền Việt nam (VND) so với đồng đô la Mỹ (USD) giảm liên tục và giảm nhanh cho đến tháng 11-1991. Từ tháng 12-1991 đến nay, tỷ giá hối đoái ổn định dần ở mức từ 10 500 đến 11 000 VND cho 1 USD. Nhà nước đã đưa vào hoạt động hai trung tâm giao dịch ngoại tệ ở Hà nội và TP Hồ Chí Minh ; đồng thời tiến hành can thiệp trực tiếp bằng lực lượng ngoại tệ và vàng để góp phần điều tiết cung cầu ngoại tệ trên thị trường. Tuy nhiên, sự tác động chính làm ổn định tỷ suất hối đoái thời gian qua là giá cả thị trường nước ta tương đối ổn định, công cuộc kiểm soát lạm phát đã thu được những kết quả cơ bản, lạm phát ở mức chấp nhận được, tuy chưa thật vững chắc.

Từ năm 1992, so với đồng tiền Việt nam, đồng tiền USD giảm giá 25% (sau khi đã tăng 103% năm 1991). Tất cả các năm còn lại đồng tiền USD đều tăng giá so với đồng tiền VND. Trong những năm qua, nếu tính thời kỳ dài từ 3 năm trở lên, đồng Việt nam đều giảm giá so với đô la Mỹ. Đồng nội tệ sụt giá một cách đáng kể thời gian qua là yếu tố quan trọng có tác dụng thúc đẩy việc xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu. Tuy nhiên, yếu tố tỷ giá hối đoái cũng có giới hạn của nó, không thể cứ đánh sụt giá mãi đồng nội tệ để khuyến khích xuất khẩu. Vả lại, việc xuất khẩu nhiều hay ít cũng không chỉ tùy thuộc vào việc giảm giá hay tăng giá của nội tệ. Các nước có xuất khẩu lớn hoặc tăng nhanh đều có đồng tiền cơ bản ổn định. Nhật bản xuất siêu lớn và liên tục rất nhiều năm nay mặc dù đồng yên Nhật (JY) của họ liên tục lên giá. Ở nước ta, trước năm 1989, đồng tiền VND sụt giá rất nhanh, nhưng xuất khẩu rất nhỏ bé và tăng chậm. Từ năm 1989 lại nay, đồng tiền nước ta tương đối ổn định (ở mức chấp nhận được đối với nước thu nhập thấp như nước ta) thì xuất khẩu mới tăng nhanh. Hơn nữa, khó khăn mà hoạt động xuất khẩu hiện nay đang gặp không phải là giá hàng trong nước quá cao mà chủ yếu là thiếu thị trường tiêu thụ ngoài nước và nhất là chất lượng hàng hóa kém.

Giá ngoại tệ tăng nhanh hay chậm hoặc giảm là do nhiều nguyên nhân. Hai yếu tố cơ bản nhất giữ vai trò chi phối xu hướng biến thiên của tỷ giá hối đoái là chỉ số lạm phát và cán cân thanh toán quốc tế. Những nguyên nhân khác có thể làm giá ngoại tệ lúc tăng nhanh, khi tăng chậm, thậm chí giảm xuống chỉ ở thời điểm hoặc thời kỳ ngắn hạn, xu thế chung không thể thoát ly ảnh hưởng của lạm phát và cán cân thanh toán quốc tế.

Chỉ số giá chung thể hiện biến động giá trị và sức mua của đồng nội tệ. Lạm phát làm sức mua của đồng tiền giảm đi, tất yếu đẩy mặt bằng giá

* PTS khoa học kinh tế, Viện kinh tế thế giới

Digitized by Google

cả tăng lên, trong đó có giá ngoại tệ. Tuy nhiên, tốc độ tăng giá của một mặt hàng nào đó lúc nhanh hơn, khi chậm hơn chỉ số giá chung là điều không tránh khỏi và điều này còn phụ thuộc vào cung cầu của riêng bản thân mặt hàng đó. Đối với ngoại tệ thì đó là cán cân thanh toán quốc tế. Trong khi lạm phát và thâm hụt cán cân thanh toán quốc tế đều tác động cùng hướng đẩy giá ngoại tệ lên cao thì ngược lại, giá ngoại tệ tăng ảnh hưởng hai chiều khác nhau đến lạm phát và cán cân thanh toán quốc tế. Một mặt, giá ngoại tệ tăng ở chừng mực nhất định có tác dụng kích thích xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu, góp phần giảm bớt thâm hụt cán cân thương mại và cán cân thanh toán quốc tế. Mặt khác, giá ngoại tệ tăng sẽ kéo các giá khác tăng theo và đẩy nhanh tốc độ lạm phát. Vì vậy, việc phá giá đồng nội tệ là con dao hai lưỡi. Ở một tỷ lệ nhỏ giảm giá đồng tiền, có thể có một vài tác động tích cực (tăng cầu do đó kích thích sản xuất và xuất khẩu), khi đồng nội tệ bị phá giá ở tỷ lệ cao, lạm phát cao ập đến và sẽ nhấn chìm nền kinh tế trong khủng hoảng.

Nước ta cũng đã trải qua hai thái cực khác nhau của việc can thiệp thị trường ngoại tệ. Trong cơn sốt ngoại tệ cuối năm 1991, Nhà nước phải can thiệp để giữ giá đồng nội tệ, còn đến giữa năm 1992 thì phải làm ngược lại để kìm bớt tốc độ lên giá của đồng tiền Việt nam so với các ngoại tệ mạnh. Ổn định giá trị đồng tiền là điều kiện quan trọng nhất của một môi trường kinh tế vĩ mô thúc đẩy phát triển kinh tế. Hiện nay và cả sau này, ổn định giá trị đồng tiền được coi là biện pháp hàng đầu trong chính sách ổn định tiền tệ.

Từ năm 1989 về trước, kinh tế Việt nam hoạt động trong chế độ nhiều tỷ giá. Chẳng hạn như tỷ giá mậu dịch (hay tỷ giá chính thức) được nhà nước quy định và cố định cho từng thời kỳ nhiều năm (nó không phản ảnh giá trị thực của các ngoại tệ có liên quan).

Song hành với tỷ giá chính thức là tỷ giá phi mậu dịch được quy định riêng cho các giao dịch thương mại như cán bộ, học sinh đi nước ngoài, ngoại kiều và Việt kiều về nước... ; tỷ giá kết toán nội bộ (sản phẩm của chế độ bao cấp qua giá) dành cho các xí nghiệp xuất nhập khẩu của nhà nước, thường được định giá cao ; tỷ giá của thị trường, một sản phẩm tự phát luôn đeo đẳng theo tỷ giá chính thức như một "cái bóng".

Chế độ nhiều tỷ giá, đặc trưng của một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, đóng cửa, gây ra tác hại lớn là kìm hãm xuất khẩu, tạo mảnh đất tốt cho các hoạt động đầu cơ hối đoái, tham nhũng và làm cho hệ thống hạch toán kế toán bị méo mó sai lệch ; tạo ra bao cấp và dẫn tới thất thoát lớn tài sản ngoại tệ của nhà nước.

Cuối năm 1989 đầu 1990 chúng ta đã mạnh dạn xóa bỏ chế độ nhiều tỷ giá và thực hiện cơ chế một tỷ lệ ngoại tệ thống nhất. Đây là kết quả nổi bật trong chính sách tỷ giá ngoại tệ của chúng ta trong những năm qua (Xem *Bảng tỷ giá* ở dưới).

Tỷ giá ở Việt nam

Năm	Chính thức (VND/USD)	Thị trường (VND/USD)	Chính thức/thị trường
1985	15	115	7.6 lần
1986	80	425	5.6 -
1987	368	1 270	3.5 -
1988	3 000	5 000	1.7 -
1989	3 900	5 200	1.3 -
1993		10 500	
Quý I/1995		11 050	

Chuyển sang cơ chế thị trường, đồng thời với việc tự do hóa các hoạt động mua bán hàng hóa và dịch vụ, các biện pháp kinh tế trở thành chủ yếu và thay thế nhiều biện pháp quản lý hành chính. Để quản lý ngoại tệ, những biện pháp được sử dụng trong cơ chế cũ như ấn định tỷ giá cứng, giao nộp ngoại tệ... đã chứng tỏ kém hiệu quả trong thực tế. Vì vậy, việc thực hiện tỷ giá linh hoạt, đồng thời can thiệp vào tỷ giá bằng biện pháp kinh tế, tác động thông qua mua bán trên thị trường ngoại tệ chính thức, là chính sách đã được lựa chọn và bước đầu có kết quả rõ. Ngân hàng

Digitized by Google

trung ương có quỹ dự trữ ngoại tệ để tham gia vào thị trường này với tư cách người mua, người bán có tiềm năng lớn nhất. Hoạt động của ngân hàng trung ương trên thị trường hối đoái không nhằm mục tiêu lợi nhuận mà nhằm mục tiêu loại trừ những đột biến ngắn hạn về cung, cầu, ổn định tỷ giá một cách tương đối, nhằm giảm thiểu những chấn động tới môi trường kinh tế vĩ mô. Cũng như trong các lĩnh vực khác, sự can thiệp của nhà nước thông qua quỹ dự trữ ngoại tệ vào thị trường hối đoái chỉ đóng vai trò "bộ giảm xóc" gắn vào cỗ xe kinh tế thị trường, chứ không thay thế cho cơ chế vận hành của cỗ xe đó.

Ở nước nào cũng vậy, đồng tiền được ưa chuộng là đồng tiền ổn định. Thực tế diễn biến ở nước ta qua mười năm đổi mới một lần nữa đã chứng tỏ điều đó. Từ năm 1989, khi lạm phát bị chặn đứng và kiềm chế ở mức thấp thì chẳng cần cấm đoán hay bắt buộc người ta vẫn mua sắm, kể cả tài sản lớn như nhà, ô tô, xe máy... chủ yếu bằng VND chứ không phải bằng vàng hay ngoại tệ. Kinh nghiệm cho thấy biện pháp cấm đoán không giải quyết được vấn đề, mà chỉ làm tăng thêm "kinh tế ngầm".

Hiện nay, một số nhà kinh tế Việt nam kiến nghị tiến hành áp dụng đồng thời *hai* giải pháp : nâng tỷ giá ngoại tệ so với tiền Việt nam để kích thích xuất khẩu, và cắt giảm chi tiêu để kiềm chế lạm phát. Giải pháp đầu, trong điều kiện hiện nay, có thể phát sinh ra hiệu ứng ngược ; tức là kìm hãm sản xuất và xuất khẩu. Còn giải pháp sau sẽ làm trầm trọng thêm thất nghiệp do thu hẹp cầu sẽ dẫn tới giảm cung và giảm việc làm. Tăng tỷ giá ngoại tệ sẽ làm tăng giá hàng nhập khẩu. Vì hàng nhập khẩu của ta hơn 80% (kim ngạch) là thiết bị máy móc và nguyên liệu cho sản xuất, khi giá của chúng tăng lên tất yếu dẫn đến tăng chi phí đầu vào của các xí nghiệp và hậu quả là đẩy giá hàng lên. Sự tăng giá cả trong nước sẽ kéo theo một sự sụt giá mới của đồng tiền Việt nam. Như vậy, một vòng luẩn quẩn có thể xuất hiện, trong đó lạm phát và tăng tỷ giá ngoại tệ sẽ tăng cường lẫn nhau, nó có thể làm cho nền kinh tế lún sâu vào lạm phát và mất ổn định.

Theo chúng tôi, trong điều kiện nước ta, nhập siêu mỗi năm hơn 1 tỷ USD (năm 1994 là 1,4 tỉ USD) và nhà nước phải mua ngoại tệ để trả nợ nước ngoài vài trăm triệu USD mỗi năm, thì việc nâng giá đồng tiền Việt nam sẽ có nhiều cái lợi :

- Về phía *nhà nước*, số tiền VND mua USD để trả nợ sẽ ít hơn so với trường hợp giảm giá VND. Với tỷ giá 11 000 VND/1USD thì để trả nợ 1 triệu USD, nhà nước chỉ cần 11 tỷ VND, nếu tỷ giá tăng lên 12 000 VND/1 USD thì rõ ràng là nhà nước cần tới 12 tỉ VND. Số hàng hóa nhập siêu thường là hàng hóa đầu tư, với tỷ giá thấp, với một lượng vốn đầu tư nhất định, tài sản đầu tư sẽ nhiều hơn, tài sản cố định trở nên rẻ hơn. Điều đó sẽ kích thích đầu tư vào sản xuất.

- Về phía *người tiêu dùng*, cũng có lợi vì hàng hóa tiêu dùng cao cấp nhập khẩu trở nên rẻ hơn tạo điều kiện thuận lợi cho các gia đình mua sắm tài sản, và do đó nâng cao đời sống cho họ. Điều này rất quan trọng vì đó là mục tiêu cuối cùng và cao nhất của hoạt động kinh tế.

- Nếu gắn xuất khẩu với nhập khẩu, thì đối với trường hợp các doanh nghiệp vừa xuất khẩu vừa nhập khẩu, rõ ràng sự lên xuống tỷ giá không ảnh hưởng đáng kể tới lợi ích doanh nghiệp. Khi tỷ giá biến động, họ được lợi bao nhiêu về xuất khẩu thì sẽ có "thiệt hại" bấy nhiêu về nhập khẩu và ngược lại. Hai khâu đó có thể bù trừ lẫn nhau. Chỉ có ai kinh doanh một chiều, xuất mà không nhập, mới bị thiệt hại khi đồng nội tệ lên giá.

Thực ra, phá giá đồng tiền chỉ khuyến khích xuất khẩu khi sự phá giá đó không gây ra lạm phát. Trong điều kiện đó, giá mua hàng trong nước để xuất khẩu không tăng, nhưng giá xuất khẩu quy đổi ra đồng nội tệ tăng lên, lợi nhuận xuất khẩu sẽ tăng. Khi có lạm phát, giá hàng trong nước tăng, đầu vào và đầu ra cùng tăng, lợi nhuận xuất khẩu sẽ không thay đổi. Trong trường hợp như vậy, việc phá giá đồng bản tệ không những sẽ có hại cho xuất khẩu mà còn cho cả nền kinh tế quốc dân ⌟

Digitized by Google

ẤN TƯỢNG ĐẤT MŨI

TIẾN HẢI

ĐẦU tháng 7-1975, khi miền Nam mới giải phóng, tôi đã có dịp được vào tỉnh Cà mau để viết bài về mảnh đất tận cùng Tổ quốc. Mãi đến cuối tháng 6 năm nay, tức là sau 20 năm tròn, tôi mới lại có dịp trở lại mảnh đất đã để lại trong tôi biết bao kỷ niệm tốt đẹp. Khi xe chúng tôi qua thị xã Bạc liêu để xuống Cà mau, trong lòng tôi trào lên một niềm vui và xúc động thật khó tả.

Vẫn con đường xưa, 20 năm về trước rất nhỏ hẹp, đầy ổ trâu ổ gà. Hai bên đường chỉ là trời, nước mênh mông, lác đác những mái tranh nghèo xơ xác. Thế mà giờ đây nó đã là con đường rải nhựa phẳng lì, rộng phải gấp đôi đường cũ. Hai bên đường, các thị trấn, thị tứ mọc lên san sát. Thị xã Cà mau đổi thay đến kỳ diệu. Thị xã được mở rộng có lẽ gấp 3-4 lần so với ngày mới giải phóng, các nhà tầng đủ kiểu, đường phố sạch sẽ, điện đường sáng choang, các khách sạn, nhà hàng, cửa hiệu nhấp nháy đèn mầu đủ loại...

Những cảm nhận ban đầu về sự đổi thay của mảnh đất tận cùng Tổ quốc ấy càng về sau càng được củng cố và khẳng định mạnh mẽ trong tôi. Qua những buổi làm việc với các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, qua những cuộc chuyện trò với bà con mà chúng tôi tiếp xúc, qua những gì mắt thấy tai nghe ở xã ở huyện, ở những cơ sở sản xuất kinh doanh của Minh hải, tôi có thể khẳng định rằng : 20 năm dưới chính quyền cách mạng, Minh hải có sự phát triển diệu kỳ ; đảng bộ và nhân dân Minh hải đạt được nhiều thành tựu to lớn.

1 - *Thành tựu có ý nghĩa hàng đầu của Minh hải trong 20 năm qua là đã khôi phục, cải tạo, xây dựng và phát triển nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa với tốc độ tăng trưởng tương đối khá, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao.*

Là một tỉnh căn cứ địa cách mạng, bị địch đánh phá ác liệt, cơ sở vật chất - kỹ thuật của chế độ cũ để lại hầu như không có gì, nhưng lại là tỉnh có tiềm năng lớn, các nguồn tài nguyên phong phú, đa dạng và có ba thế mạnh là nông - ngư - lâm nghiệp. Minh hải đã tổ chức, sắp xếp lại nền kinh tế sao cho bảo đảm được sự ổn định, tiến tới ngày càng phát triển và thích nghi nhanh với cơ chế thị trường. Hiện nay, cơ cấu kinh tế ở Minh hải đang chuyển dịch theo hướng : nông - ngư - lâm - công nghiệp - dịch vụ.

Việc xác định cơ cấu vùng lãnh thổ của tỉnh cũng luôn được chú ý điều chỉnh cho phù hợp. Lúc đầu Minh hải được phân chia thành hai vùng kinh tế, rồi sau đó là bốn vùng, và đến nay, theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010, Minh hải được chia thành *ba vùng kinh tế* rõ rệt : vùng kinh tế nội địa, vùng kinh tế ven biển và vùng kinh tế biển. Các ngành, các huyện thị trong tỉnh cũng đã xây dựng xong quy hoạch phát triển của ngành mình, địa phương mình đến năm 2010. Đó sẽ là cơ sở quan trọng để các ngành, các địa phương xây dựng được các dự án gọi vốn đầu tư trong nước và nước ngoài đúng định hướng, có hiệu quả.

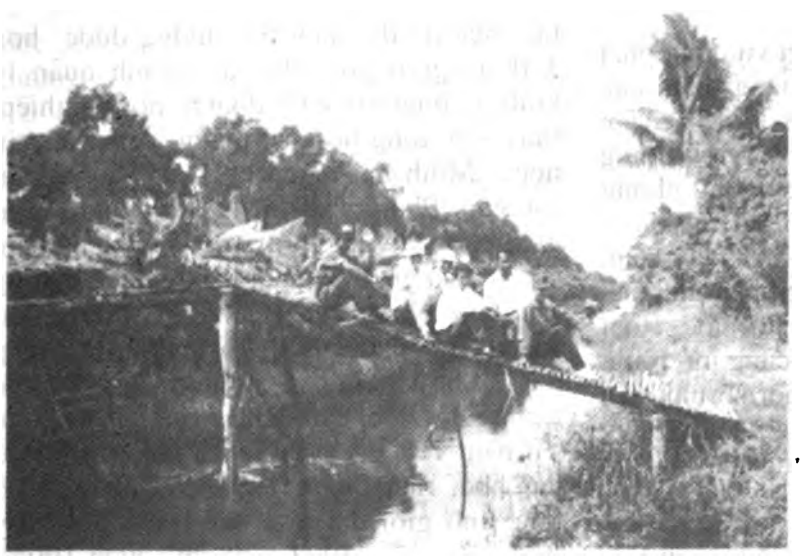
Do xây dựng và phát triển đúng hướng cho nên tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế ở Minh hải tương đối nhanh. Tổng sản phẩm của tỉnh mấy năm nay bình quân mỗi năm tăng 42,5% so với thời kỳ 1976-1980 và 4,25% so với thời kỳ 1981-1990. Tất cả các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư

Digitized by Google

nghiệp, công nghiệp và dịch vụ đều có dấu hiệu phát triển đáng mừng.

Nông nghiệp ở Minh hải luôn được coi là "mặt trận hàng đầu". Giá trị sản lượng nông nghiệp tăng bình quân hằng năm là 3,5%. Đã tập trung khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích được gần 90 000 ha. Các biện pháp thâm canh, tăng vụ, đổi mới cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ, việc ứng dụng những tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp được đặc biệt chú ý. Công tác thủy lợi hóa, cơ giới hóa phát triển nhanh. Minh hải cũng đã thực hiện tốt các chính sách mới của Đảng và Nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn và nông dân như : xác định hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, cấp giấy giao quyền sử dụng đất lâu dài, cho nông dân vay vốn, giải quyết về cơ bản việc tranh chấp đất đai... Những điều đó đã tạo nên động lực cho nông nghiệp phát triển. Từ năm 1991, sản lượng lúa của Minh hải năm nào cũng đạt trên 1 triệu tấn (là thành viên của câu lạc bộ các tỉnh đạt 1 triệu tấn/năm). Một số huyện có phong trào thâm canh khá, nhiều năm dẫn đầu toàn tỉnh về diện tích; năng suất và sản lượng, đó là các huyện Vĩnh lợi, Hồng dân, Giá rai. Diện tích cây công nghiệp từ chỗ chưa chiếm nổi 1% (năm 1976), nay đã đạt 12%. Giá trị sản lượng chăn nuôi từ 16% (năm 1976), nay tăng lên 39%.

Ngư nghiệp là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, có tiến bộ vượt bậc từ năm 1981 nhờ có chủ trương của Chính phủ cho phép các địa phương thực hiện cơ chế tự cân đối, tự trang trải, tạo điều kiện để thực hiện ba mục tiêu : đầu tư cơ sở vật chất cho ngư nghiệp phát triển, có hàng hóa xuất khẩu, cải thiện đời sống ngư dân. Minh hải đã nhạy bén vận dụng chủ trương trên có kết quả, hình thành các mô hình thủy sản liên doanh ba cấp (trung ương, địa phương, cơ sở) từ đó đã đưa ngành thủy sản vượt qua được thời kỳ sa sút (1976-1980). Từ năm 1981 đến nay, ngành thủy sản Minh hải phát triển với tốc độ tương đối nhanh. Tổng sản lượng khai thác, nuôi trồng thủy sản năm 1994 đạt 151 000 tấn, gấp rưỡi năm 1976, riêng tôm gấp 2 lần ; chế biến tôm đông lạnh từ 25 tấn (năm 1977), nay tăng lên 19 000 tấn ; giá trị xuất khẩu từ 3,6 triệu USD (năm 1977), nay tăng lên 124 triệu (bằng mức xuất khẩu thủy sản của cả nước đầu những năm 80). Các cơ sở vật chất tăng lên đáng kể. Số lượng các tàu thuyền lớn có thể ra khơi xa đánh bắt hải sản được tăng nhanh. Các nhà máy chế biến thủy sản từ chỗ là con số không sau ngày giải phóng, đến nay đã có 15 nhà máy tương đối hiện đại, công suất gần 30 000 tấn/năm. Hàng trăm trại tôm giống đã được hình thành. Công tác bảo vệ nguồn lợi, khuyến ngư và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật bước đầu được quan tâm. Đời sống ngư dân có bước cải thiện rõ rệt.



Lâm - ngư trường sông Trẹm - Minh hải

Lâm nghiệp có vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế của Minh hải. Mặc dù ngành lâm nghiệp vẫn còn nhiều tồn tại cần giải quyết, song phải ghi nhận một thực tế là nó đã có những tiến bộ đáng kể.

Digitized by Google

Đến nay, Minh hải đã trồng mới và khoanh nuôi **số rừng mới** tái sinh 144 000 ha. Xác lập được một hệ thống sản xuất, kinh doanh, quản lý, bảo vệ rừng trên toàn bộ diện tích có rừng, chuyển từ rừng vô chủ đến rừng có chủ. Đã giao đất, giao rừng cho 10 600 hộ với diện tích 67 000 ha. Xây dựng được một số mô hình lâm nghiệp xã hội chủ nghĩa có hiệu quả cả ở vùng rừng đước và rừng tràm như các lâm - ngư trường : Tam giang 3, Kiến vàng, 184. Đặc biệt, lâm - ngư trường sông Trẹm được coi là mô hình kinh doanh tổng hợp, tự lực, tự cường đi lên với phương châm lấy ngắn nuôi dài, lấy ngư nghiệp nuôi lâm nghiệp, biết triệt để khai thác tài nguyên vốn rừng, biến từ không đến có rừng. Năm 1985 lâm - ngư trường sông Trẹm đã được Nhà nước ta tuyên dương là đơn vị anh hùng.

Ngành công nghiệp của Minh hải từ sau ngày giải phóng đã được cải tạo, tổ chức lại và đầu tư mới theo hướng phục vụ cho các thế mạnh của tỉnh. Số nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng nhanh. Nhịp độ tăng trưởng bình quân hằng năm của công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là 15%. Vì thế, tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế chung ngày càng cao, tăng nhanh được giá trị xuất khẩu, góp phần đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ngành thương mại, dịch vụ cũng phát triển. Mấy năm nay, giá trị tăng thêm của ngành bình quân hàng năm là 15%. Thị trường hoạt động ngày càng sôi nổi, thông thoáng, vật tư, hàng hóa ngày càng phong phú về số lượng, chủng loại. Đã xây dựng mới và nâng cấp được một số khách sạn, nhà hàng, đáp ứng được về cơ bản nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước. Hoạt động kinh tế đối ngoại ngày càng mở rộng, bước đầu đã thu hút được một số nhà đầu tư. Kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh : năm 1994 đạt 123 triệu USD, tăng gấp 34 lần so với năm 1976.

2. *Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa xã hội có những bước tiến đáng kể.*

20 năm qua, **sự nghiệp giáo dục đào tạo** của Minh hải được củng cố, cải cách và có những bước phát triển nhanh. Mạng lưới trường lớp, các cơ sở trường học phát triển rộng khắp đến tận các xóm, ấp, đáp ứng yêu cầu học tập của con em nhân dân. Hiện nay, ở Minh hải cứ 5 người dân có 1 người đi học; tất cả các xã đều có trường cấp 2 ; mỗi huyện có từ 1 đến 2 trường cấp 3 ; học sinh cấp 2-3 có 67 800 em, tăng gấp 5 lần so với năm 1975 ; tổng số học sinh các cấp là 360 000, tăng gấp hơn 3 lần so với năm 1975 ; tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học được huy động đến trường đạt 80%. Cơ sở vật chất được đầu tư phát triển nhanh. Hiện có 423 trường với 5 451 phòng học, trong đó phòng học kiên cố và bán kiên cố chiếm 50%, tăng gấp 4 lần so với năm 1975. Những năm gần đây, đầu tư cho ngành giáo dục chiếm 25-30% ngân sách. Các loại hình trường chuyên, lớp chọn, trường bán công... được hình thành và phát huy tác dụng tốt. Hệ thống trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp được mở ra từ năm 1985 bao gồm : trung tâm đại học tại chức, các trường sư phạm, trường kinh tế, kỹ thuật, các trường nghiệp vụ, các trung tâm dạy nghề... đã đáp ứng được đáng kể yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật. Riêng trung tâm đào tạo đại học tại chức đã đào tạo, bồi dưỡng được hơn 3 000 người gồm đủ các ngành quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh, nông nghiệp, thủy sản, tổng hợp, sư phạm, Anh văn, tin học... Minh hải hiện có 10 439 giáo viên các cấp. Phẩm chất, năng lực của đội ngũ giáo viên đáp ứng được yêu cầu. Hằng năm có 70% số giáo viên đạt danh hiệu lao động tiên tiến. Chất lượng giảng dạy có tiến bộ rõ rệt. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp đạt 80-85%. Số học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng ngày càng nhiều. Từ năm 1985 đến nay có 2 057 em thi đỗ đại học, riêng năm 1994 có 530 em. Số học sinh giỏi đạt giải cấp quốc gia ngày một tăng (năm 1993 : 20 em ; năm 1994 : 30 em ; và 6 tháng đầu năm 1995 : 47 em).

Digitized by Google

Đây là những thành tích đáng khích lệ, góp phần đào tạo nhân tài cho đất nước.

Sự nghiệp y tế cũng đạt được những thành tích đáng phấn khởi. Mạng lưới y tế đã được củng cố và phát triển đến tận các thị trấn và các xã. Cấp tỉnh có 2 bệnh viện lớn, có 10 bệnh viện ở cấp huyện và ở các cơ sở kinh tế quan trọng, 20 phòng khám đa khoa khu vực và 100 trạm y tế xã, phường. Đội ngũ thầy thuốc ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Năm 1975, lực lượng y tế của toàn tỉnh chỉ có 33 bác sĩ, 12 dược sĩ, 179 y sĩ, chủ yếu là lực lượng hữu dụng. Đến nay, đội ngũ này đã lên tới con số trên 3 000, trong đó có 442 bác sĩ, 12 bác sĩ chuyên khoa cấp I và cấp II, 40 dược sĩ cao cấp. Bình quân cứ 1 vạn dân có 8,5 bác sĩ. Những con số nêu trên so với nhiều địa phương khác là quá bình thường, song so với chính bản thân tỉnh Minh hải thì đó là sự tiến bộ vượt bậc.

Đời sống văn hóa và **trình độ dân trí** của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Hiện nay, mạng lưới điện quốc gia đã về tới tất cả các huyện thị và các cơ sở kinh tế lớn. Tại các nơi đó, ti vi có thể bắt được rất nét các chương trình của Đài truyền hình trung ương. Tính đến nay cứ 3 hộ có 1 phương tiện nghe nhìn. Đặc biệt, mạng lưới điện thoại đã phủ kín các xã, kể cả ở những vùng xa xôi nhất. Cả 11 huyện thị của Minh hải đều có nhà văn hóa và đã xây dựng được đội văn nghệ nghiệp dư. Hơn 100 xã, phường, cơ quan, xí nghiệp, trường học có tổ đội văn nghệ và tổ thông tin lưu động. Hằng năm, tỉnh và các ngành đã tổ chức nhiều cuộc hội diễn văn nghệ, hội đua thuyền, hội thi người đẹp đất mũi... Qua đó, lựa chọn được nhiều giọng hát hay và những tài năng trẻ tham gia hội thi toàn quốc, hội thi các tỉnh phía Nam và đồng bằng sông Cửu long. Các "điểm trắng" về đời sống văn hóa không còn.

Các **chính sách xã hội** được giải quyết rất tốt. Toàn tỉnh Minh hải có 27 500 liệt sĩ, 18 000 thương binh, 24 000 gia đình liệt sĩ, hàng nghìn gia đình có công với cách mạng, 721 bà **mẹ được phong** tặng danh hiệu "Bà mẹ Việt nam anh hùng"... Việc thực hiện các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với các đối tượng nói trên được tiến hành thường xuyên. Các ngành, các địa phương tích cực triển khai các phong trào lập quỹ bảo trợ xã hội, quỹ đền ơn đáp nghĩa, phong trào làm nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm, nhận thương binh nặng về sống với gia đình v.v.. Những việc làm thiết thực như thế đã góp phần an ủi, động viên những người có nhiều hy sinh mất mát và giáo dục đạo lý "uống nước nhớ nguồn" cho con cháu.

3 - *Xây dựng được hệ thống chính trị vững mạnh, bảo đảm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ.*

Trong những thành tựu chung nói trên của Minh hải, hệ thống chính trị, mà nổi bật là vai trò lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, giữ vị trí quyết định.

Sau ngày giải phóng, đảng bộ Minh hải bước vào giai đoạn cách mạng mới với đội ngũ 7 000 đảng viên nhưng cơ cấu không đồng bộ, tỷ lệ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế trong đảng bộ rất thấp. Để đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ mới, đảng bộ Minh hải đặc biệt coi trọng công tác xây dựng đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức ; xác định rõ phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng đảng là nhiệm vụ then chốt.

Đến nay, Minh hải đã có 583 cơ sở đảng với trên 18 000 đảng viên hoạt động đều khắp trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy đảng, chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng lên rõ rệt. Số cơ sở đảng yếu kém ngày một giảm, số cơ sở đảng trong sạch vững mạnh ngày một tăng (46%), có 70% số đảng viên phát huy tốt tác dụng của mình. Đội ngũ đảng viên xuất thân từ giai cấp công nhân, trí thức và trong giới trẻ có kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật ngày càng nhiều.

Qua các phong trào hành động cách mạng, đội ngũ đảng viên càng được tăng

Digitized by Google

cường và trưởng thành, số cấp ủy viên các cấp có trình độ văn hóa khoa học kỹ thuật được bổ sung ngày càng nhiều. Cơ cấu đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và các đoàn thể ngày càng được cân đối với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn cách mạng.

Bộ máy chính quyền các cấp được kiện toàn và nâng cao năng lực quản lý. Hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp có chất lượng hơn. Năng lực cụ thể hóa, quản lý điều hành của ủy ban nhân dân các cấp có tiến bộ. Việc thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng thiết thực hơn. Việc quản lý xã hội theo pháp luật từng bước được định hình và có hiệu quả, thúc đẩy được nền kinh tế phát triển và giữ vững được sự ổn định chính trị.

Công tác vận động quần chúng được các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền quan tâm hơn. Hoạt động của các đoàn thể quần chúng và của Mặt trận Tổ quốc có sự vươn lên. Các hình thức tập hợp quần chúng đa dạng hơn, phong phú hơn theo hướng gắn với lợi ích thiết thân của họ nên đã thu hút được đông đảo quần chúng vào các tổ chức phù hợp, tạo được một số phong trào sôi nổi, thiết thực. Quyền làm chủ của nhân dân được tôn trọng. Nhân dân ngày càng nhận thức đúng và rõ quyền và nghĩa vụ của mình. Điều đó được thể hiện qua các đợt sinh hoạt chính trị lớn như bầu cử Quốc hội, bầu cử hội đồng nhân dân, tham gia đóng góp xây dựng các bộ luật...

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã tổ chức được nhiều phong trào của tuổi trẻ xây dựng quê hương giàu đẹp và làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Phong trào công nhân và tổ chức công đoàn có sự phát triển nhảy vọt. Từ vài trăm người khi mới giải phóng, đến nay lực lượng công nhân, lao động Minh hải đã có 6,5 vạn người. Đặc biệt, sự ra đời của các cơ sở công nghiệp chế biến thủy sản đã tập hợp được hơn 1 vạn lao động. Lực lượng đó đã góp phần xứng đáng vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội, là lực lượng gắn liền với sản xuất kinh doanh nên đồng thời là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Phong trào phụ nữ và tổ chức hội phụ nữ các cấp phát triển mạnh mẽ. Các tổ chức hội đã có nhiều hình thức hoạt động phong phú, thiết thực, do đó đã tập hợp được đông đảo chị em, làm cho chị em gắn bó ngày càng chặt chẽ với tổ chức của mình. Đây có thể nói là lực lượng rất quan trọng, góp phần tạo nên sự vững mạnh của hệ thống chính trị.

*

Thành tựu là to lớn. Song trước mắt đảng bộ và nhân dân Minh hải là con đường còn lắm chông gai. Những khó khăn, thách thức còn rất lớn. Thí dụ, cơ sở vật chất hạ tầng còn rất mỏng. Việc đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục và y tế do hoàn cảnh đặc thù của Minh hải còn gặp rất nhiều khó khăn. Và cũng vì thế, việc phấn đấu nâng dân trí Minh hải lên ngang với mặt bằng chung của các địa phương phát triển trong những năm tới là một vấn đề có lẽ ít tính khả thi ?

Song, từ những thuận lợi và khó khăn, từ những thành công và tồn tại, chúng tôi tin rằng đảng bộ và nhân dân Minh hải sẽ rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu để tiếp tục phát triển và trưởng thành ❑

Digitized by Google

Một số vấn đề rút ra qua việc XÂY DỰNG KHU CHẾ XUẤT Ở TP HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN CHƠN TRUNG *

NĂM 1991, TP Hồ Chí Minh được Trung ương cho lập 2 khu chế xuất Tân thuận và Linh trung với các mục tiêu : thu hút vốn đầu tư ngoài nước và trong nước ; giải quyết công ăn việc làm ; tiếp thu kỹ thuật hiện đại và phương pháp quản lý tiên tiến ; tạo nguồn thu ngoại tệ. Mục tiêu bao trùm là góp phần tạo động lực để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhằm phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

Dự tính đến năm 1997 sẽ có 230-250 xí nghiệp ở Tân thuận và Linh trung, với tổng số vốn đầu tư trên 600 triệu USD, doanh thu xuất, nhập khẩu từ 2,5 đến 3 tỷ USD, khối lượng hàng hóa xuất, nhập khẩu khoảng trên 3 triệu tấn một năm, giải quyết việc làm cho 80 ngàn lao động ; trong đó có khoảng 5 000 - 6 000 quản trị viên, nhân viên kỹ thuật cao cấp và 40 000 - 50 000 công nhân lành nghề. Theo ước tính của các chuyên gia Đài loan, nếu hình thành 5 cụm công nghiệp vệ tinh khu chế xuất trên tuyến bắc Nhà Bè, nam Bình chánh thì lực lượng lao động sẽ tăng lên từ 250 000 đến 300 000 người. Như vậy, số quản trị viên, nhân viên kỹ thuật cao cấp, công nhân lành nghề sẽ gấp 3 lần các khu chế xuất và với việc xây dựng 5 cụm dân cư trên địa bàn sẽ có hàng vạn hộ gia đình của công nhân và nhân dân từ nội thành ra.

Ngày 08-12-1994 Thủ tướng Chính phủ lại ra quyết định phê duyệt quy hoạch chung khu đô thị mới Bình chánh-Nhà Bè, nam TP Hồ Chí Minh. Đây là khu đô thị mới phát triển cùng với khu đô thị hiện có, là một bộ phận cấu thành của TP Hồ Chí Minh. Khu đô thị mới sẽ là một trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ, công nghiệp, khoa học, văn hóa giáo dục, cư trú, sinh hoạt nghỉ ngơi giải trí và giao thông vận tải ; hỗ trợ cho sự phát triển của khu vực nam và đông nam Thành phố.

Sau hơn 2 năm khu chế xuất Tân thuận và Linh trung đi vào hoạt động, bước đầu có thể *rút ra một số nhận xét:*

1- Hai khu chế xuất này đã thu hút 87 công ty đăng ký thuê đất, trong đó có 52 công ty được cấp giấy phép đầu tư, với diện tích đất thuê hơn 45 ha và số vốn đầu tư hơn 180 triệu USD. Hiện đã có 11 xí nghiệp đi vào hoạt động, 18 xí nghiệp đang xây dựng. Số còn lại đang làm thủ tục xây dựng. Trên 35 công ty đang làm thủ tục xin phép đầu tư. Có 2 500 lao động đã được các xí nghiệp khu chế xuất tuyển dụng, trong đó 70% là lao động nữ. Trong số nhà đầu tư đăng ký đặt cọc thuê đất có tổng số vốn đầu tư trên 240 triệu USD và trên 77 ha diện tích đất thuê, 7 xí nghiệp đã xuất khẩu 22 triệu USD. Vốn đầu tư bình quân cho một xí nghiệp là 3,8 triệu USD. Xí nghiệp có vốn đầu tư thấp nhất là 1 triệu USD và cao nhất là 20 triệu USD. Xí nghiệp điện Hiệp phước là 205 triệu USD (hưởng quy chế khu chế xuất). So với khu chế xuất Đài loan : 7 năm sau (1966-1973) mới đạt vốn đầu tư 100 triệu USD, 15 năm sau diện tích cả 3 khu chế xuất là 189 ha và vốn đầu tư một xí nghiệp là 4 triệu USD, sau nhiều năm hoạt động.

- Về cơ cấu mặt hàng của các xí nghiệp đã cấp phép phần lớn là các ngành : sợi, dệt, da, may, cơ khí chính xác, nhựa, điện tử, vi điện tử, điện công nghiệp và gia dụng, chế biến thực phẩm, bao bì các loại. Đa số máy móc thiết bị hiện đại, tự động hóa cao. Có bộ phận máy móc, thiết bị đã sử dụng, nhưng giá trị sử dụng còn lại bắt buộc nhà đầu tư phải đảm bảo trên 80%.

- Số nước đầu tư vào khu chế xuất Tân thuận và Linh trung được xếp thứ tự : Đài loan : 46 ; Nhật bản : 27 ; Hàn quốc : 8 ; Thái lan : 1 ; Hồng kông : 2 ; Việt nam : 1 ; Xin-ga-po : 1 ; Mỹ : 1. Trung quốc liên doanh đầu tư cơ sở hạ tầng khu chế xuất Linh trung (riêng Linh trung có 4 xí nghiệp đã cấp phép).

2- Về quản lý, nhờ thực hiện cơ chế "*một cửa*" ở nhiều khâu quản lý nên Ban quản lý các khu chế xuất đã giải quyết các thủ tục đầu tư và sản xuất kinh doanh nhanh chóng. Theo quy định thẩm định dự án và cấp phép từ 30 ngày đến 60 ngày nay giảm xuống còn 10 ngày, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư góp phần cải thiện môi trường đầu tư.

Tùy theo từng loại hình và tính chất của từng dự án, nhà đầu tư chỉ cần trả lời đầy đủ những nội dung chủ yếu

* Ủy viên Ban quản lý các khu chế xuất TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

trên là sẽ được cấp phép. Hội đồng thẩm định không quy định thời gian cố định xét duyệt trong tháng hay trong năm mấy lần, mà sẽ họp xét duyệt ngay khi có nhà đầu tư nộp đơn để cho kịp nhu cầu. Thủ tục cho thuê đất và thủ tục cấp phép nằm trong quy trình khép kín. Hiện nay, Ban quản lý đang chỉ đạo xây dựng quy trình từ khi được cấp phép cho đến khi xí nghiệp chính thức hoạt động với thời gian ngắn nhất.

3 - Ban quản lý các khu chế xuất ở thành phố, bước đầu đã quen việc và luôn luôn đổi mới quy trình, phương pháp làm việc.

Các phòng, ban trực thuộc Ban quản lý đều có quy trình nghiệp vụ về thủ tục quản lý hành chính và điều hành theo quy trình. Các quy trình đều in ra thành văn bản, phát hành công khai, để nhà đầu tư biết và cùng thực hiện. Song song với việc thiết lập các quy trình nghiệp vụ, Ban quản lý thống nhất định mức thu nộp và sử dụng lệ phí đối với các xí nghiệp khu chế xuất theo tinh thần Nghị quyết 38CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 4-5-1994 với nguyên tắc : có lợi cho ta, nhà đầu tư chấp nhận được, và không làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư. Xây dựng quy chế tổ chức và bố trí cán bộ với tinh thần gọn nhẹ, trọng chất lượng hơn, thực hiện chế độ chuyên viên và công việc cần đến đâu tổ chức đến đó không bầy biện, và với phương châm một người có thể làm nhiều việc. Hiện nay, ngoài các phòng, ban chuyên môn, đã triển khai xây dựng các bộ phận thuế, hải quan, công an, ngân hàng trực thuộc Ban quản lý khu chế xuất. Xây dựng mối quan hệ thuận lợi đối với trung ương và địa phương theo quy chế khu chế xuất.

4 - Tuy còn nhiều hạn chế, khó khăn và cản trở, nhưng nhờ vận hành theo cơ chế "*một cửa*", nên hoạt động của khu chế xuất bước đầu có hiệu quả và gây ấn tượng tốt, tạo sức thu hút đối với các nhà đầu tư. Với số lượng năm sau cao hơn năm trước, và nhịp độ ngày một nhộn nhịp hơn. Ví dụ :

- Một số xí nghiệp khu chế xuất sau thời gian được giấy phép, đi vào hoạt động thấy tình hình làm ăn thuận lợi đã xin tăng vốn hoạt động (như công ty Hoàng Việt đã đầu tư 7 triệu USD xin tăng lên 10 triệu USD).

- Một số xí nghiệp kỹ thuật tiên tiến của Nhật bản đã vào đầu tư. Trong năm 1994 trung bình mỗi tháng có một xí nghiệp Nhật bản đầu tư vào khu chế xuất Tân thuận. Ba tháng đầu năm 1995 vẫn giữ được nhịp độ này, có xí nghiệp còn khẩn trương hơn.

- Xí nghiệp kỹ thuật cao CIS của Đài loan sản xuất đĩa mềm máy vi tính đã được Ban quản lý cấp phép với số vốn đầu tư 13,8 triệu USD. Dự tính của xí nghiệp 3 năm đầu sản xuất gia công và xuất khẩu các đĩa mềm, 4 năm sau sẽ gia công chế tạo và xuất khẩu các đĩa quang ; hệ thống tư liệu đĩa quang, máy fax cao tốc ; mạch IC màn hình đa thể ; máy vi tính và các thiết bị chu vi máy vi tính. Qua đó, đã xuất hiện khả năng thu hút xí nghiệp kỹ thuật cao với thiết bị hiện đại vào khu chế xuất với nhiều triển vọng tốt...

Mặc dầu vậy, các khu chế xuất ở TP Hồ Chí Minh vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục, như : cơ sở hạ tầng (điện, nước, đường sá...) còn chưa hoàn chỉnh. Giá thuê đất và các loại phí còn chưa hợp lý, làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư. Lực lượng lao động từ quản trị viên, nhân viên kỹ thuật cao cấp và công nhân lành nghề chưa có sự chuẩn bị sẵn sàng để đáp ứng nhu cầu nhà đầu tư về số lượng, chất lượng và tiến độ. Chưa huy động tốt các nhà đầu tư trong nước và người Việt định cư ở nước ngoài đầu tư vào khu chế xuất, và chưa đa dạng hóa các hình thức đầu tư. Cơ chế quản lý, các thủ tục hành chính vẫn chậm đổi mới.

5 - Có nhiều nguyên nhân dẫn đến kết quả trên, nhưng chủ yếu do các nguyên nhân sau :

- Trong khi cơ sở hạ tầng, luật pháp và các chính sách ưu đãi ở nước ta còn nhiều hạn chế so với các nước xung quanh, khu chế xuất TP Hồ Chí Minh thu hút được các nhà đầu tư như nêu trên là nhờ Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện chế độ quản lý "*một cửa*" theo thông báo 22-CP 4-2-1993. Việc thực hiện chế độ này bằng nguyên tắc ủy quyền của các ngành, các bộ dù chưa được hoàn chỉnh (còn một vài bộ, ngành chưa thực hiện chế độ ủy quyền cho Ban quản lý các khu chế xuất).

- Bên cạnh sự chỉ đạo và kiểm tra thường xuyên của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Thành ủy, Ủy ban nhân dân và các ngành của thành phố đã quan tâm tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho các khu chế xuất, Ban quản lý các khu chế xuất, các Công ty liên doanh, cũng như các công ty đầu tư vào khu chế xuất có nhiều nỗ lực, chủ động và tích cực. Đảng, Chính quyền, nhân dân hai huyện Nhà bè và Thủ đức hết lòng ủng hộ, nhất là việc di, dời dân để có mặt bằng triển khai xây dựng khu chế xuất. Các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề đã phối hợp với ban quản lý các khu chế xuất cung ứng kịp thời lao động cho các xí nghiệp khu chế xuất.

Còn nguyên nhân gây nên sự trì trệ, chậm chạp, chủ yếu vẫn là do chúng ta nhận thức chưa hết về vai trò, vị trí của khu chế xuất, hành động thiếu tập trung thống nhất, việc rút kinh nghiệm còn chậm chạp, chưa kịp thời.

*

* *

Từ sự phân tích ở trên, chúng tôi bước đầu nêu một số kiến nghị :

Digitized by Google

1- Cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn nữa vị trí, vai trò của các khu chế xuất. Một số nước chậm phát triển đã đi lên bắt đầu từ khu chế xuất. Với Việt nam, khi nền kinh tế còn sản xuất nhỏ là phổ biến thì khu chế xuất có vai trò là mũi đột phá để mở đường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế, góp phần giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển đất nước. Khu chế xuất là mô hình để thể nghiệm các chính sách kinh tế mới nhằm góp phần bổ sung vào chủ trương, đường lối, luật pháp ngày càng hoàn thiện hơn. Các chủ trương chính sách mới chưa thể áp dụng rộng rãi thì có thể đưa vào khu chế xuất áp dụng thử một thời gian, sau đó nhân rộng ra bên ngoài. Khu chế xuất Đài loan đã làm tốt phương thức này. Tuy còn nhiều khó khăn nhưng theo đánh giá của nhiều người nước ngoài đã từng phụ trách, làm việc ở các khu chế xuất ở Đài loan, Trung quốc... và từ thực tế ở các khu chế xuất ở TP Hồ Chí Minh, chúng ta có thể khẳng định rằng khu chế xuất ở TP Hồ Chí Minh sẽ thành công. Khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung và khu công nghiệp kỹ thuật cao, mỗi loại có thế mạnh, có thuận lợi, khó khăn khác nhau, nhưng chúng có quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ nhau, cái này là tiền đề, là chỗ dựa cho cái kia. Bởi vậy, liên kết chúng lại trên cùng một địa bàn chắc chắn sẽ tạo ra sức mạnh rất to lớn. Hoàn cảnh nước ta, không cho phép nôn nóng, nhưng cũng không nên đợi chờ. Mặt khác không thể phiêu lưu mà phải chắc chắn và kiên trì. Chúng ta cần biết khai thác hết các mặt mạnh của từng loại hình và kết hợp chặt chẽ các mặt mạnh ấy để tạo nên những bước nhảy vọt của công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

2 - Nên gắn quy hoạch phát triển các khu chế xuất với quy hoạch phát triển thành phố, khu vực và cả nước. Khi quy hoạch, Trung ương và thành phố cần tập trung chỉ đạo các khu chế xuất và vùng phía Nam Sài gòn, coi đó là một trong những trọng điểm để thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố. Xây dựng khu chế xuất Tân thuận và vùng kinh tế Nam Sài gòn thành đặc khu kinh tế có qui chế riêng, có bộ máy quản lý theo chế độ một đầu mối thống nhất (một cửa) sớm xây dựng và đưa vào hoạt động các công trình hạ tầng đường cao tốc Bắc Nhà Bè, Nam Bình chánh, nhà máy điện Hiệp phước, cảng Nước sâu, sông Soài Rạp ,v. v.. Như vậy, đặc khu kinh tế đó bao gồm khu chế xuất, các khu công nghiệp tập trung, cả khu công nghiệp kỹ thuật cao, các công trình văn hóa xã hội như quy hoạch Nam Sài gòn, mà Chính phủ đã phê duyệt. Tích cực cải thiện môi trường đầu tư khu chế xuất như cơ sở hạ tầng (điện, nước, giao thông...), thủ tục hành chính, các nguồn thu phí và lệ phí, giá cho thuê đất và cải tiến bộ máy quản lý thật năng động theo cơ chế quản lý *"một cửa"*.

3 - Khuyến khích nhà đầu tư sản xuất mặt hàng sử dụng nhiều nguyên vật liệu nội địa, góp phần thúc đẩy sản xuất công nghiệp và nông nghiệp thành phố phát triển. Đặc biệt, khuyến khích các xí nghiệp chế biến thực phẩm trong khu chế xuất liên kết với ngoại thành và các tỉnh đồng bằng sông Cửu long, đầu tư xây dựng các vùng nguyên liệu ổn định có kết hợp gia công chế biến, cung cấp cho xí nghiệp khu chế xuất, góp phần thực hiện chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp thành phố và khu vực. Khuyến khích các nhà đầu tư khu chế xuất tổ chức các khu công nghiệp làm vệ tinh gia công cho các xí nghiệp khu chế xuất. Mặt khác, cho phép xí nghiệp khu chế xuất được xuất vào nội địa nếu có yêu cầu, tỷ lệ từ 5% đến 10% tùy theo tính chất từng mặt hàng. Nguyên tắc chung là mặt hàng nào, nhất là nguyên liệu, Việt nam đang có yêu cầu nhập khẩu thì có thể cho xí nghiệp khu chế xuất xuất vào nội địa để bớt đi việc nhập khẩu từ bên ngoài, góp phần hạ giá thành sản phẩm xí nghiệp nội địa, để có sức cạnh tranh hàng nhập lậu.

Cần đa dạng hóa các đối tượng đầu tư và đa dạng hóa các hình thức đầu tư như quy chế đã quy định. Chú ý khuyến khích các nhà đầu tư trong nước và số người Việt nam định cư ở nước ngoài bỏ vốn và chất xám tham gia xây dựng các xí nghiệp trong các khu chế xuất. Có thể thành lập xí nghiệp liên doanh, hợp tác giữa công ty nội địa và công ty nước ngoài.

4 - Sử dụng các khu chế xuất thành nơi đào tạo cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và đội ngũ công nhân lành nghề ngang tầm với quốc tế, để góp phần thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong tương lai. Muốn vậy, cần phải cải tổ lại chương trình giáo dục theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đáp ứng được thị trường lao động. Nên hình thành các trung tâm bồi dưỡng nhân lực cho các khu chế xuất (cả khu công nghiệp tập trung). Các trường đại học, cao đẳng cần phối hợp với các xí nghiệp khu chế xuất, gắn chặt giáo dục đào tạo với thực tiễn công nghệ và quản lý tiên tiến.

5 - Kinh nghiệm một số nước có nền kinh tế gần gũi với Việt nam thường chia làm 3 bước trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, điển hình là Đài loan. *Bước đột phá* của họ mở đầu bằng việc lấy khu chế xuất làm trọng điểm. *Bước phát triển* mở rộng cả nước là hình thành các khu công nghiệp tập trung. *Bước nâng cao* là bằng khu công nghiệp kỹ thuật cao.

Khi áp dụng kinh nghiệm này ta không thể đi tuần tự như thế được, vì sẽ rất chậm. Chúng ta nên cùng một lúc làm cả ba bước. Mỗi bước có vai trò vị trí riêng của nó và bước này sẽ là tiền đề của bước kia. Nếu một trong ba bước bị đình đốn, hoặc thất bại sẽ ảnh hưởng tới hai bước kia

(Xem tiếp trang 46)

Digitized by Google

Kim bảng vượt lên trong phong trào XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC

PHAN QUỲNH ANH

LÀ một huyện lớn và có nhiều khó khăn về kinh tế của tỉnh Nam hà, từ rất nhiều năm nay Kim bảng chưa có điều kiện chăm lo phát triển văn hóa giáo dục. Mấy năm đầu đi vào cơ chế thị trường, tình hình giáo dục của Kim bảng càng xuống cấp nghiêm trọng. Trường sở ở các xã hầu hết là nhà cấp 4 đã bị dột nát, xiêu vẹo, năm này sang năm khác sửa chữa chắp vá vẫn không sao đủ mái che cho thầy và trò trong những ngày mưa bão. Tình trạng giáo viên bỏ nghề, học sinh bỏ học, mù chữ và tái mù chữ ngày một tăng...

Phải bắt đầu từ đâu và làm thế nào để khắc phục tình trạng đó, phát triển sự nghiệp giáo dục trên quê hương ? Nỗi trăn trở và câu hỏi dằn vặt ấy cứ thường xuyên ám ảnh đảng bộ và nhân dân Kim bảng. Rất may, Nghị quyết Trung ương 3 về "đổi mới và chỉnh đốn Đảng" và Nghị quyết Trung ương 4 về "tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo" đã giúp cho đảng bộ huyện Kim bảng tìm được lối ra. Đặc biệt, đã giúp chọn đúng "đột phá khẩu" đánh thẳng vào "mặt trận đói nghèo và dốt nát". Trong 6 chương trình kinh tế-xã hội và 4 chương trình chỉnh đốn đảng mà Nghị quyết Đại hội đảng bộ huyện lần thứ 20 đề ra, thì *chương trình xây dựng nông thôn mới* (gồm *ba* việc lớn : *xây trường, làm đường* và *xây bệnh xá*) được ban chấp hành đảng bộ huyện dành sự ưu tiên cao nhất.

Huyện đã có một quyết định rất táo bạo : *dốc sức chăm lo sự nghiệp giáo dục*, công việc bức xúc phải giải quyết dứt điểm trong một thời gian ngắn là *tất cả các xã trong huyện phải có trường cao tầng cho con em học tập*. Quyết định đó vừa hợp ý Đảng, vừa trúng lòng dân. Một phong trào xã hội hóa giáo dục trỗi dậy ngay ở nơi vừa mới đây còn phải khắc phục bao khó khăn do ngập lụt kéo dài. Chỉ trong vòng vài năm, bộ mặt Kim bảng đã đổi khác : đường làng ngõ xóm lát trải bê tông ; đường xuyên xã, xuyên huyện đổ đá trải nhựa ; điện đến tận vùng núi xa xôi... Và niềm tự hào, niềm vui lớn nhất của người dân Kim bảng là tận mắt thấy những ngôi trường cao tầng với hàng chục phòng học sừng sững bên hàng cây râm mát.

Ngày khánh thành những ngôi trường mới đó, có cụ già đã xúc động nói : "Tự ngàn đời, đất Kim bảng nghèo, cảnh tượng này có nằm mơ cũng không thấy". Quả thật, trong sự nghiệp đổi mới, chắc chắn còn nhiều điều khiến các cụ phải kinh ngạc. Chẳng hạn, những con số sau đây mà Kim bảng đạt được trong năm học 1993-1994 :

- 100% số xã trong huyện có trường xây cao tầng.

- 100% số trường học có đàn oóc-gan cho học sinh học nhạc và sinh hoạt ngoại khóa.

- 100% giáo viên và học sinh mặc đồng phục ngày đầu tuần và ngày lễ.

- 100% trường cấp I có thiết bị đồng bộ cho giảng dạy và học tập.

- 100% trường cấp II có thiết bị lý hóa sinh.

Cho đến cuối tháng 4-1995, huyện vẫn giữ vững diện phổ cập giáo dục cấp I ở cả ba tiêu chuẩn, và đã trở thành một trong hai huyện có nhiều đơn vị phổ cập cấp II nhất tỉnh.

Vậy là, trong lĩnh vực giáo dục, sau nhiều năm lẹt đẹt là một huyện trung bình yếu, một huyện kể sau, thường gọi là "huyện vân vân", năm học 1993-1994 Kim bảng đã vượt lên, trở thành đơn vị xuất sắc nhất tỉnh Nam hà - một trong những cái nôi có truyền thống giáo dục của miền Bắc.

Có được thành tựu lớn lao trong thời gian ngắn như vậy, Kim bảng đã rút ra được những bài học gì ? Bài học *đầu tiên* chính là sự *chuyển biến thực sự từ nhận thức đến hành động*

Digitized by Google

của toàn đảng, toàn dân và toàn ngành giáo dục Kim bảng về vai trò và vị trí của giáo dục trong việc bồi dưỡng, đào tạo lớp người mới, đủ năng lực, trí tuệ và phẩm chất đạo đức góp phần xây dựng quê hương mình nói riêng và đất nước nói chung. Bài học đó thoáng nghe tưởng không có gì mới. Song không phải như vậy. Điểm mới là chỗ *làm thế nào để tạo ra được* sự chuyển biến thực sự về nhận thức từ lãnh đạo đến từng người dân, kể cả những người không có con em trực tiếp đến trường học. Phải nói công việc này Kim bảng làm rất công phu, theo phương châm : *muốn thực hiện xã hội hóa giáo dục thì trước tiên phải giáo dục để toàn xã hội hiểu và làm giáo dục*. Phối hợp với các ban ngành, đoàn thể rà soát lại, nắm chắc thực trạng giáo dục từng địa bàn, phòng giáo dục Kim bảng đã làm tốt công tác tham mưu cho lãnh đạo huyện tổ chức đại hội giáo dục từ huyện đến các xã. Phòng giáo dục còn thực hiện việc tuyên truyền về mục đích, yêu cầu, ý nghĩa và nội dung cuộc vận động xã hội hóa giáo dục trong các kỳ họp hội đồng nhân dân huyện và các cuộc hội thảo ở cấp cơ sở. Huyện xác định rõ : quá trình xã hội hóa giáo dục phải do cấp ủy, chính quyền địa phương chủ trì, nhà trường làm tham mưu giúp cấp ủy đôn đốc thực hiện. Huyện quy định rõ quyền lợi và trách nhiệm của các ngành, các cấp về xây dựng giáo dục ; coi một trong những thước đo giá trị cơ bản của giai đoạn này là trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với sự nghiệp phát triển giáo dục. Việc tổ chức tốt đại hội giáo dục cấp cơ sở đã làm cho các xã có sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức, coi giáo dục là một phần trọng yếu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của mình. Đảng ủy các xã đều có nghị quyết chuyên đề về giáo dục, nghị quyết này được quán triệt đến từng cán bộ, đảng viên và từng người dân. Kết quả là kế hoạch phát triển giáo dục toàn huyện đến năm 2000 đã trở thành "chương trình tâm huyết" của toàn đảng, toàn dân Kim bảng.

Kế hoạch này *bắt đầu* bằng việc *xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục*. Điều đơn giản ai cũng dễ nhận thấy là nếu trường không ra trường, lớp không ra lớp, thì rất khó huy động học sinh đi học đủ, rất khó nâng chất lượng giáo dục đào tạo lên, do đó chắc càng khó động viên mọi người chăm lo đầu tư cho giáo dục. Khó nhất vẫn là khâu vốn. Kinh phí hằng năm nhà nước cấp cho ngân sách giáo dục của huyện không đủ để tu bổ mấy lớp học dột nát, nói chi đến chuyện xây dựng trường cao tầng với giá trị gần 1 tỉ đồng ?

Huyện ủy Kim bảng xác định : để biến nhận thức thành hành động, phải dấy lên phong trào cách mạng về giáo dục ở từng cơ sở, dựa vào sức mạnh *tổng hợp* : các cơ quan giáo dục tham mưu tích cực ; các cấp ủy đảng và chính quyền cùng một ý chí quyết tâm thực hiện từng mục tiêu theo nguyên tắc chỉ đạo "vì dân, nhân nghĩa, kỷ cương" ; các tổ chức và đoàn thể xã hội động viên mọi tầng lớp nhân dân cùng tham gia. "Thế chân kiềng" đó từng tạo nên thắng lợi cho mọi cuộc vận động ở nông thôn, nay vẫn còn là bài học giá trị.

Muốn huy động được nhân dân, thì trước tiên cán bộ đảng và chính quyền phải đi đầu, gương mẫu, thật sự vì dân, thật sự liêm khiết. Huyện và xã tiết kiệm các khoản chi, tập trung dành kinh phí cho giáo dục. Nơi làm việc của huyện, của xã có thể còn đơn sơ, nhưng trường lớp của con cháu thì không thể để như vậy mãi. Trước mắt, phải ưu tiên dành tiền xây dựng cho con cháu. Trong cuộc vận động đóng góp đó, cán bộ huyện, xã luôn luôn giữ đúng lời nói đi đôi với việc làm. Trong các buổi phát động quần chúng, có bí thư chi bộ ngoài tiêu chuẩn đóng góp chung của một người dân đã tự nguyện góp thêm hàng trăm ngàn đồng, do đó đã lôi cuốn không ít người khác làm theo. Xã tổ chức cho dân bàn và dân đã nêu không ít phương thức đóng góp có hiệu quả : tổ chức đấu thầu việc xây dựng trường lớp ; thành lập ban giám sát việc thi công, bao gồm đại diện của xã, của các hội, các đoàn thể, những người có uy tín nhất trong thôn xóm. Ở Kim bảng, khẩu hiệu "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đã trở thành hiện thực ngay trong từng phần việc cụ thể. Người dân bỏ ra một số tiền tuy không lớn (chỉ vài ba chục ngàn đồng), nhưng đó là tấm lòng vì thế hệ trẻ, họ muốn sao nó có hiệu quả nhất. Có nơi, ngôi trường cao tầng dựng lên, từ phần kết cấu móng đến từng ô cửa sổ, đều qua ý kiến của dân bàn bạc.

Có một câu hỏi đặt ra : *Tại sao ở địa phương khác giàu hơn Kim bảng gấp nhiều lần mà vẫn chưa có bước thành công trong xã hội hóa giáo dục?* Cái giỏi của Kim bảng là biết phát hiện ra khâu trọng yếu (đó là xây dựng trường cao tầng) và từ đó, khai thác và phát huy mọi tiềm năng, tổ chức thực hiện bằng được mục

Digitized by Google

tiêu đã đề ra. Bắt trúng tâm lý của các bậc phụ huynh là ai cũng muốn con em mình được học hành tử tế ở những nơi trường lớp khang trang, cán bộ các xã đã tổ chức họp bàn, cùng phân tích cho bà con thấy rõ cái lợi của việc mỗi người đóng góp xây dựng trường lớp. Thà mỗi người cố gắng đóng góp dứt điểm mấy chục ngàn đồng một lúc, còn hơn năm nào cũng phải đôi lần góp tiền để sửa chữa trường, mà vá víu vẫn hoàn vá víu. Một khía cạnh nữa là người nông dân chỉ thật tin khi thấy được kết quả của cái mà họ bỏ tiền, bỏ công, bỏ sức ra đóng góp. Vì vậy, trường lớp xây dựng phần nào phải chắc phần nấy ; có tính toán thu chi phân minh, rành rọt. Hiểu dân, tin dân và thấy được tiềm năng đóng góp của dân, nhiều xã đã thương lượng với bên B bỏ vốn ra xây dựng trước (có sự kiểm tra chặt chẽ). Hạch toán xong, bên A sẽ thanh toán, trả dần sòng phẳng. Trong kế hoạch, thường các xã huy động vốn rải đều theo bốn vụ để khỏi ảnh hưởng, tạo cú sốc lớn đến đời sống người dân. Có trường hợp như ở xã *Nguyễn uý*, khi trường xây xong móng, dân thấy thiết thực và tin tưởng, đã mạnh dạn góp đủ 95% tổng số vốn đầu tư.

Hiểu rõ hoàn cảnh và tâm lý người dân, cán bộ lãnh đạo Kim bảng đã kết hợp chặt chẽ giữa việc kiểm tra đôn đốc với việc động viên khuyến khích, tuyên truyền, thuyết phục, tạo một không khí thi đua dây chuyền từ trên xuống dưới, từ xã này qua xã khác, từ cá nhân này đến cá nhân khác. Huyện chọn xã *Đồng hóa* để làm thử, từ đó nhân rộng ra các xã khác theo phương châm : giao chỉ tiêu kế hoạch cho từng xã, nơi nào có điều kiện thì xây dựng trước, nơi nào chưa có điều kiện thì làm sau. Vừa thường xuyên kiểm tra, vừa chú ý nhắc nhở kịp thời các địa phương để bảo đảm tiến độ thi đua. Trong quá trình xử lý khâu vốn, huyện vừa chú ý điểm, vừa chú ý diện ; chẳng hạn đối với các xã vùng núi xa xôi, hẻo lánh, huyện đầu tư khá hơn và có sự chỉ đạo hướng dẫn sát sao hơn. Tuy nhiên, trên thực tế, số tiền hỗ trợ của huyện cho các xã chỉ có ý nghĩa "khơi ngòi", như một cú hích nhẹ tạo đà cho phong trào xây trường lớp (trong tổng kinh phí toàn huyện dành cho việc xây dựng cơ sở vật chất cho các trường, phần kinh phí nhà nước cấp vẻn vẹn có 700 triệu đồng, nghĩa là chỉ đủ để xây một ngôi trường). Nhưng cũng không thể để gánh nặng đóng góp đè hết lên vai bà con nông dân, vì vậy huyện giữ mức thu không vượt quá 50 nghìn đồng/người. Các xã đều thống nhất một phương thức chung là huy động nguồn vốn từ mọi tổ chức, cơ quan, đoàn thể và các nhà hảo tâm xa gần đóng góp. Sử dụng mọi phương tiện thông tin sẵn có để tuyên truyền, biểu dương những cá nhân, đơn vị nhiệt tình ; kịp thời thông báo tình hình thu chi cũng như tiến độ thi công để tạo nên một không khí chung phấn khởi, tin tưởng vào kết quả cuối cùng. Tùy hoàn cảnh, mỗi xã sáng tạo theo cách riêng của mình ; *Ba sao* dựa vào các cơ quan đóng trên địa bàn, *Nhật tựu* huy động lao động công ích ; *Đại cương* tạo thế mạnh từ các tổ chức, các hội, các nhà hảo tâm ở mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi. Các đối tượng cũng tùy tình hình mà có cách huy động. Có nơi cán bộ ủng hộ tiền (từ vài chục nghìn đến hàng trăm nghìn đồng ngoài tiêu chuẩn chung); có nơi cán bộ hưu trí ủng hộ cả sổ tiết kiệm, sổ tình nghĩa; giáo viên ủng hộ ngày lương v.v... Nhờ những bước đi hợp lý, nhiều xã ở Kim bảng đến nay đã có thể tính tới việc xây thêm trường cao tầng thứ hai và tiếp tục đầu tư nâng cấp mọi mặt cho giáo dục.

Kim bảng ý thức được rằng: xây dựng cơ sở vật chất cho các trường là tiền đề bảo đảm số lượng và chất lượng học sinh. Song để đạt mục tiêu *giáo dục toàn diện cho học sinh*, còn nhiều việc phải làm. Huyện trang bị đồng loạt cho các trường đàn oóc-gan và đồ dùng dạy học (trong đó có một nửa số trường có thiết bị nghe nhìn). Thầy và trò đều có bộ quần áo đồng phục trên cơ sở "nhà nước và nhân dân cùng sắm". Để thực sự là nơi cuốn hút học sinh, các trường đã duy trì tốt sinh hoạt ngoại khóa, từng bước thể nghiệm việc đưa các môn tiếng Anh, mỹ thuật và âm nhạc (trên đàn oóc-gan) vào chương trình chính khóa của cả hai cấp học.

Trải qua 3 năm đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị, từng bước lập lại nền nếp dạy và học, nhiều trường ở Kim bảng từ chỗ yếu kém đã trở thành trường tiên tiến và tiên tiến xuất sắc. Nhiều điển hình tốt trong công tác giảng dạy, như nhà giáo ưu tú Đinh Văn Cầm... đã góp phần lấy lại niềm tin của dân đối với sự nghiệp phát triển giáo dục.

Vài năm gần đây, ở Kim bảng, tỷ lệ học sinh vào các khối đầu cấp ngày càng cao, tỷ lệ học sinh bỏ học ngày càng giảm. Trước đây tỷ lệ học sinh bỏ học cấp I là 4%, năm học 1992-1993 chỉ còn 1%, đến

Digitized by Google

học kỳ I năm học 1994-1995 chỉ còn 0,015%. Tỷ lệ học sinh bỏ học cấp II từ 8% còn 2,3% (năm 1993) và 0,17% (học kỳ I năm 1994-1995). Nếu năm 1990 phổ cập cấp I chưa được vững chắc, thì mấy năm nay, không những đạt vững chắc ở cả ba tiêu chuẩn, mà tỷ trọng còn vượt lên ở các trường và các khối từ 80% đến trên 90%. Từ đó đã tạo đà, tạo thế cho một nửa số xã đạt phổ cập cấp II. Có được những kết quả như vậy trong việc duy trì số lượng học sinh đến lớp là do có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể từ huyện, xã xuống tận thôn xóm. Đặc biệt, xã *Đồng hóa* đã có giải pháp sáng tạo : kiên quyết đưa vào tiêu chuẩn đánh giá đảng viên việc con cái có đi học đều hay không ; phối hợp với các hội, các tổ chức của thanh niên, phụ nữ trong việc quản lý, động viên và giúp đỡ mọi học sinh có đủ điều kiện đi học.

Công tác xã hội hóa giáo dục quả đã góp phần thiết thực nâng chất lượng giáo dục ở Kim bảng. Giáo viên về hưu còn sức khỏe được động viên tiếp tục dạy theo phương thức hợp đồng. Giáo viên trẻ có năng lực được khuyến khích dạy hai ca, hai lớp theo chế độ trả thêm ngoài giờ. Các giáo viên đều được tạo điều kiện thay phiên nhau đi học tại chức, đi bồi dưỡng chuyên môn. Các trường thường xuyên tổ chức hội giảng và kiểm tra chéo. Tất cả đều nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh. Vì vậy, tỷ lệ học sinh lên lớp hằng năm, nhất là thi tốt nghiệp, đều đạt cao; chất lượng học sinh *đại trà* và học sinh *năng khiếu* đều có bước phát triển. Học sinh giỏi bắt đầu xuất hiện sau hàng chục năm vắng bóng. Từ năm học 1993-1994, học sinh Kim bảng đã giành được ba giải cấp quốc gia và nhiều giải cấp tỉnh. Không chỉ giỏi về văn hóa, nhiều học sinh Kim bảng còn giành được các giải trong các cuộc thi khác như thi vẽ, thi điền kinh, thi tiếng hát hoa phượng đỏ...

Thành tựu sau 3 năm thực hiện xã hội hóa giáo dục ở Kim bảng đã mở ra triển vọng mới hết sức tốt đẹp. Nó giải quyết một băn khoăn lâu nay : ở một địa phương kinh tế phát triển chưa cao, thậm chí có phần còn gieo neo nghèo đói, có lối gỡ nào để phát triển giáo dục, nhất là trong quá trình chuyển đổi cơ chế đầy khó khăn như hiện nay không ? Thực tiễn Kim bảng đã cho ta câu trả lời.

Tuy nhiên, nếu đặt công tác xã hội hóa giáo dục trong sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội nói chung, Kim bảng đang còn một số vấn đề đòi hỏi đảng bộ cùng các ngành các cấp liên quan trong huyện tiếp tục nghiên cứu, tìm hướng giải quyết.

Thứ nhất, muốn tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục với những nội dung toàn diện hơn, thì phải làm cho giáo dục thật sự phù hợp và phục vụ đắc lực cho mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội địa phương. Chỉ khi người nông dân thấy rõ lợi ích của việc học, thì họ mới tập trung đầu tư, khuyến khích con em họ đi học. Làm sao có thể sớm khắc phục tâm lý "học để làm gì, học nhiều cũng đến thế" của người dân hiện nay, đặc biệt ở một vùng thuần nông nghèo túng như Kim bảng. Giải quyết vấn đề này là trách nhiệm của toàn ngành giáo dục và của toàn xã hội. Song từ góc độ một địa phương, nên chăng cần gắn chặt hơn nữa việc dạy văn hóa với công tác hướng nghiệp cho học sinh trên cơ sở phát triển ngành nghề phụ, nhân rộng mô hình VAC và kinh tế gia đình, từng bước đi lên phù hợp với xu thế phát triển công nghiệp và du lịch ở địa phương ?

Thứ hai, nên sớm có những định hướng, bước đi phù hợp với những quy luật của cơ chế thị trường để nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục. Ngoài việc tăng cường tính thiết thực của việc học như đã nêu ở trên, cần đặc biệt chú ý đến chất lượng giảng dạy của giáo viên bằng cách tạo ra một cơ chế thích hợp để giáo viên có điều kiện tăng thu nhập bằng hiệu quả đào tạo, bằng chính nghề của mình. Kinh nghiệm ở một số địa phương đã chỉ ra nhiều hình thức phong phú (như xây dựng các quỹ "khuyến học", "khuyến dạy", tổ chức "khoán thưởng chất lượng"...) vừa nâng hiệu quả giảng dạy, vừa cải thiện một phần đời sống của giáo viên.

Có thể tìm cách nhân rộng kinh nghiệm của Trường tiểu học thị trấn Quế : công đoàn cùng với giáo viên trong trường kết hợp với hội cha mẹ học sinh tổ chức các lớp dạy thêm theo yêu cầu (tất nhiên, có ưu tiên cho các cháu trong diện chính sách và gia đình khó khăn). Bởi một lẽ, chương trình giáo khoa hiện nay (*cải cách*) nặng hơn nhiều so với chương trình giáo khoa trước đây. Mà trong cơ chế hiện nay đây lại là một nhu cầu cần phải đáp ứng ❑

Digitized by Google

GÓP THÊM Ý KIẾN VÀO PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA

VĂN DOANH *

CÔNG nghiệp hóa - hiện đại hóa là vấn đề không mới và không phải bây giờ mới đặt ra. Nhưng tiến hành như thế nào cho đúng hướng và phù hợp với xu thế chung của thời đại để theo kịp sự phát triển của khoa học kỹ thuật và kinh tế thế giới thì lại là cả một vấn đề. Đã có nhiều quan điểm về vấn đề này.

Theo suy nghĩ của riêng tôi, *việc hiểu biết một cách chính xác ngành công nghiệp nào sẽ phát triển trong từng giai đoạn của một quốc gia là một thông tin rất có giá trị cho các nhà hoạch định kinh tế. Bởi từ đó chúng ta có thể tập trung đầu tư vốn, kỹ thuật vào những ngành công nghiệp nhất định trong những giai đoạn cụ thể, tránh được việc đầu tư tràn lan, không hiệu quả.* Từ đó tạo động lực thúc đẩy các ngành công nghiệp khác vươn lên.

Chúng ta nên chia các ngành công nghiệp thành *ba* loại tương ứng với ba giai đoạn phát triển : giai đoạn *đầu*, giai đoạn *giữa* và giai đoạn *sau*. Các ngành công nghiệp ở giai đoạn đầu là các ngành công nghiệp sản xuất các mặt hàng thiết yếu cho tiêu dùng và cho sản xuất với quy trình công nghệ đơn giản, dễ thực hiện mà không đòi hỏi nhiều vốn. Theo thống kê của Ngân hàng thế giới, ở các nước đang phát triển, tỷ trọng các ngành này trong GNP thường thấp. Tỷ trọng các ngành này trong GNP tăng dần theo đà phát triển của các nước đó, nhưng khi thu nhập của người dân ở đây bắt đầu tăng thì tỷ trọng nói trên sẽ dừng lại hoặc giảm đi. Còn các ngành công nghiệp ở giai đoạn sau là các ngành mà tỷ trọng của chúng trong GNP tiếp tục tăng, ngay cả khi thu nhập tính theo đầu người đã ở mức cao. Đó là các ngành sản xuất các mặt hàng tiêu dùng lâu bền (như tủ lạnh, ô tô), các sản phẩm kim loại. Giữa các ngành công nghiệp ở giai đoạn đầu và giai đoạn sau là các ngành công nghiệp ở giai đoạn giữa.

Trong điều kiện nước ta ở giai đoạn đầu của sự phát triển như hiện nay, việc phát triển các ngành như dệt, may mặc, rõ ràng là hợp hơn so với phát triển các ngành khác, như sản xuất máy bay chẳng hạn. Tất nhiên, khi phát triển các ngành công nghiệp phù hợp với giai đoạn đầu không có nghĩa là bỏ qua các ngành công nghiệp ở giai đoạn giữa và giai đoạn sau. Vấn đề ở đây là chọn những gì cần làm trước mà thôi. Ví dụ, điện tử - tin học là ngành công nghiệp ở giai đoạn sau nhưng hiện nay nó lại đang là một ngành công nghiệp mũi nhọn của thế giới, nên chúng ta không thể chờ tới lúc nào đó mà ngay bây giờ đã phải chú ý phát triển, bởi vì chính sự phát triển của ngành này sẽ thúc đẩy sự tiến bộ nhanh chóng của các ngành công nghiệp ở giai đoạn đầu và ở giai đoạn giữa. Hơn nữa, còn phải chú ý xây dựng đồng thời một số ngành công nghiệp khác để ngừa trước những gì có thể làm ngừng trệ sản xuất. Ví dụ, khi xây dựng nhà máy thép, thì phải tính tới khả năng khai thác các mỏ sắt, mỏ than, các phương pháp luyện cốc, trừ khi dễ dàng nhận các thứ cần cho việc sản xuất thép.

Ở mức tổng hợp hơn, còn cần duy trì cả sự cân đối giữa phát triển công nghiệp và nông nghiệp. Nếu không, có thể xuất hiện điều kiện buôn bán bất lợi cho công nghiệp, kìm hãm sự phát triển. Với một nước nghèo như nước ta, cần khởi động nhiều ngành công nghiệp. Chương trình to lớn này đôi khi là một "cú hích" mạnh. Các sản phẩm công nghiệp nhất định sẽ tìm được thị trường, ngay cả ở những nơi nông dân nghèo, không có "cú hích" mạnh để phát triển. Có thể lấy một ví dụ. Hồi thế kỷ 19, khi công nhân nhà máy một ngày có thể sản xuất được một số sợi nhiều gấp 40 lần so với số sợi mà người nông dân có thể sản xuất bằng guồng quay tay thì người nông dân đã nghĩ nên mua sợi của nhà máy để dệt vải vì như thế có lợi hơn là tự mình kéo sợi để dệt vải. Vì vậy, các nước như Ấn độ, Trung quốc đã nhập sợi từ Anh về để dệt vải. Nhưng sau đó, khi các nước này thấy rằng sản xuất lấy sợi để dệt vải thì rẻ hơn nhiều so với nhập sợi về dệt nên họ đã thôi nhập mà tự sản xuất lấy sợi để dệt. Đó chính là cách một quốc gia có thể tìm thị trường cho một ngành công nghiệp của nó. Một khi thị trường đã có rồi, vấn đề còn lại chỉ là các ngành công nghiệp trong nước phải cạnh tranh có hiệu quả với sản phẩm nhập.

Để dễ xem xét khi quyết định về chiến lược phát triển, cần kết hợp các ngành công nghiệp trong một tổng thể theo trình tự trước sau. Các ngành công nghiệp *kết hợp ở phía sau* là các ngành công nghiệp mà đầu vào là sản phẩm của các ngành công nghiệp trước nó. Ví dụ ngành sản xuất ô tô có đầu vào là sản phẩm của ngành công nghiệp chế tạo máy và chế biến kim loại, còn các ngành công nghiệp này lại có đầu vào là sản phẩm của ngành công nghiệp thép. Như vậy, việc xây dựng một nhà máy sản xuất ô tô sẽ tạo ra nhu cầu về thép và máy móc. Lúc đầu, nhu cầu này có thể dựa vào thị trường ở ngoài nước, nhưng với thời gian nó có thể dựa vào thị trường ngay ở trong nước. Do đó, khi quan tâm tới sự phát triển tổng thể, sẽ chú ý nhiều hơn đến các ngành công nghiệp kết hợp ở phía sau, bởi đó là những ngành công nghiệp kích thích sản xuất trong phần lớn các khu vực phụ trợ.

Còn các ngành công nghiệp *kết hợp ở phía trước* là các ngành công nghiệp mà sản phẩm là đầu vào của các ngành công nghiệp khác. Thay cho việc bắt đầu từ ngành sản xuất ô tô thì bắt đầu từ ngành sản xuất thép. Khi nhận thấy đã đáp ứng đủ nhu cầu thép trong nước thì khuyến khích thành lập các nhà máy sử dụng số lượng thép đó. Cũng tương tự, việc khoan dầu thành công sẽ kích thích sự ra đời của các nhà máy lọc dầu và tổ hợp hóa dầu riêng cho mình hơn là vận chuyển dầu thô đến các nước khác để chế biến. Phát triển các ngành công nghiệp với sự kết hợp cả ở phía trước và phía sau như trên đã nói sẽ tạo áp lực dẫn tới thành lập các ngành công nghiệp mới, và các ngành này lại tạo ra áp lực phụ và cứ thế tiếp tục mãi ❑

* Giáo viên Trường phổ thông trung học Minh khai, Hà nội

Digitized by Google

Hội nghị cộng tác viên, bạn đọc và phát hành TẠP CHÍ CỘNG SẢN khu vực đồng bằng sông Cửu long



NGÀY 24-6-1995, tại thành phố Cần thơ, được sự giúp đỡ của tỉnh ủy Cần thơ, Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã tổ chức Hội nghị cộng tác viên, bạn đọc và phát hành khu vực đồng bằng sông Cửu long.

Tham dự hội nghị, về phía tỉnh Cần thơ có các đồng chí : Lư Văn Điền, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy ; các đồng chí ủy viên thường vụ, trưởng, phó ban tuyên giáo, ban tổ chức, ban dân vận ; đại diện bưu điện tỉnh ; trưởng, phó ban tuyên giáo các huyện; giám đốc trường đảng và trường cán bộ kinh tế kỹ thuật tỉnh ; giám đốc đài phát thanh và truyền hình tỉnh ; đại diện đài phát thanh và truyền hình khu vực ; thường trú báo *Nhân dân*... Tham dự hội nghị còn có trưởng phó ban tuyên giáo, giám đốc bưu điện và đại diện bạn đọc các tỉnh thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu long : Long an, Bến tre, Trà vinh, Vĩnh long, Sóc trăng, An giang, Kiên giang, Minh hải.

Sau lời khai mạc và chào mừng của đồng chí **Lư Văn Điền**, Ủy viên trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Cần thơ, đồng chí **Nguyễn Phú Trọng**, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã trình bày một số nét chính về vai trò, chức năng và nhiệm vụ của Tạp chí, về sự ra đời và phát triển của Tạp chí trong 65 năm qua, về những gì đã làm được trong những năm đổi mới, và những gì đang còn phải tiếp tục khắc phục và phấn đấu để vươn lên hơn nữa. Hội nghị đã nghe 14 đồng chí phát biểu ý kiến, phản ánh dư luận chung của địa phương mình đối với *Tạp chí Cộng sản*. Các ý kiến đều đánh giá cao vai trò của Tạp chí trong đời sống chính trị, lý luận và tinh thần của Đảng và xã hội nói chung, đặc biệt là đối với cấp ủy và các địa phương thuộc khu vực đồng bằng sông Cửu long nói riêng; đồng thời chỉ ra những mặt còn hạn chế của Tạp chí, đề xuất những vấn đề mà Tạp chí cần nghiên cứu để cải tiến, nâng cao.

Vì khuôn khổ bài có hạn, chúng tôi chỉ xin lược trích ý kiến của một số đồng chí.

Trần Văn Tư * Qua trao đổi với nhiều bạn đọc ở Cần thơ, hầu hết đều có chung nhận xét như sau : những năm gần đây Tạp chí thường xuyên đổi mới về hình thức và nâng cao chất lượng về nội dung, đáp ứng ngày càng nhiều hơn yêu cầu đa dạng, phong phú của bạn đọc mà vẫn giữ vững được tôn chỉ, mục đích là tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương Đảng. Tạp chí đã góp phần làm sáng tỏ các quan điểm lớn trong các nghị quyết Đại hội VI, Đại hội VII, Hội nghị giữa nhiệm kỳ (khóa VII) và các hội nghị trung ương sau đại hội, giúp bạn đọc hiểu sâu hơn, vững tin hơn vào chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ

* Ủy viên thường vụ, Trưởng ban tuyên giáo Tỉnh ủy Cần thơ

Digitized by Google

Chí Minh ; giúp cán bộ, đảng viên, và trí thức ngoài đảng nắm được nhiều vấn đề mới về lý luận và thực tiễn để đấu tranh phê phán kịp thời những quan điểm sai trái, những tiêu cực trong xã hội. Những người làm công tác giảng dạy chính trị và tuyên giáo ở Cần thơ coi Tạp chí là tài liệu quý để biên soạn các bài giảng cho các lớp huấn luyện. Năm 1994, tờ *Thông tin nội bộ* của Tuyên giáo tỉnh đã sử dụng 5 bài của *Tạp chí Cộng sản* làm tài liệu học tập cho đảng viên. Số lượng phát hành *Tạp chí Cộng sản* ở Cần thơ ngày một tăng, trung bình mỗi tháng hiện nay là 700 cuốn. Thốt nốt là huyện có số phát hành cao nhất : 90 cuốn một tháng ; 100% cơ sở đảng ở Thốt nốt có *Tạp chí Cộng sản*. Bài tạp chí thường được đọc và thảo luận trong các buổi sinh hoạt đảng ở đây.

Đảng bộ và nhân dân Cần thơ ngày càng có nhu cầu cao về lý luận chính trị, vì vậy luôn tìm thấy ở *Tạp chí Cộng sản* những vấn đề tâm đắc, những bài giúp lý giải sâu sắc và có hiệu quả những vấn đề của địa phương. Chúng tôi luôn luôn đòi hỏi cao ở Tạp chí. Chúng tôi đề nghị Tạp chí tăng thêm các bài chuyên luận, nghiên cứu trao đổi và tổng kết thực tiễn. Đối với các nghị quyết của Trung ương, Tạp chí nên tóm tắt những vấn đề chính, đi sâu phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của các nghị quyết, để bạn đọc có thể nắm vững và thực hiện các nghị quyết tốt hơn.

Phạm Công Nghiệp * Hiện nay, các loại báo chí ở Bến tre khá nhiều, nhưng bạn đọc ở đây, nhất là cán bộ, đảng viên, gửi gắm niềm tin lớn vào *Tạp chí Cộng sản*. Hầu hết các chuyên mục của Tạp chí đã đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của bạn đọc. Các chuyên mục như "Nghiên cứu-Trao đổi", "Thực tiễn - Kinh nghiệm", "Tìm hiểu khái niệm", "Sinh hoạt tư tưởng", rất được bạn đọc chú ý. Tạp chí cũng đã chú trọng đổi mới nhiều về hình thức, in ấn. Nếu Tạp chí có thêm chuyên mục "Viết theo yêu cầu của bạn đọc" thì tin chắc Tạp chí sẽ còn gần gũi bạn đọc nhiều hơn nữa. Bến tre là một tỉnh còn nghèo và có nhiều khó khăn, bởi vậy số lượng tạp chí phát hành ở đây chưa thật cao. Chúng tôi hứa thời gian tới sẽ tuyên truyền để tăng nhanh số lượng phát hành, góp phần nâng cao hơn nữa nhận thức lý luận không chỉ của các cán bộ, đảng viên mà cả của những người ngoài đảng.

Trần Xuân Hoàng ** Kiên giang là tỉnh tận cùng Tây Nam của Tổ quốc.Hiện nay số đảng viên, cán bộ khoa học kỹ thuật ở đây quan tâm đọc *Tạp chí Cộng sản* còn ít. Đó là điều chúng tôi rất băn khoăn và thấy rằng sắp tới phải tích cực tuyên truyền cho Tạp chí hơn nữa. Mặc dầu vậy, tôi cũng có thể báo với các đồng chí một tin vui : số lượng phát hành Tạp chí ở Kiên giang đang có chiều hướng tăng. Huyện ủy Hà tiên, Thị ủy Rạch giá là những nơi mua và đọc Tạp chí thường xuyên với số lượng cao. Nhiều cơ sở đảng ở hai nơi này mỗi tháng mua từ 1 đến 3 cuốn.

Cũng như ở Cần thơ và Bến tre, bạn đọc ở Kiên giang rất ưa thích các chuyên mục : "Nghiên cứu-Trao đổi", "Thực tiễn-Kinh nghiệm", "Thế giới : vấn đề và sự kiện", "Tìm hiểu khái niệm". Bạn đọc mong Tạp chí có nhiều bài đề cập những vấn đề lý luận cơ bản, đồng thời kịp thời cắt nghĩa những sự kiện kinh tế xã hội nóng bỏng, chẳng hạn như sự kiện sốt xi măng vừa qua... Những vấn đề lý luận về quản lý nhà nước, về kinh tế thị trường, về dân tộc, về tôn giáo, bạn đọc còn thèm khát, mong đợi ở Tạp chí. Theo chúng tôi, bên cạnh các chuyên mục đã có, Tạp chí nên bổ sung thêm các mục có thể đăng các tư liệu lịch sử về Đảng ta, về dân tộc ta, về thế giới, về tình hình khó khăn của phong trào cộng sản quốc tế và các đảng cộng sản chân chính. Tạp chí cũng cần tăng thêm các bài về lịch sử và văn hóa, văn hóa dân tộc và văn hóa các nước Đông - Nam Á. Tạp chí nên mở chuyên mục "Những đảng bộ trong sạch vững mạnh"...

Nguyễn Thanh Phong *** Tôi tán thành ý kiến của các đồng chí đã phát biểu, chỉ xin nhấn mạnh : *Tạp chí Cộng sản* là tạp chí lý luận và chính trị của cả nước, vì vậy cơ cấu bài viết nên cân đối cả ba miền. Những năm gần đây, Tạp chí đã cố gắng thực hiện ý đồ đó, nhưng chúng tôi vẫn cảm thấy bài viết về khu vực đồng bằng sông Cửu long chưa nhiều. *Dân tộc* và *tôn giáo* là những lĩnh vực nhạy cảm và tế nhị. Hai vấn đề này ở đồng bằng

* Phó ban tuyên giáo Tỉnh ủy Bến tre

** Phó ban tuyên giáo Tỉnh ủy Kiên giang

*** Phó ban tuyên giáo Tỉnh ủy Trà vinh

Digitized by Google

sông Cửu long đang là những vấn đề thời sự. Nếu Tạp chí tăng thêm các bài về những vấn đề trên thì bạn đọc sẽ cảm ơn rất nhiều. Tạp chí cũng cần có nhiều bài điều tra hơn nữa.

Nữ đồng chí **Chín Vân** * Long an là một trong những tỉnh có chỉ số phát hành chưa cao, tới đây chúng tôi sẽ tuyên truyền để đẩy chỉ số đó lên. Bạn đọc ở Long an cũng như ở các tỉnh khác thuộc đồng bằng sông Cửu long đều thấy rõ vai trò và tác dụng to lớn của *Tạp chí Cộng sản* đối với đời sống xã hội. Mọi người tìm thấy ở Tạp chí niềm tin vững chắc vào lý tưởng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Tạp chí những năm qua đã không né tránh những vấn đề gai góc, phức tạp, mà đã đấu tranh, uốn nắn những quan điểm sai trái, góp phần định hướng đúng cho xã hội. Ban tuyên giáo Long an, các phương tiện tuyên truyền của Long an đã khai thác được ở Tạp chí rất nhiều tư liệu quý phục vụ cho công tác tư tưởng chính trị ở địa phương.

Chúng tôi chân thành cảm ơn Tạp chí, và nhân đây cũng xin đề xuất với Tạp chí một số vấn đề cần cải tiến, nâng cao hơn nữa. Tạp chí cần có nhiều bài đấu tranh mạnh mẽ hơn với các quan điểm sai trái, với tệ nạn tham nhũng, quan liêu. Các bài làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn của các nghị quyết và chính sách của Đảng cũng cần nhanh hơn và sâu sắc hơn.

Trần Hữu Mai ** *Tạp chí Cộng sản* về Sóc trăng thường xuyên, đều đặn và bước đầu đã đi vào đời sống tinh thần, tư tưởng của đồng bào các dân tộc ở đây. Sóc trăng là một tỉnh nghèo, đảng bộ và nhân dân ở đây đang cố gắng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, động viên sức người sức của để phát triển kinh tế, làm cho tỉnh trở thành một tỉnh giàu có. Bởi vậy, chúng tôi mong mỏi Tạp chí có nhiều hơn nữa các bài viết xung quanh các vấn đề lý luận kinh tế, chẳng hạn các bài về kinh tế hộ, kinh tế hợp tác xã; về tài chính, ngân hàng, đặc biệt là về đảng viên làm kinh tế.

Hoàng Minh Đạt *** An giang có chỉ số phát hành Tạp chí khá cao, nhưng chúng tôi cho rằng so với số lượng các cơ sở đảng và đảng viên ở đây thì chỉ số đó chưa đáp ứng. Rồi đây chúng tôi sẽ có nhiều biện pháp để đẩy mạnh chỉ số phát hành Tạp chí cao hơn nữa. Hiện nay An giang đã vượt qua cửa ải 2 triệu tấn lương thực một năm. Mặc dầu vậy, chúng tôi vẫn cảm thấy An giang còn rất nghèo, bởi vậy còn phải cố gắng nhiều hơn nữa. Quá trình cố gắng ấy đòi hỏi phải có lý luận soi sáng, do đó *Tạp chí Cộng sản* với đảng bộ chúng tôi là hết sức cần thiết. Nó sẽ góp phần nâng cao trí tuệ, đạo đức cho cán bộ đảng viên, từ đó tạo ra động lực và hiệu quả lãnh đạo, quản lý ngày càng cao. Chúng tôi rất muốn Tạp chí có nhiều bài về sáng kiến kinh nghiệm, điển hình tiên tiến xung quanh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn.

Nguyễn Văn Diệp **** Các ý kiến đã phát biểu đều sâu sắc, tôi chỉ xin có một đề nghị nhỏ là bên cạnh những bài về những vấn đề lý luận chung, Tạp chí cần có thêm nhiều bài lý giải những quan điểm, chính sách cụ thể của Đảng và Nhà nước ta, chẳng hạn các bài về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nông thôn, các bài về môi trường, biển Đông...

Bùi Chí Hiếu ***** *Tạp chí Cộng sản* về Minh hải đều hằng tháng. Các cơ sở đảng thuộc đảng bộ phần nhiều đã mua Tạp chí. Nhiều cơ sở đảng ở vùng sâu, vùng xa như xã Tân ân huyện Ngọc hiển, Lâm - ngư trường Sông Trẹm huyện Thới bình đều mua Tạp chí để học tập, nghiên cứu. Cấp ủy đảng ở Minh hải đã khai thác khá triệt để các nội dung cơ bản của Tạp chí để nâng cao công tác lãnh đạo và tổ chức thực tiễn ở địa phương mình. Nhưng cũng phải nói thật rằng việc hướng dẫn nghiên cứu Tạp chí chưa thành nền nếp, nhất là ở các chi bộ vùng biển, vùng sâu đi lại khó khăn... Minh hải là tỉnh cực nam của Tổ quốc, là một tỉnh có rất nhiều khó khăn, cơ sở vật chất còn thiếu thốn, điểm xuất hiện để đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn rất thấp. Nhưng nhân dân và đảng bộ Minh hải giàu truyền thống cách mạng, có niềm tin vững chắc vào tương lai tươi sáng của dân tộc, lại là tỉnh đang được cả nước tin yêu ủng hộ, vì vậy tin rằng sẽ ngày càng có thêm nhiều thành tựu hơn nữa. Chúng tôi mong mỏi Tạp chí có

---

* Phó ban tuyên giáo Tỉnh ủy Long an

** Ủy viên thường vụ, Trưởng ban tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc trăng

*** Phó ban tuyên giáo Tỉnh ủy An giang

**** Phó ban tuyên giáo Tỉnh ủy Vĩnh long

***** Phó ban tuyên giáo Tỉnh ủy Minh hải

Digitized by Google

nhiều bài tổng kết kinh nghiệm các địa phương để chúng tôi học tập, vận dụng vào địa phương mình. Đề nghị Tạp chí nên mở rộng đối tượng phục vụ, làm sao có thêm được các bài đáp ứng trình độ vừa phải của cán bộ, đảng viên trong bước chuyển giao thế hệ cán bộ hiện nay.

Hội nghị cũng đã nghe các đồng chí đại diện bưu chính trong khu vực phát biểu về tình hình phát hành Tạp chí Cộng sản ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu long ; nghe một số đại biểu đại diện cho các chi bộ cơ sở (như chi bộ phường An thới thành phố Cần thơ) phát biểu về kinh nghiệm đọc và làm theo Tạp chí ; đại diện cho lực lượng cộng tác viên trong khu vực phát biểu về quá trình cộng tác với Tạp chí. Nữ đồng chí Phương Hạnh, cộng tác viên gần gũi, lâu năm của Tạp chí ở Cần thơ đề nghị Tạp chí cần phối hợp với các cấp ủy đảng các tỉnh kiểm tra, tổng kết việc thực hiện Chỉ thị của Ban bí thư về việc mua và đọc *Tạp chí Cộng sản*. Cần tìm hiểu xem bao nhiêu đơn vị đã trích đảng phí mua Tạp chí, bao nhiêu bưu cục bán lẻ Tạp chí. Đồng chí cũng nhận xét rằng lượng bài viết về các tỉnh đồng bằng sông Cửu long còn quá khiêm tốn. Tạp chí nên có cơ quan đại diện ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu long.

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, thay mặt Bộ biên tập Tạp chí nhiệt liệt hoan nghênh và cảm ơn những ý kiến chân tình, sâu sắc của các đại biểu, cảm ơn sự giúp đỡ rất chu đáo của Tỉnh ủy Cần thơ, hứa sẽ cố gắng thực hiện tốt những điều mong mỏi của bạn đọc. Đồng chí cũng đề nghị các cấp ủy đảng thường xuyên cung cấp thông tin, viết bài cho Tạp chí ; tổ chức tốt hơn nữa việc phát hành mua, đọc Tạp chí, tiếp sức, nhân bản, vận dụng những bài của Tạp chí để tuyên truyền trong địa phương mình, làm cho Tạp chí gắn bó chặt chẽ hơn với các cấp ủy, với đảng viên và nhân dân

Người thực hiện :
XUÂN HẢI

Một số vấn đề...

(Tiếp theo trang 37)

và ảnh hưởng lâu dài đến sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hiện nay, cả nước có 6 khu chế xuất. Khu chế xuất TP Hồ Chí Minh do đi trước, nên đã triển khai được bước đầu, các khu còn lại có nhiều khó khăn.

Chúng tôi đề nghị Trung ương và Thành phố chỉ đạo tổng kết khu chế xuất TP Hồ Chí Minh sau 3 năm hoạt động, từ đó rút kinh nghiệm để chỉ đạo chung các khu chế xuất cả nước. Chỗ nào có triển vọng thành công thì giữ nguyên cơ chế khu chế xuất. Chỗ nào có khả năng thành công nhưng không đạt như dự kiến thì một phần giữ lại hưởng chế độ khu chế xuất, còn lại chuyển sang khu công nghiệp tập trung. Khu chế xuất nào không có triển vọng thì chuyển toàn bộ sang khu công nghiệp trong đó có một số xí nghiệp hưởng quy chế khu chế xuất. Khu chế xuất nào hoàn toàn không có khả năng phát triển theo hướng đã định thì chuyển hẳn sang khu công nghiệp tập trung.

6 - Thực hiện triệt để Nghị quyết 38-CP cải tiến thủ tục hành chính, kiện toàn, nâng cao không ngừng trình độ quản lý của cán bộ, tích cực hoàn chỉnh hệ thống pháp lý có liên quan đến vấn đề đầu tư, khu chế xuất, đảm bảo nhất quán về chủ trương và chính sách khu chế xuất.

7 - Cần xúc tiến việc xây dựng Đảng, xây dựng công đoàn, xây dựng đoàn thanh niên cộng sản, xây dựng bộ máy quản lý khu chế xuất ngang tầm với nhiệm vụ. Cụ thể là cần xây dựng ban cán sự Đảng trong khu chế xuất trực thuộc Thành ủy. Ban cán sự này có nhiệm vụ phối hợp với ban quản lý các khu chế xuất trong điều hành khu chế xuất vừa có trách nhiệm xây dựng công đoàn, đoàn thanh niên để tạo điều kiện tiến tới xây dựng chi bộ từng xí nghiệp khu chế xuất. Hệ thống chính trị khu chế xuất phải công khai hoạt động và hòa nhập, thích nghi được điều kiện đặc thù khu chế xuất để làm tốt nhiệm vụ của mình.

Về bộ máy quản lý các khu chế xuất, trước hết cần làm rõ cơ chế quản lý trực thuộc Bộ hay Chính phủ, ban quản lý tổng hợp nhiều chức năng theo nguyên tắc ủy quyền của các Bộ, các ngành ; ban quản lý chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ và chịu sự quản lý trên địa bàn của UBND Thành phố. Cần xây dựng đội ngũ cán bộ vững vàng về chính trị ; có năng lực, trình độ quản lý ; có phong cách tiếp cận tốt với công việc đối ngoại ❑

Digitized by Google

BƯỚC TIẾN MỚI TRONG QUAN HỆ VIỆT - MỸ

VÕ THỦ PHƯƠNG

TUYÊN bố của Tổng thống Bin Clin-tơn ngày 11-7-1995 về việc Mỹ bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt nam là một quyết định quan trọng, chấm dứt thời kỳ có nhiều biến cố trong quan hệ bang giao giữa hai nước, mở ra một *giai đoạn mới* : giai đoạn hòa giải giữa người Mỹ với người Việt và giữa người Mỹ với người Mỹ chung quanh vấn đề quan hệ Việt-Mỹ. Có thể nói, đây là sự kiện phản ánh tình hình phức tạp đặc biệt trong mối quan hệ Việt-Mỹ. Bởi vậy, hiếm có một tuyên bố về thiết lập quan hệ ngoại giao nào lại được thế giới quan tâm đến thế.

Chặng đường gập ghềnh tiến tới hòa giải

Để đi tới quyết định này, cả Việt nam và Mỹ đều có những nỗ lực lớn, vượt một chặng đường dài có nhiều trở ngại, trải qua hơn 4 năm, một thời gian dài gấp đôi so với dự kiến mà Bộ ngoại giao Mỹ đưa ra trong bản "Lộ trình" ngày 9-4-1991.

Tại Mỹ, những người cản trở việc bình thường hóa quan hệ hai nước đều lấy vấn đề POW/MIA làm vật cản ngăn dòng chảy của tiến trình. Ông R.Đôn, lãnh tụ phe đa số tại Thượng nghị viện Mỹ, ứng cử viên tổng thống hàng đầu của Đảng cộng hòa trong cuộc bầu cử năm 1996, đã cùng thượng nghị sĩ R. Xmít chủ trì một nghị quyết thiếu thiện ý. Nghị quyết này đòi cấm các khoản quỹ dành cho việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt nam và không cho Việt nam được hưởng quy chế tối huệ quốc cho tới khi Tổng thống Bin Clin-tơn xác nhận rằng Việt nam "hợp tác đầy đủ" và "sẵn sàng" với Mỹ trong việc kiểm kê lại danh sách những quân nhân bị mất tích. Phụ họa với nghị quyết này là nhiều hoạt động cản phá của những tổ chức, và những nhóm, trong đó có cả các tổ chức của người Việt nam di tản. Trên thực tế, vấn đề POW/MIA là điểm rất nhạy cảm trong xã hội Mỹ. Nó dễ khơi dậy "hội chứng sau Việt nam" từng chia rẽ xã hội Mỹ, một vết thương dai dẳng nhất mà trước đó nước Mỹ chưa từng gặp phải.

Chính phủ và nhân dân Việt nam hiểu rõ và thông cảm với tâm trạng các bà mẹ và các gia đình quân nhân Mỹ. Nếu trong chiến tranh Việt nam phía Mỹ còn khoảng hai nghìn người mất tích thì phía Việt nam còn tới hàng chục vạn người mất tích. Tuy nhiên, Chính phủ và nhân dân Việt nam với truyền thống nhân đạo của mình đã cố gắng làm hết sức mình trong công việc tìm kiếm này để phần nào làm dịu bớt nỗi đau của thân nhân những người bị mất tích. Điều này không ít người Mỹ có trách nhiệm và hiểu biết đã xác nhận. Thiếu tướng Chác Vai-ơn, chỉ huy lực lượng đặc nhiệm hỗn hợp tìm kiếm người mất tích (trụ sở ở Ha-oai), nói : "Các quan chức Việt nam mà chúng tôi tiếp xúc đều thành thật quan tâm đến việc giải quyết vấn đề này (POW/MIA). Tôi cho rằng họ đang hoạt động rất tích cực và những nỗ lực đơn phương của họ đang tăng lên đều đặn". Ông Rô-bớt Di-xtếch, nhà phân tích cao cấp của cơ quan POW/MIA của Bộ quốc phòng Mỹ, cũng khẳng định : "Người Việt nam đang nỗ lực có thiện chí và chân thành để tìm ra những tài liệu mà chúng ta quan tâm, và khi tìm thấy, họ chia sẻ những tài liệu đó với chúng ta".

Nhiều tổ chức tiến bộ Mỹ và một số chính khách, quan chức Mỹ đã dồn tâm sức đấu tranh cho việc thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ với Việt nam. Tổng thống Bin Clin-tơn đã nhắc đến họ với lòng biết ơn trong bản tuyên bố ngày 11-7-1995 của mình : "Mọi người Mỹ cần phải đặc biệt biết ơn về việc các thượng nghị sĩ Giôn Mắc-kên, Giôn Ke-ri, Chác Róp và hạ nghị sĩ Pi-tơ Pi-tơ-xơn, cùng với các cựu chiến binh khác của cuộc chiến tranh Việt nam trong Quốc hội, trong đó có thượng nghị sĩ Ha-kin, hạ nghị sĩ Côn-bơ và hạ nghị sĩ Gin-rét, những người mới ra về và những người đang có mặt ở đây trong đoàn cử tọa, luôn quan tâm thiết tha đến Việt nam nhưng đã vượt lên được quá khứ ám ảnh và đau đớn để tiến lên tìm cơ sở chung cho tương lai."

Khó khăn còn ở phía trước

Việc Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ với Việt nam phản ánh nguyện vọng của đông đảo nhân dân Mỹ, của nhân dân Việt nam cũng như nhân dân Đông-Nam Á, muốn khép lại quá khứ chiến tranh đau thương, hướng tới xây dựng tương lai. Sự kiện này phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, góp phần tích cực vào sự nghiệp củng cố hòa bình, ổn định và phát triển ở Đông-Nam Á, cũng như trên thế giới. Đây là thắng lợi lớn của nhân dân Việt nam trong sự nghiệp xây dựng và

Digitized by Google

bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, là thắng lợi của các trào lưu tiến bộ ở Mỹ, là thắng lợi chung của nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới mong muốn hòa bình, hữu nghị, hợp tác.

Thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ giữa Việt nam và Mỹ là thành công lớn trong hoạt động ngoại giao bền bỉ của chính phủ và nhân dân ta ; là thành công của đường lối đối ngoại của chúng ta - một đường lối độc lập tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa và muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế vì hòa bình, ổn định và phát triển. Cho đến nay, Việt nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 155 nước. Và kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, đây là lần đầu tiên Việt nam có quan hệ ngoại giao đầy đủ với tất cả các cường quốc trên thế giới. Cùng với việc Việt nam chính thức trở thành thành viên của ASEAN và việc ký kết Hiệp định hợp tác về kinh tế thương mại Việt nam - Liên minh châu Âu (EU), việc thiết lập quan hệ ngoại giao Việt nam - Mỹ (cả ba sự kiện quan trọng này đều diễn ra trong tháng 7-1995) củng cố thêm thế đứng vững vàng và ổn định của Việt nam trên trường quốc tế, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng kinh tế ở Việt nam.

Kết quả ngoại giao này là do sự cố gắng của cả hai phía. Về phía ta, cơ bản và quyết định, đó là những thành tựu đạt được trong công cuộc đổi mới : kinh tế tăng trưởng ; lạm phát được hạn chế ; nông nghiệp có bước phát triển mới, từ chỗ thiếu lương thực tới chỗ có lương thực để xuất khẩu. Cơ sở hạ tầng từng bước được xây dựng và củng cố. Tình hình chính trị - xã hội ổn định. Sự phát triển vững vàng và có triển vọng của công cuộc đổi mới đã tạo môi trường thuận lợi cho việc mở rộng và tăng cường các quan hệ ngoại giao. Đó là mối quan hệ hữu cơ giữa hai mặt *đối nội* và *đối ngoại*. Có thể nói, việc Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ với Việt nam là một thắng lợi tổng hợp của nhân dân Việt nam trong sự nghiệp xây dựng đất nước và hội nhập với cộng đồng quốc tế. Từ nay Việt nam và Mỹ có điều kiện tốt hơn để giải quyết các tồn đọng trong công tác POW/MIA, tạo môi trường thuận lợi cho việc hợp tác trong lĩnh vực đầu tư, giao lưu kinh tế, thương mại, cũng như trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật. Các nhà khoa học, các nhà kinh tế Việt nam v.v. sẽ có thêm điều kiện học hỏi kinh nghiệm ở một nước phát triển cao như Mỹ. Cơ hội hợp tác đã mở ra cho cả hai phía. Mới chỉ cách đây một tháng cơ hội đó còn là điều mong mỏi của các nhà kinh doanh Mỹ. Không có mối quan hệ bình thường, các nhà doanh nghiệp Mỹ khó tránh khỏi bị thua thiệt trong cuộc cạnh tranh quốc tế tại Việt nam.

Bước phát triển mới đã mở ra, nhưng trong quan hệ Việt - Mỹ còn *rất nhiều khó khăn và phức tạp* cần phải vượt qua. Thực tế không phải mọi vấn đề đã được giải quyết. Chỉ vài giờ sau tuyên bố của Tổng thống Bin Clin-tơn, Chủ tịch Ủy ban đối ngoại của Thượng nghị viện Mỹ Giéc Hen-lâm đã đe sẽ ngăn chặn việc cử đại sứ Mỹ tới Hà nội (việc cử đại sứ phải có sự chuẩn y của Ban này). B. Gin-man, chủ tịch một ủy ban của Hạ nghị viện Mỹ, cũng cho rằng Quốc hội có thể phong tỏa những ngân khoản dùng cho sứ quán Mỹ ở Việt nam. Tuy nhiên, trên nguyên tắc, Quốc hội Mỹ không thể đảo ngược được sự chuyển hướng chính sách của Tổng thống Bin Clin-tơn đối với Việt nam. Tất cả mọi cái, kể cả khó khăn lẫn thuận lợi, đều có thể xảy ra. Nhưng điều khó khăn nhất đã được Tổng thống Bin Clin-tơn dũng cảm vượt qua.

Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã khẳng định trong Tuyên bố ngày 12-7-1995 : "Chính phủ và nhân dân Việt nam hoan nghênh quyết định ngày 11-7-1995 của Tổng thống Bin Clin-tơn và sẵn sàng cùng chính phủ Hoa kỳ thỏa thuận một khuôn khổ mới cho quan hệ giữa hai nước trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, cùng có lợi và phù hợp với các nguyên tắc phổ biến của luật pháp quốc tế." Chỉ có kiên trì và thực hiện đúng những nguyên tắc đó mới bảo đảm lợi ích chính đáng của nhân dân Việt nam, nhân dân Mỹ, phát triển quan hệ Việt-Mỹ. Thực tiễn cho thấy, các quan hệ quốc tế, quan hệ hợp tác giữa các quốc gia chỉ có thể phát triển trên cơ sở tôn trọng quyền tự quyết và quyền lựa chọn con đường đi lên của mỗi dân tộc. Chúng ta không can thiệp, áp đặt và cũng không chấp nhận sự áp đặt, can thiệp của bất cứ ai đối với công việc nội bộ của chúng ta. Trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, nhân dân ta đã đúc rút được nhiều bài học quý báu về vấn đề này - về tinh thần độc lập tự chủ, về lòng dũng cảm và sự hòa hiếu, sẵn sàng bắt tay với bè bạn. Chính vì vậy, trong quan hệ quốc tế, nhân dân ta luôn tôn trọng quyền độc lập tự chủ của các quốc gia khác, đồng thời giữ vững quyền độc lập tự chủ của bản thân mình. Với việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ, một thời cơ mới đang mở ra, và thách thức mới đang xuất hiện. Chủ động và biết cách tận dụng thời cơ, biết lường trước các thách thức để vượt qua, nhất định chúng ta sẽ giành được thắng lợi to lớn hơn nữa trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ❑

Digitized by Google

"NHÌN LẠI QUÁ KHỨ": TẤN THẢM KỊCH VÀ NHỮNG BÀI HỌC VỀ VIỆT NAM"

(Hồi ký của cựu Bộ trưởng Bộ quốc phòng Mỹ Mắc Na-ma-ra)

Lời BBT : *Cuốn sách được Nhà xuất bản Random (Random House) cho ra mắt bạn đọc tháng 4-1995. Trong cuốn sách này, lần đầu tiên sau mấy chục năm trăn trở, day dứt, ông McNamara công khai thừa nhận rằng :* "**Chúng tôi ở trong các chính quyền Ken-nơ-đi và Giôn-xơn, tham gia vào các quyết định về Việt nam... Chúng tôi đã sai lầm, sai lầm khủng khiếp**". *Có thể nói, đây là lời thú nhận chưa từng có trong lịch sử nước Mỹ. Ông McNamara cho biết, ông không có ý định viết cuốn sách này, nhưng rồi ông vẫn phải viết ra, vì "cảm thấy đau lòng khi chứng kiến sự chỉ trích cay độc và thậm chí là sự khinh miệt của rất nhiều người Mỹ nhận xét về các thể chế chính trị và những người lãnh đạo (của nước Mỹ)".*

Điều có ý nghĩa là cuốn sách ra đời đúng vào dịp kỷ niệm 20 năm kết thúc chiến tranh của Mỹ ở Việt nam và trong chính giới Mỹ đang có cuộc tranh luận gay gắt về việc bình thường hóa quan hệ với Việt nam. Có lẽ vì thế mà cuốn sách ngay khi ra mắt bạn đọc đã gây chấn động dư luận nước Mỹ và là một trong những cuốn sách bán chạy nhất ở Mỹ trong thời gian gần đây.

Với Lời mở đầu, 11 phần và bản phụ lục, cuốn sách đã phác họa lại quá trình dính líu quân sự của Mỹ ở Việt nam, phân tích những nguyên nhân dẫn tới thất bại của Mỹ và những bài học mà nước Mỹ cần rút ra qua cuộc chiến tranh này. Đương nhiên, với quan điểm và lập trường riêng của mình, ông McNamara có những nhận định, đánh giá khác, thậm chí trái ngược với quan điểm của chúng ta.

Dưới đây xin trích một đoạn trong **Phần 11** *của cuốn sách dưới tiêu đề* "**Những bài học Việt nam**" *để bạn đọc tham khảo.*

VIỆC dính líu của tôi tới Việt nam kết thúc sau khi tôi rời Phòng họp phía đông. Còn cuộc chiến tranh tất nhiên còn kéo dài thêm bảy năm nữa. Đến khi Mỹ, cuối cùng, rút khỏi Nam Việt nam năm 1973, chúng ta đã mất 58 000 người cả nam lẫn nữ ; nền kinh tế của chúng ta đã bị tàn phá bởi những chi phí cao và bất hợp lý cho cuộc chiến tranh trong nhiều năm liền ; và sự thống nhất chính trị của xã hội chúng ta bị tan nát và hàng thập kỷ sau vẫn không khôi phục được.

Liệu những cái giá quá cao đó có được biện minh hay không?

Các ông Đin Ra-xcơ (Dean Rusk), Oan Rô-xtâu (Walt Rostow), Lý Quang Diệu và nhiều nhà địa - chính trị trên toàn cầu tới ngày hôm nay đều đưa ra câu trả lời khẳng định. Họ kết luận rằng nếu không có sự can thiệp của Mỹ vào Việt nam thì sự bành trướng của cộng sản - cả Liên xô và Trung quốc - có thể đã lan rộng hơn ra Nam và Đông Á, bao gồm sự kiểm soát cả In-đô-nê-xi-a, Thái lan và có khả năng cả Ấn độ. Có người còn đi xa hơn và cho rằng Liên xô đã có thể đi tới chỗ mạo hiểm hơn, mở rộng ảnh hưởng ở những nơi khác trên thế giới như ở Trung Đông, nơi họ có thể đã tìm cách khống chế các nước sản xuất dầu lửa. Những điều này có thể đúng, nhưng tôi thật sự nghi ngờ các đánh giá đó.

Cho đến khi các hồ sơ lưu trữ của Liên xô cũ, Trung quốc và Việt nam được mở ra cho các học giả, thì chúng ta sẽ được biết thêm về ý đồ của những nước này, nhưng dẫu sao nếu không có những thông tin đó thì chúng ta cũng biết rằng trong suốt bốn thập kỷ chiến tranh lạnh, nguy cơ xâm lược của cộng sản là có thực và rất đáng kể. Mặc dù trong những năm 1950, 1960, 1970 và 1980, phương Tây đã thường nhận thức sai và do đó đã cường điệu hóa sức mạnh của phương Đông và khả năng thực hiện sức mạnh đó, nhưng việc không tự bảo vệ được mình trước sự đe dọa đó thật là điên rồ và vô trách nhiệm.

Ngày nay tôi thường hỏi liệu hành động và ảnh hưởng của Liên xô hoặc Trung quốc trong những năm 70 và 80 có khác không nếu Mỹ không dính líu vào cuộc chiến tranh ở Đông dương, hay nếu chúng ta rút khỏi Việt nam từ đầu và giữa thập kỷ 60? Nếu vậy thì rõ ràng hai điều kiện làm cơ sở cho quyết định của Tổng thống

Digitized by Google

Ken-nơ-đi đưa các cố vấn quân sự Mỹ sang Nam Việt nam đã không được đáp ứng và quả thực đã không thể đáp ứng được : đã không có ổn định chính trị và có vẻ không bao giờ đạt được điều đó ; và người Nam Việt nam, ngay cả khi có sự giúp đỡ về huấn luyện và hỗ trợ về hậu cần, cũng đã không có khả năng tự bảo vệ mình.

Với những số liệu này - và đó cũng là thực tế - tôi tin chúng ta đã có thể, và lẽ ra đã nên rút khỏi Nam Việt nam hoặc là cuối năm 1963 - giữa tình hình hỗn độn sau khi Diệm bị ám sát, hoặc là cuối năm 1964 hay đầu năm 1965 - trước tình trạng suy yếu về chính trị và quân sự của Nam Việt nam. Và như bảng dưới đây cho thấy, ít nhất đã có ba cơ hội khác để rút lui.

Tôi không tin rằng sự rút lui của Mỹ vào bất cứ một trong những thời điểm này, nếu được giải thích hợp lý cho người Mỹ và cho thế giới, lại làm cho Tây Âu phải đặt câu hỏi về sự hỗ trợ của chúng ta dành cho NATO và thông qua đó là sự đảm bảo của chúng ta đối với an ninh của họ. Tôi cũng không tin là Nhật bản lại coi các hiệp ước an ninh của chúng ta kém tin cậy. Ngược lại, có thể chúng ta đã nâng cao được uy tín của mình bằng việc rút khỏi Việt nam và bảo tồn sức mạnh cho những cuộc chiến khác ở một nơi nào đó.

Có lúc người ta nói là thế giới sau chiến tranh lạnh sẽ khác nhiều với thế giới của quá khứ đến nỗi những bài học Việt nam không còn tính thực tiễn hoặc không còn liên quan gì đến thế kỷ XXI cả. Tôi không đồng ý. Nếu chúng ta muốn học từ kinh nghiệm của mình ở Việt nam, trước tiên chúng ta phải chỉ ra những thất bại của chúng ta. Có 11 nguyên nhân chính gây ra thảm họa của chúng ta tại Việt nam :

1 - Từ đó tới nay, chúng ta đã đánh giá sai các ý định địa - chính trị của đối phương (trong trường hợp này là Bắc Việt nam và Việt cộng được Trung quốc và Liên xô ủng hộ) và chúng ta đã thổi phồng những nguy cơ đối với nước Mỹ trước những hành động của họ.

2 - Chúng ta đã đánh giá nhân dân và các nhà lãnh đạo Nam Việt nam theo kinh nghiệm của chính chúng ta. Chúng ta đã không nhìn thấy ở họ niềm khao khát và quyết tâm chiến đấu giành tự do và dân chủ. Chúng ta đã đánh giá hoàn toàn sai các lực lượng chính trị trong nước.

3 - Chúng ta đánh giá thấp sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc thúc đẩy một dân tộc (trong trường hợp này là Bắc Việt nam và Việt cộng) đấu tranh và hy sinh cho lý tưởng và các giá trị của nó, và cho đến nay, chúng ta vẫn tiếp tục đánh giá thấp chủ nghĩa dân tộc ở nhiều nơi trên thế giới.

4 - Những đánh giá sai lầm của chúng ta về bạn và thù phản ánh sự thiếu hiểu biết cơ bản của chúng ta về lịch sử văn hóa và chính trị của nhân dân trong vùng, và về nhân cách, thói quen của các nhà lãnh đạo. Chúng ta có thể đã có những sai lầm tương tự đối với Liên xô trong những cuộc đối đầu như Béc-lin, Cu-ba và Trung Đông chẳng hạn, nếu chúng ta không có những lời khuyên của Tô-mi Tôm-xơn (Tommy Thompson), Chip Bô-len (Chip Bohlen) và Gioóc Ken-nan (George Kennan). Các nhà ngoại giao lâu năm này đã dành hàng chục năm để nghiên cứu đất nước, con người và các nhà lãnh đạo Liên xô, tại sao họ lại hành động như vậy và họ sẽ phản ứng với hành động của chúng ta như thế nào. Những lời khuyên của họ rõ ràng là vô giá trong quá trình hình thành các đánh giá và quyết định của chúng ta. Không có đối tác nào ở Đông - Nam Á để các quan chức cấp cao tham khảo ý kiến khi đưa ra những quyết định về Việt nam.

5 - Khi đó chúng ta đã không nhận ra được những hạn chế của các thiết bị quân sự kỹ thuật cao và hiện đại, lực lượng quân sự và học thuyết quân sự trong khi đối đầu với những phong trào nhân dân được thúc đẩy cao và không bình thường. Chúng ta cũng đã không điều chỉnh được chiến thuật quân sự của chúng ta cho phù hợp với nhiệm vụ chinh phục trái tim và khối óc của người dân thuộc một nền văn hóa hoàn toàn khác.

6 - Chúng ta đã không thể lôi kéo được Quốc hội và nhân dân Mỹ vào một cuộc thảo luận đầy đủ và chân thành về những cái lợi và những cái hại của một cuộc dính líu quân sự quy mô lớn của Mỹ ở Đông-Nam Á trước khi chúng ta bắt đầu hành động.

7 - Sau khi hoạt động bắt đầu được tiến hành và các sự kiện không lường trước đã đẩy chúng ta xa khỏi hướng

Digitized by Google

đi ban đầu, chúng ta đã không duy trì được sự ủng hộ của công chúng, một phần vì chúng ta đã không giải thích được đầy đủ việc gì đang diễn ra và tại sao chúng ta lại hành động như vậy. Chúng ta đã không chuẩn bị cho công chúng hiểu được những sự việc phức tạp mà chúng ta gặp phải và làm thế nào để có phản ứng tích cực đối với việc cần thay đổi hướng hành động khi dân tộc đối mặt với những đại dương chưa khám phá và một môi trường xa lạ. Sức mạnh sâu thẳm nhất của một dân tộc không nằm ở mũi nhọn quân sự mà ở sự đoàn kết của dân tộc. Chúng ta đã không duy trì sự đoàn kết đó.

8 - Chúng ta đã không nhận ra rằng cả nhân dân lẫn lãnh đạo của chúng ta đều không sáng suốt. Khi nền an ninh của chúng ta không bị đe dọa, những đánh giá về những gì là lợi ích tốt nhất của nhân dân và đất nước khác của chúng ta cần phải được thử nghiệm trong một cuộc thảo luận cởi mở trên diễn đàn quốc tế. Chúng ta không có quyền tối cao để định hình mọi dân tộc theo hình ảnh của chính chúng ta, hoặc theo hình ảnh mà chúng ta chọn.

9 - Chúng ta đã không theo nguyên tắc là các hoạt động quân sự của Mỹ - ngoài những hoạt động nhằm đáp lại những mối đe dọa trực tiếp tới nền an ninh của chính chúng ta - cần được thực hiện chỉ khi có sự phối hợp với các lực lượng đa quốc gia và được cộng đồng quốc tế hoàn toàn ủng hộ.

10 - Chúng ta đã không nhận ra rằng trong những công việc quốc tế cũng như trong những khía cạnh khác của đời sống, có những vấn đề mà không có một giải pháp tức thời nào có thể giải quyết được. Đối với những người đã dành cuộc đời mình cho một niềm tin và cho việc giải quyết các vấn đề khó khăn thì điều nói trên thật khó chấp nhận. Nhưng đôi khi, chúng ta buộc phải sống trong một thế giới chưa hoàn chỉnh và lộn xộn.

11 - Đằng sau rất nhiều lỗi lầm này, có sự thất bại của chúng ta trong việc tổ chức một đội hình hàng đầu các chi nhánh điều hành để giải quyết có hiệu quả những vấn đề chính trị và quân sự cực kỳ phức tạp, có liên quan đến những rủi ro to lớn và các chi phí, mà nhất là những thiệt hại về người khi dùng các lực lượng quân sự trong những điều kiện ràng buộc trong một khoảng thời gian dài. Chúng ta sẽ phải trả giá cho sự yếu kém về tổ chức nếu như đây là khó khăn duy nhất đặt ra cho Tổng thống và các cố vấn. Nhưng không phải chỉ có vậy. Sự yếu kém về tổ chức lại cùng tồn tại với một loạt những khó khăn trong nước và quốc tế mà chúng ta gặp phải. Do đó, chúng ta đã thất bại trong việc phân tích và thảo luận một cách tích cực và cẩn thận về các hoạt động của chúng ta ở Đông - Nam Á - những mục tiêu, rủi ro và chi phí nếu chọn cách khác để giải quyết và sự cần thiết phải thay đổi đường lối khi thất bại đã trở nên rõ ràng - kiểu phân tích và thảo luận đó chính là những nét đặc trưng cho các thảo luận của Ủy ban điều hành trong thời gian khủng hoảng tên lửa Cu-ba.

Tóm lại, đó là những thất bại chính của chúng ta. Mặc dù chúng xuất hiện rời rạc nhưng ở một mức nào đó, chúng có liên quan với nhau : thất bại ở một khía cạnh này lại góp phần hoặc tạo nên thất bại ở khía cạnh khác. Mỗi thất bại đó, đến lượt mình, lại trở thành một mớ bòng bong.

Khi chỉ ra những sai lầm này, chúng ta có thể viết nên bài học Việt nam và giúp chúng ta có thể áp dụng chúng trong thế giới sau chiến tranh lạnh.

... Vượt lên trên tất cả, các tiêu chí quy định việc can thiệp cần phải công nhận rằng : như chúng ta đã học được ở Việt nam, lực lượng quân sự chỉ có khả năng hạn chế, nhằm tạo cơ sở thuận lợi cho quá trình xây dựng quốc gia. Lực lượng quân sự tự nó không thể khôi phục lại một "quốc gia đã thất bại" được.

Cần phải làm cho nhân dân Mỹ thấy rõ rằng : dù cho có nhiều may mắn lắm thì các câu hỏi như vậy cũng đòi hỏi nhiều năm mới có thể giải đáp được. Tuy vậy, chúng ta cũng cần phải thúc đẩy cuộc tranh luận trong lòng đất nước chúng ta và trong khuôn khổ các diễn đàn quốc tế. Một số vấn đề có thể không bao giờ được giải quyết : cũng có thể có những khi chúng ta phải thừa nhận chúng ta không thể nào sửa chữa được tất cả mọi lỗi lầm. Không thể chắc chắn rằng những kết luận của chúng ta về việc sử dụng vũ lực để duy trì trật tự trong một thế giới không hoàn hảo thế này là thích hợp. Do vậy, chúng phải

Digitized by Google

được xem xét lại nhằm chống lại những mong muốn của các quốc gia khác có quyền lợi tương tự muốn tham gia vào quyết định này nhằm giúp thực hiện nó và chia sẻ những cái giá phải trả của nó - đây lại là một bài học khác nữa về Việt nam.

Có những khi, việc Mỹ can thiệp quân sự sẽ được biện minh không phải do lòng nhân đạo hay gìn giữ hòa bình, mà để bảo vệ nền an ninh quốc gia. Rõ ràng là, một khi xuất hiện mối đe dọa đối với Tổ quốc, chúng ta cần phải và sẽ hành động đơn phương sau khi đã có các cuộc tham khảo thích hợp với Quốc hội và nhân dân Mỹ. Nếu như mối đe dọa đó ít trực tiếp nhưng vẫn có sự nghiêm trọng tiềm tàng, chẳng hạn, tình trạng xung đột ở Cô-xô-vô hoặc Ma-xê-đô-ni-a, có thể làm bùng nổ một cuộc xung đột lớn hơn trên bán đảo Ban-căng, lôi kéo theo Hy lạp, Thổ nhĩ kỳ, và có thể cả I-ta-li-a tham gia, thì trong trường hợp đó, đối sách của chúng ta sẽ như thế nào ? Tôi xin nhấn mạnh rằng, chúng ta sẽ *chỉ* hành động theo một quyết định đa phương đã được thông qua và gánh nặng đó phải chia sẻ - đây lại là một bài học nữa về Việt nam.

Những cuộc chiến tranh trên thế giới mà chúng ta tham gia sau chiến tranh lạnh dường như xảy ra thường xuyên hơn là "những cuộc chiến tranh hạn chế" giống như ở Việt nam. Tại Hội nghị ở Thư viện Lin-đơn Ben Giôn-xơn (Lyndon Baines Johnson) tháng 3-1991, Tướng Oét-mo-len (Westmoreland) đã đưa ra lời bình luận về Việt nam rất phù hợp với trường hợp này. Đề cập những điểm đã bó buộc cuộc chiến tranh Việt nam trong tình trạng hạn chế, ông nói : "Vào thời điểm đó, tôi cảm thấy chúng tôi bị trói tay", mặc dầu vậy "chúng tôi vẫn buộc phải tán thành việc Tổng thống Giôn-xơn *không* cho phép mở rộng tầm địa lý của cuộc chiến tranh (nhấn mạnh trong nguyên bản). Chắc chắn Việt nam đã dạy cho chúng ta hiểu được là khó khăn kinh khủng đến thế nào khi phải chiến đấu trong các cuộc chiến tranh hạn chế để dẫn tới những vết thương trong lòng nước Mỹ trong suốt các giai đoạn dài. Tuy nhiên, nơi nào cuộc chiến tranh hạn chế được ưa thích hơn chiến tranh không hạn chế thì những tình trạng khó khăn kiểu như vậy sẽ tăng lên. Trước khi dính líu vào các cuộc xung đột như vậy, nhân dân Mỹ cần phải hiểu được những khó khăn mà họ sẽ phải đương đầu ; giới quân sự Mỹ cũng phải biết và chấp nhận những giới hạn mà họ sẽ phải tuân theo ; còn các lãnh tụ và những người dân của chúng ta cũng phải được chuẩn bị tinh thần để giảm bớt tổn thất và rút quân nếu như tình hình cho thấy các mục tiêu có hạn của chúng ta không thể đạt được với những hiểm nguy ít hơn và cái giá phải trả có thể chấp nhận được.

Chúng ta cũng phải rút kinh nghiệm từ bài học Việt nam về việc : làm cách nào chỉ huy các cuộc chiến tranh hạn chế một cách có hiệu quả. Nguyên nhân chính của sự thất bại nằm trong việc chúng ta đã không lập ra được bộ máy các quan chức dân sự và quân sự ở cấp cao có khả năng điều hành công việc. Chúng ta đã liên tục thất bại trong việc giải quyết một loạt các vấn đề cơ bản, như câu chuyện sửng sốt của tôi về quá trình hoạch định chính sách đã tiết lộ ; sự thất bại của chúng ta trong việc xác định những vấn đề đó đã không được thừa nhận ; và những bất đồng sâu sắc giữa các cố vấn của Tổng thống về cách thức thực hiện đã bị im đi và không được tháo gỡ.

Như tôi đã nói, điều này một phần là do sự thất bại của chúng ta trong việc tổ chức một cách quy củ. Không có một quan chức cấp cao nào ở Oa-sinh-tơn *chuyên* theo dõi về Việt nam. Trong khi Tổng thống, các Bộ trưởng ngoại giao và Quốc phòng, Cố vấn an ninh quốc gia, Chủ tịch Hội đồng liên quân và những người cộng sự của họ đang phân tán tư tưởng bởi một loạt các vấn đề rối ren và cấp thiết khác, một vài những khiếm khuyết của chúng ta - chẳng hạn như chúng ta đã không thường xuyên thảo luận các tình huống rất cơ bản - là điều có thể hiểu được. Lẽ ra, để tránh điều này, chúng ta phải thành lập một cơ quan chuyên trách ở cấp cao nhất - như Sớc-sin từng gọi là Hội đồng chiến tranh- chỉ để theo dõi vấn đề Việt nam mà thôi. Ít ra, cơ quan này phải bao gồm các Thứ trưởng ngoại giao và quốc phòng, Cố vấn an ninh quốc gia, Chủ tịch Hội đồng liên quân và Giám đốc CIA. Cơ quan này phải có cuộc họp hàng tuần với Tổng thống vào thời gian nhất định để bảo đảm các cuộc thảo luận đủ dài và không bị ngắt quãng. Các cuộc họp hằng tuần này phải được mở rộng thành các cuộc họp hằng tháng với sự tham gia của Đại sứ Mỹ và Tư lệnh quân đội Mỹ ở Việt nam. Các cuộc họp phải mang tính cởi mở và thẳng thắn trong thảo luận giống như Ủy ban điều hành từng có trong thời kỳ khủng hoảng tên lửa ở Cu-ba—điều đã góp phần ngăn chặn xảy ra tai họa. Công việc tổ chức tương tự cần phải được thiết lập để điều hành tất cả các hoạt động quân sự trong tương lai.

Cuối cùng, tôi phải thừa nhận rằng rất khó tiên đoán và kiểm soát được kết quả của các cuộc tham chiến bằng quân sự với quy mô lớn - nhất là trong thời đại của các loại vũ khí hủy diệt rất hiện đại. Bởi lẽ đó, cần phải tránh các cuộc tham chiến như vậy, chỉ trừ khi nền an ninh quốc gia của chúng ta bị đe dọa một cách công khai và trực tiếp. Đây là những bài học Việt nam. Cầu Chúa chúng ta tiếp thu được ❑

(Người dịch : HỒ CHÍNH HẠNH, HUY BÌNH, THU THỦY, MINH NGA)

Digitized by Google

CHIẾN TRANH LẠNH, CHIẾN TRANH MỀM

● **CHIẾN TRANH LẠNH** Thuật ngữ "Chiến tranh lạnh" được dùng phổ biến từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, để chỉ đường lối chính trị phản động và thù địch của các nước phương Tây không chỉ đối với Liên xô (cũ) và các nước xã hội chủ nghĩa, đối với các dân tộc đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và độc lập dân tộc, mà còn đối với cả những công dân tiến bộ ở chính các nước đó có cảm tình với chủ nghĩa xã hội.

Đường lối chiến tranh lạnh nhằm duy trì và làm trầm trọng thêm trạng thái căng thẳng trên thế giới, khuyến khích và gây ra "chiến tranh nóng". Mục đích của chiến tranh lạnh là biện minh cho cuộc chạy đua vũ trang điên cuồng, cho việc tăng cường chi phí quân sự, cho việc nuôi dưỡng các thế lực phản động và đàn áp các lực lượng tiến bộ ở các nước tư bản.

Phương pháp và các dạng thức của chiến tranh lạnh là : xây dựng các liên minh chính trị - quân sự (NATO và các liên minh khác) như những "con đê" ngăn chặn sự "thâm nhập của cộng sản", hình thành mạng lưới căn cứ quân sự ; tăng cường chạy đua vũ trang, kể cả vũ khí hạt nhân và các vũ khí có khả năng hủy diệt lớn ; tàng trữ vũ khí hoặc sử dụng các lực lượng răn đe như những phương tiện để tác động tới các quốc gia khác ("ngoại giao hạt nhân", "chính trị dựa trên thế mạnh") ; sử dụng các đòn trừng phạt kinh tế (cấm vận, phân biệt đối xử trong buôn bán) ; đẩy mạnh và mở rộng các hoạt động phá hoại bên trong các nước xã hội chủ nghĩa và các nước độc lập dân tộc ; tuyên truyền chống cộng và hoạt động phá hoại tư tưởng ("chiến tranh ý thức hệ") ; ngăn cản các hoạt động giao lưu quốc tế về chính trị , kinh tế và văn hóa.

Các sử gia cho rằng chiến tranh lạnh *bắt đầu* từ bài diễn văn của thủ tướng Anh Uyn-xtơn Sớc-sin đọc vào tháng 3-1946 tại Phun-tơn bang Mit-xu-ri (Mỹ). Tại đây, lần đầu tiên ông ta công khai kêu gọi các nước phương Tây hãy hợp lực lại (trước hết là thành lập liên minh Anh-Mỹ) để đấu tranh với "âm mưu bành trướng vô tận" của thế giới cộng sản đứng đầu là nước Nga xô viết.

Về *đối ngoại*, chiến tranh lạnh gắn liền với "học thuyết Tơ-ru-man", sử dụng tiền viện trợ như một phương tiện "bảo vệ các quốc gia châu Âu "khỏi rơi vào" tay cộng sản". Từ học thuyết Tơ-ru-man, Mỹ đã đưa ra một kế hoạch viện trợ đại quy mô mang tên vị ngoại trưởng Hoa kỳ lúc bấy giờ : "kế hoạch Mác-san". Với số tiền viện trợ không lồ 14 tỷ USD trong 4 năm, được Quốc hội Mỹ thông qua tháng 4-1948, Mỹ đã vực dậy các nước tư bản châu Âu kiệt quệ sau chiến tranh. Bắt đầu từ đó, kế hoạch này được triển khai trên phạm vi toàn thế giới. Về *đối nội*, chiến tranh lạnh thể hiện ở chủ nghĩa cực kỳ phản động, sặc mùi chống cộng, mang tên vị thượng nghị sĩ Mỹ đề ra nó : "chủ nghĩa Mắc Các-thy".

Ngày nay, nhiều người cho rằng chiến tranh lạnh đã kết thúc. Tuy nhiên, khi xem xét lại các dạng thức thể hiện của chiến tranh lạnh, không ít ý kiến phân vân : các liên minh quân sự vẫn tồn tại ; cuộc chạy đua vũ trang tuy có giảm, song chỉ là hình thức ; hiện tượng sử dụng áp lực kinh tế - chính trị - quân sự can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác vẫn còn phổ biến ; chiến lược "diễn biến hòa bình" với những hoạt động chống cộng, phá hoại tư tưởng, chính là sự tiếp nối cuộc "chiến tranh ý thức hệ". Như vậy, phải chăng chiến tranh lạnh vẫn lấp ló ở đâu đó, nó giống như một con thú biến hình, mang hình hài mới với mầu sắc mới.

● **CHIẾN TRANH MỀM** Thuật ngữ "chiến tranh mềm" gần đây mới nghe nói nhiều nhưng thật ra ít nhiều nó đã được đề cập trong các binh thư cổ.

Chiến tranh mềm là cuộc chiến tranh không có khói súng, không bom đạn, nhưng là cuộc chiến tranh có ảnh hưởng rất lớn đến vận mệnh của các quốc gia trong tương lai. Trong cuộc chiến tranh này, các nước tiến công nhau *không phải bằng* lực lượng quân sự, *mà bằng* lực lượng kinh tế, khoa học kỹ thuật, thông tin, văn hóa, ngoại giao...

Chiến tranh mềm có các dạng thức sau :

+ *Chiến tranh kinh tế*. Một trong những mục tiêu cơ bản của hầu hết các cuộc chiến tranh là giành lợi ích kinh tế. Với chiến tranh mềm, lợi ích kinh tế càng là một mục tiêu đặc biệt quan trọng. Cuộc chiến tranh trên mặt trận này là cuộc chiến tranh khó nhìn thấy bóng dáng của nó. Những gì người ta có thể thấy được (như cuộc chiến tranh ô tô Mỹ-Nhật) chỉ là phần rất nhỏ của tảng băng lớn chìm dưới nước. Tầm quan trọng của cuộc chiến tranh này được báo *Phố U-ôn*, tiếng nói của tập đoàn tài phiệt Mỹ, số ra trong năm 1988, xác định : "Mối đe dọa đối với phúc lợi của Mỹ từ cuộc cạnh tranh kinh tế với các đồng minh tư bản chủ nghĩa, còn lớn hơn mối uy hiếp của chủ nghĩa cộng sản. Từ nay, trọng điểm chiến lược an ninh của Mỹ cần được chuyển từ ngăn chặn cộng sản sang cạnh tranh kinh tế thế giới".

+ *Chiến tranh về trí tuệ*. Sự phát triển của bất cứ nước nào cũng đều liên quan đến tri thức. Tri thức là kết tinh của trí tuệ, là tư liệu lao động khoa học, là vũ khí cạnh tranh của một quốc gia. Mặc dù tri thức là tài sản do loài người cùng nhau tạo ra và cùng nhau hưởng thụ, nhưng do tri thức mang lại những lợi ích to lớn, có ý nghĩa sống còn đối với mọi quốc gia, nên giữa các quốc gia luôn luôn có sự tranh

Digitized by Google

giành về tri thức. Vì vậy, trong tương lai, có thể xảy ra những cuộc chiến tranh "thực dân mới", do những "nước thực dân tri thức" tiến hành.

+ *Chiến tranh tinh thần.* Công kích vào "vương quốc tinh thần" được coi là một nội dung quan trọng của chiến tranh mềm. Trong một thế giới mà các nước đang bước vào quá trình hòa nhập thì việc giao lưu văn hóa là chuyện bình thường. Nhưng một số quốc gia đã lợi dụng cơ hội này để xuất khẩu văn hóa của mình, áp đặt văn hóa của mình cho các quốc gia khác. Đây cũng là tiền đề cho sự xuất hiện các "đế quốc văn hóa".

Trên mặt trận "tinh thần", vũ khí thông tin vô cùng lợi hại. Việc lũng đoạn thông tin và thông tin một chiều là phương pháp chính hay được sử dụng trong cuộc chiến tranh này. Với kiểu thông tin một chiều từ các nước "lớn" tới các nước "nhỏ", khái niệm "tự do thông tin" chỉ còn là khái niệm rỗng. Các nước đang phát triển với phương tiện thông tin kém khó tránh khỏi bị các nước phát triển với phương tiện thông tin cực mạnh uy hiếp nghiêm trọng về mặt tinh thần.

Gắn với cuộc chiến tranh tinh thần là chiến lược "diễn biến hòa bình" do ngoại trưởng Mỹ A.Đa-let, chính thức đưa ra ngày 15-1-1953 trong diễn văn tuyên thệ ở bộ ngoại giao, sau đó là chiến lược "ngăn chặn" của Ke-nan, rồi chiến lược "vượt trên ngăn chặn" của cựu tổng thống Bu-sơ và chiến lược "dính líu và mở rộng"... Các chiến lược này đều tập trung làm "mềm" các nước xã hội chủ nghĩa, vận dụng tổng hợp các vũ khí kinh tế, chính trị, văn hóa nhằm thúc đẩy "diễn biến hòa bình" ở các nước này.

+ *Chiến tranh ngoại giao.* Trong thế giới hiện đại, các mối quan hệ quốc tế đóng một vai trò rất quan trọng. Một nước muốn hòa nhập vào cộng đồng quốc tế thì phải mở rộng quan hệ và lợi ích của mình ra bên ngoài, và cùng với nó phạm vi sinh tồn của nước đó cũng mở rộng theo. Với trường hợp hai nước đang đối đầu, thì việc nước này mở rộng được phạm vi ngoại giao trên một mức độ lớn cũng có nghĩa là phạm vi ngoại giao của đối phương bị thu hẹp. Trong cạnh tranh quốc tế, mọi hoạt động kinh tế, chính trị đều gắn bó với công tác ngoại giao. Ngoại giao chính là một hình thức "tiến công mềm" rất có hiệu lực.

Nhiều người cho rằng chiến tranh mềm là cuộc chiến tranh của ngày nay và của thế kỷ 21, nó liên quan rất chặt tới vận mệnh của mọi quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển ❑

• NGHIỆM THU ĐỀ TÀI "ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG TRONG CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ MỘT ĐẢNG (ĐẢNG CỘNG SẢN) Ở VIỆT NAM"

Vừa qua, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã tổ chức nghiệm thu kết quả nghiên cứu đề tài "Động lực phát triển kinh tế thị trường trong chế độ chính trị một đảng (đảng cộng sản) ở Việt nam". Đây là đề tài cấp bộ, tiến hành trong 2 năm 1994 - 1995, do Khoa kinh tế chính trị của Học viện chủ trì, PTS Nguyễn Đình Kháng chủ nhiệm.

Với cách tiếp cận khoa học nghiêm túc, bằng những luận cứ lý luận và thực tiễn, đề tài đã làm rõ những vấn đề chủ yếu sau :

- Tính tất yếu và sự cần thiết của Đảng cộng sản Việt nam trong việc lãnh đạo, xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Hệ thống chính trị một đảng (đảng cộng sản) có điều kiện và có khả năng phát huy mọi động lực xã hội để bảo đảm cho sự phát triển kinh tế của đất nước.

- Những định hướng, giải pháp để phát huy động lực kinh tế trong điều kiện đất nước hiện nay, đặc biệt là giai đoạn cách mạng sôi động khi Đảng ta phát động, tổ chức và lãnh đạo thực hiện sự nghiệp đổi mới mọi mặt đời sống đất nước, mở cửa hội nhập với thế giới.

Đề tài đã nêu bật một số điểm *mới* về lý luận, có sự đúc rút từ thực tiễn :

Một là, phân tích tương đối sâu vai trò của chính trị trong việc tạo ra động lực kinh tế. Chính trị không phải là tấm gương phản ánh kinh tế một cách thụ động, mà còn có tác động ngày càng mạnh mẽ vào kinh tế thông qua hoạt động của tổ chức lãnh đạo xã hội là đảng tiên phong của giai cấp tiên phong.

Hai là, nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đặt dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản không những hợp quy luật, mà còn có động lực phát triển mạnh mẽ. Nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, *về thực chất*, là một kiểu tổ chức vừa dựa trên những nguyên tắc và quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, trước hết là về sở hữu, tổ chức quản lý và quan hệ phân phối. Trong nền kinh tế đó, nhóm nhân tố *kinh tế thị trường* đóng vai

Digitized by Google

trò động lực thúc đẩy ; nhóm nhân tố *xã hội chủ nghĩa* đóng vai trò mở đường, hướng dẫn, định hướng sự vận động của nền kinh tế theo mục tiêu đã xác định. Do đó, yếu tố *chính trị* ở đây (hay nói khác đi là *vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản*) vừa là động lực, vừa là bánh lái bảo đảm cho các động lực đi theo một hướng.

Ba là, chính những chính sách về kinh tế của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ đổi mới vừa qua, thực chất là những quyết định đột phá, tạo nên động lực kinh tế. Những chính sách đó đã giải phóng sức sản xuất, trực tiếp thúc đẩy kinh tế phát triển. Các tác giả đề tài cũng nêu những dẫn chứng cụ thể về những chủ trương, chính sách đã tạo nên sự biến chuyển rõ nét trong nền kinh tế : "khoán 100", "khoán 10" trong nông nghiệp ; việc xác lập quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp, việc bãi bỏ chế độ chủ quản ; việc thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, chính sách mở cửa, phát triển kinh tế đối ngoại...

Đề tài còn có hạn chế là chưa đề cập rõ những yêu cầu của việc đổi mới, chỉnh đốn Đảng để Đảng làm tốt chức năng lãnh đạo kinh tế xã hội, tạo ra động lực phát triển kinh tế, phát triển đất nước. Tuy nhiên, không thể phủ nhận những vấn đề mà các tác giả đề cập trong đề tài là những vấn đề vừa mang tính luận giải các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ; vừa mang tính gợi mở, góp phần cung cấp luận cứ cho việc hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước ta ❑

VÕ THỦ PHƯƠNG (thực hiện)

• HỘI NGHỊ TỔNG KẾT KINH NGHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VỮNG MẠNH Ở HÀ NỘI

Ngày 1-7-1995, tại Hà nội, Ban thường vụ Thành ủy Hà nội đã tổ chức Hội nghị tổng kết, biểu dương các tổ chức cơ sở đảng vững mạnh tiêu biểu thời kỳ 1991-1994 và phát động phong trào thi đua xây dựng cơ sở đảng đến năm 2000. Dự hội nghị gồm có : đại diện Ban tổ chức trung ương Đảng ; Văn phòng trung ương Đảng ; các ban, ngành của thành ủy ; các quận, huyện ủy ; bí thư, phó bí thư các đảng bộ trực thuộc đại biểu các tổ chức cơ sở đảng, cá nhân được biểu dương, khen thưởng. Các cơ quan thông tấn, báo chí của trung ương và Hà nội.

Từ khi có Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, Thành ủy Hà nội đã gắn việc củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao vai trò, vị trí lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên với việc xây dựng chi bộ, đảng bộ vững mạnh, lấy đó làm khâu then chốt, đột phá trong quá trình đổi mới và chỉnh đốn đảng. Đến nay, cuộc vận động đã đạt được một số kết quả nổi bật : vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong điều kiện mới ngày càng được sáng tỏ và được khẳng định cả trong nhận thức và trong thực tiễn ; bước đầu đã làm rõ nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ; hệ thống tổ chức cơ sở đảng đã được sắp xếp, chấn chỉnh lại, ngày càng hợp lý, nhất là ở cấp phường và xã ; ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên được nâng lên ; công tác phát triển đảng có chuyển biến rõ rệt (năm 1994 bằng 153% so với năm 1992) ; việc đổi mới, chỉnh đốn đảng đã và đang có tác động tích cực và thiết thực đối với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị kinh tế, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

Từ năm 1991 đến 1994, đảng bộ Hà nội đã có 522 trong tổng số 1512 tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn vững mạnh (bằng 34,3%). Tại hội nghị này, Ban thường vụ Thành ủy đã trao cờ cho 57 tổ chức cơ sở đảng vững mạnh tiêu biểu và tặng bằng khen cho 47 cá nhân là bí thư, phó bí thư xuất sắc của các tổ chức cơ sở đảng.

Hội nghị đã rút ra được những kinh nghiệm và những tồn tại, hạn chế trong quá trình phấn đấu trở thành chi bộ, đảng bộ vững mạnh. Những kinh nghiệm chung của các tổ chức cơ sở đảng là :

Trước hết, xác định đúng đắn, rõ ràng, phương hướng, mục tiêu và những biện pháp lớn về kinh tế, xã hội, về sản xuất, kinh doanh và đời sống của người lao động. Đây là thước đo về trình độ nắm bắt, năng lực vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước vào điều kiện cụ thể ở cơ sở.

Thứ hai, gắn việc xây dựng chi bộ, đảng bộ vững mạnh với việc củng cố, xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Thứ ba, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, tổ chức sinh hoạt đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất về ý chí và hành động trong tổ chức cơ sở đảng.

Thứ tư, đi đôi với việc xây dựng chi bộ, đảng bộ vững mạnh, phải bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực của cán bộ, đảng viên ; phải giữ nghiêm kỷ luật và thường xuyên làm tốt công tác phát triển đảng.

Thứ năm, lựa chọn, bố trí đúng đội ngũ cán bộ chủ chốt, trước hết là hai chức danh bí thư cấp ủy và người đứng đầu cơ quan chuyên môn (chính quyền), tạo ra một tập thể đoàn kết, thống nhất trong ý chí và hành động ❑

VŨ LÂN (thực hiện)

Digitized by Google

CÔNG TY LIÊN DOANH

BÌNH KHÍ ĐỐT HONG LEONG SÀI GÒN

SAIGON HONG LEONG GAS CYLINDERS J.V.CO

295/71 An Dương Vương - Quận 6 - T.P. Hồ Chí Minh - Tel : 398056



Ong **NGUYỄN THAI HIỆP**, Chu tịch HĐQT Cty Liên doanh bình khí đốt Hong Leong Saigon



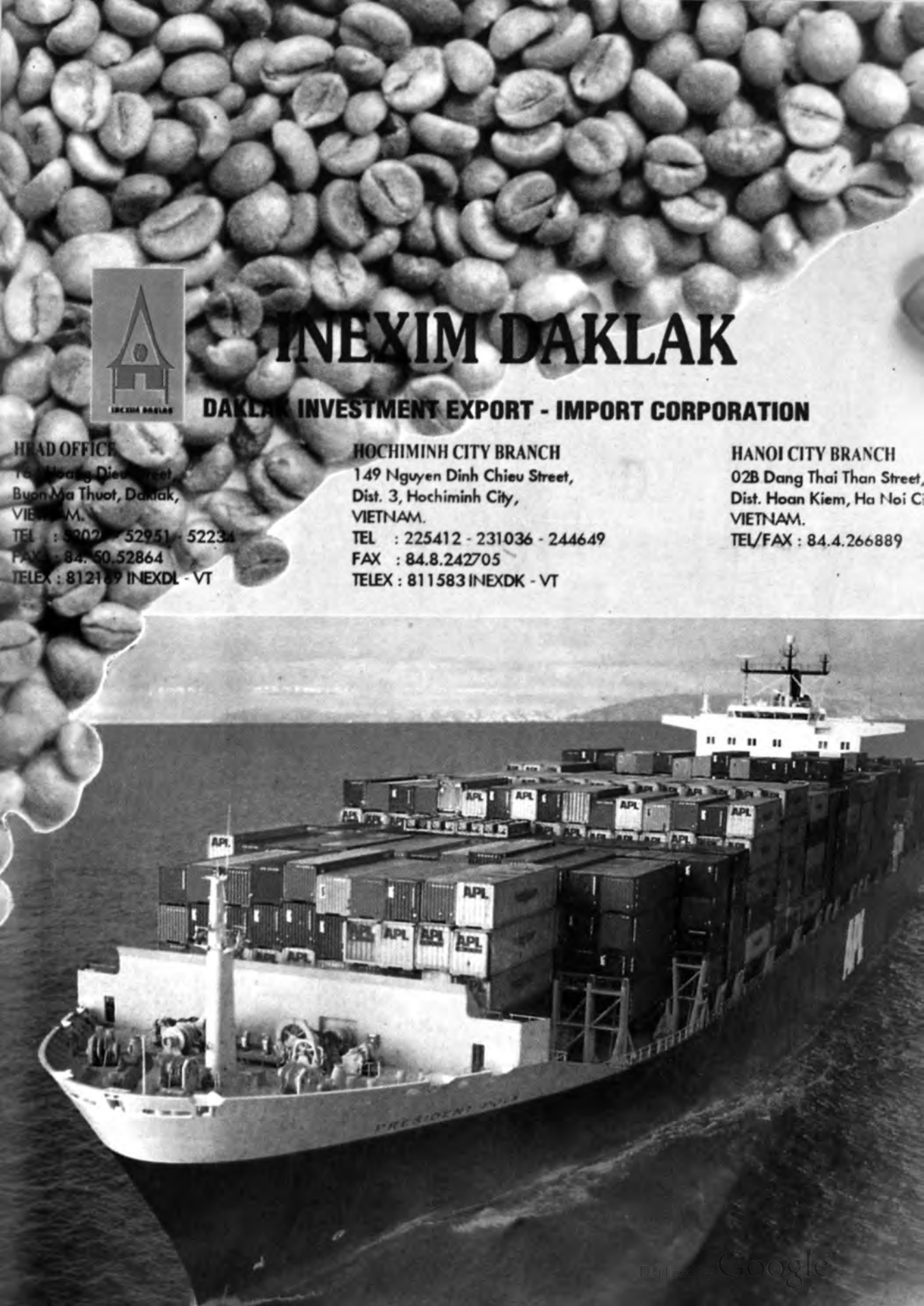
Chất lượng
An toàn
Uy tín

● **Là công ty đầu tiên ở Việt Nam sản xuất bình khí đốt được liên doanh bởi Công ty Cơ - Kim khí - Xây dựng và Hong Leong Gas Cylinders Pte Singapore**



● **Công ty liên doanh bình khí đốt Hong Leong Sài gòn chuyên sản xuất bình khí đốt các cỡ từ 1 kg đến 51 kg và bình chứa hóa chất chữa cháy, cung cấp cho thị trường nội địa và xuất khẩu**

Digitized by Google



INEXIM DAKLAK

DAKLAK INVESTMENT EXPORT - IMPORT CORPORATION

HEAD OFFICE
[illegible] Hoang Dieu Street,
Buon Ma Thuot, Daklak,
VIETNAM.
TEL : 5302[illegible] 52951 - 52234
FAX : 84.50.52864
TELEX : 812189 INEXDL - VT

HOCHIMINH CITY BRANCH
149 Nguyen Dinh Chieu Street,
Dist. 3, Hochiminh City,
VIETNAM.
TEL : 225412 - 231036 - 244649
FAX : 84.8.242705
TELEX : 811583 INEXDK - VT

HANOI CITY BRANCH
02B Dang Thai Than Street,
Dist. Hoan Kiem, Ha Noi Ci
VIETNAM.
TEL/FAX : 84.4.266889

Digitized by Google



Công ty Bia SAIGON

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5 TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 559595 - 6 HAI BÀ TRƯNG, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 294083

Chất Lượng. Thơm Ngon. Bổ Dưỡng

Digitized by Google

HX9
V5
H63
v. 1995
no. 10
MAIN

Tạp chí Cộng sản

The Library - UC Berkeley
Received on: 09-13-95
Tap Chi Cong San





10
8-1995

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH SẢN XUẤT
ÔTÔ HÒA BÌNH

VIETNAM MOTORS CORPORATION

- **Trụ sở chính tại Hà nội** - Km 9 Đường Nguyễn Trãi, Hà nội.
  Tel : 543452, 543325. Fax : 544682
- **Trung tâm bán và bảo hành tại Hà nội** - 298B Đường Tây Sơn, Hà nội.
  Tel : 534121, 534122. Fax : 534121
- **Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh** - 1A Nguyễn Tất Thành, Quận 4
  Tel : 230001, 230010 Fax : 230492

Tuyệt tác của
Thời Đại Mới



BMW 525i



Mazda 626

KIA Pride GTX



Xe mới 100%
Chế độ bảo hành
Bảo dưỡng và
cung cấp phụ tùng
trên toàn quốc

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 478

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

KỶ NIỆM 50 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2-9 (1945-1995)

Xã luận - Nửa thế kỷ thắng lợi vẻ vang của sự nghiệp cách mạng Việt nam 3
NGUYỄN VĂN LINH - Dựa vào nhân dân, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, tiếp tục đưa công cuộc đổi mới đến thắng lợi hoàn toàn 5
NGUYỄN MẠNH CẦM - Ngoại giao Việt nam góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc 9
ĐINH XUÂN LÂM và BÙI ĐÌNH PHONG - Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 16
NGUYỄN THÀNH - Đâu phải Cách mạng Tháng Tám không có đối tượng cụ thể, trực tiếp 18
NGUYỄN KHANG - Đại hội quốc dân Tân trào, sự chỉ đạo chiến lược kịp thời, sắc bén của Đảng ta 22

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

TRẦN HỒNG QUÂN - Giáo dục trong bước đi lên của đất nước 25
BÙI DANH LƯU - Xây dựng giao thông nông thôn, tiền đề để đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn 30
LÊ THẾ TIỆM - Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay 33

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

HÀ XUÂN TRƯỜNG - Góp phần đánh giá 50 năm nửa sau thế kỷ của văn hóa Việt nam 37
NGUYỄN VĂN LONG - Về cách tiếp cận để đánh giá văn học Việt nam sau Cách mạng Tháng Tám 42
VŨ HIỀN - Vẫn còn đó cuộc đấu tranh giai cấp 45
HOÀNG CÔNG - 50 năm bảo vệ và phát triển quyền con người ở Việt nam 49
PHAN THANH PHỔ - Về vai trò môn kinh tế chính trị Mác - Lê-nin trong các trường đại học và cao đẳng 53
NGUYỄN KIM ĐÍNH - Đảng bộ khối trong hệ thống tổ chức đảng 57

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

LÊ QUANG DIÊN - Phải chăng không cần sự lãnh đạo của Đảng cộng sản khi nước ta chuyển sang kinh tế thị trường? 59

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGUYỄN DY NIÊN - Quan hệ Việt nam và các nước Tây, Bắc Âu trong tình hình mới 61
NGUYỄN HỮU CÁT và NGÔ THỊ NGỌC ANH - Nhìn lại hai thập kỷ thực hiện Nghị quyết của Liên hợp quốc về sự tiến bộ của phụ nữ 64

QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

***"Việt nam trên đà lột xác" (Trích *Cuốn tâm thư* của Đỗ Mậu) 67

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM

Thuế, hệ thống thuế 70

Digitized by Google

Bìa 1 : *Dưới cây đa Tân trào lịch sử* — *Ảnh : Đình Trăn*

СОДЕРЖАНИЕ

Передовая - Полвека славных побед вьетнамской революции. НГУЕН ВАН ЛИНЬ - Опираясь на народ, усилить руководящую роль партии, продолжать водить курс обновления до конечной цели. НГУЕН МАНЬ КАМ - Достойный вклад вьетнамской дипломатии в революционное дело страны. ДИНЬ СУАН ЛАМ и БУИ ДИНЬ ФОНГ - Идея Хо Ши Мина о широкой национальной солидарности и победа Августовской революции. НГУЕН ТХАНЬ - О том, что Августовская революция имела конкретные и непосредственные объекты. НГУЕН ХАНГ - Танчаоский конгресс народных представителей и стратегическое своевременное и эффективное руководство партии. ЧАН ХОНГ КУАН - Образование в строительстве страны. БУИ ЗАНЬ ЛЫУ - Дорожное строительство в деревне - предпосылка для социально-экономического обновления и развития. ЛЕ ТХЕ ТИЕМ - Борьба против преступлений на нынешнем этапе. ХА СУАН ЧЫОНГ - О проблеме оценки достижений вьетнамской культуры во второй половине нынешнего века. НГУЕН ВАН ЛОНГ - О походе к оценке вьетнамской литературы после Августовской революции. ВУ ХИЕН - Все ещё там, классовая борьба. ХОАНГ КОНГ - 50 лет защиты и развития прав уеловека во Вьетнаме. ЛЕ КУАНГ ЗИЕН - Нужно ли больше руководство коммунистической партии по мере перехода нашей страной к рыночной экономике ? НГУЕН ЗИ НИЕН - Отношение между Вьетнамом и странами западной и северной Европы в новой ситуации. НГУЕН ХЫУ КАТ и НГО ТХИ НГОК АНЬ - Обзор на 20 лет исполнения Решений ООН о жещинах.

CONTENTS

Editorial - Half a century of glorious victories of the Vietnamese revolution. NGUYỄN VĂN LINH - Relying on the people, enhancing the leading role of the Party, keeping on directing the renovative course to the complete success. NGUYỄN MẠNH CẦM - Significant contribution of the Vietnamese diplomacy into the national revolutionary cause. ĐINH XUÂN LÂM and BÙI ĐÌNH PHONG - The thought of Ho Chi Minh about the national great solidarity and the victory of the Vietnamese revolution. NGUYỄN THÀNH - It's wrong that Vietnamese revolution hasn't got a direct and concrete object. NGUYỄN KHANG - The National Congress at Tan Trao, a sharp and intime strategic guideline of our Party. TRẦN HỒNG QUÂN - Education marching forward in the general progressive step of the country. BÙI DANH LƯU - Building up the rural communications, a premise for renewing and developing the rural socio-economic structure. LÊ THẾ TIỆM- The work of prevention against criminality in the present situation. HÀ XUÂN TRƯỜNG- A contribution to the evaluation of the Vietnamese culture in the late 50 years of the century. NGUYỄN VĂN LONG - On an approach to evaluating the Vietnamese literature after the August Revolution. VŨ HIỀN - Still existing the class struggle. HOÀNG CÔNG - 50 years of defending and developing human rights in Vietnam. LÊ QUANG DIÊN - Is it unecessary the leadership of the Communist Party in the shift to market economy in Vietnam ? NGUYỄN DY NIÊN - Relationships between Vietnam and West and North Eureopean countries in the new conjunture. NGUYỄN HỮU CÁT and NGÔ THỊ NGỌC ANH - A retrospective towards two decades of implementation of the Resolution of the NO on the progress of women.

SUMARIO

Editorial - Medio siglo de la gloriosa victoria de la obra revolucionaria de Vietnam. NGUYỄN VĂN LINH - Apoyarnos en el pueblo y aumentar la dirección del Partido para llevar la obra renovadora a la victoria completa. NGUYỄN MẠNH CẦM - La diplomacia vietnamita contribuye dignamente a la obra revolucionaria de la nación. ĐINH XUÂN LÂM - BÙI ĐÌNH PHONG - El pensamiento de la gran unidad nacional de Hó Chi Minh y la victoria de la Revolución de Agosto. NGUYỄN THÀNH - ¿ Es que no tiene la Revolución de Agosto objetos concretos y directos ?. NGUYỄN KHANG - El Congreso Nacional de Tan Trao, una dirección estratégica oportuna y perspicaz de nuestro Partido. TRẦN HỒNG QUÂN - La educación en el avance del país. BÙI ĐANH LƯU - Edificación del transporte rural, una premisa para renovar y desarrollar la economía sociedad en el campo. LÊ THẾ TIỆM - El trabajo de lucha coptra los delitos en la actual situación. HÀ XUÂN TRƯỜNG - Aportes a la evaluación de los 50 años - la segunda mitad del siglo - de la cultura vietnamita. NGUYỄN VĂN LONG - Sobre el acercamiento por evaluar la literatura vietnamita tras la Revolución de Agosto. VŨ HIỀN - Todavía queda la lucha de clases. HOÀNG CÔNG - 50 años de la lucha el desarrollo de los derechos del hombre en Vietnam. LÊ QUANG DIÊN - ¿ Acaso no se necesita la dirección del Partido Comunista cuando el país pase a la economía de mercado ? NGUYỄN DY NIÊN - Relaciones de Vietnam y los países de Europa Occidental y Septentrional en la nueva situación. NGUYỄN HỮU CÁT - NGÔ THỊ NGỌC ANH - Un vistazo retrospectivo a dos decenios de realización de la Resolución de la ONU sobre el progreso de la mujer.

SOMMAIRE

Editorial - Un demi-siècle de victoires glorieuses de l'oeuvre révolutionnaire du Vietnam. NGUYỄN VĂN LINH - Nous appuyer sur le peuple, renforcer le rôle dirigeant du Parti pour mener l'oeuvre de renouveau à la victoire finale. NGUYỄN MẠNH CẦM - La digne contribution de la diplomatie vietnamienne à l'oeuvre révolutionnaire de la nation. ĐINH XUÂN LÂM et BÙI ĐÌNH PHONG - La pensée de Ho Chi Minh sur l'union nationale et la victoire de la Révolution d'Août. NGUYỄN THÀNH - Il n'est pas vrai que la Révolution d'Août n'a pas d'objet concret et direct. NGUYỄN KHANG - Le Congrès de Tan Trao, une direction stratégique à temps et efficace de notre Parti. TRẦN HỒNG QUÂN - L'éducation dans la marche en avant du pays. BÙI DANH LƯU - Améliorer le réseau rural de communications - une prémisse pour le renouveau et le développement socio-économique de la campagne. LÊ THẾ TIỆM - La lutte contre la criminalité à l'heure actuelle. HÀ XUÂN TRƯỜNG - Une contribution à l'évaluation de la culture vietnamienne durant la deuxième moitié du siècle. NGUYỄN VĂN LONG - Sur l'approche pour évaluer la littérature vietnamienne après la Revolution d'Août. VŨ HIỀN - La lutte de classes reste toujours. HOÀNG CÔNG - 50 ans de la défense et du développement des droits de l'homme au Vietnam. LÊ QUANG DIÊN- La direction du Parti est-elle inutile dans l'économie de marché ? NGUYỄN DY NIÊN - Les relations entre le Vietnam et les Etats de l'Europe de l'Ouest et du Nord dans la conjoncture nouvelle. NGUYỄN HỮU CÁT et NGÔ THỊ NGỌC ANH - Un regard rétrospectif sur les deux décennies d'application de la Résolution de l'ONU sur le progrès des femmes.

目錄

●社論：《越南革命事業半世紀以來所取得的輝煌勝利》● 阮文靈：《依靠人民，增强黨的領導、把革新工作繼續進行到取得徹底的勝利》● 阮孟琴：《越南外交爲民族革命事業作出當之無愧的貢獻》● 丁春林、阮亨風：《胡志明的民族大團結思想和八月革命的勝利》● 阮成：《八月革命不是沒有具体、直接的對象》● 阮康：《新潮國民大會，我黨及時、銳利的戰略指導》● 陳紅軍：《國家前進中的教育事業》● 裴名留：《農村交通建設，農村經濟社會革新和發展的前題》● 黎世漸：《目前防止、打擊罪犯的工作》● 何春長：《對下半世紀的越南文化的評價》● 阮文龍：《有關對八月革命後的越南文學的評價》● 武賢：《階級鬥爭仍然存在》● 黃功《越南五十年來保護和發展人權的工作》● 黎光延：《我國轉向經濟市場機制是否不需要共產黨的領導？》● 阮頤年：《在新形勢下越南和西歐、北歐國家之間的關係》● 阮有吉和吳氏玉英：《回顧二十年來聯合國關于婦女進步決議執行情況》

Digitized by Google



XÃ LUẬN

NỬA THẾ KỶ THẮNG LỢI VẺ VANG CỦA SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG VIỆT NAM

NỬA thế kỷ đã trôi qua kể từ ngày Cách mạng Tháng Tám (1945) thành công và ngày ra đời của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông - Nam châu Á. 50 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sáng lập và giáo dục, nhân dân Việt nam đã tiến bước mạnh mẽ và vững chắc trên con đường độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Cả dân tộc chung sức chung lòng anh dũng chiến đấu, vượt qua mọi hy sinh gian khổ, giành những thắng lợi vẻ vang, bảo vệ và phát triển những thành quả của Cách mạng Tháng Tám, xây dựng nước Việt nam độc lập - thống nhất - chủ nghĩa xã hội.

So với lịch sử dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc, nửa thế kỷ qua chỉ là một giai đoạn ngắn, nhưng đó là những năm tháng vô cùng hào hùng, sôi động và đẹp đẽ, đưa nhân dân ta từ bóng tối ra ánh sáng, từ kiếp nô lệ thành người tự do, từ kẻ mất nước thành người làm chủ, từng bước xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, xây dựng cuộc sống hạnh phúc, ấm no.

So với lịch sử các dân tộc thế giới, hiếm có một dân tộc nào như dân tộc Việt nam, trong vòng 50 năm, đã gặp phải nhiều gian nan đến thế, nhưng cũng lập nên nhiều kỳ tích đến thế. Trong thời gian ấy, dân tộc Việt nam tự khẳng định mình, đánh bại hết chủ nghĩa thực dân cũ đến chủ nghĩa thực dân mới, trở thành người khơi nguồn cho dòng chảy giải phóng dân tộc, dấy lên phong trào noi gương Việt nam đấu tranh cho phẩm giá và lợi ích dân tộc ở các nước Á, Phi, Mỹ la tinh, làm bùng lên ngọn lửa đấu tranh phản đối Mỹ, ủng hộ Việt nam ở ngay các nước phương Tây, kể cả ở Mỹ. Đối với nhiều người, Việt nam là nước nhỏ, lại thắng các "đế quốc to", được ví như chiến thắng của một Đa-vít tí hon với một Gô-li-át khổng lồ, chiến thắng của kẻ yếu trước kẻ ngạo mạn. Sự kiện này đã đem lại động lực mới ở nhiều nơi trên thế giới. Chính từ những lẽ đó, uy tín của Việt nam ngày càng được củng cố và nâng cao, dân tộc Việt nam trở thành biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng.

*
* *

50 năm qua là giai đoạn đặc biệt của cách mạng Việt nam, là thời gian mà đất nước ta phải chấp nhận và vượt qua những thách thức to lớn, có lúc rất hiểm nghèo. Nhưng mỗi lần vượt qua thử thách là một lần dân tộc Việt nam tự vươn lên, tạo những mốc son lịch sử đánh dấu những thắng lợi vẻ vang.

Đó là thắng lợi của việc bảo vệ chính quyền nhân dân non trẻ ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, trong hoàn cảnh nền kinh tế - tài chính quốc gia kiệt quệ, giặc đói, giặc dốt hoành hành, lại thù trong giặc ngoài quấy đảo với sức mạnh và ý đồ tưởng chừng có thể xóa bỏ trong chốc lát chính quyền cách mạng. Thế nhưng, với sự lãnh đạo sáng suốt và tài tình của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, con thuyền cách mạng Việt nam đã vượt qua ghềnh thác, lướt sóng tiến lên.

Đó là chiến thắng lẫy lừng của hai cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, gian khổ, chiến đấu chống những thế lực thực dân đế quốc hung bạo, làm nên một "Điện biên chấn động địa cầu", "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội trên đất nước Việt nam.

Đó là thành tựu vô cùng to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, từng bước xây dựng nền kinh tế hàng

Digitized by Google

hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc Việt nam và tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại.

Đó là những thành tựu quan trọng của công cuộc đổi mới toàn diện đời sống đất nước trong điều kiện vô cùng khó khăn do sự bao vây cấm vận của chủ nghĩa đế quốc và sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu. Việt nam không những đứng vững mà còn phát triển, chính trị - xã hội ổn định, nền kinh tế thoát khỏi khủng hoảng và tiến bước vững chắc, đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể. Thành quả của sự nghiệp đổi mới đã tạo ra thế và lực mới cho đất nước ta, tạo tiền đề để đất nước tiến vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đó là thắng lợi to lớn trong việc mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập với thế giới. Có thể nói, chưa bao giờ Việt nam có nhiều bạn bè như lúc này. Việt nam đã có quan hệ ngoại giao với 155 nước, trong đó có tất cả các cường quốc hàng đầu của thế giới, có quan hệ kinh tế với hơn 100 nước và rất nhiều tổ chức quốc tế. Gần đây, với việc bình thường hóa quan hệ Việt-Mỹ, với việc Việt nam hợp tác với Cộng đồng châu Âu, Việt nam gia nhập ASEAN, uy tín và vị trí của nước ta trên thế giới càng được nâng lên, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những thắng lợi của sự nghiệp cách mạng Việt nam trong nửa thế kỷ qua là minh chứng hùng hồn về sức mạnh diệu kỳ của dân tộc ta. Sức mạnh ấy được kết tinh và nhân lên bởi sự lãnh đạo tài tình của Đảng cộng sản Việt nam cộng với lòng yêu nước nồng nàn, ý chí độc lập tự cường và tinh thần chủ động sáng tạo của nhân dân Việt nam. Điều đó càng khẳng định rằng sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam là một tất yếu khách quan, là nhân tố quyết định hàng đầu đối với mọi thành công của cách mạng. Đảng ta đã kết hợp đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa yêu nước, truyền thống quý báu của dân tộc, tiếp thu tinh hoa của nhân loại, biết quy tụ và phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để đưa đất nước vượt lên.

*
* *

Hiện nay cách mạng nước ta đang đứng trước thời điểm có ý nghĩa quyết định. Chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu vô cùng quan trọng trong nửa thế kỷ qua. Những kết quả đó đã đưa Việt nam lên tầm cao mới với những thuận lợi mới và thời cơ mới. Tuy nhiên, trước mắt nhân dân ta cũng có những khó khăn và thách thức mới. Bởi vậy, nhiệm vụ của cách mạng Việt nam trong giai đoạn sắp tới rất nặng nề, khó khăn, phức tạp : tiếp tục thực hiện và hoàn thành những nhiệm vụ chiến lược do Đại hội VII của Đảng và các hội nghị của Trung ương Đảng sau đại hội đề ra, tiến hành thắng lợi đại hội đảng các cấp, tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng - đại hội của niềm tin và hy vọng, tạo tiền đề để nước ta tiến bước vững chắc vào thế kỷ XXI.

Để giải quyết được các nhiệm vụ đó, toàn đảng, toàn dân ta ra sức phấn đấu, biết tận dụng thế và lực hiện có, khai thác các thuận lợi, nắm bắt thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức, tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng an ninh, đẩy mạnh công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước ra khỏi nghèo nàn lạc hậu, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, nỗ lực thực hiện dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, làm cho nước ta không ngừng phát triển, tiến kịp các nước trong khu vực và trên thế giới, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và 50 năm xây dựng, trưởng thành của Nhà nước ta, toàn đảng, toàn quân và toàn dân ta tăng cường đoàn kết, ra sức phấn đấu bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, đẩy tới sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng Tổ quốc Việt nam ngày càng hùng mạnh, phồn vinh.

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM MUÔN NĂM !

Digitized by Google

DỰA VÀO NHÂN DÂN, TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, TIẾP TỤC ĐƯA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẾN THẮNG LỢI HOÀN TOÀN

NGUYỄN VĂN LINH *

I Mùa xuân 65 năm trước đây, Đảng cộng sản Việt nam ra đời, đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt nam. 15 năm sau sự kiện trọng đại ấy, cách đây 50 năm, vào những ngày mùa thu lịch sử tiếp tục diễn ra một sự kiện trọng đại nữa, đó là thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám huy hoàng, dẫn đến sự ra đời của nước Việt nam hoàn toàn độc lập, của một chế độ dân chủ nhân dân mới ở Việt nam.

Từ đó đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu, nhân dân ta đã làm nên những sự nghiệp rất vĩ đại là tiến hành thắng lợi hai cuộc cách mạng lớn : *cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân* và *cách mạng xã hội chủ nghĩa* ; các cuộc kháng chiến giữ nước lâu dài chống chủ nghĩa thực dân cũ, thực dân mới và bọn tay sai, và ngày nay đang vững bước trên con đường đổi mới, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, phù hợp với đất nước và con người Việt nam.

Nhìn lại chặng đường qua, chúng ta xiết bao tự hào về nhân dân ta anh hùng, về Đảng ta vĩ đại ! Chúng ta tự hào và càng biết ơn sâu sắc Bác Hồ kính yêu, lãnh tụ thiên tài, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt nam, người sáng lập ra Đảng ta, Nhà nước ta. Người đã và mãi mãi tượng trưng cho tinh hoa trí tuệ và khí phách của dân tộc, cho thời đại chiến thắng của những tư tưởng độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội ở Việt nam.

Chúng ta đã nhiều lần phân tích và tổng kết rút ra nhiều bài học quan trọng của cách mạng nước ta. Nhân dịp kỷ niệm 50 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 năm nay, tôi muốn một lần nhấn mạnh hai vấn đề rất cơ bản trong cuộc cách mạng của dân tộc ta từ khi thành lập Đảng cho đến ngày nay và cả sau này nữa. Đây là những vấn đề cơ bản trong các nguyên lý của chủ nghĩa Mác- Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là **hai bài học vỡ lòng**, nhưng cũng là **hai bài học suốt đời** của mỗi người đảng viên cộng sản chân chính. Bất cứ trong thời kỳ cách mạng nào, bất cứ tham gia cách mạng trong tình huống nào, khi chưa có chính quyền cũng như khi đã có chính quyền, trong lúc đang tiến hành chiến tranh cách mạng cũng như khi đã có hòa bình, mỗi người đảng viên cộng sản dù ở cấp bậc nào đều luôn luôn phải ghi nhớ và thực hiện cho bằng được hai vấn đề cơ bản này. Ở nơi nào đó, lúc nào đó chỉ lơ là thiếu thận trọng trong nhận thức và thực hiện hai vấn đề này, thì ở nơi đó, lúc đó dễ dẫn tới những sai lầm nghiêm trọng có hại cho tiến trình thắng lợi của cách mạng nói chung, nếu không ít nhất cũng gây hại cho một lãnh vực nào đó của cách mạng. Hai vấn đề đó là: *Thứ nhất*: phải có một Đảng cách mạng chân chính nêu ra được một đường lối đúng, sáng suốt để cứu nước và xây dựng nước.*Thứ hai :* Đảng đó phải biết dựa vào quần chúng và phát huy đầy đủ sức mạnh của quần chúng nhân dân. Đảng bao gồm những đảng viên luôn luôn yêu dân, yêu nước, trọn đời phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước ; hễ còn là đảng viên, cán bộ thì phải trau dồi phẩm

* Cố vấn BCHTƯ Đảng cộng sản Việt nam

Digitized by Google

chất, đạo đức và tinh thần chiến đấu cách mạng, nhất là khi cách mạng đã giành được chính quyền.

Trước khi Đảng ra đời, dân tộc ta chìm đắm trong ngục tù đen tối của bọn thực dân phong kiến. Không chịu làm nô lệ, noi theo truyền thống anh hùng của ông cha ta, nhân dân ta đã liên tục đứng lên chống lại ách áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến nhưng đều thất bại. Sở dĩ như vậy là do các phong trào đó chưa có được một *đảng cách mạng* có một đường lối cách mạng đúng lãnh đạo. Sự ra đời của Đảng đã phá vỡ tình trạng bế tắc ấy. Trên cơ sở nắm vững nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Bác Hồ đã đem áp dụng vào hoàn cảnh thực tế của Việt nam, mở ra cho nhân dân ta con đường đấu tranh hoàn toàn đúng đắn mới mẻ, con đường phải thành lập một *đảng cộng sản* đi sâu giác ngộ, giáo dục, tổ chức nhân dân đoàn kết đứng lên làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân rồi tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thế là sức mạnh to lớn của nhân dân đã được sự lãnh đạo của một đảng cách mạng chân chính tạo ra một sức mạnh vĩ đại chưa từng có trong lịch sử. Ngay khi chuẩn bị thành lập Đảng, trong cuốn *Đường cách mệnh*, sách huấn luyện cán bộ, Bác Hồ đã khẳng định : muốn cách mạng thắng lợi phải có đảng cách mạng lãnh đạo, đảng ấy phải lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư tưởng. Một mặt khác, đảng ấy phải biết vận động, tập hợp, huấn luyện quần chúng, tạo ra sức mạnh để thực hiện đường lối cách mạng của đảng. Người đã nói rõ ràng : Cần phải có một đảng có đường lối đúng lãnh đạo ; nhưng cách mạng có thành công hay không là do quần chúng được hiểu biết, được tổ chức lại, quyết liệt đấu tranh thực hiện đường lối đó. Thấm nhuần lời dạy ấy, trong tất cả các thời kỳ cách mạng ở nước ta như thời kỳ vận động thành lập Đảng (1925-1930), cao trào xô viết Nghệ tĩnh (1929-1930), mặt trận dân chủ (1931-1936), mặt trận phản đế (1936-1939), mặt trận Việt minh (1940-1945), kháng chiến chống đế quốc Pháp (1945-1954), kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1955-1975) và 20 năm nước nhà thống nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay, lúc nào Đảng ta cũng giữ vững vai trò lãnh đạo của mình bằng **hai vấn đề mấu chốt**: *một là* nêu ra được những chủ trương đúng đắn thích hợp với từng giai đoạn cách mạng; *hai là* giáo dục, phổ biến chủ trương ấy trong quảng đại nhân dân để họ đấu tranh thực hiện. Cho nên lúc nào ĐẢNG với DÂN cũng cố kết với nhau như máu thịt. Phân tích kỹ từng thời kỳ, chúng ta càng thấy rõ mỗi thời kỳ cách mạng, sự kết hợp chặt chẽ giữa sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh của nhân dân, đã dẫn đến thắng lợi vẻ vang.

II

Những ngày đầu tiên sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Bác Hồ đã dự báo rằng, có chính quyền trong tay rồi, những người cách mạng dễ sa vào bệnh hành chính quan liêu mệnh lệnh, dễ xa rời quần chúng, ức hiếp quần chúng và tham ô, lãng phí, hủ hóa. Căn bệnh này chẳng những ở bộ máy chính quyền mà cả trong tổ chức đảng và đoàn thể. Bởi vậy, Người luôn luôn nhắc nhở chính quyền của ta phải là chính quyền *của dân, do dân* và *vì dân*. Mọi việc chúng ta làm, phải để dân biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra. Tất cả cán bộ, đảng viên phải là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Tuân theo lời dạy của Người, chúng ta đã và đang cố gắng ngăn ngừa và khắc phục căn bệnh hiểm nghèo này.

Phải khẳng định rằng, ngay từ khi mới thành lập, Đảng ta đã biết đổi mới ; và trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn luôn đổi mới. Đường lối đổi mới của Đại hội VI và Đại hội VII... là sự tiếp nối truyền thống đó. Lúc nào Đảng ta cũng tự kiểm tra lại mình, tự đổi mới mình để xứng đáng là người lãnh đạo. Đảng ta luôn luôn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ; luôn luôn vì hạnh phúc của nhân dân, độc lập của dân tộc mà phấn đấu. Nhưng rõ ràng rằng vừa qua, khi ta đã có chính quyền và từ khi do tình hình đòi hỏi, ta phải tiến sâu vào công cuộc đổi mới thì trong *nhận thức* và cả trong *thực tiễn*, hai vấn đề "Đảng lãnh đạo" và "vai trò quần chúng nhân dân" đã và đang bị đặt lại. Một số cán bộ, kể cả ở cấp cao, đã có ý hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, thậm chí đòi đa

Digitized by Google

đảng. Rồi có không ít người, nhất là được giao phó công tác hành chính và quản lý kinh tế, thì chỉ thích ra mệnh lệnh, chỉ thị, phạm vào tham ô, lãng phí, vơ vét của công làm giàu bất chính. Nhiều cán bộ ở các cơ quan đảng, nhà nước và đoàn thể rất ít đi sâu giải thích, tuyên truyền, vận động, tập hợp nghe ngóng nguyện vọng quần chúng. Hằng ngày nhân dân có bao điều bức xúc cần phải giải quyết nhưng gặp người đại diện chính quyền, đại diện đảng, đại diện các đoàn thể rất khó. Nhiều chủ trương, chính sách từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên cứ ách tắc. Một bộ phận cán bộ, đảng viên sa ngã, hống hách với dân, tham nhũng nhiều kiểu... Tất cả những biểu hiện trên nếu không được khắc phục thì chính nó sẽ là yếu tố bên trong làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng, của Nhà nước và sức mạnh của nhân dân. Kẻ thù từ đó lợi dụng thời cơ tấn công ta, thực hiện ý đồ "diễn biến hòa bình" đen tối của chúng.

Công cuộc đổi mới toàn diện của chúng ta đã và đang thu được những thành tựu rất to lớn và quan trọng. Nó đánh dấu bước trưởng thành của Đảng ta trong lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhưng nếu chúng ta thường xuyên làm việc chỉnh đốn và xây dựng Đảng, chúng ta quan tâm thực hiện sắc bén hơn nữa vấn đề vai trò lãnh đạo đúng đắn của Đảng và quyền làm chủ của nhân dân, đưa mối quan hệ gắn bó giữa Dân với Đảng lên tầm cao, thì chắc chắn sự nghiệp đổi mới của chúng ta còn thu được thắng lợi nhiều hơn.

Để tăng cường sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo, Đảng phải kiên định lập trường cách mạng, trung thành với chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, và phải dựa vào dân để xây dựng Đảng, lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới ở nước ta.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế đối ngoại rộng mở... tất cả đều hết sức mới mẻ, vậy để lãnh đạo đúng Đảng phải biết nghe dân. Nghe như thế nào ? Phải nghe thường xuyên, chứ đừng đợi kỳ họp theo lịch ; nghe từ cửa miệng nông dân ở xã ấp, thậm chí tại nơi xóm vắng, nghe từ những xóm thợ cần lao, từ người công chức, viên chức, chiến sĩ thấp nhất ; nghe qua đại diện các cán bộ đoàn thể, các đồng chí về hưu hằng ngày gần gũi, tâm sự với nhân dân. Phải luôn luôn đặt ra câu hỏi vì sao quần chúng chưa nói hết, vì sao quần chúng không dám nói, vì sao quần chúng nói không cụ thể, không chính xác. Nghe, nhưng lại phải phân tích, chọn lọc, xem xét đâu là vấn đề cần giải quyết trước, đâu là vấn đề giải quyết sau, và rồi lại phải xin ý kiến dân cách giải quyết.

Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý mà không đi vào quần chúng tuyên truyền giải thích thì làm sao biết được đường lối, chủ trương của mình đúng, phù hợp với thực tế hay là chưa đúng, chưa phù hợp. Sự đời là có quyết định chúng ta tưởng đúng, nhưng ra thực tế chỉ đúng một phần hoặc quyết định đúng rồi nhưng chính sách, tổ chức thực hiện lại không phù hợp, chồng chéo nhau. Thậm chí có quyết định chưa thật đúng, chưa thật phù hợp, nhưng đến quần chúng thì quần chúng lại chủ động, sáng tạo, làm cho quyết định phù hợp với thực tiễn, vì vậy để tránh khỏi sai lầm, để bớt sai lầm, để phát huy vai trò làm chủ của quần chúng, Đảng và Nhà nước phải biết nghe quần chúng, phải kiểm tra thường xuyên, liên tục và phải tổng kết thường xuyên các việc làm sáng tạo của quần chúng. Kiểm tra thật kỹ lưỡng, khách quan, cụ thể, và tổng kết cũng phải ngắn gọn, dễ hiểu, để phổ biến người tốt, việc tốt rộng rãi ra cho mọi người cùng biết, cùng làm, biến thành phong trào hành động các mạng sôi nổi của quần chúng.

Đảng lãnh đạo để nhân dân thật sự được làm chủ. Trong Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, các đoàn thể, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phải khuyến khích những người đại diện của dân phát biểu và chúng ta phải để cho các đại biểu của dân tranh luận, chất vấn các cơ quan hành pháp, tư pháp, thêm được quyền bãi miễn những cán bộ hành pháp, tư pháp mắc nhiều sai sót. Đảng viên sinh hoạt trong các tổ chức đó, phải biết tranh luận lại các ý kiến chưa đúng, nhưng phải lắng nghe và tôn trọng các ý kiến đúng

Digitized by Google

của những người đại biểu của dân để nói lên những ý kiến, những nguyện vọng chính đáng của dân. Pháp luật là ý chí của giai cấp, ý chí của nhân dân, là điều kiện để nhân dân làm chủ. Chính quyền dựa vào pháp luật để quản lý, dân dựa vào pháp luật để làm chủ, vì vậy các đạo luật phải do đại biểu Quốc hội, tức đại biểu của dân tham gia kỹ lưỡng. Khi đã thành luật rồi thì cả Đảng, cả chính quyền, cả nhân dân nghiêm chỉnh thi hành.

Hội đồng nhân dân các cấp, cao nhất là Quốc hội, không nên bao gồm quá nhiều, quá đông cán bộ cao cấp của chính quyền. Cần để cho những đảng viên không tham gia chính quyền, thậm chí những công dân tốt chưa vào Đảng tham gia Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Những người này hằng ngày gần gũi các tầng lớp nhân dân, gom góp những ý kiến, những nguyện vọng nhân dân phản ánh với Quốc hội và Hội đồng nhân dân, có như vậy các quyết định của Quốc hội và Hội đồng nhân dân mới gắn với cuộc sống, có như vậy mới thể hiện câu nói của Bác Hồ : Nhà nước của Dân ; mới thể hiện đúng phương châm "Đảng lãnh đạo, Nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý".

Dựa vào dân để lãnh đạo còn phải biết dựa vào dân để làm tốt việc xây dựng Đảng. Đại đa số nhân dân nay trình độ chính trị đã cao, rất nhạy cảm chính trị, họ hiểu rất rõ đảng viên nào thoái hóa biến chất, cán bộ nào tham nhũng cửa quyền, ai lợi dụng danh nghĩa đảng viên, danh nghĩa cán bộ nhà nước để ức hiếp quần chúng, lãng phí, tham ô, ăn cắp tiền của nhà nước và nhân dân. Nhân dân cũng hiểu rõ cơ sở đảng nào mất đoàn kết nội bộ. Vấn đề là Đảng làm sao phát động được nhân dân góp ý để Đảng sửa chữa, uốn nắn và khắc phục. Trong hoàn cảnh hiện nay, Đảng phải cử các đảng viên của mình đi về các cơ sở sản xuất (ngay cả những cơ sở kinh tế tư nhân, cơ sở kinh tế có vốn người nước ngoài) để lãnh đạo quần chúng. Đảng viên sinh hoạt ở những nơi đó, cùng với quần chúng ở đó sẽ được trau dồi thêm ý thức giai cấp, dân tộc, lập trường cách mạng và kỹ năng tác nghiệp chuyên môn của mình. Đảng đẩy mạnh tốc độ phát triển Đảng trong trí thức và thanh niên, trong công nhân và nông dân. Chúng ta coi trọng chất lượng nhưng cũng không được hẹp hòi, thành kiến... Vấn đề cơ bản đặt ra là những đảng viên được kết nạp ấy mức độ trung thành với lý tưởng đến đâu, dũng khí đấu tranh đến đâu và tác dụng với quần chúng đến đâu.

Dựa vào dân, công tác cán bộ của chúng ta chắc chắn sẽ có hiệu quả cao. Kinh nghiệm cho hay là dân sẽ phát hiện cho ta ai là người trung kiên, ai là người có năng lực, ai là người đang đầu hàng phản bội lại lý tưởng, ai đang ăn phải bả "diễn biến hòa bình"... Bởi vậy hỏi ý kiến dân về vấn đề này, chắc rằng chúng ta đỡ mắc sai lầm trong việc đề bạt ai, cân nhắc ai, bãi miễn ai... Phải mau chấm dứt tình trạng hiện nay có nhiều cán bộ đảng viên phạm sai lầm đáng lẽ phải hạ tầng công tác, phải đưa ra khỏi Đảng, phải truy tố trước pháp luật, nhưng vẫn được an toàn, thậm chí còn được nâng lên cấp bậc cao ; trong khi đó có nhiều quần chúng tốt không được kết nạp vào Đảng hoặc nhiều cán bộ xứng đáng không được cất nhắc.

Để nhân dân làm chủ, để nhân dân tự giác, chủ động góp sức xây dựng Đảng, cần xây dựng các quy định, các quy chế thích hợp, cần thiết. Khi có rồi thì chính cấp ủy và chính quyền các cấp phải thực hiện cho thật tốt. Nơi nào, người nào không thực hiện phải kiên quyết trừng trị.

Trong những bước ngoặt của đời người, con thường trở về với mẹ tìm hơi ấm và sự tiếp sức của mẹ hiền. Trong những bước ngoặt của cuộc cách mạng, đặc biệt khi Đảng lãnh đạo trở thành Đảng cầm quyền, và trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đảng và nhân dân lại càng phải gắn bó hơn bao giờ hết. Nhân dân vững tin ở Đảng, Đảng thấy nguồn sức mạnh ở nhân dân, dựa vào nhân dân để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, chắc chắn công cuộc đổi mới của chúng ta sẽ thắng lợi hoàn toàn , và mọi mưu đồ "diễn biến hòa bình" của đế quốc, tư bản nhất định sẽ thất bại ❑

Digitized by Google

NGOẠI GIAO VIỆT NAM GÓP PHẦN XỨNG ĐÁNG VÀO SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG CỦA DÂN TỘC

NGUYỄN MẠNH CẦM *

CÁCH đây 50 năm, cùng với thành công của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt nam độc lập sau bao năm dài bị đô hộ, nền ngoại giao hiện đại Việt nam được hình thành. Ngành ngoại giao Việt nam có vinh dự lớn được Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp lãnh đạo, tổ chức và điều hành ngay từ những ngày đầu mới thành lập. Ngày 28/8/1945, danh sách các thành viên Chính phủ lâm thời được công bố đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh kiêm Bộ trưởng Bộ ngoại giao. Từ đó đến nay, những chặng đường hoạt động đầy gian truân vất vả nhưng cũng rực rỡ chiến công của ngành ngoại giao luôn gắn liền với những giai đoạn lịch sử đấu tranh vô cùng anh dũng của dân tộc vì độc lập, tự do dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng cộng sản Việt nam quang vinh. Hoạt động ngoại giao phong phú suốt nửa thế kỷ qua được tiến hành nhiều khi trong những hoàn cảnh ngặt nghèo giữa một thế giới đầy biến động, như con thuyền nhỏ giữa biển cả sóng to, gió lớn.

Nước Việt nam dân chủ cộng hòa - Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông - Nam Á ra đời cùng một lúc với chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc và phong trào giải phóng dân tộc bắt đầu nhen nhóm, đặc biệt ở khu vực Đông - Nam Á và Nam Á. Lúc này phong trào cách mạng trên thế giới còn non yếu, Liên xô - nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên - bị chiến tranh tàn phá nặng nề, các nước đồng minh thắng trận thỏa hiệp với nhau sắp đặt trật tự thế giới sau chiến tranh; lợi ích và tiếng nói của các nước khác, nhất là các nước nhỏ, ít được quan tâm. Nước Việt nam độc lập và dân chủ thoát thai từ một thuộc địa không có tên trên bản đồ thế giới, chính quyền còn non trẻ, giặc đói, giặc dốt hoành hành, lực lượng vũ trang mới hình thành, trong thế đơn cô bị bao vây tứ phía, chưa được nước nào công nhận, lại cùng một lúc phải đương đầu với nhiều kẻ thù : quân Nhật đang trong quá trình giải giáp ; quân Tưởng vào miền Bắc để tước vũ khí quân Nhật, kéo theo các lực lượng phản động ra sức thực hiện mưu đồ lật đổ chính quyền cách mạng vừa mới ra đời ; quân Pháp, nấp dưới bóng quân Anh vào giải giáp quân Nhật, trở lại xâm lược miền Nam. Bọn phản động trong nước câu kết với lực lượng phản động ở ngoài về, được sự che chở của quân đội nước ngoài, ra sức hoạt động chống phá chính quyền mới. Trong tình thế vô cùng khó khăn, hiểm nghèo đó, nền độc lập vừa mới giành được như "ngàn cân treo sợi tóc", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng tài tình sách lược ngoại giao ngăn chặn những hành động quá khích của quân Tưởng ở miền Bắc, hòa hoãn với Pháp để đẩy hết quân Tưởng về nước, ký Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 rồi Tạm ước 14/9/1946, cố cứu vãn hòa bình đến phút chót để vạn nhất không hòa được thì cũng có thêm thời gian, chuẩn bị lực lượng nếu buộc lòng phải chiến.

Thời kỳ 1945-1946 đó mãi mãi đi vào lịch sử hào hùng của dân tộc như những năm tháng không thể nào quên. Nền ngoại giao Việt nam non trẻ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đích thân điều hành với sự tham gia của những học trò ưu tú của Người, đã góp phần xuất sắc bảo vệ chủ quyền và nền độc lập còn non trẻ trong khi thế và lực của ta còn yếu, đồng thời tạo điều kiện tranh thủ

* Ủy viên Bộ chính trị, Bộ trưởng Bộ ngoại giao

Digitized by Google

thời gian xây dựng lực lượng để đối phó với tình hình có thể xấu hơn. Hoạt động ngoại giao phong phú, sôi động nhưng cực kỳ phức tạp của thời kỳ này đã trở thành mẫu mực về sách lược đấu tranh cùng một lúc với nhiều kẻ thù, lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ đối phương, hòa hoãn và tranh thủ những lực lượng có thể tranh thủ được dù là tạm thời để bảo toàn và củng cố nền dân chủ cộng hòa, từng bước đưa cách mạng qua khỏi tình thế hiểm nghèo. Chúng ta đã kiên quyết bảo vệ độc lập, đồng thời kiên trì tìm kiếm hòa bình, nhưng đối phương không ngừng lấn tới, chiến tranh trở thành không thể tránh khỏi.

Vì độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc, chúng ta đã phải tiến hành liên tiếp hai cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ. Hoàn cảnh lúc này so với thời kỳ cách mạng mới thành công tuy còn không ít phức tạp nhưng đã có nhiều thuận lợi hơn : mặc dầu chiến tranh diễn ra trên khắp đất nước, nhưng chính quyền nhân dân ngày càng vững mạnh, lực lượng vũ trang trưởng thành và ngày càng được củng cố ; trên thế giới các lực lượng cách mạng phát triển nhanh chóng, hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành và không ngừng lớn mạnh, phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh cho hòa bình, dân chủ phát triển mạnh mẽ. Cuộc chiến đấu chính nghĩa của nhân dân ta phù hợp với xu thế của thời đại, nguyện vọng thiết tha của các dân tộc và đã trở thành bộ phận tiền phong, tiêu biểu cho cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, nên được anh em, bè bạn khắp năm châu đồng tình và ủng hộ.

Trong suốt hai cuộc kháng chiến anh dũng đó, ngoại giao đã góp phần làm sáng tỏ chính nghĩa của dân tộc, vừa biểu thị quyết tâm vừa thể hiện nguyện vọng hòa bình của nhân dân ta, và trên cơ sở đó, cùng với các binh chủng khác của mặt trận đối ngoại ra sức tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân các nước. Đầu những năm 50, tiếp theo chiến thắng biên giới, khi cuộc kháng chiến chống Pháp chuyển sang bước ngoặt mới, một loạt nước công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với nước ta, chấm dứt thời kỳ bị cô lập. Nước Việt nam dân chủ cộng hòa bắt đầu mở rộng cửa ra với thế giới bên ngoài.

Mặt khác, phối hợp chặt chẽ và nhịp nhàng với mặt trận quân sự và mặt trận chính trị, ngoại giao với tư cách là một mặt trận đã tích cực góp phần tăng cường thế và lực của ta qua các thời kỳ. Và khi quân dân ta giành được những thắng lợi có ý nghĩa trên chiến trường, ngoại giao đã tranh thủ thời điểm thích hợp kéo đối phương vào bàn đàm phán, mở ra cục diện vừa đánh vừa đàm tạo điều kiện cho chiến trường giành thêm chiến thắng, trên cơ sở đó cố đạt được thỏa thuận từng bước, thắng lợi từng phần, thắng lợi trước tạo tiền đề cho thắng lợi sau lớn hơn, tiến tới thắng lợi hoàn toàn. Đó là cuộc đàm phán Giơ-ne-vơ năm 1954 đưa đến ký kết Hiệp định lập lại hòa bình tiếp theo chiến thắng lịch sử Điện biên phủ, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, đưa nửa nước đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng hậu phương lớn mạnh cho cuộc kháng chiến của nhân dân miền Nam. Đó là cuộc đàm phán Pa-ri kéo dài gần 5 năm, lúc đầu giữa hai bên Việt nam dân chủ cộng hòa và Mỹ, đưa đến thỏa thuận Mỹ chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc ; tiếp đó là giữa bốn bên, phối hợp ngoại giao của Chính phủ Việt nam dân chủ cộng hòa với ngoại giao của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt nam, kết hợp đàm phán công khai với nói chuyện bí mật, đưa đến ký kết Hiệp định Pa-ri về Việt nam tháng 1/1973, theo đó, Mỹ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của nhân dân Việt nam, rút hết quân về nước, tạo sự thay đổi so sánh lực lượng rất quan trọng ở miền Nam, mở đường cho đại thắng mùa Xuân lịch sử 1975.

Đất nước thống nhất và hoàn toàn giải phóng, ngoại giao chuyển sang giai đoạn mới với nhiệm vụ củng cố hòa bình, tranh thủ những điều kiện thuận lợi cho công cuộc khôi phục kinh tế, chuyển phong trào nhân dân thế giới đoàn kết với Việt nam trong chiến đấu thành phong trào quốc tế ủng hộ Việt nam trong hàn gắn vết thương chiến

Digitized by Google

tranh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhiều nước đã dành cho chúng ta sự giúp đỡ quý báu và to lớn với không ít công trình quan trọng nay đang phát huy tác dụng và hiệu quả, góp phần tăng cường sức mạnh của nền kinh tế Việt nam.

Nước Việt nam độc lập và thống nhất kế thừa thắng lợi của Việt nam dân chủ cộng hòa và cộng hòa miền Nam Việt nam đã trở thành thành viên tích cực của Phong trào không liên kết (năm 1976), thành viên chính thức của Liên hợp quốc (năm 1977) và nhiều tổ chức quốc tế khác. Cùng với các sự kiện nói trên, việc thiết lập quan hệ ngoại giao với hàng chục nước ở thời điểm này đã tạo thêm điều kiện để chúng ta mở rộng quan hệ hữu nghị và sự hợp tác với các nước trong cộng đồng quốc tế.

Bước vào thời kỳ đổi mới, chấp hành Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, ngoại giao đẩy mạnh hoạt động, ra sức "*giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội*". Trên cơ sở đổi mới tư duy gắn liền với đổi mới chiến lược đối ngoại trong một bối cảnh quốc tế đã biến đổi sâu sắc và phức tạp sau chiến tranh lạnh, chúng ta tích cực thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa, trực tiếp hỗ trợ cho sự nghiệp đổi mới ở trong nước thành công. Bằng những hoạt động phong phú và chủ động, khẩn trương và linh hoạt, ngoại giao hiện đại Việt nam đã trở thành nhân tố tích cực của hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển.

Cùng với thắng lợi trong công cuộc đổi mới, thành tựu của hoạt động ngoại giao nói riêng và đối ngoại nói chung đã nâng cao uy tín quốc tế của nước ta, đưa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam vươn lên sánh vai cùng các nước tiên tiến trong cộng đồng quốc tế. Lần đầu tiên trong lịch sử, nước ta mở rộng quan hệ với hầu hết các nước ở khắp các lục địa, đặc biệt là với tất cả các nước lớn và các trung tâm chính trị, kinh tế hàng đầu trên thế giới, hợp tác thân thiện và có hiệu quả với các nước láng giềng và các nước trong khu vực, thúc đẩy quan hệ với nhiều tổ chức quốc tế quan trọng, bao gồm các tổ chức tài chính - tiền tệ, kinh tế - thương mại thế giới và các tổ chức thuộc hệ thống Liên hợp quốc. Trong khi phát huy vai trò thành viên tích cực của tổ chức Liên hợp quốc và Phong trào không liên kết, ta đã chủ động tham gia các diễn đàn mang tính toàn cầu như các hội nghị toàn thế giới về phát triển, môi trường, nhân quyền, dân số, xã hội, phụ nữ v. v.. Gắn bó chặt chẽ ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế, chúng ta đã tranh thủ được sự viện trợ phát triển quan trọng của các nước, lôi cuốn hàng trăm tập đoàn, công ty, hãng công nghiệp từ hơn năm mươi nước có tiềm năng lớn đầu tư vào Việt nam. Trước yêu cầu mới của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, ngành ngoại giao nỗ lực góp phần thiết thực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc thân yêu.

*
* *

Thắng lợi của 50 năm hoạt động ngoại giao bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng cộng sản Việt nam, từ tư tưởng Hồ Chí Minh vĩ đại. Ôn lại chặng đường phấn đấu đã qua, chúng ta có thể và cần rút ra **một số kinh nghiệm** để ứng dụng vào hoạt động trên bước đường đi tới, tiếp tục phát huy chính nghĩa chói ngời và truyền thống tốt đẹp của dân tộc :

1. Nêu cao tinh thần độc lập tự chủ là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thành công trên mặt trận ngoại giao.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chỉ rõ : "*Trong tình hình quốc tế hiện nay, những đặc điểm dân tộc và những điều kiện riêng biệt ở từng nước ngày càng trở thành nhân tố quan trọng trong việc vạch ra chính sách của mỗi đảng cộng sản và đảng công nhân... Dân tộc Việt nam chẳng hạn phải vạch ra những phương pháp và những biện pháp riêng của mình...*". Độc lập tự chủ không

Digitized by Google

đồng nghĩa với dân tộc hẹp hòi, với chủ trương biệt lập, chỉ thấy cái riêng mà không thấy cái chung. Chính vì thế mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng thời đã nhấn mạnh : "*...không thể nào hạn chế những hoạt động hiện nay và tương lai... trong khuôn khổ dân tộc thuần túy, rằng những hoạt động đó có muôn ngàn sợi dây liên hệ với cuộc đấu tranh chung của thế giới tiến bộ...*" (1).

Thực tiễn cách mạng Việt nam đã chứng tỏ mọi sự sao chép đều dẫn đến sai lầm, mọi sự áp đặt đều mang lại hậu quả tệ hại. Hoạt động ngoại giao lại càng phải quán triệt tinh thần dựa vào sức mình là chính, phải có tư duy độc lập và sáng tạo, biết nắm vững những nguyên lý cơ bản, tranh thủ những kinh nghiệm quý báu - kết tinh trí tuệ của các dân tộc, để ứng dụng phù hợp với điều kiện đặc thù của nước ta vào việc xử lý quan hệ cụ thể với từng nước, từng đối tượng, tự chủ quyết định chủ trương và hành động của mình, không để bị biến thành con bài trong tay người khác. Đường lối và hoạt động ngoại giao Việt nam phải thấm nhuần và thể hiện ở bất cứ giai đoạn nào tư tưởng "*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*" mà *Tuyên ngôn độc lập* ngày 2-9-1945 mang tính chất một bản thông điệp ngoại giao quan trọng đầu tiên đã khẳng định trước toàn thế giới : "*Nước Việt nam có quyền hưởng tự do, độc lập và thực sự đã trở thành một nước tự do, độc lập*". Trong mọi chủ trương và hành động của mình, ngoại giao phải bảo đảm trọn vẹn lợi ích của dân tộc, trung thành tuyệt đối với nguyện vọng của nhân dân mà cũng là mục tiêu đấu tranh của Đảng ta là: xây dựng một nước Việt nam dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội. Đó là căn cứ và là sợi chỉ đỏ xuyên suốt hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Trong lịch sử đấu tranh của dân tộc ta, với tinh thần độc lập tự chủ, sáng tạo Đảng ta đã nắm bắt đúng thời cơ động viên nhân dân đứng lên làm Cách mạng Tháng Tám thành công, giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào" giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Chính phát huy tinh thần độc lập tự chủ mà trong cuộc chống Mỹ cứu nước, mặc dù trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và hệ thống xã hội chủ nghĩa lúc bấy giờ có bất đồng nghiêm trọng và chia rẽ sâu sắc, ta vẫn tranh thủ được sự ủng hộ và giúp đỡ của tất cả mọi người. Và cũng với tinh thần độc lập tự chủ, ngoại giao đã giữ vững được tư thế và làm tốt nhiệm vụ kết thúc chiến tranh vào thời điểm thích hợp nhất đối với lợi ích của dân tộc. Trong quá trình đổi mới, nhờ đường lối độc lập tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ, ta đã tăng cường được thế và lực, nâng cao vị trí quốc tế của ta, mở rộng hợp tác với các nước, tranh thủ được điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong một thế giới có nhiều đảo lộn sâu sắc và phức tạp, cơ hội xen lẫn với thách thức, nguy cơ. Chỉ có thể có đường lối độc lập tự chủ nếu trong hoạt động cách mạng nói chung và hoạt động ngoại giao nói riêng, chúng ta luôn xuất phát từ ý thức phục vụ lợi ích cao nhất của quốc gia - dân tộc, đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên ngang tầm cao của nó, đồng thời kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế trong sáng.

2. **Nắm bắt xu thế và quy luật vận động của thế giới kết hợp với tư duy thực tiễn và biện chứng là tiền đề cần thiết cho việc xác định đúng đắn mục tiêu và chính sách đối ngoại trong từng giai đoạn lịch sử.**

Hoạt động đối ngoại không chỉ xuất phát từ tình hình và yêu cầu của đất nước, mà luôn luôn liên quan chặt chẽ đến sự phát triển của tình hình thế giới cũng như sự vận động của các xu thế của thời đại. Đánh giá, dự báo chính xác chiều hướng phát triển của tình hình thế giới là cực kỳ cần thiết để xác định đúng đắn đường lối, chủ trương đối ngoại. Điều này đã trở thành một vấn đề mang tính nghệ thuật cao trong sự nghiệp cách mạng nói chung cũng như trong hoạt động ngoại giao nói riêng.

(1) *Hồ Chí Minh : Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1976, tr 126-127

Digitized by Google

Nhờ đánh giá đúng tình hình, phán đoán đúng kết cục của cuộc chiến tranh thế giới thứ hai mà Đảng ta đã kịp thời đề ra việc chuyển hướng chiến lược, chuẩn bị lực lượng, đón được thời cơ, tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công. Trong kháng chiến chống Pháp, do đánh giá đúng tình hình, tận dụng thời cơ, mở chiến dịch Điện biên phủ giành chiến thắng lẫy lừng đưa đến kết thúc chiến tranh, ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954. Trong kháng chiến chống Mỹ, chúng ta đã nắm bắt những xu thế, phân tích đúng và dự báo chính xác diễn biến tình hình nên đã kịp thời khai thác các cơ hội kéo Mỹ xuống thang từng bước, đưa đến ký kết Hiệp định Pa-ri năm 1973 chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình, rồi tận dụng thời cơ năm 1975, tiến hành thắng lợi chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Trong quá trình đổi mới, ở vào giai đoạn chuyển tiếp từ trật tự thế giới hai cực đã tan rã sang một trật tự thế giới mới đang từng bước định hình, trong diễn biến phức tạp của tình hình, do sớm nhận thức được xu thế tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, ta đã đề ra chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa và đa phương hóa. Kịp thời nắm bắt xu thế khu vực hóa và toàn cầu hóa ngày một gia tăng, trong triển khai đường lối đối ngoại, chúng ta đã ưu tiên coi trọng quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong khu vực, thúc đẩy quan hệ với các nước lớn, đồng thời mở rộng quan hệ với các nước ở tất cả các khu vực, đẩy nhanh quá trình hội nhập khu vực hội nhập thế giới, tranh thủ được những điều kiện quốc tế ngày càng thuận lợi phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Là cầu nối giữa nước mình với thế giới, ngoại giao phải gắn được sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại để tạo cho đất nước sức mạnh tổng hợp, bảo đảm thắng lợi trong mọi giai đoạn cách mạng.

Thành bại về ngoại giao của mọi quốc gia ở vào bất kỳ thời đại nào cũng tùy thuộc chủ yếu vào thực lực của đất nước kết hợp với sự vận dụng khéo léo của con người. Việt nam có đặc thù là trong thời chiến phải đối chọi với những địch thủ mạnh hơn mình bội phần ; trong thời bình thì sức mạnh vật chất so với các đối tác lại yếu kém hơn nhiều. Do đó, chúng ta đã kết hợp mọi lĩnh vực và hình thức hoạt động, huy động mọi lực lượng của đất nước, đồng thời gắn sức mạnh đó với những khả năng bên ngoài mà mình chủ động ra sức tranh thủ, nhằm nhân sức mạnh của mình lên gấp bội bảo đảm giành thắng lợi trong mọi thời kỳ.

Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngoại giao đã phối hợp chặt chẽ với mặt trận quân sự và chính trị tạo thành sức mạnh chung của cả nước để đương đầu với kẻ thù xâm lược. Sự phối hợp và bổ sung cho nhau giữa quân sự, chính trị và ngoại giao là sự ứng dụng sáng tạo phương pháp cách mạng lấy ít thắng nhiều, lấy nhỏ thắng lớn của Đảng ta. Trong chiến tranh, thắng lợi quân sự và chính trị là nền tảng và cơ sở để triển khai có hiệu quả hoạt động ngoại giao ; ngược lại, hoạt động ngoại giao hỗ trợ, bổ sung điều kiện và trong những thời điểm nhất định tạo tiền đề cho đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị giành thắng lợi. Trong cuộc chống Mỹ, cứu nước, ngoại giao là một mặt trận có vai trò quan trọng. Hội nghị Trung ương lần thứ 13 (năm 1967) đã nêu rõ : "*Đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường, mà trong tình hình quốc tế hiện nay, với tính chất của chiến tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động*". Nghị quyết của Bộ Chính trị tháng 4/1969 khẳng định thêm : "*Ngoại giao trở thành một mặt trận quan trọng có ý nghĩa chiến lược*". Thực tế chứng tỏ do sự phối hợp của 3 mặt trận mà ta phát huy được các nhân tố tích cực trong nước và trên quốc tế để tăng cường lực lượng, tạo cho mình một hậu phương rộng lớn và vững mạnh, thu hẹp hậu phương địch, làm suy giảm lực lượng đối phương. Trên cơ sở thắng lợi trên chiến trường, ngoại giao mở ra cục diện "đánh - đàm", đàm mà không hạn chế đánh của ta, đánh mà không phá vỡ đàm để cuối cùng đi đến một thỏa thuận, một kết cục làm thay

Digitized by Google

đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta. Đó là một mặt của hoạt động ngoại giao. Một mặt nữa cũng cực kỳ quan trọng là mặt trận ngoại giao phối hợp chặt chẽ với hoạt động đối ngoại theo đường Đảng, và hoạt động đối ngoại của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi và sự giúp đỡ ngày càng to lớn của nhân dân thế giới đối với cuộc chiến đấu của nhân dân ta.

Trong cuộc chống Mỹ cứu nước, ngoại giao đã góp phần tạo được một mặt trận rộng lớn chưa từng có của nhân dân thế giới đoàn kết với nhân dân Việt nam. Cùng với ý chí kiên cường, bất khuất của nhân dân ta *"thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"*, tình đoàn kết và sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn đó thể hiện sức mạnh của thời đại là một yếu tố cực kỳ quan trọng để giành chiến thắng. Như các văn kiện của Đảng ta đã chỉ rõ, việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một trong những bài học kinh nghiệm bao trùm của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Đây cũng là bài học rất quan trọng về tư duy biện chứng, kết hợp cái riêng với cái chung, đặt cái riêng trong cái chung, lấy cái chung tác động vào cái riêng, tạo nên thế và lực, cơ sở của mọi thành công. Bài học kinh nghiệm đó vẫn giữ nguyên giá trị ở giai đoạn lịch sử hiện nay. Chúng ta tiến hành công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà trong khi trên thế giới cách mạng khoa học kỹ thuật đang phát triển như vũ bão, đặc biệt là những bước tiến nhanh không lường trước được của công nghệ tin học đang ảnh hưởng sâu sắc và làm biến đổi nhanh chóng các mặt của đời sống xã hội. Trong bối cảnh đó, gắn bó chặt chẽ ngoại giao chính trị với ngoại giao kinh tế, chúng ta mở rộng và tăng cường sự hợp tác với các nước, tranh thủ các tiến bộ khoa học kỹ thuật và thế mạnh của mỗi đối tác nhằm đẩy nhanh quá trình phát triển của đất nước, đưa nước ta vào dòng chảy tiến hóa chung của loài người. Chúng ta kết hợp được sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại nhờ cuộc đấu tranh của nhân dân ta luôn luôn thuận chiều với xu thế phát triển của thời đại, với quy luật của lịch sử; mục tiêu đấu tranh của nhân dân ta luôn phù hợp với mục tiêu đấu tranh của nhân dân thế giới.

4. Phát huy truyền thống hòa hiếu của dân tộc, ngoại giao kiên trì thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, sẵn sàng là bạn của các nước trong cộng đồng quốc tế.

Tư tưởng hòa hiếu, tinh thần yêu chuộng hòa bình vốn là truyền thống, là di sản quý báu, là đạo lý của dân tộc ta, nay đã trở thành một trụ cột của nền ngoại giao Việt nam hiện đại. Là nạn nhân của biết bao cuộc chiến tranh xâm lược tàn khốc, con người Việt nam vẫn trọn vẹn lòng nhân ái, bởi chính lòng nhân ái là nguồn sức mạnh của dân tộc ta và là nguồn gốc nhân văn của nền ngoại giao Việt nam hiện đại. Nguyễn Trãi trong *Bình Ngô Đại Cáo* đã đúc kết truyền thống của dân tộc thành phương châm : *"Đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy trí nhân thay cường bạo"*.

Người Việt nam không bao giờ nuôi dưỡng hận thù, ngay dưới bom đạn vẫn xác định ranh giới dứt khoát, rõ ràng giữa kẻ xâm lược, gây tang tóc và những người dân lương thiện của nước đi xâm lược. Binh thư của Trần Quốc Tuấn đã từng khẳng định : *"Hòa mục là đạo rất hay cho việc trị nước, hành binh. Hòa ở trong nước thì ít phải dùng binh, hòa ở ngoài biên thì không sợ báo động"*. Mọi động thái ngoại giao của chúng ta ở mọi thời kỳ đều mang dấu ấn đậm nét của xu hướng hòa hiếu ấy. Trong suốt lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, từ thuở xa xưa cho đến tận bây giờ, cứ sau mỗi cuộc chiến tranh mà chúng ta buộc phải tiến hành để bảo vệ độc lập, chủ quyền của dân tộc, ngoại giao Việt nam luôn chủ động "khép lại quá khứ, nhìn về tương lai", sẵn sàng thiết lập quan hệ bình thường với các đối thủ cũ vì lợi ích của cả đôi bên, và cũng vì lợi ích của sự phát triển chung.

Trong suốt 50 năm hoạt động, ngoại giao Việt nam luôn giương cao ngọn cờ hòa bình, phấn đấu không mệt mỏi cho tình đoàn

Digitized by Google

kết và quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc. Từ năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng tuyên bố : "Việt nam muốn làm bạn với tất cả các nước dân chủ và không gây thù oán với ai". Ngày nay, tư tưởng lớn này bắt gặp xu thế hòa bình và hợp tác phổ biến trên thế giới, được phản ánh nhất quán trong tư duy và trong hoạt động thực tiễn với phương châm : "*Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển*".

5. **Kiên trì nguyên tắc, nắm vững đường lối chiến lược, vận dụng linh hoạt, sáng tạo biện pháp và sách lược.**

Phù hợp với phương châm "*dĩ bất biến, ứng vạn biến*" mà Bác Hồ thường căn dặn, ngoại giao Việt nam vừa kiên trì nguyên tắc, giữ vững lập trường cơ bản, vừa linh hoạt trong sách lược, trong bước đi và biện pháp, chấp nhận thắng lợi từng bước để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Trong khi quyết tâm theo đuổi mục tiêu cao nhất của dân tộc là độc lập và chủ nghĩa xã hội, ngoại giao Việt nam biết nhân nhượng, thậm chí chấp nhận bước lùi tạm thời ở thời điểm cần thiết để rồi tạo điều kiện tiếp tục tiến lên. Mặt khác, ngoại giao Việt nam không những kiên quyết bảo vệ lợi ích dân tộc mình, mà còn đồng thời biết tôn trọng lợi ích chính đáng của các dân tộc khác, vì vậy chủ trương chính sách của chúng ta luôn thấu tình đạt lý, được sự đồng tình, ủng hộ và sự hợp tác quốc tế rộng rãi. Sự mềm dẻo và linh hoạt trong sách lược, không mảy may làm giảm tính chiến đấu, không hề làm phai mờ bản sắc dân tộc đậm đà vốn là bản chất của ngoại giao Việt nam.

Các cuộc đàm phán đi đến ký Hiệp định sơ bộ 6/3 và Tạm ước 14/9/1946, tiếp đó Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 và đặc biệt Hiệp định Pa-ri năm 1973 đã đi vào lịch sử quan hệ quốc tế như mẫu mực của phương châm giữ vững nguyên tắc chiến lược, linh hoạt về sách lược giành thắng lợi từng bước để tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Ngày nay, trong điều kiện sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia ngày càng gia tăng, lợi ích đan xen, đối tượng hoạt động ngày càng đông đảo và đa dạng với những yêu cầu, lợi ích và trình độ phát triển khác nhau thì chính sách và hoạt động ngoại giao lại càng cần phải hết sức linh hoạt, phù hợp với từng đối tác, từng nơi, từng lúc, đồng thời giữ vững nguyên tắc không để quan hệ giữa ta với nước này hay nhóm nước này làm thiệt hại đến quan hệ giữa ta với nước khác, hoặc nhóm nước khác. Có như vậy mới tranh thủ được mọi tiềm năng có thể tranh thủ được, mới tạo được những điều kiện quốc tế thuận lợi phục vụ công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Song cũng như trong cuộc sống bình thường, trong quan hệ quốc tế không phải lúc nào và ở đâu mọi việc cũng đều suôn sẻ thuận chiều như mình mong muốn, do đó nếu có bất đồng, thậm chí tranh chấp, thì chúng ta cũng kiên trì chủ trương thông qua thương lượng để giải quyết trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của mỗi nước, cố gắng tối đa đừng để bất đồng ảnh hưởng đến quan hệ, nhằm duy trì và đẩy mạnh hợp tác có lợi cho cả đôi bên, lẫn cho khu vực và thế giới.

*

* *

Thế giới chúng ta đang trải qua một thời kỳ chuyển tiếp đầy biến động từ trật tự quốc tế cũ đã tan rã sang một trật tự quốc tế mới đang trong quá trình hình thành với những yếu tố khó lường trước.

Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ mới phát triển như vũ bão mang lại cho loài người những cơ hội mới, đồng thời cũng đặt các dân tộc trước những thách thức mới. Thế giới chúng ta đang sống đầy phức tạp và mâu thuẫn, nhưng đồng thời lại là một thế giới tổng thể và thống nhất, trong đó hòa bình, ổn định, hợp tác để phát triển đã trở thành xu thế chủ đạo ; xu hướng liên kết khu vực, xu hướng quốc tế hóa, toàn cầu hóa ngày một gia tăng.

Trong bối cảnh quốc tế đó, châu Á - Thái bình dương với tốc độ tăng trưởng cao và ổn định, có khả năng trở thành trung tâm kinh tế năng động nhất của thế giới khi bước vào thế kỷ 21.

(Xem tiếp trang 24)

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỦA HỒ CHÍ MINH *với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám*

ĐINH XUÂN LÂM *
và BÙI ĐÌNH PHONG **

ĐẾN với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Hồ Chí Minh được trang bị một thế giới quan và một phương pháp tư duy biện chứng. Người đã tìm thấy chân lý : *Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng ; nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử*. Từ tư tưởng cách mạng sáng ngời của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, Hồ Chí Minh đã nhận thức một cách rõ ràng rằng muốn tiến hành cách mạng thành công thì nhất thiết phải *tập hợp, đoàn kết* được mọi lực lượng : từ lực lượng của mỗi dân tộc đến lực lượng của các dân tộc trên phạm vi toàn thế giới ; từ những lực lượng gốc rễ như giai cấp công nhân, giai cấp nông dân đến các lực lượng "bầu bạn" khác.

Đến được với chân lý cách mạng của thời đại là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đó là hạnh phúc lớn, là phát hiện có tính quyết định của Hồ Chí Minh. Nhưng Người vẫn chưa thỏa mãn, không chịu dừng lại, không tự trói mình trong những câu chữ và sách vở của Mác - Lê-nin. Ra đi tìm đường cứu nước từ một nước thuộc địa, nửa phong kiến, với một tấm lòng yêu nước thương dân sâu sắc, Hồ Chí Minh coi *dân tộc* vừa là mục đích, vừa là động lực : giải phóng dân tộc trước hết, giải phóng dân tộc trên hết, và sự nghiệp giải phóng chỉ có thể thực hiện thắng lợi hoàn toàn trước hết bằng lực lượng của dân tộc mình. Với nhận thức đó, từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã "Việt nam hóa", cụ thể hóa chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vận động tuyên truyền dân tộc Việt nam để họ tỉnh dậy, đứng lên, đoàn kết nhau làm cách mạng. Trong *Đường cách mệnh*, Hồ Chí Minh đã khẳng định quần chúng nhân dân luôn đứng ở vị trí trung tâm, là chủ thể của cách mạng, và cách mạng hướng tới việc giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

Chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám là sự kế thừa, phát triển ở một mức cao hơn chủ nghĩa yêu nước truyền thống và đạo đức nhân ái Việt nam. Quá trình phát triển của cách mạng giải phóng dân tộc Việt nam mà đỉnh cao là Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã vận động trong tinh thần đại đoàn kết và trong Mặt trận dân tộc thống nhất mà Hồ Chí Minh là người sáng lập. Hồ Chí Minh đặt cách mạng thuộc địa, cách mạng giải phóng dân tộc Việt nam trong quỹ đạo cách mạng vô sản, trong đó độc lập, tự do được xác định là khát vọng không có gì quý hơn của quần chúng nhân dân. Trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), khi các dân tộc Đông dương bị hai tầng áp bức, bóc lột của Pháp và Nhật, khi quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong thì độc lập, tự do đối với mọi người Việt nam yêu nước càng trở thành một đòi hỏi cấp bách và là khát vọng cháy bỏng. Vì thế, tuy khẩu hiệu đấu tranh giai cấp là vấn đề cốt tử của chủ nghĩa Mác, nhưng trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh không nêu khẩu hiệu đó. Tìm thấy điểm chung tạo nguồn sức mạnh để giành thắng lợi là chủ nghĩa yêu nước Việt nam, là đại gia đình "con Lạc cháu Hồng", có kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc Pháp, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ : "Không nên chỉ hô hào thợ thuyền, dân cày chung chung. Không nên nói vô sản một cách cứng nhắc. Trước mắt chúng ta là phải đánh đổ thực dân Pháp, giải phóng dân tộc, cho nên phải khơi lòng yêu nước của mọi người" (1).

Để hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh nhận thấy phải gấp rút lập một hình thức mặt trận,

* GS sử học, Trường đại học quốc gia Hà nội

** PTS sử học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Nguyễn Lương Bằng : Những lần gặp Bác. Trong : *Dấu nguồn*. Nxb Văn học, Hà nội, 1975, tr 25

Digitized by Google

có thành phần rộng rãi, có tên gọi thích hợp, có khả năng khơi dậy lòng yêu nước của "con Rồng cháu Tiên", có sức mạnh hiệu triệu đồng bào toàn quốc để đoàn kết toàn dân, thực hiện nhiệm vụ trung tâm là cứu nước, giải phóng dân tộc. Sáng kiến lập *Việt nam độc lập đồng minh (Việt minh)* của Hồ Chí Minh đã được Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương (5-1941) nhất trí thông qua. *Việt minh* là một tổ chức mặt trận không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, trung và tiểu địa chủ, tư sản dân tộc, tiểu tư sản. Tóm lại, ai có lòng yêu nước thương nòi, không phân biệt khuynh hướng chính trị, tôn giáo, tín ngưỡng, giai cấp xã hội, nam, nữ và tuổi tác, đều được tổ chức lại để đánh Pháp đuổi Nhật giành lại độc lập, tự do cho dân tộc. Từ đó, các hội cứu nước đã ra đời. Các hội này đều đứng dưới ngọn cờ Việt minh, tức là cả dân tộc quy tụ dưới ngọn cờ độc lập, tự do.

Việt minh là biểu hiện tư tưởng chiến lược đại đoàn kết của Hồ Chí Minh đề ra từ những năm 30, khi Đảng ta mới ra đời.

Dân tộc và con người là điểm xuất phát đi đến thành lập Mặt trận Việt minh. Độc lập tự do là động lực và mục tiêu của toàn dân, là nền tảng vững chắc tạo nguồn sức mạnh dân tộc và sức mạnh quốc tế.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc trong Cách mạng Tháng Tám dựa trên sự điều chỉnh đường lối chính trị. Tại Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương (5-1941), Hồ Chí Minh nêu vấn đề tập trung giải quyết một nhiệm vụ cần kíp là dân tộc giải phóng và tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất. Người tin tưởng sâu sắc rằng, mặc dầu lúc này chưa nêu nhiệm vụ giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, nhưng nông dân vẫn theo cách mạng và vẫn hăng hái đấu tranh vì trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, họ cũng được hưởng nhiều quyền lợi to tát. Từ đó, Việt minh đã giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp, kết hợp tài tình hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến, trong đó cách mạng ruộng đất phải xoay quanh và phục vụ cách mạng giải phóng dân tộc.

Đặt trúng vấn đề giải quyết mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của xã hội Việt nam là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt nam với bọn thực dân áp bức, đồng thời giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã tạo ra điều kiện quy tụ toàn dân, đoàn kết dân tộc vì mục tiêu phản đế. Chủ trương cách mạng phản đế và cách mạng ruộng đất không làm song song và nhất loạt ngang nhau là một quyết định đúng đắn, sáng tạo tuyệt vời của Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh Việt nam lúc bấy giờ, thể hiện tư tưởng đổi mới, luôn gắn liền lý luận cách mạng với thực tiễn, nhạy bén, nắm bắt thời cơ trên cơ sở giữ vững nguyên tắc chiến lược.

Xây dựng trên nền của chủ nghĩa yêu nước, Việt minh - hạt nhân trung tâm rực sáng trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám - đã phát triển nhanh chóng từ thấp đến cao, từ cơ sở đến trung ương, từ rừng núi tới đồng bằng và đã lãnh đạo toàn dân đi tới cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám thắng lợi.

Sự ra đời và phát triển của Mặt trận Việt minh khẳng định chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh là hoàn toàn đúng đắn hợp lý, hợp lòng người. Do đó, Mặt trận Việt minh đã trở thành nhân tố cơ bản quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám mãi mãi gắn liền với Mặt trận Việt minh, với tên tuổi Hồ Chí Minh, là thắng lợi của chiến lược đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng (2-1951), Hồ Chí Minh đã đánh giá cao việc Đảng ta xác định đúng tính chất cuộc cách mạng là *cách mạng giải phóng dân tộc* và lập *Mặt trận Việt minh* để đoàn kết toàn dân trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám : "Tháng 5 năm 1941, Trung ương họp *Hội nghị lần thứ Tám*. Vấn đề chính là nhận định cuộc cách mạng trước mắt của Việt nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ; lập *Mặt trận Việt minh*, khẩu hiệu chính là: đoàn kết toàn dân, chống Nhật, chống Pháp, tranh lại độc lập ; hoãn cách mạng ruộng đất.

Cái tên *Việt nam độc lập đồng minh* rất rõ rệt, thiết thực và hợp với nguyện vọng toàn dân. Thêm vào đó, chương trình giản đơn, thiết thực mà đầy đủ của Mặt trận gồm có 10 điểm như bài ca tuyên truyền đã kể. (...)

Vì chính sách của Đảng đúng, và thi hành chính sách ấy kịp thời và linh động, cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám đã thành công" (2)

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, t 6, tr 16-18

Digitized by Google

ĐẢU PHẢI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM
không có đối tượng cụ thể, trực tiếp

NGUYỄN THÀNH *

NHẰM hạ thấp ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Tháng Tám, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và thành quả vĩ đại của nhân dân ta, mấy năm gần đây có người nêu lên luận điệu "Cách mạng Tháng Tám là thứ của ngọt trời cho". Theo họ, Cách mạng Tháng Tám không có đối tượng cụ thể, trực tiếp ; những người làm cách mạng Tháng Tám chỉ tiến công vào một cánh cửa chính trị khép hờ (!)

Sự thật hoàn toàn ngược lại. Cách mạng Tháng Tám là kết quả đấu tranh lâu dài gian khổ của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược và tay sai của chúng từ giữa thế kỷ trước. Đảng cộng sản Đông dương, kế tục vai trò lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước, đưa cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc từ năm 1930 lên một tầm cao mới về trình độ chính trị và tổ chức xã hội. Phong trào giải phóng dân tộc trải qua nhiều bước thăng trầm quyết liệt, phức tạp, dẫn tới cao trào mới sau khi Mặt trận Việt minh thành lập và phát triển dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng cộng sản Đông dương.

Hội nghị lần thứ tám BCH TƯ Đảng họp mở rộng nhận định : *lực lượng phản cách mạng* gồm có bọn thống trị Pháp và bọn phát xít Nhật ở Đông dương cùng với tay sai của chúng. Nguyện vọng và mục đích của nhân dân Đông dương hiện nay là đánh Pháp, đuổi Nhật, làm cho xứ Đông dương độc lập.

Lực lượng cách mạng Đông dương hiện nay là nhân dân Đông dương, không phân biệt dân tộc nào, giai cấp nào ; đánh Pháp, đuổi Nhật là nhiệm vụ chung của toàn thể nhân dân Đông dương.

Sau ngày đảo chính 9-3-1945, Nhật lật đổ quyền thống trị của Pháp, tình hình chính trị ở Đông dương có những thay đổi lớn. Chỉ thị ngày 12-3-1945 của Ban thường vụ Trung ương Đảng cộng sản Đông dương nhan đề *Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* chỉ rõ :

- Đế quốc Pháp không phải là kẻ thù cụ thể trước mắt ta nữa - mặc dầu ta vẫn phải đề phòng cuộc vận động của bọn Đờ Gôn định khôi phục quyền thống trị của Pháp ở Đông dương ;

- Nhật là kẻ thù chính - kẻ thù cụ thể trước mắt - duy nhất của nhân dân Đông dương ;

* Nguyên phó giám đốc Bảo tàng cách mạng Việt nam



Những ngày Tháng Tám năm 1945 ở Hà nội

Digitized by Google

- Bọn Pháp kháng chiến đang đánh Nhật là đồng minh quân khách quan của nhân dân Đông dương lúc này.

Ngày 24-3-1945, chính phủ Pháp ra Tuyên bố với những lời lẽ hết sức xảo trá hòng che đậy và lừa dối dư luận nhưng vẫn để lộ dã tâm sẽ chiếm lại Đông dương sau khi Nhật bại. Từ đó, Pháp ráo riết hoạt động, từ Pa-ri dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đờ Gôn, qua Bộ phận liên lạc của Pháp ở Viễn đông (SLFEO) đặt ở Can-cút-ta, đến Phái bộ 5 do Xanh-tơ-ny đứng đầu đặt bản doanh ở Côn minh. Đồng thời, chính phủ Pháp chỉ thị cho đại sứ của mình ở Trung quốc và các viên tướng cầm đầu số lính Pháp bị Nhật đánh bại chạy sang Hoa nam phối hợp với Phái bộ 5 thực hiện các âm mưu trên đất Đông dương.

Chỉ kể từ khi Ủy ban chỉ huy lâm thời khu giải phóng ra mệnh lệnh khởi nghĩa ngày 12-8-1945, Pháp đã có những hoạt động như sau : Ngày 13-8, Đờ Gôn gặp lại Đác-giăng-li-ơ nói rằng sẽ cử ông ta làm Cao ủy ở Đông dương nắm toàn bộ quyền lực trong tay. Ngày 14-8, Đờ Gôn quyết định cử Lơ-cléc làm Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang Pháp ở Đông dương. Ngày 13-8, Bộ phận liên lạc của Pháp ở Viễn đông tại Can-cút-ta quyết định cho máy bay thả dù xuống Đông dương một bộ sậu chính trị gồm các ủy viên của nước Cộng hòa Pháp, nhưng việc này phải đến ngày 22-8 mới thực hiện được. Cùng ngày 13-8, tướng A-léc-xan-đri quyết định cử một đội tiền trạm gồm các sĩ quan tình báo chạy trốn sang Trung quốc vào Hà nội, chuẩn bị đón một phái đoàn chính trị đầy đủ đến !

Pháp tổ chức những toán biệt kích đổ bộ vào Việt nam theo *hai* đường : đường *biển*, do Phái bộ 5 chỉ huy, xuất phát từ một số đảo ở Hoa nam ; đường *không*, xuất phát từ căn cứ quân sự ở Can-cút-ta, do máy bay của tình báo Anh đưa vào và nhảy dù xuống những nơi đã định.

Theo điện số 399/VP của Văn phòng Khâm sai Bắc kỳ gửi Thủ tướng Trần Trọng Kim ở Huế ngày 16-8-1945, hồi 18 giờ ngày 15-8, có hai ca nô máy có vũ trang chở chừng 30 người cả Pháp và Việt đi qua Quảng yên, hướng về cảng Hải phòng. Cùng ngày 15-8, một toán biệt kích đường biển do Blăng-sa cầm đầu đổ bộ vào Hải phòng, gồm 5 tên, định đi ngược sông Hồng lên Hà nội. Đường sông bị cấm, năm người này bị Nhật bắt giam, đến ngày 23-8 mới đến được Hà nội. Ngày 21-8, một toán 5 người Pháp và một người Việt nhảy dù xuống vùng tháp Mỹ sơn, tỉnh Quảng ngãi, bị du kích ta bắt gọn. Ngày 22-8, 5 người Pháp do thiếu tá tình báo Xanh-tơ-ny, người phụ trách Phái bộ 5, cầm đầu liều mạng bám theo máy bay chở đoàn OSS của Mỹ từ Côn minh đến Hà nội. Đêm 22-8, có *ba* tốp biệt kích nhảy dù : một tốp do Mét-xme cầm đầu nhảy xuống Phúc yên, bị dân quân ta bắt gọn (đến tháng 10-1945, mới được ta phóng thích) ; một tốp do Xê-đin cầm đầu nhảy xuống Tây ninh, Nhật bắt được và đưa đi Sài gòn ; một tốp nhảy xuống vùng Hiền sĩ (Nam giao, tỉnh Thừa thiên) định bắt liên lạc với Bảo Đại nhưng bị dân quân ta bắt gọn. Ngày 23-8, một tốp 4 tên đột nhập bằng xuồng lớn vào cửa Thuận an, bị dân quân ta bắt. Ngày 27-8, một tốp biệt kích nhảy dù xuống vùng Lai bằng, cách Huế 20km, bị dân quân ta bắt. Tàu biển Cray-xắc đưa 16 tên đổ bộ lên đảo Cát bà bị dân quân phát hiện từ xa, khi chúng vừa đặt chân lên đất thì rơi ngay vào ổ phục kích và bị bắt gọn. Ngày 28-8, một tốp nhảy dù xuống vùng đường ven biển gần thị trấn Lagi và mấy ngày sau, lại một tốp nhảy dù xuống khu vực suối Kiết ở Tánh linh, Bình thuận, đều bị dân quân ta bắt. V.v..

Đấy là những kẻ thù từ nước ngoài xâm nhập chống phá Cách mạng Tháng Tám. Chúng vào bằng đường không hay đường thủy không chỉ với những hành động đơn độc, mà có ý đồ móc nối với những tên tay sai cũ của Pháp, những viên quan lại và hào lý đã từng phục vụ chính quyền thực dân, hòng tổ chức lực lượng chống đối, chuẩn bị cơ sở cho quân Pháp trở lại xâm lược Việt nam sau khi Nhật đầu hàng. Hầu hết những tên biệt kích mạo hiểm đều bị các đơn vị vũ trang ta bắt cùng với vũ khí, điện đài, tài liệu.

Digitized by Google

Còn đối với quân Nhật thì sao ? Quân Nhật đã đầu hàng đồng minh, nhưng vẫn còn nguyên đơn vị và vũ khí trong tay.

Ta chủ trương vận động sĩ quan và binh lính Nhật ở yên tại chỗ, trao vũ khí cho Việt minh, cho quân giải phóng Việt nam, để được bảo toàn tính mạng và giúp một phần vào công cuộc giải phóng của dân tộc Việt nam. Có nơi họ hưởng ứng lời kêu gọi của ta, vừa giao vũ khí của Pháp bị tước trong cuộc đảo chính 9-3, vừa giao một phần vũ khí của chính họ. Nhưng ở không ít nơi họ vẫn có hành động quân sự chống phá ta. Như ở huyện Lý nhân, tỉnh Hà nam, quân Nhật không những không giao kho thóc cho ta, mà còn gọi viện binh từ Phủ lý về nổ súng chống ta vào ngày 20-8. Ta vừa thuyết phục, vừa bao vây và chặn xe của chúng từ thị xã về, buộc chúng phải giao kho thóc và rút lui ngày 21-8. Ở Hà nội, ta tiến công trại bảo an binh. Nhật đưa xe tăng đến bao vây trại, hỗ trợ cho những phần tử bảo an ngoan cố, và đòi tước vũ khí của tự vệ ta. Ta thuyết phục, Nhật phải rút lui. Ở Lộc ninh, viên quan tư Nhật ra lệnh bắn vào dân quân và đồng bào ta. Cuộc đọ súng đã nổ ra. Tên quan tư Nhật đầu hàng, 16 lính và 2 sĩ quan Nhật bị ta bắn chết. Ta thu một số vũ khí, quân trang. Ở Ba tơ, Nhật vẫn đi khủng bố Việt minh, bị dân quân đánh, buộc phải co về thị xã. Ở Huế, 400 người Pháp gồm quân đội và thường dân bị Nhật bắt giam sau ngày 9-3, nay được Nhật thả ra, có những hành động khiêu khích, ta bắt lại. Đáng chú ý nhất là cuộc chiến đấu chống Nhật ở thị xã Thái nguyên từ ngày 19 đến ngày 24-8. Ta tiêu diệt một số tên, buộc bọn Nhật ở thị xã và các đồn lẻ phải hạ vũ khí, bức hàng toàn bộ hệ thống ngụy quân, ngụy quyền tay sai của Nhật. Ta thu trên 500 súng các loại, 4 ô tô, trên 300 tấn gạo và nhiều quân trang quân dụng.

Với tình hình như trên, 82 260 quân Nhật chờ ngày nộp vũ khí cho Đồng minh và mong được về nước rất hoang mang. Lực lượng này vẫn là một đối tượng mà ta phải đối phó, nhưng trong điều kiện cụ thể mới, tất nhiên phải có sách lược mới, phù hợp.

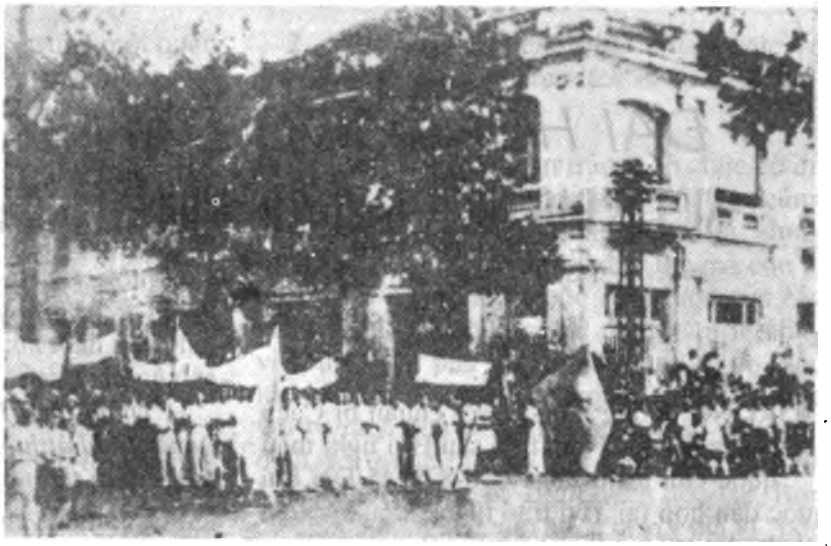
Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3), một hệ thống chính quyền làm tay sai cho Nhật thực tế đã được dựng lên trên cơ sở hệ thống chính quyền của Pháp vừa sụp đổ. Nhật vừa sử dụng hệ thống cũ, vừa thay thế từng bộ phận và cho nó những tên gọi phù hợp với nước Việt nam "độc lập" được Nhật ban cho. Trong cao trào kháng Nhật, trước sức tiến công của Việt minh, chính quyền này bị suy yếu, bất lực và tan rã từng bộ phận, trước hết là ở cấp xã, rồi đến cấp huyện. Trước ngày tổng khởi nghĩa, rất nhiều xã đã có Uỷ ban giải phóng dân tộc; một số huyện có Uỷ ban giải phóng dân tộc cấp huyện. Có nơi vẫn còn hình thức bộ máy ngụy quyền đứng đầu là huyện trưởng, nhưng huyện trưởng đã có liên lạc bí mật với Việt minh, chờ cơ hội trao huyện đường, sổ sách, lính bảo vệ và vũ khí cho cách mạng. Đến tổng khởi nghĩa, chính quyền của nhiều huyện nhanh chóng thuộc về tay nhân dân. Có huyện, cán bộ vận động, thuyết phục huyện trưởng có kết quả, nhưng không ít nơi phải dùng áp lực của quần chúng kết hợp với trấn áp bằng vũ lực, trừng trị những tên ngoan cố nhất để giành chính quyền. Ở cấp *tỉnh* và cấp *kỳ*, đấu tranh xóa bỏ ngụy quyền diễn ra gay go, phức tạp hơn. Dựa vào lực lượng bảo an, vào tổ chức phản động và hy vọng ở quân đội Nhật vẫn bảo vệ họ, hầu hết tỉnh trưởng, thị trưởng và khâm sai đều làm ngơ trước cao trào quần chúng đứng lên giành chính quyền. Đối với bộ máy ngụy quyền cấp cao, ta chủ trương kết hợp thuyết phục với dùng áp lực của quần chúng và lực lượng vũ trang, nên chỉ trong vòng mười ngày đã giải quyết nhanh gọn.

Ngày 23-8, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Huế thắng lợi, nhà vua và nội các do Nhật lập ra đã bị sụp đổ.

Cùng với việc đánh đổ ngụy quyền, cuộc đấu tranh với các lực lượng vũ trang do Nhật tổ chức và các đảng phái chính trị phản động diễn ra gay go, phức tạp hơn.

Hàng chục vạn lính bảo an và cảnh sát do Nhật tổ chức, trang bị và huấn luyện, đã được giao cho những tên tay sai người Việt chỉ huy, bọn này vốn ở trong các tổ chức

Digitized by Google



Đồng bào Nam bộ cùng lực lượng tự vệ vũ trang tham gia giành chính quyền tại Sài gòn (25.8.1945)

chính trị phản cách mạng hoặc sĩ quan thời Pháp nay chuyển sang làm tay sai cho Nhật. Bằng việc triển khai mũi binh vận, Việt minh đã xây dựng cơ sở bí mật trong lực lượng vũ trang của địch. Đến ngày tổng khởi nghĩa, theo tiếng gọi cứu nước của Việt minh, cùng với hoạt động của các cơ sở cách mạng ở bên trong cũng như sức ép mạnh mẽ của quần chúng nổi dậy, không ít đơn vị vũ trang địch đã xin hàng, tự nguyện nộp vũ khí. Tuy vậy, ở nhiều nơi, để đập tan sự kháng cự của những tên cầm đầu ngoan cố, chúng ta đã phải dùng lực lượng vũ trang.

Ở miền Nam, hai triệu người theo đạo Cao đài có vũ trang khá mạnh do Trần Quang Vinh cầm đầu theo Nhật chống lại cách mạng.

Cả nước lúc ấy có tới mấy chục tổ chức chính trị phản động có vũ trang hoặc không có vũ trang. Đó là các tổ chức do Pháp, Nhật hoặc Quốc dân đảng Trung hoa... dựng nên. Một số tổ chức từng theo Pháp sau chuyển sang theo Nhật ; một số tổ chức theo Nhật bị Pháp đàn áp và bỏ tù, khi Nhật lật Pháp thì họ được Nhật nâng đỡ đưa lên múa may trên sân khấu chính trị. Trong Cách mạng Tháng Tám, các tổ chức theo Nhật hoang mang, sợ cách mạng trừng trị. Các tổ chức và cá nhân từng làm tay sai cho Pháp và phải nằm im sau ngày Nhật đảo chính, trước tình hình mới, bắt đầu ngóc đầu dậy, hy vọng Pháp trở lại. Còn các tổ chức từng được sự ủng hộ và nâng đỡ của bọn quân phiệt phản cách mạng Trung hoa thì trong bối cảnh quân đội Tưởng kéo vào Việt nam với danh nghĩa quân đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, đương nhiên có điều kiện thuận lợi hơn bao giờ hết để thực hiện mọi ý đồ đen tối... Dù núp dưới tên gọi gì, dù chủ trương đường lối và phương thức hoạt động có thể khác nhau, các tổ chức chính trị phản động nói trên đều thống nhất mục tiêu là chống cách mạng, chống Việt minh.

Trong hoàn cảnh như vậy, để giành thắng lợi, Cách mạng Tháng Tám phải làm tê liệt và tan rã tất cả các loại tổ chức chính trị phản động đó. Rõ ràng, đây là công việc không dễ dàng, đơn giản, nhất là trong điều kiện lực lượng vũ trang cách mạng chưa mạnh. Để đập tan mọi sự chống đối của các thế lực thù địch, đạp tung cánh cửa cản trở con đường tiến lên giành thắng lợi, những người làm Cách mạng Tháng Tám đã phải làm rất nhiều việc và sử dụng nhiều hình thức đấu tranh. Không chỉ biết tuyên truyền, vận động quần chúng đấu tranh, không chỉ biết phân hóa kẻ thù, thuyết phục, giáo dục người lầm đường, khoan hồng với kẻ có tội biết ăn năn hối lỗi, mà còn đi đầu lãnh đạo quần chúng nổi dậy kiên quyết trừng trị những tên ác ôn ngoan cố, dù phải hy sinh xương máu.

Những thực tế nêu trên hoàn toàn bác bỏ luận điệu xuyên tạc của những phần tử xấu về Cách mạng Tháng Tám, cho rằng Cách mạng Tháng Tám không có đối tượng, những người làm cách mạng chỉ khéo lợi dụng thời cơ, ăn may mà có chính quyền (!) ⌟

Digitized by Google

ĐẠI HỘI QUỐC DÂN TÂN TRÀO
SỰ CHỈ ĐẠO CHIẾN LƯỢC KỊP THỜI, SẮC BÉN CỦA ĐẢNG TA

NGUYỄN KHANG *

TRONG không khí sục sôi chuẩn bị Cách mạng Tháng Tám, tiếp sau Hội nghị toàn quốc của Đảng, ngày 16-8-1945 Đại hội quốc dân họp tại Tân trào (Tuyên quang) tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng và thông qua 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt minh. Đại hội cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt nam, tức Chính phủ lâm thời của nước Cộng hòa dân chủ Việt nam do đồng chí Hồ Chí Minh làm chủ tịch. Đại hội cũng quy định Quốc kỳ và Quốc ca của nước Cộng hòa dân chủ Việt nam. Trong *Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa*, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết :

"Hỡi đồng bào yêu quý !

Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy, đem sức ta mà tự giải phóng cho ta.

Nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới đang ganh nhau tiến bước giành quyền độc lập. Chúng ta không thể chậm trễ.

Tiến lên ! Tiến lên ! Dưới lá cờ Việt minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!" (1)

*

* *

Khi bàn về thời cơ cuộc Cách mạng Tháng Tám, đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư của Đảng lúc đó cho rằng: Thời cơ cuộc Cách mạng Tháng Tám như đám mây hồng, giơ tay sớm cũng không thể đón được, giơ tay muộn sẽ mất. Để nắm được thời cơ, Đảng phải vạch được chiến lược sắc bén. Đại hội quốc dân Tân trào phản ánh một cách tập trung tính sắc bén trong chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng ta. Vấn đề này được thể hiện trên các mặt sau :

1- *Thông qua Đại hội quốc dân Tân trào, Đảng đã phát huy được cao độ sức mạnh vật chất - tinh thần của cả dân tộc.*

Yêu cầu của chỉ đạo chiến lược cách mạng đối với việc phát huy sức mạnh dân tộc là một vấn đề hết sức quan trọng. Đứng trên toàn cục, sức mạnh tổng hợp của nhân dân ta trong Cách mạng Tháng Tám có đủ khả năng đập tan sự phản kháng của phát xít Nhật. Nhưng trên một số mặt như lực lượng vũ trang, ưu thế còn nghiêng về phía kẻ thù ; đội quân phát xít Nhật ở nước ta lúc đó số lượng còn khoảng 10 vạn tên, và chúng có cả Bộ tư lệnh Nam Thái bình dương ở Sài gòn. Như vậy, về mặt nào đó, lực lượng quân đội Nhật ở Việt nam mạnh hơn một số nơi khác. Về phía lực lượng vũ trang của ta, tuy có tinh thần dũng cảm hy sinh rất cao, nhưng số lượng ít, trang bị còn thô sơ. Do vậy, việc phát huy sức mạnh quần chúng càng có ý nghĩa to lớn. Bọn Nhật sau khi đạo quân Quan đông thất trận phải đầu hàng vô điều kiện, đã rệu rã tinh thần. Ở nhiều nơi, trước sức mạnh áp đảo của cuộc nổi dậy toàn dân, quân Nhật không dám kháng cự, nhưng vẫn gây cho ta không ít khó khăn. Ở Huế, chính phủ Trần Trọng Kim dựa vào lưỡi lê của lính Nhật mưu toan chống lại việc chúng ta giành chính quyền. Trong tình hình đó, Đảng phải phát huy cao độ sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân, lấy lực lượng chính trị kết hợp với lực lượng vũ trang để giải phóng đất nước.

Về hình thái của cuộc tổng khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám, Đảng ta đã phân tích vị trí của nông thôn cũng như thành thị, mỗi

* Viện lịch sử Đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t 3, tr 380

Digitized by Google

địa bàn có tác dụng khác nhau trong mối quan hệ thống nhất, chặt chẽ với nhau. Song địa bàn thành thị có vai trò đặc biệt vì ở đó có cơ quan đầu não của địch. Nếu khởi nghĩa không đập tan bộ máy chính quyền ở thành thị thì sẽ không giành thắng lợi trọn vẹn trong toàn quốc. Bởi vậy để đảm bảo thắng lợi nhanh chóng và triệt để, Đảng phải huy động sức mạnh của cả hàng triệu nông dân ở ngoại thành, thống nhất lực lượng của toàn dân phát huy mọi tiềm năng vật chất, tinh thần của cả dân tộc.

Trong *Thư gửi đồng bào toàn quốc* tháng 10-1944, đồng chí Nguyễn Ái Quốc nêu rõ phải triệu tập "một cuộc *toàn quốc đại biểu đại hội* gồm tất cả các đảng phái cách mệnh và các đoàn thể ái quốc trong nước bầu cử ra. Một cơ cấu như thế mới đủ lực lượng và oai tín, trong thì lãnh đạo công việc cứu quốc, kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang"(2). Trước đây chúng ta đã có Mặt trận Việt minh, là tổ chức có uy tín rất lớn. Việc ra đời của Đại hội quốc dân Tân trào là sự phát triển của Mặt trận Việt minh trong thời điểm giành chính quyền. Đại hội bao gồm các đại biểu Bắc, Trung, Nam ; đại biểu của giai cấp công nhân (Hoàng Quốc Việt), đại biểu nông dân (Trần Đức Thịnh), đại biểu các nhân sĩ (Nguyễn Văn Tố, Dương Đức Hiền, Nguyễn Đình Thi, Cù Huy Cận) ; và đại biểu của cả những khuynh hướng yêu nước, những lực lượng ngoài Đảng. Đại hội chủ trương phải tập trung vào hướng chủ yếu là chống ách thống trị của phát xít Nhật, do đó đã hạn chế được các lực lượng đối lập, quy tụ được sức mạnh của toàn dân từ Nam chí Bắc, của các giai cấp, các nhân sĩ yêu nước tiến bộ, tranh thủ các tổ chức và cá nhân ít nhiều có tinh thần dân tộc.

Đại hội quốc dân Tân trào là hình ảnh của sức mạnh dân tộc, tiêu biểu cho khối đại đoàn kết dân tộc. Ở một số địa phương như Trung bộ, Nam bộ dựa trên tinh thần của Đại hội, nhân dân tự đứng lên giành chính quyền. Đó là tác dụng quan trọng của Đại hội trong việc phát huy sức mạnh toàn dân. Việc đó chứng tỏ sự nhạy bén, sáng tạo, sắc sảo của Đảng ta và Bác Hồ trong chỉ đạo chiến lược cách mạng ở thời điểm quyết định.

2 - *Kết hợp chặt chẽ giữa chiến lược và sách lược trong điều kiện lịch sử cụ thể ở Việt nam.*

Đại hội quốc dân Tân trào là tổ chức có đủ cơ sở pháp lý về phương diện đối nội cũng như đối ngoại, do đó không chỉ có tác dụng thống nhất lực lượng trong dân tộc mà còn là một bước ngăn chặn cuộc xâm lược của các thế lực đế quốc bên ngoài đang lăm le nhảy vào, âm mưu phá hoại việc giành tự do, độc lập của nước ta. Đại hội quốc dân Tân trào với tư cách nhà nước thay mặt nhân dân giao dịch với quốc tế. Đại hội là sự khẳng định Việt nam là nước có chủ quyền độc lập. Bọn đế quốc không thể vào nước ta với địa vị "hợp pháp", áp đặt những thể chế chính trị cũ. Mặt khác, Đại hội quốc dân Tân trào còn là phương sách thực hiện giảm bớt sự chống đối của các thế lực phản động người Việt nam ở trong và ngoài nước đang muốn trở về hoạt động chống phá cách mạng.

Mục tiêu của Đảng trong việc triệu tập Đại hội quốc dân Tân trào là thống nhất các lực lượng bên trong, tiếp thu sự giúp đỡ của cách mạng bên ngoài, hạn chế sự phản kháng của kẻ thù, là phương pháp có hiệu quả trong hoàn cảnh lúc đó. Nó cho thấy sự vận dụng đúng đắn, kịp thời của Đảng trong việc kết hợp sách lược cụ thể, mềm dẻo với việc thực hiện được mục tiêu chiến lược cách mạng.

3 - *Đại hội quốc dân Tân trào tiếp tục đặt đúng lợi ích dân tộc lên hàng đầu.*

Đề cập tới vai trò của chiến lược cách mạng, Mác và Ăng-ghen đã khẳng định : "Những người cộng sản chiến đấu cho những lợi ích và những mục đích trước mắt của giai cấp công nhân, nhưng đồng thời trong phong trào hiện tại, họ cũng bảo vệ và đại biểu cho tương lai của phong trào"(3), và "Những người cộng sản chỉ khác với các đảng vô sản khác... trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư sản, họ luôn luôn đại biểu cho *lợi ích của toàn bộ phong trào*" (4).

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1987, t 3, tr 375-376

(3) C.Mác - Ph Ăng-ghen : *Tuyển tập*. Nxb Sự thật. Hà nội, 1980, t 1, tr 584

(4) C.Mác - Ph Ăng-ghen : *Sđd*, t 6, tr 8

Digitized by Google

Vận dụng các quan điểm trên, Đảng ta cho rằng : Sự phát triển của dân tộc trong thời đại ngày nay gắn liền với sự phát triển của các giai cấp, nhất là giai cấp công nhân. Vì vậy, nhìn tổng quát, lợi ích của dân tộc gắn với lợi ích giai cấp, thống nhất với lợi ích giai cấp. Ở Việt nam có nhiều giai cấp, mỗi giai cấp có lợi ích riêng biệt. Lợi ích của giai cấp không trùng hợp hoàn toàn với lợi ích dân tộc. Trong giai đoạn giành chính quyền, sự khác biệt lợi ích giữa các giai cấp, các tầng lớp vẫn tồn tại rất lớn. Nhưng sự sáng tạo của Đảng là đã thống nhất được các loại lợi ích. Đảng đã phát hiện trong sự khác nhau về lợi ích, các giai cấp đều có lợi ích chung là đánh đổ ách thống trị của phát xít Nhật. Đây là lợi ích sống còn của tuyệt đại bộ phận các giai cấp, các tầng lớp nhân dân lao động.

Chính do nắm được yêu cầu đó, Đảng đã đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đặt lợi ích của dân tộc lên hàng đầu. Tháng 5-1941, Hội nghị Trung ương Đảng họp tại Pác bó đã nhấn mạnh : "Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được" (5). Tháng 6-1941, trong thư gửi đồng bào toàn quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết : "Trong lúc quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy, chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sâu lửa nóng" (6). Không xuất phát từ quan niệm đúng đắn sáng tạo nói trên không thể triệu tập được Đại hội quốc dân Tân trào - một tổ chức đại diện cho lợi ích của các giai cấp và của cả dân tộc.

Đại hội quốc dân Tân trào diễn ra trong một thời gian ngắn, nhưng có ý nghĩa sâu sắc trên nhiều mặt. Đồng chí Hồ Chí Minh đã nói : "Đó là một tiến bộ rất lớn trong lịch sử tranh đấu giải phóng của dân tộc ta từ ngót một thế kỷ nay" (7) ❑

(5) *Văn kiện Đảng* 1930 - 1945, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà nội, 1977, tr 196.

(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 3, tr 148

(7) *Văn kiện Đảng* 1930 - 1945, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà nội, 1977, tr 404

Ngoại giao Việt nam...

(Tiếp theo trang 15)

Là một nước mà số phận gắn liền với khu vực quan trọng và đầy hứa hẹn này, mặc dù thế và lực của ta còn có hạn, chúng ta có quyết tâm cao, có điều kiện mới để phấn đấu nâng cao vị thế của mình, góp phần xứng đáng vào quá trình đi lên của khu vực. Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa đã được thực tế kiểm nghiệm, chúng ta cần tận dụng và phát huy thời cơ đã tạo dựng được, phấn đấu nhanh chóng hội nhập với khu vực và thế giới.

Theo hướng đó, điều quan trọng là phải phối hợp chặt chẽ chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại, tạo được sự gắn bó trong quan hệ với các nước láng giềng và các nước ở khu vực, sự hài hòa trong quan hệ với các nước lớn và các trung tâm kinh tế - chính trị lớn ; phấn đấu hết lòng để duy trì hòa bình và ổn định, chuyển mối tương tác với các nước thực sự thành động lực thúc đẩy sự phát triển của đất nước ta, góp phần tích cực vào sự phát triển chung của khu vực và toàn cầu.

Trong hành trang bước vào thế kỷ 21, ngoại giao nước ta có những bài học thành công của nửa thế kỷ hoạt động, tuy rằng còn không ít yếu kém, thiếu sót mà chúng ta cần ra sức sớm khắc phục vươn lên.

Kỷ niệm 50 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, đồng thời cũng là 50 năm thành lập ngành ngoại giao, nhìn lại chặng đường đã qua đầy gian lao nhưng cũng rạng rỡ chiến công, chúng ta có đầy đủ căn cứ để tự hào về những gì đã làm được, từ đó củng cố quyết tâm và niềm tin cao độ tiếp tục phấn đấu góp phần xây dựng một nước Việt nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, sánh vai cùng các nước tiên tiến trong cộng đồng quốc tế ❑

Digitized by Google

GIÁO DỤC TRONG BƯỚC ĐI LÊN CỦA ĐẤT NƯỚC

TRẦN HỒNG QUÂN *

NĂM học 1994 - 1995 vừa kết thúc. Đây là dịp để chúng ta nhìn lại những gì đã làm được và chưa làm được sau hai năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục-đào tạo, từ đó có những định hướng đúng cho tương lai. Điều cơ bản dễ nhận thấy nhất mà nghị quyết trên mang lại cho giáo dục đào tạo là những chuyển biến bước đầu về nhận thức. Từ trước đến nay, Đảng ta luôn luôn quan tâm và coi trọng giáo dục. Nhân dân ta có truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo. Tuy nhiên, ở thời điểm hôm nay, trong hoàn cảnh đất nước đang cần tăng tốc phát triển để tránh nguy cơ tụt hậu, trong bối cảnh các quốc gia trong khu vực và trên thế giới đang tích cực chuẩn bị hành trang bước vào thế kỷ 21, thế kỷ của nền văn minh tin học, chúng ta cần nhận thức đầy đủ vai trò và vị trí của giáo dục đào tạo. Những quan điểm cơ bản trong nghị quyết coi giáo dục là động lực phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục đào tạo (cùng với khoa học và công nghệ) là quốc sách hàng đầu, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với nhận thức của toàn đảng, toàn dân ta. Nhờ vậy, sự quan tâm của các cấp, các ngành và toàn xã hội đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo được thể hiện một cách đậm nét hơn. Trong một số chương trình mục tiêu và kế hoạch phát triển dài hạn ở các địa phương, vị trí của giáo dục đào tạo bước đầu được chú trọng ; đầu tư của nhà nước vài năm gần đây cho giáo dục đào tạo có khá hơn. Nhiều địa phương đã đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, huy động mọi nguồn lực trong xã hội cho giáo dục, chăm lo xây dựng đội ngũ giáo viên, động viên, khuyến khích con em đến trường...

Riêng bản thân ngành giáo dục đào tạo, nhìn lại 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, có thể nhận thấy, trên một số mặt, đã bám sát định hướng của nghị quyết và có những chuyển biến đáng kể :

1. Kể từ năm học 1992-1993, quy mô giáo dục được phục hồi và bắt đầu phát triển ở các cấp học. Số học sinh mầm non, đặc biệt là mẫu giáo, từ sau năm 1992 đã tăng dần. Số học sinh tiểu học tăng liên tục. Tỷ lệ học sinh bỏ học gần đây đã giảm đi : từ 12,7% năm học 1989-1990 xuống 6,6% năm học 1993-1994. Về công cuộc chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, năm 1994 đã có 8 trong tổng số 53 tỉnh và thành phố, 157 trong gần 500 huyện, thị trấn và 3 700 trong 10 000 xã đạt tiêu chuẩn xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học.

Từ năm học 1992-1993, hiện tượng giảm số học sinh tạm thời ở bậc trung học đã chấm dứt ; học sinh bỏ học ở trung học cơ sở (cấp 2) đã giảm: từ 16,1% năm học 1992-1993 xuống 2,52% năm học 1993-1994 ; học sinh bỏ học ở phổ thông trung học cũng giảm : từ 14,4% xuống 4,14%.

So với năm học 1987-1988, số học sinh học nghề đã tăng lên gấp nhiều lần ; sinh viên đại học, cao đẳng đã tăng gấp 2,7 lần; đáng chú ý là số người học ở các hình thức giáo dục không tập trung, không chính quy đã tăng rất nhanh.

* Uỷ viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo

Digitized by Google

2. Hệ thống giáo dục đang được đổi mới về nhiều mặt : đa dạng hóa phương thức đào tạo, thay đổi cơ cấu và cơ chế, tạo điều kiện cho nhà trường thích ứng với nền kinh tế thị trường và mở cửa, đồng thời tạo nhiều khả năng vươn tới cho người học ; có khá đông người theo học những lớp ngắn hạn (ngoại ngữ, tin học, kinh doanh, nghề kỹ thuật, dịch vụ v.v.), những lớp bồi dưỡng, đào tạo lại, chuyển nghề để bảo đảm công ăn việc làm phù hợp với tình hình mới.

Đã hình thành một số trường bán công, dân lập, tư thục, vừa huy động thêm nguồn lực cho giáo dục, vừa tạo điều kiện so sánh hiệu quả, rút kinh nghiệm giữa cách làm của các trường công lập và các trường ngoài công lập, góp phần thúc đẩy quá trình cải tiến giáo dục đào tạo. Hiện có 2 302 trường mẫu giáo dân lập (chiếm 1/3 tổng số trường mẫu giáo) ; có 108 trường trung học cơ sở (cấp 2) và 51 trường phổ thông trung học (cấp 3) bán công, dân lập ; hơn 300 trung tâm dạy nghề quận huyện có tính chất bán công ; khá nhiều trường lớp dạy nghề dân lập và tư thục (riêng Hà nội và TP Hồ Chí Minh đã có hơn 330 trường lớp) ; đã được phép mở 7 trường đại học dân lập. Quá trình này còn có thể làm rộng hơn, nhanh hơn.

Cơ cấu các bậc cấp học và hệ thống văn bằng của toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân được thể chế hóa theo Nghị định 90/CP ngày 20/11/1993 của Chính phủ. Cơ cấu này được xây dựng theo hướng làm cho hệ thống được hoàn chỉnh, thống nhất, đa dạng, liên thông, mềm dẻo.

Quá trình đào tạo đại học được tổ chức lại theo ngành rộng, thực hiện chế độ đào tạo 2 giai đoạn : đào tạo *cơ bản* (7 chương trình trong 1 năm rưỡi) và đào tạo *chuyên môn hóa* (từ 2 năm rưỡi trở lên, tùy ngành). Tổ chức lại việc đào tạo sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ). Thống nhất giáo dục bổ túc và đào tạo tại chức thành hệ thống giáo dục thường xuyên (hiện nay đã hình thành một hệ thống giáo dục thường xuyên với 172 trung tâm cấp quận, huyện và 49 trung tâm cấp tỉnh, thành phố).

Mạng lưới trường đại học đang được sắp xếp lại theo 4 loại hình là : a) đại học *đa lĩnh vực* (gồm các đại học quốc gia ở Hà nội và TP Hồ Chí Minh ; các đại học vùng ở Huế, Đà nẵng, Thái nguyên, Cần thơ, Tây nguyên ; b) đại học *chuyên ngành* (gồm phần lớn các trường hiện nay) ; c) đại học *cộng đồng* (chuẩn bị làm thử ; là loại trường được mở ra dựa vào tình hình cung cầu nhân lực của địa phương) ; d) đại học *mở* (một trường tại Hà nội - công lập ; một trường tại TP Hồ Chí Minh - bán công).

Đã có quyết định tổ chức 3 trường trung học *chất lượng cao* (tiếp cận dần chất lượng quốc tế) trên cơ sở các trường Chu Văn An (Hà nội), Quốc học (Huế), Lê Hồng Phong (TP Hồ Chí Minh). Ngoài ra, một số cơ sở đào tạo của nước ngoài cũng đã được mở ở Việt nam, như các trung tâm về *công nghệ* (AITCV), *khoa học vật liệu* (ITIMS), *tin học* (IFI) v.v. ; chủ yếu hệ thống này đào tạo sau đại học.

Giáo dục miền núi và vùng dân tộc ít người hai năm qua có những chuyển biến tích cực. Đến đầu năm 1994 đã hoàn thành 5 trường phổ thông dân tộc nội trú trung ương, 38 trường tỉnh ; bắt đầu thi công xây dựng 60 trường huyện, theo hướng trường học chuẩn mực. Số học sinh nội trú từ 10 000 (năm 1990) đã lên đến 35 000 em (năm 1994), trong đó có khoảng 15 000 em có nơi học và sinh hoạt tương đối tốt.

3. Chất lượng giáo dục đã có chuyển biến trên một số yếu tố :

- Đang tiếp tục đổi mới mục tiêu, đổi mới chương trình nội dung ở các bậc, cấp học. Đang có những cố gắng đổi mới phương pháp dạy - học theo hướng giáo dục tích cực, bồi dưỡng năng lực tự học, sáng tạo, năng lực biết đặt và giải quyết vấn đề.

- Mở rộng việc dạy ngoại ngữ và tin học ở các trường đại học, chuyên nghiệp, ở

Digitized by Google

các trường phổ thông trung học, trung học cơ sở ; tăng cường giáo dục hướng nghiệp, bồi dưỡng kỹ năng lao động, dạy nghề cho học sinh phổ thông (từ 60 trung tâm kỹ thuật tin học, hướng nghiệp dạy nghề năm 1991, đến nay đã có 285 trung tâm ở hầu hết các tỉnh, thành phố).

- Đổi mới việc giảng dạy học tập các môn giáo dục đạo đức, giáo dục công dân, lý luận chính trị, quốc phòng, thể chất ; tăng cường giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, lối sống và đạo đức mới, góp phần từng bước nâng cao ý thức công dân và tư tưởng chính trị cho học sinh, sinh viên ; xây dựng nền nếp kỷ cương dạy và học, giữ gìn sự ổn định ở nhà trường, an ninh và trật tự xã hội.

- Chất lượng giáo dục dần dần được cải thiện ; bộ phận học sinh sinh viên chăm học, ham học trong vài năm gần đây tăng lên, nhất là ở những ngành học, lớp học có triển vọng tạo ra công ăn việc làm, đem lại thu nhập khá ; hệ thống trường chuyên được mở rộng tới huyện, nhiều trường phổ thông có lớp chọn ; số học sinh khá và giỏi đã tăng từ 5 đến 10%. Việc tổ chức cho học sinh thi Ôlympic quốc tế, quốc gia vẫn được đều đặn và có những tiến bộ.

4. Khắc phục rất nhiều khó khăn, đội ngũ giáo viên là lực lượng chủ đạo góp phần trực tiếp nâng cao chất lượng giáo dục. Nhiều nhà giáo tâm huyết và tài năng ở các cấp học, các địa phương có nhiều sáng kiến cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục cho sát với yêu cầu của xã hội, nguyện vọng của học sinh. Trong điều kiện khả năng kinh tế của đất nước còn rất nhiều hạn chế, công cuộc xã hội hóa giáo dục đang thu hút toàn xã hội tham gia làm giáo dục. Phương thức hoạt động đa dạng, phong phú : hỗ trợ tài lực, nhân lực ; kết hợp với nhà trường, tạo môi trường giáo dục ở gia đình, cộng đồng, xã hội, mở đại hội giáo dục... Ở một số lĩnh vực, nếu nhà nước đầu tư 1 thì có thể huy động xã hội đóng góp từ 0,5 đến 2 lần. Nhà nước cũng đã có nhiều cố gắng đầu tư cho giáo dục, giữ cho tỷ trọng trên dưới 11% tổng ngân sách ; những chương trình mục tiêu mang lại hiệu quả rõ (như về xóa tình trạng học 3 ca, củng cố và mở rộng trường dân tộc nội trú, phổ cập tin học v.v.). Việc cung cấp đủ sách giáo khoa, trang bị đồ thí nghiệm, "ngói hóa", "kiên cố hóa" trường lớp đã bước đầu thay đổi thực sự bộ mặt giáo dục ở nhiều địa phương. Về mặt quản lý giáo dục, đã có những cố gắng tham mưu với Đảng, Quốc hội, Chính phủ ra nhiều nghị quyết, chủ trương chính sách nhằm thực hiện đường lối đổi mới giáo dục đào tạo. Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên môn được tăng cường.

Tóm lại, sau 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, ngành giáo dục đào tạo đã có nhiều cố gắng ổn định, đổi mới và phát triển. Tình trạng suy giảm cả về số lượng và chất lượng đã bước đầu được khắc phục; xuất hiện nhiều nhân tố mới và trên một số mặt đã có những chuyển biến tích cực, tạo tiền đề cho những chuyển biến mạnh mẽ hơn trong giai đoạn mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hai năm là một quãng thời gian ngắn ngủi đối với việc thực hiện một nghị quyết có tính chiến lược như Nghị quyết Trung ương 4. Trong điều kiện đất nước vừa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đời sống còn nhiều khó khăn, cơ sở vật chất nghèo nàn, thiếu thốn, đầu tư của nhà nước còn có hạn, đội ngũ giáo viên vừa yếu vừa thiếu, thì những thành tích của chúng ta trong thời gian qua là đáng tự hào. Chúng ta đã đổi mới một bước hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hiện đại hóa, đã đào tạo được một đội ngũ lao động có học vấn, có khả năng tiếp thu và sử dụng nhanh nhạy các công nghệ mới, được bạn bè quốc tế thừa nhận và đánh giá cao.

Tuy nhiên, nếu nhìn vào thực trạng giáo dục đào tạo hiện nay, cần phải thẳng thắn thừa nhận rằng : *cái bất cập, lạc hậu, cái chưa được* còn rất lớn.

Digitized by Google

Một trong những nguy cơ mà đất nước ta đang phải đương đầu và vượt qua để bước vào thế kỷ 21 là nguy cơ tụt hậu. Nguy cơ này ngày càng lộ rõ trong quá trình chúng ta mở cửa, hòa nhập với thế giới hiện đại. Và điều cần nói là, trong mọi sự tụt hậu thì tụt hậu về giáo dục là nguy hiểm nhất và phải trả giá "đắt" nhất, bởi nó liên quan đến "lợi ích trăm năm" như Bác Hồ đã dạy. Chúng ta đang phải chấp nhận một cuộc cạnh tranh trên nhiều lĩnh vực giữa các quốc gia mà trước hết là các quốc gia trong khu vực. Tập trung nhất và quyết định nhất là cuộc cạnh tranh trên lĩnh vực trí tuệ, chất xám. Vậy chúng ta sẽ vươn lên như thế nào trong cuộc cạnh tranh này, khi hầu hết các chỉ tiêu về giáo dục của ta như phổ cập giáo dục, số đầu sinh viên trên số dân, số người có học hàm học vị trên số người tốt nghiệp đại học, nguồn lực để phát triển giáo dục... đều thấp xa so với các nước trong khu vực?

Muốn hướng tới mục tiêu như Nghị quyết Trung ương 4 đã nêu, muốn giáo dục đào tạo thực sự là "quốc sách hàng đầu", cần phải có hàng loạt chính sách, thể chế và cơ chế tương ứng đi kèm, thể hiện trên các mặt :

+ mục tiêu giáo dục đào tạo phải là mục tiêu quốc gia, do Quốc hội và Chính phủ bàn luận, quyết định và thực thi ;

+ đầu tư nguồn lực, cả vật chất và con người, phải tương đương với mục tiêu đó ;

+ có hệ thống chính sách thích hợp, đặc biệt là chính sách đối với giáo viên và với học sinh nghèo ;

+ công tác chỉ đạo, lãnh đạo, quản lý cũng phải ở tầm quốc gia, nghĩa là : cần có một cơ quan đủ thẩm quyền phối hợp hành động của tất cả các cấp, các ngành cùng tham gia phát triển giáo dục.

Một trong những phương pháp tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước mà Hội nghị lần thứ 7 BCHTƯ Đảng (khóa VII) đề ra là : tận dụng lợi thế của nước đi sau để "đi tắt", "đón đầu", đi thẳng vào những công nghệ mới hiện đại, những phương thức quản lý tiên tiến. Điều này đương nhiên phụ thuộc rất lớn vào thành tựu phát triển giáo dục. Giáo dục đào tạo cũng phải "đi tắt", "đón đầu", hơn nữa còn phải đi trước các ngành kinh tế. Phải xây dựng một nền giáo dục tiên tiến trong điều kiện kinh tế chưa phát triển ; giáo dục phải đi trước kinh tế một bước để tạo tiền đề cho sự phát triển nhanh và bền vững của kinh tế - xã hội. Đây là một nhận thức hết sức quan trọng, có ý nghĩa định hướng chiến lược cho sự phát triển của giáo dục đào tạo.

Bước vào cơ chế thị trường, giáo dục bộc lộ *ba* thuộc tính cơ bản. *Thứ nhất*, giáo dục là một nhân tố phát triển thuộc cơ sở hạ tầng, cần được ưu tiên đầu tư hàng đầu. *Thứ hai*, giáo dục là phúc lợi xã hội, là một trong những nhu cầu cơ bản gắn với quyền con người đã được Hiến pháp quy định. *Thứ ba*, trong cơ chế thị trường, dù muốn dù không, một bộ phận giáo dục cũng mang tính chất là một dịch vụ xã hội. Thuộc tính này chính là sản phẩm trực tiếp của cơ chế thị trường, muốn hay không muốn nó vẫn chịu sự chi phối của những quy luật thị trường : có cung có cầu, có sự trao đổi, mua bán sản phẩm, có mặt tích cực cần khuyến khích, có mặt tiêu cực cần hạn chế. Như vậy, một chiến lược phát triển giáo dục cần phải tính đến cả ba thuộc tính nêu trên.

Trong khi chú trọng bảo đảm quyền lợi học tập chính đáng cho toàn thể nhân dân bằng pháp luật, bằng các cơ chế và chính sách thích hợp, thì đồng thời chúng ta cũng phải chấp nhận sự phân hóa về điều kiện học tập, về trình độ, kiến thức để bảo đảm tốc độ phát triển nhanh cho giáo dục. Một bộ phận trong xã hội có điều kiện, có khả năng sẽ bứt lên trước để có thể đạt trình độ cao trong một thời gian ngắn. Bộ phận này sẽ là các chuyên gia và những người lao động lành nghề tương đương trình độ quốc tế. Đó thực sự là cái giá phải trả về mặt xã hội trong điều kiện hiện nay.

Digitized by Google

Từ những định hướng nêu trên, tôi xin đề cập đến **một số giải pháp cụ thể** cho giáo dục đào tạo trong thời gian tới :

1- Bảo đảm hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học cho những đối tượng trong độ tuổi một cách có chất lượng vào năm 2000 như kế hoạch đã đề ra. Học sinh phải được học đủ số môn theo quy định ; đưa thêm một số môn học mới vào chương trình như ngoại ngữ, tin học. Đổi mới một số chương trình, nội dung sách giáo khoa, đặc biệt là phải đổi mới cơ bản về phương pháp dạy học, khắc phục tính xơ cứng, thụ động, triệt tiêu tính sáng tạo của cả giáo viên và học sinh (hiện đang tồn tại khá phổ biến). Thời gian qua, chúng ta đã phấn đấu xóa bỏ cơ bản tình trạng học 3 ca trong tiểu học; thời gian tới, phải phấn đấu mạnh hơn nữa để tất cả các học sinh tiểu học có thể học cả ngày như ở đa số các nước trong khu vực và trên thế giới. Điều này liên quan đến những khoản đầu tư khổng lồ về cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên.

2- Đối với trung học cơ sở (cấp 2), do sự gia tăng số học sinh tiểu học mấy năm trước, hiện đang đứng trước sự gia tăng đột biến về số lượng học sinh, dẫn đến tình trạng thiếu giáo viên nghiêm trọng. Đây là vấn đề chúng ta phải tập trung sức giải quyết. Đồng thời, ngay từ bây giờ, cần thực hiện việc phổ cập trung học cơ sở ở những nơi có điều kiện theo lối "cuốn chiếu".

3. Đối với trung học phổ thông (cấp 3), từng bước tiến tới chuyên ban hóa (hiện đã thực hiện ở 116 trường, năm học tới sẽ nâng lên trên 200 trường và tiến tới thực hiện trong toàn quốc). Chủ trương phân ban ở bậc trung học thể hiện tính mềm dẻo, đa dạng của hệ thống giáo dục, nhờ nó có thể phân luồng sớm ở bậc phổ thông theo xu thế sở trường và liên thông với giáo dục chuyên nghiệp.

4 - Ở bậc đại học và giáo dục chuyên nghiệp, kiên quyết sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực. Trước mắt, tập trung đầu tư chiều sâu vào những bộ phận có chất lượng : các đại học quốc gia, đại học vùng...

5 - Đối với hệ thống dạy nghề, một lĩnh vực có vai trò hết sức quan trọng trong việc đào tạo nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cái khó hiện nay là kinh phí đầu tư quá hạn hẹp trong khi yêu cầu phát triển các trung tâm dạy nghề lại rất tốn kém. Chúng ta chưa có khả năng đầu tư khá hơn cho lĩnh vực này. Tuy nhiên, đây là lĩnh vực có ưu thế trong việc xã hội hóa. Vì vậy, phương hướng trước mắt là tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp mở trường nghề.

Tư tưởng chỉ đạo cho những giải pháp giáo dục trước mắt là "liệu cơm gắp mắm", phấn đấu đạt hiệu quả tối đa trong điều kiện "con nhà nghèo", không dàn trải, phân tán, mà tập trung đầu tư một cách có hiệu quả vào *hai* bộ phận : *thấp nhất* (tiểu học) và *cao nhất* (đại học và chuyên nghiệp). Tiếp tục đa dạng hóa các loại hình trường lớp, đồng thời kiên quyết lập lại trật tự, kỷ cương trong trường học, từng bước chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, cải thiện đời sống giáo viên bằng chính nghề nghiệp của họ, nhằm khôi phục lại vị thế người thầy và nghề dạy học trong xã hội, bảo đảm môi trường lành mạnh cho giáo dục.

Với tất cả những bộn bề và ngổn ngang trước mắt, ý thức rõ vai trò và trách nhiệm của mình, ngành giáo dục đào tạo đang nỗ lực khắc phục khó khăn, khắc phục sự yếu kém về quản lý của mình, vượt qua mọi thách thức để cùng cả nước tiến vào thế kỷ 21.

Mong sao giáo dục đã, đang và sẽ là mối quan tâm của mọi người, mọi nhà. Nó chỉ có thể thành công khi toàn xã hội, tất cả các cấp, các ngành cùng ghé vai gánh vác và giải quyết ❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN, TIỀN ĐỀ ĐỂ ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI NÔNG THÔN

BÙI DANH LƯU *

MẠNG lưới giao thông nông thôn là một trong những cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng nhất để phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Kinh tế nông thôn muốn được mở mang, bộ mặt nông thôn muốn được đổi mới thì phải chăm lo xây dựng và phát triển cơ sở kỹ thuật hạ tầng, trong đó mạng lưới giao thông nông thôn cần được ưu tiên đi trước một bước.

Mạng lưới giao thông nông thôn mà thông suốt, thuận lợi, thì việc lưu thông hàng hóa từ đơn vị sản xuất cơ sở là "hộ nông dân", tới thị trường tiêu thụ hoặc cơ sở chế biến cần thiết ở trong khu vực, trong nước hoặc ở nước ngoài sẽ được bảo đảm. Chất lượng và giá thành hàng hóa phụ thuộc một phần vào chất lượng mạng lưới giao thông. Nói cách khác, giao thông nông thôn chính là điều kiện không thể thiếu để hình thành và phát triển sản xuất hàng hóa ở nông thôn, thúc đẩy giao lưu kinh tế giữa các vùng, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà kinh doanh đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn.

Phong trào quần chúng xây dựng giao thông nông thôn đã được phát động từ những năm cuối thập kỷ 80, khi Đảng ta đề ra đường lối *đổi mới nền kinh tế* với các chủ trương, chính sách quan trọng như Chỉ thị 100 của Ban bí thư, Nghị quyết 10 của Bộ chính trị... nhằm tháo gỡ những ràng buộc của cơ chế kinh tế cũ, giải phóng sức sản xuất, tạo bước phát triển mới cho kinh tế xã hội ở nông thôn. Kinh tế phát triển, đời sống nâng cao, tất yếu đòi hỏi xây dựng giao thông. Nắm bắt được yêu cầu đó, các tỉnh như Thái bình, Thanh hóa... đã dấy lên phong trào quần chúng xây dựng hệ thống giao thông nông thôn. Sau Hội nghị tổng kết công tác xây dựng giao thông nông thôn toàn quốc năm 1993 tổ chức tại Thái bình, với việc phát động phong trào thi đua giành cờ thưởng luân lưu của Chủ tịch nước thì phong trào xây dựng giao thông nông thôn ngày càng được đẩy mạnh và nhân rộng trong phạm vi toàn quốc. Phong trào này đặc biệt sôi nổi trong năm 1993 và 1994, và đã đạt được những kết quả đáng kể.

Qua tổng hợp số liệu của 37 tỉnh, thành phố, trong 4 năm (1991-1994) đã mở mới nền đường : 7 567 km; mở rộng nâng cấp : 20 266 km ; rải mặt bằng bê tông xi măng : 553 km; rải mặt bê tông nhựa : 33 km ; rải mặt thâm nhập nhựa : 2 348 km ; rải mặt đá răm : 5 041km ; rải mặt cấp phối : 16 784 km ; mặt đường lát gạch : 2 233 km. Đã xây dựng cầu bê tông và cầu thép : 4 838 cái với tổng chiều dài 51 832 mét; cầu gỗ : 7 827 cái với tổng chiều dài 86 582 mét; cầu treo ô tô đi : 18 cái với tổng chiều dài 1 407 mét ; cầu treo dân sinh : 192 cái với tổng chiều dài 12 489 mét. Đặc biệt, đã xây dựng mới 7 232 cầu với tổng chiều dài 80 459 mét để thay các "cầu khỉ" ở đồng bằng sông Cửu long, v.v.. Với kết quả trên, đã mở thêm được đường ô tô xuống 89 xã hoặc trung tâm cụm xã. Tính tới nay, trong toàn mạng giao thông chung cả nước, có 31 264 km đường huyện và 91 210 km đường xã (chiếm 81%) ; có 12 tỉnh, thành phố đã xây dựng xong đường xuống tất cả các xã, có 17 tỉnh có dưới 7 xã chưa có đường ô tô xuống tới nơi. Huyện, xã nào có đường giao thông

* Giáo sư, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải

Digitized by Google

tốt thì sản xuất phát triển, đời sống nhân dân cải thiện, an ninh quốc phòng giữ vững, bộ mặt nông thôn có sự chuyển biến rõ nét. Điều đó chứng tỏ xây dựng giao thông nông thôn là tiền đề để tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn.

Qua thực tiễn xây dựng và phát triển hệ thống giao thông nông thôn, có thể rút ra **một số bài học :**

1- Phải *khơi dậy phong trào quần chúng rộng rãi*, bởi lẽ sự nghiệp xây dựng giao thông nông thôn là của dân, do dân và vì dân; là đòi hỏi bức bách của quần chúng nông dân và đồng bào các dân tộc muốn nhanh chóng thoát khỏi tình cảnh tự túc tự cấp, kém phát triển. Đây là phong trào không chỉ được quần chúng hưởng ứng sôi nổi nhất, mà còn được lãnh đạo chính quyền các cấp quan tâm nhất. Vì vậy, nó đã được duy trì qua nhiều năm và ngày càng phát triển cả về bề rộng và bề sâu ở mọi miền đất nước. Trước năm 1990 phong trào chỉ nổi lên ở một số tỉnh ; còn hiện nay nó đã có ở hầu hết các tỉnh với sự tham gia rộng rãi của quần chúng nhân dân và mang lại hiệu quả rõ rệt.

Năm 1993 và 1994, hầu hết các tỉnh dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy và ủy ban nhân dân đều đã tổng kết phong trào xây dựng giao thông nông thôn, ra nghị quyết xác định rõ phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp cụ thể xây dựng giao thông nông thôn cho các năm 1994, 1995 và năm 2000. Ban chỉ đạo xây dựng giao thông nông thôn đã được thành lập từ tỉnh xuống tới các huyện, xã. Hội đồng nhân dân nhiều tỉnh, huyện, xã đã ra nghị quyết riêng về xây dựng giao thông làm cơ sở cho việc huy động tổng hợp mọi tiềm lực sẵn có ở địa phương để xây dựng giao thông. Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Hội phụ nữ và Đoàn thanh niên nhiều nơi đã tích cực tham gia, từ chỉ đạo phong trào cho tới đảm nhận từng phần việc, từng đoạn đường... Nhiều tỉnh lấy "đường" là mục tiêu hàng đầu. Công tác thi đua, khen thưởng hằng năm xoay quanh đó, có tác dụng to lớn thúc đẩy phong trào.

Thực tiễn phong trào xây dựng giao thông nông thôn những năm qua đã cho thấy rõ : những chủ trương, chính sách nào xuất phát từ sự nghiệp "của dân, do dân và vì dân", mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân, thì chính sách đó, chủ trương đó thực sự đi vào cuộc sống và được nhân dân tin tưởng và làm theo. Và để phong trào thật sự là phong trào cách mạng, có hiệu quả cao, thì nhất thiết phải có sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo sát sao của UBND các cấp và cơ quan chuyên ngành cùng sự trợ giúp tích cực của các đoàn thể quần chúng.

2- *Nắm vững phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm, dân làm là chính và nhà nước hỗ trợ"*. Các tỉnh huyện, xã có phong trào khá đều do tích cực, chủ động tìm biện pháp huy động mọi khả năng có thể khai thác về vốn, về lao động trong dân, trên địa bàn, không ỷ lại, trông chờ vào sự đầu tư của nhà nước. Xây dựng giao thông phục vụ lưu thông đòi hỏi nhiều vốn. Để có vốn, các địa phương thường tìm cách khai thác mọi tiềm năng hiện có, trước hết dựa chắc vào dân, động viên mọi khả năng tài chính, lao động của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn ; động viên các thành phần kinh tế tùy sức và mức độ sử dụng mà góp phần vào xây dựng giao thông ; huy động sự đóng góp của các đền, chùa, nhà thờ ; động viên bà con xa quê hương đóng góp xây dựng quê nhà. Tận dụng các nguồn vốn trong các dự án kinh tế có liên quan tới giao thông. Đặc biệt, chú ý tận dụng mọi nguồn thu cho ngân sách xã như đất công điền, công thổ, ao, vườn, và dành phần lớn ngân sách đó cho xây dựng giao thông. Tổng hợp số liệu 4 năm 1991-1994 của 37 tỉnh có báo cáo cho thấy : trong tổng số vốn 1 615 tỉ đồng huy động cho xây dựng giao thông nông thôn thì nhân dân đóng góp cả thảy 1 090 tỉ đồng (67,5%) và 65 triệu ngày công. Ở các tỉnh, số vốn huy động nhân dân đóng góp thường chiếm 60-70% tổng số vốn xây dựng. Một số tỉnh đã huy động vốn lớn trong 2 năm 1993-1994 như Thái bình : 123,7 tỉ đồng ; Thanh hóa : 117,6 tỉ đồng ; Hải hưng: 105,5 tỉ đồng ; Quảng nam - Đà nẵng : 78,5 tỉ đồng ; An giang 53,4 tỉ đồng. Một số tỉnh miền núi đã huy động được nhiều như Sơn la : 12,4 tỉ đồng ; Yên bái : 11,1 tỉ đồng ; Hòa bình : 11,7 tỉ đồng...

Digitized by Google

Nhiều nơi nhờ có nhiều nguồn thu đã tạo được vốn làm giao thông, giảm được phần đóng góp của nhân dân. Ngoài ra, tận dụng sức lao động dư thừa để sản xuất vật liệu làm đường (như gạch, đá) cũng là kinh nghiệm quý. Trong quản lý đường sá nông thôn, cũng phải dựa vào dân. Thực hiện giao khoán cho dân với chế độ khoán thích hợp cùng việc hướng dẫn kỹ thuật cụ thể và kiểm tra sát sao. Sự trợ giúp vốn của trung ương và của tỉnh có vai trò rất quan trọng, nó vừa tạo đà để thúc đẩy phong trào, vừa giúp giải quyết khó khăn ở những vùng khả năng huy động vốn của dân có hạn, như ở miền núi... Nhiều địa phương đã có các hình thức hỗ trợ thích hợp như : nhà nước làm cầu, nhân dân làm đường; dân xây mố trụ, nhà nước cung cấp dầm ; dân rải đá, nhà nước cung cấp lu và nhựa. Ở miền núi, nhà nước hỗ trợ thuốc mìn, máy ủi, xe lu, nhân dân huy động lao động rải đường, v.v..

Có thể khẳng định rằng, phương châm "nhà nước nhân dân cùng làm" là biện pháp huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác triệt để mọi tiềm năng để thực hiện những chủ trương, đường lối lớn của Đảng và Nhà nước ta. Việc vận dụng nó trong xây dựng giao thông nông thôn là hoàn toàn đúng đắn và mang lại hiệu quả cao. Trong điều kiện khả năng ngân sách có hạn, sự trợ giúp của nhà nước còn ít, thì việc sử dụng hợp lý và có hiệu quả vốn hỗ trợ của nhà nước là điều có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

3- *Xây dựng giao thông theo quy hoạch hợp lý và bước đi thích hợp.* Xây dựng giao thông chính là xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế, lưu thông và các hoạt động văn hóa, xã hội, y tế trên địa bàn. Giao thông nông thôn là một bộ phận của cơ sở hạ tầng nông thôn, đồng thời là một bộ phận của mạng lưới giao thông chung. Do đó, để tăng hiệu quả sử dụng và tránh lãng phí, nhất thiết phải xây dựng giao thông theo quy hoạch tổng thể, có bước đi phù hợp với xu thế chung và hoàn cảnh từng địa phương. Hướng chủ yếu xây dựng giao thông nông thôn những năm qua là xây dựng đường huyện và đường xã là chính, nhằm tạo điều kiện mở rộng thị trường, thúc đẩy kinh tế xã hội nông thôn phát triển. Đồng thời, chăm lo đường trong thôn xóm để cải thiện dân sinh, sửa sang đường ra đồng ruộng để cải thiện điều kiện lao động. Đấy là hướng đáp ứng đúng yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân nên đã được nhân dân đồng tình, ủng hộ. Trong năm 1993 và 1994, nhiều huyện đã xây dựng xong *quy hoạch giao thông* và được tỉnh duyệt (như Quảng nam - Đà nẵng, Vĩnh phú...). Nhờ có quy hoạch, việc xây dựng đường sá, cầu cống kết hợp chặt chẽ với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, với các chương trình xây dựng thủy lợi và định canh, định cư, sắp xếp lại các tụ điểm dân cư, tụ điểm kinh tế... Đặc biệt ở miền núi, nhờ có quy hoạch, đã xác định được trung tâm cụm xã là nơi cần có đường ô tô tới, còn các xã lân cận thì chỉ cần làm đường dân sinh nối với trung tâm cụm xã. Cũng nhờ có quy hoạch mà xác định được tiêu chuẩn kỹ thuật hợp lý nhất cho từng con đường.

*

* *

Nông thôn là địa bàn rộng lớn với các vùng kinh tế - địa lý rất khác nhau. Xây dựng giao thông nông thôn đòi hỏi vốn rất lớn mà tiềm lực kinh tế ở đây hiện chưa đủ sức gánh chịu. Ngân sách nhà nước lại có hạn. Sự giúp đỡ quốc tế trong lĩnh vực này tới nay chưa có bao nhiêu. Do đó, công tác xây dựng giao thông nông thôn phải kiên trì trong một thời gian dài với những bước đi vững chắc. Hiện nay, cả nước còn 5 huyện (tập trung ở tỉnh Minh hải) chưa có đường ô tô tới trung tâm huyện, với tổng chiều dài cần làm là 60 km; 721 xã (tập trung nhiều nhất ở các tỉnh miền núi phía Bắc, ở các tỉnh miền tây Nam bộ và các tỉnh miền Trung) chưa có đường ô tô tới trung tâm xã, với tổng chiều dài cần làm là 9 696 km. Một tồn tại lớn cần đặc biệt quan tâm là chất lượng cầu đường. Cả nước mới có khoảng 8% đến 10% đường huyện, xã được rải mặt cứng. Số còn lại là đường đất, cấp phối, mùa mưa đi lại rất khó khăn, thậm chí ách tắc hoàn toàn. Khâu vượt sông, kênh ở

(Xem tiếp trang 41)

Digitized by Google

CÔNG TÁC ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

LÊ THẾ TIỆM *

TRONG tình hình quốc tế và khu vực có những diễn biến phức tạp, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội nói chung và phòng chống tội phạm nói riêng, có ý nghĩa rất quan trọng.

Trong những năm qua, nhất là năm 1994 và 6 tháng đầu năm 1995, tuy chúng ta đã có nhiều cố gắng trong lĩnh vực này, song diễn biến của tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội, các hiện tượng vi phạm pháp luật vẫn xảy ra nghiêm trọng. Năm 1994 xảy ra 65 043 vụ phạm pháp hình sự, số vụ trọng án nhiều hơn so với năm 1993. Nếu so với thế giới và khu vực Đông-Nam Á thì tội phạm ở nước ta vào mức trung bình, nhưng mức độ nguy hiểm tăng lên do hoạt động tội phạm đã mang tính có tổ chức, hoạt động xuyên quốc gia và có đường dây quốc tế. Nhiều loại tội phạm mới xuất hiện như buôn lậu xuyên quốc gia, cướp biển, buôn bán phụ nữ ra nước ngoài, tẩy rửa đồng tiền, giết người thuê, lừa đảo quốc tế...

Nhìn tổng quát, tình hình tội phạm ở Việt nam hiện nay có **những đặc điểm cơ bản** sau:

Về số lượng, có sự tăng, giảm thất thường, nhưng nhìn chung có xu hướng tăng, và hậu quả do những hành vi phạm tội gây ra cho xã hội ngày càng trầm trọng, đặc biệt là trong các loại tội phạm kinh tế. Khuynh hướng phạm tội, nhất là các loại tội đặc trưng có sử dụng bạo lực (như giết người, hiếp dâm, cố ý gây thương tích, cướp và chống lại người thi hành công vụ) ngày càng gia tăng, thậm chí trắng trợn, đã làm cho tình hình trật tự, an toàn xã hội ngày càng phức tạp. Xu hướng phạm tội có chuẩn bị trước, có tổ chức hoặc có sự câu kết thành băng, ổ, nhóm hoặc dạng maphia, đã xuất hiện. Các loại tội phạm kinh tế (như tham ô, lừa đảo, hối lộ, cố ý làm trái, lạm dụng tín nhiệm) và bọn tội phạm "cổ cồn trắng" thường câu kết, móc ngoặc với các quan chức nhà nước, thông đồng với nhiều ngành, nhiều cấp để bòn rút của cải của nhà nước và che giấu hành vi phạm tội. Tệ tham nhũng và buôn lậu, buôn bán hàng cấm, kinh doanh trái phép, trốn thuế, tiêu thụ hàng giả... ngày càng phát triển và gây ra những thiệt hại về vật chất và tinh thần. Bọn phạm tội kinh tế thường có quan hệ gắn bó với nhau, dựa vào nhau để cùng làm giàu bất chính. Bọn tham nhũng thì lợi dụng cương vị công tác để che chở và tạo điều kiện cho bọn buôn lậu và phạm tội khác hoạt động. Còn bọn phạm tội kinh tế thì nuôi dưỡng bọn tham nhũng và lôi kéo bọn phạm tội khác (chống người thi hành công vụ, tổ chức, môi giới mại dâm ; nghiện hút và cờ bạc).

Tội phạm ở Việt nam xảy ra tập trung chủ yếu ở các đô thị, các thành phố, thị xã, thị trấn. Riêng 4 thành phố lớn là Hà nội, Hải phòng, TP Hồ Chí Minh, Quảng nam - Đà nẵng, chiếm tới 40% tổng số tội phạm. Đã hình thành một số trọng điểm hình sự ở các tuyến giao thông Hà nội - Lạng sơn và Hà nội - Quảng ninh ; ở tuyến Tây Nam bộ - TP Hồ Chí Minh ; ở các tuyến hàng không, viễn dương ; ở các cửa khẩu sang Trung quốc, Lào, Cam-pu-chia... và ở một số ngành kinh tế quan trọng (như dự trữ quốc gia, ngân hàng tín dụng, thương mại, du lịch, xây dựng cơ bản, và đặc biệt là hợp tác đầu tư với nước ngoài...).

Tình hình xung đột trong dân cư biến thành những vụ phạm tội chiếm tỷ lệ cao (trên 90%) trong tổng số vụ phạm tội nghiêm trọng. Đáng chú ý là, các vụ phạm tội do người chưa đến

* Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ nội vụ kiêm Tổng cục trưởng Tổng cục cảnh sát nhân dân

Digitized by Google

tuổi thành niên gây ra có chiều hướng gia tăng đáng kể ; tỷ lệ tái phạm cao, đặc biệt là cướp, cố ý gây thương tích, lừa đảo tài sản riêng công dân, hành nghề mê tín dị đoan ; lứa tuổi tái phạm nhiều là 18-30.

Nguyên nhân của tình hình trên chủ yếu do :

1) Công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội nói chung và phòng chống tội phạm nói riêng còn bị xem nhẹ, hiệu lực và hiệu quả thấp. Chúng ta thiếu một chương trình về phòng chống tội phạm ở tầm vĩ mô ; chưa có một chiến lược tổng thể phòng chống tội phạm và bảo đảm trật tự an toàn xã hội ; chưa có các biện pháp tổ chức, chỉ đạo đồng bộ chặt chẽ để huy động sức mạnh của các ngành, các cấp và toàn thể nhân dân vào cuộc đấu tranh này. Hiệu lực hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật còn thấp, thể hiện ở tất cả các khâu điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

2) Sự xuống cấp về văn hóa, đạo đức, cộng với sự thiếu kinh nghiệm về quản lý kinh tế - xã hội. Chủ trương chính sách, pháp luật chưa theo kịp với tình hình, có nhiều kẽ hở tạo điều kiện cho một số loại tội phạm phát triển. Cùng với việc chuyển sang kinh tế thị trường, hàng loạt vấn đề xã hội ở tầm quốc gia (như : thiếu việc làm, phân hóa giàu nghèo, thất học, mù chữ...) chưa được giải quyết kịp thời.

3) Các ảnh hưởng tiêu cực từ bên ngoài cộng với việc các thế lực thù địch ra sức khai thác mọi khó khăn của ta hòng gây bạo loạn, lật đổ.

Ngoài ra, còn có các nguyên nhân *cụ thể* như :

- Lối sống vụ lợi, xa hoa trụy lạc, lười lao động đã phát triển, lây lan trong điều kiện môi trường kinh tế - xã hội mới, đặc biệt là ở một số thanh, thiếu niên.

- Sự kém hiểu biết, thiếu ý thức tôn trọng kỷ cương pháp luật của một bộ phận dân cư cùng với sự buông lỏng quản lý xã hội đã dẫn đến tình trạng tự do vô kỷ luật, ứng xử thô bạo trong các quan hệ xã hội.

- Sự thiếu trách nhiệm của gia đình trong việc giáo dục, dạy dỗ con cái, chất lượng quản lý và giáo dục học sinh ở nhà trường bị giảm sút ; công tác quản lý, giáo dục của các tổ chức đoàn thể xã hội bị buông lỏng, hoặc không còn thích hợp trong tình hình mới.

Trong những năm qua, Đảng và Chính phủ đã ra nhiều chỉ thị, nghị quyết và quyết định động viên các ngành, các cấp, các tổ chức xã hội tích cực tham gia quản lý trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm. Trong đấu tranh chống tội phạm hình sự, chúng ta đã tổ chức nhiều đợt tấn công, truy quét tội phạm, xóa các tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội, nhất là trên các tuyến và địa bàn trọng điểm, nhờ vậy đã kiềm chế được sự gia tăng của hoạt động tội phạm, các tệ nạn xã hội cơ bản như ma túy, mại dâm, cờ bạc. Cùng với các đợt tấn công truy quét tội phạm, chúng ta đã mở cuộc vận động "toàn dân tham gia quản lý giáo dục, cảm hóa, giúp đỡ người lầm lỗi tại địa bàn dân cư" và dấy lên phong trào thực hiện Nghị quyết liên tịch của Bộ nội vụ và Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh về ngăn chặn tội phạm trong lứa tuổi thanh thiếu niên.

Trong đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, Bộ nội vụ cũng đã phối hợp với các ngành tập trung đấu tranh ở các địa bàn, tuyến, ngành hàng trọng điểm, kịp thời phát hiện các sơ hở, thiếu sót trong các văn bản về quản lý kinh tế - xã hội để kiến nghị với Nhà nước ta sửa đổi. Chính phủ đã ban hành Nghị định 149 về chế độ tạm giam, tạm giữ, chấn chỉnh công tác bắt giam, giữ. Công tác điều tra án cũng được tiến hành quyết liệt, nên đã dứt điểm được nhiều vụ án hình sự nguy hiểm, nhiều vụ án tham nhũng, buôn lậu lớn.

Trong đấu tranh phòng chống tội phạm, lực lượng cảnh sát nhân dân đã kiên quyết chủ động và liên tục tiến công, đẩy lùi tội phạm. Đặc biệt coi trọng công tác trinh sát, coi đây là biện pháp cốt yếu trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Đã bố trí lại lực lượng đấu tranh theo tuyến, địa bàn, ngành hàng trọng điểm ; kết hợp các biện pháp nghiệp vụ của cảnh sát nhân dân với phong trào vận động quần chúng tham gia chống tội phạm ; kết hợp giữa tiến công, trấn áp với công tác giáo dục phòng ngừa, lấy phòng ngừa làm cơ bản. Kinh nghiệm cho thấy, không thể "giao khoán" hoàn

Digitized by Google

toàn cho ngành công an và các cơ quan bảo vệ pháp luật, mà cần có sự tham gia của tất cả các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể và kinh tế - xã hội, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, của khối đại đoàn kết toàn dân.

Để nâng cao vai trò chủ động, sáng tạo của các ngành, các cấp trong bộ máy nhà nước tham gia công tác phòng chống tội phạm, cần xây dựng và triển khai thực hiện chương trình quốc gia về phòng, chống tội phạm. Trong đó, tập trung thực hiện các biện pháp phòng ngừa, huy động sức mạnh của toàn xã hội, ngăn chặn tội phạm từ cơ sở. Đồng thời, đánh mạnh bọn cướp trên các tuyến giao thông, các bến phà, bến tàu, ở các nơi công cộng ; truy bắt hết số đối tượng truy nã nguy hiểm, số trốn thi hành án, trốn tù, trốn trại, xóa các tụ điểm hình sự phức tạp. Tiếp tục đưa vào trung tâm giáo dục những đối tượng lưu manh chuyên nghiệp, có tiền án, tiền sự. Bài học về lãnh đạo thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về cấm đốt pháo dịp tết Ất Hợi vừa qua, là một minh chứng về hiệu quả của việc sử dụng sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong giải quyết một vấn đề xã hội.

Đấu tranh phòng chống tội phạm là một cuộc đấu tranh kiên trì, lâu dài, đòi hỏi phải sử dụng đồng bộ nhiều biện pháp : pháp luật, kinh tế, xã hội, giáo dục. Mục tiêu cơ bản đến năm 2000 phải đạt là : giảm tội phạm trước hết ở các đô thị, đặc biệt là giảm các tội phạm về tham nhũng, buôn lậu, các tội phạm có bạo lực, các tội phạm trong thanh thiếu niên, góp phần giữ vững sự ổn định đất nước.

Để giải quyết tốt vấn đề tội phạm trong tình hình hiện nay, chúng ta cần chú ý những vấn đề sau đây :

1) *Đổi mới chính sách nâng cao dân trí.* Thực tế cho thấy, đa số những người phạm tội trình độ văn hóa thấp hoặc rất thấp. Điều này khẳng định chính sách nâng cao dân trí có ý nghĩa to lớn đối với việc phòng ngừa tội phạm. Cần nhanh chóng xóa nạn mù chữ, tiến tới phổ cập cấp I và cấp II, để mọi người dân có thể kiếm sống và dễ dàng hòa nhập với cộng đồng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong việc đổi mới chính sách nâng cao dân trí, cần đổi mới tư duy về dân trí và con đường nâng cao dân trí ; dân trí không chỉ gắn với cội nguồn, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc qua các thời đại, mà còn gắn với việc tiếp thu các yếu tố tiến bộ của văn hóa thế giới.

2) Có chính sách miễn, giảm học phí cho các em học sinh thuộc những gia đình nghèo; trợ giá đặc biệt cho các học phẩm (sách giáo khoa, bút, mực...) và các đồ dùng cho thiếu nhi (quần áo, dày dép...) ; mở rộng các lớp học tình thương, các lớp dạy nghề... Đổi mới các chính sách xã hội góp phần ngăn chặn những hiện tượng có thể dẫn thanh, thiếu niên tới chỗ phạm tội, như : chán học, trốn học, bỏ học...

3) Giải quyết việc làm là yêu cầu không thể thiếu trong phòng, chống phạm tội. Đổi mới hệ thống đào tạo và dạy nghề cho phù hợp với tình hình kinh tế hiện nay và tương lai. Những nhóm người sau đây cần được ưu tiên đào tạo hoặc đào tạo tay nghề để họ có điều kiện tìm được việc làm hoặc được bố trí việc làm như : bộ đội xuất ngũ ; những người có công với cách mạng hoặc con em họ ; những người phải nghỉ việc do tinh giản biên chế ; sinh viên đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung cấp hay dạy nghề ; những người đi lao động hợp tác quốc tế mới về ; các thanh niên mới lớn ở thành phố, thị xã ; những người tàn tật, cô đơn... Có biện pháp thỏa đáng như dạy nghề không mất tiền hoặc trợ giúp dạy nghề cho những người vốn là đối tượng phải cải tạo (đi điếm, nghiện ma túy...) hoặc mãn hạn tù trở về, để họ có điều kiện hòa nhập với cộng đồng, không quay lại con đường phạm tội. Thực tế cho thấy, giải quyết việc làm cho những người mãn hạn tù, cải tạo là biện pháp hữu hiệu nhất để phòng ngừa tái phạm tội. Tất nhiên, đối với số phần tử cố tình chây lười, không chịu lao động, thích sống bám vào người khác hoặc bằng nghề phạm pháp (lưu manh chuyên nghiệp), Nhà nước ta cũng như bất cứ nhà nước nào phải có luật cưỡng chế lao động.

4) Có chính sách cứu trợ xã hội đối với những trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, người già cô đơn, người tàn tật, người gặp rủi ro, bất hạnh trong cuộc sống, những người không biết cách làm ăn hoặc không có vốn

Digitized by Google

đầu tư... Gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, đặc biệt là gia đình có nhiều thành tích trong cuộc đấu tranh chống tội phạm cũng như gia đình có người thân không may gặp rủi ro trong quá trình giúp đỡ các cơ quan pháp luật đấu tranh với tội phạm cần được ưu tiên trợ giúp để khích lệ họ cùng những người khác tích cực đấu tranh chống tội phạm.

5) Hủ tục và tệ nạn xã hội thường dẫn tới phạm tội, do vậy tăng cường chính sách bài trừ hủ tục và các tệ nạn xã hội sẽ góp phần tích cực phòng ngừa tội phạm.

6) Tiếp tục đổi mới chính sách giáo dục và cải tạo phạm nhân, trước hết là đổi mới nhận thức về trại giam và phạm nhân. Cần có chương trình quốc gia về dạy nghề cho phạm nhân đang cải tạo trong tù, chú ý uốn nắn nhân cách, bản lĩnh sống, ý thức đạo đức và chấp hành pháp luật.

7) Để làm tốt công tác phòng chống tội phạm trong điều kiện mới, cần tiếp tục *đổi mới các chính sách hình sự* theo các hướng sau :

a) Xác định rõ đối tượng cần phải đấu tranh trước hết là nhóm tội phạm hay những tội phạm nguy hiểm nhất đang hoặc có thể nổi lên như những vật cản đối với việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Đó là các tội tham nhũng, buôn lậu, trốn thuế, giết người, cướp của, trộm cắp, chống lại người thi hành công vụ và gây rối trật tự công cộng.

b) Tăng hình phạt tù đối với những kẻ tái phạm, phạm tội có tổ chức, chống lại người thi hành công vụ ; hạn chế tối đa việc áp dụng án treo và tăng hình phạt kinh tế đối với các loại tội phạm kinh tế.

c) Nghiên cứu, bổ sung kịp thời các quy phạm hình luật để có thể xử lý về mặt hình sự những hành vi hiện cũng rất nguy hiểm cho xã hội như nghiện hút ma túy, mua dâm, bán dâm, hay các hành vi nguy hiểm khác của vị thành niên...

d) Thực hiện đầy đủ nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, dân chủ và bình đẳng trước pháp luật để có thể phát hiện chính xác, nhanh chóng và xử lý công minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm. Các quyền và lợi ích hợp pháp của mọi công dân đều phải được bảo vệ, không kể địa vị chính trị và kinh tế của họ như thế nào.

8) Tăng cường sức mạnh và phát huy vai trò của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Đặc biệt cần chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ bảo vệ pháp luật có phẩm chất trong sạch, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định, luôn luôn giữ vững tính khách quan trung thực, có kiến thức rộng, năng lực toàn diện, quán triệt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, am hiểu quản lý kinh tế - xã hội, hiểu biết thực tế cuộc sống. Tạo điều kiện cho cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật mở rộng quan hệ đối ngoại, học hỏi, khảo sát kinh nghiệm của các nước để áp dụng vào thực tế của Việt nam, nâng cao hiệu lực bảo vệ pháp luật.

9) Trong bối cảnh hiện nay, tội phạm ẩn (tội phạm chưa bị phát hiện) còn chiếm tỷ lệ cao, phần lớn là do nhân dân không trình báo với các cơ quan pháp luật. Do vậy, phải nâng cao uy tín của chính quyền các cấp bằng việc giảm bớt các thủ tục phiền hà theo tinh thần Nghị quyết 38/CP của Chính phủ, tăng cường chất lượng điều tra, xét xử, kiên quyết trấn áp bọn trả thù nhân chứng và người tố giác. Mặt khác, phải khuyến khích tính tích cực của quần chúng bằng tuyên truyền giáo dục ý thức pháp luật, khen thưởng tinh thần và vật chất cho những người có công giúp cơ quan điều tra, xét xử nắm được sự việc. Có như vậy, độ "ẩn" của các loại tội phạm mới dần dần bị thu hẹp. Cũng cần nghiên cứu thành lập các trung tâm xử lý thông tin tội phạm ở các địa phương để tạo điều kiện tiếp nhận các nguồn thông tin tội phạm, thu hẹp tội phạm ẩn.

10) Đồng thời với việc đổi mới các chính sách và cơ chế quản lý, Nhà nước cần có một chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, thành lập *Ủy ban quốc gia phòng chống tội phạm* do thủ tướng hoặc phó thủ tướng Chính phủ làm chủ tịch, các bộ trưởng Bộ nội vụ, và Bộ quốc phòng làm phó chủ tịch, lãnh đạo các bộ, ngành khác làm ủy viên. Phải có chương trình cụ thể về tổ chức cán bộ, kinh phí, phương tiện, kế hoạch phối hợp phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong từng địa bàn và thời gian cụ thể, và xác định rõ ai là người chịu trách nhiệm trước Chính phủ về những kết quả cũng như tồn tại, thiếu sót ❑

Digitized by Google

GÓP PHẦN ĐÁNH GIÁ 50 NĂM NỬA SAU THẾ KỶ CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM

HÀ XUÂN TRƯỜNG

VĂN hóa mà tôi đề cập bao gồm những hoạt động văn hóa tinh thần, những phong tục, tập quán cùng lối sống của con người Việt nam. Những lĩnh vực như giáo dục, thể dục thể thao, y tế, khoa học, kỹ thuật, tôn giáo là thành phần của nền văn hóa theo nghĩa rộng không thuộc phạm vi của bài này.

Văn hóa dân tộc là kết quả lao động bền bỉ, lâu dài, đầy sức sáng tạo của biết bao thế hệ nối tiếp nhau. So với lịch sử dân tộc, 50 năm là một khoảng thời gian không dài và không thể tách khỏi quy trình tiến hóa hàng mấy ngàn năm của dân tộc. Nền văn hóa mới phải bắt nguồn từ truyền thống của dân tộc và biết khai thác, phát triển những tinh hoa của dân tộc, đồng thời khắc phục những nhược điểm của truyền thống. Vì vậy, để đánh giá 50 năm xây dựng nền văn hóa mới, tôi thấy cần thiết phải nêu một số đặc điểm lịch sử của Việt nam quan hệ thống nhất với nền văn hóa truyền thống nước ta cùng với đường lối văn hóa của Đảng ta từ trước tới nay.

Mấy đặc điểm của lịch sử Việt nam

1 - Việt nam là một nước văn hiến, là một trong những cái nôi của nhân loại. Trước khi bị đế chế phong kiến Trung quốc đô hộ trên nghìn năm, Việt nam đã có một nền văn hóa bản địa đặc sắc (văn hóa đồng thau Đông sơn). Học thuyết Khổng Tử, Phật giáo vào nước ta sớm nhất so với một số nước trong vùng không tồn tại nguyên gốc, mà thông qua tập quán, lối sống truyền thống để ảnh hưởng tới tư tưởng, tâm lý Việt nam. Văn hóa bản địa tạo nên bản sắc dân tộc của văn hóa Việt nam.

Cho đến khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, xã hội Việt nam chưa từng qua một cuộc cách mạng văn hóa xã hội sâu sắc, nền kinh tế Việt nam là nền kinh tế sản xuất nhỏ, tự cấp, tự túc. Do đó, bên cạnh những truyền thống tốt đẹp của văn hóa Việt nam, những đức tính tốt đẹp của con người Việt nam, chúng ta cũng cần thấy sự trì trệ, bảo thủ của một xã hội chậm tiến hàng ngàn năm, những ảnh hưởng của tư tưởng và phong cách của người sản xuất nhỏ, những ảnh hưởng của các loại tư tưởng phản động nảy sinh từ chế độ thực dân rất nặng nề.

2 - Do vị trí địa lý - chính trị của mình, nét nổi bật của lịch sử dân tộc Việt nam từ thời dựng nước cho đến nay là biết lợi dụng những ưu đãi của thiên nhiên cũng như biết khắc phục những nghiệt ngã của thiên nhiên, đồng thời đấu tranh liên tục kiên cường chống ngoại xâm, giành độc lập và bảo vệ độc lập dân tộc. Việt nam là một nước đã chịu đựng nhiều cuộc chiến tranh dai dẳng, dài nhất qua nhiều thời kỳ chống lại kẻ địch xâm lược mạnh hơn mình nhiều lần. Ngày nay, tuy sống trong hòa bình, Việt nam vẫn phải đối phó trên nhiều mặt để bảo vệ độc lập, chủ quyền trên toàn bộ lãnh thổ của mình.

Đặc điểm địa lý - chính trị đã tạo nên sức mạnh đoàn kết dân tộc, chí kiên cường, bất khuất, tạo nên một chủ nghĩa yêu nước nồng nàn, hiếm có của nhân dân, một biểu thị cao nhất của văn hóa truyền thống Việt nam. Nhưng mặt khác, tình hình chiến tranh kéo dài gây nên sự mất ổn định trong xã hội, mất cân bằng trong đời sống, mỗi cuộc chiến tranh để lại những mất mát khôn nguôi trong các thế hệ, gây nhiều tổn thất về tâm lý của con người Việt nam. Thực tế lịch sử

Digitized by Google

này làm cho con người Việt nam luôn luôn phải tìm cách thích ứng với tình hình, phát huy tính chủ động sáng tạo trong cuộc sống và đối phó kịp thời chống lại với những thủ đoạn của kẻ thù để tồn tại. Do đó, tinh thần cộng đồng và tình tương thân tương ái là những đặc điểm sâu đậm của xã hội Việt nam, của văn hóa Việt nam.

3 - Việt nam là một cộng đồng nhiều dân tộc sống xen kẽ với nhau từ những ngày đầu dựng nước. Mỗi tộc người có nền văn hóa của mình, tuy sự phát triển của các nền văn hóa đó không đồng đều nhưng không có sự thôn tính lẫn nhau, trái lại, gắn bó với nhau trong quá trình chống xâm lược, bảo vệ và phát triển đất nước. Việt nam là một nước đa văn hóa.

4 - Sức mạnh đại đoàn kết dân tộc thể hiện mạnh mẽ ở ý chí thống nhất đất nước. "Dân tộc Việt nam là một, nước Việt nam là một". Chân lý mà Bác Hồ đã khẳng định đó bắt nguồn từ sức mạnh của một nền văn hóa sớm có bản sắc đã hình thành trên dải đất Việt nam này. Sức mạnh của văn hóa dân tộc đã làm cho những sự phân chia mang tính cát cứ thời Trịnh - Nguyễn, chia để trị thời thực dân Pháp, và sự chia cắt thù địch hòng tạo nên hai "quốc gia" thời Mỹ - Ngụy những sự phân chia dù thâm độc đến mấy không thể gây nên những dấu ấn chia rẽ trong tâm tư, tình cảm của cộng đồng dân tộc Việt nam.

Mặt khác, quá trình hình thành quốc gia dọc theo sông Hồng và tiến về phía nam cùng với điều kiện địa lý đã tạo nên những đặc điểm văn hóa mang tính chất "vùng". Việt nam có những "vùng văn hóa" với một số sắc thái độc đáo làm cho nền văn hóa Việt nam thêm đa dạng. Văn hóa Việt nam như một vườn hoa có nhiều hương sắc sinh ra từ những vùng khác nhau. Bảo tồn và phát huy những đặc điểm này làm phong phú thêm cho nền văn hóa dân tộc hoàn toàn khác với tư tưởng địa phương, cục bộ do ảnh hưởng của sự chia cắt và nền kinh tế sản xuất nhỏ tạo nên.

5 - Nằm trên các đầu mối giao thông, ở vào vị trí chiến lược vùng Đông - Nam châu Á, là một ngã tư bên bờ Thái bình dương, Việt nam từ xưa vốn là nơi giao tiếp của nhiều nền văn hóa lớn của thế giới. Do đó, nền văn hóa Việt nam ngoài phần bản địa là cơ bản còn bao gồm những yếu tố tiếp thu từ bên ngoài, những yếu tố văn hóa cộng sinh trong nền văn hóa Việt nam là phổ biến. Do có một bản sắc bền vững, nên văn hóa Việt nam trong khi tiếp thu văn hóa thế giới, đã tỏa ra thế giới và đóng góp vào văn hóa thế giới. Đặc điểm này đã bị kìm hãm nặng nề trong suốt những thời kỳ bị đô hộ và sau này bị bao vây bởi các thế lực thù địch. Chúng dùng mọi thủ đoạn xảo quyệt nhằm phong tỏa Việt nam về kinh tế và văn hóa, cô lập Việt nam, mặt khác thâm nhập văn hóa phản động và đồi trụy vào Việt nam nhằm phá hoại tư tưởng và xã hội Việt nam , chia rẽ Việt nam và các nước trong khu vực.

Cả một bề dày lịch sử dân tộc, cả một quá trình hình thành nền văn hóa dân tộc đã rèn luyện cho nhân dân ta những đức tính tiêu biểu : *yêu nước, thực tế, bình dị, đôn hậu, nhân ái, trọng lẽ phải, biết yêu cái đẹp, không kỳ thị dân tộc.*

Xây dựng văn hóa là xây dựng con người, là "trồng người" như Bác Hồ nói (nghĩa gốc của văn hóa là "trồng"). Một nhiệm vụ quan trọng vào bậc nhất của sự nghiệp xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là phải gìn giữ và phát huy cho được những đức tính của con người Việt nam trong điều kiện mới của đất nước và thế giới.

Đường lối văn hóa của Đảng ta

Từ những năm 20 của thế kỷ XX, ở nước ta đã xuất hiện luồng tư tưởng mới - chủ nghĩa Mác - Lê-nin - do Nguyễn Ái Quốc truyền bá. Tiếp theo là những tổ chức tiền thân của Đảng cộng sản do Nguyễn Ái Quốc xây dựng. Tuyên truyền và tổ chức là hai nhiệm vụ Nguyễn Ái Quốc đặt ra cho phong trào cách mạng. Tuyên truyền dưới mọi hình thức có thể ; người đảng viên, người cán bộ cách mạng phải là người tuyên truyền giỏi, người tổ chức giỏi. Do vậy, không phải ngẫu nhiên mà Hồ Chí Minh, những người đồng sự và học trò của Người bắt đầu sự nghiệp cách mạng của mình bằng làm báo, viết báo, mở hiệu sách, dạy học..., những hoạt động

Digitized by Google

nhằm nâng cao dân trí và truyền bá tư tưởng cách mạng, đấu tranh cho tư tưởng cách mạng thắng lợi. Đối tượng là quần chúng lao động và trí thức. Phong trào thơ ca cách mạng, chủ yếu là truyền miệng (những năm 1930-1931); những cuộc đấu tranh "Duy tâm hay duy vật?", "Nước Việt nam có chế độ phong kiến không ?", "Nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị dân sinh ?" (những năm 1936-1939); phong trào "truyền bá quốc ngữ" từ (năm 1937)... là những cuộc vận động văn hóa của Đảng ta.

Tuy vậy, những quan điểm văn hóa của Đảng được ghi thành văn phải tính từ *Đề cương văn hóa Việt nam*. Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng họp ngày 26-3-1943 quyết định : "Đảng cần phải cán bộ chuyên môn hoạt động văn hóa đặng gây ra một phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc chống lại văn hóa phát xít thụt lùi... Phải dùng những hình thức công khai hay bán công khai đặng đoàn kết các nhà văn hóa, trí thức..." Thi hành quyết định đó, Hội văn hóa cứu quốc được thành lập, và *Đề cương văn hóa Việt nam* ra đời do đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư Đảng soạn thảo, có sự góp ý của đồng chí Hồ Chí Minh. Mặc dù còn những hạn chế, Đề cương đã đề xuất được những tư tưởng lớn cho một nền văn hóa mới của Việt nam :

1) Cùng với kinh tế và chính trị, văn hóa là một mặt trận, ở đó người cộng sản phải hoạt động, Đảng cộng sản phải lãnh đạo ;

2) Sự phát triển của nền văn hóa dân tộc gắn liền với độc lập dân tộc và quyền dân chủ của nhân dân ;

3) "Dân tộc, khoa học, đại chúng" nêu trong Đề cương, thực chất bao gồm ba tính chất "dân tộc, hiện đại, nhân văn" theo cách thể hiện ngày nay.

Tra cứu lại những văn kiện của Đảng, chúng ta thấy từ khi *Đề cương văn hóa Việt nam* ra đời cho đến nay, tuy cách thể hiện ở từ ngữ mỗi thời kỳ có điểm khác nhau, có bổ sung, nhưng phương châm cơ bản của nền văn hóa nước ta vẫn là : *dân tộc, khoa học, đại chúng*. Dân tộc, tính chất dân tộc, bản sắc dân tộc là vấn đề hàng đầu của nền văn hóa. Đảng ta chưa một lần thay thế khái niệm "văn hóa dân tộc" bằng khái niệm "văn hóa vô sản". Hơn thế, Đảng ta đặt sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới vào quá trình liên tục dựng nước và giữ nước của nhân dân ta, là một bộ phận khăng khít với kinh tế và chính trị trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng Việt nam.

Trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc (1930-1945), Đảng ta sử dụng một số hình thức văn hóa như báo chí, văn học nghệ thuật, để giác ngộ nhân dân làm cách mạng đánh đổ ách thực dân và phong kiến; tự do sáng tạo được đặt trong tự do và độc lập của dân tộc. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Đảng ta vừa sử dụng văn hóa như một vũ khí đấu tranh, vừa coi nó là một mục tiêu trong công cuộc xây dựng đất nước theo đường lối chung "vừa chống vừa xây". "Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến", "xây dựng một nền văn nghệ nhân dân", "nền văn nghệ dân tộc - hiện đại", "xây dựng nếp sống mới", "xây dựng gia đình văn hóa", đề cao "người tốt việc tốt", "lấy tiếng hát át tiếng bom", "tiếp tục xóa nạn mù chữ, đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục", huy động truyền thống cha ông cùng con cháu ngày nay đánh giặc, "bốn nghìn năm ta vẫn là ta" v.v., đó là những chủ trương rất đúng đắn của đường lối văn hóa hiện thực của Đảng ta. Từ sau ngày 30-4-1975, non sông Việt nam quy về một mối, cả nước quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, trên lĩnh vực văn hóa, đồng thời với việc "xóa bỏ tàn dư của văn hóa thực dân mới", Đảng ta chủ trương "xây dựng nền văn hóa mới với nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc", một "nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" "tạo ra một đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ" (*Cương lĩnh* của Đảng, được thông qua tại Đại hội VII), coi "văn hóa là một động lực", là "một nền tảng", là "một mục tiêu phát triển của xã hội ta", đặt kinh tế và xã hội trong mối quan hệ hữu cơ, biện chứng. Khẩu hiệu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" thể hiện mối quan hệ đó đang dần dần trở thành hiện thực trên đất nước Việt nam đổi mới.

Digitized by Google

Đảng ta rất quan tâm đến kinh nghiệm thành công cũng như thất bại của phong trào cộng sản quốc tế, nhất là kinh nghiệm của các đảng đã đi trước, trong đó có Đảng cộng sản Pháp, Đảng cộng sản Liên xô, Đảng cộng sản Trung quốc. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin từ trên đất Pháp và là một người tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp. Nguyễn Ái Quốc cùng một số đồng chí khác từng nhiều năm là cán bộ của Quốc tế cộng sản trên đất xô viết. Trung quốc là nước láng giềng của Việt nam , nhiều năm là hậu cứ của phong trào cách mạng Việt nam ; Đảng cộng sản Trung quốc giúp ta đào tạo cán bộ ngay trên đất Trung quốc. Riêng Trung quốc và Việt nam còn có nhiều điều tương đồng về mặt văn hóa và xã hội do lịch sử tạo nên. Do đó, ảnh hưởng của ba đảng cộng sản Trung quốc, Liên xô, Pháp đối với đường lối của Đảng ta là điều tất nhiên. Trên lĩnh vực văn hóa, ta có thể tìm thấy dễ dàng những ảnh hưởng đó. Ví như phương châm "dân tộc, khoa học, đại chúng" đã được Mao Trạch Đông nêu lên từ năm 1940 trong tác phẩm *Bàn về dân chủ mới*, "văn nghệ phục vụ công nông binh" được Mao Trạch Đông nêu lên ở *Bài nói chuyện tại tọa đàm văn nghệ ở Diên an* (tháng 5-1940). Luận đề "văn hóa với nội dung xã hội chủ nghĩa và hình thức dân tộc" là của Xta-lin nêu lên từ những năm 30 ở Liên xô áp dụng cho các nền văn hóa của các dân tộc trong Liên bang xô viết. Nếu đi sâu vào nội dung của những luận điểm ấy và so sánh với quan điểm của Đảng ta, chúng ta sẽ thấy đường lối văn hóa của Đảng cộng sản Việt nam dựa vào điều kiện cụ thể của đất nước Việt nam, của dân tộc Việt nam và sự nhận thức của Đảng ta trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin, *về cơ bản* mang được những nét độc đáo của mình. "Dân tộc" trước hết là tính chất dân tộc, văn hóa mang tính dân tộc trước hết là văn hóa không chống lại dân tộc, không xa nhân dân. Nhóm từ "hình thức dân tộc" có lúc được dùng theo cách của Xta-lin sau này ta không dùng, vì không bao quát được quan điểm của Đảng. Đảng ta coi công tác tư tưởng là một nhiệm vụ hàng đầu, gắn bó chặt chẽ với công tác văn hóa, tư tưởng là thành phần cốt lõi của văn hóa, nhưng không đồng nhất "mặt trận văn hóa là mặt trận tư tưởng". Hai chữ "cũng là" trong luận điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh "văn hóa *cũng là* một mặt trận" (tôi gạch dưới H.X.T.) đã nói rõ điều đó. Khái niệm "khoa học" ngay từ *Đề cương văn hóa Việt nam* không chỉ đóng trong phạm vi thế giới quan mác xít, phương pháp luận mác xít, mà bao quát cả lĩnh vực rộng lớn khoa học và kỹ thuật (Đề cương dùng danh từ "học thuật"). Khái niệm "đại chúng" trong đường lối văn hóa của Đảng hoàn toàn khác với khái niệm "văn hóa đại chúng" (culture de masse) của phương Tây. "Đại chúng" với ý nghĩa gần gũi với "nhân dân" và mang một tinh thần dân chủ rộng rãi, quyền bình đẳng của nhân dân lao động trong việc hưởng thụ những giá trị văn hóa dân tộc. "Đại chúng" bao gồm cả phổ cập và nâng cao, và coi việc nâng cao dân trí là nhiệm vụ chiến lược của Đảng. Đảng ta chưa bao giờ đặt vấn đề : coi công nông binh là "thầy học" của giới trí thức, "trước khi làm nhiệm vụ giáo dục công nông binh thì phải có nhiệm vụ học tập công, nông, binh". Quan điểm của Đảng ta là "liên minh công, nông, trí" ; trí thức lấy phục vụ công nông làm mục tiêu, và công nông phải được trí thức hóa. Đảng ta là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng của Đảng. Chủ nghĩa Mác-Lê-nin là thành quả của trí tuệ của loài người trong thời đại phát triển của chủ nghĩa tư bản, hình thành bên ngoài giai cấp công nhân. Ở thời đại này, giai cấp công nhân là giai cấp cách mạng nhất có thể thực hiện được lý tưởng của chủ nghĩa Mác, và chủ nghĩa Mác chỉ có thể thực hiện được mục tiêu của mình bằng cách dựa vào giai cấp công nhân (thực chất là giai cấp công nhân *công nghiệp*) liên minh với giai cấp nông dân và tầng lớp lao động trí thức. Lê-nin viết : "... bản thân mình thôi thì giai cấp công nhân chỉ có thể đi đến ý thức công liên chủ nghĩa... Còn học thuyết xã hội chủ nghĩa thì phát sinh ra từ các lý luận triết học, lịch sử, kinh tế, do những người có học thức trong các giai cấp hữu sản, những người trí thức, xây dựng nên. Mác và Ang-ghen, những người sáng lập ra chủ nghĩa khoa học hiện đại, do địa vị xã hội của các ông, nên

Digitized by Google

chính bản thân các ông cũng thuộc lớp trí thức tư sản" [1]. Giai cấp công nhân tham gia tạo dựng hệ tư tưởng đó không phải với tư cách công nhân, mà với tư cách những nhà lý luận của chủ nghĩa xã hội... Đối với vấn đề văn hóa nói chung, trong *Diễn văn bế mạc* Đại hội III toàn Nga các xô viết đại biểu công nhân, binh sĩ và nông dân, Lê-nin nói: "Trước kia, tất cả trí tuệ của loài người, tất cả thiên tài của con người sáng tạo ra chỉ là để đem lại cho một số người này toàn bộ lợi ích của kỹ thuật và văn hóa, và tước đoạt của những người khác những cái cần thiết nhất như : giáo dục và tiến bộ. Ngày nay, tất cả những cái kỳ diệu của kỹ thuật, tất cả những thành quả của văn hóa sẽ trở thành tài sản của toàn dân và, từ nay, không bao giờ trí tuệ cũng như thiên tài của loài người sẽ bị biến thành những phương tiện bạo lực, những phương tiện bóc lột nữa... Những người lao động sẽ thực hiện thành công nhiệm vụ lịch sử vĩ đại đó, vì họ mang trong bản thân họ những lực lượng tiềm tàng to lớn của cách mạng, của sự phục hưng và của sự đổi mới" [2].

Tuân thủ quan điểm của Lê-nin và với kinh nghiệm bản thân của những bậc tiền bối của Đảng, những nhà văn hóa lớn của dân tộc, đường lối văn hóa của Đảng ta không rơi vào những cực đoan gây những tổn thất nặng nề cho Đảng và nhân dân như đã xảy ra ở một vài nước xã hội chủ nghĩa. Tuy vậy, trong việc thực thi đường lối cũng như giải thích đường lối, không phải không có lúc một số cán bộ hoặc một số địa phương mắc những sai lầm có khi giáo điều, hẹp hòi, có khi lại buông lỏng, tự do chủ nghĩa. Thành tựu to lớn trên lĩnh vực văn hóa của nước ta 50 năm qua chứng tỏ đường lối văn hóa đúng đắn của Đảng ta, một đường lối nhất quán từ đầu cho đến hôm nay. Nhất quán về quan niệm, cũng như về phương châm cơ bản cho một nền văn hóa mới, phù hợp với quy luật phát triển của dân tộc và thế giới ❑

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 6, tr 38

(2) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 35, tr 349

Xây dựng giao thông...

(Tiếp theo trang 32)

đồng bằng sông Cửu long và ở miền núi, đang là những khó khăn lớn.

Để đáp ứng những mục tiêu đổi mới và phát triển kinh tế xã hội ở nông thôn như Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VII) đã đề ra, cần phấn đấu để 5 năm tới đạt được các mục tiêu sau đây về xây dựng giao thông nông thôn :

- Xây dựng đường ô tô tới tất cả 5 huyện chưa có đường ô tô ; ở những chỗ vượt sông chưa xây dựng được cầu thì bố trí cầu phao hoặc phà ; sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường đã có để đi lại được 4 mùa. Ở vùng đồng bằng sông Cửu long, trên địa bàn tỉnh, cần tập trung xây dựng một số trục đường xuyên qua các khu vực kinh tế quan trọng và các đường liên huyện.

- Bảo đảm 100% đường bộ hoặc đường thủy đến được trung tâm xã. Các xã đã có đường thì làm mặt đường tốt để đảm bảo đi lại được 4 mùa. Ở vùng núi cao, do đặc điểm dân cư thưa thớt và kinh tế chưa phát triển, có thể làm đường từ huyện xuống các trung tâm cụm xã (không nhất thiết xã nào cũng phải có đường ô tô tới). Đối với đường về các xã và làng bản ở nơi địa hình hiểm trở, trước mắt làm đường dân sinh cho xe cơ giới 2 bánh, ngựa thồ đi lại được.

Ở vùng đồng bằng Bắc bộ, mạng đường giao thông nông thôn nói chung khá hơn, nên cần chú ý nâng cao chất lượng mặt đường, phấn đấu đến năm 2000 đạt 100% đường liên thôn được rải mặt cứng.

Xây dựng giao thông nông thôn là sự nghiệp của quần chúng. Có sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp, phát động được phong trào quần chúng tham gia rộng khắp với sự hỗ trợ tích cực và có hiệu quả của nhà nước, chúng ta tin rằng các mục tiêu nói trên sẽ được thực hiện, góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn nước ta ❑

Digitized by Google

Về cách tiếp cận để đánh giá VĂN HỌC VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

NGUYỄN VĂN LONG *

CÁCH mạng Tháng Tám 1945 đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, đồng thời cũng tạo ra bước ngoặt cho nền văn học Việt nam. Điều này như một lẽ đương nhiên, không ai có thể phủ nhận được. Song để đánh giá một thời kỳ văn học với 50 năm phát triển và hiện vẫn đang tiếp diễn là một công việc to lớn và thật không dễ dàng gì. Một trong những khó khăn của việc đánh giá đó là chúng ta chưa có một khoảng cách cần thiết để nhìn nhận và tiếp cận với văn học một cách khách quan, toàn diện trong những tương quan nhiều mặt : thời đại, lịch sử dân tộc và sự phát triển của con người Việt nam. Khoảng mười năm lại đây việc nhìn nhận văn học Việt nam (chủ yếu là giai đoạn 1945 - 1975) cái được và chưa được lại trở thành một vấn đề mang tính thời sự gây nên nhiều cuộc thảo luận, tranh luận ở cả giới nghiên cứu, phê bình lẫn giới sáng tác. Qua những cuộc thảo luận ấy xuất hiện nhiều ý kiến không trùng khớp nhau. Điều này có nhiều nguyên nhân, nhưng có lẽ chủ yếu là từ chỗ đứng và cách tiếp cận khác nhau.

Có ý kiến xuất phát từ những giá trị và đặc điểm của văn học hiện nay để đánh giá văn học thời kỳ vừa qua mà không chú ý tới quan điểm lịch sử, không xem xét văn học trong những điều kiện và đòi hỏi cụ thể của thời đại ấy.

Lại có ý kiến cho rằng phục vụ chính trị, tuyên truyền cổ vũ dường như là tất cả giá trị của văn học thời chiến tranh.

Cũng có cách nhìn khá phổ biến khi nhắc tới văn học ở hai giai đoạn trước và sau tháng 4-1975 thường đem đối lập tuyệt đối giữa sử thi và đời thường, giữa cá nhân và cộng đồng, giữa lý tưởng xã hội và ý thức nhân bản. Sự đề cao ý kiến cá nhân, hướng tới khám phá cái tôi đôi khi đi đến đối lập và xem nhẹ ý thức cộng đồng. Sự đề cao những tìm tòi, khám phá vào tâm linh, vô thức đôi khi lại là biểu hiện sự rẻ rúng đối với ý thức, nhất là ý thức xã hội. Mọi sự đối lập tuyệt đối ở đây đều dẫn đến sự phiến diện trong cách nhìn nhận, khám phá xã hội và con người. Nói như M.Ba-khơ-tin, con người vốn không bao giờ trùng khít với chính mình, "con người không thể hóa thân đến cùng vào cái thân xác xã hội-lịch sử hiện hữu, chẳng có hình thái nào có thể thể hiện được hết tất cả mọi khả năng và yêu cầu của con người ở nó"(1).

Để dễ gặp nhau trong cách tiếp cận và đánh giá cả một giai đoạn văn học dài như thế, tôi xin mạnh dạn nêu một vài tiêu chí mang tính tiền đề, chẳng hạn :

- Xem xét tác dụng của văn học đối với thời đại ; sự đáp ứng của nó với đòi hỏi bức thiết của thời đại ấy. Đây có thể coi giá trị được nhìn từ chức năng xã hội - lịch sử của đối tượng.

- Các giá trị ấy lại phải xem có bền vững, có đủ khả năng vượt qua những giới hạn của thời gian, không gian để đến với con người ở mọi thời đại hay không. Đấy phải chăng là những giá trị mang tính nhân loại phổ quát ?

- Đặt thời kỳ văn học đó trong tiến trình phát triển của nền văn học dân tộc ; cần tính đến năng lực kế thừa tinh hoa văn học truyền

* PGS. Khoa ngữ văn. Đại học quốc gia

(1) M.Ba-khơ-tin : *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết* (Phạm Vĩnh Cư dịch). Trường viết văn Nguyễn Du xuất bản. Hà nội. 1992. tr 73

Digitized by Google

thống của dân tộc và nhân loại để tạo ra cái mới nhằm một mặt, giữ gìn bài học và kinh nghiệm quý báu, và mặt khác, thúc đẩy văn học đi lên.

Rõ ràng 50 năm qua trên đất nước ta đã diễn ra nhiều biến cố lịch sử to lớn, tác động sâu sắc đến toàn bộ đời sống xã hội và con người. Ba mươi năm ròng, dân tộc ta phải tiến hành liên tiếp hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ để bảo vệ nền độc lập tự do và thống nhất đất nước. Từ sau tháng 4-1975, cả hai miền đất nước lại phải đương đầu với thử thách mới không kém phần khắc nghiệt : vừa bảo vệ Tổ quốc vừa xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Văn học Việt nam từ sau Cách mạng Tháng Tám đã nảy nở, phát triển trong bối cảnh lịch sử ấy. Nó như được nuôi dưỡng, tiếp sức và gắn bó mật thiết với những bước đi của cách mạng, với vận mệnh của dân tộc và đời sống nhân dân. Phải chăng văn học Việt nam đã giữ đúng vai trò và chức năng xã hội - lịch sử của nó ? Nó đã tỏ rõ năng lực phục vụ những mục tiêu cao cả của cách mạng, phục vụ cuộc chiến đấu sống còn của dân tộc. Cần lưu ý rằng, có nền văn học chân chính nào lại không gắn liền với thời đại của mình, với đông đảo công chúng của thời đại ấy ? Lúc này, văn nghệ phục vụ chính trị, phục vụ công nông binh đã được giới văn nghệ tự nguyện chấp nhận và coi đó là trách nhiệm công dân và lương tâm nghề sĩ của mình. Chúng ta hiểu sự chân thành của Chế Lan Viên khi nhà thơ tự nhủ :

Đến sao Bắc đẩu vạn năm sau còn biếc
Hãy làm bánh lái đêm nay cho một con thuyền.

Những nhận thức và thực tiễn văn học trên đây đương nhiên sẽ hình thành một hệ quy chiếu đánh giá văn học theo cách riêng của nó. Nhà thơ Tố Hữu khẳng định : "Thước đo giá trị của một nền văn học là nó phục vụ được bao nhiêu cho sự nghiệp cách mạng" (2). Từ định hướng giá trị như vậy, văn học trong những năm chiến tranh đã đề cao nhiệm vụ cổ vũ cuộc chiến đấu, ngợi ca chủ nghĩa anh hùng và niềm tin vào thắng lợi, đề cao ý thức cộng đồng và lý tưởng vì độc lập tự do và vì chủ nghĩa xã hội. Những điều đó mặc nhiên trở thành cảm hứng bao trùm, và thấm nhuần đến từng tác phẩm. Nhưng cũng sẽ là thiếu khách quan và công bằng khi cho đó chỉ là một nền văn nghệ minh họa, dừng lại ở giá trị truyền thống nhất thời, không có giá trị dài lâu. Chính trong khi hướng tới các nhiệm vụ chính trị, hướng tới việc thỏa mãn các nhu cầu của quần chúng mà văn học ta đã có những phát hiện nghệ thuật quan trọng và mới mẻ về hiện thực và con người. Đó là vẻ đẹp hùng vĩ của cảnh tượng cả một dân tộc choàng dậy, đi tới ánh sáng và tự do (ý của Hoài Thanh trong tập thơ *Tiên phong* năm 1946). Trên thực tế văn học đã thực hiện một quá trình tìm kiếm "những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn con người" (Nguyễn Minh Châu), nói lên khát vọng của cả một dân tộc chiến đấu cho chân lý "Không có gì quý hơn độc lập, tự do".

Một trong những hướng tiếp cận quan trọng các giá trị của văn học Việt nam giai đoạn 1945-1975 là phải đặt nó vào trong tiến trình văn học dân tộc, trước hết là với văn học Việt nam thế kỷ XX. Giá trị của một thời kỳ văn học còn phải được xem xét ở những đóng góp mới và cái riêng mà nó đem lại cho tiến trình văn học dân tộc. Văn học Việt nam giai đoạn 1945-1975 là giai đoạn mở đầu cho một thời kỳ văn học mới *chưa có tiền lệ*. Do đó những gì mà nó đạt được, phải được xem xét, đánh giá trong ý nghĩa và vị trí của bước khởi đầu. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám và trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp, một thế hệ cầm bút mới đã có ý thức tìm kiếm, đổi mới để khẳng định tiếng nói nghệ thuật của thời đại mình. Nhìn bao quát diện mạo của văn học Việt nam sau Cách mạng Tháng Tám có thể thấy sự biến đổi toàn diện từ mối quan hệ văn học với đời sống, nhà văn và công chúng, đến các quan niệm nghệ thuật, các thể tài, thể loại và thi pháp.

Hướng vào đời sống xã hội rộng lớn với những biến cố trọng đại, văn học thời kỳ này đã ghi lại được những hình ảnh không thể phai mờ của một thời kỳ lịch sử đầy gian lao, thử thách, nhiều hy sinh nhưng cũng hết sức vẻ vang của dân tộc ta. Với hai cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại, văn học đã sáng tạo được những hình tượng nghệ thuật cao đẹp về Tổ quốc và Nhân dân, về các tầng lớp, thế hệ con người Việt nam vừa giàu phẩm chất truyền thống vừa thấm sâu tinh thần của thời đại. Ở phương diện này, văn học thực sự là một *chứng nhân* của một quá trình lịch sử hết sức hào

(2) Tố Hữu - *Cuộc sống cách mạng và văn học nghệ thuật*. Nxb Văn học, Hà nội, 1981, tr 130

Digitized by Google

hùng. Về nội dung tư tưởng, văn học thời kỳ này đã kế thừa và phát huy những nét cơ bản trong truyền thống của dân tộc, là chủ nghĩa yêu nước và tinh thần nhân đạo. Có thể nói chưa có thời kỳ nào mà tình cảm dân tộc, ý thức cộng đồng, tình yêu quê hương đất nước, tình nghĩa đồng bào, đồng chí, lại được thấm nhuần sâu rộng và biểu hiện phong phú, nhiều vẻ như ở văn học giai đoạn 1945-1975. Chủ nghĩa yêu nước vừa là một truyền thống sâu xa lại vừa là nét nổi bật trong tinh thần của thời đại mới, được thể hiện ở niềm tự hào và ý thức làm chủ đất nước của quần chúng, ở tư tưởng đất nước này là đất nước của nhân dân, ở lý tưởng độc lập tự do gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Tinh thần nhân đạo truyền thống thể hiện ở lòng nhân ái, tình nghĩa thủy chung, ở khát vọng giải phóng con người. Chủ nghĩa nhân đạo của nền văn học mới hướng về quần chúng lao động, đề cao ý thức và tình cảm giai cấp, khẳng định con đường giải phóng và sự trưởng thành của quần chúng nhân dân trong cách mạng. Tình hình đó đã góp phần tạo ra công chúng mới cho văn học, một công chúng rộng rãi và dân chủ hơn rất nhiều so với trước Cách mạng Tháng Tám. Một đội ngũ nhà văn đông đảo, nhiều thế hệ và không hiếm tài năng được đào luyện trong cách mạng và kháng chiến cũng cần được xem là một thành tựu to lớn của nền văn học mới. Điều quan trọng nữa là ở đội ngũ sáng tác đã hình thành nên kiểu nhà văn - chiến sĩ, đáp ứng những đòi hỏi của thời đại cách mạng và chiến tranh.

Các thể loại văn học giai đoạn này cũng phát triển khá toàn diện, mà nổi trội nhất là thơ và truyện ngắn, truyện vừa. Thơ ca kháng chiến chống Pháp có thể coi là một thành tựu độc đáo của thơ trữ tình hiện đại. Nó không chỉ thể hiện ở tiếng nói tâm hồn bên trong của quần chúng kháng chiến mà còn thể hiện rõ ở sự tìm tòi đổi mới với ý thức đem đến một tiếng thơ khác biệt với "thơ mới" trước đó. Chúng ta có thể kể những trang thơ của Trần Mai Ninh, Chính Hữu, Nguyễn Đình Thi, Quang Dũng, Hồng Nguyên... Đặc biệt là Tố Hữu, các nhà thơ lớp "thơ mới" như Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Huy Cận, Tế Hanh, Anh Thơ và nhiều người khác đã có những thành công lớn, góp phần thúc đẩy sự phát triển của thơ ca hiện đại, nhất là từ sau năm 1954. Lớp nhà thơ chống Mỹ đông đảo, sung sức và không ít tài năng đã đem lại một tiếng nói riêng - tiếng thơ của thế hệ chống Mỹ.

Truyện ngắn, truyện vừa và tiểu thuyết cũng ngày càng phong phú và đa dạng hơn về bút pháp, phong cách. Truyện ngắn có thể được xem là thể loại nổi trội nhất. Tuy chưa có những tên tuổi đem lại sự cách tân nghệ thuật lớn lao như trường hợp của Nam Cao trước cách mạng, song đã xuất hiện nhiều cây bút truyện ngắn già dặn, có dấu ấn riêng như Tô Hoài, Kim Lân, Nguyễn Thi, Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng, Nguyễn Thành Công, Đỗ Chu, Nguyễn Kiên...

Tiểu thuyết vốn không có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển trong thời kỳ chiến tranh, nhưng truyện vừa cũng gặt hái khá nhiều thành công. Dễ dàng nhận ra những phong cách khác nhau của Nguyễn Khải, Anh Đức, Phan Tứ, Nguyên Ngọc, Phùng Quán... trong thể loại tiểu thuyết cỡ vừa này. Sự xuất hiện của các bộ tiểu thuyết nhiều tập với khuynh hướng tiểu thuyết sử thi cũng là một dấu hiệu phát triển của thể loại này từ đầu những năm 60, như các trường hợp *Sống mãi với thủ đô* của Nguyễn Huy Tưởng, *Vỡ bờ* của Nguyễn Đình Thi, *Bão biển* của Chu Văn và bộ *Cửa biển* hơn hai nghìn trang của Nguyên Hồng.

Đi sâu hơn vào cấu trúc của từng thể loại, cũng có thể nhận ra những biến đổi đáng kể về thi pháp của chúng. Chỉ nói riêng về thơ trữ tình chẳng hạn, chúng ta cũng nhận ra những đặc điểm của một thời đại thơ ca mới. Mở ra mạnh mẽ về phía thực tại đời sống nhưng không xa rời bản chất trữ tình của thể loại, thơ đã sáng tạo nên những dạng thức riêng biệt độc đáo của cái tôi trữ tình (như cái tôi hóa thân vào các nhân vật quần chúng trong thơ kháng chiến chống Pháp, cái tôi nhiều vai trong thơ Tố Hữu, cái tôi riêng tư trong sự thống nhất với cái chung trong thơ giai đoạn 1945-1975, cái tôi thế hệ trong thơ trẻ chống Mỹ...).

Cố nhiên, trong văn học giai đoạn 1945-1975, cũng có không ít những phần non yếu, sơ lược, công thức, minh họa dễ dãi. Những hạn chế của văn học giai đoạn này một phần là do sự chế định của điều kiện lịch sử, trình độ ý thức của thời đại và cũng có phần

(Xem tiếp trang 56)

Digitized by Google

VẪN CÒN ĐÓ CUỘC ĐẤU TRANH GIAI CẤP

VŨ HIỀN

NHỮNG biến cố dồn dập đầy kịch tính của thế giới trong thời gian qua đã tác động rất lớn đến tâm trí và nhận thức của mọi người. Trước xu thế hợp tác, quốc tế hóa, khu vực hóa, trước quá trình hội nhập, mở cửa, nhiều người dường như lãng quên vấn đề giai cấp. Ai nói đến đấu tranh giai cấp liền bị quy là "bảo thủ", "giáo điều". Ai nhắc nhở phải cảnh giác với âm mưu "diễn biến hòa bình" thì bị quy chụp cho cái mũ "thiếu thức thời", "tư duy cũ"...

Thực ra, không phải bây giờ mà ngay từ khi xuất hiện "tư duy chính trị mới" của Goóc-ba trốp, người ta đã cố tình muốn quên đi vấn đề giai cấp, muốn coi vấn đề giai cấp đã hết ý nghĩa và đấu tranh giai cấp đã chấm dứt.

Sau sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên xô, một lần nữa, và có lẽ là chưa bao giờ như bây giờ, nhiều nhân vật chống cộng và không ít kẻ "ăn theo" càng như được thể, lu loa đủ điều, hí hửng rằng chủ nghĩa xã hội đã chết, lý tưởng cộng sản đã hết thời ; rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã cáo chung ! Lý do duy nhất mà họ đưa ra là cố tình đồng nhất việc Liên xô đổ vỡ với việc chấm dứt chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Tại sao có chuyện rùm beng như thế ? Nếu như vấn đề giai cấp không còn nữa, nếu đấu tranh giai cấp không có nữa, thì lẽ gì họ phải lo sợ, họ phải quá hằn học với chủ nghĩa xã hội và lý tưởng cộng sản làm vậy ? Hóa ra là, vấn đề giai cấp vẫn còn nguyên đó. Nó tồn tại cho tới khi nào không còn những giai cấp đối kháng về lợi ích kinh tế và lập trường chính trị. Vấn đề giai cấp thể hiện ra ở tất cả các khía cạnh kinh tế, chính trị và xã hội, thể hiện trong các cuộc đấu tranh tư tưởng, trong chính sách và hành động trước các sự kiện diễn ra trên thế giới.

Những cách nhìn khác nhau

Hiện nay cũng như trước đây, vì lợi ích của bản thân, giai cấp tư sản luôn dùng mọi thủ đoạn để loại bỏ công cụ soi sáng các biến cố của loài người là lợi ích giai cấp và đấu tranh giai cấp. Quan hệ giai cấp là yếu tố quan trọng nhất để phân tích một cách khoa học mâu thuẫn và sự vận động, phát triển của xã hội. Thực tế hiện nay cho thấy, cuộc đấu tranh giai cấp vẫn tiếp tục diễn ra theo đúng quy luật phát triển của xã hội loài người, vẫn là cuộc đấu tranh giữa "ai thắng ai" trên bình diện rộng lớn quốc tế cũng như trong điều kiện cụ thể của từng nước.

Với tầm nhìn rộng lớn và toàn diện, tầm nhìn chiến lược và lâu dài về cuộc đấu tranh giai cấp, bài học của Liên xô vẫn luôn mới mẻ. Bất kể ở đâu, bất kể thời điểm nào, khi vô tình coi nhẹ hoặc cố tình không đếm xỉa đến tính phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp trên mặt trận tư tưởng, trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, tư tưởng và văn hóa, thì chính lúc đó cách mạng sẽ phải trả giá đắt.

Cho dù sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô đã xảy ra, thì những học thuyết về giai cấp, vai trò của giai cấp lãnh đạo định hướng cho cuộc cách mạng đó vẫn không thay đổi, và đó chính là giá trị quý báu của nhân loại. Nhân dân các nước Đông Âu và Liên xô đang kiểm chứng tình hình hiện nay. Họ bắt đầu nhận thấy rằng đã bị đánh cắp một không khí và thể chế xã hội trong lành gắn liền với lợi ích và hạnh phúc cho mọi người : đó là chữa bệnh không mất tiền, giáo dục không mất

Digitized by Google

tiền, lương hưu chắc chắn, xã hội bình đẳng, không có bóc lột, không có áp bức giai cấp...

Trong thế giới tư bản chủ nghĩa

Chúng ta thấy rõ cuộc đấu tranh giai cấp vẫn tiềm ẩn trong xã hội tư bản chủ nghĩa với sự bất công, phân cực giàu nghèo ngày càng sâu sắc ; với cảnh cơ cực của đội quân thất nghiệp ngày càng đông đảo, với tình trạng tính mạng, an ninh và trật tự xã hội luôn bị đe dọa ; với sự phá hủy và suy đồi đạo đức xã hội vì cơn lốc của lợi nhuận.

Nếu đi sâu thêm, ta thấy rằng nguồn gốc của sự xung đột giai cấp trong xã hội tư bản vẫn là do lô gích phát triển trong điều kiện bất bình đẳng, đa số phải phục tùng lợi ích và quyền lực của thiểu số ; vẫn là do xã hội vận hành trên cơ sở quan hệ bóc lột và bị bóc lột giữa giai cấp tư sản và người lao động.

Ở các nước phương Tây hiện nay, đi đôi với việc phát triển khoa học, kỹ thuật và tăng năng suất lao động, *mức độ bóc lột* của giai cấp tư sản (thể hiện ở *tỷ suất giá trị thặng dư*) vẫn tăng đáng kể. Chẳng hạn ở Mỹ, tỷ suất giá trị thặng dư trong các ngành sản xuất công nghiệp mấy thập kỷ qua đã tăng như sau : năm 1950 : 241% ; năm 1960: 247,6% ; năm 1970 : 255% ; năm 1980 : 289% ; những năm 1990 : khoảng 300%. Ở các nước Tây Á cũng có mức tăng tương tự.

Không chỉ ở các nước đang phát triển, mà ngay trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa giàu có nhất, luôn đồng thời tồn tại một thế giới của những người nghèo khó. Số người sống dưới mức nghèo khổ hiện nay ở Mỹ khoảng 30 triệu, ở Tây Âu khoảng 40 triệu. Thuế khóa, thất nghiệp, các tệ nạn xã hội luôn đeo đẳng người nghèo. Hố ngăn cách giàu nghèo ngày càng mở rộng. Theo báo cáo của *Ủy ban ngân sách Hạ nghị viện Mỹ*, từ năm 1973 đến năm 1987, thu nhập bình quân của 1 phần 5 tổng số gia đình giàu có ở Mỹ tăng 24%, còn của 1 phần 5 tổng số gia đình nghèo khổ ở đây giảm 11%. Vậy là, mặc dù giai cấp tư sản hiện nay có sự mềm dẻo nhất định trong việc làm dịu mâu thuẫn giữa tư bản và lao động, nhưng đấy vẫn chỉ là ở từng nơi, từng lúc, còn *về cơ bản*, mâu thuẫn giữa tư bản và lao động vẫn ngày càng gay gắt và chứa đựng sự bùng nổ xã hội.

Cuộc sống ngày càng chứng minh các dự báo hoàn toàn đúng đắn của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin : mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất với hình thức chiếm hữu tư nhân sẽ được giải quyết theo hướng *công cộng hóa* hình thức sở hữu cho phù hợp với tính chất xã hội của sản xuất, và điều đó không phải cái gì khác mà chính là chủ nghĩa xã hội.

Từ tự do cạnh tranh, chủ nghĩa tư bản phát triển tới độc quyền, độc quyền nhà nước, *trong* phạm vi rồi ra *ngoài* phạm vi quốc gia. Cùng với quá trình quốc tế hóa kinh tế ngày càng tăng, các biện pháp điều chỉnh các quan hệ kinh tế và sở hữu theo hướng công cộng hóa cũng ngày càng tăng. Điều này thể hiện rõ ở việc các cổ đông, các tổ chức công đoàn và người lao động ngày càng *trực tiếp* hoặc *gián tiếp* tham gia quản lý kinh tế - xã hội. Những biến đổi trên vô hình trung trở thành những tiền đề của chế độ xã hội mới trong lòng chủ nghĩa tư bản.

Vậy là, mặc dù giai cấp các nhà kinh doanh tư sản hiện đại đã biết linh hoạt, và đôi khi ứng phó có hiệu quả trước diễn biến của tình hình kinh tế - xã hội, nhưng các lực lượng dân chủ, đội ngũ đông đảo những người làm công ăn lương ở các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay cũng đã khác trước. Họ hiểu biết hơn và có nhiều hình thức đấu tranh linh hoạt hơn nhưng không kém phần mạnh mẽ hơn. Và điều này thực tế đang tạo ra bên trong xã hội tư bản những cơ cấu *mới* và những quan hệ *mới*, không mang tính chất tư sản. Cuộc đấu tranh giai cấp của những người lao động chống bóc lột và bất công ở các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay diễn ra *không chỉ* trong khuôn khổ cấu trúc thượng tầng *mà cả* ở cơ sở hạ tầng, làm thay đổi nền móng xã hội, làm biến dạng chế độ

Digitized by Google

tư sản. Để trở thành hiện đại, chủ nghĩa tư bản đã cố gắng tự điều chỉnh để có thể thích nghi với thời đại, nhưng cũng chính vì thế đã tự làm nảy sinh những vấn đề mới, ngoài ý muốn của nó. Nó sẽ bị hút dần một cách không tự giác vào một trật tự xã hội mà những mầm mống và yếu tố của nó sẽ là những điều kiện dẫn tới sự thay thế chế độ tư hữu bằng chế độ công hữu trên cơ sở cuộc đấu tranh giai cấp được tiến hành theo một cách thức mới.

Hướng sang thế giới thứ ba

Làm sao có thể quên thế giới thứ ba khi nói về sự khốc liệt của đấu tranh giai cấp. Có lẽ trên thế giới, nhiều người vẫn chưa quên nỗi đau về cái chết của Tổng thống A-gien-đê với chế độ xã hội ông định xây dựng ở Chi-lê ; về sự thất bại ở Ni-ca-ra-goa, sự chững lại ở En Xan-va-đo, những đảo lộn ở Mô-dăm-bích, Dim-ba-bu-ê, Ăng-gô-la, Áp-ga-ni-xtan, Cam-pu-chia... Người ta cũng không quên những gì đã và đang diễn ra xung quanh việc bao vây, cấm vận đối với nước Cu-ba dũng cảm và kiên cường, xung quanh cuộc khủng hoảng hạt nhân ở CHDCND Triều tiên... Cùng với các điểm nóng khác ở Liên xô và Đông Âu cũ, tất cả những sự việc vừa nêu cho thấy rõ cuộc đấu tranh giai cấp ở mọi nơi chưa hề ngưng nghỉ, kể cả sau chiến tranh lạnh.

Cũng chính do vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp còn nguyên mà lịch sử đã diễn ra với nhiều sự kiện chưa từng thấy ở các nước thế giới thứ ba, nơi các dân tộc ngày càng thức tỉnh, không cam phận làm nô lệ.

Một sự thật mà ai cũng biết là ở Mỹ, hết đời tổng thống này đến đời tổng thống khác, chính sách đối ngoại đều có *một điểm chung* : đối phó với cuộc đấu tranh giai cấp ở các nước thế giới thứ ba. Và cũng chính vì thế, trong thế giới nay đã xuất hiện những nhân vật nổi tiếng, đại diện cho lương tri của các dân tộc : A-rơ-ben, Hồ Chí Minh, Lu- mum - ba, Phi - đen Ca - xtơ - rô, A-giên- đê...

Trên quy mô toàn cầu, các lực lượng chống cộng và chống cách mạng vẫn tiếp tục các đòn tiến công với sức mạnh khổng lồ, không chỉ bằng các vũ khí hủy diệt con người mà bằng mọi vũ khí có thể sử dụng: kinh tế, tư tưởng, văn hóa, truyền thống... Các lực lượng phản động quốc tế phải triển khai cuộc tiến công trên quy mô lớn như vậy, càng chứng tỏ chúng rất lo sợ trước sức mạnh tiềm tàng ngày càng tăng của các dân tộc kiên quyết vứt bỏ mọi xiềng xích nô lệ, thực hiện bằng được chân lý "không có gì quý hơn độc lập, tự do". Bá quyền của Hoa kỳ trong thế giới tư bản chủ nghĩa đang bị lung lay, không còn như những năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai.

Chiến tranh không tiếng súng

Các thế lực đế quốc hiếu chiến và các lực lượng thù địch bao giờ cũng coi sự tồn tại của chủ nghĩa xã hội là sự uy hiếp đối với chúng, và vì thế, chúng không chấp nhận sự hiện diện của chủ nghĩa xã hội. Âm mưu phá bỏ Liên xô, làm tan rã chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu, lật đổ lãnh đạo của các đảng cộng sản, phủ định hình thái ý thức xã hội chủ nghĩa là một mục tiêu nhất quán trong kế hoạch cũng như trong hành động của chủ nghĩa đế quốc. Thực hiện hàng loạt chiến lược qua nhiều thập kỷ "chiến tranh lạnh" mà đặc biệt là cuộc chạy đua vũ trang vô cùng tốn kém để làm suy yếu và kiệt sức Liên xô, chủ nghĩa đế quốc tới nay vẫn chưa thu được kết quả như ý muốn. Vì vậy, ở mỗi giai đoạn khác nhau, tùy theo tình hình thế giới từng lúc, chúng điều chỉnh chiến lược cho thích hợp.

"Diễn biến hòa bình" là một trong những chiến lược tổng thể của chủ nghĩa đế quốc nhằm thực hiện mục tiêu nói trên. Thế giới đã gọi nó là "cuộc chiến tranh không có khói súng". Đây thực chất là kế sách phá vỡ thành lũy chủ nghĩa xã hội từ bên trong, là chiến thuật "mối xông nhà" phá ruỗng cơ cấu kinh tế - chính trị - xã hội của các nước xã hội chủ nghĩa từ bên trong. Các chính trị gia đề xuất chiến lược "diễn biến hòa bình"

Digitized by Google

đã tổng kết : muốn tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa, không thể dùng vũ lực tấn công từ bên ngoài. Thực tế đúng như vậy. Chủ nghĩa đế quốc từng bị thất bại liên tiếp trong các cuộc xâm lược vũ trang chống các nước xã hội chủ nghĩa, như đối với Liên xô sau Cách mạng Tháng Mười, đối với CHDCND Triều tiên đầu những năm 50, đối với Cu-ba đầu những năm 60, và nổi bật nhất, đối với Việt nam từ cuối những năm 40 đến giữa thập kỷ 70... Do vậy, họ chuyển hướng chống phá các nước xã hội chủ nghĩa bằng cách *trước hết* là làm tan rã các đảng cộng sản cầm quyền, hạt nhân lãnh đạo ở các nước đó. Muốn vậy, họ phải tìm mọi cách phá hoại các đảng đó về mặt *tư tưởng* và *tổ chức*.

Biện pháp thường dùng để phá hoại đảng cộng sản cầm quyền về tư tưởng là lấy tư tưởng xã hội - dân chủ thay cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Những chuyên gia chống cộng của Mỹ cho rằng : chủ nghĩa xã hội - dân chủ và nhà nước phúc lợi thường là biện pháp hữu hiệu để đấu tranh với sự hấp dẫn của học thuyết cộng sản chủ nghĩa. Từ đó, họ đưa ra những cách lựa chọn dân chủ khác nhau cho mô hình cộng sản chủ nghĩa. Đây là cơ sở phương pháp luận cho việc đa nguyên hóa về tư tưởng, tiến tới thay thế lập trường tư tưởng của chủ nghĩa Mác bằng ý thức tư sản.

Từ việc phá hoại về tư tưởng, bài bản "diễn biến" tiếp theo là phá hoại đảng cộng sản về mặt tổ chức : cổ vũ *đa nguyên chính trị* và *đa đảng đối lập* trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Một khi đã chấp nhận đa nguyên chính trị và đa đảng đối lập, thì làm sao tránh khỏi tình trạng trong đảng cộng sản cầm quyền thì có các "phái", còn bên ngoài thì có các đảng khác ?

Để thực hiện "diễn biến hòa bình" ở các nước không theo con đường tư bản chủ nghĩa, các thế lực chống cộng còn dùng thủ đoạn từng bước mua chuộc, lôi kéo các phần tử dao động, bất mãn, gây dựng các tổ chức chống cộng sản ngay trong đảng cộng sản và các tổ chức xã hội ở các nước đó. Về vấn đề này, Ních-xơn nói công khai rằng : Nếu như diễn biến hòa bình có thể tiến hành từng bước, không trực tiếp đe dọa bất kỳ người đương quyền nào, thì sẽ có được hiệu quả, nó cũng giống như nước ngấm dần vào móng nhà sẽ làm nhà sụp đổ.(1)

Thực tế cho thấy, phương Tây không chỉ nuôi dưỡng mà còn ủng hộ, thúc đẩy phe đối lập chính trị đoạt quyền lãnh đạo của đảng cộng sản ở các nước đó. Để làm việc này, các thế lực chống cộng thường dùng các hình thức sau :

1) Vạch kế hoạch gây rối trong xã hội để dễ bề giành quyền lực. Hoặc lợi dụng khó khăn về kinh tế, phối hợp bên trong với bên ngoài để thực hiện âm mưu chính trị.

2) Thông qua bầu cử hợp pháp sau khi bằng nhiều thủ đoạn tinh vi gây sức ép về kinh tế và chính trị, buộc đảng cộng sản cầm quyền phải thực hiện đa nguyên chính trị và đa đảng đối lập trong xã hội.

3) Phát động đảo chính quân sự khi đảng cộng sản cầm quyền suy yếu, mất tín nhiệm và sự ủng hộ trong quần chúng do đường lối, chính sách sai lầm.

Tất cả những thủ đoạn mà các thế lực đế quốc đã và đang sử dụng đối với các nước xã hội chủ nghĩa cũng như đối với giai cấp những người lao động trên toàn thế giới cho thấy, cuộc đấu tranh giai cấp hiện nay so với trước đây không kém phần gay go, quyết liệt, phức tạp. Đối với các nước xã hội chủ nghĩa, nó thể hiện cả trong việc bảo vệ lý tưởng cộng sản và chủ nghĩa Mác - Lê-nin lẫn trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Ở các nước này, trong điều kiện mở cửa và hội nhập với thế giới, dùng thủ pháp và công cụ kinh tế của chủ nghĩa tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội, đảng cộng sản cầm quyền càng phải đề cao cảnh giác, mài sắc ý chí cách mạng, kiên định lập trường giai cấp, nhận dạng thật rõ các hành động và âm mưu thù địch để có biện pháp đấu tranh có hiệu quả ❑

(1) Xem : Nguyễn Anh Lân : *Chiến lược diễn biến hòa bình*. Tổng cục II, Bộ quốc phòng, 1993, tr 97

Digitized by Google

50 NĂM BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

HOÀNG CÔNG

NHÂN loại tiến bộ đã nhiều lần khẳng định sự đóng góp to lớn của nhân dân Việt nam vào phong trào đấu tranh vì độc lập dân tộc, vì tiến bộ xã hội ở thế kỷ XX. Việt nam là tấm gương sáng trong cuộc đấu tranh vì tự do và phẩm giá con người. Nếu nói sự ra đời của các công ước quốc tế về quyền con người trong những thập kỷ gần đây là sản phẩm thời đại gắn liền với sự phát triển của ba dòng thác cách mạng, thì Việt nam có quyền tự hào là một trong những nhân tố tích cực của ba dòng thác, góp phần thúc đẩy sự ra đời của các công ước quốc tế đó.

Là văn bản luật pháp quốc tế, hai công ước về quyền con người năm 1966 khẳng định: "Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa". Phù hợp với tư tưởng đó, từ năm 1945, trong *Tuyên ngôn độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố : "tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do" (1).

Sau khi trở thành thành viên của Liên hợp quốc (1977), Việt nam đã tích cực tham gia các hoạt động và cam kết quốc tế bảo vệ quyền con người. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam đã ký, phê chuẩn và gia nhập 7 Công ước quốc tế quan trọng nhất về quyền con người. Đó là : Công ước ngăn ngừa và trừng trị tội diệt chủng ; Công ước về loại trừ và trừng trị tội ác A-pác-thai; Công ước về loại trừ mọi hình thức phân biệt chủng tộc; Công ước về loại trừ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ ; Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa ; Công ước về các quyền dân sự, chính trị ; và Công ước về quyền trẻ em.

Trên các diễn đàn quốc tế và khu vực về quyền con người, đại diện của Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam luôn lên tiếng bảo vệ các quan điểm tiến bộ về quyền con người. Tại hội nghị thế giới lần thứ hai về quyền con người (6-1993), Chính phủ Việt nam đã khẳng định :

- Coi những nguyên tắc và mục tiêu cơ bản trong Hiến chương Liên hợp quốc, Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người (năm 1948), và hai công ước quốc tế 1966 là "tiêu chuẩn và đòi hỏi phổ biến của mọi người và mọi dân tộc trong thời đại của chúng ta".

- Coi quyền con người vừa là "chuẩn mực tuyệt đối", vừa là một "sản phẩm tổng hợp của một quá trình lịch sử lâu dài" luôn tiến hóa, chứ không bất biến.

- Quyền con người có tính phổ biến và tính đặc thù, và hai mặt đó "gắn bó hữu cơ", không phủ định nhau, mà cùng tồn tại và tác động qua lại với nhau.

- Ủng hộ quan điểm chung của các nước đang phát triển, coi quyền phát triển là quyền con người cần được tôn trọng ; gắn quyền con người với hòa bình, dân chủ và phát triển.

- Ủng hộ lập trường của các nước không liên kết "không chấp nhận mọi mưu toan dùng nhân quyền làm điều kiện trợ giúp kinh tế, xã hội".

- "Việc bảo đảm nhân quyền của một quốc gia trước hết thuộc trách nhiệm của quốc gia đó". Song để cải thiện quyền con người trên phạm vi quốc tế và quốc gia cần có "đối thoại và hợp tác quốc tế và khu vực trên cơ sở bình đẳng, hiểu biết lẫn nhau, tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau" (2).

Như vậy, bằng thực tiễn đấu tranh với bao hy sinh xương máu, qua nhiều thập kỷ chống

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t3, tr 383

(2) Xem Lê Mai : "Nhân quyền - lĩnh vực hợp tác và quan tâm chung của cộng đồng quốc tế", Tạp chí *Quan hệ quốc tế*, số 45, tháng 7-1993, tr 26

Digitized by Google

chủ nghĩa thực dân và đế quốc, bằng cả đấu tranh trên diễn đàn quốc tế và tham gia vào các cam kết quốc tế, Việt nam đã góp phần quan trọng vào sự phát triển tư tưởng chung của nhân loại về quyền con người.

*

* *

Trên bình diện luật pháp quốc gia, Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa trước kia và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày nay luôn tuyên bố bảo vệ các quyền phổ biến của con người. Hiến pháp đầu tiên(1946) của nước Việt nam dân chủ cộng hòa non trẻ đã khẳng định đầy đủ những quyền cơ bản, phổ biến của con người. Chẳng hạn, tuyên bố các quyền an ninh và tự do cá nhân như : quyền bất khả xâm phạm thân thể, thư tín, chỗ ở ; quyền tự do cư trú và đi lại (tự do ra nước ngoài và tự do về nước) ; quyền tự do tư hữu tài sản ; quyền bầu cử và ứng cử ; quyền tự do báo chí, tự do xuất bản ; quyền tự do tín ngưỡng, lập hội, hội họp, biểu tình. Hơn thế nữa, Hiến pháp 1946 còn ghi nhận một số quyền con người với mức độ tiến bộ và dân chủ hơn rất nhiều so với những điều của nền dân chủ tư sản phương Tây lúc đó. Chẳng hạn về mặt chính trị, đã quy định quyền bầu cử, ứng cử theo lối phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín (trên thực tế đã được áp dụng vào cuộc Tổng tuyển cử 1946) ; quyền phúc quyết Hiến pháp của nhân dân, nghĩa là dành cho nhân dân quyền bác bỏ Hiến pháp do Quốc hội thông qua khi đại đa số nhân dân thấy đó là điều cần thiết. Về mặt xã hội, Hiến pháp 1946 đã khẳng định quyền của mọi người được hưởng nền giáo dục tiểu học không mất tiền; quyền lao động chân tay và lao động trí óc được bảo đảm ; người già, người tàn tật được giúp đỡ, trẻ em được giáo dục và nuôi dưỡng. (Xin lưu ý rằng vào năm 1945 chưa có khái niệm về quyền kinh tế, xã hội, văn hóa ; phải đến tuyên ngôn quốc tế 1948 và tới 1966 mới có Công ước quốc tế về quyền kinh tế, xã hội, văn hóa).

Tiếp đó, những Hiến pháp năm 1959, năm 1980, và năm 1992 tiếp tục khẳng định những quyền dân sự, chính trị như Hiến pháp 1946; đồng thời đã phát huy bản chất xã hội chủ nghĩa trong việc phát triển, cụ thể hóa một loạt các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa. Hiến pháp năm 1992 khẳng định : "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, quyền con người được tôn trọng và thể hiện chủ yếu ở quyền công dân" (Điều 50).

Những năm gần đây, Nhà nước ta cũng đã ban hành một loạt văn bản pháp luật có giá trị liên quan đến quyền con người. Trước hết phải nói đến Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự mà sự ra đời của nó đã góp phần quan trọng vào việc ngăn ngừa và làm giảm đáng kể các vụ việc vi phạm quyền tự do và an ninh của cá nhân. Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh về khiếu nại, tố cáo để bảo vệ quyền khiếu nại, tố cáo của công dân ; ban hành Luật quốc tịch (và có thể sẽ được sửa đổi thêm) để bảo vệ rộng rãi hơn quyền có quốc tịch, quyền nhận và thay đổi quốc tịch của các cá nhân. Sắp tới, trên cơ sở góp ý của toàn dân, Quốc hội sẽ thông qua Bộ luật dân sự lớn nhất từ trước đến nay ở Việt nam, trong đó khẳng định và quy định chi tiết các quyền dân sự cơ bản của mỗi người như quyền sở hữu, quyền thừa kế, quyền tự do hợp đồng v.v.. Còn Luật bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp thì thường xuyên được bổ sung theo hướng dân chủ hơn.

Trên lĩnh vực các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa, Luật công đoàn, Luật lao động đã có ý nghĩa to lớn trong việc bảo vệ quyền có việc làm, quyền được trả lương tương xứng, quyền được nghỉ ngơi, được làm việc trong điều kiện hợp vệ sinh, quyền được tham gia công đoàn...Những luật này có ý nghĩa rất lớn trong thời kỳ mở cửa hiện nay. Cùng với Luật bảo vệ sức khỏe, Luật về môi trường sắp ban hành sẽ khẳng định quyền được chăm sóc sức khỏe, được sống trong môi trường trong lành của người Việt nam. Sự chú ý chăm sóc đối với quyền trẻ em đã được thể hiện bằng Luật chăm sóc thiếu niên, nhi đồng và Luật phổ cập giáo dục tiểu học. Cũng như trẻ em, phụ nữ là đối tượng được quan tâm đặc biệt. Cùng với Hiến pháp, Luật hôn nhân gia đình (được ban hành từ năm 1959 và được soạn lại năm 1986) đã và đang bảo vệ tích cực vị trí, vai trò và quyền lợi của người phụ nữ Việt nam.

Trong bối cảnh đổi mới, các quyền tự do sở hữu và kinh doanh của cá nhân đã được quy định cụ thể trong các Luật công ty, Luật doanh nghiệp tư nhân, Pháp lệnh về công ty tài chính v.v..

Digitized by Google

Tất cả những văn bản luật đã có (và sẽ có) hợp thành cơ sở pháp lý ngày càng vững chắc để bảo vệ và phát triển quyền con người ở Việt nam.

*
* *

Về mặt thực tiễn, giống như tất cả các quốc gia khác, Việt nam cũng gặp phải những vấn đề của riêng mình trong việc bảo đảm quyền con người. Điều này là dễ hiểu vì có nơi nào trên thế giới này, vấn đề quyền con người đã được giải quyết trọn vẹn ? Ngay nước Mỹ, một nước luôn tự coi là "thế giới tự do" và chính phủ Mỹ luôn dành cho mình quyền chỉ trích các quốc gia khác vi phạm quyền con người, mới đây cũng bị Ủy ban nhân quyền Liên hợp quốc phê phán và đòi phải báo cáo về tình trạng vi phạm quyền con người đối với những người Cu-ba nhập cư và tệ phân biệt chủng tộc. Các nước công nghiệp phát triển, cũng không tránh khỏi những vấn đề nan giải. Đó là nạn thất nghiệp (trung bình chiếm 10% lực lượng lao động của các nước OECD), là tình trạng người nghèo và người vô gia cư v.v.. Đối với Việt nam, từ một đất nước nghèo nàn, lạc hậu, từng bị chủ nghĩa thực dân đô hộ gần 100 năm, lại trải qua mấy chục năm chiến tranh liên tục, mà hậu quả nặng nề về xã hội và con người còn tồn tại đến ngày nay, thì không thể đòi hỏi mức độ thỏa mãn các quyền con người như nhiều nước đã có trình độ phát triển kinh tế, xã hội cao. So với nhiều quốc gia phát triển, các chỉ số về các quyền cơ bản (ăn, ở, việc làm, thu nhập, học tập, chữa bệnh, nghỉ ngơi...) ở nước ta còn thấp. Cũng còn hiện tượng vi phạm quyền của công dân như bắt giam, giữ người nhiều khi không đúng thủ tục và trình tự pháp luật. Người bị bắt oan không được bồi thường ; quyền khiếu nại, tố cáo của công dân có lúc, có nơi chưa được giải quyết tốt v.v..

Những khiếm khuyết như vậy chúng ta không hề giấu giếm. Chúng ta phải phấn đấu để những quyền con người về kinh tế, xã hội, văn hóa cũng như các quyền dân sự, chính trị được bảo đảm ngày một tốt hơn. Song cần dứt khoát khẳng định : lịch sử 50 năm của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam có nhiều thành tựu to lớn về thực hiện quyền con người. Để thấy điều này, phải đứng trên quan điểm lịch sử, cụ thể. Đối với đa số người Việt nam, 50 năm qua là một bước tiến rất có ý nghĩa trong cuộc sống của Con người. Người Việt nam đã được sống trong độc lập, tự do. Đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được nâng lên, rõ nhất là những năm đổi mới gần đây. Có nhìn vào điểm xuất phát thấp của nền kinh tế đất nước mới thấy hết những nỗ lực chủ quan của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta là rất to lớn.

Về mặt các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa, chúng ta có thể tự hào là trong những thời điểm khó khăn nhất của đất nước đã không để cho người dân phải rơi vào tình trạng chết đói. Và ngày nay đã giải quyết được cơ bản nhu cầu lương thực cho hơn 70 triệu dân cả nước. Cùng với các chính sách khác, phong trào xóa đói, giảm nghèo mấy năm qua đã làm giảm đáng kể số hộ nghèo, đói trong toàn quốc (với tốc độ giảm bình quân 2%/năm). Số người nghèo từ 26-28% dân số thời kỳ 1989-1992, nay còn 18-20%. Trong số 9 tỉnh, thành phố có tốc độ giảm nghèo nhanh, đã có 7 tỉnh, thành phố cơ bản xóa xong hộ đói. Vấn đề nhà ở mấy năm gần đây được cải thiện rõ rệt kể cả ở nông thôn và thành thị nhờ tốc độ tự xây dựng của nhân dân tăng nhanh.

Đối với quyền được chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, mặc dù ngân sách còn eo hẹp, song Nhà nước đã có nhiều cố gắng và thực hiện có kết quả các chương trình phòng chống những bệnh phổ biến và nguy hiểm đối với các nước đang phát triển như : ỉa chảy, suy dinh dưỡng, viêm nhiễm đường hô hấp cấp tính. Tổ chức UNDP của Liên hợp quốc đã đánh giá ở Việt nam về mặt chăm sóc sức khỏe cho nhân dân "tốt hơn so với hầu hết các nước có thu nhập thấp và thực tế còn tốt hơn cả một số nước trong nhóm nước có thu nhập dưới trung bình một chút " [3].

Đối với quyền được giáo dục, ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động phong trào diệt giặc dốt để thanh toán nạn mù chữ cho hơn 90% số dân lúc đó. Qua 9 năm kháng chiến chống Pháp ta đã xóa mù chữ cho 10,5 triệu người. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ,

(3) *Báo cáo về nền kinh tế Việt nam, Chương trình phát triển của Liên hợp quốc*. Ủy ban kế hoạch nhà nước xuất bản, 1990, tr 228

Digitized by Google

ở miền Bắc, trung bình cứ 3 người có 1 người đi học. Năm 1990, UNDP đánh giá : "Lực lượng lao động Việt nam có tay nghề và trình độ cao hơn so với một đất nước có mức thu nhập tính theo đầu người ở mức như vậy. Tỷ lệ dân số thoát nạn mù chữ đến 1989 đã lên tới 80% và so với tiêu chuẩn quốc tế như vậy là cao"[4]. Theo số liệu mới đây đăng trên tạp chí Aseaweek ngày 27-4-1994, tỷ lệ người Việt nam biết chữ là 88% (cao hơn Mai-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Ấn độ).

Nói đến quyền con người phải nói đến quyền của trẻ em và phụ nữ. Hiện nay không phải mọi việc đều đã tốt đẹp, chẳng hạn còn không ít trẻ em lang thang, thất học, suy dinh dưỡng, nhiều phụ nữ phải làm nghề mại dâm kiếm sống v.v.. Song ở Việt nam, trẻ em và phụ nữ luôn là đối tượng được quan tâm hàng đầu. Tổ chức UNDP đã đánh giá cao hệ thống giáo dục trước tiểu học (nhà trẻ, mẫu giáo) ở Việt nam. OMS và các tổ chức quốc tế khác cũng rất khen ngợi sự thành công trong chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em, sự cố gắng để hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và chết yểu v.v..

Phụ nữ Việt nam đã được quyền bình đẳng với nam giới không phải chỉ trên pháp luật mà còn trên thực tế : được hưởng lương ngang với nam giới nếu cùng làm một công việc (trong khi đó ở các nước công nghiệp, tính trung bình mức lương của phụ nữ chỉ bằng 2/3 so với của nam giới) ; được làm các công việc như đàn ông, thậm chí còn được ưu tiên trong việc đề bạt chức vụ. Tỷ lệ phụ nữ trong Quốc hội thường chiếm xấp xỉ 1/3 (trong khi tỷ lệ chung của các nước đang phát triển là 14%).

Nếu so với mức thu nhập quốc dân theo đầu người còn ở mức rất thấp, thì tỷ lệ 88% dân số biết đọc, biết viết ; tuổi thọ trung bình (năm 1989) 62 của nam, 66 của nữ ở nước ta là những chỉ số đáng trân trọng. Đánh giá về Việt nam, năm 1990, UNDP nhận xét : "thật là sai lầm và thiên lệch nếu như không đồng thời nhấn mạnh những thành tựu lớn lao mà không những không được để mất đi trong quá trình đổi mới mà còn phải được củng cố để làm nền tảng cho sự phát triển liên tục và vững chắc trong những năm tới.

Về khía cạnh này, sự bình đẳng hiện có trong xã hội Việt nam xứng đáng được đặc biệt nhấn mạnh. Việc làm giảm sự bất bình đẳng chung, sự cung cấp những dịch vụ xã hội cơ bản trên diện rộng, đặc biệt trong lĩnh vực y tế và giáo dục, và những cố gắng để thu hẹp khoảng cách mức sống giữa nông thôn và thành thị là những thành tựu quan trọng" [5].

Các quyền dân sự, chính trị ở Việt nam những năm gần đây cũng có những bước tiến quan trọng. Các quyền tự do của người dân được bảo đảm tốt hơn. Quyền tự do đi lại, tự do cư trú được mở rộng. Các công dân có thể dễ dàng ra nước ngoài và dễ dàng trở về nước theo con đường hợp pháp. Người ra đi bất hợp pháp được hồi hương tự nguyện, được tạo điều kiện thuận lợi cho việc tái hòa nhập vào cộng đồng. Không có hiện tượng kỳ thị tôn giáo. Tự do tín ngưỡng được tôn trọng, chùa chiền, nhà thờ được tu sửa, tôn tạo...Cả nước đã có 375 cơ quan báo chí, 7 300 nhà báo với hàng nghìn đầu báo khác nhau. Sự phát triển số lượng và chất lượng báo chí, số lượng phương tiện thông tin đại chúng... đã gây ngạc nhiên đối với nhiều người nước ngoài, kể cả người phương Tây.

Suốt 50 năm qua, Việt nam là nước áp dụng liên tục và rộng rãi thể thức bầu cử theo lối phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Những người được đề cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp không bị hạn chế về thời gian cư trú, tài sản, giới tính hay các hạn chế khác. Hiện nay, thực tế quyền dân chủ của công dân đã được nâng cao hơn trước rất nhiều. Cũng không thể không nhắc đến chính sách nhân đạo, tinh thần hòa giải dân tộc của chế độ mới đối với hàng triệu người từng tham gia chính quyền và quân đội cũ. Đấy là hiện tượng hiếm thấy nếu nhớ lại thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ hai ở châu Âu, hàng trăm nghìn người cộng tác với chính quyền cũ đã bị xử tử.

Hiện tại và tương lai, Việt nam còn phải tiếp tục giải quyết nhiều vấn đề xã hội mới nảy sinh do sự chuyển đổi cơ chế kinh tế, song nhìn lại lịch sử 50 năm của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, ngày nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, có thể nói đó là lịch sử của 50 năm bảo vệ và phát triển quyền con người trên đất nước Việt nam ❑

(4) *Tài liệu đã dẫn*, tr 3
(5) *Tài liệu đã dẫn*, tr 6

Digitized by Google

Về vai trò môn kinh tế chính trị Mác - Lê-nin TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG

PHAN THANH PHỐ *

MẤY năm gần đây, trong một số trường đại học và cao đẳng ở nước ta có khuynh hướng coi nhẹ vai trò của môn kinh tế chính trị Mác - Lê-nin. Vì sao như vậy? Có lẽ có nhiều nguyên nhân:

Thứ nhất, đó là do sự phát triển của kinh tế thế giới từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô mà ở đó môn kinh tế chính trị Mác - Lê-nin (từ giai đoạn Xta-lin trở đi) bị bóp méo và biến dạng qua lăng kính của những tác phẩm và sách giáo khoa về kinh tế chính trị. Ở nước ta, việc nghiên cứu kinh tế chính trị mác xít còn mang tính sơ lược. Rất ít người nghiên cứu trực tiếp, có hệ thống bộ *Tư bản* của Mác. Số đông thường hiểu nó qua sách giáo khoa kinh tế chính trị của Liên xô được dịch ra hoặc được cải biên chút ít.

Thứ hai, đó là do từ khi nước ta "mở cửa" nền kinh tế, lý luận kinh tế phương Tây hiện đại và kinh tế thị trường hiện đại đã ồ ạt tràn vào. Dòng lý luận này, so với lý luận trong các sách giáo khoa kinh tế và kinh tế chính trị của Liên xô được dịch ra trước đây, quả có một số điểm mới. Do đó, để tránh hẫng hụt, môn kinh tế chính trị Mác - Lê-nin cũng cần được bổ sung những nội dung mới. Bộ giáo dục và đào tạo cùng với các trường đại học và cao đẳng đã có những cố gắng nhất định theo hướng này. Tuy nhiên, việc đổi mới chương trình giảng dạy môn này còn chậm, chưa thật cơ bản. Ngoài ra, do tác động của cách mạng khoa học - công nghệ và do đòi hỏi của thực tiễn, các trường đại học và cao đẳng ngoài việc phải tăng thêm giờ cho môn ngoại ngữ, thực tế đã đưa vào giảng dạy một số môn học mới trong đó có lý luận kinh tế học phương Tây hiện đại. Tất nhiên, khi các môn học mới được đề cao và tổng quỹ thời gian đào tạo không tăng, thì hiện tượng các môn học "truyền thống", trong đó có môn kinh tế chính trị, bị xem nhẹ, giảm giờ là dễ hiểu.

Thứ ba, đó là do một số không ít các nhà quản lý và giáo viên các môn kinh tế chưa nhận thức đầy đủ đối tượng, vị trí và chức năng của môn kinh tế chính trị Mác - Lê-nin. Có người quan niệm đơn giản : đã gọi là kinh tế chính trị Mác - Lê-nin thì chỉ giảng những gì của Mác và Lê-nin như vẫn giảng, còn nếu giảng khác đi thì sẽ lấn sang các môn học mới như kinh tế học vĩ mô, kinh tế học vi mô, kinh tế học phát triển... Mặt khác, do chưa kết hợp được với thực tiễn sôi động của cuộc sống, với tiến trình lịch sử và với công cuộc đổi mới sâu rộng đang diễn ra, kinh tế chính trị Mác - Lê-nin vô hình trung trở thành một bộ phận của môn lịch sử các học thuyết kinh tế, như vậy nó sẽ không còn là một môn khoa học với đối tượng riêng như từ lâu đã xác định.

Xử lý các hiện tượng và nguyên nhân nêu trên, cần có nhiều biện pháp khác nhau. Bài viết này chỉ đề cập một khía cạnh : đó là cần khẳng định đối tượng và vị trí, vai trò của kinh tế chính trị Mác - Lê-nin trong chương trình đào tạo của các trường đại học và cao đẳng.

Về đối tượng kinh tế chính trị và kinh tế học

Từ xa xưa, loài người đã tìm cách thâm nhập bí mật của các quá trình kinh tế, giải thích bản chất và động lực phát triển của chúng. Nhiều

* PGS. PTS khoa học kinh tế

Digitized by Google

quá trình kinh tế đã được đề cập trong một số công trình của các nhà khoa học thời cổ đại và trung cổ. Tuy vậy, đó mới chỉ là những kiến thức kinh tế rời rạc, pha trộn với những kiến thức khoa học khác, do đó, chưa có hệ thống và chưa đủ sức để trở thành một môn khoa học riêng, độc lập. Với tư cách là một khoa học độc lập, môn kinh tế chính trị ra đời muộn hơn. Nó xuất hiện vào thời kỳ hình thành phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Thuật ngữ "kinh tế chính trị" lần đầu tiên được nhà kinh tế học người Pháp là Mông-cre-xchiên (Montchrestien) sử dụng và đặt tên cho môn học này vào năm 1615.

Lịch sử phát triển kinh tế chính trị cho thấy, kinh tế chính trị tư bản cổ điển xuất hiện ở Anh bắt đầu từ Pet-ti (W. Petty) và kết thúc ở Ri-các-đô (D.Ricardo) và ở Pháp bắt đầu từ Boa-ghi-be (Boisguilbert) và kết thúc ở Xi-xmôn-đi (Sismondi). Thời kỳ suy đồi của kinh tế chính trị tư sản cổ điển bắt đầu từ những năm 30 của thế kỷ XIX. Tiếp đó, các tư tưởng kinh tế của chủ nghĩa xã hội không tưởng xuất hiện ở Tây Âu. Đặc biệt, vào những năm 40 của thế kỷ XIX, kinh tế chính trị mác xít ra đời. Nó do Mác, Ăng-ghen sáng lập, sau này được Lê-nin bổ sung và phát triển trong điều kiện chủ nghĩa đế quốc và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Các ông không chỉ kế thừa những hạt nhân hợp lý của kinh tế chính trị học tư sản cổ điển mà còn phát triển nó một cách xuất sắc, thực hiện một cuộc cách mạng trong lĩnh vực kinh tế chính trị. Với bản chất cách mạng và khoa học, kinh tế chính trị Mác - Lê-nin đã vạch ra quy luật phát sinh, phát triển và tính lịch sử của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, tìm ra xu hướng vận động tất yếu của xã hội loài người.

Trong lời nói đầu của bộ *Tư bản*, khi xác định đối tượng nghiên cứu, C.Mác viết : "Trong tác phẩm này, đối tượng nghiên cứu của tôi là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những quan hệ sản xuất và trao đổi thích ứng với phương thức ấy" (1). Ph. Ăng-ghen, trong tác phẩm *Chống Đuy-rinh*, đã xác định đối tượng nghiên cứu theo nghĩa rộng nhất của môn khoa học này. Đó "là khoa học nghiên cứu những quy luật chi phối sự sản xuất và sự trao đổi những tư liệu sinh hoạt vật chất trong xã hội loài người"(2).

Như vậy, đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị được Mác và Ăng-ghen quan niệm là các quan hệ kinh tế giữa người và người trong *sản xuất - phân phối - lưu thông* và *tiêu dùng*. Tiếp cận đối tượng nghiên cứu này trong sự tác động qua lại với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng tương ứng và không dừng lại ở hiện tượng bề ngoài mà đi sâu nghiên cứu bản chất của các quan hệ kinh tế, cũng có nghĩa là nghiên cứu các quy luật kinh tế chi phối *bốn khâu* của quá trình sản xuất và tái sản xuất qua các giai đoạn phát triển xã hội loài người.

Trong cuốn sách *Kinh tế học* của Xa-mu-en-xơn và Noóc-đốt, khi xác định đối tượng của kinh tế học, ông và nhiều người quan niệm : "*Kinh tế học là việc nghiên cứu vấn đề con người và xã hội lựa chọn như thế nào để sử dụng những nguồn tài nguyên hiếm hoi có thể được sử dụng một cách khác nhau nhằm sản xuất ra các loại hàng hóa và phân phối cho tiêu dùng hiện nay hoặc trong tương lai của những người và nhóm người trong xã hội*" (3). Một số nhà kinh tế học phương Tây khác thì lại cho rằng "kinh tế học nghiên cứu cách thức xã hội giải quyết ba vấn đề : sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai" (4). Gần đây, trong một số cuốn sách xuất bản ở nước ta, có người quan niệm : kinh tế học là môn học nghiên cứu hoạt động của con người trong sản xuất và tiêu thụ hàng hóa.

Tất cả các quan niệm nêu trên về đối tượng kinh tế học, dù cách diễn đạt có khác nhau về mức độ rộng hẹp, sâu nông, song đều có *nét chung* : các quan niệm đó

(1) C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Toàn tập*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1993, t 23, tr 19.

(2) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t 5, tr 207

(3) Paul A.Samuelson, William D.Nordhaus : *Kinh tế học*. Viện quan hệ quốc tế, Hà nội, 1989, t 1, tr 4

(4) David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch : *Kinh tế học*. Nxb Giáo dục, Hà nội, 1992, t 1, tr 2

Digitized by Google

đều cho kinh tế học phải nghiên cứu các quan hệ kinh tế giữa con người với nhau ; *đều* đặt việc nghiên cứu sự chi phối của các quan hệ kinh tế đó trong quá trình sản xuất và trao đổi hay trong quá trình sản xuất, phân phối, lưu thông và tiêu dùng của cải vật chất trong xã hội.

Sự khác nhau giữa các quan niệm nêu trên phải chăng chỉ còn ở chỗ *có* hay *không có* từ "chính trị" đi theo từ "kinh tế học" ? Có người theo quan điểm lô gích hình thức, cho rằng : "kinh tế chính trị" là môn học thuộc về *chính trị* cho nên cần giảng nặng về chính trị hoặc *chỉ* giảng về chính trị ; còn "kinh tế học" là môn học về *kinh tế* cho nên cần giảng nặng về kinh tế hoặc *chỉ* giảng về kinh tế (mà không cần giảng về chính trị). Cách lập luận như trên, theo tôi, là chưa thực sự khoa học. Bởi lẽ :

Một là, "kinh tế chính trị" là một thuật ngữ xuất hiện từ năm 1615, tồn tại như một cụm từ hoàn chỉnh ; không nên hiểu theo nghĩa tách rời kinh tế và chính trị. Lê-nin khi bàn về mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị đã chỉ rõ : "Chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế" (5). Giáo sư, tiến sĩ Ô. Iu-xa-mét-đốp, Trường đại học tổng hợp Xu-xlốp cho rằng có rất nhiều khó khăn khi sử dụng phương pháp trừu tượng hóa để tách khía cạnh xã hội chính trị của các quá trình kinh tế đang nghiên cứu.

Hai là, cần thấy hết khó khăn trong khái niệm dịch từ tiếng nước ngoài. Cũng theo giáo sư, tiến sĩ Ô.Iu-xa-mét-đốp, thuật ngữ tiếng Anh "economics" trở thành phổ biến vào năm 1890, năm xuất bản cuốn sách "Principles of economics" (Những nguyên lý kinh tế học) của nhà kinh tế học Anh A. Mác-san (1842-1924). Tên cuốn sách được dịch ra tiếng Nga theo *hai* nghĩa : "Những nguyên lý kinh tế học" và "Những nguyên lý kinh tế chính trị".

Từ phân tích trên, theo tôi, có thể rút ra kết luận : với tư cách là một môn khoa học, kinh tế học thực chất là *kinh tế chính trị* *. Mặc dù vậy, hiện nay vẫn có những ý kiến khác nhau về vấn đề này. Vì vậy, tôi nghĩ, chúng ta cần có các cuộc hội thảo khoa học xung quanh vấn đề này nhằm thống nhất chương trình môn học trong các trường đại học, trên cơ sở đó khẳng định thêm vai trò và vị trí của môn kinh tế chính trị. Qua đó, tránh mắc lại sai lầm tuyệt đối hóa một cách giáo điều các sách giáo khoa về kinh tế ngành hoặc các sách giáo khoa về kinh tế chính trị.

Vị trí, vai trò của kinh tế chính trị Mác - Lê-nin

Để tiếp tục khẳng định và tăng cường vị trí, vai trò của môn kinh tế chính trị Mác - Lê-nin trong các trường đại học và cao đẳng ở nước ta, theo tôi, cần quán triệt mấy điểm sau :

1 - Kinh tế chính trị Mác-Lê-nin là tên môn học đã được Hội đồng trung ương biên soạn giáo trình chuẩn quốc gia khẳng định. Biên soạn và giảng dạy môn học đó, như đã được giải thích rõ, không có nghĩa là chỉ dựa vào những luận điểm của Mác và Lê-nin, dù rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nền tảng tư tưởng, là nguyên tắc số một cho định hướng cách mạng ở nước ta. Với tư cách là môn khoa học, kinh tế chính trị Mác - Lê-nin, như Mác nói, là một hệ thống *mở*, biện chứng, không ngừng được bổ sung, phát triển và hoàn thiện, do đó, đủ sức trả lời các câu hỏi do thực tiễn đặt ra.

2 - Chính từ đối tượng và các chức năng về mặt nhận thức, tư tưởng, phương pháp luận và thực tiễn của môn kinh tế chính trị Mác - Lê-nin mà Đảng, Nhà nước ta và các trường từ trước đến nay đều khẳng định : nó là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; nó là một khoa học *cơ bản*, làm cơ sở cho các môn kinh tế *ngành* và các môn khoa học *giáp ranh* giữa kinh tế chính trị và kinh tế ngành cụ thể. Nó còn là cơ sở lý luận xuất phát cho sự nghiệp đổi mới kinh tế-xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Cần nhấn mạnh rằng : chừng nào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta do Đảng ta lãnh đạo trước sau vẫn lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư

(5) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 42, tr 349

* Ở ta có lúc người ta đã dịch là *"Chính trị kinh tế học"* hay *"Kinh tế học chính trị"*

Digitized by Google

tưởng và kim chỉ nam cho hành động, thì chừng đó môn kinh tế chính trị Mác - Lê-nin chẳng những là môn học không thể thiếu mà còn là môn học có vai trò cực kỳ quan trọng, cần được tăng cường trong hệ thống các trường đại học và cao đẳng.

3 - Như ở trên đã đề cập, so với yêu cầu, việc đổi mới nội dung môn kinh tế chính trị Mác - Lê-nin chưa làm được bao nhiêu, song không vì thế mà cho rằng kinh tế chính trị học Mác - Lê-nin trong thời đại ngày nay đã lỗi thời. Thực tế cho thấy, không chỉ có các nhà khoa học mác xít và các nhà tư tưởng của chủ nghĩa xã hội mới đánh giá cao vai trò chủ nghĩa Mác - Lê-nin nói chung và kinh tế chính trị Mác - Lê-nin nói riêng. Năm 1992, UNESCO đã tổ chức cuộc hội thảo quốc tế về chủ đề "Vai trò của Mác trong việc phát triển tư tưởng khoa học đương đại". Cách đây không lâu, trong tập tài liệu "Theo hướng rồng bay : Cải cách kinh tế ở Việt nam" do một số giáo sư thuộc Viện phát triển quốc tế Ha-vớt (Mỹ) viết ở chương cuối nhan đề "kinh tế chính trị của cải cách kinh tế và phát triển", có ý kiến của giáo sư C.Piter Timner nêu rõ : không thể có được quá trình cải cách kinh tế và quá trình phát triển (nhất là phát triển dài hạn) đúng, nếu không thấy được tầm quan trọng của môn kinh tế chính trị khi giải quyết bốn vấn đề căn bản sau :

1) Những quy trình then chốt của sự phát triển. Hay nói cách khác : những vấn đề cho phép trả lời và giải thích đúng sự khác biệt về mức độ phát triển giữa các quốc gia.

2) Chiến lược căn bản về phát triển của các xí nghiệp và tác động của hệ thống chính trị đối với chiến lược đó.

3) Những chính sách cần thực hiện trong bối cảnh nền kinh tế theo hướng thị trường.

4) Quản lý nhà nước nên như thế nào khi lựa chọn và thực hiện một chính sách phát triển ❑

Về cách tiếp cận...

(Tiếp theo trang 44)

do các nguyên nhân chủ quan từ phía quản lý, lãnh đạo, từ công tác lý luận phê bình và cả từ hạn chế trong tài năng và bản lĩnh của người sáng tác. Và nếu có bị "trói" thì đó là hiện tượng chúng ta tự trói lẫn nhau.

Từ sau tháng 4-1975, nhất là từ giữa thập kỷ 80 trở lại đây, những biến đổi to lớn của đời sống xã hội đã đưa đến sự thay đổi các thang chuẩn quan trọng khi nhìn nhận các giá trị của cuộc sống và của cả văn học nghệ thuật. Sự thức tỉnh về ý thức cá nhân, sự quan tâm nhiều hơn đến con người trong tính cụ thể, cá biệt, với những nhu cầu trong thời bình, là bước chuyển tất yếu của ý thức xã hội. Con người được mô tả trong tất cả tính đa dạng, đa chiều của nó đã tạo thành nét chính trong sự định hướng về giá trị văn học của công chúng hôm nay. Nói khác đi, *tinh thần dân chủ và cảm hứng nhân bản* là những đặc điểm nổi bật của văn học thời kỳ đổi mới. Sự thay đổi này dĩ nhiên sẽ dẫn đến những đổi thay về đề tài, chủ đề, về nhân vật và thể loại, về phương thức trần thuật và cách biểu hiện trữ tình. Những "chuyển động" trên đây của văn học những năm gần đây, có thể coi là một quá trình tự nhận thức để đưa văn học phát triển lên một tầm cao mới.

Nhìn lại một cách bình tĩnh và khách quan những thành tựu của văn học giai đoạn 1945-1975, có người đã cho rằng : văn học thời kỳ này đã tạo ra một cái nền, một mặt bằng cao hơn, rộng rãi hơn so với trước đó, tuy chưa có nhiều đỉnh cao đột xuất, nhưng cũng không hiếm các giá trị và phong cách độc đáo. Từ sự nhìn nhận lại các giá trị và thành tựu của văn học giai đoạn 1945-1975, có thể nghĩ rằng : những đổi mới và bước phát triển mạnh mẽ của văn học ta sau tháng 4-1975, nhất là từ khi có công cuộc đổi mới trên đất nước, không phải là không được thừa hưởng những thành tựu và bài học từ giai đoạn trước đó mà vượt qua nó. Văn học Việt nam từ sau tháng 4-1975, nhất là từ giữa những năm 80 trở lại đây, đã đi những bước tiếp xa hơn trên con đường hiện đại hóa nền văn học dân tộc ở thế kỷ XX, để hòa nhập đầy đủ vào tiến trình văn học thế giới ❑

Digitized by Google

ĐẢNG BỘ KHỐI TRONG HỆ THỐNG TỔ CHỨC ĐẢNG

NGUYỄN KIM ĐỈNH*

I/ Đảng bộ khối là hình thức tổ chức cấp trên của cơ sở không có chính quyền cùng cấp. Nhiều năm qua tổ chức đảng bộ khối là vấn đề được nhiều người, nhiều ngành và nhiều cấp quan tâm. Có thời kỳ đảng bộ khối thành lập rồi sau đó lại giải thể. Nhiều cuộc hội nghị, hội thảo để bàn vấn đề này kéo dài nhiều năm, qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng, nhưng đến nay vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau. Tập trung có hai loại ý kiến như sau:

- *Loại ý kiến thứ nhất* cho rằng không nên tồn tại đảng bộ khối, với lý do là vì không có chính quyền cùng cấp. Mặt khác, trong một khối có quá nhiều chi bộ, đảng bộ cơ sở khác nhau như : các đơn vị sản xuất kinh doanh, hành chính, sự nghiệp hoặc vừa có các cơ quan đảng, chính quyền và đoàn thể ; việc xác định nhiệm vụ chính trị của đảng bộ khối khó mà bao quát hết các loại hình cơ sở đảng trực thuộc. Tổ chức đảng, cấp ủy khối chỉ làm nhiệm vụ chính trị tư tưởng và công tác đảng vụ.

- *Loại ý kiến thứ hai* cho rằng tồn tại đảng bộ khối là cần thiết, vì đặc điểm nền kinh tế nước ta còn phân tán, đang trong quá trình phát triển, số lượng đơn vị cơ sở lớn và không ngừng tăng lên. Mặt khác, trình độ, năng lực lãnh đạo và quản lý của cấp ủy và chính quyền địa phương còn chưa đáp ứng được nhiệm vụ, vì vậy cần có đảng bộ khối để điều chỉnh và lãnh đạo tốt nhiệm vụ chính trị cấp dưới, nắm chắc công tác cán bộ, gắn công tác xây dựng Đảng với nhiệm vụ chính trị.

Thực tế từ những năm 60, Trung ương đã thành lập đảng bộ khối dân, chính, đảng trực thuộc trung ương. Nhưng sau Đại hội lần thứ IV của Đảng, đã giải thể và đưa hầu hết các tổ chức cơ sở đảng về trực thuộc quận, huyện. Thực hiện chủ trương đó, số đơn vị cơ sở trực thuộc cấp ủy quận, huyện lúc bấy giờ tăng lên hàng trăm đầu mối (như quận 1 và quận 11... ở TP Hồ Chí Minh). Nhiều cơ sở xí nghiệp, bệnh viện, trường học, cơ quan nghiên cứu khoa học... có quy mô lớn, có nhiều cán bộ khoa học kỹ thuật và đội ngũ trí thức có trình độ cao, cấp ủy quận, huyện không đủ điều kiện và khả năng lãnh đạo. Do đó, các cơ sở ấy gần như "ăn gửi nằm nhờ", địa phương bàn nhiệm vụ chính trị không ăn nhập gì với các cơ sở trực thuộc này.

Từ thực tiễn đó, năm 1982 Thành ủy TP Hồ Chí Minh đề nghị Trung ương và được Ban Bí thư cho phép thành lập các đảng bộ khối và cấp trên tương đương. Thời gian này đã thành lập được 14 đảng bộ khối các cơ sở kinh tế trung ương đóng trên địa bàn (gọi là đảng bộ khối Bộ) 11 đảng bộ ngành (gọi là đảng bộ sở) 2 đảng bộ các cơ sở sự nghiệp (một đảng bộ khối cơ sở thuộc Bộ y tế, một đảng bộ các cơ sở thuộc Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp).

Ngày 8-11-1982, Ban Bí thư ra quyết định số 12 - QĐ/TƯ thành lập 7 đảng bộ khối các cơ quan trung ương trực thuộc Ban Bí thư.

Hiện nay, cả nước có các dạng đảng bộ khối như sau :

Ở các cơ quan trung ương có 7 đảng bộ khối : đảng bộ khối các cơ quan trung ương (khối 1), đảng bộ khối tư tưởng, đảng bộ khối khoa giáo, đảng bộ khối dân vận, đảng bộ khối đối ngoại, đảng bộ khối nội chính và đảng bộ khối kinh tế.

Ở các địa phương có thành lập một đảng bộ khối liên cơ bao gồm : các cơ quan dân, chính, đảng và các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, kể cả các cơ sở doanh nghiệp nhà nước nằm trong các sở. Hình thức này được tổ chức ở một số địa phương có ít cơ sở kinh tế và công nghiệp trung ương đóng trên địa bàn. Hiện nay một số tỉnh như Kiên giang, Minh hải... dự kiến tách các tổ chức đảng ở doanh nghiệp nhà nước ra khỏi các đảng bộ liên cơ vì thấy không hợp lý, để đưa về trực thuộc thị xã và các huyện. Nhưng dự kiến trên không được sự đồng tình của cả cấp ủy cấp trên và cấp ủy trực thuộc. Huyện thì cho là quản lý không nổi, còn

* Chuyên viên Ban tổ chức trung ương

Digitized by Google

các doanh nghiệp nhà nước thì không muốn trực thuộc cấp huyện, thị.

Ở TP Hồ Chí Minh có nhiều loại đảng bộ khối: khối các cơ sở kinh tế trung ương, khối sự nghiệp trung ương đóng trên địa bàn, khối các ngành địa phương, khối đảng, khối chính quyền và khối các đoàn thể.

Tỉnh Bà rịa - Vũng tàu có các loại khối : đảng bộ khối các cơ sở kinh tế trung ương đóng trên địa bàn ; tổ chức đảng ngành (sở) ; khối dân, đảng ; khối các cơ quan chính quyền và khối nội chính.

Tỉnh Đồng nai có các loại khối : đảng bộ khối dân, chính, đảng ; khối kinh tế địa phương và đảng bộ khu công nghiệp Biên hòa. Trong tương lai sẽ có thêm nhiều đảng bộ khu công nghiệp mới ra đời.

Qua nhiều năm theo dõi, chúng tôi thấy có nhiều đảng bộ khối hoạt động khá tốt, do bảo đảm các điều kiện như : bố trí các bí thư và các cán bộ đảng chuyên trách có trình độ năng lực, phẩm chất tốt, có nhiệt tình công tác đảng, bảo đảm phương tiện và kinh phí hoạt động. Có thể nêu ra một số nơi đã làm tốt như đảng bộ khối công nghiệp nhẹ, đảng bộ khối nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm, đảng bộ khối cơ sở y tế, đảng bộ khối đại học và trung học chuyên nghiệp... ở TP Hồ Chí Minh ; đảng bộ khối kinh tế và đảng bộ khu công nghiệp Biên hòa ở tỉnh Đồng nai ; đảng bộ khối dân đảng và khối nội chính... ở tỉnh Bà rịa - Vũng tàu và một số khối ở các tỉnh khác. Ở trung ương, phần lớn các đảng bộ khối đều hoạt động tốt và có nề nếp. Những đảng bộ trên thực sự là chỗ dựa của tỉnh, thành ủy và các Bộ, Ban, Ngành trung ương trong quá trình nắm tình hình và chỉ đạo, lãnh đạo.

Qua nhiều năm theo dõi, khảo sát và nghiên cứu, tôi thấy rằng, để có một hệ thống tổ chức đảng phù hợp và có căn cứ khoa học, cần bảo đảm (trên toàn bộ hệ thống) các điều kiện sau đây :

Một là, mỗi cấp đảng bộ được tổ chức theo cùng cấp chính quyền (trừ trường hợp ngoại lệ). Hiện nay trong cả nước có 4 cấp : trung ương ; tỉnh, thành ; quận, huyện ; và cơ sở (được điều lệ quy định).

Hai là, số lượng cấp ủy trực thuộc ở cả 4 cấp cần quy định hợp lý, đủ quỹ thời gian và điều kiện xử lý trong quá trình lãnh đạo để đạt hiệu quả cao nhất.

Ba là, cấp ủy cấp trên các cấp phải có trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức cao hơn cấp dưới thì mới có khả năng và tác dụng lãnh đạo.

Bốn là, cấp ủy cấp trên phải am hiểu và có điều kiện để lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của các đơn vị trực thuộc, bảo đảm gắn công tác xây dựng đảng với nhiệm vụ chính trị phù hợp với phương châm xây dựng đảng.

Liên hệ với các điều kiện trên, trừ điều kiện thứ nhất do điều lệ quy định thực hiện tương đối đầy đủ, còn các điều kiện khác đều chưa thật bảo đảm, do vậy thực tế hệ thống tổ chức đảng hiện nay ở nhiều đảng bộ các cấp là chưa phù hợp. Một số cấp tỉnh, thành phố, quận huyện còn quá nhiều đầu mối trực thuộc ; vượt số lượng hợp lý. Nhiều chi bộ, đảng bộ cơ sở nhiệm vụ chính trị không gắn với nhiệm vụ chính trị của đảng bộ cấp trên mà mình trực thuộc. Nhiều cơ sở quy mô lớn đưa về trực thuộc quận, huyện, không bảo đảm "tính trội" của cấp ủy cấp trên đối với cấp trực thuộc.

II/ Từ những phân tích trên, tôi cho rằng cần duy trì hình thức "Đảng bộ khối" (trực thuộc trung ương và địa phương). Qua nhiều năm, hoạt động và tồn tại, các đảng bộ khối đã được thực tiễn kiểm nghiệm và công nhận. Tôi thấy cần tổ chức tổng kết toàn diện hơn vấn đề này để có hình thức tổ chức thống nhất, phù hợp hơn. Trước mắt tôi xin kiến nghị một số hình thức tổ chức đảng bộ khối như sau :

Ở các cơ quan trung ương : giữ nguyên 7 đảng bộ khối như hiện nay, chỉ cần tách các chi bộ, đảng bộ cơ sở sản xuất và sự nghiệp (nếu có) ra khỏi các đảng bộ khối các cơ quan trung ương và đưa về các khối cơ sở sản xuất kinh doanh, sự nghiệp trực thuộc Thành ủy Hà nội là phù hợp.

+ Ở các địa phương nên có các đảng bộ khối :

- Các thành phố lớn như Hà nội, TP Hồ Chí Minh, Hải phòng v.v.. và một số tỉnh có nhiều cơ sở công nghiệp và kinh tế trung ương đóng trên địa bàn thì có: khối các cơ sở kinh tế trung ương đóng trên địa bàn ; khối các cơ sở sự nghiệp trung ương đóng trên địa bàn (nếu có) ; đảng bộ ngành sản xuất dịch vụ của địa phương ; đảng bộ khối các cơ quan đảng ; khối chính quyền và các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, khối các đoàn thể và khối nội chính.

- Các địa phương ít cơ sở công nghiệp và kinh tế, có thể tổ chức từ 4 đến 5 khối : khối các cơ sở kinh tế trung ương và địa phương đóng trên địa bàn ; khối chính quyền và các cơ quan quản lý cấp tỉnh ; khối các

(Xem tiếp trang 66)

Digitized by Google

Phải chăng không cần sự lãnh đạo của Đảng cộng sản khi nước ta chuyển sang kinh tế thị trường ?

LÊ QUANG DIÊN *

TRONG sự nghiệp đổi mới hiện nay, dù bị ảnh hưởng của những biến động phức tạp từ các nước Đông Âu, dù bị các thế lực đế quốc, phản động chống phá điên cuồng và cả những khó khăn trong nước cản trở, Đảng ta vẫn đứng vững ở vị trí hạt nhân để lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, từng bước đưa đất nước vượt qua khó khăn, ngày càng giành được những thành tựu quan trọng, cả về kinh tế, chính trị và an ninh quốc phòng ; cả về đối nội cũng như đối ngoại. Thế nhưng, hiện nay có ý kiến cho rằng : Chuyển sang kinh tế thị trường, không cần sự lãnh đạo của Đảng cộng sản. Sự lãnh đạo của Đảng chỉ cản trở sự vận hành của kinh tế, làm vướng viu sự điều hành của người quản lý(!) Không ít xí nghiệp, công ty, bộ chủ quản, ở đó tổ chức đảng chỉ đóng vai trò hình thức, mà làm ăn vẫn hiệu quả, công việc vẫn chạy đều (!)

Ý kiến trên chỉ thấy biểu hiện bề ngoài của một vài hiện tượng kinh tế, không hiểu đúng bản chất và nội dung của nền kinh tế thị trường đang được xây dựng ở nước ta ; chỉ dựa vào hiện tượng của một số ít tổ chức cơ sở đảng còn yếu kém. Từ đó lợi dụng, bóp méo, thổi phồng lên, quy thành những vấn đề mang tính bản chất nhằm phục vụ cho ý đồ cá nhân. Đây là một luận điểm hoàn toàn sai trái, Đảng và nhân dân ta không thể chấp nhận được. Phải khẳng định rằng sự lãnh đạo của Đảng cộng sản là yêu cầu khách quan bảo đảm cho thắng lợi của định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Bởi vì :

Một là, *xét về mục tiêu của cuộc cách mạng*, nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường, nếu không có sự lãnh đạo của Đảng cộng sản thì không thể thực hiện được mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Trong suốt 65 năm qua, Đảng ta, do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện, đã trở thành một đảng mác xít - lê nin nít kiên cường. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm cơ sở lý luận cho việc xác định đường lối, quan điểm và nền tảng tư tưởng để chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Lịch sử đã khẳng định, sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta, trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước hôm qua cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hôm nay và ngày mai. Với tư cách là đội tiên phong chính trị của giai cấp công nhân, đảng cộng sản là lực lượng duy nhất có khả năng đề ra đường lối đổi mới và cũng là lực lượng duy nhất lãnh đạo công cuộc đổi mới ở nước ta. Nếu không có sự lãnh đạo của Đảng, sự đổi mới sẽ mất phương hướng, mục tiêu. Đảng ta đã khẳng định : "Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội, mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp" (1).

Mục tiêu đó đã và đang được thể hiện trong đường lối, chính sách phát triển kinh tế ở nước ta ... Tiếc rằng, một số ít người do không nghiên cứu kỹ càng, hoặc vì động cơ cá nhân đã có những ngộ nhận, suy nghĩ mơ hồ, lập luận vòng vèo hòng bác bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng ta, thực chất là từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

Hai là, *xét về bản chất của nền kinh tế*, nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà nước ta đang xây dựng khác với nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Sự khác nhau này biểu hiện ở *năm đặc trưng* : chế độ sở hữu, các thành phần kinh tế, chế độ quản lý, chế độ phân phối, và chính sách xã hội(2). Do đó, dù bằng hình thức "điều chỉnh" nào thì chính phủ tư sản cũng không thể thay đổi được bản chất của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.

---

* Cán bộ giảng dạy Trường đại học sư phạm Huế

(1) Trích Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 BCH TƯ Đảng (khóa VI)

(2) Xem Nguyễn Phú Trọng - "Kinh tế thị trường và vai trò lãnh đạo của Đảng". *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1994, tr 29-30

Digitized by Google

Nhà khoa học Mỹ Samuel Boules đã nói : đối với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thì "không có cách xem xét nào khác" ngoài cách xem xét của C. Mác. Điều này cũng lý giải vì sao chúng ta chủ trương phát triển kinh tế thị trường nhưng không để nó vận hành một cách mù quáng, mà phải có sự lãnh đạo, hướng dẫn, điều tiết, để phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực, phục vụ lợi ích của đa số nhân dân lao động và vì một xã hội công bằng, văn minh. Mà người duy nhất có khả năng và điều kiện làm việc đó là Đảng cộng sản Việt nam.

Thực tế cho thấy, sự lãnh đạo của Đảng không những không "cản trở sự vận hành của kinh tế" mà còn tạo thêm động lực cho sự vận hành của nó.

Vậy thì, sự lãnh đạo của Đảng liệu có "làm vướng chân người quản lý không" ? Đương nhiên là không, vì ở đây có sự phân định rõ ràng giữa vai trò lãnh đạo của Đảng và chức năng điều hành của người quản lý. Trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay, các tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước bao giờ cũng giữ vai trò là hạt nhân lãnh đạo chính trị ở các đơn vị, giữ vững định hướng chính trị trong toàn bộ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, lãnh đạo việc cụ thể hóa các mục tiêu, phương hướng, kế hoạch sản xuất kinh doanh ; tôn trọng và phát huy vai trò của ban giám đốc ; giáo dục, lãnh đạo, động viên đảng viên, quần chúng tham gia tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội đã được thông qua. Tổ chức cơ sở đảng có nhiệm vụ thực hiện đúng chức năng kiểm tra bằng những biện pháp thích hợp. Việc thực hiện chức năng kiểm tra được tiến hành thường xuyên và đúng đắn, rõ ràng là không thể "làm vướng chân nhà quản lý", mà ngược lại, còn có tác dụng nâng cao và phát huy tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo của người quản lý. Đồng thời, phát huy trí tuệ, kinh nghiệm của tập thể cán bộ, công nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị ; phát hiện và ngăn chặn kịp thời những việc làm trái nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước ; khắc phục ngay những biểu hiện tiêu cực.

Vấn đề cần tiếp tục làm rõ là, có phải hiện nay "không ít xí nghiệp, công ty, bộ chủ quản, ở đó tổ chức đảng chỉ đóng vai trò hình thức mà làm ăn vẫn hiệu quả, công việc vẫn chạy đều" không ? Đây là một ý kiến có tính chất võ đoán. Thử hỏi, căn cứ vào đâu để họ cho rằng, ở các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, "tổ chức cơ sở đảng chỉ đóng vai trò hình thức" ? Thực tiễn ư ? Đối với các doanh nghiệp nhà nước, có thể xảy ra *hai* trường hợp :

1 - *Phải chăng vì số lượng đảng viên ít* ? Căn cứ này không có cơ sở thực tiễn, bởi lẽ, năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng không chỉ phụ thuộc vào số lượng đảng viên, mà điều quan trọng hơn là chất lượng đảng viên ở các cơ sở đó. Khi chuyển sang kinh tế thị trường, có không ít các doanh nghiệp ở đó tổ chức cơ sở đảng mặc dù số lượng đảng viên ít, nhưng nhờ có tinh thần trách nhiệm cao, có năng lực và gắn bó với công việc, thật sự là tấm gương cho quần chúng noi theo, là hạt nhân lãnh đạo đơn vị, nên thực tế đã góp phần to lớn vào thành công của các doanh nghiệp đó trong quá trình chuyển đổi cơ chế, đứng vững trong môi trường cạnh tranh khốc liệt và làm ăn có hiệu quả.

2 - *Phải chăng do chất lượng đảng viên yếu kém?* Điều này chỉ đúng với những đơn vị làm ăn kém hiệu quả, ở đó tổ chức cơ sở đảng hoặc trở thành "cái phông" cho giám đốc, hoặc bị coi là tổ chức "ăn theo". Trong điều kiện đó, thông thường giám đốc thao túng mọi hoạt động của doanh nghiệp. Với một giám đốc như vậy thì doanh nghiệp chắc chắn không thể tránh được những hiện tượng tiêu cực như đặc quyền, đặc lợi, tham nhũng v.v., những tệ nạn thực tế đã đưa không ít giám đốc vào tù, dẫn doanh nghiệp đến chỗ bị giải thể - một kết cục tất yếu của quan điểm "đâu cần có Đảng".

Đối với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác (như công ty cổ phần, công ty liên doanh, xí nghiệp tư nhân), sự lãnh đạo của Đảng được thực hiện thông qua Nhà nước xã hội chủ nghĩa và các cơ quan chức năng của nó, nhằm kiểm tra việc thực hiện các đường lối, chủ trương chính sách và pháp luật của nhà nước ở các doanh nghiệp đó. Qua đó, *một mặt*, giúp cho các doanh nghiệp làm tốt nghĩa vụ đối với nhà nước, hạn chế những tiêu cực nảy sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh do tác động của cơ chế thị trường. *Mặt khác*, có chính sách phù hợp để khuyến khích họ đầu tư vốn phát triển sản xuất kinh doanh ở những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh.

Tóm lại, vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta *không những* là cần thiết *mà còn* hết sức quan trọng, là nhân tố quyết định, bảo đảm thành công cho sự nghiệp đổi mới, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Ý kiến của những người muốn phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam hiện nay là hoàn toàn sai trái, nó đã và đang bị thực tế lịch sử hoàn toàn bác bỏ ❑

Digitized by Google

QUAN HỆ VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC TÂY, BẮC ÂU TRONG TÌNH HÌNH MỚI

NGUYỄN DY NIÊN *

TỪNG là cái nôi của cách mạng công nghiệp và một trong những cội nguồn của nền văn minh nhân loại, ngày nay Tây, Bắc Âu vẫn là một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa lớn của thế giới. Ở Tây, Bắc Âu hiện nay có 4 nước là thành viên G 7 và 15 nước liên kết với nhau thành *Liên minh châu Âu* (EU). Sự hợp tác trên quy mô thế giới nhằm giải quyết các vấn đề trong "Khế ước xã hội toàn cầu" mà Hội nghị thượng đỉnh Cô-pen-ha-ghen đầu năm nay đã đề cập, cũng như tiến trình liên kết khu vực mà các nước Tây, Bắc Âu từng khởi xướng từ nhiều thập kỷ trước đây, ngày càng phát triển và có xu hướng mở rộng sang cả một số nước khác ở Đông Âu và Trung Á.

Liên minh châu Âu là một thực thể quan trọng trong đời sống quốc tế. Nếu năm 1993, GDP của 12 nước Cộng đồng châu Âu là 6010 tỉ USD (Mỹ 6145 tỉ USD ; Nhật 3500 tỉ USD), thì đến năm 1995 này, với việc kết nạp thêm 3 nước thành viên mới là Thụy điển, Áo, Phần lan và với sự phát triển của cả 15 nền kinh tế, GDP của EU đã vượt Mỹ 10% và vượt Nhật 64%. Tỷ lệ đầu tư ra nước ngoài của EU, Mỹ và Nhật theo thứ tự lần lượt là : 55%, 19% và 11%. EU chiếm tới 20% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của thế giới. Mặc dù hiện nay quá trình thống nhất châu Âu còn gặp một số diễn biến phức tạp, nhưng cuối thế kỷ này và sang thế kỷ tới, với tiềm lực về kinh tế và khoa học kỹ thuật của mình, với trình độ liên kết và thống nhất ngày càng cao trên tất cả các mặt, khu vực Tây, Bắc Âu sẽ trở thành một trung tâm có thế lực và ảnh hưởng lớn đến chiều hướng phát triển kinh tế và chính trị quốc tế.

Trong những năm gần đây, các nước Tây, Bắc Âu đánh giá cao sự phát triển năng động của các nước châu Á - Thái bình dương. Vì vậy, nhiều nước EU đã khẩn trương trong các hoạt động với châu Á nói chung và Việt nam nói riêng. Chiến lược chung của EU cho thế kỷ 21 là xây dựng một châu Âu thống nhất để phát triển kinh tế, thiết lập nền an ninh phòng thủ riêng, mở rộng ảnh hưởng ra các khu vực. Tất cả nhằm biến châu Âu thành một cực mạnh có trọng lượng đáng kể trong trật tự thế giới "sau chiến tranh lạnh".

Trong quan hệ với Việt nam, nhiều nhà lãnh đạo cao cấp ở nhiều nước Tây, Bắc Âu vẫn thường nhắc với lòng tự hào rằng họ là những người thuộc thế hệ Việt nam, đã từng xuống đường tham gia biểu tình chống cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt nam. Lúc đó, nói như bà Thủ tướng Na uy Brăn-ben : "Việt nam đã là mối quan tâm lớn đối với một thế hệ người phương Tây". Bà còn cho rằng thái độ của thế hệ này đối với cuộc chiến tranh đó đã "chi phối chính sách của nhiều nước phương Tây đối với Việt nam". Vừa qua, cũng chính những nước này đã tích cực đi đầu trong việc đòi Mỹ bỏ cấm vận chống Việt nam và đã góp phần tích cực thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ Mỹ - Việt. Nhiều vị lãnh đạo các nước này khi gặp các vị lãnh đạo ta đã phát biểu rất cảm động, bày tỏ tình cảm chân thành, quý trọng và khâm phục đối với đất nước và con người Việt nam trong công cuộc kháng chiến vì độc lập dân tộc và thống nhất đất nước trước đây, cũng như trong công cuộc ĐỔI MỚI hiện nay.

Nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí và chiến lược của các nước Tây, Bắc Âu mà hạt nhân là EU, thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa, thúc đẩy các quan hệ hữu nghị truyền thống với các nước Tây, Bắc Âu luôn luôn là một ưu tiên quan

* Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ ngoại giao

Digitized by Google

trọng trong chính sách đối ngoại của nước ta thời kỳ ĐỔI MỚI và HỘI NHẬP. Theo phương hướng này, cùng với việc triển khai chính sách láng giềng và khu vực, khai thông quan hệ với các nước lớn và các trung tâm kinh tế - chính trị trên thế giới, năm qua chúng ta đã nâng quan hệ của Việt nam với các nước Tây, Bắc Âu và EU sang một giai đoạn phát triển mới, phong phú và sôi động.

Ngày 17-7-1995, tại Brúc-xen, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm, thay mặt Chính phủ Việt nam đã ký Hiệp định khung Việt nam - EU với Ngoại trưởng Tây ban nha Gia-vi-e Xó-la-na, Chủ tịch đương nhiệm Hội đồng EU và ông Ma-nu-en Ma-rin, Phó chủ tịch Ủy ban châu Âu, trước sự chứng kiến của tất cả các ngoại trưởng thành viên EU. Hiệp định khung vừa ký kết tạo ra khuôn khổ mới nhằm tăng cường hợp tác kinh tế, đa dạng hóa, trao đổi thương mại và thúc đẩy sự hợp tác trên các lĩnh vực khác mà cả hai bên cùng quan tâm.

Quan hệ chính trị giữa Việt nam và các nước Tây, Bắc Âu ngày càng đậm nét hơn. Tổng thống Pháp Ph.Mít-tơ-răng, vị nguyên thủ đầu tiên của một nước phương Tây, rồi Tổng thống Áo Th.Ken-xtin, Thủ tướng Thụy điển C. Bin, Thủ tướng Hà lan W. Cốc, Công chúa Anh, Hoàng tử kế vị Bỉ, Hoàng tử kế vị Lúc-xăm-bua, bộ trưởng ngoại giao các nước Pháp, Anh, Đức, Italia, Bỉ, Hà lan, ủy viên phụ trách đối ngoại của Ủy ban châu Âu v.v. đã sang thăm Việt nam. Hàng loạt các phái đoàn kinh tế cấp cao của các nước Tây, Bắc Âu đã vào Việt nam để bàn bạc với ta về khả năng phát triển, hợp tác kinh tế, thương mại.

20 năm sau cuộc đi thăm lịch sử của Thủ tướng Phạm Văn Đồng đến một số nước Tây, Bắc Âu, nhiều vị lãnh đạo cao cấp của ta đã tiến hành các cuộc thăm các nước này. Chủ tịch Lê Đức Anh đã dự lễ kỷ niệm 50 năm Ngày chiến thắng phát xít được tổ chức tại Pa-ri và thăm nước Pháp ; Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm Pháp, Đức, Bỉ, Anh, EU, Lúc-xăm-bua, Đan mạch, Na uy, Phần lan, Thụy điển và Ai-xơ-len.

Quan hệ hợp tác và trao đổi về mặt *quốc hội* giữa hai bên cũng được phát triển. Nhiều đoàn quốc hội các nước Tây, Bắc Âu đã thăm Việt nam ; và về phía ta, Chu tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh đã đi thăm Pháp, Đức, Thụy điển, Anh, Bỉ và Nghị viện châu Âu. Các cuộc thăm viếng và tiếp xúc cấp cao giữa ngành lập pháp của hai bên đã tạo ra những cơ sở chính trị rất quan trọng thúc đẩy sự phát triển các mối quan hệ hợp tác đa dạng trong nhiều lĩnh vực giữa Việt nam và các nước Tây, Bắc Âu.

Nhận thức sâu sắc nhiệm vụ ngoại giao phục vụ thiết thực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước và Quốc hội ta đã tập trung vào các quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, văn hóa, khoa học kỹ thuật với các nước Tây, Bắc Âu. Chúng ta đã ký với hầu hết các nước này hiệp định khung về hợp tác, hiệp định khuyến khích và bảo đảm đầu tư, hiệp định tránh đánh thuế song trùng, tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài. Đến nay, nhiều hiệp định kinh tế đã đi vào cuộc sống, và với hành trình "xuyên châu Âu" vừa qua của Thủ tướng Võ Văn Kiệt, Việt nam đã "phủ sóng ngoại giao" với khu vực Tây, Bắc Âu, thành công trong việc xây dựng các mối quan hệ hai bên cùng có lợi.

Trong mấy năm qua, các nước Tây, Bắc Âu đã có những giúp đỡ thiết thực cho sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta. Chúng ta đã tranh thủ được nguồn tài trợ ODA quan trọng. Chỉ tính riêng năm 1994, số tiền các nước Tây, Bắc Âu giúp Việt nam là khoảng 350 triệu USD, trong đó 3/5 là viện trợ không hoàn lại. Nhiều nước đã cung cấp tín dụng ưu đãi cho Việt nam và bảo lãnh tín dụng xuất khẩu trung và dài hạn. Hầu hết các nước Tây, Bắc Âu đã xử lý thuận lợi vấn đề nợ quá hạn cho Việt nam bằng cách xóa, giảm hoặc kéo dài thời gian trả nợ. Riêng số tiền nợ quá hạn các nước đã xóa cho ta trị giá khoảng 400 triệu USD.

Kim ngạch buôn bán giữa Việt nam với Tây, Bắc Âu trong thời gian qua cũng tăng lên đáng kể. Năm 1993, theo thống kê của EU, kim ngạch buôn bán giữa Việt nam với EU là 1236 triệu USD, trong đó ta xuất 652 triệu và nhập 583 triệu, (so với năm 1990, kim ngạch hai chiều là 193 triệu USD, trong đó ta xuất 40 triệu). Các nước Tây, Bắc Âu cũng chiếm một vị trí quan trọng về đầu tư vào Việt nam. Tính đến tháng 5-1995, tổng số đầu tư

Digitized by Google

của Tây, Bắc Âu tại Việt nam là gần 3 tỉ USD, chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu khí, chế biến thực phẩm, viễn thông, sản xuất vật liệu xây dựng, hạ tầng cơ sở, chế biến thực phẩm, sản xuất hàng xuất khẩu, du lịch. Thông qua quan hệ hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật, Việt nam có thể tranh thủ được việc chuyển giao kỹ thuật, đào tạo cán bộ mà ta cần về quản lý kinh tế, tài chính, ngân hàng, pháp lý, hành chính...

Rõ ràng, chủ trương phát triển quan hệ với các nước Tây, Bắc Âu là một chính sách đúng đắn. Nó đã mang lại kết quả lớn lao cả về chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý. Quan hệ tốt với các nước này còn có tác dụng thúc đẩy quan hệ giữa ta với các tổ chức quốc tế cũng như các nước ở các khu vực khác. Chính các nước Tây, Bắc Âu là các nước đi đầu giúp ta khai thông quan hệ với Quỹ tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới, và đóng góp tích cực vào hai hội nghị quốc tế tài trợ cho Việt nam tổ chức ở Pa-ri tháng 11-1993 và tháng 12-1994, cũng như Hội nghị Câu lạc bộ Pa-ri tháng 12-1993 để giải quyết vấn đề nợ của Việt nam. Tại hai hội nghị quốc tế tài trợ cho Việt nam, cùng với các nước khác, các nước Tây, Bắc Âu đã cam kết đóng góp nguồn tài trợ quan trọng giúp Việt nam. Các nước Tây, Bắc Âu hoan nghênh và ủng hộ ta tham gia ASEAN, cũng như các diễn đàn khu vực khác và Tổ chức thương mại thế giới (WTO).

Một nước Việt nam đổi mới thành công, dồi dào tiềm năng và triển vọng phát triển, ổn định về chính trị, đang trở thành một đối tác quan trọng đối với các nước, trong đó có các nước Tây, Bắc Âu. Mặt khác, các nước Tây, Bắc Âu, trong tình hình mới, có nhu cầu tăng cường và mở rộng quan hệ với khu vực châu Á-Thái bình dương nói chung và Đông - Nam Á nói riêng, vì theo họ, đây là khu vực phát triển năng động nhất và có triển vọng trở thành một trung tâm kinh tế - thương mại quan trọng nhất trong thế kỷ tới. Chính vì vậy, tại Hội nghị cấp cao ở Đức tháng 12-1994, nguyên thủ các nước EU đã thông qua "Chiến lược châu Á mới", khẳng định EU sẽ tăng cường sự có mặt ở châu Á - Thái bình dương về cả kinh tế, chính trị và an ninh. Chiến lược mới vừa nhấn mạnh thúc đẩy hợp tác đa phương EU-ASEAN, APEC..., đồng thời cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của các mối quan hệ song phương, đặc biệt tuyên bố sẵn sàng có các biện pháp giúp đỡ quá trình đổi mới ở Việt nam. Nhiều nước Tây Âu, đặc biệt là hai nước đầu tàu Đức và Pháp, từ năm 1994, đã đề ra chính sách mới đối với châu Á với những biện pháp cụ thể khuyến khích và hỗ trợ các công ty thâm nhập thị trường rộng lớn và năng động này. Việc EU mở cơ quan đại diện thường trú tại Hà nội vào cuối năm nay sẽ là một bước mới, nâng quan hệ giữa nước ta với các nước Tây, Bắc Âu lên một tầm cao hơn.

Trong tình hình mới, với việc Mỹ bình thường quan hệ ngoại giao với Việt nam và Việt nam trở thành thành viên chính thức của ASEAN, thực hiện chính sách ngoại giao nhất quán "Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển", chúng ta tiếp tục đẩy mạnh quan hệ về mọi mặt với các nước Tây, Bắc Âu, tranh thủ những mặt mạnh, những ngành khoa học công nghệ hiện đại, kinh nghiệm quản lý tiên tiến của các nước này nhằm phát triển một số ngành kinh tế mũi nhọn trong nước, phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh sự hợp tác kinh tế, việc các nước Tây, Bắc Âu giúp nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước ở cấp vĩ mô, hoàn thiện hệ thống pháp luật trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền, cũng là những đóng góp có ý nghĩa.

Trên bình diện *khu vực* và *quốc tế*, việc tăng cường quan hệ với các nước Tây, Bắc Âu còn tạo cho chúng ta thêm thuận lợi mới trong các hoạt động với tư cách là thành viên đầy đủ của ASEAN, cũng như trong các quan hệ với các đối tác khác. Việc Việt nam có quan hệ tốt với từng nước Tây, Bắc Âu sẽ góp thuận lợi cho các mối quan hệ song phương, cũng như các mối quan hệ đa phương liên quan đến sự hợp tác giữa hai tổ chức khu vực ASEAN và EU, đại diện cho hai nhóm nước Đông - Nam Á và Cộng đồng châu Âu. Trong viễn cảnh đó, Hội nghị cấp cao Âu - Á dự kiến họp vào mùa xuân năm 1996 ở Băng-cốc sẽ là một sự kiện lịch sử quan trọng trong quan hệ giữa hai khu vực mà Việt nam sẽ là một thành viên tích cực ❑

Digitized by Google

Tiến tới Hội nghị thế giới lần thứ 4 về phụ nữ

Nhìn lại hai thập kỷ thực hiện NGHỊ QUYẾT CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ SỰ TIẾN BỘ CỦA PHỤ NỮ

NGUYỄN HỮU CÁT *
NGÔ THỊ NGỌC ANH **

THÁNG 9 năm nay, Hội nghị thế giới lần thứ tư về phụ nữ do Liên hợp quốc triệu tập sẽ được tổ chức tại Bắc kinh (thủ đô nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa) với chủ đề : "Hành động vì bình đẳng - phát triển - hòa bình". Đây là sự kiện có ý nghĩa trọng đại đối với phụ nữ nói riêng và toàn thể nhân loại nói chung. Nó ghi nhận sự tiến bộ, trưởng thành của phụ nữ thế giới trong hai thập kỷ vừa qua; đồng thời chỉ ra những mặt còn thiếu sót, hạn chế trong việc thực hiện các nghị quyết trước đây của Liên hợp quốc về sự nghiệp giải phóng phụ nữ thế giới. Điểm lại các hội nghị và mục tiêu đặt ra vì sự tiến bộ của phụ nữ chúng ta thấy :

Hội nghị lần thứ nhất được tiến hành tại thủ đô Mê-hi-cô từ ngày 16 tháng 6 đến ngày 2-7-1975, với 2 000 đại biểu từ khắp các châu lục trên thế giới tham dự. Hội nghị đã thảo luận và thông qua hai văn kiện quan trọng : "Tuyên bố Mê-hi-cô về quyền bình đẳng của phụ nữ và sự đóng góp của phụ nữ vào công cuộc phát triển và hòa bình" ; "Kế hoạch thực hiện các mục tiêu của Năm quốc tế phụ nữ". Nhất trí với yêu cầu của Hội nghị Mê-hi-cô, tháng 10 năm 1975, Liên hợp quốc đã tuyên bố thập kỷ 1976-1985 là thập kỷ phụ nữ.

Hội nghị lần thứ hai được tổ chức tại Cô-pen-ha-ghen (Đan mạch) từ ngày 14 đến ngày 29-7-1980. Cùng với chủ đề nêu ra ở Hội nghị lần thứ nhất, Hội nghị này thảo luận thêm ba vấn đề : giáo dục ; phụ nữ và việc làm ; phụ nữ và sức khỏe.

Hội nghị lần thứ ba họp tại Nai-rô-bi (Kê-ni-a) từ ngày 15 đến ngày 26-7-1985. Tại Hội nghị này, các đại biểu đã đánh giá, xem xét một cách nghiêm túc những việc đã làm được cũng như những vấn đề tồn tại trong "thập kỷ phụ nữ" mà Hội nghị lần trước đã đề ra. Hội nghị còn thông qua chương trình "chiến lược vì sự tiến bộ của phụ nữ đến năm 2000".

Trong thời gian diễn ra các Hội nghị quốc tế về phụ nữ, diễn đàn phi chính phủ cũng được tổ chức tại thủ đô các nước đăng cai Hội nghị quốc tế về phụ nữ. Thành phần của diễn đàn này được mở rộng hơn (cả nam và nữ) và số lượng tham dự ngày càng tăng (năm 1975 : 6 000 người ; 1980 : 8 000 người ; 1985: 15 000 người ; tháng 9 năm 1995 dự kiến 25 000 người). Điều đáng lưu ý là, tại diễn đàn này, ngoài những vấn đề mà Hội nghị thế giới về phụ nữ nêu ra, nhiều vấn đề khác như : nâng cao địa vị của phụ nữ ; quyền bình đẳng nam nữ ; phụ nữ với vấn đề việc làm, sức khỏe ; vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực nghệ thuật, âm nhạc ; sự nô lệ trong tình dục của phụ nữ,.. cũng được đưa ra thảo luận sôi nổi.

Căn cứ vào các mục tiêu đặt ra của ba hội nghị, qua hai thập kỷ thực hiện, có thể đánh giá một số nét cơ bản về sự tiến bộ của phụ nữ như sau :

1 - Nhìn chung, phong trào phụ nữ thế giới có bước phát triển rõ rệt, đặc biệt là trên các lĩnh vực giáo dục và y tế. Tỷ lệ phụ nữ mù chữ trên thế giới đã giảm từ 47% năm 1970 xuống còn 33% năm 1990. Trong khi đó số học sinh nữ tăng đều ở trường học các cấp. Theo dự báo của UNESCO, nếu chính phủ các nước có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan phát triển của quốc tế và các đoàn thể quần chúng để tạo điều kiện học tập cho phụ nữ, thì đến năm 2000 chỉ còn 28% phụ nữ trên thế giới mù chữ. Mặc dù vậy, số phụ nữ mù chữ vẫn còn chiếm tới 2/3 tổng số người mù chữ trên toàn thế giới. Điều này không thể xem thường. Trong hai thập kỷ qua sức khỏe của phụ nữ cũng khá hơn. Tuổi thọ của phụ nữ thế giới tăng lên rõ rệt. Các biện pháp khoa học phòng tránh thai được sử dụng rộng rãi nên tỷ lệ sinh đẻ cùng với số trẻ em tử vong đã giảm đáng kể. Song, theo số liệu thống kê của Liên hợp quốc, mỗi năm vẫn có hàng trăm nghìn chị em bị chết do phá thai bằng những biện pháp không an toàn hoặc bị tai biến khi mang thai, khi sinh đẻ.

Ở Việt nam, mặc dù có nhiều tiến bộ về giáo dục và y tế, nhưng số phụ nữ mù chữ vẫn nhiều hơn nam giới ; trình độ học vấn của phụ

* PTS, cán bộ giảng dạy Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

** Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt nam

Digitized by Google

nữ vẫn thấp hơn nam giới (trong số người có trình độ cao đẳng và đại học, phụ nữ chỉ chiếm 37%, phó tiến sĩ : 11%, tiến sĩ : 6%, giáo sư : 4%, phó giáo sư : 4,24%). Sức khỏe và tuổi thọ của phụ nữ vẫn đang còn là điều nhức nhối. Ở những vùng sâu, vùng xa, rất nhiều chị em chưa biết đến các biện pháp phòng tránh thai...

2 - Trong hai thập kỷ qua, phụ nữ cũng có những tiến bộ trên lĩnh vực hoạt động chính trị. Ở Liên hợp quốc, cuối năm 1993 phụ nữ chiếm 32% các chức vụ chuyên môn trong Ban thư ký Liên hợp quốc (năm 1975 chỉ có 16%). Nhiều phụ nữ đứng đầu chính phủ các nước. Trong quá trình hoạch định chính sách, điều hành công việc... phụ nữ tỏ ra không thua kém nam giới. Mặt khác, cần phải thấy rằng số phụ nữ nắm quyền lãnh đạo chưa tương xứng với lực lượng cán bộ nữ và lao động nữ. Số liệu của Liên hợp quốc cho biết, tỷ lệ phụ nữ là đại biểu quốc hội ở các nước trong hai thập kỷ chỉ chiếm trên dưới 10%. Liên hợp quốc có 184 thành viên thì chỉ có 8 nước có đại diện thường trực là nữ.

Ở Việt nam phụ nữ chiếm 53% dân số, 52% lực lượng lao động, nhưng số cán bộ nữ tham gia quản lý nhà nước chỉ có 10%, mà chủ yếu làm cấp phó. Mặc dù đã có Nghị quyết 04 của Bộ chính trị (ngày 12 tháng 7 năm 1993) và chỉ thị 37 của Ban bí thư (ngày 16 tháng 5 năm 1994) về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới, nhưng công tác vận động phụ nữ chưa tiến triển được bao nhiêu. Kết quả cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp ngày 20 tháng 11 năm 1994 cho thấy tỷ lệ nữ trúng cử chưa tương xứng với tổng số cán bộ nữ. Ở cấp tỉnh, thành, bình quân trong cả nước phụ nữ trúng cử vào Hội đồng nhân dân chỉ chiếm 17%. Đã thế, tỷ lệ đó lại không đồng đều ở tất cả các cấp. Chẳng hạn có tỉnh, phụ nữ trong Hội đồng nhân dân chiếm 35% (Hà giang), trong khi đó có tỉnh chỉ 10% (Đắc lắc). Ở cấp quận, huyện, phường, xã cũng vậy. Thí dụ, ở Hà nội, cấp quận, huyện : 33,76% ; cấp xã, phường : 24,19%. Ở TP Hồ Chí Minh, cấp quận, huyện : 19,81% ; cấp xã, phường : 14,5%.

3 - Kinh tế là lĩnh vực mà phụ nữ đạt được những tiến bộ ít nhất trong hai thập kỷ vừa qua. Tuy phụ nữ tham gia vào thị trường lao động nhiều hơn (khoảng 35%), nhưng họ phải chịu những thiệt thòi và có nhiều vấn đề đáng lo ngại đang đặt ra. Theo điều tra của Liên hợp quốc, phụ nữ phải lao động nhiều giờ hơn nam giới. Đặc biệt, những nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, mỗi ngày phụ nữ thường lao động nhiều hơn nam giới từ 1.5 đến 2 giờ nhưng lương lại thấp hơn. Điều bất hợp lý vẫn thường xảy ra là cùng làm một công việc nhưng phụ nữ chỉ được hưởng 70% lương so với nam giới. Những nước gặp khó khăn về kinh tế đã làm cho người lao động khổ cực, trong đó người phụ nữ phải gánh chịu nhiều nhất. Nhiều phụ nữ (đặc biệt các vùng nông thôn, miền núi) không có việc làm phải ra thành phố kiếm sống và họ trở thành nạn nhân chủ yếu của các tệ nạn xã hội như đĩ điếm, bệnh tật... Ngày nay, trong tổng số một tỷ người nghèo khổ đang sống ở các vùng nông thôn toàn thế giới thì hơn 60% là nữ.

4 - Phụ nữ thế giới cũng đang bị đối xử bất bình đẳng với nam giới. Mặc dù *Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ* được Liên hợp quốc thông qua năm 1979 và đã được 126 nước thành viên của Liên hợp quốc chính thức chấp nhận, nhưng từ chỗ ký và phê chuẩn Công ước đến việc thực hiện đang còn một khoảng cách khá xa. Tình trạng đối xử tàn tệ với phụ nữ không chỉ diễn ra ở những nước có nền kinh tế lạc hậu, trình độ dân trí thấp hoặc có những trói buộc về tôn giáo, tín ngưỡng, mà còn xảy ra ngay tại các nước có nền kinh tế phát triển vào loại đứng đầu thế giới, có trình độ học vấn, khoa học kỹ thuật cao. Tình trạng bạo lực đối với phụ nữ thường xuyên xảy ra ở ngoài xã hội và ngay trong các gia đình.

Ở Việt nam, quan hệ bình đẳng giữa nam và nữ trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội đã có những tiến bộ vượt bậc. Tuy nhiên, đây đó, tình trạng coi thường phụ nữ, đối xử không công bằng với phụ nữ, thậm chí ngược đãi phụ nữ vẫn còn xảy ra ; có nơi rất nghiêm trọng.

*

* *

Do ý thức được vị trí và tầm quan trọng của phụ nữ đối với sự nghiệp cách mạng cho nên Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương chính sách, chỉ thị, nghị quyết nhằm tạo điều kiện thuận lợi để phụ nữ phát huy hết khả năng của mình và cống hiến ngày càng nhiều cho đất nước. Sau khi nhận được thông báo của Ủy ban kinh tế - xã hội khu vực châu Á - Thái bình dương về việc các nước thành viên Liên hợp quốc xây dựng và hoàn chỉnh bộ máy cấp quốc gia để chăm lo tới sự tiến bộ của phụ nữ và chuẩn bị cho Hội nghị thế giới lần thứ tư về phụ nữ, chúng ta đã kiện toàn một bước về tổ chức của *Ủy ban Quốc gia về thập kỷ của phụ nữ Việt nam*. Ngày 25 tháng 2 năm 1993, Thủ tướng chính phủ đã ra quyết định số 72 về việc đổi tên Ủy ban Quốc gia về thập kỷ của phụ nữ Việt nam thành *Ủy ban Quốc gia về sự tiến bộ của phụ nữ Việt nam*. Thành phần của Ủy ban bao gồm các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Trung ương Hội liên hiệp

Digitized by Google

phụ nữ, Bộ ngoại giao, Bộ giáo dục và đào tạo, Tổng liên đoàn lao động, Hội nông dân và một số nhân sĩ, trí thức yêu nước... Sau khi kiện toàn tổ chức, Uỷ ban đã tích cực hoạt động. Chúng ta đã tiến hành khảo sát, đánh giá lại thực trạng tình hình phụ nữ và lao động nữ cũng như việc thực hiện các chủ trương, chính sách về công tác cán bộ nữ ở những đơn vị, ngành, địa phương quan trọng, hoàn chỉnh báo cáo của Chính phủ về việc thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Liên hợp quốc về sự tiến bộ của phụ nữ Việt nam đến năm 2000. Việt nam đã tham gia tích cực vào việc chuẩn bị và tham gia Hội nghị cấp bộ trưởng khu vực châu Á - Thái bình dương lần thứ hai với chủ đề "Vì phụ nữ trong phát triển" tổ chức từ ngày 7 đến ngày 14-6-1994 tại Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a). Những đóng góp của đoàn Việt nam đã được Hội nghị đánh giá cao. Căn cứ vào 10 chương trình hành động của khu vực châu Á - Thái bình dương tại Hội nghị và căn cứ vào thực tiễn của Việt nam, *Uỷ ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt nam* đã nêu 12 vấn đề trong chương trình hành động quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2000. Những vấn đề đó là :

1 - Phụ nữ và vấn đề nghèo khổ.

2 - Quyền bình đẳng của phụ nữ trong việc tham gia các hoạt động kinh tế.

3 - Quyền bình đẳng của phụ nữ trong việc quản lý môi trường và nguồn tài nguyên.

4 - Quyền bình đẳng của phụ nữ về quyền lực và ra các quyết định.

5 - Bảo vệ và phát huy quyền con người của phụ nữ.

6 - Quyền bình đẳng của phụ nữ về y tế.

7 - Quyền bình đẳng của phụ nữ về giáo dục.

8 - Đảm bảo đưa các hình ảnh tích cực của phụ nữ trên các phương tiện thông tin đại chúng.

9 - Kiện toàn bộ máy vì sự tiến bộ của phụ nữ.

10 - Phụ nữ và vấn đề hòa bình.

11 - Tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia vào các hoạt động xã hội, góp phần phòng chống và đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

12 - Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc.

Thực hiện những nội dung trên đây vừa là vấn đề chiến lược lâu dài vừa là những việc làm cấp bách trước mắt vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt nam ⌟

Đảng bộ khối...

(Tiếp theo trang 58)

cơ quan đảng : khối các cơ quan đoàn thể : và khối nội chính.

Sau khi hoàn thiện hệ thống quản lý cơ chế thị trường, giải thể một số bộ, sở chủ quản các ngành sản xuất, thì lúc ấy xóa bỏ hình thức tổ chức đảng bộ theo ngành (sở) ở các thành phố lớn, đưa các đơn vị cơ sở trong các đảng bộ ngành về trực thuộc các đảng bộ khối kinh tế chung chuyên ngành trên địa bàn, không phân biệt khối kinh tế trung ương và địa phương. Đối với các cơ quan chức năng và các ngành tổng hợp, dịch vụ như : giáo dục, y tế, điện lực, tài chính, ngân hàng, kho bạc, ngành thuế v.v.. thì cần duy trì và tổ chức mới (đối với các địa phương chưa thành lập) đảng bộ ngành dọc, xuyên suốt trên địa bàn cấp tỉnh để gắn công tác đảng với nhiệm vụ chính trị và giảm đầu mối cần thiết cho cấp quận, huyện. Thực hiện vấn đề này không có gì trở ngại đến việc thực hiện các chính sách địa phương, vì hoạt động trên địa bàn nào các đơn vị cơ sở cũng đều phải tạo mối quan hệ tốt với địa phương để hỗ trợ công việc chung. Mặt khác cũng góp phần xây dựng đảng bộ và tạo nguồn cán bộ cho địa phương, nếu có yêu cầu. Chỉ cần có cơ chế, chính sách đúng là thu hút được nhân tài về địa phương mình. Một số tỉnh, thành phố như : Hà nội, Hải phòng, Quảng ninh ... nhiều năm qua đã làm tốt việc tạo nguồn cán bộ từ các cơ sở kinh tế, công nghiệp và cơ quan nghiên cứu khoa học của trung ương đóng trên địa bàn để bổ sung cho cấp ủy địa phương mình.

Định hình các mô hình đảng bộ khối như trên, các đảng bộ khối sẽ có điều kiện lãnh đạo các mặt công tác, kể cả xây dựng và lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị. Bởi vì mỗi tổ chức dù có chính quyền cùng cấp, hay không có chính quyền cùng cấp đều có nhiệm vụ chính trị, bao gồm : nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước v.v... Đó là nhiệm vụ trung tâm, qua đó để xây dựng tổ chức, bố trí cán bộ và định ra nội dung về xây dựng Đảng. Trung ương và các cấp ủy địa phương cần bố trí cán bộ có trình độ, năng lực, phẩm chất, nhất là đồng chí bí thư ngang tầm nhiệm vụ. Cần có chính sách và biện chế thích hợp tạo điều kiện hoạt động của đảng bộ để các khối làm tốt vai trò hạt nhân chính trị và lãnh đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao ⌟

Digitized by Google

"Việt nam trên đà lột xác"

Lời BBT : Cuốn Tâm thư *của Đỗ Mậu (nguyên là trung tướng của quân đội Sài gòn trước năm 1975, hiện nay đang sống ở Mỹ) được xuất bản ở Pa-ri đầu năm 1995. Cuốn sách có 5 phần : 1 - Thay lời tựa ; 2 - Suy nghĩ cuộc đời ; 3 - Những cơ hội đánh mất ; 4 - Thử đi sâu một số bí ẩn lịch sử ; 5 - Tài liệu đọc thêm. "Việt nam trên đà lột xác" là một bài trong phần 2 của cuốn sách. Chúng tôi trích đăng một số đoạn để bạn đọc tham khảo. Đương nhiên chúng ta tham khảo có phân tích, chọn lọc.*

• Từ 30-4-1975 đến nay, tại hải ngoại, các tôn giáo, đảng phái, đoàn thể chính trị cũng như báo chí đua nhau kết tội cộng sản, kết tội Nhà nước Việt nam đương quyền với những lời lẽ mạt sát, chửi bới vô cùng thậm tệ và đua nhau hô hào chống cộng cho đến kỳ cùng, hô hào lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa tại Việt nam hiện nay.

Ba câu hỏi liền được đặt ra :

1 - Tại sao người Việt quốc gia (ở miền Nam Việt nam -BT) chiếm 99% dân số lại để cho cộng sản nắm được chính quyền ?

2 - Người quốc gia ở hải ngoại hô hào chống cộng đến kỳ cùng để lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa đương quyền, có chống được không, có lật đổ được không ?

3 - Phỏng thể sau 30 năm chiến tranh, sau ngày 30-4-1975, tình thế đổi ngược lại, miền Nam chiến thắng được miền Bắc thì người quốc gia có đối xử với người cộng sản như người cộng sản đã đối xử với người quốc gia từ năm 1975 đến nay hay không ? Có gây hận thù với người miền Bắc hay không ?

Trả lời *câu hỏi thứ nhất.*

Muốn trả lời câu hỏi thứ nhất trước hết phải đặt ra những câu hỏi khác :

- Việt nam bị phong kiến áp bức, thực dân đô hộ cả 100 năm trời, đã có rất nhiều phong trào, tổ chức cách mạng hoặc nổi lên ở trong nước hoặc xuất dương để tranh đấu và cầu ngoại viện hầu đánh đuổi Pháp, giành lại độc lập cho Tổ quốc, tại sao các phong trào cách mạng quốc gia đó lại để cho một mình phong trào cộng sản do ông Hồ Chí Minh lãnh đạo cướp được chính quyền ?

- Năm 1945, chính quyền đang nằm trong tay Chính phủ Trần Trọng Kim, một chính phủ được ca tụng là nhiều nhân tài, nhiều người yêu nước, nhưng tại sao lại để chính quyền lọt vào tay Việt minh của ông Hồ Chí Minh ?

- Tại sao ông Ngô Đình Diệm, rồi ông Nguyễn Văn Thiệu không tham dự kháng chiến giành độc lập mà được cầm quyền một nửa quốc gia, có binh hùng tướng mạnh, có khối Thiên chúa giáo, có Va-ti-căng và Hoa kỳ yểm trợ tối đa, lại để cho miền Nam rơi vào tay cộng sản ?

Hỏi như thế là đã trả lời rồi. Trả lời rằng : Vì người quốc gia bất tài, bất lực, lại chia rẽ cấu xé lẫn nhau, không xứng đáng là đối thủ của cộng sản, nên cộng sản mới cướp được chính quyền. Thì còn trách ai ? Cứ xem việc những nhân vật tên tuổi, lãnh tụ của nhiều đoàn thể cách mạng, như Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ, Bồ Xuân Luật, Nguyễn Tường Tam... Từ năm 1940 đến 1944, tại Liễu châu và Côn minh (Quảng tây) đã để cho nhóm cộng sản Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp v.v. lừa gạt, và mặc dù Hồ Chí Minh đang bị Quốc dân đảng Tàu giam cầm mà Hồ Chí Minh vẫn về được nước trước để giành lấy công cuộc kháng chiến (xem : "Hồ Chí Minh, con người và huyền thoại" của Chánh Đạo, Văn hóa, 1993). Xem thế đủ biết cái yếu

Digitized by Google

kém, cái tầm thường của phe quốc gia.

Ngoài lý do cộng sản có khả năng, có tài thao lược, lại phải nói thêm lý do cộng sản nắm được chính nghĩa nữa. Cộng sản đã có công cướp được chính quyền trong tay phát xít Nhật và phong kiến bù nhìn Bảo Đại, chứ cộng sản có cướp chính quyền từ tay người quốc gia đâu ?

Sau này khi đất nước chia đôi, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, con cờ của cộng sản ra đời, rồi quân Bắc Việt tiến chiếm miền Nam là cũng vì phe quốc gia do Ngô Đình Diệm lãnh đạo đã không chịu thi hành tổng tuyển cử thống nhất hai miền, như Hiệp định Giơ-ne-vơ đã quy định. Vậy thì còn trách ai ?

Đã thế Va-ti-căng, từ thời Giáo hoàng Giôn XXIII (1958-1963) đến thời Giáo hoàng Pôn VI (1963-1978), lại thỏa hiệp với Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt nam, đã giúp Hà nội thêm chính nghĩa và vững tin tiến chiếm miền Nam. Như thế thì còn trách ai ?

Phe quốc gia Ngô Đình Diệm còn bày trò tố cộng, còn rước quân Mỹ vào miền Nam, và sau này thời Nguyễn Văn Thiệu lại có đội quân hùng hậu Mỹ tham chiến mà miền Nam cũng không thắng nổi cộng sản, phải ký Hiệp ước Pa-ri (1973), giá trị không hơn thứ hiệp ước đầu hàng, thì còn trách ai ?

Vấn đề lại được đặt ra là, nếu ông Diệm và Hoa kỳ bằng lòng thi hành tổng tuyển cử theo quy định của Hiệp ước Giơ-ne-vơ năm 1954, thì đất nước ta đã như thế nào rồi ? Có phải đã tránh được cuộc chiến tranh 20 năm núi xương sông máu hay không ? Có phải, dù cộng sản có nắm chính quyền toàn quốc, phe quốc gia vẫn có 15 triệu người ở miền Nam và mấy triệu người ở miền Bắc xây dựng khối độc lập để buộc cộng sản phải thi hành chế độ lưỡng đảng hay đa đảng rồi hay không ? Có phải hàng triệu người Việt đã khỏi bỏ nước ra đi làm dân lưu vong biệt xứ hay không ?

Có người lý luận rằng vì ông Diệm và người Mỹ không ký vào Hiệp ước Giơ-ne-vơ nên ông có quyền không chịu thi hành tổng tuyển cử hai miền. Nói vậy là sai, vì không ký vào Hiệp ước Giơ-ne-vơ mà lại thi hành Hiệp ước Giơ-ne-vơ, như chấp nhận rút quân khỏi Bắc Việt theo quy định và kế hoạch của Hiệp ước Giơ-ne-vơ, chấp nhận sự hiện diện của Ủy hội quốc tế đình chiến để kiểm soát hai miền về sự thi hành những điều kiện của Hiệp ước, chấp nhận việc không cho quân ngoại nhập vào hai miền. Thật ra ông Diệm không phải không biết như thế, nhưng vì ông biết nếu thực hiện tổng tuyển cử thì miền Nam sẽ thua, ông Diệm sẽ mất chính quyền, và lại ông đã có người Mỹ làm con ngoáo ộp che chở ông, đứng sau lưng, nên ông mới dám bác bỏ tổng tuyển cử.

Đến đây tôi có thể khẳng định rằng, ông Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản của ông ta đã có công đánh đuổi được thực dân Pháp năm 1954 và thống nhất đất nước năm 1975, thu giang sơn về một mối. Không lẽ lịch sử dân tộc không ghi sự nghiệp vĩ đại này cho ông Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản của ông ta? Nếu năm 1975 mà người quốc gia nắm chính quyền thì lịch sử Việt nam sẽ gọi ông Hồ và Đảng cộng sản Việt nam là giặc, là tội đồ của dân tộc, cũng như khi Gia Long thống nhất sơn hà thì Nguyễn Quang Trung trở thành giặc. Nhưng với thời gian, và lịch sử Việt nam, Quang Trung vẫn là anh hùng vĩ đại của dân tộc.

Gươm chỉ trời xa ngựa phi nước đại,

Ta nhớ mãi người anh hùng áo vải đất Quy nhơn

• Vì hận thù người cộng sản nên người quốc gia hải ngoại mang bày lên mặt báo những xuyên tạc, thêu dệt vu khống quá lố mà không tự vấn lương tâm. Họ gán cho Việt nam ngày nay là quốc gia nghèo nhất thế giới, họ quên rằng Mê-hi-cô, Phi-líp-pin còn nghèo hơn. Họ gán cho Việt nam tội ác tràn ngập khắp cả nước, tham nhũng lan tràn không một quốc gia nào bằng, một quốc gia mà đi đến đâu cũng thấy toàn là chuyện xấu xa, dơ bẩn, mà họ quên rằng dưới hai chế độ cộng hòa nào có thua gì, và lại hàng vạn người về thăm Việt nam là chứng nhân và ông Nguyễn Cao Kỳ có tuyên bố với báo *Thanh niên* ở trong nước : "Báo trong nước càng ngày càng hay và nói trung thực, còn báo Việt ở hải ngoại thì bậy bạ hết chỗ nói".

Tôi đồng ý rằng hiện nay tại Việt nam còn nạn lộng quyền, nạn tham nhũng, xã hội còn trộm cướp, đĩ điếm, nhưng nếu họ chịu khó so sánh để thấy rằng cấp lãnh đạo Việt nam xã hội chủ nghĩa không buôn thuốc phiện, không tham nhũng như các ông Nhu, Thục, Cẩn, Thiệu, Khiêm, Viên, Quang, Có, Ngô

Digitized by Google

Du v.v.. Không chuyển tiền ra ngoại quốc như các ông Nhu, Thục, Cẩn... Cũng không lộng quyền một cách trắng trợn bằng cách gạch tên những dân biểu đắc cử vào hàng đầu vì họ không chịu làm gia nô.

• Cuối năm 1993 tôi quyết định cho một người con của tôi về Việt nam, trước để thăm viếng nơi chôn nhau cắt rốn, sau để quan sát tận mắt dân tình và xứ sở xem ngày nay đã có những thay đổi tốt đẹp gì chưa?

Làng tôi vốn đã nghèo như tôi mô tả trong *Hồi ký* của tôi, suốt thời kỳ Mỹ ném bom Bắc Việt, làng tôi lại là nơi hứng chịu nhiều nhất về bom đạn vì làng tôi ở trên bờ sông Gianh, gần rừng già Tuyên hóa, một vùng chiến lược.

Thời Pháp đô hộ, làng tôi chỉ có 20% nhà ngói, 80% là nhà tranh, nhưng nay thì ngược lại đã có đến 80% nhà ngói, có cả nhà lầu, 20% nhà tranh. Ở thôn quê Việt nam, nơi nào nhiều nhà ngói là biểu hiện cho sự giàu có, ăn nên làm ra. Đường sá không còn bùn lầy nước đọng nữa, mà xe ô tô có thể chạy khắp làng. Trường học làng tôi trước chỉ có hai lớp lụp xụp, nay có đến năm lớp khang trang. Qua cuộn vi-đê-ô tôi thấy các em bé học sinh ăn mặc lành lặn, sạch sẽ, trời lạnh mà em nào cũng có áo ấm và đi dép cao su, khác với Việt nam thời tôi còn trẻ đi học phải mang tơi đội nón, đi chân không. Điểm làm cho tôi không ngờ là điện chạy từ Đồng hới về làng, cách 42 cây số, nhà khá giả có thể bắt được điện và gắn ti vi như nhà cháu tôi. Làng được một Hội đồng quản trị làm việc trong tinh thần dân chủ, kỷ luật cởi mở, không còn cảnh tượng Lý Toét, Xã Xệ, cường hào ác bá như xưa kia.

Nhưng điều đặc biệt mà tôi chú ý nhất là vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng và các phong tục cổ truyền. Trước hết, dân Việt nam được nhà nước khuyến khích việc thờ cúng tổ tiên ông bà, coi như là quốc đạo, các lễ nghi cổ tục đều được phục hồi. Ai có theo dõi thêm chương trình "Asia Now" ("Châu Á ngày nay") của Hoa kỳ trên băng tần PBS trưa thứ bảy mỗi tuần, sẽ thấy thỉnh thoảng có chiếu những lễ nghi, cổ tục đang được phục hồi tại Việt nam, kể cả lễ rước thần, các hội hè mùa Xuân.

Ngôi nhà thờ tổ của họ tôi bị bom Mỹ san bằng, nay được con cháu họ tôi đóng góp tiền bạc xây cất mới lại hoàn toàn, cũng có mái cong cong, cũng có lưỡng long triều nguyệt, cũng có trạm trổ quy, phượng, long, lân, voi chầu, ngựa phục, cũng có cờ vuông, cờ đuôi nheo, chiêng, trống, hộ bộ, bát bửu... đầy đủ khí cụ thờ cúng của thời xa xưa mà Hà nội là nơi có kỹ nghệ sản xuất đang phát tài, chứng tỏ tín ngưỡng đang được phục hồi mạnh mẽ.

Ngôi nhà cha mẹ tôi ở xưa kia, nơi tôi ra đời vốn bằng tranh, nay bằng gạch ngói, lại có ao sen hồ cạn, cây cảnh bốn mùa. Một người cháu nội của cha tôi nay là gia trưởng coi việc cúng kỵ hằng năm, chủ nhân ngôi nhà đầy kỷ niệm của tôi thời thơ ấu.

Cầu sông Gianh đang được một công ty Pháp xây cất theo kiểu cầu xa lộ, vì nhà nước đương quyền đã có chủ trương thiết lập đường xa lộ chạy dài từ Cao bằng, Lạng sơn vào đến Cà mau, Tây ninh.

Thành phố Đồng hới, tỉnh lỵ Quảng bình, cũng đã được tái thiết như một thành phố nghỉ mát trên cửa sông Nhật lệ, không còn quê mùa lụp xụp như trước nữa, mà có nhà lầu 4, 5 tầng, có sân vận động, có hoa viên đàng hoàng. Đây quả thật là một cố gắng vượt bậc của nhà nước đương quyền, vì từ năm 1945, 1946 Đồng hới bị triệt hạ theo chủ trương "vườn không, nhà trống", thế mà từ sau năm 1975, hòa bình trở lại, thành phố được xây cất tân tiến theo kiểu Tây phương.

Sau 50 năm chiến chinh xa cách, nay nhờ quê hương thống nhất, đất nước thanh bình, con tôi đại diện cho gia đình trở về làng xưa, xóm cũ, thăm viếng bà con họ hàng và dâng một nén hương lên bàn thờ ông bà, cha mẹ, được mọi người già trẻ niềm nở đón chào, mừng mừng tủi tủi, tiếng khóc chen lẫn tiếng cười, tôi thật không ngờ có ngày đẹp trời đến thế ! Cứ tưởng chủ nghĩa và ý thức hệ mãi mãi phân cách đôi bờ. Những hình ảnh quê mùa nhưng đầy tình bà con thắm thiết nơi chôn nhau cắt rốn, hiện ra trên máy ti vi làm cho tôi không cầm được nước mắt, tự hỏi *biết bao giờ tôi có thể trở lại cố hương ?*

... Trong lúc tôi cho con tôi về quê cốt để nhìn tận mắt, nghe tận tai cảnh "lột xác" của quê hương, đặc biệt về phương diện tôn giáo và tín ngưỡng, phong tục, thì người bạn trẻ của gia đình tôi, tiến sĩ Lý Khôi Việt, cũng về thăm quê hương. Hành trình về thăm quê hương đã được Lý Khôi Việt viết thành hồi ký nhỏ trên tờ *Bông sen* do chính

(Xem tiếp trang 71)

Digitized by Google

THUẾ, HỆ THỐNG THUẾ

• **THUẾ** là phần tiền hay sản vật mà người dân hoặc các tổ chức kinh doanh tùy theo tài sản, thu nhập, nghề nghiệp **buộc** phải nộp cho nhà nước theo mức quy định.

Thuế có rất nhiều loại, như : *thuế doanh thu, thuế lợi tức, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế nông nghiệp, thuế thu nhập, thuế tài sản, thuế môn bài...*, các *lệ phí* và *phí*. Thuế góp phần làm tăng nguồn thu cho nhà nước, kiểm soát mức phân phối và chi tiêu cho nền kinh tế.

Các loại thuế được ban hành dưới hình thức văn bản chủ yếu là *Luật* và *Pháp lệnh* của Quốc hội. Trong công tác quản lý thu thuế, người ta phân làm hai loại : *thuế trực thu* và *thuế gián thu*. **Thuế trực thu** là loại thuế động viên trực tiếp lợi tức của các doanh nghiệp và thu nhập của dân cư (như *thuế lợi tức, thuế thu nhập...*). **Thuế gián thu** là loại thuế do người sản xuất kinh doanh nộp, nhưng được tính vào giá bán hàng và do người tiêu dùng hàng hóa chịu (**như *thuế doanh thu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập...***).

Ở các nước kinh tế phát triển, số thuế trực thu thường chiếm tỷ trọng cao ; còn ở các nước kinh tế chậm phát triển thì thuế trực thu chiếm tỷ trọng nhỏ so với thuế gián thu. Về mặt *kỹ thuật nghiệp vụ* và *công tác quản lý thu thuế*, thuế gián thu ít phức tạp hơn, dễ thu hơn so với thuế trực thu. Về mặt *phản ứng của người nộp thuế*, thuế gián thu cũng ít hơn so với thuế trực thu.

Trong hệ thống thuế có nhiều sắc thuế ; mỗi sắc thuế lại có nhiều biểu thuế. Cụ thể là :

Thuế doanh thu là một loại thuế gián thu được tính vào giá bán sản phẩm và do người tiêu dùng chịu. Thuế doanh thu có nhiều thuế suất và phức tạp. Ở nước ta, thuế doanh thu gồm 15 thuế suất (từ 0,5% đến 40%). Nếu phân theo ngành nghề hoạt động, thuế doanh thu có 61 nhóm thuế suất.

Thuế lợi tức là loại thuế trực thu đánh vào thu nhập của cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, nhằm tăng lợi tức và như một công cụ của chính sách tài chính. Thuế lợi tức thường được trả theo biểu thuế suất lũy tiến. Nó có thể dùng để tác động vào phân phối thu nhập trong xã hội, theo cùng chiều với chính sách xã hội.

Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế đánh vào một số mặt hàng tiêu thụ đặc biệt với biểu thuế suất cao (như thuốc lá điếu có đầu lọc, bia, rượu, pháo... là những mặt hàng không thiết yếu hoặc không khuyến khích phát triển, hay những mặt hàng cao cấp, như hàng điện tử). Thuế tiêu thụ đặc biệt là công cụ hướng dẫn tiêu dùng, điều tiết thu nhập của những người có thu nhập cao, làm nhiệm vụ bảo vệ hàng nội địa.

Thuế quan hay thuế nhập khẩu (Import levy) là loại thuế đánh vào các sản phẩm nhập khẩu, nhằm bảo hộ hàng công nghiệp nội địa trước sự cạnh tranh của nước ngoài. Ở nước ta, thuế quan là loại thuế đánh vào hàng hoa xuất khẩu và hàng hóa nhập khẩu theo hai cách : thu thuế theo tỷ lệ phần trăm cố định trên giá trị hàng hóa và thu tiền thuế theo đơn vị cụ thể của hàng hóa.

Thuế nông nghiệp là loại thuế thu theo diện tích đất canh tác nông nghiệp với mức thuế phân biệt đối với 5 loại đất. Thuế suất cho loại cây ngắn ngày được tính bằng thóc, nhưng nông dân có thể nộp thuế bằng sản phẩm hoặc tiền mặt.

Thuế môn bài là khoản tiền mà người kinh doanh phải nộp cho chính phủ để được phép mở cửa hàng.

Thuế giá trị gia tăng (Value added tax - VAT) là một loại thuế gián thu đánh theo giá trị gia tăng của một sản phẩm hay dịch vụ. Thuế dựa trên sự sai biệt giữa giá trị sản lượng và trị giá của lượng nhập dùng để sản xuất nó. Số lượng thuế sau cùng được cộng vào giá bán và do người mua trả.

Thuế thu nhập là loại thuế căn cứ theo mức thu nhập của cá nhân đạt mức giới hạn chịu thuế. Thu nhập chịu thuế gồm tiền lương, tiền thưởng, các khoản coi như lương, quà tặng, quà biếu... Thuế thu nhập có hai loại : *thu nhập thường xuyên* và *thu nhập không thường xuyên*. Đối tượng nộp thuế thu nhập là mọi công dân trong nước và người nước ngoài có thu nhập phát sinh ở nước sở tại không phân biệt nghề nghiệp, địa vị xã hội. Biểu thuế áp dụng là lũy tiến từng phần trên thu nhập chịu thuế.

Thuế tài sản (Wealth tax) là loại thuế đánh vào tài sản của một người khi những tài sản đó được chuyển qua người khác sử dụng. Thuế tài sản có thể được dùng để tái phân phối của cải trong xã hội như một phần của chính sách về phân phối thu nhập.

Ngoài các sắc thuế trên, còn nhiều loại thuế khác như : *thuế tài nguyên, thuế nhà đất, thuế thu nhập công ty, thuế phụ trội nhập khẩu...* Ở mỗi quốc gia đều căn cứ vào điều kiện cụ thể của nước mình để ban hành các sắc thuế, biểu thuế cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế.

• **HỆ THỐNG THUẾ** : Các loại thuế được ban hành dưới hình thức văn bản chủ yếu là *luật thuế* và *pháp lệnh thuế* của Quốc hội. Ở nước ta, Quốc hội khóa VIII, và khóa IX đã xác định, trong giai đoạn trước mắt, cơ cấu hệ thống chính sách thuế gồm *8 loại thuế* và một số *loại phí, lệ phí* áp dụng chung cho các thành phần kinh tế. Đó là : thuế doanh thu ; thuế

Digitized by Google

tiêu thụ đặc biệt ; thuế lợi tức ; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ; thuế nông nghiệp (thuế sử dụng đất nông nghiệp) ; thuế tài nguyên ; thuế thu nhập ; và thuế nhà đất.

Ngoài ra, có một số loại thuế mang tính chất *phí* như : phí giao thông, viện phí, học phí, thủy lợi phí... ; một số loại thuế mang tính chất *lệ phí* như thuế môn bài, thuế sát sinh, lệ phí trước bạ, lệ phí chứng thư...

Chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa trực tiếp sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, hệ thống thuế và từng chính sách thuế phải đạt được các yêu cầu :

Về *kinh tế*, thuế là công cụ để quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế, thúc đẩy kinh tế phát triển đúng hướng.

Về *tài chính*, mỗi chính sách thuế phải là nguồn thu quan trọng của ngân sách nhà nước.

Về *mặt xã hội*, thuế góp phần thực hiện bình đẳng và công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế.

Về nghiệp vụ, thuế cần đơn giản, dễ hiểu, dễ làm, phù hợp với hoàn cảnh của đất nước. Tùy theo điều kiện cụ thể của mỗi nước, cơ cấu hệ thống thuế được phân định hợp lý giữa thuế gián thu và thuế trực thu.

Nền kinh tế ở những nước chưa có tích lũy lớn, thu nhập thấp, thì tỷ trọng thuế gián thu lớn hơn so với thuế trực thu để dễ thu hơn. Từng bước nâng dần tỷ trọng thuế trực thu để bảo đảm công bằng xã hội trong đóng viên thuế.

Đương nhiên, ở mỗi thời kỳ, từng chính sách thuế có thay đổi cho phù hợp với điều kiện của nền kinh tế. Ở nước ta từ nay đến năm 2010 sẽ áp dụng *thuế thu nhập công ty* thay cho thuế lợi tức ; *thuế giá trị gia tăng* (VAT) thay cho thuế doanh thu. Bởi vì, thuế doanh thu có nhiều nhược điểm : thuế thu chồng chéo, trùng lắp qua mỗi khâu của quá trình sản xuất, kinh doanh, dễ nảy sinh tiêu cực trong công tác thu thuế. Về mặt tổ chức thực hiện, từ *ba* hệ thống tổ chức : thu quốc doanh, thuế nông nghiệp và thuế công thương nghiệp, sáp nhập thành *một* bộ máy quản lý thu theo hệ thống dọc thống nhất trong cả nước, chịu sự lãnh đạo song trùng của Bộ tài chính và Ủy ban nhân dân các cấp, đã phát huy tác dụng trong việc tổ chức và quản lý thu thuế. Cải tiến việc quản lý thuế bằng cách tách 3 bộ phận (bộ phận *tính thuế*, bộ phận *thu thuế*, bộ phận *kiểm tra thuế*) thành 3 đơn vị độc lập, tránh tình trạng vừa đá bóng vừa thổi còi, hiệu quả thu thuế kém. Từng bước triển khai nộp thuế qua kho bạc để đưa công tác thuế vào nền nếp ⌟

"Việt nam trên đà..."

(Tiếp theo trang 69)

anh chủ trương, mà tôi là độc giả thường trực nên đã được đọc.

... Lý Khôi Việt sau khi thăm viếng chùa chiền tại Huế, anh đi xe lửa ra Hà nội. Không ngờ sau khi lên tàu anh gặp được bậc cao tăng, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, cũng đi Hà nội để họp Quốc hội. Được nghe danh thầy và nay được trực tiếp nói chuyện với thầy, anh này ra ý kiến hy vọng thầy sẽ đóng được vai trò dung hợp khuynh hướng Phật giáo trong một Giáo hội duy nhất. Đây là ý kiến của một phật tử trí thức muốn Phật giáo được phục hồi trong tinh thần đại đoàn kết giữa một bối cảnh một chế độ chính trị thiên tả nhưng vẫn dân tộc, khác với tư tưởng hẹp hòi, cục bộ của các trí thức phật giáo Trần Quang Thuận, Võ Văn Ái chỉ muốn triệt hạ Phật giáo mà họ gán cho là quốc doanh, thứ Phật giáo vẫn kiên trì ở lại trong nước để bảo tồn và phát triển đạo Phật.

... Mô tả chuyến đi xe lửa ra Hà nội, Khôi Việt cho biết, mấy năm trước đi xe lửa là một cực hình vì hôi hám, vì chen lấn và thiếu an ninh. Nhưng ngày nay đi các chuyến xe lửa là một thú vui lớn, được băng mình qua các miền đất nước trên một chuyến xe lửa tiện nghi và sạch sẽ. Sự phục vụ trong các toa xe lửa đã đạt đến mức độ tiện nghi gần bằng trên máy bay, ăn uống ngon lành, đầy đủ sáng, trưa, chiều, và tối còn có cháo gà. Ai ngồi ghế nấy rất trật tự, ngăn nắp và an ninh. Có cả vi-đê-ô chiếu những phim ngoại quốc thật hay, có dịch ra tiếng Việt. Có các phòng có giường nằm riêng tư và kín đáo. Các sự loan báo bằng micrô trên tầu đều mở đầu bằng câu "Kính chúc quý khách...", thật êm ái, ngọt ngào. Ngoại trừ những lúc bão lụt, cầu sập, đường hư, còn đi và đến rất đúng giờ.

Quả là sự thay đổi một trời một vực nếu so sánh với tình trạng xe lửa cách đây vài năm. Đây cũng là sự thay đổi trên những lĩnh vực khác của Việt nam ngày nay. Bạn cần trở về sau một vài năm, bạn sẽ ngạc nhiên vì những tiến bộ đáng kể ở khắp nơi và trong mọi ngành. Quả thật, Việt nam đang diễn ra một cuộc cách mạng trong từng ngày từng giờ... ⌟

Digitized by Google

LSD

CÔNG TY ĐIỆN & ĐIỆN TỬ

CÔNG TY ĐIỆN & ĐIỆN TỬ

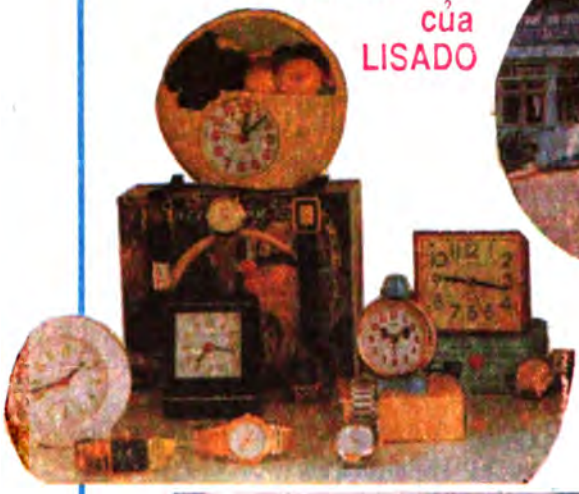
TRỤ SỞ CHÍNH : 202A ĐƯỜNG HOÀNG VĂN THỤ TP. HCM
MAIN OFFICE : 202A HOÀNG VĂN THỤ St, HCM CITY
TEL : 449629 - 443603 - TELEX : 412613 FAX : 84.8.449629

LISADO

ELECTRICS & ELETRONICS COMPANY

SẢN PHẨM MỚI
của
LISADO







SHOWROOM

- ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH NGHỀ : ĐIỆN ; ĐIỆN TỬ, MAY THÊU CÔNG NGHIỆP, IN ĐIỆN TỬ, SỬA CHỮA XE, VI TÍNH, NGOẠI NGỮ.
- CUNG ỨNG LAO ĐỘNG : DỊCH VỤ GIỚI THIỆU VIỆC LÀM, ĐÀO TẠO VÀ ĐƯA CÔNG NHÂN ĐI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI.
- *TRAINING ALL VOCATIONS : ELECTRIC - ELECTRONIC, INDUSTRIAL EMBROIDERY, ELECTRONIC PRINTING, VEHICHLE REPAIRING, INFORMATION, FOREIGN LANGUAGES*
- *SUPPLYING LABOURS : JOB OFFERING SERVICES, TRAINING AND SENDING WORKMEN TO FOREIGN COUNTRIES*
- *AFTER TRAINING PRODUCTION, RECEIVING AND TRANSFERRING TECHNOLOGY.*

- Sản xuất, lắp ráp, kinh doanh các sản phẩm điện, điện tư, đồng hồ các loại, máy vi tính, trang thiết bị thông tin.
- Sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ cao cấp xuất khẩu
- Dạy nghề và cung ứng lao động trong và ngoài nước
- Là đại lý bán hàng của tập đoàn THOMSON về điện tử và công ty CODAR (Pte) LTD (SINGAPORE) về thiết bị hàng hải
- **Producing, Assembling, trading in electrics - electronics products, timepieces, computers, commnication equipment.**
- **Producing high - quality fine arts wooden furniture for export.**
- **Vocational training and supplying labours for domestic and foreign demands.**
- **Are sales agents of THOMSON group in electronics and CODAR Co (Pte) Ltd Singapore in communication equipments.**

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC - SUBSIDIARIES

1. **KHU CÔNG NGHIỆP LẮP RÁP ĐIỆN - ĐIỆN TỬ**
   ELECTRICS - ELECTRONICS ASSEMBLING INDUSTRY ZONE
   ADDRESS : 326A NGUYEN TRONG TUYEN St.
   TAN BINH Dist. HCMC TEL : 444.129
2. **TRUNG TÂM DẠY NGHỀ - GIỚI THIỆU VIỆC LÀM VÀ XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG**
   VOCATIONAL TRAINING, JOB OFFERING AND LABOUR EXPORTING CENTER
   ADDRESS : 198 & 202A HOANG VAN THU - PHU NHUAN DIST. HCMC
   TEL : 449622 - 443603
3. **TRUNG TÂM QUẢNG CÁO VÀ GIỚI THIỆU SẢN PHẨM**
   PRODUCT INTRODUCING - ADVERTISING CENTER
   ADDRESS : 181 - 183 - 185 TRAN HUNG DAO St. DIST. I, HCMC

CÁC THỊ TRƯỜNG CHÍNH - MAIN MARKETS

HONG KONG, TAIWAN, SINGAPORE, FRANCE, AUSTRALIA, CIS (SNG)

CÁC BẠN SẼ HÀI LÒNG KHI ĐẾN VỚI LISADO



INEXIM DAKLAK

DAKLAK INVESTMENT EXPORT - IMPORT CORPORATION

HEAD OFFICE
[illegible]
Buon Ma Thuot, Daklak,
VIETNAM.
TEL : [illegible] 52951 - 52234
FAX : 84.50.52864
TELEX : 812189 INEXDL - VT

HOCHIMINH CITY BRANCH
149 Nguyen Dinh Chieu Street,
Dist. 3, Hochiminh City,
VIETNAM.
TEL : 225412 - 231036 - 244649
FAX : 84.8.242705
TELEX : 811583 INEXDK - VT

HANOI CITY BRANCH
02B Dang Thai Than Street,
Dist. Hoan Kiem, Ha Noi City.
VIETNAM.
TEL/FAX : 84.4.266889

Digitized by Google



Hân hạnh được
đón tiếp quý khách

Công ty Bia SAIGON

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5 TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 559595 - 6 HAI BÀ TRƯNG, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 294083

Chất Lượng. Thơm Ngon. Bổ Dưỡng

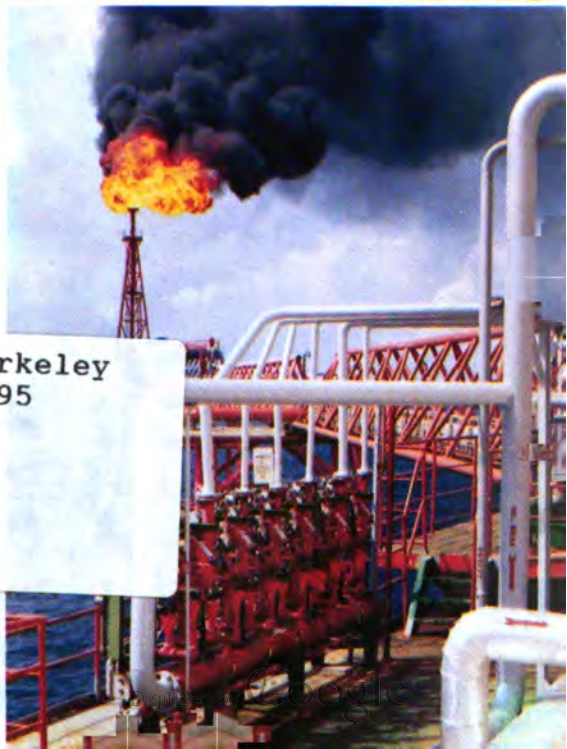
HX9
V5
H63
v. 1995
no. 11
MAIN

Tạp chí Cộng sản









The Library - UC Berkeley
Received on: 10-06-95
Tap Chi Cong San

11
6-1995

TRÍCH TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

• *"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".*

Lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là : tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng ; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

• *Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phía Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do ! Dân tộc đó phải được độc lập !*

Vì những lẽ trên, chúng tôi - Chính phủ lâm thời của nước Việt nam dân chủ cộng hòa - trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng :

Nước Việt nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy.

HỒ CHÍ MINH

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 479

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

KỶ NIỆM 50 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2-9 (1945 - 1995)

LÊ ĐỨC ANH - Nửa thế kỷ chiến đấu và xây dựng của Nhà nước Việt nam độc lập trong thời đại Hồ Chí Minh 3
PHẠM VĂN ĐỒNG - Tầm vóc và ý nghĩa của cuộc Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt nam mới 10
TRỊNH NHU và TRỊNH MƯU - An toàn khu II và Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ - sự chuẩn bị lực lượng tích cực và chủ động cho Cách mạng Tháng Tám 16
THANH SƠN - 50 năm xây dựng và hoàn thiện chính quyền nhân dân 19
NGUYỄN SINH CÚC - Tổng quan kinh tế Việt nam sau 50 năm xây dựng và phát triển (1945 - 1995) 23
MAI TRANG - Việt nam trên đường chúng ta đi... 28

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Vì sao Đảng ta kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin ? 31
PHẠM VĂN CHÚC và LƯƠNG KHẮC HIẾU - Tính khoa học của chủ nghĩa xã hội mác xít 37
NGUYỄN PHAN THỌ - Sức hấp dẫn và lan tỏa của sân khấu cách mạng 41
VŨ NGỌC NHUNG - Cần kiềm chế lạm phát trên cơ sở lý luận Mác - Lê-nin 44

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

PHAN VĂN DĨNH - 50 năm Hải quan Việt nam xây dựng và trưởng thành 45
HỒ ANH DŨNG - Truyền hình Việt nam trước yêu cầu của nhiệm vụ mới 49
MAI KIỀU LIÊN - Công ty sữa Việt nam đứng vững và phát triển trong cơ chế thị trường 52
VŨ LẢN - Quá trình tự khẳng định của Công ty may 10 56

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

HỒ QUANG PHƯƠNG - "Dán mác" 59

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM

Xung đột sắc tộc 61

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

Về Đại hội IV Hội điện ảnh Việt nam 62

Bìa 1: *Một số hình ảnh xây dựng đất nước* *Ảnh :* TTXVN

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЛЕ ДЫК АНЬ - Полвека защиты и строительства вьетнамского независимого государства в эпохе Хо Ши Мина. ФАМ ВАН ДОНГ - Историческое величие Августовской революции и рождение нового Вьетнама. ЧИНЬ НЮ и ЧИНЬ МЫУ - "Безопастная зона 2" и военно-революционная конференция представителей Севера Вьетнама - активная и инициативная подготовка к Августовской революции. ТХАНЬ ШОН - 50 лет строительства и усовершенствования народной власти. НГУЕН ШИНЬ КУК - Общий обзор на 50 лет экономического развития Вьетнама (1945-1995). НГУЕН ФУ ЧОНГ - О последовательности нашей партии в ведении курса марксизма-ленинизма. ФАМ ВАН ТЬЫК и ЛЫОНГ ХАК ХИЕУ - Научность марксистского социализма. НГУЕН ФАН ТХО - Привлекательность и распространенность революционной драматургии. ВУ НГОК НЬУНГ - Марксистско-Ленинская теория должна служить основой для контроля инфляции. ФАН ВАН ЗИНЬ - 50 лет оформления и возмужения вьетнамской таможнии. ХО АНЬ ЗУНЬ - Вьетнамское телевидение в новой обстановке.

CONTENTS

LÊ ĐỨC ANH- Half a century of fighting and building of the independent State of Vietnam in the Ho Chi Minh era. PHẠM VĂN ĐỒNG- The stature and meaning of the August Revolution and the birth of a new Vietnam. TRỊNH NHU and TRÌNH MƯU- The 2nd Security Zone and the Military Conference of representatives of the North - Taking initiative in active preperation for the August Revolution. THANH SƠN - 50 years of building and perfecting the people's administration. NGUYỄN SINH CÚC - General view of Vietnamese economy after 50 years of building and development (1945-1995). NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Why does our Party stand firm after the Marxism-Leninism? PHẠM VĂN CHÚC and LƯƠNG KHẮC HIẾU - Scientific character of the marxist socialism. NGUYỄN PHAN THỌ - Attractiveness and spreading capacity of the revolutionary theatre. VŨ NGỌC NHUNG - It is a must to control the inflation on the basis of the Marxist-Leninist Theory. PHAN VĂN DỈNH - 50 years of building and maturity of the Vietnamese Customs. HỒ ANH DŨNG - Vietnamese television facing demands of new tasks.

SOMMAIRE

LÊ ĐỨC ANH - Un demi-siècle de lutte et d'édification de l'Etat du Vietnam indépendant pendant l'époque de Ho Chi Minh. PHẠM VĂN ĐỒNG - Portée et signification de la Révolution d'Août et naissance du Vietnam nouveau. TRỊNH NHU ET TRÌNH MƯU - La Zone sécurité II et la Conférence militaire révolutionnaire du Tonkin - préparatifs actifs et dynamiques pour la Révolution d' Août. THANH SƠN - 50 ans d'édification et de perfectionnement du pouvoir populaire. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Pourquoi notre Parti a-t-il la ferme révolution de suivre le marxisme-léninisme ? PHẠM VĂN CHÚC et LƯƠNG KHẮC HIẾU - Le caractère scientifique du socialisme marxiste. NGUYỄN PHAN THỌ - L'attraction et la capacité de rayonnement du théâtre révolutionnaire. VŨ NGỌC NHUNG - Il faut endiguer l'inflation sur la base théorique du marxisme-léninisme. PHAN VĂN DỈNH - 50 ans d'édification et de développement des Douanes du Vietnam. HỒ ANH DŨNG La Télévision du Vietnam et les nouvelles tâches.

SUMARIO

LÊ ĐỨC ANH - Medio siglo de combate y edificación del Estado de Vietnam independiente en la era de Ho Chi Minh. PHẠM VĂM ĐỒNG - La envergadura y la significación de la Revolución de Agosto y el nacimiento del Vietnam nuevo. TRỊNH NHU y TRÌNH MƯU- La Zona de Seguridad II y el Congreso militar revolucionario de Tonkin - la activa preparación de fuerzas para la Revolución de Agosto. THANH SƠN - 50 años de edificación y perfeccionamiento del poder popular. NGUYỄN SINH CÚC - El panorama de la economía vietnamita tras 50 años de edificación y desarrollo (1945-1995). NGUYỄN PHÚ TRỌNG- ¿Por qué se persiste nuestro Partido en el marxismo-leninismo ? PHẠM VĂN CHÚC y LƯƠNG KHẮC HIẾU - El carácter científico del socialismo marxista. NGUYỄN PHAN THỌ - La atracción y la propagación del teatro revolucionario. VŨ NGỌC NHUNG - Ha de frenar la inflación sobre la base de la teoría marxista-leninista. PHẠM VĂN DỈNH - 50 años de edificación y crecimiento de la Aduana vietnamita. HỒ ANH DŨNG - La televisión vietnamita ante las exigencias de la nueva tarea.

目錄

●黎德英:《半世紀戰爭和建設中的胡志明時代的獨立越南》●范文同:《八月革命的偉大及其意義和新越南的誕生》●鄭柔、程謀:《第二安全區和北圻革命軍事會議一爲八月革命准備積極、主動的力量》●青山:《五十年以來人民政權的建立和完善》●阮生菊:《越南五十年(1945-1995)經濟建設、發展總覽》●阮富仲:《我黨爲何要堅持馬克思列寧主義?》●范文職、梁克孝:《馬克思社會主義的科學性》●阮潘壽:《革命戲劇的吸引力及其影響》●武玉絨:《在馬克思列寧主義理論的基礎上抑制通貨膨漲》●潘文穎:《越南海關五十年的成立和發展》●胡英勇:《越南電視面對新任務的要求》

Digitized by Google



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890 - 1969)

Digitized by Google

Digitized by Google

NỬA THẾ KỶ CHIẾN ĐẤU VÀ XÂY DỰNG CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ĐỘC LẬP TRONG THỜI ĐẠI HỒ CHÍ MINH

LÊ ĐỨC ANH
Chủ tịch nước CHXHCNVN

ĐÚNG nửa thế kỷ trước đây, Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã long trọng tuyên bố với quốc dân đồng bào và cộng đồng quốc tế bản *Tuyên ngôn độc lập* lịch sử : "Nước Việt nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt nam quyết tâm đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy."

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 và sự ra đời của nước Việt nam dân chủ cộng hòa là thắng lợi của con đường cứu nước do Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh tìm ra. Đó là con đường giải phóng dân tộc, giành độc lập cho Tổ quốc Việt nam phải dựa vào sức mạnh của toàn dân tộc, coi "công nông là gốc của cách mạng", dưới sự lãnh đạo của đội tiền phong của giai cấp công nhân ; khi chủ nghĩa đế quốc trở thành kẻ bóc lột, thống trị toàn thế giới thì công cuộc giải phóng dân tộc phải đoàn kết chặt chẽ với các dân tộc bị áp bức, các dân tộc thuộc địa, đoàn kết với phong trào công nhân và nhân dân lao động ở các nước đế quốc.

Đó là thành quả của 80 năm đấu tranh kiên cường, anh dũng, đầy gian khổ, hy sinh-tuy chưa thành công - của các phong trào yêu nước trước đó, từ vua quan và sĩ phu, trí thức, tiểu tư sản, binh lính... đến các tầng lớp nhân dân đông đảo.

Đó là thắng lợi của truyền thống quật cường bất khuất, lòng yêu nước nồng nàn của dân tộc Việt nam qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước. Truyền thống đó vẫn tiềm ẩn trong lòng mỗi người dân Việt nam trong những năm dài nô lệ, mất nước - đã được khơi dậy và bột phát mạnh mẽ khi thời cơ đến và có sự lãnh đạo đúng đắn của tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt nam ; phù hợp với quy luật của thời đại mới.

Đảng ta, với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đã đưa cuộc cách mạng giải phóng dân tộc phát triển lên một chất lượng mới - gắn liền giải phóng dân tộc với giải phóng đông đảo nhân dân lao động, đáp ứng lợi ích cơ bản và cấp bách của nhân dân lao động là độc lập, tự do, cơm áo và hòa bình. Vì vậy, đã tạo nên những lực lượng mới, sức mạnh mới cho dân tộc ta từ những năm 30, nhất là từ khi cuộc chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu.

Đất nước ta kiệt quệ vì sự bóc lột thậm tệ gần một thế kỷ của đế quốc Pháp, càng thêm kiệt quệ do sự bóc lột, thống trị vô cùng dã man của cả hai kẻ thù, thực dân Pháp và phát xít Nhật, dẫn đến nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu - 1945 cướp đi hơn hai triệu sinh mạng... Quần chúng không thể sống được nữa. Bọn thống trị cũng không thể cai trị được nữa.

Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Lực lượng đồng minh thắng lợi ; phát xít

Digitized by Google

Nhật đầu hàng ; thực dân Pháp hoang mang, dao động ; bọn phong kiến suy tàn mất chỗ dựa... Đảng ta với thiên tài Hồ Chí Minh, với sự lãnh đạo sáng suốt, táo bạo và nhạy bén của BCHTƯ đứng đầu là Tổng Bí thư Trường Chinh, đã nắm được thời cơ ngàn năm có một, kịp thời phát động sự vùng lên mạnh mẽ của cả dân tộc ta, tiến hành cuộc tổng khởi nghĩa trên cả nước, giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc thân yêu.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt nam dân chủ cộng hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, mở đầu kỷ nguyên mới của dân tộc Việt nam, kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa là nhà nước dân chủ, nhà nước công nông đầu tiên trong lịch sử của dân tộc Việt nam. Đó là nhà nước kiểu mới, nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân, đại biểu cho quốc gia - dân tộc, mang bản chất của giai cấp công nhân, do Đảng cộng sản lãnh đạo.

NHÀ nước Việt nam dân chủ cộng hòa trước kia, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam ngày nay, nhân dân Việt nam, cả dân tộc Việt nam trong 50 năm qua đã trải qua một quá trình xây dựng và chiến đấu, dựng nước và giữ nước rất gay go, gian khổ, đầy dũng cảm và hy sinh, rất thông minh và sáng tạo. Quân và dân ta đã giành được những thắng lợi vĩ đại trong chiến đấu, những thắng lợi quan trọng trong xây dựng, những thắng lợi xứng đáng với thời đại - thời đại mới của xã hội loài người mở đầu bằng cuộc cách mạng Tháng Mười Nga, thời đại mới của dân tộc Việt nam - thời đại Hồ Chí Minh.

Vừa mới ra đời, Nhà nước Việt nam độc lập còn rất non trẻ đã phải đương đầu ngay với nguy cơ thực sự đe dọa sự tồn tại của mình. Quân Đồng minh kéo vào Việt nam để giải giáp quân Nhật, đã mang theo cả âm mưu phá hoại, thôn tính, xâm lược nước ta, mặc dù nhân dân ta đã từng đứng về phía họ. Ở miền Nam, quân Anh cho quân Pháp núp bóng quay lại xâm lược Nam bộ. Ở miền Bắc, gần 20 vạn quân Tưởng cùng bọn tay sai tìm mọi cách hòng bóp chết Chính phủ Hồ Chí Minh. Ngân khố quốc gia khánh kiệt, lụt lội, đói kém chưa qua, tàn quân Pháp quay lại quấy rối ở vùng rừng núi... Tất cả đặt cách mạng Việt nam, nền độc lập mới giành được của Việt nam trong tình thế "nghìn cân treo sợi tóc".

Nhưng dưới sự lãnh đạo sáng suốt, năng động, linh hoạt và kiên quyết của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng Việt nam đã vượt qua ghềnh thác và tiếp tục phát triển. Trong thời gian ngắn, rất ngắn, từ 23 tháng 9 năm 1945, khi quân Pháp khởi hấn ở Nam bộ, đến kháng chiến toàn quốc 19 tháng 12 năm 1946, hơn 15 tháng, Nhà nước ta, nhân dân ta đã hoàn thành nhiều công việc quan trọng chuẩn bị cho kháng chiến và đặt nền móng cho việc xây dựng một nước Việt nam độc lập và thống nhất từ Bắc đến Nam. Nhanh chóng tiến hành Tổng tuyển cử trên cả nước, bầu ra Quốc hội, thành lập Chính phủ, ban hành Hiến pháp, xây dựng chính quyền nhân dân từ trung ương đến cơ sở. Xây dựng khối đoàn kết toàn dân, động viên toàn dân kháng chiến, "Nam tiến" chống thực dân Pháp xâm lược, kiên quyết giữ vững độc lập, tự do. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng quân đội chính quy của Nhà nước Việt nam độc lập... Đi đôi với tổ chức kháng chiến ở Nam bộ, nhanh chóng xây dựng và chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho kháng chiến toàn quốc khi chiến tranh không thể tránh khỏi, đã tiến hành một đường lối đối ngoại có nguyên tắc và hết sức mềm dẻo, thêm bạn, bớt thù, tranh thủ hòa bình, ngăn ngừa chiến tranh, củng cố độc lập dân tộc... Ngày nay nhìn lại, ta càng thấy rằng những tháng năm ấy quả là một chặng đường lịch sử đặc biệt của cách mạng Việt nam, thể hiện tập trung thiên tài Hồ Chí Minh đã bảo đảm cho nền độc lập trứng nước của Việt nam không bị thủ tiêu, mà trái lại đã đứng vững trong những hoàn cảnh hết sức hiểm nghèo. Nhờ vậy, nhân dân ta đã bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc với tư thế sẵn sàng của người làm chủ đất nước.

Từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, nhân dân ta đã lợi dụng thời cơ có lợi giành được chính quyền, nhưng có thể đương đầu thắng lợi với chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp hay không ? Đáp số của bài toán

Digitized by Google

đó đã được Hồ Chí Minh đưa ra dần và được khẳng định : *kháng chiến toàn dân và toàn diện, đánh lâu dài, tự lực cánh sinh, vừa kháng chiến vừa kiến quốc.*

Những sáng tạo của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong kháng chiến chống Pháp, về mặt chiến đấu không thể tách rời mặt xây dựng, đặc biệt theo tư tưởng "vừa kháng chiến vừa kiến quốc" của Hồ Chí Minh, chủ trương "chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm" của Hồ Chí Minh. Trong chiến tranh, chế độ mới của nước Việt nam độc lập, chế độ dân chủ nhân dân từng bước được xây dựng, phát triển, đáp ứng ngày càng nhiều những yêu cầu bức thiết của kháng chiến, đồng thời từng bước đặt cơ sở cho việc xây dựng đất nước sau chiến tranh. Hệ thống chính quyền các cấp tiếp tục được củng cố và phát huy hiệu lực từ trung ương đến thôn, bản, trên cả nước, kể cả trong nhiều vùng địch tạm chiếm. Nền kinh tế dân chủ nhân dân đã phát triển ngay trong chiến tranh, phù hợp với thời chiến, xóa dần những quan hệ phong kiến thực dân, xây dựng từng bước những quan hệ sản xuất mới. Phong trào thi đua tăng gia sản xuất ở hậu phương sôi nổi cùng phong trào thi đua giết giặc lập công ở tiền tuyến. Nền tài chính độc lập ra đời, giấy bạc Việt nam được lưu hành, có giá trị trên các vùng tự do và có phần ở một số vùng địch tạm chiếm. Nền giáo dục mới mang tính nhân dân, cách mạng được xây dựng từng bước, tập trung làm nhiệm vụ xóa nạn mù chữ, đồng thời phát triển phù hợp các bậc tiểu học, trung học và đại học. Xây dựng các mối quan hệ xã hội mới mang đậm tính dân chủ, bình đẳng, hợp tác giữa các công dân thông qua xây dựng nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, xây dựng hệ thống chính trị, thực hiện các chính sách xã hội. Xây dựng, phát triển ngày càng mạnh và cân đối lực lượng vũ trang nhân dân : bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, công an nhân dân, dân quân du kích. Đẩy mạnh sản xuất để cải thiện dân sinh, phục vụ công cuộc kháng chiến và kiến quốc. Xây dựng, phát triển nền công nghiệp kháng chiến từ trung ương đến khu, tỉnh, có nơi đến cấp xã để sản xuất, sửa chữa vũ khí và góp phần phục vụ sản xuất. Xây dựng, phát triển hậu phương của kháng chiến, hậu phương của cả nước, hậu phương của từng chiến trường và "hậu phương tại chỗ" của địa phương. Phát triển tình đoàn kết, hữu nghị, ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau giữa ba nước Việt nam, Lào, Cam-pu-chia ; tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ của Trung quốc, Liên xô và thiết lập quan hệ ngoại giao giữa nước Việt nam độc lập với Liên xô, Trung quốc, nhiều nước dân chủ, nhiều tổ chức cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Cuối và sau kháng chiến, ta đã phạm sai lầm lớn trong thực hiện cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức ; Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công khai tự phê bình và kiên quyết sửa sai.

Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân ta, Nhà nước ta bước vào một giai đoạn mới: từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc được giải phóng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Ở miền Nam, Hiệp nghị Giơ-ne-vơ bị phá hoại ; kẻ thù tiến hành khủng bố rất dã man, buộc nhân dân ta đứng lên đấu tranh để tự vệ, cuối cùng buộc phải tiến hành chiến tranh nhân dân chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và tay sai, tiếp tục cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam, hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Đường lối cách mạng đúng đắn và sáng tạo của Đảng - tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng : cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc - đã tổ chức và động viên được những lực lượng mới - độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - trên cả hai miền Nam Bắc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa chiến đấu và xây dựng phù hợp với hoàn cảnh mới.

Nhân dân ta, Nhà nước ta đã tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân phát triển rất cao - bao gồm chiến tranh nhân dân giải phóng dân tộc ở miền Nam và chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, đánh bại hoàn toàn chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ - một nước đế quốc có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất thế giới, giành độc lập trọn vẹn cho dân tộc và thống nhất đất nước.

Digitized by Google

Công cuộc bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc được tiến hành trong hoàn cảnh chiến tranh và đất nước còn bị chia làm hai miền. Thành tựu có ý nghĩa nhất là từng bước thủ tiêu chế độ người áp bức, bóc lột người, xây dựng quyền làm chủ của nhân dân lao động. Nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung cao phù hợp với thời chiến đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao. Tự giải quyết được phần lớn lương thực cho nhu cầu chiến tranh và nhu cầu dân sinh trong thời chiến. Xây dựng được những cơ sở đầu tiên của công nghiệp nặng ; phát triển công nghiệp nhẹ. Mở rộng hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy, đường sông, đường không..., đáp ứng cuộc chiến đấu bảo vệ miền Bắc, chi viện miền Nam. Nền giáo dục xã hội chủ nghĩa phát triển mạnh, cứ 3 người dân thì có một người đi học ; xã có trường phổ thông cấp II, huyện có trường phổ thông cấp III. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý được đào tạo cơ bản từ trình độ trung học chuyên nghiệp đến đại học và trên đại học gồm hơn 40 vạn người. Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng lớn mạnh vượt bậc, đã lãnh đạo và điều hành, động viên lực lượng cả nước chiến đấu, xây dựng và chiến thắng một cách rất thông minh, sáng tạo.

Sản phẩm và thành tựu đặc biệt của chủ nghĩa xã hội bước đầu được xây dựng ở miền Bắc là đã đào tạo nên những con người mới, những công dân được giải phóng khỏi ách nô dịch dân tộc và áp bức giai cấp. Những con người này cùng với cơ sở vật chất - kỹ thuật đầu tiên của chủ nghĩa xã hội, đã phát huy được vai trò quyết định nhất của miền Bắc cùng với vai trò quyết định trực tiếp của miền Nam giành toàn thắng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Cần khẳng định rằng thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc cũng là cơ sở cho công cuộc đổi mới của đất nước hiện nay, cho công cuộc xây dựng đất nước về lâu dài, tuy rằng mô hình đó của chủ nghĩa xã hội có những khuyết tật cần sửa chữa, đổi mới. Không đổi mới, sửa chữa những khuyết tật đó là không đúng, nhất là khi điều kiện, hoàn cảnh đã thay đổi. Nhưng phủ định những thành tựu đó là rất sai lầm.

Dân tộc Việt nam đã giành thắng lợi vẻ vang, không chỉ bằng ý chí quyết chiến quyết thắng, mà bằng cả trí tuệ và tài tổ chức chiến đấu cũng như xây dựng đất nước trong những hoàn cảnh rất quyết liệt của chiến tranh. Thắng lợi đó còn có sự giúp đỡ to lớn của Liên xô, Trung quốc, các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác và cả loài người tiến bộ, kể cả một bộ phận quan trọng nhân dân Mỹ.

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đưa dân tộc ta tiến hẳn vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, được mở ra từ sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Ngày nay, xây dựng được coi là nhiệm vụ hàng đầu ; đồng thời thường xuyên củng cố quốc phòng - an ninh, bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ.

Những năm đầu sau thắng lợi của kháng chiến chống đế quốc Mỹ, nhân dân ta đã phải tiếp tục chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế, và tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trên cả nước. Nhưng đồng thời Đảng ta và Nhà nước ta đã phạm một số khuyết điểm và sai lầm chủ quan duy ý chí mà Đảng ta đã tự phê bình nghiêm khắc tại Đại hội VI của Đảng, và đề ra đường lối đổi mới đúng đắn từ đó đến nay.

Những thắng lợi bước đầu nhưng rất quan trọng của quân và dân ta trong mươi năm gần đây về mọi mặt : kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại, theo đường lối đổi mới đúng đắn và sáng tạo của Đảng, trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đã từng bước đặt cơ sở cho cách mạng Việt nam bước vào một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm xây dựng nước Việt nam dân chủ, giàu mạnh, phục vụ ngày càng tốt đời sống vật chất và tinh thần của cả cộng đồng dân tộc, của nhân dân lao động - lao động chân tay và lao động trí óc.

NHÌN lại nửa thế kỷ chiến đấu và xây dựng, dựng nước và giữ nước, chúng ta có thể tự hào một cách chính đáng về

Digitized by Google

dân tộc ta, về nhân dân lao động nước ta, về Đảng ta và Nhà nước ta. Tự hào về những gì đã làm được, về những thắng lợi vĩ đại trong chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc mà nòng cốt là các lực lượng vũ trang nhân dân, là quân đội nhân dân anh hùng. Đánh giá đúng những thành tựu trong xây dựng - những thành tựu còn rất khiêm tốn nhưng đạt được trong những hoàn cảnh rất quyết liệt của nhiều thập kỷ chiến tranh. Đồng thời nhận rõ những gì chưa làm được, thẳng thắn và công khai thừa nhận những khuyết điểm, sai lầm mà Đảng và Nhà nước ta đã mắc phải, thường xảy ra sau mỗi lần thắng lợi : chủ quan, tự mãn, xa rời thực tế, xa rời quần chúng, giáo điều, máy móc.

Cương lĩnh của Đảng ta được Đại hội VII thông qua đã nêu ra 5 bài học lớn của cách mạng Việt nam : *một là*, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ; *hai là*, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân ; *ba là*, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết : đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế ; *bốn là*, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại ; *năm là*, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt nam.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập nước, bài này chỉ nhấn mạnh một số nội dung từ trong các bài học mà Đại hội VII (và Đại hội VI) đã tổng kết.

Đảng và Nhà nước ta **luôn luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nhằm đem lại độc lập cho dân tộc, cho Tổ quốc, cơm áo, tự do, hòa bình, hạnh phúc cho nhân dân, giải phóng nhân dân lao động thoát khỏi mọi ách áp bức và phát huy năng lực sáng tạo của mỗi người.** Đó là khát vọng, là quyền lợi cơ bản, thiết thân của nhân dân lao động, của cả dân tộc. Đó cũng là động lực, là sức mạnh vô địch đánh thắng mọi kẻ thù hung bạo nhất, to mạnh nhất, giành độc lập cho dân tộc, tự do, cơm áo cho nhân dân, giành hòa bình, thống nhất cho Tổ quốc.

Ngày nay, Đảng ta và Nhà nước ta càng phải kiên định mục tiêu trên đây. Tập trung sức đẩy mạnh công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết cơ bản vấn đề cơm áo, chống lạc hậu, nghèo nàn, tiếp tục từng bước giải phóng người lao động, từng bước giải phóng xã hội, giải phóng con người. Đó cũng là quá trình củng cố ngày càng vững chắc và phát triển ngày càng mạnh mẽ nền độc lập dân tộc, độc lập dân tộc trên cơ sở của chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở lợi ích của nhân dân lao động, của cả dân tộc.

Đảng ta, Nhà nước ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập **luôn luôn coi sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ; phải lấy dân làm gốc, "dân là chủ" và thực hiện "dân làm chủ".** Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt nam đã khẳng định, muốn phát huy được sức mạnh của dân, dựa chắc vào dân, *vấn đề cơ bản là phải đáp ứng được quyền lợi của nhân dân lao động, của cả dân tộc ; cán bộ, đảng viên phải toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc.* Toàn bộ đường lối, chủ trương, chính sách, cũng như toàn bộ hoạt động của Đảng và Nhà nước ta phải quán triệt tinh thần đó.

Để bảo đảm mọi quyền lực thuộc về nhân dân, thực hiện đúng tư tưởng Bác Hồ "dân là chủ" và "dân làm chủ", phải xây dựng được một bộ máy nhà nước cách mạng, mạnh gọn, có hiệu lực để đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng vào cuộc sống. Sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm cho Nhà nước ta xây dựng, phát triển theo đúng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Nhà nước ta phải thực sự đại biểu cho quyền lợi của quốc gia - dân tộc, thực sự bảo đảm mọi quyền lực thuộc về nhân dân chứ không phải thuộc về một số ít người trong bộ máy cầm quyền. Đó là một nhà nước trong sạch, thường xuyên loại trừ ra khỏi tổ chức và hoạt động của mình những tệ nạn rất xa lạ với bản chất của Nhà nước ta, như : cửa quyền, tham nhũng, đè nén, áp bức nhân dân... Đó là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có hiệu lực, từng bước hiện đại, được tổ chức theo luật, quản lý và điều hành đất nước theo luật, mọi công dân đều bình đẳng trước luật. Hệ thống pháp luật đó - Hiến pháp, các đạo luật, các văn bản dưới luật phải phản ánh lợi ích của nhân dân lao

Digitized by Google

động, của dân tộc, bảo đảm cho nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình. Một nhà nước như vậy theo tư tưởng Hồ Chí Minh đã được Người chăm lo xây dựng ngay từ những ngày đầu thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và trong nhiều năm dài của kháng chiến, cần được tiếp tục phát triển trong công cuộc đổi mới hiện nay.

Đảng và Nhà nước ta, vì lợi ích của nhân dân lao động, của dân tộc, luôn luôn chăm lo *củng cố, phát triển khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết toàn dân tộc, trên nền tảng của liên minh công nhân, nông dân và trí thức*. Động viên, thu hút mọi người Việt nam yêu nước, yêu độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc và hòa bình vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ngày nay. Củng cố và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức quần chúng, khắc phục hiện tượng "hành chính hóa" các tổ chức này. Thực sự làm cho Mặt trận Tổ quốc Việt nam phát triển rộng lớn, vững chắc, tiêu biểu cho sức mạnh của nhân dân, của toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước Việt nam dân chủ, giàu mạnh, ấm no, tự do, hòa bình và hạnh phúc.

Trong nửa thế kỷ tồn tại của mình, Nhà nước ta, trong khi buộc phải tập trung sức tiến hành chiến tranh thắng lợi suốt mấy thập kỷ liền, **luôn luôn coi trọng nhiệm vụ xây dựng, khéo kết hợp xây dựng với chiến đấu phù hợp với mỗi hoàn cảnh cụ thể, vừa nhằm phục vụ cho chiến thắng, vừa từng bước đặt nền móng cho nhiệm vụ xây dựng đất nước sau chiến tranh, xây dựng đất nước về lâu dài.** Đó là vận dụng sáng tạo của Đảng và Nhà nước ta quy luật dựng nước đi đôi với giữ nước của dân tộc ta, quy luật xây dựng kết hợp với bảo vệ của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong thực tế, xây dựng đã thực sự tạo ra sức mạnh cho các cuộc chiến tranh yêu nước giành thắng lợi đối với các nước đế quốc to, đồng thời từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân theo lời dạy của Bác Hồ : "Nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì."

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Nhà nước ta có điều kiện tập trung thực hiện chức năng cơ bản và chủ yếu của Nhà nước cách mạng là *tổ chức và xây dựng*, thực hiện nhiệm vụ hàng đầu xây dựng đất nước trong hòa bình, *kết hợp xây dựng đất nước với bảo vệ Tổ quốc*, bảo vệ độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn, an ninh và thành quả cách mạng.

Một vấn đề quan trọng của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới là, **nêu cao hơn nữa tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ra sức củng cố, phát triển tình hữu nghị và sự hợp tác với các quốc gia-dân tộc trên thế giới**. Độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường chính là trước hết phải dựa hẳn và tin tưởng vững chắc vào sức mạnh, trí tuệ, khả năng của nhân dân lao động, của dân tộc ta. Điều quan trọng nhất là phải độc lập, tự chủ trong đường lối cách mạng, tự mình quyết định một cách đúng đắn, sáng tạo những vấn đề lớn của dân tộc mình, của đất nước mình. Thắng lợi trong sự nghiệp giành và giữ độc lập tự do vừa qua, của công cuộc đổi mới ở nước ta trong 10 năm lại đây, trong hoàn cảnh tình hình thế giới biến đổi cực kỳ phức tạp, chứng tỏ tinh thần độc lập tự chủ của Đảng và Nhà nước ta. Hơn nữa, còn khẳng định nhân dân ta là một dân tộc rất cách mạng, sẵn sàng vượt qua mọi thử thách hiểm nghèo để vươn lên tự mình làm chủ vận mệnh của mình. Mặt khác, cần tỉnh táo đề phòng và loại trừ những biểu hiện mới giáo điều, rập khuôn, ỷ lại, thiếu tự tin, tự hào và tự trọng dân tộc trong sự nghiệp đổi mới, trong quan hệ quốc tế ngày càng mở rộng.

Trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, cần tăng cường và mở rộng tình hữu nghị và sự hợp tác với mọi quốc gia - dân tộc trong khu vực và trên thế giới, vì hòa bình, dân chủ và phát triển. Đó là tiếp tục vận dụng nhuần nhuyễn bài học kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong tình hình mới.

50 năm tồn tại và phát triển của Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa trước đây và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam ngày nay khẳng định chân lý **sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng cộng sản Việt nam là nhân tố hàng đầu quyết định sự ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà**

Digitized by Google

nước ta, quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt nam. Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khai sinh ra Nhà nước Việt nam độc lập và dân chủ, đã trực tiếp xây dựng, tổ chức và lãnh đạo Nhà nước ta suốt năm thập kỷ qua. Nhờ vậy Nhà nước ta đã giữ vững bản chất giai cấp công nhân, thực hiện ngày càng tốt Nhà nước của dân, do dân và vì dân, Nhà nước của cộng đồng các dân tộc Việt nam. Nhờ vậy cách mạng nước ta đã vượt qua mọi khó khăn gian khổ, đánh thắng mọi kẻ thù, giành thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Ngày nay, *càng phải tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng* đối với Nhà nước, đối với cả hệ thống chính trị, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới do Đảng đề xướng, nhất là trong lúc nhiều loại lực lượng đang ra sức tiến công vào sự lãnh đạo của Đảng hòng làm biến chất Đảng và Nhà nước ta, làm chệch hướng cách mạng nước ta. Sự phát triển mới, toàn diện của đất nước, hình thái mới của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, sứ mạng mới của Đảng cầm quyền đòi hỏi Đảng ta phải tự chỉnh đốn, đổi mới, luôn luôn tự chỉnh đốn và đổi mới, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu lực lãnh đạo của Đảng đối với quốc gia - dân tộc trong thời kỳ mới.

DƯỚI sự lãnh đạo của Đảng, dân tộc Việt nam đã hồi sinh. Việt nam đã lấy lại tên của mình trên bản đồ thế giới, qua thắng lợi của chiến tranh nhân dân chống chiến tranh xâm lược của những nước đế quốc to, và bắt đầu cả trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập vào cộng đồng thế giới trên tư thế một nước Việt nam độc lập, tự chủ và tự tin.

50 năm của nước Việt nam độc lập và dân chủ thời đại Hồ Chí Minh, chỉ là một quãng thời gian rất ngắn trong lịch sử mấy nghìn năm của dân tộc Việt nam kể từ thời đại vua Hùng.

Nhân dân Việt nam, dân tộc Việt nam hiểu rõ, và sẽ ngày càng hiểu rõ hơn những gì đang đặt ra cho mình trước bối cảnh toàn nhân loại đang chuẩn bị hành trang để bước sang thế kỷ thứ 21. Nhưng - từ kinh nghiệm của lịch sử lâu dài trong thời đại trước đây và lịch sử nửa thế kỷ của thời đại ngày nay- chúng ta có đầy đủ căn cứ để tin tưởng rằng, nước Việt nam, dân tộc Việt nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam nhất định sẽ tiến lên trong trào lưu chung của thế giới, xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, hòa nhập vào dòng chảy chung của nhân loại trong khi vẫn giữ vững và phát triển bản sắc dân tộc của Việt nam trong thế giới hiện đại.

Hơn lúc nào hết, chúng ta tưởng nhớ đến hàng triệu đồng bào và chiến sĩ đã bỏ mình cho đất nước độc lập tự do, nở hoa kết trái. Nhà nước ta ghi công và ghi ân tất cả đồng bào, đồng chí, anh em, bè bạn gần xa đã góp phần xứng đáng của mình cho nước Việt nam độc lập, đang tiến dần lên phồn vinh, ấm no và hạnh phúc.

Hơn lúc nào hết, chúng ta tưởng nhớ đến lãnh tụ Hồ Chí Minh vô cùng kính mến, đã khai sinh ra nước Việt nam mới, dẫn dắt toàn dân đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác qua những năm dài chiến đấu và xây dựng rất gian khổ và khó khăn. Đại hội VII của Đảng đã đặt tư tưởng Hồ Chí Minh - cùng với chủ nghĩa Mác - Lê-nin - là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Đó là một thành tựu tư duy chiến lược xuất sắc của Đảng ta. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh luôn luôn là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng, của Nhà nước, của toàn dân và toàn quân ta.

Nêu cao ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh, học tập và làm theo lời Bác dạy, phát triển và tiếp tục đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống. Đó là bí quyết đưa dân tộc ta, đưa mỗi người chúng ta không ngừng tiến lên, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Người "xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn", đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà, vì lợi ích của nhân dân lao động, lợi ích của cả dân tộc, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", góp phần vào hòa bình và phát triển trên thế giới, cho tình hữu nghị giữa tất cả các dân tộc trên khắp hành tinh.

Digitized by Google

TẦM VÓC VÀ Ý NGHĨA CỦA CUỘC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA NƯỚC VIỆT NAM MỚI

PHẠM VĂN ĐỒNG*

I

Năm nay, nhân dân ta với một tinh thần hồ hởi lạ thường kỷ niệm lần thứ 50 cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại và sự ra đời của nước Việt nam mới : nước Cộng hòa dân chủ Việt nam, ngày nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

Về những sự kiện lịch sử này, từ trước chúng ta đã nói nhiều, năm nay chúng ta càng nói nhiều. Đó là điều cần thiết, điều tất yếu. Song còn xem phải nói cái gì có ý nghĩa đích đáng ; quan trọng hơn nữa là không chỉ nói mà còn phải làm, làm những gì có giá trị thiết thực ; và chính việc làm bây giờ là nhằm kế thừa và phát huy tầm vóc và ý nghĩa của những sự kiện lịch sử cực kỳ quan trọng này.

Về phần tôi, trong khuôn khổ của bài báo, tôi sẽ viết theo tinh thần nói trên.

Ý nghĩa sâu xa bậc nhất và tầm vóc ngày càng to lớn của hai sự kiện lịch sử đang nói ở đây là nó đã chấm dứt một thời kỳ lịch sử lâu dài của dân tộc sống dưới những chế độ áp bức, bóc lột khác nhau để bước vào một thời kỳ lịch sử hoàn toàn khác, với một chế độ chính trị, xã hội không có áp bức, bóc lột, một sự đổi đời hợp với mơ ước thiết tha và cuộc đấu tranh không mệt mỏi của những người chiến sĩ và nhân dân lao động nước ta trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc. Thực chất đó là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đây là sự nhảy vọt từ vương quốc của chế độ người bóc lột người sang vương quốc của chế độ con người làm chủ vận mệnh của mình, mà những nhà sáng lập học thuyết Mác - Lê-nin đã tiên đoán. Một bước nhảy vọt như vậy, nhất là ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến như nước ta, là một điều rất mới lạ chưa từng có trong lịch sử loài người, trước đây không mấy người dám nghĩ tới. Thế mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã làm và làm được.

Chế độ chính trị, xã hội mới nói trên được xây dựng qua những giai đoạn cách mạng vừa khác nhau, vừa gắn liền với nhau ; giai đoạn trước chuẩn bị cho giai đoạn sau, giai đoạn sau hoàn thiện cái chưa làm xong ở giai đoạn trước. Trong quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân ta từ đầu thế kỷ, nhất là từ khi Đảng cộng sản Việt nam ra đời dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, điều có ý nghĩa rất quan trọng đáng ghi lại ở đây là khẩu hiệu "trước làm cách mạng dân tộc rồi tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa" đã được nêu ra ngay từ đầu. Khẩu hiệu đó có tác dụng tuyên truyền và cổ động quảng đại quần chúng nhân dân, nhất là nhân dân lao động, về hai mục tiêu rất hợp với nguyện vọng trước mắt và lâu dài, đó là đấu tranh xóa bỏ chế độ thực dân, giành độc lập dân tộc, đồng thời mở ra triển vọng xây dựng cuộc sống tốt đẹp cho mọi người trong xã hội. Đối với dân tộc Việt nam, một dân tộc đã đau khổ không sao kể xiết dưới chế độ thực dân thì khẩu hiệu ĐỘC LẬP DÂN TỘC tất nhiên là nguyện vọng, là ý chí thiết tha và cao đẹp như cuộc sống ; còn khẩu hiệu CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA thì phải nói rằng đây là một cái gì còn mới lạ. Tuy vậy, chỉ cần giải thích ngắn gọn và dễ hiểu thì nó có sức hấp dẫn lạ thường, bởi nó sẽ đem lại những điều xưa nay con người vẫn mơ ước nhưng không bao giờ nghĩ tới nó sẽ là sự thật trong cuộc sống. Suốt quá trình hai cuộc kháng chiến, ngọn cờ sáng đôi độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội đã thấm sâu vào tâm trí của dân tộc Việt nam và mỗi người Việt nam, là động lực cực kỳ sâu

* Cố vấn BCHTƯ Đảng cộng sản Việt nam

Digitized by Google

xa và mạnh mẽ làm nên cuộc chiến tranh nhân dân, nhân tố quyết định thắng lợi, mãi mãi sống trong truyền thống của dân tộc ; ngày nay nó vẫn là niềm tự hào và sự cổ vũ ý chí cách mạng kiên cường của nhân dân ta trong quá trình phấn đấu tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Như chúng ta thường nói, đây là con đường mà Bác Hồ, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn. Thực tiễn lịch sử là chứng minh hùng hồn khẩu hiệu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội đã góp phần làm nên sức mạnh về chính trị và tư tưởng, giúp nhân dân ta đứng vững trước những biến động cực kỳ to lớn diễn ra ở Liên xô (cũ) và các nước Đông Âu, nó phù hợp với những quy luật của lịch sử, phù hợp với học thuyết Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

II

Bây giờ, tôi nói về ĐỔI MỚI. Cách mạng là đổi mới, luôn luôn đổi mới. Sự nghiệp cách mạng của chúng ta hiện nay càng đòi hỏi phải đổi mới và biết đổi mới từ những công việc rất lớn của đất nước, của dân tộc thuộc phạm vi của cơ quan lãnh đạo tối cao cũng như công việc bình thường của mọi cấp, mọi ngành cho đến công việc của mọi người.

Có thể lấy hai cuộc kháng chiến vừa qua làm ví dụ để chừng nào soi sáng công việc hiện nay của chúng ta. Lúc bấy giờ chúng ta chưa dùng từ đổi mới, tuy nhiên cách mạng luôn luôn là đổi mới. Cuộc cách mạng Tháng Tám là một sự đổi mới, là sự đổi đời có một không hai trong lịch sử nước ta. Cuộc kháng chiến lần thứ nhất rồi đến cuộc kháng chiến lần thứ hai là một quá trình đổi mới, từ chiến tranh ở một miền đến chiến tranh trên cả nước, từ cuộc chiến tranh chống những lực lượng xâm lược lớn mạnh hơn chúng ta rất nhiều, đến cuộc chiến tranh chống những lực lượng xâm lược giàu mạnh nhất thế giới.

Cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc Việt nam ta trong mấy thập kỷ qua là một sự đổi mới đầy sáng tạo đối với một dân tộc cũng như đối với mọi người Việt nam. Dân tộc Việt nam ta và mỗi người Việt nam ta đều hăng hái tiếp nhận cuộc đổi mới này, cuộc thách thức có ý nghĩa sống còn này với ý chí sắt đá : *Quyết chiến và quyết thắng*, ngay từ buổi đầu. Ý chí sắt đá này là lòng yêu nước, là quyết tâm bảo vệ Tổ quốc *"Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"*. Ý chí sắt đá này bắt nguồn từ sức sống mãnh liệt đã làm nên dân tộc ta và đất nước ta từ Vua Hùng cho đến ngày nay. Ý chí sắt đá này, sức sống mãnh liệt này là sức mạnh, là sự dũng cảm và tài năng sáng tạo vô cùng vô tận, thiên biến vạn hóa của cả một dân tộc cũng như của một đoàn quân, của một chiến sĩ, của một người dân, nó làm nên cuộc chiến tranh nhân dân thần kỳ bất khả chiến thắng, nó có sức thuyết phục và động viên cả loài người đứng lên ủng hộ và giúp đỡ cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc Việt nam ta. Nguồn sức mạnh hầu như vô biên này là sự giàu có quý báu của dân tộc.



Một góc quảng trường Ba đình (Hà nội) ngày 2 tháng 9 năm 1945

Digitized by Google

Ngày nay, công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đòi hỏi chúng ta, nhắc nhở chúng ta có ý thức đầy đủ và sâu sắc vận dụng những kinh nghiệm phong phú vừa qua. Đây cũng là cuộc chiến đấu một mất một còn đối với dân tộc, trước kia chiến đấu chống giặc ngoại xâm giành độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc, ngày nay chiến đấu chống "giặc" nghèo nàn và lạc hậu, tiến lên xây dựng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Đây là cơ hội để thực hiện sự đoàn kết toàn dân theo khẩu hiệu nổi tiếng của Bác Hồ: *đoàn kết các tầng lớp nhân dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, đoàn kết mọi miền* thành một lực lượng, vượt qua những khác biệt nhỏ, đồng tâm hiệp lực làm việc lớn nhằm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thân yêu trong thời điểm quan trọng này.

Đoàn kết là truyền thống lâu đời của dân tộc, nó đã phát triển đến đỉnh cao với hai cuộc kháng chiến, ngày nay trong sự nghiệp xây dựng đất nước, với sự phát triển kinh tế và văn hóa diễn biến phức tạp, với sự phát triển quan hệ rộng rãi về nhiều mặt với nước ngoài thì mọi người chúng ta càng phải thấy ý nghĩa và tác dụng rộng lớn và sâu xa của khối đoàn kết toàn dân : Đoàn kết cộng đồng người Việt nam ở trong nước cũng như ở nước ngoài, phát huy khí phách tự lực tự cường, tự hào về những đức tính cao đẹp và truyền thống vẻ vang của cha ông, trau dồi bản lĩnh, bản sắc của dân tộc, từ đó mà mọi người cố gắng góp phần tích cực của mình nhằm khắc phục không ít yếu kém và sai sót ở nhiều nơi, ở nhiều người, và không chỉ chúng ta thấy rõ mà nhiều người nước ngoài có lời chê trách.

Đổi mới bây giờ chính là phát huy mọi tiềm lực, mọi sức mạnh còn ẩn náu trong cộng đồng dân tộc Việt nam, trong mỗi người Việt nam nhằm đáp ứng tình hình và nhiệm vụ mới. Như vậy, đổi mới là tăng cường lực lượng về mọi mặt của cộng đồng và của mỗi người- lực lượng xây dựng ngôi nhà mới, xã hội mới, đồng thời tăng cường sức đề kháng, sức tự bảo vệ mình chống mọi âm mưu xâm nhập từ bên ngoài. Mọi người phải thấy đây là sự nghiệp thiêng liêng của dân tộc, là lẽ sống và lương tri của mình, từ đó mà ra sức đóng góp phần của mình vào sự nghiệp cao quý này.

Công cuộc đổi mới rộng lớn và đa dạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng đang diễn ra khắp nơi trên đất nước ta từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến trung du, miền núi, hầu như ở nơi nào cũng có những điển hình tốt, có khi rất tốt, xuất hiện trong các phong trào thi đua của các ngành, các giới, các địa phương, nhất là ở nông thôn, từ xóm, làng cho đến huyện, tỉnh. Ở đây, thực sự đã có sự đổi mới, sự đổi đời. Đây là một bước tiến hướng tới sự giàu có và văn minh, chỉ tiếc là chưa rộng khắp, còn bé nhỏ chưa đến mức thay đổi bộ mặt của đất nước.

Một điều đáng quý mà tôi cần nêu lên là có nhiều nơi nhân dân ở một địa phương cùng nhau cam kết và thực hiện những quy ước nhằm dần dần thanh toán những tệ nạn xã hội, xóa đói giảm nghèo đã đành, mà còn tiến lên hạn chế và xóa bỏ rượu chè, cờ bạc, trộm cắp, mại dâm cùng với tệ quan liêu cửa quyền, tham nhũng, buôn lậu và ăn xài hoang phí của công... Đây là những bước đầu thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Vấn đề bây giờ là từ điểm nhân ra diện, từ ít nhân ra nhiều, từ nhỏ nhân lên lớn, từ thấp nhân lên cao... Tất nhiên, đây là công việc, đây là trách nhiệm của hệ thống chính trị nước ta, biến lòng dân thành ý Đảng và phép nước.

Hiện nay, nhiệm vụ đặc biệt quan trọng là công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đây là sự nghiệp xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và văn hóa của chủ nghĩa xã hội. Nhân tố văn hóa ở đây đóng vai trò cực kỳ quan trọng mà cuốn sách của tôi "Văn hóa và đổi mới", đã làm sáng tỏ một chừng nào.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa liên quan mật thiết với nhau. Phải có công nghiệp hóa thì mới có hiện đại hóa, ngược lại, hiện đại hóa là mục tiêu, là phương hướng, là hiệu quả tốt đẹp của công nghiệp hóa. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa bao quát mọi lĩnh vực của cuộc sống, của xã hội, của cộng đồng con người, kể cả môi trường thiên nhiên.

Đối với chúng ta, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là góp phần thiết thực nhất vào sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đây là sự khác biệt rất cơ bản giữa chế độ xã hội chủ nghĩa và chế độ tư bản chủ nghĩa. Gần đây trên thế giới, người ta ngày càng bàn nhiều tới một nền văn minh mới cao

Digitized by Google

hơn, đẹp hơn nền văn minh hiện nay dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Nói đến những điều như vậy có cái hay là nó khẳng định sự hết thời của chủ nghĩa tư bản.

Còn chúng ta, thì chúng ta cố gắng đoàn kết, phấn đấu tiến tới xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, đem lại cuộc sống hạnh phúc cho mọi người, điều này có nghĩa là một xã hội không còn hố ngăn cách giữa giàu và nghèo. Đó là một xã hội thực sự văn minh, một nền văn minh không phải xuất phát từ trí tưởng tượng của bất cứ ai, một nền văn minh từng bước, từng phần xuất hiện từ sáng tạo của cộng đồng con người giàu trí tuệ và tài năng, giàu ý thức tập thể và tình cảm cộng đồng. Lúc chúng ta nói một xã hội công bằng, văn minh là chúng ta bằng việc làm, từng bước tiến tới một xã hội tốt đẹp theo hình ảnh vừa phác họa trên đây.

Trở lại vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trước ta và chung quanh ta có rất nhiều mô hình mà chúng ta có thể tham khảo với tinh thần thực sự cầu thị, xuất phát từ đặc điểm, trình độ và truyền thống của dân tộc Việt nam ta, cố gắng tìm tòi, học hỏi cho được những cái hay, những cái độc đáo mà chúng ta có thể vận dụng thích hợp với khả năng và yêu cầu của nước ta. Điều này đòi hỏi trong quan hệ đa phương và đa dạng với nước ngoài, chúng ta phải vũ trang cho mình ý thức mạnh mẽ và những hiểu biết đầy đủ về lợi ích trước mắt và lâu dài của nước ta nhằm làm việc với các đối tác một cách bình đẳng, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, không để xảy ra những sai sót, hư hỏng, thậm chí sự sa sút về phẩm chất, rơi vào cạm bẫy của đối phương. Phải kiên quyết cải tiến những thủ tục liên quan đến quan hệ hợp tác đa dạng với nước ngoài mà lâu nay người ta đều đòi hỏi.

Một điều cần nhắc lại mà chính người nước ngoài, nhất là những người ở các nước chung quanh nước ta thường nói với chúng ta là họ phải mất vài ba thập kỷ để trở thành một nước công nghiệp hóa mới ("NIC") còn chúng ta thì, theo ý họ, bởi chúng ta có tài nguyên và tiềm lực phong phú hơn họ lúc bắt đầu, chúng ta có thể mất thời gian ngắn hơn để trở thành "NIC". Tôi nghĩ rằng ở đây có nhiều điều chúng ta cần đi sâu nghiên cứu, toàn tâm, toàn ý tìm thấy cho được những yếu tố, những bí quyết của câu chuyện có ý nghĩa này, mà tôi chỉ có thể nói qua trong khuôn khổ của bài báo.

Theo ý tôi, cốt lõi của vấn đề là công nghệ. Tất nhiên, đây không phải cái gì mới lạ, đây là điều chúng ta thường nói, song nói là một việc, còn làm và cố gắng làm cho được, làm một cách có hiệu lực và có hiệu quả mới là điều mà chúng ta cần. Thời đại ngày nay là thời đại của sự bùng nổ khoa học và công nghệ. Có khi có loại công nghệ rất quý và tinh vi mà không cần nhiều vốn, nhiều công, cái nó đòi hỏi là thông minh, trí tuệ, là sáng tạo và đổi mới. Chính đây là khả năng tiềm tàng của con người Việt nam ta. Tôi nghĩ rằng, cộng đồng dân tộc Việt nam ta và nói chung, mỗi người Việt nam đều ít nhiều giàu có thứ của cải cực kỳ quý báu này. Vậy thì vì sao không khai thác ? đó là câu hỏi lớn mà tôi đặt ra cho mọi người chúng ta.

Những bậc có tài năng xuất chúng trên thế giới thường nói : thiên tài chỉ là một sự nhẫn nại lâu dài. Mọi người chúng ta, bất cứ làm việc gì, làm nghề gì, nhất là những người mà hoạt động có liên quan đến sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hãy ngày đêm suy ngẫm về những điều nói trên. Dân tộc Việt nam ta là một dân tộc khiêm tốn, không bao giờ mắc cái bệnh tự cao tự đại, coi mình hơn người khác. Đồng thời, có tinh thần tự trọng, tự hào, không để mình thua kém người khác một cách quá đáng, và để làm phong phú thêm cái vốn hầu như bẩm sinh về sự thông minh, sáng tạo thì càng phải học tập người khác, làm người học trò nhỏ tìm học cho được những tinh hoa khắp nơi trên thế giới cần thiết cho chúng ta. Nói như vậy là trở lại tầm quan trọng vô song của giáo dục mà tôi vừa trình bày trong bài báo nhân kỷ niệm năm thứ 105 ngày sinh Bác Hồ.

Tôi nhắc lại một cụm từ mà mọi người thường thấy trong các văn kiện chính thức gần đây : *thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.* Cụm từ này bao gồm một loạt những luận điểm có liên quan mật thiết với nhau, mà cốt lõi là nắm bắt cho được mọi cơ hội thuận lợi, đẩy lùi cho được mọi nguy cơ : tụt hậu xa hơn về kinh tế ; chệch hướng xã hội chủ nghĩa ; nạn tham nhũng, buôn lậu; diễn biến hòa bình.

Digitized by Google

Tất nhiên, các cơ quan trong hệ thống chính trị từ trên xuống dưới đều có phận sự và trách nhiệm trong các khâu nói trên đây, và làm những việc này chính là góp phần tạo nên môi trường xã hội trong sạch và lành mạnh, một cuộc sống lành mạnh, quan hệ giữa con người và con người lành mạnh. Một xã hội như vậy đòi hỏi chúng ta phải đấu tranh quyết liệt chống cho bằng được những tệ nạn xã hội mà mọi người chúng ta đều phẫn nộ. Trong thời gian gần đây, mọi nơi đều có chú ý làm những việc nói trên và càng làm thì càng thấy khả năng và tiềm lực trong các tầng lớp nhân dân.

Giờ đây chúng ta lại có một sự hỗ trợ mới của cuộc cải cách nền hành chính nhà nước. Theo ý tôi, đây là một giải pháp có thể có hiệu lực và hiệu quả rất quan trọng mà chúng ta đang trông đợi. Ở đây, khâu có ý nghĩa quyết định nhất là con người thích ứng với vị trí của nó trong bộ máy hành chính, biết làm và làm tốt công việc của mình, được quần chúng nhân dân ủng hộ và giúp đỡ là sự thể hiện trong cuộc sống luận điểm ý Đảng, lòng dân, phép nước là một.

Đối chiếu đòi hỏi có tính thời sự bức xúc này với thực trạng tình hình chung của cả nước cũng như tình hình từng tỉnh, từng ngành, từng đơn vị... chúng ta thấy khoảng cách khá rõ rệt. Phải khẳng định rằng tình hình đất nước chúng ta đã trải qua những biến đổi, trong đó có những thành tựu rất quan trọng đem lại sự phấn khởi và niềm tin trong lòng người dân ; đồng thời phải thấy rất rõ những sai sót, những hư hỏng gây ra những hậu quả ít nhiều nguy hại đối với sự phát triển của tình hình, đối với đời sống và lòng tin của nhân dân. Khoảng cách nói trên chính là ở đây.

Phải luôn nhớ rằng, nhân dân Việt nam ta từ xưa đến nay có truyền thống biết quan tâm đến vận mệnh của đất nước và lúc cần không tiếc sức mình vì việc nước, việc dân. Đây là điều thể hiện một cách nổi bật nhất lòng yêu nước của nhân dân ta, ý thức chính trị rất đáng quý của cộng đồng người Việt nam đối với Tổ quốc và dân tộc.

Tôi cần nhấn mạnh thêm rằng, trong lĩnh vực này, dân tộc Việt nam ta là một dân tộc tiên tiến và ngày càng tiên tiến, ở chỗ người dân nói chung theo dõi tình hình đất nước gắn với tình hình khu vực và tình hình thế giới, và từ đó mà có đòi hỏi ngày càng cao. Trong nhiều bài viết trước đây, tôi thường nói : người dân nước ta luôn luôn đòi hỏi, bởi có ý thức chính trị nhạy bén đối với cơ quan lãnh đạo, có khi đòi hỏi nghiêm khắc. Song đòi hỏi có mức độ, biết đòi hỏi cái cần thiết và có thể, không bao giờ đòi hỏi những cái quá cao xa.

Ngang tầm là như vậy : là đáp ứng đòi hỏi chính đáng và đúng mức của quần chúng nhân dân, của dân tộc, của đất nước. Tình hình nước ta cũng như tình hình khu vực và thế giới luôn luôn hướng về phía trước mà tiến, cho nên mức đòi hỏi của nhân dân cũng có biến đổi theo chiều hướng nói trên. Quan điểm ngang tầm ở đây không phải là cái gì cố định mà nó luôn luôn biến động theo hướng đi lên. Như vậy là hợp lý, và nếu quần chúng nhân dân biết nhạy cảm với hiện tượng này thì cơ quan lãnh đạo càng phải biết nhạy cảm sớm hơn, xa hơn, sâu hơn và sự nhạy cảm đó đòi hỏi phải lớn lên ngang tầm. Tóm lại, từ cơ quan lãnh đạo tối cao cho đến cơ sở, mọi người phải lớn lên, cả dân tộc phải lớn lên và lớn lên không ngừng về mọi mặt.

III

Hiện nay, chúng ta đứng trước một đòi hỏi chung có tính thời sự bức xúc nhất, đó là cơ quan lãnh đạo toàn bộ công việc của đất nước phải NGANG TẦM. Đòi hỏi chung này là đòi hỏi của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, là đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng, đồng thời bản thân các cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Chính, Dân, Quân... đều có đòi hỏi này. Như vậy, đòi hỏi chung này thể hiện sự gắn bó một cách hữu cơ các cơ quan lãnh đạo, cơ quan quản lý và quảng đại quần chúng nhân dân.

Sự lớn lên này phải là một quá trình có tổ chức, có sự lãnh đạo, theo một chương trình hành động có mục tiêu, sự lớn lên này không thể cái gì khác là một sự đào tạo, một sự rèn luyện, một sự vươn lên. Chúng ta lại gặp tác dụng quý báu của giáo dục, giáo dục các thế hệ trẻ ở các nhà trường và học hỏi không ngừng đối với mọi tầng lớp nhân dân và mọi lứa tuổi nhằm nâng cao hiểu biết về kiến thức chung, về chuyên môn, về nghề nghiệp. Nói rộng ra thì sự hiểu biết nói trên bao gồm khoa học tự

Digitized by Google

nhiên và khoa học xã hội, những lĩnh vực không có bờ bến.

Lê-nin có nói một câu mà mọi người chúng ta phải hiểu rộng ra rằng các tổ chức quần chúng, các nơi làm việc từ đồng ruộng cho đến công trường, xí nghiệp, các tập thể dân cư : thôn xóm, phố phường... đều là những trường học, những nơi rèn luyện phẩm chất, trí tuệ và tài năng, phong cách và phương pháp làm việc... Ở đây, mọi người, giới trí thức cũng như nhân dân có thể lớn lên mau chóng, tự khẳng định mình bởi sự rèn luyện tại môi trường làm việc, môi trường phát huy phẩm chất, trí tuệ và tài năng tập thể. Chính đây là nơi tốt nhất để từng tập thể lớn, nhỏ người lao động không ngừng được rèn luyện về lời dạy của Bác Hồ : cần kiệm liêm chính, chí công vô tư.

Từ những điểm trên, chúng ta hãy nhìn tới toàn bộ sự nghiệp cách mạng của chúng ta trong tình hình hiện nay. Chúng ta thường nói, cách mạng là đổi mới, và đổi mới ở đây chính là lớn lên để ngang tầm như trên đã nói. Có như vậy mới chuẩn bị tốt cho những bước đi lên theo hướng xã hội chủ nghĩa, đến những chân trời mới, một bước phát triển mới của định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là quá trình trưởng thành của cách mạng trong thực tiễn cũng như về lý luận.

Chúng ta phải luôn nhớ rằng không có lý luận cách mạng thì không có thực tiễn cách mạng và đổi mới là một quá trình, trong đó thực tiễn và lý luận, lý luận và thực tiễn xen kẽ với nhau và cùng nhau tiến về phía trước.

Hướng phấn đấu để ngang tầm như vừa trình bày nhắc tôi nói lại cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ". Ai nấy đều dễ thấy cơ chế này là cái đòn bẩy có tác dụng thúc đẩy toàn bộ hệ thống chính trị của ta ra sức phấn đấu để ngang tầm. Cơ chế này gồm ba bộ phận liên quan mật thiết với nhau và trong hoạt động phải cố gắng phối hợp chặt chẽ với nhau nhằm tiến theo một hướng. Tất nhiên, trong quá trình hoạt động, có bộ phận đi trước, tiến nhanh và đó là cơ hội đòi hỏi bộ phận khác cố gắng vượt bậc để tiến cùng một nhịp.

Những điều vừa nói trên đây đòi hỏi Đảng ta đặc biệt chú trọng hai điều : *Một là*, phải bằng mọi cách không ngừng nâng cao phẩm chất, trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tác dụng lãnh đạo của Đảng một phần quan trọng phụ thuộc vào điều này. *Hai là*, phải thấy tuổi đời của đội ngũ đảng viên quá cao, đây là hiện tượng đáng lo ngại, cứ để tiếp tục diễn ra trong một thời gian nữa thì đây là nguy cơ thực sự, toàn Đảng, nhất là những người lãnh đạo phải quan tâm đúng mức.

Về sự quản lý của Nhà nước, tôi đặc biệt chú ý chỗ yếu kém. Đó là hiệu lực và hiệu quả của bộ máy nhà nước chưa tốt, có chỗ rất chưa tốt, mà nguyên nhân là đội ngũ những người có chức, có quyền chưa được đào tạo, tuyển chọn, kiểm tra, xử lý một cách chặt chẽ và nghiêm khắc. Như vậy càng đòi hỏi cơ quan có thẩm quyền phải chăm lo nó. Ở đây, tôi nhắc lại sự cần thiết phải làm rất tốt cuộc cải cách nền hành chính nhà nước rất hợp thời trong lúc này.

Về quyền làm chủ của nhân dân, chúng ta đã nói nhiều, còn làm thì quá ít. Sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước chính là nhằm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Ngay bây giờ, phải bằng mọi cách làm cho được chủ trương : dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, trước hết thực hiện đầy đủ các quyền của công dân đã ghi trong Hiến pháp, chú trọng đúng mức dân sinh và dân trí.

*
* *

Bài viết này là nhằm kỷ niệm 50 năm cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại và sự ra đời của nước Việt nam mới. Nói đến cuộc cách mạng này thì phải nhớ đến nhiều cuộc kỷ niệm khác có tầm quan trọng của nó trong năm nay. Đây là cơ hội hiếm có để chúng ta ôn cũ, biết mới, từ những sự kiện lịch sử đã qua mà rút ra những bài học, những kinh nghiệm có tác dụng thiết thực đối với ngày nay và mai sau, nhằm vượt qua mọi khó khăn, trở ngại, phấn đấu thực hiện cho bằng được những nhiệm vụ trọng đại đang đề ra trên chương trình nghị sự của Đảng ta, Nhà nước ta và nhân dân ta trong thời điểm này ❑

Digitized by Google

AN TOÀN KHU II VÀ HỘI NGHỊ QUÂN SỰ CÁCH MẠNG BẮC KỲ
SỰ CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG TÍCH CỰC VÀ CHỦ ĐỘNG CHO CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

TRỊNH NHU * và TRÌNH MƯU **

KHI chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng cộng sản Đông dương đã hết sức nhạy bén, phân tích và đánh giá chiều hướng phát triển của cuộc chiến, đề ra chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, từ đấu tranh công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ, tự do, cơm áo và hòa bình, đến chuyển vào hoạt động bí mật, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc sống đấu tranh vũ trang giành chính quyền.

Để có chỗ đứng chân và điều kiện chỉ đạo phong trào cách mạng, Đảng đã chọn đầu nguồn Cao bằng làm thí điểm xây dựng Mặt trận Việt minh. Từ Cao bằng, các đội quân xung phong tuyên truyền Nam tiến, Bắc tiến và Đông tiến đã mở rộng xuống Thái nguyên, Tuyên quang, sang Hà giang, Lạng sơn, hình thành các căn cứ địa Cao bằng - Bắc sơn, Võ nhai và sau này lập thành một khu căn cứ bao gồm 6 tỉnh gọi tắt là : Cao - Bắc - Lạng - Thái- Hà - Tuyên.

Xuất phát từ yêu cầu chủ quan, khách quan của cuộc cách mạng, từ kinh nghiệm thực tiễn hoạt động bí mật, Đảng chủ trương thành lập các khu vực an toàn làm nơi đóng cơ quan của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc kỳ để trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo phong trào cách mạng ở Bắc bộ.

Kết quả của chủ trương đúng đắn, kịp thời này là an toàn khu I (ATK I) bao gồm già nửa vùng ngoại thành Hà nội, nằm hai bên bờ sông Hồng, đã ra đời. Đây là nơi cơ quan trung ương Đảng cộng sản Đông dương và các cơ quan của Xứ ủy Bắc kỳ đóng trong thời kỳ chuẩn bị giành chính quyền.

Bên cạnh việc xây dựng ATK I nằm sát dinh lũy của kẻ thù, Trung ương Đảng và cả Xứ ủy Bắc kỳ chủ trương xây dựng một An toàn khu đệm (gọi là ATK II).

ATK II được hình thành trên một dải đất rộng hai bên bờ sông Cầu, bao gồm hầu hết các xã trong huyện Hiệp hòa (tỉnh Bắc giang) và một số xã nằm trong hai huyện Phú bình và Phổ yên tỉnh Thái nguyên. ATK II trở thành địa bàn đóng và hoạt động của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc kỳ trong những năm 1943-1945. Các cơ sở ấn loát bí mật của Trung ương và Xứ ủy, các cuộc hội nghị quan trọng thường được diễn ra ở xã Hoàng vân (Hiệp hòa, Bắc giang), Kha sơn (Phú bình) và Tiên thù (Phổ yên, Thái nguyên). Đây là "khu đệm" nối liền khu Giải phóng với trung du và đồng bằng, tiến có thể đánh, lui có thể bảo toàn lực lượng.

Trong thời gian tồn tại, ATK II có vai trò rất quan trọng trong việc chuẩn bị mọi mặt cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945. Điều đó thể hiện ở mấy điểm sau đây:

1- *Từ khi thành lập đến Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, ATK II là nơi đóng và bảo vệ các cơ quan ấn loát của Đảng.* Các cơ quan ấn loát này đã in và phổ biến hàng vạn trang tài liệu quan trọng như : *Nghị quyết* của Hội nghị Trung ương lần thứ Tám ; báo *Cờ giải phóng*, *Tạp chí Cộng sản*, các cuốn sách về chiến tranh du kích nhằm hướng dẫn cho cán bộ,

* PGS, PTS, Viện trưởng Viện lịch sử Đảng, thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

** PTS, Viện phó Viện lịch sử Đảng, thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Digitized by Google

đảng viên, quần chúng đường lối, phương pháp đấu tranh giành chính quyền . Các chủ trương, đường lối, chiến lược và sách lược của Đảng đã đi vào quần chúng, giác ngộ, tổ chức quần chúng đứng lên làm Cách mạng Tháng Tám, năm 1945. Điều đó cắt nghĩa vì sao trong Cách mạng Tháng Tám lực lượng của Đảng còn rất mỏng, nhưng khi thời cơ đến, quần chúng cách mạng vẫn có thể tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền.

2- *ATK II là nơi huấn luyện, đào tạo cán bộ đảng, cán bộ quân sự, bổ sung cho các đảng bộ ở Bắc kỳ, trong tiến trình cách mạng Tháng Tám.* Trong điều kiện hoạt động bí mật, lại bị địch khủng bố, bắt bớ liên tục, việc gấp rút đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đủ năng lực lãnh đạo phong trào trở thành một yêu cầu cấp bách. Chính tại ATK II ,Trung ương và Xứ ủy Bắc kỳ đã tổ chức các lớp huấn luyện cán bộ chính trị và quân sự cho các tỉnh Bắc kỳ. Để quán triệt chủ trương của Đảng về chính trị, quân sự sau các Hội nghị lần thứ 6, 7 và 8 của BCHTƯ , Trung ương và Xứ ủy mở liên tiếp nhiều lớp huấn luyện tại Hiệp hòa cho cán bộ các tỉnh. Nhiều đồng chí lãnh đạo trong Thường vụ Trung ương đã chủ trì hoặc đến giảng bài. Những đồng chí được huấn luyện đã trở thành các cán bộ cốt cán, giữ vai trò lãnh đạo chủ chốt phong trào ở các địa phương, tổ chức quần chúng, thực hiện chủ trương của Đảng đấu tranh giành chính quyền.

3- *ATK II đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, là cầu nối giữa phong trào ở Hà nội, vùng đồng bằng, trung du với chiến khu Việt bắc, nơi làm việc của Bác Hồ và Trung ương Đảng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo cuộc Tổng khởi nghĩa.* Nằm ở vị trí chiến lược tiếp giáp với phong trào của nhiều tỉnh, ATK II là đầu mối giao thông quan trọng, chuyển tới các địa phương các văn kiện, tài liệu của Trung ương, của Bác Hồ và Xứ ủy Bắc kỳ ; đồng thời. tiếp nhận và gửi lên các đồng chí lãnh đạo Xứ ủy và Trung ương báo cáo của các địa phương. Điều đó có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thống nhất hành động, thống nhất lực lượng, thống nhất lãnh đạo giữa Trung ương với cơ sở. Những cơ sở cách mạng trong ATK II là nơi chăm sóc nuôi dưỡng bảo vệ nhiều cán bộ của Đảng hoạt động trong vùng, cán bộ đi dự các hội nghị Trung ương ở Việt bắc, và cả các đồng chí thoát khỏi các nhà tù đế quốc bí mật trở về các địa phương lãnh đạo phong trào cách mạng.

4- *ATK II đã đóng góp to lớn cho việc chuẩn bị và tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền ở địa phương, làm bàn đạp cho khởi nghĩa ở Bắc giang, Bắc ninh và Thái nguyên nhằm hỗ trợ , gây thanh thế và ảnh hưởng đến các tỉnh, huyện xung quanh.* Được Trung ương và Xứ ủy Bắc kỳ trực tiếp chỉ đạo, phong trào cách mạng trong ATK phát triển rộng khắp. Trình độ giác ngộ cách mạng của quần chúng được nâng cao. Cùng với sự phát triển của cách mạng , quần chúng nhân dân tham gia nhiều hoạt động chuẩn bị cho cao trào Tổng khởi nghĩa. Các xã, huyện, khi thời cơ đến, lệnh khởi nghĩa được phát ra. quần chúng nhân dân đã nhất tề nổi dậy giành chính quyền, thực hiện kịp thời, đúng đắn những chủ trương của Đảng và Mặt trận Việt minh. Từ phong trào ở ATK II đã giúp cho Đảng những kinh nghiệm thực tiễn để lãnh đạo phong trào cả nước. Thắng lợi của việc giành chính quyền của các huyện đã thúc đẩy phong trào của cả tỉnh và ảnh hưởng đến các vùng lân cận.

5- *ATK II là nơi tổ chức nhiều hội nghị quan trọng của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc kỳ trong tiến trình Cách mạng Tháng Tám, đặc biệt là Hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ.* Tại ATK II, khi tình hình trong nước và quốc tế có nhiều biến chuyển mau lẹ, Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc kỳ đã tổ chức nhiều hội nghị quan trọng, nhằm tổng kết thực tiễn phong trào, chỉ đạo xây dựng lực lượng và đấu tranh vũ trang, các biện pháp thúc đẩy công cuộc chuẩn bị đón thời cơ. Đó là các *Hội nghị quân chính* ở Hiệp hòa (4-1944) ; *Hội nghị quân sự của Xứ ủy Bắc kỳ* ở Kha sơn, Phú bình (8-1944) quyết định tổ chức các chiến khu ở Bắc kỳ ; *Hội nghị thống nhất các lực lượng vũ trang Việt nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân* để xây dựng lực lượng vũ trang thống nhất sau chỉ thị "Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" và *Hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ.*

Hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ được tiến hành từ ngày 15 đến 20-4-1945 tại làng

Digitized by Google

Liễu ngạn, Hoàng vân, Hiệp hòa. Đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư của Đảng lúc đó chủ trì Hội nghị. Các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng, Trần Đăng Ninh, Lê Thanh Nghị, Chu Văn Tấn, Bạch Thành Phong, cùng nhiều cán bộ lãnh đạo quân sự các địa phương, các chiến khu tham dự.

Hội nghị đã thảo luận, đánh giá những chuyển biến của thời cuộc và bàn các biện pháp thực hiện chỉ thị lịch sử "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Phân tích sự khủng hoảng chính trị hiện thời ở Đông dương, Hội nghị đã nhận định chính xác rằng, việc thanh toán lẫn nhau giữa Nhật với Pháp là một tình trạng khủng hoảng chính trị đặc biệt có lợi cho cách mạng nước ta. Quân Đồng minh sẽ chiến thắng phát xít là điều hiển nhiên. Điều đó đặt ra cho Đảng phải gấp rút chuẩn bị lực lượng, tiến hành cuộc khởi nghĩa từng phần ở những nơi đối sánh lực lượng có lợi cho ta. Quân Đồng minh sớm muộn sẽ vào nước ta. Vì vậy cần triệu tập gấp Đại hội quốc dân, lập ra Chính phủ lâm thời để giao thiệp với Đồng Minh. Hội nghị đã khẳng định hết sức chính xác rằng, hơn lúc nào hết, trước mắt "phải tích cực chuẩn bị thực lực, không được ỷ lại vào người. Phải gấp phát triển các đội quân du kích thật lớn sẵn sàng hưởng ứng quân Đồng minh" [1]. Đây là tư tưởng phải *đem sức ta giải phóng cho ta* mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn cho toàn Đảng, toàn dân.

Những nhận định xác đáng, những dự kiến chính xác về thời cuộc và những quyết sách đúng đắn của Hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ đã dấy lên một cao trào tiền khởi nghĩa ở các địa phương. Nó trang bị cho cán bộ lãnh đạo chính trị và quân sự chủ động chớp thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền ở nhiều nơi trước khi quân Đồng minh vào, và trước khi nhận được lệnh khởi nghĩa của Trung ương. Những vấn đề về phương pháp cách mạng giành chính quyền được Hội nghị thảo luận và thông qua đã hướng dẫn cho các địa phương vận dụng một cách sáng tạo, không tuyệt đối hóa mặt này hay mặt kia trong xây dựng lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang, trong kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tuy rằng Đảng có nhận định "tình thế đã đặt nhiệm vụ quân sự lên trên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp trong lúc này" [2]. Nhờ có những chủ trương đúng đắn được thông qua ở Hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ mà Đảng ta đã lãnh đạo tiến hành khởi nghĩa từng phần và Tổng khởi nghĩa với một hình thái hết sức đa dạng.

Nhờ công tác chuẩn bị kỹ lưỡng và tỷ mỷ theo chỉ dẫn của Hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ mà cuộc Tổng khởi nghĩa *diễn ra mau lẹ, chính xác* giành *thắng lợi trọn vẹn, ít đổ máu*. Nếu không có việc chuẩn bị như vậy, không có lực lượng tại chỗ của địa phương và lực lượng vũ trang phối hợp của các chiến khu lớn thì dù có một "khoảng trống quyền lực" cách mạng cũng không thể giành thắng lợi được.

Tầm nhìn chiến lược thể hiện trong việc xây dựng các Khu căn cứ địa, các ATK để chỉ đạo sát phong trào, chuẩn bị lâu dài và cụ thể trên tất cả các mặt cho Tổng khởi nghĩa là một minh chứng bác bỏ những sự xuyên tạc của giới sử học một số nước. Sự tồn tại của ATK II suốt trong thời kỳ 1939 - 1945 và những quyết định trong Hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ tự nó đã bác bỏ ý kiến cho rằng: "Đảng cộng sản Đông dương và Việt minh chưa bao giờ thực sự vạch định kế hoạch cho Cách mạng Tháng Tám. Họ vạch kế hoạch cho một cuộc rút lui nhờ trợ giúp của quân Đồng minh" [3] ; rằng "một số ít người thắng cuộc không phải do vì có vạch định được kế hoạch cho cách mạng mà là do hoàn cảnh đem lại cho họ một cách bất ngờ" [4]. Chúng ta không phủ nhận yếu tố khách quan do tác động của việc Liên xô và các nước Đồng minh đánh bại phát xít Đức và Nhật tạo ra cho cách mạng Việt nam, nhưng nếu như không có sự chuẩn bị chu đáo và tỷ mỷ, không có tư duy năng động và sáng tạo, nhất là không có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, thì Cách mạng Tháng Tám không thể thành công được❑

(1) *Văn kiện Đảng* 1930-1945. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản. Hà nội, 1977, t 3, tr 534

(2) *Sđd*, tr 535

(3) (4) S. Tonesson : *Cách mạng Việt nam năm 1945* (Bản dịch lưu trữ tại Viện lịch sử Đảng).

Digitized by Google

50 NĂM XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH QUYỀN NHÂN DÂN

THANH SƠN

NỬA thế kỷ qua, đất nước ta đã trải qua nhiều sự kiện có ảnh hưởng lớn đến sự tồn vong của chính quyền nhân dân. Trong thời gian đó, để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chính quyền, dân tộc ta phải đương đầu với những cuộc chiến tranh tàn bạo. Bản anh hùng ca trong công cuộc xây dựng, bảo vệ và hoàn thiện chính quyền mới, chế độ mới của nhân dân ta trong suốt 50 năm qua đã khắc sâu vào trang sử vàng chói lọi của dân tộc Việt nam, vào tình cảm, lòng ngưỡng mộ và khâm phục của các dân tộc trên thế giới.

Cách mạng Tháng Tám (năm 1945) thành công, chính quyền dân chủ nhân dân ra đời, mở đầu một kỷ nguyên mới của lịch sử nước ta, đánh dấu thắng lợi đầu tiên trong công cuộc giải phóng các nước thuộc địa trên thế giới. Trong nửa thế kỷ tồn tại và trưởng thành, chính quyền cách mạng, do Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo đã vượt lên mọi khó khăn, lập nên những thành tựu to lớn :

- Lãnh đạo và tổ chức toàn dân đánh bại các cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ nhân dân.

Vừa giành được chính quyền, nhân dân ta đã phải đương đầu với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, và tiếp đó là cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ vô cùng ác liệt, lập nên những chiến công hiển hách. Chiến thắng Điện biên phủ đã kết thúc 9 năm kháng chiến, giải phóng hoàn toàn miền Bắc và rung hồi chuông báo hiệu giờ cáo chung của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới. Đại thắng mùa xuân năm 1975 đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, chấm dứt 20 năm kháng chiến trường kỳ, anh dũng của dân tộc, đánh bại chủ nghĩa thực dân mới, nêu tấm gương sáng cho các dân tộc thuộc thế giới thứ ba tiến lên giành độc lập.

Tiếp sau hai chiến thắng vĩ đại trên là chiến thắng của hai cuộc chiến tranh biên giới bảo vệ Tổ quốc ; là thắng lợi trong việc ngăn chặn những mưu toan phá hoại, những hành động chiến tranh tâm lý, diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch ; đặc biệt là sự trụ vững trong cơn bão táp, khi Liên xô tan rã, chế độ xã hội chủ nghĩa các nước Đông Âu sụp đổ... Tất cả đã chứng tỏ chính quyền ta là một chính quyền vững mạnh, có khả năng tổ chức, lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi, tự bảo vệ mình để phát triển.

- Xây dựng cơ sở vật chất bước đầu cho chủ nghĩa xã hội và ngày nay đang tiến hành công cuộc đổi mới thắng lợi, tiếp tục đưa đất nước tiến lên.

Ngay sau khi ra đời, Nhà nước ta đã bắt tay ngay vào khắc phục nạn đói năm 1945, xóa nạn mù chữ, tổ chức nhân dân xây dựng đời sống mới ; nhiều chủ trương chính sách lớn về kinh tế - xã hội của Nhà nước được thực hiện như : giảm tô, cải cách ruộng đất v.v., đã giải phóng sức sản xuất xã hội, tạo nên sức mạnh mới cho đất nước.

Miền Bắc xã hội chủ nghĩa từng bước được xây dựng. Nhà máy, xí nghiệp, nông trường, lâm trường, hợp tác xã mọc lên ở khắp nơi. Các cơ sở hạ tầng như nhà kho, sân phơi, thủy lợi, đường sá, trường học, nhà trẻ, nhà văn hóa... được xây dựng nhiều. Phong trào thi đua với khí thế "gió Đại phong", "sóng Duyên hải", "cờ Ba nhất", "tiếng trống Bắc lý" diễn ra ở khắp nơi... là những nhân tố quan trọng góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và giải phóng miền Nam.

Digitized by Google

Đất nước thống nhất, cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội từng bước được xây dựng. Những năm đổi mới, bằng những bước đi thích hợp và chuyển đổi cơ chế một cách hợp lý, cơ cấu kinh tế nhiều thành phần đang hình thành, nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đang được vận hành. Các thành phần kinh tế đua nhau phát triển, các tiềm năng của đất nước được huy động và khai thác tốt hơn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và liên tục, GDP trong các năm 1991 - 1994 tăng bình quân 8,3% một năm. Nhiều ngành công nghiệp như ngành điện, dầu thô, xi măng, viễn thông bưu điện... phát triển mạnh, mở ra những hướng mới đầy hứa hẹn. Việc xây dựng nhà ở, đường sá, điện, nước, trường học, cơ sở y tế ... ở nhiều vùng nông thôn và đô thị phát triển. Đời sống của đại đa số nhân dân được cải thiện.

- Uy tín và vị trí nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao ; bạn bè khắp năm châu ngày càng hiểu ta và giúp đỡ ta nhiều hơn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trên thế giới không mấy ai biết đến Việt nam. Có chăng thì chỉ biết đến một xứ Đông dương thuộc Pháp. Ngay sau khi ra đời, chính quyền cách mạng đã thiết lập và củng cố quan hệ thân thiện với các nước xã hội chủ nghĩa và nhiều nước trên thế giới.

Ngày nay trên con đường đổi mới, Nhà nước ta kiên trì phương châm đối ngoại : Việt nam muốn làm bạn với tất cả các nước, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Chúng ta đã có quan hệ ngoại giao với 155 nước, quan hệ kinh tế với 104 nước ; bình thường hóa quan hệ với Mỹ, cũng như với các cường quốc khác trên thế giới ; gia nhập khối ASEAN, mở ra một giai đoạn mới trong quan hệ với các nước Đông - Nam Á... Thông qua các hoạt động đối ngoại đúng đắn, quan hệ của nước ta với các nước trên thế giới không ngừng phát triển cả bề rộng và chiều sâu, vừa củng cố và tăng cường các quan hệ đã có, vừa mở thêm quan hệ mới trên nhiều địa bàn với nhiều đối tượng. Quan hệ ngoại giao gắn với sự hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật..., tạo môi trường hòa bình và điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ; đặc biệt là góp phần mở rộng thị trường, tranh thủ vốn, công nghệ cho sự phát triển kinh tế.

- Trong quá trình đấu tranh cách mạng gian khổ đó, bản thân chính quyền nhân dân cũng ngày càng được củng cố và hoàn thiện.

Đặc biệt từ những năm đổi mới gần đây, chính quyền ta đã có những bước phát triển mới, gắn liền với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt nam. Hiến pháp, hệ thống luật pháp được sửa đổi và ban hành kịp thời. Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp ; Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp ; tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân các cấp cũng được đổi mới và tăng cường quyền lực. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân được củng cố và nâng lên một bước, tất cả đã tạo nên một hệ thống chính trị vững mạnh.

*
* *

Ngược theo thời gian, nhìn lại lịch sử, chúng ta càng thấy sự vĩ đại của chính quyền nhân dân ta và càng thêm tự hào đối với sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện chính quyền các cấp. Có được thành tựu như hôm nay là do nhiều nguyên nhân, nhiều yếu tố chủ quan và khách quan đan xen tác động, nhưng nổi lên có mấy nguyên nhân cơ bản sau đây :

Thứ nhất : *Chính quyền ta luôn luôn đại diện và bảo vệ lợi ích của nhân dân, thực sự là chính quyền "của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân".*

Nhà nước của giai cấp bóc lột trước kia, chỉ tập trung quyền lực vào một nhóm người có của để bóc lột nhân dân. Nhà nước của ta do nhân dân lập ra, được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, phục vụ lợi ích của nhân dân, thực hiện dân chủ với nhân dân, đồng thời chuyên chính với các thế lực thù địch chống lại nhân dân. Là nhà nước của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, Nhà nước ta có sứ mệnh cải tạo và xây dựng, quản lý đất nước phát triển đi lên theo con đường xã hội chủ nghĩa, đồng thời giữ gìn độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Chính quyền của ta không ngừng chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đặc biệt chú trọng thực hiện mọi quyền công dân được ghi trong Hiến pháp và pháp luật như : *quyền dân sinh* (quyền sống, quyền có việc làm...) ; *quyền dân trí* (quyền được học tập và không ngừng nâng cao hiểu biết...) ; *quyền dân chủ* (quyền tự do tư tưởng đóng góp ý kiến, và tham gia vào công việc chung của xã hội...). Sự chăm lo đời sống và bảo đảm các quyền cơ bản đó đã tạo nên những động lực có quan hệ khăng khít với nhau, hỗ trợ nhau, làm cho sự gắn bó giữa nhân dân với chính quyền càng thêm chặt chẽ.

Chính quyền của ta đại diện cho lợi ích của nhân dân, được nhân dân ủy thác, trao cho quyền lực, nhưng không vì thế mà lạm dụng quyền lực ; luôn luôn chịu sự kiểm tra, kiểm soát của nhân dân, luôn luôn lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của nhân dân, đáp ứng lòng mong mỏi chính đáng của nhân dân, ủng hộ cái mới, cái tiến bộ và những sáng kiến nảy sinh từ phong trào quần chúng. Chính quyền ta thường xuyên chăm lo giữ gìn và phát huy bộ máy của mình, không ngừng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành về năng lực, phẩm chất và phong cách, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh : cán bộ vừa là "người lãnh đạo, người quản lý" vừa là "người đầy tớ thật trung thành của nhân dân".

Trên thực tế, chính quyền ta cũng còn không ít những hiện tượng tiêu cực cần phải khắc phục. Có lúc, có nơi, một số cán bộ còn quan liêu, hách dịch, cửa quyền, ngại khó, ... Có người trình độ, năng lực non kém chưa đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ ; một số cán bộ hư hỏng đã làm cho nhân dân thiếu tin tưởng, thậm chí bất bình. Những hiện tượng sa sút này là do bản thân cán bộ chưa nghiêm khắc tự rèn luyện mình, sa vào chủ nghĩa cá nhân và thoái hóa biến chất. Mặt khác, do tổ chức và kỷ luật của chính quyền còn lỏng lẻo, chưa coi trọng công tác quản lý và rèn luyện cán bộ, chưa xử lý nghiêm và kịp thời những cán bộ có nhiều sai phạm. Để khắc phục một cách có hiệu quả sự yếu kém này, Nhà nước ta đang tiến hành cải cách một bước nền hành chính quốc gia, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt nam.

Thứ hai : *Nhân dân hết lòng ủng hộ chính quyền, sức mạnh của chính quyền là ở lòng dân.*

Nhân dân ta một lòng một dạ ủng hộ chính quyền, không chỉ ở những lúc bình thường mà ngay cả ở những lúc tình thế khó khăn "ngàn cân treo sợi tóc". Chúng ta còn nhớ thời kỳ 1945 - 1946, khi cách mạng mới thành công, chính quyền non trẻ của ta phải đương đầu với bao nhiêu khó khăn cùng một lúc : với quân Tưởng tràn vào miền Bắc cướp bóc, với quân Pháp núp sau quân đội Đồng minh vào miền Nam đánh phá. Rồi thời kỳ 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, thời kỳ 20 năm kháng chiến chống Mỹ... Tất cả, nếu không có sự ủng hộ to lớn của nhân dân thì chắc chắn chính quyền không thể vượt qua.

Được sống trong lòng dân, những căn cứ cách mạng, những cán bộ của ta dù hoạt động ngay sát họng súng của địch vẫn được an toàn. Vì chính quyền là con đẻ của nhân dân, nên khi đứng trước sự mất còn của chính quyền, nhân dân ta không hề tiếc công, tiếc của, kể cả tính mạng để bảo vệ chính quyền. Sự hy sinh của nhân dân ta là vô bờ bến. Trong 50 năm qua hàng triệu người đã ngã xuống, hàng triệu ngôi nhà bị giặc đốt phá, biết bao người mẹ mất con, vợ mất chồng, con mất cha để bảo vệ chính quyền, bảo vệ độc lập, tự do cho dân tộc.

Sự ủng hộ của nhân dân đối với chính quyền còn biểu hiện cao ở ý thức xây dựng chính quyền, ở sự kiểm tra, giám sát các hoạt động của chính quyền. Nhân dân ta đã thể hiện tinh thần trách nhiệm và nghĩa vụ công dân của mình trong bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp : dân chủ lựa chọn những người xứng đáng thay mặt cho mình giữ những cương vị lãnh đạo trong bộ máy chính quyền. Có nhiều cuộc bầu cử tuy diễn ra trong những hoàn cảnh khó khăn : thiên tai, địch họa, nhưng lòng nhiệt tình và tinh thần trách nhiệm của nhân dân đối với chính quyền cũng không vì thế mà suy giảm.

Nhân dân ta đã giúp chính quyền giữ gìn và thực hiện kỷ cương phép nước trong thực tiễn cuộc sống. Và từ hiện thực cuộc sống lại bổ sung, làm giàu cho trí tuệ và kinh nghiệm lãnh đạo của chính quyền bằng việc hăng hái đóng góp ý kiến xây dựng hiến pháp, pháp

Digitized by Google

luật ; nghiêm chỉnh chấp hành hiến pháp, pháp luật, cũng như mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Nhà nước.

Nhân dân ta luôn luôn là " tai mắt " của chính quyền, tích cực phát hiện và đập tan những âm mưu phá hoại, chiến tranh tâm lý, diễn biến hòa bình của địch ; tích cực phát hiện và đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, thoái hóa biến chất trong đội ngũ cán bộ chính quyền, nhằm bảo vệ cán bộ, bảo vệ sự trong sạch, vững mạnh của chính quyền.

Sự giúp đỡ của nhân dân ta đối với chính quyền trong suốt 50 năm qua là vô cùng to lớn. Tuy nhiên, trong nhân dân cũng có một bộ phận nhỏ còn thờ ơ với công việc chính quyền, chưa sử dụng hết quyền công dân trong bầu cử ; chưa hăng hái đóng góp xây dựng hiến pháp, pháp luật ; chưa nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, chính sách của Nhà nước, trốn tránh nghĩa vụ ; chưa mạnh dạn đấu tranh chống những biểu hiện sai trái trong chính quyền ; thậm chí còn bao che cho những người thoái hóa biến chất... Những thiếu sót này đã tạo thành những vật cản không nhỏ làm suy yếu chính quyền.

Sự nghiệp đổi mới của đất nước ta đang có nhiều thời cơ và vận hội, nhưng cũng có không ít những khó khăn. Bài học lấy dân làm gốc, phát huy tinh thần đại đoàn kết toàn dân xung quanh chính quyền là điều có ý nghĩa hết sức quan trọng nhằm tiếp tục củng cố và xây dựng chính quyền ngày càng vững mạnh.

Thứ ba: *Luôn luôn bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền.*

Có thể nói, đây là yếu tố cơ bản nhất giúp cho chính quyền ta tồn tại và phát triển trong suốt 50 năm qua. Lịch sử đã cho thấy, không có nhà nước phi giai cấp ; nhà nước nào cũng đại diện cho lợi ích, tư tưởng, quan điểm của một giai cấp nhất định. Ở nước ta, Đảng cộng sản Việt nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc, trong quá trình đấu tranh cách mạng đã trở thành đảng cầm quyền, lãnh đạo toàn diện chính quyền. Thiếu vai trò lãnh đạo của Đảng, Nhà nước ta sẽ không còn mang bản chất giai cấp công nhân, không còn là Nhà nước "của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân". Sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm cho Nhà nước ta từ quy định pháp luật, cơ chế, chính sách đến hoạt động đối nội, đối ngoại đều thể hiện bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo đảm sự kiên định đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta. Thực tiễn cách mạng nước ta đã chứng tỏ rằng, được Đảng lãnh đạo, chính quyền ta có khả năng tổ chức thực hiện một chế độ xã hội "của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân" ; có khả năng động viên và cổ vũ quần chúng cách mạng lao động làm chủ đất nước, thực hiện sự đoàn kết và hòa hợp các tầng lớp nhân dân, các dân tộc trong nước, những người Việt nam ở nước ngoài và các dân tộc tiến bộ trên thế giới vào sự nghiệp xây dựng đất nước.

Hiện nay, các thế lực thù địch đang tăng cường chống phá sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta, hòng làm chúng ta đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa và làm suy yếu độc lập, chủ quyền quốc gia của ta, mà trước hết là âm mưu thực hiện chiến lược diễn biến hòa bình. Trọng điểm chống phá của chúng là nhằm vào nội bộ Đảng và Nhà nước ta, mưu đồ tạo ra quá trình tự diễn biến từ bên trong. Chúng kết hợp tiến công về tư tưởng, lý luận với gây sức ép về kinh tế, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, hy vọng làm cho Đảng, Nhà nước ta thay đổi bản chất, thay đổi đường lối, chuyển dần sang kinh tế thị trường tự do, tư nhân hóa, nền dân chủ tư sản hoặc xã hội dân chủ. Cùng với việc công kích, vu cáo vai trò lãnh đạo của Đảng, chúng còn tìm mọi cách làm cho Nhà nước ta đổi màu và đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải bảo vệ Đảng, bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, và gắn liền với bảo vệ Nhà nước, bảo vệ độc lập dân tộc và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đồng thời cần uốn nắn những tư tưởng sai trái nảy sinh trong Đảng và cán bộ nhà nước về vai trò lãnh đạo của Đảng như : Đảng lãnh đạo theo kiểu cũ, bao biện làm thay, can thiệp sâu vào những công việc thuộc chức năng điều hành của nhà nước, hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền ❑

Digitized by Google

TỔNG QUAN KINH TẾ VIỆT NAM
SAU 50 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN (1945 - 1995)

NGUYỄN SINH CÚC *

50 NĂM đã đi qua, kể từ ngày Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công và nước Việt nam dân chủ cộng hòa được thành lập. Từ đó đến nay chúng ta đã chứng kiến biết bao sự kiện trọng đại trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước. Trên góc độ xây dựng và phát triển kinh tế, nửa thế kỷ qua cũng là thời kỳ nước ta đã trải qua nhiều bước thăng trầm, gặp phải nhiều khó khăn, thử thách. Nhưng chúng ta có một thuận lợi rất cơ bản là sự lãnh đạo đúng đắn và tài tình của Đảng cộng sản Việt nam suốt các chặng đường lịch sử được cụ thể hóa trong đường lối phát triển kinh tế xã hội nói chung, đường lối kinh tế nói riêng, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới và mở cửa. Nhờ vậy, trong nửa thế kỷ qua, chúng ta đã từng bước đẩy lùi khó khăn, đi lên từ nghèo nàn, lạc hậu, liên tiếp giành được những thành tựu to lớn và cơ bản trên tất cả các mặt, đưa nền kinh tế thoát dần ra khỏi khủng hoảng, vững bước đi lên trên con đường đổi mới.

1 - Nông nghiệp

Kinh tế Việt nam chủ yếu là nông nghiệp, nhưng điểm xuất phát lại quá thấp. Trước năm 1945, năng suất lúa bình quân cả nước chỉ đạt 13 - 15 tạ/ha. Sản xuất không đủ tiêu dùng, nông thôn nghèo đói mà điển hình là năm 1945 có 2 triệu người chết đói. Sau Cách mạng Tháng Tám và trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, vì phải tập trung sức người, sức của cho kháng chiến, nông nghiệp cũng như các ngành kinh tế khác không được đầu tư thỏa đáng, nên phát triển chậm.

Sau hòa bình lập lại (7-1954), Chính phủ chủ trương đẩy mạnh đầu tư cho thủy lợi, khai hoang, phục hóa, tiến hành cải cách ruộng đất để thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng. Sau 3 năm khôi phục kinh tế (1955-1957), nhiều chỉ tiêu kinh tế chủ yếu vượt năm 1939 : diện tích gieo trồng tăng 23,5%, sản lượng lương thực vượt 57%, năng suất lúa vượt 30,8%, đàn trâu vượt 43%, đàn bò vượt 39%, đàn lợn vượt 20%, lương thực bình quân đầu người đạt 303 kg và tăng 43,6% so với năm 1939. Miền Bắc đã có gạo xuất khẩu.

Thời kỳ từ năm 1958 - 1975, nông nghiệp miền Bắc phát triển trong sự tác động trực tiếp của mô hình tổ chức sản xuất hợp tác xã sản xuất nông nghiệp từ bậc thấp đến bậc cao, tập thể hóa ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác ở nông thôn triệt để và nhanh chóng. Quan hệ sản xuất tập thể tuy bước đầu có phát huy tác dụng trên một số mặt như làm thủy lợi, đường giao thông, xây dựng nông thôn mới, nhưng do không gắn lao động với ruộng đất, với sản phẩm cuối cùng, nên không tạo ra động lực sản xuất phát triển ; chi phí tăng, hiệu quả thấp.

Thời kỳ từ năm 1976 - 1995 là thời kỳ nông nghiệp nước ta có nhiều bước thăng trầm . Những năm 1976-1980 được coi là đỉnh cao của sự phát triển nông nghiệp theo mô hình kế hoạch hóa, tập thể hóa và quản lý tập trung. Những năm 1981-1988 là bước tập dượt quá độ để chuyển đổi cơ chế quản lý nông nghiệp từ tập trung sang tự chủ, từ tập thể đến hộ gia đình.

Từ năm 1989 trở đi, nền nông nghiệp nước ta bước vào giai đoạn phát triển mới. Sau chỉ thị 100 của Ban bí thư Trung ương

* PTS. Vụ trưởng, Tổng cục thống kê

Digitized by Google

Đảng (tháng 1-1981), Nghị quyết 10 của Bộ chính trị và các chính sách kinh tế khác của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới đã xác định hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, ruộng đất được giao cho hộ sử dụng lâu dài, đã giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, đưa nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển ổn định, đạt được những thành tựu mới rất quan trọng, chưa từng có trong những năm trước đó. Đặc biệt, sản xuất lương thực đã liên tục phát triển, sản lượng năm sau cao hơn năm trước. Tổng sản lượng lương thực quy thóc (triệu tấn) năm 1988: 19,5 ; năm 1989 : 21,5 ; năm 1990 : 21,5 ; năm 1991 : 21,9 ; năm 1992 : 24,2 ; năm 1993 : 25,5 ; năm 1994 : 26,2 ; và ước năm 1995 : 27,5. Mức sản xuất một vụ lúa đông xuân 1995, đã vượt sản lượng lúa 3 vụ lúa trong năm 1980 của cả nước (12 triệu tấn).

Sản lượng lương thực tăng, nên lương thực bình quân đầu người không những vượt mốc 300 kg, mà từ năm 1992 đến nay đã đạt trên 350 kg (1993 : 359 kg, 1994 : 361 kg và 1995 : 364 kg), thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của 73 triệu dân (mỗi năm tăng thêm 1,5 triệu người), đẩy lùi thiếu đói giáp hạt, và còn dư thừa để dự trữ và xuất khẩu với số lượng ngày càng tăng. Từ một nước trước đây thiếu lương thực triền miên, ngày nay Việt nam đã trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ ba của thế giới (từ năm 1992, mỗi năm xuất khẩu được trên dưới 2 triệu tấn gạo).

Cùng với sản xuất lương thực, sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, rau đậu và chăn nuôi cũng phát triển với nhịp độ nhanh và ổn định. Đã hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung phục vụ xuất khẩu : *lúa gạo* ở đồng bằng sông Cửu long, *cà phê* ở Tây nguyên, *cao su* ở Đông Nam bộ, *chè* ở miền núi Bắc bộ, *rau quả* ở vùng đồng bằng sông Hồng.

Chăn nuôi trâu, bò, lợn, dê, gia cầm tăng về số lượng và chủng loại ; phong trào nuôi cá, tôm nước ngọt, nước lợ mở rộng dưới nhiều hình thức phong phú, có hiệu quả ; sản lượng cá nước ngọt do nông dân nuôi tăng dần qua các năm.

Sau Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) và Luật đất đai sửa đổi năm 1993, sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển theo hướng tăng chất lượng và hiệu quả, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành và đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi. Tiềm năng đất đai, lao động được sử dụng tốt hơn.

2 - Công nghiệp

Sản xuất công nghiệp 50 năm qua có bước tiến vượt bậc. Từ một số cơ sở công nghiệp khai thác than và sản xuất điện nhỏ bé được tiếp quản sau khi hòa bình lập lại ở miền Bắc năm 1954, đến nay công nghiệp nước ta đã có đầy đủ 71 ngành then chốt như năng lượng, cơ khí, điện và điện tử, chế biến...

Năm 1955, sản xuất công nghiệp toàn miền Bắc mới đạt 302 triệu đồng giá trị sản lượng (giá 1961), trong đó 270 triệu đồng là tiểu thủ công nghiệp. Công nghiệp trung ương chỉ có 31 triệu đồng với số lượng sản phẩm quá ít : điện 52,9 triệu kWh, than 0,6 triệu tấn, xi măng 8,4 nghìn tấn, phân hóa học 6,4 nghìn tấn, gỗ 21 nghìn m^3... Năm 1974 mức sản xuất 5 sản phẩm chủ yếu của



Trong xưởng sản xuất ống thép. Ảnh TTXVN

Digitized by Google

công nghiệp trung ương đạt : điện 997 triệu kWh ; than 3,5 triệu tấn ; xi măng 32 vạn tấn ; phân hóa học 30,5 vạn tấn ; gỗ khai thác 16,3 vạn m^3 (gỗ tròn). Ngoài ra, công nghiệp trung ương còn sản xuất hàng loạt sản phẩm mới thuộc các ngành cơ khí, chế tạo máy (1 330 động cơ đi-ê-zen, 8 nghìn động cơ điện, máy biến thế, máy bơm nước, động cơ ô tô), công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản...

Sau ngày miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội, sản xuất công nghiệp có những điều kiện mới. Năm 1976, nước ta có 2 triệu 33 nghìn lao động công nghiệp làm việc trong 1 913 xí nghiệp quốc doanh, công ty hợp doanh và hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp. Các trung tâm công nghiệp mới như thành phố Hồ Chí Minh, Biên hòa, Đà nẵng, Vũng tàu và các tỉnh, thành phố của miền Nam được phục hồi, cải tạo và phát triển cả về số lượng, quy mô và chủng loại sản phẩm. Trong những năm đầu của thời kỳ đất nước thống nhất, nền công nghiệp đã đạt nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Nhưng do cơ chế bao cấp, tình trạng "lãi giả, lỗ thật" trong các xí nghiệp là hiện tượng phổ biến. Chỉ đến khi có chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, nền công nghiệp mới thực sự bước vào thời kỳ phát triển ổn định. Năm 1986, cả nước có 3 141 xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, 5 944 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, thu hút 2,58 triệu lao động, và tạo ra 109,6 tỉ đồng giá trị sản lượng (giá 1982), trong đó công nghiệp địa phương đạt 72,6 tỉ đồng, công nghiệp ngoài quốc doanh đạt 47,9 tỉ đồng. Cơ cấu ngành và sản phẩm công nghiệp bước đầu chuyển theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường trong và ngoài nước. Đến năm 1993, toàn ngành công nghiệp có 377 nghìn cơ sở sản xuất với tổng số 30 000 tỉ đồng tiền vốn, trong đó khu vực quốc doanh có 2 268 xí nghiệp, chiếm 32,5% lao động và 78,9% tổng số vốn, công nghiệp ngoài quốc doanh có 5723 hợp tác xã, 1 114 xí nghiệp tư nhân, 368 nghìn hộ cá thể. Tổng số lao động toàn ngành công nghiệp lên tới 3,5 triệu người (chưa kể xây dựng). Giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 1993 đạt 20 410 tỉ đồng và năm 1994 đạt 23 170 tỉ đồng (giá 1989). Tốc độ tăng trưởng công nghiệp bình quân từ năm 1991 đến 1995 là 13,4%, cao nhất trong các ngành sản xuất và dịch vụ.

Thành tựu nổi bật trong sản xuất công nghiệp từ những năm 1991 đến 1995 là sự phát triển của tất cả các thành phần kinh tế, trong đó quốc doanh là chủ đạo, công nghiệp ngoài quốc doanh giữ vị trí rất quan trọng và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong công nghiệp nhẹ, ngày càng thích ứng hơn với cơ chế thị trường.

Thành tựu lớn thứ hai là những ngành trọng yếu của công nghiệp quốc doanh tăng trưởng cao và ổn định trong những năm đổi mới. Tốc độ tăng trưởng hằng năm của khai thác dầu thô là 26,9%, sản xuất điện 9,6%, xi măng 19,5%, giấy 15,2%. Sản lượng điện sản xuất năm 1994 đạt 12,69 tỉ kWh ; xi măng 5,17 triệu tấn ; giấy 139 nghìn tấn. Đáng chú ý là đã hình thành ngành công nghiệp dầu khí với sản lượng dầu thô tăng dần qua các năm (triệu tấn) trở thành mặt hàng xuất khẩu số một của cả nước : 1990: 2,7 ; 1991 : 4,0 ; 1992 : 5,5 ; 1993 : 6,3 ; 1994 : 7,0 và 1995 : dự kiến 9,0. Các ngành sản xuất thép, hóa chất, cơ khí, điện dân dụng và điện tử, đường sữa, bia rượu, nước giải khát, bánh kẹo... dù ít lợi thế hơn, lại bị sức ép của hàng ngoại, nhưng vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao từ 15-20% năm, chiếm lĩnh được thị trường trong nước và đã tham gia xuất khẩu. Sáu tháng đầu năm 1995, trong 71 loại sản phẩm công nghiệp chủ yếu thì 51 loại sản phẩm có sản lượng tăng cao, trong đó có 31 mặt hàng như điện, than, bia, quần áo may sẵn, vật liệu xây dựng, dầu thô, ... tăng trên 13%.

Thành tựu lớn thứ ba là đã hình thành các vùng công nghiệp tập trung, với nhiều ngành công nghiệp mũi nhọn, được đầu tư lớn, trang thiết bị hiện đại : TP Hồ Chí Minh và khu công nghiệp Biên hòa với các ngành điện và điện tử, lắp ráp xe hơi, hóa chất, dệt da, may mặc ; TP Vũng tàu với công nghiệp dầu khí và hóa chất, cán thép ; TP Hà nội, Hải phòng và Quảng ninh với tổ hợp công nghiệp đa ngành, chất lượng cao : điện và điện tử, than, đóng tàu biển, lắp ráp ô tô, xe máy, dệt, may mặc, chế biến nông lâm hải sản, sản xuất xi măng, cơ khí ; Quảng

Digitized by Google

nam - Đà nẵng với công nghiệp tổng hợp ; Cần thơ với công nghiệp chế biến nông sản và thủy sản... Tốc độ tăng trưởng của các trung tâm công nghiệp lớn đạt mức khá cao: Hà nội 27,9%, TP Hồ Chí Minh : 16,1%, Hải phòng 28,6%, Cần thơ 14,4%, Quảng nam - Đà nẵng 15,5%... là yếu tố quyết định tốc độ tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp.

3 - Đầu tư và xây dựng

50 năm xây dựng và phát triển kinh tế, Nhà nước và nhân dân ta đã dồn sức đầu tư vốn và lao động để xây dựng các cơ sở vật chất và kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân, tạo ra những tiền đề vật chất của tăng trưởng kinh tế. Ngay cả những năm tháng còn chiến tranh, Đảng và Nhà nước vẫn tập trung xây dựng mới hệ thống công trình thủy lợi, giao thông, điện, hệ thống trạm trại nghiên cứu và thực nghiệm. Sau ngày đất nước thống nhất, cả nước là một công trường xây dựng. Hàng loạt công trình lớn có tầm cỡ quốc gia đã được nhà nước đầu tư, xây dựng và đi vào hoạt động : thủy điện Hòa bình, Trị an; nhiệt điện Phả lại ; xi măng Bỉm sơn, Hoàng thạch ; dầu khí Vũng tàu ; giấy Bãi bằng; điện tử Hanel ; ô tô Mêkong và hàng loạt sân bay, bến cảng, các công trình đại thủy nông, trung thủy nông. Mới đây nhất, các công trình lớn : đường dây 500 kV, đường ống dầu khí từ mỏ Bạch hổ vào bờ dài 107 km, đã đi vào hoạt động cùng hàng loạt công trình khác đã và đang góp phần chủ yếu để tăng tốc nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước tăng nhanh : năm 1990 : 2 703 tỉ đồng, năm 1991: 4 500 tỉ đồng, năm 1992 : 7 566 tỉ đồng, năm 1993 : 16 751 tỉ đồng và năm 1994 : 14 326 tỉ đồng. Ngoài nguồn vốn ngân sách, chính sách kinh tế nhiều thành phần trong những năm đổi mới đã thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế. Năm 1992, vốn đầu tư của kinh tế ngoài quốc doanh : từ ngân sách có 7 566 tỉ đồng, còn ngoài ngân sách là 10 864 tỉ đồng (trong đó vốn trong dân 9 419 tỉ đồng). Riêng vùng đồng bằng sông Cửu long, Nhà nước và nhân dân đã đầu tư hàng ngàn tỉ đồng để làm thủy lợi, khai hoang, cải tạo đất.

Vốn đầu tư trực tiếp theo Luật đầu tư nước ngoài cũng là nguồn vốn lớn. Tính chung từ năm 1988 đến giữa năm 1995, cả nước có hơn 1 300 dự án được cấp giấy phép với số vốn trên 15 tỉ USD, phân bố trên 48 tỉnh, thành phố. Hằng năm thu nhập từ các dự án đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 4,7 đến 5% tổng sản phẩm trong nước (GDP) và bổ sung cho ngân sách khoảng 550 triệu đến 600 triệu USD. Nguồn vốn vay nước ngoài và các tổ chức tiền tệ quốc tế như vốn ODA, IMF, WB, ADB, vốn hỗ trợ của UNDP, FAO, PAM, ILO, SIDA, UNFPA... cũng góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế trên nhiều lĩnh vực sản xuất và dịch vụ.

4 - Thương mại, dịch vụ

Từ năm 1945 đến 1988, một mặt do chiến tranh và sản xuất không ổn định, mặt khác do sự chi phối của cơ chế quản lý tập trung, bao cấp, nên thương mại, dịch vụ mang nặng tính chất bao cấp (cấp, phát, áp đặt). Có một thời, thị trường tự do bị cấm, lưu thông hàng hóa bị hạn chế bởi "ngăn sông cấm chợ". Từ sau Đại hội VI của Đảng, đường lối đổi mới kinh tế toàn diện đã tạo ra những tiền đề vật chất và có tinh thần thúc đẩy quá trình "thị trường hóa" các hoạt động thương mại dịch vụ. Đặc biệt, từ năm 1989, cơ chế hai giá và thu mua theo nghĩa vụ bị bãi bỏ, lưu thông tự do và phát triển kinh tế nhiều thành phần, các hoạt động thương mại - dịch vụ chuyển mạnh sang xu hướng thị trường, có sự quản lý của nhà nước.Bước tiến quan trọng nhất là chế độ phân phối theo định lượng bị bãi bỏ, chính sách một giá được áp dụng, người tiêu dùng chủ động mua bán hàng hóa và dịch vụ theo nhu cầu của mình, xóa bỏ những mất cân đối giả tạo trong lưu thông - phân phối. Từ đó, thị trường trong nước trở nên sôi động. Tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội tăng từ 19 nghìn tỉ đồng năm 1990 lên 85 nghìn tỉ đồng năm 1994, trong đó thương nghiệp tư doanh từ 66,9% tăng lên 75,6% trong 5 năm. Đồng tiền Việt nam được nâng giá, mua bán thuận lợi.

Digitized by Google

Hoạt động kinh tế đối ngoại được mở rộng. Từ năm 1945 đến trước đổi mới, nước ta hầu như chỉ có quan hệ ngoại thương với Liên xô (cũ) và các nước Đông Âu với phương thức trao đổi hàng hóa, viện trợ...Kim ngạch xuất khẩu năm 1976 chỉ đạt 222,7 triệu rúp - đô la, với mặt hàng đơn điệu là nông sản, than đá, thủ công mỹ nghệ ... năm 1980 : 336 triệu và 1985 : 698 triệu rúp - đô la. Kim ngạch nhập khẩu của 3 năm tương ứng là 1 024 triệu, 1 312 và 1 857,4 triệu rúp - đô la. Sau Đại hội VI của Đảng, với đường lối đổi mới và mở cửa, hoạt động ngoại thương sôi động hẳn lên và kinh tế nước ta từng bước hội nhập vào kinh tế thế giới. Tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu từ 2,5 tỉ rúp - đô la năm 1985 tăng lên 3,79 tỉ năm 1988 ; 4,51 tỉ năm 1989 ; 5,15 tỉ năm 1990. Từ năm 1991, sau khi thị trường Đông Âu và Liên xô (cũ) bị xáo trộn, hoạt động ngoại thương nước ta chuyển hẳn sang khu vực II, tuy bước đầu có khó khăn, song thành tựu đạt được rất đáng khích lệ. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 1991 : 4,42 tỉ USD ; năm 1992 : 5,12 tỉ ; năm 1993 : 6,91 tỉ ; năm 1994 : 7,76 tỉ USD, trong đó trị giá xuất khẩu : từ 2 tỉ USD năm 1991 lên 2,58 tỉ năm 1992 ; 2,98 tỉ năm 1993 và 3,6 tỉ năm 1994. Hiện nay nước ta đã có quan hệ buôn bán với trên 120 quốc gia và vùng lãnh thổ. Hàng hóa Việt nam đã và đang chiếm lĩnh thị trường thế giới. Chủng loại, số lượng và chất lượng các mặt hàng xuất khẩu của nước ta ngày càng tăng, có những sản phẩm chủ lực như dầu thô, gạo, hải sản đông lạnh, cà phê, chè, hàng may mặc.

Sáu tháng đầu năm 1995, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 4,6 tỉ USD, nhiều hơn mức đạt được cả năm 1991 ; trong đó xuất khẩu 2,2 tỉ USD, tăng 35% ; nhập khẩu 2,37 tỉ USD, tăng 14,5% so cùng kỳ năm trước. Xu hướng nhập siêu đã giảm còn 170 triệu USD so với 1,4 tỉ USD cả năm 1994. Cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu chuyển biến theo hướng tích cực như nhập tư liệu sản xuất chiếm tỉ trọng lớn, xuất các mặt hàng đã qua chế biến với chất lượng và giá cả cao hơn trước. Thị trường hàng hóa nước ta được mở rộng và đã được chấp nhận cả ở thị trường EU, Mỹ, Nhật...

5 - Tăng trưởng kinh tế

Những thành tựu đạt được trong mỗi ngành, mỗi lĩnh vực 50 năm qua đã và đang góp phần đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế của cả nước. Trong những năm chiến tranh, do phải tập trung sức người, sức của phục vụ kháng chiến, lại được sự viện trợ từ bên ngoài rất lớn, nên nền kinh tế nước ta chỉ dừng lại ở trình độ tự cấp, tự túc là chính. Sản xuất hàng hóa chưa hình thành. Sau khi thống nhất đất nước, một mặt do hậu quả chiến tranh, mặt khác do những sai lầm của cơ chế quản lý cũ, nên nền kinh tế nước ta không ổn định, khủng hoảng kéo dài mà đỉnh cao là thời kỳ từ năm 1976 - 1985. Lạm phát có lúc tăng lên 400 - 500%/năm, giá cả tăng vọt do cung không đủ cầu, thu không đủ chi, kinh tế không tăng trưởng. Nền kinh tế nước ta trước năm 1986 thực chất làm không đủ ăn, không có tích lũy nội bộ, không có tăng trưởng và khủng hoảng triền miên.

Trong những năm đổi mới, nguồn thu từ viện trợ hầu như không còn, song nhờ sản xuất phát triển, nền kinh tế có tăng trưởng, tích lũy từ nội bộ nền kinh tế tăng dần : tỷ lệ tích lũy/GDP năm 1991 : 10,1%; năm 1992 : 13,8% ; năm 1993 : 14,8% ; hai năm 1994 và 1995, vẫn duy trì được tỷ lệ đó.

Từ năm 1986 đến nay, đặc biệt trong thời kỳ 1991-1995, tốc độ tăng trưởng kinh tế cả nước đã khá ổn định. Tốc độ GDP của toàn bộ nền kinh tế năm 1990 : 5,1%; năm 1991 : 6,0; năm 1992 : 8,6% ; năm 1993 : 8,1% ; năm 1994 : 8,8% và năm 1995 ước trên 9%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn tốc độ tăng dân số cũng như lạm phát, nên sản xuất trong nước không chỉ thỏa mãn yêu cầu tiêu dùng thường xuyên tăng lên mà còn giành một phần cho tích lũy để tái sản xuất mở rộng.

Không chỉ có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định, kinh tế Việt nam những năm đầu thập kỷ 90 còn được chuyển dịch theo cơ cấu hợp lý. Tỷ trọng nông nghiệp giảm dần, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng dần trong giá trị tổng sản phẩm trong nước (GDP). Cơ cấu GDP theo thành phần kinh

(Xem tiếp trang 40)

Digitized by Google

VIỆT NAM
TRÊN ĐƯỜNG CHÚNG TA ĐI...

Tùy bút của MAI TRANG

Chị bạn tôi chuyên nghiên cứu văn học cổ - vừa trong đoàn đại biểu của Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia đi thăm Quảng tây Trung quốc về. Chị kể với tôi một ấn tượng đầy xúc động ở Nam ninh - giữa Tương Tư Viên, vào một chiều muộn... Nó gợi chị nhớ đến bước chân của các xứ thần Việt nam xưa trên những con đường Nam ninh, Quế lâm, Ninh minh, Ung châu... Nó lắng sâu trong lòng chị về những năm tháng "người tù Hồ Chí Minh" đã bước trong những lần "Giải đi sớm" hay "Chiều hôm", khi giữa "Buổi trưa" hay "Đêm lạnh" ; khi lại "Cảnh binh khiêng lợn cùng đi" và nhiều "Đêm không ngủ"... Nhưng niềm xúc động còn xen với lòng tự hào dân tộc - khi chị nghe nhà nghiên cứu Việt nam học Dương Nhiên hát toàn bài hát Việt nam. Từ "Cùng nhau đi hồng binh", "Tiến về Hà nội", đến "Hò kéo pháo", "Giải phóng miền Nam" và "Việt nam quê hương tôi". Đặc biệt bài "Việt nam trên đường chúng ta đi" - nhạc của Huy Du, lời thơ của Xuân Sách - đã bừng dậy trong chị niềm tin yêu đất nước rất mới lạ. Song, không chỉ riêng chị, mà tất cả mọi người đều im lặng lắng nghe giọng ca vang, ấm thiết tha của Dương Nhiên... Chị nhớ đến bóng dáng quê nhà những năm tháng sơ tán thời chống Mỹ, cứu nước... Bài ca "Việt nam trên đường chúng ta đi" vang vọng mãi trên làn sóng Đài phát thanh tiếng nói Việt nam từ thuở đó như một thông điệp của dân tộc báo hiệu đất nước đang bước vào một chặng đường mới... làm xúc động tâm hồn mỗi con người Việt nam...

Nghe chuyện chị kể, tôi liên tưởng tới những khoảnh khắc lịch sử của dân tộc 50 năm về trước... Khi chiến tranh thế giới bước vào giai đoạn kết thúc : Nhật đã hất cẳng Pháp ra khỏi Đông dương ; quân đội xô viết đã tiêu diệt phát xít Đức, Ý ngay tại sào huyệt của chúng và tuyên chiến với Nhật ; chỉ mấy ngày sau đã hoàn toàn tiêu diệt quân đội chủ lực của Nhật ở Liêu ninh, Cát lâm và Hắc long giang (Trung quốc). Ngày 15-8-1945, Nhật chính thức đầu hàng Liên xô và các nước Đồng minh không điều kiện. Quân Nhật ở Đông dương mất tinh thần, hoang mang, tan rã. Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim hoàn toàn tê liệt... Trong bối cảnh ấy, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân trào nhận định : Thời cơ cách mạng ngàn năm có một đã đến! "Chúng ta không thể chậm trễ"(1). Và nhấn mạnh : "Chỉ có thực lực của ta mới quyết định được thắng lợi giữa ta và chủ nghĩa đế quốc"(2). Vì vậy, chính sách căn bản của ta là "thêm bạn, bớt thù"(3). Lúc bấy giờ, các tầng lớp trung gian đã ngả hẳn về cách mạng. Mặt trận Việt minh đã thu hút hàng chục triệu hội viên đủ các tầng lớp dân tộc thành một cao trào cứu nước với khí thế "ai có súng dùng súng", "ai có gươm dùng gươm"...

Sau đó, Đại hội quốc dân họp ở Tân trào ngày 16-8-1945 đã thông qua "Mười chính sách lớn của Việt minh", lệnh Tổng khởi nghĩa, quyết định quốc kỳ nền đỏ sao vàng, chọn bài "Tiến quân ca" làm quốc ca, và bầu ra Ủy ban dân tộc giải phóng trung ương, tức Chính phủ lâm thời, do đồng chí Hồ Chí Minh làm chủ tịch. Ở đại hội lịch sử này, Đảng ta đã đề ra chủ trương hết sức đúng đắn được đại hội hoan nghênh ; chủ động lãnh đạo quần chúng nhân dân nổi dậy tước vũ khí của Nhật, giành lấy chính quyền từ tay Nhật ; lật đổ bọn bù nhìn tay sai của Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông dương ; đứng ở vị trí làm chủ nước mình mà tiếp đón quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật trên đất Đông dương. Thay mặt Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh hiệu triệu đồng bào và chiến sĩ cả nước : " Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta "(4). Quân lệnh số một truyền đi cả nước ngay đêm 13-8-1945. Bão táp cách mạng diễn biến sục sôi khắp Bắc, Trung, Nam.

(1), (2), (3) : *50 năm hoạt động của Đảng cộng sản Việt nam*, Nxb Sự thật, 1979, tr.76-77

(4) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb sự thật, 1983, t.3, tr.380

Digitized by Google

Trong vòng nửa tháng, toàn bộ đất nước được giải phóng. Với những đỉnh cao cách mạng thành công : 19-8 ở Hà nội, 23-8 ở Huế, và 25-8 ở Sài gòn... Ngày 25-8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh về Hà nội. Tuy đất nước đã được giải phóng, nhưng chưa hết thù trong, giặc ngoài và các thế lực đế quốc chưa từ bỏ âm mưu xâm chiếm nước ta. Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị mở rộng Chính phủ lâm thời nhằm đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, các đảng phái yêu nước và những nhân sĩ tiến bộ. Và ngày 2-9-1945, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên bố trước quốc dân và thế giới nước Việt nam dân chủ cộng hòa ra đời, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông - Nam Á, do một đảng Mác - Lê-nin mới 15 tuổi lãnh đạo cách mạng thành công, nắm chính quyền toàn quốc.

Cách mạng Tháng Tám đã để lại những bài học vô giá về "sức mạnh đoàn kết toàn dân", về "thực lực cách mạng mới là quyết định" v. v. cho 9 năm kháng chiến chống Pháp làm nên "một Điện biên chấn động địa cầu" ; cho hơn 20 năm chống Mỹ, cứu nước theo tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", với Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giành toàn thắng, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Đúng như *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh dự đoán : "Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn... Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà..."(5).

Bây giờ, những bài học kể trên vẫn còn nguyên giá trị thời sự trong thời kỳ đất nước hội nhập và mở cửa...

*
* *

Hà nội. Đêm Tháng Tám lịch sử. Đường phố đã thưa thớt người và xe. Những mái ấm gia đình đang đoàn tụ sum vầy sau một ngày làm việc ở công sở hay tất bật kinh doanh chốn thương trường... Chỉ còn thấp thoáng bóng dáng những công nhân vệ sinh môi trường đang miệt mài làm sạch đẹp phố phường, và bước chân tuần tra của các chiến sĩ công an nhân dân giữ bình yên cho thủ đô Hà nội cũng như khắp mọi miền đất nước Việt nam... Đây chính là một lực lượng trụ cột, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc "vì nước quên thân, vì dân phục vụ" suốt 50 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã cùng quân đội nhân dân Việt nam anh hùng phát huy truyền thống đoàn kết, hiệp đồng cùng toàn dân giành chính quyền, giữ chính quyền, bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước, giữ vững an ninh quốc gia để xây dựng và phát triển đất nước.

Song đêm nay, điều gì khiến tâm hồn tôi xao xuyến đến vậy ? Phải chăng tiếng Lê Dung đang ngân vang bài ca "Việt nam trên đường chúng ta đi" đằm ấm và dịu dàng, thanh thót và thiết tha trên làn sóng buổi phát thanh Tiếng nói Việt nam đêm khuya ?...

Việt nam trên đường chúng ta đi

Nghe gió thổi đồng xanh quê ta đó

Nghe sóng biển ầm vang xa tận tới chân trời

Nghe ấm lòng mỗi khi đang dồn bước, mà vui sao ta chẳng nói nên lời ...

Chính nữ nghệ sĩ nhân dân này đã cuốn hút tôi trong buổi biểu diễn sau lễ kỷ niệm "70 năm ngày báo chí Việt nam" với "Lên ngàn" của cố nhạc sĩ Hoàng Việt. Sự diễn cảm và truyền cảm của Lê Dung thể hiện trong ánh mắt, trong lời ca và trong sắc phục lựa chọn khiến cho người nghe cảm nhận ngay ra một khía cạnh của bản lĩnh, bản sắc văn hóa Việt nam... một thứ vũ khí mà bất cứ dân tộc nào cũng cần có trên bước đường hội nhập và phát triển trong cộng đồng quốc tế... Tiếng ca của Lê Dung đêm nay phải chăng cũng là một thông điệp báo hiệu đất nước đang bước vào một chặng đường mới ?...

Đó là những sự kiện trong tháng 7 và đầu tháng 8 lịch sử : bình thường hóa quan hệ ngoại giao đầy đủ với Mỹ ; ký hiệp định hợp tác với Liên minh Châu Âu (EU) ; chính thức gia nhập ASEAN ; rồi chuyến đi thăm các nước ở nam Thái bình dương của Tổng bí thư Đỗ Mười, chuyến thăm Cam-pu-chia của Chủ tịch nước Lê Đức Anh... Tất cả đã đặt nước ta vào vị trí xứng đáng trên trường quốc tế, mở ra những khả năng hợp tác mới làm đà thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng cũng đặt nước ta trước những thách thức mới. Biết rằng sự hội nhập này chính là kết quả của một quá trình thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa các

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 833 - 836

Digitized by Google

mối quan hệ, Việt nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới. Biết rằng sự hội nhập này dựa trên điểm tựa - bắt nguồn từ sự *đổi mới* của một nước Việt nam hòa bình, ổn định và năng động phát triển trong thời mở cửa vì sự nghiệp "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", giữ vững và bảo vệ chủ quyền đất nước bằng phương pháp thương lượng, hòa bình...

Cùng với niềm tự hào trước sự trưởng thành của đất nước trong 50 năm qua - đọc lại những trang sử Đảng, thấm thía trước dự đoán của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội Đảng lần thứ II : "Với sự cố gắng của những người cách mạng, thì nửa thế kỷ sau này sẽ có những biến đổi to lớn hơn, vẻ vang hơn nữa"(6). Trên bước đường đó, Đảng đã vượt bao chông gai, vượt bao trở ngại ? Và biết bao đồng bào, đồng chí đã hy sinh vì sự trường tồn của dân tộc, của đất nước ? Trong dịp kỷ niệm 105 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng bí thư Đỗ Mười đã nêu rõ : "Trên nửa thế kỷ qua, cách mạng Việt nam thường xuyên phải đương đầu với sự đan xen giữa thời cơ và nguy cơ, giữa vận hội và thách thức"(7). Song, nhờ ý thức phê bình và tự phê bình, nhờ truyền thống gắn bó máu thịt với nhân dân, mọi chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, mọi sự lãnh đạo quản lý của Nhà nước, mọi việc bàn bạc của các đại biểu Quốc hội cho đến những hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt nam, không ngoài mục đích chăm lo đời sống và hạnh phúc của nhân dân, vì sự ổn định để xây dựng và phát triển đất nước... Tất cả đều thể hiện tính kế thừa các thế hệ trước và còn phát triển sáng tạo trước mỗi tình thế mới của cách mạng để khẳng định "Việt nam trên đường chúng ta đi" hôm nay. Đó là con đường Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn 65 năm trước, để năm nay có ngày kỷ niệm 50 năm thành lập nước... Đó cũng là con đường mà cộng đồng quốc tế trong đó 155 nước có đặt quan hệ với chúng ta, đã thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng ta, sự quản lý của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam ta đối với toàn bộ sự nghiệp xây dựng, hợp tác và phát triển đất nước ta... Nhưng trong cuộc hội nhập với cộng đồng thế giới, qua các phương tiện thông tin đại chúng, đồng chí Tổng bí thư cũng đã cảnh báo những điều khá sâu sắc : Tham khảo, học hỏi là cần thiết, song quyết không sao chép, rập khuôn. Giáo điều phía này hay phía khác đều phương hại đến lợi ích của đất nước, của dân tộc ; và : Vấn đề quyết định là chúng ta có chuẩn bị tốt hay không để đón nhận thời cơ bên ngoài, hòa nhập hiệu quả với nội lực bên trong là chính...

Đây là một lời nhắc có ý nghĩa thiết thực chẳng những đối với các nhà doanh nghiệp mà còn có tác động trực tiếp tới những nhà quản lý xã hội... Không thể tránh né thực trạng một đất nước Việt nam còn 80% số dân ở mặt trận sản xuất nông nghiệp... để có những suy nghĩ tỉnh táo khi quyết sách những vấn đề hợp tác, đầu tư và phát triển ...

*
* *

Sau những tháng hè nồng nực oi ả chưa từng có, mùa thu đã sang... Bầu trời xanh đã hiện lên những cụm mây trắng xốp trôi bồng bềnh... Những cây bàng quả chín rụng đầy đường... Đàn em thơ đang chuẩn bị bước vào năm học mới... Trên những đường phố quen thuộc đã thoang thoảng hương hoa sữa đầu mùa... Ở các miền quê, người nông dân đang hối hả làm vụ mùa... và không quên nhiệm vụ phòng chống bão lụt... Nhưng những con đường dẫn về Ba đình lịch sử - dòng người từ mọi miền đất nước rầm rập kéo đến như trẩy hội... Trước hết là thăm viếng Bác Hồ - thăm nơi ở và làm việc của Người... Sau là đặt hoa, thắp nhang ở tượng đài liệt sĩ vô danh, tưởng nhớ những người con đã hy sinh vì độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc... và đón các đoàn rước đuốc hội tụ về đây... Tiếng Bác Hồ tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt nam dân chủ cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, từ 50 năm trước giữa Ba Đình lịch sử như vẫn vang vọng đến bây giờ:

"Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng ; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do...

Nước Việt nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy."(8)

Đây cũng chính là tuyên ngôn của hơn 70 triệu nhân dân ta, của Đảng ta, của Nhà nước ta trước thế giới hôm nay...

Chẳng một thế lực thù địch nào ngăn nổi bước ta đi...

Hà nội, 8-1995

---

(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 11

(7) Bài nói tại lễ kỷ niệm lần thứ 105 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, báo *Nhân dân* ngày 20-5-1995

(8) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 3, tr 383-386

Digitized by Google

VÌ SAO ĐẢNG TA KIÊN ĐỊNH CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ-NIN ?

NGUYỄN PHÚ TRỌNG*

GẦN đây, trước sự đổ vỡ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu, các nhà tư tưởng chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội lại được dịp dấn tới, phê phán, đả kích tới tấp vào chủ nghĩa Mác - Lê-nin hòng làm lung lay nền tảng tư tưởng của chúng ta và đẩy chúng ta đi chệch quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Ở nước ta - không kể những người có tâm huyết nghiên cứu, muốn tìm tòi, xây dựng, nhưng có những nhận thức còn cần phải thảo luận -, có một số ít người vì lý do nào đó cũng phụ hoa với các luận điệu thù địch, công khai bài bác chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phê phán việc Đảng ta kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin, lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa. Họ viết tài liệu này tài liệu nọ, tán phát, truyền tay nhau, hoặc đưa ra nước ngoài nhờ các báo, đài, nhà xuất bản có khuynh hướng chống cộng công bố, tuyên truyền hộ. Họ đả kích chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhiều khi với lời lẽ rất hằn học, cay độc.

Từ cho phê phán chủ nghĩa Mác - Lê-nin, có người kết tội luôn Hồ Chí Minh, rằng ông Hồ du nhập chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt nam là một sai lầm, là nguyên nhân "đưa đất nước vào vòng tối tăm, trì trệ, đổ vỡ, nhục nhã, đau đớn" (!). Từ đó họ lớn tiếng đòi Đảng ta "phải từ bỏ học thuyết Mác - Lê-nin trước khi còn chưa muộn". Rằng "Đảng cộng sản Việt nam hơn ai hết và trước hết nên thẳng thắn sám hối những sai lầm của Đảng", "dũng cảm làm cuộc đổi mới chính trị toàn diện và triệt để". "Nếu Đảng cộng sản Việt nam cứ khăng khăng nếp cũ... sẽ rơi vào bất hạnh... chắc chắn sẽ sụp đổ và bị lịch sử nguyền rủa muôn đời" (!)

Ở đây thái độ chính trị của họ rất rõ ràng, sòng phẳng. Những ai lên tiếng bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin liền bị họ chụp cho cái mũ "giáo điều, bảo thủ", "nịnh bợ", "giữ ghế". Lãnh đạo uốn nắn thì họ la ầm lên rằng "đàn áp những người khác chính kiến", "bóp nghẹt quyền dân chủ, quyền tự do tư tưởng"...Có người còn hồ đồ nói rằng : sở dĩ Đảng ta kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin là vì các cấp lãnh đạo của Đảng "bị cầm tù bởi những nguyên lý kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin" ; hoặc vì "hoang mang, hốt hoảng" trước tình thế hiện nay, muốn "tự ổn định tâm lý" và "để mị dân chúng" nên phải nói to lên những từ cách mạng (!)

Có phải thật thế không ? Hãy gác sang một bên thái độ hung hăng và việc làm thiếu thiện chí của một số người. Chúng ta đi thẳng vào **một số luận điểm chính yếu** mà có người nêu ra chung quanh vấn đề này.

1- Những người bài bác chủ nghĩa Mác-Lê-nin thường cố tìm cách phủ nhận tính khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, cố chứng minh rằng Mác, Ăng-ghen, Lê-nin không phải là những nhà khoa học. Họ nói dựng đứng rằng "chủ nghĩa Mác chỉ là một thứ ý thức hệ hư ảo", "một thứ nói dối có ý thức", "những vở kịch giả hình", "chứa đầy tính chất huyền tưởng". Còn Lê-nin thì làm tăng sự huyền tưởng ấy của Mác "lên hơn một lần". Rằng "Mác và Lê-nin là những nhà xã hội học duy tâm, siêu hình và không tưởng", chủ nghĩa Mác - Lê-nin là "ảo tưởng", "giả tưởng" !...

Đây rõ ràng là một luận điệu xuyên tạc Mác, Ăng-ghen, Lê-nin rất trắng trợn. Có lẽ từ trước tới nay chưa mấy ai dám ngạo mạn nói liều đến như vậy, ngay cả những người chống Mác và Lê-nin điên cuồng nhất. Người

* PGS, PTS khoa học lịch sử

Digitized by Google

ta có thể chê Mác ở điểm này điểm kia, có thể căm thù Mác, chống Mác đến quyết liệt vì Mác tuyên chiến với chế độ tư bản và bênh vực giai cấp cần lao, nhưng tuyệt nhiên không ai có thể phủ nhận được Mác và Ăng-ghen là những nhà khoa học. Bởi trong thực tế, Mác và Ăng-ghen thật sự là những nhà khoa học vĩ đại và thiên tài, là những "bộ óc kỳ diệu" của nhân loại. Toàn bộ học thuyết của hai ông là kết quả của cả một quá trình nghiên cứu khoa học rất nghiêm túc, là những công trình khoa học đồ sộ, giải đáp được nhiều vấn đề mà nhân loại đặt ra. Kế thừa những trào lưu tư tưởng tốt đẹp nhất của loài người đến thế kỷ 19 (triết học Đức, kinh tế chính trị học Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp) và tổng kết thực tiễn trong thời đại mình, Mác cùng với Ăng-ghen đã sáng tạo ra một học thuyết hoàn chỉnh, chặt chẽ và chính xác, trong đó tính khoa học rất cao thống nhất với tinh thần cách mạng triệt để. Công lao vĩ đại của Mác và Ăng-ghen là ở chỗ :

Thứ nhất : Hai ông đã bảo vệ và phát triển triết học duy vật, sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, mở ra một bước ngoặt căn bản trong triết học, cung cấp cho loài người một cách nhìn mới mẻ, một vũ khí sắc bén để nhận thức và cải tạo thế giới. Chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác là một thành quả vĩ đại của tư tưởng khoa học, đã phát hiện ra tính quy luật của sự phát triển xã hội và tính tất yếu của sự chuyển biến từ hình thái kinh tế - xã hội này sang hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn.

Thứ hai : Mác và Ăng-ghen đã dựa vào những thành tựu của kinh tế chính trị học cổ điển, tạo ra một học thuyết kinh tế mới, đem lại một cuộc cách mạng thực sự trong kinh tế chính trị học. Với việc tìm ra quy luật giá trị thặng dư, Mác đã phát hiện ra các phương thức bóc lột tư bản chủ nghĩa, luận chứng một cách có căn cứ khoa học về sự diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

Thứ ba : Qua việc phân tích, mổ xẻ chủ nghĩa tư bản, hai ông đã phát hiện ra những quy luật vận động và phát triển của nó, trên cơ sở đó dự báo về sự phát triển của xã hội tương lai, chỉ ra lực lượng xã hội có khả năng trở thành người sáng tạo xã hội mới là giai cấp công nhân do đảng cộng sản lãnh đạo. Giai cấp công nhân phải tiến hành một cuộc đấu tranh cách mạng gian khổ để lật đổ chủ nghĩa tư bản. Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội có giai cấp. Vì vậy, chủ nghĩa xã hội mác xít là chủ nghĩa xã hội khoa học, khác hẳn chủ nghĩa xã hội không tưởng ở Pháp trước đó.

Ngay từ năm 1872, nhà kinh tế học Nga I.I. Cau-phô-man trên tạp chí *Người truyền tin châu Âu* số tháng 5-1872 đã nhận xét rằng : Mác là một người vô cùng hiện thực và biện chứng, hiện thực và biện chứng hơn bất cứ ai trong số những người đi trước ông. Bởi vì "khi chứng minh tính tất yếu của trật tự hiện thời, ông chứng minh luôn cả tính tất yếu của một trật tự khác mà trật tự hiện thời nhất thiết phải chuyển sang, dù người ta có tin hay không tin, dù người ta có ý thức hay không có ý thức về điều đó" (1).

Lê-nin đã nhận xét về bản chất của chủ nghĩa Mác như sau : "Sau khi nghiên cứu quy luật phát triển của xã hội loài người, Mác đã hiểu rằng chủ nghĩa tư bản phát triển tất nhiên sẽ đưa đến chủ nghĩa cộng sản và - đây là điều căn bản - khi chứng minh chân lý đó, Mác chỉ dựa trên việc nghiên cứu xã hội tư bản đó một cách chính xác nhất, tỉ mỉ nhất, sâu sắc nhất, nhờ việc nắm vững đầy đủ tất cả những cái mà khoa học trước đây đã cung cấp"(2). Ngay các nhà tư tưởng tư sản cũng rất trân trọng Mác, nghiên cứu chủ nghĩa Mác rất nghiêm túc, tỉ mỉ, và trong thực tế đã giúp chủ nghĩa tư bản điều chỉnh một số phương pháp, cách thức hoạt động của mình. Gần đây nhà triết học nổi tiếng người Pháp Giắc Đê-ri-đa vẫn khẳng định : "Mác là nhà tư tưởng của thế kỷ XXI". Vậy mà mấy nhà "thông thái" của chúng ta cứ khăng khăng bảo Mác là duy tâm, huyễn tưởng !

Còn Lê-nin ? Lê-nin nổi tiếng là nhà bác học và chiến sĩ đấu tranh cho tiến bộ xã hội, có ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển văn hóa

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, t3, tr 206 - 207

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t41, tr361

Digitized by Google

và khoa học của thời đại. Lê-nin đã gắn liền khoa học và văn hóa với các lực lượng xã hội-chính trị tiên tiến của thế kỷ 20. Với tư cách là nhà bác học, Lê-nin đã cống hiến nhiều mặt, giải quyết nhiều vấn đề về triết học, kinh tế chính trị học, sử học, khoa học tự nhiên, lôgic học, luật học, xã hội học... Lê-nin không chỉ vận dụng Mác mà còn bổ sung và phát triển Mác. Lê-nin đã làm việc say mê, miệt mài với một nghị lực phi thường và với tinh thần khoa học nghiêm túc nhất. (Để viết tác phẩm *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga*, Lê-nin đã phải đọc, nghiên cứu tới 583 cuốn sách). Lê-nin đặc biệt nhạy bén, sắc sảo trong tổng kết thực tiễn. Nhờ tổng kết thực tiễn mà Người viết được *Chủ nghĩa đế quốc-giai đoạn cao nhất của chủ nghĩa tư bản*. Nhờ tổng kết thực tiễn mà Lê-nin thay đổi những nhận thức ban đầu về chủ nghĩa xã hội, đưa ra *chính sách kinh tế mới* (NEP) nổi tiếng, v.v.. Không phải ngẫu nhiên mà những người cộng sản gọi chủ nghĩa Lê-nin *"là chủ nghĩa Mác trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc và cách mạng vô sản"*, ghép chủ nghĩa Lê-nin với chủ nghĩa Mác thành *chủ nghĩa Mác - Lê-nin*. Cũng không phải ngẫu nhiên mà học thuyết của Lê-nin có ảnh hưởng to lớn, sâu rộng trên thế giới đến như vậy. Theo số liệu thống kê của UNESCO, các tác phẩm của Lê-nin đã được dịch ra 120 thứ tiếng, được đọc nhiều nhất trên thế giới, hơn cả Tôn-xtôi, Sếch-xpia, Ban-dắc...

Tóm lại, chủ nghĩa Mác - Lê-nin là một khoa học, hơn nữa là một khoa học biện chứng, hiện đại, khoa học về những quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội, về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bóc lột, về thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lê-nin chính là ở sự chân xác về khoa học, ở tính toàn diện, tính hệ thống, biện chứng của nó nhằm mục đích giải phóng người lao động, giải phóng xã hội khỏi mọi ách áp bức, bóc lột, mọi sự tha hóa, thực hiện một xã hội công bằng, nhân đạo.

Với linh hồn sống là phép biện chứng duy vật, với hòn đá tảng kinh tế là học thuyết giá trị thặng dư, với những phát kiến vĩ đại về chủ nghĩa duy vật lịch sử mà nội dung cơ bản là lý thuyết hình thái kinh tế - xã hội, vai trò lịch sử của giai cấp công nhân,... chủ nghĩa Mác-Lê-nin cho đến nay vẫn là đỉnh cao của trí tuệ loài người, là khoa học chính xác và hoàn bị, chưa có gì thay thế được. Cho dù có phải bổ sung, phát triển, hoàn thiện thêm (đây là điều tất yếu) thì những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong điều kiện ngày nay vẫn đúng. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin vẫn là vũ khí tinh thần của giai cấp công nhân và nhân dân lao động bị áp bức trên toàn thế giới trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng mình. Cho dù có những kẻ cố tình bóp méo, xuyên tạc thì chủ nghĩa Mác - Lê-nin vẫn cứ là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vẫn có sức sống dẻo dai và giá trị bền vững xanh tươi của nó.

Việc chủ nghĩa Mác - Lê-nin bị tiến công, bị chửi rủa không có gì là khó hiểu cả. Người ta thâm thù, chửi rủa từ lâu rồi, từ 150 năm nay đối với chủ nghĩa Mác và gần 100 năm đối với chủ nghĩa Lê-nin. Chẳng những chửi rủa, thâm thù mà người ta còn tìm mọi cách bóp chết, tiêu diệt chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Từ năm 1913 Lê-nin đã nói về chủ nghĩa Mác rằng : "Trong toàn thế giới văn minh, học thuyết của Mác đã gây ra sự cừu địch mạnh nhất và lòng căm thù trong toàn thể giới khoa học tư sản... Không thể trông mong có một thái độ nào khác thế được, vì trong một xã hội xây dựng trên đấu tranh giai cấp thì không thể có một khoa học xã hội "vô tư"... Mong đợi một khoa học vô tư trong một xã hội xây dựng trên chế độ nô lệ làm thuê là một sự ngây thơ khờ khạo" (3).

Việc các thế lực thù địch phỉ báng chủ nghĩa Mác - Lê-nin chỉ càng chứng tỏ tính đúng đắn, tính khoa học của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, điều mà các nhà tư tưởng chống cộng rất lo sợ. Và cứ mỗi lần phải đấu tranh chống lại các trào lưu tư tưởng đối lập thì chủ nghĩa Mác - Lê-nin lại một lần nữa tỏ rõ sức sống mãnh liệt của mình. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin chẳng những phải đấu tranh chống lại những quan điểm tư tưởng tư sản phản động mà còn phải đương đầu với các khuynh hướng sai lầm trong phong trào cộng sản và công nhân quốc

(3) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 23, tr49.

Digitized by Google

tế như : "chủ nghĩa xã hội Vương quốc Phổ" của phái Lát-xan ở Đức, chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản của phái Pru-đông ở Pháp và ở Bỉ ; chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh của các thủ lĩnh công đoàn Anh ; chủ nghĩa phiêu lưu "tả" khuynh của những người cộng sản Đức ; chủ nghĩa vô chính phủ của phái Ba-cu-nin ở Nga ; chủ nghĩa dân tộc tư sản trên các vấn đề chiến tranh và thuộc địa ; ... và ngày nay, là đủ các thứ "trào lưu", như chúng ta đã biết.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin vẫn đang có sức hấp dẫn, chinh phục hàng tỉ con người trên hành tinh này bởi tính khoa học, tính cách mạng và tính nhân đạo sâu sắc của nó.

Đó là lý do rất quan trọng trả lời câu hỏi *vì sao Đảng ta luôn luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin*, coi chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng.

2 - Có ý kiến cho rằng việc du nhập chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt nam là nguyên nhân của mọi tai họa, đưa đất nước vào vòng tối tăm trì trệ (?!)

Ý kiến này hoàn toàn sai lầm, vì nó không có căn cứ, thậm chí đổi trắng thay đen, xuyên tạc lịch sử. Ai cũng biết, dân tộc ta có truyền thống yêu nước nồng nàn, và chính đây là nhân tố tạo nên sức mạnh kỳ diệu của dân tộc ta đánh thắng mọi thứ giặc ngoại xâm. Lòng yêu nước đó ở thời đại nào cũng có. Nhưng thực tế chỉ rõ rằng chỉ có ở thời đại Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, sức mạnh của dân tộc mới được nhân lên gấp bội, thắng lợi của nhân dân mới trọn vẹn hơn, toàn diện và triệt để hơn. Những người muốn hạ thấp hoặc phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng và chủ nghĩa Mác - Lê-nin thường rêu rao rằng ngày xưa làm gì có Đảng, làm gì có chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà dân tộc ta vẫn đánh thắng giặc ngoại xâm ! Điều đó đúng nhưng chỉ đúng một nửa. Bởi họ quên rằng, chiến thắng ngoại xâm rồi đất nước sẽ đi đến đâu, làm sao bảo đảm cho nhân dân thực sự được làm chủ, được cơm no áo ấm, thoát khỏi kiếp sống tối đòi, đau khổ trong cảnh áp bức bóc lột của giai cấp địa chủ phong kiến ; làm sao vượt ra khỏi cái vòng luẩn quẩn của chế độ bóc lột ? Và chăng, ngay trong cuộc kháng chiến chống giặc hồi trước, sức mạnh của dân tộc, của nhân dân không phải không có những hạn chế nhất định. (Ở mỗi thời đại đều có những hạn chế lịch sử của nó). Trong thời kỳ chống Pháp trước khi có sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, dân tộc ta có rất nhiều người con ưu tú, yêu nước cháy bỏng và có tinh thần anh dũng hy sinh vô cùng cao cả, như Nguyễn Trung Trực, Tống Duy Tân, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học, ... Nhưng vì sao các phong trào và các cuộc khởi nghĩa đó đều thất bại ? Đất nước trước ngày có Đảng "tình hình đen tối như không có đường ra". Vì sao ? Đó là vì thiếu một đường lối đúng. Suốt 70 năm đất nước bị khủng hoảng về đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc. Chỉ từ khi Đảng cộng sản Việt nam ra đời, nhờ tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Đảng ta tìm được con đường đi đúng, đáp ứng được nguyện vọng thiêng liêng của nhân dân, đất nước ta mới có cơ hội tiến hành giải phóng dân tộc một cách đúng đắn, cách mạng nước ta mới giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Có người lập luận rằng : mấy nước "con Rồng" ở quanh ta có theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin đâu mà họ rất phát triển, kinh tế tăng trưởng nhanh, đời sống nhân dân được cải thiện ! Đúng là trong thời đại cách mạng khoa học kỹ thuật ngày nay có những nước vượt lên phát triển rất nhanh. Nhưng mỗi nước có hoàn cảnh lịch sử cụ thể, không nên so sánh giản đơn, phiến diện. Vì sao trên thế giới có hàng trăm nước tư bản mà đến bây giờ cũng chỉ có mấy nước phát triển thôi, còn đa số vẫn rất ỳ ạch ? Vì sao cùng tiến hành cải tổ, cải cách, đổi mới mà có nước thành công, có nước không thành công ? Việt nam ta có hoàn cảnh địa lý và lịch sử cụ thể riêng. Thử hỏi ở đâu trên trái đất này như ở Việt nam chỉ trong một thời gian ngắn mà phải đánh đuổi đủ thứ giặc ngoại xâm, toàn những loại sừng sỏ, đến bây giờ vẫn còn phải gánh chịu những hậu quả rất nặng nề : 1 triệu 100 nghìn liệt sĩ, 600 nghìn thương binh, 300 nghìn người mất tích (trong đó hầu hết là đảng viên và đoàn viên thanh niên cộng sản), gần 2 triệu dân thường bị giặc giết hại, 2 triệu người tàn tật, 2 triệu người bị nhiễm

Digitized by Google

chất độc,... ? Và ở đâu trên trái đất này như ở Việt nam chỉ trong một thời gian ngắn nhân dân đã lập nên biết bao chiến công hiển hách? Đó là thắng lợi oanh liệt của Cách mạng Tháng Tám 1945, chọc thủng một mắt khâu trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Đó là chiến thắng vang dội của 9 năm kháng chiến chống Pháp, đánh sập chủ nghĩa thực dân cũ. Đó là thắng lợi của 20 năm kháng chiến chống Mỹ, đánh rã chủ nghĩa thực dân mới, thống nhất đất nước, đưa nước nhà đi vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

Mười năm đổi mới gần đây, trong hoàn cảnh thế giới có những diễn biến hết sức phức tạp, đất nước có nhiều khó khăn chồng chất, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã tiến hành đổi mới có kết quả, đạt nhiều thành tựu to lớn và quan trọng. Đến nay, tuy còn không ít khó khăn, nhưng rõ ràng kinh tế nước ta có bước phát triển khá, nhịp độ tăng trưởng kinh tế GDP trên 8% một năm, chất lượng và hiệu quả ngày càng tiến bộ, đời sống đại bộ phận nhân dân được cải thiện ; chính trị ổn định ; quan hệ đối ngoại mở rộng. Đất nước đã ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, đã có những tiền đề cần thiết để chuyển sang một thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vươn ra hội nhập với khu vực và thế giới. Nước ta đã có quan hệ ngoại giao với 155 nước (trong đó có tất cả các cường quốc hàng đầu trên thế giới), có quan hệ thương mại với hơn 120 nước ; có quan hệ với 180 đảng và 250 tổ chức phi chính phủ. Nước ngoài đã ký kết đầu tư trực tiếp (FDI) vào Việt nam hơn 15 tỉ đô la và cho vay vốn để phát triển (ODA) 3,6 tỉ đô la. Năm 1994, mặc dù bị thiên tai lũ lụt lớn, cả nước vẫn thu 26,2 triệu tấn lương thực, có điều kiện trang trải đủ nhu cầu lương thực trong nước, đồng thời xuất khẩu được 2 triệu tấn gạo. Cái ăn, cái mặc, sự đi lại, học hành, phong tục, nếp sống của nhân dân tuy chưa phải đã được như mong muốn, nhưng so với trước đây đã có rất nhiều thay đổi. Cả nước đã có 60,2% số xã có điện, 86,5% số xã có đường ô tô, 92% số xã có trạm y tế, 76,2% số xã có trường cấp II... Điện về đến cả một số xã ở vùng sâu vùng xa : điện thoại cầm tay xuống tận vùng sông nước Cà mau - Minh hải.

Những sự đổi thay nhanh chóng đó mỗi người dân bình thường đều cảm nhận được, bạn bè gần xa khích lệ, chia vui ; ngay cả một số người đã từng " ở phía bên kia " cũng thật lòng thừa nhận*. Vậy mà có người vẫn cố tình nhắm mắt nói liều, miêu tả xã hội Việt nam hiện nay rất đen tối, xấu xa, tồi tệ. Họ cố tình quên rằng những kẻ gây ra tai họa cho dân tộc Việt nam, gieo rắc sự nghèo đói và đau khổ cho nhân dân Việt nam, không phải ai khác, đó chính là bọn đế quốc xâm lược, bọn thực dân cướp nước và bọn tay sai của chúng!

Đảng cộng sản Việt nam suốt hai phần ba thế kỷ qua cũng như hiện nay luôn luôn một lòng một dạ ngày đêm trăn trở, lo toan, phấn đấu hy sinh để cốt làm sao cho đất nước được hoàn toàn độc lập, nhân dân được ấm no, dân tộc vươn lên sánh vai với bạn bè năm châu. Chính nhờ được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp chặt chẽ với tinh hoa truyền thống dân tộc và nhân loại mà Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại, làm cho đất nước ngày càng phát triển, lập nên nhiều kỳ tích trong hơn nửa thế kỷ qua. Đó là thực tế. Đó cũng là lý do giải thích vì sao Đảng ta kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

3 - Có ý kiến cho rằng, hiện nay Đảng cộng sản Việt nam thực tế đã từ bỏ chủ nghĩa Mác- Lê-nin, từ bỏ chủ nghĩa xã hội, nhưng " vì sĩ diên " cho nên trên lời nói và trong văn bản chính thức Đảng cứ phải nói kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin (!) Một mặt họ đòi đất nước ta phải " đổi mới triệt để, không nửa vời", nghĩa là phải thực hiện tư nhân hóa hoàn toàn," đa nguyên đa đảng "; mặt khác họ nói xiên nói xẹo rằng Đảng ta đã từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; rằng sự nghiệp đổi mới của chúng ta là " đầu Ngô mình Sở "," không chính danh "(!)

Đây cũng là một luận điệu vu cáo, vô đoán. Từ trước tới nay ai cũng biết, Đảng cộng

* Ví dụ như ông Đỗ Mậu, nguyên là trung tướng của quân đội Sai gon trước năm 1975, gần đây viết hồi ký và một số bài nêu rõ sự đổi đời ở Việt nam. Xem *Tạp chí Cộng sản*, số 10 (tháng 8) 1995

Digitized by Google

sản Việt nam là một đảng Mác- Lê-nin chân chính. Đảng chẳng những kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà còn luôn luôn vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta. Đảng ta đã từ thực tiễn rút kết luận rằng, lúc nào xa rời chủ nghĩa Mác-Lê-nin, hoặc giáo điều, rập khuôn thì chúng ta thất bại. Công cuộc đổi mới ngày nay sở dĩ thành công trước hết là do Đảng ta đổi mới tư duy lý luận, nhận thức đúng và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Đổi mới chính là trở về đúng với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Trong cương lĩnh, đường lối, chính sách của Đảng đã thể hiện rất rõ tư tưởng này. Ở đây, chỉ xin nêu vài ví dụ :

- Quán triệt và vận dụng quy luật mà Mác nêu ra "quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất", Đảng ta đã đề ra và lãnh đạo thực hiện chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, coi đây là vấn đề chiến lược lâu dài trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trong các thành phần kinh tế thì kinh tế quốc doanh phải đóng vai trò chủ đạo, quốc doanh và hợp tác phải đóng vai trò nền tảng.

- Quán triệt và vận dụng *Chính sách kinh tế mới* (NEP) mà Lê-nin nêu ra, chúng ta đang mạnh dạn và chủ động sử dụng một cách rộng rãi các hình thức, phương pháp của chủ nghĩa tư bản nhà nước (bao gồm hình thức công tư hợp doanh, liên doanh, góp cổ phần, hợp tác, tô nhượng,...) để xây dựng chủ nghĩa xã hội, coi đây là một chủ trương lớn xuyên suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Chúng ta đang vận dụng và thực hiện các quy luật của sản xuất hàng hóa (bao gồm quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh, quy luật tái sản xuất mở rộng...) ; vận dụng các loại thị trường (thị trường tư liệu tiêu dùng, thị trường tư liệu sản xuất, thị trường lao động, thị trường tiền tệ...) ; kết hợp chặt chẽ kế hoạch với thị trường ; kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ; làm giàu chính đáng đi đôi với xóa đói giảm nghèo, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Chúng ta đang vận dụng và giải quyết tốt các mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc, quốc gia và quốc tế, kinh tế và chính trị, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để từng bước tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...

Phải chăng tất cả những việc làm đó là xa rời chủ nghĩa Mác - Lê-nin, hay chính là tuân thủ những nguyên tắc và tư tưởng của Mác - Lê-nin ? Chủ nghĩa Mác - Lê-nin vẫn đang là và sẽ là kim chỉ nam, là bó đuốc soi đường cho Đảng ta và nhân dân ta đi tới.

Kinh nghiệm cho thấy, nếu mơ hồ, dao động về hệ tư tưởng thì nhất định sẽ lúng túng trong chủ trương đường lối, rối loạn trong tổ chức, và tất nhiên dẫn đến thất bại trong hành động. Vì vậy, Đảng ta nhiều lần khẳng định rằng kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh *là vấn đề có tính nguyên tắc số một đối với Đảng ta, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu* trong toàn bộ công tác tư tưởng lý luận của chúng ta.

Đương nhiên, nói kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin không có nghĩa là rập khuôn, giáo điều, mà phải sáng tạo, luôn luôn sáng tạo ; sáng tạo mà không cực đoan, rơi vào cơ hội, xét lại. Kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin là kiên định những nguyên tắc lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vận dụng và phát triển sáng tạo nó, chống cả chủ nghĩa cơ hội xét lại và chủ nghĩa giáo điều. Kiên định, bảo vệ phải đi đôi với vận dụng và phát triển sáng tạo. Phát triển sáng tạo là để bảo vệ một cách tốt nhất, khoa học nhất. Đảng ta đã nhiều lần nói rằng không nên coi lý luận của Mác và Lê-nin như một công thức cứng nhắc, như một cái gì đã xong xuôi và bất khả xâm phạm ; trái lại phải vận dụng sáng tạo và tiếp tục phát triển hơn nữa về mọi mặt. Đúng như Lê-nin đã nói : Chúng ta không kỳ vọng rằng Mác hay những người theo chủ nghĩa Mác đều biết mọi mặt cụ thể của con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Như thế sẽ là phi lý. Chúng ta chỉ biết phương hướng của con đường đó ; còn về cụ thể và trên thực tế con đường đó ra sao thì kinh nghiệm của hàng triệu con người sẽ chỉ rõ khi họ bắt tay vào hành động ❑

Digitized by Google

TÍNH KHOA HỌC CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI MÁC XÍT

PHẠM VĂN CHÚC*
LƯƠNG KHẮC HIẾU**

Cách mạng và khoa học

Sau khi đọc tập I bộ "Tư bản" của C. Mác, B.Phôn Svây-xe, nhà xã hội chủ nghĩa người Đức thế kỷ XIX, vốn thường đối lập gay gắt về quan điểm với C. Mác, đã phải thốt lên : "Chủ nghĩa xã hội (mác xít) - đó là một khoa học thực sự !" Ngay E. Béc-xtanh, đại biểu trứ danh của trào lưu cơ hội - xét lại đương thời cũng không thể phủ nhận được rằng, trong tất cả các khuynh hướng và nhóm phái xã hội chủ nghĩa, học thuyết Mác giành được sự thừa nhận chung ở tính khoa học mẫu mực và đầy sức thuyết phục. Ph. Ăng-ghen đã khẳng định rõ : cống hiến vĩ đại của Mác cho chủ nghĩa xã hội là ở chỗ, lần đầu tiên làm cho nó trở thành một khoa học(1).

Trải qua năm tháng, vượt lên những thử thách nghiệt ngã của thời gian, giá trị duy lý thấm đượm tinh thần nhân văn của học thuyết Mác vẫn được bảo tồn. Cùng với những diễn biến, chuyển dịch phức tạp và có quy mô toàn cầu đang diễn ra hiện nay, một làn sóng bài bác, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin lại ồn ào nổi lên, trong đó có luận điệu phủ nhận tính khoa học của chủ nghĩa xã hội mác xít. Trong bối cảnh ấy, có thể và cần phải kiểm nghiệm, khẳng định niềm tin lý tưởng này, chuyển nó thành niềm tin tất yếu và tiếp thêm cho nó chất liệu thời đại sống động. Ở đây, chính tinh thần cách mạng và khoa học của học thuyết Mác đòi hỏi trở lại xem xét, làm sáng tỏ và sâu sắc thêm một số vấn đề liên quan đến luận điểm trên của Ăng-ghen.

Cội nguồn nhân đạo

Những biểu hiện đầu tiên của tư tưởng xã hội chủ nghĩa xuất hiện từ rất sớm. Các tài liệu sử học, khảo cổ học, dân tộc học... về những nền văn hóa, văn minh phương Đông và phương Tây cho thấy những tư tưởng ấy nảy sinh từ khi xã hội có chế độ tư hữu và phân chia giai cấp. Sợi chỉ nhất quán xuyên suốt toàn bộ lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa về không gian và thời gian với những nội dung như : ước mơ về một "kỷ nguyên vàng", nguyện vọng về một "thế giới đại đồng", dự án xây dựng "thành phố Mặt trời", kế hoạch tổ chức các "hiệp hội" sản xuất công - nông nghiệp - kinh tế gia đình... là sự nhấn mạnh và đề cao nhân tố "cộng đồng", "tập thể", "của chung" trong tồn tại xã hội của con người. Lần đầu tiên, khái niệm "socialisme" "chủ nghĩa xã hội" đã được nhà xã hội học - chính trị học người Pháp thế kỷ XVIII, môn đồ của phái Xanh Xi-mông, Pi-e-rơ Lơ-ru-xơ sử dụng, xét về mặt ngữ nghĩa, chính là chuyển tải nội dung cơ bản ấy trong sự đối lập trực tiếp với chủ nghĩa cá nhân tư sản vị kỷ, cực đoan.

Như vậy, dường như xuất hiện một "nghịch lý" : ngay từ cội rễ của xã hội có tư hữu và giai cấp, lại nảy sinh và song tồn bền bỉ tư tưởng xã hội chủ nghĩa như là "phản đề" của chính chế độ xã hội này, là ý niệm về sự phủ định nó, là sự tiên đoán về cái đối lập với nó tất yếu sẽ đến trong tương lai. Những yếu tố tư tưởng xã hội chủ nghĩa lần đầu tiên biểu hiện trong các phong trào và học thuyết tôn giáo là sự phản ứng tự nhiên đối với chế độ xã hội đương thời. Sự hình thành ý thức xã hội chủ nghĩa phải chăng cũng tuân theo một cơ chế nhận thức luận như ý thức tôn giáo hư ảo, hoang đường ? Sự thật là có lúc Ăng-ghen đã lưu ý những "điểm tương đồng đáng được quan tâm" giữa Cơ đốc giáo sơ kỳ và phong

* PTS triết học, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

** PTS triết học, Phân viện báo chí - tuyên truyền, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Xem : C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t 5, tr 592

Digitized by Google

trào công nhân cận - hiện đại. Song liền ngay đó, ông lại vạch ra sự khác nhau về bản chất và chức năng xã hội - thực tiễn giữa chúng. Theo Ăng-ghen, cái chủ nghĩa xã hội dưới bộ mặt Cơ đốc giáo đó đã có ý định thực hiện việc tổ chức lại xã hội, nhưng không phải ở thế giới này, mà ở thế giới bên kia. Ý thức tôn giáo, xét đến cùng, cũng có căn nguyên thế tục, nhưng khi đã hình thành lại hướng con người vào cõi siêu nhiên và siêu nhân. Còn ý thức xã hội chủ nghĩa đưa con người trở về hiện thực và hướng đến tương lai. Chính vì thế, khi đề cập đến đặc điểm quan trọng, cơ bản của tư tưởng xã hội chủ nghĩa, Mác đã nhấn mạnh ý kiến đúng đắn và hợp lý của R.Ô-oen : "chủ nghĩa cộng sản bắt đầu ngay lập tức từ chủ nghĩa vô thần" (2).

Rõ ràng ý thức và tư tưởng xã hội chủ nghĩa gắn với mặt tốt đẹp đặc sắc trong bản chất con người mà xã hội có tư hữu và giai cấp không triệt tiêu nổi, không làm "tha hóa" được hoàn toàn. Nó là sự phản ánh tích cực và năng động, hướng thiện và hiện thực, tiến bộ và cách mạng. Trong khi đó, sự phản ánh tôn giáo về căn bản mang tính chất tiêu cực và bị động, phi lý và hoang đường, thỏa hiệp và phản động.

Thuộc tính lịch sử vững bền

Tóm lại, ý thức xã hội chủ nghĩa phản ánh thuộc tính hiện thực, khách quan, độc đáo và đặc thù của lịch sử trong điều kiện xã hội có tư hữu và giai cấp là tính "tập thể", "cộng đồng" của hoạt động thực tiễn con người và của các cấu trúc, thiết chế xã hội hiện thực. Thuộc tính này chính là toàn bộ bản chất xã hội của con người thời đại cộng sản nguyên thủy. Chuyển sang thời đại có tư hữu và giai cấp, nó tự phân đôi thành hai mặt đối lập phù hợp với tình trạng, bản chất của con người cũng bị phân hóa và tha hóa. Lúc này nó chỉ còn là mặt thứ yếu và bị lấn át bởi tính "vị kỷ", "tư nhân", những yếu tố đã trở thành mặt chủ đạo, chiếm ưu thế trong bản chất con người. Có thể coi tính "tập thể", "cộng đồng" là hình thái "thu ngắn","rút gọn" để bảo tồn của bản chất người chân chính trong hình thái tha hóa của nó. Khi lịch sử đạt tới xã hội cộng sản văn minh, thì thuộc tính lịch sử trên cũng kết thúc "vòng khâu" tha hóa để trở thành tính quy định chủ đạo, duy nhất và thống nhất, thành bản chất chung của xã hội và con người. Phản ánh quá trình phát triển này của hiện thực, ý thức và tư tưởng xã hội chủ nghĩa cũng trải qua những hình thái và trình độ tương ứng khác nhau, để cuối cùng trở thành hệ tư tưởng chủ đạo và trực tiếp, thống nhất và duy nhất của xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Trong xã hội có tư hữu và giai cấp, tính "tập thể", "cộng đồng" tuy vẫn biểu hiện trong những nhân tố cấu trúc bản thể - hiện thực của xã hội ấy, nhưng nhìn chung còn chưa có được tính phổ biến và hệ thống. Về mặt giai cấp - xã hội, chủ thể của thuộc tính này luôn luôn là các giai cấp lao động, không có của, bị bóc lột và áp bức trong mọi thời đại. Còn nội dung chính trị - kinh tế chính là cuộc đấu tranh quyết liệt, lâu dài dưới mọi hình thức của họ chống lại trật tự xã hội và phương thức sản xuất thống trị, hướng tới xác lập chế độ công hữu và xóa bỏ giai cấp. Trong quá trình này, tính tự giác của chủ thể, mức độ sâu sắc của cuộc đấu tranh và phương thức tiến hành, tính thời sự và trình độ khoa học của bản thân ý thức và tư tưởng xã hội chủ nghĩa tăng lên không ngừng.

Xuất phát điểm hiện thực

Tất cả các nhà xã hội chủ nghĩa trước Mác, về căn bản đều không tiếp cận, nắm bắt được thuộc tính hiện thực tất yếu của lịch sử. Mặc dù họ có nghiên cứu đời sống xã hội và rút ra được những tư tưởng duy vật, khoa học riêng lẻ, sâu sắc, thiên tài ; nhưng xét đến cùng, tiền đề, xuất phát điểm chính của họ vẫn là ý thức xã hội chủ nghĩa tự phát, trực tiếp của quần chúng lao động. Điều đó tất yếu dẫn tới tính thiếu cơ sở của tư tưởng xã hội chủ nghĩa mà họ rút ra. Chủ nghĩa xã hội này không những cách quãng rất xa với gốc gác hiện thực, mà còn thiếu khả năng tác động trở lại hiện thực đó để hoàn thành sứ mạng của một lý luận khoa học và cách mạng chân chính.

Như vậy, thực chất của đặc trưng "không tưởng" là ở cách tiếp cận phi hiện thực đối với vấn đề giải phóng xã hội và giải phóng con người. Các nhà xã hội chủ nghĩa trước Mác đã không tìm ra được căn nguyên thực tiễn, trình độ và đặc trưng lịch sử - cụ thể của các vấn đề này, lực lượng vật chất - xã hội có nhu cầu và năng lực giải quyết chúng. Do đó, một khi không tiếp cận hiện thực thì tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác không thể vươn tới được tương lai, càng không thể vạch ra được con đường tất yếu đi đến tương lai ấy.

(2) C.Mác : *Bản thảo kinh tế triết học năm 1844*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1962, tr 130

Digitized by Google

Chủ nghĩa xã hội mác xít đã vượt qua chính hạn chế trên của toàn bộ các trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa khác. Từ tuổi thanh niên, Mác đã nhận thức được yêu cầu lớn của thời đại là giải phóng xã hội, đã bày tỏ chí hướng chọn con đường có thể đem lại hạnh phúc cho hàng triệu người. Mác đã sớm hướng tới đời sống hiện thực, tới "xã hội công dân". Ý nghĩa quyết định của hướng tiếp cận này đã được Ăng-ghen vạch rõ : "Muốn làm cho chủ nghĩa xã hội biến thành một khoa học thì trước hết phải đặt chủ nghĩa xã hội trên một cơ sở hiện thực"(3). Đồng thời, Mác cũng chỉ ra rằng, để "giải phẫu xã hội công dân", phải nắm lấy vũ khí triết học và đi vào nghiên cứu lĩnh vực kinh tế(4). Như vậy, ngay từ điểm xuất phát, Mác đã xác lập được nền tảng duy lý - duy vật cho tinh thần nhân văn mà mình tiếp thu, nhờ đó vạch ra con đường đi tới chân lý - chủ nghĩa xã hội khoa học.

Những nguyên lý thế giới quan mới về chất, duy vật biện chứng và duy vật lịch sử mà Mác tập trung xây dựng trong những năm đầu của sự nghiệp hoạt động đã giúp ông nắm bắt được thuộc tính "tập thể", "cộng đồng" ở những nét khái quát nhất. Quá trình Mác đi sâu nghiên cứu kinh tế đã tiếp tục xác định rõ thuộc tính này trong hình thái lịch sử cụ thể, trong dạng thức hiện đại của nó, tức là trong điều kiện chủ nghĩa tư bản. Trên cơ sở ấy, chủ nghĩa xã hội mác xít đã được xây dựng với tính cách là lý luận về sự vận động của thuộc tính lịch sử hiện thực trong chủ nghĩa tư bản, cũng như trong quá trình xã hội tư bản chủ nghĩa chuyển biến cách mạng thành xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Mục tiêu thực tiễn

Chủ nghĩa xã hội mác xít là một hệ thống triết luận chính trị - xã hội thuộc truyền thống nhân văn, nhân đạo về lịch sử xã hội hiện thực, hiện tồn và về khả năng phát triển tất yếu, tiến bộ của nó ; do đó bản chất của nó là khoa học. Tính khoa học này không hề đồng nhất với tính quyết định luận máy móc, định mệnh, kinh nghiệm và thực chứng. Đối tượng của nó không phải là quy luật lịch sử hay xã hội trừu tượng, siêu nhân, phi nhân, mà luôn luôn bao hàm nhân tố con người. Do vậy, tính khoa học triệt để của chủ nghĩa xã hội mác xít còn biểu hiện ở chỗ, nó không phải là giải thích bàng quan và trực quan về hiện thực, mà có khuynh hướng sống động và năng động trở về hiện thực, gắn kết với nhân tố chủ quan là giai cấp vô sản, tích cực hóa nhân tố này để đẩy nhanh, rút ngắn sự vận động của lịch sử. Thực tế cho thấy, năng lực thực tiễn ấy hoàn toàn không có trong chủ nghĩa xã hội không tưởng, thứ lý luận chỉ tồn tại trong lĩnh vực tinh thần, không tiếp cận được với hiện thực, hoặc cùng lắm chỉ chịu ảnh hưởng hết sức mờ nhạt và gián tiếp.

Cuộc đời và sự nghiệp của Mác và Ăng-ghen chính là sự thể hiện sinh động cả hai khía cạnh trên trong tính khoa học của học thuyết xã hội chủ nghĩa mà các ông sáng lập. Cùng với việc nghiên cứu khoa học - lý luận, Mác và Ăng-ghen còn dành nhiều thời gian, sức lực cho hoạt động cách mạng - thực tiễn để giác ngộ giai cấp vô sản đương thời, tích cực thúc đẩy cuộc đấu tranh chính trị, trực tiếp tham gia xây dựng các chính đảng và tổ chức quốc tế đầu tiên của giai cấp vô sản. Ngoài cống hiến quan trọng là lần đầu tiên làm cho chủ nghĩa xã hội trở thành một khoa học, Mác và Ăng-ghen còn có đóng góp lớn là mở đầu và đặt nền móng hiện thực cho quá trình đưa chủ nghĩa xã hội từ *lý luận* thành *phong trào*, và từ phong trào thành *chế độ xã hội*. Với ý nghĩa đó, Lê-nin đã nhiều lần khái quát : điểm cốt lõi của học thuyết Mác, công lao vĩ đại nhất của Mác là ở chỗ đã làm "sáng rõ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản"(5) và "chỉ ra cho giai cấp này con đường "tự giải phóng" và "giải phóng loài người"(6).

Biến thiên và thách thức của lịch sử

Chủ nghĩa xã hội mác xít xuất phát từ hiện thực để trở thành khoa học, và lại hướng về hiện thực để trở thành cách mạng. Nắm vững nguyên tắc quan trọng này, trong thời đại của mình, Lê-nin đã phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội mác xít và có những đóng góp vĩ đại cho lịch sử chủ nghĩa xã hội. Một mặt, Người đã đề xuất những nét khái quát nhất của lý luận về chủ nghĩa xã hội trong điều kiện một xã hội còn ở trình độ chủ nghĩa tư bản chưa phát triển, thậm chí tiền tư bản chủ nghĩa, tức là tìm ra "giải pháp xã hội chủ nghĩa mới cho yêu cầu giải phóng con người, giải phóng xã hội trong điều kiện của chủ nghĩa đế quốc. Nội dung cơ bản của lý luận này là vấn đề "phát triển rút ngắn", trong đó

(3) Mác - Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t5, tr.580

(4) Xem C.Mác - Ph.Ăng-ghen, *Sđd*, t 2, tr 637

(5) Xem V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 23, tr 1

(6) Xem V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 2, tr 4,3

Digitized by Google

quá độ về chính trị và quá độ về kinh tế, văn hóa lên chủ nghĩa xã hội tác động qua lại lẫn nhau[7]. Mặt khác, với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười năm 1917 và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga do Lê-nin lãnh đạo, lần đầu tiên chủ nghĩa xã hội đã chuyển từ *"tính quy định"* thành *hiện thực xã hội chính thể*.

Sự tan rã của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu không hề phủ nhận sự tồn tại của tính "cộng đồng", "tập thể" bất diệt của lịch sử. Điều đó chỉ cho thấy rằng, trong điều kiện chủ nghĩa tư bản hiện đại đã phát triển khác xa với thời kỳ Mác, Ăng-ghen và Lê-nin, bản thân thuộc tính độc đáo này cũng biến đổi và mang những hình thái khác trước. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa hiện đại lấy cơ sở hiện thực ấy làm nền tảng, đồng thời kế thừa tinh hoa của chủ nghĩa xã hội mác xít - lê nin nít, rõ ràng phải tự đổi mới, phát triển, hoàn thiện để có thể theo kịp bước đi của lịch sử và bảo tồn tính khoa học của mình.

Đảng cộng sản Việt nam, người lãnh đạo nhân dân ta giành nhiều thắng lợi to lớn trong cuộc đấu tranh lâu dài vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đã có những đóng góp quan trọng trong việc vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Sự nghiệp đổi mới hiện nay ở nước ta một mặt đòi hỏi cần đổi mới về lý luận xã hội chủ nghĩa, cần "đi sâu tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận một cách sáng tạo, *trước hết là tổng kết có lý luận những kinh nghiệm cơ bản trong công cuộc đổi mới*"[8]. Mặt khác, quá trình thực tiễn này cũng chịu sự tác động của chính lý luận đã đổi mới. Bản chất khoa học của chủ nghĩa xã hội mác xít cho thấy rõ rằng, hai quá trình này tác động biện chứng lẫn nhau, song hành và hội nhập ở tâm điểm *"chỉnh đốn lại đảng"*. Yêu cầu khách quan ấy đã được Bác Hồ chỉ rõ từ trước khi cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của nhân dân ta toàn thắng, lúc Người chuẩn bị đi xa và cho đến nay vẫn là điều nhắc nhở chúng ta phải thường xuyên quan tâm, thực hiện đầy đủ ⌟

(7) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 45, tr 431- 433

(8) Nghị quyết số 01/NQ - TW, ngày 28-3-1992 của Bộ chính trị về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay, Nxb Sự thật, Hà nội, 1992, tr 8

Tổng quan...

(Tiếp theo trang 27)

tế cũng đã chuyển từ quốc doanh sang đa thành phần, nhưng vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước vẫn được tăng cường. Tỷ trọng kinh tế quốc doanh trong GDP từ 29,4% năm 1990 tăng lên 40,4% năm 1994 (riêng công nghiệp từ 52,7% lên 68,8%).

Trên cơ sở phát triển sản xuất, tăng trưởng kinh tế và tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, đời sống các tầng lớp nhân dân từ thành thị đến nông thôn được cải thiện rõ nét. Theo số liệu điều tra của Tổng cục thống kê, năm 1993 : thu nhập bình quân nhân khẩu đạt 119 nghìn đồng/tháng, chi tiêu 113 nghìn đồng, tỷ lệ tích lũy 5%. Thu nhập của dân cư thành thị đạt 220,3 nghìn đồng/tháng, nông thôn 94,4 nghìn đồng. Tỷ lệ số hộ giàu và khá tăng lên 21,2%, tỷ lệ số hộ nghèo giảm dần, còn 19,9%. Trừ một số vùng sâu, núi cao và vùng bị thiên tai, còn nói chung đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân cả nước đã được cải thiện trên tất cả các mặt : ăn, ở, đi lại, học hành, bảo vệ sức khỏe, thưởng thức văn hóa nghệ thuật. Ở nông thôn nạn đói giáp hạt đã bị đẩy lùi, chất lượng bữa ăn đã khá hơn, cuộc sống đang có những đổi thay rõ rệt : đến năm 1994, 60% số xã có điện, 86,5% số xã có đường ô tô, 92% số xã có trạm y tế, 98% số xã có trường học cấp I, 76% số xã có lớp mẫu giáo... Đời sống nhân dân thành thị và bộ mặt phố phường từ Nam ra Bắc được cải thiện nhanh và cao hơn. Công bằng xã hội từng bước được thực hiện. Mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh" do Đảng đề ra đang đi vào cuộc sống từng nhà và trên mọi vùng của đất nước.

Dẫu rằng, trước mắt nền kinh tế nước ta còn nhiều khó khăn và thách thức, nguy cơ tụt hậu với các nước trong khu vực vẫn chưa bị đẩy lùi, nhưng với những thành tựu đạt được trong nửa thế kỷ qua, nhất là sau 10 năm đổi mới, chúng ta có đủ cơ sở để tin tưởng rằng trong tương lai không xa, triển vọng kinh tế Việt nam sẽ tốt đẹp ⌟

Digitized by Google

Sức hấp dẫn và lan tỏa CỦA SÂN KHẤU CÁCH MẠNG

NGUYỄN PHAN THỌ *

TRÊN chặng đường lịch sử tròn 50 năm của nước Việt nam mới, cùng với sự lớn lên từng ngày của đất nước, sân khấu Việt nam cũng có bước trưởng thành và đạt được những thành quả đáng kể, góp phần tích cực vào sự nghiệp chung của cách mạng.

Trước Cách mạng Tháng Tám, sân khấu Việt nam quả như một cơ thể quặt quẹo, ốm yếu, nặng tính chất mua vui, giải trí. Nội dung các vở diễn chỉ quanh quẩn với các nhân vật ông thông, bà phán, những cô gái với cuộc đời đầy éo le, oan trái hay những tích cũ, tuồng xưa rất xa với cuộc sống hiện thực. Sự ra đời của chính quyền cách mạng không những đã mở một hướng đi mới cho sân khấu, mà còn tạo điều kiện cho nó phát triển, trở thành một bộ phận quan trọng của sự nghiệp cách mạng nói chung và nền văn hóa mới nói riêng.

Mặc dù đất nước hầu như luôn ở trong tình trạng chiến tranh, nhưng 50 năm qua, nghệ thuật sân khấu vẫn vượt lên mọi thử thách và đứng vững. Nó thể hiện trên nhiều mặt :

- Đã từ một hình thái sân khấu tự phát nhanh chóng chuyển thành một nền sân khấu cách mạng có tính tự giác cao, luôn bám sát cuộc sống sản xuất và chiến đấu của nhân dân ; luôn trăn trở nêu vấn đề và giải quyết vấn đề do cuộc sống đặt ra.

- Đã có sự tìm tòi, sáng tạo về nội dung và hình thức phản ánh sống động những hình tượng con người mới, những nhân vật trung tâm của thời đại (chủ yếu trong tầng lớp công, nông, binh và trí thức mới).

- Đã từng bước phục hồi, kế thừa có chọn lọc và phát huy tốt hơn những di sản quý báu của cha ông, đồng thời tiếp thu một cách sáng tạo những tinh hoa sân khấu thế giới để từng bước xây dựng một nền sân khấu mới, hiện đại và đượm màu dân tộc.

- Đã chú ý tới sự phát triển cân đối và toàn diện của các hình thức và thể loại nhằm tạo nên nhiều sắc thái, phục vụ rộng rãi nhiều đối tượng người xem.

Đội ngũ người làm sân khấu gồm tác giả kịch bản, đạo diễn, diễn viên, họa sĩ, nhạc sĩ, nhà lý luận phê bình, chủ yếu được đào tạo, bồi dưỡng và rèn luyện trong cách mạng, họ luôn coi việc phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân là mục đích cho mọi sáng tạo của mình. Với gần 160 đoàn sân khấu chuyên nghiệp trải khắp cả ba miền đất nước, họ thực sự là một lực lượng có sức mạnh to lớn chưa từng thấy trong lịch sử nghệ thuật nước ta.

Trong điều kiện đặc biệt của hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, cùng với những khó khăn liên miên, chồng chất trên nhiều mặt, sân khấu Việt nam không thể không chịu sự tác động và chi phối có tính quyết định của chiến tranh. Tuy vậy, nó vẫn góp phần xứng đáng vào việc hình thành "nền văn nghệ tiên phong chống chủ nghĩa đế quốc trong thời đại hiện nay" và xét cho cùng, nó không thua kém bất cứ nền sân khấu nào khác trên thế giới.

Bản chất của nền sân khấu cách mạng bộc lộ một cách rõ rệt và mạnh mẽ ngay sau Đại thắng mùa xuân 1975. *Nó nhanh chóng xâm nhập, thu hút toàn bộ giới sân khấu và đông đảo quần chúng ở miền Nam ; nó góp phần dựng dậy cả một nền sân khấu của nửa nước lâu nay chìm sâu trong nền văn hóa lai căng và phụ thuộc.* Cho đến nay, sân khấu miền Bắc và sân khấu miền Nam đang hòa nhập, bổ sung cho nhau, tạo nên một nền sân khấu đậm đà bản sắc Việt nam.

Chúng ta còn nhớ, sân khấu cách mạng như một luồng gió mới đẩy sức sống ùa vào phía nam ngay sau ngày giải phóng. Tác động của nó thật mạnh mẽ. Không

* Nhà xã hội học nghệ thuật, nhà nghiên cứu sân khấu, Viện sân khấu

Digitized by Google

những kịch nói mà ngay cả *cải lương* cũng *có sự thay đổi lớn về chất*, làm sáng lên toàn bộ diện mạo của sân khấu Việt nam. Tuy đã ngự trị nơi đây gần một thế kỷ, nhưng chỉ từ sau ngày giải phóng, cải lương mới thực sự đạt tới mức chín muồi. Lực lượng ngành cải lương khá đông đảo. Chỉ riêng các đoàn chuyên nghiệp đã chiếm 1/3 tổng số các đoàn trong cả nước. Nội dung và hình thức của cải lương cũng có nhiều thay đổi, cập nhật hơn. Khí thế của sân khấu cải lương ở phía nam bừng lên thật sôi động. Nhiều đoàn hát gồm các nghệ sĩ nổi tiếng được thành lập. Nhiều vở diễn đặc sắc được đưa lên sân khấu như *Đời cô Lựu, Người ven đô, Tiếng trống Mê linh, Thái hậu Dương Vân Nga, Rạng ngọc Côn sơn, Tình nàng Xê-đa, Bóng tối và ánh sáng, Vân Tiên - Nguyệt Nga, Nghêu Sò Ốc Hến, Câu thơ yên ngựa, Tô Hiến Thành xử án* v.v.. Nhiều vở cũ có chất lượng được dựng lại. Khán giả hưởng ứng nhiệt liệt, đoàn nào cũng đông khách.

Biểu hiện sôi động nhất làm rung động bầu không khí tinh thần toàn miền Nam bấy giờ, phải kể đến sự *xuất hiện và phát triển thể loại kịch nói*... Nhiều buổi công diễn của các đoàn kịch trung ương và Hà nội sau đó, đặc biệt sự thành đạt của 5 vở kịch trong Hội diễn sân khấu toàn quốc năm 1985 tại thành phố Hồ Chí Minh, đã khẳng định nhu cầu xem kịch nói của đông đảo quần chúng. Sự háo hức của quần chúng đối với các vở *Tôi và chúng ta, Khoảnh khắc và vô tận, Mùa hè ở biển, Đỉnh cao mơ ước, Nhân danh công lý, Lịch sử và nhân chứng, Nữ ký giả*...tựa như những chiếc xe tăng tiến vào giải phóng Sài gòn năm ấy ; nó có sức công phá tận đáy sâu tâm hồn, tình cảm của mọi người, tạo lập cách nhìn mới về thẩm mỹ. Hơn nữa, nó làm cho người dân hiểu và tin vào bản chất tốt đẹp và nhân đạo của chế độ mới. Như chúng ta đều biết, thế mạnh của kịch nói là khả năng nắm bắt nhanh những vấn đề của cuộc sống, dám xông thẳng vào những ngõ ngách của đời thường, biết khơi dậy và giải đáp những trăn trở và suy tư của nhiều người. Về mặt này, cải lương, dù có hấp dẫn đến đâu, cũng không thể đáp ứng hết được mọi nhu cầu thưởng thức của khán giả. Sự xuất hiện của kịch nói đã làm mất đi nét đơn điệu về thể loại của sân khấu phía nam trong suốt nhiều thập kỷ. Một điều lý thú là khác với chèo và tuồng, kịch không bị cách bức bởi những hình thức bắt buộc của thể loại, nó đã tiếp nhận và mau chóng trở thành bạn đồng hành của cải lương.

Nếu nhìn lên biểu đồ phát triển của ngành sân khấu sau 20 năm giải phóng miền Nam thì kịch nói ở đây là binh chủng đi lên không ngừng và đáng tự hào nhất. Một loạt vở tiêu biểu của những năm 80, như *Người đá lạc đội hình* (Cửu Long giang), *Tiếng nổ lúc không giờ, Người cần được bảo vệ* (Bông Hồng), *Người mở đường, Tiếng gọi công trình* (sân khấu truyền hình)..., đã hướng khán giả vào những vấn đề sôi động, trọng tâm của cuộc sống. Nó nêu lên những vướng mắc trong cách làm, cách nghĩ, cách giải quyết của những con người vừa thoát ra khỏi chiến tranh đang trực tiếp sản xuất. Bằng tiếng nói nghệ thuật, sân khấu kịch nói biểu hiện một cách sinh động sự xung đột giữa cái cũ và cái mới, cái tiêu cực và tích cực, cái bảo thủ, lạc hậu và tiến bộ.

Vào cuối những năm 80, đặc biệt là đầu những năm 90, một loạt vở mới của các đoàn Cửu Long giang, Kim Cương, Bông Hồng cùng với sự hoạt động đều đặn và có sức cuốn hút của Câu lạc bộ sân khấu nhỏ thành phố Hồ Chí Minh, đã làm cho bộ mặt sân khấu thành phố khác hẳn. Kịch nói không chỉ là món ăn tinh thần của giới trí thức, cán bộ hay sinh viên, mà dần dần đã lôi cuốn cả các tầng lớp khác như tiểu thương, thợ thủ công và một bộ phận nhỏ trong nông dân.

Những vở kịch nói gần đây được nhiều người hâm mộ, để lại những ấn tượng đẹp đẽ, đó là *Ngôi sao biển, Huyền thoại người mẹ, Lôi vũ, Chuyện lạ*...

Hành quân vào phía nam trong bối cảnh rất thuận lợi, nền sân khấu cách mạng đã giành ngay những thắng lợi ban đầu. Sân khấu phía nam được thừa hưởng những bài học kinh nghiệm của sân khấu phía bắc trên tất cả các mặt. Sân khấu phía nam đỡ phải trải qua những giai đoạn mò mẫm, gian khổ, tránh được những bước đi chập chững ban đầu. Điều quan trọng hơn là đến nay đông đảo quần chúng phía nam đã hình thành dần năng lực cảm thụ thẩm mỹ của một nền sân khấu hiện đại và cách mạng với tất cả

Digitized by Google

bộ mặt sinh động và đa dạng của nó.

Công bằng mà nói, sân khấu kịch nói cũng chỉ mới phát triển mạnh mẽ ở một số thành phố lớn (đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh), còn ở các tỉnh miền đông, miền tây Nam bộ và các tỉnh liên khu V cũ chưa có chuyển biến gì lớn. Quần chúng ở đây chưa quen tiếp cận với kịch nói. Nhu cầu thưởng thức kịch ở khu vực này chưa đồng đều. Mỗi vùng, mỗi địa phương còn có nhiều đặc điểm riêng. Thực ra, sự phát triển của kịch phải căn cứ vào đặc điểm và khả năng của từng vùng, tránh tình trạng áp đặt, rập khuôn. Sự phát triển của nó hoàn toàn phụ thuộc vào nhu cầu chín muồi của quần chúng.

Thành quả mà sân khấu phía nam giành được trong 20 năm qua là *sự trẻ hóa đội ngũ sân khấu,* đặc biệt là đội ngũ kịch nói. Hai mươi năm cũng đủ để khai sinh ra một đội ngũ hoạt động sân khấu đầy tâm huyết và có bản lĩnh. Họ đã cho ra đời nhiều vở diễn xuất sắc, cuốn hút được người xem. Họ có công trong việc tạo dựng nên Câu lạc bộ sân khấu nhỏ (số 5 Võ Văn Tần), nơi quy tụ hầu hết lực lượng sân khấu trong thành phố. Phần lớn những vở diễn do các đạo diễn trẻ thực hiện rất ăn khách và sống lâu vì tính thời sự và gần gũi của nó, như *Lôi vũ* (Hoa Hạ), *Giấc mộng kê vàng* (Nguyễn Thị Minh Ngọc), *Trái tim người lính* (Lê Thủy), *Chuyện lạ, Chuyện bây giờ mới kể* (Nhật Xuất - Minh Hải).

Trong những năm vừa qua, lực lượng diễn viên trẻ cũng đóng vai trò nổi bật. Lực lượng này có khả năng đảm trách những vai diễn dày dặn, không thua kém bậc đàn anh. Họ được học lý thuyết ở nhà trường, được tập dượt trên sàn diễn và đối mặt hằng ngày với người xem. Chưa bao giờ sân khấu thành phố Hồ Chí Minh lại có một đội ngũ diễn viên trẻ, đông đảo như hiện nay. Lực lượng diễn viên trẻ này luôn sát cánh cùng các bậc anh chị tạo nên những vở diễn có giá trị.

Hai mươi năm sân khấu miền nam là sự tiếp nối của ba mươi năm sân khấu phía bắc, tạo thành năm mươi năm sân khấu cách mạng. Những thành tựu của nó là vô cùng to lớn. Tuy vậy, cũng đã có những thời kỳ gieo neo, lúng túng. Vào cuối những năm 80 của thế kỷ này, sân khấu cả nước bước vào thời kỳ suy thoái, khủng hoảng. Bên cạnh những thành quả mà sân khấu cách mạng giành được, thì những mất mát của nó trong chục năm lại đây không phải là nhỏ. Tình hình suy thoái, rã rời của nhiều đoàn thể hiện rõ ở số buổi diễn giảm sút, số người xem thưa thớt, ở chất lượng yếu của nhiều vở diễn và sự kém say mê của nghệ sĩ. Cuộc khủng hoảng này bao trùm mọi hoạt động sân khấu. Nó chủ yếu do những yếu tố khách quan, do những chủ thể sáng tạo chưa quen hoạt động trong cơ chế mới - cơ chế thị trường. Gần đây, đã le lói những tia hy vọng, những chuyển biến mới để thích nghi dần với hoàn cảnh mới. Và ai cũng nghĩ rằng, không thể để cho một nền sân khấu với bề dày phát triển 50 năm - một gương mặt tinh thần đậm đà bản sắc dân tộc - lại bị nhạt nhòa, kém sắc.

Các nhà nghiên cứu và lý luận phê bình đã đưa ra nhiều đề xuất mong cứu vãn tình hình sân khấu hiện nay. Song thực tế vẫn chưa có sự chuyển biến mạnh. Lý do chính là vì các biện pháp nêu ra chưa được thực hiện đồng bộ. Đầu tư tài chính phải được tiến hành cùng với việc cải tiến công tác quản lý. Phương thức hoạt động gọn nhẹ phải được thực hiện cùng lúc với việc giáo dục thẩm mỹ, tạo thói quen thẩm mỹ cho quần chúng, đặc biệt là thanh, thiếu niên. Để đưa nền sân khấu Việt nam tiến lên, giành lại những thành quả đã đạt được, trước hết các nhà lãnh đạo nghệ thuật và tất cả những người hoạt động sân khấu phải có cái nhìn tổng thể mang tính chiến lược, cùng một lúc huy động mọi hình thức và biện pháp thích hợp để khắc phục tình trạng trì trệ hiện nay.

Sự đầu tư ngân sách cho các đơn vị sân khấu truyền thống như tuồng, chèo, phải được giao tận tay cho các đoàn, không nên thông qua khâu trung gian. Việc lưu trữ kho tàng sân khấu dân tộc phải được coi trọng và tiến hành thường xuyên thông qua phim ảnh và băng hình, thông qua việc xây dựng, nuôi dưỡng và khai thác triệt để các "bảo tàng sống" : các đơn vị sân khấu truyền thống mẫu mực và những nghệ nhân cao niên đầy kinh nghiệm. Mỗi hình thức, mỗi biện pháp thiết thực, đều có tác dụng cho sự phát triển của sân khấu nước nhà ❑

Digitized by Google

CẦN KIỀM CHẾ LẠM PHÁT TRÊN CƠ SỞ LÝ LUẬN MÁC - LÊ-NIN

VŨ NGỌC NHUNG

ĐÃ có nhiều nhà khoa học, nhiều bài báo đề cập đến tình hình lạm phát 6 tháng đầu năm 1995, nêu rõ nguyên nhân và đề xuất các giải pháp kiềm chế lạm phát trong những tháng tới. Trong khuôn khổ bài báo này tôi không có ý định nhắc lại những quan điểm đúng đắn về kiềm chế lạm phát mà chỉ muốn nêu rõ một số quan điểm xa lạ với lý luận Mác - Lê-nin đang làm rối sự nhận định và chỉ đạo của Chính phủ. Ngày 28-3-1995, trong báo cáo trước Quốc hội, Phó thủ tướng Phan Văn Khải đã nhấn mạnh : "Chính phủ đã chỉ đạo Ngân hàng mua ngoại tệ để hạn chế sự tăng giá của đồng Việt nam so với đô la Mỹ...". Theo tôi đó là một hướng chỉ đạo đúng. Nhưng gần đây đã có những sức ép, những quan điểm không rõ ràng muốn làm Chính phủ thay đổi sự chỉ đạo đúng đắn này.

Ví dụ : Có ý kiến cho rằng Ngân hàng nhà nước đã tung tiền ra mua USD quá nhiều nên gây ra lạm phát, qua đó muốn gây sức ép đòi ngân hàng phải ngưng việc mua USD trôi nổi trên thị trường. Một tổ chức quốc tế cũng cho rằng phải ngưng hạ lãi suất, tăng cao tỷ lệ dự trữ bắt buộc, và mở rộng việc khống chế tổng mức tín dụng đến cả các ngân hàng cổ phần.

Tôi thấy cần trao đổi kỹ về các giải pháp kiềm chế lạm phát liên quan đến các quan điểm vừa nêu trên. Theo tôi, lạm phát sẽ nặng thêm và vượt con số 20% nếu Chính phủ ngả theo các quan điểm trên. Còn nếu Chính phủ tiếp tục sự chỉ đạo như đã trình trước Quốc hội, trên cơ sở vận dụng đúng *quy luật khối lượng tiền cần cho lưu thông* như Mác đã dày công nghiên cứu thì lạm phát sẽ kiềm chế được ở mức 15%.

Vì sao như vậy ? Đó là vì những người đưa ra các quan điểm trên đã không thấy "thủ phạm" làm gia tăng lạm phát hiện nay ở nước ta là *khối lượng USD trôi nổi đang tràn vào nước ta từ nhiều con đường*. Năm 1992, chúng ta đã phải tung tiền ra để mua USD với khối lượng lớn, nhờ vậy từ tháng 3 năm đó đã đưa được lạm phát về một con số. Nhưng từ năm 1993 cho đến tháng 6 - 1994, chúng ta lại bán USD ra, bao sân ở cả hai trung tâm giao dịch ngoại tệ, nên đã làm cho khối USD trôi nổi tăng lên. Đây chính là nguyên nhân làm cho *khối tiền lưu thông* (Kt) vượt *khối tiền cần cho lưu thông* (Kc), hay nói cách khác : làm cho khối *cung* vượt khối *cầu* tiền tệ (Kt > Kc), gây ra lạm phát. Hiện nay khối lượng USD trôi nổi hằng ngày vẫn *tiếp tục tăng*, do nguồn USD từ nước ngoài tiếp tục tràn vào nước ta qua mọi cửa khẩu và ngõ ngách biên giới.

Như vậy, để giảm lạm phát, không có cách nào khác là lập lại thế cân bằng Kt = Kc. Muốn vậy, chỉ có một cách duy nhất là : đưa tỷ giá chỉ đạo mua USD cao hơn giá thị trường khoảng 1%, và mua hết số USD trôi nổi vào tay nhà nước. Làm như vậy nhà nước sẽ biết chính xác khối tiền lưu thông (Kc) mà cho đến nay chưa ai ước lượng được là bao nhiêu. Hơn nữa, với khối USD trôi nổi nằm trong tay, nhà nước có thể nhập các vật tư chiến lược, các mặt hàng thiết yếu, khắc phục được tình hình cung thấp hơn cầu, dập tắt các cơn sốt giá cả từ trong trứng. Ngân hàng trung ương có thể cung ứng vốn để các ngân hàng thương mại cho vay theo lãi suất ưu đãi, nhập các thiết bị hiện đại, đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp biết làm ăn để mở rộng sản xuất. Như vậy, sẽ tăng được khối lượng hàng đưa ra lưu thông, có cơ sở để tăng Kc, lập lại thế cân bằng Kt = Kc ở mức có nhiều hàng hóa lưu thông hơn, sản xuất phát triển hơn, không để cho lạm phát vượt quá mức dự kiến.

Gần đây một số người, một số tổ chức quốc tế lại đưa vào *trường phái trọng tiền* để ép chúng ta thực hiện các giải pháp tiền tệ hoặc *quá liều lượng*, hoặc *còn đầy nghi vấn khoa học* mà tôi thấy cần phân tích kỹ.

1 - Về giải pháp *mở rộng việc khống chế tổng mức tín dụng đến các ngân hàng thương mại cổ phần*. Chỉ cần đưa ra một con số cụ thể cũng đủ thấy tác hại của giải pháp này. Ví dụ nếu không chế tổng mức cho vay của một ngân hàng thương mại là 1 000 tỉ, thì với tỷ lệ bảo đảm an toàn là 5% (50 tỉ), ngân hàng này chỉ cần huy động số tiền gửi là 1 050 tỉ. Nhưng nếu không hạn chế tổng mức cho vay, ngân hàng đó có thể huy động số tiền gửi, ví dụ tới 2 100 tỉ, thì như vậy, cũng với tỷ lệ bảo đảm an toàn 5% như trên (100 tỉ), ngân hàng đó vừa rút thêm được từ lưu thông về 100 tỉ, vừa có tới 2 000 tỉ để cho vay, nghĩa là cung ứng được cho nền kinh tế một số vốn nhiều gấp đôi so với trường hợp không chế tổng mức cho

(Xem tiếp trang 60)

Digitized by Google

50 NĂM HẢI QUAN VIỆT NAM
XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH

PHAN VĂN DĨNH *

CÙNG với sự lớn mạnh của đất nước, Hải quan Việt nam cũng ngày một trưởng thành, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp ổn định và phát triển kinh tế của đất nước trong mọi thời kỳ cách mạng, đặc biệt là kinh tế đối ngoại trong thời kỳ mở cửa. Trong nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, Hải quan Việt nam đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, thực sự là "người gác cửa nền kinh tế đất nước", là "lực lượng biên phòng trên mặt trận kinh tế".

Ở bất kỳ quốc gia nào trên thế giới, lực lượng hải quan cũng là một trong những công cụ của nhà nước để bảo vệ lợi ích, chủ quyền kinh tế và an ninh quốc gia, bảo hộ và thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển, bảo vệ lợi ích người tiêu dùng và bảo đảm nguồn thu cho ngân sách. Nhiệm vụ chính trị của ngành Hải quan vừa mang tính chất kinh tế, vừa mang tính chất an ninh quốc gia. Chúng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó và đan xen với nhau. Tùy theo đặc điểm lịch sử, địa lý, kinh tế - xã hội của mỗi nước, mỗi khu vực, trong từng giai đoạn phát triển mà chức năng, nhiệm vụ của hải quan có thể có những điểm khác nhau, nhưng hầu hết các nước đều giống nhau về những nhiệm vụ cơ bản nhất.

Ở Việt nam ta, chỉ một tuần lễ, sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt nam dân chủ cộng hòa, ngày 10 tháng 9 năm 1945, Chính phủ lâm thời ký sắc lệnh số 27/SL thành lập Sở thuế quan và thuế gián thu (tiền thân của Tổng cục hải quan ngày nay), chính thức thiết lập chủ quyền về Hải quan của nước ta, khẳng định ý nghĩa của công tác Hải quan trong đời sống kinh tế chính trị của đất nước.

Ngay từ những ngày đầu hoạt động, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, gian khổ, thiếu thốn, cán bộ, nhân viên thuế quan vẫn hăng hái, tận tụy với công việc. Chỉ sau mấy tháng đầu hoạt động, cơ quan thuế quan từ Bắc chí Nam thu nộp ngân sách quốc gia được hàng trăm triệu đồng tiền thuế, góp phần giải quyết khó khăn ban đầu về tài chính của đất nước khi vừa giành được chính quyền. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và trong chiến tranh biên giới phía Bắc, cán bộ, nhân viên ngành Hải quan không quản gian khổ, hy sinh làm tròn nhiệm vụ của mình, góp phần vào việc tăng cường ngân sách quốc gia, đấu tranh kinh tế với địch, góp phần đưa cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc đi đến thắng lợi hoàn toàn. Trong cuộc đấu tranh đó, có không ít những tấm gương của cán bộ nhân viên Hải quan đã ngoan cường bám trụ, dũng cảm mưu trí, hoàn thành xuất sắc công việc được giao. Đó là cán bộ nhân viên hải quan cửa khẩu Cẩm phả, Hòn gai, Hải phòng, Hòn la, Na mèo v.v.. Nhiều đồng chí đã hy sinh anh dũng vì độc lập tự do của Tổ quốc, được công nhận là liệt sĩ và truy tặng Huân chương chiến công như : Nguyễn Ngọc Dần (hải quan ga Yên viên, Hà nội) ; Mã A Lữ (hải quan cửa khẩu Si lờ lầu) ; Lò Văn Chúng (hải quan cửa khẩu Ma lu thàng)...

Cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của hải quan được nhận thức ngày một đầy đủ, sâu sắc và phù hợp với quy luật vận động và phát triển của nền kinh tế hơn. Từ chỗ coi hải quan chỉ là công cụ thực hiện chính sách của nhà nước độc quyền về ngoại thương, chức năng quản lý hải quan được hòa lẫn trong hoạt động kinh doanh xuất, nhập khẩu, đến chỗ hải quan bảo đảm thực hiện chính sách của nhà nước về phát triển quan hệ kinh tế, văn hóa với nước ngoài, thực hiện chức năng quản lý hoạt động xuất, nhập khẩu trong điều kiện kinh tế thị trường đa phương, đa dạng như hiện nay. Từ chỗ coi nhiệm vụ của hải quan chủ yếu là làm thủ tục hải quan, đến chỗ giao việc đấu tranh chống buôn lậu, tổ chức thu thuế xuất nhập khẩu là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Hải quan, nhằm góp phần bảo vệ lợi ích, chủ quyền kinh tế, và an ninh quốc gia. Hải

* Bí thư Ban cán sự Đảng, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan

Digitized by Google

quan không chỉ hoạt động ở cửa khẩu biên giới mà còn hoạt động dọc biên giới, cả trong nội địa, ở tất cả những nơi có yêu cầu làm thủ tục kiểm tra, giám sát, kiểm soát hàng hóa xuất, nhập khẩu ; không chỉ phối hợp với lực lượng trong nước mà còn hợp tác chặt chẽ với các tổ chức hải quan quốc tế và khu vực.

Quán triệt đường lối đổi mới của Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng mấy năm qua ngành hải quan đã đổi mới các hoạt động nghiệp vụ.

Công tác kiểm tra, giám sát đi sâu cải tiến thủ tục, quy chế và quy trình nghiệp vụ ; trang bị máy móc kiểm tra hiện đại (sử dụng máy kiểm tra hành lý) ; rèn luyện tác phong khẩn trương, thận trọng, chính xác ; xây dựng thái độ phục vụ văn minh, lịch sự ; chống phiền hà, tiêu cực, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất, nhập khẩu và tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về hải quan.

Chính phủ đã ủy quyền cho ngành hải quan ký kết dự án SYDONIA cấp nhà nước, mã số VIE/91 - 007, nhằm tin học hóa và hệ thống hóa số liệu thống kê nhà nước về hải quan. Ba trung tâm máy tính lớn ở Tổng cục hải quan, Cục hải quan Hải phòng và TP Hồ Chí Minh, cùng với mạng máy lẻ ở các cục hải quan tỉnh và cửa khẩu lớn đang hình thành, trong đó có nhiều máy đã đi vào hoạt động nối mạng, truyền số liệu thống kê, báo cáo hằng ngày từ cơ sở về Tổng cục và Văn phòng Chính phủ.

Nhà nước ta cũng từng bước áp dụng biểu thuế quan dựa trên danh mục tiêu chuẩn quốc tế HS và chính thức gia nhập *Hội đồng hợp tác hải quan quốc tế* (CCC) từ ngày 1-7-1993; chuẩn bị gia nhập *Tổ chức thương mại thế giới* (WTO). Ngày 28-7-1995, Việt nam gia nhập ASEAN, theo đó Hải quan Việt nam cũng gia nhập Hải quan ASEAN. Đại diện Hải quan Việt nam chính thức tham dự hội nghị thường niên của Hội đồng hợp tác hải quan quốc tế... Những kết quả, tiến bộ bước đầu được dư luận trong và ngoài nước ghi nhận, khích lệ.

Thực hiện Nghị quyết 38/CP (tháng 5-1994) về cải tiến một bước thủ tục hành chính, ngành hải quan đã phối hợp với các ngành hữu quan thể chế hóa chính sách của nhà nước về mặt hàng, về thuế xuất, nhập khẩu. Cải tiến quy chế, quy trình thủ tục hải quan theo hướng tiêu chuẩn hóa, thống nhất hóa và đơn giản hóa, nhằm tạo "thông thoáng", thuận tiện cho hoạt động xuất nhập khẩu, đồng thời vẫn quản lý được chặt chẽ, chống quan liêu, phiền hà, tiêu cực. Trọng tâm là : cải tiến các mẫu tờ khai, bỏ một số giấy tờ rườm rà, bỏ giấy phép đối với hàng xuất khẩu chuyển (trừ danh mục hàng hóa quản lý bằng hạn ngạch, kế hoạch định hướng và quản lý chuyên ngành), và bỏ một số loại giấy phép đối với hàng xuất nhập khẩu phi mậu dịch ; phân cấp cho cục hải quan tỉnh, thành phố cấp giấy phép thuộc thẩm quyền của Tổng cục hải quan và có giá trị cả nước. Thực hiện phân luồng "cửa xanh, cửa đỏ" ở ga nhập sân bay quốc tế, thí điểm làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu mậu dịch tại cửa khẩu (hải quan cửa khẩu cảng Sài gòn), nhằm rút ngắn thời gian làm thủ tục, giải phóng hàng nhanh chóng và giảm bớt sự đi lại, phiền hà của chủ hàng trong khi làm nhiệm vụ. Ngành cũng ban hành nhiều quy chế, quy trình nghiệp vụ làm thủ tục và kiểm tra hàng hóa cho phù hợp với các loại hình xuất nhập khẩu mới. Những cải tiến trên đã đem lại hiệu quả thiết thực về kinh tế và xã hội, tạo thuận lợi cho việc thu thuế xuất, nhập khẩu đúng nguyên tắc, giao nộp vào ngân sách nhà nước kịp thời, mức thu nộp hằng năm tăng đáng kể.

Trong công tác điều tra chống buôn lậu qua biên giới, các cấp lãnh đạo ngành đã tạo mọi điều kiện "đi sâu, vươn xa" để điều tra, nghiên cứu, phát hiện, đánh trúng nhiều ổ nhóm, tổ chức, đường dây buôn lậu lớn. Cán bộ, chiến sĩ kiểm soát hải quan phối hợp chặt chẽ cùng các lực lượng, dựa vào quần chúng nhân dân, kết hợp giữa biện pháp kiểm tra công khai với điều tra bí mật, cùng với bản lĩnh chính trị kiên định, sắc bén, dũng cảm, mưu trí, kiên trì, vượt qua khó khăn, gian khổ, không quản hy sinh xương máu, đấu tranh quyết liệt và truy kích đến cùng bọn buôn lậu. Anh em còn vững vàng, khôn khéo, và kiên quyết đối phó với những hành động chống trả quyết liệt hoặc mua chuộc nham hiểm của bọn buôn lậu và tay chân của chúng. Tuy nhiên, trên trận tuyến này, một số ít người, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo cấp vụ, cục và hải quan tỉnh, thành phố..., do thiếu tu dưỡng, rèn luyện, và do nhà nước có thời gian ngắn buông lỏng quản lý, nên bị thoái hóa, biến chất, vi phạm chính sách, pháp luật, bị truy tố hoặc bị xử lý kỷ luật, đã gây tổn thương đến uy tín, danh dự của ngành.

Triển khai Nghị định 16 CP (ngày 7-3-1994), của Chính phủ, tổ chức bộ máy ngành hải quan có bước phát triển. Đến đầu năm 1995, toàn ngành có 30 đơn vị hải quan

Digitized by Google

cấp tỉnh, thành phố, 130 đơn vị hải quan cửa khẩu, đội kiểm soát lưu động, với tổng biên chế 4 820 người (tăng gần gấp ba so với năm 1984). Cơ quan tổng cục cũng hình thành nhiều đơn vị mới để phục vụ công tác lãnh đạo và chỉ đạo, như Cục kiểm tra thu thuế xuất nhập khẩu, Vụ pháp chế, Vụ quan hệ quốc tế, Trung tâm tin học thống kê, Viện nghiên cứu khoa học hải quan.

Ban cán sự đảng ngành hải quan được thành lập ở cơ quan tổng cục và hải quan cấp tỉnh, thành phố năm 1993. Công tác chính trị tư tưởng, xây dựng Đảng và hoạt động của các tổ chức quần chúng ngày càng bám sát nhiệm vụ và có tác dụng thiết thực.

Những năm 1991-1995 là thời kỳ phát triển tương đối quy mô của Hải quan Việt nam. Trong thời kỳ này, toàn ngành đã kiểm tra, giám sát 134 443 lượt phương tiện vận tải, 8 147 961 lượt hành khách xuất nhập cảnh, một khối lượng hàng hóa với giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu 38,534 tỉ USD ; thu nộp ngân sách 37,249 tỉ đồng ; phát hiện, xử lý 40 718 vụ vi phạm và buôn lậu, trị giá hàng hóa thu giữ là 861 tỉ đồng, trong đó có rất nhiều vụ buôn lậu lớn, thu giữ hàng chục nghìn xe gắn máy 2 bánh, hàng trăm xe du lịch 4 chỗ ngồi đời mới, hàng tấn thuốc nổ và tài liệu phản động, ấn phẩm đồi trụy, cùng rất nhiều cổ vật quý hiếm và gần chục triệu ngoại tệ mạnh.

Ghi nhận những đóng góp và tiến bộ của ngành, Nhà nước đã tặng thưởng ngành *Huân chương độc lập hạng nhì* và nhiều huân chương cao quý khác.

*
* *

Nhìn lại thực tiễn hoạt động của Hải quan Việt nam 50 năm qua, những thành tựu đạt được cũng như những yếu kém tồn tại, có thể rút ra **một số vấn đề cơ bản** sau đây có ý nghĩa như những bài học kinh nghiệm :

1 - *Phải trên cơ sở thống nhất nhận thức và nắm vững vị trí, chức năng, nhiệm vụ cũng như nguyên tắc chỉ đạo trực tiếp thống nhất của hải quan mà tổ chức hoạt động và xây dựng ngành cho phù hợp*, có như vậy mới phát huy được hiệu lực, hiệu quả công tác của ngành. Thực tiễn cách mạng Việt nam nửa thế kỷ qua cho thấy : công tác hải quan ở ta đã sớm hình thành và luôn luôn được coi trọng ; lực lượng hải quan đã được xác định và thực tế là một trong những công cụ bảo vệ chủ quyền kinh tế của đất nước, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia trong suốt các thời kỳ đấu tranh cách mạng oanh liệt và hào hùng của dân tộc. Trong quá trình phấn đấu và trưởng thành, trải qua nhiều lần thay đổi về tổ chức, tên gọi, về mối quan hệ chỉ đạo chỉ huy, Hải quan Việt nam luôn luôn xác định rõ chức năng nhiệm vụ, từng bước bổ sung, hoàn chỉnh cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ của từng giai đoạn cách mạng nước ta, phù hợp với luật pháp và tập quán của hải quan quốc tế. Tổng quát lại, chức năng của Hải quan Việt nam bao giờ cũng là quản lý nhà nước về hải quan, bảo đảm thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước, *4 nhiệm vụ cơ bản* : kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động xuất nhập khẩu ; thi hành chính sách thuế quan ; đấu tranh chống buôn lậu và vận chuyển trái phép qua biên giới ; thống kê nhà nước về hải quan. Bốn nhiệm vụ này là một thể thống nhất, có sự tác động qua lại, tạo thành sức mạnh tổng hợp của cơ quan quản lý nhà nước về hải quan nhằm bảo vệ lợi ích, chủ quyền và an ninh quốc gia. Điều này đã được kiểm nghiệm, khẳng định qua các thời kỳ cách mạng.

2 - *Xây dựng lực lượng hải quan trong sạch, vững mạnh từng bước tiến lên chính quy, hiện đại là yếu tố quyết định hoàn thành nhiệm vụ được giao.* Hoạt động hải quan đang hằng ngày, hằng giờ diễn ra khẩn trương, thầm lặng, nhưng không kém phần gay go, gian khổ, phức tạp và quyết liệt. Cán bộ, chiến sĩ hải quan trên các tuyến biên giới, bờ biển, hải đảo đã thực sự trở thành những chiến sĩ "chiến đấu" trên trận tuyến kinh tế và an ninh. Đồng thời, họ cũng đã và đang trở thành mục tiêu tấn công, mua chuộc, làm vô hiệu hóa, trả thù, sát hại của bọn buôn lậu, và cũng không loại trừ của cả bọn gián điệp, phản động. Chính vì vậy mà cần phải xây dựng lực lượng hải quan trong sạch, vững mạnh. Trong tình hình hiện nay, vấn đề cấp bách và quan trọng hàng đầu là, phải xây dựng đội ngũ cán bộ chiến sĩ hải quan, trước hết là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy hải quan các cấp, có đủ phẩm chất và năng lực để hoàn thành nhiệm vụ. Yêu cầu nội dung phẩm chất, năng lực của cán bộ chiến sĩ hải quan như đối với công chức nhà nước, nhưng cần quan tâm bồi dưỡng, rèn luyện về lòng trung thành, tinh thần tận tụy, tính liêm khiết, trung trực và công minh, về trình độ nắm vững luật pháp, chính sách, tinh thông nghiệp vụ, hiểu biết ngoại ngữ, làm chủ trang thiết bị kỹ thuật, có khả năng phối hợp công tác, biết tuyên truyền vận động quần

Digitized by Google

chúng nhân dân cộng tác, giúp đỡ hải quan làm tròn nhiệm vụ.

Đi đôi với xây dựng con người, là xây dựng hệ thống luật lệ, quy chế, quy trình nghiệp vụ hải quan, tạo cơ sở pháp lý cho cán bộ chiến sĩ hải quan trong khi thừa hành nhiệm vụ, làm đúng luật pháp, chính sách ; đồng thời, phải xây dựng nền nếp tác phong công tác chính quy, xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường trang bị phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ hiện đại, để không ngừng nâng cao chất lượng hiệu quả công tác. Việc quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần có ý nghĩa quan trọng, tạo thêm động lực cho cán bộ chiến sĩ hải quan nỗ lực phấn đấu vượn lên, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, nhất là những cám dỗ về vật chất, giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3 - *Giữ vững nguyên tắc Đảng lãnh đạo, bảo đảm cho ngành giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.* Hải quan là công cụ của Đảng và Nhà nước để bảo vệ thành quả cách mạng. Vì vậy, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với ngành hải quan là một nguyên tắc quan trọng. Chính nhờ thường xuyên giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng mà ngành hải quan luôn luôn đi đúng hướng và ngày một trưởng thành vững mạnh. Thực tiễn cho thấy, có thời gian do buông lỏng sự lãnh đạo và quản lý mà dẫn đến những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng, làm tổn hại uy tín, danh dự của ngành. Ban cán sự đảng ngành hải quan đang khẩn trương nghiên cứu trình Ban bí thư trung ương Đảng đề án xây dựng hệ thống tổ chức đảng trong ngành hải quan cho phù hợp, nhằm tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác hải quan và lực lượng hải quan từ cơ quan tổng cục đến hải quan tỉnh, thành phố và cơ sở, khắc phục những tồn tại, yếu kém.

4 - *Xây dựng mối quan hệ mật thiết với cấp ủy, chính quyền địa phương ; phối hợp chặt chẽ với các ngành, các lực lượng, và dựa vào quần chúng nhân dân để ngày càng làm tốt hơn nhiệm vụ được giao.* Xây dựng mối quan hệ gắn bó với cấp ủy, chính quyền địa phương nhằm bảo đảm kỷ cương, phép nước, thực hiện tốt luật lệ hải quan ở địa phương, tạo điều kiện xây dựng hải quan vững mạnh. Xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với các ngành, các lực lượng là nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ được giao. Trong thời kỳ kháng chiến, nhờ phối hợp chặt chẽ với các lực lượng trên các tuyến đấu tranh kinh tế với địch, cơ quan thuế quan đã giành được nhiều thắng lợi. Trong điều kiện hòa bình, nhất là trong công cuộc đổi mới đất nước, nhờ phối hợp chặt chẽ với các ngành, các lực lượng, nhất là trong khối kinh tế, ngoại giao và trong khối nội chính, cơ quan hải quan đã giảm bớt được nhiều khó khăn, có thêm thuận lợi để làm tốt công tác.

Trong 50 năm phấn đấu và trưởng thành, dù tên gọi cơ quan là "Thuế quan", là "Thuế xuất nhập khẩu" hay "Hải quan", dù việc kiểm tra được tiến hành công khai hay bí mật, dù hoạt động trong thời chiến hay trong thời bình, dù ở trung tâm thành phố đông vui nhộn nhịp hay ở cửa khẩu biên giới xa xôi heo hút, Hải quan Việt nam luôn luôn được sự ủng hộ, và giúp đỡ của nhân dân nên đã hoàn thành nhiệm vụ, lập được nhiều thành tích và chiến công. Vì vậy, Hải quan phải thấm nhuần quan điểm "lấy dân làm gốc" và thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ kính yêu "dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong" ; vì lợi ích của nhân dân và dựa vào nhân dân để hoàn thành nhiệm vụ. Phải biết tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân, trước hết là những tổ chức và cá nhân hoạt động xuất nhập khẩu hay xuất nhập cảnh, thông hiểu và tự giác chấp hành đúng luật pháp, đúng chính sách của nhà nước về quản lý xuất nhập khẩu, về thuế xuất nhập khẩu, về thể lệ, thủ tục hải quan..., xóa đi những mặc cảm lâu nay giữa doanh nghiệp với hải quan, giữa hải quan với doanh nghiệp, trên cơ sở đó phối hợp công tác, giúp đỡ hải quan làm tròn nhiệm vụ.

5 - *Tăng cường hợp tác quốc tế về hải quan là điều kiện quan trọng để Hải quan Việt nam nhanh chóng vươn lên hội nhập với hải quan các nước trong khu vực và trên thế giới.* Sự hợp tác quốc tế đem lại cho hải quan nước ta những hiệu quả thiết thực trong công tác cũng như trong xây dựng lực lượng, nhất là kinh nghiệm về hoạt động nghiệp vụ, chống buôn lậu ma túy và gian lận thương mại ; kinh nghiệm về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ và tăng cường trang bị kỹ thuật hiện đại. Để nhanh chóng vươn lên hội nhập với hải quan các nước trong khu vực và trên thế giới, Hải quan nước ta đương nhiên cần tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của hải quan các nước và biết vận dụng sát hợp với hoàn cảnh Việt nam, đồng thời tranh thủ mọi sự giúp đỡ của hải quan các nước ❑

Digitized by Google

TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM
trước yêu cầu của nhiệm vụ mới

HỒ ANH DŨNG*

KHÔNG giống bất cứ hãng truyền hình nào trên thế giới, Đài truyền hình Việt nam ra đời trong lửa đạn chiến tranh đúng lúc cuộc chiến đấu bước vào giai đoạn quyết liệt nhất. Đài phát chương trình thử nghiệm đầu tiên vào ngày 7-9-1970, đến nay vừa tròn 25 năm. Xuất phát từ nhu cầu bức xúc của cuộc kháng chiến bảo vệ đất nước, Đài dường như được xây dựng và lớn lên từ hai bàn tay trắng. Vượt qua bao khó khăn, thử thách, với tư cách là một cơ quan báo hình, Đài đã cố gắng thực hiện tốt chức năng của mình là thông tin, tuyên truyền một cách nhanh nhất và có hiệu quả, góp phần cùng các "binh chủng" khác trên mặt trận tư tưởng của Đảng bồi đắp đời sống tinh thần lành mạnh cho nhân dân, đồng thời giới thiệu đất nước và con người Việt nam với bạn bè thế giới. Từ những thước phim nóng hổi tính thời sự trong thời kỳ phát thử nghiệm ở miền Bắc, Đài đã nhanh chóng vươn mình xuống phía Nam và phấn đấu có buổi phát sóng đầu tiên tại TP Hồ Chí Minh ngay ngày 1-5-1975 - liền sau ngày nhân dân cả nước mừng chiến thắng. Nhưng phải 10 năm sau, năm 1985, Đài mới có điều kiện chính thức chuyển hoạt động từng bước sang chính quy hiện đại. Và từ năm 1991, nhờ sử dụng vệ tinh để phủ sóng, Đài dần dần phát triển được mạng lưới truyền hình ra cả nước. Cho đến nay, chúng ta đã có tất cả 54 trung tâm và đài phát từ Nam ra Bắc, từ vùng đồng bằng đến miền núi, hải đảo ; đã nâng số giờ phát sóng lên 10-12 tiếng/ngày. Có thể nói rằng, tuy còn non trẻ so với nhiều cơ quan báo chí khác, nhưng Đài truyền hình Việt nam đã vươn lên từng bước đáp ứng nhu cầu của nhân dân, đủ tầm để cộng tác được với các hãng truyền hình quốc tế. Tất nhiên, về cơ sở vật chất kỹ thuật, ta còn phải tiếp tục kiện toàn và hiện đại hóa. Nhưng về chất lượng nội dung chương trình, chúng ta không thua kém bạn bè trong khu vực. Với một đội ngũ cán bộ, phóng viên phần đông được rèn luyện trưởng thành qua thực tế, xông xáo và nhanh nhạy trong nắm bắt, phát hiện và khai thác thông tin, thời gian qua Đài đã được người xem nhiệt tình cổ vũ và đánh giá đúng mức, nhất là những phóng sự điều tra đi thẳng vào các vấn đề sôi động của cuộc sống, những chương trình hướng người xem trở về với cội nguồn dân tộc và cách mạng với những giá trị nhân bản...

Tuy nhiên, trước những yêu cầu mới của công tác tư tưởng và trong bối cảnh đất nước đang đẩy tới một bước công nghiệp hóa và hiện đại hóa, vừa giao lưu rộng rãi về nhiều mặt với thế giới vừa phải gìn giữ, phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc, nhiệm vụ của truyền hình Việt nam rất nặng nề. Phải vượt qua được sự thách thức của một cuộc chiến tranh thông tin, và nhất là phải giải quyết hàng loạt vấn đề có tính chất đặc thù của ngành nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Tính đặc thù của truyền hình thể hiện trước hết ở chức năng tổng hợp (tuyên truyền, thông tin, giải trí, giáo dục...), tác động trực tiếp hằng ngày hằng giờ đến đông đảo công chúng, hay nói theo cách nói thông thường, "đến tận giường ngủ của mỗi gia đình". Chức năng ấy không công cụ

* Tổng giám đốc Đài truyền hình Việt nam

Digitized by Google

nào có được. Với khoảng 6 triệu máy thu hình và 74% dân số nước ta là khán giả thường xuyên, truyền hình Việt nam đang trở thành người bạn tinh thần tiện lợi, gần gũi và gây ấn tượng đến mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi. Nó còn là một cơ quan báo chí hòa nhập nhanh nhất với thế giới, có tác dụng cực kỳ to lớn trong việc tuyên truyền và giao lưu văn hóa với bạn bè khắp năm châu.

Là một tờ báo hình, đồng thời là một ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, truyền hình Việt nam phải đi liền với sự phát triển của một nền kỹ thuật đồng bộ và trong điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể. Bên cạnh yêu cầu phải có trang, thiết bị hiện đại, nó cần có một đội ngũ cán bộ tổng hợp gồm các phóng viên, biên tập viên, phát thanh viên, kỹ thuật viên, diễn viên, các cán bộ chuyên ngành.

Với những đặc điểm như vậy, truyền hình Việt nam đã và đang đi vào giai đoạn phát triển mới có tính chất bước ngoặt...

Thứ nhất là *mở rộng quy mô hoạt động*, phấn đấu đến năm 2000 có trên 80% số hộ gia đình Việt nam xem được chương trình của Đài quốc gia và các chương trình truyền hình. Cùng với việc đưa truyền hình về miền núi, hải đảo và những vùng xa xôi, cả nước sẽ có trên 1000 trạm truyền hình gồm các máy phát lại công suất nhỏ (300 - 400 oát) và 38 trạm lớn (công suất từ 1 đến 20 ki-lô-oát). Hiện nay, chúng ta đang sử dụng vệ tinh để phủ sóng truyền hình trong nước và phát tin chọn lọc sang khu vực châu Âu và châu Á. Tới đây sẽ phải tính toán chọn lựa phương thức thích hợp sử dụng vệ tinh (thuê bao, liên kết hoặc phóng vệ tinh của Việt nam) để đạt hiệu quả cao nhất.

Thứ hai là *nâng cao chất lượng các chương trình, đặc biệt là về nội dung*, theo hướng vừa cập nhật lại vừa chuyên sâu, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng trong việc mở mang và nâng cao dân trí, phát triển kinh tế - kỹ thuật ; định hướng tư tưởng và tạo ra những món ăn tinh thần lành mạnh, hấp dẫn cho nhân dân. Hiện tại, Đài truyền hình trung ương đang xây dựng *bốn chương trình* với bốn chức năng cơ bản khác nhau : VTV1 phản ánh những vấn đề thời sự trong đời sống chính trị - kinh tế - xã hội ; VTV2 thông tin khoa học, kỹ thuật và giáo dục ; VTV3 giải trí và thông tin kinh tế, thương mại ; VTV4 phục vụ cho công tác đối ngoại. Bên cạnh việc phấn đấu nâng số giờ phát sóng lên 20 tiếng/ngày vào năm 1996 bao gồm việc tách VTV3 thành kênh riêng, lực lượng biên tập đang cố gắng nâng cao hơn nữa tỷ lệ tin, bài gắn với những vấn đề nóng bỏng trong nước. Tăng những loại bài tường thuật, xử lý thông tin tại chỗ, phát triển theo xu hướng chung của truyền hình thế giới. Phấn đấu để truyền hình Việt nam thực sự là của Việt nam, nhất là sau khi Đài chuyển thành "hãng" truyền hình thì nó phải có ít nhất 50% những tin bài thực sự là của mình, còn lại mới nhận thông tin từ các đài, các hãng quốc tế. Chúng ta mở rộng giao lưu thông tin với quốc tế, nhưng là sự giao lưu hai chiều, có định hướng, có chọn lựa... Việc xây dựng thêm một chương trình riêng phục vụ công tác đối ngoại cũng nằm trong kế hoạch giao lưu đó.

Trong việc xây dựng nội dung các chương trình, Đài đặc biệt chú trọng đến chiều sâu và chiều rộng của thông tin. Không chỉ phát hiện, mà còn phân tích, lý giải vấn đề và dự báo xu hướng phát triển. Quảng cáo không chỉ đơn thuần là quảng cáo mà phải trở thành những thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - kỹ thuật trong nước. Trong thời đại mà thông tin và tri thức khoa học kỹ thuật đang trở thành động lực phát triển sản xuất và xã hội, nhất là trong điều kiện một nước nghèo đang phát triển như nước ta, việc truyền thông tin qua lăng kính khoa học kỹ thuật và đầu tư mở rộng chương trình khoa giáo trên truyền hình có ý nghĩa rất quan trọng. Kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy, đối với sự phát triển kinh tế đất nước, không gì hiệu quả bằng truyền thụ cho quảng đại quần chúng (nhất là ở vùng nông thôn rộng lớn) những hiểu biết về kiến thức cần thiết về khoa học kỹ thuật thông qua truyền hình. Tới đây, truyền hình sẽ phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các ngành để vừa phổ biến kiến thức vừa thực hiện chương trình giảng dạy theo nhiều loại mô hình khác nhau.

Để xứng đáng là hãng truyền hình Việt nam, một điều có ý nghĩa nữa là xây dựng ý thức giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc, phấn đấu ngày càng có nhiều những

Digitized by Google

"món ăn" tinh thần thú vị, bổ ích, góp phần xây dựng những chuẩn mực đạo đức, tình cảm và thẩm mỹ mới trong xã hội. Khuyến khích những tin bài khẳng định cái tích cực, cái anh hùng, những nhân tố mới, và đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực... Tăng cường đầu tư để có những chuyên mục giải trí vừa hấp dẫn, lôi cuốn, vừa gắn bó với những cảnh đời, những thân phận, những vấn đề của một xã hội sau bao năm chiến tranh đang chuyển mình để đi lên. Khán giả đang khích lệ sự cố gắng của truyền hình qua những chương trình văn nghệ, phim truyện, như phim truyện chiếu vào chiều chủ nhật trên VTV3, vì chúng vừa góp phần hạn chế cơn sốt viđêô đen và băng hình độc hại, vừa hỗ trợ nền nghệ thuật nước nhà (điện ảnh, sân khấu,...) vươn lên. Truyền hình Việt nam đang mở thêm kênh MMDS (có thu lệ phí) để giới thiệu có chọn lọc một số chương trình truyền hình của nước ngoài, tạo điều kiện cho người dân có thể tiếp xúc được với cái hay, cái đẹp của thế giới, vừa làm giảm bớt những cơn khát giải trí "bạ gì uống nấy" trong những năm vừa qua.

Muốn thực hiện được những mục tiêu phát triển, vấn đề mấu chốt của truyền hình Việt nam hiện nay là củng cố, đào tạo và *xây dựng một đội ngũ cán bộ, phóng viên có kiến thức tổng hợp*, không chỉ nhanh nhạy trong tìm kiếm thông tin mà còn phải có trình độ chuyên sâu về nhiều mặt (kinh tế - chính trị - xã hội), nắm bắt được kỹ thuật truyền hình tiên tiến để nâng cao hơn nữa chất lượng chương trình. Nhiệm vụ trước mắt là cố gắng tạo điều kiện cho cán bộ, phóng viên có thể phát huy hết khả năng nghề nghiệp, gắn bó với nghề, với hãng, sống được với đồng lương của mình. Mặt khác, kết hợp các loại hình đào tạo kỹ thuật, nghiệp vụ, vừa bồi dưỡng chuyên môn cho lớp cán bộ, phóng viên trưởng thành qua thực tế, vừa chuẩn bị một thế hệ kế cận có kiến thức cơ bản theo kiểu chính quy, hiện đại; khuyến khích học tại chức báo chí và các chuyên ngành khoa học kỹ thuật ; ưu tiên tuyển chọn biên tập viên trẻ, có trình độ đại học chuyên ngành và năng khiếu làm báo.

Đi đôi với vấn đề chính quy hóa đội ngũ là vấn đề *hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật và đổi mới phương thức tổ chức quản lý*. Xây dựng hệ thống truyền hình phù hợp với xu thế phát triển của truyền hình hiện đại, lại phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội đất nước và đáp ứng được những yêu cầu mới của công tác tư tưởng, là một sự nghiệp lâu dài không thể một sớm một chiều mà thực hiện ngay được.

Về trang, thiết bị hiện nay, tuy đã có một số loại máy khá hiện đại nhập từ các nước, nhưng với sự phát triển như vũ bão của công nghệ điện tử và viễn thông, với những kỹ thuật mới như đĩa từ, số hóa, ép dải tần, truyền hình nổi..., chỉ chậm trễ một chút trong suy nghĩ, lựa chọn là chúng ta có thể trở thành lạc hậu. Cơ sở nhà xưởng của đài truyền hình xây dựng tạm từ những năm 70 đến nay đã quá ọp ẹp, nhà nước đã có kế hoạch xây dựng trong những năm tới một trung tâm mới (dự kiến khởi công vào cuối năm 1996) với tháp truyền hình đủ độ cao ở thủ đô. Trong điều kiện vốn nhà nước có hạn, bản thân Đài phải cố gắng vươn lên, thông qua hoạt động nghiệp vụ của mình để tự trang trải một phần ... Tất nhiên, để đạt tới đó, cần có thời gian.

Về mặt *cơ chế*, truyền hình Việt nam đang ở giai đoạn chuyển tiếp với một loạt câu hỏi cần giải đáp. Quản lý theo ngành dọc hay để các địa phương quản như hiện nay ? Làm sao có thể phối hợp nhịp nhàng giữa hoạt động của những bộ phận báo chí (biến hóa theo các sự kiện của cuộc sống) với hoạt động của những bộ phận kỹ thuật - kinh tế - hành chính ? Giữ nguyên cơ chế cũ của Đài truyền hình trung ương hay áp dụng mô hình khép kín (nội dung - kỹ thuật - hậu cần) và thực hiện hạch toán với tư cách là một hãng như các hãng truyền hình khác trên thế giới ?

Trong điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước ta còn nhiều khó khăn, sẽ phải nghiên cứu tìm ra một mô hình riêng, một cách đi riêng thích hợp. Phát huy truyền thống vẻ vang 25 năm qua, Đài truyền hình Việt nam nhất định sẽ làm tròn sứ mệnh là một trong những công cụ tư tưởng sắc bén của Đảng và Nhà nước ta, tiến lên nhanh chóng hòa nhập với cách mạng thông tin trong xã hội hiện đại ❑

Digitized by Google

Công ty sữa Việt nam
ĐỨNG VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

MAI KIỀU LIÊN*

Sau năm 1975, Xí nghiệp liên hợp sữa cà phê bánh kẹo I ra đời từ ba nhà máy : sữa Thống nhất, Trường thọ và Dielac, trực thuộc Bộ nông nghiệp công nghiệp thực phẩm. Tháng 3-1992 Xí nghiệp liên hợp sữa cà phê bánh kẹo I chuyển thành Công ty sữa Việt nam, trực thuộc Bộ công nghiệp nhẹ. Bước vào cơ chế thị trường, Công ty vấp phải nhiều khó khăn gay gắt. Máy móc cũ kỹ hỏng nát và lạc hậu, kỹ năng nghề nghiệp của lực lượng lao động chưa đáp ứng được yêu cầu, dẫn đến năng suất lao động thấp, chi phí sản xuất cao, và kế hoạch sản xuất không bảo đảm. Nguồn nguyên liệu thiếu, luôn bị động và ách tắc, giá cả không ổn định, đã vậy nguồn tài chính lại rất eo hẹp. Sản phẩm của Công ty gặp sự cạnh tranh quyết liệt của hàng ngoại và hàng nhập lậu, trốn thuế. Do đó, trước năm 1991, doanh số kinh doanh của Công ty luôn ở mức dưới 300 tỉ/năm. Sản phẩm làm ra đơn điệu, chỉ có sữa đặc hộp và sữa bột và sản lượng cũng rất hạn chế. Sữa đặc chỉ đạt dưới 70 triệu hộp/năm, sữa bột cũng chưa được 2 triệu hộp/năm. Vì vậy thu nhập của người lao động thấp.

Thực hiện đường lối đổi mới và phát triển kinh tế của Đảng, cán bộ công nhân toàn Công ty đã đoàn kết phấn đấu, từng bước phát triển sản xuất và kinh doanh, đồng thời chấp nhận cạnh tranh, làm cho sản phẩm sữa Việt nam đảm bảo được uy tín và có mặt ở thị trường trong cả nước. Doanh số năm 1991 : 310,5 tỉ đồng, năm 1992 : 492,3 tỉ, năm 1993 : 700,3 tỉ và năm 1994 là 980,2 tỷ. Năm 1991 Công ty nộp ngân sách : 44 tỷ đồng ; năm 1992 : 60,5 tỉ ; năm 1993 : 78 tỉ và năm 1994 là : 85,83 tỉ đồng. Chủng loại sản phẩm của Công ty từ chỗ đơn điệu, đến năm 1992 đã có 12 loại và năm 1994 tăng lên trên 40 loại. Nhiều sản phẩm như sữa tươi tiệt trùng, sữa chua và kem chất lượng cao, bao bì đẹp, giá cả hợp lý được người tiêu dùng ưa chuộng và yêu cầu ngày càng lớn. Sản lượng của công ty năm sau luôn luôn cao hơn năm trước. Chỉ riêng ba mặt hàng chủ yếu là sữa đặc, sữa bột và sữa tươi, tốc độ sản xuất hàng năm đều tăng nhanh. Năm 1991 sữa đặc : 74,6 triệu hộp; sữa bột : 1,94 triệu hộp ; sữa tươi 795 tấn ; năm 1992 : sữa đặc : 84,3 triệu hộp ; sữa bột : 3,6 triệu hộp ; sữa tươi 1 908 tấn ; năm 1993 : sữa đặc : 120 triệu hộp ; sữa bột : 6,5 triệu hộp và sữa tươi : 3 774 tấn ; năm 1994 : sữa đặc trên 155 triệu hộp; sữa bột trên 9 triệu hộp ; sữa tươi trên 5 000 tấn. Sản xuất phát triển, hàng hóa tiêu thụ nhanh, sản xuất kinh doanh có lãi, có tích lũy. Thu nhập của cán bộ, công nhân Công ty từng bước được nâng cao. Năm 1991 thu nhập của một người một tháng là 425 ngàn đồng ; năm 1994, 1995 một người một tháng trên 1 triệu đồng. Thực tế vừa qua cho thấy càng đi vào kinh tế thị trường, Công ty càng tự tin hơn, kết quả sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác càng vững vàng, tiến bộ hơn, và vì thế uy tín của Công ty ngày càng được củng cố. Năm 1994 công ty được Chính phủ tặng cờ luân lưu lần thứ 4 và đảng bộ luôn được công nhận là đảng bộ

* Giám đốc Công ty sữa Việt nam

Digitized by Google

trong sạch, vững mạnh. Các tổ chức quần chúng như công đoàn, đoàn thành niên... được duy trì và thường xuyên hoạt động tốt. Mọi người đều an tâm, phấn khởi công tác và gắn bó với Công ty.

II

Từ những thành tựu và thiếu sót vừa qua của Công ty, bước đầu nêu lên một số nhận xét :

1. *Quán triệt đường lối đổi mới của Đảng, trước hết là đường lối phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, để vận dụng đầy đủ, đúng đắn vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh của Công ty.*

Căn cứ vào chiến lược phát triển hàng tiêu dùng đến năm 2005 của Bộ công nghiệp nhẹ, phân tích và xác định rõ vai trò, vị trí của Công ty trong việc thực hiện chiến lược phát triển ngành sữa Việt nam, Công ty luôn xác định rõ mục tiêu của mình là : Thực hiện bằng được chiến lược phát triển ngành sữa Việt nam, vì sức khỏe và sự phát triển nòi giống và nguồn nhân lực Việt nam ; không ngừng củng cố, phát triển và mở rộng sản xuất cả bề rộng lẫn bề sâu, giữ vững tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 15 - 20%.

Là một doanh nghiệp có vị trí quan trọng và có tầm hoạt động trong phạm vi toàn quốc, Công ty có trách nhiệm lớn trong việc phát triển ngành sữa Việt nam. Bởi vậy cán bộ và công nhân của Công ty xác định rõ là không thể ỷ lại, nhưng cũng không phiêu lưu, hoặc lúng túng, bị động trước sự cạnh tranh ồ ạt của sữa ngoại và các sản phẩm sữa ngoại. Thế đứng và mục tiêu sản xuất, kinh doanh của Công ty là vì sức khỏe và yêu cầu của nhân dân. Ý thức được những thuận lợi và khó khăn trên con đường phát triển, để đạt mục tiêu đề ra đảng ủy Công ty đã cùng tập thể ban giám đốc xây dựng một kế hoạch phát triển cụ thể phù hợp, phát triển vững chắc từng bước, từng năm. Kế hoạch đó là : Củng cố, phát triển và nâng cao năng lực sản xuất những cơ sở vốn có, từng bước mở rộng thêm các cơ sở sản xuất mới, đa dạng hóa các mặt hàng, chủ động tạo nguồn nguyên liệu, đổi mới công nghệ, mở mang thị trường trong nước và quốc tế. Những năm qua, Công ty luôn kiên định mục tiêu sản xuất kinh doanh. Mặc dù có lúc khó khăn, thu nhập của cán bộ, công nhân viên thấp, những lợi ích cục bộ xuất hiện, nhưng Công ty không bị cuốn theo các cơn lốc lợi nhuận, những việc làm có lãi trước mắt theo kiểu kinh tế thị trường đơn thuần để dẫn đến các hậu quả xấu. Tự tin, bình tĩnh và kiên định, phấn đấu cho mục tiêu mà tập thể đảng ủy và lãnh đạo Công ty đã bàn bạc nhất trí, khẳng định, là bài học thành công đối với Công ty.

2. *Lựa chọn các biện pháp quản lý thích hợp, có hiệu quả là điều có ý nghĩa quyết định.*

Điểm yếu nhất của Công ty hiện nay là công nghệ chế biến, nguồn nguyên liệu, nguồn tài chính v.v.. còn khó khăn. Để khắc phục các mặt yếu đó, Công ty đã tiến hành tổ chức và quản lý sản xuất kinh doanh theo cách riêng của mình như :

- Xây dựng hệ thống tài chính tập trung tại Công ty, còn các đơn vị được phân cấp tự chủ ở một số chừng mực nhất định. Làm như thế, Công ty có điều kiện tập trung vốn vào những khâu, những đơn vị cần được đầu tư phát triển trước về kỹ thuật công nghệ về xây dựng nguồn nguyên liệu. Sử dụng đồng vốn để đầu tư có hiệu quả cho sản xuất là mục tiêu hàng đầu của Công ty. Công ty từng bước thay thế máy cũ, đầu tư phương tiện mua sắm sữa tươi (bồn lạnh, xe lạnh, bình đựng Inox), lắp đặt dây chuyền tinh chế hiện đại, hệ thống máy nén khí mới ; mở rộng các kho lạnh và buồng lạnh... Theo hướng đó, ba nhà máy sữa Thống nhất, Trường Thọ và Dielac từng bước được hoàn thiện, mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất. Công ty còn xây dựng thêm nhà máy chế biến sữa Hà nội, sắp tới là nhà máy chế biến sữa ở miền Trung và đồng bằng sông Cửu long. Mục tiêu của Công ty là ở mỗi miền của đất nước, đều có những nhà máy chế biến sữa, tạo điều kiện để chăn nuôi phát triển sản xuất được nhiều, giá thành giảm, phục vụ kịp thời cuộc sống của toàn dân.

- Hiện nay, nếu nhập nguyên liệu sữa nước ngoài thì giá thành rẻ hơn, nhưng Công ty cho rằng phải chủ động xây dựng nguồn nguyên liệu tập trung, lâu dài và ổn định ở trong nước. Thực hiện được điều này sẽ rất

Digitized by Google

có lợi. Trước hết là tiết kiệm được ngoại tệ cho nhà nước, sau nữa là chủ động có nguồn nguyên liệu tại chỗ cung cấp kịp thời, thuận tiện cho nhà máy. Mặt khác tạo ra việc làm cho người lao động, thực hiện được chính sách xã hội, xóa đói giảm nghèo, chuyển giao được kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến, hiện đại cho nhân dân. Trước đây nhà nước vận động nhân dân chăn nuôi bò sữa, sau đó nhà nước tổ chức đi mua sữa của dân về chế biến. Nhưng khi nhân dân chăn nuôi, nhà nước chưa đủ điều kiện thu mua, chế biến và tiêu thụ nên đã xảy ra tình trạng người nuôi bò phải đem sữa bò nuôi lợn, vừa lãng phí vừa làm giảm lòng tin của dân. Khắc phục tình trạng đó, Công ty vừa củng cố nâng cao cơ sở chế biến, vừa tiến hành xây dựng và mở rộng các vùng nguyên liệu. Công ty cho nông dân vay tiền với lãi suất thấp, tập huấn kỹ thuật cho người nuôi, xây dựng quy chế thu nhận, bảo quản, vận chuyển hợp lý và bảo đảm mua hết sản phẩm của dân, bảo đảm người chăn nuôi luôn luôn có lãi từ 15-20%. Công ty chú ý điều chỉnh giá mua sữa phù hợp với giá thức ăn gia súc theo thị trường. Nhờ xử lý đúng lợi ích của người chăn nuôi mà niềm tin của nhân dân vào Công ty ngày càng cao. Từ đó vùng nguyên liệu được mở rộng, không chỉ có phát triển đàn bò mà còn thúc đẩy các ngành liên quan như mía, đường, dầu thực vật phát triển...

- Chấp nhận cạnh tranh trên thị trường bằng nhiều con đường, kết hợp chặt chẽ sức mạnh bên trong và bên ngoài, Công ty không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, đưa ra thị trường nhiều chủng loại hàng hóa với chất lượng tốt, mẫu mã đẹp đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đời sống nhân dân. Để đưa hàng hóa đến tận tay người tiêu dùng, Công ty đã mở rộng mạng lưới đại lý tiêu thụ trong phạm vi toàn quốc, với nhiều chế độ khuyến khích như tăng thời gian trả chậm, đầu tư mua quầy, tủ để hàng, khen thưởng v.v., để các đại lý tích cực, an tâm đưa sản phẩm đến tận quận, huyện và các vùng xa xôi. Công ty đã kết hợp việc tuyên truyền các sản phẩm, đồng thời tích cực tham gia giải quyết các vấn đề xã hội, như ủng hộ chương trình chống suy dinh dưỡng trẻ em Việt nam ở 54 tỉnh thành với số sữa tính ra tiền tương đương 1,7 tỉ đồng. Qua theo dõi cho thấy 95% số cháu suy dinh dưỡng dùng sữa của Công ty đã lên cân, sức khỏe tốt.

- Tích cực ứng dụng khoa học kỹ thuật-công nghệ vào trong sản xuất là một trong những mũi nhọn của quản lý sản xuất ở Công ty. Công ty đã hình thành nhiều phương án công nghệ sản phẩm mới như : bột béo Hoa mai, sữa trái cây hộp các loại, sữa bột Hoa mai vàng, hương mật ong, kem que, kem cốm, nước quả, sữa DHA dùng cho các bà mẹ mang thai... Công ty đã xây dựng được các tiêu chuẩn sản phẩm, kiên định kỹ thuật các thiết bị an toàn, thiết bị đo lường chất lượng. Hàng năm phong trào phát huy sáng kiến, áp dụng kỹ thuật đều được phát động. Năm 1994 có tới 13 sáng kiến được áp dụng, tiết kiệm hàng tỷ đồng.

- Không ngừng xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ kỹ thuật, cán bộ kinh doanh, thường xuyên chăm lo đời sống của cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty. Công ty có trên 900 cán bộ, công nhân, trong đó có tới 200 kỹ sư, làm việc ở 4 nhà máy và văn phòng. Nhờ có chính sách động viên cụ thể, kịp thời, nên phong trào rèn luyện, học tập nâng cao trình độ được đề cao. Từ phong trào sản xuất kinh doanh, được quần chúng tín nhiệm tiến cử và thử việc, đến nay Công ty đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ khá vững vàng và thạo công việc, từ tổ trưởng sản xuất, quản đốc phân xưởng, trưởng, phó phòng, đến chánh, phó giám đốc. Gần 1/2 số cán bộ công nhân của Công ty là nữ ; bởi vậy công tác đào tạo cán bộ nữ luôn được chú trọng. Hiện nay có gần 40 cán bộ chủ chốt là nữ, trong đó lãnh đạo Công ty có 1 đồng chí và giám đốc xí nghiệp trực thuộc có 2 đồng chí... Công ty càng phát triển thì đời sống cán bộ, công nhân viên càng được chăm lo, cải thiện. Ngoài tiền lương ngày một nâng lên theo năng suất lao động, các chế độ khen thưởng, bồi dưỡng đều được thực hiện công bằng, kịp thời và hiệu quả. Công đoàn và giám đốc Công ty đã kết hợp chặt chẽ, xây dựng các chính sách khuyến khích học tập văn hóa, nghiệp vụ, tham quan nước ngoài, các chế độ phúc

Digitized by Google

lợi...Cán bộ, công nhân toàn Công ty tự giác tham gia các hoạt động xã hội như ủng hộ nhân dân Cu ba 43 triệu đồng, ủng hộ đồng bào lũ lụt 65 triệu đồng, xây dựng nhà tình nghĩa 144 triệu đồng, góp quỹ xóa đói giảm nghèo 41 triệu đồng và đỡ đầu nuôi dưỡng 11 bà mẹ gia đình liệt sĩ, thương binh .

3. *Tăng cường vị trí và vai trò lãnh đạo của đảng bộ Công ty là yếu tố quyết định để Công ty đứng vững và phát triển trong cơ chế thị trường.* Hiện nay đảng bộ Công ty có gần 100 đảng viên (50% trực tiếp sản xuất, gần 50% là nữ, trên 40% có trình độ khoa học kỹ thuật từ trung cấp trở lên). Hầu hết các chức danh chủ chốt của Công ty từ tổ trưởng sản xuất trở lên do đảng viên đảm nhận. Những năm qua công tác phát triển đảng được chú ý đúng mức và tập trung vào đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân trực tiếp sản xuất... Khi có chỉ thị 217, đảng ủy và giám đốc đã xác định : một mặt phải giao quyền tự chủ cho giám đốc, mặt khác phải bảo đảm vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng. Càng đi vào kinh tế thị trường, vai trò lãnh đạo của Đảng càng quan trọng. Song song với việc bố trí đội ngũ đảng viên có đều ở các cơ sở, nắm giữ các vị trí cốt yếu trong Công ty, đảng bộ đã xây dựng quy chế hoạt động của đảng ủy và quy chế phối hợp công tác giữa đảng ủy và giám đốc, giữa đảng ủy, giám đốc và các tổ chức quần chúng trong Công ty. Tinh thần cơ bản của các quy chế này là : phân công rành mạch công việc từng tổ chức, các tổ chức phải chủ động sáng tạo hoạt động theo qui chế, nhưng không vì thế mà buông lỏng lãnh đạo của đảng ủy. Đảng ủy lãnh đạo việc xác định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ, công tác kiểm tra, công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng. Đảng ủy và ban giám đốc có trách nhiệm duy trì để các quy chế đó được thực hiện nghiêm chỉnh. Các buổi sinh hoạt giữa đảng ủy và ban giám đốc thường tập trung vào việc thảo luận kế hoạch sản xuất, thảo luận công tác cán bộ, phê bình và tự phê bình. Giám đốc Công ty báo cáo, đề xuất những chủ trương, kế hoạch phát triển công ty để đảng ủy thảo luận và ra nghị quyết.

Nghị quyết của đảng bộ Công ty sữa Việt nam nhiệm kỳ lần thứ 7 vừa qua đã khẳng định rằng : dù trong hoàn cảnh nào đảng bộ cũng phải tăng cường giữ vững vị trí lãnh đạo của mình. Công ty phải khai thác hết năng lực hiện có, đẩy mạnh tốc độ phát triển sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng hàng hóa, mở rộng sản xuất và thị trường tiêu thụ, thực hiện bằng được chiến lược phát triển ngành sữa Việt nam.

Trên con đường đi tới, Công ty đang đứng trước các thử thách gay gắt : đó là sự cạnh tranh của hàng ngoại với kỹ thuật sản xuất hiện đại, giá nguyên liệu rẻ và kinh nghiệm sản xuất kinh doanh lâu đời ; đó là nguồn tài chính eo hẹp và trình độ kỹ thuật còn có nhiều hạn chế. Nhưng với đường lối đúng đắn của Đảng, ngành sữa Việt nam tin rằng sẽ tiếp tục có bước phát triển và mọi người dân Việt nam sẽ được dùng sữa Việt nam với chất lượng cao, giá thành rẻ. Công ty sữa Việt nam cố gắng làm hết sức mình để đóng góp một phần vào sự phát triển đó. Công ty mong mỏi Nhà nước có chính sách ưu đãi hơn nữa để thúc đẩy sự phát triển của ngành sữa Việt nam, trước hết là chính sách khuyến khích phát triển đàn bò sữa, mía và đường ; chính sách khuyến khích dùng hàng nội địa ; và chính sách tài chính cho các ngành đó ⌟

ĐÍNH CHÍNH

Bài *Về cách tiếp cận để đánh giá văn học Việt nam sau Cách mạng Tháng Tám* (số 10, tháng 8-1995). Trang **43** : chữ "biếc" (cột 1, dòng 34) xin đọc là "méo" ; chữ "truyền thống" (cột 2, dòng 1) xin đọc là "tuyên truyền" ; chữ "tập thơ" (cột 2, dòng 9) xin đọc là "tạp chí". Trang **44** : chữ "Công" (cột 2, dòng 13) xin đọc là "Long".

Thành thật xin lỗi tác giả và bạn đọc.

Digitized by Google

Quá trình tự khẳng định CỦA CÔNG TY MAY 10

VŨ LÂN

MẤY năm vừa qua, trước những thách thức khắc nghiệt của cơ chế thị trường, Công ty may 10 (Bộ công nghiệp nhẹ) chẳng những vẫn đứng vững mà còn liên tục phát triển. Có được điều đó là do một số nhân tố chủ yếu sau đây :

1 - Có bề dày truyền thống vẻ vang

Cho đến nay, Công ty may 10 đã có một lịch sử gần 50 năm hình thành và phát triển. Cùng với các xưởng may khác của quân đội ta như X20, X40, xưởng may X 10 (tên cũ của Công ty may 10) đã ra đời sau Cách mạng Tháng Tám tại chiến khu Việt bắc, với nhiệm vụ may trang phục cho bộ đội trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Sau khi miền Bắc nước ta được giải phóng, X10 chuyển về Hà nội, trở thành xưởng may 10, thuộc Cục quân nhu Tổng cục hậu cần (năm 1956), rồi thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ (năm 1961). Cho đến năm 1975, nhiệm vụ chủ yếu của xưởng may 10 vẫn là may trang phục phục vụ bộ đội các chiến trường chống Mỹ. Từ tháng 11-1992 xưởng may 10 đổi tên thành *Công ty may 10* và cũng từ đó nó thật sự chuyển sang giai đoạn sản xuất, kinh doanh.

Trải qua gần nửa thế kỷ, nhiều thế hệ cán bộ, chiến sĩ, công nhân của Công ty đã đóng góp xứng đáng trí tuệ và công sức vào sự nghiệp kháng chiến, giải phóng dân tộc và thống nhất nước nhà, xây dựng xã hội mới. Trong suốt lịch sử của mình, năm nào Công ty cũng hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, và năm sau bao giờ cũng cao hơn năm trước (trừ năm 1972, khi cơ sở sản xuất bị bom Mỹ san phẳng). Truyền thống vẻ vang, những đóng góp của Công ty đã được Đảng, Nhà nước ta ghi nhận. Công ty đã được tặng thưởng 29 huân chương các loại, trong đó có 1 huân chương Độc lập ; một tổ sản xuất và hai cá nhân trong Công ty được phong danh hiệu anh hùng lao động; hàng trăm lượt người đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua. Đặc biệt, ngày 8-1-1959, Công ty vinh dự được đón Bác Hồ về thăm. Từ đó, ngày 8-1 đã trở thành ngày hội truyền thống hằng năm của Công ty may 10.

Từ những ngày còn "mặc áo lính" đến nay, dù trong hoàn cảnh, điều kiện nào, cán bộ, chiến sĩ, công nhân của Công ty vẫn cố gắng giữ gìn phẩm chất tốt đẹp của "anh bộ đội cụ Hồ" ; vun đắp, phát huy truyền thống vẻ vang của đơn vị và coi đó như một nguồn sức mạnh cổ vũ tập thể cán bộ, công nhân vươn lên khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ với chất lượng và hiệu quả cao nhất. Lời Bác Hồ dạy khi Người về thăm Công ty : "Tư tưởng thông thì công việc tốt", là sự định hướng rất rõ ràng cho từng bước đi của Công ty. Quán triệt lời dạy của Bác, đảng ủy và ban giám đốc Công ty đã đặc biệt chú ý tới công tác giáo dục chính trị tư tưởng nhằm giữ vững và phát huy truyền thống đoàn kết của cán bộ, công nhân viên. Việc giáo dục, tuyên truyền của Công ty được thực hiện có nền nếp, thường xuyên, bằng nhiều hình thức phong phú. Bề dày truyền thống vẻ vang của Công ty đã góp phần làm cho mọi thành viên càng thêm tự hào, tin tưởng, đoàn kết, gắn bó phấn đấu vì mục đích: sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả ngày càng cao, trên cơ sở đó nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công nhân.

2 - Mạnh dạn đổi mới dây chuyền công nghệ ; nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm ; mở rộng thị trường trong và ngoài nước

Ngay từ những năm chiến tranh ác liệt, sản phẩm của xưởng may 10 (tên cũ của Công ty may 10) đã có uy tín trong cán bộ, chiến sĩ của quân đội ta. Trong khó khăn, gian khổ, thiếu thốn nhiều mặt, cán bộ, chiến sĩ, công nhân xưởng may 10 vẫn luôn luôn quan tâm cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ chữ "tín" với người tiêu dùng. Và từ năm 1975,

Digitized by Google

đến năm 1990, mỗi năm xưởng may 10 đã xuất ra thị trường các nước xã hội chủ nghĩa từ 4 đến 5 triệu áo sơ mi. Những sản phẩm mang nhãn hiệu xưởng may 10 xuất ra nước ngoài đã được khách hàng ưa chuộng.

Từ năm 1992 đến nay, Công ty may 10 phải cạnh tranh quyết liệt với thị trường trong nước và quốc tế. Để hàng hóa đủ sức cạnh tranh, phải đầu tư, đổi mới trang thiết bị và dây chuyền công nghệ. Nhưng trong điều kiện thiếu vốn ; cơ chế quản lý còn hạn chế, gò bó. Công ty đã thực hiện đầu tư từng bước, huy động vốn tự có, tranh thủ sự hợp tác, giúp đỡ từ nhiều phía để phát triển sản xuất, đủ sức đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Từ năm 1988, nắm bắt được xu thế phát triển của thời cuộc, Công ty bắt đầu "với" sang cả thị trường "khu vực 2". Đây là một thị trường có những đòi hỏi rất đa dạng, khắt khe về mẫu mã và chất lượng sản phẩm. Để đáp ứng yêu cầu, Công ty đã mạnh dạn thay thế 2/3 thiết bị cũ, lạc hậu bằng thiết bị mới, hiện đại. Năm 1990, Nhà nước giao cho Công ty 7,3 tỉ đồng (vốn cố định và lưu động), Công ty đã huy động thêm 2,3 tỉ đồng để tiếp tục đổi mới trang, thiết bị, công nghệ, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho sản xuất, kinh doanh. Năm 1994, Công ty lắp đặt, đưa vào sử dụng một xí nghiệp sản xuất áo sơ mi của Cộng hòa Liên bang Đức trị giá 5 tỉ đồng. Bằng những cách làm đó, đến nay Công ty đã có một cơ ngơi khang trang, một cơ sở vật chất kỹ thuật, dây chuyền sản xuất đủ đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, trở thành một trong những Công ty có sản phẩm may mặc đạt chất lượng cao ở Đông Nam Á. Điều đáng chú ý là 85% số vốn đầu tư là vốn tự có của Công ty.

Do kịp thời đổi mới trang thiết bị, không ngừng cải tiến, đa dạng hóa mẫu mã, kiểu dáng, chủng loại, cho nên sản phẩm của Công ty tiếp tục được khách hàng ở một số nước Đông Âu ưa chuộng và ngày càng vươn tới thị trường các nước phát triển như Cộng hòa Liên bang Đức, Nhật bản, Pháp, Bỉ, Hà lan, Đài loan, Hồng công, Hàn quốc... Hằng năm, Công ty xuất ra nước ngoài hàng triệu áo sơ mi, hàng trăm nghìn áo Jac két và nhiều sản phẩm may mặc khác. Doanh thu của Công ty năm sau cao hơn năm trước từ 20 đến 30%. Năm 1993 đạt 22,7 tỉ đồng, năm 1994 đạt 34 tỉ đồng, 6 tháng đầu năm 1995 đạt 20,6 tỉ đồng.

Ở trong nước bằng việc mở các cửa hàng, đại lý, các chi nhánh ở nhiều địa phương (Hà nội, Hải phòng, Hải hưng, Thái bình, Bắc thái, TP Hồ Chí Minh ...) để bán hàng, dạy nghề may, chuyển giao công nghệ, luân chuyển trang thiết bị, từ năm 1993, sản phẩm của Công ty may 10 đã từng bước chiếm lĩnh được thị trường, được người tiêu dùng ưa chuộng. Doanh thu từ thị trường trong nước năm 1993 là 2 tỉ, năm 1994 là 5 tỉ đồng, 6 tháng đầu năm 1995 đạt 4,9 tỉ đồng. Cũng bằng việc làm này, Công ty vừa tiêu thụ được hàng, tăng doanh thu, vừa giúp đỡ các địa phương có cơ sở dạy nghề, góp phần giải quyết công ăn việc làm cho một số lao động, vừa luân chuyển được trang thiết bị khi cần đổi mới công nghệ.

3 - Luôn luôn chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, công nhân và gia đình người lao động

Những năm trước đây, trong cơ chế cũ, sản xuất theo một kế hoạch tập trung, thống nhất, đời sống của cán bộ công nhân viên phụ thuộc chủ yếu vào tiêu chuẩn, chế độ, tem phiếu... thì việc giải quyết công ăn việc làm, chăm lo cải thiện đời sống của người lao động vừa chưa cấp bách vừa quá khả năng của một xí nghiệp sản xuất. Hiện nay, trong cơ chế thị trường, mặt hàng may mặc bị cạnh tranh quyết liệt, bởi vì nghề may và sản phẩm của nó không có gì là bí mật, mọi tổ chức, cá nhân đều có thể dễ dàng sản xuất, kinh doanh. Vậy mà qua mấy năm thử thách trong cơ chế thị trường, Công ty may 10 đã bảo toàn, bổ sung được vốn, làm đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước, nâng cao mức thu nhập của người lao động. Bình quân mức tiền lương hằng tháng của cán bộ, công nhân ngày càng cao : 210 000 đồng (năm 1991) 360 000 đồng (năm 1992) 450 000 đồng (năm 1993) năm 1994 đạt 580 000 đồng và 6 tháng đầu năm 1995 là 650 000 đồng.

Công ty may 10 có hơn 2 000 cán bộ, công nhân. Ngoài số đó ra, còn có 7 000 người là con em, người thân của cán bộ, công nhân, sống trong khu tập thể. Để công nhân yên tâm lao động sản xuất, gắn bó với Công ty, Công ty đã rất chú ý đến việc tổ chức cuộc sống, lao động, sản xuất trong khu tập thể, đầu tư xây dựng nhà ở, đường sá, điện nước, trường dạy nghề, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, nhà y tế v.v. phục vụ cho gần 1 500 hộ gia đình. Nhà y tế của khu tập thể có phòng khám ngoại, khám nội, phòng sản, phòng nhi, phòng châm cứu, vật lý trị liệu, X quang v.v., đủ đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh thông

Digitized by Google

thường cho cán bộ, công nhân và con em của họ. Chị em sinh nở không phải đến bệnh viện khác. Trường dạy nghề mỗi khóa thu hút trên 50 con em cán bộ, công nhân. Khi các cháu học xong, nếu Công ty có nhu cầu sẽ được tuyển dụng vào làm việc. Nếu không thì các cháu được bổ sung vào "làng may". "Làng may 10" đã có hàng chục "hãng" lớn, nhỏ, thu hút hàng trăm hộ gia đình. Công ty đã giúp đỡ, quan tâm thỏa đáng đối với sản xuất, kinh doanh của các hộ gia đình ở các công đoạn khó, đầu tư lớn. Hàng ngày, "làng may 10" sản xuất được một lượng hàng hóa đáng kể phục vụ tiêu dùng trong nước. Bằng cách này, Công ty vừa tận dụng được công suất máy móc, thiết bị, vừa giúp công nhân và gia đình họ tự giải quyết lao động dư thừa, thời gian nhàn rỗi, làm ra hàng hóa, tăng thu nhập. Những khi trong khu tập thể có người ốm đau, có việc hiếu hỷ hoặc thanh niên nhập ngũ v.v. đều được sự quan tâm, chăm sóc của công ty.

4 - Luôn luôn giữ vững sự lãnh đạo của tổ chức đảng

Phải khẳng định rằng Công ty may 10 sẽ không có những thành tích, thắng lợi, không thể trụ vững và phát triển được như hiện nay nếu như không giữ vững sự lãnh đạo của tổ chức đảng. Sự lãnh đạo của đảng bộ là yếu tố quyết định để Công ty hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Tiền thân của Công ty là một đơn vị trực thuộc Bộ quốc phòng. Vì thế, những truyền thống tốt đẹp của tổ chức đảng trong quân đội như sinh hoạt có nền nếp, ý thức tổ chức kỷ luật cao luôn luôn được giữ vững và phát huy. Đảng bộ Công ty đã thật sự trở thành hạt nhân đoàn kết, quy tụ được các thế hệ cán bộ, công nhân, lãnh đạo các đoàn thể quần chúng và lãnh đạo Công ty thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh.

Mấy năm vừa qua, khi bước sang nền kinh tế thị trường, có doanh nghiệp nhà nước chạy theo lợi ích vật chất, coi nhẹ, buông lỏng, thậm chí phủ nhận vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng. Cũng có cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp chạy theo đồng tiền bằng mọi giá, bất chấp cả pháp luật, lương tâm và đạo đức. Công ty may 10 cho đến nay chưa có những biểu hiện lệch lạc nói trên. Tổ chức đảng ở đây vẫn giữ vững vị trí, vai trò lãnh đạo của mình nhưng không bao biện, làm thay, "lấn sân" của giám đốc. Đảng bộ Công ty may 10 trong nhiều năm liên tục được công nhận là đảng bộ trong sạch vững mạnh, thật sự là hạt nhân chính trị, lãnh đạo Công ty theo đúng định hướng mà Đảng ta đề ra.

Mặt mạnh khác của đảng bộ Công ty may 10 là làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ và thợ lành nghề, gắn công tác này với công tác xây dựng đảng, phát triển đảng viên mới. Năm 1993 và 1994 Công ty đã có 40 công nhân đi học cao đẳng, công nghệ may. Cũng hai năm này, đảng bộ đã kết nạp được 42 đảng viên. 6 tháng đầu năm 1995, đảng bộ đã kết nạp được 26 đảng viên trong đó "đợt 3-2" nhân kỷ niệm lần thứ 65 ngày thành lập Đảng (3.2.1930 - 3.2.1995) đã kết nạp được 9 đảng viên. Hiện tại, Công ty đã có một đội ngũ cán bộ quản lý có tâm huyết, thạo việc và một đội ngũ đông đảo thợ lành nghề, gắn bó cùng nhau, vì sự phát triển của Công ty.

*
* *

Quán triệt đường lối đổi mới của Đảng, trên cơ sở những kết quả đạt được, Công ty xác định phương hướng, mục tiêu, biện pháp phát triển đến năm 2005 với những quan điểm chủ yếu sau đây :

- Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, coi trọng hiệu quả kinh tế - xã hội trong quá trình sản xuất, kinh doanh và lựa chọn dự án đầu tư.

- Đẩy mạnh xuất khẩu (phấn đấu thường xuyên tăng tỉ trọng mua đứt bán đoạn). Coi trọng thị trường trong nước. Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh những sản phẩm cao cấp, đồng thời tăng cường sản xuất những sản phẩm phục vụ đông đảo các tầng lớp nhân dân.

- Phát huy nhân tố con người, coi đó là nguồn lực cơ bản, tăng cường đầu tư chiều sâu. Khai thác tốt tiềm năng hiện có.

- Kết hợp nhiệm vụ phát triển sản xuất, kinh doanh của Công ty với phát triển nghề may trên vùng lãnh thổ để tranh thủ sự giúp đỡ của các địa phương, tận dụng năng lực máy móc, thiết bị và nguồn lao động.

- Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tôn trọng lợi ích quốc gia, bảo vệ môi trường, sinh thái, kết hợp hài hòa sự phát triển của Công ty với việc bảo đảm các chính sách xã hội và an ninh, quốc phòng.

Với những quan điểm đúng đắn nêu trên, chắc chắn Công ty may 10 sẽ tiếp tục vượt qua được những khó khăn, thử thách để đứng vững và phát triển ⌟

Digitized by Google

"DÁN MÁC"

HỒ QUANG PHƯƠNG

DÂN tộc ta có truyền thống hiếu học. Từ ngàn xưa, việc học đã được cha ông ta coi như điều cốt tử nhất quyết định sự hưng vong của quốc gia. Khổng Tử có câu : "Nhân bất học bất tri lý" - nghĩa là người không học thì không có tri thức.

Ngày nay việc học có nhiều điều lạ. Điều lạ nói tới trong bài này không phải là chuyện trẻ con vừa cắp sách đến trường mới bập bẹ đánh vần bảng chữ cái mà các bậc phụ huynh đã phải lo chạy tìm chỗ "học thêm" cho các cháu. Điều lạ ở đây là chuyện các bậc trung niên bỗng dưng lại đua nhau "cắp sách đến trường" nhộn nhịp như con trẻ.

Một cán bộ, nghe nói được xếp vào "nguồn" không hẳn là vì có năng lực, một hôm được cấp trên gọi lên trao cho quyết định "đi học". Vị cấp trên vỗ vai thân tình : "Nói thực, cậu đi học lần này là để "dán" cho xong cái "mác". Tình hình mới, đòi hỏi công tác cán bộ phải tiêu chuẩn hóa rất khắt khe. Nếu cậu không qua trường lớp, thiếu chứng chỉ thì việc đề bạt sắp xếp sẽ rất khó khăn. Ngay bản thân mình đây, mấy năm trước được đề bạt rồi, nhưng so với "tiêu chuẩn hóa" thì vẫn còn thiếu cái mác "lý luận trung - cao cấp". Tớ đã được "dán mác" cách đây hai năm và bây giờ thì có thể ung ung ..." !

Đây chẳng phải là một hiện tượng gì quá cá biệt, mà trái lại đã trở nên khá phổ biến. Té ra, đối với những người này, đi học trước hết không phải là để bổ sung kiến thức cần thiết để làm việc tốt hơn, mà chính là để "đủ tiêu chuẩn" một cách hình thức đặng giữ được một vị trí quyền lực nào đó.

Đã có một thời, những cán bộ miệt mài với chuyên môn thì dễ bị coi là "chuyên môn đơn thuần", ít khi được bố trí vào những vị trí chủ chốt. Đánh giá con người dựa theo bằng cấp thì bị coi là mang nặng quan điểm tư sản. Thời đó, chúng ta cần trước hết những con người có bề dày công tác, trải qua nhiều thử thách và nhất là có lý lịch rõ ràng. Không ai nói thẳng ra là không cần chuyên môn, nhưng thường nó không phải là cái quyết định.

Thế mà bỗng dưng, trong thời đại "tiêu chuẩn hóa", chữ nghĩa bỗng dưng có "giá", bằng cấp bỗng chốc "lên ngôi". Và thế là, một cuộc săn tìm bằng cấp diễn ra hết sức gấp gáp, ồ ạt và căng thẳng. Bằng cấp một thời bị xem thường, nay trở thành thứ của quý, một loại "giấy thông hành" quan trọng để người ta tiến thân trên quan lộ.

Trong cơ chế thị trường, bằng cấp trở thành một tiêu chuẩn hàng đầu để tuyển người làm việc, để sắp xếp cán bộ. Ở nước ta, do chiến tranh kéo dài, nhiều cán bộ không có điều kiện được học hành đến nơi đến chốn qua trường lớp chính quy. Ngày nay việc tạo điều kiện cho một số cán bộ theo học các khóa chuyên tu, tại chức, đại học mở... để cho họ cũng có bằng cấp là điều cần thiết. Nhưng điều đáng nói ở đây là có những người đến trường chỉ cốt để lấy bằng, chứ không phải để học, để nâng cao kiến thức. Là người đang có chức quyền, có khả năng kinh tế để trở thành những "mạnh thường quân", người ta có đủ mọi cách để được cấp bằng mà không cần phải học. Vì thế, mối quan hệ giữa họ với một số giáo viên thời cơ chế thị trường mới bị biến dạng thành một kiểu quan hệ mà người ta chưa kịp tìm tên gọi cho chuẩn xác. Nó không hẳn là quan hệ thầy - trò, hay bạn - bè, cũng không hẳn là quan hệ phường hội. Nó là lối chơi sòng phẳng theo kiểu quan hệ thị trường "tiền trả mạ nhổ", cái gì cũng có giá của nó. Một bên "cần bằng", một bên "có quyền cấp bằng", và ở giữa là những tính toán không vì mục đích tri thức và khoa học. Học lực sa sút của sinh viên tại các trường đại học là điều đã được báo động, thế nhưng sinh viên vẫn tốt nghiệp như chơi, bởi vì bài thi đã có thầy hướng dẫn lo, miễn là trò cũng biết "lo" cho thầy. Một giáo sư có uy tín cũng đã phải kêu lên : bây giờ, ngay cả luận án phó tiến sĩ cũng được bảo vệ "ngon lành" nếu nó được một, hai giáo sư có "uy tín" hướng dẫn, được vài ba nhà khoa học phản biện, được một hội đồng gồm 10-15 thành viên mà hầu hết đều quen biết giáo sư hướng dẫn, và cuối cùng

Digitized by Google

là cái "đầu tiên", rồi mới đến công đoạn bỏ phiếu kín. Chẳng ai nỡ "gây sự" với học trò của giáo sư mặc dù luận án chẳng có đóng góp gì đáng kể về khoa học.

Bằng cấp và học vị ngày nay quý đến nỗi khi giới thiệu một người có chức quyền nào đó, mà thiếu cái học vị, học hàm "tiến sĩ", "giáo sư", thì coi như chưa đủ mầu mặt để ra "trình làng".

Việc coi trọng bằng cấp là cần thiết. Điều đó cho thấy, khác với trước đây, bằng cấp ngày nay đã được đặt đúng vị trí của nó. Nhưng trên thực tế, đang nảy sinh quá nhiều vấn đề nhức nhối trong việc cấp bằng. Bằng là để cấp cho những người đạt đến một trình độ học vấn nào đó, sau khi đã trải qua những kỳ thi, sát hạch hoặc bảo vệ đề tài khoa học với những hội đồng giám khảo nghiêm túc. Thế mà trong những năm gần đây, những "cơn lũ" cấp bằng vô tội vạ đã đặt nền giáo dục và nền học vấn quốc gia trước những thách đố vô cùng nghiêm trọng. Điều cần chú ý là bằng thật, bằng giả lẫn lộn, trí thức thứ thiệt và trí thức "rởm" cùng ngồi một chiếu, và không ít trường hợp, trí thức "rởm" chỉ huy trí thức thứ thiệt.

Gần đây, cơn sốt cấp bằng lái xe bừa bãi, không qua sát hạch hoặc sát hạch qua loa lấy lệ đã làm tăng tình trạng mất an toàn giao thông. Thiết nghĩ, việc cấp bằng lái xe cho người không đủ tiêu chuẩn chỉ gây nên những tai nạn cụ thể, nhưng việc cấp bằng khoa học cho những trí thức "rởm" thì có thể gây nên những "tai nạn" trên tầm vĩ mô và vi mô, với những thiệt hại trước mắt và lâu dài đối với xã hội và đất nước không thể lường hết được.

Đã đến lúc phải có những biện pháp kịp thời và dứt khoát để chấn chỉnh lại việc cấp bằng. Cần trả lại cho tấm bằng ý nghĩa khoa học đích thực của nó. Đó không chỉ là vì chất lượng của ngành giáo dục - đào tạo, danh dự của người trí thức mà còn là điều có ý nghĩa sống còn đối với tương lai phát triển của đất nước, của nhân loại trong thời đại mới ❑

Cần kiềm chế....

(Tiếp theo trang 44)

vay. Việc khống chế tổng mức tín dụng hiện nay mới chỉ được thực hiện ở các ngân hàng quốc doanh thôi, thế mà đã có trường hợp một ngân hàng đọng tới 600 tỉ đồng không cho vay được. Trong khi nền kinh tế còn đang đói vốn mà để đọng tới 600 tỉ, tương đương với tổng số dư tiền gửi của một ngân hàng thương mại cỡ lớn nhất, thì đó là một điều rất đáng suy nghĩ, không thể xem thường.

2 - Về giải pháp *tiếp tục duy trì lãi suất cao*. Năm 1994, lãi suất *thực* ở ta đã cao gấp 1,5 lần ở Phi-líp-pin và 108 lần ở Hàn quốc. Năm nay, với chỉ số giá cả dự kiến là 15% (tương đương năm 1994), sự so sánh trên chắc không thay đổi. Xu hướng hạ lãi suất từ 1,7% xuống 1,46% trong đấu thầu tín phiếu kho bạc, và việc các ngân hàng ở TP Hồ Chí Minh còn đọng tới 2 500 tỉ đồng không cho vay được do lãi suất cao, đáng để cho chúng ta suy nghĩ.

3 - Về giải pháp *tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc*. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc hiện nay ở ta là 10%, như vậy đã cao gấp 3 đến 5 lần so với các nước. Chi phí cho số dự trữ bắt buộc hiện nay đã bằng nửa số thuế doanh thu là số thuế mà không một ngân hàng nước nào phải gánh chịu. Với tỷ lệ dự trữ bắt buộc 10%, hệ thống ngân hàng của ta hiện nay thực tế đã đè chết trong kho gần 2 000 tỉ đồng trong lúc nền kinh tế đang rất thiếu vốn. Nếu nâng dự trữ bắt buộc lên nữa thì không hiểu số vốn cung ứng cho nền kinh tế sẽ giảm đi bao nhiêu nữa ? Nhiều nước hiện nay đã bỏ hẳn tiền gửi dự trữ bắt buộc mà tỷ lệ lạm phát của họ gần như bằng không. Vậy ta suy nghĩ sao đây ?

Thực tế cho thấy những quan điểm muốn gây sức ép đối với sự chỉ đạo hiện nay của Chính phủ đã không đi sâu phân tích tính phức tạp của chỉ số giá cả hiện nay ở nước ta. Ai cũng thấy rõ chỉ số giá cả đó *chủ yếu do các cơn sốt giả gây ra*. Như cơn sốt giả xi măng vừa qua chẳng hạn, đã đẩy chỉ số giá vật liệu xây dựng lên 18,8%, và đã góp phần quyết định vào chỉ số giá cả chung của tháng 5-1995 là 1,8%. Sau tháng 6-1995, xi măng xuống giả, nhưng chỉ tạo được mức giả âm (-5,5%) trong chỉ số giá vật liệu xây dựng. Mọi người đều đã thấy : các giải pháp tiền tệ như *lãi suất rất cao* so với các nước láng giềng (có trường hợp cao tới 138 lần), cũng *không thể ngăn chặn được các cơn sốt giả, ngăn chặn được việc xuất gạo lậu*. Vì vậy xin hỏi : liệu các giải pháp tiền tệ mạnh như đã nêu ở trên có thể chữa được các cơn sốt giả như cơn sốt giả xi măng vừa qua không, có ngăn được giả cả cao từ thị trường thế giới tràn vào Việt nam không?

Tôi đề nghị chung quanh vấn đề này, các cơ quan có trách nhiệm nên đứng ra tổ chức hội thảo, tranh luận đến nơi đến chốn ❑

Digitized by Google

XUNG ĐỘT SẮC TỘC

XUNG ĐỘT SẮC TỘC là những cuộc xung đột giữa các nhóm người thuộc các bộ tộc, dân tộc khác nhau, do tranh giành lãnh thổ, tài nguyên, chủ quyền kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ; giành quyền kiểm soát các vị trí chiến lược và quyền kiểm soát lẫn nhau, xảy ra bên trong một nước có chủ quyền, hoặc với các nước láng giềng.

Xung đột sắc tộc biểu hiện dưới nhiều hình thức : khủng bố bí mật, xung đột vũ trang hay chiến tranh ; tàn sát hàng loạt hay cưỡng bức di dân. Xung đột sắc tộc thường mang tính chất cục bộ, địa phương, nhưng cũng có khi lan ra toàn khu vực. Nó có thể âm ỉ, hoặc bùng nổ dữ dội ; có thể sớm được dập tắt, hoặc diễn biến dai dẳng. Sự gia tăng xung đột sắc tộc làm nảy sinh các tổ chức, các phong trào mới, dẫn tới sự thay đổi, sắp xếp lại lực lượng, gây xáo trộn ảnh hưởng đến sự ổn định chính trị, xã hội trong một nước hoặc khu vực.

Một số quan điểm phương Tây cho rằng xung đột sắc tộc là do sự khác biệt về trình độ văn minh. Chẳng hạn, An-vin Tô-phlơ (Alvin Toffler), nhà tương lai học người Mỹ cho rằng nguyên nhân của các xung đột dân tộc, các phong trào ly khai là do xuất phát từ xung đột trong việc chuyển tiếp "làn sóng" công nghiệp sang "làn sóng" hậu công nghiệp. Quan niệm như vậy không đúng cả về mặt lý luận và thực tế. Bởi vì, có những cuộc xung đột giữa các quốc gia cũng như giữa các dân tộc nổ ra ở những nơi mà nền kinh tế còn rất lạc hậu, chưa phát triển "làn sóng thứ hai", thì lấy đâu để chuyển tiếp sang "làn sóng thứ ba".

Xung đột sắc tộc có nhiều nguyên nhân :

- Từ nhiều thế kỷ trước, do âm mưu và chính sách chia để trị, của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, đã phân chia khu vực ảnh hưởng, sự phân chia không phù hợp với truyền thống, lợi ích của các nhóm sắc tộc, chủng tộc đơn lẻ. Do nhiều vấn đề lịch sử, đã có những cuộc di dân lớn từ nơi này đến nơi khác gây những xáo trộn nhất định về kinh tế, xã hội, làm nảy sinh những mâu thuẫn mới giữa các dân tộc, sắc tộc, gây mâu thuẫn và dẫn đến các cuộc xung đột sắc tộc dai dẳng.

- Do những biến động về chính trị thế giới trong những năm vừa qua, sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu, những mâu thuẫn dân tộc, xu hướng chủ nghĩa dân tộc, xu hướng ly khai nổi lên dưới các hình thức khác nhau. Xung đột sắc tộc trở nên phức tạp hơn bởi những phe phái tranh giành quyền lãnh đạo, trương ngọn cờ "độc lập dân tộc", kích động tâm lý và tình cảm dân tộc, lôi kéo một bộ phận quần chúng tham gia, gây sự thù hằn dân tộc, đe dọa sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia, phá hoại sự ổn định, an ninh khu vực.

- Sự suy yếu của các nhà nước thể hiện ở các trạng thái như tình hình chính trị, xã hội rối ren, kinh tế khó khăn, áp dụng mô hình phát triển không phù hợp với đất nước, thực hiện chính sách dân tộc không đúng đắn... cũng là những yếu tố dẫn đến xung đột sắc tộc, những phong trào đòi độc lập, đòi quyền tự trị.

Xem xét tình hình ở các nước thuộc Liên xô (cũ) và Đông Âu cho thấy chính thể chế xã hội chủ nghĩa trước đây ở các nước này đã giải quyết một cách thành công vấn đề dân tộc. Ở đó, các dân tộc, bộ tộc trong mỗi nước đã từng chung sống bình đẳng và hạnh phúc, đoàn kết bên nhau. Những bùng nổ sắc tộc chỉ diễn ra sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước này bị sụp đổ.

Hiện nay *xung đột sắc tộc* đang là một trong những vấn đề nóng bỏng của thế giới hiện đại. *Ở bán đảo Ban-căng: xung đột ở Nam tư cũ giữa ba dân tộc (Crô-a-ti-a, Xéc-bi, Hồi giáo), đồng thời là xung đột giữa ba tôn giáo (đạo Thiên chúa, Chính giáo, Hồi giáo). Ở vùng Cáp-ca-dơ* : xung đột giữa người Ô-xê-ti-a và In-gu-sê-ti-a, Ác-mê-ni và A-déc-bai-gian. *Ở Ấn độ* tranh chấp giữa người Hồi giáo (Pa-ki-xtan) và người Hin-đu (Ấn độ). *Cuộc nội chiến Tát-gi-ki-xtan* là hậu quả của những mâu thuẫn giữa các dân tộc U-dơ-bê-ki-xtan, Ca-dắc-xtan, Cư-rơ-gư-xtan và Nga. *Ở Bu-run-đi và Ru-an-đa*, xung đột giữa hai bộ tộc Hu-tu và Tút-xi... Một số khu vực khác trên thế giới như *Trung Đông*, cũng tiềm tàng những nguy cơ xung đột mới.

Xu thế quốc tế hóa làm cho các dân tộc, xích lại gần nhau hơn, song cũng thúc đẩy quá trình các dân tộc nhận thức lại mình, củng cố và khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc. Lợi ích dân tộc, trước hết cần phải gắn với lợi ích các giai cấp, lợi ích cộng đồng, khu vực và toàn nhân loại. Cùng với sự can thiệp của cộng đồng quốc tế và các tổ chức quan trọng của thế giới như Liên hợp quốc vấn đề xung đột sắc tộc đã được thường xuyên chú ý để từng bước giải quyết. Điều cần thiết là các bên tham chiến phải tìm thấy tiếng nói chung trong việc giải quyết các cuộc xung đột, trên cơ sở tôn trọng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhau, thực hiện hòa giải dân tộc và hòa bình đất nước ◻

Digitized by Google

VỀ ĐẠI HỘI IV HỘI ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM

Trong các ngày 7, 8, 9 tháng 8 năm 1995, tại Hà nội, Hội điện ảnh Việt nam đã tổ chức Đại hội lần thứ IV. Hơn 300 đại biểu về dự đại hội đã thảo luận sôi nổi và đóng góp những tham luận sâu sắc về các vấn đề lý luận và thực tiễn của ngành, đặc biệt bàn kỹ về những điểm mấu chốt đang cần tháo gỡ để có giải pháp hữu hiệu, xây dựng nền điện ảnh Việt nam từ nay đến năm 2000 và xa hơn nữa.

Những ý kiến thảo luận tập trung vào mấy vấn đề :

1- Khẳng định những thành tựu lớn lao của điện ảnh Việt nam đã đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp chung của cách mạng. Kể từ ngày 15-3-1953 là ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập Quốc doanh chiếu bóng, nền điện ảnh Việt nam đã chính thức ra đời. Hơn 40 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, điện ảnh đã thực sự là vũ khí sắc bén, cổ vũ tinh thần cho hàng triệu người dân Việt nam trong cuộc đấu tranh chống xâm lược và xây dựng đất nước. Nó đã trở thành một ngành nghệ thuật, tuy non trẻ và còn nhiều nhược điểm, nhưng đã đóng góp nhiều tác phẩm xuất sắc vào kho tàng văn hóa Việt nam, được bạn bè quốc tế đánh giá cao và được nhân dân trong cả nước hoan nghênh. Hàng trăm nghệ sĩ điện ảnh đã ngã xuống vì nền nghệ thuật và vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đến nay hàng trăm nghệ sĩ khác rất tâm huyết đang ngày đêm lăn lộn trước khó khăn và thử thách mới, giữ vững vị trí của mình trên mặt trận văn hóa và tư tưởng.

2- Phân tích một cách khách quan tình hình phát triển của ngành điện ảnh, chỉ ra những khó khăn và *vướng mắc chính* của ngành, đó là :

- Trước cơ chế thị trường, điện ảnh là ngành nghệ thuật chịu sự tác động trực tiếp và gián tiếp mạnh nhất. Nó chịu sự tác động của làn sóng thông tin mới (các phương tiện nghe nhìn), đặc biệt của hệ thống phim ảnh nước ngoài tràn vào ta bằng nhiều con đường (đáng kể là hàng loạt băng hình nhập lậu). Trong khi đó, hệ thống tổ chức quản lý của ta chưa theo kịp tình hình, có phần buông lơi và hữu khuynh.

- Hệ thống máy móc, cơ sở vật chất kỹ thuật quá lạc hậu so với sự phát triển như vũ bão của khoa học kỹ thuật nói chung và sự đổi mới rất mạnh của ngành công nghiệp điện ảnh thế giới nói riêng.

- Các chủ thể sáng tạo chịu sự tác động của cơ chế mới, lúng túng trong cơ chế mới. Một bộ phận chạy theo khuynh hướng thương mại hóa, đưa ra những sản phẩm tinh thần dễ dãi, làm nhiễu loạn thị hiếu người xem ; một bộ phận phải lo kiếm sống bằng nhiều con đường, không tập trung hoạt động sáng tạo. Vì vậy, chất lượng phim giảm sút, công chúng phần nào mất niềm tin.

Qua mấy năm đổi mới, điện ảnh cũng dần dần tìm kiếm được những phương thức hoạt động, tạo ra cơ chế làm phim, phát hành phim, chiếu phim theo lối mới. Nhờ tổ chức lại đội ngũ, cùng với sự quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà nước, một số bộ phim đã có sự đổi mới về đề tài, nội dung, phong cách nghệ thuật, đáp ứng phần nào mong mỏi của quần chúng, nhất là vào những dịp kỷ niệm ngày lễ lớn của dân tộc.

3- Xác định phương hướng nhiệm vụ của ngành điện ảnh trong thời gian tới. Nhiều ý kiến chỉ ra rằng, sắp bước vào thế kỷ XXI, điện ảnh Việt nam đứng trước một yêu cầu và thử thách mới. Nó có tiếp tục làm trọn sứ mệnh của mình trước lịch sử, trước nhân dân không. Nó có giữ được lòng mến mộ của đông đảo khán giả, có hội nhập được với các nền điện ảnh tiên tiến trên thế giới không. Câu hỏi đó, không phải ai khác, mà chính những người làm công tác điện ảnh Việt nam phải trả lời.

Cùng với hàng loạt văn bản khác, Chính phủ vừa ra nghị định về tổ chức và hoạt động của điện ảnh. Đây là phương hướng chỉ đạo quan trọng nhất trong việc củng cố và phát triển điện ảnh Việt nam. Nằm trong ba chương trình lớn của ngành văn hóa, điện ảnh Việt nam cần thực hiện những nhiệm vụ sau :

- Củng cố hơn nữa khối đoàn kết nội bộ, bảo đảm sự hợp tác chặt chẽ giữa hội và các cơ quan quản lý nhà nước, huy động trí tuệ và sức lực mọi người thực hiện theo đúng nghị định của Chính phủ, pháp luật của nhà nước.

- Củng cố và xây dựng đội ngũ làm điện ảnh, đặc biệt đội ngũ nghệ sĩ trẻ ; nâng cao không ngừng chất lượng phim bằng sự đầu tư và chế độ, chính sách thỏa đáng, bằng cơ chế và quy trình vận hành đồng bộ, nghiêm túc, phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế và xã hội trong và ngoài nước đang có nhiều chuyển biến mau lẹ.

- Từng bước nâng cấp cơ sở vật chất, kỹ thuật của ngành ; đầu tư thích đáng cho nền công nghiệp - nghệ thuật đặc biệt này.

Đại hội điện ảnh được sự quan tâm rất chu đáo của các cơ quan, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Phát biểu ý kiến tại đại hội, đồng chí Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ chính trị đã chỉ rõ : "Điện ảnh vừa là một nghệ thuật tổng hợp, vừa là một công nghiệp tinh vi đòi hỏi kỹ thuật hiện đại. Điện ảnh vừa mang tính đại chúng vừa đòi hỏi tính nghệ thuật cao. Điện ảnh là một nghệ thuật vừa có tính quốc tế, vừa mang đậm tính dân tộc ; nói cách khác vì tính quốc tế của nó mà điện ảnh phải bảo đảm ở mức độ cao nhất bản sắc dân tộc."

Vì một nền nghệ thuật điện ảnh đậm đà bản sắc dân tộc, cùng với thế giới kỷ niệm 100 năm ngành nghệ thuật thứ 7 ra đời, các nghệ sĩ điện ảnh Việt nam tự tin bước vào thế kỷ XXI, trong vận hội mới của dân tộc.

P.V

Digitized by Google

CÔNG TY CHẾ BIẾN THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÀ MAU

CAMIMEX

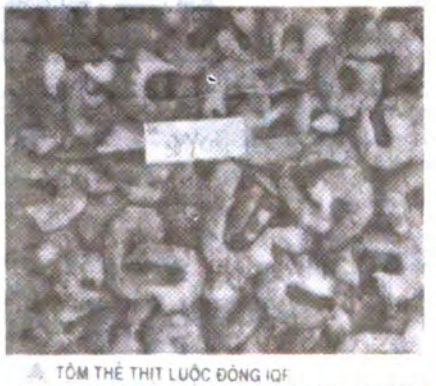
- **68 Phan Bội Châu, Thị xã Cà Mau, tỉnh Minh Hải. VN.**
- Điện thoại : 31600 - 31223. • Telex : 812.163 MAFOCM-VT
- Fax : 84.78.32297
- Hoặc **Văn phòng đại diện** tại số 161 Calmette, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh • Điện thoại : 243018



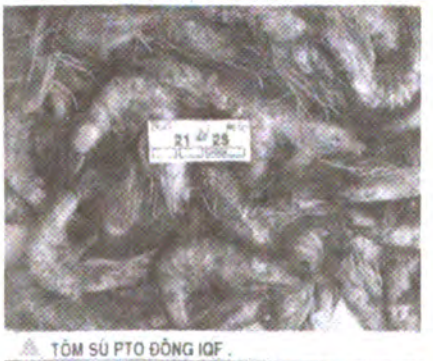
Ông **TRƯƠNG CÔNG TRÌNH**
Giám đốc CAMIMEX

*Thành lập năm 1978, có một cơ sở chế biến tôm đông lạnh truyền thống, công suất 600 tấn thành phẩm/năm. Từ 1992 đến 1994 bằng nguồn vốn tự tích lũy và vay bổ sung, **CAMIMEX** đầu tư xây dựng mới thêm một Xí nghiệp chế biến hàng truyền thống và 2 Xí nghiệp chế biến hàng đông rời IQF, nâng công suất chế biến của Công ty lên trên 5000 tấn thành phẩm/năm và tài sản tăng gần 3 lần so với năm 1990 (12 tỉ lên gần 30 tỉ).*

Năm	Sản lượng Chế biến	Kim ngạch xuất khẩu
1990	1.602 Tấn	5.934.000 USD
1991	2.474 Tấn	9.930.000 USD
1992	3.230 Tấn	11.519.000 USD
1993	3.893 Tấn	17.682.000 USD
1994	4.200 Tấn	20.000.000 USD
1995	4.400 Tấn	21.000.000 USD



TÔM THẺ THIT LUỘC ĐÔNG IQF



TÔM SÚ PTO ĐÔNG IQF



TÔM THẺ LẤT ĐẦU ĐÔNG LẠNH TRUYỀN THỐNG



TÔM HẤP QUA BĂNG CHUYỀN TIỆT TRÙNG TIA CỰC TÍM



TÔM CHỈ PD ĐÔNG LẠNH TRUYỀN THỐNG

Digitized by Google

CÔNG TY THỦY SẢN VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÔN ĐẢO

5 NĂM HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN (1989 - 1994)



Giám đốc **LÊ VĂN KHÁNG**

Địa chỉ : 138 Bình Giã -
Thành phố Vũng Tàu
Điện thoại : 59914 - 52778
Fax : 01.64.59360

Với chức năng nuôi trồng, chế biến, khai thác, thu mua các mặt hàng thủy sản ; dịch vụ hậu cần nghề cá và kinh doanh xuất nhập khẩu ; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm (372 CBCNV, có 30 Đảng viên), công ty đã có bước tăng trưởng nhanh chóng, là doanh nghiệp nhà nước đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn diện :

- *Vốn nhà nước đầu tư 1989 :* 1.324 tỷ đồng (4 tàu vận tải, 2 tàu đánh cá v.v)

- *Hiện nay* :

+ Tổng vốn kinh doanh: 4,827 tỷ đồng (doanh nghiệp tự bổ sung 72,6%vốn)

+ Không nợ vay ngân hàng và khách hàng trong nước và nước ngoài.

+ Thu nhập bình quân của lao động trực tiếp : 1.500.000 đ/tháng, lao động gián tiếp 700.000 đ/tháng.

- *Trong 5 năm hoạt động* : tổng doanh thu 257,462 tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu 45,639 triệu USD, nộp ngân sách nhà nước 66,625 tỷ, lợi nhuận 8,155 tỷ. Bình quân mỗi CBCNV làm ra 697.631 triệu đồng giá trị hàng hóa, 180,556 triệu đồng nộp ngân sách và 22,102 triệu đồng lợi nhuận.

- *Công ty đã được tặng* : Huân chương lao động hạng III cho tập thể CBCNV và cá nhân giám đốc Lê Văn Kháng, cờ thi đua xuất sắc của Bộ thủy sản 1992, 1993, cờ thi đua luân lưu cho đơn vị xuất sắc trong phong trào quần chúng BVANTQ năm 1992, 1993 và nhiều bằng khen khác của Đảng, nhà nước.

Digitized by Google



INEXIM DAKLAK

DAKLAK INVESTMENT EXPORT - IMPORT CORPORATION

HEAD OFFICE
[illegible] Director
Buon Ma Thuot, Daklak,
VIETNAM.
TEL : [illegible] 52951 - 52238
FAX : 84.50.52864
TELEX : 812189 INEXDL - VT

HOCHIMINH CITY BRANCH
149 Nguyen Dinh Chieu Street,
Dist. 3, Hochiminh City,
VIETNAM.
TEL : 225412 - 231036 - 244649
FAX : 84.8.242705
TELEX : 811583 INEXDK - VT

HANOI CITY BRANCH
02B Dang Thai Than Street,
Dist. Hoan Kiem, Ha Noi City
VIETNAM.
TEL/FAX : 84.4.266889

Digitized by Google

4/28



ân hạnh được
ón tiếp quý khách

Công ty Bia SAIGON

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5 TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 559595 - 6 HAI BÀ TRƯNG, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 294083

Chất Lượng. Thơm Ngon. Bổ Dưỡng

HX9
V5
H63
v. 1995
no. 12
MAIN

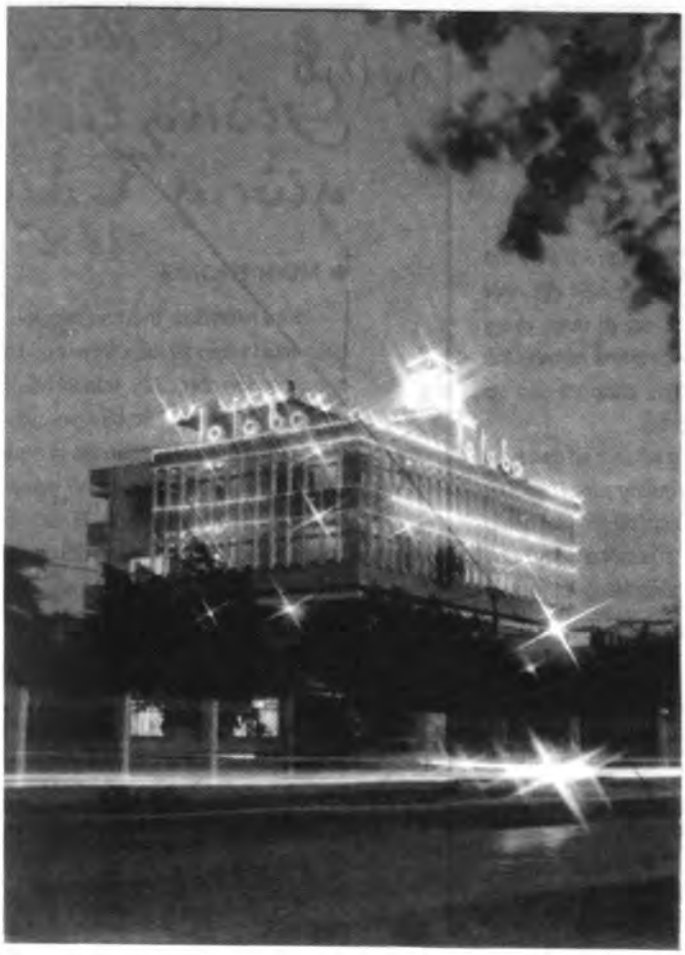
Tạp chí Cộng sản



12
9-1995

The Library - UC Berkeley
Received on: 10-18-95
Tap Chi Cong San

Digitized by Google



HaraCola

ĐỊA CHỈ :
TRỤ SỞ LOTABA :
Thị trấn Hà Trung - Thanh Hóa
NHÀ MÁY NƯỚC GIẢI KHÁT HARACOLA
Đường Bà Triệu - Thành phố Thanh Hóa
Tel : 52894 - 51162 - Fax : 01.37.51163
Giám đốc Lotaba : LÊ VIẾT DƯỢC

Trên dây chuyền công nghệ của Đài Loan, nhà máy còn sản xuất thêm sản phẩm mới là soda và nước táo.

Hara Cola nước giải khát chất lượng tuyệt hảo



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

SỐ 480

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

VŨ OANH - Tầm cao mới, chiều sâu mới của đại đoàn kết dân tộc 3
VŨ ĐÌNH CỰ - Khoa học và công nghệ, lực lượng sản xuất hàng đầu 9
HOÀNG VĂN HẢO - Quyền con người trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta 16
PHAN THANH KHÔI - Trí thức trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 20

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

LÊ XUÂN VŨ - Lợi cho ai và hại cho ai ? 24
LƯU HÀ VĨ - Sở hữu và thị trường 27
BÙI VĂN NOÃN - Thế nào là định hướng xã hội chủ nghĩa đối với các doanh nghiệp nhà nước ? 32
TRẦN ĐỨC - Bước đầu tìm hiểu kinh tế trang trại ở nước ta 36
TRỊNH HUY QUÁCH - Góp thêm ý kiến về chống lạm phát 38

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

VÕ HOÀNG XINH - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở Cần thơ 41
VŨ XUÂN KIỀU - Thủy sản - mũi nhọn kinh tế của các tỉnh miền Trung 44
HỒ TẤN SÁNG - Khảo sát về sự phát triển kinh tế - xã hội ở một số tỉnh Tây nguyên 48

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NGUYỄN VĂN LỘC - Tân quan, tân chính sách 51

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

THANH LÊ - Cần nắm vững những yêu cầu của quản lý xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa 53
NGUYỄN NGỌC - Vấn đề đạo đức trong chống tham nhũng 55

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

TRẦN BÁ KHOA - Chiến lược toàn cầu "dính líu và mở rộng" của Mỹ đang gặp nhiều thử thách 56

QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

*** Châu Á - sự tạm nghỉ để phục hồi 60

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM

Các chiến lược toàn cầu của Mỹ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai 62

Ảnh bìa 1 : *Tượng Bác Hồ trước trụ sở Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh*
Ảnh : Trần Thành Công

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ВУ ОАНЬ - Национальная солидарность на новом уровне. ВУ ДИНЬ КЫ - Наука и техника - первейшая производительная сила. ХОАНГ ВАН ХАО - Проблема права человека в течение обновления страны. ФАН ТХАНЬ ХОЙ - Интеллигенция в курсе индустриализации и модернизации страны. ЛЕ СУАН ВУ - Кому в ползу и кому в ущерб ? ЛЫУ ХА ВИ - Собственность и рынок. БУЙ ВАН НОАН - Что означает социалистическая ориентация для государственных предприятий. ЧАН ДЫК - Первое разузнавание фермерской экономики в нашей стране. ЧИНЬ ТХЮ КУОАК - Некоторое мнение о борьбе против инфляции. ВО ХОАНГ СИНЬ - Индустриализация и модернизация сельского хозяйства в деревне провинции Кан Тхо. ВУ СУАН КИЕУ - Рыболовство - ключевая экономическая отрасль провинций Центрального Вьетнама. ЧАН БА ХОА - Вызовы американской глобальной стратегии "Вовлечение и расширение".

CONTENTS

VŨ OANH - A new stature, a new depth of the National great solidarity. VŨ ĐÌNH CỰ - Science and technology - the forces of production being in the lead. HOÀNG VĂN HẢO - Human rights in the renovative cause of our country. PHAN THANH KHÔI- The intelligentsia in the cause of industrialization and modernization of the country. LÊ XUÂN VŨ - Whom is it beneficial to and whom is it harmful to ? LƯU HÀ VĨ - The ownership and the market. BÙI VĂN NOÃN - How to understand the socialist orientation to State-run enterprises ? TRẦN ĐỨC - First step to know the farming economy in our country. TRỊNH HUY QUÁCH - More ideas about the anti-inflation. VÕ HOÀNG XINH - Industrialization and modernization and agriculture in agricultural areas of Can Tho. VŨ XUÂN KIỂU - Aquatic products - an economic spearhead of the provinces of Central Vietnam. TRẦN BÁ KHOA - The US global strategy "Intervention and expansion" is in challenge.

SOMMAIRE

VŨ OANH - Nouvelle hauteur et nouvelle profondeur de la Grande Union Nationale. VŨ ĐÌNH CỰ - Sciences et technologie, premières forces de production. HOÀNG VĂN HẢO - Les droits de l'homme dans l'œuvre de rénovation au Vietnam. PHAN THANH KHOI - Les intellectuels dans l'œuvre d'industrialisation et de modernisation du pays. LÊ XUÂN VŨ - Pour qui et contre qui ? LƯU HÀ VĨ - La propriété et le marché. BÙI VĂN NOÃN - Quelle est l'orientation socialiste pour les entreprises d'Etat ? TRẦN ĐỨC - Premier pas dans l'étude sur l'économie de ferme de notre pays. TRỊNH HUY QUÁCH - Une nouvelle contribution à la lutte contre l'inflation. VÕ HOÀNG XINH - L'industrialisation et la modernisation dans l'agriculture et la région rurale du Can Tho. VŨ XUÂN KIỂU - Produits aquatiques - branche économique de pointe des provinces du Centre. TRẦN BÁ KHOA - La stratégie planétaire "Intervention et extension" de U.S.A devant de nombreuses épreuves.

SUMARIO

VŨ OANH - Nueva altura y nueva profundidad de la gran unidad nacional. VŨ ĐÌNH CỰ - La ciencia y la tecnología, la primordial fuerza de producción, HOÀNG VĂN HẢO - El derecho del hombre en la obra de renovación en Vietnam. PHAN THANH KHÔI - La intelectualidad en la obra de industrialización y modernización del país. LÊ XUÂN VŨ - ¿De quién está en pro y en contra ? LƯU HÀ VĨ - La propiedad y el mercado. BÙI VĂN NOÃN - ¿ Cómo es la orientación socialista para con las empresas estatales ? TRẦN ĐỨC - El primer paso del estudio de la economía de fincas en nuestro país. TRỊNH HUY QUÁCH - Algunas opiniones más sobre la lucha contra la inflación. VÕ HOÀNG XINH - Industrialización y modernización agrícolas y rurales en Can Tho. VŨ XUÂN KIỂU - Productos acuáticos - el importante punto económico del Centro. TRẦN BÁ KHOA - La estrategia global "intervención y extensión" de Estados Unidos se enfrenta con nuevas pruebas.

目錄:

●武鶯:《民族大團結的新的高度和深度》●武亭巨:《科學技術是第一生產力》●黃文好:《我國革新事業中的人權問題》●潘清魁:《知識分子在國家工業化、現代化事業中所起的作用》●黎春武:《對誰有利? 對誰有害?》●劉河偉:《所有權和市場》●裴文暖:《如何是國有企業的社會主義定向?》●陳德:《對我國庄園經濟的初步探討》●鄭輝郭:《對通貨膨脹的几點意見》●武黃生:《芹苴市的農業、農村工業化和現代化》●武春喬:《中部各省的領頭產業是水產業》●陳伯科:《美國的"卷入和擴大"全球戰略正面臨著許多考驗》

Digitized by Google

TẦM CAO MỚI, CHIỀU SÂU MỚI CỦA ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

VŨ OANH *

ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC (ĐĐKDT) là một truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta, được kết tinh từ quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước.

ĐĐKDT Việt nam, từ xa xưa cho tới ngày nay, luôn luôn mang theo tư tưởng vĩ đại : lấy dân làm gốc, lấy hòa hợp, đoàn kết làm sức mạnh để chiến đấu và chiến thắng địch họa, thiên tai ; dung nạp tính phong phú, đa dạng của cơ cấu xã hội và tinh thần yêu nước, khoan dân, vị tha, nhân ái ; kính già, yêu trẻ, trọng dụng tài năng, thương người hoạn nạn. Tư tưởng đó đã trở thành ngọn cờ đại nghĩa, trải qua nhiều triều đại và đã trở thành một giá trị, một ưu thế thiêng liêng bất diệt của Tổ quốc Việt nam.

Hơn nửa thế kỷ qua, Đảng cộng sản Việt nam - Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện - đã kế thừa và phát huy truyền thống đó, luôn luôn coi trọng, củng cố, mở rộng khối ĐĐKDT, phát huy sức mạnh của dân tộc kết hợp với sức mạnh của chủ nghĩa xã hội, sức mạnh của truyền thống với sức mạnh của thời đại, làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến thắng lợi, giành độc lập tự do và thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam. Thành tựu vĩ đại nói trên bắt nguồn từ chỗ Đảng có đường lối chính trị đúng đắn, được nhân dân ủng hộ, nắm vững chính sách ĐĐKDT, có đội ngũ cán bộ, đảng viên tiên phong chiến đấu gắn bó chặt chẽ với nhân dân.

Từ khi có Đảng lãnh đạo, sức mạnh của ĐĐKDT đã được nhân lên làm cho công cuộc đấu tranh giành độc lập, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc liên tiếp đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Bài học rút ra ở đây là: trong sự nghiệp cách mạng, dù khó khăn đến mấy, kể cả khi Tổ quốc lâm nguy, nếu chúng ta biết dựa vào dân, phát huy truyền thống ĐĐKDT thì sẽ vượt qua ; trái lại dù thuận lợi bao nhiêu mà quên dân, coi thường sức mạnh của ĐĐKDT, chia rẽ, bè phái... thì thất bại. Thực tế lịch sử đó, càng làm sáng ngời tư tưởng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết ; thành công, thành công, đại thành công".

*
* *

Hiện nay, cách mạng nước ta đang phát triển trong giai đoạn mới - giai đoạn tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới đất nước, đẩy tới một bước công nghiệp hóa - hiện đại hóa ; giai đoạn mở cửa, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, và Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước vì hòa bình, ổn định và phát triển. Giai đoạn mới đang đặt ra những yêu cầu vừa cấp bách vừa cơ bản.

1 - Thế giới đang chuẩn bị kết thúc thế kỷ 20, bước sang thế kỷ 21. Trong thời điểm hiện nay, tình hình thế giới có những diễn

* Ủy viên Bộ chính trị BCH Trung ương Đảng

Digitized by Google

biến hết sức phong phú và phức tạp. Những diễn biến đó đã tác động trực tiếp đến sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc ta.

Với những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, lực lượng sản xuất ngày càng phát triển ở tốc độ cao, thế giới đang đi vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên lấy vi tính điện tử, thông tin, sinh học và hóa học làm cơ sở... Cùng với nó là sự bùng nổ các cuộc cải cách trên mỗi quốc gia.

Hiện nay, trên thế giới, sự xung đột cục bộ, chiến tranh tôn giáo, sắc tộc, những vụ khủng bố bằng bạo lực đẫm máu, sự chênh lệch giàu nghèo giữa Bắc - Nam, nạn đói, bệnh tật, nhất là căn bệnh HIV AIDS phát triển, môi trường bị ô nhiễm, bị hủy hoại... đang đe dọa cuộc sống của hàng chục triệu con người, đang thách thức cả thời đại. Và, tình hình đó đã xuất hiện các xu hướng mới: xu hướng khu vực hóa, quốc tế hóa trước hết từ kinh tế, xu hướng tăng cường quan hệ giữa các quốc gia không phân biệt các chế độ xã hội khác nhau, quan hệ vừa hợp tác vừa đấu tranh. Trong khi hệ thống xã hội chủ nghĩa theo mô hình cũ bị sụp đổ, một số nước còn lại đã và đang thực hiện đường lối đổi mới, đấu tranh vì lợi ích của nhân dân.

Đất nước ta đang hội nhập với cộng đồng quốc tế. Chúng ta có nhiều thuận lợi nhưng cũng đang phải đứng trước những thách thức hết sức lớn.

2 - Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, trong những năm qua chúng ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Bước vào giai đoạn mới, Đảng ta đã sớm phát hiện ra một số sai lầm trong chủ trương chính sách lớn và việc tổ chức thực hiện ; đồng thời đã từng bước đề ra các giải pháp sửa chữa sai lầm. Từ Nghị quyết Trung ương 6 (khóa IV) tháng 10-1979 Đảng ta đã chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần (miền Bắc 3 thành phần, miền Nam 5 thành phần), chủ trương bung ra từ cơ sở sản xuất. Giá trị đích thực của Nghị quyết Trung ương 6 (khóa IV) là ở tư tưởng chỉ đạo sát đúng và vì vậy nó đi nhanh vào cuộc sống. Mở đầu là sự đột phá vào sản xuất nông nghiệp qua Chỉ thị 100 của Ban bí thư trung ương về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động ; Chỉ thị 35 về hướng dẫn phát triển kinh tế gia đình ; Chỉ thị 29 về giao đất, giao rừng cho hợp tác xã, cho hộ gia đình. Trong lĩnh vực công nghiệp có Quyết định 25/CP của Chính phủ về mở rộng quyền chủ động sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp quốc doanh... Đại hội VI của Đảng, trên cơ sở tổng kết thực tiễn trong nước và rút kinh nghiệm của các nước trên thế giới, đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện. Đường lối đó được Đại hội VII của Đảng kế thừa và phát triển, nâng cao.

Quá trình đổi mới là quá trình tìm tòi, sáng tạo, có đấu tranh ; thậm chí có nơi, có lúc đấu tranh gay gắt (giữa tư tưởng bảo thủ giáo điều và tư tưởng đổi mới). Nhưng do ý Đảng hợp với lòng dân cho nên đường lối đổi mới đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, đã phát động được hàng chục triệu nhân dân, làm sống động các tiềm năng, nhất là tiềm năng đất đai, lao động và đã đưa lại hiệu quả thật bất ngờ.

Chẳng hạn về *sản xuất lương thực*, một thời gian khá dài gần như giẫm chân tại chỗ, sản lượng bình quân cả nước thời kỳ 1976-1980 mới đạt 13,3 triệu tấn/năm, nhưng sau đó đã tăng nhanh : thời kỳ 1981-1988 - 17,6 triệu tấn/năm ; những năm 1989-1992 - 22,2 triệu tấn/năm ; 1993-1994 - 24,5 triệu tấn/năm. Về *cân đối lương thực*, từ chỗ hằng năm phải nhập 1 hoặc 1,5 triệu tấn gạo, đến nay Việt nam đã đứng thứ ba trên thế giới về xuất khẩu gạo. Giá trị kim ngạch xuất khẩu (nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ) thời kỳ 1976-1980 bình quân hằng năm mới đạt 800 triệu USD, nay đạt trên 3 tỉ USD (tăng gần 4 lần).

Lương thực và giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh, đã tác động mạnh đến các mặt kinh tế khác : công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng, nghề cá phát triển ; đời sống nhân dân được cải thiện ; nông thôn ổn định,

Digitized by Google

bà con nông dân sống trong tình làng nghĩa xóm, yên vui.

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng đã nhận định : Mặc dầu còn nhiều yếu kém cần phải khắc phục, những thành tựu quan trọng đã đạt được đang tạo ra những tiền đề đưa đất nước chuyển dần sang một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến những thành tựu trong những năm qua là do Đảng ta có đường lối đổi mới đúng đắn. Đó là một đường lối phù hợp với xu thế mới của thời đại, phù hợp với thực tiễn Việt nam và được lòng dân. Và cũng chính vì thế, đường lối đổi mới của Đảng đã trở thành tiền đề vững chắc cho việc đẩy mạnh sự nghiệp ĐĐKDT.

Bên cạnh những thành tựu đó, đất nước ta cũng còn không ít khó khăn, yếu kém : sự xuống cấp về văn hóa, giáo dục, y tế không thể khắc phục một sớm một chiều ; tệ quan liêu, tha hóa biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên là rất đáng lo ngại; nạn tham nhũng còn nghiêm trọng. Trong khi những yếu tố gây khủng hoảng vẫn còn thì các nguy cơ, nhất là nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, là những thách thức rất lớn của đất nước.

3 - Cơ cấu xã hội Việt nam rất phong phú, đa dạng, bao gồm các thành phần, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, đồng bào sinh sống trên các vùng đất nước và định cư ở nước ngoài. Tuy mỗi giới có quá khứ, hoàn cảnh, chính kiến, tín ngưỡng khác nhau, nhưng tất cả đều sống hòa thuận, tôn trọng lẫn nhau, vì có chung niềm tự hào là người Việt nam, con em của dân tộc Việt nam - một dân tộc ngàn năm văn hiến, có truyền thống đoàn kết, đấu tranh dựng nước và giữ nước, luôn luôn hướng về ngọn cờ đại nghĩa và nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc.

Trải qua những năm tháng của các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, nhân dân ta đã hy sinh nhiều người, nhiều của, chịu không biết bao nhiêu đau thương, mất mát. Ngày nay, tuy đời sống vật chất và tinh thần đã được cải thiện một bước đáng kể, nhưng nhân dân ta vẫn còn phải chịu đựng cảnh nghèo nàn lạc hậu và những bất công xã hội. Xây dựng một cuộc sống ấm no hòa thuận, trong một cộng đồng xã hội, một dân tộc yên vui, hòa hợp, một thế giới hòa bình, hữu nghị, cùng phát triển, để mọi người Việt nam chung sức, chung lòng làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, là khát vọng cháy bỏng của toàn thể nhân dân.

*
* *

Trong giai đoạn hiện nay, tăng cường ĐĐKDT là nhằm thực hiện *hai* nhiệm vụ chiến lược : *xây dựng* và *bảo vệ* Tổ quốc ; phấn đấu đưa đất nước vượt qua tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Trước mắt, từ nay đến năm 2000, phấn đấu đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện bằng được các chỉ tiêu đề ra. Tập trung khai thác có hiệu quả **hai tiềm năng lớn :**

1) *Tài năng, trí tuệ, vốn, sức lao động và nền văn hóa truyền thống dân tộc, khả năng tiếp cận, sử dụng khoa học - công nghệ hiện đại của ta.* Đây là một tiềm năng lớn, có khả năng phát triển cao, cho đến nay mới khai thác một phần.

Cần phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế (bao gồm kinh tế nhà nước, kinh tế hợp tác xã, kinh tế tư nhân, kinh tế hộ gia đình...). Mỗi thành phần đều có vai trò, vị trí cần thiết trong nền kinh tế, vì vậy cần khắc phục thái độ nghi kỵ, hẹp hòi, định kiến đối với thành phần này hoặc thành phần khác.

Kiên trì thực hiện chính sách ĐĐKDT, tạo ra một không khí đồng thuận, tin cậy lẫn nhau trong xã hội, tin tưởng vào tinh thần trước sau như một về chính sách

Digitized by Google

ĐĐKDT của Đảng. Mở rộng dân chủ, đi đôi với tăng cường kỷ cương xã hội. Thực hiện nhất quán tư tưởng "lấy sức dân xây dựng cuộc sống cho dân".

2) *Hội nhập với các nước trong khu vực, với cộng đồng quốc tế.* Mở rộng và đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Tranh thủ xu thế hòa bình, hợp tác, cùng phát triển, xu thế quốc tế hóa, có hợp tác có đấu tranh, phát huy ưu thế trội của ta, tạo nên thế cân bằng vững chắc cho phát triển.

Đối ngoại phải nhằm phục vụ cho đối nội ; đối nội phải tạo điều kiện cho đối ngoại, tạo nên nội lực mạnh để gia nhập quan hệ quốc tế ; quan hệ quốc tế phải làm cho nội lực mạnh lên. Song, do tính quá độ của thời đại hiện nay, nên việc quyết định các chiến lược chính trị, kinh tế, xã hội không thể đơn giản, một chiều ; mỗi vấn đề đều có mặt lợi, mặt hại, mặt tốt, mặt xấu đan xen. Vấn đề là phải nhận thức được sâu sắc bản chất của các sự kiện, biết lựa chọn mặt tốt hơn, đồng thời phải chấp nhận mặt bất lợi có thể chấp nhận, để hạn chế ở mức thấp nhất và khắc phục ; nếu không rất dễ không nhất quán, rối rắm, mặt nọ phản bác mặt kia, được mặt này, hỏng mặt khác, không tạo ra được sự phát triển đi lên theo quy luật.

Từ những mục tiêu và nhiệm vụ chung nói trên, chính sách ĐĐKDT phải hướng vào thực hiện các nhiệm vụ cụ thể. Phải nhận thức rõ rằng : ĐĐKDT là đoàn kết mọi người, mọi tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội trong đại gia đình dân tộc Việt nam, bao gồm các giai cấp, các tầng lớp, các thành phần kinh tế, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt nam sống trong nước và định cư ở nước ngoài. ĐĐKDT phải lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau, không trái với lợi ích chung của dân tộc. Cùng nhau xóa bỏ định kiến, xóa bỏ mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, xây dựng tinh thần hòa hợp, chân thành, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, không đả kích, bài bác lẫn nhau. Tôn trọng tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng ; tôn trọng đức tin của nhân dân đối với tôn giáo, bảo vệ nơi tôn thờ của nhân dân, theo tinh thần vừa tốt đời, vừa đẹp đạo. Mở rộng tiếp xúc, đối thoại, hiệp thương có lý, có tình.

ĐĐKDT là đường lối cơ bản của Đảng. Đường lối đó phải được quán triệt, tổ chức thực hiện tốt trong thực tiễn, phải được cụ thể hóa và thấm sâu trong mọi chủ trương chính sách, trong luật pháp của nhà nước, trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, đối ngoại, an ninh, quốc phòng, ... ở tất cả các cấp, các ngành, nhất là ở cơ sở. Gắn quyền lợi với nghĩa vụ, lợi ích riêng với lợi ích chung, đặt lợi ích chung lên trên hết.

Khuyến khích, vận động nhân dân dấy lên phong trào người người, nhà nhà đến cả nước... cùng khởi động, cùng phấn đấu chống nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đói nghèo phải vươn lên đủ ăn ; đủ ăn rồi phải phấn đấu trở nên giàu có ; đã giàu phải giàu hơn nữa.

Vận động nhân dân thực hiện tốt các chính sách xã hội theo phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm", và tích cực tham gia các phong trào : "uống nước nhớ nguồn", "đền ơn đáp nghĩa", "xóa đói, giảm nghèo", nhân đạo, từ thiện...

Vận động nhân dân tham gia phong trào xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân ; tham gia công tác ngoại giao nhân dân.

Thực hiện nhiệm vụ nâng cao dân trí, chấn hưng tinh hoa văn hóa dân tộc, kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Nhanh chóng tiếp cận, nắm bắt khoa học - công nghệ hiện đại. Xây dựng, bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm, hủy hoại môi trường.

Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ cương xã hội ; bảo đảm quyền làm chủ thật sự của nhân dân.

Digitized by Google

Để quyền làm chủ đó của nhân dân được thực hiện đầy đủ, trước hết cần cơ chế hóa dân chủ trên cả *ba* mặt : dân chủ *đại diện*, dân chủ *trực tiếp* và dân chủ *tự quản* ở cơ sở. Các dự thảo luật pháp, chính sách có quan hệ đến quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân, cần lấy ý kiến của nhân dân trước khi ban hành. Chính quyền phải do nhân dân trực tiếp bầu ra ; các đoàn thể phải do nhân dân xây dựng ; khắc phục bệnh chuyên quyền, độc đoán, bệnh qua loa đại khái, bệnh áp đặt từ trên xuống, dẫn tới dân chủ không thực chất. Vận động nhân dân tham gia xây dựng đảng và tham gia cải cách nền hành chính nhà nước. Sớm có cơ chế định kỳ lấy ý kiến của nhân dân nhận xét các cán bộ đảng và cán bộ dân cử.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng như công đoàn, nông dân, thanh niên, phụ nữ, với tư cách là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, cần phối hợp hành động với các lực lượng cách mạng khác làm tốt hơn nữa nhiệm vụ hiệp thương, thống nhất. Hoạt động của các đoàn thể cần thâm nhập nhân dân và hướng về cơ sở hơn nữa; cần tổ chức, tập hợp các đối tượng hội viên, đoàn viên dưới nhiều hình thức năng động, đa dạng hơn.

Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, đẩy mạnh cuộc vận động cải cách một bước nền hành chính quốc gia, nhằm làm cho hệ thống nhà nước trong sạch, vững mạnh. Tăng cường quan hệ giữa nhà nước với nhân dân, tạo mọi điều kiện để nhân dân tham gia xây dựng nhà nước, nhất là tham gia về công tác cán bộ.

Vận động nhân dân tích cực tham gia cuộc vận động đổi mới, chỉnh đốn Đảng, làm cho các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên nâng cao được năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu lên ngang tầm nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Trong việc thực hiện chính sách ĐĐKDT, *cần nắm vững tư tưởng chỉ đạo đối với từng đối tượng trong xã hội :*

Đối với *những người có công với nước, với dân*, Đảng và Nhà nước ta đã có chính sách ưu đãi, xã hội có phong trào "uống nước nhớ nguồn", "đền ơn đáp nghĩa". Song, các đối tượng này cần được quan tâm chăm sóc thường xuyên, khuyến khích, tạo việc làm thích hợp cho họ, đặc biệt là quan tâm đến nơi ăn, ở, chữa bệnh, phương tiện đi lại...

Đối với *công nhân*, điều trước hết cần quan tâm là bảo đảm cho họ có việc làm ổn định ; sau đó tổ chức tốt việc bồi dưỡng, đào tạo công nghệ, tay nghề, nâng cao trình độ văn hóa, cho vay vốn để phát triển kinh tế gia đình ; duy trì và nâng cao chất lượng các lớp mẫu giáo, nhóm trẻ...

Đối với *nông dân*, cần giúp đỡ bà con mở rộng sản xuất kinh doanh hàng hóa, tìm kiếm và mở rộng thị trường, tăng cường khuyến nông, chuyển giao công nghệ. Đặc biệt phải quan tâm đưa tiểu công nghiệp, công nghiệp về nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thành thị hóa nông thôn ; chuyển bớt lao động nông nghiệp sang làm tiểu công nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, du lịch, dịch vụ nhưng không thoát ly khỏi nông thôn.

Đối với *trí thức*, cần có nhận thức sâu sắc hơn nữa về vai trò của trí thức trong giai đoạn mới của cách mạng. Bởi vì muốn tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, phấn đấu để dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, nếu không có trí thức thì không làm nổi. Trí thức là nguồn vốn quý trong mọi nguồn vốn của xã hội. Nước nào mà trí thức bị bạc đãi, chất xám rẻ mạt thì nước đó không thể phát triển, không có tương lai. Suy thoái, lãng phí chất xám, với suy thoái môi trường và tài nguyên, kinh tế - xã hội trì trệ, bao giờ cũng có mối quan hệ nhân quả.

Đảng và Nhà nước cần tăng cường đầu tư cho công tác khoa học - công nghệ, phát huy hơn nữa hiệu quả của đội ngũ trí thức. Xóa bỏ bệnh hẹp hòi, định kiến, xa rời trí thức ; tăng cường tiếp xúc, đối thoại dân

Digitized by Google

chủ, bình đẳng với trí thức để hiểu họ sâu sắc hơn. Dựa vào đội ngũ trí thức để đào tạo, lựa chọn nhân tài, để quyết định các chủ trương, chính sách, nhất là chính sách về phát triển khoa học - công nghệ. Nhà nước cần mở rộng quan hệ về khoa học - công nghệ với các nước đã phát triển, sử dụng các nhà khoa học có tầm cỡ trong quan hệ đó.

Đối với *các tôn giáo*. Tôn giáo là một tồn tại thực tế trong xã hội, vừa là tâm linh vừa là nhu cầu văn hóa của nhân dân. Tôn giáo vốn không có tính chất đối kháng xã hội, mà còn có nhân tố tích cực trong xã hội. Trong chính sách ĐĐKDT cần coi trọng tinh thần tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng, nhưng không nên hiểu như vậy là có quyền bài bác đả kích nhau, mà phải tìm ra được tiếng nói tương đồng : "tốt đời, đẹp đạo", tôn trọng tư tưởng từ thiện, nhân đạo, bác ái của tôn giáo, như Bác Hồ từng căn dặn. Một mặt tôn trọng sinh hoạt của tôn giáo, bảo vệ nhà thờ, chùa chiền, thánh thất. Mặt khác cũng nghiêm khắc đối với các hành vi lợi dụng tôn giáo để phá hoại khối ĐĐKDT, vi phạm luật pháp của nhà nước.

Đối với *các dân tộc ít người*, cần thực hiện bình đẳng dân tộc với nội dung cơ bản là phải giúp các dân tộc anh em vươn lên xóa đói giảm nghèo, phòng và chữa bệnh, chống nạn mù chữ, đầu tư hơn nữa vào xây dựng hệ thống giao thông, hệ thống thông tin đại chúng. Một số ít dân tộc đang bị thoái hóa, đứng trước nguy cơ tuyệt chủng, Nhà nước cần khẩn trương có kế hoạch bảo tồn, phát triển. Làm nhanh chóng, dứt điểm việc giao khoán rừng, đất rừng cho kinh tế hộ. Tăng cường mạng lưới dịch vụ khoa học kỹ thuật, trao đổi kinh tế hàng hóa với đồng bào. Coi trọng trường nội trú đào tạo cán bộ cho miền núi, từ học sinh phổ thông đến chuyên nghiệp.

Đối với *giới doanh nghiệp tư nhân*, cần liên minh, hợp tác lâu dài với họ vì lợi ích của cả hai bên theo đúng pháp luật và lợi ích chung của đất nước. Nhà nước cần tăng cường quan hệ, đi sâu tìm hiểu tâm tư nguyện vọng, điều kiện, khả năng sản xuất, kinh doanh của họ. Điều quan trọng là làm sao cho các nhà tư doanh tin tưởng chính sách, pháp luật đúng đắn của Đảng và Nhà nước. Cần sử dụng lâu dài và thừa nhận kinh tế tư nhân là một thành phần quan trọng trong các thành phần kinh tế, thừa nhận quyền hợp pháp về sở hữu của tư doanh, để tư doanh mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh.

Đối với *bà con định cư ở nước ngoài*. Đảng và Nhà nước ta đã nhiều lần khẳng định : người Việt nam định cư ở nước ngoài là một lực lượng quan trọng của dân tộc, góp phần mở rộng mối liên hệ giữa nước ta với các nước trên thế giới. Cần thu hút đồng bào tham gia hoạt động thị trường, làm đại lý cho nội địa (cả mua và bán), tham gia công tác du lịch tại nước định cư. Tổ chức các nhà khoa học, các nhà kinh doanh tham gia công tác phục vụ đất nước. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để đồng bào về thăm quê hương, đầu tư vào sản xuất kinh doanh trong nước, vừa ích nước vừa lợi nhà. Các ngành, các địa phương cần liên lạc thường xuyên với gia đình, thân quyến của đồng bào để thông tin, thông báo, giúp đỡ họ. Khuyến khích thân nhân của đồng bào tự túc du học và công tác ở nước ngoài.

Nhà nước sẽ tăng cường bảo vệ quyền lợi của người Việt nam định cư ở nước ngoài theo luật pháp quốc tế ; động viên đồng bào đoàn kết, tương trợ nhau, cùng nhau bảo vệ danh dự của người Việt nam, danh dự của dân tộc.

Chúng ta tin tưởng sâu sắc rằng, khi truyền thống ĐĐKDT được phát huy ở tầm cao và chiều sâu mới thì nhất định nó sẽ trở thành sức mạnh mới, động lực mới, đưa đất nước vượt qua cảnh nghèo nàn, lạc hậu, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa ❑

Digitized by Google

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT HÀNG ĐẦU

VŨ ĐÌNH CỰ *

CUỘC cách mạng khoa học và công nghệ bắt đầu khoảng từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, đã tạo ra những lực lượng sản xuất to lớn và mới về chất, góp phần thúc đẩy nhiều quá trình hiện đại của xã hội loài người, như : cấu trúc lại các nền kinh tế ; thay đổi và chuyển hướng cơ sở hạ tầng của nền sản xuất ; tăng cường xu thế toàn cầu hóa nhiều lĩnh vực quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự ổn định của các thiết chế xã hội, đến văn hóa và lối sống của các dân tộc v.v.. Tình hình đó tạo ra những thời cơ hiếm có, nhưng đồng thời cũng là những thách thức gay go cho mọi quốc gia, đặc biệt là trong giai đoạn chuyển sang thế kỷ 21.

VAI TRÒ NỀN TẢNG CỦA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

Nghị quyết 26 của Bộ chính trị (khóa VI) đã nhấn mạnh : Khoa học và công nghệ là một động lực mạnh mẽ của sự nghiệp đổi mới, ổn định tình hình và phát triển kinh tế-xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa; những người làm khoa học và công nghệ là đội ngũ cán bộ tin cậy, quý báu của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 7 BCHTƯ Đảng (khóa VII), trong phần về chủ trương phát triển công nghiệp và công nghệ đến năm 2000, cũng đã nêu : "Khoa học, công nghệ là nền tảng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghiệp hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định."

Quan điểm và chủ trương trên đây về khoa học và công nghệ, trong quá trình chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, vừa căn cứ vào tình hình thực tiễn của đất nước vừa phù hợp với đặc điểm khách quan của thời đại.

Thực tiễn phát triển của quá trình đổi mới, nhất là từ cuối những năm 80 đến nay, đã chứng tỏ : nguyên nhân của sự tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội liên tục đạt khoảng 8%/năm mấy năm qua, ngoài yếu tố chuyển đổi cơ chế, mở cửa hội nhập với thị trường khu vực và thế giới, thì yếu tố tăng lực lượng sản xuất qua vốn, qua lao động và công nghệ cũng rất quan trọng. Thực tế cho thấy, công nghệ mới có đóng góp đáng kể vào việc tăng trưởng kinh tế.

Chúng ta xuất phát từ một nước nông nghiệp với công nghiệp lạc hậu, thuộc vào nước đang phát triển ở mức thấp. Bởi vậy, chúng ta phải trải qua quá trình "truy lĩnh" nhiều ngành công nghiệp truyền thống, như công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp nhẹ, công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất (sắt, thép, xi măng, năng lượng...), khai thác khoáng sản, v.v.. Những ngành này thực ra đã phát triển từ thế kỷ trước sang đầu thế kỷ này ở nhiều nước công nghiệp phát triển,

* GS. TS. Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban khoa học, công nghệ và môi trường của Quốc hội

Digitized by Google

và nay người ta thường xếp chúng vào loại đang "xuống dốc". Chính trong các lĩnh vực này chúng ta phải "tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định" để thay đổi tình thế "xuống dốc" của chúng tại các nước phát triển thành những ngành công nghiệp phát đạt ở nước ta trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hiển nhiên, với các ngành công nghiệp đang "lên dốc", như công nghiệp điện tử - tin học - viễn thông, công nghiệp sinh học, công nghiệp năng lượng mới, công nghiệp vật liệu mới, công nghiệp đại dương, công nghiệp hàng không - vũ trụ, v.v., chúng ta hết sức tranh thủ thời cơ, lựa chọn được lĩnh vực có nhiều khả năng thuận lợi nhất để nhập cuộc, với ý thức phải *đạt ngay* trình độ hàng đầu của thế giới, đồng thời phải có đủ nguồn lực vật chất và trí tuệ để giữ cho nó luôn ở mức hàng đầu thế giới, nếu không muốn bị loại. Ngành bưu điện - viễn thông nước ta đã có các bước khởi đầu như vậy : chuyển ngay sang mạng số hóa, hướng tới mạng đa dịch vụ (ISDN), chắc chắn phải tiến tới siêu xa lộ thông tin..., nếu muốn tiếp tục phát triển để tồn tại lâu bền.

Trong nền kinh tế thị trường, sự hội nhập với thị trường quốc tế ngày nay trở thành tất yếu. Nhưng đồng thời đó cũng là thách thức sống còn trong một cuộc cạnh tranh khốc liệt. Nếu chỉ giới hạn trong phạm vi cạnh tranh lành mạnh thì trước hết đó là cạnh tranh về chất lượng, giá cả của sản phẩm. Tuy nhiên, còn nhiều yếu tố *mới* có vai trò ngày càng lớn trong cạnh tranh như: nghệ thuật và năng lực tiếp thị, sự đáp ứng và dự báo kịp thời thị hiếu, mạng lưới phân phối đúng thời hạn, mạng lưới dịch vụ sau giao hàng thuận tiện, danh tiếng và triết lý kinh doanh của hãng, v.v.. Ngày nay, cạnh tranh hàng hóa ngày càng trở nên khắt khe và phức tạp không kém gì ở các Ô-lim-pic thể thao quốc tế.

Bởi vậy, nếu không được hỗ trợ bằng một lực lượng khoa học và công nghệ tiên tiến hàng đầu thế giới thì không thể nào giữ vững được vị trí của sản phẩm trên thương trường quốc tế.

QUAN HỆ VÀ CƠ CẤU CỦA KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Ngày nay khoa học và công nghệ đã trở thành một thiết chế xã hội có cơ cấu và quan hệ khá đa dạng, phong phú và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội hiện đại. Ngành khoa học gọi là "khoa học luận" có mục tiêu nghiên cứu các mối quan hệ, cơ cấu và các quy luật phát triển của khoa học và công nghệ, vai trò của nó trong lực lượng sản xuất xã hội và ảnh hưởng của nó tới quan hệ sản xuất cũng như các thiết chế xã hội khác ; từ đó đưa ra các chính sách nhằm phát triển và sử dụng khoa học và công nghệ như một nguồn lực tái tạo quan trọng, một cách có hiệu quả nhất.

C. Mác và Ph. Ăng-ghen là những người đầu tiên xem xét vai trò của khoa học, công nghệ, sáng chế trong kinh tế nói chung và trong sản xuất hàng hóa nói riêng một cách nghiêm chỉnh bằng phương pháp luận sắc bén của phép duy vật biện chứng, đặc biệt rõ ràng nhất trong bộ *Tư bản, Phê phán khoa kinh tế chính trị*[1].

Trước hết, C. Mác làm nổi bật vai trò của khoa học, công nghệ trong sự phân tích về sự khác biệt chủ yếu giữa công cụ (dụng cụ) lao động và máy móc. Ông nói : "Tất cả máy móc đã phát triển đều gồm ba bộ phận khác nhau một cách căn bản : động cơ, cơ cấu truyền lực và cuối cùng là máy công cụ hay máy công tác" [2]. Việc ứng dụng các kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ ở trong từng bộ phận của máy móc đã tạo ra năng suất cao hơn hẳn người thợ thủ công.

(1) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, t 23, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1993

(2) *Sđd*, t 23, tr 538

Digitized by Google

C. Mác cũng đã phân tích bước chuyển của nền sản xuất sang đại công nghiệp. Mác cho rằng "nền đại công nghiệp phải nắm lấy những tư liệu sản xuất đặc trưng của nó, tức là bản thân máy móc, và dùng máy móc để sản xuất ra máy móc. Nhờ thế, nó đã tạo ra được cho mình một cơ sở kỹ thuật thích hợp và đứng vững được trên đôi chân của mình"[3]. Chính ở đây, C. Mác đã phát hiện *một quy luật quan trọng của sản xuất đại công nghiệp* là vòng xoáy "dùng máy móc để sản xuất ra máy móc". Do đó, trình độ tinh vi và phức tạp cũng như độ chính xác và chất lượng nói chung của máy móc hay hệ thống máy móc ngày càng phải được nâng cao để nó có thể tạo ra được các loại máy móc mới lại có tính năng còn cao hơn nữa, thậm chí có thể mới hẳn về chất.

Phát hiện ra quy luật nói trên, C. Mác đã nêu lên tính cách mạng của lực lượng sản xuất dựa trên cơ sở khoa học và công nghệ. C. Mác khẳng định : "Công nghiệp hiện đại không bao giờ xét và coi hình thức hiện có của quá trình sản xuất là một hình thức dứt khoát. Vì vậy, cơ sở kỹ thuật của nó là có tính chất cách mạng..."[4].

Nhận định về quan hệ giữa khoa học và công nghệ trong sản xuất, Ph. Ăng-ghen nhấn mạnh : Nếu kỹ thuật phụ thuộc một phần lớn vào tình trạng của khoa học thì khoa học lại còn phụ thuộc nhiều hơn nữa vào *tình trạng* và những *đòi hỏi* của kỹ thuật. Khi xã hội có nhu cầu về kỹ thuật thì nhu cầu này thúc đẩy khoa học hơn mười trường đại học [5].

Những luận điểm cơ bản trên đây đã nêu lên mối quan hệ hữu cơ giữa khoa học, kỹ thuật, công nghệ với sản xuất đại công nghiệp, tính cách mạng của quá trình phát triển đại công nghiệp trên cơ sở khoa học và công nghệ và mối liên hệ qua lại giữa chúng với kinh tế hàng hóa.

Như mọi người đều biết, C. Mác đã vạch ra mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản là tính xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất đối lập với sự chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Mâu thuẫn này sẽ phát triển đến mức độ nào đó thì nó là nguyên nhân để phủ định chủ nghĩa tư bản. Khoa học và công nghệ cũng được nhìn nhận ở *hai mặt* của nó. Một mặt, việc phát triển nhanh khoa học và công nghệ là cốt tử đối với nhà tư bản trong cạnh tranh. Mặt khác, càng phát triển cao thì khoa học và công nghệ càng đẩy lực lượng sản xuất lên trình độ xã hội hóa cao hơn, cũng có nghĩa nó làm cho mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản càng tiến gần tới điểm khủng hoảng! Đó chính là ý nghĩa sâu sắc trong phát hiện của C. Mác về tính cách mạng thường trực của khoa học và công nghệ đối với lực lượng sản xuất trong nền kinh tế hàng hóa.

NHỮNG MỤC TIÊU TRƯỚC MẮT CỦA KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ CHUẨN BỊ CHO THẾ KỶ 21

Như đã trình bày ở trên, mục tiêu của khoa học và công nghệ phải là bộ phận của mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, hơn thế nó còn là mục tiêu *nền tảng* để đạt được các mục tiêu kinh tế-xã hội trong giai đoạn trước mắt (đến năm 2000) và vào đầu thế kỷ 21.

Đảm bảo vững chắc nhu cầu cơ bản

Ngày nay chúng ta hiểu nhu cầu cơ bản bao gồm : bảo đảm mức dinh dưỡng tối thiểu cho mọi người (dự kiến 2300calo/người/ngày đến năm 2000, và cơ bản không còn người đói) ; có đủ quần áo thông thường và ở vùng có mùa đông thì có đủ quần áo ấm ; phổ cập cấp I (tiểu học) toàn dân, ở thành phố và nơi có điều kiện thì phổ cập cấp II ; những người ốm đau

(3) *Sđd*, t 23, tr 554

(4) *Sđd*, t 23, tr 692

(5) Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 787-788

Digitized by Google

đều được chữa bệnh, từng bước nâng dần tuổi thọ ; mọi người được tạo điều kiện để có nhà ở phù hợp với điều kiện vệ sinh tối thiểu ; được dùng nước sạch.

Đấy là nhiệm vụ kinh tế - xã hội lớn nhất của chúng ta và cũng là của ba phần tư nhân loại. Khoa học và công nghệ phải hướng trước tiên vào việc phục vụ giải quyết các nhiệm vụ này. Có thể ứng dụng ngay những thành tựu tiên tiến của công nghệ sinh học, các công nghệ chế biến, công nghệ vật liệu, công nghệ về các nguồn năng lượng tái tạo, v.v. bằng hình thức thích hợp, để nâng cao thu nhập của phần lớn những người lao động còn nghèo, qua đó tạo ra đủ việc làm. Cần phải có một kế hoạch toàn quốc về việc truyền bá công nghệ đến nông thôn, đến tận các vùng xa xôi hẻo lánh, vùng núi, vùng dân tộc thiểu số.

Coi trọng sản xuất lương thực gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái. Không những không được phép giảm diện tích trồng lúa mà còn phải khôi phục lại vốn rừng, phủ xanh được 10 triệu ha đất đồi núi trọc kết hợp với việc mở rộng diện tích trồng cây lương thực (ngô, khoai lang, sắn, đậu đỗ...), cây nông sản nhiệt đới có giá trị cao, v.v..

Hiện chúng ta hằng năm có thể xuất khẩu khoảng 2 triệu tấn gạo. Nhưng chúng ta vẫn chưa có an toàn lương thực, phải lo đến sự gia tăng dân số, các thiên tai (lũ, lụt, bão...) gia tăng do suy thoái môi trường và cả với thảm họa biến đổi khí hậu toàn cầu.

Phát triển khoa học và công nghệ để bảo đảm vững chắc những nhu cầu cơ bản một cách lâu bền : đó là *nền tảng của nền tảng*.

Tiếp thụ công nghệ tiên tiến phục vụ khởi phát các khu công nghiệp lớn trong các vùng kinh tế động lực

Theo quy luật chung của kinh tế hàng hóa, sự phát triển công nghiệp trong giai đoạn đầu của công nghiệp hóa, bao giờ cũng tập trung vào một số khu vực có thuận lợi nhất về vị trí địa lý, hoặc về kết cấu hạ tầng, về nguyên liệu và thị trường, hoặc về một tổ hợp thuận lợi, cốt để có khả năng cạnh tranh cao. Chúng ta đã lựa chọn *ba vùng kinh tế động lực* ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam ; tại đây sẽ xuất hiện và phát triển khu vực công nghiệp lớn, bước khởi đầu quan trọng cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cả ba vùng này đều là "mặt tiền" nhìn ra Thái bình dương, như vậy sẽ có thuận lợi lớn để hội nhập với thế giới và khu vực, tiếp thụ công nghệ mới và tham gia thị trường quốc tế. Ở các vùng này có thể sử dụng các hình thức liên doanh để phát triển các nhóm công nghiệp khác nhau.

Với *nhóm công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến nông, hải sản, công nghiệp hàng tiêu dùng*, phải *tiếp thụ ngay các công nghệ tiên tiến* để mở rộng thị trường xuất khẩu, *ít nhất cũng phải là ở các khâu quyết định*, bảo đảm tính cạnh tranh cao của sản phẩm[6], ở ngay các thị trường Mỹ, Tây Âu và Nhật bản.

Với *nhóm các ngành công nghiệp nặng*, xương sống của công nghiệp hóa, hiện đại hóa (như công nghiệp năng lượng, dầu khí, sắt thép, đóng tàu, chế tạo ô tô, cơ khí chế tạo, xi măng, phân bón v.v.), chúng ta có các thuận lợi : thị trường trong nước đáng kể, có nguồn tài nguyên đáp ứng được trong giai đoạn đầu vài thập kỷ (tùy vào sản lượng hằng năm) hoặc dài hơn. Khó khăn lớn là thiếu vốn và công nghệ. Vấn đề *quan trọng* đặt ra là *tính hiệu quả*. Đây là các ngành công nghiệp truyền thống, một số đang bị "xuống dốc" ở các nước phát triển (ví dụ công nghiệp sắt, thép ở Mỹ v.v.). Muốn có hiệu quả, phải bảo đảm được *tính cạnh tranh quốc tế của sản phẩm*, đơn giản là : chất lượng ngang tầm quốc tế, giá rẻ hơn,

(6) Theo D. Ernst và D. Oconnor : *Công nghệ và cạnh tranh toàn cầu*, OEDC, 1989

Digitized by Google

có một số đặc điểm của sản phẩm đứng đầu thế giới. Chỉ có như vậy, mới tránh được phá sản do hàng hóa cùng loại của nước ngoài tràn vào, đồng thời bảo đảm cho sản phẩm của ta đứng chân được trên thị trường thế giới.

Sự phân tích trên đây một lần nữa cho thấy : sự tiếp thụ công nghệ ở đây phải bảo đảm sản phẩm "ngang tầm" trên thị trường quốc tế. Đồng thời lại phải có nguồn lực khoa học và công nghệ chủ động giữ cho vị trí đó được lâu bền. *Một trong các biện pháp để vượt qua được điều kiện khắt khe trên đây* là hình thức tổ chức *các tập đoàn lớn, xuyên quốc gia* cho nhóm các ngành công nghiệp nặng này, kết hợp với một số *chính sách ưu đãi* cần thiết, đặc biệt trong giai đoạn ban đầu.

Chuẩn bị khoa học và công nghệ hướng tới thế kỷ 21

Việc này cả thế giới dốc sức làm, chẳng phải riêng ai. Chúng ta trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa muộn, lại càng phải ra sức chuẩn bị nếu muốn tránh tụt hậu. Hãy *bắt đầu* từ *nhóm các ngành công nghiệp với công nghệ cao* như : công nghệ thông tin, công nghệ điện tử và máy tính, công nghệ cơ - điện tử và tự động hóa, công nghệ viễn thông - siêu xa lộ thông tin ; công nghệ gen, công nghệ tế bào và mô ; công nghệ vật liệu siêu bền, vật liệu chịu nhiệt siêu cao, vật liệu sợi các bon, vật liệu siêu dẫn v.v. ; công nghệ các nguồn năng lượng mới (sạch) và tái tạo ; công nghệ môi trường; công nghệ đại dương ; công nghệ hàng không - vũ trụ, v.v..

Các ngành công nghiệp với công nghệ cao có đặc điểm là tốc độ tiến về chất lượng sản phẩm rất nhanh, ví dụ cứ 1-2 năm thì mức tổ hợp của các mạch vi điện tử tăng gấp đôi. Đầu tư trang thiết bị cho các ngành công nghiệp này rất tốn kém : một xí nghiệp sản xuất DRAM (bộ nhớ bán dẫn) loại 16 megabit cần số vốn đầu tư cơ bản khoảng 500 triệu USD ; đặt một vệ tinh địa tĩnh (nặng khoảng 1,5 tấn) lên quỹ đạo tốn khoảng 300 triệu USD (kể cả giá mua vệ tinh) v.v.. Do hàm lượng trí tuệ cao trong sản phẩm của các ngành công nghiệp này nên kinh phí và số nhân lực dành cho nghiên cứu khoa học và công nghệ rất lớn. Các sản phẩm của những ngành công nghiệp thuộc loại mũi nhọn này thường liên quan chặt chẽ với quốc phòng - an ninh ; bởi vậy, việc mua bán công nghệ ở đây *không theo* quy luật trao đổi thông thường của kinh tế thị trường, nghĩa là có đủ tiền vẫn có thể không mua được. Do đó nhiều nước, kể cả các nước giàu, phải *hợp tác với nhau* mới đủ sức, và xu hướng hợp tác này phát triển rất đa dạng (ví dụ, sự xuất hiện các công viên khoa học, các thành phố khoa học v.v.). Vậy chúng ta nhập cuộc vào các ngành công nghiệp "quý tộc" này như thế nào, để đón thế kỷ 21 ? Đây là một vấn đề lớn, thuộc tầm chiến lược quốc gia. Ở đây chỉ dám nêu lên một số *nguyên tắc* và *kinh nghiệm* mà các nước đã chứng tỏ. Đó là đào tạo một lực lượng nhân tài cần thiết đủ cho những mũi nhọn đã được lựa chọn ; mở rộng hợp tác quốc tế về các ngành này không chỉ ở các phòng thí nghiệm mà trước hết là trong các xí nghiệp, xí nghiệp liên doanh và trên thị trường quốc tế ; có sự can thiệp đủ mạnh của nhà nước qua sự chỉ đạo, qua các chính sách và bằng vốn đầu tư từ ngân sách.

Nước ta có thể rồi sẽ giàu, nhưng nếu không có khả năng sản sinh ra công nghệ cao thì sẽ không mạnh, vì mất đi tính cách mạng của lực lượng sản xuất dựa trên khoa học và công nghệ, như C. Mác đã phân tích. Sang thế kỷ 21, có thể người ta sẽ dùng sự phân cực về trình độ khoa học và công nghệ để đánh giá thế nào là nước phát triển, chứ không còn dùng số đô la làm ra tính trên đầu người nữa ! Đây là một thách thức to lớn.

Digitized by Google

TỪNG BƯỚC ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN HỆ CHÍNH SÁCH VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Nhà nước ta coi trọng vai trò của khoa học và công nghệ như một lực lượng sản xuất hàng đầu. Do đó, ngoài các nghị quyết của Đảng, đã ban hành nhiều văn bản pháp luật và nghị định (như Pháp lệnh về sở hữu công nghiệp, Pháp lệnh về quyền tác giả, Pháp lệnh chuyển giao công nghệ từ nước ngoài... ; Nghị định 35/HĐBT, Nghị định 324/CP của Chính phủ, chuyển Ủy ban khoa học nhà nước thành Bộ khoa học, công nghệ và môi trường, thành lập hai Trung tâm quốc gia về nghiên cứu khoa học và công nghệ, quyết định về việc thành lập các khu khoa học và công nghệ cao tại Hà nội và TP Hồ Chí Minh v.v.). Tuy nhiên, chúng ta vẫn còn cần phải đổi mới cơ chế quản lý và hoàn thiện các chính sách vĩ mô về phát triển khoa học và công nghệ để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Khoa học và công nghệ gắn với phát triển kinh tế - xã hội

Đây là nhiệm vụ trung tâm của các chính sách vĩ mô của nhà nước, làm sao để khoa học và công nghệ thực sự trở thành nền tảng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trở thành lực lượng sản xuất hàng đầu.

Trước hết, những quyết sách lớn về phát triển kinh tế-xã hội ở cấp trung ương cũng như ở cấp tỉnh, huyện, phải được xây dựng dựa trên các căn cứ khoa học. Cần có thể chế về vấn đề này. Mặt khác, sự gắn kết giữa khoa học và công nghệ với phát triển kinh tế - xã hội cũng cần được định chế hóa bằng các chính sách về mặt tổ chức. Rất đáng tiếc, do bước đầu mới chuyển sang kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, đa số các nhà doanh nghiệp nước ta hoặc chưa có điều kiện hoặc chưa nhận thức được đầy đủ, không coi nhiệm vụ tổ chức các đơn vị nghiên cứu triển khai, sáng chế công nghệ có hiệu quả là nhiệm vụ hàng đầu của doanh nghiệp. Trong khi đó, các viện nghiên cứu và các trường đại học lại chưa được phép tổ chức các doanh nghiệp trực thuộc để tổ chức sản xuất, vừa để khẳng định hiệu quả của công tác nghiên cứu, vừa để đào tạo những người có tài năng nghiên cứu khoa học và sáng chế công nghệ trong các doanh nghiệp.

Cũng cần tạo ra bầu không khí thuận lợi cho mối giao lưu mở rộng và thường xuyên giữa giới khoa học, công nghệ với giới doanh nhân và các nhà lãnh đạo các ngành, các nhà ra quyết định. Sự tiếp xúc này, theo kinh nghiệm nhiều nước, đôi khi mang lại những quyết định táo bạo, bất ngờ, mà rất chính xác.

Đào tạo nhân lực cho hoạt động khoa học và công nghệ, nhân tài cho thế kỷ 21

Trong những năm qua, mặc dầu có nhiều khó khăn lớn, ta đã đào tạo được một số lượng nhân lực đáng kể, với chất lượng nghề nghiệp tuy chưa cao nhưng đáp ứng được những yêu cầu trong giai đoạn đầu của quá trình đổi mới. Nhưng so sánh với các nước trong vùng và các nước công nghiệp phát triển, thì con số còn rất "tụt hậu". Thêm vào đó, càng phát triển quá trình đổi mới, hoạt động khoa học và công nghệ càng tăng về lượng và chất, thì càng lộ rõ sự thiếu hụt nhân lực khoa học và công nghệ, nhất là về chất lượng.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 BCH TƯ Đảng (khóa VII) đã coi phát triển nguồn nhân lực, trong đó có lực lượng khoa học và công nghệ, là biện pháp hàng đầu để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nghị quyết đó cũng đã nêu lên các biện pháp giải quyết khá đầy đủ và đồng bộ về phát triển nhân lực cho khoa học và công nghệ. Vấn đề là biến nghị quyết thành các hành động cụ thể. Gần đây, đã có nhiều hình

Digitized by Google

thức mới, đa dạng hóa việc phát triển nguồn nhân lực cho khoa học và công nghệ (kể cả việc gửi ra nước ngoài đào tạo). Tuy nhiên, nhược điểm nghiêm trọng là chạy theo số lượng và hạ thấp chất lượng. Cần phải nhanh chóng khắc phục ngay hiện tượng tiêu cực này, vì "chất lượng quốc tế" là tiêu chuẩn hàng đầu của nhân lực cho phát minh khoa học và sáng chế công nghệ.

Vấn đề *chuẩn bị nhân tài cho thế kỷ 21* là công việc rất hệ trọng. Một trong các yêu cầu hàng đầu của nhân tài ngày nay là tính "quốc tế hóa" phải rất cao. Có các nhân tài quốc gia, nhưng muốn trở thành *nhân tài quốc gia có tài năng xuất chúng phục vụ đắc lực cho đất nước*, thì tính quốc tế càng rộng càng thuận lợi. Các kiến thức khoa học mới, các sáng chế công nghệ thường có tính quốc tế rộng rãi nhờ hệ thống thông tin toàn cầu và nền kinh tế quốc tế hóa. Như vậy, bên cạnh kế hoạch chi tiết về gửi thanh niên ra nước ngoài (đi đâu, học ngành gì, các giai đoạn đào tạo), cần tổ chức các trung tâm đào tạo quốc tế *ngay ở trong nước* (đại học quốc tế, công viên khoa học,v.v.). Rõ ràng, phải có một loạt chính sách chi tiết hơn nữa mà việc đầu tiên là để phát hiện, không bỏ sót một thanh, thiếu niên nào có tiềm năng trở thành nhân tài hoặc thiên tài.

Đầu tư cho khoa học và công nghệ

Hiện nay, kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ ở nước ta còn rất thấp (0,2% tổng sản phẩm xã hội). Xu hướng chung của thế giới là gia tăng kinh phí này. Đến cuối thế kỷ này, ở các nước phát triển, kinh phí này có thể lên tới 5% tổng sản phẩm xã hội, nghĩa là xấp xỉ với kinh phí cho quốc phòng ở một số nước. Với các nước công nghiệp hóa mới (NIC), tốc độ tăng kinh phí cho khoa học và công nghệ cũng rất cao. Tuy nhiên, nếu xuất phát từ quan điểm phân tích của C. Mác và Ph. Ăng-ghen, thì thấy rõ : phần *chủ yếu* về kinh phí cho khoa học và công nghệ là dựa vào các doanh nghiệp, chứ không phải dựa vào nhà nước. Kinh nghiệm các nước phát triển cho thấy, phần của nhà nước chỉ khoảng 15 - 20%, còn của các doanh nghiệp là 80 - 85%. Tất nhiên, trong quá trình chuyển đổi cơ chế, ở ta phần của ngân sách nhà nước có thể cao hơn chút ít (ví dụ : 20 - 25%). Nhưng khó khăn lớn nhất, như trên đã phân tích, là cần có các chính sách vĩ mô tạo điều kiện cần thiết cho các doanh nghiệp có nguồn lực để phát triển các nghiên cứu triển khai, tiếp thụ và sáng chế những công nghệ có ý nghĩa sống còn đối với họ.

Phần của nhà nước, tức là từ ngân sách, cho các mục tiêu khoa học và công nghệ, tuy không phải là phần lớn nhất (vì chỉ khoảng 15 - 20%), nhưng lại *rất quan trọng* vì nó đáp ứng các yêu cầu khoa học và công nghệ có tác dụng *tầm dài* và có tác dụng *rất đặc biệt* (cho quốc phòng, an ninh v.v.) của cả nước. Để đạt được hiệu quả cao nhất của phần kinh phí từ ngân sách cho khoa học và công nghệ, hiện có nhiều cách phân chia khác nhau theo các dự án hoặc chương trình nhà nước, qua một quy trình thủ tục có tính pháp lý, mà trong đó phần đánh giá nghiệm thu có ý nghĩa rất quyết định. Chúng ta hiện đang áp dụng quy trình của các nước xã hội chủ nghĩa (trước đây) có cải biến cho phù hợp với tình hình mới, nhưng rõ ràng là hiệu quả sử dụng còn thấp. Nếu tăng hơn kinh phí cho khoa học và công nghệ, thì *điều trước tiên* là phải xem xét lại *phương pháp cấp vốn* cho các dự án nhà nước (kiểu đặt hàng) hướng vào các nhiệm vụ kinh tế - xã hội tầm dài và các nhiệm vụ đặc biệt.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác và theo quan điểm của Hội nghị lần thứ 7 BCH TƯ Đảng (khóa VII), có thể nói rằng : muốn tránh tụt hậu xa hơn về kinh tế, thì trước tiên phải tránh tụt hậu xa hơn về đầu tư cho khoa học, công nghệ và giáo dục, đào tạo ❑

Digitized by Google

QUYỀN CON NGƯỜI TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA

HOÀNG VĂN HẢO*

QUYỀN con người là vấn đề có nội dung rộng lớn, phức tạp, nhạy cảm và luôn luôn mới, gắn liền với những tiến bộ về lịch sử và nhân văn. Không phải chờ đến các diễn đàn quốc tế hoặc lịch sử thành văn, mà bản thân sự phát triển của xã hội loài người đã chứng tỏ sức mạnh vô địch của những khát vọng về quyền được sống, quyền mưu cầu tự do, bình đẳng, công lý, hạnh phúc. Chính vì giá trị không thể phủ nhận của nhân quyền, nên trong tư duy chính trị pháp lý của nhân loại, đặc biệt từ thế kỷ XVI, XVII đến nay, quyền con người và quyền công dân trở thành nội dung cơ bản nhất của lịch sử lập hiến. Quyền con người và quyền công dân luôn luôn được nêu lên như là mục tiêu mà các nhà nước không thể không thực hiện ở những mức độ khác nhau trong quá trình nắm quyền của mình. Vì vậy, bản thân quyền con người tồn tại như một nhu cầu phát triển xã hội.

Cuộc đấu tranh vì quyền con người có từ lâu đời, nhưng không phải ngay từ khi xuất hiện loài người, vấn đề nhân quyền đã được đặt ra trực tiếp. Khái niệm quyền con người được hình thành trong quá trình đấu tranh lâu dài chống áp bức, bất công và tội ác. C. Mác từng cho rằng các cuộc đấu tranh cho tự do của con người, qua các thời kỳ lịch sử, đều là tiến bộ ; và chỉ có những cuộc đấu tranh như thế mới làm cho xã hội phát triển. Ngày nay, khái niệm quyền con người được bổ sung những nội dung mới ; giá trị quyền con người được thể hiện đầy đủ hơn trong lịch sử đấu tranh giải phóng con người. Quyền con người có được như ngày nay là tài sản chung của loài người ; là kết quả đấu tranh chung với bao nỗ lực phấn đấu của các lực lượng tiến bộ vì tự do, hạnh phúc của con người.

Ở nước ta, có thể nói, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến sự nghiệp đổi mới ngày nay, đường lối nhất quán của Đảng ta là vì sự nghiệp giải phóng con người, vì quyền con người đích thực. Tư tưởng vì con người trước hết được thể hiện rực rỡ trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Giải phóng con người chính là ham muốn tột bậc trong suốt cuộc đời hoạt động của Người, ham muốn cho nước Việt nam hoàn toàn độc lập, dân Việt nam hoàn toàn tự do, ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành, sống trong hòa bình và hạnh phúc. Ngay từ khi tìm đường cứu nước, Người luôn trăn trở về sự nghiệp giải phóng con người và đòi cho dân Việt nam được quyền tự do, bình đẳng, tự quyết như nhân dân các dân tộc khác trên thế giới. Năm 1919, khi các nước thắng trận trong chiến tranh thế giới thứ nhất họp ở Véc-xay, Người đã gửi tới hội nghị bản yêu sách 8 điểm nổi tiếng đòi phải thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của nhân dân Việt nam , đòi Việt nam phải được độc lập. Người khẳng định : nếu được độc lập, Việt nam sẽ xếp đặt một nền hiến pháp về phương diện chính trị và xã hội theo lý tưởng dân quyền. Tư tưởng nhân quyền và dân quyền trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 và tư tưởng xây dựng một chế độ chính trị , một nhà nước có hiến pháp và hệ thống pháp luật vì con người, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử hiện đại Việt nam. Thực

* PGS. PTS. Giám đốc Trung tâm nghiên cứu quyền con người, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

tiễn đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Việt nam cũng đã đem lại những kinh nghiệm góp phần làm phong phú pháp luật quốc tế. Ngày nay, những tư tưởng "độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ" vẫn được coi như là nền tảng của pháp luật quốc tế hiện đại. Vì vậy, nhân dân Việt nam ý thức sâu sắc rằng quyền con người gắn với độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia. Trong điều kiện cụ thể của Việt nam, quyền con người và quyền dân tộc cơ bản là thống nhất.

Từ tư tưởng "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", khi nước được độc lập rồi thì dân phải được tự do, có quyền sống, có cơm ăn áo mặc, được học hành. Vì vậy, ngay sau khi giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mau lẹ chuyển hướng chiến lược để giải quyết vấn đề tự do, quyền con người theo một hướng mới : từ chỗ tập trung sức chống đế quốc, chống "giặc ngoại xâm" chuyển sang lấy chống "giặc đói, giặc dốt" làm trọng tâm. Nói cách khác : đặt vấn đề quyền cơ bản của con người lên trước hết. Từ đó đến nay, đường lối chính sách của Đảng trước sau như một, đều thể hiện ý chí bảo vệ quyền dân tộc tự quyết và bảo vệ quyền con người. Điều đó đã được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật nước ta.

Trên thực tế, chúng ta đã đạt được **những thành tựu to lớn, cơ bản trên lĩnh vực quyền con người** :

Trước hết, *quyền con người, quyền công dân ngày càng được mở rộng* theo đà phát triển kinh tế xã hội. Nếu Hiến pháp năm 1946 có 11 điều quy định về quyền và nghĩa vụ công dân, thì đến Hiến pháp năm 1992 đã có 34 điều quy định về quyền và nghĩa vụ công dân. Trên thực tế, quyền công dân đã được mở rộng dần qua các lần bầu cử. Ngay sau khi nước nhà thống nhất, tiến hành bầu cử Quốc hội trong cả nước, chúng ta đã mở rộng cho những người vốn cộng tác với đối phương được tham gia các sinh hoạt chính trị nếu họ cải tạo tốt. Những người bị đưa vào trại cải tạo thì đến nay tất cả đều đã trở về với gia đình làm ăn sinh sống (kể cả ra nước ngoài).

Mức hưởng thụ của nhân dân về quyền trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế... được nâng cao theo đà phát triển của đất nước. Đặc biệt, trong quá trình đổi mới, quyền con người đã trở thành nguyên tắc hiến định. "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng". Hiến pháp và pháp luật nước ta còn ghi nhận cụ thể và khá đầy đủ về quyền con người, quyền công dân trên các lĩnh vực. Công dân có quyền lao động, tự do kinh doanh, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, phát minh sáng chế, cải tiến kỹ thuật và tham gia hoạt động trong các lĩnh vực xã hội khác. Các thành phần kinh tế quốc doanh, tập thể, tư bản tư nhân, được phát triển bình đẳng, trong đó "kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân tư bản được lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh, được thành lập doanh nghiệp không bị hạn chế về quy mô hoạt động". Một mặt, Hiến pháp khẳng định quyền được tự do tín ngưỡng, bảo hộ đình, chùa, nhà thờ, thánh thất... ; mặt khác, nghiêm cấm việc lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để làm trái pháp luật. Đối với các dân tộc, nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số.

Một thành tựu đáng kể nữa trên lĩnh vực quyền con người là chúng ta đã *giải quyết thành công một khối lượng khá lớn các vấn đề xã hội*. Đó là những vấn đề liên quan đến các đối tượng chính sách sau chiến tranh mà Đảng và Nhà nước ta phải chăm lo : thương binh, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng, trẻ em mồ côi, tàn tật... Đó là những vấn đề liên quan tới các tệ nạn mà Đảng và Nhà nước ta phải giải quyết khi đi vào kinh tế thị trường : thất nghiệp, nghiện hút, mại dâm... Ở đây, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội đã có vai trò rất lớn. Trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, vấn đề đặt ra

Digitized by Google

là nhà nước phải tăng cường hơn nữa chính sách thỏa đáng để bảo hộ quyền con người và giữ gìn truyền thống tốt đẹp trong quan hệ cộng đồng gia đình, làng, nước.

Đạt được những thành tựu về quyền con người và quyền công dân trong những thập kỷ qua là nhờ có vai trò to lớn của nhà nước kiểu mới và hệ thống pháp luật dân chủ. Ngay sau *Tuyên ngôn độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong phiên họp đầu tiên của chính phủ đã nêu nhiệm vụ lớn là " tổng tuyển cử trong cả nước" và xây dựng Hiến pháp của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, thiết lập cơ chế dân chủ để bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong xã hội mới. Bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật ấy mấy năm qua cũng đã được đổi mới nhằm bảo đảm và mở rộng phạm vi quyền con người, quyền công dân. Trong điều kiện dân chủ hóa và kinh tế thị trường hiện nay, nhà nước cần được tổ chức chặt chẽ, quản lý xã hội bằng pháp luật, từ đó tạo cơ sở pháp lý vững chắc bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong quá trình đổi mới đất nước.

Như vậy, có thể nói, việc thực hiện và bảo đảm quyền con người, quyền công dân ở nước ta đã có những tiến bộ nhất định. Điều đó phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, thể hiện giá trị tư tưởng nhân quyền tiên tiến trong các công ước quốc tế. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân không chỉ là mục tiêu, mà còn trở thành động lực của sự phát triển ở nước ta. Từ thực tiễn cách mạng Việt nam, chúng ta thấy quyền con người, quyền công dân là do điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, nhất là do truyền thống lịch sử quy định, quyền không thể cao hơn trình độ kinh tế, văn hóa mỗi nước. Do đó, không thể áp đặt tiêu chuẩn của nước này cho nước khác. Đặc biệt, trong truyền thống Việt nam, quyền con người gắn với cộng đồng gia đình, làng xã, đất nước. Do đó, không thể tách quyền của mỗi người với nghĩa vụ của họ đối với cộng đồng, nhà nước và xã hội...

Tuy nhiên, xây dựng nền dân chủ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong điều kiện nền kinh tế lạc hậu, lại chịu nhiều hậu quả của chiến tranh tàn khốc kéo dài, là một công việc cực kỳ khó khăn, phức tạp. Có nhận thức rõ điều đó, mới biết tôn trọng những giá trị nhân quyền mà nhân dân ta đã giành được, và mới có cơ sở để tiếp tục nâng cao giá trị nhân quyền trong bước phát triển dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh. Bên cạnh những thành tựu như đã nói ở trên, thực tế còn **không ít khó khăn.** Đó là tình trạng đói nghèo, bệnh tật, trẻ em bị suy dinh dưỡng ; là hiện tượng mù chữ, trẻ em thất học ; là tình trạng thiếu điều kiện thông tin văn hóa, nhất là ở các vùng miền núi, hải đảo xa xôi. Đó là những tệ nạn xã hội không dễ giải quyết trong thời gian ngắn. Về phía quản lý của nhà nước, cũng còn không ít vấn đề nhức nhối : hiện tượng quan liêu, tham nhũng, vi phạm quyền tự do dân chủ, gây phiền hà cho dân; hiện tượng pháp luật chưa đồng bộ, pháp chế lỏng lẻo ; hiện tượng không tôn trọng pháp luật, kể cả ở một số cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội... Trong khi đó, các lực lượng thù địch lại tìm đủ mọi cách lợi dụng những sơ hở trong quản lý của Nhà nước ta để xuyên tạc, vu khống ta là vi phạm quyền con người.

*
* *

Giải phóng con người, bảo đảm quyền con người là sự nghiệp lớn, lâu dài, phức tạp. Điều quan trọng là hiện nay chúng ta đã có sự thống nhất về nhận thức. Đại hội VI và VII của Đảng đều đặt con người vào vị trí trung tâm của các chính sách kinh tế, xã hội. Đảng đã khẳng định : nguồn lực quan trọng nhất của sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa là con người Việt nam. Con người, *xét đến cùng*, có 2 mặt cơ bản, đó là lợi ích và quyền. Giải quyết thỏa đáng 2 mặt này, chắc chắn chúng ta sẽ tạo được động lực cho sự nghiệp đổi mới ở nước ta.

Digitized by Google

Đó cũng là mục tiêu của sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng.

Để bảo đảm tốt quyền con người, quyền công dân trong điều kiện nước ta, theo tôi, cần phân loại vấn đề để giải quyết. Đối với vấn đề mang tính chất lâu dài, để giải quyết tốt cần gắn với quá trình thực hiện chiến lược phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng của đất nước. Còn đối với vấn đề "trong tầm tay", nghĩa là có đủ điều kiện khách quan và chủ quan để giải quyết, thì các cấp các ngành phải làm cho bằng được. Trước mắt, theo tôi, cần chú ý những công việc sau đây :

1. Tiến hành giáo dục sâu rộng vấn đề quyền con người, quyền công dân trong nhân dân, nhất là trong cán bộ lãnh đạo và quản lý, để họ có thể khơi dậy ở mỗi con người ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Trong việc tuyên truyền giáo dục về nhân quyền, cần có hình thức thích hợp đối với từng đối tượng. Cần nghiên cứu để từng bước đưa nội dung quyền con người, quyền công dân vào chương trình "công dân giáo dục" ở các trường, các trung tâm giáo dục chính trị. Trước đây, đã có lúc ở các nước xã hội chủ nghĩa ít quan tâm tuyên truyền giáo dục nhân quyền ; người dân thường rơi vào tình trạng mơ hồ, bị động và không ít trường hợp ngộ nhận. Ngày nay, trong thế giới mở, tình hình chính trị và quan hệ giao lưu phức tạp, nhân dân cần được trang bị những kiến thức cơ bản về nhân quyền, tạo ra bản lĩnh ứng xử đúng mực trong các quan hệ xã hội phức tạp. Theo kinh nghiệm của một số nước, người ta cho rằng, giáo dục nhân quyền là một thứ "tiêm chủng" nhằm "miễn dịch", tạo ra bản năng "tự vệ" ở mỗi con người sống trong xã hội. Ở nước ta, giáo dục nhân quyền là biện pháp có hiệu quả để người dân tự bảo vệ và chống lại địch lợi dụng nhân quyền.

2. Từ yêu cầu bảo đảm quyền con người, quyền công dân, các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội cần xem xét cụ thể những việc làm được và chưa làm được, đánh giá một cách khách quan về hoạt động của mình theo yêu cầu bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong điều kiện của dân chủ hóa, của cơ chế thị trường, của hoàn cảnh quốc tế mới. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, chúng ta có làm tốt thì tiếng nói của chúng ta mới có trọng lượng trên các diễn đàn quốc tế. Đó chính là cách tốt nhất để chống địch lợi dụng những sơ hở, vu khống chúng ta vi phạm nhân quyền. Từ đó xác định những vấn đề cấp bách và có kế hoạch giải quyết những vấn đề liên quan bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

3. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật. Đến nay, nhiều quan hệ xã hội mới nảy sinh vẫn chưa có pháp luật điều chỉnh. Ở đây, tôi muốn nhấn mạnh đến pháp luật liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân như luật dân sự, luật hành chính... Mặt khác, cần nghiên cứu để sửa một số luật cho phù hợp với tình hình mới và hệ thống pháp luật quốc tế, nhất là những văn bản mà nhà nước ta đã tham gia ký kết ; sửa đổi, bổ sung một số điều luật trong luật hình sự, luật tố tụng hình sự để bảo đảm truy tố, xét xử chặt chẽ ; nghiên cứu để có quy định mới về việc bắt, giam giữ nhằm khắc phục tình trạng giam giữ cải tạo không qua xét xử của tòa án, giam giữ quá hạn luật định, vi phạm quyền công dân của các cơ quan tư pháp ; những người thụ án vì tuổi già, sức yếu, bệnh tật cần được thường xuyên xem xét để có thể đặc xá... Tăng cường pháp chế trên lĩnh vực tư pháp là việc làm có ý nghĩa thiết thực nhằm bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong quá trình đổi mới đất nước.

4. Vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng trong việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân là đổi mới hệ thống chính trị theo hướng dân chủ. Về bản chất, nhân quyền là ngọn cờ của chủ nghĩa xã hội. Từ Đại hội VI đến nay, trên lĩnh vực hệ thống chính trị, chúng ta đã có những bước đổi mới quan trọng theo hướng dân chủ. Nhưng vẫn cần tiếp tục làm cho cán bộ và nhân dân hiểu

Digitized by Google

rõ mục tiêu của hệ thống chính trị là thực hiện quyền lực nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng cũng như sự quản lý của Nhà nước là nhằm thực hiện quyền lực nhân dân, là sự bảo đảm và mở rộng phạm vi quyền con người, quyền công dân theo đà phát triển kinh tế xã hội. Vì vậy, sự lãnh đạo của Đảng phải làm cho nhà nước, các tổ chức xã hội luôn bám sát mục tiêu của hệ thống chính trị là thực hiện quyền lực nhân dân, quyền con người, quyền công dân ; xa rời mục tiêu đó thì hệ thống chính trị sẽ mất hết sức mạnh. Bộ máy nhà nước cần định hướng vào sự phục vụ tối đa nhân dân, công dân trên cơ sở luật định. Quá trình cải cách bộ máy nhà nước ta hiện nay là nhằm tạo lập một nền hành chính mạnh, tập trung, hoạt động có hiệu quả trên cơ sở Hiến pháp và luật ; là nhằm tạo lập một đội ngũ viên chức nhà nước có phẩm chất đạo đức, thông thạo nghề nghiệp, ý thức công vụ cao, có quy chế hoạt động chặt chẽ và được sự kiểm tra, giám sát từ phía nhân dân. Trong quá trình cải cách bộ máy nhà nước, phải tìm ra những cơ chế hữu hiệu để hạn chế, tiến tới đẩy lùi những hiện tượng như tham nhũng, buôn lậu, ức hiếp nhân dân..., hướng tới xây dựng nhà nước pháp quyền Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Trên thế giới cũng như ở nước ta, xu hướng đúng đắn về quyền con người hiện nay là loại trừ đói nghèo, bệnh tật, tệ nạn xã hội, tội ác và chiến tranh, bảo vệ môi trường, giải quyết các vấn đề về dân số, về năng lượng công nghệ, về sử dụng khoảng không và lòng đất vì mục đích hòa bình, chấm dứt xung đột vũ trang và tôn trọng chủ quyền quốc gia. Sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay chính là sự nghiệp nâng cao quyền được hưởng thụ của con người, tiếp tục bảo đảm và nâng cao quyền con người và quyền công dân cho mọi người dân ❑

TRÍ THỨC TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

PHAN THANH KHÔI*

NGHỊ quyết Hội nghị lần thứ bảy BCH TƯ Đảng (khóa VII) đã vạch ra phương hướng, chủ trương, chính sách để đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong sự nghiệp ấy, người *trí thức* có vị trí và trách nhiệm lớn lao.

Công nghiệp hóa ở các thời điểm lịch sử, trong các nước khác nhau đều phải đạt đến mục tiêu *cốt lõi* là biến lao động thủ công, lạc hậu, năng suất thấp thành lao động sử dụng kỹ thuật tiên tiến, hiện đại để đạt đến năng suất cao. Chính điều này đã quy định một cách khách quan vị trí quan trọng trước hết của giai cấp công nhân và ngành công nghiệp, sau đó và đồng thời là của tầng lớp trí thức và hoạt động khoa học - kỹ thuật trong bước chuẩn bị đẩy tới cũng như trực tiếp thực hiện công nghiệp hóa. Nếu trí thức với tư cách là người lao động sáng tạo để phát kiến, truyền bá - ứng dụng tri thức khoa học mới, góp phần hình thành *công nghệ mới*, thì "công nghiệp là phương tiện chuyển tải công nghệ mới vào cuộc sống" (1) để nâng cao chất lượng hoạt động mọi mặt của xã hội.

Trong thế kỷ trước, công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa lần đầu tiên đã đưa các ngành khoa học trực tiếp áp dụng vào sản xuất tạo ra nền đại công nghiệp cơ khí, làm năng suất lao động tăng lên khác thường. Năng suất lao động tăng cao - cốt lõi công nghiệp hóa tư bản đã đạt được, đã quyết định sự thắng thế của chủ nghĩa tư bản đối với chế độ phong kiến. Cũng từ điều cốt lõi ấy, mà trong *xã hội*

* PTS. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy BCH TƯ Đảng (khóa VII)*, Hà nội 1994, tr 5

Digitized by Google

mới, như V.I. Lê-nin nhận định : "Không có sự chỉ đạo của các chuyên gia am hiểu các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và có kinh nghiệm, thì không thể nào chuyển lên chủ nghĩa xã hội được, vì chủ nghĩa xã hội đòi hỏi một bước tiến có ý thức và có tính chất quần chúng để đi tới một năng suất lao động cao hơn năng suất của chủ nghĩa tư bản dựa trên cơ sở những kết quả mà chủ nghĩa tư bản đã đạt được"[2]. Sự nghiệp công nghiệp hóa nước ta nằm trong sự vận động chung của dân tộc theo định hướng xã hội chủ nghĩa, và như vậy có thể hình dung được mục tiêu cần đạt tới của sự nghiệp này và trách nhiệm lớn lao của người trí thức.

Trước đây và ngay cả bây giờ không phải tất cả các cấp ủy đảng và chính quyền đã quan tâm đúng mức đến vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ ; nhiều người chưa coi trọng lao động chất xám trong sự nghiệp xây dựng đất nước, chưa coi khoa học và công nghệ là cơ sở cho việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế - xã hội và là nội dung của công tác lãnh đạo và quản lý. Để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng ta đã nhấn mạnh đến vai trò của khoa học và công nghệ, nêu lên những *nhiệm vụ cơ bản* của các hoạt động này với tư cách là *nền tảng* cho bước ngoặt mới của phát triển đất nước. Khoa học và công nghệ phải cung cấp cơ sở khoa học cho các quyết định, các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư ; đẩy nhanh quá trình đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ trong nền kinh tế một cách có trọng điểm ; xây dựng và phát triển năng lực khoa học - công nghệ để làm chủ công nghệ nhập và sáng tạo công nghệ mới ; chuẩn bị cho sự phát triển của đất nước sau năm 2000.

Đội ngũ trí thức - lực lượng lao động trí tuệ cao, là một *chủ thể đi đầu* thực hiện những nhiệm vụ quan trọng trên. Cần nhấn mạnh vị trí và trách nhiệm của bộ phận trí thức hoạt động liên quan đến nhập và chuyển giao công nghệ, ở những ngành có tác động trực tiếp đến việc nâng cao trình độ công nghệ của nhiều ngành ; ở những nhà khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng, triển khai, gắn với sự phát triển các ngành công nghệ tiên tiến (công nghệ thông tin, sinh học, chế biến...) và trong các ngành dịch vụ công nghệ (đo lường, đánh giá và thẩm định công nghệ, công nghệ thông tin...) ; đồng thời chú ý đúng mức đến nghiên cứu cơ bản (nhất là khoa học xã hội và nhân văn).

Trong thời đại của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại thì công nghiệp hóa nước ta tất yếu phải gắn liền với hiện đại hóa; phải tiếp thu một cách thông minh những tri thức nhân loại, đồng thời tận dụng lợi thế của nước đi sau, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát triển kinh tế gắn với việc giải quyết những vấn đề xã hội, nhân văn, môi trường, và đặc biệt cần giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa... Tất cả đều cần sự *tư vấn* của các chuyên gia, sự *đóng góp thực tế* có trách nhiệm và lương tâm của người trí thức, sự hợp lực nghiên cứu và sáng tạo của các lực lượng : khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật...

Công nghiệp hóa gắn liền với hiện đại hóa lại đòi hỏi phải động viên mọi nguồn lực, trong đó "lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững"[3]. Nguồn lực con người ấy phải phù hợp với đòi hỏi mới của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, người lao động ngày nay phải có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức, có nghiệp vụ và tác phong công nghiệp, cần cù lao động và sáng tạo để có năng suất cao, có ý thức vì độc lập tự do của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân... Đội ngũ trí thức *không chỉ* là một bộ phận trong toàn bộ nguồn lực con người của xã hội, mà *hơn nữa*, còn góp phần trực tiếp vào việc nâng cao dân trí, tạo nguồn nhân lực cho nhiều ngành khác. Nhiệm vụ vẻ vang này thuộc toàn xã hội nhưng trước hết, đó là trách nhiệm của trí thức ngành giáo dục và đào tạo (kể cả giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, và đào tạo nghề nghiệp...).

Công nghiệp hóa trong thời đại cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại sẽ là quá trình hợp tác sâu rộng, chặt chẽ và làm xích lại gần nhau giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Vị trí và khả năng của trí thức nước ta chỉ được thể hiện trong mối *quan hệ*

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, t 36, tr 217

(3) *Văn kiện đã dẫn*, tr 71

Digitized by Google

chặt chẽ với các bộ phận lao động xã hội khác, trước hết là với giai cấp công nhân và nông dân lao động. "Vì vậy, xây dựng quan hệ hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi, hỗ trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa công nghiệp và nông nghiệp, thành thị và nông thôn, công nhân, nông dân và trí thức là một khâu mấu chốt trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa" [4], trong đó, giai cấp công nhân là hạt nhân để phát triển các quan hệ liên minh cả về kinh tế - chính trị - xã hội. Để xứng đáng là vai trò chủ đạo của mình trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giai cấp công nhân một mặt phải "tự mình trí thức hóa", mặt khác phải động viên được đầy đủ khả năng lao động sáng tạo trong đội ngũ "trí thức của mình".

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa được tiến hành theo mô hình kinh tế mở sẽ tạo điều kiện cho trí thức là *người Việt ở nước ngoài* đóng góp xây dựng quê hương. Trí thức Việt kiều hiện có khoảng 300 000 người, là lực lượng khoa học lớn được tiếp cận với các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, cần được khuyến khích tham gia vào sự nghiệp chung của dân tộc trong việc chuyển giao công nghệ, làm môi giới để các tổ chức quốc tế đầu tư, liên doanh và viện trợ cho Việt nam... Kết quả mấy năm qua của chương trình TORTEN (chuyển giao tri thức thông qua kiều dân ở nước ngoài) đã nói lên phần nào tinh thần và khả năng đóng góp của người trí thức Việt nam xa quê hương.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa là phương thức quan trọng hình thành con người mới, cũng như người *trí thức mới* Việt nam. Với định hướng đúng đắn ấy, đội ngũ trí thức và nền khoa học nước nhà có điều kiện để phát triển và nhất định sẽ tiến tới ngang tầm đòi hỏi của dân tộc và thời đại.

Vị trí và trách nhiệm của trí thức nước ta trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thật lớn lao, nhưng nhìn lại còn nhiều vấn đề cần được giải quyết.

Trí thức nước ta hiện có khoảng 700 000 người (trình độ học vấn cử nhân trở lên), trong đó hơn 8500 người có học vị khoa học (thạc sĩ đến tiến sĩ). Con số này là *đáng kể*, là cố gắng lớn của công tác giáo dục và đào tạo trong hoàn cảnh khó khăn của đất nước những năm qua. Nhưng với tình hình phát triển mới của đất nước, lực lượng đó cần phải tăng hơn nữa. Nguồn bổ sung chủ yếu cho đội ngũ trí thức là từ hơn 110 trường đại học và cao đẳng, một số đơn vị khoa học, trong đó có 80 cơ sở đào tạo trên đại học. Nhưng số sinh viên hiện còn rất ít để tương lai có thể làm tăng nhanh lực lượng lao động trí óc và nguồn nhân lực có chất lượng cao. Nếu tính số sinh viên trên 100 000 người dân thì nước ta chỉ có 200. Trong khi đó cách đây 12 năm tỷ lệ đó ở Thái lan đã là 2140, Phi-líp-pin : 2642, Hàn quốc: 2400, Xin-ga-po : 1261.

Trí thức nước ta có *khả năng sáng tạo* (thông minh, ham học hỏi, cần cù lao động, vượt khó khăn...) ; có những nhà khoa học nổi tiếng trong và ngoài nước ; có một số trường phái khoa học và những sản phẩm sáng tạo được thế giới chú ý. Nhưng khả năng này của trí thức nước ta còn chưa được phát huy một cách đầy đủ, chưa được nâng lên bằng sự hợp tác tập thể của trí thức và đơn vị khoa học. Thực tế đang diễn ra dưới nhiều vẻ rất phức tạp : "lãng phí chất xám", "bạc chất xám" và "chảy chất xám". Phổ biến nhất là lãng phí chất xám. Chỉ tính riêng số sinh viên mới ra trường năm nay thì có đến 41% chưa có việc làm (chưa kể đến nhiều sinh viên làm trái ngành đào tạo, và số tồn đọng chưa có việc làm của các năm trước).

Cơ cấu trí thức nước ta khá phong phú nhưng còn nhiều điều bất hợp lý. Ví dụ : lực lượng phần lớn ở phía Bắc và tập trung nhiều ở Hà nội ; phía Nam có 20% và phần nhiều ở thành phố Hồ Chí Minh ; chỉ có 1/4 hoạt động ở lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ ; tỷ lệ có học vị trên số cử nhân còn thấp hơn 12% (thường là phải 25 - 30%) ; (ngay cả ở các trường cao đẳng và đại học cũng vậy, nghĩa là còn đến 87% giảng viên chỉ có học vị cử nhân) ; số chuyên ngành đào tạo sau đại học mới là 300 trên tổng số 500 ngành cần đào tạo hiện nay ; cán bộ khoa học đầu đàn, các giáo sư và phó giáo sư phần lớn đã nhiều tuổi v.v.. Những bất hợp lý về cơ cấu là một nguyên nhân không nhỏ làm giảm khả năng

(4) *Văn kiện đã dẫn*, tr 10

Digitized by Google

và chất lượng sáng tạo tổng thể của đội ngũ trí thức. Một điều đáng nói nữa là *chất lượng thực* của bằng cấp và học vị hiện còn nhiều vấn đề. Không ít người có được bằng cấp, học vị không phải nhờ sự học tập và lao động trí óc nghiêm túc. Điều này liên quan đến những yếu kém và bất hợp lý trong cơ chế thi tuyển, cấp bằng.

Công tác *giáo dục và đào tạo* giảm sút, chưa theo kịp yêu cầu. Sau hơn hai năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về đổi mới giáo dục và đào tạo, công tác giáo dục và đào tạo mới chỉ bắt đầu có chuyển biến. Số lượng trí thức hằng năm có tăng lên, nhưng chất lượng của lực lượng bổ sung nhìn chung, chưa đáp ứng được đòi hỏi của bước phát triển mới của đất nước.

Đội ngũ trí thức nước ta tiếp thu được *truyền thống yêu nước* của dân tộc, tin tưởng ở đường lối của Đảng, có nhiều đóng góp vào thắng lợi quan trọng của sự nghiệp đổi mới ở nước ta. Nhưng do trong công tác và đời sống còn nhiều khó khăn, một số người đã nảy sinh tiêu cực, có những hiện tượng đi ngược lại lý tưởng cách mạng và lợi ích dân tộc.

Trước tình hình trên và với yêu cầu đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta cần có những phương hướng để phát huy mạnh mẽ hơn nữa sức sáng tạo của đội ngũ trí thức. Từ tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VII) có thể nêu lên những phương hướng cơ bản sau đây :

1- Tiếp tục đổi mới công tác *đào tạo* trí thức một cách có kế hoạch để có sự phát triển cả về số lượng, chất lượng và phù hợp dần về cơ cấu. Mở rộng quy mô đào tạo đại học và tăng cường đào tạo hệ cao đẳng và nghiên cứu sinh. Thực hiện đồng bộ nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cải cách về nội dung và phương pháp giảng dạy, khuyến khích nhiệt tình học tập của sinh viên. Công tác đào tạo phải gắn với sử dụng, với yêu cầu của đời sống xã hội trước mắt và lâu dài. Gấp rút đào tạo cán bộ có trình độ đầu đàn, các chuyên gia trong các ngành công nghệ then chốt. Từng bước bồi dưỡng nâng cao về mặt chuyên môn, ngoại ngữ cho cán bộ nghiên cứu khoa học và mở rộng hợp tác, trao đổi khoa học với nước ngoài...

2- Cần tạo ra một hệ thống *động lực* và có chính sách sử dụng tốt hơn nữa đội ngũ trí thức hiện có. "Động lực này nằm ở lợi ích của những người nghiên cứu, phát minh và ứng dụng có hiệu quả khoa học và công nghệ, bao gồm cả lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần, lợi ích kinh tế - và lợi ích chính trị - xã hội"(5). Trước hết, trí thức phải có việc làm đầy đủ và hợp với chuyên môn đào tạo, được trả công xứng đáng. Sản phẩm trí tuệ phải được coi là hàng hóa đặc biệt, được mở rộng thị trường lưu thông và có giá cả đúng mức. Lao động khoa học phải gắn với nhu cầu phát triển của xã hội. Mở rộng phương thức ký kết hợp đồng nghiên cứu để người trí thức được chủ động sáng tạo, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Thực hiện tốt pháp lệnh về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và chuyển giao công nghệ, pháp lệnh về quyền tác giả, tiến tới ban hành luật khoa học - công nghệ..., tích cực động viên hơn nữa trí thức Việt kiều chuyển giao tri thức và công nghệ về nước.

3- Về *tổ chức*, cần bố trí lại lực lượng khoa học để thu hút trí thức làm việc trực tiếp ở các tổ chức sản xuất và địa phương. Chuyển mạnh các viện nghiên cứu - triển khai về các doanh nghiệp. Nghiên cứu khoa học cơ bản phần lớn nên trao các trường đại học đảm nhiệm. Tập trung lực lượng cho việc xây dựng trung tâm công nghệ cao ở Hà nội và thành phố Hồ Chí Minh, cho các chương trình *trọng điểm* : đổi mới công nghệ ở các ngành sản xuất, dịch vụ ; xây dựng một số ngành công nghiệp mới dựa trên công nghệ cao ; phát triển công nghệ phục vụ công nghiệp hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn ; khoa học xã hội và nhân văn phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa...

4- Về *đầu tư*, cần tăng nguồn vốn đáng kể cho khoa học - công nghệ từ ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tài trợ của các tổ chức quốc tế và nước ngoài ; đồng thời sử dụng hợp lý và có hiệu quả những nguồn vốn đó. Áp dụng và tăng tỷ trọng vốn tín dụng đầu tư cho khoa học - công nghệ ❑

(5) *Văn kiện đã dẫn*, tr 25

Digitized by Google

LỢI CHO AI VÀ HẠI CHO AI ?

LÊ XUÂN VŨ

I

Nhớ lại những năm lao đao trong khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng : đất nước bị bao vây, cô lập ; lương thực không đủ ăn ; công nghiệp và thủ công nghiệp đình đốn, hàng chục vạn công nhân không có việc làm; lạm phát 600 - 700%/năm ; đời sống những người ăn lương điêu đứng ; mọi mặt xuống cấp ; giáo viên bỏ nghề, học sinh bỏ học. Trong khi đó thì chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, Liên xô nhanh chóng bị xói mòn rồi sụp đổ. Sóng to gió lớn tưởng chừng không thể vượt qua... Thế mà giờ đây, nền kinh tế nước ta đã đạt được nhịp độ phát triển tương đối cao (1991 - 1995 là 8,3%/năm) ; đời sống nhân dân nói chung được cải thiện rõ rệt ; lạm phát được kiềm chế (năm 1994 là 14,4%) ; đối nội phát huy dân chủ, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng và an ninh ; đối ngoại mở rộng quan hệ với hơn một trăm năm mươi nước trong khu vực và trên thế giới. Chưa có được cái bừng bừng khí thế "dù phải đốt cháy cả dãy Trường sơn...", "thà hy sinh tất cả..." hồi nào nhưng đã thấy sự tấp nập, rộn ràng chuyển động nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" trong mọi lĩnh vực của đời sống, bởi con đường đi tới tương lai ngày càng được xác định rõ. Dẫu còn không ít khó khăn, nhiều mặt yếu kém, nhưng chúng ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài từ cuối những năm 70 để chuyển sang một thời kỳ mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Đó trước hết là nhờ đổi mới đúng hướng, phù hợp với lòng dân.

Như vậy, *hướng* là rất quan trọng. Ngồi còn phải trông hướng ("ăn trông nồi, ngồi trông hướng"), hướng chỉ đi, không chỉ một người đi mà cả dân tộc đi, cả đất nước đi. Đổi mới là sự nghiệp đầy khó khăn, đường đi dài trắc trở phải đề chừng lạc lối, lại giữa giông bão lớn của thời cuộc, nên ngay từ đầu và trong quá trình đổi mới, Đảng ta phải khẳng định rõ: đổi mới không phải là đổi mất mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có kết quả bằng những quan niệm mới đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, bằng những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp - *đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa*. Hơn nữa, còn phải luôn luôn nhắc nhở kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa, bởi đã có bài học phản diện đau xót của Liên xô sụp đổ : lúc đầu cũng tuyên bố cải tổ "để có nhiều chủ nghĩa xã hội hơn" nhưng rồi cứ lùi dần từng bước, đi đến công khai từ bỏ những mục tiêu xã hội chủ nghĩa đã hứa hẹn, định hướng theo phương Tây tư bản chủ nghĩa!

Thế mà bây giờ ở nước ta vẫn có người lập luận rằng "nói rõ mục tiêu chủ nghĩa xã hội, định hướng xã hội chủ nghĩa ra như vậy là chỉ gây chia rẽ, có hại cho đại đoàn kết toàn dân, có hại cho việc mở rộng quan hệ quốc tế, có hại cho sự lãnh đạo của Đảng *mà thôi*(!) Phải bỏ ngay đi...". Hay thật! Có phải đến bây giờ Đảng ta mới nêu mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đâu! Từ trong *Chánh cương văn tắt* của Đảng năm 1930 đã nêu rồi. Chủ nghĩa xã hội như một lý tưởng và chủ nghĩa xã hội hiện thực đã khơi dậy và cho ta thêm những sức mạnh mới, thần kỳ để chiến thắng ; cách mạng càng tiến lên thì khối đại đoàn kết toàn dân dưới hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ngày càng mở rộng. Ngày nay cũng vậy, trong công cuộc đổi mới, mọi tầng lớp nhân dân trong nước trở nên năng động, sáng tạo và tin tưởng hơn, ngày càng gắn bó vì sự nghiệp chung "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" và đồng bào ta ở nước ngoài cũng ngày càng hướng về Tổ quốc vì đại nghĩa ấy. Mục tiêu chủ nghĩa xã hội cũng chẳng cản trở việc mở rộng quan hệ đối ngoại : cho đến nay ta chẳng những đã ra khỏi thế bị bao vây, cấm vận, mà còn phát triển quan hệ về nhiều mặt với các nước láng giềng, trong khu vực, SNG và Đông Âu, Nam Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh, Trung

Digitized by Google

Đông, với tất cả các cường quốc trên thế giới. Đáng chú ý là quan hệ về kinh tế phát triển tương đối nhanh : đầu tư của nước ngoài sẽ lên đến 15 tỉ USD vào cuối năm 1995, trong đó 1/3 đã được thực hiện...

Bất chấp thực tế đó, những người lập luận "chỉ có hại mà thôi" giải thích rằng : "đưa - nhưng họ gọi là "áp đặt" - chủ nghĩa xã hội vào mục tiêu chung của đất nước thì được sự đồng tình của một bộ phận trong nhân dân nhưng lại chưa có sự đồng tình nào của một bộ phận khác trong nhân dân do chưa có sự hiểu biết hoặc do sợ lợi ích bị xâm phạm",v.v..

Chưa có sự hiểu biết thì đem lại sự hiểu biết. Chủ nghĩa xã hội là vì con người, vì nhu cầu và lợi ích không phải có một hay một số ít người mà là của tất cả mọi người dân, trước hết là người lao động, được sống xứng đáng trong một xã hội mới không có người bóc lột áp bức người. Còn lâu chúng ta mới xây dựng được một xã hội như thế, bởi còn nhiều bước trung gian (chẳng hạn *về kinh tế* là chế độ sở hữu đa dạng ; là kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ; là cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước ; là sử dụng trên một quy mô lớn và trong một thời kỳ lâu dài kinh tế tư bản chủ nghĩa thông qua con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước), nhưng chúng ta không quên mục tiêu đã xác định. Trong chiến lược lâu dài đó, mọi nguồn lực trong và ngoài nước đều được động viên tối đa để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ; mọi lợi ích chính đáng của bất cứ ai, thuộc bất cứ thành phần kinh tế nào vì sự nghiệp "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" đều được bảo đảm, tôn trọng. Thế thì còn những lợi ích nào, của những ai sợ bị xâm phạm ? Nếu trong nhân dân chưa có những người "chưa có sự đồng tình nào" với mục tiêu chủ nghĩa xã hội thì chẳng lẽ vì thế mà tất cả phải dừng bước hoặc rẽ đi hướng khác theo mấy người đó ? Và, xóa bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội đi để tranh thủ một sự đồng tình nào đó của cái "bộ phận khác" ấy, hy sinh bộ phận đồng tình với mục tiêu chủ nghĩa xã hội từ mấy chục năm nay đi theo Đảng thì mới là không "gây chia rẽ", không "có hại cho đại đoàn kết toàn dân" sao ? v.v.. Lợi cho ai và hại cho ai vậy ?

II

Những người phản đối định hướng xã hội chủ nghĩa còn đưa ra những lý lẽ khác, tưởng như "đanh thép" và "uyên bác" lắm. Họ nói : chủ nghĩa xã hội chỉ là một ảo tưởng từ đầu óc suy luận tư biện của Mác ; cách mạng xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa xã hội mà Mác ở Tây Âu thế kỷ XIX dự báo vẫn chưa hề xảy ra ; rằng không có căn cứ khoa học nào để kết luận về tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trong tương lai ; Liên xô và Đông Âu sụp đổ đã bác bỏ luôn cả chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác rồi, nhiệm vụ của trí thức là phải tìm con đường khác cho sự phát triển của đất nước...

Lý lẽ thật ra không có gì mới, ngoài việc lợi dụng sự sụp đổ ở Liên xô và Đông Âu để "đánh đổ" chủ nghĩa Mác. Vẫn là những luận điệu cũ rích từ cuối thế kỷ trước mỗi khi cách mạng gặp khó khăn hay thất bại : "chủ nghĩa Mác không đầy đủ", " chủ nghĩa Mác đã lỗi thời, đã bị lịch sử vượt qua"...

Ai đọc Mác cũng đều biết hai phát hiện vĩ đại nhất của Mác là chủ nghĩa duy vật lịch sử chỉ ra quy luật phát triển của xã hội loài người và học thuyết giá trị thặng dư vạch rõ quy luật vận động của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và của xã hội tư bản chủ nghĩa nói chung, từ đó luận chứng về sự tất yếu của chủ nghĩa xã hội. Nhưng Mác dự kiến dựa vào những dữ kiện trong bối cảnh lịch sử thời Mác. Mác chỉ phát hiện quy luật, chỉ ra những phương hướng hiện thực, phác họa một đồ án tổng thể ban đầu chứ đâu có thể giải đáp được tất cả mọi vấn đề cụ thể, nhất là cho hàng trăm năm sau. Mác cũng như mọi người khác có những hạn chế của bản thân và của thời đại mình. Điều quan trọng là Mác không bao giờ tách rời lý luận với thực tiễn, với cuộc đấu tranh hiện thực trong xã hội. Chính Mác đã châm biếm những kẻ nói suông về lý luận xã hội : "Cho đến nay các triết gia đã có trên bàn giấy của mình lời giải cho tất cả những điều bí ẩn, và cái thế giới dần độn không hiểu biết chỉ còn có việc là há miệng mà đớp lấy những con gà gô rán của khoa học tuyệt đối mà thôi."(1) "Chúng ta xuất hiện trước thế giới không phải với tư cách là những kẻ giáo điều mang theo những người nói suông với một cái nguyên tắc mới, có sẵn : chân lý đây, hãy quỳ xuống trước nó!"(2) Lý luận của Mác được rút ra từ đấu tranh thực tiễn để chỉ đạo thực tiễn, được thực tiễn kiểm nghiệm, sửa chữa, bổ sung, cứ thế mà hình thành và phát triển trong

(1) C.Mác và Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1978, t 1, tr 497

(2) C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t 1, tr 500

Digitized by Google

suốt cuộc đời tư tưởng của Mác, làm nên học thuyết Mác. Vậy thì có phi lý không nếu sau hơn 100 năm, một mặt cứ chê học thuyết Mác là không đầy đủ, mặt khác lại coi những dự kiến trong bối cảnh thời Mác, những phác thảo ban đầu của Mác như những giáo điều, những nguyên lý cứng nhắc để "đánh đổ" chủ nghĩa Mác mà không chịu theo tinh thần Mác sửa chữa, bổ sung, phát triển những nguyên lý đích thực, những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác ? Không ít nhà khoa học ở phương Tây tư bản chủ nghĩa còn cho rằng Mác vẫn là nhà tư tưởng của thế kỷ XXI...

Nhưng, để tránh dài dòng, chỉ xin hỏi : chủ nghĩa tư bản tột cùng sẽ phát triển đến đâu nữa hay chỉ dừng lại là chủ nghĩa tư bản tột cùng, vĩnh hằng, để chấm dứt sự phát triển của xã hội loài người ở đó ? Chủ nghĩa tư bản hiện đại ngày nay đang phải tự điều chỉnh, có sự thay đổi đáng kể trong hình thức sở hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất để có sự thích ứng hơn với đà phát triển của lực lượng sản xuất, lại buộc phải chú trọng nhiều hơn đến những vấn đề xã hội, đến nhân tố con người, có mở ra một hướng xã hội hóa quan hệ sản xuất nào không ? Khi tình thế cách mạng nổ ra như ở Nga năm 1917, ở Việt nam năm 1945, giai cấp vô sản và những người lao động bị áp bức nói chung có đứng lên làm cách mạng không ? Làm cách mạng thành công rồi thì, dù chưa có tiền đề kinh tế khách quan để thực hiện chủ nghĩa xã hội, có giữ lấy chính quyền để xây dựng một xã hội mới công bằng hơn không hay là giao lại chính quyền cho người khác cai trị mình để nhận lấy cái tất yếu phải trải qua chế độ tư bản chủ nghĩa đầy "máu và bùn", " nghèo nàn và sỉ nhục", cam phận "điếu đóm" cho các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, đi trước ?

Còn như việc Liên xô và Đông Âu sụp đổ thì đó là sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội (kiểu cũ) chứ không phải là chủ nghĩa Mác - Lê nin hay học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học sụp đổ. Chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô một thời đã tạo nên bao kỳ tích : đánh thắng thù trong giặc ngoài trong thế bị bao vây, công nghiệp hóa đất nước chỉ trong vài chục năm đầy khó khăn, tiêu diệt phát xít Hít-le, biến nước Nga chưa phát triển thành một siêu cường, nâng cao đời sống của nhân dân trong nước, làm chỗ dựa vững chắc cho phong trào giải phóng dân tộc và phong trào dân chủ trên thế giới. Nhưng bản thân nó có những khuyết tật, sai lầm chậm được phát hiện, khi được phát hiện thì sửa chữa không cơ bản, không đúng hướng, do cải tổ vô nguyên tắc, sự trượt dài và phản bội của những người cầm quyền chóp bu. Nói cho cùng thì có chế độ xã hội mới nào ra đời mà không có những non yếu, sai lầm và thất bại tạm thời để rồi lại tìm cách phục hồi, phát triển theo quy luật? "Ai chiến thắng mà không hề chiến bại, ai nên khôn mà chẳng dại đôi lần...". Nếu thấy sóng cả mà ngả tay chèo, hoang mang mất phương hướng, nhìn mọi cái đều xám xịt, phủ định sạch trơn, phủ định luôn cả chính mình, thì lợi cho ai và hại cho ai ?

III

Những người muốn xóa bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội lấy làm khó chịu khi thấy nó được ghi trong Hiến pháp do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua. Họ nói : mục tiêu chủ nghĩa xã hội là chuyện của Đảng, ghi vào văn kiện Đảng thì cứ ghi, sao lại biến nó thành hướng đi của toàn dân và cứ nói to lên ? Làm như thế có hại cho sự lãnh đạo của Đảng đấy! Đáng ngạc nhiên thật. Họ lo "có hại cho Đảng" thật sao ? Đảng lãnh đạo-đưa đường chỉ lối cho nhân dân nhưng đừng cho nhân dân biết là đi đâu ư ? Thế thì họ coi nhân dân ra cái gì ? Đảng cầm quyền nhưng không được thông qua Nhà nước để cụ thể hóa và tổ chức nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của mình ư ? Thế thì cầm quyền gì ?

Mấy chục năm nay, nhân dân ta một lòng đi theo Đảng nhằm mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, bây giờ ghi điều đó vào Hiến pháp cũng là để công nhận thành tích ấy, một lần nữa khẳng định ý chí ấy, biểu dương quyết tâm ấy, soát xét lại hành trang để tiếp tục đi tới mà thôi. Cái mới không phải là mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là cách đi tới mục tiêu ấy trong bối cảnh thời đại mới. Không có cách đi mới thì không tới được mục tiêu, nhưng không có mục tiêu thì dễ mất phương hướng.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Đổi mới là của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Đảng đề xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới, khuyến khích mọi tìm tòi, tổng

(Xem tiếp trang 35)

Digitized by Google

SỞ HỮU VÀ THỊ TRƯỜNG

LƯU HÀ VĨ*

THUẦN sở hữu và *phi thị trường*, trên ý nghĩa nhất định, là hai thuộc tính *nhân tạo* đặc trưng cho mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội trong lĩnh vực sản xuất vật chất. Chúng vừa quy định lẫn nhau, vừa là một nhân tố góp phần dẫn đến sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình duy ý chí đó.

Giờ đây, tư duy mác xít cần đặc biệt chú ý tới quan hệ giữa sở hữu và thị trường không chỉ vì nó tuyệt đối cần thiết cho việc xử lý một cách khoa học mối quan hệ vốn có giữa sở hữu và thị trường, mà sâu xa hơn, nó quy định bản chất, số phận con người và xã hội chừng nào nó còn tồn tại khách quan trong lịch sử.

Vượt qua tầm nhìn duy tâm siêu hình của triết học cổ điển Đức chỉ thấy hiện tượng *tha hóa* con người dưới hình thức *tha hóa* của *ý niệm tuyệt đối* (theo quan niệm của Hê-ghen), hoặc *tha hóa* của *tôn giáo* (theo quan niệm của Phoi-ơ-bách), cách tiếp cận duy vật triệt để của Mác lần đầu tiên vạch rõ sự *tha hóa lao động* của *giai cấp công nhân làm thuê* gắn liền trực tiếp với sản xuất hàng hóa và sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa cũng như sự nô dịch của thiểu số đối với đa số. Và con đường giải thoát duy nhất sự *tha hóa* đó không thể nào khác là cải tạo xã hội bằng *cách mạng*, xóa bỏ chế độ xã hội làm nảy sinh và tồn tại sự tha hóa đó - là chế độ tư hữu và sự đối kháng giai cấp.

Kết luận chính trị - triết học đó được Mác rút ra từ một trong những tác phẩm đầu tay nổi tiếng " Bản thảo kinh tế - triết học (1844)". Song, lịch sử tư duy mác xít, do nhiều nguyên nhân khách quan, không tránh khỏi sự pha trộn giữa chân lý khoa học và các dự báo chưa đủ những luận cứ xung quanh vấn đề sở hữu và thị trường. Vì vậy cần "lọc" cho được những "hạt nhân hợp lý" để tránh hiểu lầm và tránh vận dụng mù quáng những nguyên lý khoa học của Mác.

Trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* (1848), trên cơ sở quy luật quan hệ sản xuất (mà sở hữu là quan hệ hàng đầu) phải phù hợp với trình độ và tính chất của lực lượng sản xuất, Mác và Ăng-ghen nêu kết luận có tính cương lĩnh rằng "có thể tóm tắt toàn bộ lý luận của chúng tôi bằng một công thức duy nhất : *xóa bỏ chế độ tư hữu*". Đáng tiếc rằng, các đảng cộng sản cầm quyền đã thực hiện cái điều "tóm tắt" ấy mà không tính đến một loạt các "chỉ dẫn" kèm theo trong *Tuyên ngôn*. Chẳng hạn:

Thứ nhất, "tập trung những tư liệu sản xuất chủ yếu vào tay nhà nước" (chứ không phải "cào bằng sở hữu tràn lan") ;

Thứ hai, "trước hết ở những nước phát triển nhất" (chứ không phải đối với các nước lạc hậu) ;

Thứ ba, chủ trương đánh "thuế lũy tiến" đối với tư bản hoặc "chuộc lại" nếu giai cấp vô sản chưa đủ mạnh (chứ không phải quét sạch tư bản bằng các "sắc lệnh cộng sản");

Thứ tư, chủ trương xóa sở hữu cá nhân nào gắn liền với nô dịch người khác (chứ không xóa sở hữu cá nhân bất kỳ) v.v..

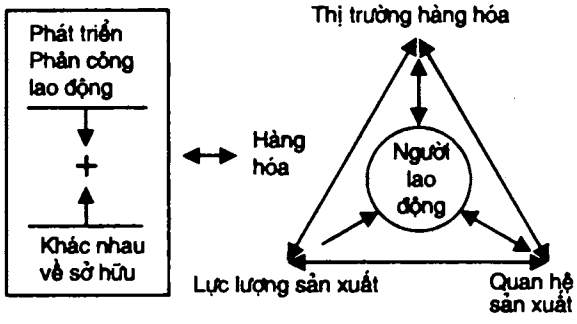
Đó là chưa kể trong *Lời tựa* xuất bản *Tuyên ngôn* (1872), Ăng-ghen viết : Nếu *Tuyên ngôn* được viết lại, thì nhiều phần sẽ viết khác, trừ những nguyên lý cơ bản vẫn giữ giá trị của nó.

Đáng chú ý là lần đầu tiên trong bộ *Tư bản*, *hai điều kiện tất yếu* của sự nảy sinh và tồn tại hàng hóa - tức *phân công lao động phát triển* và *sự khác nhau về sở hữu* - đã được Mác phát hiện. Điều kiện đầu được hiểu như điều kiện *cần* (về lực lượng sản xuất) ; điều kiện sau được hiểu như điều

* PTS triết học, Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

kiện *đủ* (về quan hệ sản xuất). Tác động giữa điều kiện hàng hóa với chính hàng hóa không giản đơn là biện chứng hai chiều mà là *biện chứng ba chiều* rất phức tạp theo *tam giác* : Lực lượng sản xuất - Quan hệ sản xuất - Thị trường hàng hóa ; trong đó *người lao động* là *nhân vật trung tâm* , đặc biệt đối với sản xuất và tái sản xuất hàng hóa *mở rộng*.



Mối quan hệ được thể hiện bằng *tam giác kinh tế cơ bản* này của triết học Mác hoàn toàn xa lạ với việc dùng "sắc lệnh cộng sản" để "cào bằng sở hữu" hay "thủ tiêu thị trường" bất chấp thực trạng lực lượng sản xuất như thế nào. Và ở đây người lao động đã phải trực tiếp hứng chịu hậu quả của tình trạng đó. Triết học Mác cũng chưa hề "truy" sự bất công xã hội ở cái "hang ổ tư hữu" mà "truy" ở *hạn chế lịch sử* của lực lượng sản xuất. Mác tiếp cận sự tồn tại của giai cấp từ điều kiện của sản xuất, và Lê-nin hình dung điều kiện số một để xóa bỏ giai cấp là "thực hiện một bước tiến vĩ đại của lực lượng sản xuất", chính cũng từ lẽ đó.

Như vậy, muốn xử lý hợp quy luật quan hệ giữa sở hữu và thị trường, nhất thiết phải bảo đảm sự nhất quán giữa *tư duy triết học* và *tư duy kinh tế*. Vì rằng, sở hữu cùng với chỉnh thể quan hệ sản xuất vốn là các phạm trù triết học trong sự thống nhất biện chứng với mặt đối lập của nó là lực lượng sản xuất, tạo nên quy luật phù hợp giữa chúng là quy luật nền tảng của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Còn sản xuất hàng hóa cùng với thị trường và các phạm trù tương ứng là đối tượng của các khoa học kinh tế.

Sau *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, bộ *Tư bản* của Mác một lần nữa củng cố khẩu hiệu " Xóa bỏ chế độ tư hữu". Đó là hệ quả lôgíc của quy luật tích lũy tư bản "phân hóa hai đầu" và " phủ định cái phủ định" - nghĩa là sở hữu xã hội sẽ được thiết lập trên cơ sở cao hơn với những thành tựu của văn minh hiện đại và "sự liên hiệp tự nguyện của những người lao động tự do". Song, bộ *Tư bản* không thể và không có nhiệm vụ chỉ ra tiến trình "tước đoạt kẻ đi tước đoạt" sẽ giải quyết vấn đề sở hữu và thị trường như thế nào.

Các tác phẩm sau bộ *Tư bản* vẫn không tránh khỏi tình trạng đó. Ăng-ghen giữ quan niệm "không còn hàng hóa dưới chủ nghĩa xã hội" khi bút chiến với Ba-cu-nin. Trong khi phê phán *Cương lĩnh Gô-ta*, Mác gần như khẳng định điều đó. Về sự phân kỳ chủ nghĩa cộng sản, Mác mới hình dung bản thân chủ nghĩa xã hội chủ yếu là "quá độ chính trị " hơn là "quá độ kinh tế" và không đặt vấn đề tồn tại hàng hóa - thị trường và những khác biệt nhất định về sở hữu. Một mặt, Mác thừa nhận chủ nghĩa xã hội còn mang nhiều dấu vết từ xã hội mà nó thoát thai - nhất là vấn đề *phân phối theo lao động* như một yếu tố của *pháp quyền tư sản*. Mặt khác, Mác lại chưa quan niệm rằng kiểu *pháp quyền tư sản* đặc thù ấy, dưới chủ nghĩa xã hội còn tất yếu liên hệ với tất cả các kênh sản xuất hàng hóa và thị trường như thế nào để tăng trưởng vượt bậc lực lượng sản xuất và thực hiện phân phối theo lao động. *Một nhà nước pháp quyền* dưới chủ nghĩa xã hội với tư cách *một phương tiện tất yếu* để thực thi nền dân chủ kiểu mới trên mọi lĩnh vực của đời sống lại càng ở ngoài tầm dự kiến của Mác.

Những bài học thực tiễn từ 72 ngày đêm của Công xã Pa-ri (3/1871) được Mác ghi nhận như có tính quy luật, giờ đây cần được nhận thức lại, như :

- Công xã là kiểu nhà nước "ít tốn kém nhất" vì "vừa lập pháp vừa hành pháp" ;

- Các ủy viên ban chấp hành Công xã được tập thể Công xã trực tiếp dân chủ bầu lên và có thể bị bãi miễn bất cứ lúc nào ;

Digitized by Google

- Tiền lương ủy viên ban chấp hành Công xã ngang với công nhân thành thạo.

Học thuyết "Nhà nước tiêu vong" của Ăng-ghen cũng quan niệm đơn giản về "nhà nước" theo nghĩa đen, "nhà nước 1/2 nhà nước" trên cơ sở xã hội hóa trực tiếp toàn bộ lao động và tư liệu sản xuất, sẽ "quản lý vật" thay vì "quản lý người" v.v..

Những điều đại loại như thế được Lê-nin nhắc lại trong tác phẩm *Nhà nước và cách mạng* và thể hiện tập trung ở mô hình chủ nghĩa *cộng sản thời chiến* trong bối cảnh nội chiến sau Cách mạng Tháng Mười. Mô hình này đã cắt đứt quan hệ thực tế giữa vấn đề sở hữu và thị trường từ cả *hai* phía : một phía quốc hữu hóa toàn bộ các cơ sở kinh tế tư bản (cả ruộng đất) ; một phía trực tiếp tổ chức sản xuất và phân phối ở thành thị và trưng thu lương thực thừa ở nông thôn.

Mô hình đó được thực thi đã dẫn tới sự khủng hoảng vào mùa xuân 1921. Và Lê-nin với một tư duy sắc sảo và thiên tài, đã kịp thời phân tích mô hình đó như "một sai lầm về đường lối" dẫn tới "khủng hoảng kinh tế và chính trị sâu sắc", "một sự thất bại rất nặng nề" và đòi hỏi "một sự rút lui rất nghiêm trọng"(1).

Cuộc tiến công vào chủ nghĩa tư bản theo lối "trực tiếp", "xung phong" như vậy, theo Lê-nin, là "dại dột và tự sát". Việc cường điệu động lực chính trị - tinh thần xem ra đã bóp nghẹt các động lực kinh tế và các kích thích lợi ích cá nhân.

Mô hình *chính sách kinh tế mới* (NEP) do Lê-nin đề xướng tháng 3 - 1921 thay cho mô hình *cộng sản thời chiến* thực sự trở thành "phép mầu", đã cứu nước Nga xô viết và toàn Liên xô khỏi khủng hoảng trong thời gian kỷ lục (4 năm!). Báo chí tư sản đã không tiếc lời ca ngợi "điều kỳ diệu xô viết". Thực chất của "phép mầu" này là *thừa nhận và phục hồi trên thực tế quan hệ tất yếu giữa sở hữu đa dạng và thị trường hàng hóa*, tạo địa bàn tối ưu cho sự giải phóng và tăng trưởng vượt bậc lực lượng sản xuất trong tiến trình xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Chính sách thuế lương thực thay thế trưng thu lương thực thừa ở nông thôn là bộ phận cấu thành hữu cơ của tiến trình lịch sử này.

Nếu điểm xuất phát quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ phổ biến là kinh tế hiện vật tiền tư bản, thì quan hệ giữa sở hữu đa dạng và thị trường hàng hóa càng phức tạp và tất yếu gấp bội. Quá trình "giao thoa" hay "nhảy vọt kép" của 2 kiểu quá độ (phong kiến lên tư bản và tư bản lên chủ nghĩa xã hội) giải thích tính phức tạp và tất yếu đó. *Kẻ thù chính* của quá trình này về mặt khách quan - như luận chứng tinh tế của Lê-nin - chưa và sẽ không phải là chủ nghĩa *tư bản tư nhân*, mà chính là *tính tự phát tiểu tư sản vô chính phủ*. Muốn chiến thắng "kẻ thù đặc biệt, khó nhìn thấy và ở ngay trong mỗi chúng ta " này, Lê-nin đòi hỏi giai cấp vô sản lãnh đạo phải biết trưởng thành nhanh nhất, nhờ học hỏi tài tổ chức quản lý và kinh doanh ở giai cấp tư sản và chuyên gia của họ (trong nước và quốc tế) thông qua thành phần *chủ nghĩa tư bản nhà nước* dưới nhiều loại hình sinh động của nó. Đặc biệt, mặt trận thương nghiệp, như Lê-nin chỉ dẫn, trở thành "mắt khâu xung yếu" mà những người cộng sản "cần dốc sức nắm lấy" - dù phải bắt đầu "từ A, B, C" cho tới trình độ "người buôn bán văn minh".

Không thể không nhắc lại thái độ mềm dẻo của Lê-nin đối với *đặc thù nông nghiệp* trong khuôn khổ NEP. Dẫu rằng *Sắc lệnh về ruộng đất* quy định sở hữu nhà nước về *mặt pháp lý* đối với toàn bộ ruộng đất ngay từ ngày thứ hai sau Cách mạng Tháng Mười, trên thực tế, phần sở hữu của hàng trăm triệu nông dân xô viết *vẫn được bảo tồn* (nếu không nói là còn được tăng cường đáng kể nhờ chia lại ruộng đất của địa chủ và nhà thờ). Chính sở hữu thực tế ấy là *điểm tựa vật chất khách quan* bảo đảm thực thi chính sách *thuế lương thực* (thay cho trưng thu lương thực thừa). Không những bộ mặt nông nghiệp, nông dân, nông thôn của một đất nước còn phổ biến là tiểu nông được cải

(1) V.I.Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 199

Digitized by Google

biến nhanh chóng qua con đường thương phẩm hóa các nông sản và trao đổi hai chiều với thành thị, mà sâu xa hơn, liên minh công nông cũng thực sự chuyển từ trọng tâm chính trị - quân sự sang kinh tế - xã hội với một chất lượng mới.

Lê-nin hình dung quá trình xã hội hóa sở hữu trong nông nghiệp sẽ diễn ra tuần tự và chậm chạp hơn so với công nghiệp, theo các nguyên tắc *tự nguyện, quản lý dân chủ và cùng có lợi*. Người diễn đạt bằng hình ảnh rằng, chủ nghĩa xã hội hãy còn nằm dưới lớp đất sâu, mà "lưỡi cày cách mạng" với sự tham gia của giai cấp tư sản mới chỉ cày xới trên bề mặt. *Chế độ hợp tác*, vì thế, vẫn còn thuộc phạm trù chủ nghĩa tư bản nhà nước, và chỉ có thể đồng nhất với chủ nghĩa xã hội khi đã tiến hành thắng lợi một cuộc *cách mạng văn hóa* với ý nghĩa đầy đủ nhất của nó. Tác phẩm *Bàn về hợp tác* của Lê-nin đã xác nhận rằng "toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi về căn bản" chính là nằm trong ý nghĩa đó [2].

Đã và sẽ còn nhiều cách tiếp cận và đánh giá khác nhau về NEP. Nó "có thể trở thành cuốn giáo khoa tuyệt vời về chủ nghĩa xã hội thực tiễn" như Viện sĩ Môi-sép thừa nhận [3]. Nhà nghiên cứu xô viết Bu-gơ-láp-xki thì vẫn phải giả định - dù lịch sử không bao giờ giả định - rằng nếu Lê-nin sống lâu hơn để NEP đi trọn quãng đường lịch sử dành cho nó, thì tình hình sẽ *nhẹ nhàng hơn, hiệu quả hơn, có tính người hơn*! Cơ sở phương pháp luận chung cho những đánh giá như vậy chỉ có thể là sự thừa nhận trên thực tế quan hệ tất yếu giữa sở hữu đa dạng và thị trường hàng hóa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bất luận điểm xuất phát ở trình độ nào. Quan hệ đó làm phức tạp thêm và cũng sinh động hơn cuộc đấu tranh giai cấp trong điều kiện chuyên chính vô sản.

Đáng tiếc rằng, hai thuộc tính nhân tạo *thuần sở hữu*, và *phi thị trường* lại lặp lại từ 1928 và ngự trị nhiều thập niên ở Liên xô (cũ). Những thành tựu và kỳ tích có thật mà mô hình đó ghi tạc vào biên niên sử của thế kỷ bão táp chúng ta, chủ yếu gắn liền trước hết với các động lực *phi kinh tế* (đương nhiên không phải tất cả đều xấu), chứ chưa thực sự là động lực kinh tế qua các kênh hàng hóa.

Từ giữa thập niên 70, với sự triển khai giai đoạn mới của cách mạng khoa học kỹ thuật, với sự cân bằng vũ khí chiến lược - hạt nhân giữa hai hệ thống, với chiến thắng vang dội của Việt nam trong cộng cuộc giải phóng đất nước, với xu thế quốc tế hóa trên nhiều lĩnh vực lực lượng sản xuất lẫn quan hệ sản xuất, sự chuyển dịch sản xuất theo *chiều rộng* sang *chiều sâu* trong tính chỉnh thể của nền sản xuất và tái sản xuất hàng hóa toàn cầu đã được thực thi và gắn bó hữu cơ với quá trình này.

Một bức tranh tương phản có tính thời đại đã diễn ra : một bên, chủ nghĩa tư bản hiện đại kịp thời điều chỉnh chiến lược cả đối nội lẫn đối ngoại, để thích ứng với cục diện mới và kéo dài "tuổi thọ" của mình ; một bên, say sưa với điệp khúc "chủ nghĩa xã hội phát triển" mà bên trong đã xuất hiện trạng thái tiền khủng hoảng để cuối cùng, với sự phản trắc trong hàng ngũ "các nhà cải tổ", rơi vào khủng hoảng và sụp đổ.

Cả trước và trong khủng hoảng, không một sự canh tân nào trong lĩnh vực quản lý hoặc phân phối có thể cứu vãn được mô hình đó khi mà hệ thống *công hữu xơ cứng* và *quan hệ kinh tế hiện vật* ngự trị.

Sự xã hội hóa thiếu chín muồi khách quan trong tương quan ngày càng cách biệt với chủ nghĩa tư bản hiện đại cùng với thuộc tính phi thị trường như sản phẩm sinh đôi đã dẫn đến tình trạng *không có thước đo và rối loạn cách đo giá trị lao động và mọi giá trị xã hội khác*. Trong điều kiện đó, nhà nước đã mặc nhiên quyết định trực tiếp toàn bộ chương trình sản xuất và phân phối, và không tránh khỏi dành đặc quyền đặc lợi cho một thiểu số.

(2) V.I. Lênin : *Sđd*, t 45, tr 428

(3) N.N.Môi-sép: *Chủ nghĩa xã hội và tin học*, Viện tính toán và điều khiển - Viện thông tin khoa học xã hội, Hà nội, 1989, t 1, tr 89

Digitized by Google

Một kiểu *tha hóa mới* xuất hiện dưới mô hình trái quy luật này với cả *hai* phía: tầng lớp quan liêu đặc quyền đặc lợi lớn dần và quần chúng lao động chịu đựng chủ nghĩa bình quân ngày càng nghiệt ngã cùng với thái độ thờ ơ trong sản xuất và trong các nghĩa vụ công dân. Một "khoảng trống ý thức hệ" trong tình huống đó trở thành mảnh đất màu cho các ý thức hệ phản diện và cho các mưu toan cơ hội tranh giành quyền lực.

Kết cục tai hại nhất có thể có của các bi kịch đó là *tái phân hóa giai cấp* từ sự xuất hiện các dạng "kinh tế ngầm", "kinh tế bóng râm", "kinh tế đen", "kinh tế phi pháp" hay "ma-phi-a" mà báo chí xô viết từng mô tả.

Trung thành với học thuyết Mác khoa học và cách mạng, kiên quyết khắc phục những khuyết tật từ mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội, đồng thời bám sát thực tiễn đất nước và thời đại, Đảng cộng sản Việt nam quyết định thực hiện sự nghiệp đổi mới toàn diện kể từ Đại hội VI, trong đó chủ trương đa dạng hóa hình thức sở hữu, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Đó là quyết định rất sáng suốt và đúng đắn. Cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội đã bị đẩy lùi. Những thành tựu đầy ý nghĩa trên mọi lĩnh vực xác nhận tính đúng đắn của đường lối đổi mới. Song, với tất cả *chiều rộng và chiều sâu* của vấn đề sở hữu và thị trường, vẫn tồn tại và nảy sinh không ít vấn đề cần tiếp tục giải quyết từ cách tiếp cận hệ thống. Theo tinh thần này, tôi xin nêu một số kiến nghị sau :

1- Cần bổ sung vào cấu trúc sở hữu "bộ ba" hiện nay (toàn dân, tập thể, tư nhân) một *hình thức thứ tư* cũng cơ bản không kém là *sở hữu nhỏ - cá thể* của những người sản xuất nhỏ từ nông thôn tới thành thị, tương ứng với "giai cấp tiểu tư sản" nói chung mà Lê-nin vẫn thường nói tới sự tồn tại khách quan của nó suốt thời kỳ quá độ.

2- Địa bàn khu vực kinh tế nhà nước - *trong thời bình* - tùy thuộc trước hết vào sự chín muồi trình độ và tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất cũng như vào tương quan cho phép giữa thượng tầng chính trị và hạ tầng kinh tế. Ngoài hai lĩnh vực đặc thù là *công nghiệp quốc phòng* và *kết cấu hạ tầng*, nên chăng thay vì công thức giản đơn "quốc doanh nắm những ngành then chốt", chuyển sang công thức "nhà nước nắm cổ phần then chốt trong những doanh nghiệp then chốt của những ngành then chốt". Công thức "ba lần then chốt" này vừa bảo đảm sự hiện diện của các chủ thể sở hữu *đích thực - bằng xương bằng thịt*, vừa bảo đảm tuân thủ "các luật chơi" của công ty cổ phần, hạn chế tối đa các bi kịch của tình trạng vô chủ trước đây.

3- Thực thi *chương trình cổ phần hóa* đối với khu vực kinh tế nhà nước (ngoài hai lĩnh vực công nghiệp quốc phòng và kết cấu hạ tầng đã nêu) càng sớm càng tốt. Cần hiểu rằng cổ phần hóa (với tỷ trọng tăng dần cho cổ phần những người lao động tại chỗ bên cạnh cổ phần của nhà nước) cũng là một *phương thức xã hội hóa tối ưu* để phát huy vai trò chủ thể - sáng tạo của người lao động.

4- Cần xác nhận *tính phổ biến* của thuộc tính hàng hóa *sức lao động* ở mọi thành phần kinh tế, không có ngoại lệ. Vấn đề chỉ là xử lý tính *đặc thù* của hàng hóa đặc biệt này trong điều kiện thống trị của đa số đối với thiểu số mà thôi.

5- Tinh giản triệt để bộ máy nhà nước theo phương châm của Lê-nin "thà ít mà tốt", đồng thời xây dựng một đội quân "kiểm kê - kiểm soát" hùng mạnh bảo đảm cho các thành phần kinh tế từ vĩ mô đến vi mô vận hành trong quỹ đạo định hướng.

6- Xây dựng và đổi mới hệ thống chính trị vững mạnh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, *tăng cường và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, vì dân, do dân,* hình thành *một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, ổn định và được thực thi nhất quán,* đó là *những tiền đề tuyệt đối cần thiết* ❑

Digitized by Google

THẾ NÀO LÀ ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC ?

BÙI VĂN NOÃN*

CÁC nghị quyết của Đảng đã khẳng định: chúng ta xây dựng nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Như vậy, mô hình kinh tế mà chúng ta xây dựng là mô hình vừa mang đặc tính của kinh tế thị trường vừa có những đặc thù gắn với chế độ công hữu - nền tảng của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa.

Cái khó nhất của mô hình kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là chưa có một tiền lệ. Nó đòi hỏi tính tự giác rất cao và phải giải quyết cho được hàng loạt vấn đề ở *hai* cấp độ : *thứ nhất* là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường nhưng *do nhà nước quản lý* ; và *thứ hai* là việc điều hành quản lý ấy lại *theo định hướng xã hội chủ nghĩa*. Vậy nên, việc xác định nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa đối với các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) là vấn đề hết sức có ý nghĩa trong việc đổi mới tổ chức quản lý DNNN cũng như nâng cao vai trò quản lý, điều tiết của nhà nước, nhất là trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay.

Từ kinh nghiệm các nước và thực tế sản xuất kinh doanh ở nước ta, tôi xin trao đổi một số ý kiến bước đầu về vấn đề này.

*
* *

Thực tế lịch sử phát triển kinh tế xã hội ở nhiều nước cho thấy : sự tồn tại của khu vực doanh nghiệp nhà nước là một tất yếu khách quan trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước. Đây chính là công cụ vật chất mạnh mẽ mà nhà nước sử dụng cùng với các công cụ và đòn bẩy kinh tế khác để thực hiện chức năng điều tiết của mình. Ở các nước khác nhau thì tỷ trọng của DNNN trong nền kinh tế quốc dân cũng khác nhau. Ở *các nước tư bản phát triển*, tỷ trọng này thường từ 4 đến 30%, nhưng cũng có nước có thời kỳ tới trên 40%. Ở *các nước đang phát triển*, tỷ trọng này cao hơn, phổ biến là 25 - 50%, cá biệt tới 60 - 70%. Tùy theo hoàn cảnh cụ thể mà mỗi nước có những quan điểm, định hướng, chính sách cũng như xác định quy mô, tổ chức thích hợp để nâng cao hiệu quả kinh tế của khu vực kinh tế này, góp phần thực hiện những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. Ở Pháp, chủ trương mở rộng DNNN trong những năm 60- 80 liên quan tới quá trình chuyển hóa cơ cấu kinh tế nhằm thích ứng với quá trình phát triển hợp tác phân công quốc tế, tăng sự kiểm soát của nhà nước và bảo vệ lợi ích quốc gia. Ở Mỹ, nơi có tư tưởng tự do kinh doanh phát triển mạnh nhất, DNNN phát triển chủ yếu ở khu vực kinh tế công cộng. Ở Đức, Áo, Thụy điển... DNNN gắn liền với quan điểm phát triển kinh tế thị trường xã hội. Ở các nước công nghiệp hóa mới, chế độ cầm quyền nào cũng đều có xu hướng thiết lập khu vực kinh tế quốc doanh đủ mạnh để tạo mũi nhọn trong công nghiệp, tạo đà và bảo hiểm cho phát triển kinh tế nhanh chóng.

Tuy nhiên, trong các *nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa* thì kinh tế tư nhân là chủ yếu ; còn trong *nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa* thì kinh tế nhà nước - mà nòng cốt là các DNNN - giữ vai trò chủ đạo.

Trong quá trình tổ chức, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường, nhà nước ta sử dụng một phần vốn, tài sản thuộc sở hữu nhà nước xây dựng khu vực DNNN đủ mạnh, hoạt động có hiệu quả để giữ vai trò

* Tổng giám đốc Liên hợp bê tông xây dựng Hà nội

Digitized by Google

chủ đạo trong nền kinh tế. Nhà nước sử dụng các DNNN như một "công cụ vật chất" để vừa hướng dẫn, điều chỉnh những biến động tự phát của thị trường ; vừa "mở đường", làm "đầu tàu" thu hút, lôi kéo các thành phần kinh tế khác phát triển nhanh theo định hướng chiến lược và kế hoạch của nhà nước. *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000* đã nêu rõ : "Khu vực quốc doanh được sắp xếp lại, đổi mới công nghệ và tổ chức quản lý, kinh doanh có hiệu quả, liên kết và hỗ trợ các thành phần kinh tế khác, thực hiện vai trò chủ đạo và chức năng của công cụ điều tiết vĩ mô của nhà nước"(1). Do vậy, DNNN là một trong những nhân tố của chủ nghĩa xã hội, là sự hiện hữu của quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa ; bản thân sự hiện diện của khu vực DNNN với tư cách là thành phần chủ đạo trong nền kinh tế thị trường ở nước ta đã khẳng định tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế đó.

Theo suy nghĩ của tôi, định hướng xã hội chủ nghĩa đối với các DNNN ở nước ta có **những nội dung chủ yếu** sau :

Thứ nhất, DNNN phải là điển hình về tổ chức quản lý kinh doanh có hiệu quả. Với chức năng chủ đạo trong nền kinh tế, thì các DNNN phải sản xuất kinh doanh có lãi và phát triển. Trên cơ sở định hướng phát triển, DNNN phải xây dựng các chiến lược phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, hiện đại hóa công nghệ, đổi mới tổ chức quản lý, xây dựng con người mới sao cho đạt hiệu quả kinh tế xã hội cao nhất. Mục tiêu của DNNN không chỉ dừng lại ở lợi nhuận, mà còn ở những mục tiêu xã hội : giải quyết việc làm, công bằng xã hội. Các hình thức tổ chức, các mô hình quản lý phải đạt được hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Bởi vậy, cần phải xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ các giám đốc thành các nhà doanh nghiệp vừa giỏi kinh doanh, vừa có ý thức và trách nhiệm của người cộng sản.

Thứ hai, DNNN phải đi đầu trong việc đổi mới và hiện đại hóa kỹ thuật - công nghệ. Trước hết, tập trung đầu tư cho các công nghệ mới tiên tiến và phù hợp với điều kiện nước ta. Chỉ trên cơ sở hiện đại hóa và trang bị công nghệ tiên tiến thì mới tạo ra năng suất lao động cao, chất lượng sản phẩm tốt đủ sức cạnh tranh trên thị trường ; từ đó, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tạo nhiều lợi nhuận. Ngày nay, tụt hậu về công nghệ và "chất xám" sẽ dẫn đến nguy cơ tụt hậu về kinh tế, cả ở tầm vĩ mô và vi mô. Không có khoa học - công nghệ hiện đại thì không thể phát triển lực lượng sản xuất, mà không có lực lượng sản xuất phát triển thì cũng không thể có xã hội xã hội chủ nghĩa. Do đó, đi đầu trong việc đổi mới, hiện đại hóa công nghệ, tập trung đầu tư cho công nghệ mới tiên tiến là một nội dung trọng yếu của định hướng xã hội chủ nghĩa trong các DNNN. Ưu thế của DNNN trước hết là ưu thế về trang bị kỹ thuật và công nghệ - yếu tố cơ bản tạo nên sức cạnh tranh trên thị trường. Chỉ có như vậy, DNNN mới bảo đảm được vai trò chủ đạo, trung tâm lôi cuốn các thành phần kinh tế khác đi theo, và thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh.

Thứ ba, DNNN đi đầu trong việc bảo đảm và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của người tiêu dùng. Xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội tất cả vì con người. Đó là bản chất nhân văn của chủ nghĩa xã hội. Tính nhân văn, tiến bộ của kinh tế thị trường cũng thể hiện ở chỗ nó tạo ra cơ chế khiến các doanh nghiệp không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, đáp ứng tối đa mọi nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Vì thế, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các DNNN phải thực hiện nhiệm vụ bảo đảm và không ngừng nâng cao chất lượng hàng hóa, cho dù đó là hàng hóa công cộng hay hàng hóa thông thường, hàng hóa dịch vụ hay hàng hóa tiêu dùng, vật tư, bảo đảm đáp ứng nhu cầu đa dạng, phong phú của quần chúng nhân dân lao động. Đó cũng chính là một trong những mục tiêu cơ bản của chủ nghĩa xã hội.

Thứ tư, DNNN phải thực hiện sự công bằng xã hội và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Công bằng xã hội vừa là động lực vừa là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

(1) *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 12

Digitized by Google

Do vậy, các DNNN phải đi đầu trong xây dựng nếp sống, nếp làm việc mới, văn minh trong kinh doanh, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa người và người trong doanh nghiệp, bảo đảm công bằng xã hội trong quan hệ sản xuất, quản lý, phân phối, quan hệ tình nghĩa tương thân, tương ái, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau... Thông qua môi trường đó, đào tạo bồi dưỡng và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa vừa "hồng" vừa "chuyên". Chỉ trên cơ sở có con người xã hội chủ nghĩa, mới có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, DNNN là nơi tập hợp đông đảo đội ngũ vừa lao động giỏi, vừa có phong cách văn hóa mới, thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội để thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Rõ ràng, không ngừng nâng cao tính cộng đồng trong DNNN, xây dựng đội ngũ những người lao động mới là một vấn đề hết sức quan trọng của sự định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc nâng cao tính cộng đồng trong DNNN phải hướng vào mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, nâng cao lợi nhuận, hoàn thành các nghĩa vụ với nhà nước ; qua đó không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

*
* *

Khu vực DNNN ở ta hiện nay hằng năm tạo ra khoảng 30 - 40% tổng sản phẩm xã hội, 20 - 30% thu nhập quốc dân ; là nơi cung cấp 60 - 80% tổng thu ngân sách nhà nước; chiếm lĩnh hầu hết các vị trí then chốt của nền kinh tế quốc dân ; hằng năm sử dụng trên 80% tín dụng từ hệ thống ngân hàng nhà nước. Sau thời kỳ khó khăn do chuyển đổi cơ chế, những năm gần đây, không ít DNNN đã thích nghi với cơ chế thị trường, làm ăn có hiệu quả, có lãi và nộp ngân sách cao. Trong khi đó, kinh tế tư nhân cũng đã bước đầu khởi sắc, có tỷ trọng cao, nhưng chủ yếu trong các ngành công nghiệp nhẹ, thương mại bán lẻ, dịch vụ nhỏ, chưa thật sự lớn mạnh và có uy tín trên thị trường cả trong và ngoài nước.

Bởi vậy, các quan điểm *cực đoan* về kinh tế quốc doanh (như phát triển tràn lan, hay giải thể càng nhanh càng tốt) đều không phù hợp. Vấn đề là ở chỗ trên cơ sở định hướng xã hội chủ nghĩa, cần đổi mới khu vực kinh tế nhà nước nói chung và DNNN nói riêng như thế nào để DNNN đủ sức đảm nhiệm vai trò là một công cụ vật chất trong tay nhà nước xã hội chủ nghĩa, đi tiên phong trong việc khắc phục "nguy cơ tụt hậu về kinh tế" và "nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa".

Để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của các ĐNNN, xin có **một số kiến nghị** như sau :

1- Sớm tìm con đường và phương thức tách quyền sở hữu và quản lý của nhà nước ra khỏi quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về kinh tế của các cấp, các ngành với quản lý sản xuất kinh doanh của giám đốc các doanh nghiệp. Xác định rõ ranh giới, phạm vi và trách nhiệm giữa quyền sở hữu vốn của nhà nước với quyền sử dụng vốn của giám đốc các doanh nghiệp.

2 - Sớm xóa bỏ "cơ chế chủ quản" là cơ chế của sự can thiệp hành chính mệnh lệnh vào kinh tế ; nó không đáp ứng được yêu cầu của cơ chế thị trường. Thực tế ở nước ta cho thấy, việc tách nhập các đơn vị cả hành chính sự nghiệp lẫn sản xuất kinh doanh, nếu không do yêu cầu khách quan mang tính quy luật đòi hỏi mà chỉ dựa theo ý muốn chủ quan của các cấp vĩ mô, thì đều không mang lại hiệu quả kinh tế xã hội, thậm chí còn gây nhiều hậu quả nghiêm trọng. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với các DNNN đang làm ăn có hiệu quả, có uy tín và sức cạnh tranh trên thị trường. Bởi vậy, cần thay "cơ chế chủ quản" hiện nay bằng cơ chế *mới*, phù hợp với đòi hỏi của cơ chế thị trường. Cơ chế này trước hết là cơ chế thị trường được thiết kế tốt và ngày càng hoàn hảo ; là hệ thống luật pháp ngày càng được hoàn thiện và đồng bộ ; là bộ máy hành chính quốc gia có năng lực về quản lý nhà nước và đội ngũ giám đốc DNNN có tay nghề cao.

3 - Nhà nước cần có chính sách tiếp tục đầu tư, khuyến khích quá trình tích tụ, tập trung vốn, hình thành những DNNN mạnh

Digitized by Google

theo mô hình *tập đoàn kinh tế* hoặc *tổng công ty*, đủ sức đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và đủ sức cạnh tranh với các tập đoàn kinh tế nước ngoài trên thị trường nội địa và thị trường quốc tế. Việc hình thành các đơn vị này phải dựa vào *tính tất yếu kinh tế* của sự liên kết, hợp tác, chứ không thể theo mệnh lệnh, áp đặt chủ quan. Có như vậy mới gắn kết được các thành viên trong đơn vị mới hình thành bằng lợi ích kinh tế, từ đó tạo ra sức mạnh cạnh tranh thực sự.

4 - Tham nhũng đang là một thực tế, và nguy cơ của nó không kém gì nguy cơ tụt hậu về kinh tế. Tệ nạn này đã và đang góp phần làm chệch hướng xã hội chủ nghĩa trong các DNNN. Do vậy, cần tăng cường hơn nữa cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các DNNN. Gấp rút hoàn thiện các chế độ kế toán, kiểm toán, kiểm kê... nhằm phòng ngừa tình trạng tài sản, vốn liếng, đất đai... của các DNNN có thể bị thất thoát, nhất là khi xóa "chủ quản".

5 - Xây dựng và hoàn thiện quy chế tuyển chọn, đào tạo, bổ nhiệm, sa thải, thuyên chuyển và quản lý đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ quản lý trong các DNNN ; đặc biệt là đội ngũ giám đốc. Đi kèm với quy chế này là những định chế về trách nhiệm ràng buộc và quyền lợi của giám đốc DNNN.

6 - Tăng cường và đổi mới công tác đảng nhằm củng cố và chỉnh đốn cơ sở đảng ở các DNNN. Cần phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm về các vấn đề của doanh nghiệp giữa giám đốc doanh nghiệp và bí thư đảng ủy. Bảo đảm tổ chức đảng ở doanh nghiệp *thực sự có trí tuệ* để giữ được vai trò lãnh đạo, định hướng mà không can thiệp sâu vào việc điều hành sản xuất kinh doanh ; để xứng đáng là trung tâm đoàn kết nội bộ, chỗ dựa vững chắc về tinh thần cho giám đốc bảo đảm sản xuất kinh doanh không ngừng phát triển ❑

Lợi cho ai...

(Tiếp theo trang 26)

kết mọi sáng kiến của nhân dân để từ những đổi mới từng phần, từng bước hình thành nên đường lối đổi mới toàn diện. Đảng cũng phải tự đổi mới mình và yêu cầu nhân dân giám sát sự đổi mới của Đảng, góp phần xây dựng Đảng ngày càng trong sạch và vững mạnh. Đảng không giấu giếm điều gì cần thiết cho đổi mới, kể cả những sai lầm và khuyết điểm của Đảng, sự thoái hóa, biến chất của không ít đảng viên, càng phải nêu rõ định hướng để quy tụ mọi cố gắng, sáng tạo của nhân dân và của Đảng, để tiếp thu những kiến thức, kinh nghiệm dân tộc và nhân loại cần thiết cho sự phát triển đi lên. Nếu cho rằng nhấn mạnh định hướng xã hội chủ nghĩa trong đổi mới là "kìm hãm đổi mới", "kìm hãm sự phát triển " thì sự đổi mới, phát triển bị kìm hãm ấy là sự đổi mới, phát triển nào ?

Một lần nữa lại thấy hướng đi là không thể không có. Vấn đề là hướng đi nào. Không định hướng này thì định hướng khác. Có người nói rõ mình đi theo và khuyên người khác đi theo định hướng tư bản chủ nghĩa. Có người muốn thế nhưng úp úp mở mở để đánh lừa người khác. Ngay cả những người tự kéo tóc mình để nhấc mình lên khỏi mặt đất, nói không tự hạn chế trong những khái niệm đã có về chủ nghĩa xã hội, về chủ nghĩa tư bản v.v.. để đi tìm một cái gì hoàn toàn mới chưa từng có, cũng thì thầm một định hướng nào đó : ít nhất cũng là nhằm phá hoại lòng tin của nhân dân vào chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vào chủ nghĩa xã hội, vào Đảng, mà- như người Pháp nói - "lòng tin đã là một nửa thắng lợi".

Vậy thì, không định hướng thật ra cũng là định hướng, có điều không phải là định hướng xã hội chủ nghĩa mà thôi. Cho nên, càng cần nói rõ định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển của đất nước. Bởi chúng ta biết, nói rõ hay không nói rõ định hướng xã hội chủ nghĩa, mục tiêu chủ nghĩa xã hội ra như vậy, lợi cho ai và hại cho ai, ai đó là ai ❑

Digitized by Google

Bước đầu tìm hiểu kinh tế trang trại ở nước ta

TRẦN ĐỨC

Từ xưa đến nay, nước ta đã trải qua nhiều hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp : từ thái ấp điền trang thời Lý Trần, đồn điền thời nhà Lê, nhà Nguyễn và dưới thời Pháp thuộc, các ấp trại và các nông lâm trường quốc doanh của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, đến các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp từ đầu thập kỷ 60 đến cuối thập kỷ 80. Lại phải kể đến các hộ kinh tế tiểu nông mà thời nào cũng có, trong đó có một số đã bắt đầu sản xuất ra một ít hàng hóa.

Đó là chuyện của nước ta. Nhìn ra thế giới, chúng ta thấy hiện nay và cả sang thế kỷ 21 nữa, kinh tế trang trại là hình thức tổ chức phổ biến trong nông nghiệp không chỉ ở những nước tư bản phát triển mà cả ở những nước đang phát triển, và nó *chủ yếu* là các trang trại *gia đình* (chiếm 87% trang trại ở Mỹ, chiếm tuyệt đại bộ phận trang trại ở Nhật, Đài loan...).

Ôn cổ tri tân và kết hợp trong nước với trên thế giới, chúng ta thử tìm kiếm mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp của nước ta trước mắt và trong tương lai. Chúng ta thừa nhận rằng trong không khí đổi mới nền kinh tế những năm gần đây, nhiều trang trại gia đình đã xuất hiện khắp nơi trên đất nước ta. Bước đầu tìm hiểu sự kiện kinh tế trên đây, chúng ta không thể bỏ qua những đặc điểm kinh tế - xã hội đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự hình thành và phát triển các trang trại.

Nước ta cũng như nhiều nước khác ở châu Á có đất bình quân đầu người vào loại thấp trên thế giới. Theo số liệu thống kê năm 1990, mỗi hộ bình quân ở nước ta chỉ có 0,59 ha. Cũng như ở nhiều nước châu Á khác, số lượng trang trại ở nước ta không tính riêng mà thường gộp với các hộ tiểu nông. Rồi đây, nếu tách riêng số hộ tiểu nông ra, diện tích bình quân các trang trại ở ta có thể lớn hơn con số nói trên, nhưng chắc cũng không vượt khỏi quy mô bình quân chung của châu Á là từ 1 đến 3 ha.

Nước ta là một nước nông nghiệp, nguồn sống chính của cư dân nông thôn dựa vào nông nghiệp, vì vậy cơ cấu thu nhập của các trang trại dựa hoàn toàn hay phần lớn vào nông nghiệp. Các trang trại loại này được xếp vào loại "thuần nông", quy mô thường lớn hơn quy mô bình quân của trang trại nói chung, vì có như vậy nguồn thu nhập của chúng (chủ yếu từ nông nghiệp) mới đủ sức trang trải các nhu cầu cho sinh hoạt và tái sản xuất. Trang trại thuần nông hiện nay chiếm phần lớn các trang trại ở nước ta. Sau này, theo đà phát triển của công nghiệp, tỷ lệ đó sẽ giảm dần (như ở Đài loan, số trang trại thuần nông năm 1960 là 49,3% ; năm 1980, tỷ lệ đó chỉ còn 9%).

Bên cạnh các trang trại thuần nông còn có các trang trại chỉ làm *một phần* nông nghiệp, còn thì làm các công việc khác, ngoài nông nghiệp. Loại trang trại này quy mô thường nhỏ và trang trại nào càng ít ruộng đất thì càng làm các công việc ngoài nông nghiệp nhiều hơn. Đây cũng là một đặc điểm của trang trại ở các nước châu Á. Trang trại này thường kinh doanh *tổng hợp*, kết hợp nông nghiệp với tiểu, thủ công nghiệp để có thể tăng thêm nguồn thu nhập ít ỏi của gia đình. Ở nước ta, loại trang trại này thường phát triển ở những vùng đông dân như châu thổ sông Hồng, ở đó các ngành nghề thủ công đã tồn tại từ lâu đời.

Sự phân loại trên đây chỉ có tính tương đối. Sau này, khi tình hình công nghiệp phát triển, các loại trang trại *khác* có thể xuất hiện (như trang trại làm nông nghiệp chỉ là phụ ; hay trang trại của những thị dân - công nhân, viên chức, nhà buôn, - họ thuê những mảnh đất nhỏ ở nông thôn để sản xuất nông nghiệp trong những ngày cuối tuần như hiện có ở Nhật bản).

Sự phân loại trên đây chưa có tính định lượng dựa trên những đặc trưng chủ yếu của kinh tế trang trại. Khái niệm thế nào là trang trại cũng chưa phải đã có ý kiến thống nhất. Nhiều người cho rằng đó là một hình thức tổ chức sản xuất, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa, tập trung nhiều ruộng đất và có thuê mướn nhân công. Theo ý tôi, khi nghiên cứu trang trại ở nước ta, nên lấy *tỷ suất nông sản hàng hóa* làm *mục tiêu chính*, và nhằm đạt mục tiêu đó, có nhiều giải pháp như : chuyên môn hóa, tập trung hóa sản xuất ; mở rộng quy mô ruộng

Digitized by Google

đất ; vừa sử dụng nguồn lao động vốn có của gia đình, vừa thuê mướn thêm lao động ở ngoài... Không nên gắn *mục tiêu* với *giải pháp* làm một. Thực tế cho thấy, có những mô hình có tỷ suất nông sản hàng hóa cao trong khi đất đai chỉ có ít. Đó là trường hợp của các trang trại Bùi Văn Tài, Phí Đức Vui trên vùng đất chật người đông tỉnh Thái bình ; trang trại Trương Việt Thắng kinh doanh sinh vật cảnh ở tỉnh Hà giang ; trang trại "công xưởng" của Tám Tiếu nuôi trồng đặc sản ở tỉnh Tiền giang; trang trại Long Á Văn chăn nuôi bò sữa ở tỉnh Sông bé. Bên cạnh đó, lại có những trang trại hình thành trên cơ sở tập trung hóa nhiều đất đai như các trang trại trồng lúa ở huyện Tân hồng (tỉnh Đồng tháp) ; trang trại Nguyễn Hữu Thành trồng 12 ha mía, chưa kể 16 ha điều và sắn ở tỉnh Sông bé ; trang trại Nguyễn Văn Sóc trồng 45 ha cao su ở tỉnh Sông bé ; trang trại Phan Văn Tần trồng gần 2 ha cây ăn trái ở cù lao An bình (tỉnh Vĩnh long) ; trang trại Đinh Văn Thiệu trồng rừng, cây lương thực và nuôi cá ở tỉnh Hòa bình ; các trang trại rừng trồng, vườn rừng, cây ăn quả, cây công nghiệp và chế biến ở huyện Hàm yên tỉnh Tuyên quang, v.v..

Phân loại theo kiểu trên đây, chúng ta sẽ có một bức tranh toàn cảnh về các loại hình trang trại đang hình thành và phát triển trên đất nước ta, không chỉ ở những vùng bình quân ruộng đất cao như đồng bằng sông Cửu long, Tây nguyên, miền Đông Nam bộ và trung du miền núi phía Bắc, mà cả những vùng bình quân ruộng đất thấp như đồng bằng sông Hồng và các tỉnh ven biển miền Trung.

Khái niệm trang trại trên đây cũng là quan điểm của Lê-nin khi ông khẳng định tỷ suất nông sản hàng hóa không phụ thuộc vào diện tích đất kinh doanh (trường hợp các trang trại ở Mỹ). Nghiên cứu lịch sử trang trại ở nhiều nước trên thế giới, chúng ta thấy có nước dựa vào quy mô đất đai, có nước lại dựa vào thu nhập làm căn cứ xếp loại các trang trại. Mỹ trước đây xếp loại trang trại theo cả quy mô đất đai và thu nhập : một cơ sở được gọi là trang trại khi có 4 ha đất trở lên và tạo ra giá trị hàng hóa trên 250 USD ; hiện nay, tiêu chuẩn của một trang trại là phải có thu nhập trên 1000 USD. Có lẽ việc xếp hạng trang trại lớn nhỏ căn cứ và quy mô thu nhập đúng hơn là theo quy mô đất đai, vì có những trường hợp tuy ít đất nhưng do trồng hoa xuất khẩu hay chăn nuôi như ở Hà lan, lại có thu nhập lớn hơn các trang trại trồng ngũ cốc có quy mô đất lớn hơn.

Một đặc điểm nữa không kém phần quan trọng là nông thôn nước ta hiện nay còn nghèo, canh tác lạc hậu, công cụ thủ công vẫn còn phổ biến. Đó là những trở ngại đáng kể trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa để có một nền nông nghiệp có tỷ suất nông sản hàng hóa cao. Chính trong hoàn cảnh đó, kinh tế trang trại gia đình là hình thức tổ chức sản xuất có tính chất mềm dẻo, làm cho nó *trước tiên* có khả năng dung nạp các hình thức sở hữu khác nhau từ cá thể đến hợp tác xã và quốc doanh. Khi hợp tác xã còn ngự trị trong nông thôn nước ta thì kinh tế gia đình trên diện tích đất 5% (có người gọi đó là "mảnh đất thần kỳ") đã cung cấp quá nửa thu nhập cho người nông dân, làm cho đời sống của họ đỡ cơ cực. Đối với kinh tế quốc doanh (mà các nước phương Tây trước đây thường gọi một cách mỉa mai rằng đó là "xa xỉ phẩm của chủ nghĩa xã hội") thì kinh tế gia đình đã cứu một bàn thua trông thấy cho quốc doanh bằng cách nhận khoán để quốc doanh rảnh tay làm công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ gia đình phát triển theo cấp độ kinh tế trang trại. Tính chất mềm dẻo của kinh tế trang trại còn thể hiện ở chỗ nó dung nạp các quy mô khác nhau từ nhỏ đến vừa và lớn như trong *mô hình* Hiệp hội mía đường Lam sơn (tỉnh Thanh hóa) : các trang trại quy mô nhỏ tự nguyện hợp tác thành các tổ hợp quy mô vừa ; đến lượt chúng, các tổ hợp này lại liên kết với các doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn thành *tổ chức hợp tác kinh tế đa thành phần*, gắn nông nghiệp với công nghiệp, kinh tế với tín dụng, sản xuất với tiêu thụ, quốc doanh với hợp tác và trang trại. Tính chất mềm dẻo của kinh tế trang trại *cuối cùng* còn thể hiện ở chỗ nó dung nạp các trình độ khoa học và công nghệ khác nhau từ thô sơ đến hiện đại, từ những trang trại trồng mía theo phương pháp thủ công đến Nhà máy đường Lam sơn thuộc loại công suất lớn (1 500 - 2 000 tấn mía cây/ngày) và công nghệ tương đối hiện đại.

Để hiểu rõ hơn kinh tế trang trại của nước ta, cần xem xét cả những vấn đề mà nếu có dịp chúng tôi sẽ trình bày kỹ hơn : quy mô kinh doanh ; đầu tư và tín dụng ; bồi dưỡng và đào tạo lao động ; hợp tác xã của trang trại; kế hoạch hóa ; nhà nước đối với trang trại....

Digitized by Google

Góp thêm ý kiến về chống lạm phát

TRỊNH HUY QUÁCH*

THỰC hiện đường lối đổi mới, trong thời gian qua chúng ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng : nền kinh tế từng bước ra khỏi khủng hoảng, tăng trưởng kinh tế ổn định ở mức cao, lạm phát bị kiềm chế... Chính kết quả kiềm chế lạm phát là một yếu tố quan trọng để khắc phục tình trạng khủng hoảng kinh tế, thúc đẩy kinh tế phát triển, giảm mức bội chi ngân sách, bước đầu ổn định thị trường, ổn định tiền tệ.

Tuy nhiên, cho đến nay, các yếu tố gây lạm phát vẫn chưa được xử lý triệt để và không phải không có nguy cơ bùng nổ. Trong 6 tháng đầu năm 1995 chỉ số giá cả đã tăng đến mức đáng lo ngại (11,4%), là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ 2 năm trước đây (6 tháng đầu năm 1993 tăng 4,1% ; 6 tháng đầu năm 1994 tăng 7%) và vượt mức tăng dự kiến của cả năm 1995.

Trong tình hình đó, việc tìm hiểu những nguyên nhân, từ đó có những giải pháp hữu hiệu nhằm kiềm chế và kiểm soát lạm phát là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng để thực hiện mục tiêu ổn định và phát triển. Trên sách báo thời gian gần đây đã có một số ý kiến trao đổi về vấn đề này với những quan điểm và cách tiếp cận khác nhau. Bài viết này chỉ xin đưa ra một vài đánh giá về các yếu tố vĩ mô có liên quan khi xem xét vấn đề lạm phát và chống lạm phát ở nước ta.

Thị trường Việt nam hiện nay có ổn định hay không ?

Đây là câu hỏi then chốt để giải quyết vấn đề về lạm phát. Thị trường có ổn định hay không tùy thuộc vào các yếu tố sau đây : a) Mức độ ổn định của các yếu tố tổng cung và tổng cầu ; b) Mức độ hữu hiệu của cơ chế thị trường. Theo tôi, đặc trưng chung của nền kinh tế đang phát triển là tổng cầu tương đối ổn định. Trước hết, nhu cầu tiêu dùng khá ổn định và phụ thuộc vào thu nhập quốc dân. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng nhiều mặt hàng sản xuất trong nước ta hiện nay chưa có tính cạnh tranh cao cho nên nếu nhập các mặt hàng này với số lượng quá lớn (nhất là nhập lậu) sẽ có thể gây mất ổn định về cầu đối với các mặt hàng này trong nước. Nhu cầu chi cho đầu tư kinh doanh nói chung ổn định và có thể dự toán trước được. Nhu cầu chi cho các công trình lớn (chủ yếu do nhà nước đảm nhiệm) có những tăng giảm nhất định, nhưng nói chung là theo kế hoạch đã được duyệt trước. Tuy nhiên, nếu việc chi ngân sách nhà nước không được quản lý tốt thì có thể khiến cho tổng cầu mất ổn định.

Khác với các nước kinh tế phát triển, nước ta hiện nay sản phẩm nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản phẩm xã hội, mà sản xuất nông nghiệp như ta biết, lại phụ thuộc vào các yếu tố khách quan có tính thời vụ. Vì vậy, việc cung ứng các sản phẩm nông nghiệp ở ta hiện nay, xét trên phạm vi cả nước cũng như từng vùng, còn thiếu ổn định. Mặt khác, một số mặt hàng có vị thế độc quyền cao, nếu nhà nước không có biện pháp quản lý hữu hiệu, thì rất dễ xảy ra những cơn sốt về cung do sự lợi dụng vị thế độc quyền này. Ngoài ra, với chính sách mở cửa như hiện nay, thị trường trong nước không tránh khỏi chịu ảnh hưởng nhất định của yếu tố kinh tế nước ngoài. Thí dụ, nếu giá nguyên liệu làm các mặt hàng mà ta vẫn nhập trên thị trường quốc tế tăng, điều đó đương nhiên sẽ gây mất ổn định về cung các mặt hàng đó ở trong nước. Khi nước ngoài có nhu cầu lớn về gạo, nếu nước ta xuất khẩu gạo quá mức thì như vậy sẽ làm giảm cung về gạo ở trong nước.

Cơ chế thị trường ở nước ta hiện nay còn đang trong giai đoạn hoàn thiện, nó chưa thực hiện được tốt chức năng điều hòa cung cầu theo giá. Vì vậy, khi xảy ra biến động giữa cung và cầu, thị trường mất ổn định, thì cơ chế đó chưa thể tự nó sớm đưa thị trường vào trạng thái ổn định mới. Để thị trường sớm ổn

* Tiến sĩ kinh tế, văn phòng Quốc hội

Digitized by Google

định trở lại, rất cần có sự can thiệp từ phía nhà nước. Ngoài ra, tâm lý lo sợ lạm phát còn khá mạnh ở cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng. Tác hại của nạn siêu lạm phát những năm 80 vẫn còn in đậm dấu ấn trong nhân dân. Phản ứng tự vệ thường khi quá mức của họ trước mỗi biến động của thị trường, làm cho thị trường đã kém ổn định càng dễ mất ổn định hơn.

Như vậy, có thể nói, ở mức độ nào đó, thị trường nước ta hiện nay chứa đựng những yếu tố mất ổn định, đặc biệt là từ phía *cung* và *khả năng tự điều tiết* của thị trường. Vì vậy, để thị trường ổn định, nhà nước cần có sự điều tiết và tạo sự ổn định ở tổng cung.

Các công cụ ổn định thị trường ở ta hiện nay hoạt động ra sao ?

Chính sách tiền tệ là công cụ hữu hiệu để chống lạm phát và có tác dụng quan trọng đối với việc ổn định thị trường, đặc biệt trong tình hình hiện nay khi nền kinh tế có mức tăng trưởng khá nhưng lạm phát leo thang cũng đang là một nguy cơ. Trước hết, cần đánh giá cao nỗ lực của những người làm công tác tài chính tiền tệ những năm qua, họ đã cố gắng rất lớn để hạn chế sự mất ổn định. Việc kiểm soát lượng tiền lưu hành trên thị trường đã được thực hiện chặt chẽ hơn. Tuy nhiên, do các nguyên nhân khác nhau, việc phát hành tiền tệ vẫn diễn ra ngoài ý muốn. Chẳng hạn, việc cải cách tiền lương năm 1993 và 1994 đã làm cho lượng tiền trong lưu thông cuối năm 1994 tăng nhanh, tác động mạnh cả đến giá cả đầu năm 1995 ; hoặc để giữ vững tỷ giá tiền, chúng ta đã phải phát hành một lượng lớn tiền để mua ngoại tệ bổ sung cho quỹ điều hòa, nhưng vì nội tệ quay nhanh còn ngoại tệ lại quay rất chậm, nên đã gây sức ép lớn đối với giá cả.

Thị trường tiền tệ ở nước ta còn trong giai đoạn sơ khai, nên chúng ta còn gặp khó khăn trong việc kiểm soát lượng tiền lưu hành trên thị trường, nhất là khi cần thu bớt lượng tiền lưu hành.

Việc sử dụng ngân sách nhà nước như một công cụ ổn định thị trường, chưa có hiệu quả. Thu ngân sách còn nặng để bảo đảm chi ngân sách, chứ chưa thực sự nhằm điều tiết tổng cầu. Hơn nữa, việc chi ngân sách cũng chưa bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả và chủ động. Tình trạng thâm hụt ngân sách vẫn tiếp tục là một trong những nguyên nhân gây mất ổn định ở cấp vĩ mô. Hiện nay, để bù đắp thâm hụt ngân sách, ngoài các khoản huy động trong nước (như vay dân, vay kho bạc), chúng ta vẫn còn phải dựa vào các khoản vay của nước ngoài. Khi ngân sách chi bằng ngoại tệ thì ngân hàng ta phải có một lượng tiền Việt nam tương ứng để chuyển đổi, điều đó càng làm cho tổng phương tiện thanh toán gia tăng, gây nguy cơ lạm phát leo thang.

Một cách khác để ổn định thị trường là *bình ổn tổng cung*. Như đã phân tích ở trên khi nói về đặc điểm thị trường nước ta, bình ổn tổng cung ở ta đóng vai trò quan trọng hơn so với bình ổn tổng cầu. Chúng ta đã có *quỹ bình ổn quốc gia*, đó là một công cụ quan trọng để bình ổn cung. Tuy nhiên, chỉ tính riêng việc điều hòa lương thực giữa các kỳ trong năm và giữa các năm thông qua quỹ bình ổn nên như thế nào cho hợp lý cũng đã là một vấn đề khó khăn phức tạp.

Từ những điều vừa trình bày, tôi xin có một số kiến nghị mang tính nguyên tắc đối với việc chống lạm phát ở nước ta.

1- *Về quan điểm đối với lạm phát.* Cần *khẳng định phải chống lạm phát*, vì lạm phát gây nhiều khó khăn và tiêu cực cho đời sống kinh tế - xã hội :

Thứ nhất, lạm phát gây khó khăn cho việc huy động tiền nhàn rỗi vào đầu tư. Thông thường, người ta có thể xác định được mức lãi suất *hợp lý* mà người vay và người cho vay đều hài lòng. Nhưng trong điều kiện lạm phát thì không phải như vậy. Giả sử mức lãi suất *danh nghĩa* hằng năm là 18% nhưng *thực tế* chỉ là 6% thì như vậy cũng có nghĩa đã dự kiến lạm phát trong năm sẽ là 12%. Nếu lạm phát thực tế trong năm cao hơn mức đó (ví dụ 15%) thì người cho vay chịu thiệt, còn thấp hơn mức đó (ví dụ 5%) thì người vay tiền để đầu tư sẽ gặp khó khăn rất lớn. Chẳng hạn vào những năm 1965 - 1980, ở Mỹ đồng đô la mất giá trung bình 6% năm, nhưng khi đó người ta lại cho rằng lạm phát phải lên đến 10%, nên đổ xô đi mua đất và nhà. Kết quả là lãi

Digitized by Google

suất tiền vay mua nhà trả góp đã tăng từ 6% lên 10% (năm 1978), rồi lên 15% (năm 1982) vì người ta cho rằng lạm phát sẽ còn tăng lên nữa. Bất ngờ, lạm phát trong năm 1983 giảm xuống chỉ còn 4%. Như vậy, những người mua nhà đã phải mua nhà với giá quá đắt.

Thứ hai, lạm phát gây ra việc phân phối lại một cách tùy tiện của cải xã hội. Giống như trong một canh bạc lớn, trong điều kiện lạm phát sẽ có một số người được lợi và một số khác chịu thiệt. Với một nền kinh tế lành mạnh thì của cải xã hội phải được phân phối công bằng theo kết quả đóng góp của mỗi người, có tính đến yếu tố cân bằng thỏa đáng về thu nhập thông qua chính sách phân phối lại của nhà nước. Động lực phát triển sẽ suy giảm nếu như của cải lại bị phân phối lại do lạm phát. Lạm phát dễ gây ra những mâu thuẫn xã hội, trong khi phát triển lại rất cần đến sự hợp tác của các thành viên trong xã hội.

Thứ ba, ngoài những thiệt hại trên, xã hội sẽ phải tốn không ít công sức và tiền của để chống lạm phát, thay vì dùng chúng để làm giàu cho xã hội.

Cần hết sức thận trọng với quan điểm cho rằng có lạm phát "tích cực", lạm phát là "cần thiết để tăng trưởng". Từ nhiều năm nay, trong kinh tế học, người ta đã *nghi ngờ* tính đúng đắn của *lý thuyết về mối quan hệ nhân quả giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát*, mà theo đó muốn tăng trưởng, tất yếu phải chịu lạm phát. Phân tích số liệu thống kê kinh tế của nhiều nước qua nhiều năm có thể thấy : có những trường hợp là *thoái phát* (vừa suy thoái, vừa lạm phát), có những trường hợp là *tăng trưởng cao nhưng mức lạm phát thấp*, có những trường hợp là *vừa tăng trưởng vừa lạm phát*. Thực tế cho thấy, các hiện tượng kinh tế diễn ra cực kỳ phức tạp, nhiều khi các hoạt động của nhiều yếu tố hoàn toàn không liên quan gì đến nhau lại dẫn đến cùng một kết quả. Vì vậy, không nên vội vã kết luận : kết quả này là nguyên nhân của yếu tố nào đó một khi chưa kiểm tra hoặc loại trừ ảnh hưởng của những yếu tố khác. Theo tôi, việc khẳng định quyết tâm bài trừ lạm phát sẽ có *hai* cái lợi: *một mặt*, nâng cao ý thức trách nhiệm của những cơ quan, đơn vị và cá nhân có trách nhiệm quản lý và điều hành kinh tế vĩ mô ; *mặt khác*, khi mọi người đã tin là lạm phát sẽ bị chống triệt để thì sẽ mất đi tâm lý "lo" lạm phát.

Vì vậy, nếu như chúng ta không nên đề ra việc có một số vi phạm pháp luật có thể chấp nhận được trong 1 năm, thì chúng ta cũng không nên đề ra việc có những "mức lạm phát cho phép". Trái lại, cần có biện pháp xử lý thật nghiêm khắc mỗi khi có sự biến động về giá cả do cố ý hay vì thiếu tinh thần trách nhiệm. Cần coi đây là sự vi phạm nghiêm trọng kỷ cương, phép nước.

2- *Về xác lập giá cả.* Trong điều kiện thông thường, thị trường tự điều chỉnh mặt bằng giá theo quan hệ cung cầu. Nhà nước chỉ can thiệp vào giá khi thấy nếu để thị trường tự tìm giá cân bằng sẽ mất nhiều thời gian, có thể gây hậu quả xấu cho nền kinh tế, hoặc mức giá cân bằng khi ấy có khả năng vượt quá mức chấp nhận được. Tuy nhiên, để có biện pháp can thiệp đúng, cần xác định đúng nguyên nhân gây mất cân bằng trên thị trường. Ví dụ, nếu giá tăng cao là do kích thích quá mạnh bằng các chính sách ngân sách và tiền tệ, hoặc do nguyên nhân bất khả kháng (mất mùa, chiến tranh, giá nguyên liệu và nhiên liệu thế giới tăng vọt...) thì việc khống chế giá cả không những không có ích, mà còn có hại vì gây ra sự khan hiếm hàng không cần thiết. Cách can thiệp tốt nhất là hỗ trợ và ổn định cung.

Đối với các mặt hàng do nhà nước thống nhất quản lý (có tính độc quyền cao), việc định giá trần hợp lý là cần thiết nhưng chưa đủ. Nhà nước cần có biện pháp quản lý chặt chẽ khối lượng sản xuất và cung ứng các mặt hàng đó để tránh việc lạm dụng vị thế độc quyền, cố tình gây cơn sốc phía cung nhằm tăng giá. Cơn sốt xi măng cuối tháng 4, đầu tháng 5 vừa qua là một ví dụ điển hình. Tuy nó chỉ xảy ra trong một thời gian rất ngắn nhưng đã đẩy chỉ số giá cả lên cao, gây tiêu cực lớn cho xã hội. Thực tế vừa qua cũng cho thấy : không nên coi lạm phát là cái giá tất yếu phải trả cho sự tăng trưởng ; lại càng không thể xem sự biến động giá cả vừa qua là "tích cực". Đúng ra, lạm phát là cái giá phải

(Xem tiếp trang 47)

Digitized by Google

CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN Ở CẦN THƠ

VÕ HOÀNG XINH*

HAI mươi năm sau ngày miền Nam hoàn toàn được giải phóng, đất nước thống nhất, tỉnh Cần thơ đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, tạo tiền đề đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy BCH TU Đảng. Đến năm 1994, so với năm 1976, sản lượng lúa của tỉnh tăng 3 lần, diện tích mía tăng 5,7 lần ; diện tích cây ăn quả tăng 1,7 lần ; đàn lợn tăng 1,9 lần ; đàn gia cầm tăng 2,7 lần ; giá trị sản lượng công nghiệp tăng 18 lần, kim ngạch xuất khẩu tăng 162 lần ; vốn đầu tư xây dựng cơ bản tăng bình quân hàng năm 50% ; thu nhập quốc dân (GDP) tăng 3,3 lần ; thu nhập quốc dân bình quân đầu người tăng 2,8 lần, sự nghiệp văn hóa-xã hội có những bước phát triển vượt bậc... Hai mươi năm qua, Cần thơ liên tục đóng góp vào ngân sách Trung ương từ 35 - 40% tổng thu ngân sách địa phương. Năm 1994, sản lượng lúa của tỉnh đạt 1,7 triệu tấn (bình quân đầu người 950 kg), kim ngạch xuất khẩu 86 triệu USD (bình quân đầu người 47 USD), thu nhập quốc dân bình quân đầu người 316 USD, cơ cấu giá trị kinh tế (GDP) của nông nghiệp chiếm 51,97%, công nghiệp 16,41%, dịch vụ 31,62%; có 11 dự án đầu tư của nước ngoài đã được cấp giấy phép hoạt động với số vốn 43 triệu USD; lưới điện quốc gia đã về 84/94 trung tâm xã; 100% số xã đã có điện thoại.

Tuy nhiên, so với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của sự phát triển, thì Cần thơ còn nhiều mặt tồn tại và bất cập. Nền kinh tế chưa thoát khỏi tình trạng thuần nông và độc canh cây lúa sản xuất nhỏ, phân tán công nghệ lạc hậu, lao động thủ công là chính. Chuyển dịch cơ cấu theo hướng đa dạng hóa sản phẩm và công nghiệp hóa còn chậm. Công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, kinh tế đối ngoại chưa tương xứng vị trí trung tâm của khu vực, chưa tạo được sức hút và lực đẩy cho sự phát triển nhanh, mạnh, vững chắc, cơ sở hạ tầng còn yếu kém. Đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân còn thấp. Hiện nay, công nghiệp mới chiếm 7,34% lực lượng lao động và 16,41% GDP của nền kinh tế. Mới có 30 - 40% sản phẩm chủ yếu của nông nghiệp (lúa gạo, mía đường, trái cây, thịt...) được chế biến qua công nghiệp, nhưng chi phí công nghiệp cao, chiếm hơn 62% giá trị sản lượng. Công nghiệp mới bước đầu phát triển trong chế biến lương thực, thực phẩm (53% giá trị của ngành công nghiệp) còn các ngành công nghiệp khác chậm phát triển. Tốc độ đô thị hóa còn chậm, mới chiếm 0,37% diện tích đất tự nhiên và 19% dân số.

Để khắc phục tình trạng chậm tiến và tránh nguy cơ tụt hậu về kinh tế - xã hội, Đảng bộ và nhân dân Cần thơ đang có nhiều cố gắng, tập trung phát triển công nghiệp, công nghệ, đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế - xã hội hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, an ninh quốc phòng ổn định và vững mạnh. Thực chất của chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Cần thơ là cải biến nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu của tỉnh thành nền kinh tế có công nghiệp tiên tiến. Đây là nhiệm vụ trung tâm xuyên suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chúng tôi xác định nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn của tỉnh Cần thơ là :

1- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Nông thôn Cần thơ chiếm hơn 99% diện tích tự nhiên, gần 80% số dân và lao động, kinh

* Phó bí thư thường trực Tỉnh ủy Cần thơ

Digitized by Google

tế nông nghiệp và thuần nông, lúa là chủ yếu. Vì thế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là cơ sở để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo xu thế giảm dần tính chất thuần nông, tăng dần tỷ trọng công nghiệp - tiểu, thủ công nghiệp và dịch vụ nhằm phát triển nông nghiệp toàn diện, đa dạng hóa sản phẩm, cây trồng và vật nuôi, dần dần đô thị hóa nông thôn, tăng năng suất lao động, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống của dân cư nông thôn.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp theo xu thế giảm dần tỷ trọng nông nghiệp và tăng dần tỷ trọng ngư nghiệp, lâm nghiệp nhằm khai thác tiềm năng đất đồng bằng, diện tích nước ao, hồ, sông, rạch, đồng thời kết hợp chặt chẽ nông - lâm - ngư nghiệp để hỗ trợ nhau cùng phát triển. Trong nông nghiệp, giảm dần diện tích độc canh lúa ; tăng nhanh diện tích trồng màu, cây công nghiệp, cây ăn quả ; đẩy mạnh chăn nuôi và thủy sản ; sản xuất nhiều nông sản hàng hóa và hàng xuất khẩu có giá trị cao.

Trong những năm qua, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của BCH TU Đảng, kinh tế nông thôn Cần thơ đã có những chuyển dịch bước đầu theo xu thế trên, tuy còn chậm. Đến cuối năm 1994, tỷ trọng lao động nông nghiệp trong nền kinh tế chiếm 79,41% (từ năm 1991 - 1994 lao động nông nghiệp không giảm mà tăng 0,29%) ; tỷ trọng GDP của ngành nông nghiệp trong nền kinh tế chiếm 48,53% (giảm 7,19% so với 1991) ; tỷ trọng giá trị sản lượng của ngành trồng trọt chiếm 83,1% (giảm 2% so với 1991) ; ngành chăn nuôi chiếm 11,45% (tăng 1,1% so với 1991) ; ngành thủy sản chiếm 5,45% (tăng 0,89% so với 1991) ; tỷ trọng giá trị sản lượng cây lương thực 80,09% (tăng 6,52% so với 1991), cây ăn quả 11,5% (tăng 1,64 so với 1991), cây công nghiệp hàng năm chiếm 3,87% (giảm 4,17% so với 1991).

Muốn chuyển dịch nhanh hơn nữa cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, chúng tôi cần có chính sách thích hợp, hướng và khuyến khích người nông dân trồng cây gì, nuôi con gì, tiêu thụ sản phẩm và hiệu quả kinh tế ra sao. Có kế hoạch và quy hoạch định hướng bố trí sản xuất ; dự án đầu tư, hợp đồng mua sản phẩm cho từng vùng cây, con, bảo đảm cho nông dân có điều kiện cần thiết để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với giá cả hợp lý.

2 - Xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp phục vụ sản xuất, nông nghiệp và đời sống.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn ở Cần thơ phải gắn liền với việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế và phúc lợi, phát triển các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Thực chất của quá trình này là phát triển thủy lợi kết hợp giao thông nông thôn, điện khí hóa, cơ giới hóa, sản xuất tư liệu sản xuất, đưa tiến bộ sinh học vào nông nghiệp, nông thôn.

Việc tiếp tục xây dựng mới và hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi là điều kiện để đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, hạn chế úng hạn, ổn định mùa màng, giao thông thuận tiện , tạo nguồn nước phục vụ đời sống ở nông thôn. Thủy lợi và giao thông đang có yêu cầu bức bách đối với vùng lũ mở của huyện Thốt nốt nằm trong vùng tứ giác Long xuyên và đối với vùng lũ kín ở huyện Long mỹ, Phụng hiệp, Vị thanh. Chúng tôi đang đề nghị Trung ương có phương án chống lũ cho vùng tứ giác Long xuyên. Giao thông thủy lợi thuận tiện sẽ kích thích sản xuất hàng hóa phát triển ở vùng đồng bằng sông Cửu long, trong đó có Cần thơ. Việc đưa điện, điện thoại về các xã đến từng hộ dân và xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội (trường học, bệnh viện, trạm y tế, thư viện, câu lạc bộ...) vừa tạo điều kiện cho công nghiệp, thương nghiệp phát triển, vừa làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần ở nông thôn, làm cho bộ mặt nông thôn đổi mới. Đây là động lực quan trọng để nông dân không bỏ nông thôn ra thành thị, tạo nên sức hấp dẫn cho các nhà doanh nghiệp ở trong nước và nước ngoài đầu tư vào nông thôn.

Mở rộng công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, bảo quản, chế biến nông, ngư, súc sản để các nhà máy xích lại gần các vùng nguyên liệu (trước hết là mía đường, trái cây, thịt...) Như vậy sẽ tiết kiệm được chi phí vận chuyển, tăng được số lượng và chất lượng nông sản, thực

Digitized by Google

phẩm, tăng nông sản hàng hóa và xuất khẩu, hình thành các vùng chuyên môn hóa, tập trung hóa sản xuất về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. Hiện nay Cần thơ và đồng bằng sông Cửu long đang có nhu cầu rất lớn về công nghiệp chế biến lúa gạo, mía, trái cây, nước giải khát... Công nghiệp chế biến sản phẩm từ nông nghiệp cho tiêu dùng nội địa và xuất khẩu phải là ngành kinh tế trọng yếu, mũi nhọn của tỉnh. Mở rộng liên doanh, liên kết với các tỉnh trong vùng, trong nước và nước ngoài để có vốn đầu tư xây dựng những cơ sở chế biến với quy mô vừa và nhỏ để chế biến nông sản của tỉnh và nguyên liệu của các tỉnh trong vùng là một nhu cầu bức thiết. Phát triển tiểu, thủ công nghiệp ở nông thôn như rèn, mộc, sơ chế sản phẩm nông nghiệp cũng cần được chú ý phát triển hơn nữa.

Cần mở rộng cơ giới hóa nông nghiệp từ làm đất, gieo, cấy, tưới tiêu, chăm sóc cây trồng, vật nuôi, thu hoạch, bảo quản, chế biến, bao gói sau thu hoạch. Hiện nay, việc cơ giới hóa nông nghiệp của Cần thơ còn ở trình độ thấp. Bình quân 100 hộ nông dân với 84 ha đất nông nghiệp mới có 0,44 máy kéo lớn, 0,88 máy kéo nhỏ, 15 máy bơm nước, 1,15 máy tuốt lúa, 1,63 tàu thuyền cơ giới, 0,04 ô tô vận tải. Việc đẩy nhanh cơ giới hóa nông nghiệp sẽ giảm nhẹ cường độ lao động và tăng năng suất lao động. Từ đó chuyển lao động sang các ngành, nghề khác tạo ra sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế ở nông thôn và trong nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa

3- Phát triển khoa học và công nghệ.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn đòi hỏi ngày càng cao hàm lượng khoa học và công nghệ mới. Cần thơ và các tỉnh đồng bằng sông Cửu long cần xây dựng mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với Trường đại học Cần thơ, Viện lúa đồng bằng sông Cửu long và các cơ quan khoa học - công nghệ ở trong nước và quốc tế để đưa nhanh tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

Yêu cầu hiện nay là nghiên cứu lai tạo, lựa chọn giống cây, con và quy trình công nghệ thích hợp với từng loại đất và mặt nước. Chế tạo và đưa vào sử dụng hệ thống công cụ (máy móc, thiết bị) thích hợp, áp dụng rộng rãi thành tựu phòng, trừ sâu bệnh tổng hợp. Mở rộng chăn nuôi heo, gia cầm, tôm, cá dưới dạng tập trung và theo quy trình công nghệ. Tận dụng phế, phụ phẩm nông nghiệp để chế biến làm hàng xuất khẩu như nấm rơm, các mặt hàng từ da và xương trâu, bò, lợn, gà, vịt, dừa, mía... Đồng thời đưa tiến bộ khoa học và công nghệ vào tổ chức sản xuất và quản lý nông nghiệp, nông thôn như tin học, thống kê, kế hoạch, điều tra cơ bản, lập sơ đồ phát triển tổng thể và từng lĩnh vực. Cùng với việc phục vụ sản xuất và quản lý, tiến bộ của khoa học, kỹ thuật và công nghệ còn phục vụ đời sống văn hóa, xã hội ở nông thôn về ăn ở, đi lại, học hành, phòng, chữa bệnh, vui chơi, giải trí, dân số và kế hoạch hóa gia đình.

4 - Chấn chỉnh và mở rộng các hình thức kinh tế hợp tác.

Kinh tế hợp tác ở nông thôn có vai trò quan trọng và là điều kiện để phát triển thủy lợi, giao thông, điện, cơ giới hóa, phòng trừ sâu bệnh, dịch bệnh, thông tin liên lạc, văn hóa, xã hội, tiếp thu khoa học và công nghệ mới vào nông nghiệp, nông thôn. Kinh tế hợp tác cùng với kinh tế hộ và các thành phần kinh tế khác là yếu tố quan trọng trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.

Việc rà soát, phân loại các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất hiện có, đồng thời có kế hoạch củng cố, chấn chỉnh thích hợp trên cơ sở tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi cho nông dân là rất cần thiết. Việc tổng kết các hình thức hợp tác mới xuất hiện để có kế hoạch hướng dẫn, giúp đỡ, nhân rộng những mô hình tốt đang là nhu cầu của thực tiễn. Các nông, lâm trường, trạm trại quốc doanh nông nghiệp cần được đổi mới sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý, để vươn lên đảm bảo chức năng trung tâm kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa, xã hội trên địa bàn. Củng cố tăng cường bộ máy quản lý các thành phần kinh tế ở nông thôn.

Để thực hiện tốt những nội dung và mục tiêu cơ bản đã nêu trên, Đảng bộ và nhân dân Cần thơ *tập trung vào việc đổi mới cơ chế, chính sách, giải quyết vốn, đào tạo cán bộ, xây dựng hệ thống chính trị, bảo đảm ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.*

Đây là những vấn đề lớn, then chốt bảo đảm thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong toàn tỉnh nói chung và trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn ở Cần thơ nói riêng ⊿

Digitized by Google

THỦY SẢN
MŨI NHỌN KINH TẾ CỦA CÁC TỈNH MIỀN TRUNG

VŨ XUÂN KIỀU

CÁC tỉnh miền Trung có bờ biển dài 2000 km, tính từ Nga sơn (Thanh hóa) đến Hàm tân (Bình thuận). Cách bờ khoảng 60-100 hải lý biển ở đây có độ sâu 200m, có nhiều rãnh sâu, gò nổi, là nơi sinh sống của nhiều loại hải sản quý. Vùng biển miền Trung còn có nhiều quần đảo lớn như Hoàng sa và Trường sa rất thuận tiện cho việc phát triển kinh tế biển nói chung và nghề cá nói riêng. Khu vực này lại có nhiều hải cảng lớn như : cửa Hội, Đà nẵng, Nha trang, Cam ranh, tàu bè ra vào, đi lại, trú ngụ dễ dàng. Khí hậu nơi đây ấm áp, nước biển có độ mặn cao, ổn định, ngư trường đánh bắt phong phú, đa dạng, do đó rất thuận tiện cho việc nuôi trồng, khai thác nguồn lợi thủy sản.

Trong những năm qua, các tỉnh duyên hải miền Trung đã tập trung sức để khai thác tiềm năng kinh tế biển và bước đầu đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ.

Năm 1994 tổng sản lượng thủy sản của toàn vùng đã đạt được 484 598 tấn, bằng 40% tổng sản lượng của cả nước.

Nghề nuôi trồng thủy sản phát triển phong phú, đa dạng và từng bước chuyển từ nuôi trồng quảng canh sang bán thâm canh và thâm canh. Công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm có tiến bộ đáng kể. Giá trị xuất khẩu thủy sản tính trung bình trong hai năm 1993 và 1994 đạt khoảng 73 triệu USD/năm, chiếm 50% tổng giá trị xuất khẩu của cả vùng. Điều quan trọng hơn là nghề thủy sản ở đây đã giải quyết việc làm cho trên 406 000 lao động và nếu tính cả lực lượng dịch vụ hậu cần thì lực lượng lao động nghề cá lên tới 46 vạn người.

Kết quả đạt được rất đáng mừng, nhưng thực trạng kinh tế thủy sản ở các tỉnh miền Trung cũng đang đặt ra nhiều điều cần quan tâm giải quyết.

1) *Về mặt kinh tế* : Kết cấu cơ sở hạ tầng nghề cá ở các tỉnh miền Trung nhìn chung còn nhiều khó khăn. Trong hai năm 1993 và 1994 số tàu thuyền tuy có được tăng lên (trung bình 3 - 4%/năm), nhưng số tàu thuyền có công suất thấp từ 33 CV trở xuống còn chiếm 3/4 so với tổng số nên hạn chế khả năng mở rộng ngư trường đánh bắt ra khơi. Đáng chú ý là trong ba năm qua, nghề đánh bắt cá nổi giảm 50%, nghề rê chuồn khơi giảm 80% ; trong khi đó nghề rê cơ giới lại phát triển chậm (do thiếu vốn), ảnh hưởng rất lớn đến việc mở rộng quy mô đánh bắt, nuôi trồng...

Về chế biến thủy sản : hệ thống máy đông lạnh được tăng cường tuy chưa nhiều, nhưng nhìn chung toàn vùng mới sử dụng 30 - 40% công suất thiết kế. Phần lớn sản phẩm chế biến thô dưới dạng bán thành phẩm (xuất khẩu manh mún), hiệu quả kinh tế thấp.

Về khâu dịch vụ nghề cá : hiện nay yếu nhất vẫn là khâu cảng bến. Tốc độ cải tạo, tu bổ cảng, bến còn rất chậm. Phần lớn còn ở dạng tự nhiên (không có điện, nước, giao thông đi lại rất khó khăn). Đây là khó khăn lớn vì tư nhân không có khả năng đầu tư và nhà nước cũng chưa có điều kiện lo hết.

2) *Về mặt tổ chức* : Tuy đã được tổ chức lại theo hướng nghề cá nhân dân, nhưng

Digitized by Google

nhìn chung vẫn chưa có sự thay đổi căn bản. Đánh bắt, khai thác, nuôi trồng vẫn chủ yếu dựa vào sự phát triển tự nhiên của hộ ngư dân. Các tổ chức khai thác, chế biến quốc doanh phần lớn làm ăn còn thua lỗ, hoặc hiệu quả kinh tế rất thấp. Trình độ tổ chức khai thác, đánh bắt vẫn theo kiểu cũ, lạc hậu, phân tán, quanh quẩn ven bờ. Các hợp tác xã đánh bắt theo kiểu cũ về cơ bản không còn tồn tại, song việc hình thành các tổ chức hợp tác kiểu mới như thế nào vẫn còn chưa có cách giải quyết.

3) *Về mặt quản lý* : Vai trò quản lý của chính quyền các cấp đối với nghề cá nói chung còn mang nặng tính chất hành chính, quan liêu. Các cấp chính quyền vừa có tình trạng buông lỏng quản lý, vừa can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Chức năng quản lý nhà nước ở cấp huyện, nhất là cấp xã chưa thật rõ ràng. Nhiều văn bản nghị quyết có tính pháp quy chưa được thực hiện nghiêm minh. Một số nơi không những không tạo điều kiện cho ngư dân đầu tư đăng ký kinh doanh mà còn cản trở, gây phiền hà cho họ. Chính sách khuyến ngư chưa thực sự đi vào cuộc sống.

Để khắc phục những khó khăn và phát huy những thế mạnh kinh tế biển của các tỉnh duyên hải miền Trung, theo tôi cần chú ý một số vấn đề sau đây :

Về mặt kinh tế :

Kinh tế thủy sản là một bộ phận của kinh tế biển ở các tỉnh miền Trung ; do đó đẩy mạnh phát triển kinh tế thủy sản phải được đặt trong mối quan hệ tổng thể về phát triển kinh tế biển. Kinh tế biển bao gồm một số ngành như : dầu khí, hải sản, giao thông vận tải biển, du lịch biển, khai thác và chế biến khoáng sản biển...

Trên giác độ tính toán hiệu quả tổng hợp thì việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng như : hệ thống điện, đường giao thông, bến cảng, hệ thống thông tin liên lạc... cho phát triển kinh tế thủy sản cũng có nghĩa là đầu tư cho việc mở mang phát triển các ngành kinh tế biển. Dựa trên quan điểm tổng thể này, Nhà nước và các cấp chính quyền cần quan tâm hơn đến sự nghiệp phát triển kinh tế biển ở các tỉnh miền Trung và có nguồn vốn đầu tư thích đáng cho nó (nếu không nói là ưu tiên đặc biệt về vốn cho các tỉnh này).

Chính phủ có thể dành cho các tỉnh duyên hải miền Trung một số quy chế đặc biệt như : được trực tiếp gọi vốn đầu tư nước ngoài, định giá đất thấp, hoặc có thể dành ra một vài khu đất cho phép các tổ chức kinh tế, tư nhân trong nước và nước ngoài đầu tư xây dựng các công trình kinh doanh dịch vụ cho nghề cá và các ngành, nghề khác trong vùng (vì sự hình thành các trung tâm này sẽ dẫn đến sự ra đời của một số ngành nghề khác) ; miễn thuế hoặc giảm thuế cho các ngành nghề mới hình thành (một số năm) ; ưu tiên về lãi suất cho các đơn vị, cá nhân, vay vốn đóng tàu có trọng tải lớn đánh bắt ở ngư trường xa, với hiệu quả kinh tế lớn hơn.

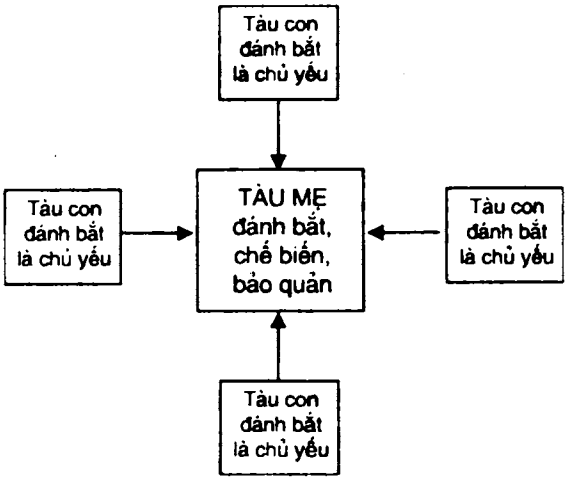
Phải có sự chuẩn bị cơ sở vật chất kỹ thuật để tiến quân ra biển ngay từ bây giờ. Có như vậy mới đạt được hiệu quả kinh tế mong muốn và đưa kinh tế biển các tỉnh miền Trung nói riêng, cả nước nói chung xứng đáng với vai trò và tầm quan trọng to lớn của nó.

Về mặt tổ chức :

1- *Nên tiến hành thí nghiệm mô hình cụm tàu* : Để chuẩn bị cơ sở cho những năm sau 2000, vươn ra khơi với khoảng cách xa hơn và dài ngày hơn (cần có các đội tàu có công suất từ 600 CV - 2000 CV để khai thác các ngư trường có độ sâu 70 - 90 mét nước trở ra), cần cho thử nghiệm ngay mô hình "cụm tàu" trong đó có tàu mẹ với công suất lớn và các tàu con với công suất vừa và nhỏ hơn. Đây là mô hình đánh bắt hiện đại, gắn khai thác, chế biến và bảo quản ngay trên biển.

Digitized by Google

Mô hình cụm tàu :



Cụm tàu có thể do các hộ ngư dân cùng góp vốn hình thành ; hoặc do Nhà nước bỏ vốn, dưới hình thức quốc doanh ; hoặc do Nhà nước và hộ ngư dân cùng bỏ vốn, liên kết đánh bắt. Ví dụ như tàu mẹ do Nhà nước quản lý còn các tàu con do hộ ngư dân tự mua sắm và làm vệ tinh (thông qua hợp đồng) đánh bắt cho tàu mẹ. Cụm tàu cũng có thể hình thành do liên doanh, liên kết giữa trong nước và ngoài nước...

2) *Thành lập các hợp tác xã cổ phần* : Khuyến khích hộ ngư dân góp vốn xây dựng hợp tác xã cổ phần đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản. Như trên đã nói, muốn vươn ra xa, đánh bắt dài ngày, cần có các đội tàu có công suất lớn và như vậy đòi hỏi phải có nguồn vốn lớn. Hợp tác xã cổ phần là hình thức huy động vốn trong các hộ ngư dân. Hợp tác xã cổ phần thủy sản là tổ chức kinh tế do nhiều hộ ngư dân tự nguyện cùng góp vốn, cùng sản xuất kinh doanh một hoặc một số mặt hàng.

Việc huy động vốn của hợp tác xã không hoàn toàn câu nệ chỉ có hộ ngư dân mà cả các tổ chức đoàn thể, đơn vị, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế tự nguyện góp vốn tham gia cũng đều được chấp nhận.

Muốn thu hút ngư dân tự nguyện góp vốn thì người sáng lập hợp tác xã phải thuyết trình rõ hiệu quả ngành nghề định kinh doanh và dự kiến tổng số vốn đầu tư cần thiết phải huy động (lập dự án và tuyên truyền cho dự án ngành nghề sản xuất kinh doanh), kêu gọi đầu tư.

Hợp tác xã chỉ đi vào hoạt động khi các điều kiện cần và đủ đã chuẩn bị xong và được chính quyền cấp giấy phép kinh doanh. Tùy theo quy mô hợp tác xã nhiều hộ hay ít hộ mà tổ chức bộ máy cho thích hợp. Điều lệ hoặc những quy định của hợp tác xã cổ phần và bộ máy tổ chức là do đại hội xã viên (những người đóng góp cổ phần) quyết định. (Nếu hợp tác xã quy mô lớn thì có thể bầu ban quản trị và cử ra chủ nhiệm điều hành. Còn các hợp tác xã vài ba hộ, năm, bảy hộ thì không cần thiết phải làm như vậy).

Việc phân phối lợi nhuận trong hợp tác xã cổ phần được tiến hành theo cách : sau khi trừ các loại quỹ, số lợi nhuận còn lại được chia theo tỷ lệ góp vốn của các thành viên (gần giống như lợi tức cổ phần).

3) *Áp dụng cơ chế quản lý năng động*: Cơ chế quản lý năng động trước hết là phải bảo đảm tuân thủ sự vận động của các quy luật kinh tế khách quan, đồng thời được thể hiện bằng hệ thống các công cụ kinh tế và chính sách quản lý kinh tế phù hợp với thực tiễn.

Để có được một cơ chế quản lý phù hợp với đặc điểm kinh tế thủy sản của các tỉnh miền Trung, cần :

- Nhanh chóng cụ thể hóa các chính sách khuyến ngư đối với các tỉnh miền Trung.

- Căn cứ vào vị trí địa lý, kinh tế xã hội và quốc phòng, Chính phủ cần xem xét để cho các tỉnh miền Trung được hưởng quy chế đặc biệt về đầu tư phát triển kinh tế biển. Ưu tiên dự án đầu tư, cho phép các tỉnh miền Trung được hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (có quy định cụ thể dự án đầu tư liên doanh với nước ngoài từ bao nhiêu trở lên thì Trung ương duyệt, dưới đó cho phép tỉnh được ký trực tiếp).

Digitized by Google

- Nhà nước cần nhanh chóng ban hành chính sách bảo hộ thủy sản và nhập khẩu, cụ thể hóa chính sách này đối với các tỉnh miền Trung.

- Trên cơ sở quy hoạch và kế hoạch hướng dẫn, nhà nước thực hiện sự điều tiết bằng giá cả, cung và cầu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tỉnh phát triển kinh tế biển; đồng thời thực hiện sự kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ nguồn vốn đầu tư, các chương trình dự án khuyến ngư, bảo đảm phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh.

- Tăng cường quản lý của chính quyền cấp huyện và cấp xã về khai thác và bảo vệ nguồn lợi biển như :

+ Góp phần xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chương trình dự án khuyến ngư về nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy sản và bảo vệ nguồn lợi biển trong toàn vùng và từ địa phương.

+ Xây dựng quy chế thực hiện chính sách thuế của Nhà nước đối với các thành phần kinh tế tham gia khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản.

+ Tăng cường nuôi dưỡng nguồn thu (bằng cách tạo mọi điều kiện và môi trường cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh nghề cá), đồng thời triệt để tận dụng nguồn thu để tăng thu cho ngân sách.

+ Xem xét từng đối tượng cụ thể, kiến nghị với Nhà nước mở rộng diện cho vay với lãi suất ưu đãi đối với các đơn vị cá nhân đầu tư đánh bắt xa bờ, hoặc mở mang vùng đất nuôi trồng mới, nghề mới.

+ Chính quyền cấp huyện và xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước bằng pháp luật, không can thiệp vào hoạt động sản xuất kinh doanh đúng pháp luật của mọi thành phần kinh tế ⌟

Góp thêm...

(Tiếp theo trang 40)

trả cho sai lầm trong quản lý và điều hành vĩ mô. Kết quả là cả nhà nước và người tiêu dùng đều bị thua thiệt. Vì thế, trong bối cảnh giá cả biến động phức tạp như hiện nay, việc tiếp tục điều chỉnh giá một số vật tư hàng hóa do nhà nước quản lý cần phải được cân nhắc, tính toán kỹ về *mức độ, thời điểm* và *bước đi*, để vừa bảo đảm từng bước hình thành mặt bằng giá chung hợp lý, vừa không gây biến động lớn về giá cả, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống kinh tế - xã hội.

3 - *Về ngân sách và tiền tệ*. Cần hạn chế thâm hụt ngân sách và kiểm soát chặt chẽ hiệu quả chi ngân sách. Cắt giảm chi ngân sách đối với những chương trình chưa thật cần thiết hoặc không có hiệu quả để giảm tổng cầu. Trong hoàn cảnh thiếu vốn và ngân sách eo hẹp như hiện nay, cần cân nhắc kỹ về quan hệ giữa nhu cầu *trước mắt* và lợi ích *lâu dài* khi xem xét các dự án chưa phát huy hiệu quả ngay, chậm thu hồi vốn đầu tư. Việc tăng nguồn thu ngân sách là cần thiết, nhưng cần đặt trong hệ thống chính sách kích thích tăng trưởng và bảo đảm công bằng. Cần lưu ý rằng mức thuế gián thu ảnh hưởng trực tiếp đến giá và cung. Hơn nữa, mức thuế cao sẽ gây khó khăn cho đầu tư, ảnh hưởng không tốt đến tổng cung. Ngoài ra, khi xác định khoản thu, cần cân đối với chi phí bỏ ra để thực hiện thu.

Thực hiện triệt để chính sách tiền tệ chặt chẽ. Cần tính toán lại tổng phương tiện thanh toán cho hợp lý, kiên quyết không phát hành tiền hoặc sử dụng quỹ điều hòa ngoại tệ của nhà nước để bù đắp thiếu hụt ngân sách và hỗ trợ quỹ tín dụng đầu tư của nhà nước hoặc cho vay tái chiết khấu đối với các ngân hàng thương mại. Đồng thời, từng bước nghiên cứu điều kiện bảo đảm điều chỉnh lãi suất tín dụng, hạ dần lãi suất cho vay trên cơ sở giảm chi phí dịch vụ ngân hàng. Điều hành tỷ giá đồng Việt nam và đồng đô la Mỹ hợp lý, khép dần chênh lệch lãi suất ngoại tệ và nội tệ. Cần sớm hoàn thiện thị trường tài chính để làm công cụ điều chỉnh có hiệu quả lượng tiền lưu hành trên thị trường ⌟

Digitized by Google

KHẢO SÁT VỀ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở MỘT SỐ TỈNH TÂY NGUYÊN

HỒ TẤN SÁNG *

THỰC tiễn những năm qua ở Tây nguyên cho thấy công cuộc đổi mới và dân chủ hóa đã thực sự trở thành mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời, từng bước giải quyết tốt mối quan hệ giữa các dân tộc anh em đang chung sống trên dải đất cao nguyên này.

Quá trình dân chủ hóa, xã hội hóa đã mang lại cho Tây nguyên những đổi thay, những khởi sắc bước đầu, trên nhiều lĩnh vực, ở nhiều vùng khác nhau. Bộ mặt kinh tế-xã hội ở Tây nguyên đã có sự thay đổi về chất. Kết quả khảo sát ba tỉnh Đắc lắc, Gia lai, Kon tum với diện tích 45359Km^2 và số dân khoảng 2,8 triệu người, bao gồm 40 dân tộc sinh sống, đã chứng minh điều đó.

Ở Đắc lắc : Sau giải phóng, trên 50% đồng bào các dân tộc ít người đói kinh niên và kéo dài quanh năm nhưng nay chỉ còn 20%, và chỉ ở thời kỳ giáp hạt. Đã có 85% số hộ gia đình làm nhà độc lập, trong đó có khoảng 20 000 nhà lợp ngói, hoặc lợp bằng tôn và có hàng vạn giếng nước sạch.

Sinh hoạt văn hóa của các buôn xã được mở rộng. Mức hưởng thụ và giao lưu văn hóa tiến bộ rõ rệt. Các phong tục, tập quán cũ lạc hậu đã giảm đáng kể. 80% số hộ dân tộc ít người đã sống định canh, định cư. Đi liền với định canh, định cư, tỉnh đã xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp, và đã có một số hợp tác xã đứng trong "câu lạc bộ 5-10 tấn".

Ở Gia lai : Kinh tế có những bước tăng trưởng vững chắc. Sản xuất lương thực tuy chưa hoàn toàn đủ ăn nhưng có xu hướng tăng. Cây công nghiệp dài ngày phát triển mạnh. Sản xuất công nghiệp và hoạt động thương mại, dịch vụ bước đầu hòa nhập vào thị trường rất sôi động. Từ đó, nhu cầu tiêu dùng của đồng bào đã từng bước được đáp ứng tốt hơn. Mức chi cho các hoạt động xã hội đã tăng lên. Qua thăm dò dư luận có 3/4 số hộ được hỏi đều cho rằng mức sống khá hơn trước.

Vùng kinh tế mới của tỉnh đã bước đầu hình thành các vùng chuyên canh lớn về cây lương thực, cây công nghiệp như :

- Vùng cây lương thực với diện tích canh tác 13 500 ha

- Vùng cây công nghiệp ngắn ngày : thuốc lá (Krôngpa), đậu xanh (Ayunpa), mía (An khê).

- Vùng cây công nghiệp dài ngày : cà phê (Chư pản, Chư sê, Mangyang), cao su (Chư Prông, Đức cơ, Chư sê).

Gia lai đã định canh định cư được 62% số hộ đồng bào dân tộc.

Ở Kon tum : Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung khá hơn trước. Chuyển sang sản xuất hàng hóa, với cơ cấu nhiều thành phần, nhịp độ phát triển kinh tế ở một số nơi sôi động hơn và đã xuất hiện nhiều điển hình, nhân tố mới, làm ăn có hiệu quả. Dịch vụ sản xuất, văn hóa không ngừng tăng, dịch vụ y tế, bảo vệ sức khỏe từng bước được củng cố. Việc học hành của người dân được quan tâm và có tiến bộ rõ rệt.

Trên lĩnh vực chính trị - xã hội : Từ một xã hội phụ thuộc nhiều vào cơ cấu gia đình, buôn bản theo nếp trước đây, Tây nguyên đang từng bước xây dựng xã hội mới ; hoàn chỉnh hệ thống chính trị từ tỉnh đến xã (phường) ; an ninh chính trị dần ổn định ; dân chủ xã hội chủ nghĩa được mở rộng, pháp luật, kỷ cương được tăng cường, thay thế dần các tập tục lạc hậu. Chế độ xã hội mới từng bước xóa bỏ mọi áp bức bóc lột, bất bình đẳng về dân tộc và giai cấp, dần dần xây dựng mối quan hệ đoàn kết, bình đẳng, tương trợ và xích lại gần nhau giữa các dân tộc.

* PTS. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Đà nẵng

Digitized by Google

Thành tựu có ý nghĩa quan trọng đưa đồng bào các dân tộc Tây nguyên tiến kịp miền xuôi là công tác định canh định cư, và lập các vùng kinh tế mới. Tuy có một bộ phận chưa ổn định, nhưng đã có gần 80% số hộ thực hiện định canh định cư, và nhiều đợt di dân xây dựng vùng kinh tế mới. Từ người nông dân làm nương rẫy du canh, tự cấp, tự túc, nay dần trở thành người nông dân sản xuất hàng hóa nhỏ- đó là sự trưởng thành mang tính cách mạng sâu sắc. Chính điều đó tạo nên những thay đổi to lớn, chuyển một xã hội mang nặng tính bộ tộc và ảnh hưởng chế độ mẫu hệ cổ truyền sang chế độ xã hội mới.

Đi liền với việc định canh, định cư, Tây nguyên đã có những tiến bộ về lực lượng sản xuất. Việc làm thủy lợi, xây dựng đồng ruộng, phát triển ruộng nước, phát triển kinh tế vườn, trồng cà phê, tiêu, cây ăn quả, trồng và chăm sóc rừng, phát triển các ngành nghề ... đã thu hẹp diện tích làm nương rẫy, khắc phục từng bước nạn phá rừng. Việc thực hiện định canh, định cư gắn với hợp tác xã nông nghiệp đã làm chuyển hóa một bước đáng kể nền sản xuất tự nhiên, khép kín sang sản xuất có tổ chức, theo quy hoạch và cơ cấu kinh tế đã xác định.

Cùng với chính trị và kinh tế, văn hóa giáo dục trong các dân tộc ít người đã phát triển và có nhiều biến đổi, nhất là giáo dục phổ thông. Hiện nay, làng, buôn nào cũng có trường, lớp để các em đến tuổi đi học ; người mù chữ giảm, tiếng nói và chữ viết phổ thông được dùng rộng rãi hơn cùng với việc phát triển tiếng nói và chữ viết dân tộc. Đội ngũ giáo viên là người dân tộc cũng phát triển. Sinh hoạt văn hóa ngày càng lành mạnh hơn, các tập tục lạc hậu (như thầy mo, thầy cúng) còn rất ít. Ốm đau, nhân dân đã đến bệnh xá điều trị. Mức hưởng thụ và giao lưu văn hóa tăng đáng kể, nhất là qua các phương tiện nghe nhìn, báo chí. Văn hóa dân tộc đang được chú ý nghiên cứu, sưu tầm, khai thác và phát huy cùng với việc đưa những nhân tố văn hóa mới vào đời sống cộng đồng các dân tộc.

Tuy có những thành tựu to lớn và quan trọng nhưng con đường phát triển tiến lên của Tây nguyên còn nhiều khó khăn, phức tạp. Để có thể tiếp tục thúc đẩy quá trình xã hội hóa, dân chủ hóa đang diễn ra ở Tây nguyên, theo chúng tôi, cần tập trung giải quyết một số nội dung cơ bản sau :

1) *Tiếp tục thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, từng bước nâng cao vai trò của các doanh nghiệp nhà nước gắn với việc tăng cường quyền tự chủ sản xuất - kinh doanh cho hộ gia đình.*

Ở Tây nguyên trước đây, đa số các cơ sở quốc doanh làm ăn kém hiệu quả, thậm chí thua lỗ, nên nhiều người cho rằng đã đến lúc phải tư nhân hóa. Song thực tế mấy năm qua cho thấy không phải ở đâu, lúc nào tư nhân hóa cũng mang hiệu quả cho nền kinh tế, xã hội. Vấn đề là phải xác định đúng ngành nào, đơn vị nào và trong những điều kiện nào vẫn cần và có thể duy trì, phát triển có hiệu quả thành phần kinh tế quốc doanh.

Ở Tây nguyên, vai trò của kinh tế quốc doanh được xác định trước hết là trong lĩnh vực *lâm nghiệp* và *nông nghiệp*. Thông qua các nông, lâm trường đã hình thành và được củng cố, phải làm cho kinh tế quốc doanh được khẳng định bằng năng suất, chất lượng, hiệu quả và tác động xã hội. Về ý nghĩa xã hội của nó, vai trò của các nông, lâm trường ở Tây nguyên thể hiện rõ nét nhất trong việc thu hút nguồn lao động tại chỗ, giải quyết công ăn, việc làm, tổ chức, hướng dẫn, định hướng quá trình hoạt động sản xuất cho người lao động và cho những thành phần kinh tế có liên quan.

Từ thực tế đó, vấn đề đặt ra hiện nay đối với các doanh nghiệp nhà nước là cần phải tập trung làm tốt các công việc sau :

- Đổi mới các doanh nghiệp, bố trí, sắp xếp lại sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất, kinh doanh của đơn vị, góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu xã hội trên địa bàn hoạt động.

- Đa dạng hóa hình thức thu hút đồng bào các dân tộc gắn liền với hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp (nông, lâm trường) và các hình thức khai thác tiềm năng (tự nhiên, xã hội, con người ở Tây nguyên). Đa dạng hóa các quan hệ kinh tế và tổ chức sản xuất phù hợp với trình độ phát triển xã hội và văn hóa ở Tây nguyên hiện tại, đồng thời phù hợp với nền kinh tế hàng hóa, chủ

Digitized by Google

động chuẩn bị mở rộng hợp tác, liên kết với bên ngoài.

- Khẳng định và từng bước nâng cao vai trò của kinh tế quốc doanh là cần thiết để bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế nhiều thành phần. Song thực tế ở Tây nguyên hiện nay cho thấy, khu vực ngoài quốc doanh vẫn đang chiếm tỷ trọng khá lớn, mặc dù tỷ trọng quốc doanh vẫn ngày một tăng trưởng, nhất là gần đây. Cho nên khẳng định vai trò kinh tế quốc doanh phải đồng thời tạo mọi điều kiện hỗ trợ và thúc đẩy các loại hình kinh tế ngoài quốc doanh. Đặc biệt coi trọng việc nâng cao hiệu quả của *kinh tế hộ gia đình*, bởi nó rất phù hợp với năng lực sản xuất và trình độ quản lý đối với đồng bào các dân tộc ít người.

Thực hiện tốt chính sách giao đất, giao rừng cho người dân, để họ thực hiện quyền tự chủ của kinh tế hộ gia đình. Chỉ trên cơ sở đất rừng được khoán, mỗi hộ nông dân mới thực sự là một đơn vị kinh tế tự chủ, tự quyết định lấy việc đầu tư sản xuất kinh doanh cũng như lựa chọn phương thức tiến hành mà họ cho là thiết thực, hiệu quả. Đương nhiên, giao đất, giao rừng phải gắn với kiểm tra, theo dõi giúp đỡ nhân dân sử dụng sao cho đạt hiệu quả cao và đúng mục đích.

Nói đến kinh tế hộ gia đình ở Tây nguyên phải nói đến kinh tế vườn. Những năm gần đây kinh tế vườn đã trở thành bộ phận quan trọng của đời sống kinh tế đồng bào dân tộc. Kinh tế vườn (cà phê, cây ăn quả)... là nguồn thu nhập chính của mỗi gia đình và là nguồn tạo nên của cải vật chất quan trọng của xã hội.

2) *Tiếp tục đổi mới đồng bộ tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị và các nhân tố cấu thành hệ thống chính trị, trong đó đặc biệt chú trọng tăng cường quyền tự quản của các thôn, buôn, gắn liền với việc tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước.*

Thực tiễn đổi mới những năm qua cho thấy, kinh tế phát triển không thể tách rời sự ổn định về chính trị. Nơi nào chính trị ổn định, cơ cấu, bộ máy, quy chế làm việc, quan hệ giữa đảng, chính quyền và các cơ quan kinh tế phối hợp chặt chẽ, đoàn kết và thống nhất, thì nơi đó có điều kiện thuận lợi cho kinh tế phát triển lành mạnh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Không thể có những khởi sắc trong kinh tế, đời sống xã hội, nếu như đảng và chính quyền chưa đổi mới tư duy, phương thức hoạt động, tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ. Ở Tây nguyên theo chúng tôi, trong tiến trình đổi mới đồng bộ tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị cần đặc biệt lưu ý *tăng cường quyền tự quản của các thôn, buôn, gắn liền với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước vì dân, do dân, của dân.*

Là vùng núi, địa bàn quản lý của nhiều xã ở Tây nguyên khá rộng. Có xã giữa thôn, buôn này với thôn, buôn khác cách nhau 1, 2 ngày đường (chủ yếu là đi bộ, vì đường sá chưa có để sử dụng các phương tiện giao thông khác). Trong lúc đó trình độ cán bộ cấp xã nhìn chung còn yếu, chưa đủ sức điều hành và quản lý toàn bộ tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, trật tự an toàn và an ninh quốc phòng trên địa bàn. Vì thế cần bổ sung thêm đội ngũ các trưởng thôn, buôn vào biên chế của chính quyền cấp xã. Sự hình thành hoạt động quản lý của các trưởng thôn, buôn, một mặt san sẻ trách nhiệm về quản lý cho cán bộ cấp xã hiện tại. Mặt khác, trên cơ sở đó xã có thể mở rộng quyền tự quản của các thôn, buôn. Việc lựa chọn các trưởng thôn, buôn, phải hoàn toàn trên cơ sở ý nguyện của cộng đồng cư dân ở nơi đó, không nên áp đặt, đưa người từ thôn, buôn khác đến. Về hình thức, có thể xem các trưởng thôn, buôn tương tự như vai trò của các già làng, tộc trưởng ở các làng, buôn cổ truyền. Họ là những người thực sự có uy tín trong thôn, buôn. Uy tín đó là : làm ăn giỏi, có đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng. Với đội ngũ các trưởng thôn, buôn mạnh được hình thành, tính tự quản của các thôn buôn được nâng lên, ý thức cộng đồng làng xã trong đông đảo quần chúng nhân dân cũng sẽ được nâng cao. Trong cơ chế thị trường hiện nay rất cần đến sự tăng cường vai trò của nhà nước xã hội chủ nghĩa trong việc ban hành hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho người dân tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng giao tiếp, tìm kiếm thị trường mới. Họ cũng muốn được nhà nước hỗ trợ thông qua chính sách vốn đầu tư, thuế, xây dựng kết cấu hạ tầng...

(Xem tiếp trang 52)

Digitized by Google

Tân quan, tân chính sách

NGUYỄN VĂN LỘC

KHÔNG biết từ bao giờ trong dân ta có câu "Tân quan, tân chính sách", nghĩa là quan mới, chính sách mới. Quả là có nhiều trường hợp như vậy thật.

Một cán bộ được bổ nhiệm đến làm thủ trưởng một cơ quan nọ thay đồng chí thủ trưởng cũ qua đời. Chỉ trong một thời gian ngắn, cơ quan đã có không ít xáo trộn. Có bộ phận đang được coi như bộ phận chủ lực của cơ quan, nay được sáp nhập với bộ phận khác và chỉ ở vào vị trí thứ yếu trong tổ chức mới. Một vài cán bộ vốn là những người có năng lực, trung thực, đang trong diện được xem xét cất nhắc, nay được sắp xếp phụ trách những công việc hết sức lặt vặt. Như thế, có nghĩa là họ đã bị "đẩy" ra ngoài "quy hoạch". Có người được "sếp" gợi ý nên nghỉ quản lý, có người được "sếp" vận động về hưu sớm, và số người này làm chẳng ra làm, nghỉ chẳng ra nghỉ, chủ yếu là "ngồi chơi xơi nước". Có lần "sếp" còn bàn với bộ phận tổ chức cán bộ, với đảng ủy cơ quan nên nghiên cứu thành lập ban này, phòng nọ, và nên xin một vài cán bộ ở cơ quan cũ của "sếp" về để chuẩn bị thay thế một số cán bộ quản lý của cơ quan. Thế là công việc của cơ quan nọ đang từ chỗ ổn định, có nền nếp, công tác tiến triển bình thường, thì nay cứ rối tinh, rối mù lên, khiến cán bộ, nhân viên hầu như ai cũng lo lắng: không biết "sếp" của mình còn định cải tiến, cải tổ, định thay đổi những gì nữa ?!

Nếu đồng chí thủ trưởng nói trên quan tâm đến những thay đổi về tổ chức bộ máy, về nhân sự trong cơ quan, thì một thủ trưởng khác lại có "chính sách mới" về "cơ sở hạ tầng" của cơ quan. Đến nhận nhiệm vụ được ít lâu, sau khi tìm hiểu tình hình, "sếp" tâm sự với các "sếp phó" :

- Các anh "chân chỉ hạt bột" quá, thời đại mới ngày nay mà trông cơ quan ta có vẻ "nhếch nhác" quá ; cái gì của cơ quan trông cũng xấu, cũng cũ kỹ, chẳng xứng với tầm cỡ, với vị trí của cơ quan ta chút nào.

Mấy "sếp phó" tuy bị nhận xét có tính chất "xát xà phòng" như vậy, nhưng cũng rất khoái về ý kiến của "sếp" mới. Thế là chỉ trong thời gian không lâu, cơ quan được gấp rút xây dựng lại, sửa sang lại từng phần, từng phần theo hướng "hiện đại hóa". Hàng loạt đồ dùng, phương tiện làm việc như quạt trần, quạt bàn, cánh cửa, bàn ghế, tủ, xa lông... của cơ quan được bán thanh lý với giá "rẻ như bèo". Thay vào đó là những trang bị, phương tiện làm việc rất sang trọng, hiện đại (dĩ nhiên là rất đắt tiền, rất tốn kém). Nhìn cơ quan bây giờ nhiều người phải "lác mắt". Một số người khen thủ trưởng là "con người của thời đại", tuy cũng có một số người cảm thấy trong tình hình đất nước còn nghèo như hiện nay mà "xài sang" như thế này thì cũng có phần quá đáng thật.

Cũng là "tân quan, tân chính sách" đấy, nhưng lại có trường hợp rất hay. Thủ trưởng mới được điều về cơ quan, sau khi nghiên cứu tìm hiểu, biết rõ những mặt mạnh, mặt yếu của cơ quan và của một số cán bộ chủ chốt, đồng chí này bàn với tập thể tập trung vào việc củng cố, cải tiến, đổi mới những mặt công tác đang yếu kém của cơ quan. Bộ phận nào yếu nhất thì bố trí cán bộ có năng lực, có uy tín trực tiếp phụ trách hoặc sắp xếp lại để kiện toàn tổ chức, khắc phục bằng được mặt trì trệ yếu kém. Những hiện tượng lỏng lẻo trong công tác quản lý về mặt này, mặt khác được chỉ ra và có kế hoạch sửa chữa một cách cụ thể. Những hiện tượng lãng phí, phô trương, hình thức cũng được nhắc nhở một cách nhẹ nhàng. Những điều nào được tập thể khẳng

Digitized by Google

định là có nền nếp, là kinh nghiệm tốt của cơ quan thì đồng chí ấy động viên mọi người tiếp tục phát huy. Thế là công việc của cơ quan từng bước được cải tiến và nâng cao, cán bộ, đảng viên, nhân viên thì người nào việc ấy phù hợp với sức mình. Từ người cán bộ phụ trách đến người nhân viên bình thường, nói chung mọi người đều thấy rõ sự tiến bộ của cơ quan và những ưu điểm của người thủ trưởng mới...

Lâu nay, một số người thường nói "tân quan, tân chính sách" với ý nghĩa châm biếm, giễu cợt. Rằng cứ thay đổi lãnh đạo thì y như rằng người lãnh đạo mới lại thay đổi hàng loạt thứ : thay đổi cơ chế, thay đổi tổ chức, thay đổi cán bộ, v.v.. Thật ra, việc người lãnh đạo mới, người thủ trưởng mới có những thay đổi này, thay đổi khác trong công tác của cơ quan là chuyện thường tình. Người lãnh đạo có bản lĩnh phải là người dám nghĩ, dám quyết định chứ ! Có hay gì cách làm việc theo kiểu đường mòn lối cũ, bao nhiêu năm rồi cũng vậy thôi, không hề có một thay đổi cải tiến nào đáng kể. Điều quan trọng là cần xem xét nội dung, chất lượng các quyết định của người phụ trách ấy một cách khách quan. Sự thay đổi nào phù hợp với quan điểm đổi mới của Đảng, với các chủ trương, chế độ, chính sách chung và xuất phát từ những yêu cầu về sự tiến bộ, sự phát triển của cơ quan, thì đáng hoan nghênh lắm chứ! Có những công việc đổi mới lúc đầu chưa quen, nhiều người còn ngỡ ngàng, thậm chí có thể gièm pha, nhưng dần dần qua thực tiễn mới thấy chủ trương ấy là đúng. Còn những thay đổi nào, những quyết định nào chỉ xuất phát từ động cơ cá nhân, từ tham vọng riêng tư của người phụ trách hoặc từ lợi ích cục bộ của một số người, trái với các chủ trương, chế độ, chính sách chung của Đảng và Nhà nước, thì dĩ nhiên là những điều cần chê trách, phê phán ❑

Khảo sát về...

(Tiếp theo trang 50)

3) *Nâng cao trình độ dân trí, hình thành một đội ngũ cán bộ có lập trường chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn giỏi, có năng lực giải quyết những vấn đề thực tiễn.*

Quá trình phát triển kinh tế, xã hội ở Tây nguyên không thể phát triển vững chắc, sâu rộng khi còn nạn mù chữ, tái mù chữ, và sự thấp kém về trình độ học vấn trong các tầng lớp nhân dân. Đây là một vấn đề rất đáng quan tâm và cần có kế hoạch và biện pháp để giải quyết. Bởi vì hiện tượng bỏ trường, bỏ lớp, đang diễn ra khá trầm trọng ở Tây nguyên, nhất là vùng sâu, vùng xa.

Tập trung giải quyết các mặt, các vấn đề cản trở quá trình nâng cao trình độ dân trí. Phấn đấu xóa bỏ dần nạn mù chữ, tái mù chữ trong nhân dân, tạo điều kiện cho trẻ em trong tuổi đi học đến trường đầy đủ và được học hành nghiêm túc. Trên cơ sở đó cố gắng để cuối những thập niên đầu của thế kỷ XXI đạt được mặt bằng tiểu học. Trên cơ sở đó đẩy nhanh tốc độ đào tạo, bồi dưỡng nhân tài có trình độ đại học cho đồng bào dân tộc thiểu số. Bởi lẽ, ở Tây nguyên đội ngũ trí thức, cán bộ có trình độ từ cao đẳng đến đại học và trên đại học hiện còn rất mỏng ; tuy so với trước đây thì quả là một cuộc cách mạng, nhưng so với yêu cầu thì chúng tôi nghĩ, trước mắt nên đầu tư để hình thành một viện đại học Tây nguyên trên cơ sở mở rộng - liên kết các trường đại học và cao đẳng hiện có ở Tây nguyên (có chú ý tăng cường tiềm lực, nhất là tiềm lực chất xám).

Có một kế hoạch tổng thể cho việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ (nhất là cán bộ tại chỗ) đang hoạt động trong hệ thống chính trị. Quy về một mối công tác quản lý, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thuộc các dân tộc ít người.

Nâng cao chất lượng các loại hình đào tạo ở các trung tâm giáo dục thường xuyên của các tỉnh, để thu hút, phát hiện cán bộ nhằm tạo cho quá trình đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài đáp ứng được nhu cầu tại chỗ của địa phương ❑

Digitized by Google

Cần nắm vững những yêu cầu của quản lý xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa

THANH LÊ *

QUA nghiên cứu, tôi cho rằng, hiện nay có hai nhóm vấn đề liên quan đến quản lý xã hội :

Một là, những quá trình biến lao động thành nhu cầu sống đầu tiên của con người ; phát triển con người một cách hài hòa, toàn diện ; xóa bỏ dần những khác biệt giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa công nhân và nông dân, giữa thành thị và nông thôn.

Hai là, những quá trình di dân từ nơi này tới nơi khác; những chuyển dịch về mặt xã hội ; sự thay đổi về cơ cấu nghề nghiệp (hình thành cơ cấu công nghệ nhiều tầng, kết hợp nhiều trình độ khác nhau, nhiều quy mô, cải tiến công nghệ truyền thống, sử dụng tối đa công nghệ tiên tiến v.v..). Đó là những quá trình làm thay đổi hoàn cảnh sống của con người.

Mục đích của việc quản lý các quan hệ và các quá trình xã hội hiện nay ở ta là nhằm nâng cao phúc lợi và phát triển con người một cách toàn diện. Sự vững mạnh của quản lý xã hội là dựa trên nền tảng của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang từng bước xây dựng.

Để đạt mục đích trên, việc quản lý xã hội phải đáp ứng một số yêu cầu nhất định, phù hợp với những quy luật và xu hướng khách quan của sự phát triển xã hội trong giai đoạn hiện nay, khi nền kinh tế từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trước hết, quản lý xã hội phải *thúc đẩy việc nâng cao năng suất lao động*, sử dụng nhân lực một cách có hiệu quả; khuyến khích người lao động đem hết khả năng ra giải quyết những nhiệm vụ kinh tế. Một trong những vấn đề cơ bản là làm sao kết hợp được nhân lực với tư liệu sản xuất một cách tối ưu. Để thực hiện sự kết hợp này, có những khó khăn nhất định. Ví dụ, việc di dân từ nơi này tới nơi khác, đòi hỏi không ít thời gian và tiền của. Cũng cần chú ý đến việc xây dựng thái độ lao động đúng đắn của những người làm việc trong các cơ sở quốc doanh, tư doanh, liên doanh với nước ngoài. Do lao động ngày càng sáng tạo hơn, nên lương tâm con người dần trở thành nhân tố kiểm tra chủ yếu. Do đó thúc đẩy động cơ bên trong mỗi người ngày càng có vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động. Hơn nữa, phát triển cá nhân còn là điều kiện chủ yếu để phát triển sản xuất. Lao động sáng tạo chỉ có ở một cá nhân phát triển. Giữa phát triển *sản xuất* (phát triển kinh tế) và phát triển *cá nhân* (phát triển xã hội) có mối liên hệ biện chứng. Việc nhận thức và đánh giá đúng mối liên hệ ấy là một trong những cơ sở để có thể quản lý các quá trình xã hội một cách khoa học, bảo đảm cho cá nhân phát triển và qua đó, sản xuất phát triển.

Một yêu cầu khác của quản lý xã hội là phải bảo đảm *thỏa mãn tới mức cao nhất những yêu cầu của quy luật phát triển xã hội có kế hoạch và cân đối*. Thông thường người ta chỉ coi quy luật ấy như một quy luật kinh tế. Nhưng thực tiễn cho thấy quy luật ấy đòi hỏi phải phát triển cân đối mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đi đôi với phát triển kinh tế phải phát triển cả giáo dục, văn hóa, dịch vụ... Để giải quyết nhiệm vụ ấy, phải tính tới tác động của những xu hướng trái ngược nhau do tính độc lập tương đối của mỗi lĩnh vực đời sống, cũng như do sự phát triển nhanh chóng của xã hội khi bước vào giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hội nghị trung ương 7 (khóa VII) đã tập trung bàn một số vấn đề về phát triển công nghiệp và công nghệ từ nay đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để đáp ứng, đời sống xã hội

* TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

phải có sự chuyển biến nhanh chóng. Con người phải được chuẩn bị đầy đủ. Giáo dục phải được phát triển với nhịp độ nhanh hơn những lĩnh vực khác. Điều đó cũng có nghĩa giữa các lĩnh vực của đời sống có sự phát triển không thật cân đối. Vì vậy, nhiệm vụ của quản lý xã hội là phải tìm ra một sự kết hợp thỏa đáng giữa tính cân đối và tính không cân đối trong sự phát triển xã hội.

Một yêu cầu khác nữa của quản lý xã hội là phải bảo đảm *sự phù hợp của quan hệ xã hội với sự phát triển của cơ sở vật chất - kỹ thuật*. Tiến hành những cuộc cải tạo về quan hệ xã hội khi chưa có cơ sở vật chất bảo đảm, khi những điều kiện kinh tế, xã hội và tư tưởng chưa chín muồi, sẽ không thúc đẩy mà còn làm chậm sự phát triển xã hội. Một trong những vấn đề cơ bản về *phương pháp luận* của quản lý xã hội là vấn đề tương quan giữa những yêu cầu về xã hội và những yêu cầu về kinh tế. Thoạt nhìn, vấn đề này tưởng như đơn giản, không có gì đáng nói. Bởi vì theo quan niệm duy vật lịch sử, lực lượng sản xuất đương nhiên là cơ sở của sự phát triển xã hội, kinh tế đương nhiên chiếm vị trí hàng đầu. Thế nhưng trong quản lý xã hội, vấn đề không hẳn như vậy. Mục đích của chế độ xã hội chủ nghĩa là sự phát triển toàn diện, hài hòa của cá nhân con người. Ở đây, sự phát triển sản xuất chỉ là một phương tiện để đạt tới mục đích ấy. Điều đó cũng có nghĩa : những yêu cầu về xã hội chiếm ưu thế so với những yêu cầu về kinh tế, bởi vì chúng thể hiện bản chất của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Tất nhiên, nói như vậy không có nghĩa là bất cứ yêu cầu xã hội nào cũng cần được thỏa mãn, ngay cả khi chưa có những khả năng về kinh tế. Điều trên *chỉ* có nghĩa : *nhịp độ phát triển xã hội phải đi trước*.

Cần chú ý, mâu thuẫn giữa yêu cầu xã hội và yêu cầu kinh tế chỉ mang tính *ước lệ*. Nhiều việc xét theo quan điểm *một xí nghiệp* hay *một ngành* có thể chưa thấy ngay cái lợi, nhưng lại thấy ngay cái lợi nếu xét theo quan điểm *toàn xã hội*. Chẳng hạn, việc thực hiện chế độ nghĩa vụ giáo dục trung học có thể không có ý nghĩa bao nhiêu đối với một xí nghiệp nào đó, nhưng lại có tác dụng rất lớn đối với sự phát triển xã hội (vì giáo dục là cơ sở phát triển cá nhân toàn diện) cũng như đối với sự phát triển lâu dài của xí nghiệp (vì tự động hóa xí nghiệp đòi hỏi phải có trình độ giáo dục cao). Bởi vậy, quản lý xã hội phải tính đến toàn bộ chi phí của xã hội cho việc tái sản xuất con người lao động với trình độ giáo dục cao.

Nhiều người cho rằng muốn nâng cao năng suất lao động chỉ cần làm cho người lao động quan tâm tới lợi ích vật chất. Điều đó đúng nhưng chưa đủ. Còn có những nhân tố quan trọng khác nữa cần tính đến, như nội dung lao động, không khí tâm lý trong xí nghiệp, hoàn cảnh sống ở nơi cư trú, hoàn cảnh gia đình...

Suy cho cùng, mâu thuẫn giữa yêu cầu xã hội và yêu cầu kinh tế mang tính tương đối. Biện pháp xã hội có thể mang lại hiệu quả kinh tế, còn biện pháp kinh tế có thể mang lại hiệu quả xã hội. Trong việc giải quyết mối quan hệ giữa yêu cầu xã hội và kinh tế, cần coi quản lý xã hội là một phương pháp tác động tích cực bảo đảm cho xã hội phát triển theo hướng vì lợi ích chung.

Một yêu cầu nữa của quản lý xã hội là phải tính đến vấn đề bảo vệ môi trường. Đối với đầu tư của nước ngoài, cần coi bảo vệ môi trường là tiêu chuẩn bắt buộc mang tính quốc tế. Còn đối với đầu tư trong nước, để bảo vệ môi trường, cần bố trí các cụm công nghiệp phân tán trên nhiều địa bàn. Điều đó hạn chế được ô nhiễm, lại đỡ tốn kém. Trong điều kiện nước ta hiện nay, việc quản lý xã hội không nên chỉ tính đến hiệu quả kinh tế trực tiếp, cần tính đến hiệu quả xã hội - kinh tế lâu dài. Muốn vậy, việc quản lý xã hội phải dựa trên những dự báo dài hạn về hậu quả kỹ thuật, sinh thái, kinh tế và xã hội của những biện pháp áp dụng.

Tóm lại, việc quản lý xã hội hiện nay đòi hỏi phải nắm vững các quy luật, xem nó đang tác động trong lĩnh vực xã hội - kinh tế cũng như trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật - công nghệ như thế nào và xu hướng vận động, phát triển của nó trong tương lai ra sao ❑

Digitized by Google

Vấn đề đạo đức trong chống tham nhũng

NGUYỄN NGỌC*

THAM nhũng vốn là một căn bệnh trầm kha ở tất cả các nước trên thế giới với những mức độ khác nhau. Tính chất nghiêm trọng của nạn tham nhũng thể hiện ở hậu quả về kinh tế và tác hại về chính trị do nó gây ra. Tham nhũng ngày nay đã mang tính phổ biến và đa dạng. Điều đáng quan tâm là tình trạng tham nhũng tồn tại cả trong một số cơ quan chức năng thực thi pháp luật. Bởi vậy, tác hại của nó không thể lường hết được. Tác hại lớn nhất là xói mòn lòng tin của người dân đối với chế độ, đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và đã trở thành thách thức nghiêm trọng đối với tiền đồ đất nước ta.

Muốn chống tham nhũng, phải tìm đúng những nguyên nhân của nó. Nguyên nhân của tham nhũng có nhiều mặt và rất đa dạng như : về cơ chế và luật pháp, về kinh tế và đời sống, về sự nghiêm minh và công bằng, về giáo dục chính trị và tư tưởng v.v...

Ở đây tôi muốn đặc biệt lưu tâm đến một vấn đề chưa được chú trọng đúng mức, thậm chí nhiều người cho là nhàm tai. Đó là vấn đề giáo dục tư tưởng, giáo dục đạo đức. Tôi không nghĩ rằng nguyên nhân về đạo đức quan trọng hơn những nguyên nhân khác. Nhưng vấn đề là ở chỗ người ta chưa có sự lưu tâm đúng mức. Bây giờ người ta ít nói về cần, kiệm, liêm, chính ; người ta bàng quan trước những sự xa hoa, phung phí của một số cán bộ biến chất. Đây là những hiện tượng chứng tỏ tình trạng giảm sút và coi thường đạo đức cách mạng.

Không ít người cho rằng bây giờ đổi mới, kinh tế thị trường, năng lực phải là trên hết ; nhấn mạnh đạo đức là lỗi thời, duy tâm ! Thậm chí có người còn cho tham nhũng là chuyện bình thường, miễn là "ăn vụng biết chùi mép". Họ quên rằng Bác Hồ đã khẳng định "Đạo đức là cái gốc của người cách mạng". Và gần đây, trong tác phẩm "*Văn hóa và đổi mới*", cố vấn Phạm Văn Đồng cũng xác định : Văn hóa là "sự tôn trọng đạo đức làm người, đạo đức về quan hệ giữa người với người trong xã hội, cách sống và lối sống", sau đó mới đến vấn đề học vấn, tài năng và sáng tạo, vấn đề nhạy cảm đối với cái mới.

Trước đây có lúc chúng ta coi nhẹ tài năng mà thiên về đạo đức, có khi chỉ là thứ đạo đức chung chung. Nhưng không phải vì thế mà bây giờ ta lại đặt ngược lại để đi đến chỗ xem thường việc rèn luyện đạo đức cách mạng. Làm như vậy là rất nguy hiểm, chẳng khác gì làm ruộng mà coi thường chọn giống, thì mất mùa là chuyện dễ hiểu.

Trước đây nhờ chú trọng giáo dục chính trị và đạo đức, nên nạn tham nhũng chỉ lẻ tẻ, không đáng kể. Thời đó, thế hệ lớn tuổi quan tâm giữ gìn đạo đức và làm gương cho lớp trẻ, còn lớp trẻ thì trong sáng, hồn nhiên, hết mình vì lợi ích của đất nước. Thừa nhận thực tế đó, chúng ta không hề muốn quay trở lại thời đó, vì điều kiện xã hội bây giờ khác trước. Chúng ta mong muốn sao cho trong điều kiện mới, việc giáo dục và tôn trọng đạo đức cũng phát triển cân bằng với những yếu tố khác ; đặc biệt là cân bằng với việc phát huy tài năng và sáng tạo.

Để chống tham nhũng có hiệu quả, chúng ta phải coi trọng tất cả các biện pháp, nhưng muốn cho thực sự "đồng bộ", phải coi trọng biện pháp đề cao đạo đức, cấp trên phải làm gương cho cấp dưới, người lớn tuổi phải làm gương cho lớp trẻ. Nói giáo dục "chính trị tư tưởng" hay "giáo dục đạo đức cách mạng", hoặc như trong văn kiện của Liên hợp quốc "giáo dục nhân phẩm, đạo đức, pháp luật" cũng đều có một nội dung. Nhưng điều cốt yếu là phải tạo ra một dư luận xã hội lên án mạnh mẽ mọi hành vi tham nhũng dù to, hay nhỏ, không bàng quan, hoặc bao che. Đó là một dư luận xã hội biết đề cao "cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư". Chỉ có một dư luận xã hội như thế thấm sâu vào từng gia đình, từng xóm ấp, phường xã... mới có thể hạn chế được nạn tham nhũng. Hiện tượng "Bao Công" đối với chúng ta bao giờ cũng rất đáng trân trọng. Nhưng trong điều kiện ngày nay, một "Bao Công" không làm nên được sự nghiệp, mà phải có cả một cơ chế luật pháp hoàn chỉnh và một dư luận xã hội mạnh mẽ mỗi người một tay, triệu người một ý chí, tạo ra sức mạnh tổng hợp thì mới có thể bao vây và đẩy lùi tham nhũng ❑

* TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

CHIẾN LƯỢC TOÀN CẦU "DÍNH LÍU VÀ MỞ RỘNG" CỦA MỸ ĐANG GẶP NHIỀU THỬ THÁCH

TRẦN BÁ KHOA *

THÁNG 9 năm 1993, chính quyền Clin-tơn đã chính thức đưa ra chiến lược toàn cầu "mở rộng", xem đây là chiến lược cơ bản toàn cầu thời kỳ sau chiến tranh lạnh. Đối mặt với một thế giới mới đầy biến động phức tạp, khó lường trước, chính sách đối ngoại Mỹ đã gặp không ít khó khăn, trở ngại, thất bại, bị phê phán là "không rõ ràng, thiếu nhất quán, chao đảo", và chính quyền Clin-tơn đã phải liên tục điều chỉnh, bổ sung. Lần điều chỉnh chiến lược lớn nhất gần đây (tháng 7-1994) là việc công bố "chiến lược an ninh quốc gia dính líu và mở rộng" (A national security strategy of engagement and enlargement).

Nội dung trung tâm và mục tiêu bao trùm của chiến lược mới vẫn là : "mở rộng đại gia đình các nước theo chế độ dân chủ và kinh tế thị trường tự do" ra khắp toàn cầu, trọng điểm là các nước thuộc Liên xô cũ, Đông Âu ; kiềm chế, đẩy lùi các cường quốc khu vực "phản dân chủ", đặc biệt là cảnh giác, phòng ngừa sự xuất hiện trong tương lai một siêu cường toàn cầu ở lục địa Âu - Á giành giật vai trò siêu cường của Mỹ hiện nay.

Thủ đoạn cơ bản chủ yếu của Mỹ là : củng cố, tăng cường các "nền dân chủ cốt lõi" Mỹ và Tây Âu ; tích cực dính líu vào việc chuyển hóa hòa bình các nước thuộc Liên xô cũ, nhất là Nga, U-crai-na..., sang quỹ đạo tư bản chủ nghĩa thân Mỹ, kết nạp các nước Trung, Đông Âu vào khối NATO ; chuẩn bị hai cuộc chiến tranh khu vực chống các nước dám xâm phạm lợi ích chiến lược của Mỹ và liên minh ; tiến hành các "hoạt động nhân đạo" và "cưỡng ép hòa bình", kể cả việc can thiệp vũ trang ở nước ngoài khi cần thiết. Phương thức hành động của Mỹ là tích cực tham dự, dính líu vào các công việc quốc tế theo kiểu vừa *đa phương* vừa *song phương* trên phạm vi toàn cầu hay khu vực, tùy theo tình hình cụ thể mỗi vụ việc, mỗi nơi, mỗi lúc.

Việc đưa ra thực hiện *chiến lược toàn cầu mới* là biểu hiện tập trung của âm mưu chiến lược bá chủ thế giới, kiến tạo một trật tự thế giới mới thuần khiết tư bản chủ nghĩa theo mô hình xã hội Mỹ thời kỳ sau Liên xô, sau chiến tranh lạnh. Thế nhưng, sự phát triển của tình hình quốc tế và tình hình các khu vực lại không thuận theo quỹ đạo chiến lược của Mỹ. Dưới sự chỉ đạo tư tưởng của chiến lược "dính líu và mở rộng", chính sách đối ngoại và chiến lược quân sự Mỹ rơi vào tình thế khó khăn, đầy thử thách ở khắp nơi trên thế giới, nhất là tại khu vực trọng điểm Đông Âu, Liên xô cũ và châu Á - Thái bình dương.

1 - *Việc mượn danh nghĩa củng cố, tăng cường "các nền dân chủ nòng cốt" để thúc ép các nước phương Tây tuân theo sự điều khiển của Mỹ, đã làm cho va chạm, mâu thuẫn giữa Mỹ với Tây Âu và Nhật bản thêm phức tạp.*

Điểm cơ bản trong liên minh Âu - Mỹ, hình thành sau chiến tranh thứ hai, là : Tây Âu và Nhật bản dựa vào sự bảo hộ quân sự của Mỹ để chống lại Liên xô. Mối quan hệ bảo hộ và được bảo hộ này quyết định quan hệ Âu - Mỹ và Nhật - Mỹ, đó là liên minh không bình đẳng.

Chiến tranh lạnh kết thúc, Liên xô và khối Vác-sa-va tan vỡ, liên minh các nước phương Tây mất đi mục tiêu và đối thủ chiến lược. Mối đe dọa chung không còn, Tây Âu và Nhật bản không còn cần đến sự bảo hộ về quân sự của Mỹ như trước. Do đó, cơ sở cho sự tồn tại liên minh phương Tây bị lung lay tận gốc. Trong khi những nhân tố đối kháng quân sự Đông Tây suy giảm rõ rệt, trọng điểm quan

* Đại tá. Viện nghiên cứu chiến lược Bộ quốc phòng

Digitized by Google

hệ quốc tế chuyển từ lĩnh vực quân sự sang lĩnh vực kinh tế. Cuộc đọ sức về phát triển kinh tế và khoa học công nghệ cao trở thành nội dung trung tâm của cuộc cạnh tranh quốc tế mới. Sự cạnh tranh giành quyền lợi và xung đột lợi ích, nhất là trên lĩnh vực thương mại, và tiền tệ, nổi lên gay gắt giữa *ba* trung tâm kinh tế : Mỹ, Nhật bản và Tây Âu.

Trong quá trình chuyển đổi từ cục diện cũ sang cục diện mới ở châu Âu, việc thiết lập cơ cấu an ninh mới thay thế cơ cấu thời chiến tranh lạnh ở châu Âu trở thành một trong các điểm giành giật giữa các nước lớn. Do cơ cấu quân sự và thể chế liên minh ở Đông Âu tan vỡ, chỉ còn Mỹ, Tây Âu và Nga là những đối thủ cạnh tranh chủ yếu trong việc tạo dựng một cơ cấu an ninh mới có lợi cho nước mình trong cục diện châu Âu sau này.

Các nước phương Tây có chung chế độ chính trị, kinh tế và quan niệm giá trị, quan hệ chặt chẽ với nhau về các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa. Sự phối hợp và hợp tác cùng sự cạnh tranh và kiềm chế lẫn nhau vẫn là hai mặt chủ yếu vừa *hạn chế* vừa *không làm mất đi* mâu thuẫn giữa các nước đó.

Trong bối cảnh như vậy việc Mỹ lấy danh nghĩa "củng cố các nền dân chủ cốt lõi" để duy trì và tăng cường sự kiểm soát đối với các nước phương Tây chỉ là đổ thêm dầu vào lửa. Cùng với tình hình thực lực các bên ngày càng tiếp cận nhau, xung đột lợi ích và tranh giành quyền lực giữa họ sẽ ngày càng gay gắt. Điều này đã được thể hiện trên hàng loạt vấn đề : chiến tranh thương mại giữa Mỹ - Nhật bản và Tây Âu ; xung đột ở Bô-xni-a - Héc-xê-gô-vi-na ; cơ chế an ninh châu Âu và châu Á ; chính sách đối với Nga và các nước Trung, Đông Âu v.v.. Xem ra, cơ sở quan hệ giữa các nền "dân chủ cốt lõi" không phải là đang được củng cố mà thực tế là đang bị suy yếu đi ; mối quan hệ giữa các nước Mỹ - Nhật - Đức - Pháp, vừa là bạn hữu vừa là đối thủ của nhau, sẽ không êm ả thuận chiều theo ý Mỹ.

2 - *Quá trình chuyển sang nền "dân chủ thị trường" trở nên khó khăn chật vật ; bất đồng, mâu thuẫn giữa Mỹ và Nga, giữa Nga với các nền "dân chủ mới" ở Đông Âu, U-crai-na... ngày càng bộc lộ gay gắt.*

Một trong 3 trụ cột của chiến lược an ninh quốc gia Mỹ là mở rộng, phát triển dân chủ và kinh tế thị trường ra khắp thế giới, ưu tiên hàng đầu là các nước thuộc Liên xô cũ và Đông Âu, nhất là nước Nga và U-crai-na. Sự thành bại của quá trình dân chủ hóa, chuyển sang quỹ đạo tư bản chủ nghĩa phương Tây ở các nước này có can hệ đến sự thành bại của chiến lược toàn cầu Mỹ. Nhằm củng cố nền dân chủ và kinh tế thị trường còn rất "non yếu, chỉ là sự vật mới phát sinh" ở các nước này, Mỹ đã hối thúc các nước phương Tây và Nhật bản bỏ tiền giúp họ không những trên lĩnh vực kinh tế tài chính, mà cả trên lĩnh vực triệt phá các kho vũ khí hạt nhân khổng lồ, chuyển các xí nghiệp quân sự thành các xí nghiệp dân sự, ngăn chặn việc Liên xô cũ làm thất thoát, buôn bán các vũ khí và kỹ thuật sản xuất vũ khí giết người hàng loạt. Mặt khác, Mỹ sẵn sàng có hành động kiên quyết để chặn đứng sự đảo ngược quá trình dân chủ hóa, như Mỹ đã từng làm ở Ha-i-ti, Goa-tê-ma-la, Ni-giê-ri-a,...

Nhưng tiến trình chuyển sang kinh tế thị trường và dân chủ kiểu phương Tây ở Nga cũng như ở các nước thuộc Liên xô cũ và Đông Âu rất khó khăn, chật vật. Ngoại trừ một số nước ở Trung Âu bước đầu chặn được quá trình suy sụp của nền kinh tế, còn hầu hết các nước thuộc Liên xô cũ và các nước khác như Bun-ga-ri, Ru-ma-ni, An-ba-ni... sản xuất tiếp tục suy thoái, lạm phát phi mã, đời sống nhân dân giảm sút rõ rệt. Trong bối cảnh đó, đại đa số nhân dân ở các nước này đã biểu thị sự bất mãn với chế độ mới, nuối tiếc những ngày sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, và thông qua các cuộc bầu cử, họ đã bầu cho các tổ chức và nhân vật cộng sản trước đây. Ở nhiều nước, các đảng viên cộng sản và tổ chức cộng sản đã trở lại cầm quyền hay trở thành phe đối lập mạnh trong nghị viện. Trong mấy năm qua, Mỹ và các nước phương Tây hứa hẹn viện trợ và xóa nợ cho Nga trên 60 tỉ đô la, nhưng thực tế Nga chỉ nhận được khoảng 1/10 số đó. Chính sách đối ngoại của Nga mấy năm đầu ngả hẳn sang thân phương Tây đã khiến vị trí và ảnh hưởng của Nga bị lu mờ trước các nước tư bản phát triển trong quá trình thiết lập cơ chế mới về an ninh châu Âu. Tình hình đó đã buộc Nga phải xem xét lại chính sách đối ngoại và học thuyết quân sự, trở về với "chính

Digitized by Google

sách ngoại giao nước lớn", kiên quyết bảo vệ lợi ích quốc gia, củng cố vị trí của mình trên trường quốc tế, nhất là đảm nhận "trách nhiệm đặc biệt" về an ninh và các hoạt động phối hợp ở không gian kinh tế thuộc các nước trong Liên xô cũ, ra sức duy trì ảnh hưởng của mình ở Đông Âu và Nam tư cũ.

Trước tình hình chính trị thay đổi nhanh chóng ở Nga, nhất là sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, Mỹ đã nhấn mạnh nên an ninh châu Âu phải dựa vào việc tăng cường NATO và làm cho tổ chức này phát triển sang phía Đông. Để tránh khiêu khích Nga quá mức, việc mở rộng NATO được tiến hành theo *hai* giai đoạn : giai đoạn *đầu*, thừa nhận các nước Đông Âu và các nước thuộc Liên xô cũ là "đối tác vì hòa bình" của NATO; giai đoạn *sau*, kết nạp các nước Trung và Đông Âu làm "thành viên chính thức" của NATO. Nga phản đối kế hoạch này và không chịu ký hiệp định là "đối tác vì hòa bình" của NATO. Nga cũng bất đồng với Mỹ trên nhiều vấn đề quốc tế, như vấn đề xung đột ở Bô-xni-a - Hec-xe-gô-vi-na, vấn đề hạt nhân ở Triều tiên, vấn đề buôn bán vũ khí công nghệ cao, vấn đề Trung Đông... Nga chủ trương bảo đảm an ninh châu Âu trong khuôn khổ *Tổ chức an ninh và hợp tác châu Âu* (OSCE) chứ không phải trong khuôn khổ khối NATO như Mỹ muốn. Quan hệ giữa Nga với các nước phương Tây và các nước Đông Âu cũng như với nhiều nước thuộc Liên xô cũ, hiện đang ở trong trạng thái "hòa bình lạnh", như tổng thống En-xin của Nga đã đánh giá.

3 - *Dân chủ hóa toàn cầu và an ninh kinh tế, ưu tiên phục hưng nước Mỹ và thực hiện chính sách can thiệp mới dưới dạng "tích cực dính líu" (active engagement) là mâu thuẫn nhau và không được sự ủng hộ ngay ở nước Mỹ.*

Khi lên cầm quyền, ông Clin-tơn xác định thách thức lớn nhất đối với tham vọng duy trì lâu dài vai trò siêu cường duy nhất "lãnh đạo thế giới" của Mỹ là sức mạnh bên trong nước Mỹ bị suy yếu tương đối, có nhiều mặt như thâm hụt ngân sách, thâm hụt ngoại thương, giáo dục, tội phạm, bạo lực, chênh lệch giàu nghèo... hết sức nghiêm trọng. Từ đó, chấn hưng kinh tế và xã hội được xem là một ưu tiên hàng đầu. Tuy nhiên, chiến lược mở rộng "cộng đồng các nền dân chủ thị trường" là đầu ra của quan niệm giá trị, lại mâu thuẫn, trái nghịch với ý muốn thu được nhiều lợi ích kinh tế cụ thể.

Mặt khác, trong lần điều chỉnh chiến lược mới đây, mục tiêu bao trùm của chiến lược toàn cầu Mỹ không chỉ là "mở rộng" dân chủ, mà còn là "tích cực dính líu" vào các công việc quốc tế, nhất là tại các khu vực trọng điểm như Đông Âu và Liên xô cũ, thiết lập "cộng đồng Thái bình dương mới" trên nền tảng "chia sẻ phồn vinh, sức mạnh và dân chủ", tìm giải pháp hòa bình toàn diện cho Trung Đông, thực thi chính sách ngăn chặn "kép" đối với I-rắc và I-ran. Chỉ trong vòng hơn 2 năm, Mỹ đã tiến hành trên 70 lần can thiệp vào nội tình nhiều nước, dưới nhiều hình thức khác nhau.

Kết quả là chiến lược "mở rộng và dính líu" của Mỹ đã đẩy Mỹ vào tình thế khó khăn ở khắp nơi, nhất là ở khu vực Đông Âu và Liên xô cũ, ở châu Á - Thái bình dương. Trong cuộc thương lượng buôn bán với Nhật bản, lập trường cứng rắn áp đặt chỉ tiêu số lượng hạn ngạch và 4 -5 lần dọa trừng phạt theo "điều khoản 301" của luật mậu dịch Mỹ đã bị Nhật bản khước từ hầu hết ; Mỹ mưu toan ép Trung quốc, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Thái lan và nhiều nước châu Á khác chấp nhận tiêu chuẩn của Mỹ về nhân quyền, điều kiện lao động và bản quyền phát minh, đã bị các nước này lên án.

Như vậy là với việc "gánh vác sứ mệnh truyền bá quan niệm giá trị nhân quyền dân chủ phương Tây", can thiệp vào công việc nội bộ nước khác, mưu toan áp đặt "tiêu chuẩn Mỹ" lên nước khác, đi ngược lại truyền thống văn hóa và tính đa dạng của các dân tộc khác, Mỹ đã tự đặt mình vào vị trí đối lập với xu hướng chủ đạo hiện nay trên thế giới là độc lập tự chủ, hòa bình và phát triển.

4 - *Mưu đồ bá chủ thế giới không tương xứng với thực lực.*

Tổng thống Clin-tơn không phải không thấy những sự hạn chế của Mỹ và tính chất phức tạp của các biến động trên thế giới. Trong một cuộc trả lời trên vô tuyến truyền hình

Digitized by Google

(ngày 3-5-94), ông Clin-tơn thừa nhận rằng Mỹ "không thể quay lưng với thế giới, Mỹ không thể giải quyết được mọi vấn đề, và không được trở thành hiến binh quốc tế". Thế nhưng, ông Clin-tơn vẫn nói : "Mỹ có bổn phận cùng với các nước khác làm tất cả những gì có thể làm được để giảm bớt những đau khổ và vãn hồi hòa bình". Do những hạn chế và mâu thuẫn này, Oa-sin-tơn đã phải liên tục điều chỉnh chủ trương, chính sách trên nhiều vấn đề. Chẳng hạn, vấn đề Mỹ can thiệp quân sự ở nước ngoài dưới cờ Liên hợp quốc. Ông Clin-tơn đã có lúc hăng hái nhảy vào can thiệp ở khắp nơi, nhưng khi các hoạt động tốn kém không mang lại kết quả mong đợi và bị chỉ trích nhiều, ông đã phải thu mình lại. Theo một báo cáo do Hạ nghị viện Mỹ công bố (AP ngày 29-7-94), nước Mỹ đang bước vào một giai đoạn "tự ngăn chặn mình" về quân sự ở những nơi không có các đe dọa rõ ràng, và nỗi lo sợ về các thiệt hại đang ngăn cản việc sử dụng các lực lượng Mỹ ở nước ngoài. Trong một bài báo trên tờ *Thời đại*, Kít-xin-gơ, cựu ngoại trưởng Mỹ, cũng đã viết : "Tiến tới thế kỷ 21, các lực lượng trên thế giới (Nhật bản, châu Âu, Trung quốc, Nga v.v.) đang phát huy tác dụng của họ. Vì vậy mà vai trò ưu việt của Mỹ bị hạ thấp." Trong những điều kiện như vậy, nước Mỹ "không có quyền tuyên bố rằng mình có năng lực vô hạn bắt người khác tuân theo ý chí của mình".

Thế giới đang vận động trong những mâu thuẫn rất phức tạp, trước mắt đã bước đầu hình thành nhiều trung tâm quyền lực vừa hợp tác vừa cạnh tranh ; vừa phối hợp vừa kiềm chế lẫn nhau ; kiềm chế nhưng không đối đầu ; hợp tác song không kết liên minh. Đối với các vấn đề tranh chấp quốc tế, nhất là trên lĩnh vực kinh tế và mậu dịch, Mỹ không thể đơn phương áp đặt ý muốn của mình. Người ta đã chứng kiến cảnh tượng Mỹ nhiều lần giơ cái gậy chỉ huy dọa trừng phạt các nước khác, như đối với Nhật bản và Trung quốc chẳng hạn, thế nhưng chính Mỹ cũng bị đe dọa trả đũa, thiệt hại không kém.

Có thể nói, trong mấy năm gần đây, hoạt động đối ngoại của Mỹ đã trải qua những bước đi dò dẫm, chập chờn, kém hiệu quả, thậm chí thất bại ở nhiều nơi, buộc phải liên tục điều chỉnh, bổ sung, để có chiến lược và đối sách mới phù hợp với thực lực của mình và thực tiễn của thế giới. Việc mong muốn duy trì và phát huy vai trò "siêu cường duy nhất" của Mỹ để định hình một trật tự thế giới mới trong đó Mỹ đóng vai trò thống soái, đã vấp phải những trở lực không sao vượt qua được. Sở dĩ như vậy do nhiều nguyên nhân. Những vấn đề mới phát sinh trên thế giới sau chiến tranh lạnh hết sức phức tạp, không dễ gì giải quyết dứt điểm. Sự thức tỉnh của nhân dân thế giới, biểu hiện mạnh mẽ ở tinh thần độc lập tự chủ, ở ý chí tự lập tự cường của các dân tộc, nằm "ngoài vòng kiểm soát" của bất cứ trung tâm quyền lực nào. Về mặt chủ quan, Mỹ cho đến nay thực tế vẫn lúng túng, trong việc hoạch định chiến lược. Theo các nhà lý luận chiến lược hàng đầu của Mỹ, như Ken-nan, Kit-xin-gơ, Brê-din-xki, thì chiến lược "mở rộng và dính líu" của chính quyền Clin-tơn là *quá trừu tượng* và *đầy mâu thuẫn*, không giữ được sự cân bằng giữa các lợi ích an ninh, kinh tế, chính trị của Mỹ, và không phù hợp với thực trạng thế giới mới. Cũng theo các nhà chiến lược trên, một khi không còn "mối đe dọa bao trùm đối với lợi ích chiến lược của Mỹ và liên minh nữa", thì không thể đưa ra ngay một chiến lược bao trùm, một khuôn khổ khái niệm chiến lược chỉ đạo thực tiễn hoạt động đối ngoại, an ninh, quân sự toàn cầu. Brê-din-xki cho rằng chính sách dân chủ hóa nước Nga thật là "ngây thơ, lạc quan tếu", nó cần được thay thế bằng chiến lược dài hạn "chủ nghĩa đa nguyên địa chính trị", nghĩa là: "chia để trị", hậu thuẫn cho các nước thuộc Liên xô cũ, nhất là U-crai-na, củng cố nền độc lập ; đưa các nước Trung, Đông Âu vào NATO ; từ đó chặt đứt vây cánh và tham vọng của Nga quay lại thời đế chế ; biến nước Nga thành "một quốc gia bình thường" không thực hiện xâm lược bá quyền [1]. Ken-nan thì cho rằng điều cần thiết là Mỹ gây ảnh hưởng ở nước ngoài bằng "nêu gương" chứ không phải bằng áp đặt mệnh lệnh [2]. Kit-xin-gơ thì nêu lên tình huống ngược đời hiện nay : Mỹ có vẻ khổng lồ hơn so với cách đây mười năm, nhưng quyền lực lại trở nên mờ nhạt hơn ❑

(1) Xem : Tạp chí *Các vấn đề quốc tế* (Mỹ) số 73 năm 1994

(2) Xem : Báo *Duy-rích*, ngày 4-4-1994

Digitized by Google

CHÂU Á - SỰ TẠM NGHỈ ĐỂ PHỤC HỒI*

6 tháng trước đây, năm 1995 vẫn được coi là năm tốt nhất đối với các nền kinh tế thế giới kể từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Triển vọng sáng sủa nhất là châu Á với sự tăng trưởng mạnh mẽ và liên tục của Trung quốc, các nước ASEAN và các nước Đông - Nam Á khác.

Tuy nhiên, khi xem xét cụ thể tình hình thì thấy có vấn đề. Ở Hồng kông, các cửa hàng đã phải đóng cửa hoặc ít khách lai vãng, trong khi đó thất nghiệp lại gia tăng. Ở Nhật bản, mặt bằng thị trường chứng khoán phản ánh khá đầy đủ tình trạng sa sút do nạn động đất và sự khủng bố bằng hơi độc. Nhìn toàn khu vực, các dự báo tăng trưởng đã giảm xuống khi lạm phát và lãi suất có chiều hướng tăng lên.

Thời gian vừa qua có *ba* sự kiện tác động đến châu Á như những tai họa, đó là : sự giảm giá của đồng pê-xô Mê-hi-cô từ tháng 12-1994 kéo sang năm 1995 ; sự lên giá đột biến của đồng yên Nhật bản ; và lãi suất tiếp tục gia tăng ở Mỹ. Những yếu tố trên đã làm cho các thị trường chứng khoán ở châu Á dao động, tiền tệ lung lay, các dự báo kinh tế màu hồng trở thành màu đen. Các chính phủ châu Á bỗng chốc phải đối đầu với sự tăng vọt về vốn, các gánh nặng nợ nần to lớn và sự tăng trưởng chậm chạp của nền kinh tế thế giới.

Trước tình hình đó, các nước đã kịp thời chấn chỉnh hoạt động kinh tế : hạ lãi suất để ngăn ngừa sự đầu cơ ; áp dụng những biện pháp cứng rắn để hạn chế tiêu dùng và đầu tư. Mặc dù sự tăng trưởng không mạnh mẽ như dự đoán ban đầu, nhưng kinh tế châu Á lại trở nên vững chắc hơn trước. Đó chính là "khả năng ứng xử đúng đắn" của châu Á.

Giờ đây, vấn đề đặt ra đối với châu Á là làm sao nắm được thời cơ thuận lợi của khoảng thời gian tạm nghỉ sau các cú sốc của kinh tế thế giới. Giống như vận động viên sau một buổi luyện tập căng thẳng, các nền kinh tế trong khu vực có thể sử dụng sự tạm nghỉ để thư dãn, tập trung vào các chiến lược của mình cho cuộc chiến lớn tiếp theo.

Theo một nhà kinh tế của hãng môi giới khu vực Crô-xbai Xe-kiu-ri-ti (Crosby Securities), sự nâng giá của đồng yên đã làm thay đổi cảnh quan nền kinh tế Nhật bản. Điều này cũng liên quan đến sự tăng trưởng trên toàn thế giới cũng như ở châu Á, vì Nhật bản là người mua chủ yếu các sản phẩm của châu Á. Tuy nhiên, khía cạnh tích cực của tỷ giá đồng yên/đô la cao là các dòng đầu tư sẽ đổ vào hoạt động sản xuất ở châu Á.

Một số nhà phân tích lo ngại tình hình kinh tế của châu Á nói chung dù có diễn biến tốt đẹp thì cũng khó tránh khỏi bị ảnh hưởng lớn khi các thị trường chủ yếu ở châu Âu và Bắc Mỹ đã giảm sút nhu cầu. Nhưng thực tế cho thấy một số nước châu Á đã trở thành thị trường mới đầy hứa hẹn cho chính các sản phẩm của mình. Khi có niềm tin vào các nước láng giềng và sự thịnh vượng chung, thì sự phụ thuộc vào các thị trường truyền thống châu Âu và Bắc Mỹ sẽ giảm đi.

Sự mở rộng thương mại trong khu vực đã làm tăng nhanh thu nhập thực tế, tạo thêm nhu cầu trong nước. Và điều đó làm tăng nhu cầu mở rộng thương mại và tạo thành chu kỳ mới. Vì vậy, dù Nhật bản ít mua sản phẩm của châu Á và các khách hàng châu Âu và châu Mỹ vẫn còn ở ngoài đường biên, thì châu Á vẫn có tiền do sự vận động nội tại của khu vực. Điều này giải thích vì sao trong khi kinh tế thế giới tăng trưởng chậm chạp và kết quả đạt được không như mong muốn, thì các nền kinh tế châu Á vẫn đang phát triển với tỷ lệ đáng ghen tị. Hầu hết các nước ASEAN có mức độ tăng trưởng gần 8%, Trung quốc : 10,4%, và các tiểu lục địa sẽ giữ vững tỷ lệ 5%.

Các nước Đông - Nam Á đều có nền kinh tế quá nóng. Sự giảm sút các nhu cầu của thị trường Mỹ, châu Âu và Nhật bản có thể làm

* Theo *Tuần báo châu Á* (ASIAWEEK), tháng 7-1995

Digitized by Google

giảm bớt sự đè nén căng thẳng đó. Các nhà kinh tế khu vực cho rằng sự giảm nhẹ tốc độ tăng trưởng sẽ tạo cho các nền kinh tế "một số khoảng trống để thở". Đây là thời kỳ các quốc gia, các công ty có thể tiếp tục phát triển các cơ sở hạ tầng hợp pháp, các cơ sở hạ tầng tài chính và xã hội cần thiết để theo kịp sự tăng trưởng của đất nước. Họ cũng có thể sử dụng thời gian tạm nghỉ để tìm ra các biện pháp cải cách, để tập trung vào các chiến lược mới, từ việc tăng chất lượng các mặt hàng xuất khẩu quốc tế đến việc cải thiện chất lượng công nhân trong nước.

Sự giảm tốc độ tăng trưởng trong năm 1995 đã củng cố nhận thức của các chính phủ châu Á : họ không thể sử dụng toàn bộ khả năng chỉ đạo nền kinh tế tương lai của mình. Sự giảm tốc độ tăng trưởng cũng tạo sự khuyến khích đối với những nhà hoạch định chính sách đang cố gắng thức tỉnh các nền kinh tế chỉ huy có sự chỉ đạo trực tiếp của nhà nước. Ở hầu hết các nền kinh tế hoàn thiện của châu Á, các nhà vạch kế hoạch đang tháo gỡ các biện pháp trực tiếp như sự ưu đãi, giảm thuế... để thúc đẩy sự phát triển.

Theo lời của nhà kinh tế Hãng Crô-xbai Xe-kiu-ri-ti : "Các chính phủ châu Á không thể lựa chọn người chiến thắng. Thị trường sẽ quyết định ai là người chiến thắng hay chiến bại."

Ở Phi-líp-pin, Công ty Pê-tơ-rôn là một xí nghiệp tinh chế và phân phối dầu trước đây của nhà nước. Năm 1994, sau khi tiến hành tư nhân hóa, 40% vốn của công ty do Công ty A-ram-cô của A-rập Xê-út nắm giữ, còn 20% thuộc về nhà nước. Giờ đây, công ty đang đổ 1,6 tỉ đô la vào các kế hoạch mở rộng : một đường ống dẫn dầu khí dưới biển và 2 xí nghiệp tinh chế mới vào năm 2003, hơn gấp đôi sản lượng hiện tại.

Năm 1994, Công ty Shell của Pa-ki-xtan đã chi 10 triệu đô la vào việc nâng cấp các cơ sở vật chất. Công ty đã đầu tư vào các phương tiện dự trữ, chuyên chở bằng đường bộ và đường sắt, các đường ống dẫn khí để có thể gia tăng sản phẩm dầu mỏ của Pa-ki-xtan từ 14 triệu tấn hiện nay lên 25 triệu tấn vào năm 2000. Các cải cách của chính phủ đã cho phép các nhà đầu tư nước ngoài nắm 100% cổ phần trong các công ty địa phương. Công ty Shell đang đàm phán để mua đứt các cổ phần của các bạn hàng liên doanh nhằm đạt quyền kiểm soát lớn hơn trong hoạt động của mình.

Công ty Ga-gia Tăng-gan (Gadjah Tunggal) của In-đô-nê-xi-a bắt đầu sản xuất lốp xe đạp từ năm 1951. Trong những năm 80, công ty đã bắt đầu sản xuất lốp xe hơi. Giờ đây, công ty đang chuẩn bị sẵn sàng để xuất khẩu. Với lao động chỉ chiếm 3% trong tổng số chi phí sản phẩm, công ty có nhiều khả năng hứa hẹn.

Nguồn lao động rẻ của châu Á đang nhanh chóng cạn kiệt. Ngày nay, nhu cầu đối với sản xuất không chỉ là lực lượng công nhân mà còn là người quản lý. Do vậy, việc giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ tạo thuận lợi cho các quốc gia, các công ty có thời gian tái đào tạo công nhân nhằm bổ sung cho những nhu cầu mới, đặc biệt trong các ngành dịch vụ và công nghệ cao.

Là công ty sản xuất xe hơi có sản phẩm rộng rãi nhất và bán chạy nhất ở Trung quốc, Công ty Vôn-va-ghen (Volkswagen) của Thượng hải đã lao vào cuộc đua để theo kịp sự tăng trưởng của đất nước. Nhưng tính đến giữa năm 1995, công ty đã sản xuất ít hơn 1/3 chỉ tiêu đề ra năm 1995 là 160 000 chiếc xe. Một nhà máy mới 301 triệu đô la đang sắp sửa đi vào hoạt động nhưng còn đòi hỏi thời gian để chấn chỉnh máy móc mới và đào tạo công nhân mới. Thực tế, Vôn-va-ghen đang đặt kế hoạch xây dựng một nhà máy khác sẽ mang lại 300 000 chiếc ô tô vào cuối năm 1997.

Đặc điểm chung của các nền kinh tế châu Á là sự cần thiết nâng cao kỹ năng lao động. Theo các nguyên tắc của thị trường, công nhân sẽ phải tự chăm lo đến việc học tập để có thể chuyển từ những nghề dư thừa lao động sang nghề thiếu hụt lao động. Điều này đòi hỏi thời gian lâu dài như việc có đầy đủ các trường học, các chương trình giáo dục cho người lớn và việc đào tạo nghề nghiệp.

Những thách thức của sự tăng trưởng nhanh trong khu vực có thể khắc phục được. Điều mà châu Á cần là một khoảng thời gian nhất định để làm việc đó.

NGUYỄN THỊ HOA
(Lược dịch)

Digitized by Google

CÁC CHIẾN LƯỢC TOÀN CẦU CỦA MỸ TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

• **CHIẾN LƯỢC "NGĂN CHẶN"** Chiến lược "ngăn chặn" ra đời sau chiến tranh thế giới thứ hai, do Tổng thống Mỹ Tơ-ru-man khởi xướng. Đây là một chiến lược lớn chi phối hoạt động đối nội và đối ngoại của Mỹ qua nhiều đời tổng thống, và trong từng giai đoạn cụ thể thì có thêm các chiến lược nhỏ bổ sung.

Nội dung cơ bản của chiến lược này là :

+ lấy thực lực của Mỹ làm hậu thuẫn, sử dụng các thủ đoạn kinh tế, chính trị, quân sự (đặc biệt là quân sự) để ngăn chặn sự phát triển và mở rộng của chủ nghĩa cộng sản ;

+ bằng mọi cách trước hết cô lập chủ nghĩa cộng sản, cô lập Liên xô trong "bức màn sắt", làm phân hóa nội bộ và làm suy yếu các nước xã hội chủ nghĩa.

Các biện pháp để thực hiện nội dung trên là : tăng cường và sẵn sàng sử dụng vũ lực ; tăng cường viện trợ cho các khu vực xung yếu và những quốc gia ven Liên xô ; cổ vũ các nước Đông Âu đứng lên giành độc lập ; tăng cường đoàn kết các nước tư bản phương Tây và làm cho các nước đó "tràn đầy sức sống" ; cổ vũ những lực lượng chống đối Liên xô.

Biểu hiện chủ yếu nhất của chiến lược "ngăn chặn" là trong lĩnh vực quân sự. Mỹ xây dựng căn cứ quân sự ở khắp nơi trên thế giới, hình thành các khối liên minh quân sự, tiến hành đe dọa quân sự, bao vây, cạn thiệp vũ trang và tiến hành cuộc xâm lược chống các nước xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện tối đa chiến lược "ngăn chặn", Mỹ thường xuyên bổ sung thêm các chiến lược quân sự nhỏ cho phù hợp với từng thời kỳ. Thông thường, các chiến lược này gắn liền với các nhiệm kỳ tổng thống Mỹ.

1) Chiến lược "trả đũa ồ ạt"

Sau khi Ai-xen-hao nhậm chức tổng thống ít lâu, Mỹ thất bại trong cuộc chiến tranh Triều tiên. Để ngăn chặn làn sóng cộng sản, Mỹ đề ra chiến lược quân sự "trả đũa ồ ạt".

Nội dung chiến lược này gồm những điểm cơ bản sau :

+ phát triển lực lượng hạt nhân với quy mô lớn, coi đó là nhân tố quyết định ; tích cực phát triển không quân, hải quân và vũ khí nguyên tử chiến lược và chiến thuật gồm nhiều chủng loại ;

+ lựa chọn khu vực đặc biệt quan trọng của đối phương để đánh đòn hạt nhân ; mục tiêu được lựa chọn có thể tính cả Mát-xcơ-va;

+ bố trí sẵn lực lượng "trả đũa tức thì", duy trì trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao.

2) Chiến lược "phản ứng linh hoạt"

Tháng 1-1961, G.Ken-nơ-đi thay Ai-xen-hao làm tổng thống Mỹ. Ken-nơ-đi cho rằng chiến lược "trả đũa ồ ạt" đẩy nước Mỹ vào đường hầm không lối thoát.

Ken-nơ-đi quyết định thay chiến lược cũ bằng chiến lược "phản ứng linh hoạt" do Tay-lơ đề ra. Chiến lược này xóa bỏ phương châm chỉ có 1 loại chiến tranh là đánh đòn hạt nhân. Căn cứ vào các tình huống khác nhau, nó đưa ra 4 loại chiến tranh mà nước Mỹ cần chuẩn bị : *chiến tranh đặc biệt, chiến tranh thông thường, chiến tranh hạn chế có sử dụng vũ khí hạt nhân chiến thuật* và *chiến tranh hạt nhân quy mô lớn dùng vũ khí hạt nhân chiến lược*. Ken-nơ-đi rất coi trọng "chiến tranh đặc biệt" và nhấn mạnh Mỹ phải có khả năng tiến hành nó. Cùng với việc tăng cường binh lực thông thường, Mỹ đưa ra khẩu hiệu "Chuẩn bị đánh hai cuộc chiến tranh rưỡi" : một cuộc chiến tranh (lớn) ở châu Á, một cuộc chiến tranh (lớn) ở châu Âu và một cuộc chiến tranh (*nhỏ* hay *nửa cuộc chiến tranh*) để đối phó với xung đột bất ngờ có thể xảy ra như ở Trung Đông. Việc Mỹ tăng cường lực lượng thông thường không có nghĩa là Mỹ từ bỏ phát triển lực lượng hạt nhân, mà coi đó là hai mặt không thể thiếu trong một cuộc chiến tranh hiện đại.

Chiến lược "phản ứng linh hoạt" được thực hiện chủ yếu đối với thế giới thứ 3, với *nội dung chính* là : *chống cộng, thực hiện can thiệp quân sự, phát động và đẩy mạnh chiến tranh xâm lược*. Việt nam trở thành nơi thử nghiệm chủ yếu của "chiến tranh đặc biệt". Qua hai đời tổng thống và với nhiều thăng trầm, chiến lược "phản ứng linh hoạt" của Mỹ thực tế đã bị thất bại ở Việt nam.

3) Chiến lược "răn đe thực tế"

Ních-xơn nhậm chức trong bối cảnh Mỹ đã mất ưu thế về vũ khí hạt nhân. Ních-xơn với sự cố vấn của Kit-xin-gơ đã đề ra chiến lược chung dựa trên 3 nguyên tắc : "*sức mạnh - tập thể tham gia - thương lượng*". Mỹ và đồng minh chuẩn bị cho 4 loại hình chiến tranh : 1) Chiến tranh hạt nhân chiến lược ; 2) chiến tranh hạt nhân cấp chiến trường ; 3) chiến tranh thông thường ở cấp chiến trường ; 4) chiến tranh thông thường ở một số khu vực (trong từng chiến trường hay khu vực cục bộ).

Biện pháp chủ yếu của chiến lược này là :

+ ra sức giành lại ưu thế vũ khí chiến lược bằng mọi giá ;

+ duy trì lực lượng thông thường theo công thức *một cuộc chiến tranh rưỡi*, tức là : lực lượng thường trực của Mỹ và đồng minh phải bảo đảm thế nào để có thể cùng một lúc tiến hành một cuộc chiến tranh *lớn* (với Liên xô hoặc Trung quốc) và một cuộc chiến tranh *nhỏ* ;

+ tiếp tục giữ cam kết thế giới, nhưng giảm vai trò tham gia trực tiếp của Mỹ vào các cuộc xung đột địa phương ; huy động đồng minh thực hiện liên minh khu vực để tự đảm nhiệm việc ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc ;

+ lấy chiến trường châu Âu làm chiến trường trọng điểm số 1, tập trung đối phó với Liên xô, khối Vac-sa-va và Trung quốc, nhưng trước hết là Liên xô.

+ kết hợp cân đối giữa đối ngoại và đối nội ; coi trọng việc khôi phục sức mạnh của Mỹ cả về kinh tế lẫn quân sự.

• **CHIẾN LƯỢC "VƯỢT TRÊN NGĂN CHẶN"** Trong buổi nói chuyện tại Trường đại học nông nghiệp và cơ giới Tếch-dát, ngày 12-5-1989, Tổng thống Mỹ Bu-sơ chính thức đưa ra chiến lược "vượt trên ngăn chặn". Chiến lược này dựa trên nhận định tình hình như sau : lực lượng so sánh Đông - Tây đã có những thay đổi rõ rệt, thời kỳ sử dụng sức mạnh quân sự để ngăn chặn các nước xã hội chủ nghĩa đã qua, cần phải có chiến lược mới để giành chiến thắng không cần chiến tranh.

Nội dung cơ bản của chiến lược này là :

+ đẩy mạnh đấu tranh trên lĩnh vực ý thức, đề cao khẩu hiệu "tự do dân chủ", "nhân quyền", tiến hành thẩm thấu chính trị, tư tưởng văn hóa vào các nước xã hội chủ nghĩa ; đề cao giá trị phương Tây, thúc đẩy các nước xã hội chủ nghĩa thực hiện đa nguyên hóa chính trị.

+ dùng viện trợ kinh tế để thúc ép các nước xã hội chủ nghĩa chuyển sang nền kinh tế thị trường tự do, đi theo cơ chế kinh tế tư bản chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi cho cải cách "dân chủ" ;

+ thi hành chính sách phân biệt đối xử, vừa răn đe vừa lôi kéo ;

+ tăng cường quan hệ với Tây Âu và Nhật bản, đồng thời khống chế cả hai đối tượng này để chiếm lĩnh thị trường ; thúc đẩy Tây Âu và Nhật bản ủng hộ "diễn biến hòa bình".

• **CHIẾN LƯỢC " ĐÍNH LÍU VÀ MỞ RỘNG"** Trên cơ sở xác định lại lợi ích và vai trò căn bản của Mỹ trong thế giới mới, để chớp thời cơ và đối phó với thách thức, chính quyền Bin Clin-tơn đã đưa ra chiến lược toàn cầu "đính líu và mở rộng" thay cho hai chiến lược nói trên của thời chiến tranh lạnh.

Cốt lõi của chiến lược mới này là : sử dụng "dân chủ", "nhân quyền", "kinh tế thị trường tự do" kiểu phương Tây để thực hiện "diễn biến hòa bình" ở các nước xã hội chủ nghĩa và lật đổ các nhà nước không cùng quan niệm giá trị với Mỹ ; xây dựng một "trật tự thế giới mới" thuần khiết tư bản chủ nghĩa theo mô hình Mỹ.

Các mục tiêu của chiến lược này là : 1) Củng cố *ba* nền dân chủ là Tây Âu, Nhật bản và Bắc Mỹ ; 2) Củng cố và mở rộng "nền dân chủ thị trường" tại những địa bàn then chốt, như Liên xô (cũ), Đông Âu, sau đó là châu A - Thái bình dương, châu Phi ; 3) Đối phó với các nước "tụt hậu", trọng điểm là I-ran, I-rắc, Mi-an-ma, ... ; 4) Thực thi các hoạt động "nhân đạo" và "thúc ép hòa bình" để mở rộng "nền dân chủ thị trường", trọng điểm là ở những nơi có khả năng tạo ra thay đổi. Mỹ sẽ tùy theo tình hình cụ thể để hành động sao cho có hiệu quả, không bị sa lầy, được nhân dân Mỹ đồng tình, và chú trọng hành động đa phương dưới danh nghĩa Liên hợp quốc hay các tổ chức khu vực ❑

Digitized by Google

QUẢNG CÁO



ASIA COMMERCIAL BANK
VỐN ĐIỀU LỆ 70.000.000.000 VNĐ

TIẾT KIỆM NGOẠI TỆ CÓ THƯỞNG
VỚI 100 USD BẠN CÓ CƠ MAY SỞ HỮU
MỘT CĂN NHÀ TRỊ GIÁ 250 TRIỆU ĐỒNG

NGÂN HÀNG Á CHÂU TRÂN TRỌNG THÔNG BÁO PHÁT HÀNH ĐỢT IV TIỀN GỬI TIẾT KIỆM NGOẠI TỆ CÓ THƯỞNG ĐƯỢC MỞ SỐ TRÚNG THƯỞNG VÁO NGÀY 28/10/1995

Đặc biệt giải thưởng đợt IV ngoài giải đặc biệt trị giá 250.000.000 đồng còn có sự tham gia tài trợ các sản phẩm gia dụng nổi tiếng của hãng INDESIT ITALIA & SANYO JAPAN

Đợt IV cứ mỗi 10.000 số (4 hàng số) có 148 giải thưởng :

Đợt IV cứ mỗi 10.000 số (4 hàng số) có 148 giải thưởng như sau :

- Một giải đặc biệt : Một căn nhà trị giá 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), cùng các tiện nghi sinh hoạt gia đình gồm :

- 01 tủ lạnh, 01 đầu máy video đa hệ có karaoke, 01 ti vi màu 14 inch, 01 máy giặt.

- Một giải nhất : Một xe Honda dream II 100cc mới.

- Một giải nhì : Một xe Honda Citi 100cc mới.

- Hai giải ba : Mỗi giải 01 máy giặt INDESIT của Ý trị giá 7.150.000 đ/1 máy

- Bảy giải tư : Mỗi giải 01 máy giặt SANYO Nhật trị giá 4.070.000 đ/1 cái

- Chín giải an ủi thứ nhất : Mỗi giải 01 Tivi màu đa hệ 14 inch SANYO trị giá 2.600.000 đ/1 cái

- Hai mươi bảy giải an ủi thứ nhì : Mỗi giải 01 quạt bàn trị giá 300.000 đ/1 cái

- Một trăm giải khuyến khích : Mỗi giải 01 đồng hồ treo tường, trị giá 100.000 đ/1 cái

Đối tượng tham dự :

Khách hàng gửi tiết kiệm ngoại tệ bằng Mỹ kim (USD) hoặc tiền đồng qui ra ngoại tệ tại thời điểm gửi.

1 - ***Định kỳ 03 tháng,*** có số tiền gửi từ **400 USD** trở lên, cứ **400 USD** được cấp *01 số dự thưởng cho một kỳ mở số*

2 - ***Định kỳ 06 tháng,*** có số tiền gửi từ **200 USD** trở lên, cứ **200 USD** được cấp *01 số dự thưởng cho một kỳ mở số.*

3 - ***Định kỳ 12 tháng,*** có số tiền gửi từ **100 USD** trở lên, cứ **100 USD** được *cấp 01 số dự thưởng cho một kỳ mở số.*

NGÀY MỞ SỐ : Theo kết quả xổ số kiến thiết TP. Hồ Chí Minh, vào **ngày thứ bảy 28/10/1995.**

*** Đặc biệt :**

- Khách hàng gửi tiết kiệm tại **NGÂN HÀNG Á CHÂU** được ưu tiên vay trả góp mua hàng tiêu dùng và xe gắn máy với lãi suất ưu đãi.

Địa điểm phát hành :

Xin quý khách liên hệ và xem thể lệ chi tiết tại :

- Hội sở : 442 Nguyễn Thị Minh Khai, QIII. TP. HCM ĐT : 334085 - 395179
- Chi nhánh Saigon : 30 Mạc Đĩnh Chi, QI. TP. HCM ĐT : 243770 - 243771
- Chi nhánh Hà nội : 16-18 Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm - HN ĐT : 243508 - 243509
- Chi nhánh Angiang : 95 Nguyễn Trãi, Long Xuyên. ĐT : 54532 - 54533

Ngân hàng Á Châu hân hạnh được phục vụ Quý khách

Digitized by Google

LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ MUA BÁN TP. HỒ CHÍ MINH
SAIGON UNION OF TRADING CO-OPERATIVES
SAIGONCO-OP

Văn phòng : 102 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : 228465-228468. Fax : 84-8-228469



"Cấp ủy Đảng và lãnh đạo liên hiệp - SG CO-OP đã xác định đúng phương hướng phát triển, chuyên sâu và đồng bộ, giảm cấp trung gian quản lí tạo chủ động cho cấp quận. Nắm chắc nhu cầu thị trường dự trữ các mặt hàng chủ yếu, không thụ động trong các biến chuyển chung và khan hiếm hàng giả tạo... Bên cạnh các địa bàn dân cư quan trọng, lãnh đạo Liên hiệp đã nghiên cứu tổng hợp các yếu tố, các diễn biến cập nhập của đối tượng khách hàng các vùng và tăng cường tìm đối tác bình đẳng trong các liên doanh thích hợp năm 95 này và những năm tới..."

- Xuất khẩu trực tiếp : Nông hải sản các loại, thực phẩm chế biến, các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, quần áo may mặc sẵn...
- Nhập khẩu trực tiếp : Xe gắn máy, hóa chất, hạt nhựa, vật liệu xây dựng, nguyên liệu chế biến, thực phẩm, hàng hóa tiêu dùng...
- Bán sỉ : Hàng hóa tiêu dùng, sợi, hạt nhựa, vật liệu xây dựng, nguyên liệu để chế biến thực phẩm...
- Bán lẻ : Hàng tiêu dùng, sản phẩm điện tử, điện máy, vải, thực phẩm, nhu yếu phẩm tại các cửa hàng của Saigon Coop và các cửa hàng trong thành phố Hồ Chí Minh.
- Sản xuất và chế biến : thực phẩm.
- Dịch vụ kiều hối.
- Dịch vụ du lịch.
- Hợp tác đầu tư với nước ngoài về SXCB TP, hàng tiêu dùng, kinh doanh văn phòng...

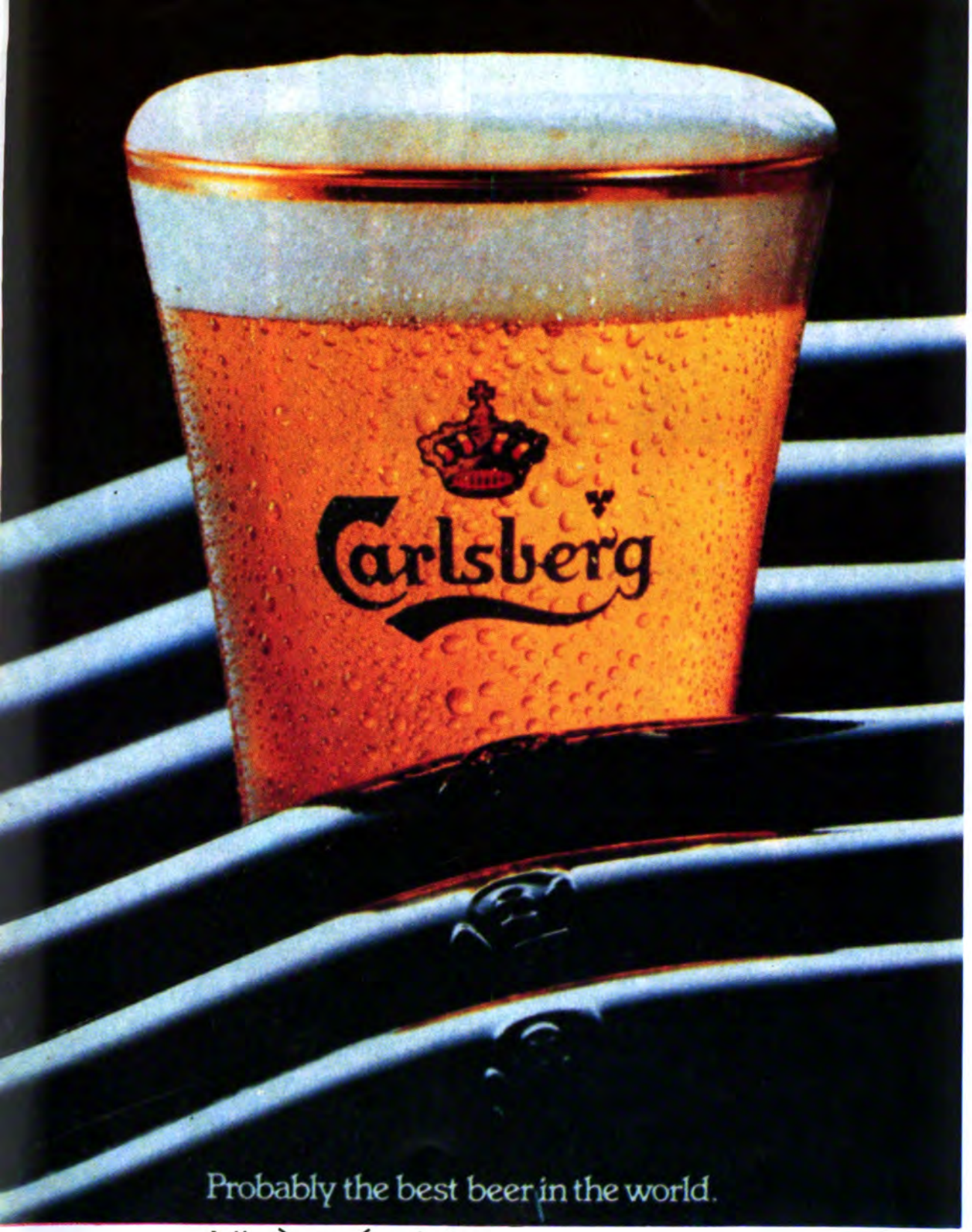
* CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC :

1. **XN Chế biến hàng XK** : 102 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q1. ĐT : 294844-297536.
2. **Công ty Dịch vụ tổng hợp SAIGON CO-OP:** 174 Lê Thánh Tôn, Q1. ĐT : 295376-231204.
3. **XN Nước chấm Nam Dương** : 467 - 469 Bến Bình Đông, Q8. ĐT : 555761.
4. **CH THTN HTX MB TPHCM** : 32 Tháp Mười, Q6. ĐT : 556428 - 556429.
5. **CH 727 Trần Hưng Đạo**, Q5. ĐT : 396538 - 355641.
6. **CH Bến Thành** : 130 Lê Thánh Tôn, Q1. ĐT : 230391.
7. **CH Tân Bình** (chợ Tân Bình). ĐT : 641771.





Digitized by Google



Nhà máy bia

ĐÔNG NAM Á

167B Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, Hà nội Điện thoại : 631131 - Fax : 631303

VP đại diện tại TP Hồ Chí Minh : 210 Nguyễn Công Trứ, Q.1, Điện thoại : 251226

Digitized by Google

5/28

CÔNG TY THƯƠNG NGHIỆP TỔNG HỢP AN GIANG

Giám đốc
THÁI HAI THỢ



Công ty THƯƠNG NGHIỆP TỔNG HỢP tỉnh AN GIANG (ANGITEXIM)

- Sản xuất, chế biến, kinh doanh các mặt hàng :

+ Lương thực, thực phẩm công nghệ, thực phẩm tươi sống và các loại nông, lâm, thủy hải sản xuất khẩu, nhập khẩu và nội tiêu như: gạo, ngô (bắp), đậu xanh, đậu nành, đậu phộng, mè, hạt tiêu, hạt cà phê, hạt điều, cá, tôm, mực đông lạnh, đặc biệt là cá basa fillet - (Pacific Dory fillet) (Pangasis), mì gói, bột ngọt, bột mì, đường, rượu bia các loại, sữa, bánh kẹo, nấm rơm muối và đông lạnh, trứng vịt muối.

+ Các mặt hàng bách hóa điện máy :

Vải sợi các loại, quần áo may sẵn, giấy viết tập vở học sinh, bột giặt, dây điện, bóng đèn các loại, quạt máy, phụ tùng, vỏ ruột xe đạp, xe gắn máy, radio, cassette, tivi và các loại nông ngư cơ... xăng dầu các loại.

+ Các mặt hàng vật liệu xây dựng:

Xi măng, sắt thép, tấm lợp, gỗ xây dựng.

- Tổ chức mạng lưới của công ty:

1) Xí nghiệp đông lạnh số 8 Châu Thanh có công suất chế biến cấp đông các loại tôm, cá, mực... thành phẩm 3.500 tấn/năm.



2) Xí nghiệp chế biến hạt điều nhân có công suất 400 tấn nhân/năm.

3) Cửa hàng chế biến trứng muối xuất khẩu thu mua chế biến 25 triệu quả/năm.

4) Công ty Liên doanh Công nghiệp Thực phẩm AN THÁI, nhà máy sản xuất mì ăn liền có công suất 120 triệu gói/năm. Đây là đơn vị liên doanh với nước ngoài (Singapore), công nghệ hiện đại, chất lượng tuyệt hảo, đã tham gia các hội chợ : Giảng võ - Hà nội, Quang Trung - Thành phố Hồ Chí Minh và Cần thơ. Sản phẩm của nhà máy được tặng thưởng 5 huy chương vàng, 11 huy chương bạc và 7 bằng khen.

Ngoài 4 đơn vị trực thuộc trên đây Công ty có trên 10 cửa hàng ở Huyện Thị và nhiều đại lý bán sỉ và lẻ trong Tỉnh.

- Thị trường tiêu thụ :

+ Xuất khẩu sang nhiều nước Pháp - Đức - Đan mạch - Thụy sĩ - Bỉ - Hà lan - Úc - HongKong - Singapore - Malaysia - Kampuchia - Ba lan - Tiệp khắc - Thái lan - Ấn độ - các nước Á rập.

+ Nội địa, khắp nơi trong nước.

- Phương thức kinh doanh :

+ Xuất nhập khẩu trực tiếp và ủy thác.

+ Bán sỉ và lẻ.

+ Nhận làm đại lý và mở thêm mạng lưới đại lý.

+ Hợp tác liên doanh về nuôi trồng và sản xuất chế biến gia công đầu tư.

Công ty THƯƠNG NGHIỆP TỔNG HỢP AN GIANG quan hệ làm ăn với nhiều khách hàng nước ngoài và trong nước trên cơ sở bình đẳng, song phương, tin nhiệm, nhờ vậy Công ty đã trưởng thành nhiều năm trong ngành.

IN TẠI NHÀ IN NHÂN DÂN HÀ NỘI II CHỈ SỐ 12651-ISSN 0866-7276 GIÁ : 2500Đ

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

HX9
V5
H63
v. 1995
no. 13
MAIN

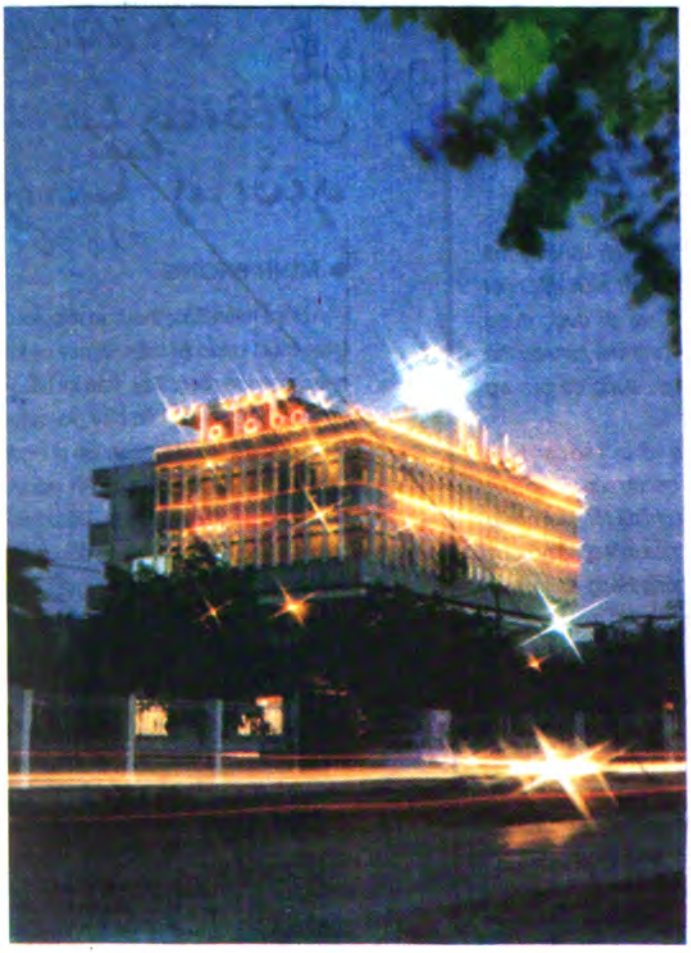




The Library - UC Berkeley
eceived on: 10-24-95
ap Chi Cong San

13
10-1995

Digitized by Google

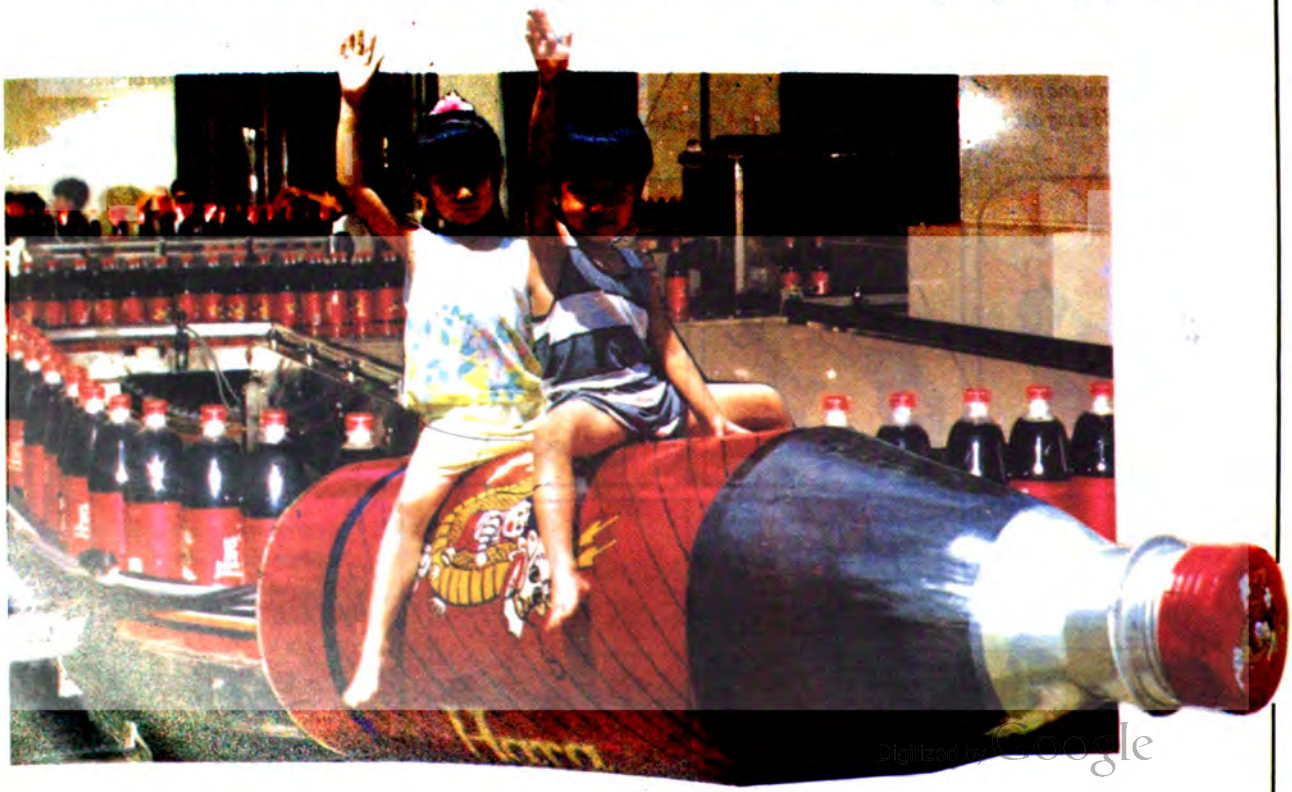


HaraCola

ĐỊA CHỈ :
TRỤ SỞ LOTABA :
Thị trấn Hà Trung - Thanh Hóa
NHÀ MÁY NƯỚC GIẢI KHÁT HARACOLA
Đường Bà Triệu - Thành phố Thanh Hóa
Tel : 52894 - 51162 - Fax : 01.37.51163
Giám đốc Lotaba : LÊ VIỆT DƯỢC

Trên dây chuyền công nghệ của Đài Loan, nhà máy còn sản xuất thêm sản phẩm mới là soda và nước táo.

Hara Cola nước giải khát chất lượng tuyệt hảo



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 481

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

ĐỖ MƯỜI - Trong hành trình đưa đất nước tiến lên, cần luôn luôn trân trọng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc 3

CÙ HUY CẬN - Phấn đấu xây dựng nền văn học nghệ thuật tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong bối cảnh mới 6

BÙI NGỌC THANH và NGUYỄN HỮU DŨNG - Phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội nông thôn trong điều kiện đổi mới 10

NGUYỄN THẾ UẨN - Ngoại thương với chiến lược tăng tốc 14

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

LÊ XUÂN LỰU - Về một số luận điệu xuyên tạc và bịa đặt 17

LÊ NGỌC TÒNG - Học thuyết kinh tế của Mác và thời đại hiện nay 21

TRẦN ĐÌNH THIÊN -Một số vấn đề về chủ nghĩa tư bản nhà nước 25

TỪ ĐỨC TRỊNH - Về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa trong văn nghệ hiện nay 29

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

TÔ TỬ HẠ - Xây dựng đội ngũ công chức hành chính nhà nước 32

LƯƠNG XUÂN HỘI - Tiết kiệm vốn trong xây dựng cơ bản - vấn đề cấp bách của nền kinh tế 34

NGHIÊM HƯNG - Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự ở Hải phòng 38

ĐIỀU TRA

NGUYỄN LINH KHIẾU - Công cuộc đổi mới - một số chỉ báo xã hội 41

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NGUYỄN TRUNG THỰC - Cũng là kiểu đốt đền Ác-tê-mi 44

TƯ LIỆU LỊCH SỬ

PHẠM XANH - Những thông điệp đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Liên hợp quốc 46

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

VÕ THỦ PHƯƠNG - Ý kiến nhỏ về thắng lợi lớn của ngoại giao Việt nam 49

NGUYỄN THI HOA - Những vấn đề của thế giới hiện nay 53

QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

GÔ CHỐC TÒNG - Xin-ga-po : Những bí quyết thành công 56

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM

Hình sự, dân sự. Tố tụng hình sự, tố tụng dân sự 59

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

Hội thảo khoa học về chính sách tiền tệ phục vụ phát triển kinh tế giai đoạn 1996-2000 60

Bìa 1 : *Khuê văn các (Văn Miếu) Chùa Một cột*
Ảnh : **Lê Vượng**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ДО МЫОЙ - Необходимость дорожения, сохранения и повышения оригинальности национальной культуры в ходе движения вперёд. КУ ТХЮ КАН - За создание современной литературы и искусства, проникнутые национальным духом в новой обстановке. БУЙ НГОК ТХАНЬ и НГУЕН ХЫУ ЗУНГ - Экономическое развитие и решение сельских проблем в условиях обновления. НГУЕН ТХЕ УОАН - Внешняя торговля и стратегия ускоренного развития. ЛЕ СУАН ЛЫУ - По поводу некоторых искажающих и фальшивых мотивов. ЛЕ НГОК ТОНГ - Экономическая теория Карла Маркса и современность. ЧАН ДИНЬ ТХИЕН - Некоторые проблемы государственного капитализма. ТЫ ДЫК ЧИНЬ - О социалистическом реализме в современной литературе и искусстве. ТО ТЫ ХА - Формирование государственно - административного персонжа. ЛЫОНГ СУАН ХОЙ - Экономия фондов в капитальном строительстве-горячий экономический вопрос. НГУЕН ЧУНГ ТХЫК - Своего рода сжигание храма Артемиды. ВО ТХЮ ФЫОНГ - Некоторые рассуждения о большой победе вьетнамской дипломатии.

CONTENTS

ĐỖ MƯỜI - It's necessary to respect, preserve and promote the character of the national culture on the march forward of the country. CU HUY CẬN - Striving to build the advanced Literature and Arts full of national character in the new context. BÙI NGỌC THANH and NGUYỄN HỮU DŨNG - Developing the economy and dealing with social problems in the countryside in condition of renovation. NGUYỄN THẾ UẨN - Foreign trade with the strategy of speeding up. LÊ XUÂN LƯU - On some arguments of distortion and fabrication. LÊ NGỌC TÒNG - The Marxist doctrine on the Economy in the present time. TRẦN ĐÌNH THIỆN - Some issues on the State's capitalism. TỪ ĐỨC TRỊNH - On the socialist realism in the present Literature and Arts. TÔ TỬ HẠ - Setting up a contingent of the State's administrative staff. LƯƠNG XUÂN HỘI - Saving of capital in the capital construction - a striking problem of the economy. NGUYỄN TRUNG THỰC - In the same manner as they burnt the Artemis Temple. VÕ THU PHƯƠNG - Several reflections on the great victory of the Diplomacy of Vietnam.

SOMMAIRE

ĐỖ MƯỜI - Dans le processus de faire progresser le pays, il est nécessaire de respecter, préserver et revaloriser l'identité culturelle nationale. CU HUY CẬN - Oeuvrons pour une littérature et des arts avancés, profondément empreints d'identité nationale dans le nouveau contexte. BÙI NGỌC THANH - NGUYỄN HỮU DŨNG - Le développement économique et la solution des problèmes sociaux à la campagne dans les conditions du renouveau. NGUYỄN THẾ UẨN - Le commerce extérieur et la stratégie de vitesse accélérée. LÊ XUÂN LƯU - Sur quelques arguments fallacieux et déformateurs. LÊ NGỌC TÒNG - La doctrine économique de K. Marx et l'époque actuelle. TRẦN ĐÌNH THIỆN - Quelques problèmes à propos du capitalisme d'Etat. TỪ ĐỨC TRỊNH - Sur le réalisme socialiste dans la Littérature et les Arts actuels. TÔ TỬ HẠ - Sur la formation d'un contingent des fonctionnaires d'Etat. LƯƠNG XUÂN HỘI - Les économies de fonds dans la construction de base - problème urgent de l'économie. NGUYỄN TRUNG THỰC C'est toujours la même façon d'incendier le temple d'Artémis. VÕ THU PHƯƠNG - Une réflexion modeste sur le grand succès de la Diplomatie du Vietnam.

SUMARIO

ĐỖ MƯỜI - Hace falta siempre respetar, preservar y desplegar el carácter de la cultura nacional en el camino de llevar adelente el país. CU HUY CẬN- Edificar con esfuerzos la literatura y artes de vanguardia, impregnadas del carácter nacional en el nuevo contexto. BÙI NGỌC THANH y NGUYỄN HỮU DŨNG - Desarrollar la economía y resolver los problemas sociales en el campo en la condición de renovación. NGUYỄN THẾ UẨN - El Comercio Exterior y la estrategia de aceleración. LÊ XUÂN LƯU - Sobre algunos argumentos de tergiversación y mentira. LÊ NGỌC TÒNG - La doctrina económica de Carlos Mark y la actual época. TRẦN ĐÌNH THIỆN - Algunos problemas sobre el capitalismo de Estado. TỪ ĐỨC TRỊNH - Sobre el realismo socialista en la literatura de hoy. TÔ TỬ HẠ - Edificación del contingente de funcionarios de administración estatal. LƯƠNG XUÂN HỘI - Ahorro del capital en la construcción básica - el problema apremiante de la economía. NGUYỄN TRUNG THỰC - Es como el incendio del templo Artemis. VÕ THU PHƯƠNG - Pequeñas opiniones sobre la gran victoria de la diplomacia vietnamita.

目錄

●杜梅：《在促進國家發展的過程中，必須不斷地珍惜、維護、弘揚民族文化本色》●瞿輝近：《在新的背境中，爲建設帶有濃厚民族本色、先進的文化藝術而奮鬥》●裴玉青和阮有勇：《在革新的條件下，發展經濟同時解決農村中存在的一系列社會問題》●阮世蘊：《外貿及其增長速度戰略》●黎春榴：《駁某些歪曲事實的謬論》●黎玉松：《馬克思主義中的經濟學說與現代之間的關係》●陳庭天：《關于國家資本主義的一些問題》●徐德鄭：《關于當代文藝中的社會主義現實主義》●蘇子賀：《建立國家行政公職人員隊伍》●梁春會：《經濟中的迫切問題是必須履行節約基本建設中的資金》●阮忠實：《也是一種類似"焚燒阿蒂米神廟"(Temple d'Artemis)的行動》●武守方：《暨于越南外交戰線上取得的巨大勝利，謹提點滴意見》

Digitized by Google

TRONG HÀNH TRÌNH ĐƯA ĐẤT NƯỚC TIẾN LÊN, CẦN LUÔN LUÔN TRÂN TRỌNG, GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC *

ĐỖ MƯỜI
Tổng Bí thư Đảng CS VN



TÔI rất vui mừng có dịp gặp gỡ đông đảo văn nghệ sĩ từ mọi miền đất nước, thuộc nhiều thế hệ, nhiều dân tộc và trên mọi lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật. Đại hội của các đồng chí là hình ảnh thu nhỏ của khối đoàn kết rộng rãi các văn nghệ sĩ cách mạng và yêu nước trên mặt trận văn học - nghệ thuật nước nhà. Đảng, Nhà nước và nhân dân đánh giá cao công lao của các văn nghệ sĩ đã sáng tạo nên những tác phẩm nghệ thuật phản ánh sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân ta qua nhiều thập kỷ. Đó là những của cải tinh thần quý báu, có giá trị lâu dài của dân tộc, của nền văn hóa Việt nam. Trong thời đại Hồ Chí Minh, nền văn học, nghệ thuật nước nhà đã phát triển lên tầm cao mới, xứng với các chiến công oanh liệt của quân dân ta, xứng với truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.

Việt nam ta vốn là đất nước ngàn năm văn hiến. Nguyễn Trãi từng nói "Như nước Đại Việt ta từ trước. Vốn xây nền văn hiến đã lâu". Lịch sử đã chứng minh ngày càng sáng tỏ trên đất nước ta đã xuất hiện nền văn minh rực rỡ của những tộc người Việt cổ từ mấy nghìn năm trước. Chúng ta rất đỗi tự hào về những chiến công hiển hách chống ngoại xâm và sự nghiệp lao động sáng tạo, đương đầu với thiên nhiên khắc nghiệt của cha ông đời này qua đời khác, giữ gìn non sông gấm vóc ngày nay. Chúng ta tự hào về nền văn hiến Việt nam, được bồi đắp ngày thêm rạng rỡ bằng trí tuệ và tâm hồn của biết bao thế hệ ; tự hào về truyền thống yêu nước nồng nàn, ý chí bất khuất, quật cường, tinh thần nhân văn cao cả, tình nghĩa nhân

* Nội dung bài phát biểu tại Đại hội lần thứ V Liên hiệp các hội văn học - nghệ thuật Việt nam, ngày 9-9-1995. Đầu đề của *Tạp chí Cộng sản*

Digitized by Google

hậu, thủy chung của nhân dân ta, luôn hướng tới chân - thiện - mỹ.

Từ khi ra đời, Đảng luôn luôn đánh giá đúng vị trí quan trọng của văn học - nghệ thuật trong sự nghiệp cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói "Văn hóa - nghệ thuật cũng là một mặt trận, các văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy". Tư tưởng của Bác Hồ luôn là kim chỉ nam cho mọi đường lối, chủ trương về văn hóa - văn nghệ của Đảng suốt nửa thế kỷ qua. Ngay từ giữa những năm 30 của thế kỷ này cũng như trong những năm sục sôi khí thế cách mạng chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8-1945, Đảng đã tập hợp đông đảo văn nghệ sĩ trong Mặt trận dân tộc thống nhất. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Bác Hồ, trong hai cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chính quyền cách mạng, nhiều thế hệ văn nghệ sĩ đã không nề khó khăn, gian khổ, kể cả hy sinh tính mạng để thâm nhập thực tế sôi động, lấy đó làm nguồn cảm hứng sáng tạo những tác phẩm nghệ thuật phục vụ đắc lực sự nghiệp đấu tranh giành độc lập và thống nhất Tổ quốc. Bằng các tác phẩm và hoạt động sáng tạo của mình, các đồng chí cũng đã có những đóng góp to lớn vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng như quá trình đổi mới hiện nay. Đảng và nhân dân rất tự hào về đội ngũ các văn nghệ sĩ đã trưởng thành và ngày càng đông đảo.

Sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội đến nay đã được 10 năm. Trong 10 năm đó, nhiều thành tựu đã đạt được, nhiều biến đổi sâu sắc đã diễn ra, khẳng định con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn là hoàn toàn đúng đắn.

Chăm lo hạnh phúc cho con người luôn là mục tiêu phấn đấu cao nhất của Đảng và Nhà nước, của chế độ ta. Mọi kế hoạch xây dựng và phát triển nhất thiết phải gắn với kế hoạch đầu tư cho chính sự phát triển về nhân cách, trí tuệ, tình cảm của con người, không ngừng nâng cao dân trí, tạo ra nền tảng tinh thần cao đẹp, lành mạnh cho toàn xã hội. Trong sự nghiệp cao cả đó, các đồng chí - những người lao động sáng tạo văn học - nghệ thuật, có phần trách nhiệm rất quan trọng, đồng thời cũng là niềm vinh dự rất vẻ vang.

Quá trình tiến hóa của một quốc gia luôn luôn gắn với cội nguồn, phát triển trên nền bản sắc văn hóa dân tộc đi đôi với tiếp thụ tinh hoa văn hóa thế giới. Đối với nước ta lại càng như vậy, phát triển tách khỏi cội nguồn, xa rời những giá trị văn hóa truyền thống nhất định sẽ lâm vào nguy cơ đánh mất bản thân, chẳng những không thể đóng góp cho nền văn hóa chung của nhân loại mà còn trở thành bản sao mờ nhạt của dân tộc khác.

Trong thời đại ngày nay, chúng ta cần kế thừa và phát huy những thành tựu to lớn của văn học - nghệ thuật trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại của nhân dân ta, sáng tạo những tác phẩm phản ánh chân thực, sâu sắc hiện thực đổi mới đang diễn ra sôi động, chỉ ra mặt tốt cần phát huy, vạch rõ những mặt xấu cần phải tránh.

Các văn nghệ sĩ chân chính bao giờ cũng đại diện cho tâm hồn, cho cuộc sống tinh thần của nhân dân, cho lương tâm của thời đại. Tính nhân văn của văn học, nghệ thuật suy cho cùng là ở chỗ nó luôn ủng hộ cái mới, cái tiến bộ và thúc đẩy cái mới, cái tiến bộ tiến lên không ngừng. Chính vì lẽ đó, đông đảo văn nghệ sĩ đã nhiệt tình hưởng ứng sự nghiệp đổi mới trên đất nước ta. Bằng tác phẩm thể hiện nhận thức và xúc cảm của mình, các đồng chí đã phản ánh khát vọng sâu xa của nhân dân, đánh giá các mặt đời sống xã hội trên tinh thần xây dựng, biểu dương mặt tích cực, phê phán mặt tiêu cực, bồi đắp cho cái đẹp, cái cao cả của chế độ chúng ta, đồng thời đấu tranh chống cái xấu, cái thấp hèn trong một xã hội đã đi vào cơ chế thị trường đầy phức tạp. Bên cạnh những thành tựu là cơ bản, chúng ta cũng thẳng thắn nhận rằng trong một số anh chị em còn có mơ hồ, lệch lạc về quan điểm, phủ định quá khứ hào hùng của dân tộc, xuất hiện một số ấn phẩm không lành mạnh, thậm chí xấu, tạo sơ hở cho các thế lực thù địch lợi

Digitized by Google

dụng, chống phá ta. Tôi mong rằng trong thời gian tới, trên tinh thần đoàn kết và đổi mới, các đồng chí sẽ giúp nhau khắc phục những sai sót đó, làm cho văn học, nghệ thuật nước ta phát triển ngày càng lành mạnh.

Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường là cần thiết để xây dựng đất nước, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh ; đồng thời đó cũng là một thử thách lớn về nhiều mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh những mặt thuận lợi, hoạt động văn học - nghệ thuật cũng gặp không ít khó khăn, nhất là khi phải đối mặt với kinh tế thị trường. Đảng và Nhà nước rất quan tâm tới điều đó, đã có một số chủ trương, chính sách và sẽ tiếp tục giải quyết những khó khăn nhằm tạo điều kiện cho các hoạt động sáng tạo. Đương nhiên, sự hỗ trợ đó là quan trọng ; song để cho văn học - nghệ thuật nước ta phát triển đúng hướng và lành mạnh, cổ vũ những giá trị tinh thần cao đẹp của nhân dân ta, điều quyết định là ở các đồng chí. Chính các đồng chí là người hiểu rõ hơn ai hết hoạt động trong lĩnh vực của mình. Các đồng chí phải chủ động kiến nghị với Đảng và Nhà nước những chủ trương, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sáng tạo ; và khi đã có chủ trương, chính sách thì cũng chính các đồng chí là người tổ chức việc thi hành, không thể thoái thác cho ngành khác hay người khác. Đảng, Nhà nước và nhân dân giao nhiệm vụ cho các đồng chí làm việc đó. Đảng sẽ kiểm tra, Nhà nước chỉ đạo và hỗ trợ để các đồng chí hoàn thành nhiệm vụ.

Từ năm 1948, Hội văn nghệ Việt nam, tiền thân của Liên hiệp các hội văn học - nghệ thuật Việt nam được thành lập. Từ đó đến nay, Liên hiệp các hội văn học - nghệ thuật là tổ chức mặt trận của giới văn nghệ sĩ cả nước, quy tụ các tài năng sáng tạo và phong cách nghệ thuật thuộc nhiều lĩnh vực, nhiều thế hệ và các địa phương, tự nguyện đứng dưới ngọn cờ của Đảng cộng sản Việt nam, phấn đấu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng nền văn hóa, văn nghệ tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Các hội chuyên ngành như Hội Nhà văn, Mỹ thuật, Âm nhạc, Sân khấu, Điện ảnh, Nhiếp ảnh, Kiến trúc, Múa, Văn học dân gian, Văn nghệ các dân tộc đã trưởng thành nhanh chóng. Các hội văn học - nghệ thuật đã có thành tích lớn trong việc đoàn kết các văn nghệ sĩ, xây dựng phong trào văn hóa, văn nghệ, phát hiện, chăm sóc các tài năng trẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho các nghệ sĩ lão thành trong đời sống và trong sáng tác.

Trong Đại hội lần này có nhiều văn nghệ sĩ của các hội văn nghệ địa phương, nhiều đại biểu là người các dân tộc, nhiều chị em phụ nữ. Trong những năm qua, các hội văn nghệ địa phương đã phát hiện, vun trồng nhiều tài năng, đóng góp nhiều tác phẩm tốt cho văn nghệ cả nước. Nền văn học - nghệ thuật Việt nam rất phong phú, đa dạng do được kết tụ từ bản sắc văn hóa độc đáo của nhiều dân tộc, nhiều địa phương. Công tác của các hội văn nghệ địa phương đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần, phát hiện và bảo tồn, nâng cao truyền thống văn hóa của địa phương mình, dân tộc mình. Các cấp ủy đảng và chính quyền cần quan tâm lãnh đạo, hỗ trợ các hội văn nghệ địa phương, tạo điều kiện cho anh chị em phấn đấu đạt nhiều thành tích hơn nữa.

Sự nghiệp đổi mới là một quá trình phấn đấu lâu dài, gian khổ, nhưng nhất định thành công. Trong hành trình đưa đất nước ra khỏi lạc hậu, nghèo nàn, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, hội nhập với thế giới và thời đại, cần luôn luôn trân trọng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Giới trí thức văn nghệ sĩ Việt nam trong quá khứ cũng như hiện nay luôn luôn trung thành với đất nước, với nhân dân, hãy sẵn sàng gánh vác nhiệm vụ vẻ vang đó, cùng đồng bào cả nước nỗ lực phấn đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của mọi người ⌟

Digitized by Google

PHẤN ĐẤU XÂY DỰNG NỀN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC TRONG BỐI CẢNH MỚI

CÙ HUY CẬN *

Nửa thế kỷ qua, trong cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, chúng ta rất tự hào về đội ngũ những người làm văn nghệ Việt nam đã lớn mạnh vượt bậc. Có lẽ chưa bao giờ trong lịch sử văn hóa nước nhà lực lượng văn học nghệ thuật được tập hợp đông đảo như vậy ; văn học nghệ thuật phát triển mạnh mẽ và toàn diện, với nội dung nhân văn và đậm đà bản sắc dân tộc ; văn nghệ gắn bó mật thiết với đời sống xã hội, với cuộc chiến đấu và lao động của nhân dân. Sự lớn mạnh của nền văn nghệ mới không tách rời sự lãnh đạo sâu sắc và sự chăm sóc ân cần của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những năm gần đây, đất nước bước vào công cuộc đổi mới trong tình hình quốc tế hết sức phức tạp. Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã dũng cảm phấn đấu đưa đất nước vươn lên thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và chuyển sang một thời kỳ phát triển mới - công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mặc dù còn nhiều thử thách và nguy cơ, song vận hội mới đã mở ra cho sự phát triển đất nước. Suốt quá trình phấn đấu gian khổ và đầy nghị lực này, những người làm văn nghệ Việt nam đã hồ hởi vào cuộc, sáng tác nhiều tác phẩm có chất lượng, phục vụ công cuộc đổi mới. Đại hội của chín hội văn nghệ chuyên ngành ở trung ương cũng như đại hội của nhiều hội văn nghệ địa phương vừa qua đã làm một cuộc duyệt xét hành trình và thành tựu của giới văn nghệ nước nhà trong đổi mới ; đã nêu một cách khái quát những gì làm được và cũng nghiêm khắc chỉ ra những khuyết điểm và tồn tại cần khắc phục. Chúng ta vui mừng nhận thấy rằng, dù còn rất nhiều mặt yếu kém, những năm qua tất cả các môn văn học nghệ thuật đều có khởi sắc, có những tiến bộ đáng ghi nhận.

Về *văn học* có hàng loạt truyện ngắn sâu sắc ra đời. Một số tiểu thuyết hoặc sáng tác về chiến tranh sau chiến tranh, hoặc viết về quan hệ xã hội mới, nêu nhiều vấn đề trong cuộc sống đáng quan tâm. Ngành *mỹ thuật* liên tục có những triển lãm tranh, tượng phản ánh mảng đề tài kháng chiến và xây dựng trong hòa bình. Mấy năm qua, giới mỹ thuật cũng đã xây dựng được một số tượng đài có giá trị. Trên lĩnh vực *âm nhạc* tiếp tục có nhiều ca khúc mới, nhiều bản khí nhạc mới ngợi ca tình quê hương, tình yêu lứa đôi. Giới *sân khấu* đã vươn lên, có một số kịch bản, vở diễn đề cập những vấn đề xã hội nóng bỏng, về cán cân công lý, về công bằng xã hội, về quan hệ giữa người với người trong thời kỳ chuyển đổi cơ chế hiện nay. *Kiến trúc* đã đáp ứng nhu cầu xây dựng mới của xã hội, trong đó những công trình kiến trúc văn hóa, kinh tế biết gắn với môi trường, với đường nét dân tộc và hiện đại, được công chúng khen ngợi. *Điện ảnh* mặc dù có khó khăn cũng đã tự khẳng định bằng một số phim tài liệu, phim truyện có trình độ thẩm mỹ và nghệ thuật tương đối cao. *Nhiếp ảnh* sáng tạo liên tục và thường xuyên có triển lãm chất lượng khá ở các thành phố lớn và ở các vùng. Ngành *múa* có hàng trăm điệu múa mới phản ánh sinh hoạt của các dân tộc, có những điệu múa mang tính sử thi.

* Phó chủ tịch Liên hiệp các hội văn học - nghệ thuật Việt nam

Digitized by Google

Hội *văn nghệ dân gian* tích cực sưu tầm và đóng góp những công trình nghiên cứu có giá trị về văn nghệ dân gian của dân tộc Kinh cũng như các dân tộc thiểu số anh em. Hội *văn hóa các dân tộc* cũng có nhiều công trình sưu tầm và nghiên cứu mới, mang lại niềm phấn khởi cho các dân tộc, giữ gìn và phát huy vốn văn nghệ truyền thống tốt đẹp của mình.

Tình hình văn nghệ nói chung là lành mạnh và đang có đà phát triển. Đó một phần là do tình hình đất nước ổn định và tốt đẹp lên, một phần do sự khổ công tự rèn luyện và phấn đấu vì sự nghiệp chung của anh chị em văn nghệ sĩ. Cuộc đấu tranh về quan điểm trong giới làm cho một số anh chị em có nhận thức không đúng suy nghĩ lại và tự điều chỉnh cách nhìn của mình.

Cùng với các hoạt động sáng tác ngày một phong phú hơn, đa dạng hơn, công tác *lý luận phê bình* cũng được đẩy tới một bước. Tuy vẫn còn nhiều hạn chế, nhưng nhìn chung không khí tranh luận đã mang tính xây dựng hơn.

Gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc đang nổi lên như một vấn đề vừa rất cơ bản vừa mang tính thời sự nóng hổi. Hơn lúc nào hết, cả thế giới và chúng ta nhận thức sâu hơn tầm quan trọng của văn hóa và văn hóa dân tộc. Rõ ràng là dân tộc thể hiện ở văn hóa, trước hết ở bản sắc văn hóa. Để mất văn hóa, để mờ nhạt bản sắc văn hóa dân tộc thì dân tộc đi đến suy vong. Đó là một quy luật, là bài học đã được chứng minh trong lịch sử. Không phải ngẫu nhiên mà Đại hội VII của Đảng đã quyết nghị phải xây dựng một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Đó là định hướng phát triển hết sức đúng đắn cho nền văn hóa, văn nghệ nước ta. Trong quá trình đổi mới đất nước, chúng ta nhận thức thêm một điều quan trọng nữa : văn hóa không chỉ là kết quả của phát triển, của hoạt động kinh tế ; văn hóa còn là động lực của phát triển.

Nhưng muốn cho văn hóa, văn nghệ thực sự là động lực phát triển vừa phải giữ vững truyền thống, vừa mở đường sáng tạo cái mới, sáng tạo không ngừng. Phát huy tự do sáng tác để động viên mọi tiềm năng sáng tạo của người văn nghệ sĩ, đồng thời tự do sáng tác phải đi đôi với tinh thần trách nhiệm cao của họ trước nhân dân, trước dân tộc và trước thời đại.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) *Về một số nhiệm vụ văn hóa văn nghệ những năm trước mắt* đã chỉ rõ rằng, nhiệm vụ trung tâm của văn hóa, văn nghệ nước ta là góp phần xây dựng con người Việt nam về trí tuệ, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, có nhân cách đẹp, có bản lĩnh vững vàng ngang tầm sự nghiệp đổi mới vì dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Vì vậy, chăm lo cho văn học, nghệ thuật phát triển đúng hướng là bảo vệ và bồi đắp cho tâm hồn dân tộc. Nhìn khái quát tình hình hiện nay của văn nghệ, có thể thấy rõ các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật ngày càng phong phú hơn về nội dung và đề tài, đa dạng hơn về hình thức và phong cách biểu hiện. Trước đây chúng ta tập trung chủ yếu vào đề tài chiến đấu (vì độc lập của dân tộc), nay bên cạnh một số tác giả vẫn tiếp tục sáng tác về hai cuộc kháng chiến, nhiều tác giả khác đã bước đầu đi sâu vào những vấn đề xã hội, vấn đề quan hệ giữa người với người trong xã hội đang chuyển động, nhất là từ khi ta chủ trương xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Chủ đề tư tưởng trong những năm chiến đấu giành độc lập và bảo vệ độc lập là chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nay vẫn được thể hiện trong cuộc sống xây dựng. Nhiều tác giả đã đề cập vấn đề đạo lý trong cuộc sống xã hội, xây dựng mối quan hệ giữa người với người theo tinh thần nhân văn, nhân nghĩa. Cũng nhằm mục đích ấy, một số tác giả đã vạch ra những mặt tiêu cực, những bất công tồn tại trong đời sống, nhằm thiết lập quan hệ xã hội công bằng, đậm tình người trong tình đất nước.

Trong sáng tác, song song với việc tìm tòi nội dung mới, cũng có nhiều tìm tòi về cách biểu hiện và đã có những thành đạt trên một số lĩnh vực. Tìm tòi cách biểu hiện mới là một vấn đề tất yếu, vì lẽ đương nhiên

Digitized by Google

nội dung mới đòi hỏi hình thức mới, cách biểu hiện mới. Có điều là tìm tòi không xuất phát từ nội dung bức thiết yêu cầu thì dễ rơi vào hình thức chủ nghĩa ; điều này có thể nhận thấy đây đó trong mỹ thuật, trong thơ ca. Điều quan trọng là : tìm tòi hình thức mới làm sao cho liền mạch với truyền thống văn nghệ dân tộc. Có trường hợp ta tưởng là sáng tạo cách biểu hiện mới, mà thực ra chỉ chép lại một lối mòn của văn nghệ nước ngoài, "cũ người mới ta".

Đội ngũ sáng tác ngày nay lớn mạnh hơn, gồm đủ bốn thế hệ : trước Cách mạng Tháng Tám, trong kháng chiến chống Pháp, trong kháng chiến chống Mỹ, và thế hệ mới vào đời nghệ thuật sau giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đây là đội ngũ có tài năng, giàu lòng yêu nước, gắn bó với nhân dân, gắn bó với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, quyết tâm đi theo con đường mà Bác Hồ và dân tộc đã chọn : xây dựng chủ nghĩa xã hội, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Nhìn chung họ có trình độ học vấn, thấm nhuần truyền thống văn hóa của cha ông (nhất là các thế hệ đi trước), ít nhiều có tiếp xúc với văn hóa thế giới (nhất là các nước phương Tây) và tích lũy được vốn sống quý giá qua hai cuộc kháng chiến của dân tộc. Đoàn kết đội ngũ này, tạo điều kiện cho các thế hệ sáng tác theo sở năng, sở trường, thì chúng ta sẽ có những mùa gặt mới dồi dào, xứng đáng với lòng tin cậy của nhân dân, của dân tộc.

Công chúng của văn học, nghệ thuật trong những năm qua cũng có nhiều biến đổi. Công nhân, nông dân có trình độ văn hóa đòi hỏi cao hơn về mặt thẩm mỹ. Công chúng trí thức ngày càng đông, ít nhiều có tiếp xúc với các nền văn hóa thế giới, cũng đòi hỏi cao hơn về hưởng thụ văn nghệ. Một bộ phận công chúng mới là những người trong giới kinh doanh, thành viên của các công ty (sản xuất, thương mại, dịch vụ). Chúng ta cần có suy nghĩ đúng về mối quan hệ giữa giới sáng tác và công chúng. Nói công chúng ảnh hưởng đến chiều hướng sáng tác, thì càng phải nhấn mạnh : người sáng tác có trách nhiệm nâng công chúng lên, truyền cho công chúng thẩm mỹ đúng đắn, cao đẹp. Nói "công chúng nào thì sáng tác ấy", đồng thời cũng phải nói "sáng tác nào thì công chúng ấy", xưa nay chính là tác giả tạo ra công chúng của mình, với điều kiện là tác giả có quan niệm đúng và có tinh thần trách nhiệm cao trước xã hội. Công tác phê bình, bình luận, giới thiệu tác phẩm đóng vai trò hướng dẫn thẩm mỹ cho công chúng. Phê bình mấy năm qua có phát triển nhưng còn chưa ngang tầm với chức trách của mình, chưa đủ sức hướng dẫn ; phê bình trong các ngành nghệ thuật lại càng thiếu.

Có một vấn đề tưởng cũ mà thỉnh thoảng lại rộ lên trở thành vấn đề thời sự, đó là **mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị**. Chúng ta không thể mơ hồ về vấn đề này, nhất là vào thời điểm hiện nay khi cuộc đấu tranh đang diễn ra rất phức tạp. Mọi hoạt động xã hội đều có nội dung dính líu đến chính trị, đặc biệt là văn học, nghệ thuật. Vấn đề là chính trị nào, từ chỗ đứng nào mà sáng tạo nghệ thuật. Nhân sinh quan, vũ trụ quan quyết định phương hướng cảm xúc, nghĩa là phương hướng sáng tác, và nhất định có liên quan đến chính trị. Một nhà triết học hiện sinh nổi tiếng là Giăng Pôn Xác-tơ-rơ (Jean Paul Sartre) cũng nói : "Làm sao tách khỏi chính trị được ! Mỗi câu, thậm chí mỗi chữ đều mang ý chính trị trong lòng nó". Còn như chúng ta chưa bằng lòng về cách lãnh đạo nào đó của một số tổ chức đảng hay của một đồng chí lãnh đạo cụ thể, chúng ta có đủ quyền góp ý kiến, giúp cho sự lãnh đạo của Đảng tốt hơn, sát với tình hình sáng tạo của giới ta hơn. Những sự góp ý kiến thẳng thắn, chân thành đều đáng được hoan nghênh.

Nhìn lại hoạt động văn học nghệ thuật mấy năm qua, có lúc văn nghệ dân tộc như bị đẩy lùi. Các phim (nhất là vi-đê-ô) nhập từ nước ngoài, phim bạo lực, phim đồi trụy đã một thời lan tràn không kiểm soát được. Những buổi biểu diễn sân khấu truyền thống ít người xem ; những buổi trình diễn ca nhạc dân tộc thưa khách. Sách báo xấu từ ngoài lén lút đi vào một bộ phận quần chúng. Vài năm nay, do sự cố gắng chỉ đạo của Bộ văn hóa thông tin, do các hội văn học nghệ thuật, nhất là các hội văn nghệ địa phương nắm

Digitized by Google

lại phong trào, nên tình hình có bớt lộn xộn, nhưng xói mòn văn nghệ dân tộc vẫn còn là nguy cơ trước mắt. Thêm vào đó, do sự thiếu giáo dục về truyền thống văn nghệ trong các nhà trường phổ thông, do hướng hoạt động văn nghệ của một số câu lạc bộ thiếu niên, thanh niên không thấm nhuần đường lối văn hóa văn nghệ dân tộc,nên một bộ phận khá lớn thanh, thiếu niên bị cắt đứt với truyền thống văn hóa dân tộc. Chúng ta chưa lường được hết di hại của sự cắt đứt với cội nguồn ấy. Vừa qua, trong xã hội còn xuất hiện những xu hướng sai trái : phủ nhận quá khứ, phủ nhận thành tựu văn hóa, văn nghệ cách mạng ; xúc phạm anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa ; có xu hướng cho dòng văn nghệ cách mạng kháng chiến là văn nghệ "cung đình", văn nghệ "quan phương", văn nghệ "phải đạo". Những xu hướng sai trái ấy đã bị phê phán. Nhưng cuộc đấu tranh chưa chấm dứt, cần phân tích kỹ hơn để tránh "di căn" trong học thuật, để mọi người nhận thức sâu hơn về một phong trào nghệ thuật rộng lớn của dân tộc, một cuộc đổi đời trong lịch sử văn hóa nước nhà từ sau khi có Đảng cộng sản lãnh đạo. Chúng ta mở cửa về kinh tế, chúng ta cũng mở cửa về văn hóa, đẩy mạnh giao lưu văn hóa. Giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tăng sức đề kháng của văn hóa, văn nghệ, phòng chống mọi nguy cơ lai căng và mọi âm mưu "diễn biến hòa bình" là công việc bức xúc hiện nay.

Qua lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước, trên đất nước ta đã hình thành nhiều vùng văn hóa khác nhau, với những vốn văn hóa, văn nghệ rất đa dạng, phong phú. Vùng văn hóa văn nghệ biểu hiện sức sáng tạo dồi dào của nhân dân dọc lịch sử và dọc đất nước ; nó cũng nói lên đời sống văn hóa muôn màu, muôn vẻ trên đất nước Việt nam thống nhất. Ngày nay chúng ta xây dựng các *hội văn nghệ địa phương* chính là tiếp thụ và phát huy truyền thống sáng tạo tốt đẹp ấy, đồng thời còn mang ý nghĩa dân chủ sâu sắc của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Điều đáng quý là trong vườn văn nghệ đất Việt đã xuất hiện nhiều hoa trái với hương vị độc đáo của từng vùng đất, từng vùng văn hóa và của từng dân tộc, cả đa số và thiểu số, cả miền ngược lẫn miền xuôi.

Về mặt tổ chức, qua bước thăng trầm của nhiều năm trước do điều kiện khách quan, đến nay *Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật* được sự chỉ đạo của Ban bí thư và sự giúp đỡ của Ban tư tưởng văn hóa trung ương đã đi vào ổn định, củng cố và tăng cường hoạt động. Ủy ban trung ương Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật cũng đã phần nào giúp đỡ một số địa phương mở các trại sáng tác vùng. Mấy năm lại đây giải thưởng của Ủy ban trung ương Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật về tất cả các ngành văn học nghệ thuật ở địa phương cũng đã có tác dụng khích lệ phong trào sáng tác địa phương tiến lên. Mối quan hệ công tác giữa Ủy ban Liên hiệp và các hội ngày càng chặt chẽ. Điều quan trọng là Ủy ban trung ương Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật đã giúp các hội địa phương giữ vững quan điểm văn nghệ đúng đắn, tránh chao đảo trước những quan niệm sai lệch thỉnh thoảng vẫn xuất hiện trên báo chí. Cũng cần nói rõ, các hội địa phương ngày càng củng cố và hoạt động tốt, phần rất quan trọng là nhờ sự lãnh đạo và quan tâm của các cấp ủy và chính quyền địa phương đối với phát triển văn hóa nói chung và văn nghệ nói riêng.

* * *

Từ nay đến năm 2000, Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật sẽ đẩy mạnh hoạt động theo hướng duy trì và phát triển nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần tạo ra sự thống nhất trong tính đa dạng và phong phú của nền văn hiến quốc gia, giữ vững truyền thống và đạo lý của dân tộc. Tôn trọng quyền tự do sáng tác đi đôi với đề cao trách nhiệm công dân của văn nghệ sĩ. Các sáng tạo văn học nghệ thuật nhằm cổ vũ cái tốt, cái đẹp trong quan hệ giữa người với người, giữa cá nhân với cộng đồng xã hội, với thiên nhiên và với bản thân.

Để thực hiện nhiệm vụ tổng quát ấy, các hội trong Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt nam cần có chương trình cụ thể về các mặt sau đây :

(Xem tiếp trang 13)

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI NÔNG THÔN TRONG ĐIỀU KIỆN ĐỔI MỚI

BÙI NGỌC THANH *
NGUYỄN HỮU DŨNG **

MỘT trong những vấn đề mấu chốt để hoạch định chính sách xã hội nông thôn là phải xác định được mối quan hệ giữa chính sách phát triển kinh tế và chính sách xã hội trong khu vực nông thôn; nghĩa là phải làm rõ được : tính chất và mục tiêu xã hội trong chính sách kinh tế ; những điều kiện và khả năng của nền kinh tế trong việc thực hiện chính sách xã hội nông thôn ; sự kết hợp giữa mục tiêu kinh tế-xã hội trong việc hoạch định chính sách kinh tế và chính sách xã hội ; giới hạn hợp lý giữa chính sách xã hội với chính sách kinh tế. Thực chất là *xác định rõ mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội và bảo đảm tiến bộ xã hội.*

Những mô hình giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội thường là đối tượng lựa chọn cho định hướng chiến lược phát triển của mỗi quốc gia. Qua kinh nghiệm của các nước đang phát triển, tăng trưởng kinh tế và công bằng không hoàn toàn mâu thuẫn nhau. Nếu có một chính sách phát triển đúng, có thể làm tăng tính công bằng ngay trong giai đoạn đầu của sự phát triển. Điều này có nghĩa là phải xem xét tính độc lập tương đối của chính sách xã hội để có sự chú ý tập trung vào khía cạnh xã hội của chính sách kinh tế - xã hội, nhưng đồng thời phải khai thác *mặt thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội* để đạt mục tiêu phát triển chung.

Sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội *biểu hiện* ở một số mặt sau đây :

1 - *Sự thống nhất ngay trong mục tiêu chung của chính sách kinh tế và chính sách xã hội.* Mục tiêu của chính sách kinh tế là tăng trưởng kinh tế, hiệu quả kinh tế, tăng GDP ; còn mục tiêu của chính sách xã hội là giữ vững sự ổn định, là không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an toàn xã hội, công bằng xã hội. Giữa mục tiêu kinh tế và mục tiêu xã hội có *điểm chung* là đều nhằm phát triển xã hội. Vì vậy, mọi chính sách kinh tế và xã hội đều phải hướng vào mục tiêu trung tâm là : phát triển con người, phát huy nhân tố con người, giải quyết hợp lý giữa quyền lợi và nghĩa vụ của công dân. Chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước ta hướng vào mục tiêu *phát triển con người*, vì mục tiêu đó chính là điểm cốt lõi phân biệt chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản, phân biệt thị trường xã hội chủ nghĩa với thị trường nói chung.

2 - Chính sách xã hội là yếu tố của sự phát triển và nằm trong yếu tố phát triển, vì vậy *đầu tư cho chính sách xã hội là đầu tư cho phát triển.* Mối quan hệ hữu cơ giữa chính sách phát triển kinh tế và chính sách xã hội là ở chỗ có chính sách phát triển kinh tế đúng thì sẽ tạo ra được những tiền đề vật chất để giải quyết các vấn đề xã hội. Ngược lại, giải quyết tốt các vấn đề xã hội sẽ có thêm điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế. Tuy nhiên, giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, bao giờ cũng có một giới hạn hợp lý không thể vượt quá. Nếu vượt quá, có nghĩa là chúng ta sẽ rơi vào một trong hai tình huống sau đây : *hoặc* sẽ xây dựng một hệ thống chính sách xã hội không

* PTS. Phó chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội

** PTS. Vụ trưởng Vụ quan hệ quốc tế, Bộ lao động, thương binh và xã hội

Digitized by Google

phù hợp với khả năng của nền kinh tế (chính sách thì hay, đạo lý rất đúng, nhưng không có khả năng thực hiện vì không có điều kiện vật chất đảm bảo) ; *hoặc* chỉ coi trọng yếu tố tăng trưởng kinh tế mà coi nhẹ trách nhiệm xã hội (kết quả là các vấn đề xã hội không được đầu tư thỏa đáng, xuống cấp, phát sinh những "điểm nóng" gây mất ổn định xã hội, và điều đó đương nhiên sẽ hạn chế, thậm chí thủ tiêu sự tăng trưởng kinh tế, kìm hãm sự phát triển xã hội).

3 - Tăng trưởng kinh tế tự nó không giải quyết được mọi vấn đề xã hội, vì vậy cần có các chính sách, chương trình giải quyết các vấn đề xã hội cụ thể phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn (vùng) trong từng thời gian nhất định *Chương trình giải quyết các vấn đề xã hội phải được tiến hành song song, hòa nhập với các chương trình phát triển kinh tế.* Các vấn đề xã hội, đặc biệt là các vấn đề xã hội gay cấn, đều có nguyên nhân sâu xa từ kinh tế, vì vậy các chính sách và chương trình xã hội cần được thực hiện bằng các giải pháp kinh tế và theo quan điểm phát triển, không nên làm theo kiểu hành chính, bao cấp, cho không, ăn hết như trước đây. Chẳng hạn chính sách và chương trình xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn, cần được thực hiện trên cơ sở : thay đổi và chuyển dịch cơ cấu lao động ; tăng cường đầu tư, cho người nghèo vay vốn với lãi suất nâng đỡ ; phát triển dịch vụ, dạy nghề, hướng dẫn cách thức làm ăn và chuyển giao công nghệ thích hợp.

4 - Tăng trưởng kinh tế có thể thúc đẩy phát triển xã hội nhưng tự nó không dẫn tới tiến bộ xã hội. Bởi vì, khi nói tới tiến bộ xã hội, có nghĩa là đề cập đến mặt *chất lượng* của phát triển xã hội, mà điều này lại lệ thuộc vào *chế độ xã hội*, vào quan niệm giá trị và hệ thống giá trị. Nói cách khác : muốn có tiến bộ xã hội phải thông qua các chính sách xã hội trong đó hàm chứa những tư tưởng của giai cấp, dân tộc và thời đại nhằm tạo ra một hệ thống giá trị mới phù hợp với trào lưu chung của tiến bộ xã hội.

Xác định giới hạn hợp lý giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường là vấn đề rất quan trọng vì nó liên quan đến đầu tư của nhà nước cho chính sách xã hội, đến việc lựa chọn đối tượng cần được ưu tiên giải quyết... để vừa chống duy ý chí, vừa khắc phục xu hướng chạy theo quan điểm thị trường tự do đơn thuần. Song đây là vấn đề phức tạp về lý luận, về thực tiễn, về phương pháp, và cũng không dễ dàng trong cách tiếp cận. Bởi vì, giới hạn *hợp lý* phải là giới hạn ở đó sự kết hợp giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội đạt tới mức tối ưu, có tác động tích cực thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ xã hội.

Muốn xác định giới hạn hợp lý trong hoạch định chính sách kinh tế và chính sách xã hội ở nông thôn, điều quan trọng là phải phân tích xem các chính sách đó có những dấu hiệu, những yếu tố tác động tích cực hoặc tiêu cực nào. Song trên thực tế, các tác động này thường không tách biệt mà đan xen nhau trong một thể thống nhất hoàn chỉnh, biểu hiện tập trung nhất trong *các yếu tố ảnh hưởng đến sự công bằng xã hội ở nông thôn*. Có thể nêu lên một số yếu tố ảnh hưởng chính sau đây :

+ *Tốc độ tăng thu nhập của các hộ gia đình nông thôn.* Trong kinh tế thị trường, thu nhập của các hộ gia đình nông thôn có xu hướng đa dạng hóa trên cơ sở đa dạng hóa sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa việc làm.

+ *Mức độ giải quyết việc làm và thiếu việc làm ở các vùng nông thôn.* Hướng chính để giải quyết là phát triển theo chiều rộng song song với phát triển theo chiều sâu, tiếp tục khai thác các tiềm năng đất đai ; từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động trên cơ sở phát triển việc làm phi nông nghiệp ; áp dụng kỹ thuật và chuyển giao công nghệ sử dụng nhiều lao động và có hiệu quả vào nông thôn...

+ *Chiến lược con người*, trong đó đặc biệt chú ý tạo ra mặt bằng xuất phát ngang nhau : bảo đảm mức sống tối thiểu, bảo đảm giáo dục phổ cập bắt buộc (cả dạy nghề), bảo đảm một nền y tế rộng rãi và nhân đạo...

+ *Phân phối và điều tiết thu nhập giữa các tầng lớp dân cư*, trong đó chủ yếu bằng chính sách thuế, chính sách đầu tư cho các vấn đề xã hội và đầu tư cho các vùng nông thôn.

+ *Chiến lược phát triển vùng, đặc biệt là vùng núi, vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng thường xuyên gặp thiên tai, mất mùa...*

Digitized by Google

Ở đây, chủ yếu cũng là chính sách đầu tư vào kết cấu hạ tầng (đường giao thông, thông tin liên lạc, thủy lợi, điện...), chính sách trợ giúp đặc biệt để biến các vùng này có khả năng trở thành thị trường...

+ *Mức độ cải thiện dân chủ ở nông thôn*, trên cơ sở xây dựng một nhà nước pháp quyền, coi trọng quy ước hợp lý, tiến bộ của cộng đồng (hương ước chẳng hạn), phát triển các hội nghề nghiệp, các tổ chức xã hội của dân (hình thành các tổ chức mặt trận)...

+ *Lối sống, nền văn hóa, truyền thống và phong tục tập quán xã hội*, bao gồm hai mặt : phát huy cái tốt, cái tiến bộ ; hạn chế, xóa bỏ cái xấu, cái lỗi thời, không để nó trở thành hủ tục và tệ nạn xã hội.

Khi lượng hóa các yếu tố trên, cần thiết phải có sự điều tra, khảo sát thực tế, xác định các mối tương quan giữa chúng, để từ đó xác lập một số chuẩn mực cơ bản nhất như là chỉ báo, là cái "van an toàn" xã hội. Nếu không khống chế được, nó sẽ dẫn đến điểm nguy hiểm, gây mất an toàn xã hội. Chẳng hạn, phát triển nền sản xuất hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường ở nông thôn sẽ khó tránh khỏi dẫn đến phân hóa giàu nghèo, phân tầng xã hội. Song khi thấy tỷ trọng người nghèo tăng quá nhanh và khoảng cách giàu nghèo doãng quá rộng thì nhà nước phải kịp thời có chính sách điều chỉnh và can thiệp, để sự phân hóa trên không vượt quá giới hạn cho phép. Chỉ như vậy sự phân hóa giàu nghèo mới có tác dụng tích cực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mà vẫn đảm bảo được an toàn xã hội.

Nông thôn Việt nam đang trong quá trình chuyển biến ; các chính sách kinh tế đang phát huy tác dụng tích cực, mặc dù còn phải tiếp tục bổ sung và hoàn thiện. Đồng thời ở nông thôn cũng đã và đang đặt ra một loạt vấn đề xã hội cần giải quyết. Trong hoàn cảnh đó, chúng ta xác định : phải kết hợp *ngay từ đầu* tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, từng bước xây dựng trên thực tế một xã hội trong đó nhân dân làm chủ các công việc nhà nước và xã hội, mọi người thương yêu nhau, có văn hóa, biết tôn trọng pháp luật, kỷ cương, căm ghét áp bức, bất công, ai cũng được tạo điều kiện để mưu cầu một cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Việc kết hợp giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội được thực hiện ở các cấp độ khác nhau : ở tầm vĩ mô, ở từng chính sách cụ thể, ở quá trình thực hiện chính sách tại địa phương, cơ sở. Song quan trọng nhất và quyết định nhất vẫn là thực hiện ở tầm *vĩ mô*. Bởi vì chỉ ở tầm vĩ mô, các quan hệ cơ bản nhất như cơ cấu kinh tế- xã hội, chính sách đầu tư, các hướng ưu tiên chiến lược... mới được xử lý một cách toàn diện và đồng bộ. Việc *kết hợp giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội ở tầm vĩ mô trong khu vực nông thôn* có thể được thực hiện theo phương hướng sau :

+ Kết hợp ngay trong phương hướng chiến lược phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn (thông qua hệ quan điểm trong Cương lĩnh và các nghị quyết của Đảng, như Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII)...).

+ Kết hợp trong quy hoạch tổng thể, trong kế hoạch dài hạn phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn.

+ Kết hợp trong kế hoạch và cân đối ngân sách hằng năm, trong đó trước hết là bố trí đầu tư cho khu vực nông thôn, cho chính sách xã hội...

+ Lồng ghép các chương trình, các dự án phát triển kinh tế biển, miền núi, chương trình phủ xanh đất trống, đồi trọc với các chương trình việc làm và xóa đói giảm nghèo, chương trình phòng chống tệ nạn xã hội, chương trình xóa nạn mù chữ, chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình...

Khi kết hợp giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội ở tầm vĩ mô trong khu vực nông thôn, cần chú ý một số điểm có tính chất nguyên tắc sau đây :

Một là, trong hoạch định chính sách phải biết khai thác mặt tích cực của cơ chế thị trường, trong đó có vấn đề quan trọng là khuyến khích và kích thích trách nhiệm cá nhân, phát huy nội lực của cá nhân được giải phóng để phát triển sản xuất và tăng trưởng kinh tế (tạo ra động lực bên trong) ; đồng thời chú ý hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế đó thông qua sự điều chỉnh của nhà nước và cộng đồng, nêu cao trách nhiệm của mọi người.

Hai là, xác định thật rõ vai trò của nhà nước trong việc giải quyết mối quan hệ này. Trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường,

Digitized by Google

việc tổ chức sản xuất kinh doanh là thuộc trách nhiệm của các chủ thể kinh tế (hộ gia đình, liên gia đình, các doanh nghiệp...). Nhà nước tạo điều kiện và môi trường luật pháp thuận lợi để các đơn vị kinh tế có thể tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nếu đối với sản xuất kinh doanh, nhà nước phải giảm đến mức tối đa sự can thiệp trực tiếp vào hoạt động của các chủ thể kinh tế, thì ngược lại, trong các vấn đề xã hội (đặc biệt là các vấn đề gay cấn như việc làm, chống đói nghèo, bài trừ tệ nạn xã hội...), nhà nước phải tăng cường đến mức tối đa vai trò của mình bằng các chính sách và chương trình cụ thể có mục tiêu, có đầu tư thích đáng, có đối tượng cụ thể, được tiến hành có trọng tâm, trọng điểm thông qua hệ thống quản lý của nhà nước. Những chính sách xã hội lớn, cơ bản nhưng lại cấp bách thì phải trở thành chương trình quốc gia.

Ba là, về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, công bằng và tiến bộ xã hội, cũng như về sự kết hợp giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, cần được quán triệt, *xã hội hóa* từ nhận thức đến hành động, trong tất cả các cấp, các ngành, đặc biệt trong các cơ quan và cán bộ hoạch định chính sách và thực hiện chính sách. Chẳng hạn, cần coi trọng sự gắn bó giữa bố trí cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội trong việc xây dựng kế hoạch của Ủy ban kế hoạch nhà nước, của Bộ tài chính và các bộ ngành có liên quan ở trung ương (đây là vấn đề mà chúng ta còn nhiều khiếm khuyết).

Bốn là, xác định hệ thống các vấn đề cần được ưu tiên. Muốn vậy, trước hết phải xem xét bối cảnh nông thôn trong bối cảnh chung của đất nước đang chuyển biến mạnh mẽ. Chính trong bối cảnh này, những yếu tố tích cực và tiêu cực, những mâu thuẫn về nhiều mặt đang bộc lộ rõ nét. Tiếp đó, xác định tiêu chuẩn những mặt cần ưu tiên. Thông thường, các tiêu chuẩn này dựa vào các dấu hiệu cơ bản sau để xác định : mức độ nghiêm trọng, tính khẩn cấp của vấn đề; phạm vi và ảnh hưởng ; sự quan tâm và tham gia của xã hội, cộng đồng ; những đối tượng đặc biệt (các vùng, các đối tượng khó khăn, bị thiệt thòi...) ; tính khả thi của chính sách...❑

Phấn đấu...

(Tiếp theo trang 9)

- Về *sáng tác* : Tiếp tục sáng tác về hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc ; sáng tác về công cuộc đổi mới của nước nhà. Chủ đề tư tưởng vẫn là chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần nhân nghĩa trong chiến đấu và trong xây dựng đất nước.

- Về *lý luận, phê bình* : Nâng cao công tác lý luận, phê bình trong văn học và trong các môn nghệ thuật nhằm hỗ trợ cho sáng tác, nâng cao thẩm mỹ của công chúng và giúp cho việc giảng dạy văn học, nghệ thuật trong nhà trường các cấp.

- Các hội cần tổ chức đều đặn các chuyến "đi thực tế" giúp văn nghệ sĩ tiếp tục gắn bó mật thiết với nhân dân, như trong hai cuộc kháng chiến.

- Tổ chức đều những cuộc sinh hoạt chính trị (nhằm thấm nhuần đường lối, chủ trương bảo vệ và xây dựng đất nước) và các cuộc sinh hoạt học thuật.

- Liên hiệp cùng các hội phối hợp với Bộ văn hóa thông tin và các bộ liên quan xây dựng một số chế độ, chính sách cho văn nghệ và văn nghệ sĩ.

- Liên hiệp cùng các hội đẩy mạnh giao lưu văn hóa với nước ngoài nhằm giới thiệu nền văn nghệ xưa và nay của ta, tiếp thụ tinh hoa của văn nghệ thế giới.

Thế kỷ 20 sắp kết thúc, một thế kỷ vĩ đại, đầy hào khí và đau thương. Cái nợ mà giới văn nghệ sĩ chúng ta phải trả là đem hết tâm lực sáng tạo tác phẩm phản ánh cho được những kỳ tích của nhân dân ta, của dân tộc ta suốt thế kỷ, nhất là từ khi có Đảng lãnh đạo cách mạng Việt nam. Ngày nay chúng ta đang đứng ở thời kỳ mới của đất nước, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhiệm vụ đang đòi hỏi chúng ta một trách nhiệm hết sức nặng nề. Chúng ta hãy chuẩn bị hành trang bước vào thiên niên kỷ thứ ba với vốn sống và vốn nghệ thuật đã tích lũy được, cộng với đằng sau lưng cái vốn mấy nghìn năm văn hiến của nước nhà, phấn đấu xây dựng một nền văn học nghệ thuật tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ❑

Digitized by Google

NGOẠI THƯƠNG
với chiến lược tăng tốc

NGUYỄN THẾ UẨN *

ĐƯỜNG lối đổi mới đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta đã tạo đà đi lên cho nền kinh tế nước ta trong những năm đầu của thập kỷ 90. Từ đó, nền kinh tế nói chung cũng như các quan hệ kinh tế đối ngoại nói riêng, đã đạt được những thành tựu quan trọng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, chúng ta đang đứng trước *một số mâu thuẫn mới* cần giải quyết để nền kinh tế nước ta có thể tiếp tục đi lên vững chắc : mâu thuẫn giữa đầu tư và tăng trưởng, giữa tiết kiệm và tiêu dùng, giữa tiền lương và năng suất lao động, giữa sản xuất và tiêu dùng, giữa thị trường trong nước và ngoài nước v.v.. Để giải quyết những mâu thuẫn này, đương nhiên phải có các chính sách hữu hiệu về kinh tế, tài chính, tiền tệ, khoa học kỹ thuật... Và trong hàng loạt các vấn đề đó, ngoại thương có vai trò hết sức quan trọng. Thông qua tăng cường xuất nhập khẩu, các hoạt động kinh tế đối ngoại sẽ thu hút được những khả năng to lớn của bên ngoài về vốn, thị trường, công nghệ và kinh nghiệm quản lý để phát huy sức mạnh bên trong, bảo đảm thực hiện tốt *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000.*

Việc tranh thủ các nguồn lực ngoài nước được thực hiện thông qua *ba* hình thức cơ bản : a) *ngoại thương*, lấy xuất khẩu để nhập khẩu ; b) *tín dụng quốc tế*, lấy nhập trước bằng vay nợ và xuất sau để trả nợ ; c) *hợp tác đầu tư*, tức hợp vốn, hợp lực giữa trong nước và ngoài nước để nghiên cứu khoa học kỹ thuật, phát triển sản xuất và kinh doanh thương mại v.v. với mục đích cùng chia lợi. Ba hình thức đó quan hệ chặt chẽ với nhau và tác động tích cực đến xuất, nhập khẩu. Vì vậy, trong các hoạt động kinh tế đối ngoại, *ngoại thương* được coi là yếu tố *năng động nhất.*

Trong những năm 1986-1994, ngoại thương nước ta đã có những tiến bộ đáng kể:

Năm	Xuất khẩu		Nhập khẩu (a)		Chênh lệch giữa xuất, nhập khẩu (triệu rúp - đô la)
	Kim ngạch (triệu rúp - đô la)	%	Kim ngạch (triệu rúp - đô la)	%	
1986	789.1	13	2155.1	16	- 1366
1987	854.2	8.3	2455.1	14	- 1600.9
1988	1038.4	22	2756.7	12.3	- 1718.3
1989	1946.0	87.4	2565.8	-6.9	- 629.8
1990	2404	23.5	2752.4	7.3	- 388.4
1991	2087.1	-13.2	2338.1	-1.5	-281.0
1992	2580.7	24	2540.7	8.7	-40.0
1993	2970.3	15.1	3414.5	34.4	-444.2
1994 (b)	3500	18	4500	31.1	-1000

Nguồn : Niên giám thống kê do Tổng cục thống kê xuất bản năm 1994
(a) Không kể nhập máy móc, thiết bị cho các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài
(b) Dự tính của Bộ thương mại

* PGS. PTS kinh tế, Bộ thương mại

Digitized by Google

Những số liệu trên cho thấy bức tranh xuất, nhập khẩu của nước ta trong những năm 1986-1994 như sau :

Về *xuất khẩu* : Mặc dù kim ngạch qua các năm (trừ năm 1991) đều tăng, nhưng nhịp độ tăng sau khi đạt mức cao nhất vào năm 1989 (87,4%) thì có xu hướng giảm dần. Sở dĩ như vậy chủ yếu là do những mặt hàng có kim ngạch lớn (như *dầu mỏ* và *gạo*) lúc đầu tăng nhanh nhưng sau đó ổn định dần, trong lúc những mặt hàng có tốc độ khác (các sản phẩm công nghiệp nhẹ chẳng hạn) có nhịp độ tăng nhanh nhưng kim ngạch còn quá nhỏ bé.

Về *nhập khẩu* : Từ sau năm 1991 trở đi, nhịp độ tăng nhanh, đặc biệt năm 1993, tăng đột biến. Nguyên nhân chính là do : *một mặt*, nhu cầu nhập khẩu của nước ta còn rất cao ; *mặt khác*, trong những năm gần đây, nguồn vốn vay từ nước ngoài (kể cả vốn đầu tư *gián tiếp* cũng như *trực tiếp*) thuận lợi hơn trước.

Về *cán cân mậu dịch* : Mức nhập siêu cao nhất là vào năm 1988, sau đó giảm dần, thấp nhất là vào những năm : 1990, 1991 và 1992. Nhưng năm 1993 và năm 1994 lại tăng đột biến. *Cơ cấu nhập khẩu* năm 1994 của nước ta như sau : thiết bị toàn bộ chiếm 3-4% ; thiết bị lẻ, phụ tùng thay thế và nguyên, vật liệu chiếm 82% (trong đó *nguyên, vật liệu* chiếm trên 2/3) ; hàng tiêu dùng chiếm khoảng 14%. Điều đó cho thấy nhập khẩu đối với nước ta hiện nay là một *yếu tố sản xuất trực tiếp*. Như vậy, nhập siêu là khó tránh khỏi. Và trong những năm tới, chắc chắn nhập siêu còn lớn hơn, vì nguồn vốn vay được từ nước ngoài càng tăng thì đương nhiên nhập khẩu sẽ càng tăng. Vấn đề quan trọng là chúng ta phải tập trung mọi cố gắng để tăng nhanh xuất khẩu, giảm dần mức nhập siêu.

Để có thể làm tốt công tác xuất, nhập khẩu trong điều kiện mới, theo tôi, cần :

1 - Kiên trì chính sách công nghiệp hóa đất nước theo hướng xuất khẩu, với nội dung cơ bản : thúc đẩy nền kinh tế nước ta trên cơ sở mở rộng phân công lao động quốc tế và thực sự hòa nhập với trào lưu chung của các nước trên thế giới. Chính sách này hoàn toàn ngược với chính sách công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu, chủ yếu hướng sản xuất trong nước vào nội tiêu, cách ly thị trường trong nước với ngoài nước bằng việc sử dụng rộng rãi hàng rào quan thuế và phi quan thuế. Kinh nghiệm các nước đang phát triển đã cho thấy : với chính sách công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu, nhiều nước không tăng nhanh được nhịp độ phát triển kinh tế và thu nhập quốc dân theo đầu người; ngược lại, nhờ áp dụng chính sách công nghiệp hóa hướng vào xuất khẩu từ giữa thập kỷ 60 đến nay, một số nước đã gặt hái được kết quả rất khả quan về kinh tế-xã hội. Ở nước ta, việc áp dụng chính sách kinh tế mở theo hướng xuất khẩu trong những năm gần đây, cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế phát triển nhanh chóng và có hiệu quả.

2 - Có chính sách ưu tiên đặc biệt cho việc đầu tư phát triển sản xuất hàng xuất khẩu của nhà nước cũng như của tư nhân, nhằm khai thác nhanh chóng và có hiệu quả mọi tiềm năng xuất khẩu trước mắt cũng như lâu dài của đất nước.

Hiện nay hàng xuất khẩu chủ yếu của nước ta vẫn là nông sản và khoáng sản ở dạng nguyên khai hoặc sơ chế (đặc biệt là gạo và dầu thô). Xét về lâu dài, gạo và dầu thô không thể giúp tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu vì thị trường và giá cả các mặt hàng này nói chung không thuận và tăng không nhiều. Do vậy muốn tăng nhanh xuất khẩu, phải chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng tăng nhanh tỷ trọng xuất các sản phẩm của ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến và công nghiệp dịch vụ các loại.

Digitized by Google

3 - Bảo đảm nhập khẩu đáp ứng được những yêu cầu sau :

+ Tạo thêm công việc làm trong nước. Đây là một trong những vấn đề quan trọng, bởi vì giải quyết nạn thất nghiệp hiện nay đối với nước ta là nhiệm vụ kinh tế-xã hội cấp bách.

+ Có được thiết bị, máy móc và công nghệ tiên tiến để xây dựng và cải tạo nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa, nhanh chóng hòa nhập với trình độ phát triển của các nước trong khu vực và trên thế giới.

+ Có một số mặt hàng đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng trong nước, góp phần điều hòa và ổn định quan hệ hàng - tiền trên thị trường nội địa. Mặt khác, giúp các nhà sản xuất tiếp cận được với các sản phẩm cạnh tranh quốc tế.

+ Tăng cường khả năng xuất khẩu trên cơ sở khai thác mọi tiềm năng của đất nước như gia công xuất khẩu, xuất khẩu dịch vụ các loại, hợp tác đầu tư, v.v..

+ Giúp nhanh chóng khắc phục tình trạng lạc hậu về khoa học - kỹ thuật để nước ta có thể sớm sánh vai với các nước công nghiệp tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

4 - Có chính sách xuất nhập khẩu đồng bộ. Việc khuyến khích xuất khẩu là cần thiết, nhưng không thể buông lỏng quản lý nhập khẩu. Vì như trên đã nói, nhập khẩu đối với nước ta thực sự là một yếu tố sản xuất trực tiếp, không chỉ đối với sản xuất cho tiêu dùng trong nước mà đối với cả sản xuất cho xuất khẩu. Lâu nay, chúng ta coi nhẹ công tác nhập khẩu, cho nên nhập khẩu còn nhiều thiếu sót và kém hiệu quả. Nếu không quản lý tốt công tác nhập khẩu, đặc biệt là nhập khẩu bằng các nguồn vốn nước ngoài, thì sẽ gây hậu quả xấu cho nền kinh tế quốc dân, không những lãng phí nguồn ngoại tệ tự có do xuất khẩu đưa lại mà còn khó lòng trả nợ cho bên ngoài.

Để quản lý tốt nhập khẩu, nhà nước cần tập trung vào mấy điểm sau :

- Xây dựng chương trình đầu tư dài hạn có mục tiêu cụ thể để định hướng và định lượng cho đầu tư trong nước và ngoài nước.

- Xây dựng chính sách nhập khẩu, kể cả nhập khẩu bằng con đường hợp tác đầu tư với nước ngoài cho từng giai đoạn cụ thể.

- Xác định quy mô và mức độ hiện đại hóa các công trình nhập khẩu thuộc các ngành kinh tế khác nhau phù hợp với điều kiện kinh tế và tự nhiên của nước ta.

- Phân cấp quản lý việc nhập khẩu giữa trung ương và địa phương một cách chặt chẽ và hợp lý, cơ động và hiệu quả hơn.

- Cải tiến phương pháp quản lý và bộ máy quản lý sao cho gọn nhẹ và có hiệu lực hơn, bằng cách tăng cường sử dụng phương pháp chuyên gia. Chấn chỉnh các tổ chức tư vấn (có các chuyên gia giỏi) và thành lập các ủy ban kỹ thuật để quản lý việc nhập khẩu máy móc, thiết bị và công nghệ.

Xuất khẩu là khâu tạo nguồn thu ngoại tệ để chủ động cân đối nhập khẩu (trước mắt cũng như lâu dài) ; ngược lại nhập khẩu là khâu sử dụng các ngoại tệ (tự có hay tín dụng) để mua sắm hàng hóa nhằm phục vụ cho sản xuất và đời sống trong nước. Nếu quản lý tốt xuất khẩu, sẽ tăng được nguồn thu ngoại tệ ; ngược lại, quản lý tốt nhập khẩu sẽ tăng được hiệu quả sử dụng ngoại tệ, nghĩa là vừa tiết kiệm được ngoại tệ vừa đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu của nền kinh tế. Vì vậy, kết hợp chặt chẽ hai mặt quản lý xuất khẩu và nhập khẩu, sẽ tạo đà cho nền kinh tế từng bước vững chắc đi lên ⌟

Digitized by Google

VỀ MỘT SỐ LUẬN ĐIỆU XUYÊN TẠC VÀ BỊA ĐẶT

LÊ XUÂN LƯU *

CÁC thế lực thù địch đang thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" đối với nước ta, lấy tiến công phá hoại hệ tư tưởng của chúng ta làm mũi đột phá. Họ dựa vào thế mạnh về tiền bạc và kỹ thuật, không ngừng hoàn thiện các phương tiện thông tin và lợi dụng chính sách mở cửa của Nhà nước ta để từng bước làm thay đổi ý thức chính trị của chúng ta. Hằng ngày người ta tung vào không trung không biết bao nhiêu điều bịa đặt, tô vẽ xã hội tư bản là "thiên đường", vu cáo chủ nghĩa xã hội là nguồn gốc của mọi "bất công", "khổ cực" và khẳng định chủ nghĩa xã hội là "sai lầm" của lịch sử. Họ rêu rao rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin là hệ tư tưởng "bè phái, có hại". Họ viện lẽ : cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã xóa đi sự khác nhau giữa các giai cấp và dân tộc ; ngày nay "hòa nhập chế độ" đã thay thế cho đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc. Từ đó, họ kết luận về "sự cáo chung của hệ tư tưởng" và đòi "phi chính trị hóa", "phi tư tưởng hóa".

Mục tiêu của sự xuyên tạc và vu cáo trên đây là thúc đẩy nhân dân ta dao động về hệ tư tưởng, dần dần xa rời con đường đã chọn để đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Định hướng xã hội chủ nghĩa cho công cuộc xây dựng đất nước đòi hỏi chúng ta phải hiểu rõ bản chất của những luận điểm trên đây, nắm vững phương hướng chính trị-giai cấp của hệ tư tưởng, của các vấn đề về đời sống tinh thần trong xã hội.

Phải chăng hệ tư tưởng Mác - Lê-nin là hệ tư tưởng "bè phái, có hại" ?

Hệ tư tưởng là hệ thống tư tưởng, lý luận, quan điểm phản ánh hiện thực xã hội trên lập trường của một giai cấp nhất định. Hệ tư tưởng với tính cách là sự tự ý thức về mặt lý luận của một giai cấp nhất định, bao giờ cũng biểu hiện lợi ích cơ bản về chính trị, kinh tế xã hội của giai cấp đó. Tính giai cấp của hệ tư tưởng là một tất yếu khách quan. Trong xã hội có giai cấp không thể có hệ tư tưởng phi giai cấp hoặc siêu giai cấp.

Ngày nay, trên thế giới đang tồn tại *hai* hệ tư tưởng đối lập nhau : hệ tư tưởng của *giai cấp tư sản* và hệ tư tưởng của *giai cấp công nhân*. Dù cho giai cấp tư sản có khôn khéo đến đâu cũng không thể che đậy được tính giai cấp của hệ tư tưởng của nó. Bất cứ hệ tư tưởng nào cũng đều gắn liền với cơ sở kinh tế, với quan hệ sản xuất và phản ánh, bảo vệ lợi ích của một giai cấp nhất định.

Hệ tư tưởng tư sản chỉ đạo việc bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản, bảo vệ chủ nghĩa tư bản. Hệ tư tưởng của giai cấp công nhân chỉ đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, với mục tiêu không phải chỉ giải phóng giai cấp công nhân mà còn giải phóng toàn thể nhân dân lao động khỏi chế độ nô lệ làm thuê, khỏi mọi áp bức bóc lột; xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và nhân đạo. Hệ tư tưởng của giai cấp công nhân không chỉ xuất phát từ lợi ích của giai

* Giáo sư triết học

Digitized by Google

cấp công nhân, mà còn vì lợi ích chung của sự nghiệp giải phóng con người. Cho nên, nó không bao giờ là hệ tư tưởng "bè phái, có hại". Trái lại, chính hệ tư tưởng của giai cấp tư sản mới là hệ tư tưởng "bè phái, có hại", bởi nó chỉ bênh vực lợi ích của thiểu số những người bóc lột.

Các thế lực chống cộng đang ra sức xuyên tạc hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, cố gắng lợi dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ để chống lại học thuyết đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Họ cho rằng cuộc cách mạng đó thủ tiêu sự khác biệt giai cấp, xóa bỏ mâu thuẫn giai cấp, mở ra sự "hợp tác giai cấp", đưa đến "hòa bình giai cấp" và "hòa nhập chế độ".

Những luận điểm này không có gì mới. Từ lâu, các nhà lý luận tư sản đã bám vào các nhân tố "sinh vật", "tâm lý", "kỹ thuật" để nêu ra các luận điểm hòng thay thế cho các quy luật phát triển của xã hội loài người mà trước đây các nhà kinh điển đã nghiêm khắc phê phán họ.

Đúng là những biến đổi cách mạng trong khoa học và công nghệ đã ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển của lực lượng sản xuất, đến đời sống vật chất và tinh thần của xã hội, làm thay đổi cả con người với tư cách là lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội, do đó cũng đã mang lại những biểu hiện *mới* trong cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc. Nhưng, rõ ràng nó *không hề* xóa bỏ sự đối lập về lợi ích của các giai cấp trong xã hội, *không hề* làm thay đổi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thế giới ngày nay *một mặt* đang hình thành một chỉnh thể kinh tế với các mối quan hệ cộng đồng, phối hợp và đang đứng trước những vấn đề chung có tính toàn cầu mà các nước cần có sự hợp tác với nhau mới có thể giải quyết được ; nhưng *mặt khác*, nó vẫn là một thế giới đầy mâu thuẫn, có sự đối kháng về lợi ích giữa các giai cấp, dân tộc, giữa các hệ thống chính trị xã hội, giữa các hệ ý thức tư tưởng.

Vì vậy, thế giới mà chúng ta đang sống không phải chỉ có hợp tác mà không còn đấu tranh. Thế giới này thực tế vẫn tiếp tục phân cực giữa giàu và nghèo, bóc lột và bị bóc lột ; không hề có sự "hội tụ", sự "tan biến" và "hòa nhập" của các giai cấp và chế độ. Đấu tranh giai cấp vẫn là động lực phát triển của xã hội loài người có giai cấp, là quy luật khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn của một ai.

Kẻ thù của chủ nghĩa Mác - Lê-nin còn tìm cách che đậy tính giai cấp của các *khái niệm chính trị* như "tự do", "dân chủ", "nhân quyền". Có kẻ tự phong cho mình danh hiệu "hiệp sĩ bảo vệ tự do, dân chủ, nhân quyền" để can thiệp vào các nước có chủ quyền, phục vụ cho mưu đồ của họ. Nhưng, mỉa mai thay, "tự do", "dân chủ", "nhân quyền" đó lại được thực hiện bằng pháo hạm ! Những gì đã diễn ra trên thế giới sau chiến tranh lạnh đã chứng minh điều đó. Có lẽ không ai có thể tìm ra ở đâu, trong một xã hội còn giai cấp đối kháng, những giá trị tinh thần *trừu tượng*, một thứ "tự do", "dân chủ", "nhân quyền" cho tất cả mọi người, phi giai cấp, nằm ngoài lợi ích và nhu cầu của các giai cấp.

Không chỉ vấn đề giai cấp, mà cả vấn đề dân tộc ngày nay cũng bị kẻ thù xuyên tạc. Người ta đưa ra đủ thứ luận điểm, kiểu như "thế giới là ngôi nhà chung" để đòi hỏi các nước, giàu cũng như nghèo, phải tăng cường giao lưu và hợp tác quốc tế theo hướng có lợi cho nước giàu. Chủ nghĩa đế quốc, nhất là các tập đoàn xuyên quốc gia đã lợi dụng thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, lợi dụng xu thế quốc tế hóa kinh tế để mở rộng và tăng cường vị trí thống trị của mình đối với thế giới. Đi đôi với việc này, chúng còn ra sức tuyên truyền cho một thứ "hư vô dân tộc", dựng lên hình ảnh "công dân thế giới" trừu tượng, nằm ngoài giai cấp và dân tộc, vượt qua cả nền văn hóa và hệ tư tưởng, để thúc đẩy các nước, nhất là các nước chọn con

Digitized by Google

đường khác với chúng, phải hòa nhập vào thế giới phương Tây, từ bỏ bản sắc và truyền thống văn hóa dân tộc, từ bỏ cuộc đấu tranh cho sự tồn tại và phát triển của dân tộc. Đây là điều hết sức giả dối và mâu thuẫn. Bởi vì, chính chủ nghĩa đế quốc là kẻ kích động nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa từ bỏ chủ nghĩa quốc tế vô sản, trở về với chủ nghĩa dân tộc cực đoan, gây nên các cuộc xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, hướng cuộc đấu tranh vào bên trong mà quên đi cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc...

Phải chăng thời đại mới đã đưa lại sự "cáo chung của hệ tư tưởng" và đã đến lúc các giai cấp, các dân tộc cần "phi chính trị hóa", "phi tư tưởng hóa" ?

Chính trị, trước hết phản ánh lợi ích của một giai cấp nhất định. Những nguyên lý chính trị của hệ tư tưởng là công cụ quan trọng để chỉ đạo cho cuộc đấu tranh giành chính quyền và xây dựng chế độ xã hội mới. Giai cấp tư sản đã sử dụng những nguyên lý chính trị tư sản để soi đường cho việc giành chính quyền, thiết lập chế độ tư bản và trong suốt mấy thế kỷ qua đã không một phút lơ là củng cố nhà nước tư sản, củng cố chế độ tư bản, ra sức đàn áp phong trào cách mạng, thôn tính các nước để mở rộng phạm vi thống trị của mình. Phải chăng, ngày nay cái chính trị cường quyền và thôn tính đó đã được từ bỏ ? Không ! Chủ nghĩa đế quốc không bao giờ từ bỏ, xa rời cái bản chất của nền chính trị đó, mà chỉ có thay đổi biện pháp và thủ đoạn để thích nghi với những đổi thay của thời đại, đồng thời triệt để khai thác chủ nghĩa cơ hội và xét lại hiện đại trong phong trào cộng sản. Song, cũng thật là mỉa mai khi *một mặt* họ kêu gọi "phi chính trị hóa" ; *mặt khác* lại ép buộc các nước xã hội chủ nghĩa thực hiện "đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập". Hai yêu sách này hoàn toàn trái ngược nhau, nhưng lại có chung một mục tiêu là nhằm xóa bỏ sự lãnh đạo của các đảng cộng sản và thủ tiêu chủ nghĩa xã hội.

Luận điểm "phi tư tưởng hóa" cũng chỉ là một điều bịa đặt. Sự thật thì hằng ngày, hằng giờ chủ nghĩa đế quốc đang tấn công phá hoại hệ tư tưởng của giai cấp công nhân. Chúng sử dụng những thành tựu của khoa học kỹ thuật hiện đại vào việc truyền bá hệ tư tưởng tư sản vào các nước xã hội chủ nghĩa để làm thay đổi ý thức chính trị của nhân dân các nước này, thậm chí còn sử dụng cả áp lực kinh tế, ngoại giao và quân sự để áp đặt tư tưởng tư sản.

Ngày nay, nhân tố "hình thái ý thức" đang được công khai sử dụng trong chính sách ngoại giao của các nước đế quốc. Viện trợ, đầu tư đang được cột chặt với vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", "tư hữu hóa", v.v..

Đứa con sinh đôi "phi chính trị hóa", "phi tư tưởng hóa" chỉ là thủ đoạn nhằm gạt bỏ cuộc đấu tranh tư tưởng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động chống lại hệ tư tưởng tư sản ; chỉ là chiêu bài phục vụ cho các thế lực chống cộng phá hoại hệ tư tưởng của giai cấp công nhân và gạt bỏ sự lãnh đạo của đảng cộng sản.

Những luận điệu "phi chính trị hóa", "phi tư tưởng hóa" không phải không tác động và không gây ra những hoài nghi, dao động nhất định trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Có người trước đây nói nhiều về giai cấp và đấu tranh giai cấp, nhưng nay lại né tránh, kiêng kỵ. Thậm chí có người cứ nghe ai nói đến giai cấp và đấu tranh giai cấp thì chụp luôn cho cái mũ "giáo điều", "bảo thủ" ! Cũng có người muốn đặt lại vấn đề ngay đối với những nguyên lý *nền tảng* của chủ nghĩa Mác - Lê-nin để từ đó xét lại toàn bộ sự nghiệp của chúng ta từ mục tiêu đến phương tiện. Họ đặt câu hỏi : "Với trình độ tiền công nghiệp, lại ở vào thời đại văn minh tin học, nước ta có thể tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển chế độ tư bản chủ nghĩa được không ?" Câu trả lời của họ chắc chắn là không, và họ muốn đi tìm một "tấm biển chỉ đường" khác, v.v..

Trong công cuộc đổi mới tư duy, việc nảy sinh những quan điểm khác nhau là chuyện bình thường, và có lúc còn cần thiết.

Digitized by Google

Nhưng không phải vì thế mà không cần phân biệt đúng, sai. Thực tế cho thấy, không có gì tệ hại hơn là dao động, mơ hồ và sai lầm ngay trên những vấn đề có tính nguyên tắc của đấu tranh cách mạng.

Ngày nay, dù cho nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã bị sụp đổ, phong trào xã hội chủ nghĩa rơi vào khủng hoảng, nhưng không phải vì thế mà sứ mệnh lịch sử và hệ tư tưởng của giai cấp công nhân đã cáo chung. Sự sụp đổ đó hoàn toàn không bắt nguồn từ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mà bắt nguồn từ sai lầm của những người cộng sản cầm quyền ở các nước này đã xa rời bản chất cách mạng và khoa học của nó trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tuy phong trào xã hội chủ nghĩa thế giới lâm vào khủng hoảng, nhưng chúng ta không coi đó là sự khủng hoảng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Đảng ta trước sau như một, vẫn lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng của Đảng. Sự lựa chọn đó là bất di bất dịch, vì thế giới quan và phương pháp luận của nó trước sau vẫn là chân lý khách quan mà nhận thức loài người đã đạt tới. Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin là trung thành với bản chất cách mạng và khoa học của nó. Nhiệm vụ của chúng ta ngày nay là phải từ thực tiễn của thời đại mà nghiên cứu, làm sáng tỏ những gì trong chủ nghĩa Mác - Lê-nin là bền vững, những gì bị hạn chế bởi thời đại sinh thành ra nó, bổ sung những gì mà thực tiễn mới đang đặt ra, làm cho nó phản ánh được những nội dung mới, những đặc điểm mới của thời đại mà chúng ta đang sống, chứ không phải từ bỏ nó.

Ngày nay, trên thế giới, ngoài hai hệ tư tưởng của giai cấp tư sản và của giai cấp công nhân ra, không có hệ tư tưởng thứ ba. Hy vọng đi tìm một tấm "biển chỉ đường" nào khác, dù đó là tâm huyết, trung thực, lo nghĩ đến vận mệnh của đất nước, thì cũng chỉ đi đến từ bỏ con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa - con đường mà Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn mà thôi !

Mọi sự né tránh, ngại nói đến vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp là không đúng, vì đây là sản phẩm khách quan của lịch sử, chứ không phải do ai bịa đặt ra. Lịch sử đã chứng kiến sự hiện diện và sự chi phối của nó đối với sự phát triển của xã hội loài người có giai cấp. Điều chủ yếu ở đây lại là phải khắc phục một số quan niệm không đúng, chật hẹp, ấu trĩ về vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp ; nhận thức cho đúng bản chất của vấn đề này, thấy rõ mối liên hệ giữa *giai cấp, dân tộc* và *nhân loại* cùng với những biểu hiện mới của nó trong điều kiện lịch sử ngày nay.

Gần đây cũng có câu hỏi đặt ra : **phải chăng sự vận động của nền chính trị đương đại là sự vận động từ chính trị của kinh tế, của quan hệ giai cấp, sang chính trị của lao động trí tuệ, tự do sáng tạo của con người ?**

Chính trị, như trên đã nói, trước hết phản ánh lợi ích và nhu cầu của một giai cấp nhất định ; không có thứ chính trị trừu tượng, phi giai cấp. Chính trị của chúng ta là chính trị của giai cấp công nhân ; là chính trị thuộc hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, là hệ tư tưởng chỉ đạo cho chúng ta trong công cuộc đấu tranh giành chính quyền, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày nay, tuy cuộc cách mạng khoa học, công nghệ và nền văn minh tin học đang tác động to lớn đến sự phát triển của lực lượng sản xuất, đến khả năng của con người và cũng tác động không nhỏ đến khoa học xã hội và nhân văn, mang đến cho nó những chất liệu mới để phát triển, trong đó có chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhưng nó không hề xóa bỏ được sự khác nhau về lợi ích của các giai cấp trong xã hội, không hề thay đổi cơ sở kinh tế, giai cấp của nền chính trị đương đại bằng một cơ sở nào khác.

Ngày nay, vai trò của trí tuệ đối với công cuộc xây dựng đất nước là vô cùng to lớn. Có thể khẳng định rằng : không có trí tuệ thì không thể có chủ nghĩa xã hội. Song,

(Xem tiếp trang 24)

Digitized by Google

HỌC THUYẾT KINH TẾ CỦA MÁC VÀ THỜI ĐẠI HIỆN NAY

LÊ NGỌC TÒNG *

TRƯỚC những biến động chính trị ở Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, và bên cạnh những kết quả đáng kể của các nước tư bản công nghiệp phát triển, một số người đã tỏ ra nghi ngờ bản chất khoa học và tính cách mạng của học thuyết Mác - Lê-nin. Có người coi sự phát triển nhanh chóng của một số nước tư bản chủ nghĩa là một bằng chứng về sự thiếu căn cứ thực tiễn của học thuyết Mác. Họ đem đối lập học thuyết Mác với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Trong hàng ngũ những người vốn từ lâu tự coi mình là mác xít cũng có hiện tượng xem thường những quan điểm lý luận, các phương pháp luận khoa học của Mác. Thực tế có phải như vậy không ? Trong bài viết này, tôi xin trao đổi về vấn đề : Những cơ sở học thuyết kinh tế của Mác và những giá trị khoa học của nó trong giai đoạn hiện nay.

*
* *

Học thuyết kinh tế, đặc biệt là học thuyết về giá trị của Mác, là một hệ thống lý luận tương đối hoàn chỉnh được xây dựng sau khi tiếp thu có phê phán những thành tựu của các trào lưu khoa học kinh tế trước đó, nhất là các trào lưu kinh tế học tư sản cổ điển. Những luận điểm khoa học của Mác là kết quả nghiên cứu, phân tích một cách hợp lý, hợp lô gíc các di sản tư tưởng của các tác giả trước ông, từ thời cổ đại đến những đại biểu cao nhất của kinh tế học tư sản như A. Xmít ; Đ. Ri-các-đô. Có thể nói, học thuyết kinh tế của Mác trước hết là một sự sàng lọc tinh tế nhất và dưới một phương pháp luận khoa học những tinh hoa của các tư tưởng kinh tế của các học giả trước ông. Phủ nhận những giá trị khoa học của khoa học kinh tế mác xít cũng có nghĩa là phủ nhận nhiều di sản quý báu của những tác giả đã có công xây dựng nên các khoa học kinh tế. Khi bắt tay viết bộ "Tư bản", Mác đã nghiên cứu hàng nghìn tác phẩm của hầu hết những tác giả tiền bối. Mác đã phân tích một cách khoa học và rất khách quan những ý tưởng khoa học của họ, thấy được hạt nhân đúng đắn, đồng thời phê phán những mặt còn hạn chế trong các ý tưởng đó. Áp dụng phương pháp lịch sử thực tiễn, xuất phát từ hàng loạt những quan điểm của các học giả kinh tế tư sản, Mác đã vạch ra bản chất sâu sắc của hàng loạt khái niệm kinh tế của nền kinh tế tư bản mà hiện nay những khái niệm ấy vẫn còn được sử dụng trong các học thuyết kinh tế tư sản hiện đại. Bằng phương pháp duy vật lịch sử, áp dụng phép trừu tượng khoa học, Mác đã vạch ra cơ sở lịch sử và bản chất bên trong của các khái niệm mà các học giả tư sản trước đó chỉ cảm nhận thấy bằng sự quan sát tinh tế của họ. Trong khoa học kinh tế, công lao của Mác thể hiện trên hai điểm chính :

- Hệ thống hóa và chính xác hóa các luận điểm khoa học của các nhà tư tưởng kinh tế trước Mác.

- Dựa trên cơ sở những tư tưởng khoa học kinh tế cổ điển, bằng phương pháp khoa học mới, Mác đã phát hiện ra quy luật *giá trị thặng dư* và từ đó làm sáng tỏ hàng loạt những khái niệm khoa học kinh tế như *lợi nhuận, địa tô, tiền lương, giá cả, tiền tệ*... Chưa tính đến luận điểm của học thuyết Mác về bạo lực cách mạng vô sản nhằm xóa bỏ chế độ tư bản và xây dựng chủ nghĩa

* PTS kinh tế, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

cộng sản mà chỉ tính riêng toàn bộ học thuyết kinh tế của Mác đã là một bộ cẩm nang vô giá cho việc xây dựng cơ chế hoạt động của tất cả các nước đang phát triển kinh tế. Và trên thực tế nhiều nhà nước tư sản đã áp dụng nó để xây dựng các chính sách của họ, đặc biệt là chính sách về tiền tệ và tài chính. P. Xa-mu-en-xơn (P. Samuelson) và W. Noóc-đốt (W. Nordhaus), trong tác phẩm "Kinh tế học" nổi tiếng của họ đều thừa nhận những luận điểm khoa học của Mác. Họ coi Mác, A. Xmít, Kê-in-xơ... như những người "khổng lồ về tri thức" kinh tế mặc dù họ đứng trên lập trường tư tưởng đối lập với lập trường tư tưởng của Mác.

Tư tưởng khác biệt lớn nhất giữa học thuyết kinh tế của Mác với các học thuyết kinh tế tư sản là ở chỗ sau khi phân tích một cách toàn diện sự vận động của nền kinh tế tư bản, thấy rõ những mâu thuẫn và xu hướng vận động của nó, Mác đã chỉ ra rằng, trong chủ nghĩa tư bản tồn tại một mâu thuẫn cơ bản, đó là mâu thuẫn giữa tính xã hội hóa cao của lao động với tính chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Mâu thuẫn này luôn phát triển, vì lao động ngày càng xã hội hóa cao và tính chiếm hữu tư nhân ngày càng sâu sắc. Mâu thuẫn đó đã gây ra hàng loạt những mâu thuẫn và các hiện tượng phức tạp khác của chủ nghĩa tư bản ở cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Việc giải quyết mâu thuẫn đó không còn nằm trong phạm vi một xã hội tư bản nữa. Giai cấp công nhân công nghiệp đã trưởng thành và là người có sự mệnh lịch sử phải làm cuộc cách mạng để giải phóng mình, giải phóng toàn xã hội thoát khỏi những mâu thuẫn đối kháng gay gắt của xã hội.

Những người phê phán nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác coi những biến động ở Liên xô và Đông Âu là sự cáo chung của chủ nghĩa cộng sản trên trái đất. Họ cho rằng, chủ nghĩa tư bản hiện đại, với thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, đã dần dần thích nghi với điều kiện mới và có thể là một hình thái kinh tế vĩnh viễn. Từ đó họ rút ra kết luận : nguyên lý cơ bản của học thuyết Mác - xóa bỏ tư hữu - là sai, và học thuyết Mác không còn là một hệ tư tưởng cách mạng nhất.

Phân tích vấn đề này chúng ta thấy, với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật trong mấy thập kỷ qua, nhất là việc xuất hiện các ngành khoa học mới như khoa học điện tử, tin học, điều khiển học, chủ nghĩa tư bản đã tiến những bước dài trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp vi tính, quản lý kinh tế và kế hoạch hóa... Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đã tạo ra cho chủ nghĩa tư bản những công cụ rất lớn để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả sản xuất và hạn chế bớt những cuộc khủng hoảng thường kỳ trong các cuộc cạnh tranh trên thị trường. Nhưng cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật không phải là nhân tố duy nhất, cũng không phải là nhân tố quan trọng nhất quy định sự thích nghi của chủ nghĩa tư bản và làm dịu đi những mâu thuẫn đối kháng của nó. Về mặt kinh tế mà xét, cách mạng khoa học kỹ thuật vừa thúc đẩy chủ nghĩa tư bản phát triển, vừa làm gay gắt thêm mâu thuẫn cơ bản của nó : tính xã hội hóa của lao động ngày càng cao và tính chiếm hữu tư nhân ngày càng lớn. Mâu thuẫn đó phản ánh ở một số khía cạnh sau đây : công nghệ tự động sẽ giảm nhanh về lao động chân tay, gây ra nạn thất nghiệp ; nạn ô nhiễm môi trường, các loại bệnh nghề nghiệp...

Nhân tố thứ hai góp phần làm dịu đi những mâu thuẫn gay gắt của chủ nghĩa tư bản là cùng với cách mạng khoa học kỹ thuật, đã xuất hiện hàng loạt ngành sản xuất dịch vụ như : dịch vụ thông tin, dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ sản xuất. Những ngành dịch vụ này vừa kích thích các nhu cầu tiêu dùng, vừa góp phần giải quyết được phần lớn lao động dư thừa do quá trình công nghiệp tự động hóa, do cách mạng khoa học kỹ thuật gây ra. Từ đó làm cho nạn thất nghiệp vốn có của chủ nghĩa tư bản giảm bớt đi. Nhưng do chạy theo lợi nhuận nên các ngành dịch

Digitized by Google

vụ, nhất là dịch vụ tiêu dùng, đã kích thích các nhu cầu xã hội tăng lên một cách nhanh chóng, vượt quá các giới hạn cho phép của tự nhiên và xã hội, phá vỡ thế cân bằng giữa nhu cầu con người và khả năng đáp ứng của sản xuất, tạo ra những căng thẳng giữa cung và cầu. Những người giàu có được hưởng những đặc quyền, đặc lợi rất cao. Nếu như mọi người trong xã hội tư sản đều được hưởng những chế độ cao như họ thì các nguồn tài nguyên trên trái đất sẽ nhanh chóng cạn kiệt. Dịch vụ tiêu dùng đã đẩy nhu cầu xã hội vượt lên quá cao so với khả năng đáp ứng của sản xuất nói riêng, của thiên nhiên nói chung. Điều đó cũng góp phần khoét sâu mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Nhân tố thứ ba quyết định sự thích nghi tạm thời của chủ nghĩa tư bản hiện đại là quá trình quốc tế hóa lực lượng sản xuất trong điều kiện mới. Do luôn luôn bị thúc đẩy bởi lợi nhuận, giai cấp tư sản xâm lấn toàn cầu để tìm thị trường tiêu thụ hàng hóa và nguồn nguyên liệu mới cũng như các nguồn dự trữ khác cho sản xuất. Quốc tế hóa lực lượng sản xuất là một nhu cầu sống còn đối với chủ nghĩa tư bản phát triển.

Như vậy, đặc điểm mới và lớn nhất của chủ nghĩa tư bản hiện đại là quá trình xã hội hóa sản xuất đang chuyển thành quá trình quốc tế hóa lực lượng sản xuất bằng sự hình thành các thị trường chung với sự điều khiển của tư bản tài chính quốc tế. Bên cạnh đó, là hàng loạt các nước phát triển theo định hướng tư bản chủ nghĩa đã góp phần làm cho môi trường của tư bản quốc tế được mở rộng đáng kể.

Trong bộ "Tư bản", khi phân tích quá trình tái sản xuất tư bản, Mác đã khảo sát sự vận động của tư bản trong phạm vi một nước. Lúc đó Mác đã giả định loại trừ nhân tố ngoại thương. Chủ nghĩa tư bản thời Mác nghiên cứu (vào giữa thế kỷ XIX) là chủ nghĩa tư bản mang tính dân tộc. Sự cát cứ hành chính giữa các quốc gia hoạt động ngoại thương chiếm một tỷ trọng không lớn so với tổng số các hoạt động kinh tế trong phạm vi một nước tư bản. Ở đó, Mác đã phát hiện ra mâu thuẫn cơ bản giữa tính xã hội hóa lao động với tính chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Trong phạm vi từng quốc gia tư bản phát triển, mâu thuẫn đó đã trở thành mâu thuẫn đối kháng và xuất hiện những khả năng nổ ra những cuộc cách mạng vô sản. Nhưng điều kiện hiện nay đã khác rất nhiều điều kiện của thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX.

Quá trình quốc tế hóa lực lượng sản xuất với những hình thức hết sức phong phú đã và đang mở ra cùng với quá trình xã hội hóa của lao động. Quá trình quốc tế hóa lực lượng sản xuất vẫn còn đang ở những bước phát triển ban đầu của nó và chưa dẫn đến những mâu thuẫn gay gắt ngay trong lòng chủ nghĩa tư bản quốc tế. Tuy vậy, mâu thuẫn cơ bản giữa lao động và tư bản không hề bị mất đi mà còn mở rộng quy mô ra toàn thế giới. Những thành tựu khoa học, kinh tế, văn hóa mà nhân loại đã tích lũy được qua bao nhiêu thế hệ đang phục vụ một cách lãng phí cho các tập đoàn tư bản quốc tế, cho các tầng lớp đặc quyền đặc lợi ở các nước đang phát triển. Một phần dân cư ở các nước tư bản phải sống nghèo đói cơ cực, thiếu thốn, tối tăm bên cạnh cuộc sống xa xỉ của giai cấp tư sản.

Chính sách kinh tế của các nước tư bản phát triển là liên minh với các tập đoàn tư bản mại bản các nước đang phát triển để bóc lột phần dân cư còn lại.

Từ sự phân tích trên chúng ta có thể khẳng định rằng, những nguyên lý mà chủ nghĩa Mác đưa ra như : quy luật giá trị, quy luật giá trị thặng dư, mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản vẫn còn đang tồn tại, nhưng chúng hoạt động trong điều kiện quốc tế hóa lực lượng sản xuất. Trong điều kiện đó xuất hiện những biểu hiện mới như sau :

- Cạnh tranh tự do trong một nước chuyển thành cạnh tranh kinh tế giữa các tập đoàn tư bản và giữa các quốc gia tư bản.

Digitized by Google

- Quy luật lợi nhuận bình quân chuyển hóa thành quy luật lợi nhuận siêu ngạch.

- Mâu thuẫn giữa lao động và tư bản thể hiện ra vừa ở mâu thuẫn giữa tính xã hội hóa của lao động với tính chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, vừa ở mâu thuẫn giữa tính quốc tế hóa lực lượng sản xuất với tính chiếm hữu tư nhân hoặc tập đoàn tư bản. Vì có sự chuyển hóa của mâu thuẫn giữa tư bản và lao động nên sự căng thẳng trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở nửa sau thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX đã phần nào dịu đi. Mâu thuẫn giữa tính quốc tế hóa lực lượng sản xuất với sự chiếm hữu tư nhân (hay tập đoàn) sẽ là mâu thuẫn chủ yếu của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Mâu thuẫn đó đang phát triển và dần dần dẫn đến đối kháng. Trong khi đó, mâu thuẫn giữa tính xã hội hóa của lao động với tính chiếm hữu tư nhân ở các nước tư bản có thể dịu đi do quá trình quốc tế hóa lực lượng sản xuất. Đó là lý do tại sao ở những nước tư bản chủ nghĩa phát triển như Pháp, Anh, Mỹ trước đây phong trào công nhân phát triển mà hiện nay lại trầm lắng xuống.

Hiện nay, chủ nghĩa tư bản hiện đại nắm trong tay một sức mạnh vật chất rất lớn, nhưng nhiều hậu quả nghiêm trọng về kinh tế, xã hội, môi trường mà nó gây ra không được giải quyết vì hậu quả đó chưa cọ vào xương thịt của giới tư bản kếch sù, mà chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến người nghèo và nước nghèo. Bên cạnh đó, chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, vẫn không ngừng can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác.

Như vậy, chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn giữ nguyên bản chất bóc lột, chiếm đoạt của nó tuy hình thức biểu hiện, phương thức bóc lột tinh vi hơn và ít dùng vũ lực quân sự hơn. Và học thuyết kinh tế của Mác vẫn giữ nguyên giá trị ❑

Về một số...

(Tiếp theo trang 20)

cũng phải nhận thức sâu sắc rằng : không phải bất kỳ trí tuệ nào cũng có thể dẫn dắt nhân dân ta đi lên chủ nghĩa xã hội ; không nên chỉ nói trí tuệ một cách chung chung.

Chúng ta phản đối "chính trị hóa", "tư tưởng hóa" mọi hiện tượng của đời sống xã hội, mọi hoạt động của con người một cách giản đơn, thô thiển và trần trụi. Nhưng mọi sự xa lánh cơ sở kinh tế giai cấp trong khi xem xét, đánh giá các hiện tượng xã hội, các hành vi chính trị của con người, thì cũng khó tìm ra bản chất của chúng để đi đến chân lý khách quan. Xa lánh cơ sở kinh tế giai cấp, cũng là xa lánh chủ nghĩa duy vật lịch sử của Mác.

Chúng ta đang thực hiện công cuộc đổi mới, nhưng đổi mới không có nghĩa là từ bỏ hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, xa rời cơ sở kinh tế, giai cấp của nó, nhảy sang hệ tư tưởng tư sản. Nếu không nhận thức được điều này sẽ cực kỳ nguy hiểm, vì mỗi hệ tư tưởng chỉ đạo cho sự phát triển của xã hội theo một con đường khác. Vì vậy, đổi mới đúng đắn là phải dưới sự chỉ đạo của hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, vận dụng phương pháp tư duy biện chứng mác xít để xem xét, phân tích hiện thực khách quan, tìm ra những nhận thức không còn phù hợp với hiện thực đã biến đổi, bổ sung những gì mà thực tiễn đang đặt ra, tìm ra những vận động có tính quy luật, đề ra những giải pháp đúng đắn để thúc đẩy hiện thực khách quan vận động đi lên theo hướng có lợi cho quá trình cách mạng. Đồng thời, phải đấu tranh không khoan nhượng với mọi sự xuyên tạc, khắc phục mọi nhận thức mơ hồ, lệch lạc. Thiếu điều đó thì không thể nói đến định hướng xã hội chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh này không phải chỉ để bảo vệ hệ tư tưởng Mác - Lê-nin, nó còn là trường học để phát triển lý luận và rèn luyện tư tưởng ❑

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN NHÀ NƯỚC

TRẦN ĐÌNH THIÊN *

I - Chủ nghĩa tư bản nhà nước trong quan niệm của Lê-nin

Lê-nin có nói : trong một nước nghèo, giai cấp vô sản không thể tự mình xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, mà phải mượn sức của các giai cấp khác. Lô gíc đó dẫn tới sự cần thiết phải phát triển các quan hệ thị trường (cơ sở cho sự phát sinh không thể tránh khỏi của các quan hệ tư bản chủ nghĩa) với tư cách là phương pháp, thủ đoạn - chứ không phải là mục đích - của cách mạng. Chủ nghĩa tư bản nhà nước (CNTBNN) trở thành tư tưởng trung tâm, "sợi chỉ đỏ" xuyên suốt của chính sách kinh tế mới (NEP), là sự tổ hợp của *hai* khuynh hướng vận động trong đời sống thực tiễn :

Thứ nhất, bắt nguồn từ việc chấp nhận các quan hệ thị trường với tính cách là giải pháp để kích thích nền kinh tế. Sự chấp nhận đó, trong điều kiện nền kinh tế tiểu nông, tất yếu sẽ sinh ra các quan hệ tư bản chủ nghĩa. Vấn đề đặt ra là làm thế nào, bằng hình thức nào để hướng sự phát triển tự phát đó vào quỹ đạo, đặt dưới sự kiểm soát của nhà nước.

Thứ hai, nảy sinh từ chính nhu cầu nội tại của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để hoàn thành sứ mạng đó, nhà nước vô sản cần có vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm tổ chức và quản lý cũng như chính các quan hệ kinh tế xã hội hóa. Mà tất cả những yếu tố đó chỉ có thể có được từ các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, với ý thức rằng đó là những thành tựu của nhân loại.

Trong quan niệm của Lê-nin, tác dụng của CNTBNN đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội được thể hiện ở :

1 - Việc phát triển các quan hệ thị trường thông qua "chiếc cầu nhỏ" CNTBNN là biện pháp hữu hiệu để thiết lập và phát triển các quan hệ kinh tế xã hội hóa - là cơ sở của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, vốn đang rất thiếu trong một quốc gia nông nghiệp.

2 - Nhà nước vô sản có khả năng tiếp cận và sử dụng ngay nguồn vốn tích lũy to lớn (bao gồm cả kỹ thuật và quan hệ thị trường) vào việc xây dựng nền đại công nghiệp - "yếu tố bảo đảm thắng lợi cuối cùng và triệt để của chủ nghĩa xã hội".

3 - Trong điều kiện chuyên chính vô sản, CNTBNN là hình thức dễ tiếp thu, là cách thức bảo đảm cho định hướng xã hội chủ nghĩa thực thi được ở một nước tiểu nông.

4 - Phát triển các quan hệ tư bản chủ nghĩa và hướng nó theo quỹ đạo CNTBNN đồng nghĩa với phát triển một nền đại công nghiệp, do đó giai cấp công nhân được phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đây là chủ thể cơ bản để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Lê-nin còn nhấn mạnh : CNTBNN góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế, cải tạo các quan hệ tiểu nông và thuyết phục nông dân.

Tuy nhiên, phải làm rõ những giới hạn, những điều kiện cần thiết để sự phát triển của các quan hệ thị trường và quan hệ tư bản chủ nghĩa nói chung, của CNTBNN nói riêng (từ cả hai phía trong và ngoài nước) không nguy hại cho định hướng xã hội chủ nghĩa. Có nhiều yếu tố, song có những giới hạn và điều kiện then chốt là :

- Chính quyền nằm trong tay giai cấp vô sản và kiên trì theo đuổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Bảo đảm được điều này, thì

* PTS. Viện kinh tế học. Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

Digitized by Google

như Lê-nin nói : sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, hay CNTBNN "sẽ không có gì là đáng sợ".

- Về mặt thực tiễn, điểm mấu chốt là ở chỗ chính quyền vô sản biết đặt ra những giới hạn cho sự phát triển đó, đặt nó dưới sự kiểm soát của mình. Những giới hạn này do chính thực tiễn, do tương quan sức mạnh cụ thể giữa các lực lượng kinh tế - xã hội quy định.

- Cơ sở kinh tế để nhà nước đưa ra các giới hạn và đặt sự phát triển của các quan hệ tư bản chủ nghĩa vào những giới hạn đó là mức độ nhà nước khống chế các điểm xung yếu nhất của nền kinh tế. Điều này thể hiện ở quyền và năng lực chi phối của nhà nước đối với đất đai, các ngân hàng và cơ sở công nghiệp lớn nhất, v.v..

- Trong quan hệ với chủ nghĩa tư bản quốc tế, để lợi dụng được sức mạnh của nó, phải tính toán hết sức cẩn thận, thậm chí phải biết nhân nhượng khi cần thiết. Thí dụ: mức lợi nhuận mà các công ty tư bản nước ngoài thu được ; các điều kiện hoạt động và tiền lương trả cho các chuyên gia nước ngoài... có thể cao hơn mức thông thường. Nhưng về nguyên tắc, không bao giờ được nhân nhượng về định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa và sự độc lập kinh tế của đất nước.

Để làm rõ lý thuyết về CNTBNN của Lê-nin, cần nghiên cứu một số điểm còn "bỏ ngỏ" về mặt thực tiễn như :

- Các hình thức CNTBNN cụ thể trong những điều kiện phát triển cụ thể.

- Những giới hạn mà nhà nước vô sản quy định để sự phát triển của CNTBNN có lợi nhiều nhất và có hại ít nhất cho chủ nghĩa xã hội.

- Những biện pháp mà nhà nước vô sản cần áp dụng để kiểm soát sự phát triển của CNTBNN sao cho sự phát triển đó nằm trong các giới hạn đã được đặt ra.

Qua nghiên cứu chúng tôi thấy rằng, quan điểm của Lê-nin về CNTBNN không bó hẹp ở những hình thức mà Người đã đề cập trong thời kỳ NEP (như tô nhượng ; công ty hợp doanh, hợp tác xã (theo nghĩa rộng) ; đại lý ủy thác ; cho tư bản trong nước thuê xí nghiệp, vùng mỏ, rừng, đất, cho công nhân thuê những hầm mỏ nhỏ). Hiểu theo nghĩa rộng, CNTBNN là quan hệ khách quan giữa nhà nước vô sản với các quan hệ tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa tư bản *nhà nước*. Nhà nước - đó là "*chúng ta*"[1]. Vấn đề là ở chỗ chủ nghĩa tư bản trong và ngoài nước được đặt dưới sự kiểm soát của nhà nước, nghĩa là đặt toàn bộ các quan hệ đó trong một giới hạn. Theo Lê-nin, đây là khái niệm khác hẳn với khái niệm thông thường về CNTBNN. Người viết : "Chúng tôi nắm tất cả các đòn bẩy chỉ huy ; chúng tôi nắm ruộng đất ; ruộng đất thuộc về nhà nước"[2]. Vậy phải chăng quan hệ bao trùm nhất (để từ đó tùy theo từng nước, từng thời kỳ, mà làm xuất hiện các hình thức CNTBNN cụ thể) lại là ở việc nhà nước chuyên chính vô sản điều tiết nền kinh tế đa thành phần, trong đó có thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa.

II - Những vấn đề cấp bách trong phát triển CNTBNN ở Việt nam

Trong khi thực tiễn phát triển kinh tế ở nước ta đang vận động, các hình thức CNTBNN còn sơ khai chưa rõ hình hài, thì các quan hệ thị trường và đầu tư của nước ngoài đang phát triển khá sôi động. Cho nên trước mắt, theo chúng tôi, phải củng cố quản lý nhà nước (đặc biệt trong các liên doanh có vốn đầu tư của nước ngoài) để kịp thời nắm bắt các vấn đề phát sinh, định hướng đúng cho quá trình phát triển của nền kinh tế.

Kinh nghiệm của các nước thuộc nhóm NIC (công nghiệp mới) về vấn đề nhà nước

(1) (2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 45, tr 335, 471

Digitized by Google

điều tiết nền kinh tế thể hiện ở hai khía cạnh :

Thứ nhất, nhà nước thực hiện sự điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của khu vực tư nhân trong nước. Thực chất là ở việc tạo ra cái gọi là "một nhà nước mạnh" để điều tiết nền kinh tế, trong đó có việc định hướng chiến lược và xác định cơ cấu kinh tế có triển vọng. Kèm theo đó là những biện pháp kinh tế và hành chính có tính khuyến khích và ràng buộc cao (trợ cấp tài chính, ưu đãi về thuế, hỗ trợ về kỹ thuật, các thủ tục hành chính liên quan đến các dự án đầu tư, v.v.). Xét trên bình diện rộng, điều đó có một hàm ý là nhà nước tạo ra sức mạnh cho nền kinh tế dân tộc trong cuộc cạnh tranh quốc tế, bảo đảm cho nó không bị phụ thuộc vào nước ngoài.

Thứ hai, đưa ra và thực hiện một chiến lược huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn nước ngoài (bao hàm cả cách thức đối xử với các công ty nước ngoài hoạt động trong nền kinh tế bản địa).

Kinh nghiệm của các nước đang phát triển thể hiện rõ nét trong việc nhà nước thực hành kiểm soát và điều tiết sự vận động của các dòng vốn nước ngoài. Hoạt động này được biểu hiện qua cơ chế lựa chọn như:

- Lựa chọn cơ cấu nguồn lực nước ngoài (tài trợ phát triển, đầu tư trực tiếp và vay tín dụng quốc tế) phù hợp với định hướng phát triển cơ cấu của nền kinh tế dân tộc.

- Khối lượng vốn vay nước ngoài phải được kiểm soát sao cho không vượt quá năng lực trả nợ, tức là năng lực xuất khẩu của nền kinh tế.

- Thỏa thuận được các điều kiện ràng buộc (thời hạn và tỷ lệ góp vốn, phương thức chia lợi nhuận, trách nhiệm xã hội và môi trường...) giữa các bên đối tác sao cho có lợi nhất cho sự phát triển của đất nước.

Còn ở Trung quốc, việc phát triển CNTBNN lại tập trung ở cách thức định hướng sự phát triển của nền kinh tế thị trường theo con đường xã hội chủ nghĩa. Kinh nghiệm này cho đến nay vẫn chưa được tổng kết đầy đủ. Song có thể rút ra một số bài học có tính nguyên tắc sau :

- Nhà nước sử dụng các công cụ thị trường để điều tiết vĩ mô. Hai công cụ mạnh nhất được nhà nước sử dụng là chính sách tiền tệ (bao gồm chính sách tỷ giá hối đoái) và chính sách cơ cấu (bao gồm cơ cấu vùng).

- Cải cách khu vực kinh tế quốc doanh theo hướng thị trường, bảo đảm cho nhà nước có trong tay một tiềm lực kinh tế đủ để định hướng phát triển cho các khu vực kinh tế khác.

- Thiết lập các đặc khu kinh tế, thu hút mạnh mẽ vốn đầu tư nước ngoài, tạo xung lực phát triển cho đất nước bằng vốn nước ngoài, đồng thời kiểm soát được sự phát triển đó.

- Giải phóng sức sản xuất trong kinh tế nông thôn, phát triển các xí nghiệp hương trấn. Việc kiểm soát và điều tiết hoạt động của khu vực kinh tế này được thực hiện thông qua hệ thống chính quyền cơ sở.

Các kinh nghiệm nêu trên, xét một cách tổng quát, có thể là sự bổ sung, hay đúng hơn, là sự kiểm chứng bằng thực tế các tư tưởng của Lê-nin về CNTBNN, giúp chúng ta có một sự lựa chọn chính xác cho thực tiễn của Việt nam. Đây là vấn đề cấp bách và quan trọng.

Cho tới nay, một quan điểm cụ thể về các hình thức kinh tế có khả năng thỏa mãn cả *hai* yêu cầu : vốn cho tăng trưởng và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc phát triển kinh tế thị trường với sự tham gia mạnh mẽ của các nguồn lực nước ngoài (trên thực tế là nguồn lực từ các nước và các công ty tư bản chủ nghĩa), vẫn còn nhiều tranh luận.

Tuy nhiên, cần nhận thức rằng phát triển các quan hệ thị trường ở nước ta hiện nay có sự khác biệt với Liên xô những năm

Digitized by Google

20. Việt nam hiện nay có điều kiện kế thừa và lựa chọn kinh nghiệm thực tiễn của nhiều nước trong việc thực thi vai trò điều tiết kinh tế của nhà nước, kể cả trong nền kinh tế thị trường cũng như trong việc phát triển CNTBNN với hình thức đa dạng của nó. Điều kiện khách quan trong và ngoài nước đều cho phép phát triển CNTBNN ở nước ta.

Tuy nhiên, phải thấy rằng hiện nay, sự lãnh đạo của hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta (điều kiện chủ quan cơ bản nhất để điều tiết các quá trình thị trường theo hướng thỏa mãn hai yêu cầu trên) tuy đã được khẳng định, song chưa đủ để hiện thực hóa các đòi hỏi khách quan nói trên. Để thực hiện điều đó, nhà nước cần có đủ năng lực để định hướng và điều tiết kinh tế, có một cơ chế vận hành bộ máy thực thi quyền lực hữu hiệu. Cụ thể là :

- Nhà nước chỉ đảm nhận những khâu công việc nhất định trong sự vận hành kinh tế chung, trong đó, đặc biệt là khâu điều hành tài chính - tiền tệ, hệ thống vật chất hạ tầng (nghĩa rộng) và các "cao điểm" chỉ huy toàn bộ nền kinh tế.

- Củng cố khu vực kinh tế quốc doanh theo hướng triệt để tuân thủ nguyên tắc thị trường (nguyên tắc thị trường ở đây là vận động trong khuôn khổ các quy luật của thị trường, và điều tiết thị trường bằng cách vận dụng đúng các luật "chơi" của nó). Nhà nước chỉ tập trung sức mạnh vào một số điểm trọng yếu (cao điểm chỉ huy) với tư cách là nền tảng sức mạnh kinh tế cho sự điều hành của nhà nước.

- Cho phép các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh phát triển tự do và công khai (phải có cơ chế cho sự phát triển công khai đó). Có như vậy, tiềm lực phát triển của đất nước mới được phát huy tối đa ; đồng thời, nhà nước dễ thiết lập các quan hệ kiểm soát và điều tiết đối với chúng.

- Điều nói trên giả định một cơ cấu pháp lý (gồm cả hệ thống luật kinh tế) đủ, rõ ràng, cụ thể, đơn giản và bình đẳng cho mọi chủ thể kinh tế (sân chơi phẳng). Trong các đạo luật này, các quy định về quyền hạn, nghĩa vụ, đặc biệt là các nghĩa vụ kinh tế (như đóng thuế chẳng hạn), phải rõ ràng về chức năng, hợp lý về mức độ và thể hiện rõ tính khuyến khích, nếu cần thiết.

- Bộ máy hành chính nhà nước cần được củng cố theo hướng xóa bỏ triệt để cơ chế bao cấp, thay thế bộ máy hành chính quan liêu bằng bộ máy quản lý hoạt động theo nguyên tắc của một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- Đối với tư bản nước ngoài, cần xác định rõ rằng trong giai đoạn trung hạn tới, tỷ trọng vốn nước ngoài trong toàn bộ vốn đầu tư phát triển sẽ tăng lên và đó là điều cần thiết để đạt được mục tiêu tăng trưởng mà nhà nước đặt ra.

Trong khi đó, để giữ được sự độc lập kinh tế của đất nước, cần hai điều kiện : *Một là*, có các quy định, thể chế rõ ràng và trên nguyên tắc bình đẳng, các bên đối tác cùng có lợi trong quan hệ buôn bán, vay mượn, đầu tư . *Hai là*, có cơ chế kiểm soát sự vận động của tư bản nước ngoài hữu hiệu. Cơ chế đó thể hiện : quy định khắt khe về mặt pháp lý để bảo đảm sự phù hợp giữa cơ cấu vốn nước ngoài và cơ cấu nền kinh tế ; khống chế khối lượng vốn nước ngoài ở mức số nợ không làm phương hại đến sự độc lập kinh tế. Còn số đầu tư nước ngoài trực tiếp, phải hướng tới mục tiêu tăng dần tiềm lực kinh tế của đất nước và được thay thế từng bước bởi đầu tư trong nước.

Đó là những ràng buộc và giới hạn bảo đảm cho sự phát triển của các lực lượng thị trường tự do được đặt dưới sự kiểm soát và điều tiết của nhà nước vô sản, hướng vào quỹ đạo CNTBNN như là một công cụ, một hình thức quá độ của quá trình xây dựng một nền kinh tế độc lập, dựa vào sức mình là chính, phát triển nhanh theo hướng chủ nghĩa xã hội ⌟

Digitized by Google

VỀ CHỦ NGHĨA HIỆN THỰC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG VĂN NGHỆ HIỆN NAY

TỪ ĐỨC TRỊNH *

Từ sau cuộc tranh luận cách đây vài năm về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa của giới văn nghệ nước ta cho đến nay, những quan điểm khác nhau hầu như vẫn còn "của ai nấy giữ". Người ta có cảm giác vấn đề vẫn được "thả nổi" và ảnh hưởng không ít đến nhận thức, tư tưởng của người sáng tác, nghiên cứu lý luận và phê bình.

Cuộc tranh luận có những quan điểm dường như đối lập nhau. Trước hết, phải kể đến quan điểm coi chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa không phải là một khái niệm học thuật đích thực mà là một "khái niệm giả" ; tựa như một "ngọn cờ" hoặc "một cương lĩnh" tập hợp những yêu cầu thiết yếu nhất (chính trị, thế giới quan, mỹ học v.v.) mà Đảng đề ra cho các văn nghệ sĩ tùy theo từng thời kỳ lịch sử[1]. Quan điểm này cũng cho rằng, lý luận về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa tỏ ra xơ cứng, áp đặt, không bao quát được thực tế phong phú, đa dạng của văn nghệ và gặp một số khó khăn lý thuyết không thể giải quyết được trong một số trường hợp như đối với các ngành nghệ thuật khác nhau, các thể loại khác nhau trong mỗi ngành... Điều cốt lõi ở đây chính là sự phủ định cái mô hình lý thuyết hiện thời của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa với tư cách như một phương pháp sáng tác.

Một số nhà lý luận phê bình khác lại phủ định chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa bằng cách nhấn mạnh những yếu kém mà theo họ là mặt cơ bản của nền văn nghệ cách mạng giai đoạn 1945-1975, như tính chất "quan phương", "minh họa", "né tránh sự thật", "tô hồng" thực tế, sáng tác là để "biểu dương ca ngợi" ; nhà văn rơi vào "tâm thế" của "người xướng tụng" v.v.. Có nhà văn lại than phiền là "cái hiện thực xã hội chủ nghĩa cứ làm hại mình, vì hiện thực xã hội chủ nghĩa là không được phê phán, là cuối cùng phải tốt đẹp, cứ đến đoạn kết thì mình lại phải lãng mạn". Hạ thấp thành tựu văn học cách mạng cuối cùng cũng chính là sự phủ định chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa về mặt thực tiễn.

Đáng tiếc là những người khẳng định và bảo vệ chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa thì hầu như ít nhìn thẳng vào những điều chính yếu trong quan điểm đối lập để tranh luận, để tìm tòi chân lý. Một mặt, họ thống nhất với nhau về tình trạng xơ cứng của lý luận và quan niệm về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, nhưng mặt khác lại vẫn loay hoay trong việc tìm kiếm cách hiểu mới, sâu rộng hơn đối với nó trên cơ sở quan niệm nó như một phương pháp sáng tác. Ở đây theo tôi, vẫn là chuyện lầm lẫn trong phương pháp tiếp cận vấn đề. Trước hết, hãy đi vào lý giải thuật ngữ "chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa". Như ta đã biết, xưa nay thuật ngữ nào mà chẳng mang tính quy ước. Song điều quan trọng là nó hàm chứa nội dung gì ? Rõ ràng chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa là hiện tượng phản ánh một khuynh hướng, một trào lưu văn nghệ ra đời và tồn tại một cách khách quan trong lịch sử văn nghệ hiện đại thế giới. Sự thật đó hẳn không thể ai bắt bẻ được. Còn thuật ngữ "phương pháp sáng tác" thì trước đó lịch sử văn nghệ thế giới có lẽ chưa hề có. Những kiệt tác văn nghệ xưa nay ra đời dưới ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của những khuynh hướng, trào lưu nghệ thuật khác nhau và mang đậm những phong cách nghệ thuật chung và riêng khác nhau, chứ không phải do sự chi phối của "phương pháp" này hay "phương pháp" khác. Nhà văn xô viết A-lếch-xây Tôn-xtôi, bằng kinh nghiệm sáng tác của mình, đã rút ra kết luận: "Tôi nghĩ rằng phương pháp xét cho cùng là một khái niệm có tính chất sách vở. Chỉ có một phương pháp duy nhất là sự phá vỡ tất cả những phương pháp hiện hữu trong mỗi trường hợp khác nhau"[2].

---

* Trường đại học sư phạm Vinh

(1) "Hội thảo những vấn đề thời sự của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa", tạp chí *Văn học* số 5-1989

(2) A. Tôn-xtôi : *Toàn tập* (tiếng Nga), Nxb Văn học nghệ thuật Mát-xcơ-va, 1949, t 13, tr 492

Digitized by Google

Có thể nói, khái niệm "phương pháp sáng tác" là kết quả áp đặt của lý luận đối với thực tiễn sáng tạo nghệ thuật. Đó là một sai lầm bắt nguồn từ sự vận dụng máy móc phương pháp như một phạm trù của khoa học và triết học vào lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật mà không chú ý đầy đủ, thấu đáo đến đặc trưng của loại hình hoạt động này. Trong **khoa học** và **triết học**, *phương pháp* đóng vai trò không thể thiếu trong việc khám phá chân lý ; nó trước hết là công cụ, phương tiện nhận thức của chủ thể đối với khách thể ; tức là chiếm lĩnh nó về mặt lý thuyết để sau đó chiếm lĩnh về mặt thực tiễn. Trong **sáng tạo nghệ thuật**, phương pháp lại không đóng vai trò như vậy. Nghệ thuật hướng tới sự *tự thể hiện* của chủ thể trong mối quan hệ qua lại tích cực, phong phú, phức tạp, đa dạng với khách thể. Cái mà khoa học và triết học quan tâm là mô tả, giải thích, chứng minh bản chất sự vật và hiện tượng ; tìm ra quy luật của sự hình thành, phát triển, chuyển hóa... của khách thể. Còn cái mà nghệ thuật quan tâm lại là "*sự cảm thụ có tính chất người*" (chữ dùng của Mác), tức là sự cảm thụ thẩm mỹ và sự thể hiện mình của chủ thể đối với khách thể nhằm làm cho chúng đẹp hơn, phong phú và đa dạng hơn. Như vậy, trong sáng tạo nghệ thuật, không có chỗ đứng cho một phương pháp chung nào đó mà ai cũng phải vận dụng để chiếm lĩnh khách thể như trong khoa học và triết học. Những quy tắc nghệ thuật mà các trào lưu, trường phái nghệ thuật vạch ra xưa nay, về thực chất, chỉ là những định hướng tư tưởng - triết lý - thẩm mỹ - nhân văn, chứ không phải là nội dung của phương pháp nghệ thuật. Một tình hình nữa là, các bên tranh luận *quá thiên về mặt lý luận của khái niệm* mà *ít chú trọng đến mặt thực tiễn cùng mối quan hệ qua lại giữa chúng với nhau*. Cứ cho rằng khái niệm "chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa" là "của giả" đi nữa thì khuynh hướng, trào lưu văn nghệ xã hội chủ nghĩa vẫn mãi mãi là "của thật". Nó đã ra đời, tồn tại, phát triển và đóng góp cho kho tàng văn hóa nhân loại những kiệt tác có tầm vóc dân tộc và thời đại. Ngay cả nền văn nghệ cách mạng 1945-1975 của nước ta mà một số nhà nghiên cứu phê bình có ý muốn phủ định, thì trên thực tế nó vẫn tồn tại, phát triển và nhất định còn lưu mãi với thời gian và trong tâm tưởng người đọc. Ở đây, có lẽ cũng nên nhấn mạnh cái sức mạnh nhân tiền của nó là đã góp phần có hiệu quả vào việc động viên, giáo dục, rèn luyện và hun đúc nên phẩm chất chính trị - văn hóa mang đậm tinh thần nhân văn cao đẹp của bao thế hệ cầm súng đánh giặc giữ nước giành thắng lợi vinh quang cho Tổ quốc. Nếu chú ý hơn đến giá trị thực tiễn của khuynh hướng văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa thì có lẽ sẽ bớt đi những ấn tượng sai lệch, những hiểu lầm không đáng có trong cuộc tranh luận này.

Đã đến lúc phải nhận thức lại hệ thống lý luận về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa sao cho đúng với thực tiễn tồn tại của nó trong đời sống văn nghệ hiện nay. Xem xét lại hệ thống lý luận này không có nghĩa là gạch bỏ tất cả những nhân tố hợp thành của nó. Cái phần **đúng** và **quan trọng nhất** trong hệ thống lý luận về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, theo tôi, là phần định hướng tư tưởng-triết lý - thẩm mỹ - nhân văn, mà cho đến nay và mãi mãi về sau vẫn giữ nguyên giá trị. Nó nhận thức, cảm thụ, khám phá, sáng tạo cuộc sống và con người theo quan điểm triết học Mác - Lê-nin, chủ nghĩa nhân văn tích cực và chủ nghĩa lạc quan lịch sử. Đánh giá cái mới, cái đang phát triển *mạnh hơn* cái cũ, cái đang suy tàn ; nhân tính *mạnh hơn* thú tính, ý thức *mạnh hơn* bản năng ; cái thiện *mạnh hơn* cái ác ; cái cao cả, cái tốt đẹp *trội hơn* cái thấp hèn, cái xấu xa, v.v.. Đó cũng là *tiêu chí cơ bản* để phân biệt một tác phẩm văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa với tác phẩm của bất cứ thứ "chủ nghĩa" nào khác.

Còn phần **không đúng** có thể chia ra làm 2 loại. *Thứ nhất*, đó là sự thiếu nhạy bén, chậm trễ và xơ cứng của lý luận trước sự phát triển sinh động của thực tiễn. Chẳng hạn cái "anh hùng", "cao cả", được quan niệm như là những phạm trù mỹ học chủ yếu của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, đến nay xét cho cùng vẫn chẳng có gì sai trái, nhưng thời gian và thực tiễn đã mách bảo rằng quan niệm này không hoàn toàn phù hợp và đầy đủ nữa. Hoặc giả cái "tinh thần lãng mạn cách mạng", được coi là cảm hứng chủ đạo trong văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa, cũng vậy. *Thứ hai*, đó là những diễn giải, tìm tòi, thiết kế cấu trúc mô hình lý thuyết của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa mang tính hàn lâm và ít nhiều mang tính kinh viện, cốt sao cho khớp với quan niệm là một phương pháp sáng tác. Ví dụ khái niệm "tính đảng", với ý nghĩa là ý thức giai cấp tự giác cao được Lê-nin phát hiện như là biểu hiện bản chất, là thuộc tính mới của các nền văn hóa hiện đại. Điều này không có gì phải bàn cãi. Nhưng điều đáng nói ở đây là cách vận dụng nó vào việc "hoàn

Digitized by Google

thiện" lý luận về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa của một số người. Từ chỗ là một phạm trù *tư tưởng*, họ phát triển nó thành phạm trù *tư tưởng thẩm mỹ*. Họ đề ra yêu cầu tính đảng trong tác phẩm văn nghệ phải được xét trên *ba* bình diện : *tính tư tưởng, tính chân thực* và *tính nghệ thuật*. Cứ theo cách lý giải này thì tính đảng đã là linh hồn, thì tất cũng sẽ là cái quyết định chất lượng và giá trị, cái làm nên sự trường tồn của tác phẩm nghệ thuật. Đáng tiếc, thực tiễn cho thấy không đơn giản như vậy.

Vấn đề đặt ra là phải tìm một khái niệm mới thích hợp, để thay thế khái niệm "phương pháp sáng tác". Khái niệm mới này phải thỏa mãn được mấy yêu cầu : 1) Thực sự cần thiết và luôn có chỗ đứng trong quá trình sáng tạo nghệ thuật của nghệ sĩ và trong mọi hoạt động khác của văn nghệ. 2) Có thể dễ dàng nhận diện được trong mọi loại hình, thể loại văn học nghệ thuật từ dân gian đến hiện đại. 3) Có thể xác định được rõ ràng, chính xác cấu trúc nội tại và cơ chế chuyển động, biến hóa của nó trong những trường hợp khác nhau.

Tôi đề nghị trở lại sử dụng khái niệm "khuynh hướng nghệ thuật " với một nội dung đầy đủ, mới mẻ hơn. Chúng ta đều biết, khi chưa xuất hiện khái niệm "phương pháp sáng tác" thì khái niệm "khuynh hướng nghệ thuật" đã bao hàm phần cốt lõi của nội dung khái niệm đầu, cụ thể là phần định hướng tư tưởng-triết lý - thẩm mỹ - nhân văn và những nguyên tắc chính yếu nhất. Trong sáng tác nghệ thuật, những yếu tố cốt lõi này của một khuynh hướng không tồn tại dưới dạng khô cứng, gây guộc như trong nhận thức lý thuyết, mà luôn vận động, chuyển hóa, biểu hiện dưới hình thức sinh động cụ thể của cảm thụ nghệ thuật ở các nghệ sĩ, trong các tác phẩm.

Coi "chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa" như một trong các "khuynh hướng sáng tác" sẽ thể hiện được sự mềm mại, linh hoạt, cởi mở và phù hợp với thực tiễn sáng tạo nghệ thuật đa dạng và phong phú. Như vậy, chúng ta vừa có thể chắt lọc được những cái tinh túy của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, vừa có thể mở rộng cánh cửa đối thoại với những khuynh hướng sáng tác khác, nhằm bồi đắp, phát triển và hoàn thiện chính nó với tư cách cũng là một khuynh hướng sáng tác. Điều này cũng phù hợp với bối cảnh đổi mới của đất nước hiện nay, khi mà trong kinh tế xuất hiện nhiều thành phần và trong văn nghệ xuất hiện nhiều khuynh hướng, thậm chí cả những khuynh hướng mà trước kia ta coi là xa lạ như khuynh hướng *trừu tượng, siêu thực* trong hội họa, điêu khắc, v.v.. Rồi những biểu hiện ở mức độ khác nhau của khuynh hướng *hiện đại chủ nghĩa* trong văn học, như hướng sự tìm tòi sáng tạo vào cõi vô thức, tâm linh, bản năng, vào cái ngẫu nhiên, phi lý... Sự tồn tại của nhiều khuynh hướng hiện nay là bình thường, tất yếu. Bởi, trong điều kiện hòa bình, mở rộng cánh cửa giao lưu văn hóa và tự do sáng tạo, sự phong phú của các khuynh hướng là hợp lẽ. Vấn đề chỉ là làm thế nào để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong văn nghệ. Dù nghệ sĩ sáng tác theo khuynh hướng nào thì tác phẩm của họ vẫn phải phục vụ lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân. Và chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, với tư cách là một khuynh hướng nghệ thuật, tuy không giữ vị trí độc tôn, nhưng phải phấn đấu đóng *vai trò chủ đạo* trong mọi mặt hoạt động của đời sống văn nghệ bằng sự tự đổi mới mình cả về lý luận lẫn thực tiễn. Chỉ có như vậy, nó mới có thể tồn tại, phát triển và giữ vai trò quan trọng trong việc kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa trong văn nghệ. Có nghĩa là : gắn sự tìm tòi khám phá của văn nghệ sĩ với *chân, thiện, mỹ*, với truyền thống và bản sắc dân tộc, với trình độ dân trí và đặc trưng mỹ cảm của nhân dân.

Cách đây ngót một thế kỷ, khi những khám phá trong một số ngành khoa học bắt đầu làm đảo lộn những nguyên lý từng được coi là cơ sở của một số bộ môn khoa học trước đó [3] thì nhiều người thuộc giới trí thức đương thời ở Nga và châu Âu đã lâm vào tình trạng khủng hoảng niềm tin đối với chân lý khách quan. Trước cái "huyền thoại" về "sự biến mất của vật chất", Lê-nin đã chỉ ra rằng : đó chỉ là sự phá vỡ giới hạn hiểu biết cũ của chúng ta về thế giới vật chất mà thôi, chứ vật chất không biến đi đâu cả. Thiết tưởng cách nhìn đó của Lê-nin đến nay vẫn có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng đối với chúng ta trong việc nhìn nhận cuộc khủng hoảng lý luận về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa trong văn nghệ ⌟

(3) Chẳng hạn việc phát minh ra *điện tử* đã làm đảo lộn nguyên lý bảo toàn khối lượng ; việc phát minh ra chất u-ra-ni-um và *tính phóng xạ* đã làm đảo lộn nguyên lý bảo toàn năng lượng...

Digitized by Google

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

TÔ TỬ HẠ *

I. Hiện nay, đội ngũ *công chức hành chính* - bộ phận công chức trong các cơ quan thuộc hệ thống quản lý nhà nước - ở nước ta có khoảng 168 000 người. So với tổng số 1,2 triệu công chức hành chính - sự nghiệp, đội ngũ này chỉ chiếm trên 10%, nhưng là bộ phận *hết sức quan trọng*, trực tiếp thực hiện chức năng thực thi công quyền. Khác với các loại nhân sự khác, công chức hành chính được tuyển dụng, bổ nhiệm để thực hiện một công vụ ổn định, thường xuyên trong các cơ quan công quyền ở trung ương và địa phương. Công chức hành chính là bộ phận làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan hành chính phục vụ lập pháp, tư pháp. Nó khác với cán bộ chính trị - dân cử và bộ phận công chức trong khối các cơ quan, tổ chức làm chức năng phục vụ của nhà nước như trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu khoa học v.v..

Đội ngũ công chức hành chính nước ta trong các thời kỳ lịch sử đã có những đóng góp quan trọng vào việc xây dựng và củng cố chính quyền, quản lý đất nước và phục vụ nhân dân. Nhưng những đòi hỏi mới của quản lý hành chính đã làm bộc lộ sự bất cập, chưa ngang tầm nhiệm vụ của đội ngũ công chức. Số khá đông công chức không thích nghi kịp với đòi hỏi của công việc quản lý nhà nước trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường ; hiệu quả hoạt động công vụ thấp. Hiện nay, có khoảng 40% công chức chưa đạt trình độ theo tiêu chuẩn của các ngạch công chức. Sự hẫng hụt về kiến thức, phương pháp, kỹ năng hành chính v.v. khiến một bộ phận công chức đang trở thành "lực cản" của công cuộc đổi mới. Một bộ phận không nhỏ công chức thoái hóa, biến chất, quan liêu, sách nhiễu nhân dân, làm xói mòn lòng tin của người dân vào nhà nước.

Để có một nền hành chính trong sạch, vững mạnh, sử dụng đúng quyền lực và quản lý có hiệu quả công việc nhà nước như Hội nghị lần thứ 8 BCH TƯ Đảng (khóa VII) xác định, vấn đề xây dựng đội ngũ công chức hành chính đang nổi lên như một vấn đề cấp bách trong chương trình cải cách một bước nền hành chính nhà nước.

II. Để có được đội ngũ công chức hành chính ngang tầm nhiệm vụ, *trước hết* phải xây dựng được *thể chế mới về công vụ*, chuẩn bị căn cứ pháp lý cho việc chuyển sang thực hiện chế độ công chức - công vụ. Về cơ bản và lâu dài, nước ta phải có luật công vụ, nhưng trong những năm trước mắt, khi chưa có luật này, cần xây dựng thể chế mới về công vụ bao gồm những nội dung cơ bản sau đây :

1- *Khẩn trương xây dựng và ban hành quy chế công chức*. Để phù hợp với giai đoạn hiện nay, *quy chế công chức* cần được thể hiện dưới hình thức *pháp lệnh*. Trước đây, do hoàn cảnh lịch sử, chúng ta chưa có điều kiện thực hiện chế độ công chức. Năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành sắc lệnh 76/SL về công chức. Đây là văn bản pháp luật quy định việc thực hiện chế độ công chức đầu tiên ở nước ta. Nhưng do hoàn cảnh chiến tranh, sắc lệnh này đã không được thực thi. Hiện nay, cải cách hành chính và thực tiễn quản lý nhà nước đòi hỏi phải khẩn trương thực hiện chế độ công chức. Đây là xu hướng tất yếu, phù hợp với tính phổ biến của mọi quốc gia trong tổ chức nền hành chính và quản lý đất nước. Tinh thần cơ bản của *pháp lệnh công chức* phải bao hàm được các nội dung :

* Phó trưởng Ban tổ chức - cán bộ của Chính phủ

Digitized by Google

+ Xác định phạm vi công chức, phân biệt công chức với các loại nhân sự khác ; quy định nghĩa vụ, quyền lợi, những việc công chức được làm, không được làm.

+ Quy định việc tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức.

+ Quy định việc quản lý công chức, phân cấp quản lý công chức. Trách nhiệm của Chính phủ, cơ quan chức năng, các bộ, chính quyền từng cấp và các cơ quan, công sở trong quản lý công chức.

Các nội dung của quy chế công chức phải thể hiện được tính đặc thù, phù hợp với thực tiễn Việt nam, kế thừa và phát huy được những kinh nghiệm tốt của chế độ quản lý cán bộ, công nhân, viên chức trước đây ; đồng thời, tiếp thu được những thành tựu của các nước trên thế giới trong lĩnh vực này.

2- *Xây dựng và ban hành quy chế hoạt động công vụ.*

Hoạt động công vụ là lao động đặc thù - thực thi công quyền, quản lý điều hành và phục vụ nhân dân của công chức nhà nước. Hoạt động công vụ thể hiện trình độ quản lý, văn hóa phục vụ nhân dân của nhà nước và nền hành chính nước ta. Việc xây dựng quy chế hoạt động công vụ nhằm quy định chế độ trách nhiệm của công chức nhà nước, điều chỉnh hoạt động thực thi công vụ của công sở, công chức ; giải quyết tốt quan hệ giữa các cơ quan nhà nước, giữa nhà nước với nhân dân. Nội dung cơ bản của quy chế tập trung vào các vấn đề :

+ Quy định việc tổ chức hoạt động của các cơ quan công sở nhà nước một cách khoa học, hợp lý.

+ Quy định trách nhiệm, lề lối, phong cách của công chức khi thi hành công vụ.

+ Quy định chế độ trách nhiệm, quan hệ giữa thủ trưởng và cấp dưới ; quan hệ công tác giữa các công chức, đơn vị trong công sở và giữa các công sở với nhau.

+ Quy định vấn đề thanh tra công vụ, xác định việc khen thưởng, kỷ luật đối với công sở, công chức trong hoạt động công vụ.

Hai quy chế nói trên là *nội dung cơ bản* của quá trình thể chế hóa, xây dựng chế độ công vụ theo tinh thần cải cách một bước nền hành chính nhà nước. Đây là khuôn khổ pháp lý để xây dựng, quản lý và đào tạo đội ngũ công chức hành chính nhà nước, yếu tố đảm bảo để đội ngũ công chức thật sự là người đầy tớ của nhân dân, đáp ứng đòi hỏi của việc quản lý trong thời kỳ phát triển, mở cửa. Đồng thời, việc xây dựng quy chế cũng là một căn cứ pháp lý rất quan trọng cho hoạt động xét xử của tòa án hành chính.

III. Những năm tới, trên cơ sở xây dựng và ban hành hai quy chế về *công chức* và *công vụ*, việc cải cách nền hành chính nhà nước trên lĩnh vực công vụ, theo tôi, cần tập trung vào một số công việc sau để nhanh chóng tăng cường năng lực của đội ngũ công chức hành chính :

Trước hết, *khẩn trương xác định và xây dựng cơ cấu công chức trong từng cơ quan thuộc hệ thống hành chính từ trung ương đến địa phương*. Trên cơ sở chức năng và nhiệm vụ của mỗi cơ quan, xác định các chức danh tương ứng với các ngạch hành chính, xác định đầu việc cho từng công chức, từ công chức lãnh đạo, công chức chuyên môn đến công chức phục vụ. Đây là căn cứ để quy định mỗi công chức có thẩm quyền gì, được làm và không được làm gì. Trên cơ sở này mà nhà nước định biên chế, phân bổ chỉ tiêu biên chế hoặc giảm biên chế, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức cho từng cơ quan trong hệ thống quản lý nhà nước.

Thứ hai, để xây dựng đội ngũ công chức hành chính ổn định, ngang tầm nhiệm vụ, chúng ta vẫn phải *tiếp tục thực hiện giảm biên chế và tuyển mới công chức*. Hiện trạng của đội ngũ công chức là *vừa* thừa - thừa công chức không đủ năng lực, kém phẩm chất ; vừa *thiếu* - thiếu công chức đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Không nên quan niệm giảm biên chế một cách đơn giản, thực hiện ồ ạt thành từng đợt lớn như trước đây. Nhận thức đúng giảm biên chế và tuyển mới là hai mặt của một quá trình thường xuyên, nhằm hoàn thiện đội ngũ công chức hành chính. Cần tạo điều kiện cho những công chức chưa đủ tiêu chuẩn được học tập, bồi dưỡng, để họ có thể đáp ứng được yêu cầu của ngạch, bậc đang giữ. Những công chức không còn khả năng đáp ứng nhiệm vụ, khi giảm biên chế cần có chính sách, chế

Digitized by Google

độ thỏa đáng, tránh sự xáo trộn lớn, gây mất ổn định. Việc tuyển mới phải được tiến hành trên cơ sở thi tuyển công khai, chặt chẽ, thu hút được nhân tài vào phục vụ trong khu vực nhà nước.

Thứ ba, Nhà nước cần *thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức hành chính, từ công chức cao cấp, quản lý vĩ mô, đến các loại chuyên viên.* Để nhanh chóng đáp ứng đòi hỏi của tình hình, cần triển khai thực hiện nhiều phương thức đào tạo thích hợp với đặc điểm đội ngũ công chức hành chính nước ta. Vừa đào tạo dưới hình thức chính quy theo chương trình cơ bản, vừa tổ chức các loại hình bồi dưỡng phù hợp với từng loại đối tượng công chức ; vừa đào tạo, bồi dưỡng *trong nước*, vừa đào tạo, bồi dưỡng *ngoài nước* qua tranh thủ sự giúp đỡ của các nước và các tổ chức quốc tế. Sự thay đổi cơ chế quản lý đang đặt ra nhiều vấn đề mới về quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô, đòi hỏi phải có kế hoạch ưu tiên bồi dưỡng đội ngũ công chức lãnh đạo, hoạch định chính sách đủ sức xây dựng và triển khai các chính sách ở tầm vĩ mô trong thời kỳ phát triển, mở cửa.

Thứ tư, sau khi nhà nước ban hành pháp lệnh công chức và quy chế hoạt động công vụ, cần *tổ chức, triển khai thực hiện chế độ thanh tra công vụ.* Trong cải cách hành chính, thanh tra công vụ là một công cụ quan trọng đảm bảo cho nền công vụ hoạt động có hiệu quả. Nền hành chính nước ta hiện có nhiều loại thanh tra, nhưng chưa có thanh tra công vụ. Cần nhanh chóng khắc phục nhược điểm này. Thanh tra công vụ là chức năng của hệ thống tổ chức nhà nước có đối tượng thanh tra là công chức - công vụ. Đây là công cụ giúp chính phủ phát hiện và hoàn thiện những vấn đề chưa hợp lý trong chính sách, pháp luật về nhân sự, đồng thời góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương của nền hành chính.

Thứ năm, *tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện chế độ tiền lương cho đội ngũ công chức hành chính*, đảm bảo để đội ngũ này yên tâm, tận tuy và vô tư thực thi công vụ ❑

TIẾT KIỆM VỐN TRONG XÂY DỰNG CƠ BẢN vấn đề cấp bách của nền kinh tế

LƯƠNG XUÂN HỘI *

NHỮNG năm gần đây, mỗi năm nhà nước ta đã dành khoảng 25% tổng sản phẩm quốc nội cho xây dựng cơ bản (công nghiệp, năng lượng, giao thông, nông nghiệp...). Tuy nhiên, việc sử dụng nguồn vốn này chưa thật tốt, thật hiệu quả. Những thất thoát và lãng phí vốn trong quá trình đầu tư và xây dựng, từ khâu chuẩn bị, khảo sát thiết kế đến thi công xây lắp, không phải nhỏ (chiếm tới 30-40% tổng số vốn đầu tư).

Hầu như trong mọi lĩnh vực xây dựng, đều có lãng phí và thất thoát vốn, nhất là đối với các công trình cải tạo, sửa chữa của các ngành nông, lâm nghiệp, khai hoang, trồng rừng... Những công trình này thường rất khó kiểm tra về khối lượng, vì chúng được tiến hành trên một diện tích đồi, rừng rất rộng : hàng trăm héc ta. Hiệu quả xây dựng cơ bản của ngành nông, lâm nghiệp thấp. Việc trồng rừng, trồng cây cao su, cây công nghiệp và cây ăn quả có nơi bị chết đến 25-30% số cây, do đầu tư không đồng bộ, thiếu nước tưới và chăm sóc kém. Nhiều công trình giao thông nông thôn như đường liên xã, liên huyện do vừa thiết kế vừa thi công, do thi công theo kinh nghiệm, thi công không đúng quy trình, quy phạm xây dựng, không bảo đảm chất lượng, cho nên chỉ sau một mùa mưa, đường đã bị lún, mặt đường đã bong nhiều chỗ, phải sửa chữa lại rất tốn kém. Tính ra về mặt này, mỗi huyện

* Bộ xây dựng

Digitized by Google

lãng phí hàng trăm triệu đồng. Nhiều công trình công nghiệp số vốn thực bỏ ra hơn số vốn dự toán đã phê duyệt tới 20-25% mà vẫn không đưa vào sản xuất đúng tiến độ. Ví dụ điển hình là công trình "Sân vận động Hà nội" vốn thực chi so với vốn dự toán ban đầu đã tăng hơn 3,6 lần (từ 13 tỉ đồng lên tới 47 tỉ). Theo số liệu thống kê, từ năm 1990 tới 1994 có tới 70% số công trình xây dựng vượt dự toán ban đầu, phải điều chỉnh lại. Nếu tính toàn bộ các khoản phải chi thêm đó trong cả nước, ta sẽ thấy số tiền lãng phí lớn như thế nào.

Nguyên nhân gây lãng phí vốn trong đầu tư và làm tăng dự toán các công trình thì có nhiều. Ở đây xin chỉ nêu các nguyên nhân **chủ yếu :**

- Do thiếu quy hoạch *chiến lược* cho từng vùng kinh tế trong cả nước và thiếu quy hoạch *chi tiết* cho từng địa phương, nên nhiều công trình phải thay đổi địa điểm, thay đổi công suất thiết kế.

- Chủ trương đầu tư giữa trung ương và địa phương có những điểm chưa thống nhất. Ví dụ : đầu tư chiều sâu, cải tạo, mở rộng, hay xây dựng nhà máy mới ?

- Nghiên cứu, lập dự án khả thi nội dung còn sơ sài, thiếu cơ sở khoa học về các mặt kinh tế - kỹ thuật.

- Các tài liệu điều tra, số liệu cơ bản về kỹ thuật, kinh tế-xã hội... cung cấp cho cơ quan thiết kế thiếu chính xác.

- Thi công xây lắp công trình không tuân thủ nghiêm ngặt các quy phạm, quy trình, tiêu chuẩn xây dựng của nhà nước đã ban hành. Thi công không bảo đảm chất lượng công trình, khai tăng các khối lượng phát sinh, kéo dài thời gian xây dựng..., đây là nguyên nhân phổ biến nhất.

- Còn nhiều kẽ hở trong quá trình cấp phát vốn ngân sách cho những công trình hạ tầng, công trình phục vụ công cộng.

Để khắc phục tình trạng yếu kém trên, theo tôi, cần tập trung giải quyết một số vấn đề cơ bản sau đây :

1) *Về nghiên cứu, lập dự án khả thi :*

Khi nghiên cứu các dự án khả thi, cần cân nhắc, tính toán, so sánh kỹ giữa các dự án để có được dự án có hiệu quả kinh tế nhất. Ngay trong quá trình lập dự án, đã phải khống chế, ước tính được số vốn đầu tư hợp lý phải bỏ ra.

Lập dự án khả thi phải căn cứ vào quy hoạch chiến lược, quy hoạch tổng thể từng vùng, từng địa phương, điều kiện kinh tế - xã hội ở nơi sẽ xây dựng công trình. Nghiên cứu dự án khả thi cần theo đúng các nội dung hướng dẫn chi tiết của Ủy ban kế hoạch nhà nước và Bộ xây dựng.

Nội dung của bản dự án khả thi phải nêu được : những căn cứ để xác định sự cần thiết phải đầu tư ; hình thức đầu tư ; các phương án địa điểm cụ thể ; phân tích lựa chọn công nghệ, giải pháp xây dựng ; những khó khăn, thuận lợi khi xây dựng công trình; nguồn cung cấp nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, nhân lực trong quá trình khai thác, vận hành sau này ; giá thành sản phẩm khi công trình đi vào sản xuất ổn định ; khả năng tiêu thụ sản phẩm, dự báo về tương lai gần ... Dự án khả thi càng chi tiết , có độ chính xác cao, thì khả năng tiết kiệm vốn đầu tư xây dựng càng lớn.

2) *Về thiết kế công trình :*

Các tài liệu về thăm dò, khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, khí tượng và những tài liệu khác dùng để thiết kế xây dựng công trình, phải do tổ chức chuyên môn có đủ tư cách pháp nhân lập theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng của nhà nước ban hành. Nếu áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng của nước ngoài, phải được Bộ xây dựng chấp thuận.

Khả năng tiết kiệm vốn đầu tư xây dựng trong giai đoạn thiết kế công trình có nhiều và có thể thực hiện được dễ dàng. Nếu nghiên cứu chọn được dây chuyền công nghệ hợp lý, có được phương án thiết kế kiến trúc và kết cấu tốt, thì đã có khả năng tiết kiệm được 10-15% vốn đầu tư (trong khi đó, khâu *thi công xây lắp* dù có kiểm tra

Digitized by Google

theo dõi chặt chẽ, quản lý tốt các định mức kinh tế - kỹ thuật, thì giỏi lắm cũng chỉ giảm được *một vài phần trăm* vốn đầu tư là cùng).

Thiết kế công trình là khâu quan trọng, không chỉ quyết định quy mô, độ bền vững, tuổi thọ... của công trình, mà còn quyết định cả việc vận hành, khai thác sau này có dễ dàng, thuận lợi hay không. Đây là giai đoạn thể hiện *đầy đủ* ý đồ của một dự án khả thi đã được phê duyệt.

Trước hết, cần nghiên cứu để chọn được dây chuyền công nghệ *hợp lý*, có kỹ thuật tiên tiến, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và phương pháp quản lý hiện tại của chúng ta, không tác hại đến môi trường sống xung quanh nơi sản xuất. Chỉ cần chọn được dây chuyền công nghệ hợp lý là đã giảm được chi phí phần xây khá lớn, đồng thời tiết kiệm được đất xây dựng, bớt được các diện tích xây dựng không cần thiết.

Căn cứ vào dây chuyền công nghệ đã chọn để bố trí tổng mặt bằng công trình, thiết kế kiến trúc (vỏ bao che) và tính toán kết cấu công trình. Quá trình thiết kế, chọn sơ đồ tải trọng và sơ đồ tính toán kết cấu hợp lý cũng giảm nhẹ được trọng lượng công trình, giảm chi phí xây dựng phần móng. Ở những vùng đất yếu (cường độ chịu lực R < 1 kg/cm^2) như ở miền duyên hải, đất bồi..., móng nhà công nghiệp chiếm tới 25-30% giá thành xây dựng, cần đặc biệt quan tâm đến giải pháp xử lý móng. Có nhiều công trình ở Hải phòng, chúng ta đã "chôn" xuống móng đến gần 40% giá thành xây dựng.

Lâu nay, chúng ta chưa quen tổ chức đấu thầu tư vấn khảo sát, thiết kế xây dựng, phần lớn áp dụng phương thức chỉ định, hoặc giao thiết kế công trình. Những công trình chuyển giao công nghệ của nước ngoài, thường chúng ta mua luôn cả thiết kế kiến trúc và kết cấu. Những loại công trình này, cũng làm tăng vốn đầu tư xây dựng, vì có nhiều hạng mục thừa và thiết kế không theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng của ta, đôi khi quá an toàn, không thật sự phù hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới và kinh tế của nước ta.

Kinh nghiệm của nhiều nước đang phát triển cho thấy, trừ một số trường hợp các bên tham gia chuyển giao công nghệ đạt được thỏa thuận theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, đa số các hợp đồng chuyển giao công nghệ đã ký kết còn có nhiều chỗ bất hợp lý. Phía nước ngoài có nhiều kinh nghiệm hơn, chủ động dự thảo hợp đồng kinh tế với một nội dung rắc rối, khó hiểu, ngôn ngữ lắt léo, mập mờ. Phía ta thì thiếu thông tin, lại ít kinh nghiệm, nói chung khi đàm phán ở thế bị động, phải chấp nhận nhiều điều khoản bất lợi, thua thiệt, không ít dự án phải trả giá quá đắt cho việc chuyển giao công nghệ. Chưa kể, có lúc chúng ta còn mua phải công nghệ, thiết bị quá lạc hậu, hợp đồng chưa ráo mực, phía đối tác nước ngoài đã cầm chắc "lợi nhuận" trong tay.

Thời gian tới, cần xúc tiến nhanh việc ban hành quy chế "đấu thầu tư vấn khảo sát, thiết kế xây dựng". Vì đấu thầu là một phương thức quản lý tốt, nó chẳng những phù hợp với quy luật của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước mà còn góp phần tiết kiệm vốn đầu tư xây dựng cho nhiều công trình.

Khi tính tổng dự toán công trình, cần xem xét đầy đủ các yếu tố cấu thành của bản dự toán, tính kỹ những khối lượng khó lường trước, để tránh phải điều chỉnh, bổ sung dự toán quá nhiều lần, tạo kẽ hở tăng vốn đầu tư xây dựng công trình không hợp lý. Quá trình tính dự toán phải căn cứ vào các đơn giá, định mức kinh tế - kỹ thuật của nhà nước đã ban hành, tránh chủ quan tùy tiện, gây thiệt hại cho ngân sách.

Những công trình lớn hoặc quan trọng của đất nước (dự án xây dựng thuộc nhóm A), có kỹ thuật phức tạp, có tính đặc thù, được chính phủ cho phép tính theo đơn giá công trình, thì đơn giá phải được lập từ cơ sở và được Bộ xây dựng xét duyệt, trình chính phủ phê chuẩn.

Digitized by Google

3) *Về thi công xây lắp :*

Sau khi có thiết kế, dự toán được duyệt thì tổ chức đấu thầu thi công xây lắp công trình. Có thể đấu thầu theo từng hạng mục công trình, từng phần (phần xây, phần lắp), hay chỉ đấu thầu những công tác có khối lượng lớn ; cũng có thể theo chế độ tổng thầu.

Khi tổ chức đấu thầu và xét trúng thầu, phải căn cứ vào "quy chế đấu thầu xây dựng", thật sự khách quan và công khai mở thầu thì mới đảm bảo được ý nghĩa kinh tế của nó. Không nên tổ chức đấu thầu một cách hình thức, mà thực tế "bên trong" đã có những thỏa thuận ngầm nào đó để "dành" cho một đơn vị, công ty "thân quen" thi công xây lắp công trình. Điều đó, chắc chắn sẽ dẫn đến những lãng phí lớn, mà vẫn quyết toán được dễ dàng, thuận lợi.

Muốn dự toán xây dựng công trình không tăng, nên sử dụng những loại vật liệu, vật tư đúng quy cách, phẩm chất của thiết kế quy định, không tùy tiện thay đổi quy cách vật liệu, chỉ thay đổi khi có yêu cầu của cơ quan thiết kế hoặc nếu không thay đổi thì có thể ảnh hưởng đến độ an toàn của kết cấu hay bộ phận công trình.

Sử dụng vật liệu đúng quy cách, phẩm chất, bảo đảm chất lượng, cũng đã tiết kiệm và hạ được một phần giá thành xây lắp vì đã giảm tỷ lệ hao hụt vật tư so với định mức nhà nước cho phép. Trong giai đoạn thi công, muốn hạ giá thành xây lắp, thì điều chủ yếu là : tổ chức lao động hợp lý, khoa học để có năng suất cao ; giảm tỷ lệ hao hụt vật tư trong khi vận chuyển và sử dụng; tận dụng tốt công suất của xe máy thi công trên công trường.

Nếu sử dụng vật liệu kém phẩm chất (hàng rởm) sẽ ảnh hưởng đến độ bền, tuổi thọ của công trình, đồng thời cũng làm tăng đơn giá xây dựng vì phải sử dụng với số lượng nhiều hơn mới hoàn thành công việc.

Một trong những nguyên nhân quan trọng làm tăng vốn đầu tư xây dựng là các khối lượng công việc phát sinh thêm trong quá trình thi công phải xử lý. Những khối lượng này thường phát sinh khi thi công móng các công trình công nghiệp lớn (như nhà máy xi măng, nhà máy đóng tàu biển, các công trình thủy điện, cầu lớn...) gặp phải hang động trong lòng đất, gặp phải các hiện tượng như cát chảy, xói ngầm, phải xử lý tốn kém, kéo dài thời gian xây dựng. Có công trình phần móng tốn thêm hàng chục tấn xi măng để xử lý nhưng vẫn không yên tâm.

Khi thanh toán những khối lượng phát sinh thêm, cần lưu ý bên B bao giờ cũng khai tăng lên, vì vậy nếu các ban quản lý công trình (bên A) thiếu kinh nghiệm hoặc giám sát thi công không chặt chẽ, sẽ dễ dàng chấp nhận khối lượng bên B khai một cách thiếu căn cứ, gây tổn thất lớn cho nhà nước.

Nếu gặp những khối lượng phát sinh thêm mà giá trị dự toán lớn (khoảng 100 triệu đồng trở lên), cần thành lập một hội đồng để tính toán, xác minh lại khối lượng cho chính xác và làm cố vấn cho bên A trong quá trình thanh toán với bên B. Những khối lượng công việc nào tính toán thiếu cơ sở khoa học, không chính xác, không có trong tổng dự toán công trình, thì kiên quyết không cho thanh toán, bên B phải chịu lỗ ; đừng để toàn bộ các chi phí mới phát sinh đều tính vào giá thành của công trình và nhà nước phải gánh chịu.

*
* *

Chúng ta đang thiếu vốn đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội. Tiết kiệm vốn là một yêu cầu cấp bách và khách quan của nền kinh tế nước ta. Để thực hiện tốt quốc sách tiết kiệm vốn, cần có sự cộng tác tích cực của các cấp, các ngành trong việc kiểm tra, giám sát cũng như hoạch định quy chế, nhằm triệt để tiết kiệm mọi nguồn vốn và sử dụng đồng vốn xây dựng cơ bản sao cho hiệu quả kinh tế cao nhất, góp phần làm cho "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" ❑

Digitized by Google

PHONG TRÀO QUẦN CHÚNG *bảo vệ an ninh, trật tự ở Hải phòng*

NGHIÊM HƯNG

NHÂN kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập lực lượng Công an nhân dân, TP Hải phòng đã tổng kết 5 năm phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự (1991-1995). Năm năm qua Hải phòng đã đạt được thành tích to lớn trên mặt trận này. Đó là kết quả của sự kết hợp hài hòa giữa đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước với sự năng động sáng tạo của quân và dân Hải phòng, đặc biệt là ngành công an. Cụ thể là cơ chế : Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, công an làm tham mưu nòng cốt, có sự phối hợp chặt chẽ của các đoàn thể quần chúng và do Mặt trận Tổ quốc chủ trì.

Từ một địa bàn trước đây rất phức tạp về an ninh, trật tự, 5 năm qua Hải phòng vươn lên giữ vững ổn định chính trị - xã hội, phát triển kinh tế, góp phần cùng cả nước tiến lên theo mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Hai năm liền (1993-1994) công an Hải phòng đã được nhận cờ luân lưu của Chính phủ. Trong dịp tổng kết 5 năm (1991-1995) Hải phòng có : 22 tập thể được Nhà nước tặng huân chương các loại ; 15 tập thể, 54 cá nhân được Chính phủ tặng bằng khen ; 15 tập thể, 15 cá nhân được Bộ nội vụ tặng bằng khen và Huy chương bảo vệ an ninh Tổ quốc ; 2 đơn vị được tặng cờ thi đua xuất sắc của UBND thành phố ; 25 tập thể, 9 cá nhân được UBND thành phố tặng bằng khen ; 26 tập thể, 51 cá nhân được Giám đốc công an tặng bằng khen. Kết quả đạt được trên đây càng làm cho nhân dân tin yêu chế độ, yên tâm làm ăn, sinh sống. Các công trình hợp tác kinh tế được tiến hành đều đặn và ngày một tăng. Năm 1995 Hải phòng được cấp trên giao cho đảm nhận việc tổ chức liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp toàn quốc, Hội diễn nghệ thuật quần chúng khu vực III của Bộ nội vụ, liên hoan truyền hình toàn quốc của ngành công an, và nhiều hội nghị, hội thảo quan trọng khác...

Từ thực tiễn phong trào, ngành công an Hải phòng, bước đầu rút ra một số kinh nghiệm sau đây :

+ Phải xây dựng lực lượng công an xứng đáng với vai trò nòng cốt trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự.

Trước hết, ngành công an quán triệt sâu sắc vai trò, vị trí của mình trong công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước hiện nay. Đây là nhiệm vụ to lớn, nặng nề và cũng rất khó khăn phức tạp. Trên trận tuyến thầm lặng đầy hy sinh, gian khổ này, cán bộ, chiến sĩ công an Hải phòng đã có những cống hiến quan trọng. Điều đó có nguyên nhân là do lãnh đạo công an thành phố luôn luôn coi trọng việc xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh, thường xuyên quan tâm giáo dục cán bộ, chiến sĩ phấn đấu thực hiện lời dạy của Bác Hồ đối với công an nhân dân. Trước tình hình khoa học, kỹ thuật và công nghệ tin học phát triển nhanh như hiện nay, để kịp thời đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo ngành đã khắc phục khó khăn, mua sắm trang thiết bị hiện đại và cần thiết ; đồng thời quan tâm chăm sóc đời sống cán bộ chiến sĩ trong ngành, cả về vật chất, tinh thần và tình cảm. Cán bộ chiến sĩ luôn đoàn kết, gắn bó, hiệp đồng chặt chẽ, tạo thành sức mạnh để chống lại những âm mưu, thủ đoạn nham hiểm của kẻ thù, đang từng ngày từng giờ tìm cách tấn công vào nội bộ ta. Trong công tác xây dựng lực lượng, lãnh đạo công an Hải phòng chú ý làm cho lực lượng công an mang tính chất quần chúng và mỗi người dân có ý thức, trách nhiệm như một chiến sĩ công an, để tăng thêm sức mạnh tổng hợp hoàn thành nhiệm vụ. Toàn thành phố có 157 ban công an xã với gần 2000 thành viên, 225 đội an ninh quốc phòng, 541 đội dân phòng, 197 phòng bảo vệ cơ quan xí nghiệp, trường học.

+ Phải tìm và tạo nên được sức mạnh tổng hợp.

Sức mạnh tổng hợp trước hết thể hiện ở sự lãnh đạo chặt chẽ, thường xuyên của

Digitized by Google

các cấp ủy đảng, sự quản lý điều hành của các cấp chính quyền và đặc biệt lực lượng to lớn của nhân dân lao động và các tổ chức quần chúng hay gọi là "thế trận lòng dân". Công an Hải phòng đã tìm thấy và từng bước tạo nên được sức mạnh tổng hợp là nhờ cố gắng sáng tạo năng động của chính mình, ở đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước. Trong 5 năm qua những nghị quyết liên tịch giữa Bộ nội vụ và Tổng liên đoàn lao động Việt nam, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt nam, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Hội cựu chiến binh Việt nam, đã góp phần đáng kể làm cho phong trào quần chúng bảo vệ trật tự an ninh ở Hải phòng có được sức mạnh to lớn.

Mặt trận tổ quốc thành phố và các cấp đã phối hợp, kết hợp với cơ quan công an phát huy được vai trò đoàn kết, tập hợp các lực lượng quần chúng, giáo dục tuyên truyền quần chúng tham gia sôi nổi vào phong trào bảo vệ an ninh, trật tự.

Với nhiều hình thức hoạt động phong phú, đa dạng của Mặt trận và các đoàn thể, phong trào bảo vệ an ninh, trật tự của Hải phòng 5 năm qua phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu, tạo cục diện mới trong việc giáo dục, cảm hóa, đấu tranh trấn áp tội phạm, giảm đi nhiều nỗi đau do mất mát về người, của và các tệ nạn xã hội khác. Trong phong trào đã xuất hiện nhiều gương tốt đáng khích lệ.

Mối liên kết, hợp tác giữa công an và Liên đoàn lao động các cấp cũng đã phát huy được vai trò tích cực. Nhiều cơ sở phát động được phong trào trong đội ngũ cán bộ công nhân viên chức, tạo được tinh thần tự giác cao và có trách nhiệm, nhằm bảo vệ an ninh trật tự, ổn định sản xuất, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực trong nội bộ. Thành phố có 1395 tổ an ninh công nhân được đánh giá đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình.

Gần đây, việc thực hiện nghị quyết liên tịch giữa Bộ nội vụ với Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm ở lứa tuổi thanh, thiếu niên cũng thu được kết quả tốt. Một số hoạt động như "câu lạc bộ an ninh nhỏ tuổi", "công trình tình thương, trách nhiệm"... đã được tuổi trẻ và các bậc cao tuổi hoan nghênh. Tệ nạn xã hội trong giới trẻ giảm đi đáng kể. Tiêu biểu là xã Thiên hương, huyện Thủy nguyên. Ở đây những nội dung giáo dục ngăn chặn tội phạm trong thiếu niên, thanh niên được thể hiện qua các việc làm thiết thực, phù hợp với tuổi trẻ như : vui chơi, hoạt động thể thao, kết nghĩa, lập tổ an ninh thanh niên... Kết quả tỷ lệ thanh thiếu niên hư giảm từ 4% năm 1994 xuống còn 1,5% trong 6 tháng đầu năm nay. Thanh thiếu niên trong xã đã tham gia tích cực vào việc phát hiện kẻ gian, và góp phần xóa bỏ các tệ nạn xã hội. Bên cạnh việc giáo dục, trấn áp tội phạm, công an TP Hải phòng đặc biệt chú ý tới việc phối, kết hợp với các ngành, các cấp để giải quyết việc làm cho thanh niên. Nhờ sự phối hợp giữa công an, với đoàn thanh niên có công ty trách nhiệm hữu hạn đã thu hút hàng trăm thanh niên vào làm việc.

Sự liên kết phối hợp giữa lực lượng công an với Hội cựu chiến binh thành phố cũng đạt hiệu quả cao. Có thể nói, đây là chỗ dựa tin cậy của công an và chính quyền cơ sở trong việc vận động quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự. Với 2317 hội viên, Hội cựu chiến binh thành phố đã phát huy tuyên truyền "anh bộ đội Cụ Hồ", góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội. Nhiều tổ, nhóm an ninh, tuần tra, tự quản, trong đó hội viên của Hội chiếm tới 30 đến 40%. Hội đã góp phần giải quyết 729 vụ việc mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, hỗ trợ cho công an bắt 217 tên tội phạm. Nhiều cán bộ, hội viên Hội cựu chiến binh ở các phường Quán trữ, Trần Thành Ngọ (Kiến an), Thượng lý, Phan Bội Châu (Hồng bàng), Lê Lợi, Gia viên, Lạch tray (Ngô Quyền), xã An đông, Lê Thiện (An hải), xã Quang trung, Tân dân (An lão), xã An sơn, Tân dương (Thủy nguyên), Hội cựu chiến binh Nhà máy đóng tàu Phà rừng... đã có những việc làm tốt được nhân dân hoan nghênh.

+ Thực hiện an ninh trật tự cộng đồng, vì con người, cho cuộc sống bình yên của mọi người.

Việc phát động và thực hiện phong trào toàn dân tham gia bảo vệ trật tự an toàn ở

Digitized by Google

Hải phòng không chỉ dừng lại ở thành phố, quận huyện, cơ quan xí nghiệp, phường, xã. Ở Hải phòng đã dậy lên một phong trào sâu rộng với nhiều hình thức, mô hình khác nhau, mà mọi người dân ở các địa bàn cư trú có thể tham gia như "tiếng còi an ninh", "tiếng kẻng an ninh" "ngọn đèn an ninh"... sôi động và có hiệu quả. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh đã được thực hiện sâu hơn, rộng hơn ở cộng đồng dân cư, ở từng khu nhà, từng cụm dân cư, tổ nhân dân, xóm thôn, phường phố... Các cấp ủy đảng, chính quyền, công an chỉ đạo, phối hợp, hướng dẫn nhân dân tham gia làm yên ổn, tốt đẹp cuộc sống của mình. Chính ở cộng đồng dân cư này truyền thống tốt đẹp của dân tộc về "tình làng,nghĩa xóm" được khơi dậy, củng cố và phát huy. Tại cộng đồng dân cư, công an Hải phòng và các cơ quan liên quan đã tạo dựng được phong trào phòng ngừa, trấn áp tội phạm. Với phương châm lấy phòng ngừa là chính, hầu hết các cộng đồng dân cư, với lực lượng công an làm chỗ dựa, các tổ hòa giải được thành lập và hoạt động tích cực. Trong 5 năm có khoảng 1025 tổ hòa giải ở các cụm dân cư đã ra đời và tự giải quyết tại chỗ được 16 825 vụ việc (chiếm 94,2% số vụ việc xảy ra). Chính các tổ này đã ngăn chặn, phòng ngừa một cách chủ động 412 vụ việc không để xảy ra nghiêm trọng. Niệm nghĩa, Thượng lý là những phường đã làm tốt vấn đề này. Bên cạnh đó các tổ tự quản ở cộng đồng dân cư cũng hoạt động có kết quả trong công tác an ninh trật tự.

Thành phố tổ chức 54 đội dân phòng và 1578 tổ, đội phòng cháy, chữa cháy bán chuyên nghiệp. Lực lượng phòng cháy, chữa cháy của thành phố luôn luôn quan tâm kiểm tra, xây dựng các nội quy phòng cháy, chữa cháy, hướng dẫn mọi người thực hiện nghiêm ngặt, và có kết quả, không để một vụ cháy nào đáng tiếc xảy ra. Vì vậy Hải phòng đã được cấp trên khen thưởng về thành tích phòng cháy.

Các cơ quan, xí nghiệp, trường học, bệnh viện ở Hải phòng cũng đã phát động được phong trào bảo vệ an ninh trật tự khá sôi động theo phương châm kể trên. Năm 1994 có 87,3% các cơ quan xí nghiệp khối kinh tế, 91,1% các cơ quan khối trường học, văn hóa đạt tiêu chuẩn an toàn do thành phố quy định. Những con số đó đã nói lên ý nghĩa và kết quả cụ thể của phong trào. Việc đảm bảo an ninh trật tự cộng đồng không chỉ đơn thuần là phòng ngừa trấn áp tội phạm. Ở cộng đồng, các mặt của cuộc sống đời thường như vệ sinh, môi trường, giúp nhau lúc khó khăn, xóa đói giảm nghèo, làm việc từ thiện, hay thực hiện "uống nước nhớ nguồn", giúp đỡ gia đình neo đơn và đối tượng chính sách...,đều được chú ý và hoạt động đều đặn. Vì vậy, việc giữ gìn an ninh trật tự được giải quyết đồng bộ có lý có tình, có trước có sau, làm cho phong trào càng có thêm độ bền và sức mạnh.

Việc giữ gìn trật tự an ninh cộng đồng còn có ý nghĩa lớn lao nữa mang tính truyền thống dân tộc. Đó là việc cộng đồng dân cư dưới sự giúp đỡ của công an và chính quyền đã cảm hóa, giáo dục những người đã mắc sai lầm trở lại cuộc sống bình thường trong lao động và tình thương. Thành phố đã vận động, thuyết phục 1407 đối tượng lẩn trốn ra tự thú để được hưởng khoan dung, cảm hóa, giáo dục 1025 người có quá khứ lầm lỗi trở thành tiến bộ, giúp đỡ 734 đối tượng có việc làm, có đời sống ổn định và họ đã đóng góp vào phong trào giữ gìn trật tự xã hội, tổ chức cai nghiện tại nhà, tại cơ sở cho 587 người, trong đó có 352 người không tái nghiện.

Những việc làm này có tác dụng lớn. Ở địa bàn thành phố có cơ sở sản xuất năm 1992 đã nhận gần một chục đối tượng phạm pháp và đến nay đã nhận 21 đối tượng vào làm việc (có cam đoan không tái phạm pháp luật), thậm chí còn trợ cấp từ 300 đến 500 ngàn đồng cho đối tượng, để họ giải quyết khó khăn bước đầu. Đến nay, nhiều đối tượng đã ổn định cuộc sống và tham gia tích cực vào phong trào. Hơn 5 năm, đã giúp 1538 con nghiện cắt cơn 100%, trong đó có cả Việt kiều ở nước ngoài về nước.

Với phương châm đúng đắn, sáng tạo trong nhiệm vụ giữ gìn an ninh trật tự cộng đồng, những năm qua Hải phòng đã đạt được những kết quả đáng kể, tạo cơ sở quan trọng để trong thời gian tới với vị trí và nhiệm vụ của mình, Hải phòng tiếp tục làm tốt hơn nữa việc bảo vệ an ninh, trật tự của thành phố.

(Xem tiếp trang 58)

Digitized by Google

CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI một số chỉ báo xã hội

NGUYỄN LINH KHIẾU *

NHỮNG năm gần đây, công cuộc đổi mới đất nước theo đường lối của Đảng đã thu được nhiều thành tựu to lớn và quan trọng. Những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã được đông đảo quần chúng hưởng ứng vì đáp ứng đúng lợi ích của họ. Từ đó tạo nên một sự kích thích lớn đối với nhiệt tình, sáng tạo của người lao động, khuyến khích họ đem tài năng, tiền của vào việc phát triển sản xuất.

Để thấy được sự phát triển chung của đất nước, đã có những con số thống kê hàng năm ở tầm vĩ mô, chẳng hạn chỉ số gia tăng GDP, sản lượng lương thực, sản lượng dầu mỏ, giá trị xuất khẩu v.v.. Nhưng để thấy được những sự biến đổi bên trong, đằng sau những con số đó, nghĩa là những biến đổi gắn với từng người dân, từng người lao động thì phải cần những số liệu điều tra xã hội học. Có thể nói những con số điều tra xã hội học giống như những chỉ báo xã hội đáng được lưu ý. Bởi vì, thông qua đó có thể thấy - *nếu không phải tất cả và hoàn toàn* thì cũng là phần quan trọng - những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã đi vào lòng dân ra sao ; được chấp nhận tới mức nào, và điều gì còn phải tiếp tục cải tiến để làm cho mọi năng lực, mọi tiềm năng của xã hội được phát huy cao hơn nữa, phục vụ tốt hơn cho nhiệm vụ trung tâm của đất nước ta là công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì vậy trong bài này, xin được cung cấp một số chỉ báo thông qua các số liệu thu được từ các cuộc điều tra xã hội học vào các năm 1993, 1994 của các cán bộ nghiên cứu thuộc chương trình khoa học cấp nhà nước KX-07-13.

1. Trước hết là *vấn đề thay đổi mức sống*. Bảng thống kê sau đây cho thấy sự thay đổi đó qua sự tự đánh giá của những người được hỏi :

Giá trị \ Địa điểm	Hà nội	TP Hồ Chí Minh	Hải phòng	Quảng nam - Đà nẵng	Minh hải
- Tăng lên đáng kể	26,6	5,2	19,3	10,1	14,0
- Tăng lên phần nào	53,7	41,2	52,4	44,8	27,1
- Như cũ	17,7	37,6	18,3	33,6	33,8
- Giảm phần nào	1,5	12,1	7,9	9,0	20,3
- Giảm đáng kể	0,5	3,8	2,0	2,4	4,8
Tổng số người trả lời	395 100%	420 100%	492 100%	663 100%	521 100%

- Mức sống tăng lên chiếm ưu thế ở cả 5 điểm khảo sát bao gồm cả nông thôn và thành thị, cả Bắc, Trung, Nam. Hà nội : tăng lên đáng kể 26,6%, tăng lên phần nào 53,7% nghĩa là 80,3% số người được hỏi đã trả lời là mức sống có tăng so với năm 1991. Cũng như vậy, Hải phòng 71,7%, Quảng nam - Đà nẵng 54,9%, TP Hồ Chí Minh 46,4%, Minh hải 41,1% số người được hỏi tự nhận là mức sống có tăng.

- Mức sống giữ nguyên như cũ vẫn chiếm một tỷ lệ cao, nhất là ở các tỉnh phía Nam : TP Hồ Chí Minh 37,6%, Quảng nam-Đà nẵng 33,6%, và Minh hải 33,8%.

- Mức sống giảm đi dù chiếm một tỷ lệ nhỏ hơn nhưng không phải là không đáng kể và cũng chủ yếu rơi vào các điểm khảo sát phía Nam : Minh hải 25,1%, TP Hồ Chí Minh 15,9%, Quảng nam - Đà nẵng 11,4%.

Cũng cần lưu ý thêm là cuộc sống của nhân dân ta nhìn chung đã có nhiều thay đổi theo chiều hướng tốt hơn, nhưng đa số các gia đình vẫn nằm trong trạng thái bấp bênh giữa đủ ăn và nghèo đói. Các con số khảo sát của chúng tôi chứng minh điều đó.

* Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

Digitized by Google

Quảng nam - Đà nẵng : 1,1% sung túc, 65% đủ ăn, 29,9% thiếu ăn và 4% nghèo đói ; Minh hải : 3,5% sung túc, 42,8% đủ ăn, 51,1% thiếu ăn, 2,5% nghèo đói. Hà nội: 8% sung túc, 84,5% đủ ăn, 7% thiếu ăn và 1% nghèo đói.

2. Để tìm nguyên nhân chính của sự biến đổi, sự phân hóa về mức sống trên đây, ta khảo sát thêm một vài số liệu :

Địa điểm / Nhân tố	Hà nội %	TP Hồ Chí Minh %	Hải phòng %	Quảng nam - Đà nẵng %	Minh hải %
- Do điều kiện khách quan	66.6	37.6	58,2	46,5	32.0
- Do năng lực chủ quan	26.8	20.9	31.8	47.7	53.2
- Lý do khác	27.1	41.5	23.2	5.8	14.5

Rõ ràng, do sự tác động của những chủ trương, chính sách mới đã tạo ra sự biến đổi căn bản trong mức sống của các gia đình. Nhưng có thể nhận xét, đổi mới cơ chế quản lý, tạo ra một cơ cấu phân chia lợi ích phù hợp hơn đối với người lao động, là những tác động khách quan chủ yếu tạo nên sự thay đổi mức sống của các gia đình thuộc khu vực công nghiệp (Hà nội 66,6%, TP Hồ Chí Minh 37,6% và Hải phòng 58,2%). Nhưng đối với khu vực nông thôn, tác động gián tiếp thông qua các hoạt động cá nhân, các hộ gia đình, nghĩa là khai thác và huy động được những khả năng chủ quan của các hộ nông dân lại mạnh mẽ hơn (Quảng nam - Đà nẵng 47,2% và Minh hải 53,2%). Thực chất đó là chính sách đối với kinh tế hộ gia đình ở nông thôn. Do đó, có thể khẳng định, trong bước chuyển tiếp quá độ hiện nay ở nông thôn, mô hình kinh tế hộ gia đình là hợp lý và đang tạo ra động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội nông thôn.

Điều này được chứng minh qua câu hỏi: "Sự thay đổi cơ chế quản lý có làm cho mọi người tích cực năng động không ?".

Trả lời câu hỏi này, ở Quảng nam - Đà nẵng với 662 người (vùng nông thôn) được phỏng vấn thì 97,7% trả lời "có", và 2,3% trả lời "không". Ở Minh hải với 496 người (vùng nông thôn) được phỏng vấn thì 96,2% trả lời "có" và 3,8% trả lời "không".

Như vậy là những chính sách kinh tế mới của Đảng và Nhà nước đối với nông thôn, hiện đang tác động một cách tích cực đến sự hoạt động của người nông dân, và các hộ nông dân.

3. *Tìm hiểu yếu tố chủ quan qua câu hỏi : "thực chất của tính tích cực và năng động của người dân hiện nay là do những động cơ, những nguyên nhân gì thúc đẩy"*, thì kết quả trả lời như sau :

- *Ở nông thôn*

Địa điểm / Nguyên nhân	Quảng nam-Đà nẵng	Minh hải
- Do nhu cầu kinh tế	87,3%	74,4%
- Do nhu cầu văn hóa	17,9%	38,3%
- Do khả năng cá nhân	56,6%	29,9%

Rõ ràng, nhu cầu kinh tế là quan trọng nhất, thôi thúc người nông dân tích cực và năng động trong lao động sản xuất. Nhu cầu về đời sống văn hóa tinh thần xếp sau và chiếm một tỷ lệ phần trăm thấp.

- *Ở thành thị*

Địa điểm / Yếu tố	Hà nội	Hải phòng	TP Hồ Chí Minh
- Nội dung công việc hấp dẫn	51,6%	46,1%	35,1%
- Thu nhập cao	70,5%	60,2%	47,6%
- Đạt danh hiệu vẻ vang	7,5%	14,8%	3,6%
- Được mọi người tín nhiệm	56,4%	52,6%	26,0%
- Được cấp trên tín nhiệm	34,6%	34,9%	8,4%
- Cấp trên và bạn bè thông cảm	51,8%	47,8%	19,7%
- Quan hệ đồng nghiệp thân ái	65,4%	54,5%	39,4%
- Được đề bạt	4,4%	14,0%	8,3%
- Có điều kiện nâng cao tay nghề	45,0%	42,5%	37,4%
- Phân phối phúc lợi công bằng	28,6%	27,7%	10,2%
Tổng số người trả lời	413	527	431

Qua biểu trên cho thấy, trong 10 yếu tố thì yếu tố quan trọng nhất khiến họ hăng say làm việc là *thu nhập cao* : Ở Hà nội 70,5%, TP Hồ Chí Minh 47,6% và Hải phòng 60,2%. Yếu tố thứ 2 kích thích người lao động hăng say làm việc là *quan hệ bạn*

Digitized by Google

bè đồng nghiệp thân ái : Hà nội 65,4%, TP Hồ Chí Minh 39,4% và Hải phòng 54,5%. Yếu tố thứ 3 là *nội dung công việc hấp dẫn*: Hà nội 51,6%, TP Hồ Chí Minh 35,1% và Hải phòng 46,1%. Yếu tố thứ 4 là *có điều kiện nâng cao tay nghề* : Hà nội 45%, TP Hồ Chí Minh 37,4%, Hải phòng 42,5%. Yếu tố thứ 5 là *được mọi người tín nhiệm* : Hà nội 56,4%, TP Hồ Chí Minh 26% và Hải phòng 52,6%.

4. Câu hỏi : "*Gia đình ta hiện nay đang quan tâm tới vấn đề gì hoặc có nhu cầu gì là cấp bách nhất*" ?

- *Nông thôn*

Yếu tố \ Địa điểm	Quảng nam-Đà nẵng	Minh hải
- Phát triển nông thôn toàn diện	67,4	52,4
- Cần vốn và đất	9,6	37,3
- Chính sách ổn định giá cả và thuế	4,3	6,0
- Giao đất lâu dài và có việc làm	3,2	16,0

- *Thành phố*

Yếu tố \ Địa điểm	Hà nội	Hải phòng	TP Hồ Chí Minh
- Ổn định việc làm	77,1	73,1	87,2
- Công bằng xã hội	5,4	4,9	9,0
- Trật tự trị an	3,7	0,4	3,0
- Phát triển văn hóa			5,5
- Bài trừ tham nhũng buôn lậu			1,7
- Pháp luật phải nghiêm minh	4,5	1,3	
- Chống tệ nạn xã hội	2,4	0,9	
- Các nguyện vọng khác	13,4	12,7	

Đối với người dân đô thị có việc làm ổn định, có thu nhập cao sẽ có đủ điều kiện thỏa mãn các nhu cầu khác của gia đình. Chính vì thế đông đảo người được hỏi khẳng định nhu cầu việc làm ổn định : Hà nội 77,1%, Hải phòng 73,1% và TP Hồ Chí Minh 87,2%. Các vấn đề công bằng xã hội, phát triển văn hóa, trật tự trị an, bài trừ tham nhũng và buôn lậu, chống các tệ nạn xã hội... có ít người quan tâm hơn.

Ở đây có thể giả định rằng, do đời sống của các gia đình nhìn chung còn nhiều khó khăn nên vấn đề thu nhập hay lợi ích kinh tế trở thành đòi hỏi cấp bách nhất đối với họ. Sở dĩ người công nhân trong cơ chế hiện nay phần nhiều chỉ hướng sự chú ý của mình đến lợi ích cá nhân và gia đình là vì trong môi trường đô thị các vấn đề khác như văn hóa xã hội, trật tự trị an... đã có các lực lượng và cơ quan hữu quan của nhà nước đảm nhiệm.

Khác với người lao động ở thành phố, người nông dân đặc biệt đặt sự quan tâm của mình đến vấn đề *xây dựng và phát triển nông thôn* vì đó là môi trường và điều kiện tồn tại, phát triển của cá nhân và gia đình (Quảng nam - Đà nẵng 67,4% và Minh hải 52,4%). Những vấn đề đó là : xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, vận tải, thủy lợi, y tế, giáo dục và văn hóa... Nhu cầu thứ hai cũng hết sức cơ bản của các gia đình đó là *vốn* (Minh hải 37,3%, Quảng nam - Đà nẵng 9,6%). Thứ ba là chính sách giá cả ổn định, thuế phù hợp (Minh hải 6% và Quảng nam-Đà nẵng 4,3%).

Khi khảo sát ở Minh hải chúng tôi có nêu một câu hỏi : *Trong sản xuất kinh doanh hiện nay gia đình ta gặp những khó khăn gì ?* Ý kiến trả lời là : đất 74%, vốn 56,3%, sức lao động 26,7%, công cụ lao động 37,5%, thị trường tiêu thụ 30,2%... Vốn là một nhân tố rất quan trọng đối với người nông dân. Để tìm hiểu thêm vai trò của vốn trong một loạt các yếu tố khác tạo nên sự phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn kết quả khảo sát ở Quảng nam - Đà nẵng và Minh hải cho thấy :

Yếu tố \ Địa điểm	Quảng nam - Đà nẵng %	Minh hải %
- Do có vốn	71,9	72,0
- Do biết cách tổ chức sản xuất	63,4	70,8
- Do có sức lao động	45,7	48,6
- Do buôn bán kinh doanh	35,7	16,5
- Do cho vay nặng lãi	2,1	17,5
- Do số phận	4,1	8,8
- Do làm ăn phi pháp	20,0	5,0
- Do các nguyên nhân khác	8,1	

Rõ ràng, trong 3 nguyên nhân : do biết cách tổ chức sản xuất, do có vốn, do có sức lao động tạo nên sự giàu có của một số gia đình nông thôn trong cơ chế mới hiện nay thì yếu tố vốn là quan trọng nhất ❑

Digitized by Google

Cũng là kiểu đốt đền Ác-tê-mi

NGUYỄN TRUNG THỰC

Ê-RÔ-XTƠ-RÁT, người Hy lạp. Y là một kẻ "bất tài vô hạnh", "vô danh tiểu tốt" nhưng lại muốn tên tuổi mình được nhiều người biết đến. Làm thế nào để đạt được mục đích đó ? Y bèn nảy ra sáng kiến : đốt cháy đền Ác-tê-mi - một trong bảy kỳ quan của thế giới. Quả thật, sau sự kiện động trời này, Ê-rô-xtơ-rát đã "nổi danh" !

Đó là chuyện của ngày xưa, của lịch sử cổ đại và của thiên hạ. Còn ở nước ta mấy năm gần đây có những người, không biết có phải có cùng động cơ như Ê-rô-xtơ-rát hay không, nhưng việc làm của họ thì rất giống Ê-rô-xtơ-rát. Sau sự đổ vỡ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu, họ cũng ra vẻ "ta đây", viết tài liệu này, tài liệu nọ để phê phán, bài bác chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới và vai trò lãnh đạo của Đảng. Các tài liệu đó đã được tán phát, truyền tay nhau hoặc gửi ra nước ngoài nhờ xuất bản rồi lại gửi về trong nước, hòa nhịp với chiến dịch "chuyển lửa về quê hương" của các thế lực thù địch.

Tôi không có ý định "vơ đũa cả nắm" bởi vì trong số những người viết và tán phát tài liệu nêu trên không phải họ giống nhau tất cả. Có người về mặt nhận thức, quan điểm rõ ràng là sai, nhưng sai trong tìm tòi cái mới với động cơ xây dựng, hoặc ít ra họ còn biết trình bày, phân tích một cách "có văn hóa", "có lý luận". Ở đây tôi muốn nói tới số người mà trình độ văn hóa, trình độ lý luận chẳng phải cao siêu gì nhưng lại thích lên giọng dạy bảo người khác, đôi khi với thái độ quá khích và rất hung hăng. Chả thế mà trong các "tài liệu" của mình, họ hay dùng những ngôn từ "mạnh mẽ", "quyết liệt", "gây ấn tượng". Tôi chợt nghĩ đến và mạnh dạn gọi đó là những người muốn nổi danh theo kiểu Ê-rô-xtơ-rát. Xin đơn cử một số trường hợp :

1 - Để phê phán tư tưởng Hồ Chí Minh, có người đã nói liều rằng : "Cụ Hồ *không biết gì* về chủ nghĩa xã hội nhưng vẫn cứ chọn lựa" ; Cụ Hồ hiểu biết chủ nghĩa Mác - Lê-nin rất hạn chế, "nghĩa là chỉ lỗ mỗ, qua loa, nghiêng về phần đạo đức, tố cáo, kích động" ; Cụ Hồ du nhập chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt nam là nguyên nhân "đưa đất nước vào vòng tối tăm, trì trệ, đổ vỡ, nhục nhã, đau đớn" (?!) Họ tưởng nói như thế có thể tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của nhiều người. Nhưng không phải ! Họ chỉ nhận được sự phản ứng quyết liệt mà thôi, bởi vì những điều họ nói chẳng những không đúng sự thật mà còn xúc phạm đến lãnh tụ của chúng ta. Bất cứ một người Việt nam có lương tri nào cũng biết rõ rằng : xúc phạm Cụ Hồ là xúc phạm cả dân tộc Việt nam.

Chẳng phải chỉ có người Việt nam, dân tộc Việt nam yêu kính Chủ tịch Hồ Chí Minh, mà cả nhân loại tiến bộ đều thừa nhận Người là một vĩ nhân. Đã có biết bao chính khách, biết bao những nhân vật nổi tiếng trong lịch sử nhân loại nói những lời hết sức tốt đẹp về Bác Hồ của chúng ta. Trước đây cũng vậy, ngày nay cũng vậy, và ngay cả khi chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu sụp đổ, người ta vẫn ca ngợi Bác. Mới đây thôi, bà Mác-xê-la Lôm-bác-đô, nghị sĩ Quốc hội, nguyên ứng cử viên tổng thống Mê-hi-cô đã viết về Bác Hồ : "Người là một trong những con người vĩ đại nhất của lịch sử nhân loại... Trong tình hình thế giới có những biến đổi sâu sắc, tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên giá trị và ngày càng phong phú trong thực tiễn" (1).

2 - Khi phê phán vai trò lãnh đạo của Đảng, có người đã viết với những lời lẽ như thế này : "Việc ở Đông Âu cũng có thể xảy ra ở Việt nam. Nếu Đảng không biết *lột xác mình*, đổi mới thật sự mình thì không thể ngăn ngừa được diễn biến đó có thể đến" ; "Đảng cộng sản Việt nam, với tình trạng suy thoái hết sức nghiêm trọng hiện nay phải *lột xác hoàn toàn*, không lột xác mà *ba trợn* là chết ngay" ; "Đảng cộng sản Việt nam hơn ai hết và trước ai hết nên thẳng thắn *sám hối* những sai lầm của Đảng" ; "Phải thực hiện dân chủ công khai, phát huy dân chủ, trả quyền dân chủ lại cho nhân dân, *không được cướp nó*" ; "Nếu Đảng cộng sản Việt nam cứ khăng khăng nếp cũ... sẽ rơi vào bất hạnh... chắc chắn sẽ sụp đổ và bị lịch sử nguyền rủa muôn đời" (!)

Ghê gớm chưa ? Quyết liệt chưa ? Chẳng khác gì một thứ "tối hậu thư", một sự thách đố ! Chỉ cần đọc qua những đoạn nêu trên, cũng đã biết ý đồ của người viết là gì rồi. Ở đây tôi chỉ muốn nói thêm một vài khía cạnh.

Trước hết nói về **cách dùng từ**. Đúng là những người có ý đồ phủ định sự lãnh đạo của Đảng, họ đã dùng những từ khá mạnh mẽ, quyết liệt và có khả năng gây ấn tượng. Song, những từ đó

(1) Báo *Nhân dân*, ngày 8-9-1995

Digitized by Google

có chính xác hay không, có mang tính trung thực, tính thiện chí và tính văn hóa hay không ? Chẳng hạn từ "*lột xác*". Nếu dùng từ đó với nghĩa là Đảng phải "thay đổi hẳn bản chất của mình", thì việc chọn từ như vậy chưa ổn. Bởi vì, rắn hổ mang dù có "lột xác" tới chục lần thì vẫn là rắn độc. Còn nếu định dùng từ đó với nghĩa là Đảng phải "đổi mới", phải "nâng mình lên ngang tầm với những đòi hỏi ngày càng cao của nhiệm vụ cách mạng", thì từ "tự đổi mới, tự chỉnh đốn" mà chúng ta đang dùng hay hơn nhiều, chuẩn xác hơn nhiều. Hơn nữa, nó còn toát lên được tinh thần nghiêm túc và thái độ thực sự cầu thị rất cao. Chưa hết, họ còn bảo Đảng ta là *"ba trợn"*. Tôi không thể nào hiểu được tại sao họ lại chọn cái từ đó để sử dụng trong trường hợp rất nghiêm túc này. Tôi có hỏi một trí thức ngoài Đảng người Nam bộ về khái niệm "*ba trợn*". Ông bảo đó là thứ ngôn ngữ thường ngày, người ta không bao giờ sử dụng nó trong những trường hợp đòi hỏi phải có tính nghiêm túc. Ông nói thêm : kẻ nào bảo Đảng cộng sản Việt nam là "ba trợn" thì chắc kẻ đó phải thuộc loại *vô văn hóa*. Tôi còn tra *Từ điển tiếng Việt* để xem từ *ba trợn* có nghĩa gì thì thấy ghi : "ba trợn = láu táu, không đứng đắn". Ôi ! Nếu thế thì cái người bảo Đảng ta là "ba trợn", có lẽ phải là người *hết sức láu táu* và *không đứng đắn chút nào*.

Bây giờ xin nói thêm về **tính chính xác, tính trung thực của sự phê phán**. Những người có ý đồ phủ định sự lãnh đạo của Đảng thường lớn tiếng, cao giọng bảo rằng : Đảng cộng sản Việt nam là cực quyền, lời nói không đi đôi với việc làm, mất dân chủ, cướp đoạt dân chủ của dân ; là bảo thủ, trì trệ, không chịu đổi mới ; còn cán bộ, đảng viên thì thoái hóa biến chất, làm cha nhân dân, chà đạp, giẫm nát nhân dân, làm giàu trên xương máu của đồng bào...(?!) Một sự vu cáo thật là trắng trợn.

- Như mọi người đều biết, sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam đối với xã hội là một tất yếu khách quan. Không phải ngẫu nhiên mà lịch sử trao cho Đảng cộng sản sứ mệnh thiêng liêng đó. Trước năm 1930, ở Việt nam đã có nhiều đảng, nhiều phong trào ra đời và đã từng thử nghiệm vai trò là lãnh tụ của quần chúng. Nhưng cương lĩnh và hoạt động của các đảng và phong trào đó không vượt qua nổi những thử thách của thời đại. Tuy các tổ chức này và lãnh tụ của họ không thiếu gì lòng yêu nước, đức tính dũng cảm và sự hy sinh quên mình, nhưng do có hạn chế về thế giới quan và hệ tư tưởng nên rút cục bị thất bại và tan rã. Từ năm 1930 trở đi, trên vũ đài chính trị nước ta cũng có lúc xuất hiện một số đảng phái khác như Việt cách, Việt quốc, Đại việt... song những đảng này đã phản bội lại lợi ích dân tộc, cam tâm làm tay sai cho đế quốc và đã tự tan rã. Như vậy, việc Đảng cộng sản Việt nam trở thành người duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt nam không phải là sự áp đặt ý muốn chủ quan của Đảng đối với lịch sử. Trái lại, đó là sự giao phó của lịch sử thông qua sự sàng lọc hết sức nghiêm khắc. Nhân dân ta qua thực tế và bằng sự kiểm nghiệm xương máu của mình đã "chọn mặt gửi vàng", thừa nhận Đảng cộng sản là đội tiên phong chân chính và duy nhất của dân tộc.

- Việc Đảng cộng sản mắc phải một số sai lầm, khuyết điểm và đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng có một số người thoái hóa biến chất : quan liêu, hách dịch, mất dân chủ đối với nhân dân, sa đọa trong lối sống... là có thật. Vấn đề quan trọng là ở chỗ Đảng đã sớm nhận ra những sai lầm đó, dũng cảm nhận sai lầm và quyết tâm sửa chữa. Đúng là có lúc mối quan hệ giữa dân với Đảng ở một số nơi bị rạn nứt, lòng tin của nhân dân đối với Đảng bị giảm sút, nhưng do Đảng thành khẩn nhận sai lầm và quyết tâm sửa chữa sai lầm cho nên lòng tin đó đã được khôi phục. Không thể từ một vài biểu hiện mất dân chủ trong xã hội mà đi đến kết luận là Đảng đàn áp dân chủ, cướp đoạt dân chủ của nhân dân.

- Đảng ta chủ trương đổi mới toàn diện, triệt để, nhưng phải có hình thức và bước đi phù hợp; đặc biệt phải tránh nôn nóng, tránh những việc làm dẫn đến mất ổn định chính trị. Bởi vì, thực tế đã cho thấy sự ổn định về chính trị bị phá vỡ sẽ dẫn đến những hậu quả xấu không lường hết được. Sự nghiệp đổi mới của chúng ta trong 10 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn và quan trọng : kinh tế tăng trưởng nhanh ; đời sống của đại bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt ; chính trị ổn định ; quan hệ đối ngoại mở rộng... Cho đến nay, có thể nói đất nước ta đã ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế xã hội, đã có những tiền đề cần thiết để chuyển sang một thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vươn ra hội nhập với khu vực và thế giới. Những thành tựu nêu trên là hết sức rõ ràng. Đó là kết quả sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và sự nỗ lực phấn đấu của toàn dân, được toàn thể nhân dân ta và nhiều nước trên thế giới thừa nhận. Thế mà có người vẫn cố tình bảo rằng Đảng ta bảo thủ, trì trệ, đi "cà rịch, cà tang". Chẳng cần tranh luận thêm làm gì. Ai đúng ai sai thì thực tế đã trả lời giúp chúng ta rồi.

Nổi danh có ba, bảy kiểu ; nổi tiếng có dăm, bảy đường. Hãy chọn cách nào cho vinh quang nhất chứ đừng học kiểu đốt đền của Ê-rô-xtơ-rát, bởi vì kiểu đó chỉ để lại tiếng xấu đến muôn đời !

Digitized by Google

NHÂN DỊP KỶ NIỆM 50 NĂM THÀNH LẬP LIÊN HỢP QUỐC (1945-1995)

NHỮNG THÔNG ĐIỆP ĐẦU TIÊN

của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Liên hợp quốc

PHẠM XANH *

NHẬN được tin Nhật bản đầu hàng Đồng minh, ngay sau khi kết thúc Hội nghị toàn quốc của Đảng, dù đại biểu chưa tề tựu đầy đủ, Hồ Chí Minh quyết định khai mạc Đại hội đại biểu quốc dân vào chiều ngày 16-8-1945 tại đình Tân trào, huyện Sơn dương, tỉnh Tuyên quang. Hơn 60 đại biểu đại diện cho các đảng phái chính trị, các tổ chức quần chúng, các ngành các giới, các dân tộc, tôn giáo khắp 3 miền và Việt kiều ở Thái lan và Lào đã về dự. Đại hội nhất trí tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng cộng sản Đông dương "giành lấy chính quyền từ tay Nhật, đứng địa vị cầm quyền mà đón tiếp quân Đồng minh vào giải ngũ quân Nhật trên đất Đông dương" và quyết định lập Ủy ban dân tộc giải phóng do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Trần Huy Liệu - Phó chủ tịch và 13 thành viên. Trong phiên họp bế mạc ngày 17-8 Ủy ban dân tộc giải phóng đứng dưới lá cờ đỏ sao vàng trang nghiêm tuyên thệ : Kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù, giành lại độc lập cho Tổ quốc dù phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, quyết không lùi bước !

Chia tay các đại biểu rời Tân trào về địa phương lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền, Hồ Chí Minh thay mặt Ủy ban dân tộc giải phóng thảo một bức *Thông điệp* gửi Liên hợp quốc. Người nhờ viên trung úy trẻ tuổi mang quốc tịch Mỹ tên là Phe-lan (biệt hiệu là Giôn), điện tín viên của Tổ chức cứu trợ không quân Đồng minh (viết tắt là AGAS) đang làm việc với Việt minh ở Tân trào, điện về cho chỉ huy ở Trùng khánh (Trung quốc), từ đó chuyển về Hoa kỳ. Toàn văn bức *Thông điệp* bằng tiếng Anh, nội dung như sau :

"Ủy ban dân tộc giải phóng của Mặt trận Việt minh thiết tha đề nghị các nhà đương cục Hoa kỳ thông báo cho Liên hợp quốc một việc sau : Chúng tôi đã đứng về phía Liên hợp quốc đánh Nhật. Hiện nay bọn Nhật đã đầu hàng, chúng tôi thiết tha đề nghị Liên hợp quốc thực hiện lời hứa long trọng cho tất cả các dân tộc được hưởng nền dân chủ và độc lập. Nếu Liên hợp quốc quên lời hứa long trọng của mình và không công nhận nền độc lập hoàn toàn của Đông dương thì chúng tôi sẽ tiếp tục chiến đấu cho tới khi giành được nó.

Ủy ban giải phóng của Mặt trận Việt minh" [1].

Trong *Thông điệp* trên có 3 nội dung hết sức quan trọng :

1) Xác định rõ vị trí của cuộc chiến đấu chống phát xít Nhật của nhân dân ta trong cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung của nhân loại ; 2) Yêu cầu Liên hợp quốc tôn trọng những lời hứa đẹp đẽ cho các dân tộc nhỏ, lệ thuộc có quyền tự quyết đã được ghi nhận tại các Hiến chương Đại tây dương và Xan Phran-xi-xcô ; 3) Thông báo với Liên hợp quốc quyết tâm của toàn thể dân tộc Việt nam sẽ tiếp tục chiến đấu tới khi giành được độc lập hoàn toàn nếu như Liên hợp quốc lãng quên lời hứa của mình vì bất kỳ lý do nào đó.

Thông điệp ngắn gọn, chỉ có 65 chữ (tiếng Anh), nhưng chứa đựng trong đó cả một ý chí, quyết tâm, và khát vọng mãnh liệt của một dân tộc khao khát được sống trong độc lập tự do. Đó là *bức Thông điệp đầu tiên* của chúng ta gửi Liên hợp quốc. Nhưng tại sao tới lúc đó Hồ Chí Minh mới gửi *Thông điệp* cho Liên hợp quốc ? Vấn đề này, theo chúng tôi, có thể lý giải như sau :

Thứ nhất, Đại hội quốc dân Tân trào đã bầu ra Ủy ban dân tộc giải phóng do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đến lúc đó, Người có đủ tư cách để thay mặt dân tộc Việt nam trong toàn bộ những hoạt động đối nội và đối ngoại.

Thứ hai, qua các nguồn tin đáng tin cậy, từ năm 1945 đặc biệt sau khi Tổng thống Ru-dơ-ven qua đời, Hồ Chí Minh biết được chính sách của Hoa kỳ đối với Đông dương đã có sự thay đổi căn bản không có lợi cho các

* PTS sử học, Chủ nhiệm Bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh, Đại học quốc gia Hà nội

(1) Toàn bộ văn bản này lấy từ cuốn sách : *Hồ Chí Minh and the United States : 1944-1946*. U. S. Senate Foreign Relations Committee - Washington D.C. G.P.O. 1972. tr 3

Digitized by Google

lực lượng cách mạng. Theo Ru-dơ-ven, sau chiến tranh Pháp phải ra khỏi Đông dương, để lập ra *một chế độ Quản trị quốc tế* như kiểu Phi-lip-pin. Nhưng dưới thời Tơ-ru-man, Hoa kỳ lại đồng ý cho Pháp trở lại Đông dương, khôi phục sự thống trị của chúng bất chấp thực tế lịch sử đã diễn ra trên mảnh đất này. Theo tinh thần đó, từ sau khi Nhật đảo chính, thực dân Pháp bắt đầu bằng nhiều cách khác nhau đưa người của họ trở lại Đông dương hoạt động, gây cơ sở cho kế hoạch hậu chiến. Hồ Chí Minh đã thấy rõ tình hình hết sức phức tạp và khó khăn đó của cách mạng Việt nam. Phát xít Nhật là kẻ thù trước mắt, nhưng kẻ thù lâu dài chính là thực dân Pháp sẽ quay trở lại. Trong bối cảnh đó, *Thông điệp* báo trước với Liên hợp quốc một khả năng có thể xảy ra là nhân dân Việt nam sẽ giành được độc lập và kiên quyết bảo vệ nó, dù kẻ thù mới đến từ phương nào.

Có lẽ, trên ý nghĩa này, *Thông điệp* gửi Liên hợp quốc từ Tân trào vừa phản ánh thực tế lịch sử đang diễn ra trên đất nước ta ở thời điểm đó, nhưng cũng chứa đựng trong đó những dự báo tương lai.

Dự báo đó đã thành hiện thực. Ba tuần lễ sau khi tuyên bố độc lập, nhân dân Nam bộ đã lại phải cầm lấy súng đánh bọn Pháp quay trở lại, bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Vấn đề độc lập và toàn vẹn lãnh thổ trở thành một nguyên tắc bất di bất dịch trong những hoạt động đối nội và đối ngoại của Hồ Chí Minh. Ngày 28-9-1945, Chính phủ lâm thời công bố chính sách ngoại giao 4 điểm, trong đó điểm 1 và 2 nói tới quan hệ của Việt nam với các nước Đồng minh (tức Liên hợp quốc) và với nước Pháp :

1 - Đối với các nước Đồng minh, Việt nam chủ trương "hết sức thân thiện và thành thực cộng tác trên lập trường bình đẳng tương ái để xây đắp lại nền hòa bình của thế giới".

2 - Đối với nước Pháp, Chính phủ Việt nam "sẽ bảo vệ theo luật quốc tế tính mệnh và tài sản của kiều dân Pháp yên tĩnh làm ăn và tôn trọng sự độc lập của Việt nam, nhưng đối với Chính phủ Pháp, Đờ Gôn chủ trương thống trị Việt nam, không chịu thừa nhận độc lập hoàn toàn của Việt nam, thì kiên quyết chống lại" [2].

Một trong những điểm tựa căn bản cho công tác đấu tranh ngoại giao của Hồ Chí Minh là những nguyên tắc tự do, bình đẳng và quyền dân tộc tự quyết đã được Đồng minh ghi nhận trong các Hiến chương Đại tây dương và Xan Phran-xi-xcô. Được tin Liên hợp quốc sẽ lập Ủy ban tư vấn về Viễn Đông và đưa Pháp vào Ủy ban đó, ngày 17-10-1945 Hồ Chí Minh với tư cách Chủ tịch nước và Bộ trưởng ngoại giao, đã gửi cho Liên hợp quốc cùng các vị đứng đầu các cường quốc một *Thông điệp* hoan nghênh sự kiện trên và phản đối nước Pháp có chân trong Ủy ban tư vấn về Viễn Đông đó. *Thông điệp* có đoạn :

"Về nguyên tắc, nhân dân Việt nam nhiệt liệt chào mừng việc thành lập Ủy ban tư vấn cho Viễn Đông...

Thứ nhất, sự vắng mặt của Việt nam và sự hiện diện của Pháp trong Ủy ban tư vấn dẫn tới kết luận là nước Pháp là người đại diện cho nhân dân Việt nam trong Ủy ban. Việc đại diện như vậy là không có căn cứ cả về pháp lý lẫn thực tế. Về pháp lý, giữa Việt nam và Pháp không còn mối dây liên hệ nào nữa : Bảo Đại đã hủy bỏ các Hiệp ước 1884 và 1863 *, Bảo Đại đã tuyên bố thoái vị, chuyển giao chính quyền cho Chính phủ cộng hòa dân chủ. .. Về thực tế, từ ngày 9-3 Pháp đã chuyển giao quyền cai trị cho Nhật, các mối liên hệ hành chính với Việt nam đã không còn nữa. Từ ngày 19-8-1945 trên thực tế đã có một Chính phủ độc lập về mọi phương diện. *Thứ hai*, nước Pháp không có quyền vì nó đã nhục nhã bán Đông dương cho Nhật và phản bội Đồng minh. *Thứ ba*, theo Hiến chương Đại tây dương và các Hiến chương sau đó vì nền dân chủ, Việt nam có đủ tư cách đại diện tại Ủy ban tư vấn..." [3].

Tiếp đó, trong thư gửi ngoại trưởng Mỹ Bai-ni-xơ (Byrnes) ngày 22-10-1945, Người tiếp tục đấu tranh để nước ta có đại diện trong Ủy ban tư vấn về Viễn Đông. Sau khi đã trình bày những sự việc đã diễn ra trên đất nước, đặc biệt là cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân Nam bộ chống bọn thực dân Pháp quay trở lại, Người đã khẳng định : "Tình hình ở Nam Việt nam yêu cầu phải có sự can thiệp tức thì. Việc thành lập Ủy ban tư vấn cho Viễn Đông được chào mừng nồng nhiệt ở đây như là một bước đi có hiệu quả đầu tiên tiến tới dàn xếp công bằng những vấn đề rắc rối. Nhân dân Việt nam, những người chỉ yêu cầu một nền độc lập hoàn toàn và tôn trọng sự thật và công lý, xin bày tỏ với Ngài những mong muốn sau :

1. Vụ rắc rối ở Nam Việt nam sẽ được đưa ra thảo luận tại cuộc gặp gỡ đầu tiên của Ủy ban tư vấn Viễn Đông.

2. Đoàn đại biểu Việt nam sẽ được tham dự để trình bày những quan điểm của Chính phủ Việt nam.

3. Một ủy ban điều tra sẽ được gửi tới Nam Việt nam.

4. Nền độc lập hoàn toàn sẽ phải được Liên hợp quốc thừa nhận... [4].

Liên hợp quốc đã làm ngơ trước những đòi hỏi chính đáng

(2) Xem báo *Cứu quốc*, số 57, ngày 3-10-1945

* Đúng ra là *Hiệp ước năm 1862* - P.X.

(3) (4) Tạp chí *Vietnam Social Sciences*, 3-1991, tr 124-125, 128

Digitized by Google

của nhân dân Việt nam, Ủy ban tư vấn Viễn Đông được khai mạc tại Oa-sinh-tơn mà không có đại diện của Việt nam. Ngày 26-11-1945 Hồ Chí Minh gửi điện cho Ngoại trưởng Mỹ phản đối việc làm sai trái đó : "Nhân dịp khai mạc Hội nghị về Viễn Đông ở Oa-sinh-tơn, chúng tôi lấy làm tiếc là đoàn Việt nam không có mặt. Một lần nữa chúng tôi phản đối quyền phát ngôn thay cho dân tộc Việt nam của nước Pháp".

Sau khi kết tội quân Pháp, Anh - Ấn và Nhật tấn công những người yêu nước Việt nam ở Nam Việt nam là vi phạm các Hiến chương Đại tây dương và Xan Phran-xi-xcô, Hồ Chí Minh kết luận : "Nhân dân Việt nam thành thật hy vọng rằng tất cả các dân tộc tự do trên thế giới... sẽ công nhận nền độc lập của cộng hòa Việt nam và chấm dứt cuộc xung đột đẫm máu ở miền Nam Việt nam" (5).

Được tin Liên hợp quốc đã nhóm họp ở Luân đôn mà trong chương trình nghị sự Hội nghị có lập một tiểu ban xét đơn từ của các nước nhược tiểu do đại diện Vê-nê-xu-ê-la và Trung hoa đứng đầu và thảo luận về "những điểm nóng" trên thế giới, nhất là Trung đông và châu Á, ngày 14-1-1946 Hồ Chí Minh đã gửi điện tới "Thống chế Xta-lin, Tổng thống H. Tơ-ru-man, Thống chế Tưởng Giới Thạch, ông Hăng-ri Xpác, Chủ tịch Hội đồng Liên hợp quốc và các ông A.Grô-mư-cô, đại diện Liên xô, J. Bai-ni-xơ, ngoại trưởng Hoa kỳ, bác sĩ Cố Duy Quân, đại diện Trung hoa tại Hội đồng Liên hợp quốc, đề nghị đưa vấn đề Việt nam ra Hội đồng Liên hợp quốc, công nhận nền độc lập của Việt nam và kết nạp Việt nam vào Liên hợp quốc :

"Nhân danh Chính phủ và quốc dân Việt nam, tôi yêu cầu các Ngài chú ý đến nước Cộng hòa dân chủ Việt nam. Từ năm 1941, nước Việt nam vẫn chiến đấu bên cạnh Đồng minh chống lại bọn quân phiệt Nhật... Sau khi quân Nhật bại trận, quốc dân Việt nam đồng lòng lập nên nước Cộng hòa dân chủ, đứng trên lập trường dân tộc tự quyết và dân chủ ký kết trên các Hiến chương Đại tây dương và Cựu Kim Sơn*... Các lời tuyên bố mới đây của Anh hoàng và của vị Chủ tịch Hội nghị là ông Hăng-ri Xpác đã làm chúng tôi tăng thêm hy vọng vào sự thắng lợi cuối cùng của công lý và hòa bình.

Chúng tôi tha thiết kêu gọi các Ngài hãy mang vấn đề của chúng tôi ra trước Hội đồng Liên hợp quốc nghiên cứu kỹ càng. Chúng tôi sẽ cảm ơn quý ngài nếu quý ngài nói cho thế giới biết những ước nguyện sau này của quốc dân chúng tôi.

Quốc dân chúng tôi đã giành được độc lập và giữ vững nền độc lập, thiết tha yêu cầu các Ngài công nhận nền độc lập ấy và nhận chúng tôi vào Hội đồng Liên hợp quốc. Theo như lời tuyên bố của vị đại diện Trung hoa Cố Duy Quân thì châu Á chưa có đủ đại biểu trong Hội nghị. Chúng tôi tin rằng sự có mặt của chúng tôi trong Hội nghị sẽ có ích nhiều cho việc giải quyết một cách nhanh chóng và hòa bình cho các vấn đề ở Đông-Nam châu Á hiện nay (6).

Có lẽ, đây là lần đầu tiên thay mặt nhân dân Việt nam, Hồ Chí Minh gửi điện đòi Liên hợp quốc bênh vực những yêu cầu chính đáng của dân tộc mình khi mà vận mệnh các dân tộc nhỏ yếu, phụ thuộc được đưa ra thảo luận tại Hội đồng. Trong thâm tâm Người, Người không hy vọng ở sự giải quyết của Liên hợp quốc, nhưng ít ra làm cho Liên hợp quốc biết tới cuộc chiến đấu và những khát vọng tự do, độc lập của chúng ta ; còn thực chất vấn đề, đúng như bài bình luận về ý nghĩa bức điện gửi Liên hợp quốc của Hồ Chí Minh đăng trên báo *Cứu Quốc* số ra ngày 18-1-1946 đã chỉ ra : "chỉ có chúng ta mới giải quyết được số phận chúng ta, và hoàn cầu cũng chỉ chú ý đến chúng ta, khi chúng ta mạnh. Tóm lại, lực lượng đoàn kết và chiến đấu của toàn dân vẫn là tất cả, vẫn định đoạt tất cả".

Vậy là, những yêu cầu chính đáng của dân tộc ta mà Hồ Chí Minh thay mặt chuyển tới Liên hợp quốc trực tiếp, hoặc gián tiếp thông qua những người đứng đầu các cường quốc trong những năm 1945-1946, đã không được giải quyết. Điều đó có lý do của nó, mà lý do căn bản là Liên hợp quốc những năm còn "trứng nước" do Hoa kỳ - ông chủ của những quả bom nguyên tử khủng khiếp, thao túng. Những năm đó, tiếng nói của Hoa kỳ và các nước cùng phe cánh như Anh, Pháp, Trung hoa (Tưởng) là tiếng nói chủ đạo tại các phiên họp Đại hội đồng Liên hợp quốc. Chỉ sau năm 1949, khi Liên xô đã có vũ khí nguyên tử và cách mạng Trung quốc thành công, mới có sự thay đổi khá căn bản trong cán cân lực lượng trên bàn cờ chính trị thế giới và được phản ánh trong cơ cấu tổ chức và quyền lực của Liên hợp quốc. Chúng ta, một nước nhỏ và nghèo đã ý thức được điều đó và coi "tự thân vận động" là chính. Dân tộc ta khao khát độc lập, tự do, đã tự thân vận động bằng 2 cuộc kháng chiến ròng rã trong 30 năm, hết chống Pháp đến chống Mỹ, mới khẳng định được vị trí của mình trên diễn đàn quốc tế. Năm 1977, tức 31 năm sau bức điện yêu cầu Liên hợp quốc công nhận nền độc lập và kết nạp làm thành viên, dân tộc Việt nam tự hào ngẩng cao đầu bước vào trụ sở Hội đồng Liên hợp quốc. Từ đó, Việt nam có tiếng nói chính thức tại các diễn đàn của tổ chức quốc tế đầy quyền lực này ⌟

(5) *Sđd, (Hồ Chí Minh and the United States : 1944-1946...)* tr 10

(6) Báo *Cứu Quốc*, số 144 ngày 17-1-1946

* Tức Xan Phran-xi-xcô

Digitized by Google

Ý KIẾN NHỎ VỀ THẮNG LỢI LỚN CỦA NGOẠI GIAO VIỆT NAM

VÕ THỦ PHƯƠNG

TRONG những năm gần đây, đặc biệt từ năm 1993 tới nay, thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở của Đảng và Nhà nước, ngoại giao Việt nam đã có những bước tiến mạnh mẽ trên con đường đưa đất nước hội nhập với thế giới.

Năm 1993. Hoạt động ngoại giao diễn ra sôi động, phong phú và đa dạng với những nét nổi bật : 1 - Hoàn tất việc xây dựng cơ sở cho mối quan hệ giữa Việt nam với các nước ở khu vực châu Á - Thái bình dương. Đẩy quan hệ láng giềng với Trung quốc và Lào tiến thêm một bước quan trọng ; 2 - Quan hệ với các nước Tây Âu phát triển và chuyển sang giai đoạn mới có quy mô lớn hơn, nội dung phong phú hơn ; 3- Bình thường hóa quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế, đặc biệt là quan hệ tín dụng, tranh thủ được một khoản vay lớn (và ngày càng tăng), đồng thời các thành viên Câu lạc bộ Pa-ri đã quyết định dãn nợ và cho phép giảm đến 50% giá trị thực tế của các khoản nợ được hoãn.

Năm 1994. Công tác đối ngoại được tích cực triển khai trên các hướng đã khai thông trong năm 1993 với diện rộng hơn, đối tác nhiều hơn, đồng thời mở ra thêm nhiều hướng khác. Một số điểm đáng lưu ý của hoạt động ngoại giao trong năm 1994 là : 1 - Số đoàn vào thăm Việt nam và đoàn Việt nam đi thăm các nước rất nhiều. Chúng ta đã đón 5 nguyên thủ quốc gia, 10 thủ tướng, 4 chủ tịch Quốc hội, gần 100 đoàn cấp bộ trưởng (trong đó có 14 ngoại trưởng) từ khắp năm châu tới thăm Việt nam ; 2 - Quan hệ Việt nam - ASEAN được nâng lên trình độ mới, cao hơn. Hội nghị ngoại trưởng ASEAN tại Băng cốc vào tháng 7 đã nhất trí bày tỏ mong muốn Việt nam trở thành thành viên đầy đủ của ASEAN, và Việt nam cũng tích cực chuẩn bị để gia nhập ASEAN; 3 - Khai thông được một bước quan trọng trong quan hệ Việt - Mỹ. Tháng 2-1994, Tổng thống Bin clin-tơn tuyên bố chấm dứt lệnh cấm vận đối với Việt nam ; 4 - Trên lĩnh vực kinh tế, Việt nam đã trở thành thành viên liên kết của *Hội đồng hợp tác kinh tế Thái bình dương* (PEEC), tích cực tham gia các hoạt động của *Hội đồng hợp tác kinh tế lòng chảo Thái bình dương* (PBEC) và chuẩn bị tiến tới tham gia tổ chức *Hợp tác kinh tế Châu Á - Thái bình dương* (APEC) khi điều kiện cho phép. Việt nam đã trở thành quan sát viên đầy đủ và đang phấn đấu để chính thức gia nhập *Hiệp định chung về thuế quan và thương mại* (GATT) (từ đầu năm 1995, tổ chức này chuyển thành *Tổ chức thương mại thế giới* (WTO)). Mối quan hệ của Việt nam đối với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế được tăng cường. Hội nghị các nhà tài trợ họp tại Pa-ri tháng 11-1994 đã cam kết viện trợ cho Việt nam 2 tỉ đô la Mỹ (so với 1,86 tỉ đạt được tại Hội nghị tài trợ cuối năm 1993).

Năm 1995 (tính đến hết tháng 8). Hoạt động đối ngoại ngày càng nhộn nhịp hơn. Các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước ta đi thăm nhiều nước trên thế giới, Việt nam "phủ sóng ngoại giao" suốt từ Bắc tới Nam, từ Đông sang Tây. Các sự kiện nổi bật trong thời gian này là : 1 - Việt nam gia nhập ASEAN và trở thành thành viên thứ 7 của khối này ; 2 - Quan hệ Việt nam - Mỹ được chính thức bình thường hóa từ ngày 11-7-1995 ; 3 - Ký tắt hiệp định hợp tác Việt nam - Liên

Digitized by Google

minh châu Âu (EU). Với cuộc đi thăm của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tới các nước Tây, Bắc Âu, quan hệ giữa Việt nam và các nước này ngày càng phát triển. Tính đến tháng 5-1995 tổng số tiền đầu tư của Tây, Bắc Âu tại Việt nam là gần 3 tỉ đô la Mỹ.

Rõ ràng, ngoại giao Việt nam đã và đang vươn tới một *tầm vóc mới*, đạt được một chất lượng mới. Có thể nói, chưa bao giờ chúng ta có nhiều bạn bè trên thế giới như bây giờ. Việt nam đã có quan hệ ngoại giao với 156 nước và lãnh thổ (trong đó có đủ 5 ủy viên thường trực của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc). Nếu trước đây, trong thời kỳ "chiến tranh lạnh", Việt nam có quan hệ ngoại giao chủ yếu với Liên xô, các nước xã hội chủ nghĩa khác và một số nước thuộc "thế giới thứ ba", thì ngày nay diện ngoại giao đã mở rộng rất nhiều.

Cùng với diện ngoại giao ngày càng rộng mở, *quan hệ hợp tác song phương và đa phương trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa xã hội cũng đi dần vào thực chất, chú trọng tới tính hiệu quả, bảo đảm nguyên tắc "hai bên cùng có lợi"*. Tham gia khối ASEAN, ngoài quyền lợi, Việt nam có nghĩa vụ kinh tế đối với khối, điều này buộc chúng ta phải cố gắng vươn lên, hòa nhịp với sự phát triển kinh tế chung của các nước thành viên ASEAN. Đây cũng là môi trường tốt, thôi thúc Việt nam đẩy mạnh hơn nữa quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới.

Trong quá trình hội nhập với thế giới, nước ta đã nắm bắt kịp thời và chính xác các xu thế chung của thế giới và quy luật vận động, phát triển của xã hội, nhận thức được cái hợp lý chứa đựng trong sự tồn tại của các thực thể, nhận thức được xu thế phụ thuộc ngày càng gia tăng giữa các quốc gia, từ đó tìm được sự đồng điệu, tìm được mối quan tâm chung, những lĩnh vực mà các bên cảm thấy cùng có lợi và có thể hợp tác được với nhau. Đây chính là cơ sở quan trọng quyết định tính lâu bền và hữu hiệu của các mối quan hệ song phương và đa phương, tạo đà cho quan hệ ngoại giao phát triển ngày càng tốt đẹp hơn ; và đến lượt nó, quan hệ ngoại giao lại phát huy tác dụng, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi làm nảy sinh những lĩnh vực hợp tác mới.

Thế giới mà chúng ta đang sống là một thế giới vô cùng phong phú, mọi quan hệ quốc tế đan cài vào nhau, các nước vừa tác động lẫn nhau vừa tùy thuộc vào nhau do xu thế quốc tế hóa ngày càng tăng và do sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ. Trong một thế giới như vậy, nước nào bị cô lập, tách biệt sẽ khó mà phát triển và rất dễ đi tới suy vong. Nhìn lại những năm trước đây, nhất là sau lúc chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu bị sụp đổ, tình hình chính trị thế giới hết sức phức tạp, phong trào cộng sản lâm vào thoái trào, Việt nam bị bao vây, dồn ép tứ bề, bị cô lập đến cực điểm bởi chính sách cấm vận của Mỹ và của các thế lực đế quốc. Trong bối cảnh vô vàn khó khăn ấy, Đảng và Nhà nước ta đã rất bình tĩnh, tìm ra khâu mấu chốt nhất trong lĩnh vực đối ngoại, kiên quyết khai thông nó, và từng bước phá bỏ các hàng rào cấm vận, tính kỹ từng đường đi nước bước, tranh thủ từng cơ may, dù là rất nhỏ, để góp gió thành bão, tạo ra xung lực lớn đẩy "con tàu ngoại giao" vào đúng đường ray và tiến về phía trước. Thực tế đã chứng minh mục tiêu và phương pháp thực hiện công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta là đúng đắn. Việt nam đã phá bỏ được những hàng rào ngăn cách, đã liên kết thân thiện, chặt chẽ với "láng giềng gần", hợp tác hữu nghị với "bạn bè xa", đẩy lùi các trở lực để có thể hòa vào dòng chảy "hội nhập thế giới".

Yếu tố quyết định đưa tới những thắng lợi của ngoại giao Việt nam là những thành tựu to lớn và quan trọng của sự nghiệp đổi mới ở trong nước. Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện, từng bước nắm bắt quy luật khách quan của quá trình phát triển, đưa ra những giải pháp thích hợp tạo ra động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Và nhờ thế đã gặt hái được những kết quả đáng khích lệ : chính trị - xã hội ổn định ; kiềm chế được lạm phát ; sản xuất nông nghiệp phát triển, bảo đảm đủ lương thực cho nhân dân đồng thời còn có tích lũy và xuất khẩu (đứng thứ ba trên thế giới) ; các ngành kinh tế mũi nhọn (như bưu điện, dầu khí, điện

Digitized by Google

lực...) đang tiến gần tới trình độ của khu vực hoặc trình độ của thế giới ; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Có thể nói rằng, đến nay, đất nước đã ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội, đã có những tiền đề cần thiết để chuyển sang một thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đổi mới thành công đã tạo nên thế và lực để triển khai có kết quả chính sách ngoại giao rộng mở, hội nhập với thế giới và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Năm mươi năm đã trôi qua kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt viên gạch đầu tiên xây dựng nền ngoại giao Việt nam. Trải biết bao bão táp phong ba, từ những bước đi ban đầu tạo dựng nước Việt nam dân chủ cộng hòa, qua hai cuộc kháng chiến trường kỳ, tới những thắng lợi to lớn ngày nay, nhân dân Việt nam đã xây dựng nên *một nền ngoại giao mang bản sắc riêng biệt, độc đáo : một nền ngoại giao kết tinh những tinh hoa trong truyền thống ngoại giao dân tộc, đồng thời mang đậm tính chất phương Đông*, luôn luôn nhằm mục tiêu bảo vệ độc lập, tự chủ và phát triển của dân tộc.

Trên thế giới, có lẽ hiếm có dân tộc nào phải trải qua nhiều hy sinh gian khổ như dân tộc Việt nam. Do có vị trí địa lý đặc biệt nên Việt nam thường phải đối mặt với các cường quốc trong nhiều thế kỷ. Việt nam luôn bị lâm vào những cuộc đấu tranh không cân sức, và trong giai đoạn đầu, thường ở vào thế bất lợi trong so sánh lực lượng. Bởi vậy, trong lĩnh vực ngoại giao, ông cha ta lấy chữ "nhu" trong câu "dĩ nhu chế cương" làm nguyên tắc hoạt động, nhằm làm thay đổi cán cân lực lượng có lợi cho ta. Trong mọi trường hợp, dù gay go tới mức nào, chúng ta cũng lấy đạo hòa hiếu làm trọng, cố gắng nhu hòa nhưng kiên quyết giữ độc lập chủ quyền của quốc gia, tranh thủ thời gian củng cố lực lượng, tạo sức mạnh để giải phóng và bảo vệ đất nước. Điều này được khẳng định rõ trong "Binh thư yếu lược" của Hưng đạo vương Trần Quốc Tuấn: "*Hòa mục là đạo rất hay cho việc trị nước hành binh. Hòa ở trong thì ít phải dùng binh, hòa ở ngoài biên thì không sợ báo động*". Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh điều đó bằng một cách nói khác : Việt nam "*muốn làm bạn với mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai*". Chữ "nhu" ở đây còn bao hàm ý nghĩa sử dụng cái nhỏ, yếu để "chế ngự" cái lớn, mạnh - "lấy yếu thắng mạnh, lấy ít địch nhiều". Cổ nhân cũng có nói "tứ lạng bát thiên cân" (bốn lạng đẩy nghìn cân). Trên thực tế, dân tộc Việt nam đã nhiều lần lâm vào tình huống phải dùng "bốn lạng để đẩy nghìn cân", cả trên mặt trận quân sự lẫn mặt trận ngoại giao. Đạo lý sâu xa của vấn đề là ở chỗ phải biết tránh chỗ mạnh, tấn công chỗ yếu, và hành động thuận theo chính nghĩa, thuận theo ý dân, thuận theo những xu thế và quy luật vận động của thế giới. "Thuận theo" là để dùng lực đánh lại lực (tá lực đả lực). Việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại có kết quả, chính là dựa trên nguyên tắc này cộng với sự hiểu biết sâu sắc về thực lực của ta và của các nước trên thế giới. Không hiểu biết sâu sắc "ta và người" thì không thể tạo nên thế "thuận". Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dạy bảo các cán bộ ngoại giao : "Phải hiểu cả hai bên mới có thể làm tròn nhiệm vụ". Binh thư của Tôn Tử viết : "Biết người biết ta, trăm trận không nguy" (Tri bỉ tri kỷ, bách chiến bất đãi). Nhờ hiểu rõ ta và người, ngoại giao Việt nam đã xử lý đúng đắn những mối quan hệ với các cường quốc, với các nước có chế độ chính trị khác nhau ở nhiều khu vực trên thế giới.

Hiện nay, các thể chế chính trị của các nước trên thế giới tựa như quang phổ, có sự giao thoa giữa các mầu sắc. Trong bối cảnh như vậy, ngoại giao Việt nam đã nhanh chóng bắt kịp xu thế và rất uyển chuyển với nguyên lý "phi bài trung" (là nguyên lý trong đó chấp nhận sự tồn tại của các yếu tố trung gian), thể hiện ở chính sách "đa dạng hóa, đa phương hóa" trong quan hệ đối ngoại. Triết học cổ phương Đông coi vũ trụ là một khối thống nhất (thái cực), trong đó chứa đựng phần âm và phần dương (lưỡng nghi), giữa âm và dương còn có những "cái" trung gian (thiếu dương, thiếu âm...) mà toán học hiện đại mô tả bằng lý thuyết về tập "mờ". Chính khái niệm "mờ" này làm cho thế giới sống động và hiện hữu. Thế giới không đơn giản chỉ có

Digitized by Google

Ta và *Địch*, *Dương* và *Âm*, mà còn có một sự biến thiên liên tục từ cực này sang cực kia. Quan niệm về một thế giới như vậy chúng ta cố gắng tìm những điểm "đồng", hạn chế những điểm "dị", vươn "sóng ngoại giao" tới nhiều "vùng đất mới". Và như vậy là đúng đắn và khoa học.

Ngoại giao Việt nam đang ở một tầm cao mới, đó là điều rất đáng tự hào. Cùng với niềm tự hào chính đáng này là những thách thức mới và khó khăn mới. Hội nhập vào thế giới hiện đại là một xu thế tất yếu, song từ một điểm xuất phát thấp, chúng ta phải tiến hành quá trình này như thế nào để ta lớn mạnh, trưởng thành nhưng ta vẫn là ta, giữ được bản sắc dân tộc, tức là hội nhập mà không bị "hòa tan". Đây là một thách thức rất gay gắt mà Việt nam phải đương đầu. Trong lúc chúng ta mở rộng quan hệ về ngoại giao, về kinh tế, văn hóa, khoa học và kỹ thuật, về đầu tư, du lịch..., thì đi cùng với bạn bè của chúng ta tới Việt nam, có thể có cả những kẻ muốn lợi dụng thời cơ để thực hiện ý đồ chính trị, tiến hành "diễn biến hòa bình", lợi dụng khó khăn của ta về kinh tế để gây sức ép, buộc Việt nam phải đi chệch hướng ; trong lĩnh vực văn hóa thì dùng sức mạnh, ưu thế về truyền thông và sức thẩm thấu của các "cường quốc văn hóa" làm mờ nhạt, biến chất Việt nam. Bên cạnh đó, một nguy cơ rất hiển hiện, đang đối mặt với chúng ta là nguy cơ tụt hậu. Nguy cơ tụt hậu và nguy cơ "hòa tan" tạo ra một tình thế rất nan giải. Và bây giờ, chúng ta phải gánh lấy trách nhiệm với những thế hệ đi trước và các thế hệ mai sau, nắm lấy những vận hội mới, đẩy lùi các thách thức, đưa nước ta sánh vai với các nước phát triển. Nói cách khác, chúng ta cần phải "kiên trì thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa đã được thực tế kiểm nghiệm, góp phần giữ vững hòa bình, ổn định, tranh thủ những điều kiện thuận lợi cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu vì mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh*" (1) ❑

(1) Diễn văn của Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Cầm, *Tuần báo quốc tế*, số 35, 1995

Những vấn đề...

(Tiếp theo trang 55)

khí sôi động trên thị trường thế giới thực tế đã góp phần thúc đẩy các cuộc xung đột, khủng bố trên thế giới thêm phần khốc liệt và tàn bạo hơn. Người ta sử dụng cả những vũ khí hiện đại nhất, tiên tiến nhất để giết hại lẫn nhau. Hoa kỳ là một trong những nước hăng hái nhất trong việc bán vũ khí ra thị trường thế giới. Viện nghiên cứu chính sách thế giới (WPI) của Mỹ cho biết : 90% số vũ khí sử dụng trong các cuộc xung đột trên khắp thế giới hiện nay là từ Mỹ. Trong 50 cuộc xung đột sắc tộc hoặc lãnh thổ diễn ra trong năm 1993-1994, có tới 45 cuộc trong đó một hoặc nhiều bên nhận vũ khí của Mỹ.

*
* *

Sự phát triển của thế giới ngày nay có thêm những vấn đề mới. Những vấn đề của thế giới nảy sinh trên cơ sở mối quan hệ qua lại giữa các hệ thống lợi ích dân tộc - giai cấp-toàn nhân loại, và sự ràng buộc giữa các yếu tố xã hội - con người - thiên nhiên. Sự khủng hoảng của xã hội văn minh, của các mối quan hệ đó làm cho các vấn đề của thế giới trở nên gay gắt hơn. Một số vấn đề cũ chưa được giải quyết xong đã lại phát sinh thêm những vấn đề mới. Các vấn đề đó liên quan với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Muốn giải quyết về cơ bản các vấn đề đặt ra, các dân tộc phải có quyền tự quyết, tự lực tự cường, có ý thức trách nhiệm cao đối với tương lai dân tộc mình, và có ý thức cộng đồng. Cần ngăn chặn mọi hành động ích kỷ, mọi ý đồ áp đặt cường quyền và bạo lực, cần thúc đẩy tiến bộ xã hội, bảo vệ hòa bình và an ninh, từ mỗi nước, mỗi khu vực cho đến toàn thế giới ❑

Digitized by Google

NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA THẾ GIỚI HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ HOA

THẬP kỷ 90 chứng kiến những biến đổi nhanh chóng và sâu sắc của bộ mặt thế giới. Cách mạng khoa học công nghệ đã mở ra những chân trời mới cho sự phát triển và tiến bộ của loài người. Thế giới đang hình thành những xu hướng vận động phát triển theo hướng đa cực hóa, quốc tế hóa và khu vực hóa mạnh mẽ.

Những xu hướng đang rõ dần ra, nhưng thế giới cũng lại chứa đựng biết bao điều nghịch lý, tồn tại nhiều vấn đề gay gắt không dễ giải quyết, vì nó liên quan đến sự phát triển của mỗi quốc gia, mỗi khu vực và cả cộng đồng quốc tế. Đây là thách thức to lớn mà con người phải đối mặt, giải quyết.

Một thế giới khủng hoảng về mối quan hệ giữa con người và môi trường sinh thái

Mối quan hệ giữa con người và môi trường sinh thái rất đa dạng, phong phú, luôn luôn tác động, ảnh hưởng lẫn nhau, phụ thuộc vào nhau. Theo một số nhà khoa học, dường như có sự liên quan *bí ẩn* giữa chu chuyển của mặt trời, mặt trăng với tâm lý và hoạt động của con người. Người ta nghiệm thấy : bức xạ mặt trời dường như có mối liên quan nào đó với sự biến động của thị trường chứng khoán ; vào những ngày trăng tròn, tỷ lệ tội phạm thường gia tăng... Cũng như vậy, con người và hoạt động của con người có thể ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sinh thái. Do đâu mà thành phần khí quyển thay đổi, nhiệt độ của trái đất tăng lên, đại dương, các nguồn nước và không khí bị ô nhiễm, đất đai bị sa mạc hóa, tài nguyên bị cạn kiệt ? Rõ ràng, tất cả đều do hoạt động của con người.

Theo số liệu của Viện nghiên cứu thế giới (Mỹ), từ năm 1970 đến 1990, thế giới đã mất đi gần 200 triệu ha rừng, diện tích hoang mạc tăng khoảng 120 triệu ha. Châu Á là khu vực có nhiều rừng nguyên thủy nhiệt đới trên thế giới, nhưng với mức phá hủy, chặt đốn bừa bãi như hiện hay (khoảng 4 triệu ha/năm) mà không có những biện pháp cần thiết để bảo vệ và trồng lại rừng, thì trong vòng chưa đầy 40 năm nữa, rừng châu Á có thể bị cạn kiệt hoàn toàn.

Thảm họa sinh thái là nguy cơ lớn của nhân loại. Thái bình dương đang trở thành một bãi rác khổng lồ ; còn Địa trung hải thì đã bị ô nhiễm đến mức thảm họa vì chất độc hại người ta đã thải ra đây : 1 triệu tấn hydrô các bon, 600 tấn chất tẩy, 100 ngàn tấn thủy ngân[1]. Con người đã biến đại dương trong lành thành nơi chôn các loại chất độc hại, ảnh hưởng tới cả các vùng lục địa.

Mức sử dụng tài nguyên càng tăng thì mức ô nhiễm môi trường càng lớn. Cùng với cuộc chạy đua khai thác và tiêu xài lãng phí tài nguyên, mối quan hệ giữa con người với thế giới tự nhiên ngày càng trở nên bi đát. Tình trạng sản xuất vô chính phủ, chạy theo lợi nhuận, thái độ vô trách nhiệm và sự kém hiểu biết đã dẫn tới sự phá hoại môi trường tự nhiên hết sức thô bạo. Con người đã công phá, "bóc lột" vô hạn độ tài nguyên chỉ để thỏa mãn những nhu cầu trước mắt, nhất thời. Con người là một bộ phận của tự nhiên và sống dựa vào tự nhiên. Mối quan hệ đó là khăng khít, không thể tách rời. Một khi mất điểm tựa, con người sẽ đi đến chỗ tự hủy hoại mình. Tự nhiên nếu tiếp tục bị con người tấn công, sẽ "nổi loạn" chống lại con người với sức tàn phá vô cùng to lớn. Con người sẽ chỉ như đứa trẻ không thể làm gì trước sự "thức giấc" bất ngờ của tự nhiên : động đất, núi lửa, sóng thần, tầng ô dôn bị phá hủy...

Một thế giới dưới sức ép của sự gia tăng dân số

Theo tạp chí *Kinh tế Viễn Đông* (Anh) số ra ngày 22-9-1994, phải trải qua hàng vạn năm

(1) Xem : *Điều chỉnh kinh tế của nhà nước ở các nước tư bản phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1993, tr 176

Digitized by Google

dân số thế giới mới đạt được 2,5 tỉ người (thời điểm sau chiến tranh thế giới thứ 2). Vậy mà chỉ trong 50 năm sau, dân số thế giới đã tăng hơn gấp đôi. Hiện nay, thế giới có khoảng 5,7 tỉ người. Dân số toàn cầu hằng năm tăng 86 triệu. Dự tính năm 2015 số dân thế giới khoảng 7,1 đến 7,8 tỉ người, và đến năm 2050 khoảng 7,9 đến 11,9 tỉ người.

Những nước nghèo khổ nhất là những nước có tỷ lệ tăng dân số cao. Ở châu Phi, tốc độ tăng dân số khoảng 3%/năm, trong khi đó mức tăng trưởng kinh tế của châu lục này chỉ đạt trung bình 1%/năm. Dân số tăng quá mức sẽ dẫn đến thảm họa cho con người : *nghèo khổ, lạc hậu, kém hiểu biết*. Nghèo khổ, lạc hậu, kém hiểu biết của con người lại làm dân số tăng nhanh. Đó chính là cái vòng luẩn quẩn mà các nước nghèo khổ đang gặp và rất khó gỡ ra.

Dân số tăng đã ảnh hưởng đến môi trường sống. Ở các vùng nông thôn, do tỷ lệ tăng dân số cao, đất canh tác đã bị thu hẹp và bị khai thác quá mức. Môi trường sống bị xuống cấp đã đẩy người dân nông thôn di cư vào các thành phố. Nhịp độ đô thị hóa tăng nhanh, đặc biệt ở các nước châu Á, đã khiến cho các nguồn nước và không khí ở các nước này bị ô nhiễm nặng : mỗi năm có khoảng 2 triệu người không có nước sạch để dùng, 3 triệu trẻ em chết vì suy dinh dưỡng và bị các bệnh do nước và không khí bị ô nhiễm [2]. Dân số càng tập trung ở các thành phố, việc xây cất nhà cửa, dịch vụ, giao thông công cộng càng tăng lên, thì cây xanh và các loại sinh vật càng trở nên hiếm hoi, môi trường sống càng xuống cấp. Thủ đô Băng cốc (Thái lan) tập trung tới 10 triệu người, với hơn 3 triệu xe hơi qua lại như mắc cửi, là một trong những thành phố đáng sợ vì bị ô nhiễm nặng vào loại nhất.

Một thế giới còn có đói nghèo và bất công

Hiện nay trên thế giới có 1,3 tỉ người sống trong cảnh nghèo khổ tuyệt đối ; 1,5 tỉ người không được chăm sóc y tế cơ bản. Đặc biệt, tại các nước châu Phi, có 22 triệu dân ở Ê-ti-ô-pi-a, Ê-ri-tơ-ri-a, Kê-ni-a, Xô-ma-li, Ru-an-đa, Bu-run-đi, Tan-da- ni-a, U-gan-đa và Xu-đăng đang phải đối mặt với sự tăng nhanh và tàn khốc của nạn đói [3].

Sự nghèo đói có mặt ở các nơi. "Phép lạ kinh tế" không chỉ tạo nên những khu nhà cao tầng sang trọng mà còn tạo nên nghịch cảnh đối lập là những khu nhà ổ chuột, người dân ngày qua ngày phải đối mặt với đói khát, bệnh tật. Ngay ở các nước được coi là giàu có nhất, vẫn còn hàng triệu người phải sống trong cảnh khốn cùng như ở các nước thuộc thế giới thứ ba. Châu Phi, châu lục giàu tài nguyên nhất, đang bị cùng kiệt bởi các cuộc nội chiến và xung đột sắc tộc liên miên, bởi các bệnh dịch thế kỷ hoành hành, bởi nạn hạn hán và đang phải gánh một khoản nợ khổng lồ không biết bao giờ trả hết. Nghèo đói có muôn ngàn bộ mặt, nhưng đều có điểm xuất phát chung :

Một là, do sự bất bình đẳng về sở hữu và phân phối của cải trên thế giới làm cho sự chênh lệch giàu nghèo giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển ngày càng tăng lên. 20% các nước giàu nhất nắm giữ 82,7% thu nhập trên toàn thế giới ; 20% các nước nghèo nhất chỉ được hưởng 1,4% số thu nhập trên.

Các nước tư bản chủ nghĩa là những nước đi đầu trong các lĩnh vực khoa học công nghệ mới. Họ đã chi phối, khống chế các nền kinh tế và thị trường thế giới thông qua hoạt động của các công ty đa quốc gia. Hiện nay có khoảng 37 000 công ty đa quốc gia và 170 000 chi nhánh trải rộng khắp các lục địa. Bằng các thủ đoạn kinh tế tinh vi như tăng cường các hàng rào thuế quan, xuất khẩu tư bản, chuyển giao công nghệ, thay đổi lãi suất... các nước tư bản không ngừng giàu lên do bóc lột các nước đang phát triển. Các nước đang phát triển ngày càng bị phụ thuộc nặng nề vào các nước tư bản về thương mại, công nghệ, và có nguy cơ biến thành nơi chứa các phế thải, rác rưởi từ các nước phát triển. Trong khi đó, thị trường trong nước và sự phát triển kinh tế yếu ớt của các nước đang phát triển khó có khả năng thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. Hàng hóa, nguyên liệu, nhiên liệu và nông sản của họ trở nên mất giá do chính sách ép giá, dìm giá của các nước tư bản. Do buôn bán

(2) Tạp chí *Kinh tế Viễn Đông*, ngày 22-9-1994

(3) Tạp chí *Tuần tin tức* (Mỹ), ngày 13-3-1995

Digitized by Google

thua lỗ nên họ buộc phải vay nợ và đó chính là cội nguồn của sự phá sản nền kinh tế trong nước. Càng vay nợ, họ càng phải gồng lưng để trả nợ, càng bị phụ thuộc nặng nề vào các nước phát triển.

Do kinh tế kém phát triển, do hàng hóa không đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới, các nước đang phát triển ít có khả năng và cơ hội tham gia sự phân công lao động quốc tế.

Hai là, nghèo đói sinh ra chính từ sự lạc hậu, kém hiểu biết của con người. Đa số các nước châu Phi tới nay vẫn chưa ra khỏi tình trạng lạc hậu, đó là kết quả của chính sách nô dịch và bóc lột kéo dài hàng thế kỷ của chủ nghĩa thực dân. Sự lệ thuộc quá nặng vào các nước "chính quốc" đã khiến họ không dễ tìm được cho mình một mô hình phát triển phù hợp. Sự học hỏi là điều cần thiết, nhưng sao chép nguyên xi hình mẫu phát triển của các nước phương Tây thì lại là một tai họa.

Người dân đã nghèo lại nghèo thêm bởi nạn mù chữ, thất học. Con người không ý thức được những hiểm họa do chính mình tạo nên. Tất cả mọi tại họa dường như họ đều quy cho thần linh. Tình trạng du canh du cư, "bóc ngắn cắn dài", chỉ biết khai thác mà không biết bồi dưỡng đất đai, càng làm cho môi trường sống bị hủy hoại, họ không sao thoát khỏi tình trạng nghèo đói, bệnh tật quanh năm.

Một thế giới vẫn chưa được bảo đảm an toàn

Trên bình diện chung, hòa bình đã đến với các dân tộc. Nhưng ở một số nơi, hòa bình còn là ước vọng mỏng manh. Các cuộc nội chiến, xung đột sắc tộc, chiến tranh khu vực, các hoạt động khủng bố... đã và đang là nguy cơ đối với an ninh, ổn định khu vực. Do vậy, tương lai của nền hòa bình và an ninh thế giới vẫn chưa được bảo đảm. Thế giới còn chứa đựng nhiều nhân tố bất ổn và chưa thể dự đoán trước được.

1- Trong bối cảnh "chiến tranh lạnh", vũ khí hạt nhân từng là mục tiêu mà các cường quốc theo đuổi hòng sử dụng nó như một đòn bẩy, một sự răn đe chiến lược đối với các đối thủ. Ngày nay, "chiến tranh lạnh" đã kết thúc, nhưng di sản của nó là các kho vũ khí hạt nhân vẫn còn đó.

Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) đã được 178 nước ký và có hiệu lực từ năm 1970, song suốt 25 năm qua, thế giới vẫn không ngừng tăng thêm các cơ sở sản xuất, chế tạo và thử vũ khí hạt nhân. Dư luận cho rằng, trên thế giới hiện có hàng vạn đầu đạn hạt nhân, nhiều hơn cả năm 1970. Thực tế cho thấy vũ khí hạt nhân không còn là độc quyền của riêng nước nào. Thế giới sẽ ra sao nếu như các nước tiếp tục sản xuất, tàng trữ loại vũ khí giết người hàng loạt như thế ?

2- Chủ nghĩa khủng bố đang nổi lên như một thách thức đối với thế giới. Vụ khủng bố bằng hơi độc mới đây ở Tô-ki-ô, Y-ô-cô-ha-ma, Sin-giu-cu (Nhật bản), vụ đánh bom ở Ô-cla-hô-ma (Mỹ), các vụ khủng bố đẫm máu ở An-giê-ri, Pa-ki-xtan, Phi-lip-pin, bạo lực liên tiếp xảy ra ở Xri Lan-ca, các vụ tấn công người nước ngoài ở Đức... tất cả cho thấy tính chất leo thang của tội ác. Không ai dám chắc rằng chủ nghĩa khủng bố không có mặt ở nơi này, nơi khác. Ngay cả những nước có tiếng là "an toàn nhất thế giới" về an ninh xã hội, cũng bị đặt vào mối nguy hiểm không lường trước được.

Chủ nghĩa khủng bố ngày nay mang tính chất và quy mô mới. Nó nảy sinh không đơn thuần do sự khác biệt về tư tưởng. Chủ nghĩa khủng bố còn mang đậm màu sắc chính trị vì nó được hình thành, nuôi dưỡng từ chính trong lòng xã hội tư bản chủ nghĩa, từ những mâu thuẫn sâu sắc giữa các đảng phái, lực lượng đối lập. Nó đã gây sức ép với nhà cầm quyền, buộc chính quyền phải thừa nhận nó là một lực lượng đối thoại quan trọng, nó muốn gây thanh thế trước dư luận trong nước và quốc tế. Chủ nghĩa khủng bố không còn là tội ác đơn độc, riêng lẻ, mà nó có tổ chức, hệ thống, quy mô. Nó không chỉ dừng lại ở biên giới quốc gia, mà có nguy cơ lây lan khắp nơi. Nó trở nên đặc biệt nguy hiểm bởi sự trợ giúp, tiếp tay của các lực lượng bên ngoài.

Ngày nay, việc sản xuất các loại hóa chất có sức hủy diệt hàng loạt, việc buôn bán vũ

(Xem tiếp trang 52)

Digitized by Google

XIN-GA-PO : Những bí quyết thành công

Lời người biên tập : Từ khi giành được độc lập vào năm 1965, dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Lý Quang Diệu, và sau đó, từ năm 1990 là Thủ tướng Gô Chốc Tông, Xin-ga-po luôn đạt được những bước tiến đáng khâm phục trong lĩnh vực kinh tế. Dưới đây chúng tôi trích đăng những ý kiến của Thủ tướng **Gô Chốc Tông** *trả lời phỏng vấn của Mác Măng-gianh, một phóng viên nhiều năm lăn lộn ở vùng Đông- Nam Á, về những vấn đề liên quan trên tạp chí Pháp* **Chính trị quốc tế,** *số 67 năm 1995.*

Hỏi : *Thưa ngài Thủ tướng, các nước vùng Viễn Đông đang ngày càng xem xét lại một cách thẳng thắn những quan niệm về nhân quyền theo kiểu phương Tây. Liệu người ta đã có thể nói tới nhân quyền theo kiểu châu Á chưa, thưa Ngài ?*

Trả lời : Như nhiều quốc gia khác ở châu Á, Xin-ga-po luôn tôn trọng những nguyên tắc của bản tuyên ngôn thế giới về nhân quyền. Tuy nhiên, chắc chắn phương Tây và Viễn Đông quan niệm về vấn đề nhân quyền rất khác nhau. Ở các nước phương Tây, quyền cá nhân của con người được đề cao hơn tất cả. Trong khi ở châu Á, chúng tôi cho rằng quyền của mỗi con người được dựa trên sự cân bằng giữa *hai trách nhiệm* : thứ nhất là trách nhiệm của con người với tư cách là *thành viên của gia đình* ; thứ hai là trách nhiệm con người với tư cách là *thành viên của xã hội.* Trong một số trường hợp, quyền của mỗi cá nhân có thể bị bó hẹp, song là để bảo đảm cho quyền lợi của tập thể.

Cách thực hiện quyền con người tùy thuộc vào mức độ phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước đương quyền. Đối với các quốc gia châu Á đang phát triển, các quyền con người về xã hội và kinh tế đều được bảo đảm như quyền công dân và quyền chính trị. Còn ở nơi nào mà sự nghèo nàn, lạc hậu, lộn xộn, bệnh tật và thất nghiệp ngự trị, thì ở đó không ai có thể khẳng định rằng mình được hưởng quyền con người. Trong trường hợp như vậy, quyền *cơ bản* là quyền *phát triển.* Ở phần lớn các nước thuộc thế giới thứ ba, quyền con người theo quan niệm phương Tây, là cái gì đó xa xỉ. Điều mà dân chúng đòi hỏi trước tiên là thức ăn, nhà ở và sự yên ổn. Để đạt được mục tiêu đó, quốc gia cần phải có kỷ cương, sự ổn định chính trị và hòa bình.

Hỏi : *Có điều gì mâu thuẫn giữa đạo Khổng là đạo của đại đa số người Xin-ga-po với sự hiện đại mà dân chúng đòi hỏi hay không ? Phải chăng, với sự thúc đẩy của tiến bộ, sớm hay muộn, tất cả các dân tộc trên toàn thế giới sẽ có tầm quan trọng như nhau ?*

Trả lời : Tôi không thấy có gì mâu thuẫn, mà ngược lại, đạo Khổng răn dạy nhiều phẩm giá là cơ sở cho sự phát triển kinh tế như tính siêng năng, tiết kiệm, coi trọng tri thức và giáo dục, cũng như truyền bá về một trật tự xã hội được xây dựng trên nền tảng của những mối quan hệ tổ chức theo thứ bậc. Ông đừng quên rằng sự hiện đại không chỉ giới hạn trong lĩnh vực phát triển kinh tế mà còn liên quan đến một loạt vấn đề về tôn giáo, tín ngưỡng và hệ thống giá trị. Đạo Khổng thuộc vào phạm trù này của hệ thống triết học và đạo đức vĩnh cửu.

Hỏi : *Xin-ga-po đã được xây dựng trên những cơ sở mà người ta có thể nói là độc quyền. Tuy nhiên, năm 1990, khi Ngài lên giữ chức Thủ tướng, đất nước Ngài đã quyết định bước vào một kỷ nguyên "mở cửa", vậy mà tại sao vẫn còn nhiều sự kiện có vẻ như không xác nhận xu thế này ?*

Trả lời : Khi tuyên thệ nhậm chức năm 1990, tôi đã hứa theo đuổi chính sách của người tiền nhiệm là ông Lý Quang Diệu, và không cắt rời khỏi quá khứ. Mặc dù nhu cầu và ý thức của người dân Xin-ga-po đã tăng lên nhiều cùng với trình độ giáo dục, sự tăng thu nhập và sự gia tăng trong mối quan hệ với nhiều nền văn hóa trên thế giới, nhưng nhịp độ thay đổi buộc chúng tôi phải tính tới những mối bận tâm của mọi tầng lớp trong xã hội. Mác "phương Tây" của Xin-ga-po chỉ là bề ngoài. Thực chất, Xin-ga-po vẫn là một xã hội châu Á muốn có một chính phủ vững chắc và chuyên quyền hơn là nhu nhược và bình dân.

Digitized by Google

Hỏi : *Một cách cụ thể thì điều đó có ý nghĩa gì ?*

Trả lời : Lấy ví dụ như năm 1990, chính phủ đã thực hiện một chế độ phân loại điện ảnh cho phép chiếu trên màn ảnh những phim không kiểm duyệt, loại chỉ dành cho người lớn. Đó là một trong số biện pháp "mở cửa". Thế nhưng các nhà kinh doanh băng hình đã lợi dụng cơ hội này để tung ra nhiều bộ phim mà giá trị nghệ thuật rất đáng nghi ngờ. Họ đã gây ra một làn sóng phẫn nộ lớn trong các bậc phụ huynh, giáo viên và cả những tổ chức lo lắng cho đạo đức của lớp trẻ. Do đó, chúng tôi buộc phải lập lại việc kiểm duyệt phim, và chỉ cho nhập những phim có tính nghệ thuật.

.....

Hỏi : *Trung quốc, Việt nam đã lần lượt tham khảo ý kiến của Xin-ga-po, những biểu hiện như vậy đã làm người ta có phần sửng sốt, bởi trong một chừng mực nhất định, đây vẫn là những nước cộng sản, có hệ tư tưởng mà trước đây luôn bị nước Ngài bài xích. Vậy theo Ngài, mối quan hệ hữu nghị mới của Xin-ga-po với các quốc gia này như thế nào và do đâu mà nó được khai thông ?*

Trả lời : Chúng tôi chưa bao giờ nghĩ rằng lý tưởng chính trị lại cản trở sự hợp tác kinh tế. Chúng tôi luôn luôn cố gắng duy trì các quan hệ tốt đẹp với tất cả các nước trên thế giới, đặc biệt hơn là với các nước trong khu vực. Trong mối quan tâm lâu dài của mình, Xin-ga-po luôn mong muốn châu Á - Thái bình dương trở thành một khu vực phồn vinh và thịnh vượng. Trung quốc, Việt nam... có một tiềm năng kinh tế rất lớn. Hợp tác với họ, Xin-ga-po hy vọng không những có thể khai thác tiềm năng này mà còn góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế và sự hòa nhập của các nước này vào hệ thống kinh tế quốc tế.

Hỏi : *Cho đến nay, tất cả các quốc gia tìm cách xuất khẩu mô hình phát triển của họ đều đã thất bại. Ngài có nghĩ rằng "phép màu Xin-ga-po" sẽ có thể tái hiện ở nơi khác không, thưa ngài Thủ tướng ?*

Trả lời : Tất cả còn phụ thuộc vào bối cảnh kinh tế và xã hội. Không gì cản trở được việc chuyển những công thức đã được chứng minh là thành công ở Xin-ga-po tới nơi khác, với điều kiện chúng thích nghi với đặc điểm địa phương. Chẳng hạn như ở Trung quốc và Ấn độ, nhiều khu vực có quyền tự do về kinh tế và chính trị như Thượng hải và Quảng châu, Bom-bay và Ma-đơ-rát, đều có thể dựa theo kinh nghiệm của Xin-ga-po. Nhưng không thể "xuất khẩu" một cách không suy xét những phương pháp của chúng tôi sang các nước có diện tích rộng lớn, có những đòi hỏi kinh tế, chính trị, rất khác với chúng tôi. Hằng ngày chúng tôi phải đương đầu với sự thách thức : vượt lên sự thiệt thòi do tầm cỡ nhỏ và khai thác triệt để điểm mạnh của mình - tiềm năng của người Xin-ga-po. Chính nhờ vậy mà chúng tôi thành công trong việc tự tạo cho mình một chỗ đứng trên trường quốc tế.

Hỏi : *Châu Á là một thị trường hấp dẫn, lôi cuốn sự quan tâm của Mỹ cũng như của châu Âu. Theo Ngài, còn đủ chỗ cho cả thế giới không ?*

Trả lời : Vùng châu Á - Thái bình dương có diện tích rộng gấp đôi diện tích châu Âu và Mỹ cộng lại, tập trung một nửa dân số thế giới, và trong 10 năm tới, dân số ở đây sẽ tăng thêm 400 triệu người, tương đương với số dân châu Âu hiện nay. Riêng 250 triệu người thuộc tầng lớp trung lưu ở Ấn độ cũng đã bằng số dân của Hoa kỳ, dẫu rằng họ không giàu có bằng người Mỹ. Trên phương diện kinh tế, khu vực này đã đạt được nhịp độ tăng trưởng nhanh nhất trong lịch sử nhân loại. Kim ngạch thương mại tính riêng ở châu Á đã vượt quá 40% kim ngạch thương mại giữa Mỹ và châu Âu. Nhu cầu về kết cấu hạ tầng trong thập kỷ tới ước tính khoảng 1000 tỉ đô la. Ông thấy đấy, cơ hội làm ăn ở đây nhiều vô kể, đủ chỗ cho tất cả các nước, kể cả Mỹ và các quốc gia châu Âu. Hơn nữa, châu Á cần nhiều công ty đa quốc gia của Mỹ và châu Âu để bảo đảm mức tăng trưởng của mình.

Hỏi : *Châu Âu nói chung và nước Pháp nói riêng có thể khai thác thị trường rộng lớn này như thế nào ?*

Trả lời : Tôi cho rằng lợi ích mà châu Âu đem lại cho châu Á, nhất là đối với Xin-ga-po, như một cơ sở cho sự phát triển trong khu vực. Pháp hy vọng xuất khẩu sang châu Á trong 5 năm nữa sẽ tăng lên 10%, hiện nay là 7%. Để đạt được mục tiêu đó, Pa-ri đã quyết định biến Xin-ga-po thành trung tâm của mọi hoạt động kinh tế và tài chính của Pháp trong khu vực này. Các công ty đa quốc gia của Pháp được khuyến khích mở rộng hoạt động ở Xin-ga-po.

Xin-ga-po ý thức được rằng sẽ có những cơ hội mới nhờ cộng tác với châu Âu và các công ty của họ. Những công ty này có công nghệ và nguồn vốn dồi dào. Về phần mình, ngoài kinh nghiệm làm việc tập thể, chúng tôi còn có nhiều mối liên hệ mật thiết với các nước láng giềng dựa trên cơ sở văn hóa và ngôn ngữ. Xin-ga-po có thể đóng vai trò trung gian : vừa chỉ ra cơ hội buôn bán cho các quốc gia châu Á, vừa giúp đỡ các nhà đầu tư nước ngoài trong quá trình kinh doanh của họ không chỉ ở Xin-ga-po mà còn ở Trung quốc, Ấn

Digitized by Google

độ, Việt nam, Mi-an-ma và các nước khác của ASEAN.

Theo cách nhìn nhận này, Xin-ga-po cùng với các nước châu Âu và các nước đang phát triển thành lập các hội đồng và diễn đàn thương mại với mục đích thăm dò khả năng liên doanh trong khu vực. Với những đầu tư của Pháp ở Xin-ga-po và mối quan hệ giữa hai quốc gia, các nhà công nghiệp Pháp và Xin-ga-po có điều kiện hợp tác với nhau để xây dựng các doanh nghiệp ở các nước thứ 3. Bằng con đường vòng này, Pháp và châu Âu cũng tham dự vào sự tăng trưởng của châu Á.

Hỏi : *Phải chăng hợp tác ngày càng chặt chẽ về kinh tế giữa các doanh nghiệp châu Âu và châu Á có thể tháo gỡ những bế tắc về quan hệ chính trị giữa hai lục địa ?*

Trả lời : Đúng vậy, tôi đã đề nghị tổ chức một cuộc họp thượng đỉnh Âu - Á nhằm tạo điều kiện cho các nhà lãnh đạo gặp gỡ nhau thường xuyên theo định kỳ 2 hoặc 3 năm, để trao đổi các vấn đề mà đôi bên cùng quan tâm, và tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai châu lục. Sáng kiến này được nhiều nước ủng hộ, và cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa các nhà lãnh đạo Á - Âu có thể sẽ diễn ra trong thời gian tới.

Hỏi : *Do chưa đủ khả năng gánh vác chi phí tài chính của các tổ chức quốc tế, phương Tây đã kêu gọi sự trợ giúp của Nhật bản. Theo tình hình kinh tế thế giới, các nước công nghiệp hóa mới (NICs) sẽ nhanh chóng được yêu cầu đóng góp tài chính. Phản ứng của Ngài về vấn đề này như thế nào ?*

Trả lời : Không thể nghi ngờ gì, chính NICs cũng mong muốn tăng cường sự có mặt của mình về kinh tế và chính trị trên trường quốc tế. Còn chúng tôi, những người theo chủ nghĩa hiện thực và thực dụng, luôn ý thức rằng : một *thành phố - quốc gia* như Xin-ga-po chỉ nên có ảnh hưởng nhất định, nghĩa là chúng tôi đóng vai trò khiêm tốn bằng cách đóng góp phần mình vào cộng đồng quốc tế, thí dụ như tham gia vào lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Chính sách giúp đỡ của chúng tôi tập trung vào lĩnh vực kỹ thuật và phát triển yếu tố con người. Đó là quan niệm của chúng tôi. Không gì quan trọng bằng việc đào tạo con người. Xin-ga-po không có tham vọng lớn, chỉ mong muốn làm người bạn hữu ích, tận tụy và thân thiết của mọi quốc gia ❑

TUYẾT HƯƠNG - VÂN HƯƠNG
(Lược dịch)

Phong trào...

(Tiếp theo trang 40)

Nhiệm vụ từ nay đến năm 2000

Hải phòng là một thành phố cảng quan trọng ở phía Bắc, có bờ biển, cửa sông, cũng như hải đảo, có tầm chiến lược của cả nước. Việc đảm bảo nâng cao đời sống nhân dân, giữ gìn ổn định xã hội chống lại âm mưu "diễn biến hòa bình" ở thành phố này có ý nghĩa rất quan trọng.

Thành ủy, Ủy ban nhân dân và lãnh đạo công an thành phố đã xác định phương hướng, nhiệm vụ phong trào bảo vệ an ninh, trật tự những năm sắp tới là *phải giữ vững, phát huy hơn nữa những thành tích đã đạt được*. Đó là một vinh dự, nhưng cũng là khó khăn không nhỏ, đòi hỏi Hải phòng phải cố gắng vượt qua. Muốn thế, cần :

- Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, trước hết cho lực lượng nòng cốt là công an nhân dân, nâng cao ý thức cảnh giác và tinh thần trách nhiệm trên lĩnh vực này.

- Tiếp tục phát động phong trào quần chúng sâu hơn, rộng hơn, phòng ngừa và tấn công tội phạm, bài trừ các tệ nạn xã hội... phát động quần chúng tham gia chống tham nhũng, buôn lậu, thực hiện công bằng, văn minh, nếp sống lành mạnh.

- Tăng cường xây dựng Đảng, chính quyền và các lực lượng vũ trang, các ngành nội chính vững mạnh, trong sạch, xứng đáng là hạt nhân chính trị, chỗ dựa vững chắc cho phong trào quần chúng tham gia bảo vệ chế độ, bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng.

- Trên cơ sở phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục khuyết điểm, quyết tâm, nỗ lực phấn đấu vươn lên, làm cho phong trào quần chúng bảo vệ an ninh trật tự đạt được nhiều tiến bộ mới, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa, bảo đảm an ninh quốc phòng, xứng đáng với truyền thống của thành phố cảng trung dũng, kiên cường ❑

Digitized by Google

HÌNH SỰ, DÂN SỰ. TỐ TỤNG HÌNH SỰ, TỐ TỤNG DÂN SỰ

• HÌNH SỰ. Thuộc về *hình sự* là những hành vi *nguy hiểm cho xã hội*, bị coi là phạm tội và nhà nước phải áp dụng những hình phạt thích đáng đối với người phạm tội. Xử phạt những hành vi nguy hiểm đó, Nhà nước dùng *Bộ luật hình sự*.

Bộ luật hình sự bao gồm *hai* phần chính : những nguyên tắc chung và chế định chung về việc truy cứu trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với người phạm tội ; các loại tội phạm hình sự và các loại, mức hình phạt tương ứng đối với người phạm tội. Bộ luật xác định rõ hành vi như thế nào là phạm tội, tội đó là tội gì, đồng thời quy định các loại và mức hình phạt cho phù hợp.

Bộ luật hình sự mang *tính chất giai cấp* rõ rệt. Khác với bộ luật hình sự của các nhà nước tư sản, bộ luật hình sự của nhà nước xã hội chủ nghĩa bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động trong xã hội, chống lại số ít những phần tử xâm hại đến lợi ích cơ bản của nhà nước, của xã hội và của công dân.

Bộ luật hình sự *đầu tiên* của nước ta ra đời giữa năm 1985 và có hiệu lực kể từ 1-1-1986. Bộ luật hình sự có *nhiệm vụ cơ bản* là : bảo vệ những quan hệ xã hội nhất định, đấu tranh chống và phòng ngừa các tội phạm, có tác dụng giáo dục công dân tự giác tuân theo pháp luật.

• DÂN SỰ. Thuộc về *dân sự* là những sự việc xảy ra giữa các cá nhân với nhau hoặc giữa cá nhân với các tổ chức trong nhân dân về quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân phi tài sản, cần được xử lý theo những quy tắc nhất định. Có như vậy thì những lợi ích của cá nhân phát sinh từ quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân mới được nhà nước thừa nhận, bảo vệ và giải quyết, do đó mới trở thành những quyền dân sự chính đáng của mình.

Quan hệ tài sản là quan hệ giữa người và người về những của cải và lợi ích vật chất. Quan hệ đó liên quan tới việc xác định tài sản *thuộc về ai* (sở hữu), nó được *chuyển dịch như thế nào từ người này sang người khác* (hợp đồng, thừa kế).

Quan hệ nhân thân là quan hệ xã hội gắn liền với từng công dân nhất định, ghi nhận tính riêng biệt của mỗi người và sự đánh giá của xã hội đối với nhân cách của mỗi người. Đó là quan hệ xã hội về lợi ích không mang tính chất tài sản, không biểu hiện thành tiền, gắn với mỗi người ; chẳng hạn, quan hệ sáng tạo tác phẩm văn học, nghệ thuật, quan hệ sáng chế, phát minh... Những quan hệ này tuy không mang tính chất tài sản, nhưng trên cơ sở quan hệ nhân thân mà phát sinh quan hệ tài sản nhất định.

Trong quan hệ pháp luật dân sự, hai bên tham gia có thể là *con người cụ thể* (công dân) hoặc *tổ chức* (pháp nhân). Mỗi bên phải thực hiện những xử sự nhất định đối với bên kia theo những quy tắc nhất định đã được quy định trong quy phạm pháp luật dân sự. Xử sự đó thể hiện ở những hành vi nhất định nói lên nghĩa vụ pháp lý của mỗi bên, đồng thời cũng nói lên quyền của bên nọ đối với bên kia.

• TỐ TỤNG HÌNH SỰ. Là hoạt động khởi tố, điều tra, kiểm sát, xét xử và thi hành án hình sự theo một trình tự nghiêm ngặt nhằm bảo đảm tính khoa học, chính xác, đúng người, đúng tội, không làm oan người ngay, không để lọt kẻ có tội. Nó được xây dựng thành *Bộ luật tố tụng hình sự*. Những quy phạm pháp luật tố tụng hình sự quy định : những nguyên tắc, trình tự và thủ tục tiến hành khởi tố, điều tra, kiểm sát và xét xử vụ án hình sự ; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng hình sự. Nói cụ thể hơn, nó gồm những quy phạm, quy trình, trình tự, nội dung tiến hành một vụ án hình sự nói chung (nhiệm vụ của vụ án, những điểm cơ bản về các quyền và nghĩa vụ của các cơ quan và người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng v.v.) ; và những quy phạm điều chỉnh từng giai đoạn tố tụng riêng biệt tiến hành vụ án hình sự.

Tố tụng hình sự có trách nhiệm chứng minh tội phạm theo một trình tự chặt chẽ do luật quy định, từ khởi tố vụ án, khởi tố bị can, điều tra thu thập chứng cứ, truy tố bị cáo ra tòa, cho đến quyết định đưa vụ án ra xét xử. Đó là những bước chuẩn bị cho việc xét xử tại phiên tòa nhằm xác định bị cáo là người có tội hay không.

• TỐ TỤNG DÂN SỰ. Là hoạt động nhằm điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh giữa tòa án và những người có liên quan đến việc kiện dân sự trong quá trình giải quyết vụ kiện nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân và pháp nhân. *Tòa án nhân dân* có trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự, có trách nhiệm chủ động đề ra các hành vi tố tụng dân sự cần thiết để bảo đảm việc xét xử đúng sự thật khách quan, đúng luật. Mọi quyết định của tòa án trong quá trình giải quyết việc kiện dân sự là có tính chất *bắt buộc* đối với các đương sự ; mọi đương sự có nghĩa vụ chấp hành các quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân tham gia tố tụng dân sự với tư cách là cơ quan nhà nước thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân thủ pháp luật trong quá trình tòa án giải quyết vụ án dân sự, kiểm sát đối với mọi hành vi tố tụng dân sự của đương sự và của cả tòa án theo những hình thức được luật pháp quy định.

Hoạt động của tòa án và những người tham gia tố tụng dân sự không thể tùy tiện mà phải tuân theo những thủ tục tố tụng dân sự nhất định được quy định trong *Luật tố tụng dân sự*. Những hoạt động đó thể hiện ở những hành vi nhất định gọi là *hành vi tố tụng dân sự*. Mọi hoạt động của tòa án và những người tham gia tố tụng dân sự trong một vụ án dân sự được tiến hành qua nhiều thời kỳ nối tiếp nhau, mỗi thời kỳ đó gọi là một *giai đoạn tố tụng dân sự*. Mỗi giai đoạn tố tụng dân sự bao gồm nhiều hành vi tố tụng dân sự có quan hệ với nhau và nhằm thực hiện một nhiệm vụ nhất định ❑

Digitized by Google

HỘI THẢO KHOA HỌC VỀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 1996-2000

NGÀY 30-8-1995, tại Hà nội, Ngân hàng nhà nước trung ương tổ chức hội thảo khoa học về chính sách tiền tệ từ nay đến năm 2000. Dự hội thảo có đồng chí Cao Sĩ Kiêm, PTS kinh tế, Ủy viên Trung ương Đảng, Thống đốc Ngân hàng nhà nước ; các nhà khoa học tham gia hoạch định chính sách vĩ mô của nhà nước thuộc Văn phòng Chính phủ, Ủy ban kế hoạch nhà nước, Ban kinh tế trung ương, Bộ tài chính, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tạp chí Cộng sản... và một số phóng viên báo chí ở trung ương và Hà nội.

Tại cuộc hội thảo đồng chí Lê Toàn Thắng, Phó vụ trưởng Vụ kinh tế thuộc Ngân hàng nhà nước đã trình bày bản dự thảo "Chính sách tiền tệ phục vụ phát triển kinh tế giai đoạn 1996-2000" với **một số nội dung chính** sau đây :

+ *Về đánh giá tình hình chính sách tiền tệ giai đoạn 1991-1995.* Ở giai đoạn này, nền kinh tế nước ta có sự chuyển đổi về cơ chế, nên có mức tăng trưởng cao, kiềm chế được lạm phát. Nhất là từ khi lãi suất thực là dương, (6-1992), mức huy động tiền gửi đáp ứng được nhu cầu của nền kinh tế, thì không còn tình trạng khan hiếm tiền như trước. Giá vàng và giá ngoại tệ ổn định thời gian dài. Đồng tiền Việt nam có giá, không còn tình trạng và tâm lý có tiền là mua vàng và đô la (USD) để tích trữ. Nhờ vậy, Ngân hàng nhà nước đã kiểm soát được khối lượng tiền tệ trong lưu thông. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn bị những cơn sốt giá làm ảnh hưởng đến người tiêu dùng. Thực chất của hiện tượng sốt giá là do công tác quản lý điều hành nền kinh tế chưa tốt, chứ không phải là do cung cầu mất cân đối. Việc huy động vốn đầu tư nước ngoài có hiệu quả, nhưng việc ký kết các hợp đồng, quản lý và sử dụng nguồn vốn đó còn nhiều vấn đề nan giải. Thực tế cho thấy, chúng ta còn nhiều mặt non kém khi tiếp cận với nền kinh tế thị trường.

+ *Về mục tiêu và nội dung của chính sách tiền tệ giai đoạn 1996-2000.* Ở giai đoạn này, nước ta tiếp tục phát triển và chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nhanh cơ sở hạ tầng. Coi trọng phát triển các ngành dịch vụ như du lịch, hàng không, bưu chính viễn thông, các dịch vụ tài chính, ngân hàng và bảo hiểm. Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, đẩy mạnh xuất khẩu, tăng nhanh sức cạnh tranh và hội nhập thị trường thế giới. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong giai đoạn 1996-2000 cần đạt và vượt là : nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm khoảng 10%, sản xuất công nghiệp 15-16%, nông - lâm - ngư nghiệp 4,5%, dịch vụ 13-14%, xuất khẩu 20-25% ; vốn đầu tư xã hội trong cả 5 năm khoảng 55-60 tỉ USD ; cơ cấu kinh tế đến năm 2000 theo tỷ lệ : nông nghiệp 16%, công nghiệp và xây dựng 36%, dịch vụ 48%. Để phục vụ tốt đường lối phát triển kinh tế - xã hội nêu trên, chính sách tiền tệ trong giai đoạn 1996-2000 cần giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát. Trong điều kiện nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, nguy cơ lạm phát vẫn còn, thì vấn đề kiềm chế và đẩy lùi lạm phát là hết sức quan trọng, nhằm bảo đảm giá trị đồng tiền Việt nam và biến nó thành đồng tiền có thể tự do chuyển đổi.

Muốn thực hiện được các mục tiêu kinh tế nói trên, cần tập trung chỉ đạo thực hiện *một số nội dung chủ yếu* sau đây trong chính sách tiền tệ :

- *Về cung ứng tiền cho nền kinh tế.* Cần kiểm soát được khối lượng tiền tệ trong lưu thông ; chủ động mua, bán ngoại tệ nhằm ổn định tỷ giá và nâng cao dự trữ cho quốc gia. Trong điều hành vốn, cần năng động, linh hoạt, bảo đảm hiệu quả kinh tế.

- *Về chính sách tín dụng.* Cần tăng cường huy động vốn (bao gồm cả vốn ngắn hạn và dài hạn) phục vụ cho công nghiệp hóa và tăng trưởng kinh tế.

- *Về chính sách ngoại hối và tỷ giá.* Cần có bước đi thận trọng, mềm dẻo để Ngân hàng nhà nước trung ương kiểm soát ngày càng tốt hơn lượng ngoại tệ lưu hành trên thị trường nước ta, tiến tới xóa bỏ dần việc cho phép các ngân hàng thương mại cho các tổ chức kinh tế vay bằng ngoại tệ, bảo đảm các luồng ngoại tệ vào và ra đều phải được chuyển đổi thông qua hệ thống ngân hàng.

- *Về chính sách đối với ngân hàng nhà nước.* Cần chấm dứt việc Ngân hàng nhà nước cho ngân sách nhà nước vay trực tiếp dưới mọi hình thức, kể cả việc ứng dự trữ ngoại tệ chuyển đổi ra đồng Việt nam để chi. Thực hiện bù đắp thâm hụt ngân sách theo hướng *vay dân* bằng cách phát hành trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc (vay ngắn hạn).

Ngoài ra, để ngành ngân hàng từng bước tiếp cận kinh tế thị trường, cần sử dụng *các công cụ quản lý và điều hành chính sách tiền tệ* (lãi suất, dự trữ bắt buộc, tái cấp vốn, nghiệp vụ thị trường mở) và các giải pháp hỗ trợ khác (môi trường pháp lý, hiện đại hóa ngân hàng, tổ chức bộ máy, phát triển các thị trường tài chính, đào tạo cán bộ...).

Trong hội thảo, đồng chí Cao Sĩ Kiêm đã nêu một số *vấn đề lớn đang đặt ra đối với hoạt động ngân hàng* và đề nghị các nhà khoa học đóng góp thêm ý kiến để Ngân hàng nhà nước có thể bổ sung, hoàn

Digitized by Google

thiện bản dự thảo nói trên. Dưới đây là **mấy điểm chủ yếu** qua những ý kiến đóng góp của các nhà khoa học :

1- *Cần hoàn chỉnh hơn nữa bản dự thảo "Chính sách tiền tệ phục vụ phát triển kinh tế giai đoạn 1996-2000".*

Các ý kiến phát biểu đều khẳng định bản dự thảo có nội dung phong phú và lập luận chặt chẽ. Tuy nhiên, cần "lượng hóa" hơn nữa để có tính thuyết phục cao. Nên đánh giá cả quá trình lưu thông tiền tệ những năm trước đây để thấy được trong giai đoạn chuyển đổi cơ chế, nhất là từ năm 1991 đến nay, nền kinh tế nước ta đã duy trì được đồng tiền ổn định và đồng tiền Việt nam đã có giá. Cũng có nhiều ý kiến đặt câu hỏi : giai đoạn 1996-2000 là giai đoạn mà chúng ta thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa, liệu điều này có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế không ? Thực tế ở nhiều nước kinh tế phát triển đã cho thấy: vừa tăng trưởng kinh tế, vừa công nghiệp hóa là mâu thuẫn nhau. Hơn nữa, giai đoạn này ở nước ta là thời kỳ ta phải trả nợ vay. Một số ý kiến nhấn mạnh : việc cung ứng tiền và kiểm soát khối lượng tiền tệ trong lưu thông, là nhiệm vụ của ngân hàng đối với nền kinh tế. Mục tiêu chủ yếu cần đạt được là dùng đồng tiền để kiềm chế lạm phát và tăng trưởng kinh tế. Cho nên, việc quản lý tiền vào và tiền ra, nên căn cứ vào chu kỳ kinh doanh để xem xét, đề ra chiến lược chính sách tiền tệ cho thích hợp với từng thời kỳ. Đương nhiên, khi huy động vốn cho nền kinh tế, phải tính toán nhiều mặt : Cơ sở để huy động vốn thế nào? Môi trường đầu tư ở Việt nam ra sao ? Thu hút vốn nước ngoài tới mức nào thì vừa ? Điều cần chú ý là : muốn tăng trưởng kinh tế, phải có vốn đầu tư từ bên ngoài. Để nền kinh tế nước ta phát triển, ngành ngân hàng phải có giải pháp tốt về quản lý nội tệ và ngoại tệ.

2 - *Cần rà soát lại hệ thống chính sách kinh tế nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển.*

Có nhiều ý kiến cho rằng, nên bỏ sớm *thuế doanh thu* đối với ngành ngân hàng, vì thuế doanh thu làm cho mức lãi suất cho vay cao, không kích thích tăng trưởng kinh tế. Nhiều nước đã bỏ thuế doanh thu mà áp dụng *thuế trị giá gia tăng* (TVA). Về *dự trữ bắt buộc*, mức quy định 10 đến 35% như ở nước ta hiện nay là quá cao, nên hạ xuống (ở Nhật, dự trữ bắt buộc chỉ có 0,18%). Về *quản lý ngoại tệ*, cần xác định tỷ giá ở từng thời điểm cho thích hợp, vì ngoại tệ vào nhiều mà buông lỏng quản lý tỷ giá, sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và dễ gây ra lạm phát. Với nguồn vốn có hạn, việc xóa đói, giảm nghèo không nên chỉ dựa vào hình thức cho vay vốn. Ở nước ta hiện nay, hệ thống ngân hàng chưa hoàn toàn hoạt động theo cơ chế thị trường. Về cho vay vốn, các ngân hàng thương mại có lúc vẫn phải làm theo mệnh lệnh cấp trên. Chuyển sang cơ chế mới, các ngân hàng thương mại cần hoạt động trên cơ sở hạch toán kinh doanh, chịu sự chỉ đạo của ngân hàng cấp trên. Nên phân định rõ *chức năng* của Kho bạc nhà nước, nhất là trên lĩnh vực cho vay. Tạo điều kiện cho ngân hàng quản lý chặt chẽ khối lượng tiền tệ qua Kho bạc nhà nước. Cũng có nhiều ý kiến cho rằng, ngành Ngân hàng cần chú ý đến *cơ cấu cho vay*, điều chỉnh lãi suất sao cho hợp lý để không ảnh hưởng đến chỉ số tăng giá. Vấn đề lớn đặt ra là : hệ thống ngân hàng cần chiếm lĩnh thị trường tiền tệ ngoài ngân hàng. Muốn như vậy, ngành ngân hàng cần có bộ máy quản lý và đội ngũ cán bộ tinh thông nghiệp vụ, sắc sảo chuyên môn. Mục tiêu *chủ yếu* là kiểm soát được khối lượng tiền tệ trong lưu thông, đáp ứng được nhu cầu tiền tệ cho nền kinh tế.

3 - *Về một số chỉ tiêu và định hướng chính sách tiền tệ đến năm 2000.*

Nhiều ý kiến cho rằng, từ năm 1996 đến năm 2000, lạm phát ở mức hai con số là khó tránh khỏi. Vấn đề quan trọng là xem như vậy thì có tác động tiêu cực đến đầu tư và ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và tái sản xuất bình thường của nền kinh tế hay không. Hầu hết những người dự hội thảo đều tán thành *định hướng và mục tiêu* chung về chính sách tiền tệ từ năm 1996 đến năm 2000. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng, không nên quan niệm "tăng trưởng kinh tế hài hòa với lạm phát". Thực tế các nước phương Tây cho thấy, tăng trưởng kinh tế cao thì lạm phát tăng. Bởi vì, muốn tăng trưởng kinh tế thì phải tăng vốn đầu tư, mà tăng vốn đầu tư thì khó tránh khỏi dẫn đến gia tăng lạm phát. Hiện nay, vốn đầu tư nước ngoài vào nhiều, cần huy động và sử dụng sao cho hợp lý. Không nên "thích vay, nhưng ngại trả". Nếu vậy, nguồn vốn nước ngoài vào nhiều chưa hẳn là tốt. Cần quản lý chặt nguồn vốn đó và quy định rõ quỹ dự trữ tiền tệ và ngoại tệ chỉ được sử dụng vào việc gì. Cũng có ý kiến cho rằng, cần phân biệt rõ khái niệm "lạm phát" và "chỉ số tăng giá hàng hóa", bởi vì ở nước ta, có thời kỳ tiền không tăng mà giá vẫn tăng, và ngược lại.

Hội thảo cho thấy chính sách tài chính tiền tệ nói chung và chính sách tiền tệ nói riêng là rất cần thiết, và cần được ra đời trước Đại hội VIII của Đảng vì đây là công cụ quan trọng phục vụ phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm cho nền kinh tế nước ta nhanh chóng hội nhập với cộng đồng kinh tế thế giới ❑

P.V

Digitized by Google

TỈNH MINH HẢI TRƯỚC CỬA NGÕ THẾ KỶ 21

Minh hải tỉnh địa đầu phía Nam của Tổ quốc, với diện tích : 7.700 Km^2, dân số 1.738.530 người. Năm 1994 kim ngạch xuất khẩu : 123 triệu USD. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế 9,3% GDP. Minh hải có bề dầy truyền thống cách mạng. Nơi có truyền thống quật khởi Đồng học hạng ; nơi là căn cứ lớn của đường mòn Hồ Chí Minh trên biển ; cũng là nơi căn cứ cách mạng miền Nam, từng che chở nuôi giấu nhiều lãnh tụ của Đảng ta trong các cuộc kháng chiến. Nơi đây cố Tổng bí thư Lê Duẩn đã soạn thảo "Đường lối cách mạng miền Nam". Nhiều chiến công của nhân dân Minh hải đã đi vào lịch sử dân tộc như khởi nghĩa Hòn Khoai, là một điểm nóng của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, và sông nước Minh hải đã chôn vùi hàng trăm tàu chiến của Mỹ - nguỵ ...



Minh hải có 307 Km bờ biển, trữ lượng hải sản ≈ 700.000 tấn, trên 120.000 ha đất nuôi trồng thủy sản, trữ lượng 40.000 tấn ; 15 nhà máy chế biến thủy sản công suất 25.000 tấn. Năm 1994 chế biến 20.000 tấn, kim ngạch xuất khẩu hơn 100 triệu USD.



Đầm Thị Tường, thắng cảnh độc đáo của Minh hải là căn cứ địa của tỉnh ủy Cà Mau (Minh hải ngày nay)



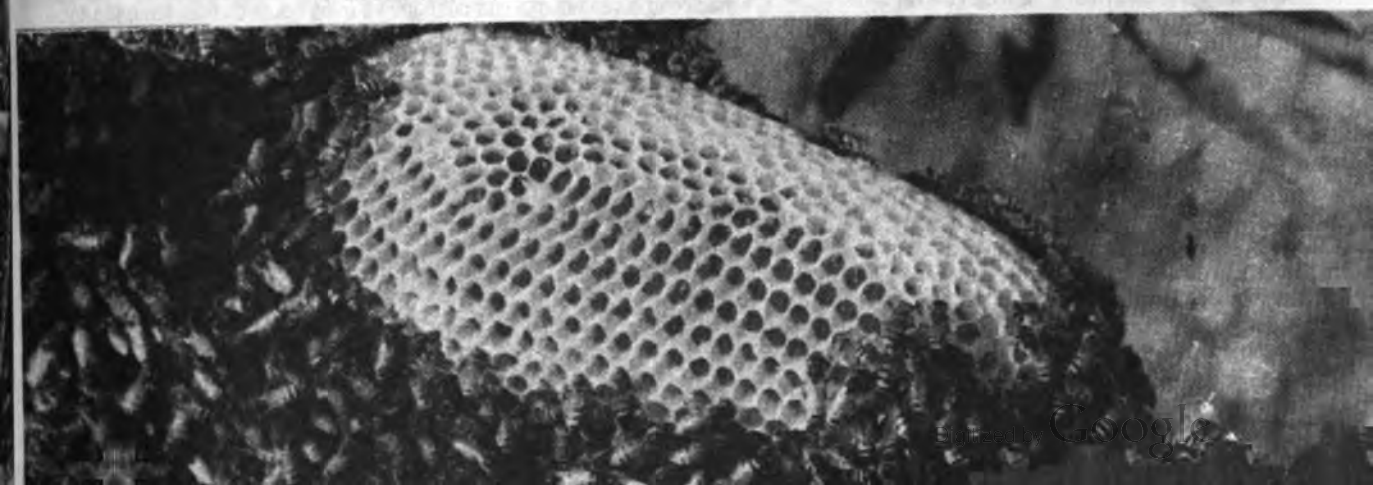
Digitized by Google



Nông nghiệp là thế mạnh hàng đầu của tỉnh. Năm 1994 tổng sản lượng 1,1 triệu tấn lúa. Ngoài ra có nhiều cây công nghiệp ngắn ngày... phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu.

Minh hải có 176.163 ha rừng ngập mặn, lợ với hàng trăm động thực vật quí hiếm như : trăn, rắn, ong và muông thú... Minh hải có nhiều vườn chim nổi tiếng.





CÔNG TY XÂY DỰNG SÀI GÒN "SACOCO"

SAIGON CONTRUCTION COMPANY

- Văn phòng : 288-288B11 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP. HCM
  Điện thoại : 436009-442775
  Điện thoại di động : 908123
  Fax : 84.8.442775 - Máy nhắn tin : 281.12124
- Xưởng sản xuất và cửa hàng : Số 7 ấp xóm mới, xã Phước long, huyện Thủ đức, TP. HCM
- Văn phòng chi nhánh CTy và cửa hàng : 68 Mỹ Xuân. QL51 H. Tân thành. Bà rịa - Vũng tàu





- Chuyên sản xuất gạch Hourdis, gạch Block cách âm cách nhiệt theo hệ dây chuyền công nghệ Pháp. Máy thủy lực tự động
- Sản xuất Mộc trang trí nội thất và Mộc gia dụng

Chi nhánh công ty và cửa hàng : Số 68 Mỹ xuân, Quốc lộ 51, huyện Tân thành, tỉnh Bà rịa - Vũng tàu.

Chuyên doanh :

Thi công các công trình dân dụng và trang trí nội thất, điện, nước...

Xây dựng công trình công nghệ san lấp mặt bằng...

Sản xuất vật liệu xây dựng và mua bán vật liệu

Cho thuê máy trộn hồ, cẩu bêtông, dàn dáo sắt và dụng cụ thi công.

Đặc biệt công ty sản xuất gạch Hourdis, gạch Block theo xu hướng mới về xây dựng, sản xuất bằng máy thủy lực tự động theo hệ thống dây chuyền tiên tiến nhất của nước cộng hòa Pháp.

Sản phẩm độc đáo, chắc chắn, gọn nhẹ, mau lẹ, chất lượng cao, mỹ thuật. Phương pháp xây dựng đổ sàn cột không ván coffage. Cách âm cách nhiệt - Bảo vệ môi trường cây xanh. Lắp đặt điện nước, thiết bị ngầm trong tường sàn dễ dàng. An toàn lao động - Tiết kiệm giá thành công trình. Rút ngắn thời gian thi công - Tuần 1 sàn lầu thay vì kiểu cũ 1 tháng.

Kỹ thuật, mỹ thuật - Hiệu quả kinh tế cao.

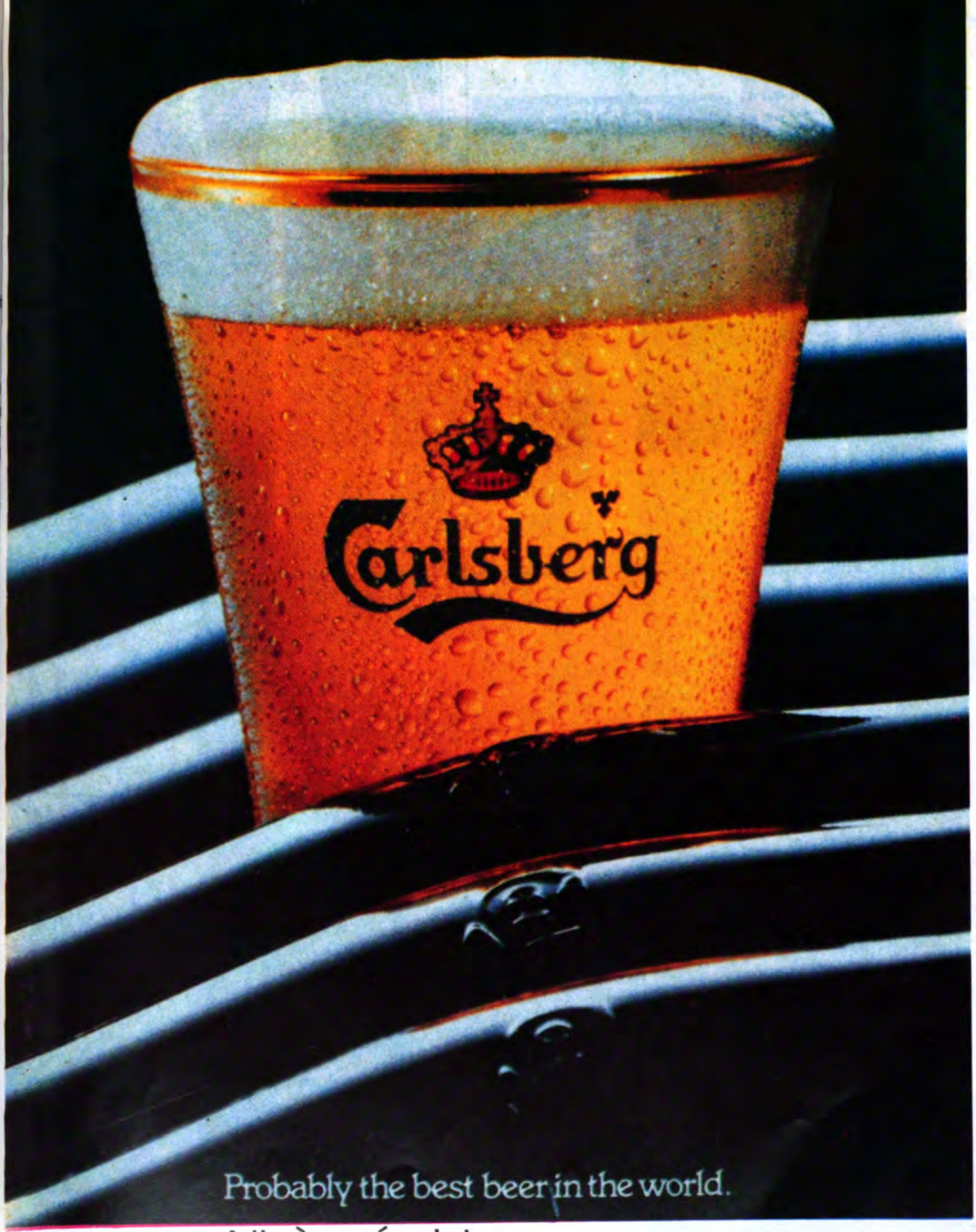
Giám đốc công ty : PHẠM HÙNG ANH

Hân hạnh đón chào quý khách

"...Là một Cty TNHH XD đầu tiên của Việt nam và cũng là Cty đi đầu trong chuyển giao công nghệ XD mới. Những đặc tính ưu việt của công nghệ hiện đại về gạch XD do SACO-Co. tiếp nhận và triển khai, đã tăng thêm bạn hàng và sự tín nhiệm chung. Ngay tại Việt nam, các doanh gia Nhật, Đức, Pháp... trong các công trình đầu tư cơ bản của mình đã trở thành khách hàng thường xuyên của SACO - Co. Với Giám đốc Phạm Hùng Anh, gần nửa thế kỷ gắn bó với chuyên môn XD tâm đắc của mình đã để lại những công trình tại khắp các địa phương và cả nước ngoài. Ông tin tưởng chắc chắn ở vận hội mới của đất nước và ở lớp người do ông góp phần tạo dựng. Những thành tựu của Cty, của cá nhân ông là một minh chứng đẹp đẽ nhất..."



Digitized by Google



Nhà máy bia

ĐÔNG NAM Á

167B Minh Khai, Q. Hai Bà Trưng, Hà nội Điện thoại : 631131 - Fax : 631303

VP đại diện tại TP Hồ Chí Minh : 210 Nguyễn Công Trứ, Q.1, Điện thoại : 251226

Digitized by Google

CÔNG TY CAO SU BÌNH LONG

BINH LONG RUBBER COMPANY

THỊ TRẤN AN LỘC - HUYỆN BÌNH LONG - TỈNH SÔNG BÉ TEL : 01.65.66324 FAX : 65.662





GIÁM ĐỐC CÔNG TY
NGUYỄN VĂN SAO



Tiền thân là đồn điền TERRE ROUGE trên vùng đất đỏ màu mỡ

- 10 năm qua trồng mới 15.500 ha cao su với các loại giống năng suất cao. Đã c 9.643 ha đang sung sức cho mủ. Năm 1994 ước lượng 7.400 tấn cao su ch biến.
- Công nghệ mủ kem (Latex) đầu tiên và duy nhất của ngành cao su những nă qua.
- 9 nông trường, lao động có tay nghề cao. Cơ sở hạ tầng, giao thông liên l thông suốt bảo đảm đầu tư phát triển công nông nghiệp.







Ảnh ● Trụ sở Công ty cao su Bình Long.

- Đồng chí Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư TW Đảng, đế thăm và làm việc tại Công ty Cao su Bình Long.
- Công nghệ sản xuất cao su bằng máy ly tâm.
- Thác số 4 - thắng cảnh du lịch ở Công ty Cao su Bình Long.
- Vườn cây khai thác của Công ty Cao su Bình Long.

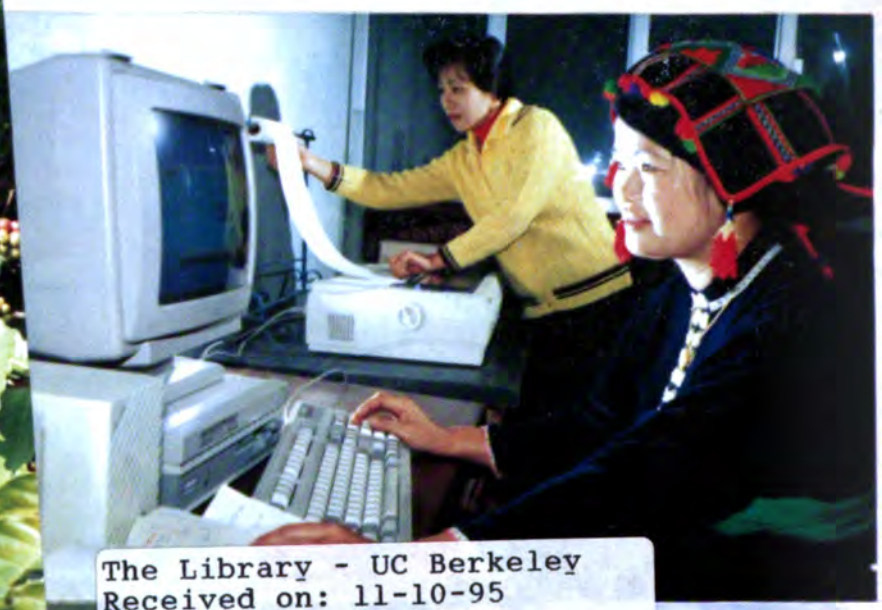
Digitized by Google

IN TẠI NHÀ IN NHÂN DÂN HÀ NỘI II - CHỈ SỐ 12651 ISSN 0866-7276 - GIÁ 2500Đ

HX9
V5
H63
v. 1995
no. 14
MAIN

Tạp chí Cộng sản





The Library - UC Berkeley
Received on: 11-10-95
Tap Chi Cong San





14
10-1995

Digitized by Google

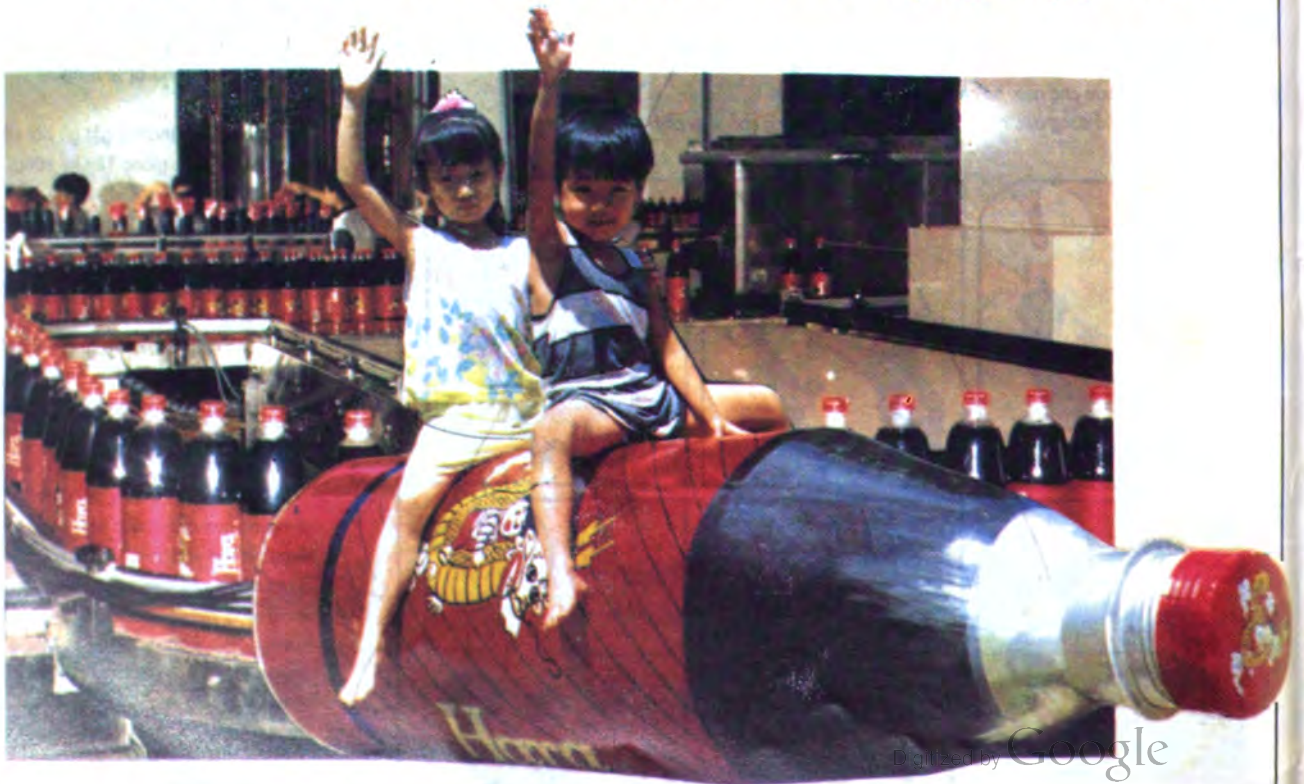


HaraCola

ĐỊA CHỈ :
TRỤ SỞ LOTABA :
Thị trấn Hà Trung - Thanh Hóa
NHÀ MÁY NƯỚC GIẢI KHÁT HARACOLA
Đường Bà Triệu - Thành phố Thanh Hóa
Tel : 52894 - 51162 - Fax : 01.37.51163
Giám đốc Lotaba : LÊ VIỆT DƯỢC

Trên dây chuyền công nghệ của Đài Loan, nhà máy còn sản xuất thêm sản phẩm mới là soda và nước táo.

Hara Cola nước giải khát chất lượng tuyệt hảo



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 482

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768*

MỤC LỤC

	VÕ VĂN KIỆT - Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp phát triển toàn diện đất nước 3
	TRƯƠNG MỸ HOA - Vai trò của phụ nữ Việt nam trong phát triển kinh tế, xã hội, tham gia quản lý nhà nước, và định hướng phát triển đến năm 2000 13
	ĐẶNG VŨ HIỆP - Quân đội nhân dân trong cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình", bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 17
	NGUYỄN ĐÌNH THI - Qua những năm tháng cầm bút 21
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	DƯƠNG VŨ - Sự lựa chọn giá trị của người Việt nam 23
	HỒ VĂN THÔNG - Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị 27
	PHẠM NGỌC QUANG - Văn hóa chính trị với việc nâng cao chất lượng lãnh đạo chính trị 31
	NGUYỄN ĐÌNH BÍCH - Đổi mới quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước 34
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	XUÂN HẢI - Huyện Củ chi kết hợp phát triển kinh tế với thực hiện tốt các chính sách xã hội 38
	HỒ XUÂN SƠN - Mấy ý kiến về báo đảng ở địa phương 42
	XUÂN HOÀNH - Nhìn lại sự biến động giá cả ở thị trường nước ta 44
ĐIỀU TRA	NGÔ THỊ NGỌC ANH - Cán bộ khoa học nữ thời kỳ đổi mới : thực trạng và một số kiến nghị 46
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	VÊ HÁT XÊ - Cái "tâm" và cái "tưởng" 49
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	DIỆP VĂN SƠN - Cần xem xét, đánh giá mỗi việc trong quá khứ trên quan điểm lịch sử cụ thể 50
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	LÊ MAI - Liên hợp quốc : Chặng đường 50 năm và trước thềm thế kỷ 21 52
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	*** Từ chủ nghĩa xã hội tới chủ nghĩa tư bản giả 59
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Thuyết đô-mi-nô 60
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Hội thảo "Nửa thế kỷ văn học Việt nam" 60

Bìa 1 : *Một số hoạt động của phụ nữ* *Ảnh : **TTXVN** và **Đinh Quang Thành***

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ВО ВАН КИЕТ - Продолжать курс обновления, усилить всестороннее развитие страны. ЧЫНГ МЙ ХОА - Роль Вьетнамской женщины в развитии экономики, общества, управления обществом и ориентации К 2000^{ему} году. ДАНГ ВУ ХИЕП - Народная армия в борьбе против "мирного преоблания" за защиту национальной независимости и социализма. НГУЕН ДИНЬ ТХИ - Писательские годы. ЗЫОНГ ВУ - Правильный выбор Вьетнамского народа. ХО ВАН ТХОНГ - Несколько слов о идее Хо Ши Мина о политике. ФАМ НГОК КУАНГ - Политическая культура и повышение качества политического руководства. НГУЕН ДУНЬ БИК - Обновление государственного управления в отношении государственных предприятий. ЛЕ МАЙ - ООН-50 лет существования и накануне 21ого года.

CONTENTS

VÕ VÀN KIỆT - Continuing the renovation course, strengthening the comprehensive development of the country. TRƯƠNG MỸ HOA - The role of Vietnamese women in the socio-economic development, in state's management and in the orientation of development to the year 2000. ĐẶNG VŨ HIỆP - The people's Army in the struggle against the "peaceful evoluation" defending the national independence and socialism. NGUYỄN ĐÌNH THI - Through the years of writing. DƯƠNG VŨ - The correct choice made by the Vietnamese people. HỒ VÀN THÔNG - An opinion on Ho Chi Minh's ideology about politics. PHẠM NGỌC QUANG - Political culture and enhancement of the quality of political leadership. NGUYỄN ĐÌNH BÍCH - Renewing the state management in regard of the state enterprises. LÊ MAI - The UN - 50 years of existence and on the eve of the 21th century.

SUMARIO

VÕ VÀN KIÊT - Proseguir la renovación y inpulsar el desarrollo multiforme del país. TRƯƠNG MỸ HOA - El papel de la mujer vietnamita en el desarrollo socio-conómico y en la participación en la gestión de Estado ; y su orientación de desarrollo hasta el año 2000. ĐẶNG VŨ HIỆP - El Ejército Popular en la lucha contra "la evolución de paz" por la defensa de la independencia nacional y el socialismo. NGUYỄN ĐÌNH THI - Através de los años de un escritor. DƯƠNG VŨ- La justa selección de los valores del hombre vietnamita. HỒ VÀN THÔNG - Contribución al estudio del pensamiento de Ho Chi Minh en lo político. PHẠM NGỌC QUANG - La cultura política con la elevación de la calidad de la dirección política. NGUYỄN ĐÌNH BÍCH - Renovación de la gestión del Estado en las empresas estatales. LÊ MAI - La ONU - 50 años de existencia y en umbral del siglo XXI.

SOMMAIRE

VÕ VÀN KIỆT - Continuons l'œuvre du renouveau, impulsons le développement dans tous les domaines du pays. TRƯƠNG MỸ HOA - Le rôle des femmes vietnamiennes dans le développement socio-économique, la gestion d'Etat et l'orientation du développement jusqu'à l'an 2000. ĐẶNG VŨ HIỆP - L'Armée Populaire dans la lutte contre "l'évolution pacifique", pour défendre l'indépendance nationale et le socialisme. NGUYỄN ĐÌNH THI - A travers des années d'un homme du plume. DƯƠNG VŨ- Le choix judicieux des Vietnamiens. HỒ VÀN THÔNG - Une contribution à étudier la pensée de Ho Chi Minh relative à la politique. PHẠM NGỌC QUANG - La culture politique et l'amélioration de la qualité de la direction politique. NGUYỄN ĐÌNH BÍCH - Le renouveau de la gestion de l'Etat vis-à-vis des entreprises d'Etat. LÊ MAI - ONU - itinéraire de 50 ans et au seuil du XXIe siècle.

目錄

●武文杰：《繼續革新、大力推進我國的全面發展事業》● 張美華：《越南婦女在經濟、社會發展中，參加國家管理等方面的作用及截至2000年的發展方向》● 鄧武協：《在反"和平演變"鬥爭、捍衛民族獨立及保衛社會主義事業中的人民軍隊》● 阮庭詩：《筆耕歲月》● 楊武：《越南人對于價值的選擇》● 胡文通：《探討胡志明思想對政治的論述》● 范玉光：《政治文化與提高政治領導質量的關係》● 阮庭碧：《革新國家對國有企業的管理》● 武賢：《北南關係》

Digitized by Google

TIẾP TỤC CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI
ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN ĐẤT NƯỚC

VÕ VĂN KIỆT
Ủy viên BCT, Thủ tướng Chính phủ

Lời BBT : *Ngày 3-10-1995, tại kỳ họp thứ 8 của Quốc hội khóa IX, đồng chí Võ Văn Kiệt, Ủy viên Bộ chính trị, Thủ tướng Chính phủ, đã trình bày bản báo cáo quan trọng của Chính phủ. Báo cáo có 3 phần chính : 1) Nhận định tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 1995 ; 2) Những nhiệm vụ chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 1996 ; 3) Những giải pháp lớn cần thực hiện.*

Tạp chí Cộng sản *xin trân trọng giới thiệu phần I và phần II của bản báo cáo quan trọng này.*

SUỐT một nửa thế kỷ vừa qua, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng ta đã chiến thắng những thử thách ác liệt nhất của chiến tranh để giành lại và bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, đã vượt qua muôn vàn khó khăn để giữ vững thành quả cách mạng trước những biến động lớn trên thế giới, đã lao động và phấn đấu kiên cường xây dựng lại đất nước. Công cuộc đổi mới tiến hành từ 10 năm nay đã thay đổi sâu sắc bộ mặt đất nước, tạo ra cho nước ta vị trí mới trên trường quốc tế.



50 năm qua với những thời kỳ khác nhau đã khẳng định tính đúng đắn của con đường cách mạng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, khẳng định ý nghĩa sống còn của sự nghiệp đổi mới, đồng thời cũng xác định rõ hướng đi lên của đất nước nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Những bước đường sự nghiệp cách mạng đã trải qua cho phép chúng ta ngày nay thấy rõ hơn lúc nào hết chỗ mạnh chỗ yếu của mình, nhận thức được sâu sắc hơn cục diện và xu thế phát triển của thế giới. Điều này tạo thuận lợi cho chúng ta đánh giá những việc đã làm được và xây dựng kế hoạch năm 1996, với ý nghĩa năm mở đầu cho kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, chuẩn bị bước vào thế kỷ 21.

Digitized by Google



I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI NĂM 1995

Năm 1995, nhân dân ta đã **thực hiện thành công nhiều nhiệm vụ kinh tế xã hội quan trọng** đề ra cho năm bản lề này, mở đường thuận lợi cho việc chuyển sang kế hoạch 5 năm 1996 - 2000.

Mặc dù kế hoạch năm nay có nhiều nhiệm vụ khá căng thẳng, lại phải cáng đáng nhiều phần việc từ năm 1994 dồn sang, trong đó có việc xử lý hậu quả của những thiên tai lớn năm trước, song có khả năng thực hiện được nhiều chỉ tiêu phát triển quan trọng đã đề ra. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước đạt 9,5% (so với bình quân cả 5 năm 1991 - 1995 là 8,2%).

Trong *nông nghiệp*, sản xuất lương thực tiếp tục phát triển, đi đôi với chuyển đổi một bước cơ cấu sản xuất theo hướng đẩy mạnh kinh tế hàng hóa nông nghiệp. Kết quả chung là năm nay có khả năng đạt 27,4 triệu tấn lương thực ; sản lượng chăn nuôi và hải sản, sản lượng các loại cây ăn quả, cây công nghiệp, diện tích trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc... đều tăng. Chính những thành tựu trong lĩnh vực nông nghiệp đã góp phần đáng kể tăng kim ngạch xuất khẩu của năm 1995, tuy giá xuất khẩu dầu thô của ta bị giảm.

Sản xuất *công nghiệp* giữ được tốc độ tăng trưởng ước tính 14%, chủ yếu nhờ tiếp tục đổi mới công nghệ, tăng cường đầu tư chiều sâu và cải tiến kinh doanh. Đáng chú ý là chủng loại mặt hàng công nghiệp phong phú hơn trước, một số mặt hàng đã tăng được khả năng cạnh tranh ở thị trường trong nước cũng như trong xuất khẩu. Xu thế này cần được thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) tăng hơn 30% so với năm 1994, tập trung nhiều hơn vào phát triển công nghiệp và đầu tư chiều sâu. Công tác quy hoạch phát triển công nghiệp, đặc biệt là quy hoạch xây dựng ba vùng kinh tế trọng điểm và xây dựng các khu công nghiệp tập trung đạt nhiều tiến bộ mới. Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 4,7 tỷ USD, tăng 30% so với năm 1994, có thêm nhiều mặt hàng mới và mở rộng được thị trường mới. Công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới ngày càng bám sát hơn những yêu cầu của phát triển kinh tế xã hội, chú trọng phục vụ yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo sản phẩm hàng hóa mới.

Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Đặc biệt là đã mở rộng hơn trước nhiều hoạt động giúp đỡ các hộ nghèo phát triển kinh tế, phục vụ có hiệu quả yêu cầu tạo thêm công ăn việc làm,

Digitized by Google

giảm bớt đói nghèo. Kết quả năm nay đã tạo được thêm công ăn việc làm mới cho hơn 1 triệu lao động. Số xã có trường học "ca 3" tiếp tục giảm, quá nửa số xã đã thực hiện luật phổ cập giáo dục tiểu học. Cho đến nay có 21 tỉnh trong cả nước đưa được 2/3 số cháu 5 tuổi đi học mẫu giáo. Về y tế, việc chữa bệnh và vệ sinh phòng bệnh được cải thiện nhiều. Kế hoạch thực hiện nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được thúc đẩy ráo riết và nhiều nơi trở thành phong trào quần chúng rộng rãi.

Nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm, nhiều hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội đã nêu cao chủ nghĩa yêu nước, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, giáo dục truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc, đẩy mạnh các hoạt động tình nghĩa và uống nước nhớ nguồn, hun đúc ý chí tự lực, tự cường. Tinh thần đại đoàn kết và hòa hợp dân tộc, ý chí đồng tâm hiệp lực để thắng nghèo nàn lạc hậu đang trở thành nguồn cổ vũ lớn lao đối với mọi tầng lớp nhân dân trong nước và đồng bào sinh sống ở nước ngoài.

Các lực lượng an ninh quốc phòng, với sự tham gia của toàn dân, đã thực hiện tốt nhiệm vụ tăng cường trật tự an toàn xã hội và bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực vào việc tăng cường ổn định chính trị của đất nước - một trong những yếu tố quyết định nhất bảo đảm cho thắng lợi của sự nghiệp đổi mới.

Năm 1995, Việt nam đơm hoa kết trái trên mặt trận đối ngoại, tích tụ từ sự phát triển kinh tế năng động và sự ổn định chính trị của đất nước trong những năm đổi mới, từ sự theo đuổi kiên trì đường lối đối ngoại hiện nay của nước ta. Các sự kiện mới là Việt nam trở thành thành viên đầy đủ của ASEAN, ký kết Hiệp định khung với Liên minh châu Âu (EU), bình thường hóa quan hệ với Mỹ. Nước ta được dư luận rộng rãi trên thế giới thừa nhận là nhân tố tích cực của hòa bình và ổn định trong khu vực và là đối tượng hợp tác có ý nghĩa.

Từ tình hình thực hiện kế hoạch năm 1995, có thể sơ bộ đánh giá kế hoạch 1991-1995 là kế hoạch 5 năm đầu tiên hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu tăng trưởng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân hằng năm đạt 8,2% so với mục tiêu được Quốc hội thông qua là 5,5 - 6% (kế hoạch 5 năm 1986 - 1990 đạt 3,9%). Trong bối cảnh những biến động những năm vừa qua trên thế giới, có thể nói những thành tựu đạt được mang ý nghĩa quan trọng.

Dù còn phải đương đầu với nhiều vấn đề nóng bỏng, song về cơ bản sự phát triển kinh tế 5 năm qua mang tính liên tục và tương đối toàn diện và ổn định, tạo thêm những tiền đề quan trọng cho sự phát triển sắp tới. Sự phát triển bên trong và những thành tựu kinh tế đối ngoại đã giúp nước ta chẳng những vượt qua nhiều khó khăn, mà còn tạo ra khả năng tranh thủ cơ hội đi lên của nước ta.

Nhìn vào vị trí ngày càng được củng cố của khu vực kinh tế nhà nước, sự phát triển năng động của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vai trò ngày càng được nâng cao của nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với những cố gắng thực hiện công bằng và phúc lợi xã hội, chúng ta khẳng định sự phát triển của đất nước trong những năm đổi mới giữ vững được định hướng xã hội chủ nghĩa, mặc dầu trong quá trình đi lên còn vấp những sai sót, yếu kém.

Có thể nhận định, những thành tựu từ những năm tiến hành công cuộc đổi mới nói chung và của 5 năm qua nói riêng đã tạo ra bước ngoặt trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội nước ta, tiếp tục khẳng định bản chất tiến bộ và sức sống sáng tạo của Nhà nước ta do nhân dân ta làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam. Niềm tin và sự gắn bó của nhân dân đối với Đảng lãnh đạo và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội được củng cố. Tiềm lực được tăng cường đã cho phép chúng ta bảo vệ vững chắc chế độ chính trị, độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, ngày càng mở rộng sự tham gia của nước ta vào sự phát triển chung của thế giới.

Được các thành tựu cổ vũ, chúng ta càng phải tỉnh táo nhìn thẳng vào **những yếu kém và thiếu sót** của năm 1995, trong đó có những thiếu sót kéo dài từ những năm trước, tác động gay gắt trên một số phương diện kinh tế xã hội quan trọng. Dưới đây xin tập trung nêu lên những vấn đề lớn.

Digitized by Google

Một là, *trong phát triển kinh tế và trong giải quyết các vấn đề xã hội, còn nhiều hiện tượng sử dụng phân tán và kém hiệu quả những nguồn lực hạn hẹp của đất nước, chưa quyết tâm cao tập trung sức lực ưu tiên cho đầu tư chiều sâu, phát triển cơ sở hạ tầng, thực hiện những chương trình kinh tế xã hội cấp bách nhất. Tích lũy từ nội bộ nền kinh tế còn rất thấp so với nhịp độ phát triển và so với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế.*

Nước ta đứng trước những đòi hỏi về phát triển rất bức xúc, đồng thời hằng ngày phải đương đầu với nhiều khó khăn lớn như vốn, công ăn việc làm, cơ sở hạ tầng, phúc lợi xã hội... Chúng ta thường xuyên bị co kéo giữa việc xác định những ưu tiên có ý nghĩa quyết định cần tập trung nỗ lực xử lý và những vấn đề cấp bách hằng ngày. Với nguồn lực hạn chế, chúng ta không thể cùng một lúc dàn trải bình quân cho nhiều việc, mà phải lựa chọn những việc cần ưu tiên, những vấn đề bức xúc. Vì chưa làm tốt như vậy, nên có nhiều lãng phí hơn.

Về tích lũy trong nước, nếu nhìn vào tỷ lệ năm 1991 là 10,1%, năm 1994 là 16,6%, năm 1995 sẽ cao hơn một chút, có thể nói rằng tình hình tích lũy bên trong có tiến bộ. Song nếu tách phần khấu hao cơ bản thì tỷ lệ tích lũy ròng các năm 1994 và 1995 ước tính chỉ đạt 7 - 8%/năm. Chỉ số này phản ánh hiệu quả chung của nền kinh tế còn thấp, ảnh hưởng đến đầu tư đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hạn chế khả năng thu hút những nguồn lực từ bên ngoài.

Cần phê phán những thiếu sót lớn như để xảy ra thất thoát hàng trăm tỷ đồng vốn nhà nước, chưa hạn chế được kinh tế ngầm, chưa vận động được phong trào tiết kiệm với đúng ý nghĩa của nó trong toàn xã hội.

Hai là, *trong các lĩnh vực ngân sách, tài chính tiền tệ, thuế có nhiều vấn đề nóng bỏng nếu không được xử lý tốt và kịp thời sẽ có thể dẫn đến tình hình phức tạp, tác động xấu đến khả năng phát triển và tính ổn định mà chúng ta phải phấn đấu gian khổ hàng chục năm mới tạo ra được cho nền kinh tế nước ta.*

Trước hết nói về cân bằng thu, chi ngân sách. Báo cáo kinh tế của Ủy ban kế hoạch nhà nước và Bộ tài chính trình bày trước Quốc hội sẽ nêu rõ thu năm 1995 tăng nhiều, song vẫn không đáp ứng nổi yêu cầu chi tăng lên quá nhanh. Hiện nay, còn nhiều khoản chi của kế hoạch năm 1994 chuyển sang chưa giải quyết xong. Mặt yếu nhất của năm 1995 là xây dựng cơ bản đạt mức kế hoạch thấp, trong khi đó nguồn cung cấp đầu tư từ ngân sách rất hạn chế. Ngoài ra, thu ngân sách còn phải đáp ứng yêu cầu trả nợ vốn vay trong dân dồn lại từ nhiều năm trước và lo trả nợ nước ngoài đến hạn.

Chủ trương tiếp tục huy động mọi nguồn lực trong nước, kể cả hình thức vay vốn trong dân, là hoàn toàn đúng đắn và còn phải thực hiện tốt hơn nữa, nhưng chưa được quản lý chặt chẽ. Trong ngân sách nhà nước, tình trạng thất thu, tình trạng thu không hợp lý, tình trạng lạm thu, cần phải được đánh giá khắt khe hơn...

Điều quan trọng số một là nếu không lập được kỷ luật nghiêm ngặt trong thu chi và ráo riết thực hiện tiết kiệm, sẽ có nguy cơ không kiểm soát được thâm hụt ngân sách, sẽ dẫn đến tình hình buộc phải tiến hành những biện pháp "tình thế" như những kinh nghiệm của nước ta trong những năm lạm phát cao. Chúng ta phải ngăn chặn cho được tình hình này. Lạm phát năm 1993 là 5,2%, lên tới 14,5% năm 1994. Tuy chỉ số giá cả quý III năm nay ổn định, nhưng tính cả 9 tháng đầu năm tăng 11,7%. So với tỷ lệ tăng trưởng kinh tế hiện nay, những chỉ số này tuy chưa gây biến động lớn, nhưng dứt khoát đó là những tín hiệu báo động không cho phép chúng ta lơi lỏng trong thu và chi.

Về tài chính tiền tệ. Chúng ta vẫn thường tự phê bình gay gắt về tình trạng hệ thống tài chính tiền tệ chưa theo kịp sự phát triển của nền kinh tế và chưa trở thành công cụ mạnh mẽ điều phối toàn bộ nền kinh tế.

Tuy gần đây chúng ta đạt được một số tiến bộ đáng kể trong chính sách ổn định tiền tệ, quản lý ngân sách, điều động vốn, mở rộng thêm hệ thống ngân hàng, cải tiến một bước công tác kế toán, kiểm toán... nhưng đấy mới chỉ là những tiến bộ rất khiêm tốn trong từng việc một. Còn hệ thống tài chính tiền tệ của cả nước vẫn chứa đựng nhiều mặt yếu kém và lạc hậu so với đòi hỏi phát triển của đất nước hiện nay.

Digitized by Google

Thị trường vốn của nước ta còn rất sơ khai, chưa đáp ứng tốt những yêu cầu của nền kinh tế sản xuất hàng hóa, nhất là những yêu cầu về huy động vốn, thúc đẩy sự phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng những dịch vụ tiền tệ nâng cao hiệu quả của nền kinh tế... Đặc biệt là rất chậm trễ trong việc cổ phần hóa, chưa khẩn trương xây dựng thị trường chứng khoán, cản trở việc tạo ra sự năng động mới trong sản xuất kinh doanh. Kéo dài tình trạng này, cũng có nghĩa là kéo dài những mặt trì trệ và kém hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế.

Nhìn chung, khả năng kiểm soát của hệ thống tài chính tiền tệ đối với mọi hoạt động kinh tế trong toàn xã hội còn thấp. Chúng ta nhấn mạnh vai trò quản lý của nhà nước trong cơ chế thị trường, nhưng lại thiếu những nỗ lực cần thiết trong việc xây dựng cho nền kinh tế của mình một hệ thống tài chính tiền tệ có hiệu lực mạnh.

Về vấn đề thuế. Trong nước và nước ngoài có nhiều ý kiến phê bình hệ thống thuế của chúng ta. Chính phủ lắng nghe và cố tìm hiểu thật chính xác mọi ý kiến chung quanh vấn đề này.

Mặt được của thuế và phí hiện nay là bảo đảm hơn 80% ngân sách. Song hệ thống thuế nói chung còn nhiều vấn đề không hợp lý, đặc biệt là còn quá nhiều sắc thuế, trong đó thuế doanh thu và thuế nhập khẩu giữ vai trò quá quan trọng đối với ngân sách nhà nước ta, nhưng thuế lợi tức và thuế thu nhập lại chưa làm tốt chức năng phải có. Trong khi đó, nhằm kích thích phát triển và tăng khả năng cạnh tranh với bên ngoài, xu thế hiện nay của nhiều nước trên thế giới và của nhiều tổ chức kinh tế khu vực là ngày càng giảm hoặc bỏ từng phần thuế doanh thu, vận dụng rất chọn lọc thuế nhập khẩu, phát huy vai trò thuế giá trị gia tăng, thuế lợi tức và thuế thu nhập... Đây thực sự là một thách thức lớn đối với chúng ta cả trên hai phương diện đối nội và đối ngoại.

Còn phải nhấn mạnh những bất hợp lý trong hệ thống thuế, dẫn đến tình trạng thủ tục rườm rà, thuế đánh trùng chéo và gây nhiều phiền hà. Kết quả là hệ thống thuế vừa có nhiều sơ hở, tiêu cực, nhưng trên thực tế có thể vẫn thất thoát một khối lượng thuế khá lớn chưa tính hết được. Mức huy động thuế và phí năm 1995 chiếm khoảng 21,5% tổng sản phẩm trong nước (GDP), nếu tính tổng sản phẩm trong nước (GDP) một cách chặt chẽ tỷ lệ này có thể còn thấp hơn. Khối lượng thuế và phí cả nước thu được như vậy không cao ; nhưng so với thuế suất và diện đánh thuế của các sắc thuế, tỷ lệ này phản ánh tính kém hiệu quả của hệ thống thuế hiện hành, không khuyến khích xu thế làm ăn năng động và lâu dài.

Ba là, *trong khi đẩy mạnh thực hiện chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, chúng ta chưa nâng cao được hiệu quả và vai trò của kinh tế quốc doanh như mong muốn, chưa có những biện pháp phát huy toàn diện vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước ; kinh tế hợp tác có những đòi hỏi gay gắt phải đổi mới, đang có nhiều hình thức đa dạng, nhưng chưa được tổng kết từ thực tiễn sáng tạo của quần chúng và cơ sở ; kinh tế cá thể và tư nhân chưa được sự hướng dẫn, trợ giúp và kiểm soát đúng mức của nhà nước.*

Về khu vực kinh tế nhà nước, bao gồm cả kinh tế quốc doanh. Trong những năm gần đây, đặc biệt trong năm 1995, chúng ta đã làm được một số việc tăng cường vai trò khu vực kinh tế nhà nước như sắp xếp lại các xí nghiệp quốc doanh, thành lập một số *tổng công ty* để tạo ra những tổ chức sản xuất kinh doanh mạnh hơn... Song nhìn chung khu vực kinh tế nhà nước hiệu quả còn thấp, có nhiều nguy cơ tụt hậu do chậm đổi mới cơ chế quản lý, công nghệ và phương thức kinh doanh. Nguyên nhân chủ yếu là còn những vấn đề về luật pháp, tài chính và thị trường chưa được giải quyết tốt. Nhiều đơn vị kinh tế quốc doanh chưa chủ động đẩy mạnh đầu tư chiều sâu, khả năng cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường chưa cao. Cần nhấn mạnh rằng việc cổ phần hóa tiến hành chậm, vừa hạn chế các đơn vị kinh tế quốc doanh tạo ra sức năng động mới, vừa không cho phép xí nghiệp quốc doanh mở rộng hơn nữa phạm vi tham gia của mình trong toàn bộ nền kinh tế. Những yếu kém vừa nêu trên không đơn thuần là của các xí nghiệp mà còn phản ánh những khuyết điểm trong điều hành và quản lý vĩ mô.

Về những hình thức kinh tế hợp tác. Chúng ta đứng trước đòi hỏi khách quan là

Digitized by Google

phải gấp rút đổi mới hình thức hợp tác xã hiện tại. Sẽ là sai lầm nếu bảo thủ duy trì loại hình hợp tác xã cũ, hoặc nghĩ rằng tính năng động hiện nay của kinh tế hộ ở nông thôn và kinh tế cá thể ở thành thị không cần kinh tế hợp tác nữa. Thật ra chính sự năng động của kinh tế hộ và kinh tế cá thể đang đòi hỏi phải sớm tạo loại hình kinh tế hợp tác mới thích hợp, giúp đỡ kinh tế hộ và kinh tế cá thể vượt qua được những hạn chế của họ, nhất là về công nghệ, dịch vụ phục vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm... Trách nhiệm của Chính phủ là phải sớm đáp ứng tốt đòi hỏi này để phát huy kinh tế hợp tác xã phù hợp với sự phát triển mới của đất nước. Trong thực tiễn đã xuất hiện những loại hình kinh tế hợp tác có hiệu quả rất đáng nghiên cứu.

Về kinh tế tư nhân. Những yếu kém của nhà nước trong quản lý vĩ mô vừa ảnh hưởng đến khả năng hướng dẫn tạo điều kiện kinh tế tư nhân phát triển phù hợp với định hướng chung của nền kinh tế cả nước, vừa hạn chế khả năng kiểm soát tính tự phát, phân tán và những mặt yếu kém khác của kinh tế tư nhân. Đặc biệt chúng ta còn thiếu những chính sách khuyến khích kinh doanh hợp pháp, bảo hộ thỏa đáng kinh tế tư nhân đi vào những sản phẩm mới, tạo ra nhiều công ăn việc làm mới cho lao động xã hội, yên tâm đầu tư vào những ngành nghề lâu dài. Việc hình thành những tổ chức, những liên kết, liên doanh giữa các thành phần kinh tế còn chậm, còn rất ít những thành công tiêu biểu để phổ cập trong cả nước. Nguyên nhân chính là chúng ta chưa bỏ nhiều công sức nghiên cứu phát triển thành phần kinh tế này theo định hướng chung của cả nước.

Bốn là, *trong quá trình phát triển còn nhiều vấn đề kinh tế, xã hội chưa được giải quyết tốt. Tình trạng buôn lậu và tham nhũng không giảm, các tệ nạn xã hội chưa bị đẩy lùi ; sự đói nghèo và lạc hậu tại nhiều điểm ở các vùng sâu, vùng xa, miền núi còn nặng nề ; tài nguyên và môi trường ở một số nơi bị hủy hoại nghiêm trọng ; đòi hỏi về công ăn việc làm rất gay gắt.*

Chúng ta không thể chấp nhận tình trạng buôn lậu phát triển, tệ nạn tham nhũng nghiêm trọng và các vụ lừa đảo làm thất thoát hàng trăm tỉ đồng vốn liếng của nhà nước và của nhân dân như hiện nay. Có thể nói tình hình này đang gây ra nhiều tổn thất lớn và là một trong những mối đe dọa trực tiếp nhất đối với an ninh kinh tế của đất nước.

Tại một số nơi trong nước có tình trạng hầu như không kiểm soát được sự hủy hoại các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đất đai, rừng núi, ven biển và môi trường, mặc dù quá trình phát triển kinh tế và công nghiệp hóa ở nước ta mới ở giai đoạn khởi đầu. Ngày nay, không ít địa phương chưa có ý thức đầy đủ trong việc bảo vệ ruộng trồng lúa và những vùng đất trồng trọt quý giá tổ tiên chúng ta ngàn đời mới khai tạo được, nên đã thiếu thận trọng trong quy hoạch và đầu tư xây dựng, bất chấp an toàn lương thực của đất nước và môi trường tự nhiên sau này sẽ như thế nào. Những tiêu cực và yếu kém trong quản lý đã làm giảm hiệu quả của chương trình 327. Tại nhiều vùng duyên hải việc nuôi thủy sản không được quy hoạch và quản lý chặt chẽ, làm cho nhiều vùng rộng lớn rừng ngập mặn, thảm thực vật của các vùng đất bồi không còn nữa, hậu quả không lường hết được.

Thật rất đáng trách là tại không ít nơi : xem đến rừng, rừng không còn nữa ; đất đai bị chiếm dụng ; bắt đầu đã có sông ngòi, ven biển ô nhiễm nặng nề... Đây cũng là những thiếu sót lớn, nói lên rõ nhất những mặt yếu kém trong nhiệm vụ quản lý nhà nước của các bộ, ngành, chính quyền các cấp, cần phải tự phê bình và phê bình nghiêm khắc. Xin cho phép tôi nhân dịp này đề nghị Quốc hội, trước hết là các đại biểu Quốc hội hoạt động tại các ngành và các địa phương, tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hỗ trợ và đôn đốc các cơ quan chính quyền làm tốt chức trách và nhiệm vụ quản lý của mình.

Năm là, *năng lực quản lý nhà nước của bộ máy chính quyền còn nhiều mặt bất cập so với sự phát triển của đất nước, đặc biệt trên các phương diện : quy hoạch phát triển, quản lý vĩ mô, huy động nguồn lực trong nước và bên ngoài, phát triển và mở rộng thị trường, quản lý kinh tế đối ngoại, phát triển nguồn nhân lực và phúc lợi xã hội, thực hiện pháp luật và trừng trị tệ nạn tiêu cực.*

Digitized by Google

Trong năm qua, chúng ta đã quan tâm triển khai một bước công cuộc cải cách nền hành chính, tuy nhiên kết quả còn hạn chế. Còn nhiều hiện tượng buông lỏng trật tự kỷ cương, có nơi vi phạm nghiêm trọng pháp luật và quyền của công dân, công việc bê trễ. Điều cần nhấn mạnh là còn nhiều cơ quan trong bộ máy hành chính chưa làm tốt việc tách nhiệm vụ quản lý nhà nước ra khỏi chức năng quản lý kinh doanh. Chúng ta cần phê phán nghiêm khắc tình trạng cục bộ, vô tổ chức, vô chính phủ và cố ý vi phạm pháp luật của một số cơ quan, đơn vị công tác và đơn vị sản xuất kinh doanh. Những việc làm này chẳng những gây nhiều thiệt hại, đất đai, vốn liếng bị thất thoát, mà còn gây nhiều tiêu cực khác. Hơn bao giờ hết, không thể để bất kỳ hoạt động kinh tế nào đứng ngoài pháp luật.

Tóm lại, những thành tựu quan trọng đã đạt được và thời cơ đang đến sẽ chỉ có ý nghĩa khi chúng ta thấy hết được những yếu kém phải khắc phục. Những thiếu sót trình bày trên luôn luôn có khả năng kéo lùi sự tiến bộ của đất nước, chúng ta cần hết sức tỉnh táo.

Để tiếp tục sự nghiệp đổi mới, phát huy đà phát triển hiện nay của đất nước, đòi hỏi hàng đầu đối với hệ thống bộ máy chính quyền của chúng ta là phải khắc phục tình trạng bất cập trong nhiệm vụ quản lý nhà nước, phải nâng cao phẩm chất cách mạng và năng lực của đội ngũ cán bộ, viên chức. Trong năm 1995, chúng ta có những kinh nghiệm rất quý báu. Tiếp theo chủ trương được toàn dân hưởng ứng về không đốt pháo từ 1-1-1995, là việc xử lý vi phạm đê Yên phụ, việc thực hiện an toàn và trật tự giao thông. Thực tiễn ấy cho thấy nhân dân ta luôn luôn ủng hộ luật pháp và những chủ trương đúng đắn. Từ đó có thể rút ra kết luận : việc gì dù khó đến đâu, nhưng có chủ trương đúng phù hợp với lợi ích của đa số nhân dân, được chuẩn bị chu đáo, vận động được sự hưởng ứng rộng rãi, thực hiện nghiêm minh những quy định đề ra, thì đều có thể xử lý được. Cần vận dụng kinh nghiệm này khắc phục những mặt yếu kém hiện nay trong bộ máy quản lý nhà nước. Đó cũng là một trong những biện pháp quan trọng tăng cường trật tự kỷ cương.

II - NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI NĂM 1996

Yêu cầu của nước ta trong bối cảnh quốc tế và khu vực hiện nay là duy trì sự phát triển kinh tế nhanh, bền vững và có hiệu quả trong những năm còn lại của thế kỷ này. Tồn tại giữa một khu vực có nhiều nền kinh tế phát triển rất năng động, đòi hỏi này đối với nước ta càng trở nên bức thiết. Vì vậy, mọi nỗ lực của chúng ta trước hết nhằm tạo ra nhịp độ phát triển cao hơn thời kỳ 1991-1995, để vào khoảng năm 2000 có thể đưa đất nước vượt qua tình trạng nước kém phát triển, nâng cao một bước mức sống của nhân dân, giảm bớt mức nghèo so với những nước chung quanh. Đặc biệt trong những năm tới phải ra sức nâng cao tích lũy bên trong, chuẩn bị mọi điều kiện phát triển cao hơn để bước vào thế kỷ 21, tăng cường tiềm lực bảo đảm vững chắc an ninh, quốc phòng. Dựa vào những đòi hỏi này, chúng ta quyết định những việc phải thực hiện của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1996.

Với ý nghĩa là năm mở đầu của kế hoạch 5 năm có nhiều đòi hỏi mới, kế hoạch năm 1996 phải đạt nhiều chỉ tiêu khá gay gắt : tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 9,5-10%, sản xuất nông nghiệp tăng 4,5%, sản xuất công nghiệp tăng 14 - 15%, đầu tư cho phát triển chiếm 27% tổng sản phẩm trong nước (GDP) (năm 1995 khoảng 25%), huy động thuế và phí cho ngân sách trên 22% tổng sản phẩm trong nước (GDP), xuất khẩu tăng 25%, cố giữ chỉ số tăng giá cả thấp hơn hoặc ngang các năm 1994, 1995... Tình hình đòi hỏi chúng ta phải cố phấn đấu duy trì về cơ bản nhịp độ phát triển này cho đến năm 2000.

Kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội nước ta hiện nay có những thuận lợi to lớn, đồng thời cũng có nhiều thách thức gay gắt.

Trong **những thuận lợi nhiều mặt** của đất nước, tôi xin nhấn mạnh một số điểm sau đây :

Với khối lượng đầu tư cho phát triển từ những nguồn vốn trong nước và bên ngoài tăng nhanh trong những năm đổi mới, cơ sở vật chất kỹ thuật và lực lượng sản xuất của

Digitized by Google

nền kinh tế nước ta đã mạnh lên đáng kể so với 10 năm trước. Thị trường trong nước đang tăng lên nhanh chóng, đồng thời chúng ta có khả năng lớn trong việc mở rộng thị trường tại khu vực Đông - Nam Á, sang Tây Âu và đi Bắc Mỹ. Đáng chú ý là ngày càng có những sản phẩm của chúng ta đã dần dần ngăn chặn được hàng nhập lậu vào nước ta và cạnh tranh ngày càng thắng lợi tại thị trường bên ngoài. Chúng ta đã khẳng định được trong nhiều năm vị trí của mình trong thị trường xuất khẩu gạo. Gần đây, chúng ta đã giành được những vị trí mới trong xuất khẩu cà phê, cao su. Chúng ta có nhiều tiềm năng lớn về cây ăn trái và những cây công nghiệp khác. Nếu tìm được những chính sách và biện pháp đúng, bao gồm cả chính sách đối ngoại và kinh tế đối ngoại, nước ta có nhiều khả năng phát triển ngành công nghiệp chăn nuôi và chế biến thực phẩm và có những điều kiện trong tương lai trở thành một nước xuất khẩu nông sản và thực phẩm đáng chú ý. Điều này rất quan trọng đối với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Một vấn đề quan trọng cần đặc biệt lưu ý là do lợi thế so sánh thay đổi, một số nước công nghiệp trong và ngoài khu vực, một số nước mới công nghiệp hóa (NICs) đang chuyển dịch sản xuất một số sản phẩm sang những nước có chi phí thấp hơn. Cơ hội này cũng đang đến với nước ta và tùy thuộc vào khả năng nắm bắt của chúng ta. Một khối lượng rất lớn ô tô, xe gắn máy, thiết bị lạnh, đồ dân dụng lâu bền... nước ta hằng năm đang nhập vào là được lắp ráp tại các nước chung quanh. Việt nam có thể là một nước mạnh về phương diện này, phục vụ cho yêu cầu thay thế nhập khẩu và cho xuất khẩu. Tiềm năng của nước ta trên phương diện này không thua kém, nhưng thực sự chúng ta còn thiếu những chính sách và biện pháp phù hợp.

Một nhận xét khác xin nêu lên là những năm đổi mới vừa qua cho thấy công nghiệp của nước ta có bước phát triển, có nhiều chủng loại sản phẩm mới, đáp ứng đáng kể yêu cầu thay thế nhập khẩu, bắt đầu tham gia nhiều hơn vào xuất khẩu. Có chính sách tốt phát triển liên doanh với bên ngoài, công nghiệp nước ta sẽ trưởng thành nhanh hơn nữa. Có một số ngành công nghiệp ở nước ta đã bỏ qua một số bước đi để phát triển thẳng vào giai đoạn hiện đại, ví dụ như ngành bưu chính viễn thông và công nghiệp thông tin, ngành hàng không, sản xuất thép, công nghiệp in, công nghiệp dệt... thành quả đạt được tuy còn khiêm tốn nhưng rất quan trọng, vì chúng gợi ý cho chúng ta cách thức và bước đi cho phép đuổi bắt sự phát triển nhanh của những nước đi trước. Vấn đề là chúng ta có những quyết định và chính sách đúng.

Chính sách nền kinh tế nhiều thành phần của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình đổi mới hiện nay đang huy động được những tiềm năng to lớn trong cả nước, đồng thời tạo thuận lợi cho việc huy động những nguồn lực từ bên ngoài, mang lại cho nền kinh tế nước ta sự phát triển năng động mới. Tuy việc thực hiện chính sách này mới ở giai đoạn khởi đầu, còn phải tìm những biện pháp vận dụng có hiệu quả hơn nữa, song có thể thấy trước rằng được phát huy đúng mức, chính sách nền kinh tế nhiều thành phần sẽ tiếp tục tạo ra động lực phát triển lớn.

Từng bước tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp và hệ thống tài chính tiền tệ ; phát triển các loại thị trường, đặc biệt là thị trường vốn ; huy động tốt mọi nguồn vốn trong nước để tăng khả năng thu hút các nguồn vốn bên ngoài, sử dụng có hiệu quả và thực hiện tốt việc thanh toán ; ban hành được những biện pháp khuyến khích, hướng dẫn sản xuất kinh doanh tốt hơn nữa, chính sách kinh tế nhiều thành phần của Đảng và Nhà nước ta sẽ trở thành một yếu tố phục vụ đắc lực cho *chiến lược đuổi bắt* để rút ngắn khoảng cách tụt hậu. Chính sách này sẽ phát huy mạnh mẽ vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước, sự năng động của các thành phần kinh tế, phát triển các hình thức kinh tế hợp tác kiểu mới, và sẽ hình thành được những liên kết giữa các thành phần kinh tế, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của sự phát triển kinh tế, xã hội nước ta.

Tựu trung lại, thành công tùy thuộc vào khả năng tận dụng cơ hội phát triển đang đến với nước ta.

Digitized by Google

Chúng ta đã bàn nhiều về những yếu kém và những nguy cơ, nhiều văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước ta đã nhấn mạnh. Trong báo cáo này tôi chỉ xin lưu ý một số khía cạnh mới của **những thách thức** xuất hiện trong quá trình phát triển hiện tại của nước ta.

Trước hết việc gia nhập ASEAN trong đó có việc tham gia AFTA, ký Hiệp định khung với Liên minh châu Âu (EU), chuẩn bị tham gia Tổ chức thương mại thế giới (WTO), triển khai quan hệ với Mỹ đang đặt ra cho nước ta yêu cầu gay gắt phải sớm phát triển thị trường của nước mình, cải tiến cơ chế làm ăn và các luật lệ có liên quan đến các mối giao lưu kinh tế, phải biết tự bảo vệ tốt hơn những lợi ích của mình, giảm bớt những thua thiệt, nhưng đồng thời phải biết ngày càng mở rộng khả năng hợp tác, chấp nhận cạnh tranh và phải cạnh tranh gay gắt. Ngay từ bây giờ chúng ta phải đẩy mạnh công tác nghiên cứu chiến lược phát triển cho phù hợp với vị thế mới, lựa chọn những mục tiêu cho phép khai thác tốt nhất mọi lợi thế so sánh của đất nước. Nhìn lại những năm qua, có thể nói chúng ta cần làm tốt việc này hơn nữa.

Trong mở rộng giao lưu với bên ngoài, chúng ta cần chú ý những thách thức đối với yêu cầu giữ gìn bản sắc văn hóa, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội.

Ý thức dân tộc, chủ nghĩa yêu nước, tri thức về kinh tế và sự tỉnh táo phải được nâng cao và phải được quán triệt trong từng quyết định, từng hành động mở rộng quan hệ với thế giới bên ngoài. Việc lựa chọn hướng sai trong hợp tác có thể dẫn đến những đổ vỡ thảm hại. Thiếu nhìn xa trông rộng, thiếu quyết đoán cũng sẽ dẫn đến những hậu quả xấu không kém. Vào thời điểm nước ta có điều kiện phát triển quan hệ với tất cả các quốc gia trên thế giới, cần phải củng cố nhận thức này, để có đủ trí tuệ và nghị lực hội nhập mạnh mẽ hơn nữa xu thế phát triển năng động của thế giới, chứ không phải để đóng cửa.

Liên quan đến những thách thức do tụt hậu gây ra, tôi muốn đặc biệt lưu ý tình trạng năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế chưa cao. Thêm vào đó là tình trạng manh mún, cục bộ, chưa có thói quen và thiếu ý chí liên kết, liên doanh thành những đơn vị sản xuất kinh doanh lớn, đạt hiệu quả cao hơn, cho phép có khả năng cạnh tranh mạnh hơn, nhất là đối với bên ngoài. Gần đây, chúng ta đẩy mạnh việc sắp xếp lại các xí nghiệp, hình thành một số tổng công ty lớn nhằm khắc phục những điểm yếu nói trên, song công việc còn đang ở thời kỳ khởi động, đòi hỏi vừa làm vừa kịp thời chấn chỉnh.

Những thiếu sót trong các chính sách vĩ mô của Chính phủ cần được khắc phục kịp thời. Cần lưu ý điểm này, vì sự vận động của kinh tế thế giới đầy diễn biến khó lường trước và dễ gây tổn thương cho những nền kinh tế yếu kém như của nước ta. Vừa qua, những hiện tượng tác động vào nền kinh tế nước ta là giá dầu thô giảm, tỷ giá đồng yên quá cao, lãi suất vay vốn lên nhanh, lợi thế so sánh của nước ta trong việc thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) còn khá yếu so với một số thị trường chung quanh... Tôi mong rằng trong lúc cố gắng nắm bắt những thuận lợi to lớn mới, chúng ta ra sức vượt qua những thách thức vừa trình bày.

.....

Sự trưởng thành và yêu cầu phát triển của nước ta trong bối cảnh quốc tế ngày nay, vị thế mới của đất nước trong các tổ chức khu vực và quốc tế cũng như trong cộng đồng thế giới, và những thời cơ cũng như thách thức đang đến với dân tộc ta đang đặt ra những nhiệm vụ rất nặng nề.

Song có thể khẳng định : Ý chí, khả năng và nghị lực sáng tạo rất đáng tự hào của nhân dân ta đã được chứng minh qua những thành tựu thay đổi hẳn tình thế kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới. Trong sự nghiệp phát triển đất nước, ganh đua với thiên hạ, nhân dân ta ngày nay rất tự tin vào mình. Chủ nghĩa yêu nước đã được thử thách của nhân dân ta đang được sự nghiệp vì dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh cổ vũ. Ngày nay, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng ta đã tăng cường được sức mạnh bên trong và tạo ra được thuận lợi bên ngoài, và rất quyết tâm đưa nước ta đuổi bắt kịp thiên hạ. Những điều kiện ấy và khí thế ấy không phải lúc nào và nước nào cũng có được.

Digitized by Google

Trách nhiệm lịch sử rất lớn đặt lên vai Đảng và Nhà nước ta là lãnh đạo nhân dân ta nắm bắt bằng được cơ hội hiện nay để giành thắng lợi.

Luôn luôn nhạy bén với những diễn biến của thời cuộc, làm chủ được tình huống phức tạp, đề xướng được những giải pháp chuyển biến tình hình, Đảng ta ngày càng trưởng thành và sẽ lãnh đạo nhân dân ta giành được những thành tựu mới. Như tôi đã trình bày ở phần mở đầu của báo cáo này, chưa bao giờ chúng ta có điều kiện hình dung rõ được như ngày nay con đường phát triển sẽ trải qua của đất nước ta và cục diện cũng như xu thế chung của thế giới. Đây là cơ sở quan trọng để chúng ta hoạch định những bước đi thích hợp, với tinh thần quyết đoán cao.

Điều quan trọng là thực tiễn cách mạng nước ta trong những năm đổi mới cũng như tình hình trên thế giới vừa qua diễn biến rất nhanh, nhiều khi vượt sự suy nghĩ của chúng ta.

Hãy xem xét một vài ví dụ : Cách đây hai, ba năm, chúng ta tính toán nếu không phát triển thêm những nguồn điện mới, cuối năm 1997, chúng ta sẽ thiếu điện, nhưng bây giờ thời điểm này có thể là cuối năm 1996. Điều này có nghĩa chúng ta phải khẩn trương hơn nữa. Từ nhiều năm nay, chúng ta đã làm nhiều việc chuẩn bị gia nhập ASEAN, tham gia Tổ chức thương mại thế giới (WTO), phát triển các mối quan hệ kinh tế khác..., nhưng thực tế đang cho thấy còn nhiều việc chưa kịp làm. Nêu lên những ví dụ này, tôi muốn nhấn mạnh chúng ta phải hết sức quan tâm khắc phục những mặt bất cập trong nhiệm vụ điều hành và quản lý đất nước, kiên quyết chống mọi suy thoái và tha hóa trong năng lực và phẩm chất của cán bộ và bộ máy nhà nước. *Đây là điều kiện tiên quyết để giành thắng lợi.* Có như vậy chúng ta mới xứng đáng với lòng tin nhân dân giao phó cho.

Đặc biệt Đảng và Nhà nước ta cần chăm lo tạo ra môi trường thuận lợi nhất về mọi mặt để nhân dân ta dù thuộc tầng lớp nào - công nhân, nông dân, các nhà khoa học, kỹ thuật, các thầy cô giáo, các thầy thuốc, các nhà sản xuất, các nhà kinh doanh, các văn nghệ sĩ, những người làm công tác văn hóa xã hội, những người làm nhiệm vụ giữ gìn an ninh Tổ quốc, giới tu hành, thanh niên và phụ nữ, các bậc phụ lão và các cháu thiếu nhi..., ai ai có nhiệt tâm với đất nước, dù đang sống ở trong nước hay nước ngoài, đều có điều kiện phát huy tài năng và nghị lực sáng tạo, làm cho nước ta giàu mạnh, xã hội công bằng, yên vui, non sông đẹp như gấm vóc như ông cha ta vẫn nói. Đảng và Nhà nước ta hãy dấy lên trong lòng từng người dân nhiệt tình này, làm cho từng người dân có trí tuệ và nghị lực thực hiện nhiệt tình này.

Lãnh trọng trách đưa đất nước ta tiến lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước ta hãy suy nghĩ, tìm tòi, tự chỉnh đốn, tự đổi mới hơn nữa, cố gắng làm mọi việc sao cho từng người dân trong công việc làm ăn chính đáng của mình, trong mỗi quyết định chấp nhận rủi ro và thách thức để tiến lên, đều cảm thấy rằng Đảng và Nhà nước đứng về phía họ, hướng dẫn và đưa tay giúp đỡ họ. Đấy là ý nghĩa thực chất nhất và cũng là tiêu chuẩn cao nhất của một nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân do Đảng ta lãnh đạo. Chúng ta hãy phát động mạnh mẽ trong toàn đảng và toàn dân phong trào xây dựng bộ máy chính quyền theo tiêu chuẩn này, đồng thời coi những tiến bộ đạt được của phong trào này là thước đo kết quả cuộc đấu tranh chống tình trạng bất cập, tha hóa và các tệ nạn quan liêu, tham nhũng. Đấy cũng là một nội dung chính trị quan trọng của nhiệm vụ hiện đại hóa nước ta. Muốn hòa nhập mà không bị hòa tan, huy động được sức mạnh toàn dân tộc xây dựng đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc của chúng ta, chiến thắng mọi thách thức để tận dụng bằng được thời cơ đang tới, Đảng ta, Nhà nước ta và nhân dân ta trước hết hãy phấn đấu xây dựng cho mình sức mạnh bên trong theo tinh thần như vậy.

Chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết của dân tộc ta trong thời đại Hồ Chí Minh sẽ chắp cánh cho đất nước ta đi lên ! ❑

Digitized by Google

VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, THAM GIA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2000

TRƯƠNG MỸ HOA *

PHỤ nữ Việt nam chiếm 51,48% dân số, 52% lực lượng lao động toàn xã hội. Với truyền thống yêu nước, lao động cần cù, sáng tạo, phụ nữ Việt nam luôn có vai trò to lớn trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Thực tế cho thấy, trong những bước thử thách ngặt nghèo nhất của dân tộc, phụ nữ luôn thể hiện rõ vai trò và những đóng góp to lớn của mình. Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, lòng yêu nước, đức hy sinh và phẩm chất cao quý "anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang" đã nâng người phụ nữ Việt nam lên ngang với tầm cao của hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc.

Phát huy truyền thống đó, những năm tháng gian khó sau chiến tranh và khi bước vào công cuộc đổi mới đất nước, bằng những nỗ lực to lớn, phụ nữ đã góp phần quan trọng cùng toàn đảng, toàn dân giữ vững ổn định chính trị, đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế, xã hội, tạo tiền đề vững chắc để chuyển sang một thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vươn ra hội nhập với khu vực và thế giới.

Trước những yêu cầu lớn lao của đất nước và dân tộc, trước những yêu cầu của sự nghiệp đoàn kết, bình đẳng, phát triển và hạnh phúc của phụ nữ, việc tăng cường vai trò của phụ nữ trong các lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội và quản lý nhà nước trở thành một đòi hỏi khách quan.

*
* *

Phụ nữ Việt nam luôn là lực lượng quần chúng to lớn của cách mạng. Lực lượng đó đã và đang phát huy vai trò tích cực trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

1. Trong **lĩnh vực kinh tế :**

Lao động nữ chiếm khoảng 52% tổng số lao động xã hội, tham gia hoạt động đông đảo ở tất cả các ngành kinh tế quốc dân. Ngành có tỷ lệ lao động nữ cao là *công nghiệp nhẹ*: 63,61% ; *nông nghiệp* và *công nghiệp thực phẩm* : 61,7%. Tuy nhiên, điều nhận thấy khá rõ là phụ nữ thường chỉ được giao những công việc lao động giản đơn, không đòi hỏi trình độ học vấn, tay nghề và kỹ thuật cao.

Đảng và Nhà nước ta đã có những chủ trương, chính sách tạo điều kiện thuận lợi để phụ nữ phát huy được vai trò của mình. Thí dụ :

Trong *sản xuất nông - lâm nghiệp*, do có cơ chế "khoán 10", phụ nữ nông thôn đã vượt qua được những khó khăn, lúng túng, chủ động lo liệu vốn, giống, vật tư, mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tổ chức lao động gia đình. Đời sống kinh tế của phụ nữ ở nông thôn ngày càng được cải thiện ; số hộ đói, nghèo giảm, số hộ khá giả, giàu lên một cách chính đáng ngày càng tăng. Tuy nhiên, hiện nay, ở nông thôn, trên 90% lao động nữ không có trình độ chuyên môn kỹ thuật nông nghiệp, chủ yếu lao động bằng chân tay và theo kinh nghiệm cổ truyền. Đây là vấn đề rất đáng quan tâm khi hoạch định các chính sách, kế hoạch và chương trình phát triển nông nghiệp và nông thôn.

Trong *sản xuất công nghiệp, kinh doanh và dịch vụ*, do có cơ chế mới, lao động nữ được tiếp cận nhiều hơn với thông tin khoa học kỹ thuật mới, nên chất lượng lao động ngày càng được nâng cao. Hàng triệu lao động nữ có chuyên môn, trình độ tay nghề cao trong

* Bí thư TƯ Đảng, Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam

Digitized by Google

các ngành công nghiệp dệt, may mặc, chế biến lương thực thực phẩm, dịch vụ và du lịch, đã và đang phát huy tác dụng tốt, nhanh chóng đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của công cuộc đổi mới. Nhiều chị đã trở thành những chủ doanh nghiệp giỏi. Bằng khả năng sáng tạo, bàn tay khéo léo tài hoa, chị em đã sản xuất nhiều mặt hàng tiêu dùng và xuất khẩu có chất lượng cao. Sản phẩm của họ ngày càng có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, dưới sức ép của việc chuyển sang cơ chế thị trường, nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh của nhà nước được tổ chức lại đã dẫn đến việc giảm biên chế một cách đáng kể. Trong số lao động ra khỏi biên chế, phụ nữ chiếm tỷ lệ cao. Mặt khác, nước ta vẫn là một nước nghèo, nền kinh tế hàng hóa chưa phát triển, kết cấu hạ tầng yếu kém, trình độ đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng kịp yêu cầu đổi mới ; hệ thống pháp luật (nhất là các luật về kinh tế) chưa hoàn chỉnh, mới đi vào cuộc sống, nên chưa trở thành tiềm thức, nếp sống của mọi người. Đó cũng là những thách thức to lớn đối với phụ nữ trong việc tham gia hoạt động phát triển kinh tế. Thực tế đó đặt ra yêu cầu phải bảo đảm sự công bằng đối với phụ nữ ở mọi cơ sở kinh tế. Trong quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển kinh tế của chính phủ, cần chú ý đến tác động của các chính sách đối với phụ nữ và phân tích thật đầy đủ những đặc thù của giới nữ.

2 - Trong **lĩnh vực xã hội :**

Những năm qua, phụ nữ nước ta cũng đã phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của mình, có những đóng góp đáng kể vào công cuộc phát triển xã hội. Thí dụ :

Trong các ngành *khoa học* và *giáo dục*, phụ nữ đã tự phấn đấu vươn lên, đạt nhiều thành tích xuất sắc. Thời gian qua, đội ngũ nữ trí thức tiếp tục phát triển cả về số lượng và chất lượng. Số cán bộ nữ trong tổng số cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học trở lên chiếm gần 37%, trong đó *giáo sư* và *phó giáo sư* : 143 chị, *tiến sĩ khoa học* : 23 chị, *phó tiến sĩ khoa học* : 754 chị. Tỷ lệ nữ giáo viên giảng dạy trực tiếp trong ngành giáo dục là trên 70% (tại *các trường phổ thông cơ sở* năm học 1993-1994 là 74,57%, năm học 1994-1995 là 73,80% ; tại *các trường phổ thông trung học* năm học 1993-1994 là 49,22%, năm học 1994- 1995 là 49,34% ; tại *các trường trung học chuyên nghiệp* năm học 1993-1994 là 44,67%, năm học 1994-1995 là 44,81%).

Trong nghiên cứu khoa học, nhiều phụ nữ đã chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước có giá trị khoa học cao, được ứng dụng vào sản xuất và đời sống. Hiện có khoảng nửa triệu phụ nữ tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp và nửa triệu nữ công nhân kỹ thuật đang làm việc và phát huy tác dụng tốt trong các ngành kinh tế quốc dân. Từ năm 1985 đến năm 1994, có 18 nhà khoa học nữ và hai tập thể nữ được giải thưởng Cô-va-lép-xcai-a. Hàng trăm chị em được Nhà nước tặng danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang" và "Anh hùng lao động". Gần 30 000 bà mẹ được phong tặng danh hiệu cao quý "Bà mẹ Việt nam anh hùng". Nhiều chị em được tặng các loại giải thưởng, 33 chị được cấp bằng lao động sáng tạo, một số nữ học sinh, sinh viên đã đạt giải cao trong các kỳ thi quốc tế về toán, lý, tin học, ngoại ngữ...

Trong các ngành *y tế, văn hóa* và *thể dục thể thao*, phụ nữ có vai trò quan trọng. Phụ nữ chiếm 60% trong ngành y tế từ trung ương đến cơ sở. Chị em tích cực tham gia các chương trình chăm sóc sức khỏe nhân dân, đi đầu và làm nòng cốt trong cuộc vận động thực hiện *các chương trình lớn* : chăm sóc sức khỏe phụ nữ, trẻ em ; dân số - kế hoạch hóa gia đình ; tiêm chủng phòng bệnh cho trẻ em ; chống các bệnh sốt rét, bướu cổ ; phòng chống các tệ nạn xã hội... Trong ngành *văn hóa, nghệ thuật*, nhiều chị em đã có những tác phẩm được đánh giá cao, nhiều chị em đạt danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú. Trong *thể dục thể thao*, nhiều chị em đã lập kỷ lục quốc gia, đạt thành tích xuất sắc trong các cuộc thi đấu quốc tế.

Trong *các hoạt động xã hội khác*, phụ nữ đã có các phong trào nổi bật như : giúp nhau làm kinh tế gia đình ; nuôi dạy con tốt, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học ; thực hiện Luật hôn nhân và gia đình ; hỗ trợ vốn, tạo việc làm, tăng thu nhập... Tính đến giữa năm 1995, các cấp hội phụ nữ từ trung ương đến cơ sở đã quản lý các loại vốn tổng cộng khoảng trên 360 tỉ đồng, góp phần vào chương trình xóa đói giảm nghèo của nhà

Digitized by Google

nước. Chị em đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, duy trì được hiệu lực của pháp luật, bảo vệ được quyền lợi của phụ nữ, góp phần tích cực vào việc xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc.

3 - Trong tham gia **quản lý nhà nước :**

Ở tất cả các thời kỳ của cách mạng, đội ngũ cán bộ nữ đều có vai trò quan trọng trong bộ máy lãnh đạo chính quyền các cấp và có nhiều đóng góp đáng kể trong sự nghiệp xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa "của dân, do dân và vì dân". Tỷ lệ cán bộ nữ tham gia chính quyền các cấp và giữ trọng trách ngày càng nhiều. Trong công tác quản lý, chị em đều đạt hiệu quả cao, ít phạm phải những sai lầm lớn. Những số liệu sau đây đã khẳng định vai trò to lớn của phụ nữ trong việc tham gia quản lý nhà nước.

Phụ nữ là đại biểu Quốc hội. Khóa 1987-1992 : số đại biểu Quốc hội là 496 người thì 88 người là nữ (chiếm 17,7%) ; khóa 1992-1997 : số đại biểu Quốc hội là 395 người thì 73 người là nữ (chiếm 18,48%). Nước ta là nước có tỷ lệ nữ cao trong Quốc hội. Theo Liên minh quốc hội thế giới, về tỷ lệ nữ trong quốc hội, Việt nam đứng thứ 13 trong 171 nước, đứng thứ 3 trong các nước khu vực châu Á - Thái bình dương.

Phụ nữ tham gia Hội đồng nhân dân các cấp. Khóa 1989-1994 : cấp tỉnh 11,0% ; cấp huyện 13,0%, cấp cơ sở 16,5% ; khóa 1994-1997 : cấp tỉnh 20,4%, cấp huyện 18,4%, cấp cơ sở 14,1%.

Phụ nữ là cán bộ lãnh đạo các cấp. Cấp *trung ương* : có 1 phó chủ tịch nước ; 1 bí thư Trung ương Đảng ; 6 bộ trưởng và tương đương ; 24 thứ trưởng và tương đương ; hơn 80 vụ trưởng, vụ phó và tương đương ; hơn 150 tổng giám đốc và phó tổng giám đốc. Cấp *tỉnh thành* : có 17 phó chủ tịch và 12 ủy viên ủy ban nhân dân...

Thực tiễn hoạt động của phụ nữ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội cũng như trong quản lý nhà nước đã khẳng định vai trò to lớn của chị em trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trước đây cũng như trong công cuộc đổi mới đất nước ngày nay. Tuy nhiên ở đây còn không ít vấn đề *nổi cộm* phải giải quyết.

Hiện nay nước ta vẫn còn 2,4 triệu người mù chữ ở độ tuổi từ 15 đến 25 là độ tuổi tích cực lao động, trong đó số mù chữ ở phụ nữ cao gấp 2,4 lần so với ở nam giới. Trong số 2,3 triệu trẻ em thất học và trên 2 triệu trẻ em bỏ học, thì số đông cũng là các em gái. Sự thiệt thòi của phụ nữ và trẻ em gái trong giáo dục đào tạo dẫn đến tình trạng lao động nữ bất cập với yêu cầu của tiến bộ khoa học và công nghệ, của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, và ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nhân lực nữ trong tương lai. Đó là chưa kể do thiếu hụt về học vấn, về vốn kiến thức nghiệp vụ, số đông chị em phải làm những công việc giản đơn, vị trí công tác và thu nhập thấp, hoặc rất khó kiếm việc làm. Điều này còn ảnh hưởng tiêu cực đến thiên chức làm mẹ trong việc nuôi dạy con cái, chăm sóc gia đình, và cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến một số tệ nạn xã hội trong phụ nữ.

Mặt khác, khi chuyển sang cơ chế thị trường, do ngân sách dành cho các vấn đề xã hội, như y tế, giáo dục bị giảm bớt, không ít chị em đã phải dành một số khá lớn thời gian và chi phí vật chất để chăm sóc người ốm, trông nom và nuôi dạy con cái. Đây quả là một gánh nặng đối với phụ nữ, đặc biệt phụ nữ nghèo.

Do phải thực hiện các bổn phận trong gia đình nên thời gian và cường độ lao động của phụ nữ tăng lên. Trung bình người phụ nữ phải làm việc từ 12 đến 14 giờ/ngày (ở nông thôn, số giờ làm việc còn nhiều hơn). Thời gian và cường độ lao động tăng, dẫn đến tình trạng phụ nữ (nhất là phụ nữ đã có gia đình và nuôi con nhỏ) sức khỏe bị giảm sút, khó có điều kiện để học tập nâng cao trình độ, hưởng thụ văn hóa và tiếp cận thông tin mới... Đó là nguyên nhân dẫn đến nguy cơ tụt hậu của phụ nữ và sự bất bình đẳng giữa nam và nữ trong quá trình phát triển chung.

*
* *

Một trong những mục tiêu quan trọng của sự nghiệp giải phóng phụ nữ là thiết thực cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, nâng cao vị trí của phụ nữ trong xã hội, thực hiện nam nữ bình đẳng, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Muốn vậy cần tạo điều kiện giúp chị em có sức khỏe, có kiến thức, năng động, sáng tạo, biết làm giàu chính

Digitized by Google

đáng, có lòng nhân hậu, quan tâm đến lợi ích xã hội và cộng đồng. Cần tạo điều kiện để chị em có thể phát huy mọi tiềm năng, nâng cao vai trò, vị trí của mình trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Thực hiện có hiệu quả mục tiêu của Hội nghị thế giới lần thứ IV về phụ nữ họp ở Bắc kinh (tháng 9-1995) : "*Hành động vì bình đẳng - phát triển - hòa bình*" và mục tiêu của Đại hội đại biểu phụ nữ Việt nam lần thứ VII : "*Đoàn kết, đổi mới vì bình đẳng, phát triển và hạnh phúc của phụ nữ*".

Từ tình hình thực tế của đất nước, trên cơ sở những vấn đề trọng tâm đã đạt được tại Hội nghị thế giới lần thứ IV về phụ nữ, Đảng và Nhà nước ta đã xây dựng *Chiến lược phát triển vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt nam đến năm 2000.*

Trong 10 mục tiêu nêu trong Chiến lược đó, chúng ta đặc biệt quan tâm các mục tiêu sau đây :

1 - *Tạo việc làm, tăng thêm thu nhập cho phụ nữ, góp phần xóa đói, giảm nghèo.* Đây là mối quan tâm hàng đầu của Chính phủ ta. Để thực hiện được mục tiêu này, điều không thể thiếu được là phải luôn quán triệt quan điểm về *giới* trong xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tức là phải đưa mối quan tâm về phụ nữ vào các chương trình phát triển quốc gia, trong xây dựng chính sách, tổ chức các lớp đào tạo, v.v.. Đây cũng chính là mối quan tâm số một của thế giới. *Cương lĩnh hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ thế giới đến năm 2000* nhấn mạnh : Phải đặc biệt chú ý giải quyết tình trạng đói nghèo của phụ nữ. Trong số 1,2 - 1,3 tỉ người nghèo trên thế giới, phụ nữ chiếm gần 70%. Năm 1988, số phụ nữ nông thôn sống trong nghèo đói đã là 564 triệu người.

2 - *Tạo điều kiện bình đẳng cho phụ nữ trong giáo dục, xóa mù chữ.* Nâng trình độ của phụ nữ về mọi mặt là điều kiện đảm bảo cho chị em có đủ năng lực để đảm đương mọi nhiệm vụ được giao. Chú trọng nâng trình độ cho chị em ngay từ tuổi học sinh. Nâng tỷ lệ học sinh nữ ở các trường phổ thông cơ sở từ 47,3% lên 50%, ở các trường phổ thông trung học từ 41,3% lên 45%. Phấn đấu xóa mù chữ cho phụ nữ ở độ tuổi 15-35. Cương lĩnh hành động của phụ nữ thế giới cũng rất quan tâm vấn đề giáo dục đối với phụ nữ, đặc biệt trẻ em gái, bởi trên thế giới có gần 1 tỉ người mù chữ thì 2/3 là phụ nữ ; có khoảng hơn 100 triệu trẻ em bỏ học trước khi học xong lớp 4 thì 2/3 là các em gái.

3 - *Cải thiện điều kiện chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em.* Chiến lược phát triển vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt nam đến năm 2000 đã đề ra các chỉ tiêu phải thực hiện :

+ Giảm tỷ lệ tử vong của người mẹ khi sinh đẻ từ 90 xuống còn 70/100 000 trẻ em sinh ra.

+ Giảm tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi từ 38 xuống còn 30/1000 em.

+ Giảm số trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng từ 42% xuống 30% và thanh toán nhanh số bị suy dinh dưỡng nặng.

+ Góp phần giảm tỷ lệ tăng dân số, tạo điều kiện để phụ nữ có cuộc sống no ấm, hạnh phúc và nuôi con khỏe, dạy con ngoan.

4 - *Tăng cường vai trò của phụ nữ trong tham gia quản lý xã hội và nhà nước.* Số phụ nữ tham gia công tác quản lý ở nước ta trong những năm gần đây đã có chiều hướng tăng. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta cần chú trọng tạo điều kiện, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho phụ nữ, để chị em có đủ năng lực gánh vác mọi nhiệm vụ được giao. Đây cũng là một lĩnh vực mà Cương lĩnh hành động của phụ nữ thế giới đặc biệt quan tâm. Cương lĩnh đó nhấn mạnh : "Thiếu sự tham gia tích cực của phụ nữ vào việc ra quyết định thì mục tiêu bình đẳng, phát triển và hòa bình không thể đạt được".

5 - *Ưu tiên chăm sóc, bảo vệ và tạo điều kiện cho trẻ em gái phát triển,* bởi vì "trẻ em gái hôm nay là phụ nữ ngày mai". Trong bài phát biểu tại Hội nghị thế giới lần thứ IV về phụ nữ vừa qua ở Bắc kinh, Đoàn đại biểu Chính phủ ta đã nhấn mạnh : "Cần đặc biệt đầu tư vào lĩnh vực giáo dục, quan tâm mang lại quyền lợi học tập cho mọi trẻ em gái, kể cả ở các vùng xa xôi lạc hậu và tại các gia đình nghèo khó. Chăm sóc đầu tư vào giáo dục cho trẻ em gái là đầu tư vào tương lai của nhân loại" ❑

Digitized by Google

QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN TRONG CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG "DIỄN BIẾN HÒA BÌNH", BẢO VỆ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

ĐẶNG VŨ HIỆP *

CÓ nhiều nguyên nhân cùng tác động rất phức tạp dẫn tới sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên xô (cũ) trong thời gian từ năm 1989 đến 1991. Cùng với nguyên nhân sâu xa nằm ngay trong những khuyết điểm, khuyết tật to lớn chậm được phát hiện và khắc phục trong mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội và nguyên nhân trực tiếp là những sai lầm nghiêm trọng về đường lối chính trị, tư tưởng, tổ chức của các Đảng cộng sản ở Đông Âu và ở Liên xô, cần phải tính đến một *nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp khác*, trong quan hệ chặt chẽ với hai nguyên nhân trên. Đó là việc chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, lợi dụng những khó khăn và đường lối sai lầm của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa, đã đẩy mạnh chiến lược "diễn biến hòa bình" cực kỳ thâm độc, nguy hiểm, can thiệp toàn diện, vừa tinh vi, vừa trắng trợn vào nội bộ các nước xã hội chủ nghĩa và mục đích từ gần một thế kỷ qua của chúng đã đạt được : xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu mà thực tế lịch sử cho thấy bằng chiến tranh chúng đã không thể thực hiện được.

Ban đầu chỉ là một thủ đoạn, một phương thức, từ cuối những năm 80, "diễn biến hòa bình" đã trở thành một *chiến lược tổng lực* nhằm thủ tiêu chủ nghĩa xã hội bằng phương pháp hòa bình, không cần chiến tranh, nhưng thực chất là một "cuộc chiến tranh không có khói súng", dùng lực lượng quân sự làm công cụ răn đe, thông qua các biện pháp chính trị, tư tưởng, tâm lý, kinh tế, khoa học kỹ thuật, ngoại giao, văn hóa, xã hội... để thẩm thấu, phát triển các nhân tố chống chủ nghĩa xã hội ngay trong lòng các nước xã hội chủ nghĩa, từ đó tạo ra sự chuyển hóa nội tại nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.

Tiếp tục sử dụng một cách ráo riết hơn chiến lược "diễn biến hòa bình" ở các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, trong đó Việt nam là một trọng điểm, nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội đã trở thành *một chủ trương chiến lược công khai* của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch từ sau thắng lợi của chúng ở Liên xô và Đông Âu.

Đảng và nhân dân ta đang đứng trước một cuộc đấu tranh mới. Đấu tranh chống "diễn biến hòa bình", chiến đấu kiên cường bằng trí tuệ và bằng phẩm chất đạo đức cách mạng để thắng cuộc "chiến tranh mới không có khói súng" này của kẻ thù để bảo vệ chủ quyền, độc lập dân tộc, để phát triển đất nước vững vàng đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa đang là *một trong những nhiệm vụ bức thiết và sống còn* của toàn đảng, toàn quân, toàn dân ta. Trong cuộc đấu tranh này, chúng ta chỉ có thể đẩy lùi và làm thất bại từng thủ đoạn, từng biện pháp trong âm mưu "diễn biến hòa bình", của các thế lực thù địch khi toàn đảng, toàn quân, toàn dân đoàn kết, kiên định đường lối đổi mới đúng đắn, tạo được những thành công trong sự nghiệp đổi mới, giữ vững và tăng cường ổn định chính trị, phát triển đất nước ; đồng thời thường xuyên cảnh giác, tỉnh táo, sắc bén, xây dựng thế trận toàn dân vững chắc.

Là một bộ phận, một lực lượng trong thế trận chiến đấu đó, quân đội nhân dân ta, với bản chất và truyền thống vẻ vang của mình, với tiềm năng và sức mạnh tổng hợp to lớn, có trách nhiệm, nghĩa vụ và hoàn toàn có khả năng trực tiếp, thường xuyên tham gia vào cuộc đấu tranh này để bảo vệ chủ quyền, độc lập dân tộc, bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, chủ động ngăn chặn và làm thất bại âm mưu diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của kẻ thù.

* Thượng tướng, Phó chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt nam.

Digitized by Google

Một trong những âm mưu thâm độc nhất trong chiến lược "diễn biến hòa bình" của kẻ thù là : tách quân đội khỏi nhân dân, phá hoại khối đoàn kết quân dân, khai thác những mâu thuẫn nhất thời giữa một vài đơn vị quân đội với một bộ phận quần chúng... ở những địa bàn cụ thể, từ đó cô lập quân đội, "vô hiệu hóa" lực lượng vũ trang. Thực tế chứng minh rằng, các thế lực phản động đã thành công không khó khăn lắm trong việc thực hiện mục tiêu này ở các nước Đông Âu thời gian vừa qua. Nhưng sẽ hoàn toàn là ảo tưởng, nếu chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch nghĩ rằng cũng có thể đạo diễn được một "màn kịch" như thế ở Việt nam. Từ trong bản chất sâu xa và truyền thống cực kỳ quý báu của mình, lực lượng vũ trang nhân dân ta, quân đội ta gắn bó máu thịt với nhân dân, với dân tộc, đồng thời cảnh giác với âm mưu của kẻ thù. Những năm gần đây, trong việc xây dựng sức mạnh tổng hợp của quân đội, chúng ta không bao giờ sao lãng yêu cầu, nhiệm vụ tăng cường quan hệ đoàn kết, gắn bó quân dân lên một *chất lượng mới*. Tất nhiên, hình thái và những đặc điểm của quan hệ quân dân, trong điều kiện mới ngày hôm nay, có những biểu hiện khác và cả những đòi hỏi mới so với thời kỳ chiến tranh ; vì vậy, nỗ lực tìm tòi những nội dung và phương pháp mới để tăng cường tình đoàn kết, gắn bó quân dân là một kết quả quan trọng trong thời gian qua. Doanh trại quân đội, xét cho cùng, chỉ với ý nghĩa là địa lý quân sự, còn ở đâu có nhân dân, ở đâu nhân dân cần bảo vệ cuộc sống của mình, ở đấy có bộ đội Cụ Hồ. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "xứng danh bộ đội Cụ Hồ" trong tình hình mới, mỗi cán bộ, chiến sĩ, trong toàn bộ hoạt động của mình, phải tỏ ra xứng đáng với tình yêu, niềm tin của nhân dân. Đó là một định hướng cực kỳ quan trọng và nhờ đó chúng ta đã giữ vững và phát huy được truyền thống quý giá quân với dân một ý chí - truyền thống đã được xây đắp trong suốt 50 năm chiến đấu và trưởng thành của lực lượng vũ trang nhân dân ta. Với ý nghĩa đó, và trong thế trận toàn dân đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hòa bình", nhiệm vụ quan trọng, cấp bách xây dựng khu vực phòng thủ, không chỉ có nội dung về mặt quân sự, mà gắn chặt với nội dung chính trị, tư tưởng, tinh thần, tình cảm, văn hóa, xã hội và kinh tế, trong đó nhân tố cốt lõi của nó chính là xây dựng "thế trận lòng dân". Thời gian vừa qua trong sự đồng tâm và đồng cảm sâu sắc, cả nhân dân và bộ đội, trên khắp mọi miền của đất nước, đã chủ động sáng tạo nên nhiều nội dung, biện pháp, phương thức để xây đắp ngày càng bền vững hơn sự gắn bó máu thịt quân dân. Những đợt hoạt động dã ngoại, đặc biệt đến các vùng xa xôi, hẻo lánh, miền núi còn nhiều khó khăn, gian khổ... giúp dân xây dựng cuộc sống, những hoạt động kết nghĩa với những nội dung thiết thực giữa các đơn vị quân đội với các buôn làng, phường xã, với các xí nghiệp, nhà máy, trường học, quan hệ nhiều mặt, phong phú, sinh động giữa bộ đội và sinh viên, học sinh ; phong trào nhân dân chăm sóc các gia đình liệt sĩ, thương binh ; theo dõi động viên các đơn vị bộ đội đang công tác ở biên giới hải đảo, đặc biệt ở Trường sa... là những biểu hiện rất phong phú, thể hiện sinh động chất lượng mới của quan hệ quân dân. Trong hình thái mới của cuộc đấu tranh ngày hôm nay chống các thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của kẻ thù, với chức năng là đội quân chiến đấu, chúng ta hiểu rằng, chức năng đó không chỉ có nghĩa về mặt quân sự, mà còn có nội dung rộng rãi hơn. Quân đội ta đang trực tiếp, hằng ngày, thường xuyên, bằng toàn bộ hoạt động thực tiễn của mình, của từng đơn vị, từng cán bộ và chiến sĩ, chiến đấu chống âm mưu của kẻ thù muốn vô hiệu hóa sức mạnh quân đội, phá hoại quan hệ máu thịt giữa quân và dân.

Mục tiêu hàng đầu của chiến lược "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch là tiến hành cuộc "*chiến tranh tư tưởng*". Họ đã công khai tuyên bố rằng : "toàn bộ vũ khí của chúng ta, các hiệp định mậu dịch, viện trợ kinh tế và quan hệ văn hóa sẽ không đi tới đâu, nếu chúng ta thất bại trên mặt trận tư tưởng". Từ đó, các thế lực thù địch đã và sẽ áp dụng rất nhiều thủ đoạn khác nhau hòng làm tan rã hệ tư tưởng Mác - Lê-nin, hạ thấp vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh, công kích, đòi xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời ra sức tuyên truyền hệ tư tưởng tư sản, tạo dựng lực lượng chính trị đối lập, chống đối bên trong, "đưa chiến tranh vào bên trong bức màn sắt" nhằm lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa. "Phi chính trị hóa" quân đội là một trong những âm mưu xảo quyệt nhất của chiến lược "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực chính trị - tư tưởng.

Chỉ có thể tiến hành có hiệu quả cao cuộc đấu tranh cùng toàn dân chống "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực chính trị - tư tưởng khi quân đội ta đồng thời triển khai cả hai nhiệm vụ : vừa xây dựng cho chính mình bản lĩnh, trình độ, năng lực chính trị - tư tưởng, vừa chủ

Digitized by Google

động hợp đồng mở thế trận tiến công kẻ thù trên lĩnh vực đặc biệt trọng yếu này. Thực tiễn cuộc đấu tranh đòi hỏi như vậy, không thể để thiếu sự đồng bộ, thiếu sự gắn bó của hai yêu cầu, hai nhiệm vụ đó.

Xây dựng và củng cố vững chắc trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa, làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên, chiến sĩ kiên định mục tiêu, con đường xã hội chủ nghĩa, kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt sâu sắc đường lối và quan điểm đổi mới của Đảng. Với yêu cầu đó, tính cách mạng và sự tinh nhuệ về chính trị phải gắn bó chặt chẽ với nhau, tạo nên phẩm chất, bản lĩnh và năng lực chính trị của mỗi cán bộ, chiến sĩ. Không chịu rèn luyện, nâng cao bản lĩnh và trí tuệ sẽ không đủ sức thắng được trong cuộc đọ sức mới ngày hôm nay giữa chủ nghĩa xã hội đổi mới đang trên con đường nỗ lực vượt qua những thách thức gay gắt để tiến lên không ngừng với các thế lực thù địch đang tự coi mình là kẻ có lợi thế.

Nhận thức sâu sắc đòi hỏi đó, thời gian qua, trong quân đội nhân dân, đã tiến hành việc củng cố tăng cường lực lượng làm công tác lý luận chính trị, tư tưởng, trong sự phối hợp khá chặt chẽ với lực lượng chung của cả nước nhằm giành và giữ thế chủ động trong cuộc đấu tranh trên mặt trận cực kỳ quan trọng này. Hiểu địch càng sâu, càng chính xác, đánh địch càng mạnh, càng có hiệu quả cao. Kinh nghiệm đó không chỉ có ý nghĩa đối với quân sự, mà cả đối với mặt trận chính trị - tư tưởng, điều mà trước đây, do đơn giản, chúng ta còn nhiều hạn chế. Tổ chức nghiên cứu những âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "diễn biến hòa bình", xác định những "ngón đòn" mà kẻ thù sử dụng tấn công chúng ta trên lĩnh vực chính trị - tư tưởng, từ đó tổ chức lực lượng đánh trả để bảo vệ những giá trị cao quý, vừa khoa học, vừa nhân văn của những nguyên lý, nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, của đường lối, quan điểm của Đảng ta, chính là nội dung, giải pháp có hiệu quả nhất trong cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay. Một loạt công trình nghiên cứu, bài báo... trên lĩnh vực lý luận, chính trị, tư tưởng do đội ngũ cán bộ trong quân đội thực hiện là kết quả đáng khích lệ, và những sản phẩm trí tuệ đó đã có những đóng góp tích cực trong cuộc đấu tranh chung. Không đổi mới thực sự tư duy lý luận, nâng cao trí tuệ và trình độ khoa học sẽ không thể tham gia đấu tranh có hiệu quả, bởi vì chiến thắng kẻ thù trên lĩnh vực này lại được thể hiện chủ yếu ở khả năng thuyết phục quần chúng, định hướng và giáo dục quần chúng bằng những chân lý khoa học, bằng những sự thật của đời sống được khám phá và đúc kết. Vừa xây dựng cho mình, vừa chủ động tổ chức lực lượng và tham gia đấu tranh, là con đường tốt nhất để xây dựng sức mạnh tổng hợp, sức chiến đấu của quân đội và để quân đội góp phần cùng toàn dân đấu tranh chiến thắng chiến lược "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực chính trị - tư tưởng.

Đôi khi, người ta chỉ nhấn mạnh "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực chính trị - tư tưởng, mà xem nhẹ âm mưu đó trong *lĩnh vực kinh tế*, coi trách nhiệm đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" là của các nhà chính trị, còn kinh tế chỉ là việc " làm ăn" buôn bán, là sự nỗ lực tăng trưởng kinh tế cho đất nước. Sự mất cảnh giác còn thể hiện ở khuynh hướng cho rằng, các nhà chính trị ít nhiều khuếch đại tính nguy hiểm của âm mưu "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực kinh tế. Lợi dụng đặc điểm và khuynh hướng trên, các thế lực thù địch đã thông qua một số hoạt động kinh tế nhằm từng bước và trực tiếp tác động vào định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế, lái dần nó sang hướng kinh tế tư bản chủ nghĩa bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, mà mới nhìn bề mặt tưởng như chỉ thuần túy là các biện pháp quan hệ kinh tế.

Là đội quân sản xuất, đó là một truyền thống tốt đẹp, độc đáo của quân đội ta. Sản xuất, làm kinh tế để góp phần xây dựng, nâng cao sức chiến đấu của quân đội và góp phần xây dựng đất nước, là nhiệm vụ thường xuyên của quân đội. Trong cuộc đấu tranh mới ngày hôm nay, để làm tốt chức năng đó, lại cần phải thấy rõ một đặc điểm mới. Tham gia xây dựng kinh tế cho đất nước, trước hết và quan trọng nhất là phải biết lựa chọn những nhiệm vụ kinh tế cụ thể nào có khả năng góp phần giải quyết có hiệu quả nhất quan hệ chặt chẽ giữa quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng và góp phần củng cố nền tảng xã hội chủ nghĩa của kinh tế quốc dân, vị trí chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong nền kinh tế nhiều thành phần. Đó là một bài toán có ý nghĩa chiến lược khi giải đáp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất, xây dựng kinh tế của quân đội. Và đó cũng là phương thức tốt nhất để quân đội - với chức năng là quân đội sản xuất - trực tiếp tham gia trong cuộc đấu tranh trên lĩnh vực kinh tế. Những năm qua, trong quân đội, định hướng đó đã được xác định và đã thu được những kết quả đáng khích lệ. Tuy

Digitized by Google

nhiên, từ yêu cầu cao của cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực kinh tế, chúng ta cần tiếp tục kiên định và tổ chức triển khai tốt hơn nữa phương hướng trên.

Lĩnh vực vốn rất đa dạng, tế nhị, phức tạp và có độ nhạy cảm đặc biệt mà chiến lược "diễn biến hòa bình" có thể lợi dụng, sử dụng để gieo rắc sự hoài nghi, dao động, cơ hội chủ nghĩa, sự biến chất, từ đó tạo nên những thế và lực bên trong chống phá chủ nghĩa xã hội, là *lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật và xã hội.* Sự tác động mạnh của lối sống và quan niệm tư sản về các giá trị văn hóa, đạo đức sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu đã là một điều kiện thuận lợi cho các thế lực thù địch chủ động thực hiện những thủ đoạn "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực này. Bảy, tám năm qua, chúng ta đã trực tiếp chứng kiến quy mô và các hình thái tiến công của họ trên lĩnh vực văn hóa - xã hội trên đất nước ta, và không phải lúc nào, ở đâu, chúng ta cũng ở thế có lợi trong cuộc đấu tranh cực kỳ phức tạp này.

Thực tiễn những năm qua xác định rằng, khả năng "tự bảo vệ" và "miễn dịch" của tổ chức quân đội là to lớn, mạnh mẽ. Nhưng tác động của "diễn biến hòa bình" vào quân đội trên lĩnh vực này mang tính gián tiếp, tinh vi thông qua các quan hệ nhiều mặt của cán bộ, chiến sĩ với đời sống xã hội, đời sống văn hóa, thông qua sự tiếp nhận, thay thế thường xuyên đội ngũ chiến sĩ theo luật nghĩa vụ quân sự, vì thế hoàn toàn không thể chủ quan. Một mặt, trong quân đội cần có kế hoạch đồng bộ, toàn diện, khoa học, tỉ mỉ để xây dựng, nuôi dưỡng những giá trị truyền thống dân tộc cũng như những giá trị xã hội chủ nghĩa tốt đẹp trên lĩnh vực văn hóa, đạo đức, lối sống, thẩm mỹ... cho cán bộ và chiến sĩ, để tự mỗi người có đủ khả năng "miễn dịch" trước những cám dỗ của các quan niệm, lối sống tư sản, ngoại nhập... Mặt khác, là đội quân công tác, với những truyền thống quý báu và kinh nghiệm phong phú trong hoạt động xã hội, hoạt động văn hóa, với một đội ngũ và hệ thống, thiết chế văn hóa khá toàn diện của mình, quân đội nhất thiết phải trở thành một lực lượng mạnh tham gia trong cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực văn hóa, xã hội. Những năm vừa qua, đặc biệt trong hai năm 1994, 1995, với quyết tâm đổi mới mạnh mẽ và tổ chức lại lực lượng văn hóa, văn nghệ của quân đội và trong sự phối hợp chặt chẽ với lực lượng văn hóa, văn nghệ từ trung ương đến các địa phương, chúng ta đã phát huy có hiệu quả sức mạnh của "binh chủng đặc biệt" này, để vừa góp phần xây dựng đời sống tinh thần - văn hóa lành mạnh, tốt đẹp trong lực lượng vũ trang, vừa tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh bảo vệ các định hướng đúng đắn của Đảng về văn hóa - văn nghệ, góp phần làm phong phú hơn đời sống văn hóa chung và trực tiếp làm hạn chế, thu hẹp ảnh hưởng xấu của văn hóa lạc hậu, phản động.

Tuy vậy, thực tiễn chỉ rõ tiềm năng của chúng ta còn nhiều, nhưng việc sử dụng nó trong cuộc đấu tranh thời gian qua vẫn còn những hạn chế. Hàng trăm các văn nghệ sĩ sáng tạo chuyên nghiệp đã được thử thách và rất đáng tin cậy trên các loại hình văn học, nghệ thuật ; hàng nghìn những người sáng tạo nghiệp dư, bán chuyên, 15 đoàn nghệ thuật ca múa nhạc, sân khấu ; hệ thống xuất bản, báo chí quân đội đã từng trải trong cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng - văn hóa ; 25 nhà bảo tàng, hàng trăm nhà truyền thống với hàng chục vạn hiện vật quý giá ; hàng trăm thư viện, phòng đọc với hàng triệu đầu sách ; hàng trăm đội chiếu bóng với hàng nghìn bộ phim tài liệu, phim truyện về đề tài cách mạng, chiến tranh và người chiến sĩ... nếu tất cả đội ngũ, thiết chế và sản phẩm văn hóa đó được huy động đầy đủ và tổ chức tốt trong một thế trận chiến đấu chung, nhằm bảo vệ và xây dựng văn hóa tốt đẹp, đấu tranh chống văn hóa xấu độc, phát huy ảnh hưởng tích cực của nó trên từng địa bàn, từng làng xã, khu vực, đặc biệt ở những địa bàn trọng điểm, ở những nơi xa xôi, có nhiều khó khăn, nơi kẻ thù thường tìm cách lợi dụng nhiều nhất, chắc chắn rằng, sẽ tạo nên được một sức mạnh chính trị tinh thần, văn hóa to lớn. Thời gian qua, chúng ta đã có sự chuyển biến rất cơ bản về nhận thức và đã thu được những kết quả tốt, song yêu cầu của cuộc đấu tranh mới chống "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực văn hóa - xã hội đòi hỏi phải nâng cao hơn nữa nhận thức và trình độ tổ chức "tác chiến" của chúng ta trên lĩnh vực rất tế nhị, phong phú và có nhiều tính đặc thù này.

Cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" trên mọi bình diện của cuộc sống xã hội đã và sẽ là cuộc đấu tranh phức tạp, dai dẳng, cần một sức mạnh tổng hợp của toàn đảng, toàn quân và toàn dân. Đứng trong đội ngũ chung đó, quân đội đã và sẽ là một lực lượng đáng tin cậy, góp phần có hiệu quả làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của đất nước ta ❑

Digitized by Google

Qua những chặng đường viết của tôi

NGUYỄN ĐÌNH THI *

TÔI tự nghĩ cũng đã đến đoạn đường đời mà còn cầm được cây bút là rất may rồi. Qua ngày tháng, nay nhìn lại, tôi thấy cuộc chiến đấu cách mạng suốt mấy chục năm của đất nước đã là cái nền và cái nguồn cho tôi viết. Tôi đã cố gắng viết những điều tôi nghĩ và cảm xúc, trong phạm vi tầm nhìn và hiểu biết của mình. Cũng có những lúc tôi đã va chạm với những khó khăn do quan niệm chung quanh không thuận, nhưng sự khó khăn nhất vẫn là ở chỗ phải luôn tự đánh vật với những yếu kém của chính mình.

Chắc cũng như nhiều bạn đồng nghiệp, trong những năm chiến tranh, tôi có rất ít thời giờ để viết. Và nhiều khi viết ở một nơi giữa đường. Cho đến sau chiến tranh, thời gian thật sự ngồi làm việc trước trang giấy vẫn không được bao nhiêu. Muốn viết một tác phẩm dài, có đôi chút quy mô, là phải làm việc trong những khoảng thời giờ cắt xén, rải rác, còn thường mỗi lần cầm đến bút là khác nào phải tìm cách dồn hết tinh lực của mình vào những tác phẩm viết trong thời gian ngắn, trong hoàn cảnh đời sống hằng ngày cũng còn nhiều bề bộn, gieo neo chung của mọi người. Đó là một thử thách rất thực tế, nó cũng có một phía là đòi hỏi khi làm việc, phải như quên hết mọi cái gì khác, chỉ còn sống với ngọn lửa bên trong mà viết. Cuộc sống cách mạng nhiều sóng gió và căng thẳng, như luôn thử thách cái sức nội tâm có thực của mình, cũng có thể nói nó không ngừng thử thách cả tư cách cầm bút của mình.

Những kỷ niệm quý trong đời viết văn của tôi là những ngày tôi được thấy từ cảnh chết đói thảm khốc đến tột cùng, cả dân tộc ta nổi dậy, rồi những năm ở rừng núi, những chiến dịch tôi được tham dự, những ngày ngược xuôi dưới bom đạn, cho đến ngày tôi được đi trong những dòng sông người cuồn cuộn trên đất nước tự do và thống nhất. Và những kỷ niệm quý nữa là những ngày được cùng sống, cùng làm việc với những tài năng và trí tuệ lớn của đất nước, những nhà văn và nghệ sĩ bậc đàn anh, những bạn cùng lứa tuổi, đến hôm nay đã vắng vợi đi quá nhiều. Tôi cảm thấy tình bạn lớn giữa những nhà văn, nghệ sĩ cũng là dấu hiệu của một thời đại văn hóa lớn.

Một hạnh phúc mà tôi nghĩ có lẽ không gì sánh nổi là nhờ có cách mạng, nhờ những năm được sống và làm việc trong cuộc chiến đấu của dân tộc, tôi đã được đi tới nhiều nơi. Tám năm chống Pháp là tám năm đi bộ, nhờ vậy tôi đã đặt chân biết bao nẻo đường, có những nơi hầu như chưa có dấu chân người. Cho đến cuộc chống Mỹ, tôi cũng còn được một chuyến mấy tháng lội bộ trên Đồng tháp mười và bên bờ sông Cửu long. Tôi đã được tận mắt mình nhìn thấy đất nước, từ những nơi núi sông trời biển bao la, hùng vĩ, đẹp đến choáng ngợp mắt nhìn và choáng ngợp cả trí tuệ, cho đến một mảnh ruộng lầy trộn sắt gang, một khóm tre, một bờ cỏ như thấm đẫm công sức vất vả bao đời, làm cho rơi nước mắt thương yêu.

Cũng nhờ những năm tháng ấy, tôi như dần dần hiểu ra và nhận ra dân tộc ta, nhân dân ta. Ở trận Điện biên phủ cũng như sau này dọc đường Trường sơn, tôi thấy có lẽ không có cuộc chiến tranh ở nơi nào trên thế giới mà có nhiều phụ nữ, nhiều em gái ra mặt trận như ở nước ta. Tự nhiên tôi nghĩ đến thời Hai Bà Trưng, Bà Triệu. Nhìn hình ảnh Bác hồ mặc quần áo nâu, chân mang dép lốp cao su, đi bộ trên một sườn đồi, một bờ ruộng, ngồi ngay xuống đất trò chuyện với bà con, tôi nghĩ đến trang sử cũ chép việc Thái Thượng Hoàng nhà Trần, từ trên núi Yên tử, mặc quần áo vải thâm, khoác chiếc tay nải, chân mang dép rơm, đi xuống Phả lại để xem dân tình. Và chuyện "ông tướng gạo" trong các chiến dịch của ta làm tôi nghĩ đến chuyện bảy trăm năm trước, Hưng Đạo Vương lo việc nuôi quân như thế nào để đánh được trận Vạn

---

* Chủ tịch Liên hiệp các hội văn học - nghệ thuật Việt nam

Digitized by Google

kiếp, trận Bạch đằng... Tôi không bao giờ quên cái đêm 19 tháng chạp năm 1946 ấy, hàng vạn, hàng chục vạn người lầm lì ra đi, để lại sau lưng Hà nội ầm ầm súng nổ và cháy rực một vùng trời. Tôi thấy cái tình cảm, cái ý thức có gốc rễ sâu trong mỗi con người rằng chúng ta cùng chung một cội nguồn, một cuộc sống, một vận mệnh, tình cảm đó, ý thức đó làm nên Tổ quốc ta, có lẽ còn có phần quan trọng hơn cả lãnh thổ. Tôi cũng như cảm thấy cái sức độc lập tự chủ, tự lực tự cường bao đời của dân ta làm cho đường lối cách mạng của Đảng ta luôn có sáng tạo, tìm ra phương hướng vào những lúc gian nan, nguy hiểm.

Có một chuyện nhỏ làm tôi nhớ mãi. Một buổi chiều, trên đường chiến dịch, trong tiếng máy bay địch gầm rú qua lại, tôi hỏi chuyện một chị dân công đã đứng tuổi, ngồi nghỉ bên gánh gạo dưới chân đèo : Đi dân công, chị thấy thế nào ? Chị cười trả lời : Đi ra mặt trận, có nguy hiểm vì bom đạn, nhưng công việc hàng ngày thì ở nhà chị còn vất vả hơn nhiều. Mà chân lấm tay bùn đầu tắt mặt tối suốt ngày tháng cũng không có ai khen. Còn đi dân công, hôm nào cố gánh thêm mấy cân gạo, đến chiều nghỉ, đã có loa báo tin, biểu dương khắp đơn vị. Câu nói hồn nhiên ấy làm cho tôi thấy những điều tôi thường nghĩ về công việc giải phóng con người, đem một vị trí mới đến cho tư cách làm người, trong thực tế đời sống nhân dân là thế nào. Tôi cũng dần nhận ra một điều : những cách xử sự, những điều suy nghĩ giản dị, tự nhiên nhất của nhân dân cũng cùng một hơi thở, một linh hồn với những tác phẩm các nhà văn, nhà thơ lớn nước ta qua các đời. Những con người gần gụi nhất với câu thơ Nôm của Nguyễn Trãi hoặc câu thơ Kiều của Nguyễn Du là bà mẹ nông thôn không biết chữ, là cô gái dệt vải cũng như người thợ gốm, thợ mộc, thợ rèn, bàn tay làm nên đời sống mỗi ngày. Hạt thóc trên đồng ruộng và dòng chữ trên trang sách có cùng một nguồn sống, một lẽ phải. Và cách mạng đã đem đến cho cuộc sống chúng ta một ý nghĩa. Cho đến cái bi kịch lớn nhất của kiếp làm người, cái câu hỏi thăm thẳm ở cuối con đường của đời người là cái chết, cách mạng cũng đem đến cho nó một ý nghĩa, là sự hy sinh.

Ngày nay đất nước ta đang đứng trước vận hội lớn và thách thức lớn trong công cuộc đổi mới. Tôi nghĩ rằng Đảng ta, nhân dân ta không chỉ nhằm mục đích làm cho nước ta trở thành một "con rồng", "con cọp" mới về kinh tế, ở một nơi ngã ba ngã tư đường của các biển lớn và các luồng văn hóa lớn. Chúng ta đang tiếp tục công việc cách mạng, đi những bước đầu hướng về chủ nghĩa xã hội. Dù có những bối rối chập chững, chúng ta đang không ngừng tìm tòi xây dựng một hình thái tổ chức mới cho xã hội, một cuộc sống vật chất và tinh thần mới xứng đáng với con người.

Loài người đã đang ở ngưỡng cửa một thế kỷ mới, bắt đầu một thiên niên kỷ mới. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đang mỗi ngày tiến lên với những bước nhảy vọt đến chóng mặt. Và hình như các dân tộc ở khắp các lục địa đều đang vật vã tìm con đường đi lên một hình thái tổ chức xã hội mới. Ngay trong những nước tư bản giàu có cũng đang cuộn dâng những làn sóng ngầm dữ dội, làm rung chuyển sự suy nghĩ và lương tâm con người. Tôi nghĩ rằng sự sống của loài người vẫn đang tự mở đường đi lên, không gì ngăn cản được.

Tôi tìm một chỗ tựa cho niềm hy vọng ấy trong sự sáng tạo nghệ thuật. Nhìn vào những tác phẩm nghệ thuật lớn, tôi thấy tác phẩm nghệ thuật là vật chất in dấu tâm hồn người và là tâm hồn người thổi vào vật chất, nhào nặn vật chất. Trong tác phẩm nghệ thuật có sự thống nhất tự do và tất yếu. Tác phẩm nghệ thuật là cái riêng biệt nhất của một người sáng tạo, không ai bắt chước được, và đồng thời nó lại là cái chung nhất của mọi con người, ai cũng tìm thấy mình trong đó. Tác phẩm nghệ thuật là của một dân tộc, không thể lẫn được, và đồng thời nó là của báu chung của mọi dân tộc.

Sự sáng tạo nghệ thuật chứng tỏ con người đã tạo ra được một cái gì vừa là vật chất vừa là tinh thần, vừa tự do vừa tất yếu, vừa hết sức riêng biệt của một người vừa là chung nhất của mọi người, vừa là của một dân tộc lại vừa là của các dân tộc.

Điều đó làm tôi nghĩ rằng con người có thể tạo ra một hình thái tổ chức xã hội sao cho "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người".

Và mỗi người cầm bút chúng ta làm công việc sáng tạo khiêm tốn mỗi ngày, có thể góp phần để cho trên đất nước ta hình thành một xã hội, một cuộc sống không còn đói nghèo và dốt nát, không còn bóc lột và áp bức, một cuộc sống vừa có tự do vừa có công bằng cho con người ❑

Digitized by Google

SỰ LỰA CHỌN GIÁ TRỊ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

DƯƠNG VŨ

GIÁ trị đích thực của một sự vật, hiện tượng, một con người, nhóm người hay cả một xã hội, đâu phải cứ thông qua lời tuyên bố, một khẩu hiệu tuyên truyền, một lời tán dương là có được. Nó phải trải qua một quá trình song trùng, vừa nhận ra sự thật (chân lý), vừa tìm ra cái phù hợp với nhu cầu và lợi ích của bản thân mình (tức nhận ra giá trị của sự vật). Nhiều khi quá trình này phải trả giá bằng cả máu và nước mắt.

Nhận thức giá trị thực ra là bước cao hơn, sâu hơn của quá trình nhận thức, nhằm mục đích như Mác nói, con người không chỉ nhận biết thế giới mà quan trọng hơn là cải tạo thế giới. Dẫu sao, nhận thức giá trị, quan niệm giá trị vẫn phải dựa trên tiền đề của nhận thức sự thật, tìm ra chân lý. Chủ thể nhận thức chừng nào chưa thấu hiểu được thuộc tính, chưa nắm được quy luật phát triển của sự vật thì chắc hẳn cũng không thể xác định đúng đắn sự vật đó có giá trị hay không, hoặc có giá trị nhiều hay ít đối với mình. Nếu quá trình nhận thức lại chỉ dừng ở cảm tính, ở kinh nghiệm hoặc ở tâm trạng mung lung, ẩn ức nào đó của cá nhân thì có nguy cơ võ đoán và rất dễ lầm lạc.

Ngày nay, trong bối cảnh những biến cải hết sức lớn lao của thời đại, đất nước ta đang chuyển mình mạnh mẽ trong công cuộc đổi mới, thì có người lại muốn nhảy ra đóng vai trò trọng tài, phán xét lịch sử. Họ cho rằng : sự lựa chọn con đường phát triển của dân tộc Việt nam cần được xem xét lại (?) Người Việt nam dường như đã chọn không đúng giá trị. Tiến xa hơn, họ không ngần ngại phê phán cả "sự lựa chọn của Hồ Chí Minh" và đưa ra cái gọi là "những hạn chế của nó"... Rằng "những nhà lý luận chính thống của Đảng cộng sản từ trước tới nay do đã đưa Hồ Chí Minh lên một thứ "á thánh" nên cũng tìm mọi cách chứng minh sự lựa chọn của Hồ Chí Minh cho đất nước là tuyệt đối đúng đắn" !

Thực tế lịch sử đã từng và sẽ còn bác bỏ những luận điểm mơ hồ đó.

Quả thật, người Việt nam đã nhiều lần đối mặt với sự lựa chọn. Nhưng chưa bao giờ như lần này (vào đầu những năm 20 của thế kỷ), lịch sử đặt ra những câu hỏi vô cùng hệ trọng và nghiệt ngã đến vậy.

Ai cũng biết, người Việt nam lúc đó tựa hồ như bị dồn vào ngõ cụt, điêu đứng trong "cảnh hoang tàn, đói rét"[1] ; không gian tối tăm như không có đường ra. Cuộc khủng hoảng chính trị, kinh tế, xã hội trên quy mô toàn quốc, cùng với sự chia rẽ, hoảng loạn trong nội bộ triều đình nhà Nguyễn đã dẫn đến thảm cảnh : nước Việt nam bị xóa tên trên bản đồ thế giới. Người Việt nam, đất Việt nam bị giằng xé bởi hai thế lực : phong kiến nhà Thanh (Trung quốc) và thực dân Pháp. Cuối cùng, bọn Pháp đã hất cẳng nhà Thanh và độc chiếm toàn bộ Việt nam. Phong kiến Việt nam trở thành chỗ dựa tin cậy nhất cho chính quyền thực dân tha hồ khai thác, nô dịch, bóc lột và thống trị nhân dân ta. Khó mà cầm lòng được khi ta đọc trang mô tả cảnh tượng nông thôn Việt nam bấy giờ của nhà báo Pháp Ăng-đrê Vi-ô-lit : "Mặc dù đã 3 vụ mất mùa, do nhiều tai họa gây nên : hạn, lụt, bão, châu chấu, người ta vẫn bắt cái tỉnh bất hạnh ấy (một tỉnh Trung kỳ) phải nộp 525 000 đ tiền thuế...

(1) Lời bài vè "Là cái thời Tự Đức", dẫn trong thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ 19. Nxb Văn học, Hà nội, 1970, tr 446

Digitized by Google

Người ta thấy những người nhà quê cùng khốn... chạy chọt khắp nơi, lùa trâu, vác cày, mang mâm đồng, chum vại, áo quần cho đến cả những cây đèn thờ tổ tiên của họ đi bán... Tất cả phải đem bán đi để nộp thứ thuế đang giết họ". Trong hoàn cảnh như vậy, người nông dân Việt nam, theo nhà báo này kết luận: "Họ chỉ còn có chết hoặc vùng dậy mà thôi"(2).

Vậy là nhu cầu giải phóng, khát vọng giải phóng trở thành sự lựa chọn giữa cái sống và cái chết. Đó đâu phải là sự chọn lựa bình thường. Và để tránh con đường chết, con đường của bao bậc tiền bối đã không vượt qua, người thanh niên 21 tuổi Nguyễn Tất Thành (sau này là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh) đã quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân, khẳng định giá trị cho con người Việt nam, dân tộc Việt nam.

Bôn ba khắp chân trời góc biển, cuối cùng, Hồ Chí Minh đã khám phá ra cái có giá trị, cái phù hợp nhất với nhu cầu và lợi ích của dân mình, đó là bản Luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Có thể nói đây là sự phát hiện mang tính lịch sử, vì "đó là giờ phút người đi tìm ánh sáng thấy nguồn ánh sáng... Tia lửa chân lý lóe bừng khi đọc Luận cương của Lê-nin, đã gặp những chất liệu được chuẩn bị sẵn trong tư tưởng và tâm hồn Hồ Chí Minh để cháy thành ngọn lửa của lý luận về cách mạng ở các nước thuộc địa và phụ thuộc"(3).

Sự kiện Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp, đánh dấu một bước ngoặt trong sự lựa chọn giá trị của Người ; Người dứt khoát đứng hẳn về con đường của Cách mạng tháng Mười, đứng hẳn về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và Quốc tế thứ III. Bước ngoặt đó mang một ý nghĩa to lớn là mở lối cho cách mạng Việt nam : *gắn và chỉ có gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội mới mong giành được thắng lợi hoàn toàn.*

Giờ đây có người cố tình rêu rao : "Hồ Chí Minh làm gì có tư tưởng", rằng đó chẳng qua "là tư tưởng của Lê-nin được Hồ Chí Minh lặp lại và cố gắng giữ gìn cho đừng mất đi mà thôi" ! Một con người đầy dũng khí và bản lĩnh, tình nguyện dấn thân vào con đường đầy chông gai để cứu dân cứu nước ; một con người bôn ba khắp mọi nơi, lăn lộn trong phong trào cách mạng ở nhiều nước và sau đó cùng với đồng chí mình sáng lập ra một đảng cộng sản ; một con người đã mạnh dạn bỏ phiếu tán thành và gia nhập Quốc tế thứ III, làm sao trong mình lại chỉ là sự "lặp lại" giản đơn tư tưởng của người khác ? Thật là một cách nhìn thiên kiến đến kỳ lạ. Song xem ra, điều đó cũng không quan trọng. Điều quan trọng hơn, đáng quan tâm hơn là sự lựa chọn đó của Hồ Chí Minh có đúng hay không và đã được thực tiễn cách mạng Việt nam mấy thập kỷ qua chứng minh như thế nào.

Cho đến ngày nay, câu hỏi "Vì sao Việt nam thắng Pháp, vì sao thắng Mỹ" vẫn còn đang dằn vặt trong đầu biết bao tướng lĩnh, nhà chiến lược, những chính khách trên thế giới. Lịch sử vẫn còn cần lời giải rành rẽ. Song điều mà người Việt nam ngày nay có thể ý thức được là đường lối *kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội* của Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt nam được thực hiện xuyên suốt, liên tục. Đó là một nguyên nhân cơ bản nhất quyết định sự thắng lợi cuối cùng của dân tộc Việt nam.

Bản chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội chân chính, thông qua cuộc chiến tranh - một thử thách khắc nghiệt đối với bất cứ một dân tộc nào - đã được bộc lộ rõ.

Ngay từ năm 1930 đến năm 1954, khi cả nước cùng làm nhiệm vụ đánh đuổi bọn thực dân xâm lược, thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, Đảng cộng sản Việt nam đã chủ động tạo ra những điều kiện, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội : kết hợp giải quyết vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp ; đánh đế quốc đi liền với chống phong kiến, cải cách ruộng đất đem lại địa vị làm chủ cho hàng triệu nông dân ; kết hợp kháng chiến với kiến quốc, đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, đấu tranh kinh tế với đấu tranh ngoại giao... Cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính, nhưng cũng tranh thủ hết mức sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, của

(2) André Viollis : *Indochine SOS*, xuất bản lần đầu năm 1935, tái bản năm 1949, Pa-ri, tr 96-97

(3) Xem Phạm Văn Đồng : *Hồ Chí Minh, một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*. Nxb Sự thật, Hà nội 1990 tr 14-15

Digitized by Google

bè bạn thế giới và của chính nhân dân Pháp. Vì vậy, thắng lợi đã thuộc về nhân dân ta ; hòa bình đã được lập lại trên ba nước Đông dương.

Từ năm 1954 đến năm 1975, Việt nam một lần nữa lại trở thành tiêu điểm đụng đầu lịch sử giữa hai lực lượng : cách mạng và phản cách mạng, giải phóng dân tộc và áp bức dân tộc, hệ thống xã hội chủ nghĩa và hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới. Một đất nước vừa thoát khỏi cuộc chiến, chưa kịp hồi phục thì đã lại đương đầu với thử thách mới ác liệt hơn. Lúc đó, Hồ Chí Minh vẫn bình tĩnh nêu rõ : "Mục đích của chúng ta là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, nâng cao không ngừng đời sống nhân dân và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà. Hai việc đó gắn liền với nhau"[4]. Miền Bắc là nền tảng, là gốc rễ của lực lượng đấu tranh toàn quốc. Người khẳng định : nền có vững nhà mới chắc. Gốc có mạnh cây mới tốt.

Những thành tựu trong giai đoạn 1954-1960 khẳng định tính "đồng thời" của hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Và chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc đã trở thành một giá trị hiển nhiên : Sau hai năm (1955-1957) hầu hết các cơ sở sản xuất đã được phục hồi và tiến lên đạt sản lượng bằng mức cao nhất trước chiến tranh (1939). Tổng sản lượng công nghiệp quốc doanh từ 35 tỉ (tiền cũ) đã vọt lên 236 tỉ đồng. Năm 1955 sản lượng lúa 3,6 triệu tấn, sang năm 1956 đã lên 4,1 triệu tấn.

Từ năm 1961 trở đi, sức mạnh của chế độ mới càng được phát huy ; các phong trào thi đua yêu nước vừa mang đậm nét tinh thần xã hội chủ nghĩa, vừa mang tình cảm vì miền Nam ruột thịt, vì sự nghiệp thống nhất Tổ quốc.

Mười năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thực sự đã tạo ra thế và lực mới cho cách mạng cả nước ; thay đổi hẳn mối quan hệ giữa người và người ; hậu phương lớn đã xứng đáng với vai trò quyết định cho thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước hàng chục năm ròng.

Xâm lược Việt nam, Mỹ đã chi phí 881 tỉ đô la, trong đó phí tổn trực tiếp là 526 tỉ. Mỹ huy động 2200 xí nghiệp lớn nhận đặt hàng quân sự ; hơn 6000 xí nghiệp với 5 triệu rưỡi công nhân tham gia sản xuất vũ khí và phương tiện chiến tranh ; sử dụng 1/3 tổng số nhà nghiên cứu khoa học (trong đó có 40% là nhà khoa học vật lý), 260 trường đại học chuyên nghiên cứu giải quyết những bài toán hóc búa cho lầu năm góc [5].

Thử hỏi người Việt nam có thể "lấy cái thực là lòng yêu nước và cái ảo là ý thức hệ cộng sản" để đương đầu và đánh đổi lấy thắng lợi được chăng ? Vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất ! Một tuyến đường dọc dãy Trường sơn (cả sườn Đông và sườn Tây) dài 16 700 km, một hệ thống ống dẫn xăng dầu từ hậu phương miền Bắc vào tận miền Đông Nam bộ dài 1311 km có lẽ đã đủ để dựng một tượng đài hoành tráng về trí tuệ và lòng dũng cảm của người Việt nam trong thế kỷ XX rồi. Ấy vậy mà có người vẫn cố tình nhắm mắt làm ngơ, tung hỏa mù "về cái thực, cái ảo".

Xin tạm trích ra đây ý kiến của M. Mác-lia, nhà báo, nhà nghiên cứu người Mỹ: "Người Việt nam, miền Nam cũng như miền Bắc, đã phải chống lại mọi bất công kéo dài và đã chiến đấu trong cuộc chiến tranh dài nhất thế kỷ, mà trước đó là cả một thế kỷ bị lệ thuộc nước ngoài. Lịch sử phải đánh giá họ cao nhất về sức chiến đấu ngoan cường và dũng cảm của con người và kết luận rằng không có một tấm gương nào có thể vĩ đại hơn thế, về một đất nước nhỏ bé ở châu Á đã một lần nữa nổi lên thành một quốc gia lừng lẫy" [6]. Còn đây là trang thư của Xan-va-đo A-gien-đê khi ông còn là Chủ tịch thượng nghị viện Chi-lê sau khi đã gặp Hồ Chí Minh năm 1969, ông viết : "Những ngày vừa qua ở thăm đất nước Việt nam là một giai đoạn rất quan trọng trong cuộc đời tôi. Trước đây, chúng tôi

(4) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t 9, tr 16

(5) Xem *Thắng lợi kháng chiến chống Mỹ và 20 năm xây dựng đất nước sau chiến tranh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1995, tr 169

(6) Mai-cơn Mác-lia : *Việt nam, cuộc chiến tranh mười nghìn ngày*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1990, tr 231

Digitized by Google

đã tin tưởng, ngày nay hơn bao giờ hết chúng tôi càng tin tưởng. Tin tưởng chắc chắn rằng không có thế lực nào có thể ngăn cản được sự thống nhất đất nước và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt nam" (7).

Ních-xơn, một trong những nhân vật chóp bu trực tiếp chỉ huy cuộc chiến ở Việt nam đã phải cay đắng thừa nhận : "Chính phủ Mỹ đã tham gia vào một cuộc chiến tranh đáng hổ thẹn hơn bất cứ một cuộc chiến tranh nào" (8).

Rõ ràng dân tộc Việt nam, con người Việt nam đâu có "ngạo mạn" tự khoác lên mình niềm vinh quang và vành nguyệt quế ? Có lẽ nhà triết học Mỹ, giáo sư Ni-cô-lốt Re-sơ nói đúng : "Giá trị cũng cần phải có thước đo", nếu không sẽ có kẻ lập lờ phủi tay, cãi trắng; thậm chí họ còn tỏ ra sàm sỡ bôi nhọ lịch sử, thoá mạ cả cộng đồng.

Lại nói về đất nước ta sau năm 1975 : Người Việt nam đâu phải không đứng trước sự lựa chọn. Cứ cho là độc lập dân tộc đã được coi như hoàn thành trọn vẹn, song sự nghiệp thống nhất đất nước cũng là cả một quá trình. Chỉ có điều người Việt nam biết rằng qua một cuộc chiến lâu dài, tàn khốc, giờ đây hơn lúc nào hết, cần phải khép lại quá khứ, xóa bỏ hận thù, cùng nhau hòa hợp cố kết để xây dựng lại quê hương, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đó là giá trị hàng nghìn năm các thế hệ người Việt nam hằng vươn tới.

Chỉ trong một thời gian ngắn, chế độ mới gần như rửa sạch những vết nhơ của một nền văn hóa thực dân, lai căng và phụ thuộc. Riêng TP Hồ Chí Minh đã thu hồi 500 tấn văn hóa phẩm phản động và đồi trụy ; đưa 150 000 thanh thiếu niên nghiện xì ke ma túy, 8000 trẻ "bụi đời" lần lượt chữa khỏi bệnh, trở về đoàn tụ với gia đình, tham gia sản xuất...

Năm học đầu tiên sau ngày miền Nam giải phóng, 10 triệu học sinh cả nước nô nức đến trường. Riêng miền Nam có tới 4 200 000 học sinh cơ sở, 178 000 học sinh trung học, gấp 3 lần số học sinh trước năm 1975. Trong 21 tỉnh thành phía Nam có 1 triệu rưỡi người thoát nạn mù chữ (chiếm 94,2% tổng số người mù chữ trước ngày giải phóng).

Có phải đó là bức tranh sinh động về sức vươn lên của một dân tộc sau mấy chục năm vật lộn với chiến tranh ?

Tuy vậy, chúng ta không phải không mắc khuyết điểm, sai lầm. Nhưng trước những khuyết điểm, sai lầm, những người cộng sản Việt nam đã công khai và thẳng thắn thừa nhận, quyết tâm sửa chữa và sửa chữa có kết quả. Đó không phải là sự biểu hiện của một đảng cộng sản chân chính, luôn tin tưởng ở nhân dân hay sao ?

Thời điểm hiểm nghèo nhất, gần như trên bờ vực của thảm họa, là những năm sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên xô. Chỗ dựa mang tính thành trì vững chắc đằng sau chúng ta không còn nữa. Một lần nữa người Việt nam lại phải lựa chọn. Và sức sống của chủ nghĩa xã hội, của tinh thần tự lực, tự cường dân tộc lại bừng lên mạnh mẽ khi có đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng soi sáng. Thừa hưởng giá trị cốt lõi của chủ nghĩa xã hội trước đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, nhân dân ta bền bỉ, kiên cường tìm tòi và sáng tạo, tháo gỡ từng bước khó khăn. Đến nay, giá trị lớn nhất mà người Việt nam thu được sau nhiều năm trăn trở là đất nước đã thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội. Tổ quốc phát triển trong sự ổn định chính trị, giữ vững công bằng và giải quyết dần nhiều vấn đề xã hội ; đất nước phát triển trong sự hội nhập với thế giới, làm bạn với hàng trăm nước trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền, giữ vững bản sắc văn hóa của mình.

Có thể nêu vài con số rất khiêm tốn :

- Sản lượng lương thực năm 1990 : 21,5 triệu tấn, năm 1994 là 26,2 triệu tấn ; xuất khẩu gạo của nước ta đang đứng hàng thứ ba thế giới.

- Sản lượng điện năm 1986 : 5683 triệu Kwh, năm 1994 đã là 12 473 triệu Kwh.

- Sản lượng thép năm 1986 : 64 600 tấn, năm 1994 đã là 280 000 tấn.

(Xem tiếp trang 33)

(7) Dẫn theo Nguyễn Xuân Thông : *Bác Hồ, sự cảm hóa kỳ diệu*, Nxb Thanh niên, Hà nội, 1994, tr 62

(8) Ních-xơn : *1999 - chiến thắng không cần chiến tranh*, Nxb Simon and Schustar. Dẫn theo thông tin chuyên đề số 6-7/1989 của Thư viện quân đội, tr 62-63

Digitized by Google

Góp phần tìm hiểu tư tưởng HỒ CHÍ MINH về chính trị

HỒ VĂN THÔNG *

NGÀY nay, chúng ta thấy rõ cái chi phối trong lịch sử tư tưởng chính trị và thể chế chính trị, ngoài tính giai cấp, còn có tính dân tộc và những giá trị phổ biến của tiến hóa nhân loại. Đối với chủ nghĩa Mác, nói giai cấp là nói cái chi phối *trực tiếp* chính trị chứ không phải cái *duy nhất* chi phối. "Dân tộc", "giai cấp công nhân", "nhân loại" đã được thấu triệt qua lịch sử và thời đại, kết hợp một cách lôgic trong con người Hồ Chí Minh - một mẫu người tiên phong tiêu biểu của thời đại. Từ đấy dẫn Hồ Chí Minh - một con người đầy lòng nhân ái, có tầm hiểu biết rộng lớn - đến với chủ nghĩa xã hội và trở thành lãnh tụ của một đảng cộng sản và làm cho đảng này có tầm vóc lịch sử nhân loại trong hơn sáu mươi năm qua và tiếp tục phát triển vào thế kỷ XXI.

Tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh bao quát nhiều bình diện với chiều sâu chưa được khai thác hết tầm cỡ của nó. Để góp phần tìm hiểu điều này, tôi xin phân tích một số *vấn đề chính* sau đây :

1 - *"Tôi chỉ có một đảng là đảng Việt nam".*

Đây là lời tuyên bố của Bác Hồ trước Quốc hội đầu tiên của nước ta. Nếu hiểu một cách đơn giản thì có thể cho đó là bỏ qua tính giai cấp hoặc chỉ là sách lược bề ngoài. Không thể đem cách nhìn giản đơn để tiếp cận một con người vĩ đại được. Bác Hồ tuyên bố điều đó trong lúc toàn dân tộc ta và thế giới đều biết Bác là người sáng lập và là lãnh tụ tối cao của Đảng cộng sản Đông dương và sau này là Đảng cộng sản Việt nam. Phải từ vị trí và tính chất đó mà khai thác ý của Bác.

Là người mác xít tài năng, Bác Hồ hiểu một cách sâu sắc rằng, người cộng sản phải trở thành dân tộc mà cầm quyền. Từ dân tộc và vì dân tộc phải là mục đích cơ bản và trực tiếp của mọi người cộng sản và trên cơ sở đó mà góp phần thực hiện những mục đích nhân loại của mình. "Giai cấp công nhân" và "dân tộc" ở đây gắn bó với nhau rất chặt chẽ. Lịch sử nước ta đã chứng minh con đường cứu nước theo hướng Cần vương hay theo hướng dân chủ tư sản đều thất bại. Chỉ còn một con đường của giai cấp công nhân đại diện, tập hợp, đoàn kết toàn bộ nhân dân lao động, mới khơi dậy và tạo được sức mạnh của toàn dân tộc để cứu nước thành công. Cách mạng Tháng Tám nổ ra thành công và nước Việt nam mới ra đời, chính là từ tư tưởng và đường lối trên đây chỉ đạo. Giai cấp công nhân đã trở thành dân tộc và cầm quyền. Vì thế, Đảng cộng sản Việt nam không chỉ đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, mà còn đại biểu trung thành cho lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đây là nội dung của lịch sử hiện thực chứ không phải sự phán xét chủ quan nào cả. Sự thống nhất giữa giai cấp công nhân và dân tộc Việt nam đã tạo ra một sức mạnh Việt nam độc đáo vượt qua bao nhiêu thử thách khốc liệt, có tầm lịch sử nhân loại suốt trên sáu chục năm qua. Trong quá trình này, dưới sự lãnh đạo của Bác Hồ, những người cộng sản Việt nam đã khơi dậy, kế thừa và làm phong phú những truyền thống dân tộc Việt nam về văn hóa, đạo đức chính trị cũng như những kinh nghiệm quản lý đất nước, tinh thần độc lập tự chủ, đấu tranh bất khuất chống mọi nô dịch áp bức, tình thương người và lòng

* GS triết học, Viện trưởng Viện khoa học chính trị, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

nhân nghĩa của cha ông để xây dựng hệ thống chính trị.

Hệ thống chính trị của chúng ta đã và đang được xây dựng là sự hiện thực hóa tư tưởng cộng sản của Hồ Chí Minh. Đó là hệ thống chính trị của đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tất cả mọi lực lượng yêu nước, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, hướng mọi hoạt động vào một mục đích tối cao : vì một nước Việt nam "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh".

Ở nước ta, Đảng cộng sản xét từ nguồn gốc ra đời, từ tính chất và nhiệm vụ trong hiện thực lịch sử, đều toát lên sự thống nhất máu thịt giữa tính giai cấp công nhân và tính dân tộc. Và từ đó tạo nên sức mạnh Việt nam rất riêng biệt trong lịch sử nhân loại đương đại.

2 - *"Độc lập rồi, phải đem lại tự do cho dân. Độc lập mà không đem lại tự do cho dân thì độc lập cũng không có nghĩa gì".*

Bác Hồ đã từng đến nhiều nước có độc lập nhưng dân không được tự do. Có lẽ điều này đã thôi thúc Bác đi tìm con đường cứu nước sao cho vừa có độc lập cho dân tộc, vừa có tự do cho nhân dân, và đã dẫn Bác đến với Lê-nin và chủ nghĩa cộng sản.

Bác đi nhiều, đọc nhiều, am hiểu sâu lịch sử nhân loại và cả lịch sử tư tưởng và thể chế chính trị. Trong đó có các giá trị phổ biến đã thấm sâu vào tư tưởng của Bác, như xem quyền lực chính trị là quyền lực công cộng của dân ; dân lập ra quyền lực để bảo đảm an ninh và tạo môi trường tự do cho hoạt động sáng tạo của từng cá nhân, mưu cầu một cuộc sống ngày một đầy đủ, hạnh phúc hơn. Do đó, chính trị là quyền lực bảo đảm thực hiện tự do cho đa số.

Hơn nữa, dân tộc Việt nam trải qua hàng thế kỷ dưới ách thực dân phong kiến, sống một cuộc sống không có được một tự do tối thiểu nào, bị nô dịch và nghèo đói đến cùng cực. Khát vọng tự do để hoạt động nâng dân tộc mình lên, nâng cuộc sống của mình lên đã trở thành mục đích thiêng liêng của độc lập dân tộc. Giải phóng dân tộc là để tạo ra tự do cho dân. Tổ chức chính trị và tổ chức nhà nước của ta có sứ mệnh lịch sử tạo ra tự do cho dân sống và hoạt động. Ở đây nhà nước không chỉ trấn áp, chuyên chính với kẻ thù, mà cơ bản hơn là tạo tự do cho dân. Làm việc trước cũng là để làm việc sau.

Có thể nói, tạo môi trường tự do cho dân sống và làm chủ là nội dung cơ bản của một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng, và cũng là xây dựng một nhà nước theo ý Bác Hồ.

3 - Chế độ xã hội của chúng ta, theo Bác phải là *một xã hội mà "mọi lợi ích, mọi quyền hành đều thuộc về dân"* ; đó chính là nội dung cơ bản về chính trị phải được xây dựng ở nước ta.

Tất nhiên, về phương diện lý thuyết, đây là tư tưởng nhân loại tiến bộ đã có từ lâu trong lịch sử, nhưng Bác là người thấu triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh Việt nam.

Chúng ta đã biết, về mặt tư tưởng, nhân loại tiến bộ đã đi đến một khẳng định : quyền lực nhà nước không phải là siêu tự nhiên, được trời ban cho để cai trị, chăn dân, mà là quyền lực của chính con người liên kết thành xã hội tạo ra để quản lý xã hội. Các cơ quan và quan chức nhà nước tự nó không có quyền mà do dân ủy quyền. Dân luôn luôn là người chủ tối thượng của quyền lực nhà nước, luôn luôn có quyền tối cao trong việc giám sát, phê phán, bãi miễn những kẻ cầm quyền. Chế độ phong kiến thì điều đó không thể có được, chế độ tư bản tưởng như có nhưng thực chất cũng là không ; bởi vì quyền lực nhà nước ở đó trên danh nghĩa là của dân nhưng đã tha hóa thành cái đối nghịch, đứng trên dân, áp bức nô dịch lại dân. Phải tìm một con đường khác để xây dựng quyền lực nhà nước thực sự là quyền lực của dân. Đó là con đường mà Bác Hồ tìm tòi và đi đến với chủ nghĩa xã hội và trở thành người cộng sản tiêu biểu.

Bác đã tuyên bố và đã từng bước tổ chức hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước sao cho nó là công cụ của dân ; cán bộ đảng,

Digitized by Google

nhà nước là nô bộc của dân. Điều Bác đề xuất, rõ ràng không phải từ tình cảm đơn thuần, mà từ am hiểu sâu sắc tiến hóa của nhân loại và thời đại.

4 - *"Phải xây dựng một nhà nước trong sạch và sáng suốt".*

Đối với Bác, đây là điều tất yếu phải có của một nhà nước thực sự của dân. Bác đi nhiều, so sánh nhiều chế độ nhà nước khác nhau với kiến thức về lịch sử khá phong phú từ phương Đông sang phương Tây. Bác nhận thấy sinh mệnh của một nhà nước phụ thuộc rất nhiều vào sự trong sạch và sáng suốt này. Đối với một người cộng sản tiêu biểu như Bác, thì nguyên nhân sâu xa về sự hưng vong của các chế độ nhà nước được quy định từ quan hệ giai cấp, gắn với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất. Nhưng Bác cũng không bao giờ quên, khi xét một nhà nước trong vận hành cụ thể, sinh mệnh dài ngắn của nó còn phụ thuộc vào mặt chủ quan của người cầm quyền. Lịch sử đã đưa ra không biết bao nhiêu bài học trực tiếp về ảnh hưởng của nhân tố này trong đời sống chính trị cụ thể.

Mọi giai cấp cầm quyền đều phải thông qua những cá nhân đại diện cho giai cấp. Mà cá nhân thì quá đa dạng về tính tích cực và tiêu cực. Khi được giao quyền, không phải lúc nào họ cũng thật sự vì lợi ích chung của toàn giai cấp và của dân tộc mà giai cấp ấy đại diện, nhất là dưới chế độ cũ.

Cá nhân cầm quyền rất dễ chuyển quyền lực công cộng thành quyền lực riêng để mưu cầu danh lợi cá nhân. Khả năng làm tê liệt quyền lực công cộng, làm thoái hóa quyền lực nhà nước qua danh lợi cá nhân, là một khả năng thực tế luôn luôn diễn ra đối với đa số cá nhân có chức quyền. Ngay cả nhà nước của chế độ xã hội mới cũng khó tránh được điều này.

Vinh thân phì gia nhờ lợi dụng quyền lực ; sống giàu có vương giả trên lưng người khác nhờ vào lợi dụng quyền lực... Không có nhà nước cụ thể nào tồn tại lâu dài nếu nó chứa đựng nhiều loại quan chức như thế. Trong lúc phải chống giặc ngoại xâm, Bác đã xem những thói tệ này là giặc nội xâm. Và trong điều kiện hòa bình, những thói tệ này càng dễ sinh sôi nảy nở. Đảng ta xem nó như một trong các nguy cơ lớn đối với chế độ phải khắc phục. Tất nhiên, đối với Bác và Đảng ta, không thể dừng lại ở khuyên bảo giáo dục, mà phải xây dựng cho được một cơ chế thật sự kiểm soát được quyền lực giữa các cơ quan nhà nước cùng với sự giám sát tối cao của nhân dân lao động đối với các cơ quan và quan chức nhà nước. Đảng cộng sản xem việc lãnh đạo xây dựng một cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước là một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng ; và Đảng thay mặt nhân dân mà trở thành người giám sát chính trị ở mọi cấp, mọi ngành của toàn bộ xã hội. Nơi nào có việc lộng quyền, lợi dụng quyền lực theo mục đích cá nhân, thì đảng bộ và cấp ủy nơi đó phải là người chịu trách nhiệm chính trị đối với dân và với Đảng.

Sự sáng suốt bao giờ cũng là một nhân tố sống còn trong chính trị và hoạt động nhà nước. Quyền lực chính trị - nhà nước là quyền lực định hướng, điều khiển, tạo môi trường cho sự phát triển toàn bộ của một quốc gia, dân tộc. Ở đây, đòi hỏi phải tập trung cao độ trí tuệ của cả giai cấp, dân tộc và của cả thời đại mà xây dựng hệ thống chính trị và hoạt động nhà nước. Một nhà nước thiếu trí tuệ thì chỉ còn là hoạt động cưỡng bức thô thiển ; những luật pháp, mệnh lệnh của nó chỉ là sự áp đặt từ bên trên và bên ngoài, chứ không còn là nhu cầu bên trong của mỗi công dân trong đời sống cộng đồng xã hội.

Bác Hồ đã thấu suốt sâu sắc tính chất và yêu cầu này khi bắt đầu xây dựng đời sống chính trị và nhà nước ở Việt nam. Bằng hàng loạt phương thức cùng với đức độ và tài năng của mình, ngay từ đầu Bác đã tập hợp hầu hết những con người có tài năng trí tuệ của dân tộc quanh Bác. Và sau này, dù qua bao nhiêu thử thách lịch sử, những con người đó vẫn đi theo Bác. Bác có trình độ trí tuệ cao, nhưng được nhân lên bởi hàng

Digitized by Google

loạt những người có trí tuệ cao khác. Bác không dừng lại ở việc tập hợp phát động công - nông, mà làm điều đó trong sự thống nhất với tập hợp đội ngũ trí thức của dân tộc. Đó là một trong những phong cách chính trị tiêu biểu của Hồ Chí Minh.

Thời đại trí tuệ hóa ngày nay đòi hỏi chính trị phải khoa học hóa cao độ. Tư tưởng về một nhà nước sáng suốt của Bác đang tiếp tục sống theo yêu cầu đương đại của lịch sử. Điều này đòi hỏi không chỉ ở việc nâng cao trình độ trí tuệ của các quan chức, mà còn ở việc tổ chức cả một hệ thống khoa học công nghệ cho quá trình chính trị. Có thể nói, khoa học hóa để tập trung trí tuệ nhanh nhất và cao nhất cho chính trị, nhà nước, là thứ ưu tiên của mọi ưu tiên trong các quốc gia phát triển đương đại.

5 - *"Thương nước, thương dân, thương nhân loại bị đau khổ và áp bức".*

Sự thống nhất ba mặt trên là một trong những đặc điểm về tính giai cấp của giai cấp công nhân mà Bác Hồ là người phản ánh thành nội tâm và xu hướng hoạt động của mình, vừa với tư cách là một con người bình thường vừa với tư cách là một lãnh tụ cộng sản, chuyển nó thành tư tưởng và tổ chức chính trị ở Việt nam.

Trước hết, đó là con đường và lôgíc khiến Bác trở thành người cộng sản. Từ đây ta thấy người cộng sản là thế nào và có thể trả lời qua con người của Bác. Đó là những con người thương nước, thương dân, thương nhân loại bị đau khổ và áp bức. Tất nhiên, còn nhiều đặc trưng khác nữa, nhưng đây là một đặc trưng khá sâu xa và tiêu biểu. Và đối với người cộng sản, điều này không dừng lại ở tình cảm mà chuyển thành tư tưởng và thể chế chính trị.

Thời đại ngày nay đã gắn ba mặt này thành một thể thống nhất rõ ràng như một xu hướng tiến bộ, tất thắng của phát triển lịch sử. Những con người trung thực, có lương tri ở khắp mọi nước đang hoạt động với lòng thương nước, thương dân mình, và cũng từ đó mà đấu tranh quyết liệt chống lại tất cả mọi quan hệ phi nhân tính trong cuộc sống của con người.

Tư tưởng trên của Bác Hồ rõ ràng không phải chỉ phản ánh thời thực dân ở Việt nam, mà bao quát hơn, phản ánh một đặc tính của giai cấp công nhân với tư cách là người đại diện dân tộc và nhân loại tiến bộ, phản ánh xu thế tiến bộ của thời đại và sự nghiệp của người cộng sản.

Đối với Bác, thương dân đến thương nước, thì khi nước đã độc lập, phải biết thương dân nhiều hơn và cụ thể hơn. Nhất là cán bộ, phải biết làm nô bộc của dân. Không thể chấp nhận những cán bộ nói là yêu nước mà không thương dân, thậm chí đè đầu, cưỡi cổ dân.

*
* *

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị là lĩnh vực hết sức phong phú, tôi không thể nói đầy đủ, chỉ muốn chốt lại một số vấn đề đã nêu có liên quan đến nhiều mặt mà chúng ta đang tìm tòi để đổi mới hệ thống chính trị của chúng ta. Đó là :

1 - Việc xây dựng hệ thống chính trị và nhà nước của chúng ta phải theo nguyên tắc thống nhất giữa tính giai cấp công nhân, tính dân tộc, tính nhân dân và tính nhân loại.

2 - Xây dựng một nhà nước của dân, do dân và vì dân, mọi quyền lực đều thuộc về dân (nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa).

3 - Đảng và Nhà nước là công cụ phục vụ dân, tạo môi trường và khơi dậy động lực cho hoạt động tự do của dân.

4 - Xây dựng một nhà nước trong sạch và sáng suốt theo những yêu cầu của thời đương đại (đạo đức, văn hóa và trí tuệ chính trị).

5 - Góp phần đấu tranh chống lại mọi hình thức nô dịch con người và là bạn với mọi quốc gia, dân tộc.

Tất cả những tư tưởng này ẩn giấu sau những ngôn từ giản dị, bình thường nhưng hàm lượng trí tuệ rất lớn, giúp chúng ta rất nhiều trong sự nghiệp đổi mới hiện nay ⊿

Digitized by Google

VĂN HÓA CHÍNH TRỊ VỚI VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG LÃNH ĐẠO CHÍNH TRỊ

PHẠM NGỌC QUANG *

TRONG thời đại ngày nay, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, sự phát triển của nhân loại lấy mục đích nhân đạo, nhân văn, dân chủ làm định hướng lý tưởng, nghĩa là lấy văn hóa, mà nội dung cơ bản của nó là giải phóng mọi năng lực sáng tạo của con người, cả ở cấp độ cá nhân lẫn cấp độ xã hội, làm cái đích cuối cùng. Bởi vậy, trong lĩnh vực nhận thức, bên cạnh khái niệm văn hóa nói chung, đã xuất hiện một loạt khái niệm văn hóa *chuyên biệt* : văn hóa giao tiếp, văn hóa pháp luật, văn hóa môi trường, văn hóa chính trị...

Văn hóa chính trị xuất hiện cùng với sự xuất hiện của chính trị. Nhưng với tư cách là một khái niệm khoa học, văn hóa chính trị vẫn là một khái niệm mới trong sách báo mác-xít. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin chưa đề cập tới khái niệm này, mặc dù một số nội dung của nó cũng đã được các ông nêu ra và ngày nay chúng ta xem đó là cơ sở để hình thành khái niệm mác-xít về văn hóa chính trị.

Ở nước ta, việc nghiên cứu văn hóa chính trị mới được bắt đầu trong thời gian gần đây, dù rằng trong thực tế nhiều nội dung của văn hóa chính trị đã được sử dụng trong hoạt động thực tiễn chính trị.

Từ những thành quả ban đầu trong việc nghiên cứu vấn đề này, có thể hiểu *văn hóa chính trị là một phương diện của văn hóa trong xã hội có giai cấp, nó nói lên tri thức, năng lực sáng tạo trong hoạt động chính trị dựa trên sự nhận thức sâu sắc các quan hệ chính trị hiện thực cùng những thiết chế chính trị tiến bộ được lập ra để thực hiện lợi ích chính trị cơ bản của giai cấp hay của nhân dân phù hợp với sự phát triển lịch sử.*

Văn hóa chính trị nói lên phẩm chất và hình thức hoạt động chính trị của con người cùng những thiết chế chính trị mà con người lập ra để thực hiện những lợi ích giai cấp cơ bản của chủ thể tương ứng.

Văn hóa chính trị có cấu trúc phức tạp. Nó được tạo thành do sự thống nhất, tác động qua lại của các yếu tố cơ bản sau đây :

- *Tri thức, sự hiểu biết về chính trị.* Nó là sự thống nhất giữa tri thức, kinh nghiệm được tích lũy từ thực tiễn chính trị và lý luận chính trị nhờ đào tạo và tự đào tạo của mỗi cá nhân.

- *Niềm tin, sự thuyết phục về chính trị.* Nó được nảy sinh từ tri thức chính trị làm cho niềm tin, sự thuyết phục đó thoát khỏi tình trạng mù quáng, do dựa trên nhận thức cảm tính giản đơn. Nhờ vậy, niềm tin và sự thuyết phục về chính trị có được tính ổn định, tính vững bền cả khi đời sống chính trị "thuận buồm xuôi gió", lẫn khi trắc trở, khó khăn.

- *Các truyền thống chính trị* đã được thiết lập trong lịch sử dân tộc và nhân loại. Các truyền thống đó được tiếp thu một cách có phê phán, có chọn lọc trên lập trường của giai cấp tiến bộ và nó gia nhập vào như là một thành tố của văn hóa chính trị trong xã hội đương thời.

- *Những lý tưởng* cao đẹp mà con người cố gắng vươn tới trong hoạt động chính trị. Những lý tưởng đó vừa đóng vai trò động lực kích thích hoạt động chính trị, vừa đóng vai trò là xung lực nội tại để hoàn thiện tư chất của chủ thể hoạt động chính trị theo hướng kích thích chủ thể đó vươn tới những giá trị chân, thiện, mỹ trong hoạt động chính trị.

- *Những phương tiện, những chuẩn mực, những phương thức tổ chức* và hoạt động của quyền lực chính trị. Liên quan tới vấn đề này, hình thức tổ chức quyền lực nhà nước và hệ thống chính trị nói chung là những yếu tố cấu thành của văn hóa chính trị dưới dạng thực thể vật chất và tinh thần tiêu biểu của nó.

- *Hệ tư tưởng chính trị* - yếu tố cốt lõi nhất của văn hóa chính trị. Hệ tư tưởng chính trị giữ vị trí trung tâm, chi phối mọi yếu tố còn lại của văn hóa chính trị, cũng như của toàn bộ nền văn hóa chính trị nói chung trong một thể chế chính trị. Nó quy định tính chất, nội dung, khuynh hướng phát triển và tính tích cực chính trị của văn hóa chính trị trong xã hội đó.

Văn hóa chính trị được hình thành thông qua một lôgic vận động : tri thức chính trị qua thực tiễn biến thành niềm tin, thành lý tưởng giai cấp ; từ niềm tin và lý tưởng đó biến thành hành động chính trị thực tiễn và từ đó hình thành những chuẩn mực chính trị, thành nếp sống, thành thói quen trong việc ứng xử các tình huống chính trị. Chỉ đến khi những chuẩn mực, những giá trị và sự ứng xử chính trị đó đã thấm thấu vào tư chất của chủ thể hoạt động chính trị, làm cho chúng mang tính thường trực trong

* PGS, PTS. Phó Viện trưởng Viện khoa học chính trị. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

việc xử lý các tình huống chính trị, thì lúc đó văn hóa chính trị mới thực sự được xác lập trong chủ thể tương ứng.

Sự phát triển của văn hóa chính trị ở một giai cấp, một dân tộc phụ thuộc vào các nhân tố :

- *Một là*, tính chất và trạng thái của thể chế chính trị. Thể chế chính trị của giai cấp cầm quyền đã lỗi thời về mặt lịch sử không thể sản sinh ra một nền văn hóa chính trị tiến bộ. Một thể chế chính trị đang trong tình trạng phát xít hóa tất yếu sản sinh ra những chuẩn mực giá trị phản lại văn hóa chính trị theo nội dung tích cực của từ đó. Một thể chế chính trị quan liêu hóa cũng khó có thể sản sinh ra một nền văn hóa chính trị mang tính dân chủ. *Văn hóa chính trị mang tính nhân bản, dân chủ thực sự chỉ có được trong một thể chế chính trị mang tính cách mạng và dân chủ.*

- *Hai là*, tính chất và trạng thái của nền kinh tế. Chính trị, như Lênin đã khẳng định, là sự biểu hiện tập trung của kinh tế. Là một bộ phận của chính trị, văn hóa chính trị không thể đứng ngoài quy định đó. Trong xã hội dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, văn hóa chính trị giữ vị trí chi phối xã hội là văn hóa chính trị của giai cấp cầm quyền. Tính chất, lợi ích của giai cấp cầm quyền in đậm dấu ấn vào văn hóa chính trị của xã hội đó.

Trình độ phát triển của kinh tế suy cho cùng cũng quy định trình độ phát triển của văn hóa chính trị. Tuy nhiên, giữa trình độ phát triển của kinh tế và tính chất, trình độ phát triển của văn hóa chính trị cũng có tính độc lập tương đối nhất định. Xét về kinh tế, các nước tư bản chủ nghĩa - đặc biệt các nước thuộc nhóm G.7 - có trình độ phát triển rất cao, nhưng văn hóa chính trị ở đó lại nhằm mục tiêu củng cố chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, củng cố chế độ người bóc lột người, duy trì chế độ phân biệt chủng tộc... Xét trên những khía cạnh đó, văn hóa chính trị ở các nước vừa nêu lại mang tính chất phản tiến bộ, phản văn hóa.

Ở những nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, văn hóa chính trị lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng, với mục tiêu xây dựng xã hội công bằng, bình đẳng, văn minh, phồn vinh cho tất cả mọi người thì văn hóa chính trị thực sự mang nội dung cách mạng, và tiến bộ.

- *Ba là*, trình độ học vấn, trình độ văn hóa chung của xã hội. Liên quan tới vấn đề này, Lê-nin có nói : "Người không biết chữ đứng ngoài chính trị". Chính mức độ, quy mô và hiệu quả tham gia của quần chúng vào các quá trình chính trị tích cực phù hợp với quy luật phát triển xã hội là một tiêu chí cơ bản đánh giá tính chất và trình độ văn hóa chính trị trong xã hội đó.

- *Bốn là*, tính chất và trình độ thông tin trong xã hội. Đa dạng hóa về thông tin trên cơ sở giữ vững định hướng vì sự phát triển tiến bộ của xã hội, dân chủ hóa về thông tin, tạo mọi điều kiện để công dân nắm bắt được những thông tin cần thiết trên các lĩnh vực chính trị - xã hội sẽ cho phép mở rộng khả năng tham gia một cách tích cực và có hiệu quả của các tầng lớp nhân dân vào những quá trình chính trị - xã hội. Cũng chỉ khi nắm bắt được những thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời... người dân mới có khả năng tham gia một cách tích cực, chủ động vào quá trình hoạch định những quyết định chính trị cho sự phát triển đất nước cũng như việc tổ chức thực hiện các quyết định đó trong cuộc sống.

- *Năm là*, giao lưu quốc tế. Giao lưu quốc tế được mở rộng sẽ cho phép thấy rõ cái hay, cái dở ngay trên lĩnh vực các chủ trương, chính sách cũng như hình thức tổ chức quyền lực chính trị của nước khác ; từ đó hoàn thiện những vấn đề tương ứng trong điều kiện cụ thể của nước mình vì sự phát triển tiến bộ của xã hội...

Nắm được văn hóa chính trị mang tính cách mạng, tiến bộ có vai trò to lớn trong việc nâng cao chất lượng lãnh đạo chính trị của cán bộ nói riêng, của các tổ chức chính trị - xã hội nói chung. Bởi vì, văn hóa chính trị có vai trò to lớn trong việc điều chỉnh các quan hệ chính trị-xã hội giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với tổ chức, giữa tổ chức với tổ chức theo hướng lành mạnh hóa các quan hệ đó. Như trên đã đề cập, nhân tố cốt lõi của văn hóa chính trị là hệ tư tưởng chính trị. Ở nước ta, hệ tư tưởng chính trị là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Ngay từ trong bản chất của mình, hệ tư tưởng nêu trên mang tính nhân đạo, nhân ái, nhân bản sâu sắc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói : hiểu chủ nghĩa Mác-Lê-nin là phải sống với nhau có tình, có nghĩa. Chính đó là cơ sở giúp cho người lãnh đạo có được tình người sâu sắc khi xử lý các quan hệ chính trị - xã hội.

Vai trò của văn hóa chính trị trong việc nâng cao chất lượng lãnh đạo chính trị còn thể hiện ở việc củng cố niềm tin của cán bộ lãnh đạo chính trị vào lý tưởng chính trị cao đẹp là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, phấn đấu cho mục tiêu độc lập dân tộc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh trở thành hiện thực. Được định hướng bởi lý tưởng đó, cán bộ lãnh đạo chính trị sẽ có đủ bản lĩnh vượt qua mọi khó khăn, thử thách, mọi cám dỗ để tổ chức, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị được giao.

Văn hóa chính trị có vai trò to lớn trong việc đẩy mạnh xã hội hóa về chính trị, góp phần tích cực vào việc khắc phục tình trạng thờ ơ, lãnh đạm về chính trị của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân. Một khi tính tích cực chính trị được nâng lên, sự tham gia chính trị của

Digitized by Google

nhân dân vào việc thực hiện các quyết định chính trị sẽ được nâng lên. Đó là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm cán bộ lãnh đạo chính trị hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Văn hóa chính trị góp phần nâng kinh nghiệm được tích lũy từ thực tiễn chính trị của cán bộ lãnh đạo chính trị lên thành quy tắc đối nhân, xử thế trong chính trị. Nhờ vậy, văn hóa chính trị làm cho cán bộ lãnh đạo chính trị có khả năng thâm nhập vào các tầng lớp xã hội khác nhau, quy tụ sức mạnh của họ vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị mà Đảng và Nhà nước đã nêu ra.

Văn hóa chính trị cũng giúp cán bộ lãnh đạo chính trị nhạy bén với cái mới, có sự sáng tạo trong chính trị. Điều đó có được nhờ tri thức chính trị, kỹ năng của hoạt động chính trị - những yếu tố cấu thành của văn hóa chính trị.

Văn hóa chính trị đòi hỏi cán bộ lãnh đạo chính trị phải bám sát thực tiễn cuộc sống, thâm nhập đời sống thực tiễn chính trị để giải quyết có hiệu quả những vấn đề mà cuộc sống đặt ra. Việc thực hiện có hiệu quả yêu cầu đó sẽ góp phần khắc phục bệnh quan liêu của người lãnh đạo chính trị ...

Thực tế cho thấy nếu cán bộ không được trang bị những kiến thức và kinh nghiệm phong phú của văn hóa chính trị, thì không thể trở thành những nhà chính trị chuyên nghiệp có bản lĩnh : những người tham gia tích cực, sáng suốt, thận trọng vào việc lãnh đạo các quá trình chính trị. Bởi vì, lãnh đạo chính trị là lãnh đạo những con người, những tổ chức chính trị với những tâm lý, tình cảm, nhu cầu chính trị khác nhau, đôi khi đối lập nhau. Điều đó đòi hỏi người lãnh đạo :

- Phải có sự tinh tế về chính trị.

- Có năng lực đàm thoại chính trị.

- Có sáng kiến và khả năng tìm tòi những quyết định chính trị vốn không dễ dàng.

- Biết đặt ra những mục tiêu trước mắt và những mục tiêu triển vọng mang tính hiện thực và biết giải quyết các nhiệm vụ đó có chú ý tới tương quan lực lượng xã hội, những điều kiện hiện thực trong giai đoạn cụ thể ở nước ta hiện nay.

- Biết tìm kiếm những phương pháp, phương tiện có hiệu quả, những hình thức tổ chức để đạt mục tiêu đã đặt ra.

- Biết lựa chọn, sắp xếp cán bộ thích hợp - những người có khả năng giải quyết có hiệu quả những nhiệm vụ chính trị đã chín muồi.

- Tin tưởng vào con người, vào năng lực sáng tạo của nhân dân ; mang trong mình bản chất nhân văn, nhân đạo sâu sắc...

Nâng cao văn hóa chính trị là một trong những con đường tác động trực tiếp tới việc hình thành đội ngũ cán bộ có những tư chất nêu trên, và từ đó làm cho chất lượng lãnh đạo chính trị của cán bộ có bước trưởng thành vượt bậc, đáp ứng có hiệu quả hơn yêu cầu của thời kỳ đổi mới ⌟

Sự lựa chọn...

(Tiếp theo trang 26)

- Sản lượng dầu thô năm 1989 : 1,5 triệu tấn, năm 1994 đã là 7 triệu tấn.

Giáo sư tiến sĩ Trần Văn Thọ, làm việc tại Đại học Ô-bi-rin của Nhật bản, phó tổng giám đốc trung tâm kinh tế châu Á - Thái bình dương (VAPEC) sau khi nêu 4 yếu tố khẳng định kết quả của cải cách ở Việt nam: 1) Vượt qua tình trạng lạm phát phi mã, 2) Đạt được tốc độ tăng trưởng đáng chú ý , 3) Ngày càng gắn bó với kinh tế thế giới và khu vực, 4) Nguồn tích lũy trong những năm cuối đã tăng đáng kể, ông đi tới kết luận : "Ngay cả trong điều kiện không thuận lợi - cải cách ở Việt nam vẫn thu được những thành công lớn" (9).

Rõ ràng, qua những chặng đường lịch sử, những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội ở Việt nam đã bác bỏ những giọng điệu muốn dạy khôn người khác, rằng "cần phải có một thái độ thực tế về chủ nghĩa xã hội, vì chủ nghĩa xã hội không có cái gì khác hơn là cái thêm vào cho tốt hơn cái bình thường có thực, chứ không phải là vượt lên cái phi thường mà mộng mị" (!)

Chúng ta có thể khẳng định : Mộng mị chắc chắn sẽ là trạng thái của những người cố tình quay lưng lại với dân tộc và rất có khả năng họ không còn nghe được tiếng đồng vọng của quê hương ⌟

(9) Trích báo cáo tại hội thảo quốc tế "Việt nam và Nhật bản trong sự phát triển kinh tế vùng châu Á - Thái bình dương" (Tô-ky-ô tháng 12-1994). Dẫn từ tạp chí *Sinh hoạt lý luận*, số 1-1995, tr 28

Digitized by Google

ĐỔI MỚI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

NGUYỄN ĐÌNH BÍCH *

Đổi mới quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) là một nội dung quan trọng trong công cuộc cải cách hành chính quốc gia cũng như trong việc tổ chức lại khu vực kinh tế quốc doanh. Tầm quan trọng to lớn của vấn đề này xuất phát từ chỗ, hệ thống các DNNN hiện nay vẫn là bộ xương sống của nền kinh tế nước ta. Theo đường lối đổi mới của Đảng, thành phần kinh tế này cần được đổi mới để tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đổi mới quản lý nhà nước đối với các DNNN là vấn đề đã được đặt ra từ nhiều năm nay nhưng hầu như vẫn còn bị giẫm chân tại chỗ. Sẽ không thể né tránh nếu chúng ta muốn tiếp tục tiến nhanh, tiến xa hơn nữa trong việc xây dựng một nền kinh tế thị trường. Với những thành tựu đã đạt được trong những năm vừa qua, việc đổi mới mô hình quản lý nhà nước đối với các DNNN ngày càng trở nên bức xúc hơn. Do đó, việc tìm ra một giải pháp mang tính khả thi là điều quan trọng.

Vài nét về thực trạng quản lý nhà nước đối với các DNNN

Cho đến nay, các DNNN vẫn được tổ chức và quản lý theo ngành một cách chặt chẽ, tức là được sắp xếp theo ngành, trực thuộc một bộ (ở trung ương) hoặc một sở (ở tỉnh) hoặc một phòng (ở quận, huyện) và chịu sự quản lý toàn diện của cơ quan đó. Từ đó, xuất hiện khái niệm bộ chủ quản, sở chủ quản, phòng chủ quản (dưới đây gọi chung là *bộ chủ quản*). Đồng thời, các DNNN cũng còn chịu sự quản lý theo chức năng của các cơ quan quản lý chức năng trong bộ máy nhà nước. Trong thực tiễn, đó là sự quản lý của các bộ chức năng đối với các doanh nghiệp trực thuộc trung ương, sự quản lý của các sở chức năng đối với các doanh nghiệp trực thuộc tỉnh và sự quản lý của các phòng chức năng đối với các doanh nghiệp trực thuộc quận, huyện (dưới đây gọi chung là *bộ chức năng*). Tuy nhiên, sự quản lý theo chức năng đó của các cơ quan chức năng trong bộ máy nhà nước đều phải thông qua sự quản lý trực tiếp của bộ chủ quản. Trong lý luận quản lý, cách tổ chức quản lý như vậy được gọi là nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo chức năng.

Mô hình quản lý này có *những nhược điểm* sau đây :

Thứ nhất, tạo ra sự độc quyền quản lý các DNNN của các bộ chủ quản. Có thể dễ dàng nhận thấy rằng, với mô hình quản lý này, bộ chủ quản trở thành một trung tâm thu nhận mọi thông tin từ toàn bộ bộ máy quản lý của nhà nước xuống DNNN, cũng như mọi thông tin từ các DNNN lên các cơ quan khác nhau trong bộ máy quản lý của nhà nước. Bộ chủ quản sẽ xử lý tất cả các thông tin đó và kết hợp với những tính toán chủ quan của mình để ra các quyết định cần thiết và chuyển đến các địa chỉ dùng tin khác nhau. Xét theo góc độ khoa học quản lý, rõ ràng đây là một khâu thu thập và xử lý thông tin trung gian. Đương nhiên, thông tin đã qua một khâu tập hợp, xử lý, thì sẽ bị mất mát và không thể không bị méo mó đi ít nhiều. Suy cho cùng, với mô hình quản lý này, cả các bộ chức năng trong bộ máy nhà nước lẫn tất cả các DNNN đều chỉ nhận được những thông tin thứ cấp mà thôi. Trên thực tế, sự độc quyền quản lý đó một mặt tạo điều kiện thuận lợi để các bộ chủ quản can thiệp không hạn chế vào hoạt động của các DNNN. Mặt khác, nó cũng tạo điều kiện cho những hiện tượng tiêu cực nảy sinh và phát triển, biến các bộ chủ quản thành ô dù bao che cho các DNNN khi tài sản nhà nước bị thất thoát. Hệ quả không thể tránh khỏi nữa là, do chỉ tập trung vào nhiệm vụ trực tiếp quản lý các DNNN trực thuộc, cho nên nhiệm vụ quản lý ngành đối với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác trong ngành hầu như bị buông lơi.

* Chuyên viên kinh tế, Bộ thương mại

Digitized by Google

Thứ hai, tạo ra sự lấn át của quản lý ngành đối với quản lý theo chức năng của bộ máy nhà nước và sự trùng lặp trong hoạt động quản lý nhà nước. Việc quản lý theo chức năng của các cơ quan chức năng nhà nước đối với các DNNN là dựa trên cơ sở : cơ quan chức năng nhà nước lấy tư cách chủ sở hữu nhà nước đối với phần chức năng được nhà nước giao cho mình để quản lý các DNNN về mặt hoạt động đó. Chẳng hạn, Bộ tài chính quyết định về tài chính của DNNN thì chính đó là quyết định của chủ sở hữu về vấn đề tài chính, hoặc Bộ lao động quyết định về lao động, tiền lương... của DNNN thì chính đó cũng là quyết định của chủ sở hữu về vấn đề lao động, tiền lương..., nhưng tất cả đều phải thông qua sự quản lý của các bộ chủ quản. Như vậy, sự quản lý toàn diện của các bộ chủ quản vô hình trung đã trực tiếp hoặc gián tiếp thay thế tất cả sự quản lý chức năng của các bộ chức năng, làm cho sự quản lý theo chức năng của các bộ chức năng ít nhiều trở nên hình thức, tạo ra hàng rào ngăn cách giữa các bộ chức năng với DNNN. Rõ ràng, ở đây *vừa có* sự trùng lặp trong quản lý theo chức năng, vì bộ chủ quản cũng tiến hành quản lý trên tất cả các chức năng trong khi các bộ chức năng cũng tiến hành quản lý theo từng chức năng ; *vừa có* sự lấn át của bộ chủ quản đối với các bộ chức năng trong quản lý các DNNN.

Thứ ba, không tạo ra sự chế ước lẫn nhau của các cơ quan nhà nước khác nhau trong hoạt động quản lý các DNNN. Trên thực tế, hoạt động của mỗi DNNN, cũng như của mọi chủ thể sản xuất, kinh doanh khác, đều diễn ra trên tất cả các lĩnh vực khác nhau. Một cách tương ứng, sự quản lý của bộ máy nhà nước cũng phải được tiến hành trên tất cả các lĩnh vực đó. Tuy vậy, trong mô hình quản lý hiện nay, sự quản lý nhà nước đối với các DNNN đều được thực hiện qua một cơ quan duy nhất là bộ chủ quản. Sự độc quyền đó trong quản lý các DNNN, đương nhiên xóa bỏ sự chế ước lẫn nhau của các mặt quản lý khác nhau.

Thứ tư, chính việc duy trì sự độc quyền quản lý các DNNN của các bộ chủ quản là nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng không thể tách chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh ra khỏi chức năng của bộ chủ quản để giao cho các DNNN, còn để các bộ chủ quản tập trung chủ yếu vào chức năng quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật trong toàn bộ nền kinh tế.

Thứ năm, thực tiễn mấy năm tiến hành đổi mới cho thấy, các DNNN đang trong quá trình đa dạng hóa hoạt động sản xuất , kinh doanh, họ đang thực hiện phương châm "không bỏ tất cả trứng vào một giỏ". Do đó, chỉ trừ một vài DNNN bị cột chặt vào lĩnh vực nào đó theo sự đòi hỏi của nhà nước, còn hầu hết các DNNN khác đều luôn luôn thay đổi mặt hàng, thay đổi lĩnh vực kinh doanh theo yêu cầu của thị trường. Cho nên, việc sắp xếp các DNNN theo ngành, trực thuộc cố định vào một bộ chủ quản nào đó, là phi lý.

Tóm lại, việc đổi mới mô hình quản lý nhà nước đối với các DNNN đòi hỏi phải khắc phục tất cả những nhược điểm trên.

Đổi mới quản lý nhà nước đối với các DNNN

Như đã trình bày ở trên, khuyết tật cơ bản của mô hình quản lý hiện nay là tạo ra sự độc quyền của ngành chủ quản, dẫn đến tình trạng trùng lắp trong quản lý nhà nước, làm yếu các khâu quản lý chức năng, làm phát sinh các hậu quả tiêu cực. Mặt khác, nó tạo ra tình trạng bộ máy nhà nước can thiệp quá sâu vào tác nghiệp kinh doanh của các DNNN, trong khi đó lại buông lỏng chức năng quản lý nhà nước.

Trong những năm đầu của thời kỳ đổi mới vừa qua, đã có những đề xuất khác nhau về giải pháp cho vấn đề này. Có ý kiến cho rằng, cần phải xóa bỏ mô hình bộ chủ quản bằng cách giao chức năng chủ sở hữu cho hệ thống tài chính quốc gia. Cũng có ý kiến cho rằng, để các bộ chủ quản tập trung vào chức năng quản lý nhà nước, cần phải thiết lập một cơ quan hoàn toàn mới quản lý trực tiếp tất cả các DNNN. Theo tôi, cả hai ý kiến trên đều không thỏa đáng, bởi vì nếu làm như vậy thì lại làm nảy sinh một trung tâm độc quyền mới về quản lý. Mà đã độc quyền thì tất yếu lại dẫn đến những hậu quả như cách quản lý theo bộ chủ quản mà chúng ta đang muốn khắc phục.

Do đó, theo tôi, lối thoát là phải xóa bỏ tình trạng độc quyền của bất kỳ cơ quan quản lý nhà nước nào đối với các DNNN (trừ một số doanh nghiệp đặc biệt liên quan đến quốc phòng). Thiết lập sự quản lý trực tiếp của cả cơ quan quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật lẫn của tất cả các cơ quan chức năng trong bộ máy nhà nước đối với mỗi DNNN. Đồng thời, thiết lập trạng thái độc lập trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

Digitized by Google

của DNNN trong khuôn khổ hành lang và môi trường mà luật pháp tạo ra dưới sự quản lý của bộ máy hành pháp. Theo đó, mô hình quản lý nhà nước đối với các DNNN sẽ có những đặc điểm cơ bản sau đây :

Thứ nhất, các DNNN sẽ là các chủ thể sản xuất, kinh doanh độc lập, không trực thuộc một cơ quan chủ quản nào trong hệ thống bộ máy nhà nước. Chúng hoạt động trong khuôn khổ hành lang và môi trường mà pháp luật quy định, nhưng chịu sự quản lý trực tiếp của toàn bộ bộ máy hành pháp theo từng lĩnh vực quản lý của từng cơ quan riêng biệt. Điều đó có nghĩa là, mỗi DNNN đều có số cơ quan "chủ quản" theo từng chức năng giống nhau trong bộ máy hành pháp của nhà nước, còn các cơ quan "chủ quản" ngành thì tùy thuộc hoạt động sản xuất, kinh doanh cụ thể của các DNNN trong từng thời kỳ. Trong trường hợp các DNNN vi phạm pháp luật, thì cũng như mọi chủ thể sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế khác, chúng đều chịu sự tài phán của bộ máy tư pháp của nhà nước.

Thứ hai, mỗi cơ quan quản lý theo chức năng của nhà nước đều lấy tư cách là chủ sở hữu nhà nước về phần chức năng của mình, để trực tiếp quản lý mọi chủ thể sản xuất, kinh doanh về lĩnh vực hoạt động thuộc chức năng của mình. Điều đó có nghĩa là, mỗi cơ quan quản lý theo chức năng của nhà nước đều có số DNNN phải quản lý như nhau. Đó là tất cả các DNNN hoạt động trong tất cả các ngành kinh tế - kỹ thuật.

Thứ ba, ngược lại, các cơ quan quản lý ngành của nhà nước chỉ quản lý các mặt hoạt động của DNNN thuộc ngành kinh tế - kỹ thuật đặc thù, không tiến hành quản lý toàn diện tất cả các mặt hoạt động của các DNNN thuộc ngành mình như trong mô hình quản lý hiện nay. Điều đó có nghĩa là, so với các cơ quan quản lý theo chức năng của nhà nước, các cơ quan quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật sẽ có ít đối tượng quản lý hơn nhiều (bởi vì số đối tượng này chỉ bó hẹp trong phạm vi một ngành kinh tế - kỹ thuật nhất định).

Ở đây cũng cần nhấn mạnh thêm rằng, những điều nói trên không có nghĩa là tất cả các cơ quan quản lý nhà nước đều có vai trò như nhau trong hoạt động của các DNNN. Với cơ chế quản lý mới, những cơ quan giữ vai trò quan trọng nhất sẽ là cơ quan tài chính, cơ quan ngành và cơ quan kế hoạch. Mặt khác, sự quản lý của nhà nước đối với các DNNN khác nhau đương nhiên cũng sẽ khác nhau. Bởi vì, trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường sẽ có nhiều loại DNNN khác nhau : có loại nhà nước nắm độc quyền (100% vốn là của nhà nước) ; có loại nhà nước chỉ nắm quyền quyết định hoặc chi phối (vốn của nhà nước chiếm phần lớn) ; có loại nhà nước không nắm quyền quyết định (vốn của nhà nước chỉ chiếm phần nhỏ). Do vai trò, vị trí của mỗi DNNN trong nền kinh tế quốc dân khác nhau, nên không thể không có những thể chế riêng, những quy định mang tính đặc thù cho từng loại doanh nghiệp. Sự quản lý của nhà nước đối với từng loại DNNN do đó cũng chặt, lỏng khác nhau ; sự can thiệp của nhà nước theo những kênh khác nhau vào hoạt động của chúng cũng phải sâu, nông khác nhau. Điều đó cũng có nghĩa : việc "giao" chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh cho từng loại DNNN cũng phải khác nhau, không thể mang tính đồng loạt, không thể theo một khuôn mẫu chung, hoàn toàn giống nhau, như trong cơ chế quản lý cũ.

Từ những điều trình bày trên, có thể thấy rằng, mô hình quản lý mới này có thể đáp ứng được yêu cầu chuyển trọng tâm hoạt động của các bộ từ quản lý *ngành* sang quản lý *nhà nước* đối với ngành trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Mặt khác, tách chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh khỏi các bộ quản lý ngành để giao cho các DNNN, đặt các DNNN thành các chủ thể sản xuất, kinh doanh độc lập dưới sự quản lý chặt chẽ của cả bộ máy hành pháp theo từng lĩnh vực cụ thể. Hơn nữa, việc thiết kế mô hình quản lý như vậy sẽ khắc phục được sự độc quyền trong quản lý các DNNN, tạo ra sự chế ước lẫn nhau giữa các cơ quan quản lý nhà nước, tránh được tình trạng ô dù bao che của bộ chủ quản như hiện nay, xác định rõ quyền và trách nhiệm sử dụng tài sản nhà nước là của chính các DNNN.

Tuy vậy, để áp dụng mô hình quản lý mới, cần có những điều kiện nhất định :

Thứ nhất, mô hình này chưa thật thích hợp với điều kiện hiện nay ở ta, khi mà số DNNN (tức số đối tượng mà các bộ, đặc biệt là các bộ chức năng, phải quản lý) quá nhiều (khoảng 7000 doanh nghiệp). Dù vậy, mô hình này vẫn mang tính khả thi, bởi vì việc giảm bớt đáng kể các DNNN đang là yêu cầu bức xúc của công

Digitized by Google

cuộc đổi mới hiện nay và việc này thực tế đang được đẩy mạnh.

Thứ hai, việc đặt các DNNN là những chủ thể sản xuất , kinh doanh độc lập, tự chịu trách nhiệm trong việc sử dụng tài sản nhà nước, hoạt động theo pháp luật là chính (trừ những trường hợp đặc biệt cần có sự can thiệp trực tiếp của nhà nước), đương nhiên, đòi hỏi phải có một hệ thống pháp luật chí ít là tương đối hoàn chỉnh. Thế nhưng, hệ thống pháp luật của chúng ta hiện nay lại rất chưa hoàn chỉnh, còn thiếu cả những đạo luật rất cơ bản... Cho nên, áp dụng mô hình mới ngay lúc này rõ ràng chưa thích hợp. Song mô hình này vẫn mang tính khả thi, bởi vì việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đã và đang là vấn đề được nhà nước ta tập trung trí tuệ và sức lực để giải quyết.

Thứ ba, hệ thống bộ máy hành pháp của nhà nước ta mấy năm vừa qua đã được đổi mới nhiều, nhưng chưa thể nói đã phù hợp với yêu cầu của việc áp dụng mô hình quản lý mới. Có nhiều vấn đề đặt ra mà chưa được giải quyết, như : xoá bỏ các phân hệ quản lý chức năng ở các bộ chủ quản hiện nay, đồng thời củng cố và tăng cường các bộ chức năng tương ứng ; sáp nhập và giảm bớt các bộ quản lý ngành ; mở rộng và kiện toàn hệ thống cơ quan tư pháp... Rõ ràng, đây là những vấn đề rất hệ trọng, nhưng đồng thời cũng là những vấn đề không thể né tránh khi muốn xây dựng một nền kinh tế thị trường.

Thứ tư, đội ngũ công chức nhà nước hiện nay vừa rất thiếu, lại vừa rất thừa. Chúng ta thiếu những công chức giỏi, có nhiều kinh nghiệm về kinh tế thị trường, nhưng lại thừa những công chức "thường thường bậc trung" được đào tạo trong cơ chế cũ, không năng động, không thích nghi được với kinh tế thị trường. Do đó, đào tạo lại và đào tạo mới đội ngũ công chức nhà nước tinh thông nghề nghiệp, sàng lọc lại đội ngũ công chức hiện hành, là một tiền đề cho việc áp dụng mô hình quản lý mới. Suy cho cùng, đây là tiền đề quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ công cuộc đổi mới, trong đó đổi mới mô hình quản lý nhà nước đối với các DNNN chỉ là một mắt xích.

Thứ năm, để áp dụng mô hình quản lý mới, chắc chắn chúng ta không thể thiếu các phương tiện kỹ thuật thu thập, xử lý và truyền tin hiện đại, bởi vì thị trường biến đổi từng giờ, từng phút, đòi hỏi sự quản lý nhà nước cũng phải rất nhanh nhạy ⌟

Mấy ý kiến...

(Tiếp theo trang 43)

Xa rời những vấn đề thời sự nóng hổi, những vấn đề quần chúng quan tâm, tờ báo sẽ kém hấp dẫn và mất dần bạn đọc.

Để tờ báo đảng ở địa phương hấp dẫn bạn đọc có 3 yếu tố cần làm tốt :

- *Khuôn khổ*. Khác với báo ở các nước, nước ta có khuynh hướng ra báo khổ nhỏ. Ngoài các tờ báo hằng ngày, tất cả các báo tuần và bán nguyệt san đều ra khổ nhỏ. Nhiều báo hằng ngày ra số chủ nhật cuối tuần cũng làm khổ nhỏ.

Báo ra khuôn khổ nào, số trang bao nhiêu là tùy điều kiện phát hành, ấn loát và nhu cầu bạn đọc. Nhưng theo tôi, nếu tờ báo có một khuôn khổ độc đáo sẽ góp phần tạo ra bản sắc riêng của báo mình.

- *Trình bày*. Trình bày báo là một phần quan trọng trong số các điều kiện tạo ra bản sắc và tính hấp dẫn của tờ báo. Trình bày báo phải theo nội dung, phù hợp với nội dung. Nếu ngày tết, ngày lễ mà trang nhất, măng-sét dùng màu xanh, màu tối, tờ báo sẽ kém hẳn tính chất đặc biệt của báo ra dịp lễ, tết. Họa sĩ phải có nhãn quan thẩm mỹ tốt, phải đầu tư thỏa đáng vào nghệ thuật, trình bày báo. Người chỉ đạo ma-két phải có cái nhìn bao quát cả số báo, lấy nội dung chính trị-xã hội làm trọng điểm nhưng cũng phải quan tâm đến mặt thẩm mỹ (ví dụ việc chỉ đạo vị trí các tin, bài trang nhất, cỡ chữ tít phù hợp).

Sử dụng tranh, ảnh minh họa, màu sắc là một khâu quan trọng làm cho tờ báo đẹp.

Sử dụng nhiều chuyên mục và thể loại xen kẽ nhau. Các chuyên mục được duy trì đều đặn, nội dung phong phú, thiết thực, cách viết tiểu phẩm được bảo đảm nhất quán sẽ tạo ra bản sắc và tính hấp dẫn của báo.

- *Kỹ thuật in*. Kỹ thuật in hiện đại góp phần rất lớn làm cho tờ báo có hình thức đẹp. Hiện nay nhiều tờ báo địa phương đã được trang bị máy xếp chữ điện tử và máy in hiện đại làm cho mặt báo có đổi mới căn bản, hấp dẫn bạn đọc.

Tóm lại, chúng ta cần phấn đấu để tiến tới làm cho báo chí địa phương trở thành vũ khí sắc bén của mặt trận tư tưởng, đồng thời là món ăn tinh thần không thể thiếu ở mỗi tỉnh, mỗi thành phố ⌟

Digitized by Google

HUYỆN CỦ CHI KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ VỚI THỰC HIỆN TỐT CÁC CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

XUÂN HẢI

HUYỆN Củ chi là cửa ngõ phía Tây Bắc của TP Hồ Chí Minh. Do đặc điểm địa lý và lịch sử, Củ chi trong hai cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp và Mỹ luôn là nơi đụng đầu giữa hai ý đồ chiến lược cách mạng và phản cách mạng. Với nhân dân ta, Củ chi là căn cứ khu du kích của các tỉnh Long an, Sông bé, Tây ninh, là điểm tựa để tấn công vào nội thành Sài gòn. Kẻ địch khẳng định Củ chi còn trong tay cách mạng thì Sài gòn sẽ mất, bởi vậy chúng quyết tâm kìm kẹp, san bằng Củ chi bằng tất cả các hỏa lực hiện đại cùng với sự tàn bạo. Trong chiến tranh, Mỹ - ngụy đã trút xuống đây hàng trăm ngàn tấn bom đạn, thiêu cháy hàng vạn căn nhà, biến Củ chi thành vùng trắng, đói nghèo, xơ xác. Không thể để mất vùng căn cứ và nơi đứng chân của cách mạng, nhân dân Củ chi đã cùng với cán bộ, chiến sĩ của địa phương cũng như của thành phố, của khu, của miền, bám trụ chiến đấu kiên cường. 16 ngàn công dân Củ chi tham gia kháng chiến thì hơn 10 ngàn hy sinh, hơn 2 ngàn là thương binh các loại. Hàng ngàn bà mẹ mất con, hàng ngàn người vợ mất chồng, hàng ngàn trẻ nhỏ mồ côi...

Năm 1975, hòa bình trở lại, đất nước thống nhất, đảng bộ và nhân dân Củ chi đứng trước một thực tế ngổn ngang vấn đề kinh tế xã hội cần được khẩn trương giải quyết. Làm gì để dân có nhà ở và sinh sống trong lúc xóm làng trơ trụi, ruộng vườn hoang hóa đầy bom mìn, tiền của, sức người, công cụ, giống má... đều thiếu ? Dưới sự lãnh đạo của đảng bộ, nhân dân Củ chi đã tìm được câu trả lời. Hai mươi năm qua, họ đã biến quê hương mình thành một vành đai xanh trù phú, không còn hình ảnh ruộng đồng khô cằn, ngổn ngang những hố bom. Đường liên huyện, liên xã đã mở rộng thênh thang. Điện đã về tất cả các xã. Đâu đâu cũng nghe tiếng máy cày reo vang. Kênh rạch ngang dọc bên những miệt vườn xanh mát, những cánh đồng lúa trĩu bông. Cảnh vật Củ chi đã thay đổi, con người Củ chi phơi phới đi lên. Hai mươi năm đi lên cùng đất nước, Củ chi đã thành đạt trên nhiều lĩnh vực. Trong bài này, chỉ xin đi vào một số kinh nghiệm của Củ chi về kết hợp phát triển kinh tế với thực hiện tốt các chính sách xã hội.

1 - Thấm nhuần sâu sắc quan điểm của Đảng ta lấy con người làm gốc, lấy nhân nghĩa làm trọng, đảng bộ Củ chi ngay từ đầu đã xác định phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện tốt các chính sách xã hội và coi việc thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế. Nhờ vậy, khi vạch kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Củ chi, lãnh đạo huyện đã làm việc rất thận trọng, từng bước, không nôn nóng, không kêu gọi chung chung mà luôn luôn chú ý bảo đảm lợi ích của quần chúng từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp.

Những năm *đầu tiên* 1975 - 1980, kế hoạch phát triển kinh tế của Củ chi chỉ nhằm giải quyết vấn đề *an cư lập nghiệp, tìm việc cho dân*. Để làm việc này, phải tháo gỡ bom mìn giải phóng ruộng vườn, phải giúp dân xây dựng nhà cửa và phải tổ chức sản xuất để dân có ăn. Chỉ trong 3 năm đầu, Củ chi đã tháo gỡ 88 000 quả bom, mìn và 7 000 trái nổ khác, giải phóng hơn 10 000 ha đất đưa vào sản xuất... Với tinh thần tự lực, tương thân, tương ái, 15 000 hộ gia đình đã tạm dựng được những căn nhà lá che mưa, che nắng. Các tổ, đội, tập đoàn, nông trường được thành lập, lôi cuốn và hướng dẫn nhân dân đi vào sản xuất nông nghiệp. Các ngành nghề thủ công truyền thống được khuyến khích giúp đỡ, tạo ra việc làm và thu nhập cho hàng chục ngàn lao động.

Digitized by Google

Những cố gắng buổi đầu về phát triển kinh tế đã góp phần giải tỏa những khó khăn trong đời sống nhân dân và tạo ra động lực thúc đẩy các bước phát triển tiếp theo.

Những năm *tiếp theo*, 1980-1995, là những năm Củ chi tập trung *chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thay đổi tập quán sản xuất*, tạo ra nhiều bước nhảy vững chắc trong phát triển nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Từ một vùng nông nghiệp khô cằn, đơn điệu cây lúa, nay Củ chi bên cạnh 12 302 ha lúa, còn có 4 520 ha màu và hàng ngàn ha vườn cây ăn trái. Đàn gia súc của huyện khá lớn. Ngoài 35 000 con lợn, 13 000 con bò, 8 000 con trâu, 1 200 000 gia cầm, Củ chi đã có đàn bò sữa 500 con. Nông dân Củ chi qua các lớp khuyến nông đang quen dần với cơ giới hóa, phân hóa học, phân hữu cơ vi sinh và các kỹ thuật canh tác mới, trong đó có kỹ thuật chăn nuôi bò sữa. Từ một huyện thuần nhất về nông nghiệp, Củ chi đã mở rộng phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ. Ngoài các đơn vị quốc doanh, huyện đã có gần 600 đơn vị sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thu hút nhiều ngàn lao động. Nhiều doanh nghiệp nước ngoài đã đến xin phép đầu tư. Năm 1994 đã có 4 đơn vị được cấp giấy phép hoạt động. Hiện toàn huyện có 2 602 hộ kinh doanh thương mại và dịch vụ. Công ty thương nghiệp và hợp tác xã mua bán huyện đứng vững và phát triển trong kinh tế thị trường. Kết hợp nguồn vốn hỗ trợ của trung ương, thành phố và nguồn vốn tự tạo, sức lực của nhân dân, Củ chi đang hoàn chỉnh hệ thống tưới tiêu toàn huyện, hệ thống giao thông, hệ thống điện lưới, điện thoại, quyết tâm thực hiện ước mơ điện khí hóa toàn bộ thôn ấp, xã phường. Củ chi đã có một hệ thống trường học khép kín từ nhà trẻ, mẫu giáo, đến phổ thông cấp 1, cấp 2, cấp 3 và bổ túc văn hóa. Củ chi đã có một hệ thống bệnh xá, phòng khám và bệnh viện chữa bệnh cho nhân dân.

Kinh tế huyện càng đi lên, việc thực hiện các chính sách xã hội càng được chú trọng. Hai mươi năm qua, hội đồng giải quyết chính sách sau chiến tranh từ xã đến huyện đã kiên trì, thận trọng làm tốt nhiều công việc như : xác minh báo tử ; phát hiện cất bốc quy tập mộ liệt sĩ ; đề nghị khen thưởng và giải quyết chính sách cho các quân nhân, các cán bộ dân chính và các gia đình có công với cách mạng; tiếp nhận thương binh nặng về địa phương ; giải quyết kịp thời các khiếu nại của nhân dân. Đến tháng 6-1994, toàn huyện đã xác nhận 10 051 liệt sĩ, 8 283 gia đình liệt sĩ, 2 083 thương binh, 707 bệnh binh, 2 789 cá nhân và 279 gia đình có công với cách mạng, 1 264 cán bộ hưu trí. Nhà nước đã tuyên dương Củ chi là huyện anh hùng ; 10 xã và hai ngành công an, huyện đội, 19 cá nhân, 458 bà mẹ được tặng danh hiệu anh hùng. Nhà nước cũng đã trao tặng gần 30 ngàn huân chương và huy chương cho các tập thể và cá nhân trong huyện, bao gồm các loại : Huân chương độc lập, Huân chương chiến công, Huân chương và huy chương kháng chiến, Huân chương lao động... Mặc dầu hàng ngàn nấm mộ liệt sĩ trong chiến





Căn nhà của mẹ Tô Thị Khoe ở xóm Thuốc xã An phú trước và sau khi Công ty xe khách TP. Hồ Chí Minh xây tặng ngày 17-8-1989

Digitized by Google

tranh bị bom đạn địch cày xới, xóa hết dấu tích, nhưng với tấm lòng biết ơn sâu sắc những người đã hy sinh vì dân, vì nước, cán bộ và nhân dân Củ chi đã kiên nhẫn tìm kiếm, cất bốc, quy tập được 7 375 mộ liệt sĩ về nghĩa trang huyện. Nghĩa trang được xây cất trang trọng, uy nghiêm với sự đóng góp của toàn dân. Việc chăm sóc các gia đình thuộc diện chính sách, việc giúp đỡ người già cả neo đơn trở thành việc làm tự nguyện, thường xuyên, trở thành nền nếp của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và các tổ chức xã hội trong huyện. Các chính sách trợ cấp của nhà nước đã được thực hiện nghiêm chỉnh, kịp thời. Chính quyền và đoàn thể luôn luôn chăm lo tới việc làm, việc chữa bệnh, nơi ăn ở của các gia đình thuộc diện chính sách. Con em họ được quan tâm chu đáo. Đầu năm 1994, trong số 1 125 con em gia đình liệt sĩ đang học ở các trường phổ thông, có 200 em mồ côi cả cha lẫn mẹ, gia đình quá khó khăn, huyện đã trích ngân sách đài thọ và đưa vào học tại trường 27-7. Những ngày lễ, ngày tết, các gia đình thuộc diện chính sách đều được thăm hỏi, tặng quà ân cần, chu đáo. Củ chi đã tạo ra hai phong trào sâu rộng mang ý nghĩa tích cực, to lớn trong việc thực hiện các chính sách xã hội, đó là phong trào "đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa" và phong trào "xóa đói, giảm nghèo". Số hộ thuộc diện chính sách là 12 000, chiếm 1/4 tổng số hộ trong huyện. Với tinh thần tự lực, vượt khó, gần 6 000 hộ thuộc diện chính sách đã xây dựng được nhà ở tương đối ; số còn lại tuy cố gắng nhưng do không có vốn và sức lao động, nên vẫn chưa có được một mái nhà tử tế. Đầu năm 1982, huyện ủy, ủy ban nhân dân, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phát động phong trào đền ơn đáp nghĩa, tặng nhà tình nghĩa. Lúc đầu ở phạm vi hẹp, dần dà bằng những biện pháp vận động sáng tạo, linh hoạt, được sự hưởng ứng của cả nước, phong trào ngày càng phát triển. Năm 1985, tặng được 109 căn nhà ; đến tháng 5-1995, tặng được 2 577 căn nhà và 1 663 sổ tiết kiệm. Năm 1992 qua kiểm tra, khoảng 20% số hộ trong huyện (7 000 đến 8 000 hộ) thuộc diện nghèo đói. Qua ba năm khởi xướng phong trào "xóa đói, giảm nghèo", đến tháng 5-1995, Củ chi về cơ bản đã xóa được hộ đói ; trong số hộ trước là nghèo đói nay đã có 54% số hộ thuộc diện đủ ăn và 8% số hộ thuộc diện làm ăn khá. Thực tế ở Củ chi cho thấy, cùng với việc tích cực thực hiện các chương trình kinh tế xã hội giải quyết việc làm, cùng với việc phát động và đẩy mạnh phong trào "đền ơn đáp nghĩa, tặng nhà tình nghĩa" và phong trào "xóa đói giảm nghèo", thiết thực góp phần nâng cao không ngừng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của đảng bộ cũng như đối với con đường đi lên của đất nước ngày càng tăng. Đây chính là nhân tố quan trọng thúc đẩy quá trình phát triển toàn diện của huyện trong 20 năm qua.

2 - Đảng bộ và nhân dân Củ chi xác định việc tổ chức thực hiện các chính sách xã hội là công việc không đơn giản, không thể chỉ dựa vào biện pháp hành chính mệnh lệnh mà giải quyết. Đây là công việc đòi hỏi sự nghiêm túc, chân thành, tế nhị, tỉ mỉ, trách nhiệm cao, tinh thần luôn luôn sáng tạo, biết phát huy sức mạnh tổng hợp, biết kết hợp chặt chẽ các lực lượng, các nguồn vốn, các tấm lòng nhân ái ở mọi miền.

Năm 1989, huyện và đài truyền hình TP Hồ Chí Minh kết hợp xây dựng bộ phim "Trở về điểm hẹn". Có thể nói đây là việc làm rất có ý nghĩa, làm xúc động và thôi thúc bao trái tim con người không chỉ ở đất Củ chi mà khắp mọi miền Tổ quốc. Phong trào "đền ơn đáp nghĩa" từ đó dấy lên, sâu đậm hơn, rộng lớn hơn. Bà con cô bác, các đơn vị ở thành phố, ở các tỉnh, ở trung ương đã hưởng ứng lời kêu gọi, không tiếc tiền của, sức lực, không ngại xa xôi khó khăn đã tìm đến Củ chi kết nghĩa, đỡ đầu, ủng hộ tiền của. Đảng bộ và nhân dân Củ chi cảm nhận cả Tổ quốc đang tới với mình, như ngày xưa cùng Củ chi chia lửa chiến đấu. 2 577 căn nhà được tặng, con số không dừng ở đó, hằng ngày đang được nâng lên, bởi lẽ tình đất nước, tình người hướng về Củ chi không ngừng chảy. Huyện còn phát hành công trái xây dựng nhà tình nghĩa, đông đảo tập thể nhân dân trong huyện chẳng những đã hưởng ứng mua mà còn tặng thêm, góp thêm vào quỹ này, như bà Hồ Thị Bi tặng 4 triệu, anh Trần Văn Tuyên một Việt kiều ở Pháp về tặng 3 triệu... Đội khai thác gỗ của huyện, Sở thương binh và xã hội thành phố đã bán rẻ nhiều ngàn bộ khung nhà. Hàng ngàn thanh niên, thợ mộc, thợ nề tự nguyện góp công, góp sức xây dựng nhà tình nghĩa.

Digitized by Google

Chương trình "xóa đói giảm nghèo" được vạch ra từ tháng 3-1992 và được tổ chức thực hiện chặt chẽ, tích cực, sinh động. Huyện chủ động kiểm tra lại quỹ đất, cấp cho hộ chưa có, hoặc có ít đất ; chủ động liên hệ tìm việc làm cho thanh niên ở công trường, nhà máy ; cho vay vốn kèm theo hướng dẫn sản xuất kinh doanh ; xây dựng quỹ bảo trợ ngân hàng lấy lãi trợ cấp thường xuyên cho những hộ quá neo đơn, già yếu, tàn tật không nơi nương tựa ; xây dựng các dự án phát triển kinh tế nhỏ giải quyết được việc làm cho hàng ngàn lao động... Đó là những biện pháp rất có hiệu quả. Việc quản lý và phát huy hiệu quả nguồn vốn được quan tâm hàng đầu. Đồng tiền được quay vòng nhanh, không thất thoát, vì vậy diện người được trợ vốn để phát triển sản xuất ngày càng mở rộng. Năm 1994 với 53 dự án nhỏ, tổng kinh phí 16 tỉ đồng, huyện đã tạo việc làm cho 7 585 lao động. Một điều rất rõ là để xóa đói, giảm nghèo, ở Củ chi ai cũng được vay vốn không phải trả lãi (dù người đó trước đây là lính ngụy, là người có lỗi lầm được cải tạo trở về).

Dưới sự lãnh đạo của huyện ủy, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, các ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, văn hóa... đều tích cực vào cuộc. Việc kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với thực hiện các chính sách xã hội đã góp phần đổi mới rất nhiều công tác vận động quần chúng. Mặt trận và các đoàn thể ngày càng gắn chặt với quần chúng hội viên, đoàn viên ; ngược lại, quần chúng hội viên cũng ngày càng gắn bó với các tổ chức của mình. Các phong trào như đền ơn đáp nghĩa, tặng nhà tình nghĩa, giúp nhau làm kinh tế gia đình, xóa đói giảm nghèo, cũng như các dự án giải quyết việc làm ... thực sự đã cuốn hút quần chúng trong toàn huyện.

3 - Các chính sách xã hội ở Củ chi được thực hiện tốt còn do Củ chi có đội ngũ cán bộ đảng, chính quyền và đoàn thể được dân tin cậy ; có đội ngũ cán bộ chuyên lo giải quyết các chính sách xã hội có tinh thần trách nhiệm cao, trong sáng và năng động. Đoàn kết, thống nhất, kỷ cương, dân chủ, đó là những điều luôn luôn được giữ vững trong 66 cơ sở đảng của huyện. Đại bộ phận đảng viên trong đảng bộ là những người gương mẫu, chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đại bộ phận cán bộ của huyện là người địa phương, sống tại địa bàn, gắn bó với nhân dân, nắm vững hoàn cảnh và nguyện vọng của nhân dân, nên việc phản ánh và đề xuất với cấp trên về những gì liên quan đến đời sống nhân dân ở đây, nói chung là rất kịp thời và rất trúng. Cán bộ cơ sở ở Củ chi có ý thức về vị trí, vai trò của mình ; họ luôn bảo đảm quy chế, có sự phân công rành mạch và chủ động, sáng tạo trong công tác, bởi vậy công việc ít khi bị ách tắc.

*
* *

Thay cho lời kết bài này, tôi xin đưa ra vài sự kiện nhỏ mà tôi được nghe và chứng kiến ở Củ chi :

Nghĩa trang trung tâm huyện Củ chi là một nghĩa trang đẹp, trang nghiêm, ở đó có trên 7 000 ngôi mộ có tên và rất nhiều mộ không tên, và điều đáng suy nghĩ là, ở đó còn xây sẵn những ô mộ trống. ..

Trước hôm tôi đến Củ chi, còn có tiếng nổ của trái mìn chưa gỡ hết...

Nghe nói có một lính Mỹ từng đóng quân ở đây, mới đây cũng đã tới nghĩa trang Củ chi thắp hương xin tạ lỗi. Gặp một bà mẹ Củ chi có con hy sinh, anh ta hỏi : Giữa bà và bà mẹ Mỹ cũng có con chết trận ở Việt nam, có gì giống nhau và khác nhau ? Bà mẹ Củ chi trả lời : Giống nhau ở chỗ cùng mất con, còn khác nhau ở chỗ bà mẹ ấy đã để cho con mình đi đánh thuê, đi xâm lược, còn mẹ con tôi là những người tự nguyện đánh giặc, giữ nước. Người lính Mỹ lại hỏi : Thế bây giờ nhà nước trả ơn bà những gì ? Bà mẹ thản nhiên trả lời : Nhà nước tôi không thuê người đi đánh nhau như Chính phủ Mỹ cho nên không phải trả ơn. Chúng tôi giết giặc cứu nước là tự nguyện. Nhà nước tôi rất ân nghĩa ; Nhà nước tôi còn nghèo, Nhà nước có thể nào thì giúp chúng tôi thế đó, chúng tôi không đòi hỏi, chúng tôi lo được cuộc sống của mình. Nghe vậy, người lính Mỹ chắp tay lạy mẹ, rồi lặng lẽ tạm biệt...

Thế đấy, việc thực hiện các chính sách xã hội ở Củ chi chưa thể nói đã hoàn hảo. Nhưng những gì mà đảng bộ và nhân dân Củ chi đã làm được, thật đáng trân trọng. Tình người ở Củ chi rộng hơn biển Đông, và đậm mặn hơn cả muối Sa huỳnh ⌟

Digitized by Google

Mấy ý kiến về BÁO ĐẢNG Ở ĐỊA PHƯƠNG

HỒ XUÂN SƠN*

TRONG mấy năm qua, cùng với sự nghiệp đổi mới đất nước, báo chí cũng có những khởi sắc. Đại hội VII của Đảng đã ra nghị quyết khẳng định thắng lợi bước đầu của công cuộc đổi mới mà Đại hội VI đã đề ra, quyết định tiếp tục đẩy mạnh quá trình đổi mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có sự nghiệp báo chí. Báo cáo chính trị của BCHTƯ Đảng tại Đại hội VII đã chỉ rõ : "Phát triển sự nghiệp *thông tin, báo chí, xuất bản* theo hướng nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu thông tin và nâng cao kiến thức mọi mặt cho nhân dân".(1)

Theo phương hướng đó, báo đảng ở các tỉnh, thành phố đang đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết, nhằm nâng cao chất lượng mọi mặt để đáp ứng nhu cầu của bạn đọc, để tờ báo trở thành công cụ sắc bén trong công tác tư tưởng, đồng thời là món ăn tinh thần không thể thiếu ở địa phương.

Qua 5 năm thực hiện đổi mới tờ báo của Đảng bộ Thủ đô và hiện nay đang tiếp tục đẩy mạnh quá trình đổi mới đi vào chiều sâu, tôi mạnh dạn nêu lên một số vấn đề để các bạn đồng nghiệp tham khảo và góp ý kiến.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để báo đảng ở địa phương hấp dẫn bạn đọc ? Nếu chỉ để hấp dẫn, chúng ta có thể có nhiều cách. Nhưng vấn đề là hấp dẫn như thế nào, hấp dẫn dễ dãi tầm thường, hay hấp dẫn một cách nghiêm túc, sâu sắc, bổ ích ? Theo tôi, hấp dẫn phải phù hợp và phục vụ yêu cầu của công cuộc đổi mới đất nước. Đó là sự hấp dẫn chân chính và để có được sự hấp dẫn đó cũng không phải là việc dễ dàng. Vì vậy, chúng ta phải nghiên cứu, tìm tòi, học hỏi lẫn nhau, làm cho báo đảng ở địa phương thật đa dạng, phong phú, hấp dẫn không chỉ ở địa phương mình, mà còn hấp dẫn đối với các nơi khác nơi tờ báo phát hành tới.

Để làm cho báo đảng ở địa phương hấp dẫn, theo tôi, yêu cầu đầu tiên là phải xác định được những vấn đề cốt tử ở ngay trong tôn chỉ, mục đích, cũng như chức năng, nhiệm vụ của tờ báo và đặc điểm của địa phương, sau đó là các hình thức thể hiện.

Ngoài các chức năng, nhiệm vụ của báo chí nói chung, báo đảng ở địa phương cần xác định rõ 2 đặc điểm :

- *Thứ nhất*, nó là tờ **báo Đảng**. Ở mỗi tỉnh, thành phố báo Đảng là nòng cốt của các báo viết ở địa phương đó. Một số tỉnh chỉ có một tờ báo Đảng ở địa phương. Nhiều tỉnh, thành phố ngoài tờ báo Đảng còn có các báo đoàn thể, báo ngành. Báo Đảng ở đây là nói theo nghĩa hẹp - báo do đảng bộ địa phương trực tiếp quản lý với danh nghĩa chính thức là cơ quan chủ quản. Chức năng, nhiệm vụ của báo Đảng quy định nội dung chủ yếu của tờ báo. Báo vừa là tiếng nói của đảng bộ địa phương, vừa là diễn đàn của nhân dân (bao gồm cả cán bộ và đảng viên).

Về chính trị, báo phải thể hiện lập trường, quan điểm của Đảng cộng sản Việt nam. Về các lĩnh vực khác của đời sống kinh tế - xã hội, báo phải phản ánh đường lối, chủ trương chính sách của Trung ương Đảng và đảng bộ địa phương. Về các vấn đề này, có thể coi báo như cơ quan phát ngôn của Đảng.

Về chức năng là diễn đàn của nhân dân, thì ngay bản thân chức năng này cũng đã thể hiện quan điểm, đường lối lãnh đạo báo chí của Đảng. Chính chức năng này nếu được vận dụng tốt sẽ làm cho tờ báo sinh động, phong phú. Báo phải phát huy tinh thần dân chủ của bạn đọc, phản ánh nguyện vọng, tâm tư và trí tuệ của nhân dân đóng góp xây dựng vào công tác lãnh đạo và đường lối chính sách của Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, đấu tranh cho trật tự, kỷ cương, bảo vệ pháp luật, làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

Trong khi thực hiện chức năng này, cần phải quán triệt tính định hướng để diễn đàn dân chủ không bị trượt sang cực đoan, quá khích. Tính đảng của diễn đàn dân chủ được thể hiện ở chỗ một mặt khai thác tối đa những ý kiến khác nhau ; mặt khác có chọn lọc theo hướng xây dựng chân thành vì lợi ích chung của xã hội. Chức năng này được thể hiện dưới các dạng thư bạn đọc, diễn đàn, hội thảo chuyên đề trên báo, trao đổi ý kiến và các bài vở chuyên mục khác phản ánh ý kiến nhân dân, góp phần quan trọng vào tính hấp dẫn của tờ báo.

---

* PTS, Tổng biên tập báo Hà nội mới

(1) Đảng cộng sản Việt nam : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 84

Digitized by Google

- *Thứ hai,* nó là tờ **báo địa phương**. Là báo đảng nhưng là báo đảng của địa phương, cho nên nội dung chủ yếu của báo phải phản ánh được tình hình chính trị, kinh tế - xã hội và các hoạt động công tác đảng ở địa phương. Đọc một tờ báo đảng địa phương, nếu người đọc không thấy rõ dấu ấn của địa phương đó ngoài tiêu đề trên măng - sét thì chưa thể coi tờ báo làm đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.

Báo cũng cần dành một tỷ lệ thích hợp để đưa những thông tin ở các địa phương khác, những thông tin trên phạm vi cả nước và cả những thông tin quốc tế cần thiết. Đối với tờ báo *Hà nội mới*, chúng tôi thường dành một tỷ lệ đáng kể cho loại thông tin này với hai lý do: Tờ báo không những của địa phương Hà nội, mà còn là của thủ đô của cả nước ; mặt khác theo điều tra, được biết nhiều bạn đọc ở Hà nội chỉ mua một tờ báo *Hà nội mới*. Ngoài nhu cầu thông tin về Hà nội, họ còn có nhu cầu đọc các thông tin trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, bao giờ chúng tôi cũng dành cho lượng thông tin về Hà nội phần chủ yếu, kể cả báo hàng ngày, báo cuối tuần và báo chủ nhật.

Giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa nội dung thông tin về địa phương với thông tin về toàn quốc và quốc tế sẽ làm tăng tính hấp dẫn của tờ báo, không những đối với người đọc ở địa phương mà còn ở các tỉnh, thành khác trong cả nước.

Khi làm tờ báo *Hà nội mới*, chúng tôi luôn luôn căn cứ vào đặc điểm của Hà nội để có cách biên tập thích hợp. Đặc điểm đó bao gồm địa lý, truyền thống, dân cư, đô thị lớn trung tâm của cả nước ; hoạt động chủ yếu của địa phương về công nghiệp, thương mại, văn hóa, giáo dục và quản lý đô thị. Thành phố có vành đai nông nghiệp lớn nên sản xuất nông nghiệp cũng là một hoạt động lớn. Hiện nay, với 5 huyện ngoại thành, rau xanh, hoa và một phần thực phẩm là những hoạt động sản xuất nông nghiệp chính phục vụ nội thành.

Trong các đặc điểm địa phương vấn đề *bạn đọc* cũng là một đặc điểm quan trọng đối với tờ báo địa phương. Mỗi địa phương (tỉnh, thành phố) có đối tượng bạn đọc khác biệt tương đối so với bạn đọc ở các địa phương khác. Ở Hà nội, bạn đọc được "chọn lọc" hơn so với nhiều nơi khác. Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và giao lưu quốc tế của cả nước, thủ đô có trình độ dân trí khá cao. Hà nội cũng là nơi xuất bản nhiều loại báo chí trung ương, phát hành báo chí của nhiều địa phương khác và có cả phát thanh, truyền hình. Ngày nay, khi phong trào phổ cập ngoại ngữ đang phát triển thì báo chí nước ngoài cũng đến với một số không ít bạn đọc ở Hà nội. Trong hoàn cảnh đó, báo chí địa phương của Hà nội đòi hỏi phải tự nâng cao trình độ tri thức của nội dung, tính đa dạng, nhiều chiều và nhanh nhạy của thông tin. Nếu báo chí ở thủ đô (kể cả báo trung ương) không đáp ứng được yêu cầu này sẽ lạc hậu và không thể hấp dẫn được bạn đọc.

Ngoài vấn đề trình độ bạn đọc, thì thị hiếu là một đặc điểm không thể bỏ qua. Do đó xem xét và đáp ứng thị hiếu của bạn đọc từng thời kỳ là vấn đề cần được các báo quan tâm, giải quyết một cách đúng đắn.

Đi vào từng loại bạn đọc, trước hết có thể coi tờ báo Đảng ở địa phương có một đối tượng bạn đọc trực diện là cán bộ, đảng viên, nhất là đối với các nội dung sinh hoạt đảng, xây dựng đảng và các hoạt động về quản lý, lãnh đạo của Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Ngày nay trong công cuộc đổi mới, khi dân chủ được phát huy rộng rãi thì Đảng càng phải gắn bó chặt chẽ với nhân dân, làm cho dân tin tưởng ở Đảng. Vì vậy, tờ báo của Đảng phải trở thành tờ báo được quảng đại nhân dân coi là tờ báo chung của địa phương. Tờ báo phải coi những người công nhân, nông dân thợ thủ công, nhân viên trong các cơ quan, học sinh, sinh viên, giáo viên, lực lượng vũ trang và cả những người tiểu thương, bán hàng ở chợ và các quầy hàng v.v... là bạn đọc thường xuyên. Xác định như vậy để tổ chức biên tập nội dung cho phù hợp.

Muốn xác định đúng nội dung biên tập, cần định rõ nhiệm vụ của tờ báo. Theo tôi, báo đảng ở địa phương có những nhiệm vụ chủ yếu sau đây :

- Góp phần chỉ đạo công tác mọi mặt của đảng bộ, chính quyền và đoàn thể ở địa phương, bao gồm cả công tác chỉ đạo về tư tưởng và các lĩnh vực công tác khác của Trung ương. Trong công tác chỉ đạo này có thông tin hai chiều từ trên xuống và phản ánh từ dưới lên.

- Đáp ứng nhu cầu thông tin.

- Bồi dưỡng nâng cao kiến thức mọi mặt cho nhân dân.

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa 3 nhiệm vụ chủ yếu trên sẽ làm cho tờ báo tăng tính hấp dẫn.

Từ 3 nhiệm vụ đó, nội dung có thể bao gồm tất cả những vấn đề chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước, cả những vấn đề quốc tế. Đặc biệt có tác dụng hấp dẫn là những vấn đề thời sự cụ thể thiết thân với cuộc sống hằng ngày của nhân dân như tín dụng, lãi suất tiết kiệm, giá cả thị trường, việc làm, đời sống, khoa học, kỹ thuật, nếp sống, phong tục, truyền thống, đạo đức xã hội v.v...

(Xem tiếp trang 37)

Digitized by Google

NHÌN LẠI SỰ BIẾN ĐỘNG GIÁ CẢ ở thị trường nước ta

XUÂN HOÀNH

GIÁ cả biểu hiện quy luật giá trị, quy luật thị trường, và chỉ biểu hiện trên thị trường. Sự hình thành giá cả là theo quy luật khách quan của nền kinh tế hàng hóa.

Giá cả ở thị trường nước ta thời gian qua có nhiều biến động. Giá một số mặt hàng thiết yếu như gạo, thịt, đường... chững lại ở mức cao. Còn giá một số mặt hàng cao cấp như vàng, ngoại tệ, hàng điện tử, điện lạnh, ô tô, xe máy... vẫn dao động ở mức bình thường. Điều đáng chú ý là những tháng đầu năm 1995 giá một số mặt hàng như lương thực, thực phẩm và vật liệu xây dựng đã tăng nhanh (trong 5 tháng, chỉ số giá lương thực tăng 17,2%, thực phẩm tăng 18,2%, vật liệu xây dựng tăng 25% so với cùng kỳ năm 1994). Nếu tính chung cả 8 tháng đầu năm 1995, chỉ số giá cả đã tăng bình quân khoảng 1,5%/tháng (tháng 1 tăng 3,8% ; tháng 2 tăng 3,4% ; tháng 3 tăng 0,2% ; tháng 4 tăng 1% ; tháng 5 tăng 1,8%; tháng 6 tăng 0,8% ; tháng 7 không tăng, tháng 8 tăng 0,3%).

Theo dự đoán của một số chuyên gia kinh tế trong nước, năm 1995 giá cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng có thể tăng khoảng 15%, tương đương với mức tăng của năm 1994. Kinh nghiệm cho thấy, những tháng cuối năm chỉ số giá cả hàng hóa ít có khả năng giảm xuống. Như vậy, kế hoạch đề ra đầu năm của Quốc hội là kiềm chế lạm phát ở mức dưới 10%/năm khó có thể thực hiện được. Vấn đề đặt ra là : *giá cả biến động có ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế hay không?*

Nước ta mới bước đầu tiếp cận với cơ chế thị trường. Khâu quản lý nhà nước và quản lý kinh doanh còn non kém và có nhiều sơ hở. Do buông lỏng kiểm soát các khâu sản xuất, lưu thông và tiêu dùng, vừa qua chúng ta đã để xảy ra cơn sốt giá xi măng. Đầu tháng 4 năm 1995, giá xi măng tăng đột biến. Có lúc giá xi măng trong nước đã cao gấp đôi so với giá xi măng trên thị trường quốc tế. Tổng công ty xi măng và Ban vật giá chính phủ đã phải nâng giá bán xi măng cho phù hợp với giá thị trường nhằm dập tắt cơn sốt. Đáng tiếc sự khan hiếm xi măng chỉ là giả tạo do khâu quản lý kém, nên sau đó Tổng công ty xi măng lại phải điều chỉnh giá bán lẻ xi măng xuống (từ 1500 đ/kg xuống 900 đ/kg). Kết quả là chỉ nhà nước bị thiệt, còn bọn đầu cơ và một số phần tử xấu trong cán bộ nhân viên nhà nước tiếp tay cho bọn chúng thì vớ bẫm. Không ít công trình xây dựng của nhà nước đã phải dãn tiến độ vì giá xi măng cao, vượt quá dự toán ban đầu mà không có nguồn vốn bổ sung. Chỉ vì sự điều hành kém của cơ quan chủ quản, cộng với sự quan liêu của Ban vật giá chính phủ, mà cơn sốt xi măng không đáng có đã xảy ra. Rõ ràng đây là bài học cho các cơ quan được Chính phủ giao quản lý các mặt hàng độc quyền của nhà nước mà lại không thấy hết vai trò, vị trí và trách nhiệm của mình...

Sau cơn sốt xi măng, một số tổng công ty khác cũng đòi nâng giá hàng hoặc dịch vụ, như điện, sắt thép, vé máy bay... Việc Chính phủ không cho Hãng hàng không Việt nam nâng giá vé máy bay lên 100% so với giá cũ là một sự chỉ đạo đúng đắn và sáng suốt. Dẫu rằng, chuyển sang cơ chế thị trường, các doanh nghiệp được tự chủ hạch toán kinh doanh, nhưng điều đó không có nghĩa là vượt ra khỏi giới hạn quản lý vĩ mô của nhà nước.

Digitized by Google

Trong quá trình đổi mới nền kinh tế nói chung và nền nông nghiệp nói riêng, chúng ta đã đạt được kết quả to lớn : từ chỗ thiếu lương thực, nay không chỉ đủ ăn mà còn có gạo xuất khẩu. Nhưng giá gạo vừa qua thật đáng suy nghĩ : 6 tháng đầu năm 1995 tăng 1,5 lần so với cùng kỳ năm trước. Điều đáng chú ý là giá gạo lên cao có nguyên nhân do quản lý điều hành lưu thông không tốt : giá hàng nông sản chi phí đầu vào (vật tư, giống) cao nhưng đầu ra lại không tăng tương xứng, khiến người nông dân bị thiệt. Hơn nữa, thời gian qua quản lý khâu xuất cũng chưa chặt, nên lượng gạo xuất khẩu cao hơn so với kế hoạch đề ra. Tình trạng gạo xuất lậu bằng con đường tiểu ngạch không kiểm soát được ở đường biên diễn ra tương đối phức tạp. Trong số chủ hàng xuất lậu gạo không chỉ có tư thương, công ty trách nhiệm hữu hạn, mà còn có cả các đơn vị xuất nhập khẩu của nhà nước. Đây cũng là một yếu tố làm tăng giá gạo nhưng chúng ta chưa có biện pháp kiên quyết kịp thời ngăn chặn. Dù thế nào thì việc tăng giá gạo những tháng đầu năm 1995 cũng hoàn toàn mang tính tự phát, không lợi cho việc ổn định mặt bằng giá.

Trong tình hình như hiện nay, giá lương thực chắc sẽ chững lại, chứ không thể xuống thấp hơn. Vụ lúa đông xuân vừa qua miền Bắc đạt 4 triệu tấn, miền Nam đạt 7 triệu tấn. Nhưng năm ngoái, do thiên tai, nhiều tỉnh trọng điểm lúa ở đồng bằng sông Hồng bị thiệt hại nặng, sản lượng lương thực giảm 91,5 vạn tấn so với năm trước. So với vụ đông xuân năm 1993 - 1994, vụ đông xuân năm 1994 - 1995 ở miền Bắc lại giảm 40 vạn tấn. Để ổn định giá gạo, 6 tháng đầu năm 1995 Chính phủ đã phải huy động 200 nghìn tấn lương thực từ miền Nam chuyển ra miền Bắc. Đáng tiếc là 30% số lương thực đó đã bị xuất lậu qua biên giới dưới nhiều hình thức. Điều đó cho thấy, chúng ta cần quản lý chặt quỹ lương thực hiện có, không để giá lương thực như giá xi măng biến thành cơn sốt trên thị trường.

Đối với các mặt hàng cao cấp như ô tô, xe máy, ti vi, tủ lạnh, máy giặt, máy điều hòa, máy vi tính, điện thoại di động..., giá cả ít biến động. Khả năng tiêu thụ các mặt hàng này rất lớn, vì các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, nhà hàng, khách sạn nói chung đều muốn dùng đồ "xịn" đắt tiền. Tâm lý tiêu dùng chưa phù hợp với trình độ phát triển kinh tế cũng đã góp phần đẩy lạm phát lên cao. Theo các chuyên gia kinh tế nước ta, một trong những nguyên nhân làm chỉ số lạm phát các tháng đầu năm 1995 tăng là do tiêu xài sang, vốn đầu tư cho sản xuất so với vốn đầu tư cho tiêu dùng chưa hợp lý. Hầu hết các doanh nghiệp nhà nước chưa coi trọng việc tập trung vốn cho sản xuất và kinh doanh. So với các nước quanh ta, kinh tế của họ phát triển hơn mà họ lại tiêu dùng tiết kiệm hơn. Ở nước ta, không ít cơ quan, xí nghiệp dùng vốn ngân sách nhà nước cấp xây dựng trụ sở quá tốn kém, mua sắm ô tô đắt tiền, trang bị phòng làm việc với đủ mọi tiện nghi sang trọng : máy điều hòa, điện thoại di động, máy vi tính, bàn ghế ngoại... Thậm chí, có xí nghiệp làm ăn thua lỗ, vốn "âm", song vẫn mua sắm, không thiếu một tiện nghi sang trọng nào. Chính phủ đã có chỉ thị uốn nắn kịp thời vấn đề này nhưng nhiều cơ quan, đơn vị tới nay vẫn chưa thực hiện nghiêm chỉnh.

Tất nhiên, chỉ số giá cả tăng còn do các nguyên nhân khác, như thu chi ngân sách mất cân đối, dự kiến chỉ số tăng giá chưa phù hợp nhịp độ tăng trưởng kinh tế...

Để bình ổn vật giá, vấn đề quan trọng bậc nhất hiện nay là phải tăng vai trò quản lý vĩ mô của nhà nước trên các lĩnh vực tài chính, tiền tệ, đầu tư nhằm triệt để tiết kiệm, tập trung vốn cho các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Thị trường là một thực thể kinh tế khách quan, vận động theo các quy luật khách

(Xem tiếp trang 48)

Digitized by Google

Cán bộ khoa học nữ thời kỳ đổi mới
THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

NGÔ THỊ NGỌC ANH *

TRONG lịch sử dựng và giữ nước của dân tộc, phụ nữ Việt nam có những đóng góp rất quan trọng. Ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" phụ nữ đã đạt được thành tích trên nhiều lĩnh vực. Trong lĩnh vực khoa học, các chị đã có những bước trưởng thành đáng kể.

Về số lượng : Theo thống kê của Bộ khoa học, công nghệ và môi trường, đến đầu năm 1995, số cán bộ khoa học nữ có học vị phó tiến sĩ trở lên của nước ta là 920 người gồm 24 giáo sư, 119 phó giáo sư, 23 tiến sĩ và 754 phó tiến sĩ. Trong 10 năm qua sự phát triển của số cán bộ này ở một số ngành như sau :

Năm 1985 cán bộ nữ ngành khoa học tự nhiên có học vị tiến sĩ và phó tiến sĩ là 180 chị, chiếm tỷ lệ 10,03% so với tổng số của toàn ngành ; ngành khoa học kỹ thuật có 67 chị (3,9%) ; ngành khoa học y dược có 74 chị (22,8%), ngành khoa học nông nghiệp có 36 chị (10,7%), ngành khoa học xã hội có 97 chị (9,8%). Tính bình quân cả 5 ngành trên, tỷ lệ cán bộ nữ chiếm 8,8%. Sau 10 năm (đầu năm 1995) số lượng tiến sĩ và phó tiến sĩ nữ của các ngành trên là : ngành khoa học y dược 134 chị (27,5%), khoa học nông nghiệp 77 chị (14,6%), khoa học tự nhiên 276 chị (11,4%) khoa học xã hội 223 chị (13,5%) khoa học kỹ thuật 111 chị (4,6%). Ngoài số tiến sĩ, phó tiến sĩ, số lượng giáo sư và phó giáo sư nữ so với cả nước là : Năm 1980 có 1/83 giáo sư (chiếm 1,2%) và 8/374 phó giáo sư (chiếm 2,3%). Đến năm 1992 có 6/134 giáo sư (chiếm 4,4%), 38/625 phó giáo sư (chiếm 6,1%). Từ 1992 đến nay, Nhà nước tạm dừng việc xét phong hàm giáo sư và phó giáo sư cho các nhà khoa học, nên số lượng đó chưa được bổ sung thêm.

Những số liệu trên đây cho thấy : Cán bộ khoa học nữ có trình độ từ phó giáo sư, phó tiến sĩ trở lên trong thời kỳ đổi mới có bước phát triển đi lên cả về số lượng và tỷ lệ trong tổng số các nhà khoa học. Trong các lĩnh vực thì y tế, giáo dục cán bộ nữ chiếm tỷ lệ cao nhất, khoa học kỹ thuật có tỷ lệ thấp nhất. Thực trạng này đã phản ánh đúng với tỷ lệ cán bộ, nhân viên, sinh viên ở các ngành, các trường đại học. Chẳng hạn, năm học 1993-1994 Trường đại học y dược TP Hồ Chí Minh trong tổng số 3837 sinh viên có 1566 nữ (chiếm 40,8%) ; Trường đại học sư phạm Hà nội I là 1921/2649 (chiếm 72,5%), Trường đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh là 1012/1604 (chiếm 63%). Trong khi đó Trường đại học bách khoa TP Hồ Chí Minh chỉ có 568 nữ trong tổng số 7045 sinh viên (chiếm 8%).

Mặc dù cả số lượng và tỷ lệ có xu hướng tăng so với trước đây, nhưng số lượng cán bộ khoa học nữ vẫn chiếm tỷ lệ thấp, có ngành rất thấp, so với tổng số cán bộ nữ nói riêng và lực lượng lao động nữ trong cả nước nói chung. Một điều đáng chú ý là : ở những trình độ và cương vị càng cao thì tỷ lệ nữ càng thấp. Ví dụ, số cán bộ nữ dạy cấp I chiếm 78%, cấp II : 66,1%, cấp III (PTTH) : 46,81%, đại học và cao đẳng : 31%. Về trình độ, tỷ lệ nữ sinh viên các trường đại học chiếm 37%, phó tiến sĩ chỉ có 11,7%. Ngay cả hai trung tâm lớn về khoa học của cả nước, số lượng cán bộ nữ khoa học cũng chiếm một tỷ lệ khiêm tốn : Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia có 37,8% là cán bộ nữ, trong đó chỉ có 1 giáo sư, 7 phó giáo sư và 46 phó tiến sĩ. Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia có 24,7% là cán bộ nữ, trong đó chỉ có 2 giáo sư, 11 phó giáo sư, 4 tiến sĩ và 59 phó tiến sĩ.

Về chất lượng : Tuy cán bộ khoa học nữ chiếm tỷ lệ không cao trong tổng số cán bộ khoa học nói chung nhưng các chị đã phát huy tốt khả năng của mình để phục vụ sự nghiệp khoa học chung của cả nước. Ngoài việc nghiên cứu giảng dạy, các chị còn hướng dẫn các luận án tiến sĩ, phó tiến sĩ, thạc sĩ, và làm chủ nhiệm nhiều đề tài khoa học

(*) Cán bộ nghiên cứu, Trung ương Hội liên hiệp PNVN

Digitized by Google

cấp nhà nước, bộ, viện ; cùng với các đồng chí nam giới lãnh đạo tập thể các nhà khoa học hoàn thành nhiều công trình khoa học quan trọng. Ngoài việc học tập để nâng cao trình độ cơ bản, các chị có nhiều cố gắng trong việc học tập ngoại ngữ. Theo số liệu điều tra tháng 5-1995 của Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam thì trình độ ngoại ngữ của cán bộ khoa học nữ ở một số ngành khoa học cơ bản như sau : 55% sử dụng được tiếng Nga, 28% sử dụng được tiếng Anh, 18,5% sử dụng được các thứ tiếng khác như Đức, Bun, Tiệp... Trong số này, có một số chị sử dụng thông thạo 3-4 ngoại ngữ. Thành tích nổi bật nhất trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học của cán bộ nữ 10 năm qua được tập trung ở các cá nhân và tập thể được nhận giải thưởng Cô-va-lép-xcai-a. Chúng ta đã chọn được nhiều nhà khoa học nữ xuất sắc và tiêu biểu như các chị : Phan Thị Trân Châu, giáo sư, tiến sĩ sinh hóa công tác tại Trường đại học tổng hợp Hà nội ; chị Võ Hồng Anh, tiến sĩ toán lý công tác tại Viện năng lượng nguyên tử quốc gia. Trong thời gian 20 năm công tác chị đã có 51 công trình khoa học được nhà nước công nhận, trong đó có 42 công trình công bố trên các tạp chí nước ngoài, 8 công trình trên các tạp chí trong nước. Trên lĩnh vực ứng dụng khoa học vào thực tiễn nhiều chị đã có thành tích nổi bật như chị Nguyễn Thị Hòe, phó tiến sĩ hóa học, giám đốc trung tâm nghiên cứu hóa màu và vật liệu mài cao cấp của Trường đại học bách khoa TP Hồ Chí Minh. Thành tựu nghiên cứu của chị được đưa ứng dụng vào thực tiễn giúp cho nhiều nhà máy có nguyên liệu ổn định sản xuất. Riêng đề tài chế tạo dầu Emmuson dùng làm nguội, bôi trơn, chống rỉ cho máy móc đã cạnh tranh được với hàng ngoại nhập và được đưa vào sản xuất, cung cấp cho 70 nhà máy và cơ sở sản xuất trong nước sử dụng. Từ năm 1993, quỹ Cô-va-lép-xcai-a đã dành giải cho tập thể các nhà khoa học nữ xuất sắc. Tập thể các nhà khoa học nữ Viện thú y (Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm) do phó giáo sư, tiến sĩ Phan Thanh Phượng, phó viện trưởng phụ trách khoa học của viện đã vinh dự được nhận đầu tiên.

*
* *

Khẳng định những ưu điểm đồng thời cũng phải nhận rõ những tồn tại. Nhìn vào thực tế công tác cán bộ nữ nói chung, cán bộ khoa học nữ nói riêng hiện nay chúng ta thấy còn bộc lộ một số vấn đề cần giải quyết :

- Số lượng cán bộ khoa học nữ chưa tương xứng với số lao động nữ trong các cơ quan hoạt động khoa học. Ví dụ ở ngành giáo dục đại học là nơi cán bộ nữ tương đối đông nhưng tỷ lệ cán bộ nữ làm hiệu trưởng, hiệu phó các trường đại học chỉ chiếm 4,4% ; chủ nhiệm và phó chủ nhiệm khoa 8,4% ; chủ nhiệm và phó chủ nhiệm bộ môn là 13,6%, trưởng, phó phòng, ban là 13,2%.

- Tâm lý coi thường phụ nữ, tư tưởng "trọng nam khinh nữ" còn tồn tại ở một số cán bộ lãnh đạo đang là một "lực cản" đối với sự phát triển của phụ nữ. Cụ thể là : nếu có một đề tài khoa học cần chọn người làm chủ nhiệm thì thông thường người ta thích chọn nam giới hơn là phụ nữ, mặc dù trình độ tương đương nhau.

- Điều kiện ăn ở và làm việc của cán bộ khoa học nữ nước ta hiện nay còn rất khó khăn và thiếu thốn. Theo kết quả khảo sát của Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam tháng 5-1995 thì 52% cán bộ khoa học nữ ở Hà nội (từ phó tiến sĩ trở lên) và 32,4% cán bộ khoa học nữ ở TP Hồ Chí Minh không có chỗ làm việc riêng ở nhà ; 16,4% các gia đình ở Hà nội và 6,5% các gia đình ở TP Hồ Chí Minh vẫn phải dùng bếp và vệ sinh chung với các gia đình khác. Ngoài ra, do đời sống khó khăn, lương thấp dẫn đến mọi gánh nặng trách nhiệm về vật chất như tiền đi chợ, tiền học của con, tiền nhà, điện, nước... đều dồn lên vai người phụ nữ.

- Do điều kiện và hoàn cảnh khác nhau, nhiều cán bộ nữ có trình độ đại học, phó tiến sĩ, tiến sĩ nhưng lại không hoạt động, đóng góp cho xã hội trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo, mà lại làm các việc khác như : ở nhà nuôi con, bán hàng, làm thư ký cho các công ty. Một số cán bộ (trong đó có cả cán bộ nữ) gửi đi đào tạo ở nước ngoài đã không về nước, làm lãng phí quỹ đào tạo và hẫng hụt cán bộ. Trong khi đó ở trong nước hiện nay còn trên 6 000 sinh viên nữ tốt nghiệp đại học và cao đẳng chưa có việc làm.

*
* *

Căn cứ vào thực trạng nêu trên của cán bộ khoa học nữ ở nước ta, chúng tôi xin nêu một số kiến nghị :

- Phải thực hiện đầy đủ, triệt để những nội dung đề ra trong Nghị quyết 04 của Bộ chính trị và Chỉ thị 37 của Ban Bí thư Trung Đảng (khóa VII) về công tác cán bộ nữ trong tình hình mới. Đối với những ngành đông nữ (từ 30% trở lên) như y tế, giáo dục, bưu điện, du lịch... cần phải có tỷ

Digitized by Google

lệ cán bộ nữ tương xứng và phải có cán bộ nữ giữ vị trí lãnh đạo chủ chốt ở các cấp.

- Để có những số liệu chính xác, những đề xuất phù hợp về chính sách đối với cán bộ khoa học nữ, Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam cần tiến hành khảo sát, nắm lại toàn bộ đội ngũ cán bộ khoa học nữ hiện nay. Từ những số liệu này phân chia cán bộ khoa học thành 3 loại tùy theo lứa tuổi để có chính sách đào tạo, sử dụng cho thích hợp. Loại thứ nhất là những cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi) nếu phát hiện thấy có khả năng, triển vọng thì cần có kế hoạch đào tạo rất cơ bản (cả khoa học và ngoại ngữ) ưu tiên cho những ngành nghề mới, mũi nhọn trong thời gian tới. Loại thứ hai (40-50 tuổi) đã được đào tạo cơ bản đang giữ trọng trách ở các cơ quan nghiên cứu, giảng dạy, cần đào tạo bổ sung hoặc đào tạo lại một số kiến thức mới cho phù hợp, đáp ứng nhu cầu thực tiễn công tác. Loại thứ ba (từ 50 tuổi trở lên) là những chị đã có vị trí xứng đáng ở các chuyên ngành khoa học, là các "chuyên gia đầu đàn", nên giảm bớt công tác quản lý để các chị chuyên tâm vào công tác nghiên cứu khoa học và đặc biệt là dìu dắt giúp đỡ thế hệ trẻ.

- Đảng và Nhà nước nên sửa đổi chính sách hưu trí đối với cán bộ nữ ; không nhất thiết cứ đến tuổi 55 là phải về hưu. Có như vậy mới phát huy được sự đóng góp của lực lượng lao động nữ nói chung, đặc biệt là đội ngũ cán bộ khoa học nữ nói riêng, đang hoạt động trong nhiều cơ quan, viện nghiên cứu, trường đại học ... với những ngành nghề khác nhau và với một số lượng khá đông đảo.

- Các nhà khoa học nữ nên tổ chức nhau lại dưới một hình thức nào đó như câu lạc bộ các nhà khoa học nữ... để thảo luận, kiến nghị những chính sách, biện pháp cho phép khai thác tối đa khả năng của cán bộ khoa học nữ. Thông qua các tổ chức đó các chị có điều kiện trau dồi cả trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, đặc biệt phổ biến, nghiên cứu các đặc điểm về giới - một vấn đề rất mới mẻ và cần đi sâu nghiên cứu hiện nay.

- Cần tổ chức tốt các cơ sở dịch vụ như may mặc, chế biến thực phẩm với chất lượng tốt, giá rẻ để giúp các chị giảm nhẹ gánh nặng của các công việc trong gia đình hàng ngày.

- Các nhà khoa học nữ phải tự thân vươn lên nữa, tránh tư tưởng tự ti, níu kéo nhau, "đố kỵ" trong hoạt động và nghiên cứu khoa học ❑

Nhìn lại sự hiến động...

(Tiếp theo trang 45)

quan. Tiêu dùng là tính chất cơ bản của thị trường. Chính vì vậy, việc nhà nướcquản lý thị trường là yếu tố có ý nghĩa quyết định. Nhà nước quản lý thị trường bằng pháp luật và bằng chính sách tiêu dùng tác động vào người mua, người tiêu dùng, nâng trình độ tiêu dùng và văn hóa tiêu dùng trong nhân dân. Cơ cấu tiêu dùng và cơ cấu kinh tế có quan hệ nội tại. Do đó, việc gắn trình độ phát triển lực lượng sản xuất với trình độ tiêu dùng là một quy luật kinh tế. Ở nhiều nước, chính phủ coi trọng việc nâng sức mua của thị trường nông thôn và coi đây là điều kiện để phát triển sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Một số mặt hàng thiết yếu cho đời sống như lương thực, thực phẩm... cũng rất được chú ý phát triển. Khi gặp thiên tai rủi ro, nông dân được trợ giá, như vậy họ yên tâm phấn khởi sản xuất nông sản cần thiết cho xã hội.

Theo dự báo của các chuyên gia kinh tế nước ta, 6 tháng cuối năm 1995 mặt hàng nông sản có thể còn tăng giá. Nhiều nước vừa qua bị thiên tai, mất mùa nên họ có nhu cầu nhập lương thực rất lớn. Ta cần cân đối mức xuất khẩu gạo, chống buôn lậu và xuất gạo theo con đường tiểu ngạch. Buôn lậu các mặt hàng qua đường biển ở ta đã tới mức báo động. Nghệ an hiện là "điểm nóng" nhất (8 tháng đầu năm 1995, phát hiện 370 vụ, thu về cho ngân sách nhà nước 12 tỉ đồng).

Bình ổn giá cả là một vấn đề không đơn giản trong nền kinh tế thị trường. Chỉ có thể thành công nếu chính phủ có hệ thống chính sách, luật pháp đồng bộ, năng động trong điều hành, bảo đảm thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra ❑

Digitized by Google

Cái "tâm" và cái "tưởng"

VÊ HÁT XÊ

CÁI "tâm" thì ai cũng biết, còn cái "tưởng" ở đây là muốn nói tư tưởng, quan điểm, nghĩa là cái sản phẩm, kết quả của quá trình tư duy, quá trình nhận thức.

Người ta biết rằng, cái tâm và cái tưởng có quan hệ chặt chẽ với nhau. Nếu tâm sáng, nghĩa là trung thực, chân thành, vô tư, thiện chí thì sẽ có tư tưởng đúng. Cũng có khi chưa đạt được điều đó là do hạn chế về học vấn, hoặc trình độ nhận thức (hay nói khoa học một chút là do sai sót trong tư duy - mà về vấn đề này thì có thể sửa chữa được). Còn tư tưởng đúng sẽ củng cố cái tâm của con người, làm cho nó thêm trong sáng.

Nhưng một khi tâm đã đục thì không thể có tư tưởng đúng. Người có dã tâm, luôn thù nghịch, hiểm khích, luôn có những dục vọng thấp hèn, cá nhân chủ nghĩa... thì khó có thể nhìn ra chân lý, thậm chí còn cố tình đổi trắng, thay đen, biến sai thành đúng, biến đúng thành sai.

Người tài mà thiếu cái tâm thì rất dễ biến thành cái "tai" (tai hại). Trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực sáng tạo tinh thần (từ khoa học đến báo chí, văn học v.v..) người ta đều rất cần tới cái tâm. Không có nó, có khi càng nhiều chữ nghĩa, càng nhiều tri thức, càng thêm nguy hiểm. Chẳng thế mà Nguyễn Du đã viết : "chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài" và Bác Hồ thì nói rất nhiều về cái tâm của người cách mạng. Năm cuối cùng của cuộc đời, Người còn viết bài : "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân". Người phê phán những ham muốn, dục vọng xấu của cá nhân, coi chủ nghĩa cá nhân là nguy cơ lớn nhất của mỗi người. Chủ nghĩa cá nhân làm cái tâm mờ đi, làm tha hóa cả lối sống và vẩn đục cả tư tưởng.

Vậy khi một người có trục trặc về tư tưởng thì chữa bằng cách nào ? Ở đây cần phân biệt hai trường hợp : Một là, do nhận thức sai, nghĩa là do khiếm khuyết của tư duy. Trong trường hợp này cần tìm cách bồi dưỡng, bổ sung thêm các kiến thức, thông tin chân thật, hay có thể vận dụng đúng hơn các thao tác phân tích, tổng hợp, các suy luận v.v.. Hai là, do "tâm" đục mà "tưởng" sai thì phải chữa từ gốc, tức là làm cho tâm sáng lên. Đối với trường hợp này, sự tranh cãi về lý lẽ ít có hiệu quả. Bởi vì, vấn đề không phải là người ta không nhận thức được chân lý, mà là cố tình không nhận ra, hoặc cố tình đổi trắng thay đen, xuyên tạc, bóp méo chân lý... Vì vậy, điều quan trọng là làm cho những người mắc bệnh này nhận ra cái tâm không trong sáng của mình, và lấy đó làm xấu hổ mà sửa nó đi.

Chuyện "tâm" và "tưởng" là chuyện của mỗi người, có ở mọi lúc, mọi nơi. Chỉ cần cái tâm không sáng một chút, thiếu khách quan, trung thực một chút, vụ lợi một chút v.v. là ảnh hưởng không tốt ngay tới việc nhìn nhận và giải quyết các vấn đề. Nho giáo đã đúc kết một phương châm rất hay : "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ", nghĩa là trước khi làm những việc to lớn, trọng đại cho xã hội phải biết rèn bản thân, trong đó có cái tâm, cái đức của mình đã.

Mấy năm gần đây, trên lĩnh vực tư tưởng, xuất hiện một vài cá nhân tuyên truyền những quan điểm rất sai lầm. Trong số họ, có người vốn là nhà báo, nhà văn, nhà lý luận v.v.. Họ viết sách, báo, tài liệu, in ấn ở nước ngoài, xuyên tạc lịch sử, vu cáo dân tộc, bôi nhọ chế độ và lãnh tụ. Từ phạm vi phê phán các sự kiện lịch sử dân tộc, họ chuyển sang xét lại quan điểm lý luận : phủ nhận các giá trị tư tưởng được cả thế giới thừa nhận của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, Hồ Chí Minh. Một điều lạ là có những chân lý đã được thực tiễn lịch sử kiểm nghiệm, rất dễ hiểu, dễ thấy, ngay cả với những người ít học, và những người ở "phía bên kia", thế mà họ lại không thấy. Có phải họ không đủ khả năng hay cố tình không thấy ? Đối với những người này, chắc là họ đã mắc bệnh từ trong "tâm" rồi. Vì vậy, đồng thời với việc vạch ra cái sai về tư tưởng, điều quan trọng hơn là cần vạch ra cái "tâm" mờ đục của họ ⌟

Digitized by Google

Cần xem xét, đánh giá mỗi việc trong quá khứ trên quan điểm lịch sử cụ thể

DIỆP VĂN SƠN*

LỜI NGƯỜI BIÊN TẬP - **Lợi dụng việc đưa tin một sự việc nào đó để lồng vào những suy nghĩ riêng tư không lợi cho sự nghiệp chung** - *đó là một hiện tượng không lành mạnh gần đây thỉnh thoảng lại thấy xuất hiện trên một vài tờ báo và ấn phẩm ở nước ta. Để rộng đường dư luận, chúng tôi trích đăng lá thư viết về vấn đề này của đồng chí* **Diệp Văn Sơn**, *một bạn đọc ở TP Hồ Chí Minh.*

VỪA qua có một tờ báo đưa tin đồng chí Kim Ngọc, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh phú được truy tặng Huân chương độc lập hạng nhất như sau :

"TRUY TẶNG HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHẤT CHO NGƯỜI ĐỀ RA CHỦ TRƯƠNG "3 KHOÁN"

... Năm 1966, giữa lúc các xã nông nghiệp gặp khó khăn, sản xuất trì trệ, năng suất thấp, hiệu quả kém. Bí thư tỉnh ủy Vĩnh phú Kim Ngọc đã lãnh đạo xây dựng Nghị quyết chủ trương "ba khoán" : khoán việc cho nhóm, cho lao động và cho hộ nhằm bảo đảm sử dụng hợp lý sức lao động và tăng năng suất lao động. Nhờ có chủ trương này, sản xuất nông nghiệp đã có chuyển biến rõ rệt. Tuy nhiên chủ trương này được Trung ương lúc đó đánh giá là sai lầm. Cuối năm 1968, đồng chí Kim Ngọc bị kiểm điểm và bị phê phán. Chủ trương khoán hộ nhanh chóng trở thành phong trào trong toàn quốc nhưng dưới hình thức "khoán chui". Đến giữa năm 1988, Bộ chính trị ra Nghị quyết 10 chính thức xác định mô hình khoán hộ. Với cơ chế mới này, ngay lập tức Việt nam đã trở thành quốc gia xuất khẩu được lương thực cho đến nay. Đồng chí Kim Ngọc được đánh giá là nhà cải cách đầu tiên về cơ chế quản lý nông nghiệp. Ông mất năm 1979 vì bệnh xuất huyết dạ dày".

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, Đảng và Nhà nước ta phong danh hiệu anh hùng, tặng huân chương hay truy phong, truy tặng cho tập thể hoặc cá nhân có thành tích và công lao, xương máu đóng góp cho cả quá trình cách mạng Việt nam đi đến thắng lợi, là một việc làm bình thường và phù hợp với đạo lý "uống nước nhớ nguồn". Thí dụ như việc truy phong chị Võ Thị Sáu, chị Nguyễn Thị Định... là Anh hùng lực lượng vũ trang, cũng như truy tặng huân chương cho một số đồng chí đã khuất, hoàn toàn là chuyện bình thường, không hề có chút "ẩn ý" hay là sự "đánh giá lại"... Thế nhưng có người lại muốn khai thác các sự việc này theo một khía cạnh khác với ý tứ khác, nhiều khi suy diễn, phục vụ cho một ý đồ nào đó không lành mạnh. Riêng đối với trường hợp đồng chí Kim Ngọc, cách đưa tin nói trên gây cho người đọc cảm giác hình như đây là một sự "đánh giá lại", và đi xa hơn : "cái gì trước kia bị phê phán thì bây giờ là đúng, cần được phục hồi".

Tôi không có ý bênh che hoặc biện bạch cho một số sai lầm ấu trĩ của chúng ta ở một số việc nào đó. Đảng ta đã công khai và thẳng thắn thừa nhận. Ở đây tôi chỉ muốn nói : khi xem xét, đánh giá một sự việc nào đó trong quá khứ, không nên thoát ly hoàn cảnh lịch sử cụ thể ; càng không nên lợi dụng việc đổi mới hôm nay để làm lộn nhào những vấn đề lịch sử.

Về vấn đề chưa thực hiện khoán hộ trong những năm 60, 70, ngoài lý do về nhận thức, thiết nghĩ cũng nên nhắc lại bối cảnh miền Bắc hồi đó để bạn đọc có thể hiểu rõ thêm.

Là hậu phương lớn của chiến trường miền Nam, miền Bắc những năm ấy phải đương đầu với một cuộc chiến tranh phá hoại ác liệt bằng không quân của Mỹ với ý đồ đưa miền Bắc về "thời kỳ đồ đá"... Cả miền Bắc là một trận địa lớn, 100% cầu cống bị đánh sập, hầu hết các thị xã, thị trấn bị san phẳng thành bình địa, chẳng khác nào như trên "mặt trăng" (mà báo chí phương Tây lúc đó nhận xét). Một lò gạch cũ bỏ không cũng trở thành mục tiêu oanh kích nhiều lần của máy bay Mỹ. Nhiều vùng ở khu 4 không có cuộc sống trên mặt đất, tất cả đều dưới hầm. Năm 1966 Mỹ bắt đầu ném bom Hà nội, bom rơi ngay ở phố Huế, bom đánh sập

* Cơ quan thường trực Ban tổ chức-cán bộ của Chính phủ tại TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

mấy nhịp cầu Long biên, bom đánh trúng đê sông Hồng ..

Thế nhưng, miền Bắc đã làm đúng nghĩa hậu phương lớn: "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người" ; đúng với tinh thần tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng : "xe chưa qua thì nhà không tiếc"... Nông thôn miền Bắc lúc bấy giờ đã động viên gần 80% thanh niên nhập ngũ, thiếu nữ thì tham gia thanh niên xung phong hỏa tuyến ... Xóm làng chỉ còn lại hầu hết là phụ nữ, người già và trẻ em. "Vừa sản xuất, vừa chiến đấu", gánh nặng chiến tranh đè nặng lên những đôi vai gầy của các mẹ, các chị... Hãy nhớ lại câu hát trong bài *Đường cày đầm đang* lúc ấy : "... Từ ngày anh đi, việc nhà giờ gái thay trai...". Chắc chung ta ai cũng còn nhớ: các lão dân quân Hoằng hóa, các nữ dân quân Nam ngạn, Hàm rồng... trực chiến ngày đêm 24/24 giờ. Những chuyện này thời ấy là phổ biến, hoàn toàn không có tính chất cá biệt... Lịch sử, như chúng ta biết, không bao giờ chấp nhận chữ "Nếu", nhưng ở đây, để rõ vấn đề, chúng ta tạm chấp nhận nó với tình huống : "**Nếu ở miền Bắc thực hiện khoán hộ một cách đại trà trong nông nghiệp vào những năm 1965 - 1975 thì tình hình sẽ đưa tới đâu ?** Thật khó có câu giải đáp! Tuy vậy, cũng xin nêu ra đây một vài suy nghĩ :

Liệu các chàng trai, các cô gái thanh niên xung phong, các chiến sĩ có yên tâm chiến đấu ở ngoài tiền tuyến không nếu họ biết ở nhà, cha mẹ họ, vợ con họ không đủ sức lao động để nhận khoán ? Liệu phong trào "3 sẵn sàng", "5 xung phong" có bị giảm đi khí thế sục sôi không?

Còn ở xóm làng quê hương, hằng ngày ai đi trực chiến ? ai đi làm ruộng khoán nhà mình ? Lẽ nào lại khoán trực chiến cho từng hộ ? (Có ai khoán xương máu bao giờ đâu !).

Làm sao có thể huy động "thóc không thiếu một cân" khi thóc không phải của hợp tác xã, mà là thóc ở trong bồ của từng nhà ? Ai đóng góp bao nhiêu đây? Theo định mức và tiêu chuẩn nào ? Hay là tùy theo lòng hảo tâm ?

Khẩu hiệu lúc bấy giờ là "Tay cày, tay súng", khoán như thế nào đây để đừng "quên tay súng" mà "hai tay chỉ lo cày" ?

Hãy nhớ lại đi, làm gì có chuyện "*khoán hộ nhanh chóng trở thành phong trào toàn quốc nhưng dưới hình thức "khoán chui" vào những năm 1965 - 1975*", như tờ báo nói trên viết ?

Cách mạng Tháng Tám chỉ thành công khi nổ ra vào tháng tám ! Sớm hơn hoặc trễ hơn, đều không được. Xô viết Nghệ tĩnh, Nam kỳ khởi nghĩa... là những điểm son chói lọi. Tổ quốc, Đảng và Nhân dân ta đời đời ghi công các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh. Nhưng đó lại là một bài học phải trả giá bằng xương máu, bài học *thời cơ* của cách mạng.

Cùng với những sự kiện ở Liên xô và Đông Âu, ở nước ta những năm gần đây thỉnh thoảng lại thấy xuất hiện trên báo chí và một vài ấn phẩm văn học một dòng tư tưởng khá rõ : "*Cái gì trước đây bị phê phán, lên án, thì bây giờ là đúng, cần phục hồi*". Phụ họa với giọng điệu này, có người còn lớn tiếng đòi Đảng phục hồi danh dự cho những người tham gia cái gọi là "Vụ án Nhân văn giai phẩm", "nhóm chống Đảng"... Lỗ gích ấy đang dần dần "leo thang", phủ nhận dần tất cả những giá trị, những việc làm đúng trong quá khứ. Cái lối suy diễn không chú ý đến hoàn cảnh lịch sử để phán xét chuyện này, chuyện kia, dù vô tình hay cố ý, cũng là tù binh của cái "lô gích phi lịch sử kia". Không thể so sánh khoán ở thời điểm năm 1966 và khoán 10 năm 1988 để rút ra một vài kết luận vội vã, ngộ nhận... So sánh như vậy là méo mó. Chỉ sai khi hoàn cảnh chủ quan và khách quan đã cho phép mà vẫn cố duy trì hình thức cũ. Điều này Đảng ta đã từng nói và đã từng sửa chữa.

Có phải sự ổn định của nông thôn miền Bắc với cái cốt lõi kinh tế tập thể là nhân tố có vai trò quyết định cho chiến thắng của ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ không ?

Rồi việc hiện nay ta bắt tay làm ăn với Pháp, Mỹ..., gia nhập ASEAN. Việc đó nhất định sẽ có những kết quả. Với cái lối suy diễn như trên, người ta chắc rồi sẽ hỏi : "Ta đánh Pháp, đánh Mỹ làm gì ? vân vân và vân vân ... Và chúng ta chắc lại phải nói lại với con cháu : thực dân Pháp, đế quốc Mỹ cướp nước ta như thế nào, đàn áp dân ta như thế nào... hoặc ASEAN lúc đầu lập ra để làm gì...

Việc Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta tặng hoặc truy tặng Huân chương độc lập cho các đồng chí lão thành cách mạng, trong đó có đồng chí Kim Ngọc, là tặng cho công lao các đồng chí đó đã cống hiến lâu dài cho sự nghiệp cách mạng chung chứ không phải chỉ vì một vài vụ việc nào đó.

Đảng ta ngày nay thực hiện chính sách đổi mới, thực hiện chính sách kinh tế mở (trong nước và ngoài nước), vận hành nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của nhà nước. Đây là kết quả của cả một quá trình tiếp thu một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt nam và trong một bối cảnh thế giới mới.

Trên đây là một vài suy nghĩ có tính chất cá nhân xin được bộc bạch để các bạn tham khảo ❑

Digitized by Google

LIÊN HỢP QUỐC
CHẶNG ĐƯỜNG 50 NĂM VÀ TRƯỚC THỀM THẾ KỶ 21

LÊ MAI *

NĂM mươi năm trước, ngày 24/10/1945, Hiến chương Liên hợp quốc bắt đầu có hiệu lực và Tổ chức LHQ chính thức ra đời. Hằng năm ngày này được kỷ niệm là "Ngày Liên hợp quốc". Từ 51 nước thành viên khai lập, ngày nay LHQ đã trở thành một tổ chức quốc tế mang tính toàn cầu lớn nhất bao gồm 185 quốc gia thành viên, với chức năng đa dạng và toàn diện nhất. Năm nay, LHQ và cộng đồng quốc tế tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm nhân 50 năm thành lập LHQ mà đỉnh cao là Lễ kỷ niệm đặc biệt từ 22 - 24/10 tại Trụ sở của LHQ ở Thành phố Niu Oóc, Hoa kỳ. Cuộc gặp mặt của hơn 150 tổng thống, chủ tịch nước, nhà vua, thủ tướng chính phủ vào dịp này là một cuộc tập hợp chính trị lớn nhất trong lịch sử của LHQ và cũng là lớn nhất trong lịch sử nhân loại. Chủ tịch Lê Đức Anh dẫn đầu đoàn đại biểu CHXHCN Việt nam tham gia hoạt động này.

Vì sao LHQ trở thành một tổ chức toàn cầu lớn nhất và thu hút được sự quan tâm rộng rãi của cộng đồng quốc tế như ngày nay ? LHQ đã và chưa làm được những gì trong chặng đường 50 năm qua và sẽ phải tiếp tục phấn đấu như thế nào trong chặng đường tiếp theo để thực sự xứng đáng với sự trông đợi của cộng đồng các dân tộc trên thế giới ? Đó là điều cả thế giới đang bàn luận một cách nghiêm túc với cả sự nhất trí và bất đồng, an toàn và lo lắng, niềm tin và thất vọng.

Sự ra đời của Tổ chức Liên hợp quốc và bản Hiến chương lịch sử

Chiến tranh thế giới thứ hai đã gây cho nhân loại những tổn thất chưa từng có về người và của và đã đưa đến sự phá sản của *Hội quốc liên* là tổ chức quốc tế của các nước tư bản chủ nghĩa hình thành sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Chỉ sau hai năm chiến tranh, đến 1941, nước Đức phát xít đã nhanh chóng chiếm đóng hầu hết các nước ở châu Âu tư bản chủ nghĩa và Nhật tăng cường bành trướng ở châu Á - Thái bình dương. Trước thảm họa phát xít đe dọa chính quyền lợi và sự sống còn của mình, các nước đế quốc và tư bản chủ nghĩa đã buộc phải liên minh với Liên xô, nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới vốn đang bị các nước này bao vây phong tỏa. Sự ra đời của liên minh chống phát xít trong chiến tranh thế giới thứ hai, với Liên xô và các nước Mỹ, Anh, Pháp đóng vai trò chủ chốt, là cơ sở để hình thành tổ chức LHQ trong tương lai. Bước đầu tiên là việc 26 quốc gia Liên minh chống phát xít ngày 1/1/1942 ký bản "Tuyên bố của các quốc gia liên hợp" khẳng định quyết tâm loại trừ chủ nghĩa phát xít và cùng nhau hợp tác tổ chức lại thế giới sau chiến tranh. Lần đầu tiên thuật ngữ "các quốc gia liên hợp" (*Liên hợp quốc*) được sử dụng.

Thắng lợi của cuộc đấu tranh giữ nước vĩ đại của Liên xô là nhân tố có ý nghĩa hàng đầu đưa cuộc chiến tranh thế giới thứ hai đến chỗ kết thúc. Đồng thời, chiến thắng đó đã

* Ủy viên TƯ Đảng, Thứ trưởng Bộ ngoại giao

Digitized by Google

giúp Liên xô có những đóng góp to lớn vào quá trình thương lượng thành lập tổ chức LHQ, đưa được những nội dung tiến bộ, tích cực vào Hiến chương LHQ, giữ được thế cân bằng tương đối trong một bối cảnh quốc tế mà lợi thế vẫn thuộc về chủ nghĩa tư bản.

Sau khi Liên xô thực hiện phản công ở Xta-lin-grát (11/1942) và Cuốc-xkơ (7/1943), nguyên thủ ba nước Liên xô, Mỹ và Anh đã họp tại Mát-xcơ-va (10/1943) và Tê-hê-ran (12/1943) trong đó nhất trí về sự cần thiết phải thành lập một tổ chức quốc tế để duy trì hòa bình và thúc đẩy hợp tác sau chiến tranh. Tại Hội nghị Đăm-bác-tơn Ốc (21/9 - 7/10/1944), những nội dung cơ bản về mục đích, nguyên tắc và tổ chức của LHQ đã được thỏa thuận. Riêng vấn đề bỏ phiếu tại Hội đồng bảo an (nguyên tắc nhất trí giữa các nước ủy viên thường trực) thì phải tới Hội nghị Y-an-ta (2/1945) mới được giải quyết, khi mà Liên xô đã giải phóng Đông Âu và đang tiến về Béc-lin. Tại Hội nghị Xan Phran-xi-xcô họp từ 25/4 - 25/6/1945 với tên gọi chính thức là "Hội nghị về tổ chức quốc tế của các quốc gia liên hợp", văn bản Hiến chương được hoàn tất và ngày 25/6/1945 các nước tham dự Hội nghị đã ký văn kiện này. Ngày 24/10/1945 Hiến chương LHQ có hiệu lực và Tổ chức LHQ chính thức ra đời. Đại hội đồng họp khóa đầu tiên ngày 10/1/1946 và Hội đồng bảo an họp phiên đầu tiên ngày 17/1/1946.

Hiến chương LHQ gồm 111 điều quy định tôn chỉ mục đích, nguyên tắc, tổ chức và thủ tục hoạt động của LHQ.

Ngay tại lời mở đầu, Hiến chương LHQ khẳng định rõ quyết tâm "cứu vãn các thế hệ tương lai khỏi các thảm họa của chiến tranh". Điều 1 và 2 của Hiến chương quy định các mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của LHQ : duy trì hòa bình an ninh quốc tế ; phát triển, phồn vinh và tự do cho mọi dân tộc, cho mọi người; bình đẳng giữa các quốc gia lớn nhỏ, tôn trọng chủ quyền, tự quyết dân tộc, không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia và giải quyết hòa bình các tranh chấp ; phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia.

Sự ra đời của LHQ và Hiến chương LHQ phản ánh nguyện vọng chung của nhân dân thế giới mong muốn một thế giới hòa bình, hữu nghị và hợp tác và để phấn đấu xây dựng thế giới đó, trông đợi tổ chức này sẽ đóng vai trò là một công cụ hữu hiệu. Hiến chương LHQ là tuyên ngôn bác bỏ chiến tranh, bác bỏ nô dịch và áp bức dân tộc, công nhận tự quyết và bình quyền giữa các dân tộc lớn nhỏ và cam kết thúc đẩy hợp tác giữa tất cả các quốc gia dân tộc có các chế độ chính trị, xã hội khác nhau. Trong khi thừa nhận vai trò và khả năng đóng góp lớn hơn của các nước lớn, LHQ xác lập nguyên tắc chủ đạo cho mọi hoạt động của mình là bình đẳng chủ quyền quốc gia và tự quyết dân tộc, phản ánh đặc thù của một kỷ nguyên quan hệ quốc tế mới sau chiến tranh thế giới thứ hai - kỷ nguyên của cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau và của ý thức mạnh mẽ của các dân tộc và nhân dân thế giới về tự quyết, độc lập và bình đẳng. Đây là điều khác nhau căn bản giữa LHQ và Hội quốc liên đã bị phá sản.

Về mặt tổ chức, LHQ gồm có 6 cơ quan chính : Đại hội đồng, Hội đồng bảo an, Hội đồng kinh tế - xã hội, Hội đồng thác quản, Ban thư ký và Tòa án quốc tế. Khi đề cập hệ thống LHQ theo nghĩa rộng thì hệ thống này ngoài LHQ còn bao gồm các cơ quan chuyên môn và các tổ chức quốc tế liên hệ như UNDP, UNICEF, UNFPA, UNIDO, WHO, FAO...*

Các mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của Hiến chương LHQ là thành quả và giá trị chung của nhân loại. Chính vì giá trị tiến bộ và thời đại đó mà các mục tiêu và nguyên tắc của Hiến chương LHQ đã trở thành những nguyên tắc cơ bản, phổ biến và vững bền của luật pháp quốc tế và quan hệ quốc tế hiện đại, và là cơ sở để LHQ tồn tại và phát triển trong nửa thế kỷ qua.

---

* UNDP : Chương trình phát triển LHQ
UNICEF : Quỹ nhi đồng LHQ
UNFPA : Quỹ dân số LHQ
UNIDO : Tổ chức phát triển công nghiệp LHQ
WHO : Tổ chức y tế thế giới
FAO : Tổ chức lương thực và nông nghiệp LHQ

Digitized by Google

Chặng đường lịch sử 50 năm qua

LHQ đã trải qua chặng đường 50 năm với nhiều thành tựu nhưng cũng không ít gian lao thử thách kể cả sai lầm. Thời kỳ chiến tranh lạnh là mảng thời gian dài nhất và thử thách lớn nhất mà LHQ đã phải trải qua trong 50 năm vừa qua.

Ngay sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, thế giới mau chóng rơi vào cuộc chiến tranh lạnh toàn cầu do các nước đế quốc phát động kéo dài cho tới những năm cuối của thập kỷ 80. Từ một liên minh chống phát xít, các nước chuyển sang tập hợp lực lượng theo hai hệ thống chính trị - xã hội đối lập, đấu tranh nhau gay gắt xung quanh hai cực là Mỹ và Liên xô. Cuộc chạy đua vũ trang, đặc biệt chạy đua vũ trang hạt nhân giữa các siêu cường được đẩy lên đến đỉnh cao với quy mô chưa từng có, đe dọa chính sự tồn vong của nhân loại. Mỹ và các nước thực dân đã phát động hàng loạt các cuộc chiến tranh chống lại phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, mà đỉnh cao là cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt nam. Đồng thời, thời kỳ này loài người đã vươn tới những đỉnh cao của khoa học kỹ thuật, đạt mức phát triển của lực lượng sản xuất lớn hơn nhiều so với những gì đạt được của hơn 300 năm phát triển của chủ nghĩa tư bản trước đó. Nếu sự cân bằng về vũ khí hạt nhân chiến lược giữa Mỹ và Liên xô là yếu tố khách quan buộc 2 siêu cường phải cùng tồn tại trong hòa bình thì sự phát triển của nền sản xuất thế giới đã làm tăng tính cạnh tranh kinh tế đồng thời thúc đẩy hợp tác giữa các nước.

Trong một bối cảnh quốc tế như vậy, LHQ đã có vai trò gì và đứng ở đâu trong dòng chảy của các sự kiện chính của thế giới. LHQ đã lựa chọn sự bày tỏ chính kiến và hành động của mình như thế nào trước sự hỗn độn của hàng loạt các sự kiện trong đó có nhiều điều trái ngược mục tiêu của Hiến chương và ước vọng của các dân tộc về hòa bình an ninh quốc tế, độc lập dân tộc, bình đẳng và hợp tác và phát triển.

Trong lịch sử 50 năm tồn tại và phát triển vừa qua của LHQ, có thể thấy nổi lên **một số thành tựu lớn** sau :

Một trong những thành tựu của LHQ được cộng đồng quốc tế thừa nhận là *đóng góp của tổ chức này vào quá trình phi thực dân hóa.* Năm 1960 LHQ thông qua Tuyên bố về trao trả độc lập cho các nước và các dân tộc thuộc địa. Từ phong trào giải phóng dân tộc, hơn một trăm quốc gia độc lập đã ra đời và LHQ đã công nhận họ là những thành viên đầy đủ của mình. LHQ đã góp tiếng nói mạnh mẽ vào việc lên án chủ nghĩa a-pác-thai, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở Nam Rô-đê-di-a, đòi độc lập cho nhân dân Nam Phi, Na-mi-bi-a, Pa-le-xtin..., cung cấp những giúp đỡ đáng kể cho các dân tộc này trong cuộc đấu tranh chính nghĩa của mình. Ta không mong đợi LHQ là người cổ vũ cho các cuộc chiến tranh giải phóng, nhưng trên thực tế cũng đã có lúc LHQ đã vượt lên trên sự phản đối của các thế lực đế quốc thực dân và với tư cách là một tổ chức quốc tế toàn cầu, quyết định công nhận tư cách đại diện của các phong trào và các nước đang đấu tranh để giải phóng dân tộc khi công nhận PLO, SWAPO, ANC... là quan sát viên của LHQ.

Trong 50 năm qua LHQ đã có sự *đóng góp to lớn vào quá trình xây dựng các chuẩn mực quốc tế*, pháp điển hóa các nguyên tắc điều chỉnh hành vi giữa các quốc gia, thông qua các điều ước và hiệp ước đa phương có liên quan đến tất cả các lĩnh vực của đời sống quốc tế. Giá trị pháp lý của các văn kiện mà LHQ xây dựng và thông qua chính là ở chỗ nó có sự đóng góp bình đẳng và nhất trí của tất cả các quốc gia lớn và nhỏ và phải phù hợp với các mục đích và nguyên tắc cơ bản của Hiến chương. LHQ đã thông qua nhiều tuyên bố quan trọng và tiến bộ như : Tuyên ngôn nhân quyền (1948), Công ước quốc tế về các quyền dân sự - chính trị và kinh tế - văn hóa - xã hội (1966), Tuyên bố về trao trả độc lập cho các nước và các dân tộc thuộc địa (1960), Tuyên bố về các nguyên tắc luật pháp quốc tế về các quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia phù hợp với Hiến chương LHQ (1970), Định nghĩa xâm lược (1974), Tuyên bố về một trật tự kinh tế quốc tế mới (1974), Tuyên bố về tăng cường và củng cố hòa bình quốc tế (1977), Tuyên bố về ngăn

Digitized by Google

ngừa thảm họa chiến tranh hạt nhân (1980), Công ước luật biển (1982), Công ước quyền trẻ em (1990)... Cùng với Hiến chương, nhiều tuyên bố trong số này đã trở thành những văn kiện pháp lý quốc tế quan trọng điều chỉnh mối quan hệ giữa các quốc gia.

Một nét nổi bật khác là *quá trình LHQ hoàn thiện cơ cấu và hệ thống tổ chức của mình* trong suốt 50 năm qua, mở rộng hoạt động của LHQ ra tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. LHQ đã thiết lập hệ thống các tổ chức chuyên môn của mình về các lĩnh vực như phát triển, xã hội và nhân đạo (như trẻ em, tị nạn, lương thực, môi trường, dân số...) như : UNHCR* (1950), UNICEF (1953), WFP** (1961), UNCTAD*** (1964), UNDP (1965), UNFPA (1966)... Đồng thời, LHQ cũng đã ký các hiệp định liên hệ và phối hợp hành động với một loạt các tổ chức quốc tế khác như FAO, ICAO, WMO, UPU, IOM, WHO... Hoạt động vì phát triển, xã hội và nhân đạo là một mảng hoạt động rất lớn của LHQ. Trong lĩnh vực này, LHQ đã có những đóng góp đáng kể, đặc biệt là trong việc giúp đỡ các nước đang phát triển và nghèo khó. Xin đơn cứ số liệu ngân sách của LHQ trong lĩnh vực này. Tổng chi phí cho các hoạt động chương trình của LHQ năm1992 là hơn 3,6 tỉ đô la Mỹ (trong đó : UNDP hơn 1,1 tỉ, UNFPA 128 triệu, UNICEF hơn 743 triệu, WFP gần 1,6 tỉ...) và Dự toán ngân sách cho phát triển của LHQ 1993 (bao gồm cả UNICEF, UNFPA, UNDP, WFP...) là khoảng 5 tỉ đô la.

Với tư cách là một diễn đàn quốc tế toàn cầu, *LHQ tạo ra cơ hội để các quốc gia lớn nhỏ bàn bạc và phối hợp về các vấn đề chung của thế giới*, xây dựng các chương trình nghị sự và ưu tiên toàn cầu, vận động dư luận quốc tế vào những vấn đề bức bách và thuộc sự quan tâm chung của thế giới. Trong lịch sử của mình, LHQ đã tổ chức nhiều khóa họp đặc biệt của Đại hội đồng về các vấn đề quốc tế lớn như : giải trừ quân bị, chống a-pác-thai, trật tự kinh tế quốc tế mới, nghèo đói ở châu Phi. Đặc biệt thời gian gần đây LHQ đã tổ chức một loạt *hội nghị thế giới* : về môi trường, nhân quyền, dân số, xã hội, phụ nữ..., đã đề ra những cương lĩnh hành động để thúc đẩy hợp tác quốc tế giải quyết những vấn đề bức bách đang đặt ra cho thế giới trong các lĩnh vực này.

Trong lĩnh vực duy trì hòa bình, LHQ trong 50 năm qua cũng đã có những nỗ lực đáng kể. LHQ đã thành lập tổng cộng trên dưới 30 lực lượng gìn giữ hòa bình để nhằm ngăn ngừa và giải quyết các cuộc xung đột, ngăn cách các bên thù địch, thúc đẩy ngừng bắn, giám sát thực hiện các giải pháp mà các bên đạt được... Hơn 800 người (thuộc 43 nước) đã chết khi tham gia các hoạt động này của LHQ. Bên cạnh những bài học tiêu cực, LHQ đã có một số hoạt động gìn giữ hòa bình được thế giới đánh giá là thành công như ở Na-mi-bi-a, Nam phi và Cam-pu-chia. Hiện nay, LHQ đang có 21 lực lượng gìn giữ hòa bình và chi phí cho 12 tháng hoạt động của các lực lượng này lên đến gần 3 tỉ đô la.

Tuy nhiên, LHQ cũng đã **mắc phải khá nhiều khuyết điểm và sai lầm.** Điển hình là việc LHQ đã không hề có hành động, thậm chí không bày tỏ thái độ lên án khi Mỹ xâm lược và tiến hành cuộc chiến tranh tàn khốc nhất kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai ở Việt nam, bất chấp làn sóng mạnh mẽ của cộng đồng quốc tế phản đối Mỹ xâm lược và ủng hộ nhân dân Việt nam đấu tranh bảo vệ độc lập. Trước đó, khi Pháp quay trở lại xâm lược Việt nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đại diện cho nước Việt nam dân chủ cộng hòa non trẻ đã hai lần gửi thư cho đại diện các nước thành viên Hội đồng bảo an (22/10/1945 và 16/2/1946) đề nghị LHQ can thiệp để chấm dứt "cuộc chiến tranh phi nghĩa" của Pháp, "mối đe dọa trực tiếp đối với hòa bình và an ninh quốc tế", nhưng LHQ đều đã không đáp ứng. Việc LHQ can thiệp ở Công-gô (1960) và cái chết của lãnh tụ yêu nước Lu-mum-ba, người đã yêu cầu LHQ giúp đỡ chống thực dân Bỉ, là một bài học và kinh nghiệm đau đớn chung của các dân tộc khi mà LHQ bị các

* UNHCR : Cơ quan cao ủy LHQ về người tị nạn

** WFP : Chương trình lương thực thế giới

*** UNCTAD : Ủy ban thương mại và phát triển LHQ

Digitized by Google

thế lực đế quốc thực dân khống chế và không thực hiện đúng Hiến chương.

Do sự lớn mạnh và tác động tích cực của các nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào giải phóng dân tộc và phong trào nhân dân thế giới đấu tranh cho hòa bình, dân chủ, tiến bộ xã hội, so sánh lực lượng trong LHQ dần dần biến đổi. Khi mới thành lập, LHQ được coi là "bộ máy bỏ phiếu của Mỹ", nhưng đến những năm 70 chính Mỹ lại coi LHQ là "sự độc tài của đa số" vì xu hướng chung không theo ý Mỹ tại LHQ. Trong tổng số 112 phiếu phủ quyết của giai đoạn 1946-69 tại Hội đồng bảo an, Liên xô phải sử dụng tới 104 lần (chiếm 92,86%) còn Mỹ không phải sử dụng lần nào; năm 1970 lần đầu tiên Mỹ phải dùng quyền phủ quyết và trong 72 lần phủ quyết của giai đoạn 1970-83, Mỹ phải sử dụng 35 lần (48,61%) còn Liên xô 9 lần (12,50%).

Quá trình phát triển của LHQ gắn liền với cuộc đấu tranh thực hiện quyền tự quyết của các dân tộc. Trong 50 năm qua LHQ đã có những thay đổi khá rõ theo hướng ngày càng tiến bộ hơn, đặc biệt là với sự tham gia của hơn 100 nước đang phát triển và độc lập dân tộc, tập hợp với nhau trong *Phong trào không liên kết* và *Nhóm 77*, và xu thế chung của thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc và hợp tác phát triển. Tuy LHQ có những sai lầm khi bị các thế lực đế quốc, thực dân thao túng, nhưng nhìn chung những đóng góp của LHQ cho sự nghiệp chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, bình đẳng và hợp tác phát triển thời gian qua là không nhỏ. Hiến chương LHQ và các văn kiện tiến bộ mà LHQ thông qua có giá trị là những văn kiện pháp lý quy định chuẩn mực cho các hành vi ứng xử của mọi quốc gia trong một thế giới văn minh, đặt ra ngoài vòng pháp luật và giá trị văn minh nhân loại mọi hành vi chiến tranh, áp đặt và can thiệp.

Trước thềm thế kỷ 21

Kỷ niệm Ngày LHQ năm nay không chỉ mang ý nghĩa kỷ niệm một năm chẵn đơn thuần. Sau nửa thế kỷ, LHQ hiện đang đứng trước thời điểm lịch sử hết sức quan trọng đối với sự phát triển của mình với nhiều cơ hội và thách thức mới của một bối cảnh quốc tế đã thay đổi căn bản so với khi LHQ mới thành lập. Khác với các lần kết thúc chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai, sau chiến tranh lạnh, không có một tổ chức quốc tế mới được thành lập mà chỉ có LHQ phải tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ của mình. Ngày nay, cùng với sự gia tăng của các mối giao lưu tương tác giữa các quốc gia dân tộc trên thế giới, các hoạt động đa phương ngày càng trở nên quan trọng và cộng đồng quốc tế ngày càng đòi hỏi nhiều hơn vào LHQ với tư cách là một tổ chức quốc tế toàn cầu lớn nhất, bao gồm hầu hết tất cả các quốc gia lớn nhỏ trên thế giới. Dịp kỷ niệm này, các quốc gia thành viên sẽ phải hoạch định những định hướng lớn cho chặng đường đi tiếp theo của tổ chức này trong kỷ nguyên mới và hướng tới thế kỷ 21.

Năm mươi năm sau khi kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai và sau những thập kỷ chiến tranh lạnh, một thời kỳ mới đang được mở ra hứa hẹn những cơ hội hợp tác và phát triển to lớn cùng với không ít gian lao và thách thức. Mặc dù hòa bình, hợp tác và phát triển là xu thế bao trùm nhưng thế giới đang chứng kiến những xu hướng vừa thuận vừa nghịch đan xen lẫn nhau phức tạp.

Những thành tựu kỳ diệu mà loài người đạt được trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và thông tin đã tạo ra những nguồn của cải to lớn cho thế giới và những khả năng mới cho con người trong việc chinh phục thiên nhiên. Nhưng cùng lúc đó sự phân cực giàu nghèo lại không ngừng gia tăng, có tới 1/5 trong số 5,7 tỉ dân thế giới vẫn đang phải sống trong cảnh bần hàn và đứng trước nguy cơ bị gạt ra bên lề của sự phát triển chung của nhân loại. Chưa bao giờ các vấn đề toàn cầu như sự bùng nổ dân số, nạn suy thoái môi trường, tội phạm quốc tế, ma túy, nghèo đói... lại đòi hỏi phải cấp bách giải quyết như ngày nay. Sự phát triển của cách mạng khoa học, kỹ thuật, thông tin và xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa đã làm cho các quốc gia dân tộc ngày càng tùy thuộc lẫn nhau, trong đó hòa bình và phát triển vừa là động lực vừa là điều kiện cho sự phồn vinh và tiến bộ của mỗi nước và của chung nhân loại. Nhưng trong quan hệ quốc tế vẫn còn không ít những biểu hiện và hành động

Digitized by Google

cường quyền, áp đặt và can thiệp, đe dọa nền độc lập và chủ quyền của các quốc gia và sự phát triển quan hệ hợp tác quốc tế nói chung. Tuy nguy cơ của một cuộc chiến tranh thế giới trong nhiều thập kỷ qua luôn đe dọa sự tồn vong của nhân loại nay đã bị đẩy lùi, nhưng các kho lớn vũ khí hạt nhân và vũ khí giết người hàng loạt vẫn tồn tại cùng với các cuộc xung đột dưới nhiều màu sắc khác nhau đang gia tăng ở nhiều khu vực.

Tình hình thế giới đang trong quá trình chuyển đổi được phản ánh trong một bức tranh với nhiều nghịch cảnh và tương phản giữa kế tục và biến đổi, giữa phân ly và hội nhập, giữa tiến bộ và tiêu cực, giữa ý thức độc lập, giữ gìn bản sắc dân tộc mãnh liệt và những toan tính áp đặt, can thiệp. LHQ sẽ phải làm gì nếu muốn có một vai trò tích cực ?

Cội nguồn sức mạnh của LHQ chính là từ tôn chỉ mục đích và các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương về hòa bình và phát triển, tôn trọng chủ quyền và độc lập dân tộc, không can thiệp vào công việc nội bộ các nước, bình đẳng giữa các quốc gia lớn nhỏ. Lịch sử 50 năm qua cho thấy, nếu lúc này hay lúc khác các nguyên tắc này bị vi phạm, thì xung đột, tranh chấp xảy ra và uy tín của LHQ bị ảnh hưởng. Chính vì vậy, điều cốt yếu trước tiên là LHQ và mọi quốc gia thành viên đều phải tuân thủ và đề cao các nguyên tắc này.

Ngày nay LHQ đã là tổ chức của hầu hết các quốc gia trên hành tinh này, trong đó các thành viên có quyền bình đẳng với nhau trong việc tham gia quyết định các vấn đề thiết thân chung của tổ chức và của cộng đồng quốc tế. Cùng với xu thế dân chủ hóa trên thế giới, LHQ cần phải tự biến đổi mình để thực sự là một tổ chức dân chủ, phản ánh được lợi ích và tiếng nói chung của các nước thành viên, bảo đảm mối quan hệ dân chủ giữa mọi quốc gia cũng như giữa LHQ với từng quốc gia. Cần phải mở rộng và dân chủ hóa Hội đồng bảo an. Các hoạt động của Hội đồng bảo an vì liên quan đến hòa bình và an ninh quốc tế, nên phải được công khai hóa và phản ánh ý chí chung của các nước thành viên là những người mà Hội đồng bảo an được Hiến chương cho phép thay mặt. Tính đại diện này là điều mà Hiến chương bắt buộc Hội đồng bảo an phải tuân thủ để bảo đảm các quyết định của Hội đồng là hợp pháp và mang tính đại diện cho LHQ. Cần phải tuân thủ các nguyên tắc đã được xác lập và được sự thừa nhận chung đối với việc triển khai các lực lượng gìn giữ hòa bình của LHQ là : phải được sự thỏa thuận của nước hữu quan, phải tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ các nước và kiên trì tìm kiếm giải pháp hòa bình, tránh việc lạm dụng vũ lực. Với tư cách là cơ quan bao gồm tất cả các nước thành viên LHQ, Đại hội đồng không thể bị lấn át mà hơn bao giờ hết phải được bảo đảm để thực thi quyền lực tối cao của mình trong toàn bộ hệ thống LHQ và chịu trách nhiệm trước nhân loại về những vấn đề thiết thân của cộng đồng các dân tộc trên thế giới.

Trong phạm vi nguồn lực và khả năng có hạn của mình, để có thể đáp ứng được một cách hiệu quả các thách thức đang đặt ra, LHQ cần phải biết lựa chọn những ưu tiên hành động thiết thực nhất và phải tranh thủ được tối đa sự hợp tác và đóng góp của các nước thành viên. Bên cạnh hòa bình là một ưu tiên hiển nhiên, LHQ cần phải có sự quan tâm và đầu tư thích đáng cho sự nghiệp phát triển bởi ngày nay *hòa bình* và *phát triển* là hai mặt của một vấn đề, và các vấn đề nghèo đói, bệnh tật, suy thoái môi trường, bùng nổ dân số... đã trở thành những nguy cơ thực sự đối với sự phồn vinh và phát triển bền vững của nhân loại. Chính vì lẽ đó mà các nước, đặc biệt các nước đang phát triển đang đòi hỏi LHQ phải xây dựng ngay một chương trình nghị sự vì phát triển, thực sự đáp ứng sự mong đợi của đại đa số các nước thành viên và có biện pháp hữu hiệu thực hiện chương trình này.

Việt nam cam kết hoạt động vì sự đoàn kết và tiến bộ của LHQ

Từ lịch sử dân tộc 4000 năm đấu tranh chống ngoại xâm để giữ nước và dựng nước và từ những vô vàn hy sinh gian khổ mà chúng ta đã phải gánh chịu trong 50 năm qua để giữ vững độc lập, hòa bình và xây dựng đất nước, chúng ta hiểu rõ những giá trị lớn lao của tôn

Digitized by Google

chỉ mục đích và các nguyên tắc cao cả của Hiến chương LHQ. Khi tham gia LHQ, chúng ta nhìn nhận LHQ là một tổ chức toàn cầu lớn nhất hoạt động dựa trên các nguyên tắc tiến bộ, đặc biệt là nguyên tắc bình đẳng chủ quyền giữa mọi quốc gia lớn nhỏ, và nhìn nhận có vai trò và khả năng đóng góp tích cực trong sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập và phát triển. Đồng thời, chúng ta cũng nhận thức rõ những hạn chế và khiếm khuyết của LHQ ngay trong bản thân cơ cấu tổ chức, và có thể lúc này hay lúc khác bị các nước lớn chi phối. Do đó, từ khi là thành viên chính thức của LHQ năm 1977, chúng ta đã luôn cùng các lực lượng tiến bộ kiên quyết đấu tranh để giữ gìn các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương và đóng góp vào sự phát triển tiến bộ của LHQ. Với tư cách là nước thành viên, chúng ta đã và sẽ tiếp tục có những đóng góp tích cực vào các công việc chung của LHQ vì hòa bình, phát triển, độc lập dân tộc, bình đẳng và công bằng, đóng góp vào việc xây dựng các chuẩn mực quốc tế công bằng và văn minh. Đồng thời, thông qua các hoạt động tại LHQ, một tổ chức toàn cầu lớn nhất, với 185 quốc gia thành viên, có hoạt động đa dạng và phong phú nhất, chúng ta có điều kiện để làm cho thế giới và cộng đồng quốc tế hiểu rõ các chính sách của Nhà nước ta, góp phần nâng cao uy tín của đất nước và dân tộc Việt nam, mở rộng quan hệ với các nước và tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc của ta.

LHQ là sự tập hợp của các quốc gia lớn và nhỏ, giàu và nghèo, có các chế độ chính trị - xã hội khác nhau và lợi ích dân tộc đan xen và nhiều khi không tương trùng. Do đó tại LHQ luôn diễn ra quá trình vừa đấu tranh vừa hợp tác, và trong bối cảnh quốc tế mới, xu hướng chung là đấu tranh để hợp tác và để bảo đảm thực hiện đầy đủ các mục tiêu và nguyên tắc của Hiến chương. Ngày nay trong việc tham gia tại tổ chức toàn cầu này, khi mà xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa đã ở mức vô cùng sâu sắc và khi các mối tương tác toàn cầu đã gia tăng mạnh mẽ và đan xen chằng chịt, chúng ta nhận thức sâu sắc rằng để tăng cường giao lưu quốc tế, tham gia tích cực hơn vào sinh hoạt chung của loài người và cộng đồng quốc tế, trong đó có LHQ, mỗi quốc gia, đặc biệt là một nước đang phát triển còn nghèo như ta, cần phải đề cao hơn bao giờ hết tính tự cường tự tôn dân tộc, giữ vững bản sắc và độc lập trong khi chia sẻ và đóng góp vào những giá trị chung của nhân loại. Phối hợp với các nước không liên kết và đang phát triển tại LHQ và các diễn đàn quốc tế khác là chính sách nhất quán của Nhà nước ta, vì lợi ích của ta và của cộng đồng các dân tộc trên thế giới, trong đó có lợi ích chung của các nước đang phát triển, không liên kết.

Trong khi thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa và đa phương hóa, chúng ta đã mở rộng quan hệ và thúc đẩy sự hợp tác có hiệu quả với LHQ và các tổ chức chuyên môn thuộc LHQ. LHQ thông qua các tổ chức chuyên môn của mình như UNDP, UNICEF, UNFPA... đã dành cho Việt nam nhiều sự giúp đỡ quý báu và to lớn, đặc biệt ngay cả khi Việt nam đang còn bị cấm vận của Mỹ và một số nước phương Tây. Để mở rộng quan hệ hợp tác này, gần đây chúng ta đã đón nhiều vị đứng đầu các cơ quan trong hệ thống LHQ như Tổng thư ký LHQ, Chủ tịch Đại hội đồng LHQ khóa 49, Tổng giám đốc UNDP, FAO, UNIDO...

Trước thềm của thế kỷ 21, để xứng đáng với sự trông đợi của các dân tộc trên thế giới, nhiệm vụ hàng đầu đặt ra cho LHQ trong chặng đường tiếp theo của mình phải là phấn đấu xây dựng trật tự thế giới mới hòa bình, công bằng, bình đẳng và phồn vinh cho mọi dân tộc, đúng như *khẩu hiệu* của dịp kỷ niệm 50 năm LHQ này : "Chúng ta, các nước thành viên của LHQ, đoàn kết vì một thế giới tốt đẹp hơn".

Việt nam cam kết sẽ góp phần cùng cộng đồng quốc tế hoạt động để phát huy những mặt tích cực và loại dần những khiếm khuyết của LHQ, để LHQ, nếu không đi trước, thì cũng ngang tầm với trí tuệ của nhân loại ⊿

Digitized by Google

TỪ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỚI CHỦ NGHĨA TƯ BẢN GIẢ*

SAU giai đoạn hân hoan ban đầu, thời kỳ quá độ sang cơ chế thị trường ở Đông Âu đang bộc lộ thách thức. Mặc dù, đổi mới kinh tế của thời kỳ quá độ đã chấm dứt cảnh xếp hàng để mua nhu yếu phẩm, song các nhà lãnh đạo Đông Âu phải chịu trách nhiệm về sự suy giảm phúc lợi xã hội. Toàn bộ sản phẩm đầu ra, đặc biệt là công nghiệp giảm từ 30 đến 40%. Tai họa kinh tế, bao gồm cả suy giảm ghê gớm về lương bổng và sự sụp đổ thị trường lao động và các hệ thống phúc lợi xã hội không thể đơn giản đổ lỗi cho sự mất phương hướng của thời kỳ quá độ.

Không có ai hy vọng rằng thời kỳ quá độ sẽ giống như một cuộc dạo chơi. Song sản phẩm đầu ra và thị trường lao động đã suy giảm quá mức dự đoán. Bởi vậy đã nảy sinh hai câu hỏi then chốt. *Một là* : Tại sao các nền kinh tế Đông Âu sụp đổ đột ngột sau khi thực hành liệu pháp sốc ? Và *hai là* : Tại sao đã có sự sụp đổ này, cộng thêm một lỗ hổng về chính trị, mà các nhà vạch chính sách, bao gồm cả Mỹ, Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế vẫn tiếp tục ủng hộ liệu pháp sốc ?

Thí nghiệm của Đông Âu với một nền kinh tế chỉ huy đã chỉ đưa ra chủ nghĩa xã hội kém hiệu quả, thiếu năng lực để thúc đẩy tăng trưởng. Tuy nhiên, chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu đã không phải là một sai lầm hoàn toàn. Ở đó hệ thống giáo dục cao đã được tạo ra và quyền con người được bảo đảm ; các nhu cầu cơ bản được thỏa mãn và cơ sở hạ tầng được hoàn thiện. Ở một số nơi, các xí nghiệp quốc doanh đã tích lũy được kiến thức và kinh nghiệm. Ấy thế mà các kiến trúc sư của thời kỳ quá độ Đông Âu đã đánh đồng các di sản của chủ nghĩa xã hội với sự giả dối. Họ phản đối tất cả di sản của chủ nghĩa xã hội vì lý do tư tưởng v.v..

Năm năm đầu sau sự quá độ, thậm chí các nền kinh tế Đông Âu thành công nhất cũng chỉ thiết lập được một hệ thống tư bản chủ nghĩa *giả*. Nó là "giả" vì không có các động cơ tư tưởng và thể chế cần thiết cho tích lũy tư bản lâu dài. Bởi vậy, bộ phận bên dưới, kể cả sự không ổn định chính trị, đã ngăn ngừa sự sao chép tư bản chủ nghĩa sai trái : các thể chế hậu cộng sản đã phải tình nguyện hoặc vì các lý do khác, học hỏi từ quá khứ của họ, cũng như các nước công nghiệp phương Tây đã từng học hỏi từ quá khứ. Do vậy, cho đến khi tìm được con đường khác, sự chuyển dịch cơ cấu của Đông Âu hiện tại vẫn tiếp tục sai lầm.

Bản chất cuộc cách mạng 1989 ở Đông Âu đã chứa đựng những mầm mống phân rã ban đầu. Những cuộc cách mạng lớn khác trong lịch sử đã để lại đống tro tàn ở phía sau nó, song đã hoàn thành sứ mạng thông qua việc cố gắng tạo ra một thể chế mới theo tiêu chuẩn thế giới. Chủ nghĩa tư bản hiện đại trong cuộc cách mạng công nghiệp đầu tiên hay chủ nghĩa dân chủ bình quân trong cách mạng Pháp và chủ nghĩa xã hội trong cách mạng bôn-sê-vích đã làm được điều này. Ngược lại, trong khi phá bỏ thể chế cũ, được coi như một cuộc cách mạng, Đông Âu đã loại bỏ tất cả. Thời kỳ quá độ này chưa có tiền lệ trong lịch sử và cũng chưa có hình mẫu nào trên thế giới. Thay vì thay đổi theo hướng thiết lập một nền kinh tế và một hệ thống chính trị mới để tiến kịp các nước tư bản giàu có, thì Đông Âu lại tìm kiếm các phương pháp và phương thức quay ngược trở lại : thần thánh hóa lịch sử của các nước tư bản hàng đầu, đặc biệt là hệ thống thị trường tự do của Mỹ và Anh.

Không có cuộc cách mạng nào là hoàn thiện. Tuy nhiên, có cuộc cách mạng làm sâu sắc thêm lịch sử và có cuộc cách mạng lại lạm dụng quá khứ một cách phung phí như cuộc cách mạng ở Đông Âu. Quan trọng nhất, việc lựa chọn chủ nghĩa tư bản để cạnh tranh đã đẩy Đông Âu *quay trở lại thế kỷ 18* với một nền kinh tế thị trường sơ khai. Sai lầm trong 5 năm đầu khi mong ước phát triển hệ thống tư bản chủ nghĩa là một sai lầm lịch sử.

Trong thực tế có rất nhiều nước đã đổi mới thành công, chẳng hạn như Trung quốc và Việt nam. Hai nước này cũng đã chuyển sang cơ chế thị trường, nhấn mạnh đến sở hữu tư nhân và sử dụng thị trường để có đầu vào và bán sản phẩm đầu ra. Song phương thức tư bản chủ nghĩa đơn nhất của các nước công nghiệp cũng được nghiên cứu cặn kẽ. Đây là điều mới và do vậy khác với Đông Âu. Trong trường hợp Đông Âu, họ đã tin tưởng vào phương thức gần gũi với A-đam Xmít. Trường hợp thành công của các nước công nghiệp hóa muộn, thì hệ thống của họ tiêu biểu cho hệ thống tư bản chủ nghĩa trong định hướng, từ lý thuyết sách vở hoặc từ phương thức tư bản chủ nghĩa Ăng-lô-Xắc-xông hồi thế kỷ 18 và 19. Trung quốc và Việt nam thành công, vì họ đổi mới từng bước chứ không áp dụng liệu pháp sốc ❑

TRỊNH CƯỜNG (lược dịch)

---

* Xem bài : "Từ chủ nghĩa xã hội giả tới chủ nghĩa tư bản giả : 5 năm đầu của Đông Âu" ("From pseudo-socialism to pseudo-capitalism: Eastern Europe's First five years".) tạp chí *Chính trị và xã hội quốc tế* (Cộng hòa liên bang Đức), số 2 - 1994

Digitized by Google

THUYẾT ĐÔ-MI-NÔ

Đô-mi-nô vốn là tên một trò chơi xếp số mà người chơi đã bị tắc ở chỗ nào thì có thể bị tắc luôn. Các chính khách phương Tây đã dùng khái niệm "đô-mi-nô" để chỉ những thất bại về chính trị, kinh tế, xã hội ở một nước hay một khu vực nào đó sẽ tự động dẫn tới những thất bại tương tự ở các nước hay các khu vực khác. Thuyết "đô-mi-nô" ra đời sau chiến tranh thế giới thứ hai, trên cơ sở các học thuyết chống cộng.

Như chúng ta biết, sau chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội vượt ra khỏi phạm vi một nước và trở thành hệ thống thế giới. Được sự cổ vũ và ủng hộ của hệ thống xã hội chủ nghĩa mới ra đời, phong trào giải phóng dân tộc cũng như phong trào cộng sản và công nhân dâng lên khắp nơi, uy hiếp nghiêm trọng vị trí của chủ nghĩa đế quốc. Trước tình hình đó, các thế lực đế quốc đã tìm cách phản kích. Đặc biệt, đế quốc Mỹ đã đề ra "chiến lược ngăn chặn", một chiến lược *toàn cầu* nhằm giữ vững những vị trí còn lại, đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc cũng như phong trào cộng sản và công nhân, giành lại những vị trí đã mất.

Cùng với "chiến lược ngăn chặn", thuyết đô-mi-nô ra đời ở Mỹ dưới thời tổng thống Tơ-ru-man. Năm 1947, thuyết đô-mi-nô lần đầu xuất hiện với luận điệu của Tơ-ru-man cho rằng : nếu Hy lạp mà bị mất thì Thổ nhĩ kỳ - nước có đường biên giới chung với Hy lạp và Liên xô, cũng sẽ bị mất theo, và "sự thống trị của Liên xô" sẽ mở rộng ra Trung Đông, châu Á và toàn bộ châu Âu.

Năm 1953, khi Ai-xen-hao nhậm chức tổng thống Mỹ, thuyết đô-mi-nô được đưa ra công khai như một cứu cánh cho giấc mộng bá chủ toàn cầu của Mỹ.

Đặc điểm *cơ bản* của thuyết đô-mi-nô là sự kết hợp chặt chẽ giữa các mục tiêu chiến lược và kinh tế với lợi ích toàn cầu của Mỹ. Theo thuyết này, mỗi nước đều có vai trò quan trọng trong khu vực, do đó đều tác động đến vị trí và quan hệ của Mỹ trên thế giới. Việc "mất" một nước riêng lẻ nào trong hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới mà phương Tây gọi là "thế giới tự do", sẽ tác động khôn lường đến lợi ích an ninh của Mỹ.

Năm 1954, Ai-xen-hao đã trình bày *chi tiết* thuyết đô-mi-nô trước Quốc hội Mỹ. Theo Ai-xen-hao, Việt nam sẽ trở thành cửa ngõ trước "làn sóng đỏ" từ Trung quốc tràn xuống. Nếu Mỹ để Nam Việt nam rơi vào tay Bắc Việt nam cộng sản, thì những con bài đô-mi-nô tiếp theo là Lào, Cam-pu-chia, Miến điện (Mi-an-ma), các tiểu lục địa sẽ đổ luôn; Ô-xtơ-rê-li-a, Niu Di-lân cũng có thể mất nốt. Do vậy, Mỹ phải ra tay để ngăn ngừa sự sụp đổ liên tiếp của các "con bài đô-mi-nô".

Mục tiêu chủ yếu của thuyết đô-mi-nô là : hạn chế việc mở rộng ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản ; ngăn chặn và trấn áp các cuộc đấu tranh giải phóng của các nước độc lập dân tộc, biến các nước đó thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ ; bao vây và tấn công các nước xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện mục tiêu đó, Mỹ đã sử dụng mọi thủ đoạn chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa... nhưng *chủ yếu* vẫn là dùng sức mạnh quân sự. Mỹ đã tiến hành chiến tranh xâm lược Triều tiên, Việt nam, trực tiếp can thiệp, dính líu sâu vào các nơi khác trên thế giới.

Qua các nhiệm kỳ tổng thống Mỹ, cùng với các chiến lược toàn cầu mới, thuyết đô-mi-nô không ngừng được điều chỉnh và bổ sung cho thích hợp với những diễn biến của tình hình quốc tế. Thấy không thắng được các nước xã hội chủ nghĩa bằng sức mạnh quân sự, từ những năm 80 và 90, cùng với chiến lược "vượt trên ngăn chặn", Mỹ đã chuyển sang dùng mạnh hơn thủ đoạn "diễn biến hòa bình", hy vọng bằng sức ép của cái gọi là "dân chủ", "nhân quyền", sẽ có thể làm biến chất và tan rã các nước xã hội chủ nghĩa. Và cũng từ đó, thuyết đô-mi-nô được một số chính khách phương Tây dùng với nội dung *mới*, ngược với ý nghĩa cũ : không phải là chủ nghĩa tư bản sẽ tiếp tục bị sụp đổ mà chính là chủ nghĩa xã hội ; sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu sẽ kéo theo sự sụp đổ của chế độ đó ở các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Điều này đã được G.Bu-sơ tuyên bố rất rõ trong chiến dịch bầu cử tổng thống Mỹ năm 1992 : "Ngày nay, các "con bài đô-mi-nô" đã bị sụp đổ bằng con đường dân chủ."

Có đúng là rồi đây, như "thuyết đô-mi-nô mới" nói, chủ nghĩa xã hội chứ không phải chủ nghĩa tư bản sẽ tiếp tục bị sụp đổ không ? Thực tế cho thấy, đó chỉ là mong muốn của Mỹ và các tập đoàn tư bản. Bản thân chủ nghĩa tư bản sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu, cũng chẳng tỏ rõ được điều gì khá hơn. Trái lại, nó càng bộc lộ sâu sắc những mâu thuẫn và khuyết tật vốn có mà chỉ có chủ nghĩa cộng sản chân chính mới giải quyết được ❑

HỘI THẢO "NỬA THẾ KỶ VĂN HỌC VIỆT NAM "

Ngày 26-9-1995, cuộc hội thảo về nửa thế kỷ văn học Việt nam do ba cơ quan : Bộ văn hóa thông tin, Hội nhà văn Việt nam và Viện văn học chủ trì, đã được tổ chức tại Hà nội. Đây là một trong những cuộc hội thảo lớn, có tầm vóc quốc gia với sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu lý luận, giảng dạy, các nhà văn, nhà thơ, các nhà quản lý trên lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật trong cả nước. Đồng chí **Nguyễn Đức Bình**, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, đồng chí **Hà Đăng**, ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban tư tưởng văn hóa Trung ương, đã tới dự.

Sau lời khai mạc của đồng chí **Trần Hoàn**, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ Trưởng Bộ văn hóa thông tin, nhiều đại biểu đã phát biểu ý kiến. Nội dung các ý kiến tham luận tập trung vào *hai vấn đề chủ yếu* : 1) Khẳng định những thành tựu lớn lao và kinh nghiệm quý báu của quá trình phát triển văn học cách mạng nước ta trong 50 năm qua ; 2) Nói rõ mặt trưởng thành và mặt khiếm khuyết của nền văn học nước ta trong những năm đổi mới, đồng thời nêu triển vọng to lớn của nó trong thời kỳ sắp bước vào thế kỷ 21. Cuối cùng, GS **Hà Minh Đức**, Viện trưởng Viện văn học, đã tổng kết cuộc hội thảo.

Có thể nói ngay rằng, trên hai mươi bản báo cáo trong tổng số 56 bản gửi về hội nghị, tuy khác nhau về đề tài, cách luận bàn... nhưng tất cả đều hòa vào một tiếng nói chung *khẳng định đường lối đúng đắn của văn học cách mạng, những thành tựu lớn lao của nửa thế kỷ văn học cách mạng.*

Digitized by Google

Cảm hứng về Tổ quốc trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội đã nuôi dưỡng, sáng tạo nên nhiều giá trị văn học. Nhà thơ **Tế Hanh** cho rằng nhà thơ trong sáng tác phải đưa cuộc đời, chế độ tốt đẹp vào thơ : "Chế độ chúng ta từ 50 năm nay là chế độ tốt đẹp đem đến cho ta nhiều cảm xúc lớn trong sáng tạo nghệ thuật". Cảm hứng về Tổ quốc là cảm hứng chủ đạo trong sáng tác của **Nguyễn Đình Thi** qua nhiều thập kỷ. Nhà thơ đã có mặt và đặt chân trên nhiều miền của đất nước từ chiến trường Điện biên phủ đến vùng cực nam Nam bộ, trong những năm chống Mỹ. Nhà văn **Nguyễn Khải** nói về cái lớn lao của thời đại biểu hiện trong những con người tuyệt vời của năm tháng : "Chúng tôi được sống ở một thời chẳng có ai là xoàng cả ; một người bình thường gặp bất cứ ở đâu cũng có một lai lịch không tầm thường chút nào với nhiều mất mát, nhiều cuộc chia ly và một nghị lực to lớn để băng qua những chướng ngại của một thời sóng gió".

Chính cái thời đại nhân dân làm chủ vận mệnh mình lại càng có sức mạnh lớn lao do Đảng lãnh đạo. Đảng đã xem văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận, đặt sự nghiệp xây dựng nền văn học mới vào quá trình liên tục dựng nước và giữ nước, xác định cho văn học một trách nhiệm lớn lao, nâng cao thêm tầm vóc của nền văn học mới. Nhà văn **Hà Xuân Trường** nhận xét : "Văn chương Việt nam không thể có vị trí xứng đáng nếu không có Đảng cộng sản Việt nam. Đảng không tạo ra văn chương. Văn chương do nhà văn tạo nên. Nhưng Đảng tạo điều kiện cho nhà văn tự giải phóng mình". Nửa thế kỷ văn học gắn liền với hơn ba thập kỷ chiến tranh. "Hàng trăm tác phẩm ra đời ngay trong khói lửa chiến tranh". Nền văn học cách mạng phục vụ sát sao cho cuộc đấu tranh của dân tộc và các nhà văn là những người chiến sĩ. Nhà thơ **Nguyễn Khoa Điềm** cho rằng : "Trong 50 năm đó những nhà văn Việt nam đã sống trọn vẹn với dân tộc mình, họ đứng trước nhân dân như người nghệ sĩ của nhân dân, họ đứng trước Tổ quốc như người chiến sĩ văn hóa của Tổ quốc". Nhiều người đã hy sinh trong cuộc chiến tranh của dân tộc. Nhà văn **Anh Đức** nhận xét : "Để có được một nền văn học cách mạng, nền văn học mới, các thế hệ nhà văn Việt nam đã phải trả giá bằng máu. Từ Trần Đăng, Thôi Hữu, Thâm Tâm, Nam Cao, Trần Mai Ninh... rồi kể đến Nguyễn Thi, Lê Anh Xuân, Lê Vĩnh Hòa, Dương Thị Xuân Quý, Nguyễn Mỹ".

Nửa thế kỷ qua nền văn học cách mạng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Nhà thơ **Diệp Minh Tuyền** khẳng định : "Có thể xem đây là thời kỳ phục hưng của văn học dân tộc, một thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của văn học chúng ta ... Theo năm tháng đã lớn dần lên một nền văn học dân tộc mang nhiều phẩm chất mới : tràn đầy nhiệt tình công dân, thấm đậm chủ nghĩa anh hùng cách mạng và chiến đấu tính mà vẫn đạt đào chất trữ tình cách mạng và chủ nghĩa nhân đạo mới". PGS **Trần Thanh Đạm** khai thác sâu chủ nghĩa nhân văn vừa có tầm cao và chiều sâu và cũng rõ bản sắc Việt nam. Theo ông : "Mọi tình huống của điểm tột độ của nhân sinh con người Việt nam đều đã trải qua và đều để lại dấu ấn sâu xa trong văn chương, kết tinh thành những giá trị nhân văn bất diệt, chưa thời nào có trong lịch sử mà cũng hiếm nơi nào có trên thế giới". PGS **Trần Đình Sử** đã nghiên cứu những đặc trưng thẩm mỹ của văn học cách mạng Việt nam. Văn học cách mạng "đã làm giầu vẻ đẹp đất nước và con người Việt nam" ; "Văn học cách mạng truyền đạt niềm vui, tin yêu đời, tinh thần hy sinh quên mình và hào sáng... giữ gìn tình cảm ân nghĩa thủy chung" ; "Văn học cách mạng cũng hướng con người tới lối sống cao đẹp và các giá trị vĩnh hằng".

Đánh giá các thể loại văn học, nhiều tham luận của các tác giả *đánh giá cao văn học thời kỳ chiến tranh*, GS **Phan Cự Đệ** trong tham luận *50 năm văn xuôi cách mạng*, đã chú ý nhiều đến giai đoạn 30 năm chiến tranh : "Văn học trong hai mươi năm chiến tranh đã để lại cho chúng ta những tác phẩm rất đáng tự hào, những tác phẩm làm xúc động tâm hồn của hàng triệu người đang chiến đấu và tạo nên những giá trị tinh thần bền vững cho các thế hệ mai sau". Nhà văn **Hồ Phương** cho rằng văn học Việt nam trong những năm chiến tranh "khá phong phú, khá giàu có và hiển nhiên nó đã có sức mạnh lớn mà sức mạnh ấy không phải chỉ ở nội dung chính trị mà cả ở nghệ thuật, ở chính cái chất gọi là văn học đích thực của nó". Một số tham luận lại *đặc biệt nhấn mạnh đến những thành tựu trong thời kỳ đổi mới*. Quả thật là công cuộc đổi mới của đất nước đã đem lại cho văn học sự đổi mới sâu sắc trong tư duy và nghệ thuật sáng tạo. Nhà văn **Nguyễn Quang Thân** cho rằng công cuộc đổi mới là "một giai đoạn phát triển mới đầy khích lệ như là cuộc hồi sinh đầy cảm động trong văn học nước nhà". Nhà nghiên cứu **Vũ Tuấn Anh**, bàn về sự đổi mới trong thơ, cho rằng công cuộc đổi mới đã đem lại cho thơ nhiều phẩm chất mới : "một quan niệm đầy đủ hơn về kiến thức, một quan niệm nghệ thuật mới về con người, một cách cấu trúc nghệ thuật mới, linh hoạt đi vào từng thể loại". GS, TS **Đình Quang** đã nói lên một cách thuyết phục những thành tựu 50 năm của kịch nói Việt nam, đặc biệt trong giai đoạn đổi mới với nhiều vở của Lưu Quang Vũ, Xuân Trình, Tất Đạt. GS **Lê Đình Ky** khẳng định "thơ kháng chiến cần hay và đã hay", và ông đã chứng minh bằng những bài thơ có giá trị qua hai cuộc chiến tranh. **Thanh Thảo** cho rằng : "Thơ phải chiến đấu với chính mình", với hàm ý phải nâng cao sức sáng tạo nội tại. **Tế Hanh** suy nghĩ về cuộc sống và thơ với những kinh nghiệm có ý nghĩa đúc kết : Thơ không phải là chuyện bí ẩn thoát khỏi cuộc đời - đó là hướng bế tắc mà thơ xưa và nay đã từng nhận rõ. Từ góc độ mới, nhà văn hóa, GS **Đinh Gia Khánh** cũng khẳng định : nền văn học mới "đã thể hiện được những đường nét của cuộc sống mới", góp phần quan trọng vào việc xây dựng thêm nhiều giá trị tinh thần cao đẹp cho phẩm chất con người Việt nam.

Chúng ta đang ở vào những năm cuối thế kỷ hai mươi. Một thế kỷ sôi động sắp khép lại, một thế kỷ mới đầy hứa hẹn sắp mở ra. Nhiều tham luận từ 50 năm suy nghĩ về tương lai, về sự phát triển của dân tộc.

Phải tránh những hậu quả của sự phát triển của công nghệ cao của thời kỳ hậu công nghiệp, của nền kỹ trị mà con người có thể trở nên thụ động trong guồng máy xã hội máy móc, văn hóa ít được quan tâm, con người bị tha hóa. Nhiều tham luận đã nhấn mạnh đến bản sắc dân tộc. PGS **Phan Ngọc** đã nêu bốn đặc điểm không thay đổi bền vững trong văn hóa Việt nam. Theo ông đó là *Tổ quốc* (Fatherland), *gia đình* (Family) *thân phận* (Fate) và *diện mạo* (Face). Ông cũng gọi đó là lý thuyết 4F. PTS **Hoàng Ngọc Hiến** luận bàn về dân tộc hóa và hiện đại hóa. Nhà văn **Bùi Hiển** suy nghĩ về dân tộc và thời đại, và nêu vấn đề "hội nhập thế nào đây". Không phải là sự hội nhập vô nguyên tắc mà phải có định hướng, có nguyên tắc. PGS **Đặng Anh Đào** bàn về thơ sau năm 1945 : gió Đông và gió Tây và việc mở cửa đón gió bên ngoài, một lối thoát của thơ. Mặc dù có ý kiến khác nhau, nhưng tất cả đều biểu hiện niềm tin vào tương lai của văn học trong thời kỳ mới.

Thành tựu của 50 năm văn học cách mạng khẳng định sức sống, sức sáng tạo lớn lao của nền văn học cách mạng mà chúng ta có quyền tự hào và từ đó tin tưởng vào tương lai của nền văn học cách mạng

P.V.

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

KINH TẾ DOANH NGHIỆP - KINH TẾ DOANH NGHIỆP

XÍ NGHIỆP IN SỐ 2

PRINTING FACTORY No 2

4.6.8. Mạc Thị Bưởi. Quận 1. TP Hồ Chí Minh
ĐT : 291510 - 222996 - 222985, FAX : 84.8.224694







Máy tráng láng kỹ thuật cao UV

NHẬN GIA CÔNG :

- Chụp ảnh, tạo mẫu, thiết kế maquette
- Chế bản, in offset, in lụa. Chất lượng cao giá thành hạ. Giao hàng đúng hẹn
- Cung cấp vật tư, nguyên liệu, thiết bị ngành in
- Thực hiện các dịch vụ về ngành in :
  Sửa chữa. Tân trang các loại máy in
- Liên doanh, liên kết với các đơn vị hoặc cá nhân trong và ngoài nước để :
  Sản xuất hoặc kinh doanh các mặt hàng có liên quan đến ngành in.

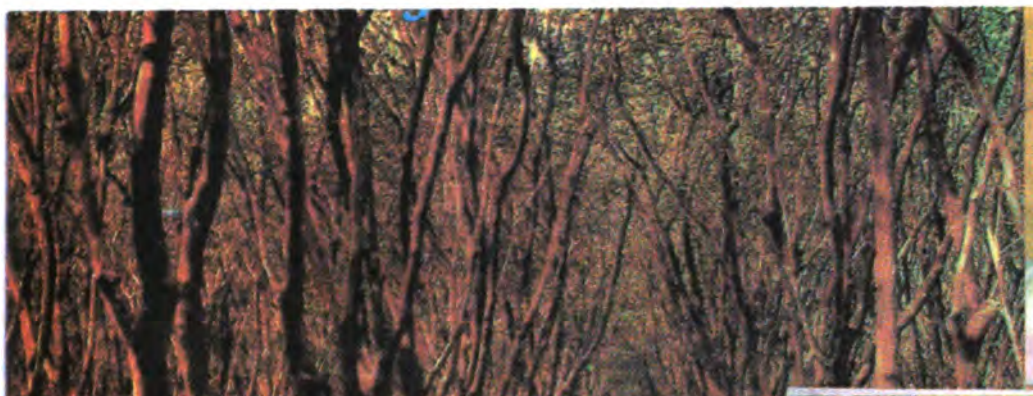
OUR SERVICE :

- Photography, computer-aided design
- Reproduction, screen and multicolor offset printing
- For quality, reliability, speed
- The specialised suppliers of business forms and security printing equipment
- Joint venture, co-operation with local and overseas economic units in the field of production and import-export trading in printing branch



Là một cơ sở in hầu như của cả nước liên tục có sản phẩm xuất khẩu với các bạn hàng truyền thống : Nhật, Hồng kông... xí nghiệp in số 2. TP HCM đã thu được nhiều kết quả. Tới tháng 9/1995 gần 1,5 tỉ được xuất khẩu. Và 40% sản phẩm trong nước của xí nghiệp là thị trường thủ đô Hà nội. Được hỗ trợ của cấp chủ quản nhóm chuyên viên công nghệ và trực tiếp Giám đốc xí nghiệp đã nghiên cứu sản xuất thành công máy tráng láng kỹ thuật cao đầu tiên của Việt nam - hợp tác với U.V Tech-nology (USA). Máy UV TWO còn thể hiện kỹ thuật tráng láng trên sản phẩm gỗ, đồ gốm, bên cạnh việc tráng láng trên các loại giấy. Với hệ thống tráng láng dầu UV và hệ thống chiếu xạ cực mạnh sản phẩm được tráng sẽ rắn khô ngay, toàn bộ lượng dầu được polime hóa tạo nên màng phủ bền vững, không ô nhiễm như các vecni khác. Hơn 95% thiết bị nguyên liệu được chế tạo trong nước, giá thành máy tráng chỉ bằng 2/3 ngoại nhập. Điều đáng chú ý : giấy đã tráng UV vẫn có thể tái sinh. Đây là một kết quả nổi bật của không riêng xí nghiệp in 2 mà là cả ngành in Việt nam.

Digitized by Google







CÔNG TY CAO SU ĐỒNG PHÚ

Giám đốc : NGUYỄN XUÂN LAN

Địa chỉ : **xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Sông Bé**
Điện thoại : **(0165) 79709 - 79786 - Fax : (0165) 79620**

Công ty Cao su Đồng Phú với tổng diện tích 7.800 ha, trong đó diện tích khai thác 3.800ha. Hằng năm, công ty đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để đảm bảo cho việc khai thác chế biến và khai hoang trồng mới.

Hiện nay, công ty có 5 nông trường :
Thuận Phú, Tân Thành, Tân Lợi,
Tân Lập và An Bình.
Sản lượng mủ bình quân năm 1994 :
3.600 tấn/năm
Các sản phẩm chính :
CSV5L, CSV5, CSV10, CSV20...
Sản phẩm của công ty đã xuất khẩu qua các nước :
Trung quốc, Singapore, Đài Loan...
Có 5 đơn vị trực thuộc công ty :



Trung tâm Y tế, Xí nghiệp Vật tư, Xưởng chế biến cao su, Đội thi công cơ giới, Xưởng cưa.

Digitized by Google

VIPESCO

CTY THUỐC SÁT TRÙNG VIỆT NAM



Trong nỗ lực của cấp uy, Ban GĐ và các chuyên viên, VIPESCO đã thống nhất tổ chức, kiện toàn các cơ sở, tăng cường uy tín với khách hàng trong và ngoài nước. Là công ty lớn, quan trọng của Việt nam VIPESCO đã góp phần khá quyết định trong chiến lược lúa các vùng và các vườn cây công nghiệp thâm canh, tăng trưởng, giữ được môi trường sinh thái với hàng trăm sản phẩm được đăng ký đảm bảo chất lượng... Các loại thuốc trừ sâu, diệt cỏ, trừ nấm bệnh... vùng đồng khô hay lúa sạ, lúa nước, cả loại sản phẩm trừ sâu rau đã có tác dụng kịp thời và rộng khắp... Các tập đoàn có uy tín của nước ngoài đã tìm đến VIPESCO trong các chương trình liên doanh với quy mô lớn đang tạo đà cho CTY những bước phát triển mới, năm 95 và những năm sau này...

102 Nguyễn Đình Chiểu Str.
District 1, Hồ Chí Minh City, V.N.
Tel (8) 230752, (8)224364,
(8)224295, (8)230751
Telex 811216 VIPES VT
Cable VIPESCO, HCM CITY
Fax 84.8.230752



NÔNG TRƯỜNG CÀ PHÊ CHƯ QUYNH

(TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM)

• Địa chỉ : Huyện Krong Ana, Daklak • ĐT : (01.50) 39952-39963
• Thành lập năm 1992 • Thành lập DDNN theo quyết định 286 của Bộ NN-CNTP vào tháng 5/1993

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



• Trồng - chế biến - kinh doanh cà phê. Diện tích cà phê kinh doanh trên 500 ha

• Nông trường có sân phơi rộng trên 20.000 m^2 đủ để phơi sản phẩm đảm bảo chất lượng, có hệ thống gần 20km đường cấp phối đi các đội và lô cà phê. Năm nay, nông trường đang cố gắng đưa điện về phục vụ sinh hoạt và sản xuất ở tất cả các đội. Năm học 95-96 Trường mẫu giáo được ngói hóa trường cấp 1, cấp 2 được lầu hóa.

• Nông trường sẵn sàng liên kết với các Doanh nghiệp Nhà nước và cá nhân.

Digitized by Google

CÔNG TY SỮA VIỆT NAM

VINAMILK

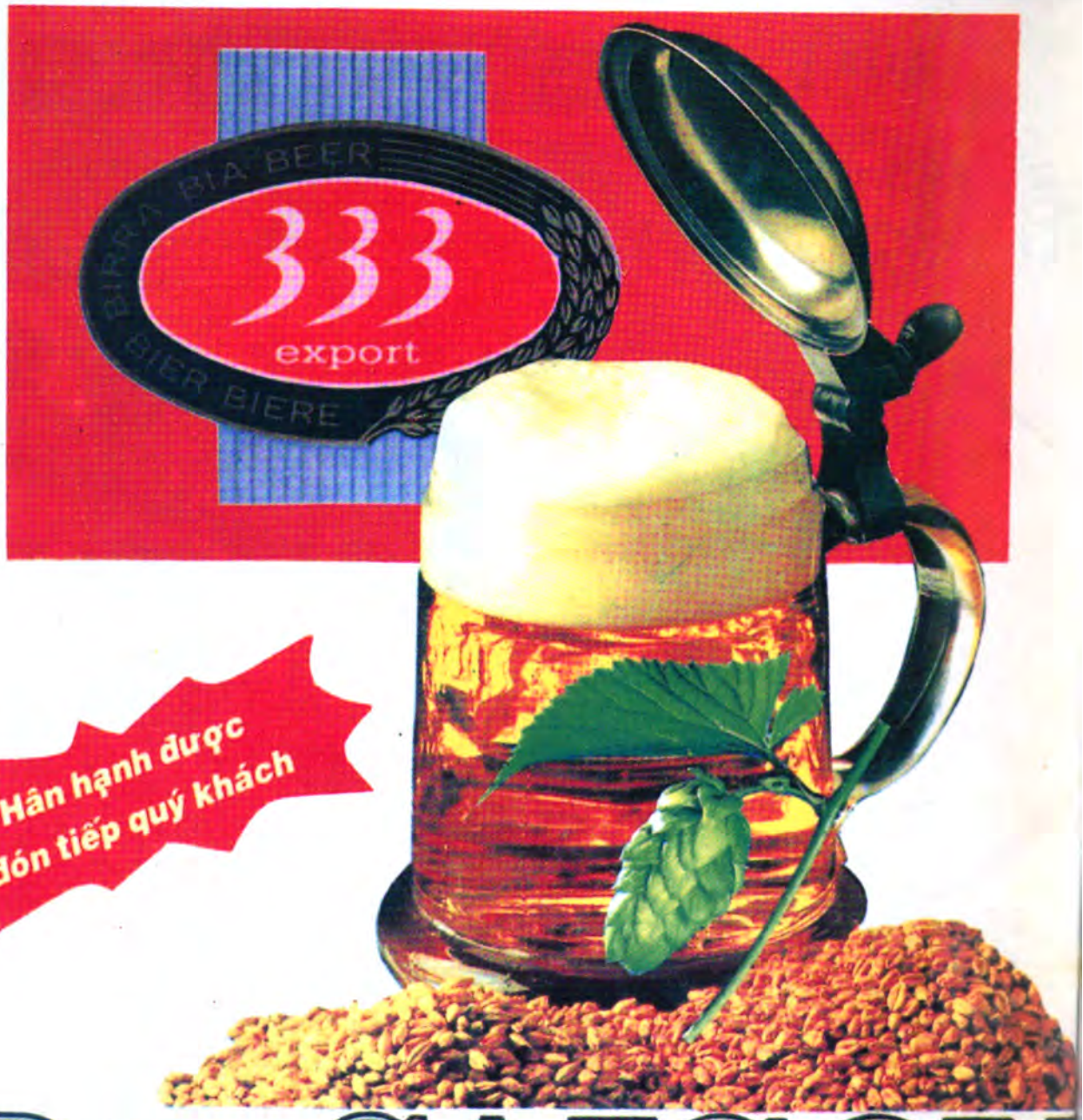
36 - 38 NGÔ ĐỨC KẾ - Q.1, TP. HỒ CHÍ MINH.
ĐT : 299377
258 PHAN ĐÌNH PHÙNG - HÀ NỘI



- Sữa bò tươi nguyên chất được tiệt trùng bằng thiết bị hiện đại, bảo đảm theo tiêu chuẩn quốc tế
- Có bổ sung thêm nước cốt trái cây, đường, ca cao, sẽ phù hợp với mọi khẩu vị
- Sữa tươi đựng trong hộp giấy Tetrapak, bảo quản được 6 tháng ở nhiệt độ bình thường, rất thuận tiện trong sử dụng
- Với tác dụng giải độc hiệu quả, sữa tươi rất cần thiết cho công nhân làm việc ở môi trường độc hại
- Sản phẩm sữa VINAMILK giúp các bạn phát triển thể chất và trí tuệ

Digitized by Google

6/28



Hân hạnh được
đón tiếp quý khách

Công ty Bia SAIGON

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5 TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 559595 - 6 HAI BÀ TRƯNG, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 294083

Chất Lượng. Thơm Ngon. Bổ Dưỡng

132419

Digitized by Google

IN TẠI NHÀ IN NHÂN DÂN HÀ NỘI II CHỈ SỐ 12651-ISSN 0866-7276 GIÁ : 2500Đ

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

U. C. BERKELEY LIBRARIES
C054110980

Digitized by Google

Digitized by Google